Tuyển tập

VĂN HỌC

DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Tập hai (văn xuôi)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Tuyển tập văn học dân tộc và miền núi

Tuyển tập VĂN HỌC DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Tập hai (VĂN XUÔI)

Tuyển chọn và giới thiệu:
MA VĂN KHÁNG (Chủ biên)
NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG
NGUYỄN NGHIỆP

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Văn học hiện đại Việt Nam là một nền văn học thống nhất, đa dân tộc. Thể hiện đặc trưng quan trọng này một cách rực rỡ nhất, có lẽ là ở sự có mặt của những tác phẩm văn học viết về miền núi và các dân tộc thiểu số trong thành tựu văn học chung của cả nước.

Hơn năm mươi năm qua, kể từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, bộ phận văn học này trên thực tế đã được tạo thành bằng cảm hứng dồi dào của chính các cây bút người dân tộc thiểu số ; tất nhiên, họ có nghĩa vụ và đã tự nguyện tham gia vào công cuộc viết lịch sử tâm hồn dân tộc họ. Và thú vị thay, cùng với các nhà văn người dân tộc thiểu số, còn có một thành phần độc đáo nữa, các nhà văn người Kinh, những người đã có may mắn được sống cùng và đồng cảm với đồng bào các dân tộc miền núi ; tác phẩm của một số nhà văn về đề tài này ở nhiều trường hợp đã là một thành tố quan trọng trong sự nghiệp văn học của họ.

Với hương sắc riêng, nhiều tác phẩm văn học viết về các dân tộc thiểu số và miền núi đã trở nên quen thuộc với bạn đọc cả nước, đã để lại một chiều sâu âm vang ý thức, một vang hưởng tinh thần và mời gọi bạn đọc tới những suy ngẫm đẹp đẽ và cao cả về cuộc sống và con người nơi đây. Xuất bản các giá trị văn học như vậy là công việc đã từng được thực hiện nhiều lần, dưới các hình thức khác nhau. ***Tuyển tập văn học dân tộc và miền núi*** *của Nhà xuất bản Giáo dục ra đời không gì khác hơn là sự kế thừa, khẳng định thêm một lần nữa các giá trị vốn có một cách hệ thống ở một môi trường và đối tượng mới : nhà trường phổ thông, giáo viên và học sinh.*

Trước một khối lượng đồ sộ các tác phẩm văn học viết về dân tộc và miền núi, nhóm tuyển chọn đã dựa trên một tiêu chí có tính chất tổng hoà ; vừa tôn trọng những giá trị có tính lịch sử, giai đoạn, vừa chú trọng những giá trị có tính lâu bền ; chọn những tác phẩm hay trên cơ sở thẩm mĩ chung nhưng vẫn cố gắng đảm bảo nguyên tắc phù hợp với đối tượng

phục vụ và dung lượng bộ sách. Do vậy, hiển nhiên là sẽ có những tác phẩm xuất sắc (đặc biệt là lĩnh vực tiểu thuyết) lại không có mặt ở Tuyển tập *này.*

Tuyển tập văn học dân tộc và miền núi *được in thành hai tập : Thơ và văn xuôi. Trong từng tập, các tác phẩm được sắp xếp theo thứ tự A, B, C tên tác giả để bạn đọc tiện theo dõi.*

Ở Tuyển tập *này, với mỗi tác phẩm được chọn còn có phần giới thiệu* sơ lược tiểu sử *và các* tác phẩm *của nhà văn đồng thời còn có phần* lời bình *của các nhà văn, nhà lí luận phê bình, nhà giáo... Chúng tôi muốn thể hiện ý định : cung cấp thêm cho bạn đọc - đặc biệt là giáo viên và học sinh các trường miền núi - ít nhiều gợi mở có ích cho công việc thưởng thức và bình phẩm thơ văn. Hi vọng bộ* Tuyển tập *này sẽ là một công trình rất bổ ích đối với đông đảo bạn đọc quan tâm đến thành tựu của văn học dân tộc và miền núi từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.*

Sưu tầm, biên soạn, định giá các tác phẩm và thể hiện được những định hướng đã nêu ở trên luôn luôn là một khó khăn. Sai sót là khó tránh khỏi. Vì vậy chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để khi tái bản, bộ sách được hoàn thiện hơn.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI GIỚI THIỆU

CÓ MỘT MẢNG VĂN XUÔI HIỆN ĐẠI DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI HƠN NỬA THẾ KỈ QUA

Cùng với Tuyển tập thơ, Tuyển tập văn xuôi đã hợp thành bộ *Tuyển tập văn học dân tộc và miền núi* của Nhà xuất bản Giáo dục.

Nói là văn xuôi, nhưng Tuyển tập chỉ thu hẹp đối tượng tuyển chọn vào các thể tài ngắn là truyện ngắn hoặc kí. Do số trang và khuôn khổ có hạn, những tác phẩm tiểu thuyết – cũng thuộc phạm vi văn xuôi – chưa được đưa vào sách. Riêng thể tài này, những người làm sách có ý định tách riêng, giới thiệu vào một dịp khác, thích hợp.

Có thể thấy, với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, mảng văn xuôi hiện đại dân tộc và miền núi bước vào thời kì phát triển mới, bột phát và mạnh mẽ.

Chúng ta nhớ lại : trước 1945, số nhà văn dành tâm lực viết về đời sống xã hội và con người miền núi là rất ít ỏi, lẻ tẻ. Đáng kể hơn cả là Thế Lữ, Lan Khai và Lý Văn Sâm. Với tài năng và bản lĩnh của mình, các ông đã thành công, thu hút sự chú ý của người đọc về cái lạ, cái mới của đề tài này, rọi một cái nhìn ưu ái, cảm thông, xoá bớt đi những thành kiến và sợ hãi về sự hiểm độc, hoang dã của thiên nhiên ; sự mông muội, tăm tối của dân trí ; sự lạc hậu đến ghê sợ, kì bí của những hủ tục nơi miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số. *Vàng và máu* (1934) của Thế Lữ, *Truyện đường rừng* (1940) của Lan Khai, *Kòn Trô* (1941) của Lý Văn Sâm đến nay vẫn thuộc những tác phẩm có giá trị nhất định.

Sau 1945, theo định hướng của đường lối văn nghệ của Đảng, mảng văn học này được quan tâm phát triển cả về lực lượng sáng tác, cách viết, số lượng và chất lượng tác phẩm. Và cho đến nay, hơn nửa thế kỉ qua, mảng văn học này đã đạt được những thành tựu đáng kể, làm nức lòng người.

Trước hết chúng ta trân trọng những đóng góp của các nhà văn xuôi buổi đầu Cách mạng – những tác giả người Kinh.

Đầu tiên phải kể đến tác giả Hồ Chí Minh với truyện vừa viễn tưởng *Giấc ngủ mười năm* (viết năm 1948, Tổng bộ Việt Minh xuất bản năm 1949). Trong hoàn cảnh kháng chiến chống Pháp nhiều gian khổ, qua việc kể và tả về cuộc đời anh cố nông người Nùng tên Nông Văn Minh, quê gốc Cao Bằng, khi điều trị vết thương do chiến đấu dũng cảm trong hàng ngũ quân đội ta, anh đã trải qua một giấc ngủ kì lạ kéo dài 10 năm – hư cấu táo bạo là vậy – tác phẩm vẫn đạt được tính chân thực nghiêm nhặt, tính lãng mạn cách mạng. Niềm tin và thắng lợi của kháng chiến, những hình ảnh dự phòng về tiền đồ, ngày mai tươi sáng của dân tộc, hạnh phúc của mọi nhà miền xuôi – miền ngược, thực sự đã hấp dẫn người đọc. Dự cảm đúng đắn và cái nhìn minh triết của tác giả, với độ lùi của thời gian, ở nhiều khía cạnh chi tiết và sự khái quát của nghệ thuật, không khỏi làm chúng ta kinh ngạc.

Các cây bút khác có quá trình sáng tác từ trước Cách mạng, nay theo kháng chiến, sống giữa lòng cuộc chiến đấu của nhân dân, gần gũi, chan hoà với đồng bào dân tộc nơi căn cứ địa kháng chiến, đã viết được một số tác phẩm có giá trị (Thế Lữ, Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài, Nam Cao, Lý Văn Sâm ...).

Và tiếp đó, một thế hệ nhà văn mới được hình thành ngay từ giữa những năm 50 mà Nguyên Ngọc với *Đất nước đứng lên* là một tên tuổi tiêu biểu.

Rồi bước vào hoà bình lập lại, trên miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cuối những năm 50 và thập kỉ tiếp sau, bên cạnh các tác giả người Kinh, đã xuất hiện các tác giả người dân tộc, viết văn xuôi chủ yếu bằng chữ quốc ngữ. Họ phần lớn là những trí thức trưởng thành dưới chế độ mới, được học hành chu đáo, thiết tha đóng góp vào nền văn học đa dân tộc với sức lực và tài năng của chính mình. Đó là Nông Minh Châu, Hoàng Hạc, Triều Ân, Vi Hồng, Vi Thị Kim Bình, Nông Viết Toại, Vương Trung, Lò Văn Sĩ ...

Vào 30 năm cuối của thế kỉ XX, đội ngũ những cây bút người dân tộc được mở rộng, đông đảo, xuất hiện không chỉ ở phía Bắc, mà còn ở cả miền Trung, miền Nam đất nước. Trong đó nhiều người về sau đã trở thành những tác giả, có các tập truyện được in riêng, được kết nạp là Hội viên Hội Văn nghệ địa phương, Hội Nhà văn Việt Nam : Sa Phong Ba, Ma Trường Nguyên,

Mã A Lềnh, Hà Lâm Kỳ, Cao Duy Sơn, La Quán Miên, Hoàng Quảng Uyên, Y Điêng, Kim Nhất, H'Linh Niê, Lý Lan...

Cùng thời gian nói trên, lực lượng các tác giả người Kinh cũng được bổ sung thêm : Mạc Phi, Ma Văn Kháng, Phượng Vũ, Xuân Thiều, Nguyễn Khắc Trường, Trần Lê Văn, Lương Sĩ Cầm, Khuất Quang Thuỵ, Trung Trung Đỉnh (miền Bắc), Nguyễn Quang Sáng, Vũ Hạnh, Sơn Nam (miền Nam).

Chúng ta vui mừng thấy mảng văn xuôi này đã thu hút một đội ngũ tác giả nhiều thế hệ, ở khắp các miền vùng, lên đến con số ngót nghét hàng trăm, mà trên đây mới chỉ phác qua một ít tên tuổi thành danh với tác phẩm được bạn đọc rộng rãi mến mộ.

Hai lực lượng tác giả – người Kinh và người dân tộc – có điểm chung là đều viết bằng tiếng Việt – một thứ tiếng chính thức, phổ thông trong cả nước, tiện cho việc in ấn, phổ biến, tiếp nhận.

Họ phần đông viết bằng bút pháp của chủ nghĩa hiện thực mới, đứng trên lập trường tư tưởng yêu nước, tiến bộ, cách mạng, đã cố gắng tái hiện bức tranh nhiều mặt về đời sống của đồng bào các dân tộc – quá khứ cũng như hiện tại – trong đó khắc hoạ những số phận được đổi đời từ chế độ cũ sang chế độ mới, từ "*thung lũng đau thương ra cánh đồng vui*", từ "*chân trời một người đến chân trời tất cả*" ; hoặc chân dung những người trẻ tuổi ra đời và trưởng thành trong chế độ mới, cố gắng đưa dân tộc mình, miền quê mình phát triển hoà nhập với bước tiến chung của đất nước. Những tác phẩm xuất sắc trong số đó có được bản sắc dân tộc riêng về dựng cảnh, dựng người, thể hiện ngôn ngữ nghệ thuật và tư duy nghệ thuật độc đáo. Và đã hình thành những phong cách riêng, đa dạng, nhiều vẻ, nhiều giọng điệu – "*một vườn hoa nhiều hương sắc*", như cách nói của nhà thơ Nông Quốc Chấn – trong đó kết hợp được bút pháp tự sự truyền thống (chứa đựng trong các sử thi, truyện cổ, truyện thơ,...) với bút pháp văn xuôi hiện đại, làm phong phú bức tranh của đời sống văn học hiện đại nước ta.

Bước sang thế kỉ XXI, chúng ta đón đợi thành công mới của các cây bút sung sức từng xuất hiện từ những thập niên của thế kỉ trước – lực lượng chủ chốt đảm bảo sự liên tục của mảng văn học này. Cũng là cho phép người đọc kì vọng về sự xuất hiện của một thế hệ cầm bút mới, là con đẻ của thế kỉ XXI này.

Có thể nói, trong nền văn học dân tộc, hiện đại, thống nhất của chúng ta, mảng văn xuôi về dân tộc và miền núi đã có được những thành tựu đặc sắc đáng ghi nhận và tự hào, tạo cho nền văn học Việt Nam hiện đại thêm đa dạng, phong phú.

Cùng với *Hợp tuyển thơ văn các dân tộc thiểu số Việt Nam (1945 – 1980)*, *Nhà văn các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại*, *Tuyển tập văn xuôi dân tộc và miền núi thế kỉ XX* của các nhà xuất bản khác, *Tuyển tập văn học dân tộc và miền núi, tập hai (Văn xuôi)* tái bản lần này của Nhà xuất bản Giáo dục đã cố gắng bao quát đội ngũ tác giả chủ yếu nói trên với những tác phẩm tiêu biểu của mảng truyện ngắn, kí dân tộc và miền núi từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

Tập sách chủ yếu nhằm phục vụ việc tìm hiểu, giảng dạy và học tập phần Văn học Việt Nam hiện đại ở các trường Đại học, Cao đẳng, Phổ thông, đặc biệt là với các trường dân tộc và miền núi. Ngoài ra, với bạn đọc rộng rãi (trong và ngoài nước), sách có thể được xem là một tài liệu tham khảo bổ ích, một người bạn đồng hành đáng tin cậy.

Trân trọng giới thiệu ấn phẩm quý này với bạn đọc.

NGUYỄN NGỌC THIỆN

Hà Cẩm Anh

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Hà Thị Ngọ. Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1948

Quê quán : Cẩm Thuỷ, Thanh Hoá

Tác phẩm đã xuất bản : 5 tập gồm truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài.

Giải thưởng văn học :

Giải nhất cuộc thi truyện ngắn của Báo Văn nghệ – Hội Nhà văn Việt Nam 2003 – 2004 (truyện *Gốc gội xù xì*) và một số giải thưởng văn học khác.

GỐC GỘI XÙ XÌ

Nhà tôi chỉ có ba người phụ nữ. Mẹ tôi không còn thời gian để khát vọng yêu đương. Chị Sun tôi thì chẳng nói làm gì. Tôi không thấy chị đi tìm tình yêu sau lần lầm lỡ đó. Từ hôm đưa thằng Hạnh xuống học trường nội trú tỉnh trở về Mường Vang, tính tình chị càng trở nên khó hiểu. Chị không cười. Nửa đêm chị thường trở dậy, chụm củi vào bếp rồi ngồi bó gối hàng giờ ở đó. Tấm thổ cẩm vẫn mắc trên khung cửi, từ sau vụ tỉa hạt trên rẫy chị không hề ngó tới. Một hôm từ rừng về, tôi nhìn thấy chị đứng khóc dưới chân thang. Tôi lo lắng hỏi :

– Sun à ! Chị nhớ thằng Hạnh, đúng không ?

Chị Sun vội vã quay đi, lau thật nhanh nước mắt rồi nói :

– Chị nhớ thằng Hạnh quá ! Nhưng được đi học trường nội trú dưới tỉnh là cái phúc nhà ta, làm sao mà chị phải buồn ?

Chị Sun nói thế nên tôi cũng không hỏi gì thêm. Nhưng, mỗi lần nhìn vào mắt chị, tôi lại cảm thấy đau lòng.

Chị Sun tôi đẹp. Người già cũng bảo : "Con Sun đẹp nhất Mường Vang". Chị tôi đã qua tuổi con gái lâu rồi, nhưng nét mặt thanh tú, cái mũi thẳng, cái miệng tươi cười và đôi môi đỏ thắm của chị không theo năm tháng mà nhạt nhoà đi. Da chị vẫn trắng. Nhất là mỗi khi chị chải đầu, tóc chị xõa ra, dài tới chấm sàn làm cho tôi thích mê. Tôi nhớ mộng váy[1]. Tôi nhớ đến nàng Con Nga trong truyện thơ Mường bà tôi vẫn đọc cho tôi nghe mỗi khi hai bà cháu lên ngồi ở cửa Vóng[2] để têm trầu. Thế mà, bây giờ đôi mắt đẹp của chị tôi thường hay sập xuống, tối như rừng Chuông Cò đã tắt nắng buổi chiều. Thấy chị rơi nước mắt, tôi càng sợ hãi. Đã có điều gì xảy ra với chị ? Tôi hỏi. Chị không trả lời. Nhiều đêm bất chợt tỉnh giấc, nhìn thấy chị ngồi bên bếp lửa, tự nhấn mình vào giữa sự cô đơn, tôi thương chị, nhưng lo lắng nhiều hơn. Hay là chị lại gặp phải điều gì trắc trở ? Cuộc đời chị đã đem ra đánh đổi lấy một lần yêu. Phần cuối của cuộc tình hết mình nhưng ngắn ngủi đó là nỗi đau đớn ê chề. Người tình của chị, một anh chàng kĩ sư của ngành Lâm nghiệp, đẹp trai, cơ bắp nổi cuồn cuộn và có cái nhìn như thiêu, như đốt trái tim thiếu nữ của chị Sun. Nghe nói, anh ta cũng là con nhà tử tế, quê ở tít tận một làng ven biển mà chị chưa có dịp về thăm, đã lặn mất tăm, sau khi đã để lại giọt máu của mình trong cơ thể chị. Sau đó chị mới hay tin, anh ta bị tù vì tội tiếp tay cho bọn buôn lậu gỗ. Cuộc đời thì dài mà tình yêu lại ngắn làm cho chị tôi hẫng hụt, ngả nghiêng. Mấy lần định ăn lá ngón. Nhưng mỗi lần đút thứ lá chết người đó vào miệng thì cái thai trong bụng lại quẫy đạp dữ dội. Cuộc đời nhỏ nhoi, trứng nước của con chị chưa thật sự được cất lên tiếng khóc đầu đời nên cũng không muốn kết thúc một cách thảm thương. Nó quẫy đạp để giành lại sự sống cho mình. Đứa con trong bụng đã làm cho bản năng làm mẹ của người đàn bà đang tê liệt vì đau khổ dần dần thức tỉnh. Chị phùng má phun phì phì làm cho những mảnh lá nát vụn bay tung tóe khỏi miệng. Chị gắng gượng để sống và chờ đợi đứa con. Thằng Hạnh ra đời. Thằng Hạnh bé con trở thành mặt trời nhỏ của mẹ tôi. Nó đem lửa từ Mường Trời về nhóm vào cái bếp khách đã tàn tro trong cái nhà sàn trống trải, xiêu vẹo của chúng tôi vào một đêm sương muối giá buốt. Căn nhà có thêm đứa trẻ như có thêm

(1) *mộng váy* : bà ngoại

(2) *cửa mống* : cửa sổ nhà sàn của người Mường

lửa ấm. Mẹ tôi đã mở miệng cười. Còn tôi thì òa lên khóc khi ôm đứa cháu đỏ hỏn trong tay.

Cha sinh chị Sun trước khi rời Mường Vang để ra mặt trận. Sinh tôi sau ngày chiến thắng trở về. Cuộc đời tôi, lẽ ra phải được hưởng trọn niềm vui của người thắng trận. Nhưng, chiến tranh bao giờ cũng để lại đằng sau nó những thảm họa khôn lường. Thật trớ trêu, tôi lại là một trong những người phải gánh chịu thêm cái thảm họa khôn lường đó vào thời hậu chiến. Vừa chui ra khỏi bụng mẹ, còn chưa kịp cất lên tiếng khóc, tôi đã gây nên nỗi kinh hoàng cho cả Mường Vang. Người nữ y tá của nhà hộ sinh ở phố huyện Si Dồ hét lên rồi bỏ chạy khi vừa nhìn thấy cái mặt dị dạng của tôi. Mẹ tôi thì ngất lịm. Từ đó những bài xường ru trong vắt của người Mường Vang tắt ngấm trên môi bà cùng với nụ cười. Bế ẩm và cho tôi bú là cực hình đối với mẹ. Cha tôi lâm bệnh trọng rồi qua đời. Chưa đến bốn mươi tuổi mà tóc trên đầu mẹ tôi đã bạc trắng. Thằng Hạnh được sinh ra trong sự đau khổ và tủi nhục của chị Sun, nhưng lại giống như một thiên thần nhỏ cứu cánh của bà ngoại nó. Mẹ tôi vồ vập, bao bọc thằng Hạnh trong tiếng cười, trong những bài xường ru ngọt ngào, tha thiết của bà. Đã có một thời mẹ tôi nổi tiếng khắp thung lũng Si Dồ vì giọng hát hay và tài vận xường, tài đối đáp. Thời chiến tranh, cha tôi đi mặt trận vắng nhà, công việc tỉa hạt trên rẫy, cấy lúa dưới ruộng bậc thang đều do một tay mẹ làm, nhưng thỉnh thoảng mẹ tôi lại được người già ở Mường Vang mời làm chủ những đêm xường tiễn đưa người đi đánh giặc. Từ ngày có thêm tôi, mẹ quăng tõm cả những bài xường của mộng váy tôi để lại xuống suối Raạc Troong, rồi lầm lũi sống yên phận bên chồng và hai đứa con gái. Cha tôi mất, cuộc đời mẹ thiếu hẳn một vế để cân bằng khiến cho bà càng trở nên cần cỗi và máy móc. Mẹ không ghét bỏ tôi nhưng cũng không yêu chị Sun là mấy. Bởi vì, hai đứa con gái đều do mẹ đẻ ra. Một đứa đẹp như nàng Con Nga trong truyện thơ cổ của người Mường. Một đứa xấu như đồ ma xó. Mẹ thương đứa nọ không bằng đứa kia, hóa ra mẹ thiếu công bằng ?

Từ ngày thằng Hạnh ra đời, mẹ dồn tất cả những gì mẹ có cho thằng cháu ngoại không cha. Từ tiếng cười, tiếng nói, bài xường ru, bát canh rau sắn nấu suông cho đến đoạn cơm lam bằng gạo nếp nương thơm phức. Người Mường Vang khen bà trẻ lại. Căn nhà sàn nhỏ với cái cầu thang bằng luồng ở giữa Mường Vang của mẹ con tôi bấy lâu trống vắng vì thiếu người đàn ông làm chủ ngồi trên cửa móng, bây giờ đầy ắp tiếng cười của hai bà cháu.

Có thằng cháu ngoại ở bên, mẹ tôi có hạnh phúc hay không thì tôi không biết. Nhưng, tôi chặc lưỡi : Thế cũng được! Dù sao thì trong nhà cũng bớt được một người phải sống cô đơn. Còn hạnh phúc là gì thì làm sao mà tôi biết được ? Chị Sun đã mấy lần bảo tôi là đồ ngốc. Tôi có ngốc hay không thì cứ nhìn mặt mà bắt hình dong. Nhưng khi ngồi tựa lưng vào gốc cây gội già thì tôi lại nghĩ, hạnh phúc từ lâu đã xuống chân thang theo cha tôi mà đi đâu mất ? Không có sừng thì trâu cui không qua nổi rừng rậm. Với "hoàn kẻnh" như người Mường Vang vẫn nói của mẹ con tôi thì hạnh phúc là một thứ gì đó vừa lạ lẫm, vừa xa xỉ quá nên thật khó lòng mà tìm kiếm được. Giá như cái hạnh phúc đó chỉ đơn giản là một thứ rau rừng có vị ngọt mà người già ở Mường Vang bảo với tôi rằng : "Nó ăn được đấy !", thì dù loại rau đó có mọc ở tận đầu tận đâu thật kín, thật sâu trong rừng Chuông Cò của thung lũng Si Dồ, tôi thề là sẽ chui vào tận nơi để moi từng ngách đá, vạch từng ngọn cỏ, lật từng lá cây để tìm kiếm xem sao ?

Từ khi bất ngờ nhìn thấy mặt mình trong cái sành đựng nước ở sàn chồ thì tôi chỉ còn là một con thú lạ đi bằng hai chân. Con thú không có môi trên, mũi nó chỉ là hai cái lỗ rộng hoác, đen ngòm, đục thủng cái khối thịt dày, xám xịt rất ngắn mà người ta vẫn quen gọi là mặt, bởi vì, ở phía trên còn có một cái đầu với những sợi tóc lơ thơ, đỏ như râu quỷ thọt chân của rừng Chuông Cò mà mộng váy tôi vẫn kể. Rất may là tôi có hai con mắt sáng. Vừa nhìn thấy mặt mình, mắt tôi trợn trừng như lên cơn động kinh, rồi quay lơ ra sàn, giãy lên đành đạch. Khi tỉnh dậy, tôi đẩy chị Sun ngã sấp xuống sàn rồi nhảy qua ba bốn bậc cầu thang xuống đất, vọt thẳng vào rừng. Tôi không khóc. Hai hốc mắt bỏng rát và nhức nhối. Đầu óc tôi cứ nhập nhòa, nhập nhòa rồi đặc sệt lại như món canh môn thục nấu da trâu già để trên gác bếp đã lâu ngày. Tôi vấp phải hai con chó đang dính vào nhau làm cho chúng bị tách ra giữa lúc khoái cảm đang ở độ tột cùng. Chúng bực tức kêu lên ăng ẳng rồi xông thẳng vào tôi, lôi tuột mất cái váy rách là thứ độc nhất tôi đang mặc trên người. Ở đâu đó cuối làng Chiềng, tiếng cồng đám ma vọng lên ai oán. Mường Vang sắp có thêm một đàn chó con nhưng lại mất đi một người già đáng kính. Mẹ tôi vẫn đuổi gấp theo sau, thân hình gầy gò dài ngoẵng của bà giống như một con rắn hổ mang đang quăng mình đuổi theo con mồi. Tôi vẫn chạy. Những giọt máu từ cái lỗ kín dưới háng lần đầu tiên chảy ra, nhỏ từng giọt xuống đường. Con thú hai chân mà bị

thương đôi khi còn khùng hơn loài bốn cẳng. Tôi chợt cảm thấy căm ghét mẹ tôi và mừng vì đã thoát được bà. Tôi cười lên sằng sặc rồi đổ ụp xuống giữa một khoảng rừng thưa, bên cạnh một gốc cây gội già. Trời và cây nghiêng ngả. Chung quanh tôi toàn rừng là rừng nhưng tuyệt nhiên không có dấu chân một con thú nào mới đi qua. Không gian tĩnh lặng đến rợn người. Tôi ngước mắt nhìn lên cây gội. Bỗng nhiên tôi rùng mình rồi rú lên như một con sói cái. Thật là khốn nạn quá ! Đúng là một trò trêu ngươi của số kiếp ! Trước mặt tôi là một cây gội tật nguyền và xấu xí đến khủng khiếp. Ruột của cây gội đã bị lũ mối đục rỗng để làm tổ. Gốc cây thì đầy những u và bướu. Đã thế, cây gội còn bị bão xô nghiêng. Đồ chết tiệt ! Sao mà loài cây này lại sống dai đến thế ? Lẽ ra cây gội phải chết đứng từ lâu rồi. Có sống thêm nữa nó cũng không đem đến lợi lộc cho ai. Củi gội thì khói mù. Một cái quan tài cho người chết lại quá cồng kềnh, mà lại quá ngắn, được phần đầu thì lại thò hẳn cẳng chân ra ngoài. Thế mà, từ những chỗ sần sùi của vỏ cây ở phần sát gốc lại phình ra những cái rễ màu nâu rồi cắm vào lớp đất đen xốm xốp đầy phân chim và lá mục. Vì thế, lá của cây gội già cứ xanh mướt, những cành gội to, mập mạp cứ vươn mãi ra, chiếm hẳn một khoảng không rộng lớn, che lấp cả ánh nắng chói chang của mặt trời. Tôi điên tiết, lao đến xô đẩy và đấm đá túi bụi vào những cái bướu gồ ghề đó, nhưng cây gội vẫn trơ ra ở tư thế nằm nghiêng vững chắc, giữa những cây lành ngạnh thẳng đứng, cao vút, to bằng cả vòng tay ôm của gã thợ săn người Mường Trám có cái tên hôi rình : Khá Chuột, thỉnh thoảng vẫn đến ngồi lì ở bếp khách nhà tôi để gạ gẫm chị Sun.

Mệt mỏi rã rời, tôi ngồi bệt xuống đám lá gội khô, tựa lưng vào gốc cây gội già và ngủ thiếp đi. Trong mơ, tôi nghe tiếng lao xao của tán rừng có tiếng xuống ru của mẹ vọng xuống. Bóng mẹ ở trên cao. Mẹ đang xuống để ru thằng Hạnh. Tôi gọi. Mẹ không trả lời. Tôi khóc. Cây gội già cúi xuống, xòe những chiếc lá, bao bọc lấy tấm thân truồng của tôi. Những cành gội xanh tốt, xum xuê xít lại gần nhau để che ánh nắng chói chang đang rọi thẳng vào mặt, làm cho lớp da sần sùi của tôi bỏng rát.

Cây gội già thì thầm bên tai tôi. Nó hỏi :

– Cô bé à ! Con tên là gì thế ?

Tôi trả lời :

– Con không có tên !

Những cành gội chao nghiêng, da thịt tôi mềm lại vì được quạt mát. Cây gội ngạc nhiên :

– Sao thế ?

Tôi trả lời :

– Con tàn phế mà !

Cây gội cười rung lá :

– Ai bảo là con tàn phế. Không đúng đâu !

– Đúng mà ! Mẹ bảo thế. Chị Sun bảo thế. Người Mường Vang cũng bảo thế !

Cây gội lại hỏi :

– Con có chân không ?

Tôi giơ đôi chân thẳng, trắng hồng của mình lên rồi nói :

– Con có đủ hai chân.

– Con có tay không ?

Tôi đưa hai tay về phía cây gội.

– Con có hai bàn tay, tay con rất đẹp.

– Con có mắt không ?

Tôi chớp chớp hai mắt :

– Con có đủ hai mắt. Mắt con rất sáng. Con nhìn cái gì cũng rõ. Ban đêm con đi trong rừng cũng dễ như ban ngày.

Cây gội lại cười rung cành lá :

– Con sai rồi !

Tôi nhìn cây gội già chằm chằm :

– Con sai à ! Con sai thế nào ?

– Con sai, vì lúc nào con cũng nghĩ mình là người tàn phế. Mẹ con cũng sai. Chị Sun cũng sai. Cả người Mường Vang cũng sai nữa ! Những người đó

sai vì họ ít học chữ. Chân họ chưa đi xa quá đất Mường Vang. Con chỉ bị tật thôi. Con chưa bị tàn đâu. Con còn là một đứa trẻ. Trẻ con thì không được nghĩ rằng mình là người tàn phế. Là đồ bỏ đi. Thật đấy !

Lá của cây gội già lại vuốt ve trên mặt tôi. Tôi túm vào cuống lá. Một bàn tay dăn deo. Bà ngoại ! Bà vẫn vuốt ve mặt tôi như thế. Bà mỉm cười móm mém. Tay bà khẽ phe phẩy chiếc quạt làm bằng mo cau để quạt cho tôi ngủ. Bà cúi xuống sát mặt tôi rồi bảo :

– Cài[1] à ! Ngủ ngoan đi cháu. Mộng váy sẽ hát xường để ru cháu ngủ !

Bà xường. Giọng bà run run. Câu xường đục mờ, méo mó : *Lêu lảu lẳng lôộc... lôộc, xôn môống lá con cài ngoan. Xôn môống lá con cài đẹp. Xôn đẹp nhất Mường Vang... Xiềng thơm păn chín phú mười mường.*[2]

Tôi rúc đầu vào bọc váy của bà và ngủ rất ngon, khi tỉnh dậy, tôi vẫn nghe thoang thoảng mùi nước cốt trầu của bà trong da thịt mình. Bà đã bước vào gốc cây gội già. Tôi cảm thấy đầu óc tôi nhẹ nhõm hơn một chút. Tôi đến bên cây gội già ôm chầm lấy nó và gọi trong tiếng nấc : "Bà ơi !".

Tôi quen dần với cuộc sống đơn độc nơi hoang dã. Tôi mừng vì đã tìm được chỗ để tránh những cặp mắt của những người Mường Vang cứ nhìn tôi chằm chằm khi tôi có việc phải xuống thang đi ra đường lớn. Tránh cho lũ con nít ở Mường Vang khỏi bị mất vía khi bất chợt gặp tôi ở bến tắm của làng. Tôi giống như một con nghé mồ côi xấu xí được mẹ và chị thả rông, muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì cũng được. Tôi không có bạn bè cũng không có lớp học để đến. Tôi chỉ xuống núi để về nhà khi trời đã tối mịt. Trở dậy lúc lũ chó của Mường Vang còn chưa xuống thang đi ị để đeo đón và quàng thêm cái *thông nhãng* bằng thổ cẩm to đùng đã sờn rách của cha tôi để lại, đi vào rừng. Tôi lang thang suốt ngày ở hẻm núi, bờ khe. Sau khi đã nhét đầy một thông nhãng măng đắng và chén no nê trứng ngạt[3] với lá lộc nai, tôi trở về gốc cây gội già, trèo lên chạc cây, nằm ngửa mặt lên, đếm những sợi nắng lọt qua tán

---

(1) *cài* : gái – cách gọi âu yếm của người Mường

(2) Ru à, ru ơi ! Cháu bà là đứa gái ngoan. Cháu bà là đứa gái đẹp... Tiếng đẹp, tiếng thơm bay đi chín núi mười mường.

(3) *trứng ngạt* : Một loại trứng kiến ăn được, rất thơm và béo, được người Mường coi như một thứ đặc sản.

lá của cây và nghĩ vu vơ về một điều gì đó. Tôi không nhớ mùi mồ hôi của mẹ, nhưng nét mặt nhỏ quắt, dăn deo của bà ngoại cứ chập chờn hiện ra. Bà thương tôi nhất nhà. Tôi lớn lên từ bọc váy của bà. Bà nuôi tôi, chăm bẵm tôi bằng những miếng cơm độn sắn bà nhá trệu trạo bằng cái miệng móm mém, không răng, đỏ lòm nước cốt trầu. Mỗi lần tôi khóc, bà lại thều thào đọc cho tôi nghe truyện thơ Mường "Nàng Nga..." bằng trí nhớ lộn xộn của mình. Bà mất lúc tôi còn nhỏ. Tôi không biết lúc đó tôi mấy tuổi. Mẹ và chị gái bỏ quên tôi ở sàn Chồ. Đến bữa tôi tự bốc lấy mà ăn trong cái *mộc* bằng luồng. Có gì ăn nấy. Khi thì nắm bột sắn đồ, bữa thì vài khúc củ mài. Thỉnh thoảng mới có được nắm cơm gạo nếp nương đồ lẫn với bột ngô mẹ vẫn gọi là cơm uôi. Ban đêm, tôi ngủ một mình trong cái góc buồng của hai bà cháu. Cứ thế, tôi tự lớn lên.

Mười bốn tuổi, con gái Mường Vang đã bắt đầu bận rộn. Đứa nào cũng tranh thủ nuôi riêng dăm mét tằm, phát riêng một đám rẫy để trồng bông vải. Mùa bông chín thì tự thu hái rồi kéo sợi, nhuộm sợi. Ban đêm ngồi dệt đến khuya. Mười tám tuổi đã có đủ tám đôi chăn, dăm chục sải đầu váy, mười lăm đôi gối, một chục cái đệm ngồi cất sẵn trong rương, trong vá đợi ngày lạy cha, lạy mẹ xuống thang đi làm dâu nhà người. Tôi thì không làm được như thế. Tôi không có đời con gái. Tôi như một con nghé, tự tách mình ra khỏi bầy đàn, đi tìm cho mình một cuộc sống riêng. Tôi chưa hề được bước chân lên thang làm khách nhà ai ở Mường Vang, nên người Mường Vang cũng nhanh chóng quên đi sự tồn tại của tôi ở đất Mường này. Tôi có kinh nguyệt, mẹ cũng không bảo với tôi vì sao lại thế. Tôi thì chưa bao giờ biết đến sự ham muốn xác thịt nên cuộc sống cũng bình yên, nếu như không bao giờ tôi phải lớn lên. Nhưng, tuổi mười bốn qua nhanh như một cơn mưa rừng. Mới chỉ qua mười mùa tỉa rẫy, tôi đã bước sang tuổi hai lăm. Hơn mười năm sống thui thủi một mình trong rừng Chuông Cò, tôi không chơi dông dài như lúc mới vào đây. Tôi chăm sóc cho từng gốc cây ngọn cỏ, vì tôi cũng chỉ có chúng là bạn bè. Tôi đã già đi, nhưng hình như rừng thì trẻ lại. Những cây lành ngạnh lớn rất nhanh. Mỗi buổi chiều khi ánh sáng đã tắt hẳn trong thung lũng Si Dồ, con đường mòn lởm chởm đá tai mèo ở chân núi Cành Kén ngập trong bóng tối, tôi ôm những cây lành ngạnh đó để từ biệt trước khi trở về nhà mẹ, tôi thấy vòng tay mình thật lỏng, thế mà sáng hôm sau trở lại, tôi cảm thấy vòng tay mình chật hơn một chút. Tôi tìm và bắt diệt hết từng con

mối nhỏ trong bụng cây gội già. Cái bụng rỗng không của cây gội trở thành ngôi nhà trú mưa, tránh nắng của tôi. Cây gội già không còn già nữa, cành lá nó xum xuê, xanh tốt lạ lùng. Cành của cây gội cứ vươn rộng mãi ra thành một cái tán rộng râm mát, là nơi tình tự của lũ vẹt, liếu tiếu và cũng là chỗ ở kín đáo, an toàn cho vợ và đứa con trai mới sinh của con voọc đuôi trắng, những người bạn mới của tôi.

Tôi không có gan chường mặt ra đường cái lớn để người Mường Vang nhìn thấy, nhưng khi bọn phá rừng ra tay thì tôi cũng đành phải ra mặt. Nhìn thấy bọn trộm gỗ vác cưa vác rìu đi vào cửa rừng, tôi nấp kín trong bụi cỏ giác, chỉ ló đầu ra ngoài, rồi gầm lên như con hổ cái rách tai ở rừng Bến En. Bọn người xấu đó hốt hoảng ngoái cổ lại nhìn, vừa thấy mặt tôi, chúng đã dẫm đạp lên nhau mà chạy. Đối với những tên lâm tặc có lá gan to và phẳng lì như hòn đá ở mó Bò Đái, nơi tôi vẫn ngồi để kì cọ hai bàn chân có những ngón to, tòe rộng và đầy những nốt sần sùi vì gai đâm, thì tôi giương nỏ lên mũi tên cắm phập vào chỗ chúng mới ướm thử lưỡi cưa làm cho chúng không dám làm trày vỏ, xước da một cái cây nào nữa. Tôi có đôi mắt sáng, với cái nỏ đi săn của cha tôi để lại, tôi không cần ngắm cũng có thể bắn trúng nốt ruồi ở đuôi mắt của kẻ nào cứ cố tình hạ đổ những thân cây mà tôi quý như bạn bè. Đã mấy lần tôi bắn trúng kẽ ngón tay của những bàn tay giơ ra nhận tiền của bọn buôn gỗ lậu, vì thế hơn năm trăm hecta rừng của thung lũng Si Dồ đã bị chặt phá, nhưng khu rừng có cây gội già vẫn còn nguyên vẹn. Bây giờ rừng là của tôi. Người Mường Vang đã trao cho tôi một quyển sổ bìa đỏ chứng nhận quyền sở hữu rừng với một cái tên. Người ta gọi khu rừng thuộc quyền quản lí của tôi là rừng Cây Gội và gọi luôn tôi là Vạ Gội[1]. Mãi rồi người Mường Vang cũng nhận ra rằng tôi không phải là *ma xó*. Tôi là người mang vác đỡ cha tôi phần nặng nhọc, khó khăn nhất mà người lính đã nhận lấy trách nhiệm về phần mình. Nhưng tôi mặc kệ, họ muốn nghĩ gì cũng được ! Họ nghĩ gì thì cái mặt tôi cũng chẳng đẹp thêm được chút nào ! Sau cái bữa kinh hoàng đó ở sàn Chồ, tôi không hề dám nhìn vào mặt nước thêm một lần nào nữa. Tôi cũng tự đi tìm cho mình một bến tắm riêng. Đó là một đoạn sông vắng vẻ, phía dưới Ngốc Cùng. Đoạn sông này ăn sâu vào khe núi mà người ta vẫn gọi là Hang Ma, trẻ con không bao giờ

(1) *vạ* : Cô hay O, gọi một cách thân mật nhưng mang ý nghĩa kính trọng.

dám đến đó, vì nước chảy xiết và rất sâu. Những cây ngơn cổ thụ mọc sát mép nước. Cành của cây ngơn xõa xuống mặt sông. Mỗi lần đi tắm, tôi cởi váy, vắt lên cành cây ngơn rồi hì hụp khỏa nước. Tôi không để cho mặt nước lặng bao giờ. Tôi sợ lại nhìn thấy mặt mình trong đó. Tôi tập lặn rồi tập bơi. Nhiều hôm cũng bị uống đầy bụng nước. Những cành ngơn đã cứu tôi thoát chết. Gần mười năm tôi tắm táp và bơi lội ở khúc sông này. Cũng nhiều lần, tôi có cảm giác như ai đó nhìn mình đang tắm. Tôi nhìn quanh quất nhưng chẳng thấy một ai.

Khi người con gái đã hai mươi lăm tuổi, không phải đêm nào ngủ cũng ngon lành. Tôi thường thức dậy vào lúc nửa đêm, sờ tay lên ngực, tay tôi chạm phải cặp vú rắn chắc của mình. Tôi không sao ngủ thêm được nữa. Tôi thèm có một bàn tay nóng ấm của người đàn ông vuốt ve đôi vú của mình. Những ngày mưa gió, chui vào bụng cây gội già, tôi vén cao váy, rồi ngắm nhìn rất kĩ đôi chân của mình. Nếu không tính hai bàn chân mà từ lúc biết đi cho đến bây giờ chưa bao giờ được xỏ vào một đôi dép, lại quanh năm suốt tháng ở trong rừng rậm thì tôi có cặp giò rất đẹp : thẳng, chắc và dài như chân con gái dưới phố huyện Si Dồ. Nếu tôi lấy được chồng, nhất định người đàn ông của tôi sẽ vuốt ve nó mãi...

Những khao khát đó đối với một người con gái đẹp như chị Sun thì là tầm thường và dung tục, nó rất dễ làm cho người con gái nết na sa ngã. Nhưng còn đối với tôi, chuyện đến được với một người đàn ông cũng giống như chuyện con hổ mò trăng dưới suối Raạc Troong mà người Mường Vang vẫn kể cho trẻ con nghe. Hạnh phúc vợ chồng với tôi cứ xa vời vợi. Nhưng tôi là một người đàn bà. Một người đàn bà chỉ xấu mặt thôi. Tất cả những gì cần thiết để làm một người vợ lại rất hoàn hảo. Cái phần hoàn hảo đó chưa một ai nhìn thấy. Nếu chỉ tính những phần đó thôi, có thể tôi lại hơn nhiều người đàn bà khác ở thung lũng Si Dồ. Chẳng lẽ, tôi lại cứ để cho mặc cảm tật nguyền hủy hoại những phần tốt đẹp nhất còn lại của mình ? Hạnh phúc không tìm đến với tôi, thì tôi phải đi tìm kiếm nó ! Tôi nhớ lại giấc mơ ở dưới gốc cây gội già, tôi chỉ bị tật chứ không bị tàn phế. Chân, tay tôi vẫn còn nguyên vẹn. Mắt tôi cũng sáng, tôi không thể cứ ngồi bó gối bên bếp lửa mà gặm nhấm nỗi đau như chị Sun. Tôi cũng không thể cứ chui rúc mãi trong rừng cho đến hết đời, dù bước ra khỏi đó cũng rất khó khăn.

Tôi còn đang chưa biết phải làm gì, thì anh đến tìm tôi. Anh ngồi ở gốc cây ngơn mà tôi vẫn treo váy mỗi khi xuống tắm. Vừa nhìn thấy anh, tôi đã hốt hoảng bỏ chạy. Anh chạy theo và chẳng khó khăn gì, anh đã đuổi kịp tôi. Tôi vùng vẫy cào cấu anh như một con rồ để hòng thoát thân, nhưng anh vẫn không chịu thả tôi ra. Anh nói :

– Em à ! Đừng sợ ! Em đừng sợ anh mà.

Tôi vẫn cứ gục mặt xuống và cố vùng vẫy để thoát ra. Anh nói :

– Tại sao em lại cứ đi trốn thế ? Anh đã nhìn thấy em rồi mà ! Em bơi giỏi lắm. Anh muốn giúp em thành người bơi lội giỏi nhất huyện Si Dồ.

Tôi không giằng kéo nữa, nhưng tôi run cầm cập. Tôi sợ. Anh bảo :

– Em à ! Em đẹp lắm mà !

Tôi hét lên, co chân đạp thẳng vào người con trai đó. Tôi còn chưa kịp chạy thì đã nghe anh "hự" lên một tiếng rồi ngã khuỵu xuống. Tôi không còn nghĩ đến thân phận của mình, quay ngoắt lại, chụp vội lấy anh, bế về gốc cây gội già. Tôi quỳ xuống và khấn lạy Ma nhà, Ma núi. Tôi gọi : "Bà ơi !" thì anh tỉnh lại. Anh ngơ ngác nhìn quanh rồi nắm lấy tay tôi :

– Em đừng sợ ! Anh là một thằng trai Mường tốt. Anh không hại em đâu.

Tôi tin lời anh. Anh kể : Một hôm đi tìm con trâu lạc giúp bố, anh vô tình nhìn thấy tôi bơi. Anh nghĩ : Cô này đi thi bơi được đấy ! Huyện Si Dồ sắp có đại hội thể dục, thể thao. Anh biết tôi từ nhỏ. Anh cũng biết tôi bị khuyết tật. Anh chỉ ngại sự đường đột của mình làm tôi sợ hãi. Anh theo tôi, và biết tôi ở trong rừng, dưới gốc cây gội già, chỉ ban đêm mới trở về nhà. Anh vẫn đi theo tôi và xem tôi tắm, xem tôi bơi lội. Anh nói :

– Em à ! Em đừng giận anh mà ! Anh nhìn thấy em rồi ! Em là một cô gái đẹp. Anh không khen mặt em đâu. Mặt em xấu thật, nhưng chân tay em đẹp lắm. Anh muốn giúp em thật mà. Anh sẽ dạy em bơi. Anh dạy em học chữ nữa.

Tôi dè dặt hỏi :

– Nhà anh ở Mường nào ?

– Anh cũng là người Mường Vang thôi. Anh ở Phòng văn hóa Thể thao của huyện Si Dồ. Anh đi công tác nhiều nên em không biết.

Nói rồi, anh lấy tay nâng mặt tôi lên, lần đầu tiên có người đàn ông lạ chạm vào tôi. Tôi sợ cứng cả người. Anh hỏi :

– Em có tin anh là người trai Mường tốt không ?

Tôi gật đầu. Từ đó chúng tôi thường gặp nhau. Những ngày không phải đi công tác, anh vào rừng tìm tôi dưới gốc cây gội già. Anh dạy tôi học chữ. Anh đi họp dưới tỉnh mua về tặng tôi một bộ áo tắm. Tôi mặc. Anh khen tôi có một thân hình rất đẹp. Cân đối, khỏe mạnh. Anh dạy tôi bơi. Tôi quen dần với anh và cũng không còn sợ anh như trước nữa. Tôi học chữ rất chăm, và học bơi lội cũng rất siêng năng. Anh đưa tôi xuống tỉnh vá lại đôi môi, rồi đưa tôi đi dự một đợt huấn luyện tập trung ngắn ngày. Tôi đạt giải A trong cuộc thi bơi lội vượt sông Mã của huyện Si Dồ. Chúng tôi yêu nhau lúc nào không biết. Anh đòi được tôi đồng ý để đưa ông mơ, bà mối đến nhà. Tôi bảo : "Không cần !". Anh hỏi : "Vì sao ?". Tôi nói : "Chúng ta sống với nhau thôi, lúc nào anh muốn bỏ em cũng được !". Anh mắng : "Bậy nào !".

Bây giờ, khi ngồi viết lại chuyện của mình, con gái tôi đã bi bô học nói. Con gái tôi xinh đẹp như một Ả Nàng trong tranh chồng tôi mới vẽ. Nó lũn cũn đi lại chỗ bàn mà tôi ngồi viết, thơm vào mặt tôi và giành lấy bút. Chồng tôi đã về đến chân thang. Anh cất tiếng gọi như reo :

– Em à ! Anh đã về rồi !

Tôi bế con, chạy xuống đón chồng. Anh ôm mẹ con tôi rồi hỏi :

– Em à ! Em biết anh đem tin vui gì về nhà không ?

Tôi cười rồi bảo :

– Anh không nói, em không biết được đâu !

– Em có giấy mời về tỉnh dự Đại hội Thể dục thể thao đấy. Nếu em được giải cao, em sẽ được đi dự giải bơi lội toàn quốc đấy. Em vui không ?

– Em vui !

Tôi trả lời anh, rồi nắm chặt lấy tay chồng. Bây giờ tôi đã hiểu thế nào là hạnh phúc.

Lời bình

Viết bằng giọng kể chất phác, thật thà, như là kể về thân phận một người con gái bị thiệt thòi ở quê mình, mà lại như kể về chính mình, khiến người đọc cảm động và tin vào sự trung thực của ngòi bút Hà Thị Cẩm Anh. Truyện kết thúc có hậu mà không nhạt, không tẻ. Ở vùng rừng xa xôi Mường Vang kia hẳn còn nhiều lắm những cảnh đời vừa thật, vừa ảo như trong Gốc gội xù xì, *Hà Thị Cẩm Anh hãy tiếp tục đưa những người, những cảnh ấy lên trang giấy bằng tất cả nội lực sẵn có của mình.*

Nguyễn Khắc Trường

Triều Ân

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Triều Ân. Sinh ngày 1 tháng 12 năm 1931.

Quê quán : Xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Tác phẩm đã xuất bản : *Tung còn suối đàn* (thơ, in chung, 1963) ; *Tiếng hát rừng xa* (truyện ngắn, in chung, 1969) ; *Nắng ngàn* (thơ, 1974) ; *Bốn mùa hoa* (thơ, 1974) ; *Kin mác* (thơ, in chung 1975) ; *Tiếng khèn A Pá* (truyện ngắn, 1980) ; *Như cánh chim trời* (truyện ngắn, 1988) ; *Chốn xa xăm* (thơ, 1990) ; *Hoa vông* (thơ, 1994) ; *Truyện ngắn Triều Ân* (tuyển truyện ngắn, 1995).

Giải thưởng văn học : Giải nhì cuộc thi thơ *Báo Văn nghệ* 1960 – 1961. Giải ba của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam về sưu tầm, dịch, giới thiệu *Truyện thơ nôm Tày* (Tập I).

XỨ SƯƠNG MÙ

Thị xã sang xuân.

Ba dòng sông Hiến, sông Bằng, sông Cổn dồn nước về bao quanh gần như khép kín, thị xã trông như một hòn đảo.

Gió từ mặt sông lùa sương mù bay lên các đỉnh núi cao, nhường cho những chùm nắng toả ấm xuống đường phố.

Bà Loan cưỡi cái xe Hữu nghị mới toanh, vành xe bóng loáng, đi vun vút trong dòng người qua cầu sông Cổn để kịp vào giờ dạy học.

Hết hai tiết học, bà xin phép đồng chí hiệu trưởng để về nhà sớm hơn (và nghỉ luôn cả tiết bốn) vì sáng nay bà đi lên trường vội, quên không khoá cửa. Chiếc xe Hữu nghị đi vun vút trên đường phố.

Đến ngõ, đẩy cánh cổng đi vào, bà nhìn thấy nhà đã khoá. Bà ngạc nhiên vì sáng nay bà nhớ đinh ninh : Khi quay lại lấy tập bài chấm, vì vội, quên chưa khoá cửa ; cuối tiết hai, bà mới nhớ ra ... Bà lùa chìa, mở ổ khoá.

Bà ngắm nhìn quang cảnh, thấy ngăn nắp. Những ghế dựa xếp gọn dưới mặt bàn. Nhà cửa, khi đi chưa quét, nay ai đã quét hộ sạch sẽ. Cái chổi lạ còn dựng cạnh cửa. Bà xuống bếp thấy vại nước, ai đã gánh hộ đầy ắp ? Bà nhìn gói hàng trên nóc tủ thấy còn nguyên.

Bà thoáng nghĩ đến hình ảnh cô Tấm trong truyện cổ, từ quả thị hiện về giúp đỡ bà lão nhà nghèo thu xếp nhà cửa.

Tình cảnh bà Loan có khác gì bà lão trong truyện cổ. Một mẹ goá nuôi một con côi. Đứa con côi đã lớn, sau khi học xong trường sư phạm 12 + 3 đã xung phong đi dạy học ở huyện Bảo Lạc cách xa tỉnh lị trên trăm cây số. Thỉnh thoảng Tân, con trai bà mới gửi thư về. Ngôi nhà gạch cổ rộng thênh thang này chỉ có một mình bà vào ra.

Bà bước ra sân, trông thấy Thời, cô gái láng giềng, đi tới. Thời tươi cười :

– Bá lên lớp về rồi ạ ?

– A cháu ! Hôm nay tôi phải về sớm vì có chút sơ xuất.

– Cháu biết rồi, bá ạ. Có phải bá vội đi nên quên khoá cửa, phải không ạ ?

– Trời ơi, thì ra cháu đã ...

– Vâng ạ. Cháu nhớ bá quá. Sáng sớm cháu sang định nhờ bá trên đường đi giao hàng giúp cháu cho bà Ngôn. Nhưng khi cháu đến, bá đi rồi, mà cửa lại chưa khoá. Cháu quét tước, thu xếp nhà cửa rồi khoá hộ. E rằng xảy ra "một mất mười ngờ" cháu phải sang thưa bá biết đấy ạ.

– Ôi chao ! Cảm ơn cháu quá. Nhà tôi đây nghèo xơ xác, chỉ là một giáo viên thanh bạch. Ngay cái xe Hữu nghị tôi đang dùng còn là của cháu cho mượn. Nhà tôi có gì mà sợ ai lấy cắp. Chẳng qua là không khoá không yên tâm. Hơn nữa tôi còn lo cái bọc hàng cháu gửi để trên nóc tủ. Nếu tôi để mất nó hoá ra "chạy sói lại gặp lang". Thế thôi.

Bà mời Thời vào nhà.

Thời đi pha nước. Hai bá cháu ngồi trò chuyện. Một lát Thời xuống bếp làm cơm cho bà (như mọi khi thỉnh thoảng vẫn làm). Bà Loan ngồi nhẩn nha một mình ở nhà trên.

Uống xong hớp nước, đặt chén xuống. Bà Loan nhìn lên tường và mắt đọng lại ở bức ảnh người con trai độc nhất : đó là Tân.

Tân có đôi mắt sáng long lanh như mắt chim phượng, giống cha nó. Trán cao. Lông mày rậm. Một cái khoáy ngang tàng ở chân tóc trên trán. Đôi vành tai to. Rái tai nặng trĩu. Và ở rái tai trái có một nốt ruồi đỏ.

Mẹ nhớ kĩ về Tân tuy rằng trên ảnh kia không hiện rõ đủ những chi tiết ấy, là vì đời mẹ Loan chỉ có một mình Tân được đẻ trong thời kì chống Mĩ, cứu nước. Và mẹ trở thành goá bụa, là goá hoa nhưng ở vậy nuôi con. Một mẹ goá nuôi một con côi. Bà mới gần bốn lăm tuổi mà đã lơ thơ vài sợi tóc bạc. Nay đứa con cũng đã lớn, đi làm giáo viên ở vùng cao nguyên xa tít mù.

Sống trong cảnh cô đơn vắng vẻ, bà cũng may còn có cô láng giềng, cô Thời, con gái một nhà buôn giàu có. Bề ngoài, mẹ Thời chỉ là một bà hàng nước ; ông Thời ngồi xem quán, ngồi giữa những âm thanh loạn xạ của cái đài Sáp.

Đêm đêm, từng tốp thanh niên đến nhậu nhẹt, rượu, thuốc. Có hôm họ nôn cả ra nhà. Có những đứa cợt nhả đòi ông bà bên ấy cho con gái ra mời rượu từng anh để nhận lấy những lời nói tục tĩu, hoặc những cái véo má, hoặc những tiếng cười rẻ tiền khả ố. Thời thì cứ nhơn nhơn. Đã có lần bà Loan ướm hỏi :

– Cháu nhỉ, những đám thanh niên phố nhiều đêm đến quán nhà cháu uống rượu, đùa vui nhảy nhót xập xình, hoặc có những hành vi lợi dụng, trông khả ố, cháu nhỉ ?

Thời nói tỉnh khô :

– Kệ họ, bá ạ. Chẳng sao hết. Miễn là nhà cháu hốt về được nhiều tiền. Thế là thắng. Chúng là lũ hấp lì. Cháu vẫn là bà chúa, có nhiều ngón xoay xở tháo vát.

Cũng có lần Thời nói rõ với bà Loan :

– Nói vậy chứ, đám thanh niên ấy bì sao được với anh Tân ? Người như anh Tân cháu bái phục cái đức, cái tài. Còn bọn ấy, cháu chỉ mong

moi túi chúng được nhiều tiền là tốt. Nhưng của đáng tội, chính vì cách sống trong sạch ấy, anh Tân quá nghèo, không giúp được gì cho bá cả.

Thời khéo nói thấp giọng xuống khiến bà Loan nghe rồi phải mủi lòng và nhớ Tân. Và bà mơ ước : giá như Thời là vợ Tân, là con dâu mình, nó sẽ vực gia tài nhà này lên.

Bà Loan cũng thừa biết Thời có những biểu hiện lăng nhăng, nhưng bà bỏ qua được mà vẫn quý Thời vì nghe Thời nói, Thời khôn ngoan, luôn luôn biết giữ mình, không hề buông thả ; mà còn vì Thời có tiền, nhà giàu. Xe đạp bà hỏng nặng, biết vậy, Thời cho bà mượn luôn một cái xe đạp Hữu nghị mới toanh. Bà cảm động quá chừng. Bà đi một hai lần, rồi một hai tuần thành quen. Bà dùng xe này rất tự nhiên như chính nó là xe của bà vậy.

Thời hay sang nhà bà ; thỉnh thoảng giúp bà gánh nước, nấu cơm ... như con cháu trong nhà. Tình cảm giữa bà Loan và Thời ngày càng gắn bó. Có một hôm, chính quyền địa phương cùng các cơ quan chức năng đến kiểm tra hành chính nhà Thời. Bà Loan lo lắng hỏi Thời :

– Nhà có bị bắt cái gì không, cháu ?

– Không bá ạ. Nhà có ít hàng quý, cháu đã gửi sang nóc tủ nhà bá, gói lẫn trong đống chăn bông, còn ai ngờ nữa, nhất là nhà bá lại là nhà giáo, vắng vẻ, liêm khiết xưa nay.

Nghe vậy, bà Loan tự dưng thấy tự hào lạ lùng ; mặt khác bà thầm khen Thời khôn ngoan ; bà càng mơ ước có một người con dâu tháo vát như thế. Mặt khác, hằng ngày bà thực sự được Thời chăm sóc chu đáo, bà quý Thời.

Do đó, bà càng ngày càng thấy mình bệ vệ, đàng hoàng và tự thấy mình già đi hoặc chững chạc hơn lên như bất cứ một người mẹ nào sắp được lên ngôi mẹ chồng. Công tác bà có sao nhãng hơn, đã mất ba năm danh hiệu lao động tiên tiến ; mỗi lần kiểm điểm đánh giá thành tích cuối năm, bà có áy náy ít nhiều, nhưng rồi bà cũng dễ cho qua đi vì bà biết hậu quả đó là điều đương nhiên ...

Hôm nay bà bỏ tiết bốn, về khoá cửa. Cái khiến cho bà lo nhất vẫn là gói hàng gì đó của Thời gửi trên nóc tủ.

Bà mới nghỉ ngơi được một chút mà nghĩ lung tung bao nhiêu là chuyện. Vừa lúc đó, Thời gọi :

– Mời bá xuống bếp xơi cơm ạ. Cháu đã sắp mâm xong. Cháu về, bá nhá !

Bà mời Thời ở lại ăn cơm nhưng Thời "xin phép". Bà nhìn theo Thời mà thèm có một người con dâu như thế. Bà quyết định sẽ có dịp nói rõ ý đó với Tân. Bà nhìn lên nóc tủ. Gói hàng gì đó, bà không có quyền biết, không cần biết : ở đây vắng vẻ, bà chỉ cần coi đồ cho Thời đừng để mất, khỏi mang tiếng, thế thôi ...

Bà thoải mái đi vào bếp ...

Cơm nước xong, bà nghỉ trưa một lát.

Đang mơ màng thì bà Loan nghe như có ai gọi giục giã. Bà lắng tai nghe. "Hay là họ đến khám nhà bà ?" Bà tỉnh hẳn. Vô lí. Khi tỉnh táo bà Loan bình tâm hơn. "Không có lí gì họ nghỉ ngờ nhà một bà giáo nghèo để khám xét".

Đúng có tiếng gọi giật :

– Bà Loan ! Bà giáo Loan ? Bà có nhà không, xin mở cửa ?

Bà thưa và lật đật đi ra cửa :

– Chào anh ! Anh hỏi nhà ai ?

– Thưa, đây có phải nhà bà giáo Trần Thị Loan không ạ ?

– Vâng. Chính tôi. Anh ở đâu đến hỏi tôi.

– Thưa bà. Tôi ở bưu điện. Bà có thư.

Bà Loan hết hồi hộp, chìa tay nhận thư, cảm ơn và để người đưa thư đi về.

Bà ngắm phía trong phong bì thư. Trên cùng viết : " Người gửi : Xứ sương mù". Tên người nhận thư đúng tên bà, nghề nghiệp, số nhà, tên phố ...

Tay bà run run, bóc thư và đọc ...

Thư con bà, thằng Tân, nhắn bà xin nghỉ phép lên Bảo Lạc "để xin ý kiến mẹ về việc hôn nhân". Thư viết ngắn nên đọc xong thư, bà Loan chưa hiểu ngọn ngành thế nào cả. Chính vì thế mà bà thấy cần phải đi.

Bà lên trường gặp hiệu trưởng xin phép nghỉ vài hôm đi Bảo Lạc xa lắc. Bà giao nhà cửa cho Thời, bà đi.

*
* *

Đường xe lên Bảo Lạc quanh co, uốn khúc. Núi non hùng vĩ. Đèo vút cao lưng trời. Những con đường oằn mình bám vào sườn núi trườn lên xa xa trông như những dải lụa tung bay trong tiết mục múa lụa ngày hội xuân.

Lần đầu tiên xa thị xã, bà lên huyện vùng cao với tấm lòng háo hức. Bà nhớ các nơi xe đi qua : Tĩnh Túc, Cao Sơn, Cao Lù, Lũng Pán ...

Nhưng xe càng đi, đồi núi, đèo mây càng điệp trùng. Đường dây thép bên đường đến đây chỉ còn chạy một dây heo hút. Bà nhìn qua cửa xe. Xe lăn bánh cheo leo men theo sườn dốc, mà dưới sâu kia là vực thẳm. Đường lại hẹp. Khủng khiếp quá. Nhiều đoạn đường, xe chui qua đám sương mù chừng nửa tiếng đồng hồ mới hết ; khi đó xe phải bật đèn pha có kính màu vàng như đi đêm. Xe bò chậm chạp, cứ thế bồng bềnh ...

Bà rợn tóc gáy, thương cho số phận con trai bà phải đi xa thị xã ; và giờ đây bà mới hiểu tại sao trên phong bì thư con bà lại viết : "Người gửi : Xứ sương mù" ? Bà đoán : chắc con bà buồn lắm, nhớ thị xã lắm. Bà biết rằng ở thị xã xinh đẹp kia, Tân có một mối tình dang dở : cái Thuận, con nhà bà Tường giàu sụ. Bà lại thoáng so sánh : Cháu Thời hơn hẳn cháu Thuận ở đức tài và tuổi trẻ.

Phần vì nhìn con đường càng đi lên càng đáng sợ, phần vì hoa mắt, say xe, bà nhắm nghiền mắt lại, phó mặc cho xe sẽ đưa mình đến huyện lị Bảo Lạc bất cứ lúc nào. Bà ngủ gật.

Khi mọi người ồn ào nói tếu : "Hết tiền rồi", bà Loan bừng tỉnh dậy. Đây là thị trấn Bảo Lạc. Bà nghỉ một đêm.

Sáng hôm sau, bà bỏ tiền ra thuê một thanh niên địa phương vác súng kíp đưa đường, bà đi một buổi đường bộ nữa thì đến nơi.

Vừa lúc tan học.

Học sinh các dân tộc thiểu số địa phương trong những bộ y phục nhiều màu sắc, ùn ra sân trường, chạy ào ào tản về các ngả.

Bà để ý không thấy ai ăn mặc kiểu cách như bà. Chúng gặp bà đều hỏi một câu : "Bá đi đâu ạ ?" hay "Bá ăn cơm chưa ạ ?" : Bà Loan thấy lạ vì những câu hỏi xa lạ và bất lịch sự ấy.

Bà đang đứng tần ngần giữa sự ồn ào thì con bà xuất hiện. Hai rái tai to, nặng trĩu. Rái tai trái có một nốt ruồi. Bà ứa nước mắt, xúc động, ôm lấy con.

Nhiều người chạy tới, quây quần quanh hai mẹ con bà. Trong số đó có một nữ thanh niên xinh đẹp đến tuyệt nhưng ăn mặc lạ kì, dưới mắt bà Loan thì ngồ ngộ. Người ấy hỏi Tân :

– Ai thế, anh Tân ?

– Mẹ đẻ anh đấy. Mẹ đẻ anh là giáo viên ở thị xã lên thăm.

Cô gái nở nụ cười :

– Bá mới lên Bảo Lạc lần đầu ạ ? Bá có bị say xe không ạ ?

Bà Loan nhìn chằm chằm người nữ thanh niên dân tộc Mông ấy vì nụ cười duyên dáng, nước da trắng hồng, má lúm đồng tiền. Đôi mắt linh lợi như mắt bồ câu. Nhưng bà không có cảm tình vì lối ăn mặc áo váy dân tộc lạ kì, nặng nề ấy. Bà thầm nghĩ : Giá như cháu gái này ăn mặc kiểu thị xã, phải là hoa khôi.

Để phá tan sự ngượng ngập ban đầu ấy, Tân nói :

– Em về phòng anh đặt giúp siêu nước.

– Cháu xin phép bá ạ.

Pèng vụt chạy đi, vui sướng. Tân nói với mẹ :

– Đấy là Pèng, bạn con, bí thư chi đoàn thanh niên địa phương. Tiếng dân tộc : *Pèng* là hoa, *trế pèng* là đoá hoa.

Đồng chí hiệu trưởng cùng các thầy cô giáo ở đây phấn khởi lộ ra nét mặt, mời bà lên phòng họp Hội đồng xơi nước nói chuyện.

Sống ở Bảo Lạc hai hôm, bà Loan đã thấy buồn chán. Cảnh đô hội phồn vinh nơi thị xã đã lùi vào dĩ vãng. Ở đây tuyệt đối không có tiếng xe máy, mà chỉ có tiếng chim muông hót, lần đầu nghe vui, nghe mãi gợi sự nhớ nhà.

Hai hôm nay bà Loan ca ngợi người con gái thị xã mà bà yêu chuộng, nói tình cảm đạo đức của Thời, nói cả xe đạp Hữu nghị Thời cho mượn, nói về gói hàng trên nóc tủ ...

Nhưng Tân nghe qua cứ dửng dưng. Bà phải kết luận :

– Việc hôn nhân của con, mẹ tính kĩ rồi. Chỉ được cháu Thời ở cạnh nhà ta, đẹp người, có tài tháo vát xoay xở làm giàu. Mà con trước sau cũng phải về thị xã, cái bán đảo xanh đầy nắng xinh đẹp ấy. Thời bình rồi, ai còn nghĩ đến nông thôn và miền núi ? Thời bình phải là thị xã.

Tân vẫn dè dặt :

– Có việc này con nghĩ mãi không biết có nên nói để mẹ biết không, con không muốn xây dựng gia đình ở thị xã. Nơi ấy con đã phải ôm hận vì mối tình với Thuận. Như mẹ biết, chúng con yêu nhau, xin mẹ đi dạm hỏi. Bà Tường, mẹ của Thuận khinh nhà ta quá lắm, những nói nào là "ngôi sao đòi sánh với mặt trời", nào là "con cóc lại ước lấy nàng tiên". Thuận cũng nghe mẹ nó, không phát biểu lấy một lời. Con thề độc : không lấy vợ thị xã. Con có tự trọng của con, phải xây dựng tình yêu với người bạn đời nào có chung một lí tưởng. Còn bất cứ một mảnh đất nào có tình thương và cuộc sống lao động hạnh phúc thì con đều quý cả.

Mẹ Tân đắn đo và trách :

– Con đoạn tuyệt không lấy vợ thị xã là cố chấp.

– Không, mẹ ạ. Con nghe mẹ kể quá nhiều và ca ngợi hết lời về em Thời. Khi cái gì người ta ưa, ít ai để ý đến nhược điểm, đến mặt trái của nó. Con người ấy, cả nhà ấy, con biết chứ ạ. Mẹ quan hệ với Thời, mẹ chỉ là nô lệ của gói hàng gửi trên nóc tủ ấy. Nó đã lợi dụng ngôi nhà ta ít người ra vào vắng vẻ, lợi dụng danh nghĩa một nhà giáo thanh bạch để giấu hàng hoá không ai nghi ngờ. Mẹ hiểu đó là hàng lậu hay hàng quốc cấm ? Mẹ đừng để ô danh. Mẹ hãy trả nó ngay cái xe Hữu nghị để lòng mẹ thanh thản hơn.

Mẹ anh càng trách móc :

– Con ơi ! Sao con mẹ lại nói những lời nói độc ?

– Con xin lỗi. Nhưng xin mẹ nghĩ lại xem.

Bà Loan vốn là nhà giáo nên cũng khá nhạy cảm. Mắt bà tư lự nhìn xuống đất. Bà dè dặt hỏi Tân :

– Vậy con mời mẹ lên đây để bàn về hôn nhân là thế nào ?

Tân bèn kể mẹ nghe tình cảm của mình đối với một cô gái người Mông trẻ tuổi, bí thư chi đoàn thanh niên địa phương kết nghĩa với chi đoàn giáo viên nhà trường (mà Tân là bí thư). Tân kể về tính tình, đức độ, khả năng đảm đang việc nhà, việc xóm bản, việc nước của Pèng. Tân cho mẹ biết : Qua thực tiễn công tác ở địa phương, Tân hiểu thêm rằng ấn tượng xưa nay hiểu người Mông là phải ngây ngô (ngay từ lời nói), thấp kém là sai. Đến nay người ta cần phải hiểu lại con người dân tộc ấy đã có những nét hiện đại.

Mẹ không phản đối gì vì chính con người ấy mẹ đã tiếp xúc và ít nhiều có thiện cảm. Biết con đã trưởng thành, con trai mẹ đã ưng ai, mẹ cũng phải đắn đo mới dám nói những lời quyết định. Song mẹ vẫn còn băn khoăn :

– Có lẽ không được, con ạ. Mẹ thấy cách ăn nói của Pèng chưa biểu lộ là một người có lễ độ.

– Mẹ nói sao ạ ?

Nó là con gái đã lớn khi gặp mẹ mở miệng chỉ là những lời lục vấn sỗ sàng : "Bá đi đâu ạ ?" hay : "Bá ăn cơm chưa ạ ?" hay : "Bá đi giặt ạ ?" ... Ít nhất phải biết nói :"Chào bá ạ !" hay "Cháu chào cô ạ !". Thật là không ra cái thể thống gì. Lắm lúc nghĩ : Nó còn chưa bằng một học sinh trường mẫu giáo thị xã.

Tân phá lên cười :

– Mẹ ơi, mẹ là giáo viên Văn ở Cao Bằng mà mẹ xa thực tế quá đấy ạ. Đấy là cách chào của cả một vùng quê theo tập tục địa phương đấy, mẹ ạ.

Bà Loan ngơ ngác như chợt vỡ lẽ một điều gì mới lạ.

Vừa khi đó, trống trường đã điểm mấy hồi dài.

Chiều nay học sinh lên rừng lấy vầu về sửa nhà kí túc xá học sinh. Thầy trò tấp nập lên đường. Cùng đi chỉ có chi đoàn thanh niên địa phương.

Bà Loan ở nhà vá quần áo cho Tân.

Gần chiều, bỗng nổi lên những tiếng xôn xao, lộn xộn. Học sinh từ các góc rừng, mặt tái xanh tái mét chạy về trường. Tiếng bàn tán ầm ĩ.

Bà Loan ra khỏi cửa, đón hỏi các em học sinh. Không ai nói nên lời. Sự khủng khiếp hiện trên những đôi mắt trẻ thơ.

Bà chạy ngược đường học sinh, gặp một cô giáo :

– Làm sao hả cô ?

– Gấu. Gấu. Chạy về thôi, bà ạ.

– Anh Tân đâu, hả cô ?

– Chạy thôi, bà ạ. Đánh gấu không phải việc của đàn bà con gái.

Ai cũng chạy mong thoát thân. Nhưng vì quá thương con, bà phải vượt lên, vừa chạy vừa gọi :

– Tân ơi, ơi Tân !

Một giáo viên chạy tới bịt mồm bà :

– Đừng gọi, bà ! Gấu đang đánh nhau với người đằng kia, nghe tiếng gọi, nó chạy lại đây thì khốn.

Đến lượt mặt bà tái mét. Đôi mắt bà mở to. Môi bà mấp máy không nói nên lời.

Bà đã trông thấy con gấu màu đen đang lừ lừ, đi bằng hai chân sau, đứng cao như người chồm lên người con gái Mông. Tân hét lên một tiếng, con gấu quay lại phía Tân. Bà Loan kêu lên một tiếng thất thanh khủng khiếp và ngã vật xuống chết giấc ...

Khi bà tỉnh lại đã thấy mình nằm ở phòng khách nhà trường. Bà lên tiếng gọi. Một cô giáo ở khu nhà tập thể chạy lên.

– Anh Tân đâu, cô ?

– Anh đã theo cô Pèng về trạm xá xã, bà ạ.

– Ai bị làm sao ?

– Pèng bị gấu cào, sứt miếng thịt ở bắp tay. Pèng thật là can đảm. Không có Pèng, anh Tân đã không thoát nạn.

– Trời ơi ! – Bà Loan thốt lên, hai tay run rẩy giữ chặt lấy cô giáo địa phương.

Cô giáo kể cho bà nghe về cô gái Mông Lưu Thị Pèng, bí thư chi đoàn thanh niên địa phương. Vì là hai chi đoàn kết nghĩa, hôm nay chi đoàn địa phương cùng nhà trường vào rừng khai thác vầu đem về sửa nhà kí túc xá cho các em học sinh.

Đang chặt vầu, Pèng phát hiện một con gấu tiến về phía anh Tân. Pèng hét lên :

– Anh Tân ! Con gấu ở đằng sau anh đấy !

Tân chạy lại phía Pèng. Pèng vung dao nhọn ... Con gấu vẫn đi bằng hai chân sau lừng lững, theo Pèng (đang đi giật lùi) ra bãi cỏ. Tân nhìn theo bất lực.

Bỗng Tân vụt chạy lên, thét :

– *Trế Pèng ! Chi say !* (Không sợ ! Có anh đây !)

Con gấu quay ngoắt lại, lập tức chồm lên Tân. Mọi người nhìn thấy khủng khiếp quá, chạy hết. Tân luồn ra khỏi vòng tay con gấu. Cuộc đọ sức và đọ trí giữa hai con người và một con gấu cứ thế kéo dài. Đến lúc nào đó con gấu cũng phải mệt. Pèng thừa thắng, lùa mũi dao nhọn ngang qua hầu con gấu, vặn mạnh. Gấu hộc máu, càng hung dữ, há mồm chực cắn Tân. Nhanh như cắt, Pèng cầm cây vầu đã sẵn vát nhọn đâm vào họng gấu. Tân làm theo, đâm thêm cây nữa. Con gấu cố tiến lên, nhưng sức hai người kìm được. Máu gấu phun ra theo nhịp thở phì phò yếu dần.

Tân và Pèng ôm lấy nhau hạnh phúc, nước mắt rưng rưng, như vừa chiến thắng cường quyền. Họ giữ nhau chặt như sợ tuột mất khỏi vòng tay ôm ; và hai người càng cảm thấy sức mạnh của tình yêu, của tình đồng chí giữa hai chi đoàn gắn bó đã chiến thắng.

Bỗng Tân phát hiện bắp tay Pèng bị gấu cào lúc nào toạc cả áo, sứt một miếng thịt ? Tân nhặt cỏ nhùng nhai vội rịt vào vết thương để cầm máu, và xé áo may ô làm băng. Pèng lả dần đi trong vòng tay Tân.

Tân bế Pèng về bản Mông, cho lên trạm xá xã cứu chữa,

Con gấu do mũi dao nhọn dũng cảm của Pèng đâm chết nên Tân gọi thanh niên khiêng về bản Mông. Các thầy giáo, cô giáo cùng kéo về bản hội vui ...

*
* *

Chiều tà ...

Mặt trời gác núi. Sương mù bồng bềnh trôi dưới thung lũng như những biển khói mênh mông.

Bà Loan cùng cô giáo địa phương ra sân, thanh thản trông trời mây. Từ trên sân trường đặt ở sườn núi cao này, bà trông thấy mọi cái đều hùng vĩ, khoẻ khoắn. Đường nét núi non sắc nhọn. Ánh nắng xiên khoai ở vùng núi cao trong trẻo lạ thường. Bà bỗng thấy mình mến người, mến cảnh nơi đây.

Từ những bản xa, có những nếp nhà rải rác bám vào vách núi, vọng lên những điệu khèn du dương êm ái gợi niềm hạnh phúc sau một ngày lao động trở về.

Và nhìn theo hướng vọng lại những âm thanh du dương ấy, bà Loan đã trông thấy con trai mình đang đi lên, cùng các bạn đồng nghiệp đi lên trong tiếng khèn bay bổng. Bà sung sướng ứa nước mắt.

– Trời ! Con trai mẹ !

– Vâng ạ. Con vô sự. Con đội ơn sâu cô Pèng, mẹ ạ. Không có Pèng, hay nói đúng hơn : không có tình yêu ấy, con đã chết.

Mẹ Loan nghẹn ngào :

– Con hãy đưa mẹ đi cám ơn bố mẹ Pèng !

Nét mặt Tân bị xúc động mãnh liệt :

– Không. Không. Mẹ ơi, Pèng mồ côi mẹ một năm nay rồi. Còn cha Pèng đã mất cách đây mười chín năm. Người xóm Mông kể rằng : Một ngày nọ cha Pèng đi săn gặp một ổ beo con đang vắng mẹ, bị rắn hổ gầm cắn. Cha Pèng đuổi đánh rắn nhưng không kịp. Cha Pèng mang con beo con bị rắn cắn về, chạy chữa bằng thuốc nam, nó sống lại. Cha Pèng nuôi nó lớn và luyện nó đi canh ao cá. Đêm đêm cha Pèng lê đôi guốc làm bằng củ tre lộc cộc ra thăm beo. Muông thú, rái cá và người ta không dám bén mảng. Một đêm nọ cha Pèng muốn thử con beo nuôi ấy có chăm chỉ việc canh ao cá không, bèn tháo guốc, đi nhẹ chân ra bờ ao, và lội xuống nước bì bõm. Beo gầm lên một tiếng và nhảy tới vồ cha Pèng. Ông chết. Con beo càm xác ông về nhà. Nó nằm bên xác người như nhận lỗi lầm. Mẹ Pèng khóc, không nỡ làm gì đối với con beo nuôi. Sáng hôm sau, beo đi đâu vác về một con lợn cỏ để làng xóm làm ma ông chủ. Rồi từ đấy, con beo nuôi ấy đi biệt.

Bà Loan thốt lên lời cảm phục :

– Trời ! Pèng là con của một gia đình như thế ư con ?

– Thế đấy mẹ ạ. Sau đó người mẹ Mông ấy đẻ Pèng, một mình ở

vậy nuôi con cũng như mẹ đã nuôi con khôn lớn ngày nay. Pèng có hai bàn tay lao động tự lập đảm đang. Nhưng Pèng thiệt thòi hơn con là Pèng đã mồ côi cả mẹ đang cần có người chăm sóc, cần một tình thương.

Bà Loan nhìn thấy trời đất mờ đi. Hai dòng nước mắt lã chã rơi. Bà nói trong tiếng nức nở :

– Ơi Pèng, con ơi ! Con của trời cao, của núi cao, con của rừng, con của mẹ ...

Cơn gió nhẹ thổi. Nhưng làn sương mù dưới thung lũng đang bay thấp xuống lùi thấp xuống, như trôi xa. Tiếng khèn từ đâu lại vút lên trong ánh chiều nắng quái ...

Lời bình

"Xe lăn bánh cheo leo men theo sườn dốc, mà dưới sâu kia là vực thẳm ... Nhiều đoạn đường, xe chui qua đám sương mù chừng nửa tiếng đồng hồ, phải bật đèn pha có kính màu vàng như đi đêm. Xe bò chậm chạp, cứ thế bồng bềnh". Hình ảnh con đường khủng khiếp mà Triều Ân có ý quay theo lối đặc tả đã chạm khắc được một ấn tượng "đường rừng" thật khó quên. Nó rất dễ khiến những ai non bóng yếu vía lắc đầu thoái lui ... Thế nhưng, chủ ý của nhà văn nằm ở hướng khác : phía sau cái xa ngái, heo vắng, lạc hậu của một vùng đất, vẫn có những trái tim nồng ấm say mê, vẫn ngân lên những điệu khèn du dương gợi hạnh phúc sau một ngày lao động trở về. Hồn vía của thiên truyện, vì thế, theo tôi có thể nhìn thấy trong hai chữ : lựa chọn *- lựa chọn một cách nhìn, một lối sống, lựa chọn một tấm lòng, một tình yêu ... Trên cái huyệt điểm ấy, Triều Ân khai triển mạch chuyện qua hai phiến cảnh và dẫn người đọc đi theo hành trình nhân vật bằng lối kể khá tự nhiên.*

Là một bà giáo nghèo, thanh bạch, thương con, bà Loan luôn trù tính cho con một tương lai tốt đẹp. Người mà bà nhắm gửi là Thời, con gái một nhà buôn giàu có. Trước mắt bà, Thời có đủ tiêu chuẩn của một nàng dâu : tháo vát, nhanh nhẹn, biết cách chiều chuộng ... Cái xe Hữu nghị mà bà đang đi cũng là của Thời. Thực ra, không phải bà không băn khoăn về những "biểu hiện lăng nhăng" của Thời, nhưng Thời khéo quá. Vả lại, vốn nóng lòng xây dựng hạnh phúc cho con, bà

Loan đâu hay rằng, Thời đang lợi dụng bà. Nhờ có bà mà những gói "hàng quý" của cô gái say tiền này bình yên vô sự trước sự kiểm tra của chính quyền.

Theo chuyến xe lên thăm con, bà Loan dự tính sẽ nói với con trai ý định của mình. Tuy nhiên điều bà không ngờ là Tân đã có một người con gái khác : Pèng ! Là người khá nhạy cảm, bà Loan đủ sức nhận thấy cái duyên dáng của nụ cười, cái trắng hồng của làn da và đôi má lúm đồng tiền cỡ hoa khôi của bông hoa Mông này. Nhưng thái độ khó chịu của bà về lời ăn tiếng nói của người dân ở đây, về sự vắng vẻ của xứ sương mù không thuyên giảm. Cuộc đối thoại giữa mẹ con bà Loan cho thấy hai người nằm trong hai luồng nghĩ, hai kênh giọng khác nhau. Yêu mẹ, hiểu mẹ, nhưng Tân không ngần ngại bộc lộ quan điểm của anh về hôn nhân và tình yêu. Có lẽ sự vênh lệch giữa hai mẹ con sẽ còn tiếp tục nếu bà Loan không được chứng kiến cảnh Pèng xả thân cứu con trai mình trước sự hung hãn của gấu rừng. Bà chợt vỡ lẽ ... Rất có thể, cái chi tiết tạo bước ngoặt này có phần ngẫu nhiên, nhưng thiếu nó truyện sẽ thiếu tính đột biến, mạch truyện sẽ không được đẩy tới cùng.

Tác phẩm kết thúc bằng những giọt nước mắt hạnh phúc và cảm thông. Và, điều mà Triều Ân muốn gửi tới người đọc sau trang viết của mình có lẽ là thế này chăng : Hãy biết nhắm mắt lại trước cái vẻ ngoài có tính hiện tượng để nhìn sâu vào bản chất bên trong, lúc ấy, ta sẽ gặp được vàng !

Nguyễn Đăng Điệp

Sa Phong Ba

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Sa Viết Sọi. Sinh ngày 6 tháng 7 năm 1948.

Quê quán : Xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản : *Những bông ban tím* (truyện ngắn, 1983) ; *Vùng đồi gió quẩn* (truyện ngắn, 1995) ; *Giữ lấy rừng vàng* (kịch) ; *Ết, đại dương thần chết* (kịch)...

VÙNG ĐỒI GIÓ QUẨN

Một hôm, dân bản Na Lìu rợn tóc gáy khi đang đêm thấy ô Đia lăm lăm con dao sắc, mồm sặc mùi rượu, sục hết nhà này sang nhà nọ tìm chém thằng Khoăn quắt. Thôi chết, chắc thằng Khoăn quắt lại đùa dại ô Đia điều gì rồi. Bởi ai cũng biết : Thằng Khoăn quắt là một thanh niên nghịch ngợm, có thể trêu đùa châm chọc bất cứ ai mà nó muốn. Còn ô Đia thì lại không thiếu cái để cho nó đùa : ô Đia là thương binh chống Pháp, chữ ô (tiếng Thái Trắng : có nghĩa là bác cả, ông cả. Nghĩa bóng là ông anh đáng quý đáng tôn trọng). Ô bị một mảnh đạn găm trong gáy, nên sinh ra hơi dở người, cười đấy lại khóc đấy được ngay. Rắn rết ô không sợ, nhưng ô lại sợ con chuột mới đẻ còn đỏ hỏn trong ổ. Hùm beo mò vào bản bắt lợn, chỉ cần người ta kêu một tiếng là ô Đia vác khẩu súng kíp, đội đèn mắt trâu đuổi theo thâu đêm đến sáng, đèn khô cả mỡ lợn. Nhưng ô lại sợ cóc, nhái, nhất là nhái bén.

Có bận dân bản được chứng kiến một vụ mà thằng Khoăn quắt suýt bị ô Đia bóp cổ chết. Chỉ vì hôm ấy, ô Đia đang tắm, thằng Khoăn quắt lấy được ở đâu một ổ chuột mới đẻ trộm bỏ vào túi áo của ô. Khi ô tìm

thuốc rê hút, lại moi từ túi áo ra cả một nắm chuột lít nhít, đỏ hỏn. Ô giật tung cả cái áo, từ đấy không còn dám mặc.

Tính khí ô Đia nó buồn cười như thế. Nhưng ai cũng thương, cũng quý. Ô goá vợ. Sống với hai đứa con trai. Đứa út đã biết cày nương thay bố, đứa lớn đang ngấp nghé "tìm dâu". Từ ngày vợ chết, ô ở vậy nuôi con. Nhưng ít ai thấy ô uống rượu.

Vậy mà gần đây ô lại hay rượu, lại hay đi chơi đêm với đám trai bản. Thậm chí ô còn tham gia cả những cuộc nhảy xếch của chúng suốt đêm.

Người khó tính thì bảo : "Nai nhung già rụng sừng rồi !".

Người lại cười úp mở : "Mụ Nèo goá dạo này hay biếu măng rau cho bố con ô Đia lắm".

Nhưng có người lại cười tủm : "Muốn biết vì sao ô Đia sinh ra nghiện rượu và thích nhảy xếch thì hỏi ban quản lí hợp tác xã !".

Chả biết nên hiểu thế nào về ô Đia nữa.

* *
*

Chỉ có một người hiểu thấu ô Đia thôi. Đó là ông già Khuỳ. Ô Đia mồ côi từ nhỏ, được già nuôi đến khi mười sáu tuổi thì đi bộ đội đánh Pháp, bị thương về lại dựa vào ông già Khuỳ để gây dựng gia đình. Già Khuỳ đối với ô như là người bố đẻ, dẫn dắt cho ô cả cách làm ăn để có ăn có mặc bằng anh bản em mường. Nên dù bị tật bệnh nhưng ô cũng gây dựng được một cơ ngơi : nhà sàn kê lợp ngói, ô lại trồng được một rừng vầu ở vùng đồi Mả Tây. Mỗi năm chặt vầu bán cũng đủ tiền mua sắm cho cả nhà. Sắm được cả đài quay băng ...

Có một dạo ô còn được mời đi "báo cáo" kinh nghiệm trồng rừng vầu ở đồi trọc, được tặng bằng khen, xe tỉnh còn đến đón đi tham quan nữa.

Từ rừng vầu của ô mà cả bản Na Lìu ai cũng thi nhau trồng vầu. Sau vài năm, cả bản chìm trong rừng vầu xanh ngắt. Phải nói dân Na Lìu làm giàu nhờ trồng bương, trồng vầu. Giống vầu ở Na Lìu (nói đúng

hơn là giống vầu của ô Đia được bà con khắp mường Pha này tìm trồng. Na Lìu thành điển hình tiên tiến về trồng cây, gây rừng, mà công đầu là của anh thương binh chống Pháp Lương Văn Đia. Năm được mùa người Na Lìu bán vầu mua sắm vật dụng. Năm mất mùa thì vầu là nguồn tiền cứu đói. Hàng chục chuyến xe vầu từ Na Lìu chở về xuôi thì có một phần ba là vầu của ô Đia chặt từ vùng đồi Mả Tây. Ô Đia luôn đứng đầu ở Na Lìu về làm giàu từ cây vầu. Thói đời đã đủ ăn, đủ mặc, cơ ngơi đàng hoàng thì người ta hay sa vào rượu chè, ăn uống tối ngày. Nhưng ô Đia lại khác, không hề uống rượu, nghiện chè.

Từ đấy người Na Lìu gọi tên ô Đia theo nghĩa trìu mến đó.

Vậy mà tính tình ô từ cuối năm ngoái đến nay thay đổi hẳn, hay uống rượu tối ngày, rồi hay điên khùng vô cớ. Ai hơi trêu tức một chút là ô khùng lên, như việc đuổi chém thằng Khoăn quắt giữa đêm hôm đấy.

– Hơi dà – ông Khuỳ giải thích về sự thay đổi tính tình của ô Đia – Tất cả cũng từ rừng vầu ở Mả Tây mà ra cả ! Đời chẳng biết nên khóc hay nên cười ! Ngày trước chính sách bảo trồng rừng là làm giàu. Người ta mới trồng rừng. Mà cũng giàu thật đấy. Nhưng mấy năm nay, chả biết cấp trên bảo thế nào. Ban quản lí hợp tác lại nói rừng không giàu nhanh bằng trồng cây cà phê, hương nhu ... Họ chở ở đâu về những giống cây ấy bảo xã viên trồng. Phá vầu đi để trồng. Tôi thì chả quen, nên không theo. Trồng một ít quanh nhà thôi. Thằng Đia nó cũng định phá vầu ở Mả Tây để làm rừng cà phê. Tôi nói mãi nó mới nghe. Nhưng rồi cũng chẳng yên. Bây giờ thì nó ra thế đấy, mất hết rồi. Mất sạch rồi. Đồi Mả Tây lại thành đồi trọc, tha hồ cho gió nó hú, nó quẩn. Hơi dà ! Đời lộn xộn quá. Đảo lộn ghê quá. Tuổi già như ta không còn đủ sức hiểu nó ra thế nào nữa !

Ông già Khuỳ hay kể cà vào chuyện như thế. Cả một đêm bên chén rượu, với ống điếu thuốc lào chuyền tay, tôi mới bắt được câu chuyện của ông già xoay quanh sự biến đổi của ô Đia.

Chả là hai năm trước, theo trào lưu đổi mới làm ăn, đổi mới bộ máy quản lí hợp tác xã, Na Lìu cũng bầu lại ban quản trị, gồm những thanh niên trẻ có trình độ văn hoá. Sau khi khoán đến tận hộ xã viên, chia hết ruộng cho từng hộ, Na Lìu dôi ra bốn chục lao động. Theo tư duy mới,

ban quản lí lập ra hai đội ngành nghề : một đội làm gạch ngói, một đội sản xuất tinh dầu hương nhu.

Chính cái đội làm hương nhu ấy, mà rừng vầu ở Mả Tây của ô Đia mới bị hợp tác xã trưng dụng. Người ta ép ô Đia nhường lại cho tập thể hai hécta vầu để xây dựng một vùng đồi trồng hương nhu. Ô Đia cũng chẳng mất gì, vì ban quản lí đi đếm từng cây vầu, tính giá, tất cả thành ra chín triệu đồng, cam kết hằng năm sẽ trả ô Đia bằng thóc hoặc bằng tiền, tuỳ ô đòi hỏi. Nghe nói lúc đầu ô Đia nổi khùng không chịu và đùng đùng bỏ về. Còn lớn tiếng doạ :

– Thằng nào sờ vào một cây vầu của tao. Tao cho một nhát ! Đố đấy.

Hôm ấy ban quản lí ai cũng ... chưng hửng, sợ hãi. Nhưng rồi, người ta cũng biết cách làm cho ô Đia phải chịu phép. Người ta đánh ngay vào chỗ dựa tinh thần của ô : ông già Khuỳ. Bởi già Khuỳ là chủ tịch Mặt trận xã (đã nghỉ hưu) nên dù thương con đấy mà cũng không nói khác được chính sách Nhà nước. Khi ô Đia đến hỏi nên thế nào, già chỉ biết tặc lưỡi :

– Hừ dà. Biết làm thế nào ! Mình là thương binh phải chấp hành chính sách thôi. Khỏi mang tiếng xấu cho con cái !

– Nhưng mà con tiếc lắm. Vùng đồi ấy mấy chục năm làm hợp tác xã có ai ngó ngàng đến đâu, con mới trồng vầu vào chứ, bây giờ nó tốt thế kia, người ta lại giở chính sách ra đòi lại ! Tức quá.

– Biết làm thế nào. Lúc giao đất giao rừng, vùng đồi ấy lại thuộc vào khu vực tập thể quản lí, họ không giao cho mình. Giờ họ có việc cần đến, thì phải trả lại thôi. Biết làm thế nào.

Ô Đia ngồi im như tượng, một lúc sau chỉ nghe ô thở hắt ra : "Dà ... hơi ! Tức nhỉ". "Để xem rồi họ làm gì nơi vùng đất ấy !". "Mẹ kiếp !".

– Đừng mà tức tối cho người ta thấy – không tốt đâu – già Khuỳ cố thuyết phục ô – Họ làm thế, đúng hay sai, tốt hay xấu, sau khắc rõ. Bây giờ mình cứ biết chấp hành tập thể đã.

Ô Đia bỗng buông phắt tay khỏi đầu gối, chộp chén rượu tu một hơi cạn, trước cái nhìn ngạc nhiên của bố nuôi. Lần đầu tiên già Khuỳ thấy ô Đia uống cạn chén rượu trước mặt mình.

Đôi mắt đỏ lừ, ô Đia hầm hầm về.

Sau đó năm ngày thì hai héc-ta vầu ở vùng đồi Mả Tây biến thành vùng đồi trắng. Hai chục chuyến xe tải mới chở hết số vầu ấy đi. Và cũng năm ngày ấy, người ta chỉ thấy ô Đia suốt ngày uống rượu ở nhà. Say lại gầm gào quát tháo. Chán lại ngủ. Ngủ dậy lại uống nữa. Đến nửa đêm ngày thứ tám thì ô biến mất. Hai thằng con hốt hoảng đến gặp già Khuỳ. Ba ông cháu đoán mãi rồi mới rủ nhau ra vùng đồi Mả Tây. Thì quả nhiên : giữa vùng đồi đã được dọn sạch, chỉ còn trơ lại những gốc vầu cháy xém, người ta đã đào chi chít những hố để trồng cây hương nhu. Ô Đia đang lảo đảo vật vờ đi giữa những gốc vầu cháy đen, mồm lẩm bẩm câu gì không rõ.

Khi già Khuỳ và hai thằng con xuất hiện thì ô ngã vật xuống :

– Tìm ta làm gì ! Tìm ta làm gì ! Ta mất hết rồi ... ô ... ô ... – Các vết thương lại hành hạ ô rồi.

Vất vả lắm ba ông cháu mới dìu được ô về, mồm ô vẫn lải nhải :

– Chúng nó phá sạch rồi. Hô ô ô ... phá sạch ... rồi.

Thằng con cả vừa dìu bố vừa an ủi :

– Bố ạ, đừng tức nữa, hợp tác cũng thanh toán sòng phẳng cho nhà mình mà.

Chả hiểu ô có chịu nghe thằng con không, chỉ thấy ô rên hừ hừ, rồi chui vào màn ngủ im thít đến chiều hôm sau mới tỉnh. Rồi lại uống rượu. Lại quát tháo một mình.

*

* *

Nhưng năm ấy, ô cũng chỉ uống rượu cho khuây thôi chứ chưa đến nỗi hay đi lang thang với bọn trẻ và nhảy xếch thâu đêm đâu.

Cái tật hay đi chơi đêm với thích nhảy xếch là mới xuất hiện ở ô Đia từ đầu năm nay.

Bởi năm ngoái, sau cơn sốc tiếc vầu, ô Đia lại được ban quản lí giao việc trông coi khu nhà chưng cất dầu hương nhu ở chân đồi Mả Tây. Mỗi tháng ô cũng được ba chục cân gạo với số tiền thưởng của đội hương nhu trích trả.

Khung cảnh làm ăn mới cũng làm cho ô nguôi ngoai.

Năm ấy, hợp tác xã thu từ tinh dầu hương nhu cũng khá. Đội viên làm hương nhu có thu nhập cao bằng với đội làm gạch ngói.

Bước sang năm nay thì khác rồi.

Tinh dầu hương nhu xuống giá. Rồi bỗng dưng ngoại thương đình lại không mua nữa. Thế là chết cả nút. Hợp tác xã lại nợ ngoại thương hàng chục triệu đồng do số vốn đầu tư ban đầu (tính cả lương thực, vật tư, tiền vốn). Theo hợp đồng thì số vốn này hợp tác xã sẽ trả dần trong năm năm bằng sản phẩm tinh dầu. Vậy mà mới hai vụ, ngoại thương đã đình lại không mua nữa, mà cũng oái oăm, theo đó, vùng đồi hương nhu cũng bắt đầu xơ ra, cây hương nhu cứ lụi dần. Đến đầu năm nay thì trụi hẳn.

Khu chưng cất tinh dầu bỏ chỏng chơ. Ô Đia ngủ trông coi ở đấy cũng thấy vô tích sự, đành bỏ mặc. Những ống dẫn hơi, "ti-ô" gì gì bị trẻ con bẻ trộm sạch. Mái tôn cũng bị người ta dỡ trộm từng mảng ...

Đấy ! Thế là ô Đia thất nghiệp. Chứ gì ! Thế nên ô buồn, ô mới hay lang thang.

Chưa hết : Số nợ hợp tác xã hứa trả bằng thóc hay bằng tiền do hoá giá rừng vầu, thì ban quản lí cũng gãi đầu gãi tai khất, vì có gì trong kho thóc quỹ đâu. Tiền trông vào thu từ hương nhu thì ô biết rồi đấy. Nên khi thằng con thứ hai hỏi : "Bố có tiền không, cho con mua cái quần ?". Thì ông trợn mắt quát : "Đi mà nhổ gốc vầu cháy đem bán ! Hỏi làm gì". Thế là con trai ô không dám ho he, lại đúng lúc có thằng Khoăn quắt đang ở chơi với thằng con cả. Khoăn gãi gãi đầu kêu lên :

– Ở đấy có nhiều ổ chuột lắm đấy !

Ô Đia trừng mắt một lát rồi cười :

– Hà hà, mày láo !

Nhưng câu nói của Khoăn lại hoá ra như cái dằm cắm sâu vào tim ô Đia : Từ rừng vầu xanh ngăn ngắt, giờ lại thành ổ cho chuột đẻ. Cái thằng nó xỏ ác thật. Ý nghĩ ấy lại loé ra, ngấm vào tận tâm can lúc ô đang say nên ô mới vớ con dao, lùng tìm thằng Khoăn giữa đêm hôm ấy ...

– Nhưng rồi ô lại quẳng dao và mò đến với già Khuỳ – chỗ dựa tinh thần của ô : để lại nghe những lời an ủi, nhàm chán đấy, nhưng còn hơn không biết nghe ai cả : giận tre lại chém măng, ích gì ?

– Biết làm thế nào ! Đời nó thế. – Già Khuỳ lại rủ rỉ – Họ cũng muốn đổi mới cách làm ăn cho Na Lìu tốt lên, nhưng ... ôi, ôi ! Có dễ dàng gì. Chưa đủ sức. Nó mới ra thế đấy. Cũng như người đi rừng gặp bụi gai, đáng lẽ phải lấy dao tìm cách phát dần từng nhánh, dọn thành đường để đi, để người sau có đường đi theo, thì đằng này Na Lìu ta lại hò nhau lao vào bụi gai để chui sang bên kia. Tất nhiên là bị gai cào. Bụi gai dày thì mắc, đi không được mà quay lại cũng dở ấy mà.

– Hạ ha ha ! – bỗng ô Đia cười phá lên khi nghe già Khuỳ ví von kiểu ấy – Không hiểu ô khoái, hay vết thương lại hành ô. Chỉ thấy sau đó, ô tự chộp chai rượu tu ừng ực trước cái nhìn lo lắng của già Khuỳ :

– Mày uống thế, say chết đấy !

– Say, nhảy cho vui, ha ha ...

Rồi ô vùng dậy, lảo đảo ra cửa.

Một lúc sau đã nghe ô hò hét trong đám thanh niên đang chơi nhảy xếch ở bãi trống giữa bản. Có hôm giở cuộc nhảy, ô bỗng tuyên bố :

– Ối dà, nhảy cái này mệt hơn xoè trống ... Nghỉ thôi.

Rồi ô lại lửng thửng đi lên nhà gần đấy. Nhà mế Pùm – mẹ liệt sĩ chống Mĩ. Mế đang sống với đứa cháu nội (mẹ nó đi bước nữa) – để ô hút thuốc lào rồi ô lại hỏi mế câu quen thuộc :

– Dạo này mế khó khăn gì không ? Có gì, mế cứ bảo cháu Pùm chạy đến con nhé.

Rồi ô lại đi lang thang, tan rượu mới về. Những đêm trăng người ta thấy ô thất thểu đi đến khu nhà chưng cất dầu hương nhu, rồi đi lang thang khắp vùng đồi Mả Tây. Chẳng biết vì vẫn tiếc rừng vầu xưa hay để hứng gió cho mát. Vì vùng đồi ấy, bây giờ thì gió tha hồ làm chủ, tha hồ quẩn đi quẩn lại. Bởi ở đây chỉ còn lưa thưa những bụi hương nhu còi cọc, và lổn nhổn những gốc vầu chưa kịp mục.

*

* *

Ở bản nhìn ra người ta có thể thấy bóng ô Đia lửng thửng quẩn quanh mãi, như bóng ma in lên chân trời mờ ảo.

Trong tiếng gió gầm gào vùng đồi vắng, ô vẫn nghe vẳng đến tiếng đàn ghi-ta của bọn trẻ :

- Chát xình xình ! Chát xình xình ...

Có lúc hứng lên, ô Đia bỗng nhảy theo và hét :

– Ô ô ô ... Hẩy ! Hẩy ! Hẩy ! Hỏng bét ! Hỏng bét ! Ô ô ô ...

Rồi ô cười một mình, vang cả vùng đồi, trong làn gió quẩn.

8 - 1991

Lời bình

Với lối kể chuyện điềm tĩnh, trong đó sử dụng ngôn ngữ ghi chép khách quan đến lạnh lùng, ẩn chứa niềm chua xót, phẫn uất, truyện vẽ nên bức tranh màu sắc ảm đạm của một kết thúc bi thảm của nhân vật chính Lương Văn Đia. Đia còn gọi là ô Đia, một người hiền lành, lương thiện, chân chỉ hạt bột, nguyên là thương binh thời kì kháng chiến chống Pháp, nay phục viên về quê hương làm ăn, gây dựng sự nghiệp. Lần hồi ngày tháng, bằng sự lao động của mình và do định hướng đúng về chọn giống cây trồng để phát triển kinh tế rừng của hộ gia đình, Đia đã gây dựng một cuộc sống khấm khá, có của ăn của để.

Nhưng oái oăm thay, vào thời kì đổi mới, tấn bi kịch đã giáng xuống cái gia đình bé nhỏ của Đia. Đia bị tước quyền chủ động trong sản xuất, bị ép phải chấp hành Nghị quyết của tập thể Hợp tác xã, nhân danh tổ chức lại sản xuất chuyên canh hoá cây trồng. Rời bỏ chủ kiến cá nhân, Đia đã đánh mất mình : từ người lao động làm chủ, sung túc, phút chốc thành người lao động làm công, nhận tiền lương ít ỏi, bố thí, gia đình lún sâu vào cái hố của sự lụn bại. Đia ngơ ngác, vất vưởng, trắng tay, bị bần cùng và bị xua đuổi mà vẫn không hiểu vì sao lại nên nông nỗi thế.

Tác giả không sa vào những chi tiết kinh tế, kĩ thuật của nghề trồng cây gây rừng ở vùng cao, mà chủ ý khắc hoạ tính cách của nhân vật diễn biến ra sao trong sản xuất và đời thường. Con đường dẫn đến sự chán

đời, tha hoá bất cẩn của ô Đia (không thiết làm việc nữa, hay vào quán nhậu nhẹt, ham vui) đã là lời cảnh báo về một vấn đề hệ trọng : Trong đổi mới chính sách kinh tế và cung cách làm ăn, không thể nhắm mắt lao theo những cái lợi không bền trước mắt, mà phải nhằm cái đích lâu dài, mở đường cho sản xuất ổn định, tạo cho con người phát huy cao độ những năng lực vốn có của mình, vươn lên những tầm cao của nhân cách.

Sự bất lực đến mức tuyệt vọng, chịu bó tay thúc thủ, than thân trách phận, không dám dũng cảm kiên quyết chống lại những sai lầm từ trên dội xuống để bảo vệ cái đúng, cái hợp lí của Đia cũng là một bài học đau xót, thấm thía về cái bất thường của nhân tình thế thái.

Hình tượng vùng đồi trơ trọi sỏi đá, gió hú chạy lang thang và những cơn gió lốc quẩn quanh, ngột ngạt trong đó vẳng lên những tiếng kêu cứu của ô Đia, những giọt nước mắt tủi hổ đầm đìa trên mặt ông và bước chân vật vờ lang thang của ông, là một hình tượng ẩn dụ có sức ám ảnh mạnh mẽ. Từ đó nhận thức nghệ thuật mà truyện đặt ra có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc : Một khi người ta coi thường lợi ích chính đáng và quyền cá nhân của con người, thậm chí chà đạp nó, khước từ đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nó, ắt sẽ dẫn đến bi kịch của số phận.

Gấp lại trang cuối cùng của thiên truyện đáng buồn này ta cảm ơn nhà văn biết gắn bó với đời sống, tỉnh táo nhạy cảm, soi lật và lấy ra được vấn đề thu hút sự quan tâm của người đọc : Không vì sự quay cuồng, tối mắt tối mũi để làm giàu bằng mọi cách, người ta cần biết giữ lấy sự trọn vẹn và cái đẹp của nhân cách. Vì chỉ có nó mới có thể bảo đảm cho ý nghĩa sự tồn tại của con người. Không có nó, sẽ "Hỏng bét ! Hỏng bét !" và đáng cười - như ở những dòng kết thúc thiên truyện, nhân vật chính ô Đia đã tỉnh táo nhận ra trong cao trào của sự phấn khích và sám hối.

Nguyễn Ngọc Thiện

Vi Thị Kim Bình

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Vi Thị Kim Bình. Sinh ngày 27 tháng 9 năm 1941.

Quê quán : Xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản : *Chữ thập đỏ* (tập truyện, in chung, 1966) ; *Ánh sáng cây đèn biển* (in chung, 1968) ; *Đường qua mùa hoa đào* (in chung) ; *Niềm vui* (tập truyện, 1979).

Giải thưởng văn học : Giải khuyến khích cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ 1968 (truyện *Những bông huệ*) ; giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1971 cho các tác giả viết về các dân tộc thiểu số ; giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam cho các tác giả đã có những tác phẩm hay năm 1985 ; giải B, giải thưởng văn học nghệ thuật Hoàng Văn Thụ của tỉnh Lạng Sơn năm 1995.

LỠ HẸN

Tết đến, công việc ở cơ quan đã bận, nhưng việc ở nhà còn bề bộn hơn nhiều.

Vất vả nhưng Lim không biết mệt là gì. Vừa quét vôi, cô vừa hát, thỉnh thoảng cô lại mỉm cười một mình. Chốc chốc Lim lại ngó vào buồng xem chiếc đồng hồ báo thức. Cô giật mình mấy lần, tưởng đồng hồ chết. Nhìn vào hai chiếc kim, cô cứ tưởng là nó đứng im. Có lúc Lim không tin ở mắt mình, cô cầm cả chiếc đồng hồ áp vào tai nghe, rồi tự mỉm cười ngượng nghịu.

Mới mười hai giờ. Ôi ! Còn sớm chán – Còn ba tiếng đồng hồ nữa anh Đằng sẽ về đến nhà. Anh lại được đốt băng pháo đầu tiên "mời các cu" về nhà ăn bữa cơm chiều ba mươi Tết ấm cúng cùng gia đình.

Ôtô ngày Tết chỉ có chậm, chứ chả có sớm hơn được. Nghĩ thế, Lim thấy yên lòng và đặt chiếc đồng hồ vào chỗ cũ. Bỗng có tiếng gọi :

– Cô Lim ơi ! Cô có thư !

Lim lao ra cửa đón lấy bức thư trong tay một em bé trai chừng tám, chín tuổi. Xé vội chiếc phong bì, Lim đọc ngấu nghiến. Lá thư rung lên theo nhịp thở dồn dập của Lim. Đọc xong, cô nhắm nghiền hai mắt, mặt bần thần.

– Cô Lim cho cháu ra bến xe đón chú Đằng với nhé ! Cháu đeo ba lô cho chú ấy. Cháu đeo được đấy, cô ạ. Tiếng em Tính làm cô bừng tỉnh.

Ôi ! Thế là ... đảo lộn hết. Lim thở dài. Cô nhìn em Tính đăm đăm như để trấn tĩnh, rồi hờ hững trả lời em :

– Cô không đi đón chú Đằng nữa đâu.

– Sao hả cô ? Em Tính ngơ ngác nhìn Lim. Lim không dám trả lời thẳng vào câu em hỏi. Cô xoa đầu Tính, nói nhỏ nhẹ :

– Cô cảm ơn cháu nhé ! Thôi, cháu đi chơi đi. Em Tính chẳng hiểu tí gì, nhưng rồi em cũng chạy ra cổng theo các bạn.

Lim trở vào nhà, lặng lẽ nhìn những bức tường đang quét vôi nham nhở, cô nghĩ : – Bức thư đến sớm một chút có tốt hơn không ? Mình sẽ chẳng quét vôi nữa, quét bụi cũng tốt chán rồi. Đầu óc Lim rối mù lên. Lim thực sự không muốn làm gì nữa. Nhưng rồi, Lim lại tự trách mình :

– Thế ra mình chỉ sửa soạn nhà cửa để đón anh Đằng thôi ư ? Không, không nên có ý nghĩ vớ vẩn như thế. Lim lại lao vào làm tiếp, cô chạy đua với thời gian.

*
* *

Lim về nhà anh Đằng vừa tròn bốn ngày, chưa hết ngỡ ngàng thì anh nhập ngũ. Cô thay anh chăm sóc bố mẹ già. Đã hai lần hoa đào nở, anh không được ở nhà. Tết năm nay cả nhà đều tin là anh sẽ về ăn Tết vì chính anh cũng đã hẹn rồi. Lim nhẩm lại một đoạn trong bức thư mới nhận được mà cô đã thuộc lòng :

"Anh khó mà về nhà trong dịp Tết, anh chỉ được nghỉ có ba ngày. Nếu em bố trí nghỉ phép, anh sẽ lên đón em tại trường của anh Ninh ở Lạng Sơn vào ngày mùng bốn hoặc mùng năm Tết". Lim lẩm nhẩm nói một mình "nghỉ có ba ngày thì về làm sao được. Quãng đường Hà Nội – Lạng Sơn, Lạng Sơn – Cao Bằng và Cao Bằng – Trùng Khánh ! Anh nghỉ có ba ngày có khi chưa về đến nhà thì đã hết phép".

Nghỉ phép thì không khó, nhưng đi phép thì Lim lo thực sự. Ba năm nay Lim không nghỉ phép, cô chẳng biết đi đâu. Từ bé, Lim chưa đi ra khỏi thị xã Cao Bằng lần nào. Chị em ở cơ quan thấy Lim thật thà, hiền lành nên rất thương, cứ giục Lim đi thăm chồng. Bức thư của Đằng làm Lim bối rối. Lim lựa lời thưa chuyện với bố mẹ. Cả nhà im lặng, Lim thoáng thấy trán bố nhăn lại, còn mẹ, đôi mắt mẹ cứ chớp chớp liên tục. Chỉ vài giây sau, bố ho mấy tiếng rồi nói :

– Bộ đội nhiều việc, được nghỉ ít ngày, nhà mình lại xa, nó cố về thì lại quá phép. Nó hẹn đón con ở Lạng Sơn cũng được. Con nên đi, thu xếp ngay chiều nay. Cơm nước để bố mẹ làm cho.

Thấy bố nói thế, mẹ vui ngay, mẹ nói tiếp :

– Con xuống đấy ăn Tết với nó. Bánh làm xong cả rồi. Nó về thì nó ăn, nó không về thì mang xuống cho nó.

Mọi việc thay đổi nhanh quá, khiến Lim thấy choáng váng. Cô thấy người mệt mỏi rũ ra. Lim cứ tưởng chiều nay cô là người hạnh phúc nhất làng. Công việc ở cơ quan cũng như việc nhà, Lim xếp đặt đâu vào đấy. Cô cứ tưởng chiều nay cô được ngồi ăn cơm cùng với chồng. Cô sẽ được đón khách của cả làng sang chơi. Sáng mai mồng một cô đưa anh Đằng đi thăm và chúc Tết họ hàng, bạn bè, cơ quan và cô sẽ không quên khoe với anh về đàn lợn của cô, đàn lợn đẹp nhất trại. Ngày mồng hai, Lim sẽ rủ anh đi tra ngô cùng với cô. Năm nào cũng vậy, cứ mồng hai Tết là Lim đi tra ngô. Tất cả những việc Lim sắp đặt đều đảo lộn hết, thật rắc rối.

Trước khi đến nhà đồng chí thủ trưởng cơ quan xin nghỉ phép, cô chạy vội đến nhà chị Minh. Lim nghĩ chán ra rồi, chỉ có giao đàn lợn cho chị Minh là cô yên tâm. Chị Minh tuy có chậm chạp một tí song chị rất cẩn thận và sạch sẽ.

Biết là Lim đi phép đột ngột, chị tươi cười nói với Lim :

– Cô đừng lo tôi vất vả, các cháu đã lớn, nó có thể giúp tôi thêm. Chỉ lo cô đi đường xa, mong cô đi đến nơi gặp nhiều may mắn và khi về ... phải có "tin mừng" đấy nhé !

Lim "ứ" một cái, nguýt dài nhìn chị Minh, rồi chạy vụt đến nhà thủ trưởng.

Tin Lim đi thăm chồng, sao mà loang nhanh thế. Không phải chỉ riêng ở xã mà một số bà con ở trên huyện cũng biết. Thế là nhà Lim chật khách. Ai cũng gửi quà cho anh Đằng. Ai cũng ép Lim ăn nhiều, ăn nhiều để có sức đi đường dài. Nhưng bụng Lim không biết no, cũng không thấy đói, cứ nôn nao thế nào ấy. Đêm Lim ngủ không say, cứ chập chờn, vui thì ít, lo thì nhiều.

Bố mẹ Lim rất thương Lim, lại là người hiểu rõ cuộc sống gian khổ và thời gian eo hẹp, sít sao của bộ đội. Nên cả bố mẹ bên nhà đều giúp Lim chuẩn bị cho cuộc đi phép xa này. Để yên tâm, bố mẹ cho anh Ninh – anh trai của Lim, đưa đi. Mặc dù Ninh mới về đến nhà chiều hai tám – phép của Ninh còn đến ngày mồng chín Tết.

Tối mồng một, hai anh em sắp xếp quần áo, quà cáp. Thứ gì cũng muốn mang theo. Cố bớt lại được chừng nào hay chừng ấy, thế mà hai anh em vẫn phải mang tới hai ba lô con cóc và sáu tay nải nặng. Nào là quần áo, nào là bánh chưng, bánh khảo, chè lam, nào là thịt lợn, lạp xường, nào rượu, thuốc lá ... Phần thì làm thức ăn dọc đường của hai anh em, phần thì quà của anh Ninh. Nhưng phần quà mang cho anh Đằng là nhiều nhất.

Lim loay hoay giở ra, xếp đi xếp lại mãi, cố ý bớt lần nữa. Hiểu được ý con, mẹ Lim nhìn con gái cười, nói :

– Mai mày đi thăm chồng, còn có anh mày đưa đi, đi bằng ôtô, tàu hoả ... Cách đây ba mươi năm, đơn vị *pá* mày đóng ở dưới xuôi, một mình tao khắc đi, một gánh nặng trên vai, nào gạo, nào gà, nào quần áo. Đi, đi mãi, tới đâu ngủ đấy, có khi gặp người quen thì đi cả đêm, vừa đi, vừa lo chạy tàu bay, lo phỉ nó cướp, được như bây giờ sướng hơn "tiên". Chịu khó xách nặng một chút con ạ, nhiều anh em ở đơn vị cũng không được về ăn Tết như anh Đằng.

Lần đầu tiên bước chân ra đi vào giữa ngày Tết còn đang tưng bừng, Lim thấy thoáng buồn. Tiếng khèn đâu đó vọng tới, Lim ngoái cổ về phía có tiếng khèn, trên đồi từng đôi trai gái đang thủ thỉ tâm tình. Bất

giác Lim nghĩ đến chồng. Lim chẳng thiết đi hát đi chơi như họ. Cô nhớ tới một dịp xã đi làm thuỷ lợi, cuốc của Lim bị long ra, Lim còn đang loay hoay tìm dao thì có một chàng trai khoẻ mạnh, có đôi mắt một mí trông rất hiền, anh có nụ cười rất duyên, cầm dao bước tới giúp Lim chêm lại cuốc. Hai người quen nhau và thân nhau từ đó. Không ngờ cái ngày làm thuỷ lợi ấy lại gắn chặt cuộc đời hai đứa với nhau.

Đúng hẹn, trưa ngày mồng bốn Tết, hai anh em đã có mặt ở trường của anh Ninh.

Ngày thường, trường đông vui là thế, chiều đến, sân bóng chuyền lúc nào cũng đông người. Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng nói, cười rộn rã khắp khu trường. Thế mà hôm nay trường vắng ngắt. Nhà bếp lạnh tanh. Ngoài sân bóng, trong lớp học không có một bóng người. Ninh tìm mãi mới thấy hai anh bạn trai, nhà ở ngoài thị xã, vào coi trường, đang gục đầu vào bàn cờ. Ninh hỏi, các bạn bảo không có ai vào đây cả. Mới nghỉ có mấy ngày mà thấy trường hoang vắng quá. Các thầy, cô giáo ở nội trú cũng về gia đình ăn Tết hết, Ninh nhớ tới nhà thầy, cô giáo chủ nhiệm ở ngoài cổng trường, hai anh em lếch thếch xách túi ra đó gửi. Chờ đến giờ tàu Hà Nội lên, hai anh em ra đón anh Đằng.

Tàu lên đã lâu, hai anh em mới lò dò về. Cả thầy giáo và cô giáo chạy ra cổng đón, vồn vã hỏi :

– Các em có đón được không ?

– Chúng em tìm mãi mà không gặp, thầy cô ạ, Ninh trả lời – Còn Lim thì cúi gầm mặt, lặng lẽ bước vào nhà.

Cô giáo nhìn hai anh em Lim ái ngại, cô nói :

– Cứ đón hết hai chuyến tàu ngày mai, xem sao đã. Bây giờ thì hai anh em đi ăn cơm với chúng tôi.

– Chúng em mang theo nhiều bánh lắm cô ạ ! Lim rụt rè nói :

– Tôi biết, Cao Bằng thì có nhiều bánh rồi – Cô tươi cười nói tiếp – Đi đường ăn nhiều bánh nóng ruột, cơm tôi nấu cả rồi, còn bánh để mang đi làm quà.

Hai anh em Lim đón trọn hai chuyến tàu sáng và chiều ngày mồng năm Tết, nhìn căng cả mắt mà không thấy anh Đằng đâu. Việc không

gặp anh Đằng ở Lạng Sơn, cả hai anh em đều không ngờ đến. Ninh đã thấy nản, không biết nên để em đi tiếp hay lại đưa em trở về Trùng Khánh. Ninh không thể quyết định được. Cũng như khi ở lớp, Ninh mạnh dạn hỏi ý kiến thầy và cô giáo chủ nhiệm. Còn Lim thì hoàn toàn làm theo Ninh, anh bảo đi thì đi, anh bảo về thì về. Cô ngồi im chờ đợi. Cả hai vợ chồng thầy giáo cúi đầu suy nghĩ, cân nhắc và cuối cùng quyết định là : đi tiếp.

Trời hôm nay nắng đẹp, ấm áp quá, có thể đánh lừa người ta là mùa hè được. Cô giáo không quên dặn hai anh em mang theo áo rét, và nếu anh Đằng về Cao Bằng rồi thì Lim ở lại đơn vị đợi, đừng lao về, anh Đằng lại nhào xuống, nhỡ không gặp nhau thì những ngày phép sẽ uổng phí.

Hai anh em gửi lại nhà thầy giáo hai tay nải các đồ đạc và phần quà của Ninh. Thấy Ninh còn ngập ngừng, thầy giáo hỏi :

– Em còn cần gì nữa không ?

– Thưa thầy ... ngày mồng chín ...

– Tôi hiểu rồi. Thế này nhé, tôi cho em nghỉ thêm hai ngày nữa – Em cố gắng lên cho đúng hẹn.

*
* *

Bước ra khỏi nhà thầy giáo, Lim cảm thấy như mình đang bị lạc vào một chốn mênh mông xa thẳm. Ở nhà thầy giáo, Lim thấy yên bụng lắm. Thầy cô chỉ bảo ăn cần. Còn bây giờ hai anh em đi trên một con tàu dài dặc, chật ních người. Toàn những người lạ, ai cũng vội vàng. Chẳng ai để ý đến hai anh em Lim, Lim thấy mình lạc lõng, cô thấy sợ và lo lắng thật sự. Cả hai anh em chưa được đi tàu bao giờ, chưa biết Hà Nội như thế nào, rồi sẽ lần mò ra sao đây. Lim muốn quay về lắm, nhưng lại nghĩ đến mẹ. Trước kia *pá* đi bộ đội đóng ở miền xuôi, mẹ một mình, lại đi bộ mà mẹ còn tìm gặp được. Mình mà bỏ về thì hèn quá !

Chuyến tàu đêm đưa hai anh em Lim lướt nhanh về phía Hà Nội. Tàu đang lao ầm ầm bỗng thấy tiếng lóc xóc, lóc xóc như người già lạc

vào trong ống bơ, thì ra tàu đang chui vào đường hầm. Tàu không có điện, mỗi toa chỉ có một hoặc hai chiếc đèn bão treo lủng lẳng ở nóc tàu. Khi đoàn tàu lao vào đoạn đường hầm dài nhất (nghe người ta nói), Lim thấy khó thở, xung quanh tối om, bụi than bay rào rào vào mặt, vào tóc Lim, Lim đếm được tám đoạn đường hầm tất cả. Những đoạn đường hầm chỉ làm Lim khó chịu. Buồn ngủ quá, nhưng Lim ngủ không say, trong bụng cứ thấy nôn nao. Suốt từ ga Lạng Sơn, cả hai anh em phải ngồi dưới sàn tàu, các ghế đều chật ních. Càng gần sáng, tàu càng tiến gần đến Hà Nội, người lên tàu càng nhiều, tàu càng chật chội.

Ninh lách mãi mới ra được ngoài bậc lên xuống, đứng một lúc cho thoáng và nhường chỗ cho em được duỗi chân một chút. Hai anh em đều phải tháo dép vì đôi bàn chân nặng trịch, sưng vù. Lim thấy rùng mình, ớn lạnh. Các bà người miền xuôi ngồi trên tàu lục tục mặc thêm áo, người thì khoác tấm ni lông, người thì khoác cả tấm vải còn nguyên lên lưng. Các cửa sổ toa tàu đều được đóng kín. Lim biết gió mùa đang ập đến. Người Lim run lên bần bật, không biết là cô sốt hay bị rét nữa. Cô gục đầu lên hai đầu gối, đầu óc Lim quay cuồng, rối loạn.

– Có cô gái bị ngất đây này ! Ai là người nhà cô ta nhỉ !

– Có người ngất ... cả toa tàu lao nhao. Ninh nghe thấy mấy tiếng "Có người ngất" anh lao vào trong toa.

Thấy em gái nôn thốc, nôn tháo, mặt và đôi môi tái nhợt, Ninh bàng hoàng cả người, anh không biết phải làm gì bây giờ. Anh đứng ngây nhìn mấy bà người Kinh đang xoa dầu, bóp tay, bóp chân cho Lim. Mọi người dạt ra, nhường chỗ cho Lim nằm. Một lát sau, Ninh mới vào đỡ em dậy, thấy thế mấy bà hỏi :

– Cô ấy là em anh à ? Cô ấy bị cảm đấy !

– Vâng. Ninh trả lời và nói tiếp – Ở nhà nó khoẻ lắm bà ạ. Đi làm thuỷ lợi nó ngâm người dưới nước cả ngày mà nó có làm sao đâu.

– Thế thì cô ấy bị say tàu đấy !

– Có lẽ thế bà ạ. Từ bé đến giờ nó mới được đi tàu lần đầu đấy !

Lim ngồi dựa lưng vào vai anh, hai tay ôm lấy ngực như giữ để khỏi nôn. Ninh nhẹ nhàng dựng em ngồi dựa vào một bà bên cạnh, anh đứng

dậy với chiếc ba lô, tìm áo rét. Nhưng tất cả đều để lại nhà thầy giáo. Ninh đành lấy chiếc áo bằng vải pha ni-lon mặc thêm cho em. Không nghe lời cô giáo thật tai hại – Anh nói với Lim. Cô nhắm mắt im lặng, Lim nhớ rất rõ hai chiếc áo len của hai anh em cô giấu trong tay nải gửi ở nhà cô giáo.

*
* *

Tới ga Hà Nội, cố gắng lắm Lim mới đứng được mà không bị ngã. Thế là Ninh phải gánh hết đồ đạc và dìu em ra khỏi ga. Cũng may là Ninh xin được ở trên tàu một thanh củi dài làm đòn gánh. Hai đôi dép nhựa "Tiền phong" của hai anh em không rõ rơi đâu mất. Ra khỏi sân ga, mọi người biến đi nhanh chóng. Còn trơ lại hai anh em Lim đứng tần ngần ở cửa nhà ga. Có mấy bác đạp xích lô tiến đến gần và hỏi :

– Cô cậu về đâu ?

Cả hai anh em ấp úng không biết trả lời thế nào. Nhìn ô tô, xe đạp chật đường phố. Ninh loá cả mắt, Lim thì chóng cả mặt. Suýt nữa cả hai anh em bị ô tô chẹt, may mà có mấy bác xích lô gào to :

– Lui vào, lui vào, ô tô kìa. Ninh vừa kéo Lim lùi lại thì chiếc ô tô tải đi vút qua, Lim còn nhìn thấy bánh ô tô quay trước mặt. Tim Lim đập thình thịch trong lồng ngực. Chờ một lúc lâu cho bớt xe, hai anh em mới kéo nhau lao qua đường để tìm đến hàng phở, ăn cho ấm bụng. Thấy hai anh em đi chân đất, cả bà chủ và khách ngồi ăn phở đều hỏi. Lim thấy lạ, sao họ để ý đến cả chân mình. Ở nhà việc đi chân đất có gì là lạ. Chỉ có bây giờ mình cảm thấy lạnh chân một chút thôi. Đường Hà Nội trải nhựa, đi đất càng êm chứ sao. Ninh kể lại cho mọi người nghe việc hai anh em đi trên tàu. Một chị đang ăn phở cúi xuống tháo ngay đôi dép lê còn mới đưa cho Lim :

– Cô cứ lấy mà đi, nhà tôi gần đây, tôi còn khối dép. Cô đừng ngại.

Lim chớp chớp hàng mi, nói :

– Hay chị cầm tiền mua đôi khác hộ em – Em cảm ơn chị lắm !

– Không, cô đừng nghĩ thế. Tôi biếu cô mà. Tôi không có chồng đi bộ đội, nhưng con trai tôi cũng là bộ đội. Cô cứ đi vào cho khỏi lạnh chân.

Ninh dúi vào tay chị một chiếc bánh chưng gù, nặng như một con lợn con và một gói chè lam to tướng. Ninh khẩn khoản nói :

– Chị cầm về cho các cháu hộ em. Chị cứ cầm lấy cho em yên bụng. Em rất biết ơn chị. Em không bao giờ quên được đâu !

– Tôi nói thật mà, chú mang đi làm quà, đến đơn vị bao nhiêu quà cũng cứ thấy ít.

Bà chủ hàng cũng nói chen vào :

– Chú đừng ngại, cứ mang đi làm quà ; của một đồng công một nén. Đã có công mang từ Cao Bằng đến đây – Rồi bà nói thêm : Hôm tôi lên đơn vị thăm thằng cháu cũng thế, tôi rang cho nó ba ống lạc, thế mà mỗi anh chỉ được vài hạt. Anh nào cũng xúm lấy, mẹ mẹ con con vui đáo để – Bà quay lại nói với Lim : chị em giúp nhau là thường, cô không phải nghĩ ngợi gì.

Với chiếc phong bì có địa chỉ hòm thư của anh Đằng, hai anh em lần mò, hỏi thăm mãi rồi cũng tìm được đơn vị. Đó là một đơn vị bộ đội xây dựng sân bay.

Đồng chí bộ đội gác cổng còn đang phân vân, chưa kịp trả lời thì có mấy anh bộ đội trẻ đi qua, dừng lại hỏi :

– Đồng chí Đằng à ? Đúng đồng chí Đằng người Tày Cao Bằng thì về nhà rồi.

Chao ôi ! Nghe mấy tiếng ấy mà Lim toát mồ hôi. Toàn thân Lim bủn rủn, chân tay rời rã. Lim thấy mắt cay cay, nước mắt chỉ muốn trào ra. Cô cúi vội xuống đất để tránh những cặp mắt của các anh bộ đội trẻ đang nhìn cô ái ngại. Để làm dịu cái không khí nặng nề ấy, các chiến sĩ trẻ người đỡ ba lô, người xách tay nải cho Ninh. Họ ân cần thăm hỏi rối rít rồi đưa hai anh em về nhà khách của đơn vị. Ninh vươn vai, duỗi chân tay thoải mái, anh nghĩ : "Dù sao thì cũng trút được gánh nặng trên vai, đến đây cũng như về đến nhà rồi". Nhìn các chiến sĩ trẻ, Ninh chẳng quen một ai, nhưng anh tưởng những người này là người làng mình cả. Sao mà họ gần gũi, thân mật, đáng yêu đến thế. Cả đơn vị

thay nhau thăm hỏi, chăm sóc hai anh em Ninh, những câu bông đùa tế nhị khiến Lim thấy vui vui. Nỗi buồn âm thầm như tan dần đi. Sau đó các anh bộ đội đi làm, người nào việc ấy. Anh Ninh nhảy theo xe của đơn vị ra Hà Nội chơi. Lim ở "nhà" một mình, nỗi buồn như được nhân lên gấp ba, bốn lần. Cô ân hận về chuyến đi của mình, lẽ ra mình không nên đi phép thì đúng hơn. Ba năm không gặp chồng đã có gì là lâu. Nhiều chị em có chồng đi biền biệt hàng chục năm thì sao ? Ở nhà bề bộn công việc mà mình lại bỏ đi. Lim nhớ đến đàn lợn ở trại do Lim chăm sóc. Thực lòng mà nói, cô không yên tâm khi giao đàn lợn cho người khác, mặc dầu Lim biết chị Minh là người rất cẩn thận. Nhưng chị Minh đâu có thuộc hết tính nết của từng con như Lim. Mỗi khi Lim cho lợn ăn, cô ngồi hàng giờ say sưa ngắm từng con một. Con thì thích ăn đặc, con thích ăn loãng, có con ăn xốc, con ăn mò, con thì vừa ăn vừa nghịch chạy quanh khắp máng. Biết tính từng con như vậy, nên sau bữa ăn con nào con ấy đều no căng. Con lợn nào cũng sạch, da bóng nhẫy. Lim nhớ và lo cho chúng quá. Thế là Lim đã xa chúng tám ngày rồi. Tám ngày qua thật buồn tẻ, vô vị. Lim lại muốn bỏ về Cao Bằng ngay. Nhưng lại nghĩ đến lời cô giáo dặn lần này thì Lim không dám làm sai lời cô.

Các chiến sĩ trẻ đi lao động về lại ghé vào thăm và động viên Lim :

– Ngày mai là đồng chí Đằng hết phép rồi, chị cứ yên trí, tối nay hay sáng mai là cùng, đồng chí Đằng sẽ có mặt ở đây.

Đúng sáng ngày mồng chín Tết, Đằng về đến đơn vị. Nghe tiếng Đằng nói ở ngoài sân, Lim nhảy lên giường trùm chăn kín mít, cô không khóc nhưng nước mắt cứ trào ra.

Đằng cố nói to với anh Ninh để Lim nghe thấy :

– Em thật không ngờ anh và Lim lại tìm được đến đây. Vì đường đi, chỗ ở của em anh có biết đâu. Tuy em hẹn với Lim như thế, nhưng em nghĩ : ngày mồng hai vẫn còn là Tết, chắc gì bố mẹ đã cho đi. May ra ngày mùng bốn mới đi được. Đúng ra em chỉ được nghỉ ba ngày, nhưng đơn vị lại thưởng cho ba ngày nữa, vì tiểu đội của em lao động đạt năng suất cao. Với ý nghĩ ấy, em phóng ngay về nhà. Em thật có lỗi to. Biết hai anh em xuống đây rồi, em đứng ngồi không yên, bụng như có hàng ngàn con kiến lửa đốt. Ở nhà, người thì giục đi ngay, người giữ ở lại. Em ở nhà đúng một ngày, lại đi ngay. Xuống Lạng Sơn em

đến trường anh, tìm. Các bạn anh lại giữ em lại, bảo ngày mùng chín anh hết phép, thế nào anh em cũng lại lên. Em đang phân vân thì gặp thầy giáo chủ nhiệm của anh. Thầy giáo lại thúc em về ngay đơn vị và còn nói vui : "Nếu hợp đồng tác chiến mà như thế này thì nguy rồi. Nhưng, xét cho cùng thì cả đôi bên đều quá nhiệt tình.".

Giao lại em gái cho Đằng, Ninh ra Hà Nội về ngay Lạng Sơn.

*
* *

Ngày chủ nhật, Đằng đưa Lim ra Hà Nội. Anh dẫn vợ đến viếng Lăng Bác, tham quan viện Bảo tàng quân đội, viện Bảo tàng lịch sử, đến công viên Thống Nhất ...

– Anh Ninh vội về quá. Anh ân hận là không đưa anh ấy ra Hà Nội chơi được. – Đằng nói.

– Các bạn của anh cũng đưa anh Ninh đi rồi, ngày nào xe đơn vị chẳng ra Hà Nội.

– Anh được đưa đi thì vẫn vui hơn. Đằng chép miệng nói tiếp : hẹn dịp khác vậy.

– Thôi, đừng nhắc đến cái "hẹn" của anh nữa, em sợ lắm rồi.

– Đấy, vừa nói đến là em lại mất vui, lại giận rồi.

– Bao giờ về đến nhà thì em mới vui được.

– Sao lại thế, anh về mà em vẫn chưa vui ?

– Chưa, em lo nhiều lắm, đường trở về dài mà chỉ có một mình em, em bị say tàu.

– Không nên nói chuyện ấy nữa, khi nào về anh sẽ tính sau.

– Anh tính gì thì tính, em lo em vẫn cứ lo. Ở đây không có việc làm, ngồi không buồn lắm. Mấy hôm anh chưa về các anh ấy tìm cho em mấy quyển sách kĩ thuật chăn nuôi, em đọc còn đỡ buồn. Ngày mai em về thôi.

– Em làm gì mà quyết định đột ngột thế ? Em còn nhiều phép cơ mà.

– Còn nhiều, nhưng em cũng chỉ nghỉ một phép thôi.

Đến giờ hẹn, hai người lẳng lặng bước đi đón xe của đơn vị. Chiếc ô tô con đỗ sát hai người. Thủ trưởng của Đằng cũng đi chuyến xe này, anh ló đầu ra khỏi xe và cất tiếng gọi :

– Mời các đồng chí lên xe.

Thấy Lim có vẻ buồn, đồng chí thủ trưởng hỏi :

– Hà Nội có đẹp không, chị ?

– Hà Nội đẹp lắm thủ trưởng ạ.

– Đẹp, thế mà tôi thấy chị có vẻ không vui ?

– Sao thủ trưởng lại biết ? Nhìn cảnh đẹp, người đi lại đông vui, nhưng em vẫn không quên lo khi trở về nhà. Em đi tàu chóng mặt lắm. Ước gì em là con chim, em bay ngay về nhà.

– Ồ, tưởng gì chứ, đường về thì khỏi lo. Chị chẳng cần biến thành chim thì chị cũng "bay" về được. Bay với tốc độ lớn hơn chim rất nhiều.

– Đồng chí thủ trưởng không đùa em đấy chứ ? Lim nhìn, vẻ ngờ vực.

– Chị hỏi đồng chí Đằng xem, chúng tôi có thể làm được việc đó không ? Rồi anh nhìn về phía Đằng như để chờ một câu trả lời.

– Ôi ! Thủ trưởng sáng suốt quá ? Đằng vui vẻ trả lời – Thế mà tôi không nghĩ ra.

– Tôi sẽ gửi chị về Cao Bằng theo máy bay. Chúng ta là những người làm chủ sân bay, làm chủ đường băng. Thế mà đồng chí Đằng lại để vợ lo về tàu hoả bị say. Đường hàng không Hà Nội – Cao Bằng một tuần hai chuyến, đã có từ lâu.

– Ối ! Thế thì thích quá ! Lim reo lên, mắt long lanh vì sung sướng. Nhưng mà ... đi tàu bay có say không ạ ? Lim lại thấy lo và hỏi thủ trưởng.

– Không, không sao. Đi máy bay cũng có thể bị say. Nhưng thời gian ngồi trên đó chỉ mấy chục phút, chưa kịp say thì chị đã về tới nhà rồi ?

Thật là một điều bất ngờ đến với Lim, không ngờ một cô gái suốt ngày quẩn quanh trong xóm nhỏ, chỉ quen sớm tối cùng đàn lợn thân

yêu ở tận đỉnh phía bắc của Tổ quốc lại được ngồi máy bay. Bước lên cầu thang máy bay mà Lim cứ tưởng như trong giấc mơ. Lim chỉ được thấy máy bay trong phim, trong ảnh. Hôm nay Lim được thấy tận mắt, được sờ, được ngồi trong bụng nó. Lim nhìn hai dãy ghế, ghế nào cũng bọc nhung đỏ, dưới sàn trải thảm, đi rất êm và lịch sự. Lim chọn chiếc ghế gần cửa sổ ngồi, cửa sổ tròn như vành nón. Chị phục vụ nhắc mọi người cài dây bảo hiểm. Lim loay hoay mãi mới cài được. Nhiều người xem đồng hồ. Giờ cất cánh bắt đầu. Lim hồi hộp nhìn ra cửa sổ, những vật xung quanh đang lùi dần về phía sau. Chiếc máy bay đang bò lọc xọc trên đường băng. Lim nhìn thấy toàn cảnh thủ đô Hà Nội : nhà cửa, cây cối, đường sá, sông ngòi đẹp như một bức tranh màu. Chiếc máy bay nâng vút lên khỏi đường băng loá nắng. Thủ đô Hà Nội vụt biến đi, chìm hẳn dưới lớp mây trắng bồng bềnh, loáng một cái, máy bay đã bay qua Lạng Sơn. Dòng sông Kì Cùng cũng lờ mờ hiện ra, Lim nhớ đến anh Ninh. Lim nghĩ đến vợ chồng người thầy giáo của anh. Lim không bao giờ quên được mấy bà miền xuôi tốt bụng cùng ngồi trên tàu. Lim thầm cảm ơn một chị người Hà Nội đã cho Lim đôi dép ... Lim cảm ơn tất cả. Cô thấy rạo rực vì sung sướng.

Về nhà Lim sẽ kể hết mọi chuyện cho bà con làng xóm nghe. Sang năm Lim sẽ đưa cả cu Tính – anh chàng "đưa thư riêng" của Lim đi máy bay về Hà Nội. Cu cậu mà được đi như thế này, có mà hàng năm còn chưa hết sung sướng.

Một chuyến đi xa như nâng Lim lên, Lim thấy mình lớn hơn, hiểu biết nhiều hơn. Lim nghĩ một cách mộc mạc rằng : Mình có làm cật lực, làm hết cả đời mình, cũng chưa thật xứng đáng với những giọt máu của các chiến sĩ đã đổ khắp miền đất nước, giành lấy cuộc sống hạnh phúc trọn vẹn ngày hôm nay.

10 - 8 - 1978

Lời bình

Trong cuộc đời mình, ai chẳng từng một lần lỡ hẹn. Có cái lỡ hẹn đáng giận, đáng trách. Nhưng cũng có sự lỡ hẹn cần được cảm thông, chia sẻ.

Sự "lỡ hẹn" của các anh bộ đội với người thân ở hậu phương vẫn là "chuyện thường ngày ở huyện", chẳng thể trách móc, giận hờn. Song tình cảm của người vợ trẻ chờ chồng đã qua" hai lần hoa đào nở", tưởng rằng phút giây gặp gỡ sẽ đến trong tầm tay nay bỗng tuột mất, vẫn không tránh khỏi một thoáng buồn tủi.

Cuộc đời người lính gắn liền với quân ngũ. Đơn vị bộ đội trở thành gia đình thứ hai của họ. Vì vậy dẫu có nhớ lắm người vợ ở làng quê, họ cũng không thể rời bỏ quân ngũ mà trở về. Ba ngày phép cho một lần nghỉ Tết đối với người lính ở xa quê hàng mấy trăm cây số, quả thật là một sự thử thách. Nhưng tình cảm đã giúp họ khắc phục được bao trắc trở của hoàn cảnh để đến với nhau.

Là một nhà văn nữ, viết về phụ nữ, Vi Thị Kim Bình tỏ ra khá am hiểu tâm tư, tình cảm của nhân vật. Sự đồng cảm của tác giả đối với nhân vật thể hiện qua từng trang viết khiến người đọc cũng phải bùi ngùi, xúc động.

Cái hồn hậu, chân thật của người phụ nữ dân tộc cả đời chưa một lần ra khỏi làng quê của mình. Cái tình làng nghĩa xóm đậm đà tha thiết, và rộng hơn là tình cảm, sự thông cảm của người dân với người vợ lính đi thăm chồng ... đã tạo nên một âm hưởng trữ tình cho câu chuyện. Người đọc dường như cứ bị dẫn dắt theo bước chân của cô gái qua mỗi chặng đường.

Thật là một nghịch lí dễ thương, bởi vì "nhờ" có sự "lỡ hẹn" của người chồng bộ đội mà cô gái mới biết thế nào là "đi tàu hoả", "đi máy bay", mới được đặt chân đến thủ đô Hà Nội, thăm Lăng Bác, thăm Bảo tàng lịch sử, công viên Thống Nhất ... Tất cả đối với cô đều mới lạ, ngỡ ngàng, cứ như là một giấc mơ vậy. Bao nhiêu vất vả, tủi hờn của những ngày xa vắng và vất vả tìm chồng đã được bù đắp bởi niềm vui sướng ấy. Cái niềm vui thật mộc mạc và giản dị.

"Lỡ hẹn" là một lời trách móc, nhưng là lời trách yêu và lời trách ấy chỉ có thể có được ở những người phụ nữ giàu tình cảm và giàu lòng vị tha. Hình tượng nhân vật nữ trong truyện tuy không thật sắc nét, nhưng lại gây được thiện cảm với người đọc bằng chính sự chân thật và hồn nhiên của nó. Đó là cái giỏi, cái khéo của nhà văn nữ Vi Thị Kim Bình.

Tôn Thảo Miên

Nông Minh Châu

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Nông Khai Thuỷ. Sinh ngày 9 tháng 1 năm 1924.

Quê quán : Xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn. Mất ngày 4 tháng 3 năm 1979.

Tác phẩm đã xuất bản : *Ché Mèn được đi họp* (truyện ngắn,1959) ; *Tung còn và suối đàn* (thơ, 1963) ; *Muối lên rừng* (tiểu thuyết, 1964) ; *Tiếng chim gô* (truyện kí, 1979).

CHÉ MÈN ĐƯỢC ĐI HỌP

Cái tên của cô gái Tày mà khó gọi như gái Nùng. Nghe nói tới, ai cũng chú ý. Cả chị em nữ thanh niên ở bản Chu này đều gọi cô là ché, tưởng cô là gái đàn chị. Nhưng có phải đâu, Mèn vẫn là cô gái nhỏ. Tuổi tròn mười tám. So với năm sáu chị em trong bản, Mèn vẫn là đàn em. Lúc nào cũng bẽn lẽn. Nói với ai cũng cúi cái mặt xuống, mân mê vào bàn tay mới nói. Chị em hỏi Mèn bao giờ đi làm dâu, Mèn cười và đáp :

– Khi nào chị em trong bản đi làm dâu hết, mới đến lượt Mèn.

Mèn nói đúng lắm. Tuổi Mèn còn như nấm gặp mưa, làm gì Mèn phải lấy chồng sớm. Mèn tuy nói vậy, nhưng không thể không bùi ngùi trong lòng. Vì ở cái vùng trên núi này, cứ gái mười tám là lo đến phận làm ăn. Mèn đã thấy Luyến ở cái nhà bên kia núi, mới mười sáu tuổi đầu mà phải lấy chồng. Ngày cưới khóc hu hu như đứa trẻ bị đòn. Mèn đã qua cái tuổi Luyến rồi. Dù mẹ Mèn có thương Mèn đến đâu cũng phải gả chồng. Mèn nghĩ vậy song cũng chưa nơi nào đặt trầu cau nên Mèn vẫn say mê công tác cho xóm. Có khi chập tối Mèn còn trèo sang

qua núi để mời bà con đến họp. Mèn cũng sợ hổ, sợ báo, nhưng khi có việc Mèn tự nhủ trong lòng :

– Con hổ, con báo ở xa con đường ta đi làm.

Rồi cứ như thế, dốc cao Mèn bảo thấp, rừng vắng Mèn hát lượn cho vang. Đồng chí phân đoàn thanh niên định kết nạp Mèn vào Đoàn. Khi nói chuyện với Mèn, Mèn lắc đầu :

– Em có đi thoát li được đâu mà vào Đoàn thanh niên. Em xin làm người thanh niên xóm thôi.

Đồng chí cán bộ lại phân công chị em, nói rõ công việc vào Đoàn cho Mèn, Mèn mới hiểu. Mèn nhờ bạn viết giúp lá đơn. Từ đó Mèn là một đoàn viên thanh niên lao động. Được biết về Đoàn, Mèn càng gần Đảng. Cái hăng hái của Mèn càng rõ rệt. Nghĩ đến lúc mượn người viết đơn, Mèn xấu hổ đỏ cả mặt. Đoàn bảo Mèn đi học. Đêm nào Mèn cũng cầm quyển sách, cái đèn. Một số cụ già thường hỏi Mèn :

– Học đến bao giờ mới biết chữ ?

Mèn lại cúi mặt xuống cười tủm tỉm :

– Học mãi, học biết chữ, còn học biết tính nữa.

Có lúc Mèn nói đùa với chị em :

– Mèn học cho biết viết cái thư, sau này lấy chồng, nước nhà thống nhất, anh ấy đi bộ đội tận Nam Bộ còn viết cái thư cho anh ấy về nhà ăn cái Tết.

Mới đi học, Mèn tập viết chữ nào xong, tay đã che kín chữ đó lại. Anh giáo trong bản vẫn là quen thuộc, nhưng hễ anh giáo bước lại gần, hai bàn tay Mèn lại lom khom che kín cả trang giấy. Anh giáo toan cầm đến quyển vở, Mèn kéo soạt nhanh như chớp cho vào trong bọc rồi chối :

– Không nên cái chữ đâu ! Đừng xem ...

Bây giờ đã khác rồi. Cái xấu hổ của Mèn hình như không còn nữa. Mặc ai đứng cạnh, Mèn cũng nắn nót viết từng trang giấy. Đêm nào cơm xong cũng cầm quyển sách bước xuống cầu thang thình thịch. Lớp thiếu ai, hôm sau Mèn đã đến tận nhà hỏi han, giúp đỡ. Bà con trong tổ tấm tắc khen :

– Cô Mèn chăm học lắm, biết nhiều rồi.

Mỗi lần như vậy, Mèn lại được dịp nói :

– Các bà, các ché, rủ nhau đi học cho đông vui.

Đồng chí cán bộ bình dân học vụ xóm đêm nào từ lớp học về cũng lầm bầm :

– Không có cô Mèn thì xóm ta khó có thành tích. Cô này là một con người khá đấy ...

Trời vẫn nắng. Nắng ngày này sang ngày khác. Khi ngọn núi sau nhà nuốt xong mặt trời, ai đã lên đỉnh núi quét lên bốn chân trời một màu hồng nhạt. Đêm đêm chị Hằng ngồi trong thúng vàng, không còn một đám mây trắng, mây đen nào bạn cùng. Và, đêm nào cũng vậy, không ai bảo ai mà các cụ già lộc cộc từng đôi guốc tre, nhà trên xuống, nhà dưới lên, tụ tập ngoài bản. Cụ thì chống cằm, ông thì hai tay bắt lấy cái đầu gối. Con muỗi nào số không may là bị bàn tay già đánh cái đốp. Cụ này nói câu này, ông kia trả lời câu nọ :

– Cái thần làng năm nay không biết đến rồi.

– Cái con lợn bé lắm. Cái ngày "đại tế" "lùng tùng" còn có con trâu. Ông "thần nông" mới hạ.

Có cụ trách cả cái lịch cổ :

– Người ta bảo : Năm nào có mười hai con rồng thì con này ỷ lại con nọ, không con nào chịu phun nước. Năm nay, cái lịch mới chỉ có ba con rồng, mà tháng tư rồi vẫn chẳng có hột mưa, cớ sao thế ... ?

Cụ Tấp tuổi cao hơn nghe các cụ khác nói kéo một tiếng dài :

– Hừ ... rồi thở phào một cái, tay vuốt qua bộ râu :

– Cái ngày mồng hai tháng hai hàng năm. Ngày ấy "nàng tiên" phơi quần áo mà, năm nay ngày ấy lại mưa.

– Quần áo "nàng tiên" bị ướt. Bây giờ các "cô" lại bắt ông trời nắng lại mấy tháng để phơi. Thánh đã truyền lại có sai đâu. Liệu mà cúng tế thế nào cho "nàng tiên" cất quần áo.

Mọi người lắng nghe xong, gật gù. Một vài cậu thanh niên nghe xong khúc khích cười, đi mất.

Nghe những tiếng lo toan đêm qua, sớm nay, Mèn chải tóc ở góc nhà cũng cầm nhầm gương thành lược. Nhìn xuống những đám ruộng bậc thang ở dưới bản luống cày vẫn còn trơ trơ. Chim gáy từng đôi chọi nhau phành phạch. Mọi năm như bây giờ, sớm dậy đàn vịt non đã bạn cùng những con cuốc, con cò lù gù bờ ruộng. Đêm nằm, tiếng nước đuổi nhau xuống suối, đánh vào tai rầm rầm. Nhưng năm nay phải đào xuống giữa suối mới có gánh nước dùng. Đám mương bên kia núi, vẫn toàn một màu đen thui thủi. Mèn đưa chiếc gương soi má. Cái nắng tháng tư đã cướp mất cái má đào của các cô gái bản Chu. Má Mèn cũng bị nắng lấy lúc nào không biết. Vừa cất chiếc gương vào thắt lưng Mèn tự nghĩ :

"Không cháy nổi cái bụng đã nghĩ đâu !"

Mèn kéo mạnh hai múi thắt lưng lại. Hai chiếc sọt đã lót lá kĩ từ hôm qua, Mèn nhấc lên vai nhẹ nhàng. Bố Mèn ở nhà bước ra liền quở :

– Cái đời nào dạy mày thế. Giống nào thuộc giống ấy. Bắt bò đi đầm như trâu, có mà trời tha. Cái năm mày còn bú, mẹ mày phát đám nương Khuổi Bon chỉ vì nương hơi bằng. Gặp mấy trận mưa, năm ấy có được hái bông nào đâu.

Bố Mèn lại thấp giọng :

– Thôi con ạ. Làm việc khác. Được ăn thì cái đời cổ đã làm, còn đến bây giờ mới làm. Dành công vào việc khác. Còn khối người đồn chuyện.

Mèn nghe bố nói toan buông đôi sọt trên vai xuống. Ngoảnh lại nhìn mẹ không thấy nói gì, Mèn tần ngần : Rành rành họp phân đoàn chị em đã nói rõ. Nơi không tát nước, đắp phai được, thì lấy thóc rẫy gieo thẳng xuống ruộng. Sau này dù có nước cũng sống. Còn hạn thì ta gánh nước tưới. Nơi khác làm đã được ăn. Cứ để ruộng đợi trời mưa thì đến bao giờ ? ...

Mèn nghĩ lại vẫn không sai chỗ nào. Nhưng cũng không dám nói với bố, sợ lại bị quở là "loại lạt non buộc tre già, gót chân dạy môi miệng". Mèn nghĩ vậy nên đôi sọt cùng chiếc đòn vẫn dính chặt trên vai. Cái chân đưa Mèn đi lừ đừ. Bố Mèn vẫn cái giọng cũ hằm hằm nói với theo sau. Nhưng tai Mèn vẫn đẩy lùi những tiếng đó. Đôi sọt lắc lư mỗi lúc càng nhanh.

Đêm nào cũng vậy, nhà vừa lên đèn đầu bản đã có tiếng mõ lốc cốc họp thanh niên, họp phụ nữ, họp tổ ... đâu cũng xôn xao hai tiếng *chống hạn*. Đám ruộng bảy sào của Mèn tra lúa rẫy nay mọc cao bằng nắm tay. Một vài đám khác làm theo cũng vừa đâm ngọn. Làng bản ai cũng khen :

Cái Mèn tóc vừa quấn lên đầu hai năm nay mà nó biết lo trước tính sau. Đấy trông ruộng nó mà coi ! Bao người cứ bảo không được ăn rồi ngồi chờ mưa.

Chị em, chúng bạn gặp Mèn cùng nói :

– Ché Mèn à, tốt lắm rồi !

Mèn lại cúi mặt xuống mỉm cười, thong thả đáp :

– Nhiều người vẫn chưa tin đâu.

Ngày nào Mèn cũng ra xem qua đám ruộng. Màu xanh ngày một lấn hết màu đất. Hôm nay cơn gió nhẹ lặng lẽ bước qua ngọn lúa rung rung. Mèn càng mở cờ trong bụng. Không hẹn mà chiều nào Long cũng qua đây. Mỗi lần thấy Mèn, Long lại hỏi

– Hôm nào gặt lúa rẫy ở ruộng đây đến giúp một tay nhé.

Mèn toan ngoảnh lại để đáp nhưng Long đã bước đi xa. Mèn biết hôm họp tổ, Long phản đối việc này nhiều nhất. Ý Long nói là mỉa mai, Mèn cũng chả cần trả lời. Mèn tự nghĩ :

– Không phải riêng Long. Trong bản còn một số người như Long. Nếu cái lúa này không được gặt thì còn thành chuyện.

Mèn đang nhìn chằm chằm theo Long thì đằng sau có tiếng :

– Ché Mèn à, sau này làm cốm gửi cho Long một ống !

Đó là Thoại. Thoại cùng tuổi Mèn. Hai bạn gái lúc nào cũng có nhau. Mèn quay lại :

– Gửi cho ống trấu ấy.

– Thế mà chiều nào cũng hẹn nhau ra đây – Thoại nói đùa.

"Bực không ! Chiều nào cũng y như hẹn : cứ được nói một câu vào đám ruộng, hắn mới hả."

Hai chị em rũ ra cười. Hai con cò trắng trông đám ruộng xanh, tưởng có nước nghiêng cánh để đậu, bỗng nhìn rõ hai chị em đang cười giòn giã lại phải tung cánh lượn một vòng rồi bay đi nơi khác.

Bóng của hai chị em dài hơn đám ruộng. Cái núi phía tây đang ngoạm một nửa mặt trời. Nắng vừa chói ngang mắt. Gió mỗi lúc mỗi mạnh. Hai chiếc thắt lưng vải chàm hình như không đủ sức giữ nổi hai tà áo dài đằng sau đang tung phất. Đám mây đen cướp ngọn núi, nuốt hẳn cái mặt trời. Trống trời lại nổi lên ầm ầm. Lũ trẻ thúc mạnh đàn trâu kịp về bản. Nhà nào nhà nấy rối rít ngoài sàn. Mẹ cuộn phên, con kéo áo ... Trời tối sầm lại. Cơn mưa đầu hạ đã đổ xuống. Màn trời một màu trắng đục. Mọi người đem ống bương ra hứng nước, nét mặt mừng rỡ. Đêm nay không một ai tụ tập nữa. Kế hoạch chống hạn, những tiếng thét trời, đêm nay tạm im thin thít với giấc ngủ ngon lành. Gió mưa đánh cây tre đầu bản kêu canh cách cũng chẳng ai biết tới.

Sáng dậy rộn tiếng người nói cười hối hả đuổi trâu đi cày bừa. Những bậc thang nước cũng chảy qua bờ trắng xoá. Cụ Tấp vừa dậy cũng đi giở quyển lịch cổ chữ Hán lật đi lật lại từng trang rồi lẩm bẩm :

– Hôm qua, cái ngày "đinh" mà trời cũng mưa. Năm nay làm ăn khó thật.

Đặt lịch xuống đầu gối, cụ nhìn ra ngoài ruộng. Những bước chân trâu đi bắn nước lên tung toé. Nét mặt già cũng nở lên nụ cười hai ý. Vừa trách ông trời đã phá cái "linh thiêng" của quyển lịch cổ, vừa vui đám ruộng đã có nước.

Tất cả mọi người đang vui thế mà mặt Mèn nhăn nhó. Sáng nay đi làm về Mèn chỉ ăn mỗi một bát cơm rồi ra đầu cầu thang. Hai tay đặt trong bọc. Mắt chằm chằm nhìn về phía đám ruộng. Màu xanh của lúa đang sánh với màu nước. Thật là một cảnh nên thơ nên đối. Nhưng với Mèn thì lại nên thở nên than. Bao nhiêu người đi làm về qua bờ ruộng cũng dừng chân lại. Câu nào cũng như câu nào :

– Lúa rẫy cấy ruộng bây giờ nước ngập gốc rồi. Cái công của Mèn đổ đi hết. Chuyển hướng, chuyển hung gì.

Cả một số anh chị em chúng bạn trước đây không bằng lòng làm theo Mèn bây giờ đi qua bờ cũng oang oang :

– Thanh niên năm "Năm mươi tám" của người ta thì thay trời làm mưa, vắt đất ra nước. Còn thanh niên năm "Năm mươi tám" của mình thì "thay nồi làm cơm, bắt rẫy xuống ruộng".

Ác nhất, nói to nhất, lại là Long và Lăng. Hai anh này từ hôm Mèn mới tra xong lúa đã ra tận bờ ruộng lấy que bới hột thóc lên than thở với hột thóc để Mèn nghe :

– Khổ thân mày chưa ! Cái đời mày đến tay này thì nghèo. Chả có con cháu nối nghiệp mày nữa đâu nhé !

Hôm nay hai anh cũng nhổ lên một cây lúa và nói :

– Mày khóc to lên, để chủ mày ra tát cái nước này đi, thổi cái đám mây mưa đi, mày mới hòng sống.

Nói xong câu nào là Lăng và Long lại quay mặt vào với nhau cười hà hà. Mấy anh chị khác đứng cạnh bảo :

– Các anh nói không phòng hậu.

– Phòng lụt, phòng hạn còn phòng hậu nữa kia à ?

Những câu nói như vậy, hôm nay chọc vào tai Mèn, Mèn ăn như nuốt phải xương. Đi như bước trên cây. Cả những sợi tóc lơ thơ rủ xuống mặt, Mèn cũng không muốn gạt về bên tai nữa.

Và, cũng sau trận mưa, bố Mèn bước vào cũng nói, bước ra cũng rủa. Nhìn vào mặt Mèn là mắt bố đục ngầu. Cả nhà chỉ có đám ruộng bảy sào to nhất. Bồ thóc chính hàng năm ở đây. Bảo Mèn không tuân đã tra lúa rẫy xuống ruộng. Bây giờ nước ngập gốc vài hôm nữa là thành dưa. Mấy lần bố giục Mèn đi cày lại để cấy lúa khác. Mèn vừa treo cái chạc trâu tới bắp cày định ghé vai nhấc cái cày lên nhưng lại thôi. Mèn tự trách :

– Sao vội nhẹ dạ thế. Bao lâu nay đã kiên nhẫn !

Ngoảnh lại, Thoại cũng vừa đến, Thoại đã biết rõ sự tình :

– Cứ để vài ngày nữa nếu không nên ta sẽ giúp nhau cày lại. Cấy lúa khác vẫn chưa muộn.

Mèn nhìn Thoại không như mỗi bận. Gặp nhau là chuyện cười như lửa cháy giành tươi. Tay đập lưng nhau thùm thụp. Mèn không biết lấy

câu nào để nói với Thoại. Bố Mèn còn đứng đấy. Thoại quay về phía bố Mèn :

– Cứ để mặc Mèn, bác ạ. Mấy ngày nữa nếu lúa úa, cháu sang giúp Mèn cày lại.

Mèn nhìn ruộng. Cây lúa vẫn còn xanh xanh. Thấy nhiều người qua bờ dừng chân Mèn càng lộn ruột.

Giá mà nó như cái thúng khâu, Mèn đã bưng nó vào chỗ kín từ bao giờ. Nhưng khốn nỗi nó là đám ruộng bảy sào ! Bỏ vào đâu cho được ?

Không riêng gì trong làng, ngay mẹ Mèn bao lâu nay không nói gì hôm nay cũng trách :

– Con mới lớn chưa biết làm ăn. Con lại không nghe bố. Đấy, có được ăn đâu. Sang năm có mà củ rừng đứt dây !

Mẹ Mèn nhiều con nhưng Mèn là con út nên mẹ quý Mèn như con một. Mẹ thương Mèn lắm. Nhưng làng bản người ta nói nhao nhao. Mẹ Mèn lo cái nạn đói như năm xưa, cả nhà phải tan nát đi tìm ăn.

Mèn không nói được câu nào, lẳng lặng tay gạt nước mắt, đưa chiếc gương trong thắt lưng lên soi, lại nhớ đến câu : – Không cháy được cái bụng đã nghĩ !

Đám mây xanh khổng lồ biết rõ sự tình vội kéo cái mặt trời đỏ ối lên đặt đầu núi, chói hẳn vào mặt Mèn ...

Ông trời năm nay ác quá. Mưa một trận lại nắng mấy trận. Làm ăn thế nào đây ?

Trời cho sống cũng dễ, chết cũng dễ.

Cái ruộng khô trên núi, khó với trời lắm.

Những tiếng than trời, trách trời, lại bắt đầu. Ruộng ngoài đồng đám có nước cũng gần cạn, đám không nước cũng gần nẻ. Những bó lạt buộc mạ vừa chẻ, nép mình trên gác bếp cũng thở dài, lo cho số phận phải dùng vào việc buộc gầu, buộc cọn. Mấy sáng qua cụ Tấp xem quyển sách này đến quyển sách nọ, chọn tránh ngày nào là ngày "chuột", ngày "trâu" ... để cấy lúa đầu mùa, nhưng sáng nay chẳng ngó gì đến sách nữa. Cụ vuốt qua bộ râu nhìn lên vòm trời :

– Mồng một là ngày "canh tí", có lẽ còn nắng dai.

Còn Mèn mấy sáng nay phải lom khom trên đám ruộng, tay vốc từng nắm phân bỏ vào hốc lúa. Đỡ lòng buồn của Mèn, chốc chốc ông trời lại mời nàng gió đến nghịch ngợm cây lúa. Lúa cười xoè xoè. Mèn tự nhủ :

– Cứ như vậy mười ngày nữa cho ta yên lòng. Nếu sau này được gặt, Long mà qua bờ ta phải nhảy lên kéo tay hắn xuống. Không gặt giúp sẽ nói cho mấy câu.

Một mình nghĩ xa lắm. Nghĩ từ lúc đồng chí cán bộ bình dân học vụ xóm khen Mèn, nói chuyện gì với Mèn, nghĩ lúc gặt, lúc làm cốm, nghĩ lúc suýt phải cấy lại cái ruộng này ... Mặc ai đi lại trên bờ, Mèn không hề ngửng cổ nhìn lên.

Bao nhiêu việc làm của Mèn khi về tới nhà đều uổng. Bố Mèn vẫn cái mực cũ. Hôm nay bố đã sửa xong chiếc cày. Cơm xong liền phân công gia đình :

Mai cả nhà đi tra đỗ cho xong !

– Còn bố đi đâu ? Mèn hỏi.

– Tao ấy à ? Tao đi cày cái đám ruộng bảy sào lên chứ để làm gì ! Mạ mùa đang tốt ...

Mèn biết sáng mai nhất định bố tự tay đi cày đám ruộng đó lên. Mèn không biết cách nào nữa. Thoại đâu ? ! ...

*
* *

Đêm nay mười bốn tháng bảy ta. Những chiếc bánh mật từng đôi chập một, bám chắc lấy chiếc dây thừng ở cạnh vách. Ngoài sàn Mèn đã có những tiếng trách nhau :

– Chậm thế, cái bánh dính chân phải không ?

– Đủ người đâu mà bảo chậm.

– Tác phong thanh niên thật.

Những cây vầu rải sàn bị những bàn chân anh chị đánh xuống kêu lách cách. Trong nhà mẹ Mèn cũng vừa buông xong chiếc màn, tắt phụt

ngọn đèn nhường cho những ánh trăng xuyên qua vách phên, đặt lên trên màn những mảnh tròn trắng.

Ngoài sàn vẫn rộn tiếng cười, tiếng nói. Chị Hằng nhô hẳn mặt ra khỏi chiếc bàn xanh hình như đang tủm tỉm cười. Tần vặn hai lần ngọn đèn hoa kì mà nó vẫn sáng riêng trong thông phong của nó. Viết xong con số cuối cùng, Tần đặt bút :

– Bản ta cử một người đi dự Đại hội thanh niên tích cực toàn huyện. Tôi đọc tiêu chuẩn nhé ?

Long nguýt một cái :

– Tiêu chuẩn hắc thế thì đến chịu ! Bản ta chẳng có ai.

– Ta lựa chọn cẩn thận đã nào.

– Chế Thân, phân đoàn trưởng đi nhận Nghị quyết được rồi.

Có một tiếng nói chầm chậm.

– Kể cũng đúng đấy.

Mọi người lại im lặng. Nhạn cựa người một cái, thu gọn tà áo đằng sau lại :

– Chế Mèn á vè !

Nhạn là gái đàn chị, nói xong đưa tay bẻ mấy ngón chân rồi định nói tiếp, nhưng bị mấy tiếng chen vào :

– Đúng lắm rồi.

– Không sai đâu.

– Tôi cũng có ý kiến đó. Nhưng ...

Bỗng có tiếng nói to :

– Tôi thấy cũng cần phải xét.

Nghe xong câu phải xét của Lăng, Nhạn liền bổ tay ra trước mặt, cướp hết ý kiến mọi người :

– Này, tôi kể thành tích ...

Ngay lúc đó bàn tay của Mèn giơ lên trong ánh trăng vỗ độp vào vai Nhạn. Nhạn phải dứt lời, giơ hai bàn tay lên đỡ và nắm lấy bàn tay của Mèn kéo xuống đầu gối.

Hai mươi ngón tay, sạm màu nắng giữ chặt lấy nhau. Ngọn đèn trông thấy cũng phải nhí nhảy cười rung cả bóng.

Mèn đánh Nhạn không phải vì ghét Nhạn. Mèn muốn Nhạn đừng thuật lại chuyện Mèn. Mèn cho việc đó rất nhỏ so với người đoàn viên, nên Mèn vội cướp lời :

– Đừng kể ! Cái đó đi đến đâu. Nhạn à. Tôi đề nghị ... Mèn chưa dứt lời đã có ý kiến chen vào ngay :

– Tôi, tôi có ý kiến ...

Nhưng cũng không nhanh bằng Thoại. Chả cần đợi ai cho phép. Thoại nói át cả mọi người :

Ché Mèn hiện nay đã biết chữ rồi nhé. Cái lớp vẫn duy trì. Còn việc chống hạn thì gần đây bố Mèn gặp tôi đã nói : Không có Mèn chuyển hướng thì nhà không đẩy lùi được cái đói tháng ba tới. Bao nhiêu người làm theo hiện nay ai chả khen. Cảm ơn ché Mèn lắm. Thế thì đủ tiêu chuẩn đi hội huyện rồi ...

– Tôi nói một câu đã.

– Chưa, tôi chưa hết. Thoại lại tiếp :

– Còn bao nhiêu anh chị không tin được ăn, đã không vun thì chớ còn nói bao nhiêu câu chua như dấm, ché Mèn vẫn vững lòng. So với toàn huyện thì nhỏ, nhưng so với việc làm mới như vậy, ở vùng ta là xứng đáng rồi ...

Mẹ Mèn tuy buông màn đã lâu. Nhưng vẫn lắng nghe từng tiếng nói ngoài sân. Khi nghe xong tiếng cuối cùng của Tần : "Ché Mèn mai chuẩn bị sớm nhé", từ trong màn bà cũng phải nói vọng ra :

– Con gái mà đi họp tận châu với người, không được đâu. Tần đi thay cho nó !

Ngoài sân lại có tiếng :

– Đấy trong nhà không cho đi, ta cử làm gì ?

Hơn hai mươi năm rồi. Từ ngày mẹ Mèn đến làm ăn ở cái bản trên ngọn núi này, mẹ Mèn không bao giờ bước chân tới huyện. Mẹ tưởng như xưa. Cô gái vùng cao mà đến chợ huyện, chợ tỉnh có mà để con trai ở đó làm giỗ. Mẹ có biết đâu những cái bẩn thỉu nó ngăn cách giữa

vùng cao với vùng thấp của hồi Tây, ngày nay đã cùng Tây trôi phăng xuống biển. Người vùng cao không những đến huyện, tỉnh mà còn đến tận Hà Nội nữa.

Biết ý mẹ như vậy, Thoại, Thân và Nhạn cùng một lúc có những ý kiến trả lời mẹ Mèn. Nghe chừng mẹ Mèn đã đồng ý, mới quay lại. Người ta tiếp tục nốt cuộc họp. Mẹ Mèn nghe xong lẩm bẩm một mình cùng chiếc quạt cọ :

– Con gái làm cho nhà, cho bản cũng được đi huyện. Cái bụng của người cách mạng, của cụ Hồ rộng biết chừng nào !

Chị Hằng vội chếch người về phía Tây, hình như tránh đường cho Mèn đi.

Quả thật sáng hôm sau khi ngọn núi chưa nhả mây hồng, thắt lưng vải chàm gần chấm gót, tay nải bám lấy một bên người, gói cơm "lèng" trong khăn mặt trắng xách tay, chiếc nón trắng đánh vào đùi lạch cạch, tất cả đều cùng Mèn bước ra đầu bản.

Các cô gái lúa xanh cùng với anh chàng gió đứng đón bên đường cất tiếng hoan hô say sưa, dào dạt ...

19-9-1958

Lời bình

Là một nhà văn miền núi, đã từng thử sức qua nhiều thể loại (truyện ngắn, thơ, tiểu thuyết, truyện kí), Nông Minh Châu vẫn thành công hơn cả ở lĩnh vực truyện ngắn. Với Ché Mèn được đi họp, *Nông Minh Châu đã đem đến cho người đọc một thứ hương thơm man mác của hoa đồng nội. Mùi hương đó được bộc lộ ngay ở tên truyện. Cái tên thật mộc mạc, hóm hỉnh và dễ thương đồng thời cũng hàm chứa trong đó một phần nội dung tư tưởng và ý đồ của tác giả.*

Một câu chuyện bình thường, viết về cuộc sống đời thường ở miền núi. Không có bom rơi, đạn nổ, không có sự đấu tranh một mất, một còn địch - ta, không có mâu thuẫn giữa cá nhân và tập thể ... ấy vậy mà vẫn thành truyện. Đó là cái tài tình, tài hoa của tác giả.

Ché Mèn, một cô gái mười tám tuổi, dân tộc Tày, từ bé đến giờ chưa bước chân ra khỏi bản "lúc nào cũng bẽn lẽn. Nói với ai cũng cúi cái mặt xuống, mân mê vào bàn tay mới nói", cái chữ cũng không biết. Nhưng ở cô lại có một ý chí và nghị lực đáng khâm phục. Cô say mê công tác ở xóm, say mê học hành. Không những học riêng cho bản thân mà còn vận động dân bản cùng học. Rồi cô được kết nạp vào Đoàn thanh niên, tự mình dũng cảm "chuyển hướng" sản xuất : lấy thóc rẫy gieo thẳng xuống ruộng.

Trải qua những vất vả, lo âu và cả sự dèm pha, dè bỉu của mọi người ... cuối cùng cô đã thành công, đã khẳng định được cái đúng, cái tốt của mình "Ché Mèn được đi họp" ở Đại hội thanh niên tích cực toàn huyện.

Toàn bộ câu chuyện diễn ra ở một không gian và thời gian hạn hẹp. Vấn đề xã hội đặt ra không lớn. Có cảm tưởng như tác giả chỉ có ý gợi mở, khích lệ tinh thần phấn đấu của lớp trẻ. Nhưng càng đọc kĩ mới càng thấy được ý nghĩa sâu xa-của nó.

Nông Minh Châu đã gửi gắm niềm tin, hi vọng của mình vào lớp trẻ thông qua hình tượng nhân vật, chứ không phải bằng lời lẽ thuyết lí ồn ào. Cái giọng văn miền núi ngô ngộ nhưng lại được tác giả sử dụng khá nhiều thành ngữ đan xen vào, nên câu văn cũng khá linh hoạt và uyển chuyển, tạo được sự hấp dẫn riêng của câu chuyện.

Truyện được viết đã hơn bốn mươi năm, nhưng đến nay vẫn nóng hổi ý nghĩa thời sự. Bởi nó nhằm ngợi ca cái tiến bộ, sự chủ động sáng tạo của thanh niên trong lao động sản xuất. Thanh niên cần phải có bản lĩnh để tự khẳng định mình, đồng thời kêu gọi sự ủng hộ của xã hội đối với cái mới. Vấn đề này không bao giờ xưa cũ. Đó chính là điểm sáng mang lại thành công cho truyện ngắn này.

Tôn Thảo Miên

Bùi Minh Chức

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Bùi Minh Chức. Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1950.

Quê quán : Xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Cái chén vàng (truyện thiếu nhi) ; *Truyện cổ Mường* (Sở văn hoá - thông tin Hà Sơn Bình) ; *Hợp tuyển văn học Mường* (in chung, 1996).

ẢO ẢNH SÔNG BÔI

Thin mười bảy tuổi. Người cô cao to, nước da trắng hồng như cây chuối bóc. Mắt cô to, đen và luôn luôn mỉm cười. Trên cái thân hình mềm mại của Thin, chỗ nào đáng lồi thì đã lồi đủ. Mỗi khi cô vác ống nước từ sông Bôi vượt dốc Quên về làng, tất cả trai làng đi trên đường đều nín thở để nghe tiếng váy cô bay phần phật. Còn Thin vì cô đã có "thim rớ" nên cứ thẳng đường, mỉm cười mơ hồ mà đi, không nhìn ngang ngửa, không nghe tiếng nói đằng sau, không cảm thấy những cái nhìn đuổi theo.

Thim rớ của Thin là một chàng trai cùng làng. Người ấy cũng đẹp, lại là con nhà ba đời nền nếp, lại là cán bộ kinh tế ... Nghĩa là ... như người làng nói với nhau, hai đứa cùng đẹp, chờ ba năm để Thin kịp trồng bông, dệt vải, làm chăn, rồi sẽ cưới.

Ba năm, đúng hẹn, một đám cưới ít người chê được đã diễn ra. Đủ gạo, thịt, chăn phà và thừa rượu. Người làng vui ba ngày, say bốn ngày để mừng cho đôi trẻ thành nhà, thành cửa và hưởng cuộc đời đầy đặn.

Một năm sau Thin đẻ đứa con trai. Đứa con to bụ, lớn nhanh, bốn tháng đã biết lẫy và biết hóng chuyện.

Thế thì thật vui !

Nhưng Thin luôn luôn cảm thấy mình vẫn thiếu một cái gì, cô đong một đai lúa, rõ ràng là tay cô vun đầy mặt đai, mà cô vẫn ngơ ngẩn như là đong chưa đủ.

Cô trồng một vườn đậu tương, đậu mọc đều tăm tắp, nhưng mỗi ngày cô lại lượn khắp vườn, xem xét thật kĩ, hình như ở một hốc nào đó đậu không nảy mầm được. Khi cô lội qua sông Bôi, khúc sông có triệu triệu hòn sỏi, hình như vẫn thiếu viên sỏi lồi, mọi khi thường làm cồm cộm gan bàn chân cô.

Một năm vừa đi qua.

Năm sau, Thin sinh được một con gái.

Đứa con gái cũng bụ bẫm khấu khỉnh. Cô chăm bẵm con và nghĩ : Thế là đời mình cũng đã đầy đủ. Những lúc cả nhà đi làm vắng, chồng cô ở lại trên huyện, cô lắng nghe tiếng con gái bú chóp chép, sữa cô chảy rân rân ... Nhưng có một tiếng gà trưa eo óc, xa vắng vẫn lén vào được tâm trí cô.

Vào một đêm mùa hè, trời nóng như chưa bao giờ được nóng, chồng cô ngủ ở nhà. Đã lâu, hai vợ chồng chưa bên nhau, nên cả hai đều cố gắng, để tới một cái gì đó. Sàn nhà rít lên kèn kẹt ... Nhưng chẳng tới được cái gì cả. Thin thấy mệt mỏi và chợt muốn tắm lạ lùng. Bên cạnh, chồng cô đã ngáy vang, cô lặng lẽ xuống cầu thang, xuống dốc Quên. Đêm trăng sông Bôi sáng mờ, vắng lặng. Bờ bên kia, thảm rừng dựng đứng như một bức tường thành. Thin tốc váy và lội xuống nước. Những vòng tròn nước loang dưới trăng, lấp lánh như muốn ôm lấy thân hình cô lại như muốn giãn ra. Nước mát thấm vào da thịt, từng li, từng tí. Cô cảm thấy người cô được rửa sạch, sạch từ trong sạch ra và thanh thản.

Thin đầm mình trong nước sông Bôi như thế, rất lâu. Từ đó, cứ mỗi lần ngủ với chồng xong, cô lại muốn tắm. Ý muốn ấy mạnh đến nỗi, cô không thể cưỡng lại được, như một kẻ nghiện, mà cô nghiện gì ?

Nghiện tắm. Thin nghiện tắm đến nỗi, chồng cô cũng sinh nghi. Đã vài lần, anh lặng lẽ theo chân vợ xuống sông, núp sau bụi cây rù rì xem Thin sẽ làm gì. Khi biết rằng Thin chỉ tắm, vậy thôi, mà tắm rất lâu, anh yên tâm về ngủ.

Những ngày tiếp theo, cô không những chỉ tắm mà sau đó, cô còn lội đi lội lại một mình ở quãng sông cạn như một người mộng du, cô ôm lấy sông mà cứ ngỡ đang ôm con cá lớn như người đàn ông cởi trần. Có một ý thích rất cắc cớ, chẳng ra làm sao cả. Cô lội như thế là để được dẫm lên viên sỏi có gờ quen thuộc vẫn làm cồm cộm gan bàn chân cô.

Bên này sông Bôi là làng, còn bên kia là rừng. Thin thường vào rừng lấy củi hoặc lá ráng làm thức ăn cho lợn.

Một buổi sáng muộn, mùa khô, tan sương, Thin lội qua sông đi vào rừng. Cô lắng nghe xào xạc lá và gió và cứ đi theo bước chân mình. Hôm nay, cô không muốn lấy củi, cũng chẳng muốn lấy lá ráng. Đi qua những cây ráng to, cành lá xum xuê, mọi khi cô vẫn hái lá, cô cũng không dừng lại. Cô hít hít không khí, đâu đó trong rừng, thoảng mùi kẹo mạch nha. Lá ráng, đem phơi khô, giã nhỏ, đựng vào xang, đem nấu thường có mùi mạch nha. Cô đưa sống dao gõ lên một thân cây khô đổ ngang đường đi, cốt để nghe tiếng vang của gỗ, chứ không có ý định chặt củi.

Chợt có tiếng gọi khẽ, ngay bên cạnh :

– Thin đi lấy củi à ?

Thin giật mình quay lại, thì hoá ra, đó là anh chàng Mung, người nhận khoán khu rừng này.

– Tôi không lấy đâu, tôi biết đây là rừng của anh mà.

– Phải đấy, nhưng nếu Thin muốn lấy củi thì anh cũng cho thôi.

Thin không nói gì. Cô chỉ gõ khẽ lên cây gỗ theo một nhịp nào đó mà chỉ riêng cô biết. Mãi sau, Thin mới hỏi :

– Anh Mung đi một mình trong rừng không buồn à ?

– Buồn cũng phải chịu thôi !

Thin ngạc nhiên :

– Sao phải chịu ?

– Chẳng biết ... Hay em Thin muốn lấy lá ráng thì anh cũng cho mà.

– Không, em chẳng lấy lá ráng đâu !

Đến lượt Mung ngạc nhiên :

– Không lấy củi, không lấy lá ráng thì em vào rừng làm gì ?

Thin thật thà :

– Em chẳng biết !

Nghe vậy, Mung cười to và bỏ đi, Thin nhìn theo cái bắp chân rắn chắc của Mung đang thoăn thoắt trên đá tai mèo.

Chiều tối, khi Mung quay lại, Thin vẫn ngồi nguyên trên thân cây, lặng phắc. Mung không nói gì, anh chỉ lặng lẽ vun cành khô, đốt một đống lửa.

– Sương xuống rồi, em Thin lại đây mà sưởi ấm.

Thin chợt rùng mình, cô im lặng đến ngồi cạnh Mung bên đống lửa.

Thin biết rằng đêm đã về, khi cô nằm ngửa nhìn qua vai Mung bỗng thấy như có mặt trời lãng đãng trong sương.

Suốt mùa đông, nhiều đống lửa đã được nhóm lên, nhiều thảm lá đã được rải xuống trong khu rừng của Mung. Khi mùa xuân đến, Thin cảm thấy cô trẻ lại như hồi mười bảy, vì chính Mung cũng nói rằng cô trắng như cây chuối rừng bóc vỏ. Cô lại vác ống nước băng băng lên dốc Quên, lại mỉm cười mơ hồ, không nhìn ngang ngửa, không nghe lời nói đằng sau, không thấy những cái nhìn đuổi theo.

Nhưng đến mùa hè, Mung bị một con rắn xanh nhảy từ bụi cây xuống, mổ trúng vào gáy. Anh chết.

Mung chết rồi, Thin vẫn đi vào rừng. Cô vẫn muốn nhóm lửa suốt mùa đông. Cô ngồi nhìn ngọn lửa như thế từ mùa đông đến mùa xuân. Cô hân hoan nhìn ngọn lửa reo và chợt nghĩ, không phải cô chờ Mung mà cô chờ chính bản thân mình.

Lời bình

Chẳng biết tự bao giờ đã ăn vào trong tâm trí tôi một câu ca dao nghe ra có chút gì ròn rợn :

Yêu nhau cho thịt cho xôi
Ghét nhau đưa đến Kim Bôi, Hạ Bì.

Đó cũng là một vùng đất được dân gian nhắc đến trong một khái quát nữa : "Nước Sơn La, ma Hoà Bình". Sông Bôi nằm trong cái vùng có nhiều "ma" ấy. Có phải thế không mà những ai sinh ra và lớn lên ở đó, cho dù sau này đã thành đạt, đã đi xa, vẫn không thôi ám ảnh cái không khí hư huyền bàng bạc đầy mộng mị đó. Nếu quả thế thật thì cái "hơi ma" từ thời cổ tích kia đã lại một lần nữa được dịp hiện về trong một câu chuyện thời hiện tại : Ảo ảnh sông Bôi.

Nhìn vào những gì mà cuộc đời Thìn có được, ai cũng tin rằng đó là một cuộc đời vẹn tròn hạnh phúc. Này nhé, cô có một anh chồng làm cán bộ kinh tế đẹp trai, lại con nhà ba đời nền nếp, lại người cùng làng, cô lại đã có hai đứa con - một trai một gái khá khỉnh ... Những tưởng thế cũng đã là mãn nguyện. Thế nhưng, lạ lùng sao, trong góc thẳm sâu nào đó của tâm hồn cô vẫn có cảm giác bất yên, vẫn "nổi loạn", vẫn thấy còn thiếu một điều gì ... tất cả không cắt nghĩa nổi. Phải chăng đó là một góc khuất hoang dại, bất kham, không chịu thuần phục, không kiểm soát nổi, sống bền bỉ trong tâm hồn cô. Bảo là cô khát tình ư ? Cũng không hẳn. Chứng cớ là sau cuộc tình tự nguyện với anh chàng kiểm lâm kia, chẳng may anh ta bị rắn cắn chết, cô cũng chẳng lấy làm đau khổ, cô lại ngồi nhóm lửa "hân hoan nhìn ngọn lửa reo ... không phải cô chờ Mung mà cô chờ chính bản thân mình". Chứng cớ nữa là cô vẫn thế, vẫn "lại mỉm cười mơ hồ, không nhìn ai ngang ngửa, không nghe lời nói đằng sau, không thấy những cái nhìn đuổi theo". Một người đẹp mà không cả biết mình là đẹp. Hồn nhiên đến trong suốt như suối rừng, như gió rừng ngàn đời vẫn

thế. Cô không biết bản thân mình, không biết mình đang mong gì và mình cần phải như thế nào nữa ... Bí ẩn thay là con người !

Một nhà đạo đức dễ quy kết nhân vật trong truyện sống buông thả, bất chấp đạo lí ... Nhưng không đơn giản như vậy. Theo tôi nghĩ có lẽ người viết muốn nói với độc giả rằng : đừng nên nhìn con người một cách giản đơn, bởi con người là một phức thể vô cùng bí ẩn. Hãy cố tìm hiểu họ, lắng nghe họ để mà cảm thông và trân trọng. Đó chính là một đề xuất đầy chất nhân văn mà tác giả muốn gửi gắm qua thiên truyện này.

Trong suốt câu chuyện là cả một không khí "ảo ảnh" bao bọc. Lời văn miêu tả tao nhã, vừa đủ để khơi gợi, mà vẫn đậm đà chất trữ tình. Quá tay một chút nữa thôi là dễ sa vào dung tục. Thử thách này nhà văn đã vượt qua. Anh đã cống hiến cho người đọc một áng văn giàu tính nghệ thuật.

Văn Giá

Y Điêng

(Dân tộc Ê Đê)

Tên khai sinh : Y Điêng Kpăhôji. Sinh ngày 15 tháng 2 năm 1928.

Quê quán : Buôn Thung, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Tác phẩm đã xuất bản : *Em chờ bộ đội Awa Hồ* (truyện ngắn, in chung, 1962) ; *Ông già Kơ Rao* (truyện ngắn, 1964) ; *Như cánh chim Kway* (truyện, 1974) ; *Hơ Giang* (truyện dài, 1978) ; *Drai hling đi về phía sáng* (truyện, 1985) ; *Chuyện trên bờ sông Hing* (tiểu thuyết, 1994).

Các tác phẩm dịch từ tiếng Ê Đê ra tiếng phổ thông : *Các trường ca Tây Nguyên : Xinh Nhã, Đăm Di, Khinh Dủ, Y Ban, Y Prao* (1961) ; *Truyện cổ tích dân tộc Ê Đê* (1988).

Giải thưởng văn học : Giải ba cuộc thi do tuần báo *Thống Nhất* tặng (truyện ngắn *Em chờ bộ đội Awa Hồ* ; giải thưởng của Ủy ban Dân tộc Trung ương và Hội Nhà văn Việt Nam, 1985 (truyện dài *Hơ Giang*).

ÔNG GIÀ KƠ RAO

Từ ngày bị quân lính của quốc gia mang súng đến tận buôn[1] dồn về sống ở đây, ông già Kơ Rao bỗng thay tính, đổi nết. Hơ-yéc, đứa con gái duy nhất của vợ chồng ông, thấy cha mình tóc tự nhiên bạc trắng ra như túm hoa lau, mặt mày héo rũ đi như một tàu lá, thân hình gầy khô lại như một cành cây khô gặp nắng to. Và, tính nết ông đã khiến cô không giữ được cái vui trong bụng như trước. Ông hay gắt, hay chửi ...

(1) *Buôn* : (tiếng Ê Đê) Làng.

Mỗi lần ông gắt, ông chửi là mặt ông tím lại như nước chàm, mắt ông đỏ lên như mắt con trâu điên. Từ đấy Hơ-yéc cảm thấy sợ cha. Sợ nhưng vẫn thương.

Hơ-yéc biết, cha của Hơ-yéc không phải là một người Ê Đê xấu bụng. Ông thay đổi tính nết như thế chỉ vì ông đói quá, khổ sở quá, lo âu nhiều quá đấy thôi.

Chẳng phải chỉ có một mình cha của Hơ-yéc đói khổ, lo âu đâu. Tất cả lũ làng ở đây, bây giờ ai cũng phải sống như thế cả. Hơ-yéc vẫn nhớ những ngày còn ở buôn cũ, buôn Phin nổi tiếng là một buôn lắm chiêng, ché, nhiều trâu, bò, ngựa, voi. Lũ làng, người già, trẻ nhỏ, con gái, con trai ... ai cũng hiền lành, vui vẻ và tốt bụng. Mỗi khi mặt trời thôi ngủ, lũ làng trở dậy cả thì người đi lại trong buôn Phin nhi nhúc như bầy kiến đi xây tổ, đàn ong đi kiếm hoa. Suốt ngày, tiếng con trai mài rựa, mài dao hoà với tiếng con gái hát đuổi chim, chẳng lúc nào ngừng.

Nhưng bây giờ, buôn Phin không còn được như thế nữa rồi. Kể từ ngày lũ quân Mĩ và tay sai dựng nên bốt, làm ra cái ấp chiến lược này, mang súng đến dồn lũ làng vào, thì buôn Phin đã thu nhỏ lại, đời sống của lũ làng trong buôn rất tẻ nhạt.

Lũ làng không ai còn gì để ăn, người nào cũng gầy như que củi. Muốn đi làm nương, khi bước chân ra phải có cái giấy để trình (với địch), khi quay về cũng lại đưa trình giấy. Họ giống như con cá nằm trong giỏ. Hơ-yéc cũng như lũ làng là người Ê Đê cả ; mà người Ê Đê thì phải là đàn chim Đrao ở giữa trời, chứ không phải là con cá nằm trong giỏ.

Hơ-yéc biết cha buồn rầu, lo âu nhiều quá nên đã đổi tính đổi nết. Thấy cha gắt gỏng, chửi mắng thì Hơ-yéc sợ nhưng lòng vẫn thương ... "Cha Hơ-yéc không phải là một người Ê Đê xấu bụng mà là do bọn Mĩ và tay sai làm ra thôi", chính Y Hun đã nói cho Hơ-yéc nghe như thế. Anh Y Hun đã nói thì Hơ-yéc tin rồi.

– Hơ-yéc này ! Tao nói cho mày biết, từ hôm nay mày không được theo thằng Y Hun ra ngoài nữa. Mày đi với nó, tao không ưng bụng. Tao nói mày phải nghe !

Ông Kơ Rao vừa đi đâu về, chưa kịp đặt chân lên cầu thang, thấy con gái ngồi quay xa ở cạnh cửa, ông nói ngay không còn kịp nghĩ. Hơ-yéc giật mình ngẩng lên, thấy cha giận dữ, cô ngơ ngác hỏi lại :

– Cha ơi, sao lại như thế ? Anh Y Hun là người tốt !

– Hừm ! Tao không nói nó là người xấu, tao nói bằng cái bụng tao. Mày là con gái, chân mày không nhanh, mày không khoẻ như chân tay nó đâu.

Nghe cha nói, Hơ-yéc hiểu vì bụng cha quá lo lắng nên miệng cha đã nói cả những điều mất khôn.

Cô buồn rầu nhớ lại những lời mà bọn xấu bụng đã xầm xì về cô. Hẳn cha cô đã nghe những lời không tốt ấy rồi. Hơ-yéc muốn nói với cha một câu : "Cha ơi ! Tai cha nghe những cái miệng không biết rõ bụng con, đã nói những lời xấu", nhưng Hơ-yéc không nói được, cô chỉ mở to mắt lặng lẽ nhìn cha.

Năm nay ông già Kơ Rao đã ngoài năm mươi tuổi. Vợ ông cũng bằng tuổi ông. Bà đẻ với ông tất cả sáu lần, đủ trai gái : nhưng năm đứa con đã bị thần đất lấy đi, chỉ còn một mình Hơ-yéc xấu xí được ở lại với ông bà. Từ nhỏ đến lớn, Hơ-yéc được cha yêu, mẹ quý như cái vòng bạc, cái trâm vàng. Tay ông bà Kơ Rao không hề biết đánh Hơ-yéc, miệng ông bà Kơ Rao không hề mắng chửi con. Nay Hơ-yéc đã lớn bằng mẹ. Tuy Hơ-yéc không xinh đẹp bằng những đứa gái xinh đẹp nhất trong buôn, nhưng tất cả mọi đứa con gái không đứa nào ngoan nết, dịu dàng bằng Hơ-yéc. Khách xa, khách lạ đến nhà ông bà Kơ Rao, ai cũng ưng bụng về bàn tay của Hơ-yéc khi cô nướng gà, làm cơm, khi bưng nước, têm trầu ... Lũ làng, người già, người trẻ ai cũng khen Hơ-yéc, ông bà Kơ Rao biết hết mọi điều về con gái ! Và, ông bà đã bằng lòng sẽ cưới Y Hun, người trai làng khoẻ mạnh, giỏi giang nhất buôn Phin về làm rể. Thế mà, kể từ ngày bị dồn về sống trong ấp chiến lược này của Mĩ và bọn tay sai, bỗng nhiên ông Kơ Rao nhìn con gái hoá ra khác lắm. Hơ-yéc biết như thế. Mỗi khi thấy cha nhìn mình bằng con mắt đỏ ngầu, nói với mình bằng những lời đau cả tai. Hơ-yéc rất buồn. Nhưng Hơ-yéc vẫn không giận cha, Hơ-yéc hiểu ra rồi. Cô chỉ thấy thương cha thôi.

Thấy con gái chỉ mở to mắt ra nhìn mà không mở miệng, ông già Kơ Rao bỗng thấy mủi lòng. Ông ngượng nghịu bước lên sàn đến ngồi bên bếp lửa, rút tẩu ra nạp thuốc. Hơ-yéc nhẹ nhàng thu gọn guồng xa rồi vào bếp cời củ sắn nướng ra phủi sạch tro bụi. Cô bẻ một nửa đưa cho cha, còn nửa kia cô lấy lá gói lại cất đi phần mẹ. Cầm miếng sắn trên tay, ông Kơ Rao đưa mắt dõi theo từng cử chỉ của con gái. Khi thấy Hơ-yéc đã trở lại ngồi bên guồng xa, ông mới lên tiếng hỏi :

– Sao mày không ăn đi, Hơ-yéc ?

Hơ-yéc cúi đầu đáp khẽ :

– Con phần mẹ.

Tiếng Hơ-yéc đáp lại nhỏ và nhẹ như một hơi gió thoảng thế mà ông già Kơ Rao lại thấy như một mũi dao sắc chọc vào giữa ngực. Hai giọt nước từ trong mắt ông ứa ra, lăn nhanh trên hai gò má gầy vêu vao. Ông lặng lẽ bẻ đôi miếng sắn trên tay, đưa phần to cho con gái !

– Hơ-yéc ! Mày ăn đi !

Hơ-yéc đã muốn không cầm, nhưng khi cô ngước lên nhìn thấy má cha có ngấn nước, cô vội vàng đón lấy miếng sắn tự tay cha đưa cho. Mùi sắn nướng thơm lừng bốc lên, làm miệng cô thêm muốn ăn. Cô cắn một miếng nhỏ, khẽ nhai và muốn nuốt nhưng cổ họng nghẹn lại không nuốt được. Nước mắt cô lập tức ứa ra, cô đứng dậy đi vội vào trong buồng nằm khóc.

Ông già Kơ Rao đứng sững nhìn con. Tay ông bóp nát miếng sắn còn lại từ lúc nào ông không hề biết. Người ông run lên, ông nghiến hai hàm răng lại, gầm trong cổ họng :

– Bọn Mĩ và tay sai, chúng mày làm khổ nhục người Ê Đê chúng tao quá. Quỷ thần giết hết chúng mày đi.

Đêm không trăng, trời tối như ngồi trong một chiếc ché to đậy nắp. Không có tiếng người già ho, không có tiếng trẻ con khóc. Trong ấp chỉ thỉnh thoảng loé lên ánh đèn pin của bọn dân vệ đi tuần tra và tiếng súng thưa thớt của bọn lính đồn bắn ra ngoài.

Từ khi lũ làng buôn Phin bị dồn về ở ấp thì tiếng khèn của trai gái gọi nhau cùng với tiếng giã gạo quen thuộc đêm đêm cũng không còn nữa.

Cả ấp chỉ có mỗi cái bếp nhà ông già Kơ Rao là có lửa cháy lốm đốm. Quanh bếp, bốn năm người ngồi bên nhau cùng hút thuốc với ông già Kơ Rao. Giữa lúc đó có tiếng gọi to :

– Anh Kiơm, Mai Hơ-yéc, anh Díp ơi ! ... đêm nay có gió to, đốt nương cháy nhanh đấy. Nước thần tưới cũng không thể tắt đâu. Ta đi làm nhé.

Mọi người nghe rõ đó là cái tiếng trầm vang, chắc nịch của Y Hun. Ông già Kơ Rao đột nhiên bật lên tiếng thở dài rồi nói lẩm bẩm :

– Ừ, được cái gió khô này mà đốt nương thì tốt thật !

Chưa ai kịp nói gì theo, thì Y Hun đã mở cửa bước vào. Thấy Y Hun, ông Kơ Rao quay ra bảo con gái :

– Hơ-yéc ! Con ra ngoài ngồi chơi đi !

Y Hun nói theo :

– Hễ thấy đèn pin bọn nó chiếu về phía ta thì em hát lên để chúng tôi kịp nói chuyện khác nhé. Hơ-yéc lặng lẽ rời guồng xa ra ngồi cạnh cửa. Cô mở to mắt đăm đăm nhìn xuống đường. Bao giờ cũng vậy, khi nào mọi người họp ở nhà mình, Hơ-yéc cũng phải làm một lúc cả hai việc, vừa nghe bàn luận, vừa gác bọn Mĩ và tay sai.

Bên ngoài, những cơn gió khô vẫn liên tiếp tràn về, khi vấp phải bức rào tre của ấp thì lại rít lên từng cơn ghê rợn. Trong nhà, mọi người vẫn ngồi hút từng hơi thuốc dài. Hồi lâu, ông già Kơ Rao nhả chiếc tẩu ra khỏi miệng, cầm quay ngược cán tẩu lại, gõ xuống khúc gỗ đang đun, làm nẩy ra những tiếng kêu tắc tắc. Người đầu tiên cất lời là Y Hun :

– Bác Kơ Rao này ! Chúng cháu muốn phá tan cái ấp chiến lược này đi đấy. Lũ làng đói lắm, khổ lắm không còn chịu được nữa. Lúc kháng chiến (chống Pháp) bác đã làm xã đội trưởng rồi, bác hãy bảo cho chúng cháu một lời đi.

Ông già Kơ Rao thôi không gõ tẩu xuống khúc gỗ, ông lấy thuốc nhét đầy miệng tẩu, gắp cục than đỏ đưa lên, rít từng hơi dài, mãi ông mới hỏi :

– Phá à ?

– Phải rồi – Y Hun đảo mắt nhìn quanh – Đây bác xem ! Như thế này mà gọi là nhà cửa được à. Hừ, ổ chuột ngoài rừng còn to hơn. Bác Kơ Rao, hay là bác sợ ...

Nghe Y Hun nói, bao nhiêu cặp mắt đều ngước cả lên , dồn vào ông già Kơ Rao. Ông biết mọi người đang chờ đợi ở mình, và ông còn biết rõ giá trị của những lời ông sẽ nói. Hồi kháng chiến đánh giặc Pháp, mỗi khi ông cất tiếng nói, lũ làng ai nấy đều nghe theo hết cả. Đêm nay lũ người trẻ trong buôn chúng nó muốn đánh bọn Mĩ và tay sai, đang chờ ông nói một lời phải. Hơ-yéc ngồi ngoài cửa cũng nóng lòng chờ đợi.

Ngập ngừng một lúc, ông Kơ Rao mới nói :

– Các cháu ơi bác không sợ chúng nó, bác lo phá không nổi, chúng nó sẽ bắn vào lũ làng. Muốn phá cái ấp này, các cháu phải đến nói với các anh bộ đội giải phóng giúp sức mới được.

Nghe ông nói, mọi người đều vui sướng mỉm cười. Y Hun quay lại nhắc Hơ-yéc :

– Em Hơ-yéc đừng quên nhìn trăng, sao đấy !

– Các anh cứ yên lòng.

Y Hun từ từ rút trong cạp khố ra một mảnh giấy đã được cuộn lại nhỏ như đầu đũa. Anh mở rộng đưa cho ông già Kơ Rao :

– Có tờ giấy của mặt trận giải phóng gửi về đây, bác đọc đi.

Díp ngồi bên cạnh, cầm một mẩu củi đang cháy giơ lên. Ông già Kơ Rao ấy tay Y Hun trở lại :

– Các cháu đọc lên cho bác cùng nghe !

Y Hun kìm giọng khe khẽ đọc :

Kính gửi đội tự vệ chiến đấu buôn Phin

Đêm nay buôn Phin, buôn Ná, buôn Kơ–rai, buôn Prao sẽ cùng một lúc nổi lên phá ấp để lấy thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Mặt trận giải phóng họp lần thứ hai.

Gà gáy lần thứ nhất, đội tự vệ trong từng buôn sẽ đưa dân làng ra khỏi ấp. Gà gáy lần thứ hai, bộ đội sẽ nổ súng vào để các đội tự vệ đốt ấp.

Đội tự vệ nào làm công việc xong mà trời chưa sáng thì đến phối hợp với bộ đội để diệt đồn.

Ngày ..... tháng..... năm .....

Ban chấp hành Mặt trận giải phóng huyện

Y Hun vừa đọc xong, một thanh niên dáng lầm lì, chất phác, ngồi cạnh Y Hun, ngập ngừng rồi lên tiếng :

– Phá ngay đêm nay à ? Gặp khó khăn rồi. Đêm nay có một tên lính đồn về chỉ huy bọn dân vệ tuần tra đấy, hắn ngủ ở nhà chủ ấp.

Y Đíp gật đầu :

– Ừ, phải, tên lính ấy về đây không phải mới một đêm nay, mà đã ba đêm rồi, đêm nào cũng có mặt nó ở trong ấp. Hay là ... báo cáo với các anh bộ đội giải phóng để đến đêm khác.

Y Đíp chưa dứt lời, thì mọi người đã nhìn thẳng vào mặt anh với vẻ trách móc, giận dữ. Hơ-yéc đang ngồi gác nghe thấy thế cũng nóng ruột, không nhịn được, cô cất tiếng nói vào :

– Không ai ưng bụng đợi đến đêm khác đâu. Những đứa dân vệ tốt bụng biết việc đều đã nhận lời giúp chúng ta. Chúng nó bảo : chính vì có tên lính này về đây nên bọn lính đồn mới ít đi tuần tra đấy ...

Ai cũng gật đầu khen : "Hơ-yéc nói đúng đấy". Chỉ có Y Hun vẫn ngồi im, làm cho Hơ-yéc phật lòng. Hơ-yéc biết Y Hun từ khi còn nhỏ. Tuy Y Hun đã nhận lời hỏi của ông bà Kơ Rao, bằng lòng cho Hơ-yéc cưới về, nhưng hai người vẫn chưa phải là vợ chồng. Hơ-yéc vẫn coi Y Hun là bạn. Y Hun cũng rất quý Hơ-yéc. Thế mà không biết làm sao Y Hun lại ngồi im như thế. Hơ-yéc nghĩ lại lời mình vừa nói thấy không sai, chỉ là nói hơi to quá thôi. Nhưng thằng lính ấy nó đã ngủ khì rồi còn đâu.

Tiếng ông già Kơ Rao cất lên làm đứt ý nghĩ của Hơ-yéc :

– Nếu được thế thì phải làm ngay thôi kẻo gà sắp gáy rồi. Đừng để các anh bộ đội giải phóng phải chờ đấy các cháu ạ.

Y Hun cuộn mảnh giấy lại luồn vào cạp khố và nói :

– Chúng cháu có tay khoẻ, chân nhanh rồi nhưng phải có bác ra chỉ bảo công việc. Bác nói thì lũ làng mới biết nghe, bác dẫn chúng cháu vào đồn thì mới tránh được hòn đạn của giặc bắn ra.

Ông già Kơ Rao từ từ đứng dậy :

– Bác bằng lòng như thế rồi. Bây giờ chúng ta nói công việc cụ thể. Bác sẽ báo cho lũ làng. Y Hun đến gặp những đứa dân vệ tốt bụng, bảo nó mở cửa cho lũ làng ra. Các cháu thanh niên đi tìm củi chuẩn bị sẵn sàng đốt ấp. Còn Hơ-yéc, con phải đưa lũ làng đến nơi lập buôn mới cho được đầy đủ mọi việc. Y Hun sẽ dẫn thanh niên theo bác lên phá đồn cùng với các anh bộ đội giải phóng.

Hơ-yéc ngồi nghe cắt đặt công việc, nét mặt cô bỗng sầm xuống. Cô tưởng tượng, một lát nữa, các anh ấy ở lại chiến đấu thì vui biết dường nào. Trong khi đó, theo lời cha, cô phải đưa lũ làng đến nơi mới, không được cùng Y Hun vào đồn nhìn xem cách anh bộ đội giải phóng bắt sống thằng giặc Mĩ.

Hơ-yéc còn đang ngồi thừ ra thì Y Hun đã đến bên, ghé vào tai cô nói nhỏ :

– Đừng buồn em Hơ-yéc ạ. Em đưa được lũ làng đến nơi ở mới, quay về còn kịp vào đồn đấy.

Hơ-yéc hiểu ra, cô đứng vụt dậy cùng mọi người bước ra ngoài.

*
* *

Đêm càng về khuya. Ông già Kơ Rao ngồi bó gối bên bếp, hút hết nhiều điếu thuốc rồi, mà lũ gà vẫn chưa chịu gáy lần thứ hai. Lòng ông như đang có đàn kiến đốt. Ngồi nữa không yên, ông đứng dậy đi ra cửa, ngóng về phía đồn. Trước mặt ông chỉ thấy đen kịt một màu. Trời tối quá, mắt chả nhìn rõ.

Lũ trai làng, chân chúng nhanh, tay chúng khoẻ thật. Bao nhiêu công việc chúng nó chỉ làm một lúc đã xong. Tên lính đồn và cả đứa chủ ấp đã bị lũ chúng nó bắt sống rồi. Lũ làng đã theo con Hơ-yéc đến

chỗ mới rồi. Củi khô và lửa đã để sẵn ở từng nhà rồi. Lũ trai làng cùng với những đứa dân vệ tốt bụng đã đứng dậy cả ngoài cổng ấy rồi. Tất cả mọi việc đều xong xuôi, chỉ còn chờ lũ gà gáy lần thứ hai để đón tiếng súng của các anh bộ đội giải phóng nổ ở phía đồn là đốt hết thôi. Lũ gà vẫn chưa chịu gáy lần thứ hai, tức bụng với lũ gà quá !

Ông già Kơ Rao bồn chồn, đứng ngồi không yên. Ông với tay rút con dao cài trên phên ngoài và bước xuống thang đi nhanh ra cổng ấp.

Ông vừa ra tới cổng ấp thì bỗng nhiên có hai ngôi sao đỏ chói từ phía đồn vọt lên trời, rồi từ từ rụng xuống cùng một lúc với tiếng nổ dậy trời. "Ồ tiếng súng nổ sớm, trước cả con gà gáy". Có tiếng một người nào đó kêu lên bên cạnh. Ông già Kơ Rao chưa kịp nói thì tiếng của Y Hun đã vang lên, mạnh mẽ :

– Con gà ngủ quên chứ các anh bộ đội giải phóng không quên đâu !

– Bác Kơ Rao ơi ! Anh em ta ơi, đốt hết đi mau lên ! Đoàn người tản ra nhanh như lũ chim bay, chỉ trong khoảnh khắc cả cái ấp của bọn Mĩ ngụy đã rực cháy, lửa bốc cao. Ngọn lửa làm sáng rực cả bầu trời.

Dưới ánh lửa sáng rõ như ban ngày, ông già Kơ Rao từ trong đám cháy vọt ra, tay cầm dao hoa lên, hét lớn :

– Lũ trai làng buôn ta ơi ! Hãy theo tôi lên phá đồn cùng các anh bộ đội !

Như một tù trưởng anh hùng trong truyện cổ, ông già Kơ Rao nắm chắc vũ khí trong tay, hướng về phía có tiếng súng nổ, chạy như bay. Sau lưng ông, lũ trai làng nhi nhúc ùn lên như một bầy ong theo chúa.

Đường qua mùa hoa đào

NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1978

Lời bình

Chuyện kể về một ông già người dân tộc Ê Đê - ông Kơ Rao. Ông sống ở buôn Phin-một buôn vốn nổi tiếng là giàu có nhất vùng. Lũ làng ở

đây, từ già đến trẻ, từ con gái đến con trai đều hiền lành, vui vẻ và tốt bụng.

Cuộc sống sẽ lặng lẽ trôi đi trong sự thanh bình, nếu không có một ngày bọn Mĩ ập đến, dồn dân, dựng bốt, lập nên ấp chiến lược ở buôn này. Người dân Ê Đê vốn như "đàn chim Đrao ở giữa trời", nay phải sống trong cảnh "cá nằm trong giỏ", tù túng, bần hàn.

Ông già Kơ Rao, linh hồn của buôn Phin, không chịu được sự áp bức của bọn Mĩ và tay sai, đã cùng đội tự vệ trong buôn nổi dậy phá ấp, diệt đồn. Giống "như một tù trưởng anh hùng trong truyện cổ".

Nhà văn viết truyện mà cứ như đối thoại trực tiếp với người đọc. Nội dung cốt truyện cũng như lối hành văn thật đơn giản, bình dị, nhưng không tạo cảm giác dễ dãi. Nhân vật chính - ông già Kơ Rao, mang đậm tính cách của một ông già miền núi. Ở ông, mọi cảm xúc đều được đẩy đến tận cùng. Yêu thương con đến mức phải rơi lệ khi nhìn thấy con đến bữa cơm không đủ ăn, một miếng sắn cũng phải chia đôi. Nhưng đối với giặc Mĩ thì sự căm thù cũng bốc lên ngùn ngụt. Các nhân vật khác trong truyện như Hơ-yéc, con gái ông Kơ Rao, Y Hun, người yêu của Hơ-yéc, tuy có tính cách riêng, nhưng chỉ là những nét chấm phá, góp phần hoàn thiện chân dung ông già Kơ Rao.

Truyện dễ đọc, dễ nhớ, không phải vì sự sâu sắc của nội dung tư tưởng, hay thủ thuật của bút pháp mà chính vì sự dung dị trong lối viết, lối kể của tác giả.

Y Điêng là một nhà văn miền núi đã từng được nhận giải thưởng của cuộc thi do tuần báo Thống nhất, Ủy ban Dân tộc Trung ương và Hội Nhà văn Việt Nam trao tặng cho các truyện Em chờ bộ đội Awa Hồ *(1962) và* Hơ Giang *(1978).* Ông già Kơ Rao *tuy không được trao giải, nhưng đó cũng là một truyện khá trong một loạt truyện của ông viết về phong tục, tập quán và con người miền núi, một mảng đề tài không thể thiếu trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.*

Tôn Thảo Miên

Trung Trung Đỉnh

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Phạm Trung Đỉnh. Sinh ngày 21 tháng 9 năm 1949.

Quê quán : Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Tác phẩm đã xuất bản : *Thung lũng Đá Hoa* (truyện ngắn, in chung, 1979) ; *Người trong cuộc* (truyện ngắn, 1980) ; *Đêm nguyệt thực* (truyện ngắn, 1982) ; *Những người không chịu thiệt thòi* (truyện ngắn, 1982) ; *Ngược chiều cái chết* (tiểu thuyết, 1989) ; *Tiễn biệt những ngày buồn* (tiểu thuyết, 1990) ; *Chuyện tình ngõ lỗ thủng* (tiểu thuyết, 1990) ; *Bậc cao thủ* (truyện ngắn, 1994)...

ĐÊM NGUYỆT THỰC

Tôi được cơ quan phân công tới làng Plei–O–K, nơi cách đây hơn chục năm, hồi còn đánh Mĩ có nhiều dịp qua lại. Nhiệm vụ của tôi là phải viết được một bài báo, phản ánh kịp thời về sự đổi mới của bản làng, sau mấy năm giải phóng. Làng nằm dưới thung lũng, xung quanh toàn đồng cỏ. Cách đó không xa là nông trường chăn nuôi của huyện M. Nơi đây có nhiều sự tích đánh Pháp và nhất là đánh Mĩ.

Từ huyện lị về làng phải đi bộ mất non một tiếng.

Lúc ấy đã hơn sáu giờ tối. Hơn sáu giờ tối trong thung lũng trời chuyển hẳn sang không khí ban đêm. Gió se se lạnh. Tít xa chỉ thấy những mảng đồi và vô khối đường viền lấp lánh do lửa cháy rải rác trong các khe núi hắt ra. Những vệt khói chuyển động dưới bầu trời sao chi chít. Tôi háo hức bước trên đường cái về làng. Phía trước có tiếng reo hò huyên náo và tiếng chinh chiêng ầm ĩ. Có cả những tiếng gõ

nghe loạn xạ không ra bài bản, nhịp điệu gì. Mới đầu tôi nghĩ, chắc làng đang hội hè hoặc có cuộc vui nào đó. Nhưng càng tới gần càng cảm thấy không phải. Chẳng có cuộc vui nào lại nhiều tiếng gõ, tiếng hú, tiếng hò la đến vậy.

Tôi bước vào sân làng. Những bó đuốc sáng rực chạy vội vã từ nhà này sang nhà khác. Những tiếng hú nối nhau thảng thốt. Tôi chột dạ lo ngại. Không phải làng đang vui mà rõ ràng đang có sự cố gì. Vì biết nói tiếng địa phương, nên tôi nghĩ, mình đến đó có thể giúp gì được bà con.

Tôi hăng hái vào làng và gặp vài người. Tôi chào bằng tiếng địa phương. Nhưng họ chỉ ngoái lại nhìn rất nhanh rồi quay đi, tiếp tục la hét và gõ vào những đồ dùng đang cầm sẵn trên tay. Ngoài sân làng, một người hươ hươ đuốc. Nhiều người cùng cầm đuốc xúm lại. Tôi thấy một cái bóng cao to trao cây đuốc cho chú bé rồi bắc loa tay, hú lên một tiếng rõ dài. Mọi người im phắc. Người đó đứng giữa vòng, chỉ lên trời, nói rất to bằng tiếng Gia Rai. Anh ta giải thích cho bà con hiểu là, hiện tượng nguyệt thực chẳng qua do Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng quay đến một chỗ thẳng hàng nhau, nên ta chỉ thấy Mặt Trăng có chút xíu thế kia. Sau đó anh bắt ba em nhỏ xếp thẳng hàng, đứa cầm đuốc, hai đứa sau đứng nghiêm. Nhưng anh không nhớ, cả vòng người quanh anh, hầu như ai cũng có đuốc. Và vì thế, ba cái bóng nhỏ nhoi của ba chú bé ngả nghiêng, chĩa ra nhiều phía. Dân làng ồ lên rồi toả ra hò hét, la ó. Tiếng chinh chiêng càng dồn dập hơn. Tiếng hú càng dài hơn. Tôi bất giác nhìn lên khoảng trời trước mặt. Một quầng sáng đen kịt như đang rung chuyển. Cái quầng đen phát sáng ấy gây cho ta cảm giác rùng rợn. Phía sau quầng đen, những ngôi sao sâu hút, le lói. Một mảnh ánh sáng sắc lẹm hơi cong, chập chờn hiện lên, như là rất rõ, lại cũng như là không thấy gì, khiến ta tưởng như đang bị loạn thị vậy. Tôi dụi mắt, nhắm chặt một lúc lâu. Khi mở ra, cảnh tượng vẫn y như cũ. Đây là lần đầu tôi thấy hiện tượng nguyệt thực trên cao nguyên.

Chợt có một cánh tay huých vào ba lô tôi, nhắc nhở bằng tiếng Gia Rai : "Sợ à ? Sợ thì làm theo người ta đi !". Tôi quay lại. Người nhắc tôi đã nhảy lên sàn cửa, gõ tới tấp vào mảnh máy bay Mĩ treo trên chái hiên.

Tôi quay ra tìm người cao to vừa giải thích hiện tượng nguyệt thực. Nhưng dân làng đã vắng hoe. Tôi đang phân vân không biết chọn nhà nào để lên thì thấy nhiều người ùa ra. Cái bóng cao to khi nãy bây giờ chạy trước, tới giữa sân anh lại hú, lại huơ đuốc. Một đám đông xúm quanh. Anh hô to, bảo mọi người tắt đuốc. Đêm trở nên huyền ảo với những bóng người và tiếng bàn tán xì xầm. Người ta bê tới cho anh một cái cối gỗ để làm bệ đứng. Anh nhảy lên, châm một cây đuốc, rồi dõng dạc gọi tên ba em nhỏ. Ba chú bé tranh nhau đứng trước. Nhưng chỉ cần một cái khoát tay của anh, chúng rất nhanh về đúng vị trí của mình. Dân làng kéo lại chờ đợi. Dường như anh đang dồn hết tâm lực, cố dùng những lời ngắn gọn, dễ hiểu nhất để giải thích một hiện tượng thiên nhiên, không phải dễ gì người ta chấp nhận ngay được. Anh mặc quần đùi, áo ló[1]. Loại áo do các thiếu nữ Gia Rai thường dệt tặng các chàng trai dũng cảm. Lẽ ra áo ấy phải mặc đồng bộ với chiếc khố có nhiều tua, nhiều đường hoa văn sặc sỡ. Chợt anh hú lên một tiếng ngắn gọn. Chú bé cầm đuốc vung mạnh rồi hạ xuống ngang người. Nó đứng trang nghiêm, hô to bằng tiếng Gia Rai : "Tôi là Mặt Trời !". Lập tức hai em đứng sau lần lượt hô : "Tôi là Trái Đất !" – "Tôi là Mặt Trăng !".

Ánh đuốc hắt ba cái bóng dài chập vào nhau. Dân làng xúm lại chỉ trỏ, cười nói. Anh lại hú giật lên một tiếng ngắn gọn nữa.

Mọi người nín lặng. Cái nín lặng đột ngột khiến tôi cảm thấy như có một sức mạnh của uy quyền. Sức mạnh mà dù muốn dù không ta vẫn phải làm theo !

Anh lại bắt đầu giải thích. Tôi thấy lần này có hiệu nghiệm hơn. Ba em nhỏ luôn miệng hô : "Tôi là Mặt Trời !" – "Tôi là Trái Đất !" – "Tôi là Mặt Trăng !".

Tôi đứng ở vòng ngoài, chờ dân làng tản ra sẽ bám theo anh. Nhưng chỉ loáng một cái, sau khi hỏi người đứng cạnh, biết anh là cán bộ văn hoá xã, thì anh đã không còn trên sân làng nữa.

Người ta chỉ cho tôi nhà anh. Một ngôi nhà không làm sàn duy nhất trong làng.

---

(1) *Áo ló* : Loại áo hai mảnh, che bụng và lưng.

Trăng sáng trở lại, nhưng phía chân trời xa còn vương một đám mây đỏ thẫm. Mọi người đã ai về nhà nấy. Đâu đó có tiếng chinh chiêng và tiếng hát trầm. Nếu ta chú ý lắng nghe, có thể nghe rõ lời bài hát.

*
* *

Anh đang nằm trên chiếc giường tre nhỏ kề sát cửa, nghe tiếng động liền vùng dậy :

– Gì đấy ? – Anh hỏi bằng tiếng Kinh.

– Báo cáo anh. – Tôi ấp úng. – Tôi là ... nhà báo ...

Anh vội vã ngồi dậy, bước vào nhà trong. Một lúc sau anh cầm đèn dầu ra với vẻ lúng túng. Tôi giả lơ vô tình, đặt ba lô lên thềm và bắt chuyện :

– Nãy nghe anh giải thích hiện tượng nguyệt thực hay quá ! – Tôi nói tiếng Gia Rai, hi vọng được anh đón tiếp vui vẻ.

Chợt anh đánh rớt chiếc đèn xuống nền nhà, vỡ tan. Tôi vội bấm đèn pin giúp anh thu lượm mảnh. Bàn tay phải của anh chỉ còn ngón trỏ và ngón út, một bên má sạm đen, bên kia tấy lên có những chấm trắng. Chắc anh là thương binh, tôi nghĩ. Tôi cố giữ thái độ bình thường. Anh lầu bầu câu gì đó không rõ. Thoáng có mùi rượu. Từ lúc vào tới giờ, anh chưa hề nói với tôi một lời nào, ngoài câu "gì đấy" bằng tiếng Kinh. Hai tiếng ấy bật ra không hề ngượng nghịu. Chắc anh ta thạo tiếng phổ thông, tôi nghĩ. Liệu tôi có làm anh khó chịu ? Tôi băn khoăn mở cặp lấy giấy tờ, định nhờ anh liên hệ giúp với các đồng chí lãnh đạo xã. Anh ném mảnh đèn vào góc nhà, kéo xê chiếc giường con ra hiên, nói :

– Đồng chí chờ tôi một tẹo.

Anh nói tiếng Kinh, theo giọng miền Bắc. Tôi chưa thấy ai là người Gia Rai nói tiếng Kinh sõi hơn thế. Cái từ "một tẹo" anh dùng, phải là người thạo ngôn ngữ đồng bằng Bắc Bộ lắm. Nhưng tôi lại nghĩ, chắc anh là cán bộ tập kết về. Điều ấy cũng có thể xảy ra. Tôi có tật, mỗi lần lên lại Tây Nguyên, được tiếp xúc với đồng bào là nói tiếng địa

phương. Phần vì dễ gây được cảm tình với bà con. Phần nữa, đây là dịp ôn lại vốn từ mà tôi đã có.

– Chắc anh đã ở nhiều miền Bắc ? – Tôi vẫn hỏi bằng tiếng Gia Rai.

Anh lặng lẽ đặt chai rượu trên giường và hai cái li nhựa. Anh rót đầy hai li, không trả lời tôi mà nhận xét :

– Đồng chí nói tiếng quê tôi thạo đấy. Chắc đã từng công tác ở đây ?

Tôi khoe với anh là đã ở vùng này hồi đánh Mĩ. Rằng tôi đã từng được cử xuống làm cán bộ du kích một thời gian.

– Trước ông ở đơn vị nào ? – Anh hỏi tiếng Kinh.

Không thể cứ một người nói tiếng Gia Rai, một người nói tiếng Kinh mãi được. Tôi trả lời :

– Trước tôi ở huyện đội M. mà.

– Ủa ! – Anh reo lên. – Thế những năm nào ?

– Dạ, từ sáu tám.

– Từ sáu tám ? – Anh tiếp. – Còn tôi là lính K5. Nhưng trước đó kia. Mà thôi nào, mời ông. Chúng mình coi như anh em bạn cũ gặp nhau. Trăm phần trăm nhá !

Tôi cầm li rượu ráng uống hết. Anh cũng làm một hơi. Tôi lấy mấy cái bánh mì mang theo mời anh. Anh cứ ngồi ngây ra, một lúc bỗng đứng dậy, vào nhà. Tôi liếc theo. Anh ăn ở chu đáo, gọn ghẽ. Chợt có tiếng trẻ khóc và tiếng phụ nữ nựng con bằng tiếng Gia Rai. Anh ra, tôi lấy giấy công tác đưa anh. Anh chỉ xem qua, nói :

– Cán bộ xã đi họp trên huyện cả, chỉ còn mình tôi ở nhà vì vợ tôi mới sinh cháu trai khi sớm.

– Thế ạ. Xin chúc mừng anh chị ! – Tôi nói. – Tôi hỏi thật : Hình như anh là người Kinh ?

– Vâng. – Anh đứng dậy, linh hoạt hẳn. – Tôi là dân Bắc chính cống đấy ông ạ.

– Thảo nào ...

– Hôm nay tôi lên chức bố. – Anh tiếp. – Lại là bố thằng cu. Mừng quá hoá ngơ ngẩn từ sáng tới giờ. Ông đến gặp dịp vui của tôi, cứ tự nhiên nhé.

Anh cười cởi mở rồi xoa xoa tay, chạy vào nhà trong với cái dáng tất bật đầy vui sướng. Tôi thấy miệng anh bị lệch, hàm răng trên không còn cái nào. Nhưng giọng nói vẫn bình thường. Anh vừa bước ra đã nghe tiếng chị gọi theo. Anh lật đật vỗ vỗ vai tôi mấy cái rồi quay lưng. Chị nói với anh bằng tiếng Gia Rai : "Ơ kìa, con gà đang muốn theo nước sôi nhảy ra khỏi nồi rồi !". Và chị bảo anh rút bớt củi trong bếp rồi lấy thêm rượu mời khách. Anh để nghị để chúng tôi uống rượu cần, nhưng chị bảo sợ người khách lạ cười. Anh ra hỏi, tôi đồng ý ngay. Anh lại quay vào. Có tiếng chị mắng yêu anh và tiếng cháu bé khóc.

Rồi lại lặng im.

Tôi cảm thấy lâng lâng vì li rượu vừa uống. Phần vì lây cái vui của anh chị. Trăng giữa tháng sáng tới mức ta có cảm giác không gian rộng hẳn ra. Tôi rút cây kèn ác-mô-ni-ca ra thổi. Tôi thích thổi những bài dân ca Gia Rai. Những bản tình ca của người đi săn. Những khúc hát đối nhau của các chàng trai và các cô gái trong dịp hội hè. Những điệu nhảy mừng ngày mùa thắng lợi. Rồi tôi bỏ kèn, nghiêng người tựa vào thành giường hát. Chợt có bàn tay đặt lên vai tôi. Tôi ngừng lời. Anh bắt tay tôi bằng bàn tay lành và khen tôi hát tiếng Gia Rai khá chuẩn. Có tiếng chị nhắc :

– Ơ người khách mới. Hát đi cho con nít mình mau lớn.

Tôi cao hứng hát tiếp.

Anh đặt ghè rượu sát cửa lấy lá ủ ra và cắm cần rượu. Chị bê tới một cái rá con bốc khói. Thì ra nãy giờ anh chị luộc gà. Tôi chào chị bằng tiếng Gia Rai. Chị bẽn lẽn gật đầu. Anh lấy thêm đĩa rau thơm và muối ớt. Chị nắm tay tôi, bảo tôi ngồi xuống chiếu hoa – loại chiếu chỉ những nhà giàu xưa mới có. Anh nói :

– Cả ngày nay bà con mừng tôi hơn chục con gà, ba ghè rượu thơm, một gùi gạo nếp. Năm nay chúng tôi được mùa cả lúa ruộng lẫn lúa nương ông ạ.

Chị vít cần rượu cho tôi, mỉm cười nhìn tôi và anh uống chung một *can*(1). Rồi chị vào nhà trong với cháu. Tôi cám ơn chị. Anh kéo tay

---

(1) *Can* : Đơn vị đo rượu cần của đồng bào Tây Nguyên.

tôi, bảo tôi đừng làm khách. Tôi hỏi anh về công việc làm ăn của địa phương, anh cười :

– Khi nào làm việc xin ông tha hồ phỏng vấn. Còn bây giờ ta vui, ta nói chuyện đời ...

– Vâng ! – Tôi vít cần rượu. – Xin chúc mừng anh chị ! Chúc mừng cháu !

Tôi nghe rõ tiếng rượu chuyển trong ghè. Bỗng anh buông cần nói với vào trong nhà bằng tiếng Gia Rai.

– Ơ em. Tui muốn say rồi ! Ngày vui uống chút cho say, được. Ngày thường uống say, không phải người Gia Rai xã hội chủ nghĩa đâu cán bộ phụ nữ nhỉ ?...

Rồi anh cười to và buông cần chạy vào nhà đòi bắt tay chị, khiến chị cười rũ.

Anh bước ra với quả bầu đựng nước. Chúng tôi chế thêm nước vào ghè rồi đặt *cang*. Anh bảo tôi uống hết.

Tôi vít cần thầm nghĩ, phải cố gắng. Anh nhảy quanh ghè rượu cổ vũ tôi. Cả chị cũng nói vọng ra cổ vũ tôi nữa. Tôi đã làm hết bổn phận. Đến lượt anh, anh ngồi xếp bằng điềm tĩnh, hút rượu từ từ. Cục yết hầu trên cổ anh đưa lên đưa xuống đều đặn. Rồi anh buông cần, nói :

– Ăn thịt gà đi. Vợ chồng tôi ăn từ trưa, uống từ trưa rồi.

Tôi cầm cái đùi gà anh đưa và bắt chuyện :

– Hồi tôi vào huyện đội M. này thì K5 các anh chuyển đi đâu nhỉ ?

– Bọn tôi vào trong nước La Pà.

– Thế từ ấy anh có gặp ai bạn bè cũ không ?

– Không.

Anh vít cần uống thêm rồi tiếp :

– Mà gặp làm gì ...

– Sao vậy anh ?

– Chẳng sao cả. Nhưng tôi thích thế. Mỗi người có một hoàn cảnh, một niềm vui, nỗi khổ khác nhau. Nhưng chúng mình – Anh kéo vai tôi

tiếp – Chúng mình đều là lính – Mà lại là lính cách mạng. Tất có cái vui, cái buồn chung, phải không ông ?

– Đúng thế, tôi nói – Anh vào Nam năm nào nhỉ ?

– Tôi vào sáu nhăm.

– Anh đã về thăm quê chưa ?

– Chưa. Mà mình không về nữa, ông ạ. Mình ở đây suốt đời.

Anh lặng lẽ rút tẩu thuốc rồi vào nhà lấy nhánh củi đang cháy. Anh bập thuốc có vẻ khó khăn, nhưng đúng kiểu của người Gia Rai. Tôi cũng xin anh một ít thuốc, dùng giấy pơ-luya quấn hút. Chúng tôi dường như bắt đầu chuyển sang một không khí mới – không khí tâm tình của tình đồng đội. Anh ngồi xích gần tôi bảo đổ thêm nước từ quả bầu vào ghè. Rồi anh vít cần cho tôi, nói :

– Ông nên nhớ rằng, ông là người Kinh đầu tiên tôi tiếp từ khi bị thương đến giờ.

– Vậy ra anh ...

– Chẳng ra sao cả, ông ạ. Tôi vào Nam, đánh đấm được mươi trận. Không phải nói khoe, tôi đã ba lần được bằng dũng sĩ diệt Mĩ, một lần dũng sĩ diệt cơ giới. Hai năm liền chiến sĩ thi đua cấp Quân khu. Từ tổ trưởng nhảy thẳng lên trung đội phó. Từ trung đội phó nhảy thẳng lên chính trị viên đại đội. Tất cả những cái đó đều đáng nói, nhưng cũng đều không đáng nói phải không ông ?

Bỗng anh quàng tay qua vai tôi. Tôi cũng quàng vai anh.

Tôi nói :

– Anh nói hay lắm !

Chợt anh buông tôi ra, đẩy mạnh vai, nhìn tôi như người lạ :

– Sao ? Ông bảo tôi nói hay à ? Tôi không nói hay mà tôi nói đúng ! Giải phóng rồi, ông được xuống đồng bằng, ông được ra miền Bắc với vợ con ông, với người thân của ông. Vậy mà ông dám bảo tôi nói hay ? – Anh lay mạnh vai tôi – Tôi nói cho ông biết – Anh tiếp, giọng nói đứt quãng – Ông sướng hơn tôi nhiều ! Ông may mắn ... hơn tôi nhiều !

Mắt anh, qua ánh đèn sáp đỏ sọc lên rồi mờ dần. Anh khóc. Tôi lúng túng không biết xử sự thế nào. Bỗng anh dụi mắt vào vai tôi rồi

nhìn tôi chằm chặp. Môi anh mấp máy. Hai chúng tôi ngồi lặng thinh. Cái lặng thinh như có một lỗ thủng. Trăng sáng ngần ngặt. Có tiếng chị cựa mình và tiếng cháu bé khóc. Rồi thật bất ngờ, chị cất tiếng ru. Mà chị ru tiếng Kinh, theo đúng điệu của các bà mẹ miền Bắc :

ÀA ... a ... à ... ơi ... i– i ...

Em xinh ... cái dáng a..á.. à–à cũng à ... à ... à ... xinh ... i– i ...

Em giòn ... cái tỉnh a ... à ... a tình tình ... a... cũng ... à... giòn ... ả– à– à ơi ...

Tôi sững sờ cúi xuống. Chị đang ru con hay chị đang nhắc nhở chúng tôi ? Chị đang ru con hay chị muốn góp điều gì cho vui câu chuyện ? Anh bật cười to và sau đó trở lại trạng thái tỉnh táo hoàn toàn. Những người say rượu thường thế, tôi nghĩ. Thường có những phút tỉnh táo hoàn toàn. Anh đứng bật dậy chạy vào nhà trong lấy ra nải chuối đặt lên đùi tôi, nói :

– Ăn đi ! Nhà tôi nó bảo chú ăn đi mà !

– Vâng, cảm ơn anh. Thế chị quê vùng nào nhỉ ?

– Vợ tôi người Gia Rai, con Plei–O–K này. Trước công tác ở tỉnh, sau về huyện. Bây giờ thì về xã. Chúng tôi cứ rút dần vào cái ổ của mình ông ơi !

Anh cười rất hồn nhiên. Tôi hỏi :

– Anh dạy chị điệu ru con Bắc Bộ đấy à ?

– Nhà tôi thích hát ru với lại hát chèo lắm.

– Thế anh có dạy chị hát chèo không ?

– Có chứ. – Anh vui hẳn. – Tôi còn dạy chèo cho đội văn nghệ xã. Bà con Tây Nguyên nói chung rất thích hát chèo ông ạ. Đội văn nghệ xã tôi quyết đoạt giải hội diễn sắp tới đấy !

– Tuyệt lắm !

Chúng tôi cùng vui vẻ vít cần.

– Ông mà ở lại đây lâu lâu thì hay quá.

– Tôi sẽ ở chừng nửa tháng.

– Được đấy ! Thế ông đã đánh đấm trận nào chưa ? – Anh hỏi tôi.

– Dạ, cũng có nhưng chỉ đánh kiểu du kích. K5 các anh đánh thì khiếp lắm !

– Ồi dào ! Anh ngả người ra sau nói. – Trước tôi là chính trị viên đại đội. Bây giờ là "chính trị viên làng" – Anh cười.

– Hồi bị thương, anh nằm bệnh viện nào đấy ?

– Chả bệnh viện nào cả. – Anh kéo vai tôi xuống, tiếp – Tôi nằm cái "bệnh viện Plei–O–K" này.

– Hay nhỉ !

– Hay gì ông ? Các ông thì cái gì chả hay ? – Anh chống tay ngồi dậy, tiếp. – Đùa chút cho vui chứ trận ấy, đơn vị tôi được trên giao là phải hốt ba cái đồn dân vệ trên trục đường quốc lộ. Hai kho đạn địch cách thị xã K. ba mươi ki–lô–mét về phía Tây. Nhiệm vụ nhiều, lại phân tán mục tiêu. Đại đội tôi, thực ra chỉ còn hơn chục tay súng. Giờ nổ hiệp đồng với mặt trận không được cách nhau quá mười lăm phút. Tôi chỉ huy mũi chủ công, trực tiếp nắm tổ điểm hoả diệt kho đạn địch. Chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc, có thể nói như thế. Sau trận đánh, rút về gần tới khu rừng tập kết thì không may, chính ba anh em mũi tôi lọt vào ổ phục của địch. Tôi đi giữa, cậu Chung đi trước. Nó bị thương, tôi thoáng cảm thấy thế. Nhưng nó vẫn phụt được một quả B.40 rồi mới hi sinh. Thằng Châu cũng thế. Nó cũng bắn được đâu vài loạt AK. Tôi không hiểu sao lại bật tít vào bụi, cách đó đến gần chục mét ! Hình như chúng tôi bị mìn và cả ĐK nữa. Tôi bị ngất khá lâu. Tỉnh dậy, sờ lên mặt chỉ thấy máu. Bàn tay phải bị thiến phăng mấy ngón, còn mặt tôi bị luồng lửa ĐK xoẹt qua ! Vâng, chả hiểu sao lúc ấy tôi khoẻ thế ? Tôi kéo lê khẩu súng bên tay trái, bò quanh đó tìm Châu, Chung. Nhưng không thấy chúng nó đâu cả. Có thể chúng nó cũng bị thương rồi địch bắt, lúc ấy tôi nghĩ thế. Cũng có thể chúng nó hi sinh rồi bị địch kéo xác đi ! Tôi bò quẩn mãi, chỉ sờ mò thôi chứ mắt có thấy gì nữa đâu ! Rồi cũng đến lúc phải tính, tôi bò theo linh cảm vào rừng.

Không biết bao lâu nhưng đến khi mở được mắt đã thấy mình được nằm bên đống lửa, chỉ có một khuôn mặt xương xẩu, già nua, râu tóc xồm xoàm cúi xuống. Người ấy dùng nước rễ cây tưới lên những chỗ bỏng và vết thương cho tôi. Sau này tôi biết điều ấy. Vâng, ông già vợ

tôi bây giờ đấy. Hôm đó ông đi săn, vớ được tôi và cõng về cứu chữa. Ông già chỉ sống có một mình. Hai người con trai là du kích đã hi sinh. Còn mỗi cô gái út thì công tác xa. Bà lão mới mất trước khi có mặt tôi vài tháng. Ông già sống lầm lì, suốt ngày chỉ nói vài câu cần thiết. Tôi khỏi rồi ở lại với ông, với dân làng. Tôi học tiếng Gia Rai, học việc của một người đàn ông Gia Rai. Tôi không về đơn vị nữa. Tôi về làm gì khi bàn tay không còn cầm nổi súng. Tôi về làm gì, tôi hỏi ông ? – Anh lay mạnh vai tôi. – Tôi về làm gì khi đơn vị tôi, anh em đồng đội của tôi đang phải đương đầu với bao nhiêu khó khăn ? Ông ạ, gạo phải tính bằng lẻ tay, muối phải đong bằng nắp cù là, phải đếm từng hạt chia nhau. Mà nhiệm vụ chiến đấu thì cứ nối tiếp nhau liên miên. Tôi là cán bộ, tôi biết. Mỗi đại đội độc lập kiểu đơn vị tôi, lo được cho một thương bệnh binh khốn khổ lắm. Căng thẳng lắm. Vừa quần nhau với địch lại vừa phải bảo vệ thương binh, ông bảo đơn giản sao được ? Mình thiếu thốn cắn răng mà chịu, kiếm măng, kiếm rau ăn quáng ăn quàng cho xong. Chứ thương bệnh binh mà thiếu, mà đói thì có tội với không những đồng chí mình, mà còn mang tội với Đảng, với dân nữa. Tôi về đơn vị mất đứt bốn năm đồng chí chuyên lo cho tôi. Hơn thế, số gạo muối dự trữ phải trích ra chi cho tôi. Mà cái chính là tôi không còn cầm được súng nữa. Đúng thế. Tôi mà về, anh em mừng cho tôi nhưng lại phải lo cho tôi ! Phải nai lưng ra gánh vác cho tôi. Tôi là cán bộ, tôi biết, ông ạ. Tôi về chỉ để được thấy anh em mừng là mình còn sống thôi ư ? Không ! Tôi không về nữa ... – Thế thôi. Đồng đội hãy tha thứ cho tôi. Lúc ấy tôi nghĩ thế và tôi đã làm đúng theo ý nghĩ của tôi. Bây giờ cũng thế, tôi sẽ làm đúng theo tôi nghĩ ...

Chợt có tiếng chị gọi. Anh chạy vào với chị. Một lúc sau quay ra, nét mặt có vẻ rạng rỡ hơn, anh túm tay tôi :

– Ông ạ, chúng tôi mới sinh cháu trai. Tôi vừa bảo nhà tôi sẽ đặt tên cháu là Thực. Rơ Lan Thực. Mẹ cháu họ Rơ Lan, lại sinh đúng bữa nay có nguyệt thực. Đặt thế để nhớ ngày hôm nay, được không ông ?

– Tuyệt lắm ! Xin chúc mừng anh chị. Chúc mừng Rơ Lan Thực !

Chúng tôi lại đổ thêm nước vào ghè và đặt *cang* uống chung. Tôi thấy anh có vẻ mệt nên bảo anh đi nghỉ. Anh cười :

– Ông mệt à ? Nếu không thì lo gì tôi. Tôi đã trót nói với ông rồi !

Tôi ở lại đây và thành người Gia Rai. Tôi không về quê nữa. Nhưng ông ạ, hồi còn chiến tranh, mù tịt tin tức còn có lí. Giải phóng rồi mà tôi không về. Mà tôi nỡ bỏ quê – Điều ấy lúc nào cũng dằn vặt tôi ...

Bỗng anh kéo đầu tôi xuống hôn. Anh vò tóc tôi, tiếp :

– Tóc vợ cũ của tôi dày và đẹp lắm ! Mỗi lần chải, cô ấy phải đứng lên giường mà buông tóc xuống. Vợ tôi đẹp nhất vùng, tôi dám nói như thế. Cô ấy là kế toán hợp tác. Hôm về phép trước khi đi B, vừa xuống xe ngang đường, tôi gặp cô ấy. Chà, cô bé lên huyện có việc gì đó, lốp xe đạp bị xịt. Thấy có người dắt xe, tôi đặt ba lô lên poóc-ba-ga. Đi được một đoạn mới có hiệu sửa, tôi bảo vào vá săm. Cô ấy cứ lúng ta lúng túng. Thì ra cô nàng hết tiền ông ạ. Tôi nhận trả cho. Sửa xong, tôi đèo cô ấy về. Đến gần làng thì gặp nguyệt thực. Tôi dừng xe đứng xem. Tiếng gõ nong nia, thúng mủng từ trong làng vọng ra nghe mà rùng rợn. Cô ấy nép sát vào người tôi thì thầm : "Gấu ăn mặt trăng !". Hơi ấm từ người cô lan sang khiến tôi ngơ ngẩn. Vâng, tôi đã nắm tay cô ấy từ lúc nào. Đến lúc trăng sáng lại, chúng tôi sực nhớ ra là mặc dù cùng quê, nhưng chỉ mới quen nhau được vài chục phút ! ...

– Hôm sau cô ấy đem tiền trả tôi – Anh ngừng một lát rồi tiếp – Làm sao có thể nhận tiền trong trường hợp như vậy, phải không ông ? Nhưng kể cũng hay ! Cứ đưa đẩy mãi hoá ra tình cảm. Rồi chúng tôi yêu nhau, cưới nhau. Cứ như tôi về phép chỉ để gặp cô ấy, để cưới cô ấy. Xưa nay, ba anh em tôi đi đâu về cũng ở nhà ông chú. Bố mẹ tôi mất sớm vì nạn lụt. Chú tôi trông nom chúng tôi thay cha. Hồi ấy thằng em tôi đã đi học nước ngoài. Cô út cũng đã lấy chồng, dạy học trên một tỉnh sát biên giới phía Bắc. Tôi định về nhà với chú thím chục ngày rồi lên ngược thăm em gái. Nhưng tình yêu đã níu chân tôi lại. Tôi cưới vợ, khoác ba lô sang nhà vợ ở, điện cho em gái về chơi. Vâng, tháng rưỡi phép cứ như trong mơ. Thời gian đối với tôi chưa bao giờ vụt nhanh đến thế. Khi quất ba lô lên vai chia tay vợ, chia tay làng xóm, lên xe rồi mà tôi vẫn thấy ngỡ ngàng ...

– Rồi từ đó anh chị bặt tin nhau luôn ? – Tôi hỏi.

– Không. Tôi là thằng chịu khó viết thư nhất đơn vị. Hành quân trên Trường Sơn vất vả là thế mà tôi vẫn gửi về đều đặn mỗi tuần một lá. Đến đơn vị chiến đấu, bận hơn thì mỗi tháng một lá. Sau này vì quá

căng thẳng, tôi gửi thưa dần, chỉ khi nào có dịp thuận tiện. Tôi cũng nhận được hai lá thư của vợ. Thế nhưng, từ ngày bị thương, từ ngày tôi quyết định ở lại đây thì không thư từ gì nữa ! Tôi đã thành người Gia Rai, thành người Plei–O–K này rồi. Mà đã thế thì thôi, thì còn thư từ làm gì ? Tôi hỏi ông – Anh lay mạnh vai tôi – Tôi chỉ muốn – Anh tiếp. Ngoài bà con Plei–O–K ra, không ai nghĩ có thằng tôi trên đời này nữa. Hãy để cho vợ tôi, em tôi, chú thím và bà con dân làng quê tôi coi tôi là liệt sĩ. Có lẽ như thế tốt hơn. Tôi không có ý định lộ mặt ra, mặc dù nhiều lần tôi không chịu nổi. Ngoài nông trường chăn nuôi của huyện kia, khối anh em miền Bắc. Nhất là mấy sư đoàn bộ đội làm kinh tế gần đây lại càng đông. Vâng, đã vài lần tôi ra nông trường chơi, tới chỗ anh em bộ đội chơi. Họ không phát hiện ra tôi là người Kinh. – Tôi lân la hỏi thăm, cũng gặp vài anh em cùng huyện. Có hai cậu cùng xã. Nhưng anh em còn ít tuổi quá. Hồi tôi đi B, chúng nó mới sáu, bảy tuổi. Tôi hỏi chuyện làng xóm rồi đến chuyện gia đình. Nhưng hai cậu đồng hương ấy chẳng biết gì cho rõ ràng cả. Họ hỏi sao tôi biết quê họ với lại quen nhiều người thế ? Tôi bảo tôi có được ra Bắc học và sơ tán về vùng quê họ mấy tháng. Và thế là các đồng hương của tôi tin ngay ! Một cậu bảo có biết "cái chị ấy" – tức là vợ tôi và thậm chí biết cả "anh chồng chị ấy" – tức là tôi. Nhưng theo cậu ấy thì hiện nay anh ấy đã hi sinh ở chiến trường, còn chị ấy hình như vẫn ở vậy. Cậu kia lại bảo hình như chị ấy đã có con với ai đó. Trời đất, cái gì cũng hình như, hình như ! Tôi không thể chịu được. Nhưng mà trách ai ? Anh em người ta có việc của người ta. Mà dẫu tôi có hi sinh hay còn thì đối với họ cũng thế thôi. Tôi đã mời được hai cậu đồng hương về nhà chơi. Tôi cư xử với anh em theo đúng kiểu người Gia Rai ... Vâng, lúc gặp anh em thì tôi cảm thấy tôi đóng kịch không đến nỗi kém. Vậy mà sau đó chỉ có một mình với những kỉ niệm cũ, ông ạ, tôi không tài nào chịu nổi. Tôi như thằng tâm thần nhưng lại cũng rất tỉnh táo. Tôi nói dối ông già là được trên cử đi họp hai tháng. Ông già bán con heo nái đang nuôi lấy tiền cho tôi, không hề nói gì. Thậm chí ông còn tỏ ra vui hơn thường ngày. Sau này tôi mới biết, ông già tinh ý gớm. Ông bảo lúc ấy ông đếm được trong đầu tôi nghĩ những mưu mẹo gì ? Tôi chỉ nghĩ là đi chừng hai tháng. Về quê, tôi định thế. Nhưng với kế hoạch không lộ mặt cho ai biết. Tôi thèm biết tình hình vợ và hai em tôi, với lại được

đi trên cánh đồng làng trong cảnh thanh bình quá ! Rồi tôi vào, nhất định thế. Tôi không bỏ ông già và dân làng Plei–O–K của tôi được. Có lẽ như thế tôi sẽ yên tâm hơn, phải không ông ? Hôm ấy tôi đi sớm. Ra khỏi làng, trời còn mù sương, ngoái lại chỉ thấy những đốm lửa nhập nhoè. Tôi vừa đi vừa chạy tới bến xe thì sáng. Tôi chỉ mặc độc một bộ đồ bộ đội. Vâng, rủi cho tôi mà cũng thật may cho tôi. Tôi lao vào xếp hàng mua vé. Chỉ còn hai người nữa đến lượt tôi thì bỗng cửa bán vé sập xuống. Hai chữ HẾT VÉ đập vào mắt tôi như một cái tát ! Tôi bấm lòng chờ mua chuyến trưa. Tôi xếp hàng đầu tiên và cố không nghĩ ngợi gì. Thời gian căng thẳng ấy rồi cũng qua. Cửa bán vé vừa mở tôi đã thọc tay, đưa tiền vào. Cô bán vé định bán thì một người nào đó, cũng từ phía trong phòng hỏi giấy. Tôi không có giấy tờ ! Không có gì cả ! Tôi bảo tôi là thương binh, đi thăm bạn cũng là bình thường ! Người ta hỏi : "Thế thẻ thương binh của bác đâu ?". Tôi đấm ngực : "Thế à ? Tôi thế này mà cũng phải thẻ à ?". Người ta vẫn nhẹ nhàng : "Vâng, đã là thương binh thì phải có thẻ thương binh, bác ạ". Tôi nuốt giận bước ra khỏi hàng. Tôi chộp mua một nải chuối bằng số tiền định mua vé nắm trong tay, không phải vì thèm ăn, mà tôi cứ mua, thế thôi. Tôi thấy một cháu bé chừng bốn, năm tuổi đứng nhìn. Tôi đưa cả nải chuối cho nó. Đứa bé bỗng khóc thét lên, còn mẹ cháu thì lao tới, ôm ghì lấy con. Tôi ngơ ngác giây lát và sực nhớ, mình không còn là người bình thường nữa ! Tôi nuốt cay cực xuống ngực và cắm đầu đi ! Rồi tôi nằm vật trong một bụi cây. – Ông già lại cõng tôi về. Ông già theo dõi tôi, ông ạ. Ông bảo tôi đi lọt thì cho đi, nhưng nếu không lọt sẽ có chuyện xấu. Ông già đắp lá rừng mát cho tôi. Rồi tôi cũng trở lại bình thường. Có đến vài tháng tôi không được khoẻ lắm, đêm nào cũng nằm mơ. Thậm chí cả lúc thức, cả ban ngày nữa ! Khi thì thấy thằng em tôi vào. Rõ ràng nó đang đứng ngoài cửa xách cái cặp sách ngày xưa nó vẫn đi học. Tôi chạy ra thì nó biến đâu mất. Tôi quay vào chỗ cũ lại thấy nó xuất hiện. Tôi ngồi im nhìn nó và nó cũng đứng ngoài cửa nhìn tôi. Tôi quát lên : "Sao chú lại đứng đó ? " – "Em vào tìm anh", nó nói : nhẹ nhàng. "Không !" Tôi bảo nó : "Chú về đi. Về lo công chuyện của chú đi. Anh không còn nữa đâu !" – "Anh nói gì lạ vậy ?", nó nói : "Anh vẫn còn sống. Hôm trước anh đã định về với chúng em kia mà !". "Không !", tôi bảo nó : "Chú nằm mơ đấy". "Chính anh đang nằm mơ"

nó nói. "Chính anh đang tự dối mình. Anh ngu lắm !". Nó dám bảo tôi thế. "Anh không biết rằng anh đang làm khổ chúng tôi, làm khổ chị ấy và chính bản thân anh nữa". – "Trời ơi", tôi bảo nó : "Chú được học rộng biết nhiều mà hiểu về anh hạn hẹp quá. Anh đã là liệt sĩ rồi. Anh hi sinh ngày giờ, năm tháng nào chắc chú đã biết. Chú đã từng cúng giỗ và khóc anh. Vậy mà bây giờ chú nỡ mắng anh như vậy ? Người ta có nhiều cách biểu hiện lòng thương yêu. Khóc là một kiểu và chú mắng anh cũng là một kiểu. Nhưng chú ạ, anh đã hi sinh rồi. Chú hãy cứ tin như thế, như chú đã từng tin bấy nay !..." – "Không được !", nó lạnh lùng đáp. "Anh còn sống, em biết. Và chính vì thế, anh đã làm khổ bao nhiêu người. Bây giờ đã đến lúc phải nghĩ lại. Đất nước hoà bình thống nhất rồi. Và anh đã góp một phần xương máu vào sự nghiệp chung. Bây giờ anh có điều kiện được hưởng hạnh phúc. Anh cứ về với bọn em đi ! Anh về với chị dâu của chúng em đi !" – "Này", tôi bảo nó. "Chú im miệng ngay đi !". Tôi cũng phải ra vẻ cứng với nó. "Anh cấm chú không được nói năng như thế. Anh đã là liệt sĩ rồi. Nhất định đơn vị anh, bạn bè, đồng đội của anh đã làm chính sách đối với anh chu đáo" – "Không ! Anh còn sống", nó vẫn một mực. "Anh hèn lắm ! Anh không dám chấp nhận sự thật !" – "Sự thật nào ?", tôi quát lên. Nó thì ngồi khóc, ông ạ. Em tôi nó khóc vì tôi là liệt sĩ thật rồi ! Mà liệt sĩ không phải đã chết, rõ ràng thế. Tôi bảo nó : "Chú đừng tưởng, chú ạ. Chính liệt sĩ, chính những người anh hùng vô danh, những người không có tên tuổi ; những người vì Đảng, vì dân, vì Tổ quốc – họ đã chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Họ hi sinh. Đúng ! Nhưng hi sinh thì không phải là chết ! Họ sẽ sống lâu hơn chúng ta. Chú đừng tưởng. Tôi phải nhắc lại với chú. Chú đừng nghĩ chú được học rộng, biết nhiều mà hiểu thấu mọi nhẽ. Chú đừng mong tôi phải ân hận, phải nghĩ lại gì cả – Mỗi con người được sinh ra – tôi nghĩ thế và tôi làm đúng với ý nghĩ của tôi. Mỗi con người được sinh ra, nếu chúng ta muốn thành người tốt thì trước nhất, chú ạ. Trước nhất phải làm tròn bổn phận của mình ..."

Anh buông tay, ngả người ra sau, tiếp :

– Tôi nói nhiều quá phải không ông ? Có lẽ tôi say rồi. Cũng có lẽ quá lâu chưa có dịp uống rượu. Hôm nay vui quá. Thằng con tôi ra đời. Tôi đặt tên cháu là Rơ Lan Thực. Lúc ông vào tôi đang nằm nhớ cái đêm nguyệt thực ở quê.

Bây giờ thì anh ngả hẳn người vào lòng tôi. Một lúc sau sực tỉnh, anh tiếp :

– Những ngày sau tháng Ba năm Bảy lăm, chắc các ông sướng lắm nhỉ ? Còn tôi, ông ạ ! Tôi không dám cho phép mình ra khỏi huyện. Đó là nguyên tắc mà tôi đặt ra, là kỉ luật mà tôi không cho phép mình vi phạm. Có những đêm tôi cứ lẩn thẩn nhớ lại khuôn mặt từng anh em một trong đơn vị. Tôi điểm lại quân số những người đã hi sinh từ khi tôi vào đến lúc bị thương. Tôi nhớ hết cả tính tình, khả năng từng người. Nói thật với ông, chỉ tính riêng đại đội tôi thôi, anh em mà còn cả sẽ thành lập gần đủ một tiểu đoàn với những tay súng kì cựu và dũng cảm. Có lần tôi mơ thấy tất cả anh em chúng tôi – những liệt sĩ cùng đơn vị – tất cả, dưới sự hướng dẫn của tôi. Anh em tập trung về làng Plei–O–K này để nghe tin tức trên đài, giống như hồi còn chiến tranh chúng tôi vẫn làm. Đấy, ông là nhà báo, chắc ông dễ thông cảm với chúng tôi. Lúc nào anh em cũng muốn biết tình hình thời sự. Mà phương tiện thông tin thì chỉ có mỗi cái đài của tôi. Báo chí thất thường và chậm lắm. Nhưng hiện nay thì đài của tôi đã gói kĩ rồi. Pin đắt lắm mà chẳng phải lúc nào cũng mua được ! Ông bảo ông cho tôi pin hả ? Thế thì hay lắm. Chút tôi sẽ mở đài cho cả thằng con tôi nghe. Chắc khi con chúng mình lớn lên không còn thiếu pin nữa ? ...

Anh nhanh nhẹn cầm hai viên pin tôi đưa, chạy vào nhà. Sau đó không lâu có tiếng đài rọt rẹt. Chị nói vui với anh bằng tiếng Gia Rai :

– Không phải đài người ta cũng mới sinh con trai đâu mà còn thức khuya để nói.

Anh cười hì hì :

– Đài không nói, mình nói. Mình mới sinh con trai, lại gặp bạn cũ, thức cả đêm chắc cán bộ phụ nữ giận một nửa, thương một nửa nhỉ ?...

Rồi anh bước ra. Chúng tôi đổ tiếp nước vào ghè và vít cần. Tôi gợi chuyện :

– Đã bao giờ anh kể chuyện ngoài Bắc cho chị nghe chưa ?

– Có, – Anh buông cần, nói. – Lúc chưa cưới, tôi kể hết. Cô ấy khóc. Sau này thì thôi, nói làm gì nữa ông ? Chúng tôi đều là những người muốn có hạnh phúc cả. Nhưng bây giờ cái làm tôi sợ nhất là chiêm bao, ông ạ. Có lần tôi mơ thấy em gái tôi vào và khi tỉnh, tôi

vùng dậy. Thấy tôi có vẻ hốt hoảng, nhà tôi ôm ghì lấy tôi. Tôi kể cho cô ấy nghe và cô ấy khóc. Tôi phải an ủi, giải thích mãi. Chiêm bao là chiêm bao, còn sự thật vẫn là sự thật phải không ông ? Tôi không tin chiêm bao phản ánh sự thật. Cô em gái tôi vào, tôi thấy thế. Nó dẫn theo cả một đoàn cháu gái. Tôi mừng quá, reo lên. Nó thì đẩy vai tôi ra, nói : "Bác còn sống đấy à ?", nó dụi mắt và lao vào lòng tôi. "Anh đã hi sinh rồi em ạ", tôi bảo nó thế. "Vâng", em gái tôi tức tưởi. "Lúc nào anh cũng bảo anh đã hi sinh, đã là liệt sĩ ! Thôi thì em tin anh. Nhưng sao anh là liệt sĩ mà chẳng phù hộ em ? Cháu của bác đây. Bác xem lại đi, toàn cháu gái cả ! Em sinh đến đứa thứ năm rồi mà vẫn con gái. Các chị nhắc em phải kế hoạch. Nhưng vợ chồng em muốn có một cháu trai quá. Bác bảo bác là liệt sĩ, sao bác chả phù hộ cho vợ chồng em ? Chúng em dạy học trên miền núi có chục năm hơn rồi mà vẫn chưa xin chuyển được về quê. Bác thì đã hi sinh, bác V. công tác xa lắm, ai là người lo giỗ chạp hương khói cho ông bà, cho bác ?". Rồi lại cả vợ tôi nữa, ông ạ. Cô ấy cứ buông tóc xuống đất cho các cháu gái tôi tha hồ mà chải. Tôi đến thu lại thì cô ấy bảo : "Sao cả tháng giời ăn ở với em, em muốn có con, anh lại gạt đi. Anh bảo anh không muốn em vất vả mang thai, sinh con mà vắng mặt anh. Bây giờ anh là liệt sĩ, anh có biết em sống vò võ một mình buồn thế nào không ? Anh bảo em đẹp ư ? Trời đất, đẹp mà làm gì khi không có anh trên đời này nữa ? Tóc đây, tóc xanh mà làm gì khi không có bàn tay anh luồn vào ? ...". Rồi cô ấy bảo tôi bạc. Rằng tôi sống như thế là không có hậu. Rằng ít ra cũng phải nghĩ tới vợ, tới em, tới công lao của bà con xóm giềng. Cô ấy bảo biết tôi còn sống, có một người mách với cô ấy thế. Vợ tôi không bao giờ tin tôi có thể chết được, ông ạ. Trước hôm đi B, tôi có nói đùa : "Nếu anh có lỡ việc gì ...". Cô ấy gạt phăng ngay : "Anh im đi ! Không được nói gở thế. Chẳng bao giờ có chuyện gì xảy ra cả !". Bây giờ cô ấy nhắc lại với tôi điều ấy. Vâng, tôi nhìn vào mắt vợ tôi và cô ấy cũng nhìn tôi chằm chặp. Tôi bảo : "Em hãy bình tĩnh. Hãy đặt mình vào hoàn cảnh của người khác và suy nghĩ ...". Cô ấy thét lên : "Anh không phải là người khác ! Anh là anh ! Hãy về với em đi !". Tôi bảo : "Em hãy nhìn vào mặt anh đây. Hãy nhìn vào tay anh đây. Bàn tay anh không còn luồn vào tóc em được nữa ... – Môi anh cũng không còn bình thường để đặt lên đôi má lúc nào cũng như rắc phấn của em được nữa !". Có thể tôi nghĩ thế là sai. Nhưng tôi nghĩ thế nào thì tôi

làm đúng như thế. Ở đời, có những cái sai mà người ta cũng chấp nhận được. Nhưng em thì tuỳ. Em có quyền trách cứ tôi. Vì yêu em mà tôi xử sự với em không phải.

Bỗng anh ngửa cổ ra sau, nói :

– Không ! Tôi là liệt sĩ rồi, ông ạ. Tôi là liệt sĩ như muôn ngàn đồng đội chúng ta là liệt sĩ. Em là vợ tôi, em là vợ liệt sĩ như muôn ngàn chị em có chồng đã hi sinh. Và điều ấy an ủi tôi. Em có quyền tự hào về tôi và cả về em nữa. Chúng anh, những liệt sĩ, em ạ. Chúng anh không sống cho mình và cũng không chết chỉ cho mình. Nhưng anh mắc lỗi vì có em trên đời này. Biết làm thế nào khác được ? Tổ quốc đối với anh là em, là bà con xóm làng mình. Nhưng lại không phải chỉ có thế. Tổ quốc còn là ông già Gia Rai đã cứu anh, còn là bà con dân làng Plei-O-K này nữa. Tổ quốc là tất cả. Là Đảng mình, dân mình, là tất cả ! – Anh vươn tới chụp mạnh vai tôi, lay lay – Tổ quốc là những đêm chúng mình xuống đồng bằng cõng muối, gùi gạo. Thèm đồng bằng quá. Thèm chúi vào bếp lửa quá. Thèm lội xuống ruộng lúa dầm bùn, sặc sụa mùi phân quá. Thèm được nghe tiếng trẻ khóc, tiếng la rầy của mẹ quá. Thèm được phanh cúc ngực trên đồng hát nghêu ngao quá.

Chợt anh cấn mạnh vào cánh tay và sực ngửng lên nhìn tôi :

– Tôi đang nói chuyện với ông nhỉ ? Thỉnh thoảng tôi cứ phải hoặc cắn vào cánh tay mình như thế. Hoặc đá vào cái gì đó cho rõ đau để biết mình đang tỉnh hay nằm mơ. Có lẽ thần kinh tôi yếu rồi. Nhưng tôi với ông là đồng đội, chúng mình hiểu nhau hơn. Từ ngày quyết định ở lại đây, tôi không nghĩ là tôi sẽ lấy vợ. Thật thế, thề có mặt trăng đêm nay ! Tôi ở với ông già gần chục năm. Mãi năm kia ông già ốm nặng rồi qua đời. Cô út về chăm sóc và chịu tang. Chúng tôi lo cho cụ chu đáo đúng với phong tục của người Gia Rai. Sau đó tôi mới biết cô ấy cũng đã có chồng và chồng cô cũng là liệt sĩ. Vâng, chúng tôi yêu nhau. Dân làng vun quén cho chúng tôi. Tôi được bà con tín nhiệm. Tôi đã đem hết năng lực ra làm những gì có thể làm được. Rồi tôi được vào Đảng. Đúng hơn, tôi được chi bộ và đảng uỷ xét cho sinh hoạt lại. Bây giờ tôi phụ trách công tác thông tin văn hoá xã, ông ạ. Đội chèo của chúng tôi không những đã vững vàng, có thể nói như thế. Chúng tôi còn đang ra sức tập tành để hội diễn văn nghệ quần chúng sắp tới đoạt được giải một cách bất ngờ ...

Anh ngả hẳn vào người tôi nhìn trăng. Anh lại kéo má tôi hôn tới tấp. Rồi anh thì thầm :

– Vừa rồi tôi đã nói gì với ông, tôi không nhớ nữa. Có lẽ tôi say. Nhưng hôm nay vui quá ! Suốt từ sáng dân làng tới mừng cho vợ chồng tôi. Chả có gì phải ân hận nữa phải không ông ? Thằng con tôi đã xoá đi mọi cực nhọc cho tôi. Ông nên nhớ rằng, tôi không có ý định thay đổi lại cuộc sống. Chỉ có một điều, ông có điều kiện, khi nào về quê tôi chơi, ông thăm dò giúp tôi tình hình vợ và hai em tôi. Nhưng bằng giá nào cũng không được để lộ ra là tôi còn sống. Tôi tin ông, ông giúp tôi nhé. Chúng mình sẽ thư từ cho nhau. Mai tôi ghi địa chỉ cho ông ...

Và anh nằm gối đầu lên đùi tôi ngủ. Anh ngủ ngon lành như không phải vừa rồi đã nói ra những điều sâu kín của đời mình.

*
* *

Sau chuyến công tác Tây Nguyên, tôi thu xếp xuống miền quê anh ngay. Trong thời gian đó, tôi ở nhà đồng chí chủ nhiệm, xuống các đội sản xuất lấy tài liệu. Lân la trò chuyện với bà con xã viên, tôi được biết chị P., vợ anh, năm 1970 nhận tin chồng hi sinh. Người ta kể rằng, chị bị ngất nhiều lần khi nghe tin đó. Nhưng cũng như nhiều chị em có chồng hi sinh ở chiến trường, chị đã vượt qua. Chị lao vào công tác và được trên cử đi học đại học nông nghiệp tại chức. Năm 1975 chị tốt nghiệp và nhận công tác trên phòng nông nghiệp huyện. Năm 1977 chị lấy chồng, anh K. chồng chị cũng là bộ đội chuyển ngành. Họ đã có một cháu trai. Người ta còn kể rằng, anh K. hiền lành, rất chu đáo với vợ con. Xóm làng, mỗi khi nhắc tới tên anh đều được nghe những lời tốt đẹp. Tôi còn biết thêm, anh V. em trai anh đã về nước, hiện đang công tác ở một viện nghiên cứu khoa học của Trung ương tại Hà Nội. Cô em gái anh chuyển xuống gần anh V. Vợ chồng cô có hai cháu, một trai, một gái.

Sau khi rời hợp tác quê anh, tôi còn ghé phòng nông nghiệp huyện, định tìm gặp chị P. Nhưng chị đã đi công tác phong trào. Anh K. đang nghỉ phép, dẫn cháu về quê nội. Tôi rất tiếc không được trực tiếp gặp chị. Nhưng kể thế cũng có cái hay. Điều gì cần biết về chị tôi đã biết

rồi. Và tôi cũng đã báo tin cho anh. Tuy nhiên, tôi muốn nói thêm dòng cuối là, trong câu chuyện này, tên anh, tên chị, tên những người thân của anh và cả quê hương cũng như vùng đất anh đang sống, chỉ là những chữ cái tình cờ mà tôi đặt ra.

Hà Nội, 10 - 1982

Lời bình

Như tên truyện đã ghi rõ, cái hiện tượng thiên nhiên kì thú này sẽ là đầu mối, là cái cớ, một toạ độ của không gian và thời gian nghệ thuật để soi tỏ số phận của nhân vật chính : một người lính dấn thân vào cuộc chiến, tàn phế và sống sót, nhưng số phận anh ta đã rẽ sang một lối ngoặt ít ai tưởng tượng được.

Thiên truyện được viết sau khi chiến tranh kết thúc không lâu, nhưng cũng đủ thời gian cho phép người ta lùi lại, bình tâm suy xét, làm sáng tỏ những uẩn khúc, những cái nhìn bề ngoài thì dường như có vẻ bí ẩn, lạ lùng, không hợp lẽ phải thông thường, nhưng từ bên trong, từ sâu thẳm của nó lại chứa chất những vấn đề lớn thuộc về đạo đức, nhân sinh, mà người lính, bằng nội lực của mình, bản lĩnh của mình đã tự chủ động giải quyết khá tốt đẹp !

Người đọc sẽ không quên, sẽ bị ám ảnh mãi về hai đêm nguyệt thực đánh dấu những chặng đường quan trọng của đời một con người ! Lần đầu : sự nảy nở của tình yêu, kết hôn vội vàng rồi đột ngột xa cách, tưởng là nhất thời hoá ra là mãi mãi. Lần sau : sự làm lại cuộc đời, trong hoà bình ở miền quê mới - đứa con trai đầu lòng chào đời.

Thiên truyện ra mắt góp thêm một tiếng nói mới, một cái nhìn thông cảm chứa chan tình người về những số phận, những mảnh đời chịu nhiều mất mát, không may mắn trong chiến tranh.

Chiến tranh đã đi qua, nhưng nó đã để lại những nỗi đau, những mất mát không gì bù đắp được : vợ chồng, anh em xa cách, bao đồng đội bạn bè hi sinh không trở về, những vết thương trên cơ thể những người lính

sống sót và sự chờ đợi đến vô vọng của những người thân ở hậu phương đối với người ra đi ...

Với vốn sống phong phú, sự từng trải và kĩ thuật dẫn chuyện ở ngôi thứ nhất thông qua đối thoại, truyện gây xúc động mạnh mẽ trong người đọc : tim chúng ta thắt lại trước những giọt nước mắt ứa ra, tức tưởi của người đàn ông đã dày dạn, vượt qua biết bao thử thách của trận mạc. Thế mà lần đầu tiên, sau bao năm thầm lặng để nước mắt chảy vào trong, nay gặp lại đồng đội cùng chiến trường năm xưa, trong niềm vui không kìm nổi đón mừng sự ra đời của đứa con trai đầu lòng, thấm thía về sự lận đận, dang dở, không may mắn của mình so với những người khác còn sống, anh đã bật lên tiếng khóc. Ta cảm nhận trong cái tiếng khóc đứt ruột nhưng vui sướng cứ trào lên đó, chứa chất nhiều điều : niềm vui xen lẫn nỗi buồn và sự nhẹ lòng bởi giải toả được những điều u ẩn bấy lâu nay.

Truyện đan cài những sắc thái thẩm mĩ khác nhau : Ta thương xót anh bao nhiêu (ôi, nỗi nhớ đến nao lòng về một vùng quê bình yên có người vợ trẻ, mái tóc dài óng mượt mà nay ta không còn lành lặn trở về được nữa để lùa tay nâng niu suối tóc ấy !), lại càng thêm cảm phục anh bởi nghị lực nhẫn chịu, có gan nhận phần thiệt thòi, lặng lẽ mà sống, không đòi hỏi sự hiện diện chính đáng của mình, chỉ cốt để không ảnh hưởng đến tập thể, đến người thân, kể cả ruột thịt và tình nghĩa vợ chồng thuỷ chung.

Nhân vật chính không bị xem là người khắc kỉ, lập dị thái quá hoặc tự ngụy biện, lên gân cốt để yên lòng. Sử dụng bút pháp độc thoại nội tâm và đi sâu vào thế giới tâm linh của đời sống tinh thần con người, tác giả diễn tả khá thành công nỗi day dứt nhớ quê hương, nhớ da diết người thân, người vợ đầu khiến anh tìm cách lần về mà trớ trêu thay, ý nguyện nóng bỏng đó đâu có thực hiện được. Và nỗi day dứt khôn nguôi cứ ám ảnh anh mãi trong những giấc mơ, trong đó anh tìm gặp được họ để giãi bày, tranh luận, an ủi.

Tuy thế, truyện dẫn người đọc tới cái nhìn tươi sáng, lạc quan về sự hồi sinh của đất nước, của con người sau chiến tranh.

Sự sống đã vang lên trong tiếng khóc chào đời của em bé mới sinh, hạnh phúc ngời lên trong ánh mắt của người lính tìm thấy hạnh phúc mới,

với tiếng ru vỗ về con và cũng để yên lòng chồng của người vợ - con gái của ân nhân đã khuất. Cùng với nó là một cuộc sống mới của đồng bào Tây Nguyên tuy còn nhiều lam lũ, vất vả và lạc hậu nhưng đang vươn tới tiến bộ, văn minh, no ấm.

Truyện không thể nào không dẫn tới một kết thúc có hậu : mặc cảm có lỗi, nỗi ân hận về sự không trở về với quê hương và cuộc hôn nhân đầu tiên, đã được làm mờ dần. Phải chăng ở đây có sự tác động của quy luật nhân quả theo thuyết lí của đạo Phật phù hợp với tâm nguyện hướng thiện của người Việt Nam : sau những sự đưa đẩy của số phận và những ngẫu nhiên định mệnh, cuộc sống đang vươn lên mạnh mẽ và ý thức về bổn phận với nhân dân, với Tổ quốc đã đủ sức hàn gắn những vết thương chiến tranh, khoả lấp những chỗ trống vắng và thiếu hụt. Con người đã tự vượt lên mình, sống xứng đáng với những hi sinh của người đã khuất, của người thân và quê hương. Một tương lai đang chờ đón họ và một hạnh phúc mới đang ở trong tầm tay họ, như một sự an ủi, một sự đền bù.

Truyện gợi ta liên tưởng đến "Tính cách Nga" của A.Tônxtôi.

Nguyễn Ngọc Thiện

Hoàng Hạc

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Hạc. Sinh ngày 15 tháng 2 năm 1932.

Mất năm 1999.

Quê quán : Thôn Ngòi Mọn, xã Bình Hanh, huyện Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Tác phẩm đã xuất bản : *Ké Nàm* (truyện ngắn, 1963) ; *Sóng gọi* (tiểu thuyết, 1986) ; *Hạt giống mới* (truyện kí, 1983) ; *Xứ lạ Mường trên* (truyện, 1989) ; *Then Bách điểu* (sưu tầm, dịch, 1994) ; *Truyện cổ dân gian các dân tộc Việt Nam* (2 tập, in chung, 1963).

Giải thưởng văn học : Giải thưởng văn xuôi của Hội đồng Văn học thiểu số Hội Nhà văn Việt Nam 1985 và của Uỷ ban Trung ương Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam 1985 (tập truyện kí *Hạt giống mới*) ; Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo *Văn nghệ* 1963 (truyện ngắn *Ké Nàm*).

KÉ NÀM

Từ dạo năm ngoái, ké Nàm nghe người ta nói : "Ở Thác Bà họ làm ghê lắm ! Người về như bướm như ong. Suốt đêm, máy điện vang ầm ầm, dây điện bắc qua giữa rừng nứa như dây sắn. Họ đào núi xuống, đắp kín lòng núi. Chẳng lâu nữa, người ta đắp đến sông, là chỗ ta đây thành biển cả !". Năm mươi tuổi trên đầu, ké chưa nghe ai nói đắp được sông !

– Bác không biết đấy, người ta chẳng những đắp được sông làm thuỷ điện, mà còn đào sông mới nữa kia !

– Tao không nói đâu xa, cứ con sông Chẩy này, nom nó hèm hẹp vậy thôi, nhưng mùa nước xem : cứ như trời lở không bằng. Bao nhiêu búi lau, cây sung ven sông, nó đào đi dễ như ăn khoai ấy, đắp được nó à ?...

Nhưng những chuyện Thác Bà ngày càng nhiều. Trong bản có người cũng không tin đắp được sông, nhưng họ đi tận nơi xem, khi về nói cũng vào nhau hết. Ké Nàm nghĩ, băn khoăn : "Đắp được sông thật à ?"..,

Ăn tết năm một ngàn chín trăm sáu mốt xong bỗng có tin xã bên cạnh chuyển đi nơi khác. "Mai kia cả huyện ta cũng chuyển". Ké thấy lo lo ...

– Tao muốn đi Thác Bà một chuyến xem thế nào ? Bà Nàm bảo :

– Đi được thì đi, xem người ta làm thế nào ! ...

Ké Nàm ngẫm nghĩ, rồi bảo :

– Ừ, thế gói cho tao mấy chiếc bánh đi ăn lèng[1] !

Ké đi.

Xuống đến dưới ngã ba Đông Lý thì quá bữa cơm trưa một lát. Cái áo chàm bạc màu của ké đã ướt hai bả vai. Ô tô cái ngược cái xuôi, đông như muỗm ruộng tốt. Cái nào cũng toàn chở gỗ, nứa. Mỗi chiếc đi qua, cuốn theo bụi đường mờ mịt. Ké Nàm phải tránh đều. Vừa đi được vài bước lại nghe tiếng "sùm sùm u u" đằng sau, ké ngoái lại, thấy một chiếc to lù lù, chật cả đường. Ké vội bước xuống rãnh, lưng áp vào thành núi, mắt nom không chớp : nó không giống cái ô tô. Nhìn lên ké thấy cao bằng nóc nhà đất. Nhìn xuống, ké thấy bánh xe cao gần bằng đầu. Ké đếm đi đếm lại, thấy có hai mươi bánh. Ké trộm nghĩ "càng chiếc càng to, ô tô cả nước kéo đến đắp sông thật chắc ?". Ké mệt cả người mới đến Thác Bà.

Lâu lắm ké không xuống đến đây, bây giờ đến như lạc trong rừng. Bên phải là nhà của công trường ; dẫy nhà lá lại những nhà ngói, nom nhiều như nấm trứng. Ké dừng lại tìm con đường cũ ven sông có dẫy cây râm, nhưng chẳng thấy đâu. Nhìn những quả núi cạnh đường, trước đi qua còn sợ beo, bây giờ mất hết cả núi. "Tinh những người với nhà !". Quả núi nào còn cũng "sứt mẻ" hết cả. Ké liền bước theo con đường ven sông, đi về phía có tiếng động ầm ầm như muốn lật cả đất.

Sắp đến đầu Thác Bà, ô tô vẫn cái *thổi* còi đằng trước, cái *thổi* còi đằng sau. Ké nhìn : chiếc nào cũng bám đầy bụi đất. Trên "vách" xe có

---

(1) Phòng nhỡ đói thì ăn.

vẽ con bò rừng đang húc. – "Ố, người ta nói xe bò tót, chắc là nó đây rồi !" – Ké thầm nghĩ và tránh vội những chiếc xe ấy. Tránh kịp lại gặp ngay chiếc máy dọn đất lù lù trước mặt. Ké nhảng ra chỗ quang, nom : những sợi dây to bằng ngón tay cái, chạy từ mình nó lên theo cần, đến đầu cần lại luồn xuống ; đầu dây treo một cái ngoạm đất to bằng cái bồ ba tạ thóc. Răng nó thưa doãng ra như hai bàn tay sắp chập vào nhau, ké ngắm nghía nó làm việc, thầm nghĩ : "Y như là cái bè cắt vó ở cửa ngòi ! Nhưng mà sao nó khắc cắn lấy đất, lại khắc mang đi đổ. Người chỉ việc ngồi trong râm vận máy ? Sao mà có thứ máy giỏi thế không biết !". Ké lại ngắm cái máy đào đất : "Gjôo ... con tê tê đào đất còn khom lưng, cái này thẳng lưng, khoẻ quá ! Mỗi lần húc như bão làm núi lở không bằng, giỏi thật !"...

Ké nom những người lái xe bò tót, ai cũng trẻ cả. Nhìn những người "vận máy" dọn đất ké chợt thấy có một người trẻ quá, hai má hồng hào cười hớn hở. Đầu đội cái mũ có mái che đằng trước. "Sao có người trẻ mà giỏi thế chứ lị !". Qua cửa xe, ké thoáng thấy hai đuôi tóc đan chéo buông xuống sau vai : "Đàn bà à !? ... Ố, con gái Dao, giỏi á !"... Cô gái cúi xuống, "đầu cá" ngoạm lấy đất. Cô gái quay tít cái vòng tròn, mắt nhìn đằng trước. "Đầu cá" ngoạm được đất liền quay đi đổ "Phijô !" xuống lưng xe bò tót, bò tót kêu hừ hừ lao đi. – "Háy gjòo... giỏi thật. Thế làm gì chẳng đắp được sông".

Ké đứng ngắm cô gái, nhìn các máy làm việc hoa cả mắt. Mãi lâu, ké thấy cổ họng mình khô khô, ké mới sực nhớ ra là khát nước. Ké quay lại, xuôi theo con đường ven sông xuống.

Đến trước cửa đền Thác Bà, ké đứng ngẩn ra như người lạc đường. Đang say sưa ngắm dãy nhà chuyên gia dài dằng dặc thì "Pét pét !" – một chiếc xe vận tải kêu đằng sau. Ké né vào gốc cây. Trên xe có hai anh con trai và một cô gái đứng trên toa, tay bám thành xe phía trước. Thoáng thấy ké Nàm, cả ba cùng gọi :

– Bác Nàm ! Bác Nàm !...

Ké Nàm ngẩng đầu lên, xe đã chạy khuất. Ké chỉ kịp nhận ra Thìn và Lưu, người con gái Là Ngài thì chiếc xe khác đã về lấp. Ké không kịp trả lời, chỉ nghĩ về ba người ấy : "Nghe nói đi công trường, tưởng công trường nào, hoá ra ở đây !"

Ở bản, anh em xã viên nghỉ giải lao ở nhà ké Vinh. Thấy ké Nàm đi thăm Thác Bà về, họ cười, hú vang như cất vó được con cá to, gọi ké lên nhà hỏi chuyện. Ké lên, thấy bà Nàm và con Lén cũng ở đó. Vừa ngồi, lớp trẻ đã tò mò hỏi ké xem việc đắp sông thế nào ? Ké biết chán, nhưng ké không nói. Mấy người già hỏi ké xem Thác Bà có gì mới, ké kể không dứt dây dứt sợi. Lo không hiểu, ké bẻ đóm cắm theo kẽ giát trắng lốp, ví những cần trục, máy móc ... cho họ xem. Ai cũng gật đầu khen máy giỏi. Một người nói :

– Các anh huyện uỷ và bí thư xã ta dạo này đủ mà muỗi đốt, vắt cắn !

Ké Nàm hỏi :

– Để làm gì ?

– Tìm bản mới cho ta đấy.

Ké Nàm dứt hết chuyện. "Máy với móc gì, đắp sông thế nhà ta ngập hết còn đâu !". Chén nước uống dở, ké bỏ đấy về nhà vừa nghĩ : "Mấy đời ăn, ở, qua, về, bao nhiêu mồ hôi đổ xuống chỗ này, cố làm nên cơ ngơi để cho con, bây giờ lại để cho nước ngập !". Ké thấy mềm cả người.

Tối về hai vợ chồng ké ngồi than thở với nhau. Cái đèn dầu để giữa, ánh sáng rọi vào khuôn mặt thuôn thuôn, hơi dài của bà Nàm. Bà cũng lo nghĩ nhiều, nên nét mặt bây giờ đầy vẻ lo lắng. So tuổi thì bà kém ké Nàm hai tuổi, là người chăm công tiếc việc, cái váy lúc nào cũng bằng đầu gối. Mấy năm trước bà còn mặc cái áo dài, mấy năm nay bà thấy nó vướng vướng, bà mặc chiếc áo cánh gụ. Bà đang tính : "Mười chín tuổi thì về đây cùng chồng làm ăn rồi, công sức vun vào mãi mới thành cái cơ ngơi ...". Bà không muốn đi đâu cả, phàn nàn :

– Ở thế chưa được hay sao, còn đi đắp sông cho nước ngập làm gì cơ chứ !

Ké Nàm vẫn nhìn qua cửa sổ. Ké không còn bụng dạ nào kể cho bà nghe chuyện đắp sông nữa.

Sáng nay ké Nàm không đi ruộng nữa, ké ở nhà. Ngồi bám cửa sổ chán, ké đứng dậy, đi xuống chỗ cây cột treo dao. Tay cầm chuôi dao tuốt khỏi vỏ, vỏ chạm vào cột lạch cạch. Trước mặt ké, cây cột bào nhẵn

thín nổi dầu óng ánh. "Toàn cột lõi cả chứ không đâu !". Kế vỗ bàn tay pạp pạp vào cột : "còn chắc lắm !". Kế nhìn suốt ba gian nhà kê rộng thông thống, mỗi lỗ đục, mỗi cây trêm, ké cảm thấy vẫn còn in rõ vân bàn tay mình, mồ hôi mình bám ở đó. Kế nhớ dạo làm nó, theo thuở ma ông cụ trèo núi lại núi, vắt treo ở kẽ chân như trâu đeo mõ. Gặp một cây lí to quá hai người ôm không khít. Cha con phát gốc cho quang, rồi mỗi người chém một bên. Một ngày không đổ, mặt trời gác núi lại về đi nhờ người. Hôm sau lên ăn ngủ trên đó bốn, năm ngày đỡ nhau làm. Thành cây cột, lại tìm hèo, cọc, bẩy nhả dần trên đá tai mèo xuống.

"Nhà lúc ấy lại đói nữa. Chồng đi núi, vợ ở nhà cho con bú xong mới đi vay từng cụm lúa. Ngày dựng cũng phải đi vay từng con gà, chai rượu ... Ba năm mới nên cái nhà để ở. Từ đó về, cứ tám, chín năm bóc mái lợp lại một lần, lại như nhà mới ngay. Bộ cột này hết đời con, đời cháu cũng chưa hỏng được". Kế vừa nghĩ, vừa bước chân ra cửa, ống nước *lần* đổ về *thích* rào rào. Kế tự bảo : "Chín chữa vầu thôi, nước đã đến tận sàn rồi. Bây giờ đi, có vác theo cả *lần* cả nước được đâu !".

Kế xuống thang, đến bậc cuối cùng thì dừng lại, nhìn khắp gầm sàn, khắp bãi rồi thầm nghĩ : "Chỗ đất này, cha mẹ xưa vừa ăn củ bấu củ mài vừa phát ra cho. Mình sinh ở đây, lớn lên ở đây ... cha mẹ nằm xuống ở đây, mồ mả còn ở chân núi đó. Đời cha, rồi đời mình, lớn lên, gặp bao nhiêu cay đắng cũng cố cho thành nơi ăn chốn ở ...". Kế đứng ngẩn người ra ở cầu thang, mắt nhìn ra trước nhà không chớp. Cạnh bức rào, con gà trống nghển cổ như nhìn thấy gì lạ. Cạnh đó con gà mái vừa bới rác, vừa kêu quác quác, lũ con xúm trước xúm sau tìm mồi. Kế Nàm thong thả bước ra bờ ao, tay chắp sau lưng, ống quần vạt chéo như miệng *ống bắng*. *Kế* dừng lại ở bờ ao, nhìn lại căn nhà. Nhà nhìn về hướng nam. Những cây cam, cây quýt trước nhà, mỗi cành mỗi quả từng xâu từng chùm như bông lúa. Kế tính công lao vun trồng nó – "Coi thế thôi, nhưng từ lúc trồng đến lúc ra quả phải bảy năm. Mấy cây này trồng hột mới được lâu năm như vậy, chứ chiết cành trồng thì đã ra *trầm gửi* chết sạch rồi. Hàng năm cứ mùa cam, cam vàng cả ngọn. Đi đâu về khát nước cứ việc chòi lấy ăn. Nếu đi thì bỏ hết thôi ! Còn vườn mía trước nhà, vườn chuối sau nhà kia nữa. Một cây chuối trồng xuống, đất tốt cũng một năm mới ra buồng, sáu cây mít sau nhà kia toàn mít dai cả. Năm nào cũng sai từ gốc đến ngọn. Đồi vầu san sát sau nhà kia, cây

gác bếp nào gẫy, dẫu chuồng lợn nào hỏng, cầm dao ra khỏi nhà chưa đầy một ấm nước sôi, đã lấy được cây về rồi. Hừ, tháng giêng, tháng hai ăn măng dồi ê cả lưỡi, mai kia thì thôi !...". Ké lại nhìn cái ao, đàn cá đang vờn nhau ở vùng cối máy nước. Ké nghĩ : "Đi chỗ nào cũng không tốt ở bằng chỗ này. Có phải một năm mà thành đâu ! Đời cha mình, lại đời mình đi đêm về hôm thấy cái gì hay cũng mang về trồng, bây giờ thì thứ gì cũng sẵn. Muốn ngọt có ngọt, chua có chua, thơm có thơm cả một cơ ngơi. Ban ngày đi đâu thì đi, xa bao nhiêu, cứ mặt trời gác núi là mình về chỗ này. Gặp vận nạn, cũng săn sóc nhau cho qua khỏi ở đây. Bây giờ mới được sung sướng một tí ..."

Ké Nàm nghĩ ra được một mẹo. Ké tự bảo : "Ai rủ đi quê mới, ta cũng ừ. Còn mẹo ta, ta giữ cho kín. Khi nào nước dâng đến là đâu vào đấy rồi !". Hai bàn chân ké nhẹ hẫn. Ké bước ra cổng, lên đồi sau nhà tìm cây *ngoãm* về chống cành cam lên.

*
* *

Ăn tết năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai xong, người nào gặp nhau cũng nói : "Sắp học tập khai hoang chuyển dân để xây dựng công trình thuỷ điện Thác Bà rồi, chuẩn bị nhé, đi khai hoang đấy !".

Lẻn thích quá ! A[1] học xong lớp bảy rồi, chẳng qua nhà neo, Lẻn phải thôi học. Thuỷ điện là gì Lẻn biết. Lẻn thích đi khai hoang, nhưng chài[2] không cho đi. Ké muốn theo mẹo ké đặt sẵn trong bụng, nhưng chưa muốn nói ra. Lẻn không thấy chài nói gì, cứ tưởng chài bằng lòng.

Đến tháng năm thì học tập thật. Học xong lại kêu gọi thanh niên đi khai hoang xây dựng bản mới.

Hôm nay ngày ghi tên. Lẻn để yên ăn cơm xong mới nói với chài. Vừa nói, ké Nàm bật mắng luôn :

– Mày đừng có cứng cổ lắm. Còn bé thì tao vỗ vỗ về về, lớn lên mày không nghe tao à, hả !

(1) *A* : Cô.

(2) *Chài* : Cha.

Bộ râu bẹ móc của ké rung lên :

– ... Xung phong ! Trong bản còn khối người đấy. Chỉ có mày mới khai hoang nổi à ! Mới mở được bản à !

Lẻn ngồi yên lặng ở cửa sổ gian trong, bụng lo ngay ngáy. A thấy phần mình nặng lắm : "Chài ềm ngày một già, mình đang sức ăn sức làm. Tiếng rằng em gái các chị, nhưng bây giờ nên con cả trong nhà rồi. Em còn nhỏ, đang đi học, mình phải lo ... Với lại làm công nghiệp ngay chỗ núi rừng mình, chẳng phải xin đi đâu xa ...".

A nghĩ thế, nhưng nói ra chưa hết câu, chài đã mắng át đi. Lẻn cố nhịn. Để chài nói hết, a khẽ nói :

– Nhưng chài à ! Bản tuy còn nhiều người thật nhưng họ có phần họ, ta có phần ta. Việc khai hoang này nặng lắm. Con còn trẻ, phải đi làm trước không thì bỏ cho người già à. Với lại đằng nào nhà ta cũng chuyển đi, thế thì con đi cũng như làm cho nhà mình thôi !

Bộ râu bẹ móc của ké Nàm càng rung tợn. Quả găng ở cổ ké cứ chạy lên chạy xuống :

– Chuyển nhà đi ! – Ké trừng mắt mắng – Ai cho chuyển ? Tao già bằng này rồi, công sức tao làm ra cơ ngơi nào thì tao ở đấy, mày giỏi cứ chắp cánh ! ...

Lẻn ngước nhìn chài thấy có cái gì lạ lạ ? A lại cúi xuống cửa sổ. Nom a lúc này mới thật cô đơn ! Bộ áo váy chàm may dạo năm ngoái đen nhấp nháy, hôm nay a mặc vào, thắt lưng bó chít mình gọn ghẽ, a định đi ghi tên, nhưng chài mắng thế. Lẻn thấy tủi thân, không tài nào bước xuống thang được. Lòng Lẻn lúc này hỗn độn, nghĩ không vào nhau. "Làm sao bây giờ ? Không đi nữa, như thế không nên người thanh niên đâu ! Đi, làm sao cho chài bằng lòng ?"... Lẻn ngẩng đầu lên : cuối đồng, con đường ven rừng ngập nắng. Các em nhỏ kéo đi một hàng dài. "Chúng đi họp để ngày mai tiễn đoàn khai hoang thế mà mình vẫn ngồi buồn ở đây !"... Bỗng một tốp trai gái chừng chín người đi tới chỗ hướng Lẻn nhìn xuống, một cô gái đưa tay lên miệng làm loa "hú" lên. Lòng Lẻn như thành nước thành dầu. Sao chài lại không cho đi ? Phải hỏi :

– Chài à ! Chài bảo không chuyển nhà đi, thế nước ngập đến thì làm thế nào ?

Ké Nàm lúng túng. Cứ kiểu này, ké phải nói thật cái mẹo của ké mất. Nhưng còn giữ được, ké bảo :

– Nước ngập thì tao sợ à ! Cứ ứ lên đến gầm sàn, tao mới lõng mảng đi, cần gì !

Lẻn đang buồn, thấy chài nói vậy, a vừa thương, vừa buồn cười cho chài, a hỏi cho bằng ra :

– Nhưng lúc đó chài đi đâu ở mới được ?

Ké Nàm không giữ kín với con nữa quay sang bàn. Ké tin rằng nói ra nó sẽ theo :

– Để tao nói cho nghe. Tao ngẫm nghĩ từ năm ngoái rồi. Bây giờ mới vào rừng đào gốc bốc chà thì khó lắm. Đằng nào mình cũng có người chú họ ở bên Buốc Tuyên Quang. Vài ngày nữa tao sang xem. Chỗ ấy sẵn nước ruộng, sang đấy dựa vào chú mà làm ăn ...

Lẻn nhìn chài không chớp mắt, vừa thương vừa giận chài. Cứ kéo co trong đầu mãi thế này thì nhỡ mất. Không đợi chài dứt lời, a tranh nói, tiếng run run như sắp khóc :

– Không được đâu chài à ! Ta bỏ bản làng đi lấy một mình sao ? Đi thế mai kia mình mất hết mọi cái mình được hưởng ở Thác Bà này còn gì !

Vừa nói, Lẻn vừa đứng dậy lấy cái túi *Pác-mạ*. Nghe con nói hai tiếng "bỏ bản" ké Nàm thấy đau nhói. Lẻn nói thêm quả quyết :

– Ở trên người ta đã bàn cho hết rồi, chài lại khác nghĩ đi một đường, chỉ tốn công sức. Con đi khai hoang đây !

Ké Nàm bật dậy :

– Thế thì đi đi ! Cái giống ... – Ké xuống thang, Lẻn cũng cài cửa bước xuống thang theo và đi về phía có tiếng trống.

Giá có bà Nàm ở nhà ké còn được vài câu an ủi, nhưng bà đi nhà con gái cả có việc, ké Nàm bỏ mặc nhà đi chơi lang thang. Định đến những nhà thân trong bản, nhưng câu chuyện Thác Bà vừa học tập xong, gặp ai cũng nghe người ta bàn tán về tương lai, không hợp với mình. Ké lên nhà ké Vinh người cùng tổ sản xuất, chỉ kém ké Nàm một tuổi.

Ké Vinh trước đây nghèo, nhưng từ hòa bình về, được yên ổn làm ăn nên nhà cửa, vườn tược, cây quả, ao cá, không kém ai, chỉ thua ké Nàm có cái nước *lần* chảy về sàn.

Từ lâu, hễ nói chuyện làm ăn, nhà cửa ... hai ké thường tìm đến nhau. Cái vui, cái buồn cũng tìm đến nhau kể lể. Ké Nàm không uống được rượu, nhưng hôm nay ké và ké Vinh uống rượu suông. Rượu bốc lên mặt, ké Nàm nói đủ mọi thứ chuyện ở bản, than số mình vất vả ... Ké Vinh rượu vào mắt cứ chực nhắm lại. Ké ngả mình, thế là ngáy. Không thấy ké Vinh ừ nữa, ké quay nhìn : ké Vinh đã ngủ rồi. Ké Nàm cũng ngả mình luôn. Bao nhiêu cái giận trút ra miệng chắc đã nhẹ người, ké ngủ một giấc đến sáng.

Ở nhà, bà Nàm thu vén mọi thứ cho Lẻn đi khai hoang xong, đang ngồi nghĩ hết việc này đến việc khác. Việc đi bản Buốc bà mới nghe ké Nàm nói qua tai thôi, tưởng sẽ còn bàn, không ngờ hôm qua lại đem ra cãi nhau với con gái – "Nhà có phải nhiều người đâu, mới có bốn, mà khác người khác góc ! Không biết hôm qua ké nó ngủ đâu ! ..." Bà ôn lại câu con gái nói tối qua : "... khó bao nhiêu thì khó, còn có bản làng. Con sẽ cố, nhưng chài ềm đừng bỏ bản !"

– Nó nói phải. Bây giờ đổi đời rồi, con nó biết đường đi trước thế nào, nó qua đâu, mình cũng theo với.

Ké Nàm về, đầu ké váng, miệng chát, ợ còn mùi men. Ké vừa bắc ấm nước lên kiềng, vừa nói với vợ :

– Làm thế nào đây ? Ngày kia tôi đi bản Buốc đấy ! Bà Nàm khó nghĩ quá, bảo :

– Thế ... con nó đi khai hoang rồi thì sao ? Mình đi thế họ chẳng nói cho à !

Ké Nàm nói chắc chắn :

– Nó đi khai hoang cũng được. Đi cho có lệ để người ta khỏi nói. Còn mình đi đâu là chuyện mình, nhà nào có phận nhà ấy lo. Hai vợ chồng câu đi câu lại, cuối cùng bà Nàm bảo :

– Thôi tuỳ ông. Chỗ nào tốt ăn tốt ở như nơi này thì đi.

Đường từ nhà tới Buốc phải một ngày cật lực, nên Ké Nàm chỉ ăn cơm sớm mà không mang gì, chỉ đội cái nón, cái khăn mặt vắt vai như đi ăn cưới.

Nắng tháng năm. Chỉ một lúc, chiếc khăn mặt đã ướt như dúng nước. Ké gập đôi chiếc khăn mặt lại làm quạt, vừa đi. Đến khe Bản Lẹng, ké ngồi nghỉ ở rãnh nước chân núi.

Khe này chảy từ lòng núi xuống, gặp đường cái, chảy tắt theo rãnh đường vào ruộng. Con đường này từ ngoài tới, gặp chỗ khe nước lại chạy trở vào, nom như cái vạy trâu. Ké Nàm ngồi giữa chỗ gập ấy.

Bỗng có tiếng nói lao xao. Từ chỗ ké vừa vào, một đoàn người kéo tới. Đi trước là lũ con gái người Dao quần trắng, tiếp đó là con trai Kinh, con gái vừa Kinh vừa Dao, có tới sáu chục người. Mỗi người một gánh nặng đầy chăn màn, quần áo, cuốc xẻng, rìu dao, bu gà vịt. Nhìn thấy ké, mấy cô gái cất tiếng chào :

– Bác đi đâu về nghỉ đây thế ?

Chào xong, đặt gánh xuống nghỉ. Toán đằng sau kéo vào đứng ùn lại trước mặt ké Nàm. Ké Nàm hỏi một cô gái Dao :

– Bọn cháu đi dân công ở đâu đấy ?

– Không, chúng cháu đi khai hoang xây dựng động mới đây !

Cô gái béo, hai má phúng phính, đỏ như gấc chín, trả lời ké vậy, rồi quay lại nói gì với bạn gái bằng tiếng Dao quần trắng. Ké Nàm không hiểu. Chợt cô quay sang phía mấy thanh niên đang ngồi chụm nhau, hỏi :

– Chỗ này nước dâng đến không ?

Anh con trai người Kinh trả lời thành thạo :

– Dâng đứt đi chứ lị, còn ngập vào trong kia khoảng hai cây số nữa.

Ké Nàm nghĩ thầm : "Thế thì lút quá nóc nhà mình còn gì".

Một anh thanh niên ngồi trước mặt ké, nói :

– Chỗ này được ích lợi gì mà chả ngập !

– Ơ mày không biết chứ ! – Anh con trai Kinh ban nãy nói – Từ eo núi này trở vào, mai kia là chỗ ương cá giống đấy. Hôm nọ tớ đi tìm

chỗ khai hoang, đã gặp đoàn khảo sát họ cắm cọc cả rồi. Mai kia xem, ca-nô chạy sình sình từ Thác Bà lên, vào tận trước chỗ ta khai hoang ấy. Người ta nghiên cứu cách nuôi cá, xem loại cá nào hợp với biển nhân tạo, đẻ nhiều, chóng lớn là người ta nuôi. Lúc đó sẽ dùng những chiếc tàu để đánh cá.

Một cô gái Kinh tóc bết hai bên má, vừa quạt vừa nói ;

– Nhiều cá thế ăn làm sao hết hở giời !

– Vớ vẩn, người ta đặt nhà máy cá hộp ở ngay ven biển ấy, phần nào ăn thì ăn, còn thì đóng hộp xuất khẩu.

Anh thanh niên có bộ răng thưa, hào hứng :

– Jiế ! Sướng quá, tớ sẽ làm một chân đánh cá ở trên tàu. Ở nhà tớ thường ra sông quăng chài mãi, tớ biết rồi.

– Rồi tớ sẽ ở quả núi ấy !

– Để làm gì ?

– Mày không biết à, quả núi ấy rồi nước biển chạy vòng quanh. Trên núi người ta trồng toàn ... cam, quýt dứa cho nhà máy hoa quả. Tao lĩnh việc coi vườn cây. Tao học được cách trồng cam của ông cụ tao rồi. Ngày nghỉ, tao sẽ lên chơi trên các nhà nghỉ mát trên đỉnh núi. Sướng bao nhiêu, điện đưa ở Thác Bà lên sáng suốt ngày đêm nhé !

– Mày biết à !

– Tao còn biết cả chỗ nào lấy được nước ở biển lên ruộng, chỗ nào đặt được trạm máy kéo nữa kia. Rồi mày xem, tao mà không làm công nhân trồng cây thì tao hoá thành cây cỏ may này.

Toán con gái cùng reo lên chế giễu :

– ... Trồng cây hái quả là việc bọn này chứ, chưa chi đã chọn việc, hê ... hê ... ! ...

Cười chán, cô gái má đỏ như gấc chín ban nãy giục :

– Thôi, đi làm cho thành động mới đã !

Đoàn người nhấc gánh lên vai. Ké Nàm nhìn theo họ thấy vui vui ... Ké lại nhớ đến con Lẻn : "Nó đi khai hoang đúng thật. Chắc nó biết trước rồi !"... Nhưng lại nghĩ đến quê mới. Bây giờ mới đào gốc bốc chà, vỡ vạc từng tí một, ké đội nón đứng dậy, thẳng đường đi bản Buốc.

Cơm tối xong bà Nàm ngồi ở cửa sổ nhai trầu, nghĩ đến chồng : "Đi được bẩy hôm rồi, chẳng biết có được việc gì không ?"... chợt có tiếng cạy cổng. Rồi có tiếng ké Nàm :

– Đưa về đây cho một tí lửa !

Bà Nàm hoàn hồn :

– Hu ú ... giật cả mình !

Ké Nàm lần vào máng nước rửa chân. Bà Nàm cầm đèn ra soi, vừa hỏi rối rít :

– Thế nào đấy ? Có gặp chú Phàn không ? Tìm được chỗ nào rồi à ?

Ké Nàm vừa mệt vừa đói, hỏi :

– Còn cơm không ?

– Chưa ăn cơm đâu à ? Chết thôi ! ...

Ké Nàm ngồi cho lại sức, rồi vừa ăn cơm vừa nói :

– Mình ở đây đi, đến nhà chú Phàn vừa gặp chú ấy cất vó ở ao. Tối hôm ấy lại mổ con gà thiến.

"Khởi đến câu chuyện tìm chỗ ở, chú thím ai cũng mừng. Được một chỗ, nơi ấy toàn rừng lau, đất bằng. Ở được khoảng năm nhà. Ruộng hợp tác cũng tốt, phát nương cũng tiện. Chú ấy bảo sẽ để cho bốn cây cột lõi".

– Có phải chỗ trước nhà chú ấy không ?

– Chả chỗ ấy còn chỗ nào ?

– Chẳng biết bây giờ thế nào, hồi xưa là không có nước đâu.

– Hừ. Cả một con mương, nước chảy ào ào. Ta mà dựng nhà ở đấy là nước qua chân rào đấy.

Bà Nàm vui hẳn lên, nói :

– Thế còn nói gì ! Ối ... nói ra thành chuyện chê bản mới, nhưng họ đồn ở chỗ con Lẻn bây giờ ấy : đá như đống nâu, nước không đủ tắm giặt.

Lòng dạ ké Nàm nở hẳn ra, bảo :

– Đấy, tao đã biết trước rồi mà ! Nói thì con Lẻn không chịu nghe, bây giờ đã biết khổ chưa. Chẳng tháng này, tháng sau cũng bỏ về cho mà xem !

Ké Nàm ăn cơm xong, hai vợ chồng cứ thầm thì mãi. "Ta sẽ cho hai nhà con gái đi cùng, nhà ta nữa là ba. Tìm thêm hai nhà nữa. Nhà ké Vinh và nhà cô em ké Vinh là hợp. Năm nhà sẽ kéo nhau sang Buốc ở làm một nhóm. Tháng chạp, ta sẽ sang đục mấy cây cột ấy. Cốt dựng lên cho thành cái nhà đã, rồi nhờ người kiếm thêm, làm dần. Ăn tết xong, về thay cho mẹ Nàm đi ở bên ấy làm nương, mình thì ngả hết đồi vầu xuống đem bán. Rồi mỗi lần đi Buốc, gánh theo một gánh đồ nhà, nước ngập đến là cũng thành cơ ngơi rồi. Nghĩ đến đó, bỗng gà gáy sáng.

Đùng một cái, cả bản lại đồn ầm lên : "Theo kế hoạch của xã, tháng mười này chuyển đi trước mười bốn nhà. Rồi cứ thế mỗi tháng đi dăm bảy nhà, hết năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba đi nửa xã, hết sáu tư đi hết xã. Còn đằng sau để cho đoàn thu dọn đến làm việc".

Không thong thả được nữa, ké Nàm vội sang nhà ké Vinh.

Hai ké ngồi dựa lưng vào cửa sổ, cái đèn và khay ấm chén để giữa. Phía tây, mảnh trăng cuối tháng treo trên đầu núi như cái túi trầu.

– Tớ tìm được một chỗ tốt lắm. Đi với nhau đi. Nhưng đừng nói ra cho ai biết nhé ! Bản Buốc, chỗ ấy thế này ...

Ké Vinh cũng nghe đồn bản mới "đá như đống nâu, nước không đủ tắm giặt", đang nản, nghe ké Nàm rủ vậy thì xiêu lòng. Suốt đêm, hai người bàn mẹo chuyển nhà đi. Người nói ra, người mở lời đón, câu chuyện cứ xoắn vào như chạc trâu lạt hóp.

Rủ được ké Vinh, ké Nàm thấy hợp ý quá. Tuy vậy, về nhà ké tiếc ngẩn cả người ! Nhìn quanh nhà, lòng ké nặng chịch. Ké cố gạt đi : "Ai jiốc, tiếc lắm cũng thế thôi, biết đường lo sớm còn được ăn !"...

Nhưng được vài hôm, ké Nàm còn bí hơn tai kim : cô gái cả được tin chài rủ đi bản Buốc, liền bế con về nhà.

Chị Nàm đã ba con, chăm việc hợp tác, thấy cái gì sai là nói thẳng, nên được bầu là đại biểu phụ nữ bản. Ké Vinh trông thấy chị Nàm đi qua nhà, đoán biết thế nào tối nay cũng bàn đến việc đi Buốc. Ăn cơm tối xong, ké Vinh vội sang nhà ké Nàm ngay để nghe xem thế nào ?

Ké Vinh đến nơi thấy ké Nàm ngồi tựa cửa sổ gian bàn thờ, vẻ mặt nghĩ ngợi. Bà Nàm ngồi cạnh cột bên trong. Chị Nàm ngồi giữa gian

quay mặt lên, đứa gái nhỏ nằm trong lòng mút sữa chút chút. Chiếc mỏ vịt đèn loe lửa sáng rực, soi rõ đôi má rám nắng như cơm cháy của chị Nàm. Chị Nàm nói dở câu chuyện.

– Chẳng qua làm thuỷ điện Thác Bà thì mình phải qua một đoạn khổ, nhưng còn có anh em trong bản đỡ đần nhau. Thác Bà làm xong, mình cũng thành bản, thành ruộng, đi lấy một mình vậy rồi chả biết thế nào ? ! ...

Bộ râu bẹ móc kế Nàm rung lên :

– Lại còn thế nào ? Tao đến tận nơi xem chẳng hơn. Chú Phàn chú ấy bao cho được thì tao mới đi...

– Thế aá ... nhưng khác đi, con thấy nó thế nào ấy. Từ lo làm nhà, đến chuyển đồ đạc, cũng vất vả hơn. Mình đi theo bản, mỗi thứ họ mỗi lo cho. Với lại, khổ sướng cũng cùng ăn ở với nhau từ lâu rồi ...

– Thế đi Buốc là chết cả à ? – Kế Nàm phát bực.

– Chẳng chết đâu, nhưng đi lấy một mình mình vậy, mình thấy mình khác không phải với bản. Lúc vận nạn thì nhờ bản, bây giờ gặp khó khăn, mình không cùng giúp cho qua, thành ra mình ăn ở không thẳng ấy chứ !

Kế Nàm không biết nói sao cho trúng. Thực ra, hôm nọ bàn với kế Vinh vậy, nhưng không nghĩ đến "cung cách" này. Bà Nàm chăm chú nghe từ nãy, bà thở dài : khó nghĩ quá ! Hôm nọ chồng bàn với, bà cũng thấy phải. Bây giờ con gái nói ra như thế, bà lại thấy phải hơn. Bà suy nghĩ lâu lắm, rồi chợt hỏi chồng :

– Thế hôm nọ đi, riêng nói với chú Phàn, hay gặp những người "làm việc" ở đấy nữa ?

Kế Nàm lúng túng thật sự. Kế cáu lên, gắt :

– Chú Phàn bao cho được thì thôi, còn gặp những người làm việc làm gì !

Cả nhà im lặng. Kế Vinh nghĩ thầm : "Chẳng ăn thua ! Nghe theo lão kế này có khi nồi treo gác bếp lúc nào không biết ! Hồi nọ mình đã nhẹ dạ không đắp được sông rồi !"... Kế thấy có ngồi nữa cũng không lọt. Muốn ra về, lại sợ mất lòng với trong nhà. Kế nghĩ mãi rồi chợt sờ tay lên tai nói : "Vơ ẩy ! ..., tai nóng quá, chắc thằng bé thức không

thấy lại tìm rồi !". Ké đứng dậy xuống thang đi như chạy. Ra khỏi cổng, ké thở đánh "phù"...

Còn lại ké Nàm, cứ kéo co thế mãi. Cho tận hôm sau, con gái về, việc đi bản Buốc hay đi bản mới, cũng chưa đâu vào đâu.

Đã đến tháng mười. Đồng lúa trước nhà ké Nàm chín vàng rực. Trong bản, phần đi khai hoang chưa về phần lại đi làm nhà, người gặt lúa ít hẳn đi gần nửa. Họ làm quên cả ngày nghỉ mà công việc không chạy mấy. Nhiều người thấy vậy, đòi chuyển nhà đi bản mới. Ở đấy lúa đang chín, lúa tẻ tốt bằng lúa nếp ở đây. Họ muốn đi để yên trí làm việc một bản. Xã thấy vậy, phải đề ra kế hoạch chuyển nhà từng tháng, xem tháng nào nhà nào đi, để chia số lao động ở hai bản cho đều.

Hôm nay nhà ké Vinh chuyển. Vì nhà ké neo người nên ké đi trước để còn định cơ ngơi và tăng thu nhập. Sau cái hôm ở nhà ké Nàm về, ké Vinh nghĩ chán rồi. "Từ đời tổ tiên về làm ăn chẳng đâu vào đâu. Nhờ có cách mạng mới ở vững một chỗ. Chính phủ bảo "Kháng chiến nhất định thắng lợi !" – Thắng lợi thật. Từ đấy về mới sửa sang vườn tược, cây quả, đào ao, những thứ ấy mới có. Bây giờ chính phủ bảo làm thuỷ điện, miền núi còn sướng hơn nhiều ! – Ta phải đi theo lời nói ấy. Ké nhắn ké Nàm đến chơi nói chuyện, nhưng ké Nàm nghĩ chẳng đâu vào đâu ; đi bản Buốc không thành, còn nói chuyện gì nữa ! "Cứ buông bốn chân tay ở chỗ này, nước ngập đến sẽ hay, người ta không để chết đâu mà sợ !". Ké không sang chơi nhà ké Vinh. Ké Vinh lại nhắn bảo ké Nàm : "Tôi không đi Buốc nữa, chuyển nhà đi bản mới thôi".

Ké Nàm thấy bạn mình sắp đi, càng nóng ruột, lại tò mò muốn biết họ chuyển thế nào ? ... Sáng nom rõ lá cây, ké sang nhà ké Vinh. Thấy ké Nàm đến, ké Vinh mời nước. Muốn nói chuyện quá, nhưng tay không rảnh lúc nào. Ké Nàm đứng xem. Hơn bốn chục người của hợp tác xã ở tại nơi quê mới đã về ngủ đây từ tối qua. Sáng nay dậy, họ sắp xếp mọi việc.

Người thì buộc gánh, người thì nhấc đồ nhà vào quang. Cạnh bếp, mấy anh đang bàn nhau mang thế nào để cái chảo khỏi vỡ. Dưới sàn, anh thì vần chiếc cối đá vào quang, anh nhấc cái cối xay ... Bà Vinh vừa thắt địu vào mình vừa sụt sịt, hai mắt đỏ như nhót chín. Bà buộc mãi không nổi cái dây địu. Đứa trẻ lên ba cứ quấn lấy cô y tá. Thấy bà Vinh lúng túng mãi cái dây địu, cô y tá lại gần khẽ bảo :

– Đưa cháu cõng cho bà ạ ! Bà đi xem đồ đạc các cháu còn gì thì mang.

Ké Vinh ít nói hơn mọi hôm. Ké đang nhấc những bát hương ở bàn thờ cho vào đôi dậu, rồi quay lại bóc những tờ hèm bằng giấy đỏ ghi tổ tiên mình, gập lại, cho vào gánh. Xong đâu đấy, ké nhìn khắp nhà như nhắn chào nó. Cái nhà này, chính phủ đã đền bù cho ké bốn trăm bạc, rồi nó đi đâu, ké không muốn nghĩ nữa. Còn cây quả, vườn tược, ao cá ... thì giao lại cho người đàng sau chưa chuyển coi sóc. Ba, bốn năm nữa mới đắp đập sông. Từ nay đến đấy, thỉnh thoảng ké sẽ quay lại, xem cái gì mang được thì mang ...

Ba đứa trẻ, đứa thì xắn quần, đứa nhét váy lên thật cao. Bảo đi quê mới, chúng nó còn thích hơn đi chợ may áo mới. Ké Vinh nhấc gánh lên vai, chào ké Năm :

– Thong thả ở lại sau nhé ! Lúc nào lên bản mới thì nhớ vào nhà chơi !

Mấy đứa trẻ tranh nhau xuống thang, thi nhau đi trước. Một quãng, nó lại quay lại nhìn cha mẹ nó ra chưa. Ké Vinh xuống khỏi thang thấy cái cửa sổ còn mở, ké đặt gánh quay lại hạ tất cả các cửa sổ xuống. Xuống thang, ké nhìn khắp nơi như ghi từng gốc cây, khóm chuối của mình. Ké nhấc gánh lên vai bước ra cổng, đoàn người chuyển gánh bước theo. Họ nói chuyện ồn ào, vui vẻ như đón dâu về nhà mình.

*
* *

Nhà ké Vinh đi rồi, liền hôm sau lại đi một nhà nữa. Hai nhà, ba nhà, rồi chuyển mãi không thôi.

Bà Năm đi ruộng, nghe người ta bàn tán, mắt thấy người ta chuyển nhà, bà nóng ruột quá. Lại được tin con gái nhắn chài ềm đi ăn cơm tối, bàn chuyển nhà, bà không thể ngồi yên được nữa. Về nhà bà bảo chồng :

– Lúc thì bảo không đắp được sông, đắp được lại vỡ chỗ vập chỗ. Bây giờ đấy, người ta chuyển ầm ầm, mình cứ ngồi ở, mai kia làm bạn với Long vương !

Ké Nàm bảo :

– Lại còn vồ vập nữa. Thế mình cũng bàn với được cơ mà, sao lại không nói !

– Nhưng mình là một người chủ nhà, sao không biết ngắm ? Tôi không muốn nghe nữa !

Bà xuống thang đi nhà con gái. Ké Nàm ngồi trơ ra. "Mình là một người chủ nhà !" – Câu nói của bà Nàm làm cho lòng ké đổ hồi. "Zioo ... làm ăn ngần này lâu, đến đoạn đường này còn trượt à ?" – Tai ké gần như ù đi. Trong chớp mắt ké thấy hiện ra người con gái cả đang nói với ké : "Lúc vận nạn thì nhờ bản, bây giờ gặp khó khăn, mình không cùng giúp đỡ cho qua, thành ra mình ăn ở không thẳng !"... Ké nghĩ mãi, rồi tự bảo : "Ừ, đi bản Buốc được, cũng là đi bản mới được. Nhưng ... chả biết bản mới làm ăn ra sao ?". Ké lại nhớ đến con Lẻn. "Hơn năm tháng giời nay, chắc nó chịu nhiều vất vả lắm !". Ké thương con gái. Nghĩ đến bản Buốc, đến lời chú Phàn hứa cho bộ cột, ké lại tiếc bên ấy. Song lại nghĩ : "Bỏ Thác Bà, mai kia họ hưởng mọi tốt đẹp trước mình thì sao ? Hài ... không được, ta phải đi bản mới xem thế nào !"... Ké nhất định đi xem. Nhưng nghĩ lại thấy thẹn. "Chẳng nhẽ thấy ké Vinh đi rồi, mình mới mò đi theo, họ cười cho !". Bỗng ké chợt nẩy ra : "Ô, thế này ! ..."

Lúa chín vàng cả cánh đồng bản mới. Đoàn người cười nói râm ran, gặt rào rào như tằm ăn lá. Có đôi trai gái mải chuyện gì, gặt tụt lại đoàn người như một cái đuôi. Có cô đứng cạnh Lẻn, thấy vậy, mỉm cười mấy lần rồi cất tiếng hát coọi :

"Hứ ơ ... ơ hứ ... ứ ơi ...

"Gió thổi qua ngọn cau

"Mặt ruộng em mọc đuôi thật rồi !"...

Cả mặt ruộng, người ngẩng đầu, người đang lom khom cũng ngoái lại, rồi cười ầm lên. Đôi trai gái thẹn đỏ mặt, cúi gặt cố kiết. Lẻn mỉm cười, rồi trở lại nét mặt buồn buồn. A đứng buộc nắm lúa, mặt nhìn cái lán đứng gần lút giữa bãi ngô xanh. Lòng Lẻn nao nao. A nhớ lại những ngày mới đến, cái lán dựng đấy y như cái nón úp giữa rừng. Hơn năm chục người ăn ở trong ấy, mỡ không có, rau không một ngọn, lấy măng về luộc chấm muối ăn. Việc lại nặng. Có anh không chịu nổi, toan bỏ

về, Lẻn bảo : "Mày về rồi bỏ cho ai ?". Anh ta nghĩ nom dại cả người. Cuối cùng anh ở lại. Không có rau, Lẻn rủ tổ mình trồng rau. Lẻn bàn với anh phụ trách mua lợn về nuôi ... Bây giờ bản mới mở rộng được nhiều rồi, ăn uống ngon hơn trước. Nhưng a kế toán kiêm đội trưởng đội sản xuất này vẫn có cái gì buồn buồn. Càng gần ngày về, a càng thấy bứt dứt, ít nói, ít vui cười hẳn đi. Anh em thấy vậy, vừa thương, vừa khó chịu với Lẻn. Khó chịu vì hàng tháng bầu Lẻn là xuất sắc, Lẻn nhất định không nhận. Còn biểu dương tổ Lẻn khai hoang vượt mức khoán, đoàn kết, thì Lẻn nhận. "Vậy xuất sắc cá nhân sao Lẻn không nhận ?". Anh em muốn giận Lẻn, nhưng giận thì giận, Lẻn không nhận là không nhận. A trộm nghĩ : "Có gì to mà xuất sắc ! Mình mở bản mới, đón thuỷ điện về cho mình. Nhưng ở bản có người chê chỗ này lắm đá, chỗ kia khan nước, làm ăn khó ... không muốn lên đây. Chài lại bảo định đi bản Buốc một mình, thế thì nhận xuất sắc về làm gì ! Ừ, cứ thi nhau bảo chỗ này làm ăn khó đi, ta sẽ rủ nhau làm cho mà thấy !"... Lẻn đã rủ anh em làm thế thật.

Sắp hết đợt sáu tháng rồi. Tối nay tổng kết, đợi đoàn khác lên thay thì về. Lẻn vừa gặt, vừa nhìn lên phía lán : cánh nương đỗ xanh đen gần kín ngọn. Qua ngọn nương ngô, con mương đã đào gần thông. A nhìn sang eo núi bên phải, thấy nhà ké Vinh, a nghĩ đến nhà mình. A vừa giận vừa thương chài. "Đi học tập có một tối, về nói qua đường khác đi. Già rồi, cố xuống tận Thác Bà xem, ngỡ là gì, lại làm cho cả bản nói ầm lên : "Ké Nàm tin đắp được sông rồi !"... Sáu tháng gần qua, người ta chuyển nhà lên ầm ầm, mà chài chẳng thò lên ngày nào. Thằng Noọng chẳng biết dạo này có về nhà không ? Liệu có thi nổi lớp bẩy không ?"... Lẻn cứ nghĩ miên man. Quanh Lẻn chợt có tiếng hú ầm lên như tìm măng gặp ngọn. Lẻn ngẩng đầu lên : –"Ơ, chài !"... Lẻn thầm reo trong lòng.

Ké Nàm đang bước lụi khụi theo bờ ruộng đi lên, tay xách con gà thiến, vai đeo túi *Pác mạ*. Cái mồm thiên hạ có nể gì người già, họ trêu Lẻn :

– Ơ ! ... miệng bu gà buộc lạt nhuộm phẩm đỏ mày ạ !

– A a ... cái anh gì ở bản Buốc đem cho đấy mà !

– Thôi ... ta lại mất đi một người kế toán giỏi ! ...

Ké Nàm đứng lại, nói chuyện với mấy người hơi có tuổi. Ké khen lúa tốt không ngừng miệng. Lúa tốt thật. Chăm bón phân, giữ nước, nên bông nào bông ấy con gà giò kéo không nổi.

Thấy chài đến, Lẻn tươi hẳn lên, nhưng bụng có cái gì lo lo. A bước lại phía chài. Mấy người có tuổi bảo : "Đưa chài về lán nghỉ đi, đằng nào cũng gần trưa rồi". Lẻn đến đón lấy túi, chân đặt lên bờ ruộng, mở túi xem : hai ống gạo nếp ! Lẻn phàn nàn bảo ở đây khối nếp. Rồi hỏi thằng Noọng dạo này có về không ? ...

Lẻn khoác túi lên vai, tay xách bu gà, dẫn chài lên lán. Ké Nàm theo sau, đưa mắt nhìn khắp vùng khai hoang. Mặt trời lên khỏi đầu núi một cây sào phơi. Ánh nắng toả xuống sáng rực rỡ. Những hạt sương đọng trên lá hoa màu đã tan, nom bãi ngô càng xanh đậm, đồng lúa vàng càng vàng sáng. Ké hỏi con gái :

– Chỗ này là ruộng mình à ?

– Ừ, suốt từ trước mặt lán này xuống phải cả. Hơn bốn mươi bung[1]. Còn một đồng ở trong kia nữa.

– Bao giờ họ mới lấy lại ?

– Lấy lại thế nào, người ta giao cho mình đứt. Bây giờ mới giao cho có hai cánh đồng, cả xã chuyển lên là họ giao cho ba cánh đồng nữa.

– Thế họ lấy gì mà làm ?

– Cũng cùng đi khai hoang như ta ấy ...

Ké Nàm hơi cúi xuống, mắt chớp chớp. Lẻn quay sang hỏi chuyện trong nhà, câu này chưa xong đã câu khác, nhưng ké chỉ trả lời nhát một. Đầu óc còn mải nghĩ về thời bây giờ. Ké nghĩ đến lòng tốt của những con người ngày nay. Đời xưa chẳng bao giờ được thế đâu. Thằng nào ác là được. Chỗ mình ở bây giờ, lúc đó ruộng *pó mé* để lại cho còn hẹp không, nhà lại đông người, không làm thật lực thì không đủ ăn. Tối rồi, mình cùng cha bẩy gốc cây, mé còn mang vạt áo đùm gai đem đi đổ. Tối không nom thấy gì nữa mới theo đom đóm về. Tới nhà ngủ được

---

(1) Mỗi bung 40 chiếc mạ.

một giấc, đã phải theo miệng gà gáy đi rồi. Nhà ké Vinh lúc đó cũng vỡ được một miếng cạnh mình, thành nương rồi, chỉ hai năm sau là thành ruộng, thằng Lý Mấn đến gạt miệng dao, đe : "Chỗ này tao đã cắm từ trước rồi, vợ chồng mày sao lại làm thế ? Muốn tốt hay muốn xấu thì bảo !". Ké Vinh ức quá. Nhưng phận đàn em phải chịu. Ké bỏ đi nơi khác. Còn mình ở gần thằng Lý Mấn thì thôi ... Con vịt mình nhỡ xuống ruộng nó, nó chửi : "Mày xem con vịt mày quý hơn tao à !" ... Nhưng ruộng mình vừa cấy xong, nó tha hồ thả vịt xuống quấy. Nói thì chả dám nói ... Cứ như thời ấy mãi thì đến mất cả cái cơ ngơi ấy cho nó. Bây giờ ... Thật chả gì tốt bằng bây giờ. Người khác xã, lạ, mà cho nhau ruộng, coi nhau còn hơn anh em ruột. Thảo nào, ké Vinh dọn nhà lên đây là phải !" ...

– Úi ! ... – Ké Nàm chợt thấy cánh nương đỗ xanh, quả đen nhẫy cả một loạt mà chưa hái. Ké tiếc, bảo :

– Sao không đỡ nhau mà nhặt đi ?

– Nhặt chứ, nhưng ít người quá. Lúa đầu vụ lại cấy nhiều. Gặt hai hôm đã rồi mới phân nhau đi nhặt.

Đến lán, ké dừng lại cửa lán nhìn lại dẫy giường dài theo hai bên cửa sổ. Lán rộng năm gian. Ké lại đằng sau lán nhìn. Sau lán có một cái kho, bên trái là nhà bếp. Lẻn vui cười với chị trực nhật, vừa cho gà uống nước. Từ nhà bếp lên, ngô tràn bát ngát, cây cao bằng thắt lưng, cây nào cũng béo mập mạp. "Đất mới tốt thật !" – ké thầm nghĩ.

Lẻn xách ấm nước ở dưới bếp lên. Ké Nàm trở vào. Lẻn vừa rót nước vừa hỏi :

– Chài lên... tìm chỗ ở luôn chứ ?

Ké Nàm ngẫm nghĩ khá lâu, nói :

– Để xem xem đã !

– Còn xem cái gì nữa. Lên thì lên trong năm nay, sang giêng trồng cái gì mới kịp vụ. Như mấy nhà lên đây ấy, bây giờ họ ở đâu vào đấy rồi. Ban ngày chỉ biết đi làm thôi.

Bỗng nhiên ké Nàm nóng ruột.

Lẻn lại nói :

– Còn khó khăn, nhưng không chuyển lên đây đỡ nhau, thì bao giờ mới thành bản thành ruộng. Với lại mai kia ở đây có điện có đài trước đấy, ...

Đoàn người đi gặt kéo về. Câu chuyện cha con ké Nàm dừng lại. Họ hỏi ké Nàm mỗi người một cách nhưng cách nào cũng hỏi có phải ké lên xem chỗ dựng nhà không, ké chối hết. Ké bảo :

– Bác lên thăm con Lẻn thôi !

Chiều hôm ấy, ké Nàm lần qua giữa nương ngô. Thỉnh thoảng ké lại gặp từng hòn đá nằm ngập nửa mình trong đất. Ké nhìn khắp nương, mấy cái gốc cây cụt thân chồi lên, ngọn ngô còn san sát, ké lắc đầu, thở dài : "Còn đủ mà gian nan mới thành ruộng ó". Đến ven nương chân núi, thấy con mương đào dở ẩn trong cây rừng đỏ hỏn, ké lại thấy yên lòng : "Ồ, ra cũng lấy nước về được, bây giờ mới không có thôi". Ké lại lần trở xuôi. Lá ngô mài vào tay vào chân ké làm ké thấy ngứa ngứa. Nắng chiều dịu dịu. Ké đưa tay phải lên giữa vành nón, nghiêng người nhìn những nhà mới đến, xem họ ăn ở thế nào.

Ké đang ngại gặp ké Vinh, vì thế nào nó cũng nghĩ thầm : "– Chả đi bản Buốc nữa đi ! Thấy người ta lên cũng mò theo !". Ké không muốn gặp. Nhưng đến nhà đầu tiên chính lại là nhà ké Vinh. Ké Vinh vừa đi gánh nước về, gặp ké Nàm thì mừng quá vì ké đang nhớ bản cũ.

Ké Nàm lên nhà. Nhà ké Vinh một gian hai trái, nhà sàn. Phên vách đâu vào đấy. Gỗ tạp thôi, nhưng nom chắc lắm. Ké Nàm khen, ké Vinh bảo :

– Cũng nhờ anh em tập thể mới được thế. Khác một mình thì, ôi ! Chẳng biết có làm nổi túp lều không.

Ké Nàm quay nhìn trước nhà. Cái vườn đã rào. Trong vườn có chín cây chuối đang lên. Theo bức rào chạy vào trong, cứ một cây cam lại một cây chanh chen nhau thành một hàng dài. Ké chợt nhớ đến lời con Lẻn nói : "Lên trước còn kịp trồng các thứ"... Ké nhìn trong nhà, thấy có sáu dậu thóc chồng lên nhau, lại còn một thát đầy phơi ngoài sân. Ké Vinh nói :

– Ở đây bây giờ còn nhiều việc khó lắm. Nước còn xa, việc nặng. Nhưng ôi... cứ làm. Với lại càng ngày nó càng thay đổi chứ, thế mãi à !

Ké Nàm bám ngực vào cửa sổ, nhìn xuống cánh đồng xa xa, lòng cứ phân vân, nửa muốn lên, nửa không muốn lên. Ké Vinh nhìn ké Nàm, lòng tự nhiên thấy tha thiết với bạn mình quá, rủ :

– Lên đây chóng một tí, cùng nhau ta mở bản dựng mường ké à. Bọn mình chẳng gì họ cũng gọi ké rồi. Loăng quăng lắm đâm phí sức. Còn khoẻ ta tranh thủ làm. Đời ta chưa trông thấy thì đời con trông thấy, nhỉ ké nhỉ ?

Ké Nàm ừ ào. Chợt ké quay lại, hai người thầm thì tâm sự mãi. Mặt trời xuống núi, ké Nàm mới về lán.

Ké Nàm thật khéo gặp may. Tối hôm ấy đoàn khai hoang tổng kết đợt sáu tháng.

Đoàn người ngồi vòng theo cửa sổ, giữa hai dãy giường là đèn dầu sáng rực. Ké Nàm ngồi dự. Anh phụ trách người rất trẻ, đôi mắt thông minh, khuôn mặt tròn. Anh báo cáo cả đợt. Bao nhiêu cái khó khăn, vất vả anh nói ra, rồi vượt ra sao, kết quả đem lại thế nào ... Ké Nàm ngồi tựa cửa sổ nghe không biết buồn ngủ. Ké nhớ nhất là chuyện ăn măng luộc chấm muối, thế mà đoàn khai hoang ra được hai mươi mẫu !

Đến lượt Lẻn báo cáo sổ sách. A nói thạo như nước chảy xuống thác, con số đâu ra đấy ; từ công điểm đến các con số về ngô, lúa nương, hoa màu ... Không ai chê vào chỗ nào. Trước mắt ké, bây giờ nó là người làm gốc bảo ban mọi người. Ké cảm thấy nể nể. Ké sung sướng nhất là thấy nó được những tám mươi công. "Chà ... nó nên người thế, mà hôm nó đi, mình mắng nó, ngăn nó ! ..."

Tổng kết xong người ta lại bình bầu. Họ bầu được bảy cá nhân xuất sắc. Người đầu tiên là Lẻn. Họ vừa khen Lẻn, vừa chê. Khen Lẻn làm ăn giỏi, đi trước mọi người, khéo bảo ban trong tổ, nên tổ làm vượt mức vỡ hoang ... Còn chê Lẻn : Nói cái gì cứ hay nói một nửa, không chịu phê bình thẳng ...

Ké Nàm thấy ai cũng quý con gái mình thì mặt mũi sáng lên. Song Lẻn vẫn giữ tật cũ – Lẻn không chịu nhận mình là xuất sắc. Có người bực mình nói Lẻn "Tại sao ?". Lẻn không biết lấy gì mà chối, *a* nói liều : "Không nhận là không nhận, còn gì !". Họ dồn Lẻn, Lẻn muốn nói thật, nhưng trước mắt chài, không tiện. A nhìn chài, rồi nói xa xôi : – Bao giờ dọn nhà lên đây rồi mới nhận.

Ké Nàm thấy con gái nói vậy thì bụng như lật ngược lên hết. Ké nhìn ngọn đèn thành hai ngọn. Tai ké như điếc đặc lại. Ké chợt thấy cuộc họp bỗng lặng thinh, mỗi người bất giác châu mặt vào chờ đợi mình. Mình không nói một câu không được. Ké nói bật ra, bảo con gái :

– Người ta bầu thì nhận chứ, còn cứng cổ làm gì.

Tháng chạp mặt trời mọc khỏi ngọn núi đầu bản, ánh nắng tràn về khắp mọi nơi. Sương tan trên các ngọn cỏ. Ké Nàm đứng ở bờ ao, trông thấy đàn cá ngoi lên tranh nhau đớp một cái lá rụng cong cong trên mặt ao như cái mảng ngóc. Thấy vậy, ké thương hại đàn cá, ké lên sàn, xách điêng cám xuống, quãi một nắm cho cá ăn rồi đứng ngắm. Bà Nàm đứng cạnh đấy chẻ lạt. Ké Nàm nhìn nắm cám vừa quãi xuống, lúc đầu chỉ một nhúm, nhưng rồi nó loang dần, toả khắp mặt ao. Đàn cá thi nhau ngoi lên đớp, đầu đen dầy như gạo trong nia. Ké thầm nghĩ về đàn cá ruộng ấy. Hàng năm cứ xuân đến, nắng non về, là đem chúng mày ra chuôm thả. Đẻ thành cá con rồi, chúng mày đi khắp hai đám ruộng nếp ăn đòng lúa. Lứa nào cũng vậy, chỉ quanh quẩn ở đấy đến lúc lớn. Gặp cơn lũ to, bờ lở thì thật là may cho chúng mày được quẫy đuôi đi khắp đồng. Nhưng cũng chỉ đến tháng chín tháng mười, chúng mày lại phải trở lại cái ao chật hẹp này. Muốn đi cũng mắc bờ rồi. Bây giờ tao mang chúng mày theo thì chưa có ao, vét đem làm mắm thì thương chúng mày quá !

Hai mi mắt ké nheo nheo, rồi cả khuôn mặt ké bừng sáng, ké bỗng nghĩ ra một điều hay lắm. Ké quay lại nhìn bà Nàm, bộ râu bẹ móc của ké rung rung. Một lát, ké bảo :

– Em Nàm ạ ! Bao nhiêu cây quả vườn tược ta bỏ đi còn chưa tiếc, huống chi là cái ao này, ta để tất lại thôi !

Bà Nàm dừng tay dao, nhìn ké Nàm một lúc lâu rồi nói :

– Nơi mới chưa giồng được gì làm rau, bắt mổ nướng mang theo để ăn không được à !

Ké Nàm mắt không rời đàn cá đang bơi, nói :

– Thương hại nó, ta để tất lại thôi ; mai kia chỗ này thành biển, nó tha hồ quẫy đuôi từ đây xuống Thác Bà rồi lại lên ...

Viết 1963

Chữa lại : 1971.

Lời bình

Dòng ghi chú cuối truyện Ké Nàm *của Hoàng Hạc khiến tôi chợt nhận ra một điều : mặc dù truyện ngắn này từng được trao giải báo Văn nghệ, nhưng dường như kẻ sinh tạo ra nó còn có điều gì chưa thật yên lòng. Bằng chứng là gần hai mươi năm sau, Hoàng Hạc vẫn kĩ lưỡng sửa chữa, gạt bỏ những hạt sạn còn vướng lại trong cái thứ mà người ta vẫn quen gọi là "văn mình". Đủ thấy, tự tâm ý, người viết đã coi văn chương như một thứ đạo rồi .*

Viết Ké Nàm, *Hoàng Hạc muốn đi sâu vào tâm tư người miền núi những năm sáu mươi, cái thời điểm cả nước đang tưng bừng trên mọi nẻo "đường xuân" xây dựng. Sự kiện khởi công công trình thuỷ điện Thác Bà vừa đem đến cảnh tấp nập "người về như bướm, như ong", vừa gieo vào lòng người những khấp khởi mừng vui, lại vừa đem đến cho không ít người nỗi lo lắng, băn khoăn. Nghe người ta nói đến cảnh chặn núi ngăn sông, mai này chỗ ta ở đều "thành biển" cả, lòng dạ ké Nàm như có lửa đốt. Chẳng nhẽ, cái cơ ngơi mà đời ké, đời cha ông ké từng đổ bao mồ hôi và công sức lại để nước ngập hết ư ? Ké thấy xót xa, thấy tiếc công, tiếc của. Toàn bộ tâm trí của ké dồn vào một việc : nghĩ mẹo để ở lại. Nhưng ké không ngờ, Lẻn, con gái ké lại là người phản đối những suy tính của ké. Thực ra, sự khác biệt giữa ké và Lẻn là sự khác biệt của hai cách nhìn, sự khác biệt giữa* cũ *và* mới, *đồng thời cũng là sự xung đột giữa những suy tính có tính cá nhân và những khát vọng của tuổi trẻ mong muốn làm giàu cho đất nước. Điều đáng nói là trong khi nhiều cây bút cùng thời khá dễ dãi trong việc miêu tả tâm lí nhân vật thì Hoàng Hạc lại chú ý khai thác những "gấp khúc" tâm trạng của người nông dân khi bước vào thời kì làm ăn mới. Trên con đường ấy, bước chân của họ bị cản níu bởi nhiều thứ : sức ì của lối làm ăn nhỏ tự cung tự cấp, sự cạn hẹp của tầm nhìn, thói sĩ diện ... Nhưng "lòng tốt của con người ngày nay" và sức sống của cuộc đời mới đã từng bước giúp người nông dân điều chỉnh lại nhận thức. Chuyện ké Vinh chuyển đi, chuyện Lẻn bền gan trụ lại ở vùng đất khai hoang, chuyện con gái cả trách ké Nàm "ăn ở không ngay thẳng", lúc vận nạn thì nhờ dân bản, lúc khó khăn lại suy tính thiệt hơn ...*

làm cho kẻ càng ngày càng thấy cái "mẹo" của mình thật kì cục. Nhưng phải tới khi kẻ lên thăm Lẻn, tận mắt thấy con gái mình được mọi người tin yêu, thấy màu xanh đang làm tươi tốt những ngọn đồi bạc màu, kẻ mới hiểu mình là kẻ chậm trễ. Chi tiết kẻ "bật ra" lời khuyên con gái : "Còn cứng cổ làm gì", trên thực chất là chi tiết nói về sự thay đổi hoàn toàn trong cái nhìn của kẻ.

Lời dẫn chuyện của Hoàng Hạc trong tác phẩm này khá tự nhiên, nó không cần phải viện đến những chi tiết "đạo cụ" có tính sắp xếp lộ liễu bởi nhà văn biết khai thác một cách hợp lí tính cách và tâm lí nhân vật. Phải là người có vốn sống phong phú, cẩn trọng trong việc chọn lựa chi tiết mới có thể viết được những trang văn chân thật và sống động đến thế. Với tôi, Kẻ Nàm *không chỉ là một truyện ngắn xuất sắc của Hoàng Hạc, mà còn là một tác phẩm đáng chú ý của nền văn xuôi nước ta những năm sáu mươi về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền núi.*

Nguyễn Đăng Điệp

Võ Thị Hảo

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Võ Thị Hảo. Sinh ngày 13 tháng 4 năm 1956.

Quê quán : Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Tác phẩm đã xuất bản : *Biển cứu rỗi* (truyện ngắn, 1992) ; *Chuông vọng cuối chiều* (truyện ngắn, 1994) ; *Truyện ngắn chọn lọc Võ Thị Hảo ; Một trăm cái dại của đàn ông* (phóng tác, 1993).

Giải thưởng văn học : Giải nhì tiểu thuyết và truyện ngắn của NXB Hà Nội, 1993. Giải thưởng 5 năm văn học Hà Nội 1990 - 1995.

CON DẠI CỦA ĐÁ

Con ngựa tía dựng ngược bờm hí rền trong gió. Một bên tai nó rỉ máu. Người chủ mới vừa xâu vào tai nó một chiếc vòng tay đàn bà bằng bạc.

Người trai ngẩn ngơ nhìn chiếc vòng tay nơi tai ngựa. Rồi đập nát khèn bằng một hòn đá có cạnh sắc, chàng nhảy lên lưng ngựa, nện gót vào hông nó, vụt đi như chạy trốn.

Còn lại gió. Gió mài xiết trên những mỏm đồi đá, gẩy lốc cốc những mảnh trúc vỡ và xua đuổi những đám mây hình răng lợn lởn vởn trên không trung, để lộ một vầng mặt trời bầm dập màu thiếc.

Mọi chuyện của người Mông đều bắt đầu từ gió hoang hoài và kết thúc trên mặt đá hoang hoài.

*

Sải nằm ngửa trên một tảng đá. Tay nàng quất bâng quơ chiếc roi ngựa bện lên trời và thích thú lắng nghe tiếng roi reo vi vút trong không khí.

Gió mài xiết trên đôi má đỏ của nàng. Nàng mười bảy. Nàng chăn một con ngựa tía cùng con ngựa bạch vừa rời vú mẹ.

Sải vừa nằm trên đá, vừa nghĩ tới hạn ba tuần trăng nữa, nàng sẽ về nhà chồng. Hùng De là lính biên phòng, đang đồn trú cách bản này khoảng một ngày ngựa. Chàng có đôi mắt xếch trong veo, nước da trắng và chiếc mũ lông có hai tai mềm như tai chó xù.

Ba tháng nữa, nàng sẽ về trình con ma nhà Hùng De. Tim nàng đập rộn lên không biết vì vui hay buồn. Nàng sẽ làm vợ người nàng yêu, trở thành người đàn bà Mông suốt đời cúi mặt xuống bàn chân mình và chỉ ngẩng đầu lên khi tay sắp để tuột cái đuôi ngựa. Cái đuôi con ngựa cõng người chồng say mèm sau buổi chợ phiên. Khi đó, nàng còn yêu chàng được không ?

Vừa lúc đó, nàng cảm thấy trên thân thể mình một cái nhìn bỏng rát. Lập tức nàng chồm dậy.

Cáo Tờ Quẩy đang đứng trước mặt nàng. Dáng vẻ trễ nải trong chiếc quần ống rộng, ngực áo mở phanh. Mắt hắn như hút chặt lấy nàng. Đôi môi vờn lên trong một cái cười cao ngạo nhưng không kém phần say đắm :

– Jông hênh ![1]

Hắn thốt lên. Chỉ có hắn mới biết thả ra một lời tán thưởng đầy vẻ ban phát như vậy. Khiến cho người được khen vừa tức tối vừa tự mãn vì đã được một kẻ thạo đời như hắn khen.

– Cút đi ! Sải cúi xuống tránh tia nhìn của hắn.

Hắn cười vẻ không thèm chấp, rồi đàng hoàng ngồi xuống bên nàng. Sải rùng mình vì hơi mặn của biển vừa táp qua mặt nàng, ở đám tóc xoăn tít rậm rì của hắn. Nàng biết đó là hơi biển vì đã nếm mùi ấy trong cụm san hô màu trắng mà hắn đã từng dầy công nâng niu trong tay nải

---

(1) Đẹp lắm (tiếng Mông).

mang về tặng cho nàng trong chuyến đi buôn lần trước. Bản này có nhiều bạc nén, có răng vàng, nhưng chẳng ai có một cụm san hô như thế.

Chỉ có Cáo Tờ Quẩy ngược xuôi như đi chợ, xuống biển và lên núi mới có. Từ khi hắn tặng cụm san hô nàng đâm bị ám ảnh bởi mùi mặn nồng xa lạ của biển. Biển là một xứ huyễn hoặc mà nàng chưa hề biết tới. Ở đó, hắn nói, nước to lắm và biết thở phập phồng như lồng ngực đàn bà. Còn những đêm tối trời, mưa sao rơi trên sóng, nếu khéo tay có thể vớt được. "Nhưng đừng có dại mà vớt sao, vì để trên sóng thì đẹp, nhưng khi hớt lên, những vì sao lại biến ngay thành những con tép trông xấu chết" – Hắn nhếch mép cười, nói thêm. "Thế anh đã vớt sao rồi à ? " – Nàng tròn mắt. "Nhiều lần rồi mà". Sải nhìn hắn thán phục. Chuyện gì hắn cũng biết. Hèn nào trong tóc hắn cứ phảng phất vị mặn kia.

Và cái vị đó mê hoặc nàng, đến lúc nàng không còn muốn đẩy hắn ra nữa. Nàng nằm dưới hắn, trên đá. Những tảng đá dài dại dưới ánh hoàng hôn phụt tắt. Con ngựa tía của nàng cất tiếng hí vu vơ, lo ngại trước màn đêm sập xuống.

Nước mắt Sải lăn buồn buồn xuống đá. Người yêu nàng, chàng Hùng De, không mang vị mặn của biển. Trong mái tóc mịn của chàng chỉ có một mùi ngọt lợ của sương mù quanh năm quẩn trên đỉnh núi. Mắt De trong veo như mắt nàng. Nàng nghĩ rằng nó trong vì chỉ in da trời của một miền quê. Mắt Cáo Tờ Quẩy vằn những tia đỏ của rượu, của thuốc phiện và những ham hố. Nhưng nàng lượng thấy trong mắt hắn những miền xa vời vợi mà nàng chưa hề biết tới. Quẩy hứa sẽ đưa nàng đi chơi biển. Nếu được xuống biển, nàng sẽ sung sướng hơn cả mẹ nàng và bà nàng ngày xưa. Đàn bà con gái trong bản này chưa ai xuống tới biển.

Nước mắt Sải vẫn không thôi rỏ xuống đá, bởi vì, ba tháng nữa, nàng sẽ về nhà chồng. Mà Cáo Tờ Quẩy thì đã có vợ. Vợ già hơn Quẩy tám tuổi, do anh hắn chết đi để lại. Hắn đối xử với vợ hơn gì với con ngựa. Nhưng đó là vợ hắn.

*

* *

Khi đã nằm dưới hắn một lần, rồi thì nàng đâm lệ thuộc hắn. Đàn bà là thế. Đã trót thất thân với một người đàn ông rồi thì sẽ theo hắn, dù muốn hay không, dù trên thân xác hay trong tâm tưởng, như một con

chó theo chủ. Ngọn roi thôi rẽ những đường hoa mĩ lên trời, thôi reo vi vút. Nàng ngồi ủ ê trên mình con ngựa tía. Hắn hứa đưa nàng xuống biển, vậy mà hắn quên. Khi nàng bắt đầu gắn với hắn như một con cún, hắn quên ngay những lời hứa về trận mưa sao trên sóng vào ban đêm. Hắn vẫn xuống biển có một mình, đưa thuốc phiện đi đổi những thứ mà chỉ có trời và hắn biết, để mang sang bên kia biên giới.

Mười ngày nay, Sải không đi chăn ngựa nữa. Nàng cúi mặt, ngồi thêu nốt những chùm hoa chạy ngoằn nghèo trên mặt chiếc váy cưới. Hùng De là người con trai mà tất cả các cô gái bản đều ao ước. Ba tháng nữa, mãn hạn lính, chàng ta sẽ trở về ở hẳn bên người vợ trẻ và những buổi chợ phiên.

Hùng De cũng đã nghỉ phép, về cưới vợ. Sắp cưới được cô gái đẹp nhất bản, chàng ta cười nói say sưa trên những bát rượu bên bếp lửa.

Sải vẫn lén nhìn chồng sắp cưới. Anh không biết gì, vẫn ngây thơ như chú ngựa non mà nàng vẫn dẫn theo chân. Nàng đã từng cưỡi con ngựa tía, từng âu yếm và từng trừng phạt. Còn chú ngựa non, nàng chỉ doạ chứ chưa bao giờ nỡ đánh. Sinh ra trên đá, chú đã biết nhẫn nhục liếm những hạt sương mằn mặn trên đá thay cho muối và tự thoả mãn với điều đó. Nàng nghĩ, chú chính là con ngoan của đá. Chú gắn kết với đá.

Con ngựa tía là con dại của đá. Nó không biết làm lành với đá và luôn lồng lên khi thoáng nhận ra mùi lạ và cứ vùng vằng xông tới đó bằng được. Thế nhưng nàng thích cưỡi nó, vì nó cũng giống nàng, cứ khao khát mãi một miền ngái lạ.

*
* *

Ngày cưới nàng, trai bản hát :

"Này bông hoa thuốc phiện đầu nương

Đừng dẹp thế làm anh khổ..."

Sải bồn chồn. Nàng uống rượu thật nhiều và chỉ muốn trốn vào một xó để khóc. Nàng mong đêm kéo dài cho đám múa khèn này còn mãi. Mong bếp lửa đừng tàn. Đừng ai bỏ lại nàng một mình với Hùng De. Nàng tin rằng khi đó, con ma nhà Hùng De mới ra mặt. Nó sẽ chỉ ra

rằng nàng là một kẻ lừa đối. Đàn bà Mông không có quyền được lầm lỡ. Người đàn bà lầm lỡ không giá trị hơn một chiếc vòng tay bằng hạt cỏ.

Hùng De nhìn nàng qua ánh sóng sánh của bát rượu. Mắt chàng như có lửa. "De ơi ! Em đã biến anh thành chú ngựa non tội nghiệp suốt đời liếm giọt sương cần trên đá..."

Và cái lúc ấy đã đến. Lửa tàn, đám hát vãn. Hùng De nôn nóng bế nàng vào buồng, đặt nàng lên giường, và thành kính mở nút áo ngực nàng rồi ngây người ngắm vẻ đẹp của ngực nàng. Mặt Sải tái dần. Quẩy không làm thế và những người đàn ông khác cũng không làm thế. Đàn ông Mông coi thường đàn bà như một vật dụng, rẻ thì cái cối xay ngô, đắt thì như bàn đèn thuốc phiện. Đám đàn bà con gái chỉ truyền cho nhau nghe những câu chuyện đại loại như thế.

Sải kinh hãi nhìn Hùng De. Con ma nhà chồng trừng phạt nàng đấy. Thà cứ coi nàng như cái cối xay ngô, như con ngựa... Còn hơn.

Đằng này... Như thế, con ma nhà chồng không muốn nhận nàng. Nó trừng phạt nàng đây.

Khóc nức lên, Sải quỳ xuống, ôm lấy chân Hùng De :

– Tha cho em ! De ơi ! Em không thể sống cùng anh được. Em đã là vợ người khác mất rồi !...

Và nàng chạy vụt ra ngoài rừng tối. Hùng De thất thần. Khi kịp hiểu ra chỉ nghe "rí reng... rí reng..." tiếng reo của những chiếc vòng cưới trên tay nàng còn vẳng trong gió.

Hùng De đuổi theo. Tiếng gọi " Sải ơi ! Sải à" vang xa và cuốn lấy chân Sải. Nhưng nàng không quay lại và nàng đổi hướng, khiến cho hai người càng chạy càng xa nhau.

Nàng chạy đến bên vách nhà Cáo Tờ Quẩy. Vừa may, hắn đi buôn về lúc chiều, đang ngật ngưỡng một mình bên bếp lửa. Trong nhà, vợ hắn đã ngủ rũ sau một ngày làm lụng.

Sải bẻ một cành lá ném vào lửa. Quẩy giật mình nhướn mắt nhìn, rồi khẽ vạch vách bước ra ngoài.

– Đến đây làm gì ? Đêm nay phải ngủ với chồng mới chứ !

Hắn nói rồi ôm Sải. Đôi tay đã đặt lên ngực nàng, sờ sẫm.

Sải khóc tức tưởi :

– Không được rồi ! Con ma nhà Hùng De không cho em đánh lừa anh ấy. Không ở đây được nữa ! Anh đưa em xuống biển thôi.

Cáo Tờ Quẩy hốt hoảng :

– Sao lại thế ! Hùng De giết ta mất ! Ta làm sao đưa em xuống biển được ? Chiều nay ta vừa bị mất sạch hàng, mất cả dây cương lẫn ngựa... Em đi mau đi !

Sải càng khóc to hơn. Nước mắt rơi cả xuống bàn chân quấn xà cạp trắng :

– Không được ! Em đi đâu bây giờ ? Về nhà, bố sẽ giết chết, làm xấu mặt bố !

Nàng níu chặt lấy cánh tay hắn :

– Anh đã hứa đưa em xuống biển. Người Mông ta không nói dối. Anh đưa em đi ngay đêm nay ! Nếu không em sẽ chết dưới vực kia, sẽ làm con ma về đòi mạng anh !

Quẩy bịt chặt miệng nàng :

– Gở nào ! Thôi đừng nói nữa – Hắn nhíu đôi mày đen như bồ hóng – Được rồi, bây giờ đến ngủ tạm ở nhà bạn anh một đêm, rồi mai đi.

Sải líu ríu cập cợi theo Quẩy, người vẫn lùng xùng trong bộ váy áo cưới. Đêm tối như chàm đổ ở góc trời hai người đi. Nhưng đêm cuối bản đằng sau đỏ rực trong ánh đuốc. Tiếng hú gọi huyên náo cả núi. Đó là tiếng Hùng De cùng trai bản đang đốt đuốc tìm vợ. Tìm bông hoa thuốc phiện toả hương mê hoặc vừa mới đậu trên tay chàng đã vội tàn đi.

Đó là ngôi nhà rất đơn độc, đứng chênh lênh trong một hốc núi. Nàng chưa trông thấy nó bao giờ.

Cáo Tờ Quẩy đạp chân vào cửa. Cửa mở. Một làn khói thuốc phiện ngào ngạt vỗ vào hai người. Sải đứng sững lại, định thần nhìn kĩ, thấy trong nhà lô nhô năm bảy khuôn mặt đàn ông. Cả lũ đang người nằm kẻ ngồi ngả ngớn quanh bàn đèn thuốc phiện. Mắt người nào cũng đỏ ngầu, sưng húp. Khuôn mặt nhầy mỡ.

– Cứ vào đi, em à ! Bạn bè ta cả mà.

Quẩy nói rồi nhìn khẽ ẩy nàng vào. Bọn đàn ông nhổm dậy nhìn nàng hau háu, bỏ cả bàn đèn.

Một người to béo quãng trên dưới năm mươi tuổi, mặc một chiếc áo sơ mi vải rất tốt nhưng cáu bẩn, nói giọng lơ lớ vồn vã bước ra, ánh mắt sáng loé lên khi nhìn thấy nàng. Cáo Tờ Quẩy vẫy ông ta ra ngoài. Hai người thì thầm điều gì đó một lúc lâu.

Chỉ đợi có thế, lũ đàn ông trong nhà chạy ra vây lấy Sải. Một tên bẹo má :

– Cô em xinh quá ! Cú nhịa cào[1]

Một tên khác sấn tới nắm tay :

– Em ở đây với bọn ta nhá. Ở đây không phải làm mà cũng có ăn đấy !

Cả lũ cười hô hố. Run bắn lên, nàng nép dính vào vách nhà.

Cáo Tờ Quẩy vừa trở vào, nàng đã nhào tới lay vai hắn, khóc ầm lên :

– Đưa em đi ngay ! Quẩy à ! Ở đây không được đâu ! Em chết mất !

Quẩy cau mày rồi an ủi :

– Không sao đâu, em à. Toàn bạn bè cả mà. Anh đã gởi em cho ông Voòng Dín chủ quán đây rồi. Yên tâm.

Sải chạy theo hắn khóc nức nở. Nhưng Voòng Dín đã nắm lấy tay nàng giữ lại :

– Yên tâm mà ! Đã bảo là yên tâm mà !

Mãi ba ngày sau, Quẩy mới mò đến. Mặt hắn sượng sần sần, vai đeo một chiếc túi vải. Voòng Dín mặt tươi rói, đưa cho hắn một nắm tiền.

Sải không nói lời nào. Đôi mắt một mí hình lá đào rực lên những tia sáng lạnh khác thường. Nàng ngước nhìn lên trời trong khi quấn lại tóc và ra đi khi hắn vừa gọi nàng.

Quẩy đưa nàng đi về hướng Tây. Không dám nhìn nàng, hắn đi trước, vừa đi vừa ngắt lá thổi kèn vu vơ.

---

(1) Anh yêu em (tiếng Mông).

Đến con suối cạn, đá nhô ra như cái ô và sương mù bay bả lả, cách mươi bước chân đã trông không rõ mặt người, Sải đứng lại :

– Nghỉ đã, anh Quẩy à !

Quẩy miễn cưỡng dừng lại. Hắn bỗng cảm thấy chờn chợn. Hơi lạnh bốc lên ướp vào người khiến hắn run rẩy.

– Ngồi xuống đây đã ! Em mỏi chân rồi.

Nàng dìu hắn ngồi trên một tảng đá bằng phẳng trông tựa cái giường. Nàng không lạ gì nơi này. Hồi còn nhỏ đi tìm ngựa lạc, nàng đã vô tình phát hiện ra hẻm núi này và rất thích thú khi ngồi rụt cổ dưới chiếc ô đá. Bố nàng bảo, người trong bản, khi vượt biên sang Trung Quốc vẫn đi đường ấy.

Khi tay nàng áp vào vai hắn, một cảm giác ấm mềm khiến Quẩy yên lòng. Hắn lại say mê nhìn nàng. Gò má tái xanh, mắt thâm quầng, những sợi tóc mai bơ phờ. Nhưng chưa bao giờ nàng đẹp như thế.

Hắn quàng tay ôm nàng. Hắn đẩy nàng ngã nhẹ trên đá, hôn cái cổ tròn mịn có ngấn của nàng. Hơi ấm dịu của thân thể đàn bà khiến hắn đê mê nhắm mắt lại và lật người lên.

Hắn cảm thấy bàn tay nhỏ nhắn của Sải phác một cử động nhẹ. Tay nàng đặt bên dưới ngực hắn, vừa lúc hắn hăm hở dập ngực xuống người nàng. Trong đê mê, một cảm giác đau nhói ở tim khiến hắn mở bừng mắt, diễn ra đồng thời với một tiếng gọi giật, rất nhỏ :

– Này Cáo Tờ Quẩy ! Nhìn tay ta đây !

Hắn chấp chới nhìn xuống tay nàng, và kịp nhìn thấy chuôi dao nhíp nhỏ xanh như con rắn lục giữa những ngón tay mập mạp trắng muốt của nàng. Ngay lập tức, nàng né người, vùng ra khỏi thân hình lực lưỡng đang đổ sập xuống của hắn.

Mắt Quẩy bắt đầu đảo tròng. Hắn còn kịp nghe tiếng nói khô lạnh của Sải :

– Đồ khốn nạn ! Mày ném ta cho lũ bạn bẩn thỉu của mày giày vò để đổi lấy bao nhiêu tiền hả ? Ta giết mày, vì người Mông ta không có ai như mày. Bước chân mày làm bẩn đá vùng ta !

Sau một cơn giật mạnh, Quẩy nằm duỗi dài trên đá, thoải mái như ngủ. Lúc đó máu mới bắt đầu túa ra từ tim, chảy dài theo chuôi dao.

Màu đỏ của máu đập mạnh vào mắt Sải. Nàng như sực tỉnh, gào lên kinh hoàng : – Máu ! Máu ! Tủa la ! Mẹ ơi ! Tủa la.[1]

Và nàng gục xuống đầu hắn mà khóc. Đám tóc xoắn tít dựng ngược vẫn phả ra hơi mặn nồng của biển.

*

* *

– Ta giết chồng bà rồi. Giàng Gau à ! – Nàng nói, mắt vẫn đăm đăm nhìn những tàn lửa bay bay trong bếp nhà Giàng Gau – Bà vợ già của Quẩy.

– Cái gì ? – Vợ Quẩy trợn tròn mắt.

Giàng Gau đứng nhìn Sải chằm chằm khi nhận ra những vết máu khô lấm tấm trên váy áo nàng và con dao nhíp nhỏ xanh đen vấy máu mà nàng cầm trong tay bà mới tin là thật. Bà lùi lại gầm lên :

– Trời ơi ! Đúng rồi ! Đúng thật rồi ! Tao sẽ giết mày ! Tại sao mày giết chồng tao !

– Vì chồng bà lừa ta. Hắn hứa sẽ đưa ta xuống biển, vậy mà hắn đã quẳng ta cho một lũ chó xâu xé rồi còn chực đưa ta sang Trung Quốc bán. Bà cứ giết ta đi. Ta muốn đền nợ máu cho nên mới về đây. Giết đi ! Nhưng bà tiếc chồng làm gì. Ông ta đối với bà có hơn gì đối với con ngựa đâu.

Giàng Gau rũ xuống khóc :

– Phải rồi ! Chồng tao đối với tao không hơn gì với con ngựa, con chó. Nhưng còn nó, tao còn có cái đuôi để mà đi theo trong buổi chợ. Đàn bà Mông không chồng, đến hòn đất cũng còn bắt nạt được. Tao phải giết mày !

Sải quỳ xuống, hai tay đưa con dao díp lạnh buốt cho Giàng Gau :

– Giết đi ! Ta không còn muốn sống nữa ! Ta đã là đứa con gái ngu dại. Ta sống, chân ta cũng sẽ giẫm bẩn đá.

Và nàng vạch áo. Bên ngực trái trắng ngần với đầu vú đỏ như son lộ ra.

Giàng Gau mặt tái mét như mất hết máu. Bà ta run rẩy cầm con dao, run rẩy bước qua đống lửa, cặp mắt mở to như nứt kẽ không chớp,

---

(1) Chết rồi (tiếng Mông).

lừ lừ sát tới nàng. Mũi dao nhọn đã dí vào ngực Sải, Giàng Gau cắn môi, nhắm mắt, khẽ ấn dao. Sải rú lên một tiếng lớn. Máu đỏ loang. Giàng Gau kinh hãi mở mắt. Vừa nhìn thấy máu, bà bàng hoàng ôm mặt :

– Không ! Không ! Không ! Ta không giết nổi mày. Mày đi đi ! Đi đi ! Đi mau lên !

Sải đưa tay ôm ngực. Nàng quẳng con dao vào lửa và nhào vào đêm tối.

Đêm ấy, núi đá nuôi tiếng khóc vỡ ngực của hai người đàn bà.

*

* *

Hôm sau, hai con ngựa mà Sải vẫn chăn bỗng giật đứt dây cương, lồng lên núi đá và con ngựa tía hí rền bên miệng vực.

Cả bản bỏ đi tìm Sải. Bố mẹ nàng khóc gào khản cả giọng.

Người ta thấy dấu máu rỏ từ nhà Giàng Gau tới miệng vực thì mất hút. Vực sâu thăm thẳm không ai xuống nổi. Không biết là nàng đã nhảy xuống vực hay bỏ đi biệt tích.

Hùng De cũng đã tới miệng vực. Trông bơ phờ như mất hồn. Trên người vẫn mặc nguyên quần áo cưới.

Con ngựa non đang cần mẫn liếm đi liếm lại một vật gì đó lấp lánh.

Hùng De cúi xuống. Thì ra đó là một chiếc vòng bạc. Chiếc vòng bị mẻ một miếng của Sải mà trước đây chàng đã bảo sẽ đưa đi đánh lại cho tròn trịa nhưng nàng lơ đễnh không nghe.

Chàng úp mặt xuống đá khóc. Rồi như một kẻ điên, chàng đeo vòng vào tai con ngựa tía nhảy trên mình nó phóng vút đi dưới những đám mây hình răng lợn và vầng mặt trời màu thiếc.

Chú ngựa non chạy theo không kịp. Chú ở lại kiên nhẫn liếm những hạt sương mằn mặn trên đá. Chú ngẩng lên trời và cất tiếng hí non nớt đầu tiên.

Đá âm âm nuôi tiếng chú. Đó là tiếng hí chào biệt đứa con dại của đá.

Bởi vì, ai cũng muốn đẻ con khôn. Nhưng lại cứ nôn nao nhiều nhất về những đứa con dại.

Đá cũng vậy thôi.

Tháng 11-92

Lời bình

Câu chuyện khá lôi cuốn. Có đủ chuyện trai gái ngoại tình, chuyện lừa lọc tráo trở, chuyện buôn lậu, chuyện bờm xơm, chuyện trả hận tính sổ giết người.

Nhưng ám ảnh hơn hết là hai chú ngựa con của đá. Con ngựa tía và con ngựa bạch vừa rời vú mẹ.

Con ngựa bạch "sinh ra trên đá, chú đã biết nhẫn nhục liếm những hạt sương mằn mặn trên đá thay cho muối và tự thoả mãn với điều đó". Còn con ngựa tía "Nó không biết làm lành với đá và luôn lồng lên khi thoáng nhận ra mùi lạ và cứ vùng vằng xông tới đó bằng được". Một là đứa con ngoan, một là đứa con dại của đá. Như có ý sợ người đọc lơ đãng nên tác giả phải biện minh cho tiếng hí chào biệt :

"Bởi vì, ai cũng muốn đẻ con khôn. Nhưng lại cứ nôn nao nhiều nhất về những đứa con dại.

Đá cũng vậy thôi".

Xét về cách kết thúc truyện, đây chưa hẳn là kiểu kết thúc hay.

Đằng sau hai con ngựa ấy là đôi trai gái Sải và De. Chàng Hùng De lính biên phòng trong mắt của người yêu chỉ là "chú ngựa non tội nghiệp suốt đời liếm giọt sương cằn trên đá". Anh ta bình thường quá "không mang vị mặn của biển. Chàng chưa bao giờ tới biển. Trong mái tóc mịn của chàng chỉ có mùi ngọt lợ của sương mù quanh năm quẩn trên núi". Sải thì hoàn toàn khác. Cô khát khao mãi một miền ngái lạ, bị ám ảnh bởi mùi mặn nồng xa lạ của biển, rồi bị mê hoặc, buông thả huỷ hoại đời con gái, trở thành một "con cún" thảm hại. Sải đã mất sạch, thậm chí còn bị làm nhục, bị đem bán như một món hàng. Nhưng Sải là người trung thực. Cô không tha cho kẻ lừa mình, và cũng không tha cho chính mình nữa...

Đây không chỉ là số phận của cô gái Mông mà còn là nỗi đau về sự trả giá cho sự si mê lầm lỗi. Nhưng điều đáng để cho chúng ta suy ngẫm là ở chỗ muôn đời niềm si mê khát vọng bến bờ xa cứ mãi xiết như gió hoang hoài.

Vũ Nho

Tô Hoài

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh . Nguyễn Sen. Sinh ngày 27 tháng 9 năm 1920.

Quê quán : Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

Tác phẩm đã xuất bản : 150 tác phẩm, trong đó nổi bật là *Dế mèn phiêu lưu kí* (truyện dài, 1942) ; *Quê người* (tiểu thuyết, 1943) ; *Truyện Tây Bắc* (tiểu thuyết, 1954) ; *Miền Tây* (tiểu thuyết, 1960) ; *Tự truyện* (hồi kí, 1965) ; *Quê nhà* (tiểu thuyết, 1970) ; *Cát bụi chân ai* (hồi kí, 1991) ; *Tuyển tập Tô Hoài* (3 tập, 1993) ; *Tuyển tập truyện ngắn Tô Hoài* (trước và sau 1945, 3 tập, 1994) ; *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi* (2 tập, 1994).

Giải thưởng văn học : Giải nhất tiểu thuyết của Hội Văn nghệ Việt Nam, 1956 (tiểu thuyết *Truyện Tây Bắc*) ; Giải A Giải thưởng Hội Văn nghệ Hà Nội, 1970 (tiểu thuyết *Quê nhà*) ; Giải thưởng của Hội Nhà văn Á Phi, 1970 (tiểu thuyết *Miền Tây*) ;

Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt 1 - 1996).

CỨU ĐẤT CỨU MƯỜNG

Phải năm đất nước loạn lạc, núi lở sông cạn
Cuối đồng mường ta rậm cỏ, giặc Tây ác đóng
Ngọn suối mường ta cạn nước, giặc Thổ ác(1) *đóng*
Người trong mường ta phải đem nhau đi ăn rừng ở nương
Đã bao nhiêu tháng
Còn đến bao nhiêu năm

(Bài hát tiếng dân tộc Mường
ở châu Phù Yên)

(1) Ý nói bọn lang đạo và lính ngụy.

Con chim kì xanh biếc, chân đỏ.

Ít ai đã trông thấy chim kì, chỉ nghe tiếng nó thánh thót cao thấp như tiếng kèn gọi phường săn. Nghe tiếng, người ta bảo điềm lành.

Một buổi sớm nghe tiếng chim kì cuốn dài theo gió từ khe Mông Mang đưa ra. Ai cũng như thấy mùa đông đương trở lại, có những điều tốt lành lại theo. Đấy là mùa gặt hái sắp tới.

Mùa gặt hái lại đã đến trên khu du kích.

Nhưng hai bên sườn núi trong các lũng[1] vẫn chỉ sừng sững một màu đá xám ngắt, không thấy đâu một chút vàng lúa chín. Vẫn chỉ nghe tiếng chim kì lẩn quất kêu trong gió và trong sương mù.

Nhưng thật ra lúc này ở rừng sâu đâu đâu cũng đương tấp nập công việc. Các tổ tăng gia cứ tối tối lại họp để tính đổi công gặt. Du kích thì xuống gác tận dưới chân núi. Các vọng mõ báo động cũng được đặt lại. Theo kế hoạch bảo vệ mùa, người ta lại chuẩn bị lại các bẫy đá, các dốc, các khe lại đặt chông thuốc độc mới.

Trong khi đó thì ở bên phía đồn Tây dưới mường Cơi cũng nhộn nhịp bắt đầu những "công việc ngày mùa" của chúng : ngày ngày chúng sửa soạn, rục rịch lên núi cướp phá mùa để triệt lương ăn của khu du kích.

Mùa năm nào cũng vậy.

Những nương lúa âm thầm cứ dần dần vàng hoe rồi đỏ ngọt trong khe sâu. Các tổ đổi công lần lượt, mải miết gặt. Quân giặc như mưa lũ, biết được nó ào lên lúc nào ! Người ta bảo : "Việc ta ta cứ làm, còn mày muốn càn lúc nào là việc của mày. Đợi mà chạy mày thì chỉ thêm sốt ruột". Cho nên, công việc ngày mùa trên các lũng tuy rằng vội vã, nhưng vẫn tuần tự như thường.

Giữa lúc ấy, nghe tin có một đoàn dân công đương tải muối và lưỡi dao, cuốc, từ phía sông Thao vào qua. Nửa tháng trèo núi, đến đây, đoàn dân công dừng lại. Một số trở ra để nhặt hàng và đánh dấu lại mấy nơi đã chôn cất các đồng chí. Những ngày lặn lội vừa qua, họ không thể cố

---

(1) Những khe núi sâu và kín, có khi ở trên núi rất cao, người Mường châu Phù Yên gọi là lũng.

gắng vượt nổi, đã bỏ mình trên lưng chừng núi. Đoàn dân công dừng lại ở đây cũng để lấy thêm người của khu du kích đi vác tiếp vai cho đoàn vận tải. Còn đi vào nữa. Muối và nông cụ, và võ khí vẫn không ngừng lại, vẫn đi vào nữa. Dù rằng các lũng du kích ở trong núi này đã mấy năm không biết mặt hạt muối, không ngửi một hơi khói thuốc lào, không thấy đâu một vuông vải mới nhưng đoàn dân công vận tải vẫn đi vào nữa, bởi vì các khu du kích xa trong kia còn gian khổ nhiều hơn nữa.

Nhưng ai cũng lặng lẽ, hồi hộp, mong đợi, mong đợi một cái gì khác. Có cán bộ đi sẽ có cán bộ ở, cán bộ, bộ đội, dân công càng đi sâu vào, càng như trông thấy đất nước nơi nào cũng đều đứng lên đánh Tây.

Hôm đoàn dân công lại đi, có đông người các lũng đã bỏ cả gặt, cứ đứng trên mỏm núi nhìn ra cánh rừng đương thoai thoải xuống sông Đà. Chẳng biết có ai thật trông thấy đoàn người đi không, nhưng rồi lũng nọ đồn lũng kia : đông lắm ... mỗi người một vác trên vai ... Tôi trông thấy đồng chí Sơn đi ... đồng chí Sơn đi với mấy người đi đầu ...

Người các lũng náo nức thăm hỏi đoàn dân công đi, không phải chỉ vì có dân công, bộ đội đi qua mà còn vì trong đoàn đi ấy có đồng chí Sơn là một người đội viên đội võ trang sau cùng đã ở lại khu du kích ngót hai năm. Hôm nay đồng chí ấy cũng lên đường vượt sông Đà sang Mường La, tiến sâu hơn nữa, để bắt mối với đội võ trang của mình đã rải rác đi trước vào vùng tạm chiếm Tây Bắc từ hai năm nay.

Đồng chí du kích Nhấn hôm ấy bắn được một con phượng hoàng đất. Nhấn nướng vội một nửa đem xuống làm lương khô biếu đồng chí Sơn đem đi ăn đường. Rồi Nhấn cứ lẽo đẽo theo Sơn, đưa Sơn xuống khỏi lũng, mặc dầu những đêm qua, đêm kia, Nhấn và đồng chí Sơn đã trò chuyện dặn dò nhau suốt sáng không chợp mắt.

Nhấn đứng lại, ngẩn ngơ nhìn Sơn, rồi Nhấn nói :

– Anh Sơn ơi ! Tôi nói với anh Sơn chuyện này : tôi không phải là người Mán, anh Sơn biết chưa ?

Sơn biết chuyện ấy đã lâu, từ khi mới đến lũng. Nhấn thường hay nói, nhưng lần nào Nhấn nói lại cũng như nói một chuyện mới lạ. Tuy

nhiên, Sơn đã hiểu rằng khi nào Nhấn muốn nói lại như vậy là trong lòng Nhấn đương có một điều ngẫm nghĩ vừa như buồn bã, vừa như tin yêu. Cho nên Sơn im lặng, Sơn đợi Nhấn nói. Phải, Nhấn không phải người Dao. Dù cái áo chàm tay rộng rách lướp tướp kia, dù mái tóc kín gáy lại xoã xuống khuôn mặt xạm như mặt người ngồi khói cả mùa đông vừa bước ra cửa rừng kia, ai chỉ mới thoạt trông tầm vóc người nhỏ lẳn và con mắt sắc, vành cằm nở, cũng biết được Nhấn không phải người Dao.

Nhấn nói :

– Năm xưa, hôm mẹ tôi bán tôi lên Mán, tôi vừa đi vừa khóc, tôi bảo : mẹ để cho ta khổ một mình thế này, bao giờ ta biết cầm dao thì ta đi giết chết mẹ. Nhưng đến khi tôi lớn, bố nuôi đem tôi xuống cho gặp lại me, thấy mẹ chỉ khóc thì tôi cũng khóc, không còn nhớ đến con dao nữa. Mới biết mẹ con tôi ai cũng cùng khổ cả, không biết làm thế nào cho hết được !

Nói đến đấy Nhấn lại khóc :

– Năm ngoái, tôi trốn xuống Mường Cơi tìm không thấy mẹ đâu. Chết đói hay Tây giết, châu đoàn giết mất rồi. Anh Sơn à, mùa này xong tôi lại xuống tìm mẹ tôi nữa.

– Lần này tìm thấy thì Nhấn nên đón mẹ lên ở trên nương này.

– Phải rồi ! Phải rồi !

Nhấn hấp tấp nói, như chợt nghĩ ra. Ánh mắt vui hẳn lên, nhìn Sơn.

Chỉ một lát sau, anh Sơn đã đi khuất. Nhấn đứng lại, Nhấn lại buồn. Bỗng dưng Nhấn nhớ đến mẹ và đời mình.

Mẹ Nhấn, ngày trước, người làng gọi là cô Ảng. Cô Ảng xưa đã một thời đẹp nức tiếng đất Mường Cơi. Lệ làng đây bắt người ta mỗi năm phải đi làm cuông[1], bắt cả cuông đàn bà. Chao ôi, những như con gái đẹp nhà quan thì càng làm đẹp cửa đẹp nhà nhà quan hơn, con cái nhà

---

(1) Trong chế độ thổ ti, lang đạo ở Tây Bắc trước, các nhà chảo mường (tri châu), phìa (lí trưởng) bắt từng xã, từng thôn hàng năm, hàng mùa phải đi hầu hạ, làm không công cho nhà quan, gọi là làm cuông.

dân trắng mà đẹp thì chỉ sinh lo, sinh bệnh cho cha mẹ. Bố Ảng đã già yếu mà năm nào cũng phải chăm đi ở cuông thay con gái, vì cụ không muốn nhà quan nhìn được mặt con gái. Mẹ Ảng thì bắt con mặc váy vá, đừng quấn thắt lưng thêu, đừng mang khăn bịt đầu trắng. Cho đừng ai biết đã nhớn rồi, đừng ai để một đuôi mắt nào tới nó.

Nhưng rồi một năm bố không còn sức đi ở thay con được, Ảng đã phải đi làm cuông cho tri châu Né. Ngày ngày Ảng tìm cách lấy việc đi làm đồng xa để tránh làm trong nhà. Lúc phải về nhà châu Né, Ảng tìm chỗ ngồi trốn giữa mấy chục người dân ngồi xổm hầu quan. Mẹ đã dặn : đừng để ai nhìn thấy mặt mày !

Thế rồi tri châu Né cũng nhìn thấy mặt Ảng. Bởi nhà quan đã quen tìm nàng hầu trong đám người dân tới ở cuông rồi. Ảng ra đi ở hầu quan từ đấy. Bố mẹ không còn biết đâu có cửa nào to hơn, cao hơn mà kêu oan cho con gái được. Người con gái mười bảy đành đem thân đi nâng giấc ông lão sáu mươi. Tối ngày Ảng ngồi một xó nhà, rót nước, nướng thịt, bưng xôi, đun nước tắm. Con mắt mờ mịt không còn lúc nào ngước trông ra cho thấy được mùa nào có con chim nào đã về qua dưới cửa sổ.

Ngót mười năm đầy đoạ Ảng, rồi tri châu Né chết. Cô Ảng được trở về làng. Người gái trong mường đi lấy chồng xa trở về làng, như người ta mong ước : chồng thì tay dắt trâu, vai gánh gà vịt ; vợ thì quảy ninh, quảy nồi, lưng địu con nhỏ. Nhưng cô Ảng ở nhà quan trở về làng chỉ đeo một túi quần áo và đi một mình. Bố mẹ không còn nữa. Bố mẹ buồn khổ chết đã lâu rồi.

Cô Ảng ở nhà châu Né về, nhưng từ đấy lại thành ra người chuyên tay của các quan châu, quan lang, những ông chúa đất ở Mường Cơi, ở châu Mường Vạt, ở châu Mường La. Ảng không đi hầu riêng ai, mà Ảng phải đi hầu khắp mọi người quan. Mỗi lần có tri châu, châu đoàn về Mường Cơi, là đất lắm cảnh đẹp, để đi săn, hoặc đi chơi hang đá, đi tắm suối nước nóng ngày Tết, các quan đều cho gọi cô Ảng theo hầu rượu, hầu thuốc phiện, hầu chăn đệm. Tan cuộc chơi lại cho cô Ảng về.

Bấy giờ tuy Ảng còn trẻ, còn đẹp, nhưng dân trắng trong làng thì không ai lấy. Người ta sợ quan, mà người ta cũng khinh hạng đàn bà ấy là người thừa, người không biết làm ăn gì. Ảng khiếp sợ cái đời sống

ấy. Nhưng Ảng còn biết làm thế nào ? Ở đâu cũng đất nước của quan lang, quan châu, biết đi đâu !

Cô Ảng sinh được hai con, cũng không biết bố nó đích là người quan nào. Không nhà quan lang nào ra mặt nhận con. Nhưng mỗi cuộc săn, mỗi chuyến đi tắm suối nước nóng, đi chơi hang núi đá ngày Tết, các quan vẫn bắt cô Ảng đi hầu. Cô Ảng lại phải đem gửi con rồi đi hầu cho quan chơi. Và tuy quan không nhận con, xong lệ làng thì vẫn giữ nghiêm, các quan làng phải ngả vạ tội người đàn bà chửa buộm. Lệ làng phạt mỗi trẻ con đẻ hoang thì mẹ nó phải đem nộp làng mười hai đồng bạc hoa xoè. Những đứa con cô Ảng là trứng của nhà quan, nhưng nhà quan không nhận thì nó cũng chỉ bằng trứng con quạ, con cú trong rừng, cho nên làng mới phạt vạ nó. Cô Ảng phải đem một con lên núi cho người Dao, đổi lấy mười hai đồng bạc trắng về nộp làng. Vẫn chưa hết khổ. Không có chồng, trong nhà lại không có đàn ông, thế thì phép quan châu cũng không chia cho đàn bà được phần ruộng để làm[1]. Mẹ đành phải ôm con la liếm đi vét cối giã gạo ngoài suối xin ăn.

Mười mấy năm đã qua. Rách quá, ốm quá, già quá, chẳng mấy lâu mà người Mường Cơi đều đã gọi cô Ảng là bà lão Ảng, bà lão Ảng ăn mày.

Khi còn bình yên, Nhấn đã lớn, mỗi năm một lần, Nhấn đem một con gà xuống Mường Cơi biếu mẹ. Hai mẹ con thấy nhau chỉ khóc : "Con ơi ! Vì mẹ khổ mà hai con của mẹ, đứa thì hoá ra trâu, đứa thì hoá ra bò".

Ba năm nay, giặc Pháp trở lại chiếm Mường Cơi, lập lại quan châu, quan mường. Các làng ven rừng không chịu cúi đầu, đều bỏ lên ở bí mật trên núi. Nhấn không xuống thăm mẹ được. Bà Ảng già cũng không biết đường nào lên núi. Có lần Nhấn xuống, phải khi đồn canh ngặt quá, không vào được làng. Nhưng nhiều người Thái, người Mường bỏ Mường Cơi chạy lên ở khu du kích, họ kể họ vẫn thấy bà lão Ảng còn sống,

---

(1) Tục lệ cũ nhiều nơi ở Tây Bắc : đàn bà và người tàn tật không được làng chia phần ruộng công vì bọn thổ ti, lang đạo bảo là đàn bà và người tàn tật không đi phu, đi lính (mặc dầu ở nhiều nơi họ cũng bắt cuống đàn bà), không có ích cho quan, nên không được phần ruộng.

bà ở một mình. Hỏi : em tôi đâu, người con gái bà ấy đâu ? Người ta chép miệng : "Đứa gái lớn ấy lại phải đi hầu ông triều bà nàng nhà châu đoàn Cẩm Vàng rồi, lại đến bỏ đi thôi !".

*
* *

Bỏ đi thôi ! Bỏ đi thôi ! Những tiếng ma rừng rợn, thì thào vang lại. Nhấn nằm vật xuống, lịm đi. Nhưng rồi dần dần Nhấn nghĩ : "Không, không thể bỏ đi thôi. Mẹ ta, em ta sẽ lên đây ở. Rồi ta đi bộ đội như anh Sơn. Giặc bỏ ta đi làm sao, ta phải bỏ nó đi mới được".

Một hôm, Nhấn nói với bố :

– Bố à, tôi xuống Mường Cơi.

Ông Sênh đương mài dao, ngẩng mặt lên, trừng mắt hỏi. Nhấn bảo :

– Tôi đi đón mẹ, đón em lên làm nương cho ta đây.

Ông lão "ừ" một tiếng. Rồi lại cúi đầu, mải miết đưa lưỡi dao trên hòn đá. Bao giờ Nhấn hỏi, Nhấn bàn gì với ông, ông Sênh cũng "ừ". Ông quý Nhấn, ông chỉ có một mình Nhấn. Vả chăng, từ khi đồng chí Sơn đến ở nhà ông, hai người có bàn việc, Sơn dạy chữ cho Nhấn, ông biết nó đã lớn khôn. Lại nữa, lúc này các lũng đương gặt, nhưng đã sắp đặt sẵn cả : người thì ở nương cũ canh thóc, người thì đi làm nương mới. Nhà ông có hai bố con, chưa biết ai ở, ai đi. Ừ, tìm mẹ con bà Ảng lên đây ; có một việc dễ thế mà mấy năm nay đã nhiều người dưới làng bỏ Tây lên núi ở, sao ông chưa nghĩ ra ?

Nhấn xuống Mường Cơi mười hôm, từ đầu mồng trăng. Cả vùng mấy làng ở Mường Cơi bây giờ về nằm trói tròn trong hai khu làng tập trung chen chúc dưới chân đồn, có chòi canh bốn phía, không phải ai vào cũng được. Nhấn ở ngoài ruộng đợi, rồi một đêm, Nhấn trèo trộm được vào mường.

Nhấn tìm đến một cái lều cối nước ở bờ suối mà người ta đã bỏ hoang. Mẹ Nhấn ở đấy. Câu đầu tiên Nhấn hỏi mẹ :

– Em tôi đâu ?

– Vào ở nhà quan Cẩm Vàng rồi.

– Đã bao lâu ?

– Hai năm nay.

– Nó có hay về với mẹ không ?

– Từ khi đi chưa về.

Bà Ảng nói rồi khóc. Nhấn bảo :

– Rồi bộ đội ta sẽ về đón nó. Bây giờ mẹ đi với tôi.

Đêm ấy, Nhấn dắt mẹ đi. Cuối mồng trăng, Nhấn mới về tới đến lũng. Nhấn cõng mẹ từ chân núi lên đến khe Mông Mang. Nhấn còn nhớ mãi lúc bấy giờ đi giữa hai khe núi có nương lúa chín vàng len lỏi cạnh từng hốc đá, bên tai lúc nào cũng nghe vi vút tiếng chim kì kêu bốn phía. Mẹ và con vừa đi vừa nói chuyện vui.

Ông Sênh ra tận đầu lũng đón hai mẹ con Nhấn.

– Bà Ảng hôm nay lên kháng chiến cứu nước với chúng tôi à ?

Nước mắt bà Ảng ràn rụa :

– Tôi chỉ còn biết giữ nương như người sắp chết thôi.

Bấy giờ đương giữa mùa đông, các lũng bắt đầu rủ nhau đi phát nương mới.

Năm nào cũng vậy, mỗi năm phải đổi nương một lần. Người ta sợ ở đâu lâu, giặc càn lên sẽ tìm được hết tung tích. Cho nên năm nào cũng phát nương mới, năm nào cũng đi tìm kiếm lục lọi ra những khe sâu nữa, cao nữa, cao nữa. Vần quanh hết núi này lại chuyển sang phía núi khác. Trên các mỏm đá, người cứ leo xuống các vách núi dựng đứng, quanh năm vang động tiếng vượn hú. Người leo sau, đàn vượn chạy trước. Người chiếm mất chân vách đá của đàn vượn. Trong sương mù lại nghe tiếng vượn vừa chạy vừa hú và tiếng chim kì kêu, càng xa thăm thẳm, lẫn tiếng cây người ta ngả xuống, đương rào rào đổ. Dưới chân đá chìa ra từng vạt rừng bí mật, những vạt rừng chạy nghiêng dài theo khe giữa hai lòng núi khép vào nhau, rồi ấp lại, khiến cho người đứng núi khác không nhìn thấy đất mới vỡ bí mật ở núi này được.

Trong lũng chỉ còn một mình bà Ảng ở lại trông nương. Theo tục trong mường, mỗi khi một nhà bỏ nương cũ thì để lại người già trông

nương, trông kho đựng thóc và nuôi gà, bao giờ con cháu làm xong nương mới, có lúa ăn đầy đủ mới về đón cụ đi.

Những ngày đêm mưa tầm tã trên núi, tưởng không bao giờ dứt, cũng đã qua. Đám mây lốm đốm xám như đuôi con sóc nối nhau bay quẩn sát ngọn cây, lề thề đi mãi, bây giờ cứ loáng thoáng nhạt dần, thỉnh thoảng đứt quãng, đã thấy lồ lộ đằng xa một bức vách đá trắng toát. Tiếng chim kì lại thánh thót gọi mưa tạnh, trong từng khoảng trời dịu xanh quang, tạnh ráo.

Trên một cây xoan có bậc thang đóng vắt vào thân cây, bà Ảng ở túp lều cành xoan ấy, – chiếc lều như một cái tổ chim. Lều gà cũng ở trên cành xoan với lều người. Quanh lều thòng ra lô xô những dây dợ bắt dài vào nương sắn. Nếu có gấu, có rím về đào sắn, bà giựt dây. Bà Ảng đuổi thú rừng cả ngày, cả đêm.

Cả những đêm giông bão, bà Ảng vẫn thức. Mà sao bà Ảng không thấy một điều gì quạnh quẽ trong lòng. Bà Ảng ngồi im trong chiếc lều đảo điên giữa cành cây trông ra những mô đá lúc đen xì, lúc bóng nhoáng, lô nhô trên nương. Nhưng bụng bà vẫn yên tĩnh như lúc trời tạnh. Bà đương nghĩ : "Một đời tao không biết mặt cái ruộng, tao không biết đi làm nương. Bây giờ già sắp chết mới được biết ngồi canh nương của mình thế này.". Nghĩ thế, trong lòng vừa bùi ngùi, vừa vui.

Trời đã tang tảng, bà kéo cái dây hạ chuồng gà trên cành xoan xuống. Cho đến lúc có ánh nắng, bà Ảng mới thả đàn gà. Rồi bà dạo xem qua các dàn bí đỏ, thấy quả nào đã già mặt, bà cắt đem đặt lên phơi nắng trên các tảng đá. Sau bà sang nương sắn để xem đêm qua có rím về đào sắn không. Đấy là những công việc đều đặn mỗi sáng của người trong nương. Xong một lượt, bà Ảng trở về gốc xoan, lấy bốn cái bẫy chuột đem vào cài lên những bịch thóc trong lán ven rừng. Bà đã buộc được bốn cái bẫy. "Một đời người phải khổ sở, sắp đến ngày chết mới được bẫy ăn thịt chuột làm hại thóc nhà mình."

Bà Ảng ôm bó bẫy chuột, vừa đi vừa tính việc : "Ngâm mây xuống lạch nước cho dẻo mây rồi ta làm thêm ba bẫy nữa. Thằng Nhấn về thì tha hồ mang thịt chuột nướng đi ăn với du kích... Tết này xong ta bảo nó ra Ngọn Lao xin hột bông giống, năm nay ta sẽ phát lấy một nương bông."

Bà Ảng bước lập cập xuống ven suối. Được vài bước, bà Ảng bỗng quay lại. Một mùi gì hăng hắc thoảng quanh. Bà nhớ ngay những hôm lính say rượu à à từ trên đồn xuống đuổi bắt đàn bà con gái dưới làng, mùi quần áo lính nó cũng hăng hắc. Mấy năm sống dưới chân đồn, bà Ảng đã thuộc cái mùi ghê rợn ấy. Bà Ảng vội ngẩng đầu thì, trời ơi ! đã thấy trên đầu nương lố nhố những lính tráng vàng lôm lốp.

Một lũ chạy xuống suối lôi xốc bà Ảng lên, hỏi :

– Nhà bà già ở đâu ?

– Nhà ta đây.

– Hôm nay Việt Minh đi đâu ?

– Chỉ có người già ở trông nương, đã mấy năm nay ta cũng chưa nhìn thấy một người.

– Nó đi đâu cả ?

– Tản cư ra Mường Lò rồi.

– Nói láo ! Đây mới là nương, còn nhà chúng nó ở chỗ nào ?

Lúc ấy người châu đoàn từ ngoài vào, cất tiếng hỏi :

– Nói cho thật, con mẹ già kia ! Nhà mày ở đâu ? Thóc lúa chúng mày để những đâu quanh cái nương này ?

Bà Ảng nhìn lên người châu đoàn, rồi hốt nhiên im lặng. Bà nhận được ra người châu đoàn này, như bà đã nhận ra mùi quần áo lính lúc nãy.

Những cái thật quen, mới đây thôi, mà đã thật xa, thật xa lạ. Bây giờ thì bà nhớ rồi : Cầm Vàng, châu đoàn Cầm Vàng là người này. Thoáng một cái, một điều cay đắng lắm từ bao giờ bỗng trở lại, bà Ảng nhớ lại hơn mười năm ở hầu quan châu Né. Châu Né già ốm quá, không ngồi được, cả ngày nằm trên tấm đệm đặt giữa nhà sàn. Mỗi bữa ăn, cô Ảng lại đem giỏ xôi đến bón cho lão từng miếng. Ngồi cầm miếng xôi đút vào miệng lão, cô Ảng thường ngồi phía trong vách nhìn ra và bao giờ cũng trông thấy cái cằm bạnh của lão đưa đẩy trệu trạo, mà cô Ảng thản nhiên như trông con trâu già nhai trầu.

Những năm ấy thì thằng Cầm Vàng này còn bé, thường đến đứng xem cô nàng hầu bón cơm cho bố nó. Ảng nhìn thằng bé, cô thấy cái cằm nó cũng bạnh ra, như tạc cái cằm bố nó.

Thế mà nay đã ra là mười mấy năm, bây giờ con gái bà Ảng lại phải đem thân vào hầu con cái trong nhà châu Né, thằng Cầm Vàng lại gặp bà Ảng tận nơi rừng hoang núi cao này. Ai biết thế là như thế nào ? Nên gào, nên chửi, nên khóc thật to hay là nên thế nào. Trong khi ấy bà Ảng dần dần trở lại thản nhiên. Sự giận dữ đã nén xuống, lẳng lặng.

Châu đoàn Cầm Vàng quát, gặng lại :

– Nhà mày ở đâu ?

Bà Ảng lại nhìn người châu đoàn. Thật rõ là cái cằm bạnh của bố con nhà châu Né. Bà Ảng mới ngọt ngào nói :

– Nhà tao là nhà quan châu Né ở Mường Cơi, mày không biết à ?

Châu đoàn Vàng giật mình, rồi chau mặt, quắc mắt :

– Con già Mường này nói rồ à ?

Bà Ảng lại nói :

– Mày là cai khố đỏ Cầm Vàng con châu Né bây giờ làm quan châu đoàn chứ ai. Mày cướp được con gái tao thì mày quên tao rồi.

Châu đoàn Vàng cười nhạt :

– Con già Mường này rồ thật !

Rồi người châu đoàn vút ngọn roi lên.

Nhưng từ lúc nào, không đợi lệnh quan châu đoàn, bọn lính đã tràn cả ra nương đuổi bắt gà đương kêu queng quéc, bọn lính đã xô nhau nhổ sắn, đẫn chuối, lấy đu đủ, bí đỏ xách vào. Chúng hò hét nhau làm cơm, lung tung rối loạn như một cảnh cướp đường. Một toán lùng rúc từ trong rừng ra, vừa chạy vừa kêu : "Kho thóc, kho thóc Việt Minh, tao đốt rồi". Sau lưng họ, tiếng nổ lốp bốp, khói bốc ngùn ngụt rừng nứa.

Bà Ảng vùng xông ra, xô giữa đám, quờ quạng hai tay lên, dường như muốn cấu xé lũ lính. Chúng họ cứ vừa cười vừa chạy quanh, không đứa nào thèm chú ý đến bà già đương đuổi đánh chúng họ. Mãi sau mới có một người ngứa tay, xấn đến gạt bà Ảng ngã vật xuống, rồi kéo bà đến trói vào gốc xoan.

Bà giãy giụa : "Thóc tao ! Thóc của tao ! Cầm Né ! Cầm Né ! Con mày đốt thóc của mẹ con tao ư ?". Châu đoàn Vàng bước lại, giơ tay đánh bà Ảng hai báng súng. Mặt bà đâm vào gốc cây.

Bà Ảng chết dưới gốc xoan.

Lát sau, bữa cơm thịt gà, bí đỏ lấy ngay của nương chúng đã chén xong. Những đứa nhát sợ và lười nhất cũng đã bị châu đoàn xua vào phá nốt bụi sắn, ngả nốt cây chuối còn sống sót. Xung quanh đã tan hoang hết, cả bọn lại kéo sang tìm phá lương thực phía núi khác.

Trước khi đi, châu đoàn Cầm Vàng quay lại. Xác bà già Ảng gục bên cái chân thang ở gốc xoan. Cầm Vàng ngước mắt, nhìn xa về phía đầu núi, có ý suy nghĩ, nhưng có lẽ vẫn chỉ ngờ ngợ mà không nhận được ra đấy là ai.

Hôm ấy, phiên Nhấn canh lũng cho các nhà đi phát nương. Nhấn xách nỏ, đeo ống *tên me* (tên thuốc độc) len lỏi vòng hai ngọn núi rồi Nhấn trèo lên trạm gác trên một cây cao nhìn xuống thung.

Dưới kia, nhìn rành thấy đồn Mường Cơi tròn như một đồng tiền thủng lỗ đặt giữa cánh đồng. Trông hiền lành thế mà nó đã sinh ra biết bao việc ác cho mọi người. Nhấn nghĩ : "Bộ đội cứ về quấy đồn Mường Cơi ba lần, ba lần nó phải ngồi trong đồn thì các lũng ta gặt qua mùa được yên.". Rồi lại lan man, bồn chồn : "Bao giờ ta đi bộ đội với anh Sơn về đốt đồn Mường Cơi, đuổi hết Tây, hết thằng quan châu, thì cứu được em ta về.".

Vừa vót tên, Nhấn vừa nghĩ. Giữa lúc ấy, Nhấn trông ra thấy khe núi phía nương cũ bốc khói. Bên ấy bây giờ chỉ còn một mình mẹ, ai đốt gì vậy ? Hay là Tây lên nương ?

Nhấn vội nhảy xuống đất, rẽ lau luồn lên gò gianh. Buổi sáng nào cũng thường nghe vượn hú trong vách đá trước mặt. Nhưng sáng nay không nghe tiếng. Đàn vượn sáng nay sợ cái gì ? Kinh nghiệm : nghe tiếng vượn kêu xa hay kêu gần cũng biết được có người đi qua. Thế này tất có người đến nương, vượn câm lặng đã chạy hết cả đàn đi rồi. Ai vào nương ? Lũng này chẳng có ai đã trở lại nương. Chỉ một mình mẹ ta ở nương. Có thể Tây đã luồn qua núi bên kia sang. Thế ư ? Ai đi qua vách đá mà vượn sợ chạy ? Ai đốt khói to thế kia ? Nhấn kéo ống tên, cầm sẵn một nắm. Rồi cứ đỉnh gò gianh, Nhấn trườn lên đứng một chỗ thật cao, đánh mõ báo động. Tiếng mõ dội qua các đỉnh núi, nghe như chim kì kêu, chim gõ kiến kêu ...

Nhấn cứ đứng sững nhìn dõi theo khe suối.

Lát sau, thấy lố nhố một bọn quần áo vàng rộp. Đi trước chúng là toán người vừa ở lũng ra nương làm.

Thì ra, lính Mường Cơi thình lình lên càn, đã bắt được người phải đưa đường về phá lũng. Nhấn không hoảng hốt. Mỗi năm thường nhiều lần chống đánh với Tây đồn Mường Cơi, Nhấn trải cảnh này đã quen. Và cũng đã thường nhiều khi có người bị bắt như thế. Ở các lũng, hỏi đến cả mấy chục người, ai cũng đã có lần bị đạn Tây bắn phải, chẳng ai tránh khỏi !

Nhấn bò xuống thấp, ra sát trên đồi, ngay đầu toán lính và người đi vào. Mấy lần, Nhấn giương nỏ, nhưng không bắn được. Nhấn lại đuổi. Nhấn men gò gianh vượt lên trước, đến đợi ở chỗ cái bẫy đá treo bí mật giữa dốc vào lũng. Hai loạt đá tảng chằng thừng để tựa vách núi. Dưới khe, mấy chục lớp chông thuốc độc.

Vào đến giữa hõm núi, toán người ở lũng đột nhiên đứng lại. Bọn lính đằng sau bị dồn lên, đứng ùn lại. Trên núi, Nhấn trông thấy nhiều người ngửa mặt lên, kêu to bằng tiếng Dao : "Kéo bẫy đi ! Kéo bẫy !". Bọn lính nghe kêu đinh tai nhưng chưa hiểu thế nào.

Nhấn luống cuống nắm lại cái thừng, mà Nhấn không dám giật. Nhấn run tay không dám giật. Nhấn hiểu các người dưới kia bảo giật bẫy, nhưng giật bẫy thì chết cả, chết cả người của ta !

Một lính chạy vọt lên đầu dốc rồi nói to xuống : "Có nhà ! Có nhà ! Đến nhà đây rồi.". Bọn lính phía dưới càng lao xao : "Những quân Mán này nằm chết đây à ? Nó cản đường à ? Giết đi !". Nhưng cả toán người lũng vẫn nhùng nhằng không nhích bước. Họ cố dồn bọn lính nghẽn lại giữa dốc, họ vẫn ngẩng mặt lên núi, kêu khóc, gào thét. Bọn lính tức quá, vượt ồ lên. Nhấn giật bẫy.

Hàng trăm tảng đá rầm rầm rơi. Người lẫn đá lăn thốc cả xuống vực. Tiếng rú, tiếng hét.

– Chết rồi ! Có chông !

– Có chông !

– Chông cắm chết rồi !

Chỉ còn thoát mấy người lính cùng với châu đoàn Cầm Vàng đi sau, chúng tơi tả chạy ngược trở lại.

*
* *

Ngay đêm ấy, các nhà trong lũng dọn đi núi khác. Người ta đề phòng hôm sau đồn Mường Cơi lên báo thù. Cũng đêm ấy, tất cả các xóm Mường, xóm Dao trong khu du kích từ lũng Tùm Cẩu đến khe Mông Mang đều chuyển, họ lại đi làm lũng mới, đi tìm nương mới.

Mồng trăng vằng vặc sáng như nước chảy trên lá.

Những người còn sống sót đều đã gồng gánh lên vai cả. Nhấn cõng ông Sênh. Ông Sênh bị gãy chân. Con cõng bố đi, lùi lũi, cầm lặng, bước cao, bước thấp. Đoàn người chuyển lũng đêm lần lần đi sâu hơn, đi lên cao nữa, lên đến những đỉnh núi cổ bồng thất ngẩng lại, quanh năm trời bủa sương mịt mùng, nhưng vẫn có tiếng chim kì kêu đêm, đầm ấm, giục giã, đôi hồi.

Một năm sau.

Bấy giờ là cuối mùa thu năm 1952. Một tổ quân báo chúng tôi vượt vùng rừng núi đai trắng vào chuẩn bị chiến trường trong hậu địch Tây Bắc.

Chúng tôi tới một làng người Dao trong khu du kích Bản Thải, – khu du kích đầu tiên gặp, từ hôm chúng tôi qua sông Thao vào đây.

Các khu du kích ở Tây Bắc ! Trông vào bản đồ quân sự, thấy miền Tây chi chít đồn bốt giặc, nhưng cũng chi chít lốm đốm những khu du kích của nhân dân các dân tộc kháng chiến. Chúng tôi đã đặt chân đến một khu du kích trên núi cao đã năm năm nay không được có muối, không có vải. Vào các nhà bà con, không ai dám đứng dậy. Váy áo họ rách cả. Nhưng rồi ai nấy vừa cười vừa khóc kéo các đồng chí ngồi xuống chơi. Chúng tôi đã tới những nơi vô cùng đau thương và dũng cảm ấy.

Trưa hôm ấy có giao thông lên báo :

– Bộ đội mới vào, đến các lũng nhiều lắm. Có ba đồng chí đương về lũng ta.

Nhấn hấp tấp hỏi : "Phải bộ đội anh Sơn không ?" rồi Nhấn chạy ngay ra.

Cả lũng, tất cả lũng kéo ra đầu dốc nhìn xuống. Người ta xôn xao : "Trời ơi ! Bộ đội ... Bộ đội ...".

Từ khi đội võ trang phát triển vượt sông Đà sang Mường La, từ khi đồng chí bộ đội sau cùng là Sơn đi khỏi, thì bây giờ các lũng mới lại được trông thấy bộ đội.

Ba người đương trèo lên lũng, lượn quanh tít tắp mãi dưới ghềnh đá.

Chẳng mấy lúc, ba chúng tôi đã đứng trước mặt mọi người, cười cười, thở thở. Vừa tới mà dường đã quen thuộc từ lâu. Các cụ già, các chị, em bé, các anh, người nào cũng áo quần rách loả toả, người nào cũng hốc hác đen cháy, nhưng ai ai cũng tự nhiên, thân thiết, đến vuốt vai, sờ súng, sờ ba lô của bộ đội, vừa cười vừa nghé nghiêng ngắm nghía bộ đội.

Ông Sênh chống chiếc nạng cây, khập khiễng ra tận trước mặt để nhìn cho rõ hơn. Các anh bộ đội trẻ, khoẻ, má béo căng đỏ. Ông giơ tay vuốt cái vai áo xanh màu lá. Áo bộ đội bây giờ không rách như áo anh Sơn ngày trước. Ông sờ đầu khẩu súng trường *các-bin* mập mạp, nhẵn bóng, ông nghiêng tai nghe, ngắm, luôn miệng nói : "Ồ súng bộ đội ...". Ông nhìn, ông nghĩ : "Không có ai gày ốm như ngày trước nữa rồi. Điềm tốt đến thế này thì đánh được giặc rồi.".

Từ nãy, Nhấn đứng im. Nhấn thờ thẫn nhìn chúng tôi. Rồi Nhấn hỏi :

– Các đồng chí có gặp anh Sơn không ?

Chúng tôi biết làm sao mà trả lời ! Nhưng chúng tôi đoán ngay là có một đồng chí Sơn nào đó đã từng phát triển công tác qua đây. Cho nên, không để người du kích trẻ tuổi kia phải thất vọng, chúng tôi trả lời : "Anh Sơn ... Anh Sơn trước ở đây à ?". Thế là Nhấn xoắn lấy chúng tôi và trò chuyện về anh Sơn đến hết cả đêm hôm ấy.

Hôm sau, chúng tôi từ khu du kích, bí mật tiến xuống làm nhiệm vụ điều tra đồn Mường Cơi. Cùng đi, có cả Nhấn. Ông già Sênh chống nạng đưa con một quãng ra đầu núi.

Ra đi lần này vào lúc các lũng lại đương tấp nập sửa soạn một mùa gặt mới, lại đương chuẩn bị chống càn và các tổ tăng gia lại rủ nhau đi phát nương mới, như mỗi năm, theo lệ thường chuẩn bị.

Sau này, mỗi khi kể lại chuyện hôm Nhấn đi, Nhấn nói rằng lúc xuống dốc núi, Nhấn trông thấy Mường Cơi thấp thoáng dưới bóng sương, Nhấn nhớ đồng ruộng, nhớ làng mạc ven chân rừng, có ao cá, có đồi chè, có chuồng lợn. Và bấy giờ là một buổi sáng, tiếng chim kì cuốn dài theo gió từ các hốc đá còn mù mịt sương sớm đưa ra. Rồi Nhấn nhớ lại cả cái đời thảm của mẹ và đời mình. Nhấn muốn khóc.

Giữa khi ấy thì nghe tiếng chim kì, tiếng chim kì lanh lảnh như kèn giục phường săn. Nhấn không khóc được. Nhưng từ đấy, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đầu rừng nào có tiếng chim kì kêu, Nhấn tưởng như hồn mẹ và hồn em đi đâu cũng vẫn đuổi theo thăm hỏi Nhấn.

1953

Lời bình

Cứu đất cứu mường *là truyện ngắn đầu tiên trong tập* Truyện Tây Bắc *của Tô Hoài. Truyện là một bản tố khổ cho thân phận những người phụ nữ, phải đem thân hầu hạ bọn chúa đất - những quan châu, quan lang, hiện thân của chế độ phong kiến trung cổ ở miền núi. Cô Ảng đẹp nức tiếng Mường Cơi, nhưng thật bất hạnh cho cô là đã sinh ra ở một nhà dân trắng. Sắc đẹp vốn là một thứ quý báu mà những người phụ nữ có thể tự hào được trời ban cho. Nhưng với Ảng, nhan sắc lại là đầu mối của mọi tai hoạ. Dù đã cố giấu mình đi giữa đám người đi làm cuông, nhưng Ảng vẫn không sao thoát được nanh vuốt của nhà quan. Thế là cô Ảng phải về hầu hạ tri châu Né. Cô gái mười bảy nâng giấc cho ông lão sáu mươi, suốt ngày bị giam chân trong buồng, rót nước, nướng thịt, bưng xôi hầu quan đến nỗi không còn có lúc nào ngẩng mặt nhìn lên để biết mùa nào có con chim gì bay qua cửa sổ. Rồi tri châu Né chết, Ảng lại trở thành vật chuyên tay của các quan lang, quan mường. Bao nhiêu năm qua đi, cô Ảng xinh đẹp xưa kia giờ đã thành bà lão Ảng rách rưới, tiều tuỵ, không có một mảnh ruộng, phải la liếm nơi cối gạo, đầu chợ để xin ăn. Nỗi khổ đau không chỉ đè nặng lên cuộc đời bà Ảng mà nó còn đeo đuổi cả những đứa con của bà : Nhấn thì bị bán cho người mường Dao, còn em gái lại*

rơi vào thân phận nàng hầu cho châu đoàn Cầm Vàng, con của trí châu Né.

Đã có bao nhiêu tác phẩm cổ kim đông tây nói về thân phận đau khổ của những người phụ nữ. Lần này, Tô Hoài cho chúng ta biết thêm về nỗi khổ của những người phụ nữ nghèo dân tộc miền núi Tây Bắc dưới ách phong kiến và thực dân. Không nỗi khổ nào giống nỗi khổ nào, nhưng tất cả lại cùng gặp nhau ở một điều, như Nguyễn Du xưa đã khái quát "Đau đớn thay phận đàn bà, Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.".

Cuộc đời bà Ẳng đến đoạn cuối tưởng đã được sáng lên khi mà Nhấn đón bà lên khu du kích. Một đời người nay mới được có niềm vui ngồi canh nương nhà mình. Nhưng rồi bọn lính của châu đoàn Cầm Vàng lại kéo lên đốt phá, chúng giết chết bà ngay tại nương lúa.

Nhưng câu chuyện cuộc đời đau thương của bà Ẳng không diễn ra ở một thời xa xưa. Cách mạng và kháng chiến đã đến, bộ đội, cán bộ đã về với các khu du kích, chuẩn bị chiến dịch giải phóng Tây Bắc. Nhấn, đứa con trai của bà Ẳng lên đường đi với bộ đội, cán bộ để cứu lấy mình và cứu đất, cứu mường. Cho nên, không phải ngẫu nhiên mà truyện lại được mở đầu bằng một hình ảnh đẹp và đúng chất thơ : con chim kì xanh biếc, chân đỏ, mỏ đỏ với tiếng kêu lảnh lót như giục phường săn. Tiếng chim kì kêu báo hiệu điều lành. Tiếng chim ấy cứ theo người đọc suốt cho đến cuối truyện, nó được nhại nhắc lại như một nốt nhấn, một vang ngân trong tâm trí chúng ta. Tiếng chim của núi rừng Tây Bắc giục giã những con người đã chịu nhiều khổ đau vùng dậy cứu đất, cứu mường, giải phóng cho mình và quê hương.

Nguyễn Văn Long

VỢ CHỒNG A PHỦ

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí[1] Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói : nhà Pá Tra làm thống lí, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái thống lí Pá Tra : cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lí.

Cô My về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, cô không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện My về làm người nhà quan thống lí. Ngày xưa, bố My lấy mẹ My không có đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy My đã lớn. My là con gái đầu lòng. Thống lí Pá Tra đến bảo bố My :

– Cho tao đứa con gái này về làm dâu thì tao xoá hết nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì My bảo bố rằng :

– Con nay đã biết cuốc nương làm ngô, con phải làm nương ngô trả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Đến Tết năm ấy, Tết thì vui chơi, trai gái đánh pao, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái thì bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu,

---

(1) Tổ chức cai trị của đế quốc Pháp trước đặt chức thống lí cho bọn chức việc người Mèo cũng như chánh tổng, lí trưởng ở xuôi, phỉa ở làng Thái.

đứng thổi sáo xung quanh vách. Trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng My.

Một đêm, khuya My nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hẹn của người yêu. My hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy đeo nhẫn. Người yêu của My thường đeo nhẫn ngón tay ấy. My bèn nhấc tấm vách gỗ. Một bàn tay dắt My bước ra.

My vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng My rồi bịt mắt, cõng My đi.

Sáng hôm sau, My mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lí Pá Tra. Họ nhốt My vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền cúng ma đương rập rờn nhảy múa.

Lúc đó, A Sử đến nhà bố My. A Sử nói :

– Tôi đã đem con gái bố về cúng trình ma nhà tôi, bây giờ tôi đến trình cho bố biết. Tiền bạc để cưới thì bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi[1].

Rồi A Sử về. Ông lão nhớ ngay câu nói của thống lí Pá Tra dạo trước : cho con gái về nhà thống lí Pá Tra thì được trừ nợ. Chao ôi ! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi !

Có đến hàng mấy tháng, đêm nào My cũng khóc.

Một hôm, My trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, My quỳ lạy, úp mặt xuống đất, nức nở. Bố My cũng khóc, đoán biết lòng con gái :

– Mày về lạy chào tao để mày đi chết đấy à ? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì không lấy ai làm nương ngô trả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi !

My chỉ bưng mặt khóc. My ném nắm lá ngón[2] xuống đất. Nắm lá ngón My đã tìm hái trong rừng, My vẫn giấu trong áo. Thế là My không

---

(1) Phong tục cướp vợ của người Mèo.

(2) Một thứ lá thuốc độc.

đành lòng chết. My chết thì bố My còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ. My đành trở lại nhà thống lí.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố My chết. Nhưng My cũng không còn nghĩ đến My có thể ăn lá ngón tự tử. Ở lâu trong cái khổ, My quen khổ rồi. Bây giờ thì My tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, con ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi.

My cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt, mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại : Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày My càng không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa. Ở cái buồng My nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng. My nghĩ rằng mình đành ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những liều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngài người ta thành lệ cứ ăn Tết khi gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới.

Hồng Ngài năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá, xoè như con bướm sặc sỡ. Hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi ra màu đỏ hau, đỏ thậm, rồi sang màu tím man mát. Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà.

Ngoài đầu núi lấp ló, đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. My nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi.

My ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang thổi.

Mày có con trai con gái
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nhảy.

Cả nhà thống lí Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng đánh ầm ỹ, người ốp đồng vẫn còn nhảy lên xuống, rùn bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.

Ngày Tết, My cũng uống rượu. My lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, My lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng My thì đang sống về ngày trước. Tai My văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, My thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, My uống rượu bên bếp và thổi sáo. My uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo My hết núi này sang núi khác.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, My không biết, My vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau My mới đứng dậy, nhưng My không bước ra đường chơi, mà My từ từ bước vào buồng.

Chẳng năm nào A Sử cho My đi chơi Tết. My cũng chẳng buồn đi.

Bấy giờ My ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, My thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. My trẻ lắm. My vẫn còn trẻ. My muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với My, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau ! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, My sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.

Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt
Em không yêu, quả pao rơi rồi ...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đâu về, lại đang sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt nhiều người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ My nói gì.

Bây giờ My cũng không nói. My đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng.

Trong đầu My đang rập rờn tiếng sáo. My muốn đi chơi, My cũng sắp đi chơi. My quấn lại tóc, My với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy My rút thêm cái áo. A Sử hỏi :

– Mày muốn đi chơi à ?

My không nói. A Sử cũng không hỏi thêm. A Sử bước lại, nắm My, lấy thắt lưng trói hai tay My. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng My vào cột nhà. Tóc My xoã xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho My không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, My đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, My vẫn nghe tiếng sáo đưa My đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. "*Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào ...*". My vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. My không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. My thốn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. My nín khóc, My lại bồi hồi.

Cả đêm ấy My phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại tràn trề tha thiết nhớ. Hơi rượu toả. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. My lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng, rồi không biết sáng từ bao giờ.

My bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm sâm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không

một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay là họ cũng đang phải trói như My. My không thể biết. Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngài thì một đời con người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. My chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể : đời trước, ở nhà thống lí Pá Tra có một người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ chết rồi. Nhớ thế, My sợ quá, My cựa quậy, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói xiết lại, đau dứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài. Rồi một đám đông vào nhà. Thống lí Pá Tra xuống ngựa, cho *thị sống* (một chức việc đi hầu thống lí như người làm mõ thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ có khiêng theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vất huỵch xuống đất, cứ thở phè phè.

A Sử chệnh choạng vào buồng. Áo nó rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lổ đầy máu, xụp xuống quanh trán. A Sử nằm lăn ra giường. Lát sau, thống lí Pá Tra bước vào. Theo sau thống lí là một lũ *thống quán* (một chức việc như phó lí), *xéo phải* (như trưởng thôn) và một bọn *thị sống* vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lí. Có người bấy giờ mới nhìn thấy My phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý, họ xúm cả lại quanh giường A Sử.

Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. My nhắm mắt lại, không dám nhìn. My chỉ nghe hình như có tiếng bố chồng gọi ra ngoài.

My hé nhìn ra, thấy chị dâu bước vào. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã còng rạp xuống. Người chị dâu đến cởi trói cho My. Sợi dây gai dưới bắp chân vừa lỏng ra, My ngã xụp xuống. Chị dâu nói khẽ vào tai My :

– My ! Đi hái thuốc cho chồng mày.

My quên cả đau, đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được, My phải ôm vai chị dâu, hai người khổ sở dìu nhau bước ra. Trong khi đi vào rừng tìm lá thuốc, My nghe chị dâu nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bị đánh vỡ đầu.

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám chơi có tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều trai làng ấy và các làng khác đã tới, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa xong chầu rượu trong nhà, bây giờ vẫn còn chưa chịu tan về.

Lúc A Sử và chúng bạn kéo đến thì không còn ai chơi trong nhà, vì bố mẹ và người trong nhà ấy đã đi ngủ. Nhưng người ra người vào còn dập dìu quanh ngõ.

A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với một lũ khác, doạ đánh bọn trai lạ vẫn bám quanh nhà đã khiến cho bọn A Sử bị vướng không thể vào được.

Bọn A Sử ném đá vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi. Bọn A Sử vẫn ném. Ông lão không dám ra nữa, liền vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn. Nhưng cũng chưa người trai nào chịu về. Họ lại tản vào các nhà quen trong xóm. Để đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa kéo ra đầu ngõ, bè lũ bọn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc ở cổ rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo, A Sử hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng dồn cả lại, xôn xao.

– Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

– A Phủ đâu ? A Phủ đánh chết nó đi !

Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lăng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bưng tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Thấy vậy, bọn trai làng lạ tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ. A Phủ bị bắt sống, trói gô chân tay lại. Vừa lúc thống lí Pá Tra tới. Chúng nó xọc ngang cái gậy, khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lí.

Mỵ đi hái được lá thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ.

Mỵ đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. Mỵ đoán đấy là A Phủ.

Bọn chức việc khắp vùng Hồng Ngài đến nhà thống lí Pá Tra dự đám xử kiện. Các lí dịch, quan làng *thống quán, xéo phải*, đội mũ, quấn khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lí đã bày năm bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Chỉ bọn con trai làng ấy phải ngồi khoanh tay cạnh A Phủ vì họ bị gọi sang hầu kiện, còn bọn chức việc thì nằm dài cả bên khay đèn. Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lí Pá Tra, thống lí Pá Tra hút xong một lượt năm điếu, đến người khác hút, lại người khác hút, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện. Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng hoặc đi lại bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ quỳ chịu tội ở xó nhà, là không được dự tiệc hút ấy.

Lúc một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lè nhè gọi :

– Thằng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, chắp tay lạy lia lịa tên thống lí Pá Tra rồi quay lại đánh A Phủ. A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá.

Cứ một đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt dập chảy máu. Người thì đánh, người thì quỳ lạy, kể lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, Mỵ cũng thức suốt đêm im lặng ngồi xoa thuốc dấu cho A Sử. Lúc nào Mỵ mỏi quá, cựa mình, thì những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. Mỵ lại gục đầu nằm thiếp đi. Khi đó, A Sử bèn đạp chân vào mặt Mỵ. Mỵ choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc, xoa đều đều trên lưng chồng. Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiến gỗ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lào xào, và tiếng đấm đánh huỳnh huỵch.

Sáng hôm sau thì đám kiện đã xong. Một số người, chẳng biết từ bao giờ, ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn *xéo phải* đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

Thống lí Pá Tra mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xoè bày lên mặt tráp, rồi nói :

– Thằng A Phủ đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi xéo phải hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chốc nữa mổ để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng nhẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền trả thì tao cho mày về, chưa có tiền trả thì tao bắt mày ở làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đời mày, đời con, đời cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi. A Phủ ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai cái đầu gối sưng bạnh lên như mặt hổ phù. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng nhặt xong lại để ngay cả xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa mua về cho A Phủ thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Từ lúc đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa. A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với mấy trai làng, ra chọc tiết làm thịt lợn hầu làng. Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

Thế là từ đấy A Phủ phải đi ở trừ nợ cho nhà quan thống lí Pá Tra. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò chăn ngựa, quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài gò ngoài rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Đi làm hay đi săn, cái gì cũng làm phăng phăng. Không còn có lúc nào trở về làng bên. Nhưng A Phủ cũng chẳng muốn trở về làm gì bên ấy.

A Phủ cũng không phải người làng bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Háng-bla. Năm xưa, làng Háng-bla phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn, chết, có nơi chết cả nhà. Anh của A Phủ, em A Phủ chết, bố mẹ A Phủ cũng chết. Còn sót lại có một mình A Phủ. Làng chết và đói nhiều quá, có người làng đói bụng bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp. A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần lữa mùa này sang mùa khác, chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, đã biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo.

A Phủ khoẻ, chạy nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói : "Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu". Người ta ao ước đùa thế thôi chứ phép rượu cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ thì không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phủ không thể lấy nổi vợ. Tuy nhiên, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, dù A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng vía lần trên cổ, A Phủ cũng cứ cùng trai làng đem theo sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngài.

Một năm kia, phải khi đang đói rừng. Hổ, gấu, cứ từng đàn ra phá nương, bắt mất nhiều bò ngựa. Nhà thống lí Pá Tra lúc nào cũng đầy ngựa trong tàu trước cửa, đầy lưng trâu bò đứng chen chân trong cột cửa, và dê, chó, lợn nằm quanh nhà. Ngày nào cũng lũ lượt hàng mấy chục con đi nương ăn. Bây giờ gặp khi rừng đói thế này, mỗi lần bò ngựa đi nương, A Phủ phải ở lại trông.

A Phủ ở lều luôn hàng tháng ngoài nương, đêm đến thì dồn bò ngựa về nằm chầu nhau ngủ quanh lều.

Chẳng may, đã mấy ngày A Phủ mê mải đi bẫy rím, không đếm được ngựa. Hôm ấy vào rừng thấy vết chân hổ. A Phủ vội phóng ngựa chạy vòn quanh đàn, dồn chúng quần lại để đếm. Lùa hết về, đếm đầu thấy thiếu một con bò. A Phủ đếm lại mấy lần. Thiếu một con bò. A Phủ vội nhảo vào rừng, lần theo lốt chân hổ thì tìm ra được con bò đã bị hổ

ăn thịt chỉ còn lại một nửa mình nằm ngay dưới một cây thông cụt. A Phủ nhặt mấy miếng thịt rơi quanh đấy rồi vác nốt nửa con bò về. Nghĩ bụng "con hổ này to lắm, hãy còn ngửi thấy mùi hôi quanh đây, ta về lấy súng đi tìm, thế nào cũng bắn được".

Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném nửa con bò xuống gốc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi :

– Mất mấy con bò ?

A Phủ trả lời tự nhiên :

– Tôi về lấy súng, thế nào cũng bắn được. Con hổ này to lắm.

Pá Tra hất tay, nói :

– Quân ăn cướp làm mất bò tao. A Sử đâu ! Đem súng đi lấy con hổ về.

Rồi Pá Tra quay lại, bảo A Phủ :

– Mày ra ngoài kia, lấy về đây một cái cọc, một cuộn dây mây. Tao trói mày đứng chỗ kia. Bao giờ chúng nó bắn được hổ về thì tao cho mày khỏi phải chết. Nếu không được hổ thì tao cho mày đứng chết ở đấy.

A Phủ cãi :

– Cho tôi đi. Được con hổ ấy còn nhiều tiền hơn con bò.

Pá Tra quát :

– Lấy cọc dây mây về đây !

Không nói nữa, như con trâu đã đóng lên tròng, A Phủ lẳng lặng ra vác chiếc cọc gỗ rồi lấy cuộn dây mây trên gác bếp xuống. Tự tay A Phủ đóng cái cọc gỗ xuống bên cột. Pá Tra vẫn đứng đấy, bấy giờ đẩy A Phủ vào chân cột, hai tay bắt ôm quặt lên. Rồi dây mây quấn từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu hơi hơi lúc lắc được. Đàn bà trong nhà, mỗi khi đi qua đều cúi mặt. Không một ai dám hỏi, cũng không ai dám nhìn ngang mắt.

Đến đêm, A Phủ cúi xuống, nhay đứt hai vòng mây, nhích giãn dây trói một bên tay. Nhưng mới được đến lúc ấy thì trời cũng vừa sáng. Pá Tra vào khám, quẳng thêm một vòng tròng lọng vào cổ. Thế là A Phủ không cúi, không còn lắc được nữa.

A Sử và lính dõng của thống lí đi đuổi, không lùng bắt được con hổ. Thì cũng đã mấy ngày A Phủ phải trói đứng trong góc nhà. Đằng kia, bếp lò bung ngô cao ngang nhà vẫn hừng hực đỏ rực lửa. Mỗi hôm hai buổi cơm, người ra người vào ăn uống tấp nập. A Phủ chỉ đứng nhắm mắt, cho tới đêm khuya.

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mỵ cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mỵ đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng Mỵ ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chợp mắt được từng lúc, Mỵ lại thức sưởi lửa suốt đêm.

Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mỵ cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mỵ vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mỵ vẫn trở dậy, vẫn sưởi, Mỵ chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mỵ ngồi đấy, A Sử ngứa tay đánh Mỵ ngã xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mỵ vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên. Mỵ trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên. Mỵ lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mỵ chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mỵ, Mỵ cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi ... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ ... Mỵ phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẳn lửa. Mỵ không thổi, cũng không đứng lên. Mỵ nhớ lại đời mình, Mỵ lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mỵ đã

cởi trói cho nó, My liền phải trói thay vào đấy, My phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao My cũng không thấy sợ ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bưng, My rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng My tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại ... My rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì My cũng hốt hoảng, My chỉ thì thào được một tiếng "Đi đi ...", rồi My nghẹn lại. A Phủ bỗng khuỵ xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

My đứng lặng trong bóng tối.

Rồi My cũng vụt chạy ra.

Trời tối lắm. Nhưng My vẫn băng đi. My đuổi kịp A Phủ, đã lăn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. My nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt :

– A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, My lại nói :

– Ở đây thì chết mất.

A Phủ chợt hiểu.

Người đàn bà chê chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói : "Đi với tôi". Và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

Hai người đi liền hơn một tháng. Họ đi truyền trên những triền núi cao ngất, lốm đốm nhà, thấp thoáng ruộng, đất đỏ, suối trắng tinh, trông thấy ở trước mặt mà đi mấy ngày chưa tới. Đi từ Hồng Ngài xuống qua vùng ruộng ở Mường Quài của người Thái, đi từ Nậm Cắt sang Chống Chia, từ Chống Chia qua dốc Lùng Chùng Phủng lại trở về bờ sông Đà phía giữa châu Phù Yên sang châu Mai Sơn, là chỗ đầu mối giao thông của ngoài vùng tự do và các khu du kích của các dân tộc Thái, Dao, Mèo bên kia sông, rồi họ về ở trong những làng Mèo đỏ hẻo lánh vùng Phiềng Sa. Xa lắm rồi, thống lí Pá Tra không đuổi được nữa, – họ nghĩ thế.

Dòng dã hơn một tháng, ăn rau rừng, củ nâu, mộc nhĩ, đi vừa hết mùa mưa mới tới Phiềng Sa.

Hai người tới Phiềng Sa thì ở đấy không ai còn biết đấy là A Phủ, người ở nợ nhà thống lí, cũng không ai biết đấy là cô My, con dâu gạt nợ của nhà thống lí. Người ta ngỡ đấy là hai vợ chồng trong một nhà đông anh em ở làng bên kia dốc Lùng Chùng Phủng, ruộng vỡ được ít mà miệng ăn thì nhiều, cho nên anh em, vợ chồng phải chia ra, đem nhau đi tìm ăn nơi khác. Hai người nhận là vợ chồng. Mà thật thì A Phủ và My đã thành vợ chồng từ những hôm vượt rừng vượt núi sang.

Từ những hôm ấy My mới thật thấy được có chồng, có vợ. Tuy vậy, có lúc chợt nghĩ tới ma nhà Pá Tra nó đã nhận cho My là vợ A Sử. Nhưng cũng chỉ sợ từng lúc. Thế rồi mấy ngày sau, chẳng những chẳng sợ ma làm chết, mà còn quên tất cả. Ở Phiềng Sa thì người ta đều gọi là vợ chồng A Phủ.

A Phủ làm nhà thèo đảnh ra một ngọn đồi gianh. Những ngày quang trời trông thấy dòng sông và cánh đồng Bản Pe có ruộng xoè như cánh quạt.

Được ít lâu, một hôm A Phủ bỗng thấy dưới Bản Pe có một vệt đỏ như ổ mối đùn. A Phủ không biết là cái gì, sang bên làng hỏi mọi người, rồi về nhà bảo vợ :

– Ở đồn Bản Pe, thằng Tây mới đục đất làm nhà ở, đất đỏ ta trông thấy đấy.

A Phủ vẫn cho là thằng Tây thì cũng như "người khách" bán muối, bán vải, kim chỉ ở cửa Vạn ngoài sông Đà (nghe người ta nói chứ A Phủ cũng chưa được đi cửa Vạn bao giờ), họ làm buôn làm bán, không bận gì tới ta. Rồi A Phủ cũng không để ý hơn nữa.

Bản Pe và dòng sông kia, đôi khi trông thấy đấy, nhưng chẳng biết mấy ngày đường mới đi tới được, cũng chẳng có ngày tháng thong thả nào mà đi tới, chẳng thì giờ nào mà nghĩ tới. Bao nhiêu việc đang làm, đang đợi. Từ khi sang, nhờ làng giúp, A Phủ mượn được cuốc, được dao làm. Người ta có trâu thì con trâu làm đỡ một nửa công, đằng này không có, hai vợ chồng làm cả việc con trâu.

Năm sau, đến mùa, vợ chồng đã có bắp ăn đủ, lại trồng được một nương gai để may váy áo.

My ngồi trước cửa dệt vải, không rũ mặt xuống như những năm trước còn ở nhà thống lí, mà My ngẩng mặt theo chiếc thoi, tay My vỗ con cuốn quấn vào lưng, nhanh thoăn thoắt. Trong chuồng nhà nuôi được hai con lợn nhỡ.

Vợ chồng đang bàn tính phải làm nhà gỗ, vì ở đây đầu núi, nhà gianh không chịu được gió lốc tháng tám, có khi bay cả người, cả nhà, phải nhà gỗ mới chắc chân đứng được. Thế là họ bắt đầu công việc làm nhà gỗ, như mọi người chí thú khác ở trong làng. Mỗi buổi đi rừng chặt củi, A Phủ vác rìu chặt một cây gỗ, đem về, cái thì đẽo làm ván, cái làm cột, cái làm mái. Đã vác về một chục mảnh. Chỉ độ ba năm sau sẽ được một cái nhà tốt.

Vợ chồng A Phủ thường nghĩ đến cái nhà gỗ tốt ấy cho cả đời mình ở, đời con cháu ở, một cái nhà gỗ có tàu ngựa quanh mái hiên, đằng trước đằng sau nhà có hai dãy đào. Trước cửa này ta sẽ nhặt hết đá sỏi dọn làm một khoảng vườn to, có ván gỗ rào quanh, đến mùa khô ráo thì trồng đủ rau cải xanh, đậu răng ngựa. Trên những tảng đá to quanh nhà, My đem váy áo ra hong nắng. Gặt hái đã xong, lại sắp Tết. Mấy nhà mổ chung một con lợn to, ăn thịt, uống rượu, còn bao nhiêu mỡ thì để dành làm dầu thắp đèn quanh năm. Hai vợ chồng thường bàn tính những chuyện tốt đẹp tưởng tượng ra như thế.

Một hôm A Phủ đi nương. Giữa trưa, về thấy trong nhà có một lũ lính nguỵ. Hai con lợn trong chuồng lính đã bắt ra từ lúc nào, trói nằm trước cửa. Nếu về chậm, chắc họ đã mang đi rồi.

Lạ quá, A Phủ xăm xăm chạy đến hỏi :

– Mày muốn ăn lợn của tao à ?

Mấy người lính nguỵ chỉ khinh khỉnh nhìn A Phủ, không nói. A Phủ lại hỏi :

– Thống lí bảo mày sang ăn lợn của tao à ?

Những người lính nguỵ Thái cũng không nói, mà họ hất hàm về phía mấy người quan Pháp vừa từ ngoài rừng bước vào, không biết họ tìm kiếm gì ngoài ấy. Cả đời A Phủ bấy giờ mới thấy thằng Tây lần này là

một. A Phủ giật mình, rón chân chạy trở lại. Nhưng A Phủ đã quên ngay sợ và lại chăm chắm mắt vào hai con lợn của mình. Trong lúc sợ hãi, A Phủ cũng nghĩ luôn rằng bọn Tây có thể giống những "người khách" bán muối, vải, kim chỉ, xưa nay làm buôn làm bán ở ngoài cửa Vạn, bèn hỏi :

– Mày về đây muốn mua lợn của tao à ?

Người lính nguỵ gật và nói :

– Ừ, quan về mua lợn của mày. Mày phải khiêng lợn cho quan đi với chúng tao.

Họ bắt A Phủ khiêng lợn đi. Vừa sợ người Tây và lính có súng, vừa sợ mất không lợn, A Phủ chẳng kịp ăn cơm, chẳng kịp hú gọi vợ về, đã phải cùng ba người lính Thái khiêng hai con lợn, xuống núi về đồn Bản Pe.

A Phủ đi chuyến ấy, rồi năm ngày, mười ngày, mười hai ngày, nửa tháng cũng không quay về.

Mỵ ra đứng đầu nương trông xuống Bản Pe : cái đồn vẫn đỏ hoe như tổ mối. Trông một lúc thì mắt hoa lên, nước mắt lo lắng giàn giụa ra.

Một buổi, A Phủ hớt hải chạy về. Bộ quần áo đen vẫn rách tơi tả thế. Nhưng trên đầu, không biết làm sao, đã bị cắt cụt cái đuôi tóc, mất cả cái hoa roi mọi khi dài xuống đến vai.

Người trong làng ra hỏi thăm. A Phủ vừa kể vừa chửi :

– Con chó đẻ ra thằng Tây. Tôi khiêng lợn xuống, nó trói, bắt tôi nằm hai ngày một chỗ với con lợn. Nó bảo tôi nuôi cán bộ, nên bắt tôi về bỏ tù. Tôi bảo : Tao không biết cán bộ đâu, tao không biết nuôi ai, từ khi tao về ở đây mới chỉ có mày đến, mày lấy lợn của tao, thế là mày bắt tao phải nuôi mày đấy. Chúng nó đánh tôi nhiều lắm. Cái tóc tôi dài thế này, cái tóc bố mẹ tôi để cho, mà một lũ nó đè đầu tôi xuống, nó đem cắt hết đi. Rồi nó bắt tôi khiêng đá, bắt tôi khiêng nước ... Con chó đẻ ra thằng Tây ! Tôi khổ quá, phải trốn về, đành bỏ mất hai con lợn cho nó ăn rồi.

Từ đấy, những khi trời sạch mây mù, trông xuống Bản Pe thấy cái đồn Tây đỏ như tổ mối, thì A Phủ lại kể chuyện và mở vai áo ra, đếm

những vết bị đánh đã vằn thành vết sẹo. A Phủ vừa kể, vừa chửi. Bây giờ trông cái đồn không thấy dững dưng như trước, hễ trông thấy lại thấp thỏm lo. Chạy đi đâu ở thì tiếc nương, tiếc công. Mà ở đây thì lo sớm tối mất của, mất người, không biết thế nào.

Một hôm, vợ chồng A Phủ đương cuốc nương. Nghe phía nhà ở vẳng lại tiếng sáo thổi một bài hát.

Thấy ruộng không thấy nương
Thấy nhà không thấy người ...

Có một người lạ vừa lên nhà A Phủ. Theo thói quen, thấy nhà vắng, khách thường thổi sáo gọi chủ về. Người lạ ấy mặc quần áo chẽn đen, đuôi tóc dài, nói giọng người Mèo trắng. Lát sau, vợ chồng A Phủ đã cùng ở nương về. A Phủ trông thấy khách lạ, đoán là một anh Mèo trắng, những người Mèo trắng ở dãy núi phía trong vẫn thường ra vùng ngoài này tìm đổi muối ăn.

Đầu câu chuyện với khách, theo thường lệ thân mật, A Phủ hỏi :

– Ăn cơm chưa ? Ăn cơm nhà ta đi.

Rồi A Phủ và người lạ vào ngay bếp, lấy mấy nắm bột ngô xuống ăn với thịt chuột nấu rau cải của Mỵ vừa nhổ ở nương về. Họ ăn nhấm nháp và nói chuyện.

– Ở đâu về đây ?

– Ở ngoài vào.

– Ngoài nào ?

– Ở ngoài vào, khu du kích.

A Phủ đứng ngay lên, tay vẫn cầm cái thìa đầy nước canh vừa múc, chưa kịp húp, đổ lênh láng cả trên mặt đất. A Phủ gọi vợ, hốt hoảng. Rồi lại quay ngay vào hỏi người lạ :

– Có phải là cán bộ ?

– Ừ, tôi là cán bộ Chính phủ. Tôi nghe nói anh mới bị Tây bắt, tôi về hỏi thăm anh.

A Phủ tái mặt. Mỵ đang ăn cơm một mình ngoài sân, chạy vào ngơ ngác đứng cửa. A Phủ hấp tấp bảo vợ :

– Nó là cán bộ !

Rồi A Phủ đột nhiên hăng lên, nhảy lại trước mặt người lạ, kêu :

– Pá chính ![1]

Người lạ ấy vẫn điềm tĩnh cầm bát bột ngô. A Phủ trợn mắt :

– Tao thù mày !

Người lạ cười :

– Sao A Phủ lại thù cán bộ ?

– Một đời tao chưa trông thấy cán bộ mà thằng Tây cứ bảo rằng tao nuôi cán bộ, thằng Tây đánh tao, cắt tóc tao.

Người lạ nhìn thẳng vào mặt A Phủ, nói :

– Thằng Tây muốn ăn lợn của A Phủ nên nó nói dối thế thôi. Chứ cán bộ cũng như A Phủ, cũng người chín châu mười mường trong đất nước Việt Nam, cùng nghĩ một bụng, cùng uống con suối chảy trong đất ra, vẫn thường ở với nhau, có gì khác đâu.

Rồi người lạ nắm tay A Phủ, đứng xích lại, đo cánh tay mình với A Phủ :

– Ta chân tay dài bằng nhau, nói tiếng nhau. Ta là anh em. Nó chỉ nói dối A Phủ để lấy lợn ăn không phải trả tiền A Phủ đấy.

Từ nãy nghe cán bộ nói, A Phủ đã thấy xuôi. Rồi dần dần nghĩ ra. Cán bộ nói tiếng như ta, tóc dài như tóc ta, cũng người họ ta, ăn như ta, cánh tay bằng cánh tay ta, đến nhà ta chơi biết thổi sáo gọi người về, không lấy lợn, không đánh ta, cán bộ không phải như thằng Tây, có gì mà phải thù ? Thôi, thằng Tây nói dối rồi. Nghĩ thế, A Phủ liền quay ra thì thào với vợ. Đồng chí cán bộ ấy thoáng nghe hai vợ chồng A Phủ nói chuyện với nhau, đoán nét mặt và cử chỉ, biết tình hình đã đổi khác lúc nãy. Rồi thấy A Phủ lại nhồm nhoàm ăn cơm. Mỵ thì đã bắt đầu ngẩng lên nhìn người lạ.

---

(1) Tiếng lóng biểu lộ sự tức giận, cũng có nghĩa như một tiếng chửi.

Đợi A Phủ vừa nói với vợ xong, anh liền thân mật hỏi :

– Tây bắt A Phủ mấy hôm ? Làm sao trốn về được ?

Thế là A Phủ mở áo cho đồng chí cán bộ xem những nốt sẹo, rồi kể chuyện Tây đánh, Tây sai lính bắt cắt tóc, bắt tù, bắt gánh đá, khiêng nước ... A Phủ nhớ vợ, nhớ nhà ... A Phủ nhảy qua bờ rào, chạy... Kể xong, A Phủ hỏi :

– Nó đánh ta, nó bảo ta nuôi cán bộ. Trông cán bộ thì cũng như anh em ta thôi, sao nó sợ cán bộ thế ?

Đồng chí cán bộ bèn cười :

– Nó sợ cán bộ Chính phủ. Nó cũng sợ cả người nào nuôi cán bộ Chính phủ, cho nên nó phải đánh người ta.

Từ lúc ấy, đồng chí cán bộ đã trở nên thân thiết như người trong một nhà. Đã hiểu cán bộ là người anh em thì A Phủ nhìn bằng anh em ngay, A Phủ bảo : "Người Mèo chúng ta bao giờ cũng thù đứa nói dối, thù đứa ăn tham, bao giờ cũng thích người tốt làm anh em một bụng. Cán bộ có một bụng thế không ?".

Ngay buổi chiều, A Phủ bảo cán bộ cùng ra phá cái chuồng lợn, lấy gỗ vào đẽo làm vách. Đồng chí cán bộ ấy đẽo vách nhanh và phẳng, thật rõ ràng một bụng như ta.

Vừa làm, đồng chí cán bộ vừa hỏi :

– Sao không để chuồng nuôi lợn khác ?

– Rồi Tây lên ăn mất, thôi không nuôi nữa.

– Có cách nuôi được.

– Cách nào ?

– Ở Pú Nhung trên Lai Châu bây giờ nhà nào cũng có hai nhà. Người ta nuôi lợn ở nhà trong rừng, để ngô, để bí ở nhà trong rừng, cái nhà trong rừng có đủ cả, còn cái nhà ngoài làng thì không có gì. Thằng Tây lên tìm sẽ không còn gì mà cướp được. Cả nương ngô, nương khoai, nương rau cải người ta cũng làm bí mật thật xa, Tây đi tìm không trông thấy thì không làm hại được. Các làng bên kia người ta cũng đang làm như thế đấy.

A Phủ bảo vợ :

– Ta cũng bắt chước như người Pú Nhung. Nếu thế thì ta vẫn ở đây được, không sợ mất cướp.

Luôn hôm sau, A Phủ và đồng chí cán bộ ấy vác gỗ, đeo những quảy khoai, ngô, những thùng gỗ đựng nước vào rừng sâu làm lán, làm chuồng lợn, lại đắp cả cái lò bung ngô trong rừng. Ba hôm làm đã xong. A Phủ thích quá, ra đứng đầu nương trỏ xuống cánh đồng Bản Pe :

– Thằng Tây kia mà lên đến cái dốc này thì ta vào rừng. Này, chúng ta đi bảo cho cả vùng Phiềng Sa cùng biết cách làm nhà trốn trong rừng như ta nhé.

– Người ta làm cả rồi. Chỉ còn có A Phủ làm sau cùng đấy thôi.

– Cán bộ bảo cách à ?

– Ừ.

Hai người ngủ một đêm ở lán trong rừng.

Đêm ấy A Phủ hỏi chuyện vợ con nhà cửa, đồng chí cán bộ nói : "Quê nhà tôi dưới xuôi, ở đấy cũng có giặc Tây đến, nó cũng đi cướp thế này. Nhân dân cũng phải đem của đi cất giấu và đã lập đội du kích đánh nó để giữ người, giữ của. Vì tôi biết giấu của, tôi biết đánh du kích nên Chính phủ cho tôi đi các nơi, bảo mọi người cùng làm như thế. Quê nhà tôi cũng thế này. Anh em tôi cũng không còn ai nữa. Tây giết mất cả rồi.". Nghe xong, A Phủ vùng ngồi dậy, nắm chặt hai tay anh cán bộ : "Ta giống nhau thế thì làm anh làm em với nhau được.".

Rồi A Phủ lại kể chuyện đời mình, đời Mỵ cho tới khi tại sao hai người trốn đến ở đây và lấy nhau. Đồng chí cán bộ ấy nghe, trong lòng xót xa lắm. Nửa đêm mà vẫn thao thức chưa ngủ được. Đồng chí cán bộ bảo A Phủ :

– Được rồi, tôi xin ăn thề làm anh làm em cho thật bền với A Phủ.

A Phủ sung sướng quá :

– Tên là cán bộ à ?

– A Châu.

– Cán bộ A Châu !

– A Phủ !

– Bây giờ làm anh làm em rồi, nếu A Châu còn nhiều công tác Chính phủ phải đi đâu thì A Châu viết một cái giấy để lại, đến bao giờ lấy được nước độc lập thì tôi mang cái giấy ấy về xuôi, đến tận nhà mà nhận nhau.

Hôm sau, về đến nhà ngoài làng, A Phủ bắt một con gà trống mang lên giữa nhà để làm lễ *ăn thề* (ăn sùng) nhận nhau làm anh em, theo phong tục người Mèo.

A Châu treo trên vách một lá cờ đỏ sao vàng nhỏ mà từ sáng sớm A Châu đã đi sang mượn được của một tiểu tổ du kích bên Phiêng Sa. A Phủ thắp lên mấy nén hương. Mùi hương thơm ngan ngát toả bay khiến cho đồng chí cán bộ miền xuôi ấy nhớ lại khi xưa còn ở làng, mỗi lần trong nhà có cúng giỗ. Bây giờ mình đã thoát li và trở nên một đảng viên cộng sản, Đảng đã phân công cho đi chiến đấu chống đế quốc phong kiến cùng với các dân tộc anh em trên rừng núi, mà lại tự tay làm cái việc phong kiến này, anh thấy vừa buồn cười, vừa ngượng. Tuy nghĩ như vậy nhưng anh vẫn lặng lẽ và nghiêm trang để nhích đầu lá cờ lên trên những nén hương, ngay đầu bếp.

A Phủ lâm râm đến giữa nhà, khấn vào bàn thờ cúng ma một lát rồi quay sang bên bếp, đứng trước nén hương và lá cờ, A Phủ cúi đầu thề :

– Tôi là Vừ A Phủ, tôi đã đem trình ma em tôi là Vừ A Châu, tôi thề suốt đời làm anh em với nó, ăn ở với nhau tốt mãi, bây giờ cũng thế, bao giờ được độc lập cũng thế, không bao giờ tôi hai lòng mà đi báo Tây hại nó, nếu tôi làm sai lời thì trời làm chết vợ chồng, chết hết giống nhà tôi.

A Châu giơ tay thề :

– Tôi là A Châu, tôi thề trước lá quốc kì, tôi suốt đời làm anh em với A Phủ, ai bắt nạt A Phủ thì cùng nhau đánh đứa thù, đánh thằng Tây, không bao giờ bỏ anh em, nếu tôi sai lời thì tôi phải chịu kỉ luật của Đảng.

Hai người đã thề xong, A Phủ kê con dao lên cắt cổ gà. Được lưng bát tiết, A Phủ quỳ xuống, uống một nửa, A Châu quỳ, uống một nửa.

A Châu uống liền hai hơi hết bát tiết gà, không thấy tanh mà cũng không ghê lợm gì cả. Ý nghĩa tinh thần lớn lao của công việc đã khiến người cán bộ vượt qua những điều ngần ngại lúc nãy. Từ lúc nghe A Phủ thề, nét mặt nghiêm, tin tưởng, rồi chính mình bước ra thề suốt đời làm anh em với A Phủ, cũng như với dân tộc Mèo, không bao giờ phản nhau, thì người cán bộ không còn ngượng và sợ mình phong kiến nữa, mà trước bàn thờ lúc này anh chỉ thấy chói lọi một lòng trung thực tha thiết của hai người. Anh đã cảm động, thấm thía, điềm nhiên uống cạn bát tiết gà, không để ý gì khác.

Mỵ chạy từ trong bếp ra. Đàn bà không được ăn thề, nhưng Mỵ trông, Mỵ nghe hai người thề thì Mỵ không ngồi bếp được, Mỵ chạy ra quỳ xuống trước cờ và mấy nén hương thắp dở, Mỵ bưng mặt khóc. A Phủ cũng bật khóc. Mỗi người nghĩ lại ngày qua, cay đắng một cách.

A Châu nói với Mỵ :

– Bao giờ nhân dân ta lấy được độc lập thì vợ chồng A Phủ về quê tôi chơi. Bấy giờ tha hồ đi, đâu cũng được ở yên, làm ruộng làm nương, làm buôn làm bán, đâu cũng sung sướng như nhau.

Nghe A Châu nói, hai vợ chồng A Phủ ngước lên, nước mắt còn chan hoà, cùng nghĩ đến lúc sung sướng ấy. Có cái nhà gỗ trên núi tranh, có trâu, có ngựa quanh nhà, có trẻ con chạy chơi dưới những cây đào trước cửa, như họ đã ước từ ngày mới sang Phiềng Sa.

Từ đấy, A Châu thường khi đi, khi về nhà A Phủ. Mỗi lần công tác xa, lại dặn : "Ở đây nhé, rồi tôi trở về, ở đây nhé ! ...". Vợ chồng A Phủ vẫn ở đấy.

Một năm sau, vùng Phiềng Sa thực sự đã trở nên một khu du kích. Thằng Tây đồn Bản Pe lên cướp lợn, cướp bò, bẻ ngô, thì làng chạy hết, du kích ở lại phục bắn đuổi. Lâu lâu, không dám nhung nhăng lên và khinh thường người ở trên núi nữa.

Nhà nào cũng làm nương bí mật và có lán trong rừng. Hôm Uỷ ban xã làm lễ ăn thề cho đội du kích thành lập, có bộ đội và ban huyện về tham dự, mít tinh xong nhân dân lại ở lại chơi đánh pao, đánh yến. Đội du kích đủ súng kíp, có cả ngựa. Những ngày nắng, du kích lên tập bắn trúng lá cây trên đỉnh núi. Đấy là tình hình khu du kích Phiềng Sa đương hăng hái tin tưởng, mong chờ.

Mùa xuân lại đến trên những đỉnh núi cao của các làng Mèo. Tết của khu du kích đương kháng chiến không có tiếng chiêng cúng ma rập rờn như mọi năm. Nhưng trong đồi cỏ tranh mênh mông, gió cứ giật từng cơn vàng rực và trong một phong cảnh khô héo cũng tựa tựa mọi năm, mỗi khi gặt hái xong, năm nào cũng như năm nào, trời cao mà như gần, cỏ tranh đã bắt đầu úa, có những con đường đất đỏ ối, dài hun hút, vờn lên từng nét ghê rợn bên sườn núi trọc, có những buổi chiều buốt, lạnh teo, thì trong khi ấy cái Tết đầm ấm thong thả tới. Nhà nào cũng nghỉ đi làm nương. Củi gỗ thông trong bếp bốc mùi thơm. Tiếng sáo réo rắt suốt đêm ngoài đầu núi tranh. Nhà nhà giã bánh dày, giết lợn làm tết. Năm nay trai gái không chơi Tết trước sân đầu làng, sợ tiếng sáo và tiếng reo hò sẽ kinh động xuống cánh đồng, khiến Tây đồn nghe tiếng. Trai gái kéo nhau lên núi chơi. Đi chơi trên núi từng đoàn. Chỉ có trẻ con và người già ở lại nhà. Mấy năm qua không sắm được gì mới, nhưng cái Tết của khu du kích hoàn toàn vui bởi vì người nào cũng đã khéo dành dụm : các chị Mèo đỏ, váy thêu, áo khoác, khăn hoa chùm rực rỡ. Các chị Mèo trắng chít khăn xếp nếp phẳng lì, tóc mai cạo xanh nhẵn. Con trai thì áo trẽn, bịt đầu khăn trắng, thắt lưng màu thiên thanh.

Nhà A Phủ cũng giã bánh dày. Tết này là Tết đầu tiên hai người có thịt, rượu mà ăn với nhau, từ khi lấy nhau. Hai vợ chồng cứ mừng rỡ, vui sướng như trẻ con thấy Tết.

Buổi sáng, có một bọn trai gái trong làng trèo đồi sang nhà A Phủ chơi và uống rượu. Một bát rượu chuyền tay nhau, mỗi người uống một hớp, rượu bát chuyền quanh bếp sưởi củi thông thơm, uống hết bát rượu ấy họ lại uống bát khác. Vừa uống vừa hát.

... Em không yêu anh
Quả pao anh ném đi
Quả pao rơi xuống đất.

Khi sương mù bắt đầu tan, đám trai gái mới kéo nhau lên núi.

Họ vừa ra khỏi đây. Tiếng hát, tiếng sáo, mùi rượu, tiếng cười còn đầm ấm đầy nhà. Mỵ và A Phủ chưa đi, hai người chếnh choáng say.

My ngồi bên bếp, má đỏ rừ, lặng lẽ cời than, nướng miếng bánh ăn. Đột nhiên My nhớ lại ngày con gái của mình. Những ngày đầu tiên trong đời người con gái ở nhà mình cũng uống rượu, cũng cời than sưởi ấm, cũng có nhiều trai gái cùng lứa tuổi đến chơi thổi sáo, hát, cười. Nhà My nghèo lắm, váy áo cũ của mẹ để lại cho thôi, thế mà sung sướng bao nhiêu. Nhưng những ngày con gái êm ấm ấy chỉ ngắn ngủi, nhanh như bóng nắng. Rồi đến khi về nhà Pá Tra, khổ quá, My không còn nhớ, không còn muốn nhớ. Nhưng sao đến tận bây giờ My cũng chưa thể quên dứt được cái lỗ cửa vuông mà bao năm My đã ngồi trong bóng tối ngước mắt ra, lúc nào cũng chỉ thấy mờ bóng sương. My đang nghĩ lại ...

A Phủ đã buộc xong gói bánh, xách đến ngồi trước bếp, bảo vợ :

– Ta đi chơi.

– Không đợi A Châu về cùng đi chơi à ?

Nghĩ đến đi chơi, rồi My lại nói :

– Bao năm nay không đánh pao, không thổi sáo, quên hết rồi.

– Bây giờ không ai cười nhau đâu.

Biết thế, nhưng My vẫn hỏi :

– Anh không có vòng bạc, em không có váy thêu mới, rách hết mà cũng đi chơi được à ?

A Phủ cười thật to :

– Bây giờ thành khu du kích, có uỷ ban về ta, ta chơi Tết không còn đứa ăn mặc đẹp đi đánh nhau cướp vợ đâu. Đây khác Hồng Ngài rồi.

Nghe thế, My mủi lòng, nước mắt rỏ xuống. My khóc, nhưng trong lòng My thì phơi phới. My với tay rút cái sáo cài trên ngực A Phủ. Nước mắt giàn giụa, My nhấc ống sáo. Sáo thổi một bài hát tình, mười mấy năm nay không thổi, nhưng My vẫn nhớ từng câu :

Em muốn yêu anh
Anh không yêu
Em bỏ anh không được

Em phải về, em lấy anh
Làm thế nào cho em lấy được anh.

A Phủ cũng xách cái khèn, đứng dậy.

... Trời hết rồi, em ạ
Tay em biết cầm kim khâu áo
Em không có lòng thì thôi
Em có lòng thì về
Ta ở với nhau một đêm

Ngoài cửa, bọn trai gái khác đi qua, lao xao gọi vào :

– Chơi một mình với nhau ở nhà à ?

Chẳng biết vợ chồng A Phủ có nghe tiếng không, nhưng hai người vẫn mải mê thổi sáo, thổi khèn. Ngoài kia đám trai gái nọ không đợi, lại đi, tiếng sáo cũng véo von đi.

Lúc sau, A Phủ chợt chống khèn, nhìn ra ngoài :

– Người ta đi hết rồi. Ta cũng đi thôi. Có thể lên núi thì đã gặp A Châu trên ấy.

My khoác tay nải bánh lên vai. Hai người bước ra, theo đường dốc đi lên.

Vẫn vui như lúc nãy, vợ đi trước, thổi sáo. Chồng đằng sau hát theo. Tiếng hát ú dài, mênh mông trong đồi tranh. Hôm ấy trời trong như một bóng sáng. Trông xuống thấy chảy qua chân núi một dòng suối trắng tinh.

Tới đầu dốc, sắp vào một vệt rừng thưa, bỗng A Phủ che ngang tay lên trán, đăm đăm nhìn xuống, rồi chậm chậm nói, theo mắt nhìn :

– Con chó đẻ ra thằng Tây ! Nó kéo lên cướp Tết của ta kìa, đông lắm.

A Phủ vứt cái khèn xuống tảng đá, chạy lao về nhà, dắt ra một con ngựa của đội du kích đưa cho My.

– Em lên báo tin cho du kích.

My vội vã phóng lên núi, trong khi A Phủ ra khe đá, lấy khẩu súng kíp vẫn giấu ở đấy, rồi chạy tắt núi tranh sang Phiềng Sa.

Từ trên rừng, các đám trai gái đang chơi đã thành đội du kích tập hợp lại.

Đội du kích trở về đến làng, thì lính đồn đã ùa vào khắp nơi rồi. Không có chỗ phục, súng kíp không đến gần được, nhưng du kích cứ leo mỏm đá, đứng ngay trên đầu những nơi chúng xục xạo, mà bắn súng và lăn đá. Các chị chạy theo đưa bánh, tiếp đạn.

Ở đầu dốc vào rừng, một tổ phụ nữ tiếp tế đã phải giặc vây bắt được. Cả My cũng bị bắt.

Cuộc càn quét của giặc lên khu du kích Phiềng Sa kéo luôn ba ngày.

Ngày thứ nhất chúng khuân hết của cải các nhà, từ cái thùng gỗ, cái váy, cái cối đá, đem về một chỗ và bao nhiêu người già, trẻ con còn mắc trong làng chưa chạy được thì chúng cũng nhốt cả ở đấy.

Ngày thứ hai, lần lượt đi đốt nhà, cho ngựa phá các vườn rau cải, bẻ nốt những nương bắp muộn, rồi lùa trâu, bò, dê, ngựa ngoài đồi tranh về, cuối cùng, chúng lên xục đốt phá các lán trong rừng.

Du kích bắn lại, chúng chạy bật xuống.

Ngày thứ ba, bọn lính đã toả ra trên các dải núi, bắt đầu họp lại. Ngô thóc và mấy chục người già, trẻ con và các chị bị bắt, hàng trăm bò ngựa và cáng mười thằng chết, thằng bị thương, chúng đem cả xuống núi.

Suốt một ngày chưa xuống tới chân núi. Cứ qua mỗi mô đá, một khe hẻm hiểm trở lại gặp súng nổ, phải chững lại. Nhờ thế, có một số chị em bị bắt đã tan chạy. My cũng chạy được.

My về chỗ lán cũ. Nhưng lán cũ đã bị cháy hết. My theo liên lạc du kích vào cánh rừng khác. A Phủ cũng vừa về đấy lấy đạn. Thấy chồng, My bíu chặt vai, oà khóc, mặc mọi người xung quanh xúm đến.

Những người du kích đứng nghe My kể lại chuyện bị bắt. My vừa khóc vừa khiếp sợ kể lại :

– Vợ con A Chế chết ngay từ lúc xuống giữa dốc, chết thảm lắm. Chị ấy sắp đẻ, lại cõng con. Đến giữa dốc thì ngã xuống, đau bụng quá,

những thằng lính đi sau cứ giẫm lên, chị phải nằm chết giữa đường. Còn có đứa con lên ba, một mình nó lạc lại sau. Thằng lính đến kéo tay, kéo cổ, kéo tóc nó, càng đi càng đánh, đến đầu dốc thì nó ngã không dậy được nữa. Trời ơi !

My ngồi xuống, hai mắt tròn xoe, mặt tái nhợt, không nói, không thở, không khóc. Nhiều người khóc, người chửi. A Phủ bảo My :

– Em đi cả đêm, nhọc quá rồi, đừng kể chuyện khổ ấy nữa.

Rồi A Phủ xốc vợ lên, cõng về chỗ lán cũ, đặt My xuống một tấm ván còn sót lại. My nằm thiêm thiếp. Nhưng giấc ngủ mê man ấy cũng đã làm cho My lại sức. Tỉnh dậy, My thấy A Phủ đương nức mây buộc một miếng thịt bò tót rồi đốt lửa. My vẫn nằm yên quay ra nhìn chồng nướng thịt.

Lát sau, A Phủ đến ngồi cạnh vợ. My nhìn trước nhìn sau rồi nói khẽ :

– Này, sợ lắm, anh à. Lúc nãy chưa nói hết. Thống lí Pá Tra bây giờ ở dưới đồn Bản Pe đấy. Nó về đi lính, ở làng tập trung với thằng Tây rồi.

A Phủ thản nhiên nghe, không tỏ vẻ lạ lùng gì. Nghe xong, giận dữ nói :

– Quân ấy không phải giống Mèo ta nên nó phải đi ở với Tây. Không được sợ. Thằng thống lí Pá Tra thì càng phải trả thù nhiều hơn, nhớ chưa ?

My nói :

– Em vẫn còn sợ lắm. Bố con nó mà bắt được ta lần này ...

A Phủ quát :

– Mê à ? Đây không phải Hồng Ngài, đây là khu du kích Phiềng Sa, A Phủ là tiểu đội trưởng du kích mà.

Rồi, không nghe vợ nói thêm, A Phủ cứ lẩm bẩm chửi thống lí Pá Tra, chửi chán lại nói : "Nghĩ xem ngày trước nó trói đánh ta, làm ta khổ hại, có khác gì việc thằng Tây làm ác bây giờ. Nó không phải giống người Mèo. Nó không được làm dòng giống ta.". A Phủ lại ngồi xuống nướng thịt, vừa làm, lại vừa chửi.

Thấy A Phủ quả quyết và chửi rủa bố con thống lí như thế, My cũng lấy cái bình tĩnh lại.

Chỉ một lát im lặng, rồi những lo sợ lại đến day dứt. Mấy hôm bị bắt đã quá sợ vừa qua không làm cho My yên tâm ngay được. My lo nhà cháy, ngô lúa hết, bây giờ lại phải cặm cụi cày cuốc lấy lương ăn, như ngày mới sang đây, vất vả, khổ cực mà chắc đâu đã được ăn. Hay ta lại đi ? Ý nghĩ "lại đi" cứ luẩn quẩn, gạt đi nó vẫn trở lại, và khi nhớ, lại ghê sợ nhớ xa cả đến những tình cảnh ngày trước ở nhà thống lí Pá Tra, ghê sợ cả cái chết giữa dốc của vợ A Chế hôm trước. My càng thêm bị ray rứt, hoang mang, khó nghĩ.

A Phủ đã nướng xong miếng thịt bò tót, quẳng xuống mặt ván, reo to :

– Có lương khô đi cứu người già trẻ con rồi.

My định nói một ý nghĩ rồi lại thôi. Lưỡng lự mãi sau My mới nói My muốn đi ở nơi khác.

A Phủ sầm nét mặt :

– Thằng Tây bắt em một ngày mà nó đã làm cho cái gan của em bé đi rồi ... Một đời ta mới có anh em, không bao giờ được bỏ nó. A Châu đã bảo ta giữ đường này cho bộ đội, thì ta giữ đường này cho bộ đội.

Nghe nói đến A Châu, My tỉnh. My vẫn thường nghĩ : đời mình có bố mẹ thì bố mẹ đã chết, còn thì chỉ toàn quân ác. Bây giờ mới thấy A Châu, mới biết có người tốt. Giữa bao nhiêu hoảng hốt, nay bỗng chen thoáng lên những chuyện thuỷ chung ấy, thì My lại bồi hồi tin tưởng, mong chờ.

My không nói "đi" nữa. My trở dậy, cùng A Phủ ngồi nướng thịt bò. Chiều hôm, đã nướng xong thịt "lương khô" của du kích. A Phủ nói :

– Mai đi họp đội du kích bàn cách xuống đánh đồn Bản Pe cứu người già, trẻ con về.

My tủm tỉm cười :

– Bây giờ khỏi sợ rồi. Mai em đi.

Hôm sau, A Phủ và Mỵ đi họp đội du kích. Đi đường, A Phủ chợt nhớ, nói chuyện :

– Ở Hồng Ngài cũng thành du kích như ta rồi. Chỉ có bố con thống lí Pá Tra muốn theo Tây, Tây phải lên đánh tháo cho nó về đồn Bản Pe đấy. Bây giờ ở đâu cũng thành du kích.

Lần này nghe nói đến bố con Pá Tra thì Mỵ không lo sợ nữa. Mà Mỵ nghĩ : "Không biết các chị ở nhà thống lí bây giờ ra sao ? Có theo du kích vào rừng, có thoát được không ?". Mỵ nói với A Phủ ý nghĩ hồi hộp ấy. A Phủ im lặng, A Phủ đương mải nhìn ra những làng xóm vừa bị đốt cháy.

Vùng Phiềng Sa trước kia, nhà cửa san sát, trâu bò ngựa dê đi vàng cả núi tranh, bây giờ chỉ thấy thấp thoáng người đứng bới cái bát, cái lưỡi cuốc còn sót trong đám tro đen. Từng đàn quạ lượn trên những vũng máu khô, trên những nơi mà bọn lính đã vứt lại những đầu bò, lòng lợn, hãy còn tanh sặc.

Rồi, nửa tháng đã qua vẫn thấy từng đàn quạ nối nhau lượn tìm mùi tanh trên các đầu núi.

1953

Lời bình

Vợ chồng A Phủ – *Bài ca về sức sống và khát vọng giải phóng của người dân miền núi. Truyện ngắn này được coi là tác phẩm xuất sắc của Tô Hoài và nền văn xuôi cách mạng.*

Sức sống lâu bền của truyện Vợ chồng A Phủ *có được trước hết là bởi sức sống của các nhân vật Mỵ và A Phủ. Cây bút Tô Hoài vốn thiên về miêu tả phong tục, sinh hoạt và thiên nhiên. Ở truyện ngắn này, tác giả vẫn giữ được những mặt sở trường của mình, đồng thời lại chứng tỏ năng lực xây dựng nhân vật, khắc hoạ tính cách và miêu tả tâm lí con người thật tinh tế và sâu sắc. Mỵ và A Phủ có nhiều nét tương đồng về số phận, nhưng mỗi nhân vật vẫn là một tính cách riêng*

mà lại có những nét chung cho đặc tính của người Mông và các dân tộc miền núi.

Phần đầu của truyện (My và A Phủ ở Hồng Ngài) là phần lôi cuốn nhất của tác phẩm, đúng như nhận xét của nhà văn Nguyễn Tuân. Bút lực của Tô Hoài đặc biệt tập trung vào hai trường đoạn cũng là hai cảnh đêm : Đêm mùa xuân My muốn đi chơi và cái đêm My cắt dây trói cứu A Phủ và giải thoát cho chính mình.

Sự trỗi dậy mãnh liệt của lòng ham sống và khát vọng hạnh phúc ở My trong một đêm xuân - My vốn là một cô gái trẻ, đẹp, yêu đời, lại đang sống những ngày hạnh phúc trong tình yêu và tuổi trẻ. Chỉ vì món nợ của cha mẹ với thống lí, suốt đời không trả nổi mà My đã bị bắt về làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra. My đã sống bao nhiêu năm tháng đau khổ bất hạnh như thân phận của một kẻ nô lệ trong nhà thống lí. Sự đầy đoạ kéo dài trong kiếp sống nô lệ đã khiến cho My gần như tê liệt mọi ý thức và cảm giác : "Bây giờ thì My tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi". My hầu như không còn ý thức về thời gian, về sự sống của mình nữa. Chân dung của nhân vật được nhà văn khắc hoạ bằng một hình ảnh trở đi trở lại "My cúi mặt, buồn rười rượi", mỗi ngày My càng không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa.

Nhưng phải chăng tâm hồn và sức sống ở My đã hoàn toàn nguội lạnh, cô My một thời trẻ đẹp, hồn nhiên, khao khát yêu đương đã biến thành một người đàn bà nhẫn nhục, câm lặng, sống mà như đã chết ? Không, Tô Hoài đã rọi sâu vào tận cùng ý thức và tiềm thức của nhân vật để khơi bừng lên ngọn lửa và sức nóng của sự sống, của niềm ham sống và khát khao hạnh phúc vẫn tiềm ẩn trong đáy sâu tâm hồn của người phụ nữ này.

Ngòi bút tinh tế của Tô Hoài đã diễn tả tài tình quá trình thức tỉnh ý thức của nhân vật My. Nếu như trong một thời gian dài My dường như không có một cảm ứng nào trước ngoại cảnh và từ cảm giác đến ý thức ở My cơ hồ đã bị triệt tiêu. Vậy cái gì đã khiến My thoát ra khỏi tình trạng vô cảm, vô hồn ấy ?

Trước hết là tác động của mùa xuân. Mùa xuân của thiên nhiên bao giờ cũng khơi dậy ở lòng người những khát khao, đánh thức sức sống tiềm ẩn trong mỗi con người. Và thời điểm để ngọn lửa sống tiềm ẩn trong Mỵ bừng lên đã đến, đó là những "đêm tình mùa xuân" mà tiếng sáo gọi bạn tình cứ thiết tha bồi hồi. Âm thanh của tiếng sáo gọi bạn tình đã làm sống dậy những giác quan dường như đã tê liệt của Mỵ, Mỵ chẳng những đã nghe thấy tiếng sáo mà còn sống dậy trong lòng hình ảnh của một thời tuổi xuân tươi sáng, gắn liền với những tiếng sáo như thế. Những mùa xuân ấy "Mỵ uống rượu bên bếp lửa và thổi sáo, Mỵ uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mỵ hết núi này sang núi khác". Giúp khơi dậy ngọn lửa sống trong Mỵ còn là cái nồng nàn của men rượu : "Ngày tết Mỵ cũng uống rượu. Mỵ lén lấy hũ rượu cứ uống ực từng bát. Rồi say ...". Không khí nồng nàn của đêm xuân, sự kích thích của men rượu, sự lôi cuốn của tiếng sáo, lại thêm âm thanh náo nhiệt của bữa cỗ cúng ma và hình ảnh những người ốp đồng, tất cả những sự tác động này cùng dồn tới một lúc đã đưa Mỵ vượt thoát ra khỏi tình trạng nguội lạnh và vô cảm thường ngày. Đầu tiên là Mỵ sống lại với những hồi tưởng về những mùa xuân của tuổi trẻ. Đó cũng chính là dấu hiệu chứng tỏ Mỵ đã trở lại được ý thức về thời gian sống của mình, cũng là lúc niềm ham sống trỗi dậy : "Mỵ thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như đêm Tết ngày trước. Mỵ trẻ lắm, Mỵ vẫn còn trẻ. Mỵ muốn đi chơi". Đến đây trong nội tâm của Mỵ đã thức tỉnh trở lại ý thức về thân phận nô lệ của mình, phản ứng đầu tiên của Mỵ là ý nghĩ : "Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này Mỵ sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa", trong khi ấy thì tiếng sáo gọi bạn tình ở bên ngoài vẫn theo sát nội tâm của Mỵ. Từ chỗ là một hiện tượng ngoại cảnh đã thâm nhập vào thế giới nội tâm của Mỵ (trong đầu Mỵ đang rạp rờn tiếng sáo). Đến đây đã xảy ra bước phát triển quyết định : Từ những ý nghĩ được khơi bừng dậy trong nội tâm đã dẫn đến hành động, và hành động này lại thúc đẩy hành động khác như một chuỗi phản ứng dây chuyền không thể kìm nén được nữa. Việc đầu tiên là Mỵ bước đến góc nhà lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn dầu cho sáng ; Đây là một hành động của sự thức tỉnh, Mỵ thắp sáng lên ngọn đèn trong căn phòng luôn âm u, mờ mịt của mình, cũng tức là Mỵ đã thắp lên một ánh sáng rọi vào cuộc đời tăm tối triền

miên của mình trong nhà thống lí Pá Tra. Tiếp đó dường như không kể gì đến những sự trói buộc khắt khe của nhà thống lí, không đếm xỉa gì đến sự có mặt của A Sử, Mỵ đã hành động như một người tự do, theo tiếng gọi của lòng mình. Mỵ quấn lại tóc, rút lấy cái váy hoa trên vách, sửa soạn đi chơi. Giữa lúc sức sống của Mỵ trỗi dậy mạnh mẽ nhất thì lại bị dập xuống một cách phũ phàng : A Sử bước vào, thản nhiên, lầm lì, không nói một lời nào, hắn bước lại nắm lấy Mỵ, trói đứng vào cột nhà rồi y tắt đèn, đi ra, khép cửa lại. Suốt cái đêm bị trói vào cột ấy, Mỵ đã sống trong sự giằng xé giữa niềm khao khát sống tự do và thực tại nghiệt ngã. Ban đầu, Mỵ như không cảm thấy những vòng dây trói thít chặt quanh mình, Mỵ vẫn sống với tiếng sáo : (tiếng sáo đưa Mỵ đi theo những cuộc chơi, những đám chơi) đến nỗi Mỵ vùng bước đi nhưng rồi cái thực tại nghiệt ngã là những vòng dây trói và nỗi đau đớn tê dại cả thân thể đã làm Mỵ sực tỉnh. Thay cho tiếng sáo gọi bạn, bây giờ Mỵ chỉ còn nghe thấy tiếng chân ngựa khô khan đạp vào vách. Mỵ thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Ngòi bút của Tô Hoài thật tinh tế và thấm nhuần tinh thần nhân đạo sâu sắc, đã đi sâu vào tiềm thức của nhân vật Mỵ, khơi dậy sức sống tiềm tàng và những khao khát tự do tưởng chừng như đã nguội tắt bởi kiếp sống nô lệ kéo dài.

A Phủ là một thanh niên nghèo, mồ côi cha mẹ, lao động giỏi và ưa cuộc sống tự do. Chỉ vì dám đánh lại A Sử, con thống lí, nên bị bắt về làm người ở gạt nợ cho nhà Pá Tra. Cùng cảnh ngộ của những kẻ nô lệ trong nhà thống lí nhưng hầu như Mỵ và A Phủ vẫn như người xa lạ. Nhưng rồi một hoàn cảnh đặc biệt đã xảy ra : Vì để hổ về bắt mất một con bò nên A Phủ bị thống lí Pá Tra trói đứng vào cọc, chờ chết đã mấy đêm, đêm nào Mỵ cũng trở dậy ra bếp thổi lửa sưởi. Nhìn thấy A Phủ bị trói đứng đó, Mỵ vẫn chẳng hề nghĩ ngợi gì, vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay. Nhưng rồi một đêm kia, khi ánh lửa bếp sáng lên, Mỵ lé mắt trông sang thì, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Chính dòng nước mắt tuyệt vọng đau đớn của A Phủ, một chàng trai rất cứng cỏi, gan góc, đã làm Mỵ xúc động. Mỵ đã vượt qua được tình trạng thản nhiên vô cảm thường ngày. Chúng ta gặp lại cô Mỵ với sức sống nội tâm mạnh mẽ và những hành động phản kháng quyết liệt như trong cái đêm Tết năm nào. Cảnh ngộ của A Phủ gợi cho Mỵ nhớ lại những

đau đớn trong lần mình bị trói vào cột nhà, nước mắt cũng nhiều lần chảy xuống mà không sao lau đi được. Từ sự thương xót cho người cùng cảnh ngộ, Mỵ đã nghĩ đến cảnh tuyệt vọng của A Phủ, chỉ đến mai là người trai kia sẽ chết, cái chết đau đớn và vô lí, ở Mỵ đã hình thành mối đồng cảm giai cấp một cách tự nhiên. Mỵ nảy ra ý định cứu A Phủ thoát khỏi cái chết đau đớn và vô lí như thế, ý nghĩ cứu người đã mạnh hơn cả nỗi lo cho chính mình : Nếu nhà thống lí biết Mỵ cắt dây trói cứu A Phủ thì ngày mai Mỵ sẽ bị trói thay vào đó cho đến chết. Biết thế nhưng Mỵ cũng chẳng hề thấy sợ. Từ sự thức tỉnh của tình cảm và suy nghĩ tất sẽ đến hành động táo bạo của Mỵ : Cắt dây trói cứu A Phủ. Nhưng cứu thoát A Phủ cũng chính là Mỵ đã làm một hành động có tính quyết định để giải thoát cho chính mình. Cắt sợi dây trói hữu hình quanh người A Phủ, Mỵ đồng thời cũng cắt đứt những sợi dây trói vô hình nghiệt ngã đang trói buộc mình trong kiếp sống nô lệ ở nhà Pá Tra. Mỵ đã vùng chạy theo A Phủ, rồi họ dìu nhau chạy thoát khỏi nhà Pá Tra.

Với một bản năng sống tiềm tàng và bền bỉ, một khát vọng tự do vẫn âm ỉ nay tất cả đã được thổi bùng lên thành một sức mạnh ghê gớm, Mỵ và A Phủ đã dứt tung những xiềng xích trói buộc cuộc đời họ trong kiếp sống nô lệ, tuông đạp ra khỏi bóng tối âm u của nhà thống lí Pá Tra. Họ như một đôi chim trời đã vượt thoát cũi lồng trở về với bầu trời tự do. Nhưng đến Phiềng Sa cuộc sống bình yên, tự do và mơ ước hạnh phúc thật giản dị của họ lại bị đe doạ phá tan : Họ phải đối mặt với một kẻ thù mới - thực dân Pháp mà trong truyện được hiện hình lên ở cái đồn Bản Pe "đỏ như một tổ mối đùn" và những tên lính lên cướp phá Phiềng Sa. Chỉ bằng sức mạnh tự phát và đơn độc thì những người dân nghèo miền núi không thể giải phóng thực sự được cho mình và con đường tất yếu để giải thoát cho số phận của họ chỉ có thể là con đường đến với cách mạng, với cuộc kháng chiến của cả dân tộc. Ở phần sau của truyện, Tô Hoài đã dẫn dắt hai nhân vật của mình đi vào con đường ấy, như một lẽ tất yếu, một quy luật của đời sống. Nhưng chúng ta đều hiểu rằng cái động lực sâu xa để Mỵ và A Phủ bước lên được con đường ấy và trở thành những quần chúng cách mạng thì đã được tác giả thể hiện với tất cả sức mạnh nghệ thuật ở nửa đầu của tác phẩm.

Nguyễn Văn Long

Vi Hồng

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Vi Văn Hồng. Sinh ngày 13 tháng 7 năm 1936.

Quê quán : Xã Đức Long, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Mất ngày 30 tháng 3 năm 1997.

Tác phẩm đã xuất bản : *Sli lượn - dân ca trữ tình Tày - Nùng* (nghiên cứu, 1979) ; *Đất bằng* (tiểu thuyết, 1980) ; *Vãi Đàng* (truyện vừa, 1980) ; *Thung lũng đá rơi* (tiểu thuyết, 1985) ; *Núi cỏ yêu thương* (1984) ; *Vào hang* (tiểu thuyết, 1990) ; *Người trong ống* (tiểu thuyết, 1990) ; *Gã ngược đời* (tiểu thuyết, 1990) ; *Người làm mồi bẫy hổ* (truyện, 1990) ; *Lòng dạ đàn bà* (tiểu thuyết, 1992) ; *Dòng sông nước mắt* (tiểu thuyết, 1993) ; *Phụ tình* (tiểu thuyết, 1994) ; *Ái tình và kẻ hành khất* (tiểu thuyết, 1993) ; *Khảm Hải* (nghiên cứu, 1993) ; *Đuông Thang* (tập truyện, 1988) ; *Thách đố* (truyện vừa, 1995) ; *Đi tìm giàu sang* (tiểu thuyết, 1995) ; *Đường về với mẹ chữ* (1997).

Giải thưởng văn học : Giải nhì của Tổng hội Sinh viên Việt Nam 1959 (truyện ngắn *Ngôi sao đỏ trên đỉnh núi Phia Hoàng* ; giải nhì báo *Người giáo viên nhân dân*, 1962 (truyện ngắn *Cây su su Noọng ỷ*) ; Giải ba cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ 1971 (truyện *Cọn nước Eng Nhàn*) ; Uỷ ban Dân tộc Chính phủ trao giải thưởng năm 1985 (tác giả có quá trình tham gia sáng tác văn học về đề tài miền núi) ; giải thưởng của Hội Liên hiệp VHNT Việt Nam 1993 - 1994 ; giải ba của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam 1995 (công trình sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian) ; giải A cuộc vận động viết cho thiếu nhi của NXB Kim Đồng 1997.

ĐƯỜNG VỀ VỚI MẸ CHỮ

VÀI LỜI PHI LỘ

Đây là câu chuyện nhỏ của mấy người con Cao Bằng đầu tiên đi học cấp III ở Thái Nguyên.

Những con người, sự việc cùng những thiếu thốn, gian khổ nhọc nhằn, hiểm nguy trên con đường xuyên rừng rậm, đèo cao, suối sâu mấy trăm cây số để đi học trong truyện kí này là có thật. Người ghi trung thành với mọi việc, mọi người, bởi cả bảy người cùng nhau vượt mấy trăm cây số đi về với "Mẹ Chữ Lương Ngọc Quyến" ngày ấy nay đều còn sống, khoẻ mạnh, tỉnh táo. Đó là các vị Phan Văn Hỏn - nay mang tên mới Phan Chu Minh, dân tộc Nùng, cao hai mét, thượng tá bác sĩ Viện trưởng Viện quân y 91 ; ông Đặng Đình Lư, Giám đốc mỏ thiếc Cao Bằng ; ông Trần Bằng Tập, Giám đốc Sở Thuỷ lợi Cao Bằng ; ông Lê Văn Hoành, Tổng công trình sư ở Tây Nguyên ; ông Bế Tâm, Giám đốc xưởng dược Cao Bằng ; ông Trần Lạng vì những lí do cá nhân đã về nghỉ tại quê nhà từ lâu, ông Vi Hồng, nhà văn dạy Khoa Văn trường Đại học Sư phạm Việt Bắc đã nghỉ hưu được mấy tháng, v.v...

Truyện kí nhỏ này cũng chỉ ghi được một số sự việc còn nhớ được chi tiết. Còn nhiều việc khác vì không nhớ rõ và vì những lí do khác nữa mà chúng tôi chưa thể ghi chép tất cả trong truyện kí này. Ví như những chuyện rất quan trọng như cuộc xô xát với cả súng đạn của vài tên buôn lậu giả làm tướng tá quân đội ở đầu cầu Bản Trại khi bọn chúng cướp chúng tôi trên xe khách. Hoặc là chuyện những kẻ cướp nhầm chúng tôi với những tên làm thuê mang thuốc phiện lậu vượt qua trạm gác đèo Bông Lau chẳng hạn, v.v... Hơn nữa từ năm lớp chín (tương đương với lớp mười một bây giờ) trở đi, bảy anh em chúng tôi đã không có dịp đi thành đoàn nữa. Có người thì đi xe đạp, hoặc hai ba người đi bộ gặp xe xin đi nhờ...

Khá nhiều bạn bè biết chúng tôi vượt qua bao vất vả cực nhọc để đi học một thời đã động viên tôi ghi lại những gì đã xảy ra trên con đường đi học vạn dặm. Còn tôi thì băn khoăn : Viết ra không biết có ích gì cho đời không ? Nhưng bạn bè lại khuyên : "Ít nhất cũng là để làm gương cho con cháu chúng ta chăm học hơn".

Bởi vậy tôi viết ra đây mong lớp con cháu người dân tộc thiểu số, trước hết là con cháu các dân tộc ở Cao Bằng phần nào hiểu được lớp người đi trước ngày xưa quý cái chữ nghĩa như thế nào, vất vả nhọc nhằn ra làm sao mới có được một ít chữ trong bụng !

Người viết

I

Trước năm 1949 cả bảy tỉnh thuộc miền núi vùng Đông Bắc nước ta chỉ có một trường cấp II gọi là trường Trung học Việt Bắc, khoảng 1949 mới đổi thành trường phổ thông cấp II. Trường luôn luôn di chuyển lúc thì ở giữa rừng sâu, lúc ra chỗ núi đồi quang, nhưng phải học trong

hang đá. Mỗi lần tin báo : Tây đi càn, trường lại chạy tản cư cùng dân. Học sinh nghỉ học làm lều lán, tạo dựng lớp học hoặc ở gầm nhà sàn dân... Mấy anh em chúng tôi là học sinh trường này. Chúng tôi học lớp bảy (tương đương với lớp chín bây giờ) có hai mươi tám học sinh. Đây là lớp bảy đón chiến thắng Điện Biên Phủ, đón hoà bình lập lại tưng bừng năm 1954.

Những năm năm mươi, tất cả các tỉnh miền núi ở miền Bắc chỉ có mỗi một trường phổ thông cấp III hoàn chỉnh. Đó là trường Lương Ngọc Quyến, đặt tại thị xã Thái Nguyên. Trường Lương Ngọc Quyến ngày ấy có cả học sinh Tây Bắc và học sinh người Lào.

Mấy anh em chúng tôi cân nhắc nên đi thi và học ở trường cấp III nào ? Trường Hùng Vương thì xa rồi, ở tận Phú Thọ. Còn trường phổ thông cấp III Ngô Sĩ Liên ở Bắc Giang thì cũng có thể ... Nhưng lại là trường ở nơi đồng rộng (đồng bằng) sợ không quen ! Hơn nữa đường đi có thể xa hơn ; chúng tôi lại không hề biết tí gì về con đường từ Cao Bằng đến thị xã Bắc Giang. Chúng tôi chỉ được nghe một vài người đi lính Tây trở về nói rằng ở phủ Lạng Thương đồng rộng lắm. Mặt trời lên "ngồi nghỉ ở bờ ruộng" khá lâu mới lên tiếp được ! Buổi chiều mặt trời cũng phải "ngồi nghỉ ở bờ ruộng" phía tây một lúc mới đi xuống lỗ (mặt trời lặn).

Với Thái Nguyên thì người Cao Bằng quen lắm. Người Tày Cao Bằng ngày ấy gọi Thái Nguyên là "xử Thải" (xứ Thái). Từ xa xưa, những người Cao Bằng nghèo khổ, không một hòn đất ném chim, một tấc đất cắm dùi, chỉ có một lối thoát là "khảm Thải" (sang Thái). Những tiếng Tày ngày ấy thường có mấy từ quen thuộc hi vọng lấp ló nơi chân trời vừa như mang nỗi lo âu sợ hãi. Đó là những từ "sang Thái", "đi Thái", "mừa Thải" (đi về Thái).

Người Tày Cao Bằng có câu ca :

Nên thì nên việc lớn
Không nên thì sang Thái buôn củ nâu !

Các già ở Cao Bằng thường kể đoạn đường về Thái cho con cháu nghe như kể chuyện về một xứ hoang vu rất xa lạ. Từng chuyện, từng chuyện cứ như từng đoạn cảnh của một cuốn phim. Con cháu Cao Bằng

cảm thấy "xử Thái" và con đường đi về "xử Thải" gần gũi như đã quen thân.

Vì thế bọn chúng tôi quyết định tìm "đường về với Mẹ Chữ" Lương Ngọc Quyến ở "xử Thải".

Con đường đi học thật vất vả, xa xôi. Mấy anh em con cháu Cao Bằng chúng tôi phần lớn đều ở huyện Hoà An, đi về đến Thái khoảng hai trăm năm mươi cây số. Còn bạn Phan Soong ở Hà Quảng và nhất là bạn Phan Văn Hồn ở huyện Trùng Khánh thì cách Thái Nguyên gần ba trăm cây số hoặc trên ba trăm cây số. Mỗi khi gặp gian nan, vất vả và cả nguy hiểm nữa, mấy anh em chúng tôi đều động viên nhau : chúng ta cần cố gắng cần gan dạ mới về được với "Mẻ Sư" (Mẹ Chữ)(1). Các "Mẹ Chữ" ở Cao Bằng, chúng ta đã học được hết. Nhưng chúng ta lại muốn học chữ nhiều nữa, cao nữa thì phải dũng cảm phải luyện cái mật cái gan to bằng quả bí mới được ! Đấy là lối nói bắt chước các cụ xưa cho vui đoạn đường dài. Thời chúng tôi đã ít nói theo lối cổ này.

Với những gì quý giá và có vẻ như sinh sôi nảy nở được, người Tày chúng tôi đều gọi là "mẻ" (mẹ). Không chỉ có người và động vật, mọi vật đều có thể được gọi là mẹ. Ngày nay người Tày vẫn nói "Mẹ đá", "Mẹ nước" ... Trường học, nơi "sinh ra cái chữ" cho mọi học trò gom nhặt lấy, người Tày cũng gọi là nhà "Mẹ Chữ". Ông thầy nhiều chữ cũng gọi là ông "Mẹ Chữ". Vì thế chúng tôi rong ruổi đường dài trẩy học cũng gọi theo các già xưa nói rằng mình đi tìm "Mẹ Chữ". Cũng là để tỏ tấm lòng tha thiết quý yêu chữ nghĩa của lũ chúng tôi...

II

Đi đúng chín ngày thì đến thị xã Thái Nguyên. Tối hôm vừa đến, lũ chúng tôi ngủ ở một nhà trọ bình dân. Sáng hôm sau vào Ti Giáo dục hỏi thì biết địa điểm thi tuyển sinh ở nơi trường tản cư, thuộc một cánh rừng cạnh thị trấn Đu. Chúng tôi lại đi ngược hai mươi cây số đến Đu và hỏi thăm đến địa điểm thi tuyển sinh vào lớp tám trường phổ thông

---

(1) Ý nói là về với chữ nghĩa, với kiến thức.

cấp III Lương Ngọc Quyến. Đi chừng ba cây số thì đến một bản toàn người Nùng. Chúng tôi xin trọ. Cô bác biết là học sinh Cao Bằng thì vui vẻ đón tiếp như đón tiếp khách quý và thân tình như người nhà xa cách lâu năm mới trở về. Vì cả bản này là người Nùng Cao Bằng vừa mới xuống "xứ Thải" được vài chục năm.

Hôm sau lũ chúng tôi đi vào rừng xem trường lớp. Ngôi trường gồm hai cái nhà lá. Nghe dân bản bảo đây là hai lớp học của trường phổ thông cấp III Ngô Quyền (năm sau đổi tên thành Lương Ngọc Quyến) mới làm năm nay. Sang năm thì trường mới về cả đây.

Hai lớp học, hai căn nhà tạm bợ dựng giữa rừng "mạy piao" (một loại nứa mọc dày như mạ). Người ta chỉ phát lối đi nhỏ. Cây "mạy piao" vẫn đổ xuống che kín mít mái lớp. Trên nền lớp có nhiều vắt "gang mình" đo ngang dọc. Lũ chúng tôi rất phấn khởi, tích cực ôn thi. Sau một tuần ôn thi, chỉ còn hai ngày nữa thi thì bỗng có thông báo hoãn thi một tháng ! Lũ chúng tôi buồn và lo vô hạn vì tiền nong không đủ ăn một tháng để đợi đến ngày thi. Chúng tôi đành buồn nản và đau khổ lếch thếch rủ nhau cuốc bộ chín ngày đường trở về Cao Bằng. Chưa về đến nhà đã lo đi tiếp ... Năm ấy là năm học 1954 – 1955.

Ngày nay con đường Thái Nguyên – Cao Bằng nườm nượp xe ô tô. Nhưng vào cái năm lũ chúng tôi đi thi để vào cấp III Lương Ngọc Quyến thì không thể có cái xe nào ngược xuôi Cao Bằng – Thái Nguyên được. Hoạ hoằn lắm mới có một hai chiếc xe quân đội đi theo đường số ba. Còn đường số ba phụ – đường chính ngày nay từ Thái Nguyên lên Cao Bằng, qua Ben Le (đèo Cao Bắc) thì măng vầu, măng nứa mọc giữa đường tua tủa như chông gai của lũ quỷ rừng. Đường nhiều đoạn chui dưới mái đại ngàn âm u. Ánh sáng mờ mờ ảo ảo như men theo bờ vực thẳm của địa ngục!

III

Ngày ấy chúng tôi tuy là học sinh lớp bảy đang đi thi vào lớp tám nhưng đều đã lớn cả. Có người mười chín tuổi, người ít tuổi nhất cũng mười bảy. Cho nên chúng tôi đi bộ nhanh lắm. Ngày đầu chúng tôi cuốc bộ được gần năm mươi cây số. Nhưng ngày thứ hai thì đôi chân cả lũ

đều sưng vù lên ! Lê lết mãi cũng chỉ đi được đoạn đường gần hai chục cây mà thôi. May có bạn Phan Soong mang theo một lọ rượu ngâm củ ú tàu – gọi tắt là rượu ú tàu. Có lẽ gia đình bạn Soong thấy con mình yếu ớt, mỏng mảnh như thư sinh nên chuẩn bị phương tiện đi đường chu đáo hơn. Rượu ú tàu bóp chân đau vì đi bộ rất là thiện nghệ. Nhưng khi trở về thì rượu ú tàu đã hết. Tuy ngâm tiếp vẫn dùng được, nhưng không tốt. Ngày thứ hai lượt về, tuy đã quen hơn nhưng cũng chỉ đi được ba mươi cây số. Ngày thứ ba đi được có hai mươi nhăm cây số. Ngày thứ tư trở đi thì lại quen dần, đi nhanh dần...

Ngày đi, đêm gặp nhà, gặp bản thì xin nghỉ nhờ. Tối giữa rừng thì ngủ rừng, ngủ lều các quán dọc đường... âu là chuyện thường. Phan Hỏn người cao hai mét, nặng tám mươi nhăm ki lô gam, không đi vừa giày dép bán ngoài chợ. Đôi giày của nhà tự làm lấy, và cả đôi mang theo dự phòng cũng đều rách tan hết. Lượt về chưa được bốn mươi cây số đôi giày thứ hai của bạn Hỏn đã nát. Những ngày đầu anh còn lấy dây, lấy giẻ buộc lại mà đi. Nhưng chỉ được một ngày, đôi giày của anh đã nát như chân con rết ! Anh vứt giày đi chân đất. Đi được nửa ngày, chúng tôi tưởng anh bị đau chân. Ai cũng thông cảm, hỏi han, có gì thì chăm sóc ! Bạn Hỏn cao lênh khênh mỉm cười mệt mỏi và nói :

– Ày ! Có sao đâu mà ! Các thằng mày, bỏ giày, đi đất hoá ra lại mát chân và thoải mái hơn đấy.

Tôi là người bỏ dép đầu tiên theo gương bạn Hỏn cao lớn. Rồi đến Đặng Lư cũng đi chân trần. Ba chúng tôi quả thấy thoải mái. Tiếp theo chúng tôi thì những người khác cũng đi chân đất. Nhưng chỉ được chục cây số là các chàng công tử đều kêu đau chân. Bởi các chàng là con nhà khá giả. Sinh ra và lớn lên chỉ biết ăn và học. Bạn Hỏn cao lớn tủm tỉm cười mà rằng :

– Các thằng mày không làm lụng, không đi đất bao giờ da bàn chân mỏng. Đi giày vào !

Mấy đứa lại đi dép cao su hoặc dép xăng-đan trắng vào. Phan Soong người nhỏ thó, ẻo lả như cô gái. Soong có cái giọng kim của cô gái, lên tiếng một cách đau khổ :

– Chúng mày ơi ! Chân tao ai nung nấu chín nhừ cả rồi ! – Soong mà nhăn mặt, uốn cặp môi dẻo thì ai cũng cảm thấy như chính mình đau.

Nói vậy thôi, Soong đúng là một thư sinh trói gà không nổi, nhưng đi đường dài vẫn rất khá.

Hôm nào cũng vậy, cứ gần trưa và chiều chiều thì chúng tôi tự tách nhau ra, không ai nói với ai. Anh nào cũng thất thểu, buồn thiu, câm lặng như những cái bóng vật vờ ruổi trên đường dài. Nhưng khi ăn cơm trưa, chiều, ở quán, ở bụi bờ xong lại tíu tít. Một hôm gần đến Nà Phặc, trời đổ tối, rừng âm u, bản làng thưa thớt, bạn Tập lên tiếng thức tỉnh cả lũ :

– Các thằng mày à ! Trời sắp trát chàm vào mắt rồi đấy ! Ngủ rừng hay sao à ?

Tập là người Kinh duy nhất trong đoàn nhưng lại hay nói tiếng Tày nhất.

Tập có cái trán cao, dô, rất thông minh, mặt vuông mắt sáng. Mỗi khi diễn đạt điều gì quan trọng, Tập cho cả mặt mũi đều cùng nói.

– Ngủ rừng thì ngủ, sợ gì ! Trời đang mát, ta cứ đi tiếp – Lạng lên tiếng. Cái tiếng của anh hơi khô, nhưng vang xa. Anh là người đi bộ giỏi nhất, lúc nào cũng dẫn đầu. Bạn Lạng người đen như cái gốc cây cháy dở trên nương.

Đêm hôm đó chúng tôi rủ nhau vào những cái lều của các bà hàng xén ngủ.

Mọi người xoa bóp chân bằng rượu một lúc rồi lăn ra ngủ. Kể thì cũng hơi liều mạng. Nhưng anh bạn Hỏn cao lênh khênh, tôi và Hoành là những người tương đối có kinh nghiệm đều nhất trí cho là không sợ. Bởi chúng tôi có cách ngủ đặc biệt. Chúng tôi trải lá hoặc tốt hơn thì rơm rạ, cỏ gianh khô một vùng rộng. Chúng tôi ngủ quay đầu ra ngoài chân đạp vào nhau thành vòng tròn, vẻ giống như một bông hoa nở căng. Bạn Hoành nói :

– Chúng ta ngủ như thế này là bắt chước theo đàn trâu ngủ rừng. Các thằng mày có biết không ? Lũ trâu hàng trăm con ngủ giữa rừng thì tất cả những con trâu đực, trâu cái khoẻ đều ngủ ở vòng ngoài, đầu ghếch ra phía ngoài, sẵn sàng húc thủng ruột bọn hổ báo và cả lũ chó sói. Những con trâu nghé, trâu yếu ngủ ở vòng giữa. Vì thế tao mới đề xuất ngủ theo kiểu này đấy.

– Các thằng mày lấy dao nhọn gối dưới đầu rồi hãy ngủ. Chúng ta chẳng sợ gì hết – Tôi và anh bạn Hỏn cũng nói thêm vào.

Mọi người bỗng thấy mình gan dạ hơn, cái mật to hơn. Dù sợ, dù không thì chúng tôi cũng ngủ giấc nồng nàn trong mê mệt.

Sáng hôm sau tôi dậy ra sau lều đi tiểu tiện. Trời mờ mờ sáng. Tôi bỗng hốt hoảng khựng lại. Sau lều chúng tôi ngủ cách chừng dăm bước có một đống lá tươi phủ một cái xác chết ! Biết là xác chết vì tôi nhìn thấy một vũng máu đen ngòm dưới lá. Tôi lắng nghe, xem trong rừng có tiếng chim kêu báo động có hổ, gấu hay không. Nhưng chỉ thấy đàn chim hót ca líu lo chào đón bình minh. Tôi đã mấy lần định liều mình vào gần nữa, kéo cành lá ra xem. Nhưng tôi bỗng thấy mình cần phải thận trọng. Tôi quay vào và gọi :

– Các thằng mày dậy hết đi ! Có chuyện lạ đây. Nhưng hãy bình tĩnh – Không hiểu tại sao hôm ấy tôi lại bình tĩnh và thận trọng đến thế.

Phan Soong sốt ruột lên tiếng, bằng cái tiếng của một cô gái có giọng kim :

– Có chuyện gì thì mày cứ nói đi ! Làm quái gì mà quan trọng thế. Trời sáng rồi, có phải nửa đêm đâu mà sợ – Phan Soong nói cứng vậy, nhưng có lẽ bạn là người sợ hơn cả trong lũ chúng tôi.

– Ở đằng sau lều này có một xác chết ! Nhưng phủ kín lá tươi. Không rõ là xác con gì ! – Tôi nói.

Bế Tâm, con người củ mỉ, cù mì, ăn nói rủ rỉ như thầm thì, lên tiếng :

– Đêm qua tao nghe thấy tiếng súng nổ. Vào quãng nửa đêm thì phải.

Lạng lên tiếng, dứt khoát :

– Có thể họ thù oán nhau. Họ giết nhau rồi đem vùi xác dưới đống lá cây để đổ tội cho ta đấy !

Hoành hất đầu cho mái tóc rễ tre đổ về đằng sau, cười hì hì mà rằng :

– Ấn mạng với sứ mạng gì ! Bò đấy ! Đang đói. Xẻo vài cân nướng ăn cho sướng cái miệng và cho êm cái bụng.

– Các thằng mày muốn chết à ! Mau mau chạy xa nơi này ! – Bạn Hỏn cao lênh khênh tưởng như chạm đến mái lều, nói.

Còn bạn Lư là người có vẻ lúc nào cũng suy nghĩ. Lư trầm ngâm quan sát và nói :

– Chẳng phải mạng người đâu. Có thể là con bò hay con nghé gì đó.

Trong khi đó Bằng Tập xăm xăm định chạy vào xem xác chết phủ dưới lá là con gì. Nhưng bạn Hỏn đã kịp hét lên :

– Tập, dừng lại ! Nguy hiểm !

Phan Soong cất giọng con gái :

– Có cái dây "quần chẻn" (dây tiết dê) hình như do người giăng kéo. Các thằng mày nhìn kĩ xem.

Tôi nói tiếp :

– Đúng đấy, phải thận trọng. Đây là con bò hay con nghé bị hổ vồ. Con vật chắc chắn là vừa mới bị vồ lúc đầu đêm. Họ bắc súng để bẫy hổ đấy các thằng mày ạ.

– Đã bắc súng bẫy hổ ăn dở mồi thì phải có ba khẩu. – Bạn Hỏn nói.

– Các thằng mày hộ nhau nhìn kĩ nữa đi.

Mọi người nhìn kĩ, nhìn mãi nhưng chỉ thấy hai khẩu súng ở ngoài rừng. Nhưng xem độ bắt chéo của hai khẩu súng thì rõ ràng là có ba khẩu bẫy hổ theo kiểu truyền thống của người Tày.

Tôi xác định ngay :

– Còn một khẩu phải ở trên nóc lều ta ngủ. Cái vị trí khẩu súng thứ ba phải ở đấy. Các thằng mày nhìn kĩ đi.

Sau một hồi tìm kiếm mới thấy nòng súng thò ra dưới một gắp gianh ở trên nóc lều. Quả là một sự may mắn đến hiếm hoi cho chúng tôi. Có anh đã phải tự đi gọi hồn mình nhiều lần ! Thật là hú vía ! Chỉ cần có một người kéo một cành cây trên xác con vật thì thế nào cũng có vài ba người "bỏ quên cơm nguội" (chết yểu).

Ngày ấy cướp của giết người là chuyện thường xảy ra trên mọi nẻo đường rừng, tuy không phải là hiện tượng phổ biến. Nhưng chúng tôi ngủ bờ ngủ bụi cũng chẳng sao. Vì chúng tôi biết rất rõ bọn cướp của giết người bao giờ cũng dò la thật cụ thể con mồi trước khi hành động. Chúng tôi làm gì có tiền, có hàng đáng để bọn chúng cướp. Chúng tôi chỉ sợ hổ, sợ gấu là chính. Ngoài ra, chúng tôi cũng sợ những đàn sói đông hàng trăm con kéo nhau đi lúc nhúc từ núi này đến núi khác. Nếu

trong lúc ngủ mà chó sói đột ngột tấn công thì quả là nguy hiểm. Vì chúng tôi không kịp đối phó, nhất là trong đêm tối. Hơn nữa khi đã có máu chảy thì lũ sói trở nên hung hăng gấp bội. Chúng không hề biết sợ những cái mà lúc thường chúng vẫn rất sợ.

Chúng tôi có mang theo những cái tù và để khi thấy chó sói thì thổi lên. Tiếng tù và vốn là hiệu lệnh của mọi phường săn. Lũ chó sói nghe được tiếng tù và rúc liên hồi vang lừng sẽ vô cùng hoảng hốt, bỏ chạy tán loạn. Chúng biết sau cái tiếng tu tu liên tục ấy là những tiếng sủa dữ dằn của đàn chó săn vào trận. Chó sói rất sợ chó nhà mà.

Đấy là chúng tôi chưa kể đến những rắn độc, trăn to nuốt chửng người như chơi. Lại còn những con rết to bằng mái chèo cắn chết cả hổ ...

IV

Những năm tháng trước 1960 ở miền núi nhiều nơi đời sống kinh tế khá sung túc. Nhiều vùng sầm uất, giàu có – trừ bộ phận du canh du cư. Thóc gạo, thịt rượu có thể nói là rất sẵn, có vùng tràn trề, nhưng không có tiền. Đủ ăn ngon, mặc ấm nhưng không đẹp. Những vùng có được cuộc sống như vậy con người không có ý thức tích luỹ tiền. Còn vàng bạc thời bấy giờ rất bị xã hội rẻ rúng. Ai tích trữ vàng bạc hay tỏ ra yêu quý vàng bạc thì bị cả xã hội khinh khi. Nhưng đến khi cho con đi học xa thì phải có tiền.

Trong đám con cháu Cao Bằng chúng tôi đi thi vào cấp III chỉ rớt có một người. Còn một người khác nữa đã thi được, nhưng không đi học được vì gia đình không có tiền.

Muốn có một số tiền lớn đủ cho con ăn học trong ba năm ở nơi xa nhà xa quê thì không có cách nào khác là phải bán ruộng bán trâu. Mỗi năm một học sinh trung bình tiêu hết số tiền bằng số tiền bán hai con trâu to. Nhưng người "Tày Nà" (Tày làm ruộng) lại thường nói : "Bán ruộng là bán cái sống để tìm cái chết" ; rằng Bán ruộng là bán máu, bán thịt mình !", v.v... Nhưng nếu không bán ruộng, bán trâu thì không có tiền cho con ăn học. Chính vì thế mà nhiều bậc bố mẹ nghĩ căng thẳng như sợi chỉ hai người ở hai đầu thi nhau kéo căng ra.

Cuối cùng lũ chúng tôi còn bảy người quyết tâm đi sang tận xứ Thái để học. Không chỉ gia đình chúng tôi lo chạy tiền nong mà cả họ hàng nội ngoại của chúng tôi cũng phải xúm vào gom góp từng đồng hào cho con cháu đi xứ Thái học. Nhà nào không có anh em họ hàng giúp sức thì phải bán ruộng hay bán trâu ngay từ năm đầu đi học xa nhà.

Mấy anh em con cháu Cao Bằng đi học xa ngày ấy trở thành một hiện tượng nhiều nơi trong tỉnh bàn ra tán vào, kẻ khen người chê, kẻ khinh người trọng. Còn người trong bản chúng tôi thì nói thẳng trước mặt các bậc bố mẹ chúng tôi rằng :

– Ông bà dám bán cả máu thịt của mình để cho con đi học lấy cái chữ cái nghĩa, chúng tôi thấy ghê gớm thật đấy. Chúng tôi xin chắp hai tay bái phục các ông bà.

Nhưng cũng có nhiều kẻ chê rằng :

– Học lắm, chữ nghĩa đầy bụng chỉ tổ nghèo đói thôi !

Và những người này liền hát câu ca của những kẻ ngu xuẩn từ xa xưa truyền lại :

Dốt chữ dốt nghĩa bồ chật thóc
Giỏi chữ giỏi nghĩa bồ rỗng tuếch.

Có người lên tiếng cảm thông :

– Ái dà dà ! Cái chữ cái nghĩa thì quý. "Nhất bất học bất tri lí" (người không học thì không biết gì), nhưng bán ruộng, bán trâu cho con đi học thì gan to mật lớn quá ! Thật là những con người ít thấy !

Chúng tôi rất biết ơn các bố mẹ cùng họ hàng – những người đã trực tiếp gom góp từng đồng tiền cho chúng tôi đi ăn học tận xứ Thái, nơi đất khách quê người ở tận phía chân trời lạ. Chúng tôi, những người con ngoan rất biết mình cần phải đền đáp tấm lòng cao cả đó. Chúng tôi chỉ có một cách là phải chăm học, học cho thật giỏi. Vì thế cả sáu, bảy con cháu Cao Bằng học với "Mẹ Chữ Lương Ngọc Quyến" ngày ấy rất đỗi chăm chỉ. Phan Hồn trở thành vua chăm chỉ.

Chúng tôi chăm chỉ học trong nghèo nàn, thường xuyên đói. Mùa đông mặc không đủ ấm. Chăn đắp chỉ là những chăn chiên cũ kĩ. Ba cái chăn chập vào nhau mà vẫn không kín hết mọi lỗ thủng.

Ngày ấy chúng tôi có một điều may trong ăn uống là ở đất Thái Nguyên, thịt mỡ rất rẻ. Những con cháu Cao Bằng lại rất thích ăn thịt mỡ. Chúng tôi mua loại mỡ rẻ nhất, đó là mỡ chài. Giá mỡ chài có khi chỉ bằng một phần ba giá thịt mỡ khổ. Chúng tôi mua về rán lấy mỡ. Mỡ xào rau muống, giập thêm vài múi tỏi cho vào. Rau muống tắm trong mỡ bóng nhoáng. Các ông bà chủ trọ thường kêu :

– Mỡ nhiều như thế này, các chú ăn làm sao nổi ?

Chúng tôi, những con cháu đất Cao Bằng, xứ sở thường có tuyết bông rơi và mưa tuyết nhiều ngày thì ăn mỡ quả thấy ngon lành. Nhờ có mỡ rẻ, nên chúng tôi không đến nỗi sút cân lắm. Chính những cân thịt mỡ, nhất là mỡ chài, mỡ lá đã giúp sức chúng tôi học, và học giỏi. Cũng nhờ có mỡ rẻ, nên mùa đông chúng tôi tạm chống lại được với cái rét, có ngày như cắt da thịt của xứ Thái. Ngày ấy chúng tôi chỉ có mỗi người vài ba bộ quần áo sơ mi may bằng vải rẻ tiền như vải chúc bâu rồi đem nhuộm gụ. Những bạn có tiền nhiều hơn tí chút thì may quần áo sơ mi bằng vải xanh công nhân. Phan Hỏn thì may toàn quần áo sơ mi bằng vải chàm của nhà anh tự dệt lấy, nhuộm lấy. Vải chàm tuy sợi hơi thô, nhưng dày và đặc biệt rất ấm, rất bền. Còn áo khoác ngoài thì mỗi người có một cái may theo kiểu bờ-lu-dông. Loại áo này là của bọn lính Tây mặc, rồi không biết bằng cách nào đó các ông bà hàng xén đem ra bán với giá tiền rẻ. Anh Hỏn cao lênh khênh mua được một cái áo dạ mỏng, màu cứt ngựa. Bạn Tập thì có một cái áo đặc biệt so với chúng tôi. Đó là áo có dây chun ở ngang lưng. Áo dài quá mông. Vải đặc biệt dày. Người ta bảo loại áo này là của lính Mĩ. Tên áo phát âm theo ngày ấy là áo "ca-na-điêng".

Những đêm đông lạnh, gió bắc lùa về rét thấu xương, chúng tôi thường chập ba chăn chiên lại ngủ co ro với nhau. Đầu đêm thì còn cố ôm chặt lấy nhau để giữ hơi ấm. Nhưng đến nửa đêm, ngủ mê mệt chẳng biết gì, có anh chuồi ra khỏi chăn, thức dậy rét cứng cả người. Có lần bạn Bế Tâm chuồi ra khỏi chăn quá lâu, ngủ say không biết bị cảm nặng. Tâm phải vào bệnh viện điều trị gần nửa tháng mới khỏi. Nhà trọ của chúng tôi thường là nhà bếp của các gia đình. Mái thấp lè tè. Vách đất rã rời hay những bức dại ken thưa thớt. Gió mùa đông bắc lùa đủ cả bốn chiều như muốn vùi dập những người học sinh xa xứ chúng tôi.

Chỗ ngủ đồng thời là bàn viết, bàn học. Đó là những chiếc chõng tre rẻ tiền bán ngoài chợ thị xã Thái Nguyên.

Trong bảy anh em con cháu Cao Bằng học chữ với "Mẹ Chữ Lương Ngọc Quyến" ngày ấy, chỉ có một hai anh bạn có đủ tiền mua giấy bút để viết, còn mấy anh em khác thì không đủ tiền dù là mua những loại giấy xoàng xĩnh nhất. Vì thế chúng tôi đã có một phát kiến – ngày ấy chúng tôi gọi là phát kiến vĩ đại – đến bây giờ tôi cũng không còn nhớ cái phát kiến vĩ đại này là do bạn nào đưa ra nữa. Đó là đem những giấy đã viết rồi, tức là những quyển vở cũ luộc trong nước vôi. Cụ thể là cho vôi vào khoảng trong một cái nồi to rồi đun sôi lên, bỏ cả giấy đã viết vào ninh như ninh xương khoảng nửa tiếng đồng hồ thì vớt ra, nhúng vào nước sạch để rửa rồi đem phơi khô. Những tờ giấy này dù là giấy trắng tinh hay giấy loại xoàng đều biến thành một màu vàng úa. Các dòng chữ viết cũ đã mất hẳn. Chúng tôi chủ yếu viết bằng loại giấy đã luộc nước vôi này, trừ những quyển vở, những bài làm... cần thầy đọc để chấm thì chúng tôi viết vào giấy trắng. Giấy viết rồi có thể luộc lại lần thứ hai vẫn viết được, nhưng không thể luộc đến lần thứ ba.

Trước khi có được cái "phát kiến vĩ đại" nói trên, chúng tôi viết cả trên giấy "bụng bò" – một loại giấy do người Dao làm bằng phương pháp thủ công. Viết loại giấy này không thể dùng bút sắt. Cho nên chúng tôi phải vót bút bằng tre, bằng nứa để viết.

Trong hoàn cảnh thiếu thốn, vất vả và nhọc nhằn như vậy, mấy anh em con cháu Cao Bằng vẫn vui vẻ học, vẫn chăm chỉ hết sức mình. Vì thế chúng tôi thời ấy là những học sinh giỏi hoặc khá của trường Lương Ngọc Quyến. Những người học giỏi nhất môn này môn nọ đều được phong vua. Cả hai lớp tám rồi lớp chín, lớp mười thường xuyên chỉ có khoảng bảy người được phong vua môn này môn nọ. Trong mấy anh em con cháu Cao Bằng đã có đến ba người thường xuyên lên ngôi vua môn này môn khác: Trần Lạng và Phan Soong giữ ngôi vua môn Toán. Bế Tâm giữ ngôi vua môn Vật lí. Trần Bằng Tập giữ ngôi vua môn Sử. Còn tôi thỉnh thoảng cũng lên ngôi môn Văn.

Anh em chúng tôi ăn học ở xứ người luôn luôn nhớ đến công lao vất vả của bố mẹ và họ hàng đã làm lụng, ki cóp từng đồng tiền để dành cho chúng tôi. Càng nghĩ thế chúng tôi càng chăm học. Mỗi lần được điểm chín điểm mười trong các bài làm bài tập, chúng tôi đều thấy

thanh thản và nhẹ nhõm. Vì đó là một cách thiết thực và cụ thể, trả được phần nào cái ơn lớn đối với bố mẹ và họ hàng.

V

Con đường đi về với "Mẹ Chữ Lương Ngọc Quyến" quả lắm gian lao nhọc nhằn. Đường đi chưa hết đất Hoà An đã là rừng âm u. Rừng đại ngàn trải ra trùng trùng điệp điệp tưởng như vô tận trong sương lam chiều mờ xa tít tắp. Dốc rồi lại dốc, đèo rồi lại đèo ... lên thì mỏi gối, xuống thì chồn chân. Càng đi sang Ngân Sơn, xuôi về Bắc Cạn rừng càng âm u hơn, càng hoang vu lạnh lẽo hơn – đâu có ô tô ròng ròng suốt đoạn đường vài trăm cây số ngược xuôi như ngày nay.

Đèo Xẻ Pản gần như suốt ngày cây khóc vì đói ánh sáng mặt trời. Khi có con chim đậu, con sóc chuyền cành, sương đọng từ những cành lá không bao giờ thấy ánh nắng cứ rơi rào rào như mưa mùa hạ. Suốt những đoạn đường xuyên rừng dằng dặc, âm u hoang vắng đến điếc tai, mịt mù đến ngạt thở chỉ thấy tiếng chim và tiếng dã thú. Chúng tôi khao khát được nghe một tiếng hoạt động của con người mà chẳng thấy.

Trăm chim hót giọng lạ giọng quen. Hai lỗ tai đầy tràn tiếng nai vỗ, nai tác nơi núi gần núi xa. Tiếng nai như bổ những nhát búa vĩ đại lên những thân cây cổ thụ mọc rêu xanh rêu đỏ nghìn năm chưa một lần thấy hơi người. Thi thoảng có cả tiếng hổ động đực gầm rú. Cái tiếng hổ gào mới rùng rợn làm sao. Chúng gào cách ta ba đèo, bảy núi mà tiếng vang vẫn rung tim gan ta như chúng đang gào ngay sau lưng. Ta đi, ta chạy, ta lao xe đạp xuống đèo ... cái tiếng gào dữ dội như thác đổ ngày lũ vẫn cứ bám theo. Những người không quen, nghe tiếng hổ gầm liền chạy. Chạy một đèo, hai đèo rồi chết ngất vì tưởng hổ đã đuổi đến sát sạt đằng sau !

Hầu như lần nào vượt đèo Xẻ Pản, đi ngang qua Ben Le chúng tôi đều thấy lũ chó sói tru âm vang khắp núi gần rừng xa.

*

* *

Một hôm, trời còn sớm lắm, sương mù bảng lảng, sương trắng vắt vẻo trên các mái rừng hay nằm sóng soài dưới thung lũng, những hạt sương li ti như những hạt mưa phùn đập vào mặt gây cảm giác mơn man một nỗi buồn buồn khó chịu, cả rừng đại ngàn như sàng sảy mưa cơn, mưa rào rào, có lúc ào ạt.

Tôi cùng Lư dắt xe đạp lên đèo Xẻ Pản đuổi theo Hỏn và Hoảnh ... Chúng tôi lên đèo rất nhanh, nên không biết rét mướt là gì. Hỏn và Hoảnh đã đi bộ từ chiều hôm trước. Chắc đêm qua hai thằng chúng nó ngủ ở Ben Le. Còn hai chúng tôi vì xe đạp hỏng phải chữa lại lâu, nên ngủ đêm tại Tài Hồ Xìn. Tuy hai chúng tôi có xe đạp – loại xoàng, nhưng chúng tôi vẫn đi bộ cùng Hỏn và Hoảnh. Hỏn và Hoảnh đi người không, nên đi nhanh lắm. Còn mọi hành trang thì tôi với Lư đèo hộ. Chúng tôi thay nhau đi xe đạp, vừa đi vừa đợi nhau. Nếu có ai đau chân hay mệt mỏi nhiều thì sẽ được ưu tiên đi xe đạp. Vì thế mấy thằng chúng tôi đi được khá nhanh.

Tôi và Lư đã vượt qua đoạn đường rừng âm u vắng vẻ nhất. Đó là đoạn đường hay gặp hổ, gấu và chó sói. Đặc biệt là có thể gặp cướp. Đoạn đường này của đèo Xẻ Pản thường xảy ra chuyện cướp của giết người vài ba năm một lần – cũng có khi một năm hai ba lần. Nhưng chúng tôi vẫn nghĩ với một ý nghĩ rằng, xe thì xoàng, tiền thì chỉ vài đồng, chúng không bõ cướp ! Tự nghĩ để an ủi động viên vậy. Nhưng biết đâu, vẫn cứ phải cảnh giác. Sợ thì vẫn cứ sợ mỗi lần đi qua đèo Xẻ Pản. Nhưng chẳng ai nói ra miệng với nhau cái điều rất nên kiêng kị đó.

Chúng tôi đã gần lên đến đỉnh đèo. Ở đây cây thưa hơn, rừng bên trên đường thoáng hơn. Cho nên chúng tôi chỉ còn sợ hổ báo với gấu ... nhiều hơn là kẻ cướp. Bỗng ở một khúc đường ngoặt trước mặt có vật gì đó lao ngang qua đường, ào xuống dưới đường. Những cây lau, cây chít và những búi dây rừng quanh đó rung lên trong thoáng chốc. Tôi hét to :

– Hổ đấy ! Rút dao ra ! – Đấy là tiếng thét không chỉ bảo bạn Lư mà là để trấn an tinh thần, để lấy tinh người đè tinh hổ.

Tôi là người đi trước – trong mọi chuyến đi đều thế. Vì tôi là người gan dạ hơn tất cả. Tôi nhìn thấy cái vật lao qua đường không ra hình

thù gì cả. Lư đã rút con dao nhọn sáng xanh ánh thép ra khỏi vỏ, nắm khư khư trong tay. Tôi cũng vậy. Lư hỏi tôi giọng hơi run run :

– Hổ hay gì mày không biết à ? Con gì thế mày ?

Tôi biết Lư hơi mất tinh thần, nên cứ nói phứa đi :

– Chắc chẳng phải hổ gấu gì đâu. Tao thấy hình như là một con nai thôi. Con nai to, chứ không phải là loại nai nhỏ, là con "tua quang" chứ không phải là con "tua nạn" !

Tôi nói thế, Lư bình tĩnh lại ngay. Anh nói giọng trở nên mạnh mẽ :

– Thế thì sợ cái cóc khô gì ! Đi đi !

– Từ từ để xem thế nào đã. Không được tra dao vào vỏ – Tôi ngăn lại. Vì trong sương mù bảng lảng của một buổi sáng sớm rất khó mà nhận ra hình dáng thật của mọi vật trong rừng già đổ bóng âm u.

Cái vật gì đó có vẻ hơi dài như một con nai to, nhưng màu sắc lại không phải của loài nai. Tôi không nhận ra màu sắc cũng không nhận ra hình dáng của vật vừa lao xuống dưới đường. Tôi cảm thấy vật vừa lao xuống dưới đường có cái gì bí hiểm. Cho nên tôi tiến từng bước một. Tôi kéo Lư không cho ngó xuống cái chỗ con vật vừa lao xuống. Tôi nghĩ rằng có thể con vật vừa lao xuống dưới đường là một con hổ bị thương hoặc cũng có thể là một con gấu. Nếu đúng vậy, ngó theo sau nó, trong khi nó đang bị thương thì thật là nguy hiểm. Tôi đi một đoạn nữa thì thấy một vũng máu tươi. Máu đang thấm vào đất. Máu còn bốc hơi. Nghĩa là máu vừa mới đổ ra khi tôi thấy con vật lao xuống dưới đường. Thấy vũng máu, Lư nói :

– Đấy là con nai, người ta bắn bị thương rồi. Nó còn nằm ở dưới đường ấy. Ta lấy lên đi.

– Không lấy được. Vì không biết là con gì. Mày có thấy súng nổ đâu mà bảo người ta bắn hươu nai ? – Tôi bắt bẻ Lư.

Lư im lặng, mặt cứ dài ra, không biết nói gì, nhưng Lư định ngó xuống dưới đường. Tôi kéo tay lại. Sau này nghĩ lại tôi không hiểu tại sao mình lại làm như thế. Có lẽ vì tôi nghĩ rằng đấy là con hổ hay con gấu bị thương. Hoặc hổ vồ mồi, thấy người dắt xe lên dốc tưởng là một loài vật rất lạ, liền tha cả mồi chạy trốn xuống dưới đường. Nhưng dù sao thì cái buổi sớm mai ấy chúng tôi thật sự gặp may.

Bốn tháng sau chúng tôi quay về nghỉ hè mới biết rằng buổi sáng ấy có hai tên cướp đã giết một anh giao thông ở hạt Ben Le để cướp lấy xe đạp. Câu chuyện cướp của giết người này thật là táo bạo và rùng rợn.

VI

Đáng lẽ những năm học cấp III Lương Ngọc Quyến chúng tôi chỉ nên về quê một lần vào dịp hè. Nhưng lũ chúng tôi lại về quê mỗi năm hai lần. Đó là vào dịp hè và dịp Tết.

Chúng tôi nhớ nhà, nhớ nặng như núi, nhớ sâu trong tim, nhất là cái năm mới vào lớp tám, mới lần đầu tiên xa nhà. Cái Tết mới xa nhà ấy chúng tôi háo hức về quê đến nỗi đêm không nhắm được mắt để ngủ từ trước hôm về đến hai, ba hôm. Không ngủ được, chúng tôi rủ nhau ra đầu nhà, lên đồi sau các nhà trọ tối như mực, trời đang phơi tấm vải chàm khổng lồ ngăn cách con mắt chúng tôi với trời quê hương. Trên đầu ngàn sao lấp lánh, nhấp nháy như những đôi mắt tinh nghịch trêu đùa giễu cợt lũ chúng tôi.

Đêm khuya, tiếng côn trùng ri rỉ, tỉ tê, có lúc lại ran ran như một khúc nhạc giục giã kẻ tha hương nhớ nhà.

Xa quê, xa xứ, nhớ nhà, nhớ cha mẹ, anh em họ hàng ... đến nẫu nà ruột gan, nhưng chúng tôi lại quyết tâm phải học cho thật giỏi. Cho nên nỗi nhớ và sự học cứ đấu tranh giằng co, cưa kéo trong ruột gan lũ chúng tôi, nhiều lúc đến đau đớn ! Nhưng ý chí quyết tâm học cho giỏi của lũ chúng tôi đã chiến thắng tất cả.

Ngày ấy trường Lương Ngọc Quyến cho học sinh nghỉ Tết mười ngày. Vì có nhiều học sinh cũng xa nhà xa xứ như chúng tôi. Chúng tôi xin nhà trường nghỉ thêm mười ngày. Nhà trường thông cảm với mấy anh em học sinh người dân tộc thiểu số nên cho chúng tôi nghỉ thêm. Chúng tôi làm nước mã hồi, cố rút xuống còn bảy ngày để đi hết đoạn đường dài gần ba trăm cây số mà ngày thường chúng tôi phải đi mất chín ngày. Có như vậy chúng tôi mới được ở nhà vài hôm.

Tết với người miền núi thiêng liêng lắm, nhất là những ngày xa xưa ấy. Những người lớn, người già đi công tác tận các tỉnh miền Trung còn

tìm đường về ăn Tết nữa là ! Lũ chúng tôi dù sao vẫn là học sinh, còn nhớ bố mẹ, nhớ anh em bạn bè ... nhiều lắm. Bố mẹ chúng tôi vẫn coi chúng tôi là những đứa trẻ nhỏ, dẫu có tốn bao nhiêu tiền, các ông bố bà mẹ cũng bắt con cái về nhà ăn Tết. Mục đích là để sum họp gia đình vui vầy đón xuân. Nhưng cũng có một yêu cầu có khi còn quan trọng hơn mục đích khác, tuy chẳng mấy ai nói ra mồm ra miệng. Đó là cái phút giao thừa thiêng liêng đến nghẹt thở, những đứa con muốn học giỏi, muốn tu được nhân, tích được đức thì phải dậy thắp hương lên bàn thờ vào lúc giao thừa. Mọi người khác có thể đốt pháo, nói chuyện, canh chừng chảo trâu (vạc lớn) bánh chưng ... nhưng người con trai thông minh, lịch sự, trụ cột của dòng họ, của gia đình thì phải ngồi trước bàn thờ, mũ áo nghiêm chỉnh mà học bài vở, làm toán, viết vài câu văn, ôn vài dòng lịch sử ... Có như vậy thì mới hòng học giỏi, và mọi sự học hành mới may mắn suốt năm.

Trong khi người con trai – có thể vài người – mở sách lẩm nhẩm đọc hay hí hoáy viết thì một bậc già cả – thường là ông nội – đứng sát ngay mép bàn thờ mà thầm thì xin tiên tổ thiêng liêng hãy phù hộ cho đứa con trai được khoẻ mạnh và học giỏi hơn người. Tổ tiên có thiêng liêng thì hãy lấy ánh mắt toả hào quang dõi theo từng bước chân con cháu ở nơi xa, lấy sức mạnh thiêng liêng mọc thành chông gai sắc nhọn rào chắn cho con cháu đừng bao giờ gặp tai nạn !

Các bậc cha mẹ, ông bà tin rằng tục lệ này của người Tày từ xa xưa truyền lại rất thiêng liêng, rất có tác dụng đối với việc học hành của những người con trai. Phong tục này phổ biến hầu khắp trong các gia đình người Tày.

Vào cái giờ phút giao thừa và cả ngày mùng một Tết, người Tày kiêng kị không làm bất cứ việc gì. Người ta tin rằng ngày mùng một Tết mà đã làm việc thì cả năm sẽ vất vả nhọc nhằn. Duy chỉ có việc học là phải từ lúc giao thừa và cả ngày mùng một nếu vẫn tiếp tục học càng tốt. Các già trong bản trong mường và các bậc cha mẹ thường khuyên con cháu rằng : học hành kiên trì suốt mọi ngày tháng, suốt năm, không lúc nào ngơi nghỉ thì mới thành tài được.

Những ngày về ăn Tết tháng giêng, lũ chúng tôi "đi không biết chết là gì" ! Có khi đi đến nửa đêm mới ngủ.

Một ngày nọ, sáng sớm chúng tôi nấu cơm ăn ở chợ Phủ Thông. Ăn xong mới lên Đèo Giàng. Chúng tôi định đến thị trấn Ngân Sơn mới ăn cơm trưa. Đoạn đường từ Phủ Thông đến Ngân Sơn khoảng ba mươi cây số, không có quán bán hàng, không có cả ngôi nhà cạnh đường tiện cho việc nấu cơm ăn trong chốc lát.

Chúng tôi đi như chạy gần đến giữa Đèo Gió thì mỏi gối, chồn chân. Người nào cũng thấy bụng cồn cào, hoa mắt ù tai, chân tay bủn rủn ... Bạn Hỏn cao lênh khênh chắc là người đói hơn cả nên đề xuất :

– Vào rừng ăn quả đi các thằng mày ơi ! Nếu không thì chỉ còn nằm lăn ra đường nữa mà thôi – Vừa nói xong anh Hỏn cao to lừng lững như một dũng tướng tiến vào rừng.

– Nằm ra đường thì đến Ngân Sơn à !

– Ta cứ nằm ra đường may ra có người qua lại họ sẽ cứu !

– Nằm ra đường chỉ có chết ! Làm gì có người qua đây mà cứu !

Các bạn mỗi người một ý rồi tất cả mất hút vào rừng. Tôi chỉ gào lên theo sau :

– Các thằng mày nhớ đừng ăn mầm măng (măng còn ở dưới đất) dâu da, quả vả... mà chết đấy ! – Tôi nói.

Tôi là con nhà "rau củi". Mười tuổi tôi đã phải vào rừng kiếm củi, hái măng giúp bố mẹ. Bố mẹ và ông nội tôi dặn đi dặn lại về những thứ hoa quả, những thứ củ, thứ mầm trong rừng khi bụng "không còn hạt cơm" thì không thể ăn được ! Và, những thứ khi bụng đói vẫn có thể ăn được.

Trong rừng Đèo Gió ngày ấy vào mùa nghỉ Tết chỉ có quả vả là sẵn. Quả vả ở Đèo Gió to và chín mọng, trông đã thấy thật là mật mỡ, đầy sức quyến rũ mời mọc.

Tôi chỉ ăn một quả vả nhỏ, ở cạnh đường quốc lộ, rồi ngồi đợi các bạn. Tuy vậy tôi vẫn luôn luôn gào to :

– Ăn ít thôi, các thằng mày nhá !

Nhưng có lẽ vì quá đói mà các bạn tôi đã ăn kì no mới bò ra đường. Các bạn tôi lần lượt nhăn nhó, kêu hoa mắt, bụng trướng rồi nằm lả ra rên rỉ. Mắt mọng nước, hai mép nhểu bọt. Tôi biết các bạn đã say vả.

Ông tôi thường kể : Say vả là khó chịu nhất và chết nhanh nhất trong các loại ngộ độc hoa quả rừng sâu. Người say vả không cào cấu, giằng xé ruột gan như khi đói ăn mầm măng hay quả dâu da màu trắng ... nhưng trướng bụng, thấy trời đất quay cuồng, đầu óc nhức nhối như có ai gõ dùi đục lên đỉnh đầu, mắt tức như muốn lòi ra ngoài. Người say vả muốn nôn mà chẳng nôn được ... Bây giờ làm thế nào ? Tôi chỉ còn một nỗi khát khao là : có một người đi nương, nắm theo nắm cơm to đi qua. Nhưng giữa lưng Đèo Gió, nỗi chờ mong khao khát của tôi càng lúc càng trở nên hoang tưởng.

Có lẽ chỉ hai tiếng đồng hồ nữa là các bạn say vả của tôi sẽ vô phương cứu chữa ! Nhưng làm thế nào ? Một câu hỏi đay đi đay lại, có lúc bùng thành ngọn lửa đốt cháy đầu tôi, mỗi khi tôi nghe các bạn tôi kêu cứu. Họ kêu gào mà không ra tiếng. Họ rên rỉ như chảy máu tim tôi. Có phải tôi không thương bạn, không cứu bạn đâu ! Nhưng làm thế nào ? Đường đến thị trấn Ngân Sơn còn khoảng bảy cây số nữa. Tôi cũng đang đói hoa mắt ù tai. Nhưng tôi quyết đi về thị trấn Ngân Sơn cho dù mắt nảy đom đóm, chân muốn khuỵu xuống. Tôi luôn luôn để ý hai bên đường xem có thứ rau gì, thứ quả gì có thể ăn tạm để lấy sức. Nhưng chỉ thấy những cây vả chín mọng ! Sau khi đi được hơn nửa đường tôi mới thấy cây rau "phiắc năng" và một cây "phiắc măn" nhỏ. Tôi hái và nhai ngấu nghiến. Sau khi nhai chừng hai nắm lá rau tôi lại chạy được. Tôi đến Ngân Sơn, lòng mừng vô hạn, nhưng thở dốc không nói được ngay. Ông chủ quán cơm kiêm chủ quán trọ đã quen biết bọn tôi hốt hoảng hỏi. Có đến năm phút sau tôi mới hoàn hồn nói thều thào với ông chủ quán về tình hình lũ chúng tôi. Ông chủ quán liền đổ cho tôi vài thìa cháo. Tôi sáng mắt ra, đầu óc trở lại tỉnh táo. Ông chủ quán lấy cơm, thức ăn vào một cái "làm" (một dụng cụ đan bằng trúc rất đẹp, có quang vắt chéo để khoác) to, nhảy lên lưng ngựa phi lên dốc Ngân Sơn đến Đèo Gió cứu lũ bạn tôi.

Cái giống say vả hay say một vài loại củ quả khác như mầm măng, quả dâu da... tưởng chết đến nơi, nhưng chỉ cần nhai vài miếng cơm là lại tỉnh táo và khoẻ mạnh như chưa hề có chuyện xảy ra. Mấy miếng cơm lúc bấy giờ có hiệu nghiệm như một thứ thuốc tiên. Lũ chúng tôi rất biết ơn ông chủ quán cơm, kiêm quán trọ ở thị trấn Ngân Sơn ngày ấy. Ông là một người Hoa kiều tốt bụng.

VII

Hoãn thi một tháng, chúng tôi về nhà. Ở nhà được hơn mười ngày, bố mẹ họ hàng lại phải chuẩn bị tiền nong cho chúng tôi khăn gói lên đường trẩy thi ở "Xử Thải". Lại chín ngày đêm ròng rã trên đường dài để mong về được với "Mẹ Chữ Lương Ngọc Quyến".

Đoạn đường qua Ben Le cỏ gianh chen lẫn lau lách và những bụi cây lúp xúp, là quê hương của loài hổ.

Khoảng hai giờ chiều chúng tôi qua Ben Le. Ngay trước cửa đồn cũ của Tây và là nơi nghỉ mát của viên quan năm tỉnh Cao Bằng, một con hổ vằn "cáp tao" – loài hổ dữ – thấp thoáng qua mấy bụi cây đang tung những thứ gì lên trời vẻ như những con dê hay chó sói. Nhưng hổ sợ chó sói cơ mà ! Loài hổ rất sợ giây phải nước đái chó sói, sợ chó sói đái vào mắt. Vì nước đái chó sói có thể làm mù mắt tất cả mọi loài, kể cả con người.

Những đàn chó sói mấy chục con, có khi hàng trăm con hè nhau đái thành đường thành vệt ngang trán núi, ngang qua lõng, qua các lối đi của thú. Rồi chúng mới đi về phía đối diện của cái bẫy quỷ quái ấy. Lũ chúng lên tiếng cắn vang khắp rừng. Chúng săn, xua đuổi lùa thú chạy về phía cái bẫy nước đái mà chúng vừa giăng. Những con thú lớn như nai, hươu, lợn cỏ, hổ, gấu ... nghe tiếng chó sói cắn vang, xua đuổi thì cắm cúi chạy thục mạng, vương giây phải nước đái của lũ chúng, lập tức mù mắt. Khi đó những con thú, dù có là hổ thì cũng chỉ còn biết gào lên những tiếng khủng khiếp để chờ đợi hàm răng cứng như hai hàm răng sắt của lũ chó sói đến cắn xé da thịt của mình.

Ai đã từng xem lũ chó ăn thịt con mồi thì có khi cả tuần không ngủ được. Vì căm giận, và vì kinh sợ.

Chúng tôi dừng lại ở ngoài đường quốc lộ số ba, im lặng nhìn hổ vằn "cáp tao" tiếp tục trò chơi của nó : ngoạm con này, đến con khác, hất tung lên trời. Con này chưa rơi chạm đất, thì con khác, rồi con khác nữa lại bị tung lên trời. Tôi hét lên :

– Hổ đấy ! Rút dao ra ! Cầm chắc gậy ! – Tôi hét trước hết là để lấy tinh thần đối địch lại với "cái tinh của con hổ".

Con hổ làm cái trò đùa man dại của nó trước cửa đồn Tây cũ, cách chỗ chúng tôi khoảng gần một trăm mét. Chỗ chúng tôi đứng chính là con đường rẽ vào đồn Tây ngày xưa, khá bằng phẳng.

Người già trong bản trong mường thường dặn đi dặn lại con cháu rằng : Hễ gặp hổ thì phải hét lên ngay. Hét lên được thì mới có "tinh". Lấy "tinh người" đè "tinh hổ". Nếu không thì tình hình có thể ngược lại, rất nguy hiểm. Rằng, gặp hổ mà đã hét lên được, kêu lên được thì hổ chẳng bao giờ dám vồ người. Nhưng nếu sợ, để "tinh hổ" đè "tinh người" thì hổ sẽ ăn thịt người. Người già ở hầu khắp tỉnh Cao Bằng đều kể nhiều chuyện về mường hổ, đó là Ben Le, tức đèo Cao Bắc bây giờ. Trong đó có một chuyện sau đây nhiều người, nhiều nơi luôn luôn nhớ.

Một lần có đoàn người đi mua muối khoảng ba trăm người, đi trong đêm từ Ngân Sơn ngang qua Ben Le ra Cao Bằng. Khi qua Ben Le họ thấy một con hổ to bằng con ngựa đi bên trên tản li đường đuổi theo đoàn người. Tản li đoạn đường này trung bình cao khoảng ba mét. Cả đoàn người run sợ, chạy đến hai cây số mà không ai "kêu ra miệng" được một tiếng. Trong khi đó ai cũng đều biết, đều nghĩ : chỉ cần một tiếng kêu thôi thì lập tức mấy trăm con người sẽ đồng thanh kêu, hổ sẽ chạy. Thế mà ...

Mọi người chạy như một đàn vịt gặp rái cá. Ai cũng biết chỉ lát nữa thôi sẽ có một người vì quá sợ hoặc vì sức yếu sẽ tụt lại đằng sau và hổ lập tức sẽ vồ người đó. Hoặc có người nào ngã dúi dụi ra vệ đường thì hổ cũng sẽ bắt. Nếu hai trường hợp trên không xảy ra thì hổ sẽ phun nước bọt vào một người nào đó, hệt như con mèo phun nước bọt, phun hơi vào mặt con chó, khi chó đuổi kịp mèo !

Đuổi theo đoàn người chừng hai cây số, con hổ to vẫn chưa bắt được ai, nó liền phun nước bọt với tiếng phun hoang dại, âm vang cả rừng làm ai nấy bủn rủn, rời rã chân tay. Phải có một người xấu số nào đó rơi vào miệng hổ, đoàn người mới hi vọng thoát khỏi nanh vuốt loài chúa sơn lâm. Nhưng may mắn thay : chính cái người bị hổ phun hơi và nước bọt ấy bỗng kêu lên một tiếng – một âm thanh vô nghĩa thôi. Ngay lập tức đoàn người kêu ầm vang cả núi rừng. Hổ liền biến đi tức khắc, như có phép thần thông.

Câu chuyện "tinh hổ suýt đè tinh người" hãi hùng trên đây xảy ra khoảng chừng năm 1943. Nay có nhiều cụ hãy còn sống và kể mãi về

câu chuyện đó cho con cháu trong bản trong mường nghe. Bài học các cụ, các già rút ra sau khi kể câu chuyện trên là : hễ gặp hổ thì lập tức hét lên. Cái tiếng hét càng to càng tốt. Nếu chậm trễ để tinh nó kịp đè tinh người thì nguy hiểm.

Khi chúng tôi trẩy thi vào cấp III ở tận xứ Thái thì các bậc ông bà cha mẹ đều dặn đi dặn lại rằng :

– Khi đi qua Ben Le – qua mường hổ báo – thì dao nhọn phải cầm tay. Gậy phải cầm chính giữa (lối cầm chuẩn bị đánh của những tay võ).

Thấy hổ tung hết con chó này đến con chó khác, Phan Soong nhắc nhở :

– Kêu lên đi các thằng mày ơi !

– Để xem đã ! – Tôi nói.

Tôi nhìn lũ bạn xung quanh mình, có người mặt tái mét, nhưng tôi và thư sinh Phan Soong vẫn bình tĩnh. Con tim vẫn đập đều đều. Vì thế tôi không tin "tinh hổ" lại có thể "đè" được hồn lũ chúng tôi. Thấy lũ chúng tôi đứng lố nhố ở ngoài đường, hổ cũng dừng chơi cái trò chơi man dại của nó. Con hổ ngồi xuống, cao quá đầu người, ưỡn cái ngực rộng thênh có màu trắng hồng về phía chúng tôi. Tiếc là chúng tôi không có khẩu súng nào. Hổ nhìn chúng tôi một lúc, rồi liếm mép, hai tai nó cụm cúp đưa về đằng trước, hơi ve vẩy. Chừng một phút sau nó đập cái đuôi to bằng bắp tay, dài đến sải rưỡi xuống đất uych uych như người ta nện cây gậy lớn và nặng xuống đất. Tôi biết hổ sắp sửa tấn công chúng tôi. Tôi nhắc nhở :

– Chúng ta phải tấn công ! Các thằng mày phải dũng cảm lên.

Tôi hét lên một tiếng. Mọi người reo hò vác gậy, cầm dao tiến lên. Anh bạn Hỏn giơ cái gậy lên cao ngất ngưởng, nhảy lên hàng đầu cùng với tôi và Phan Soong. Hỏn hét còn to gấp mấy tôi.

– Xông vào đi, các thằng mày ! – Cả tám thằng ào lên một lúc.

Lão hổ chạy biến, nhanh như một ánh chớp vút vào rừng xanh, xanh ngắt. Rừng bỗng xanh hơn, lạnh hơn.

– Chó sói đấy các thằng mày ạ ! Vác mỗi người một con sang Bằng Khẩu thịt đi. – Anh bạn Hoảnh hất mái đầu rễ tre một cái, rồi vuốt một cái nữa, cả mặt mũi đều cười nói kiên quyết.

– Thằng nào ăn thịt chó thằng ấy vác ! Tao không ăn, tao không vác ! – Anh bạn cao lớn Phan Hỏn vừa cười vừa nói bô bô.

– Tao cũng chẳng thèm ! – Phan Soong cũng kiếu. Vì anh bạn thư sinh cũng không ăn thịt chó.

Tôi nhìn kĩ đống chó, có khi đến gần chục con và nói :

– Không phải chó sói. Chó nhà, chó săn đấy ! Với lại cướp mồi của lão hổ có phải là đơn giản đâu. Cướp mồi của lão thì phải chiến đấu một mất một còn với lão. Lão chúa sơn lâm vẫn ở quanh quất trong rừng kia. Hai con mắt của lão sáng như đèn, xanh như mắt mèo đang căm giận dõi theo từng bước đi của chúng ta đấy. Thèm vào ! Đi đi thôi !

– Tao chẳng biết gì về hổ lắm. Nhưng đi đi, đừng có giây vào cái lão chúa sơn lâm ! Anh bạn Hồng của chúng ta nói đúng đấy. Đi đi ! – Bằng Tập giục giã quay ra trước mọi người.

Lũ chúng tôi cũng theo sau đi ra đường quốc lộ.

Bọn chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Chúng tôi đi được chừng ba cây số – theo con đường vòng vèo, vượt bốn quả núi thì gặp một phường săn đang còn dắt theo tám con chó. Gần chục người của phường săn, người nào cũng ngơ ngác nhìn chúng tôi. Ông nào cũng định hỏi chúng tôi một điều gì đó, nhưng không lên tiếng. Hoá ra họ tưởng lũ chúng tôi là người Kinh mới ở miền xuôi kéo nhau lên miền núi để xẻ ván, đóng đồ mộc. Mãi lúc sau, chúng tôi đã vượt qua họ đến người cuối cùng thì mới có một người lên tiếng gọi chúng tôi bằng một thứ tiếng Kinh pha tạp lẫn tiếng Tày :

– Các bạn trai trẻ, trai non ơi ! Các bạn có thấy con chó nào sủa ở phía núi bên kia không ?

Tôi bỗng hiểu ra họ là chủ của những con chó bị hổ tung ở trước cửa đồn Tây cũ Ben Le. Tôi nói bằng tiếng Tày :

– Các bác đi săn thả mấy đợt chó rồi ?

– Chúng tôi thả hai lần rồi. Mỗi đợt bốn con, nhưng đều mất hút. Hình như có hổ bắt. Nhưng sao không có con chó nào chạy thoát, cúp đuôi vào dưới bụng về với chủ ?

– Đây là con hổ tinh khôn rồi ! Chó của các bác đã bị hổ cắn và tha tất cả về trước cửa đồn Tây cũ. Chúng tôi vừa mới đuổi nó vào rừng. Bây giờ chắc chắn là hổ đã ra canh giữ mồi rồi !

– Cảm ơn các bạn trai non. Các bạn rất dũng cảm.

Họ đi về phía đồn Tây cũ. Họ là phường thợ săn, săn thú lớn như lợn lòi, hươu nai... Cho nên họ mới có nhiều chó săn và thả từng đợt như vậy.

VIII

Đến khoảng năm 1956 vẫn chưa có xe khách chạy Cao Bằng – Thái Nguyên, nhưng xe quân đội, xe chở hàng hoá đã lác đác xuất hiện ngược xuôi. Những người đi bộ có thể xin đi nhờ – đi nhờ thôi, tài xế cho thì được, không thì thôi. Ngày ấy tuyệt đối không dùng tiền để mua vé hay mua tài xế để được đi xe.

Vào những năm này ở Thái Nguyên vài ngày có một chuyến xe lên đến thị xã Bắc Kạn – loại xe nhỏ, có hai mươi tư chỗ ngồi. Còn từ Lạng Sơn thì xe chỉ đến Thất Khê, dừng ở bên kia cầu Bản Trại, cách thị trấn Thất Khê vài cây số. Vì cầu bị phá trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Vì thế, lũ chúng tôi có thể đi học bằng nhiều phương tiện khác nhau. Đôi ba người có xe đạp thì đạp xe từ Cao Bằng xuống Thái Nguyên. Đôi ba người khác thì đi bộ xuống Bản Trại, mất chừng hai ngày đường bộ để đi xe khách về Lạng Sơn rồi lên tàu về Hà Nội. Từ Hà Nội thì đã sẵn xe khách lên Thái Nguyên. Hoặc đi bộ theo quốc lộ số ba phụ, gặp xe hàng, xe quân đội xin đi nhờ về Thái.

Tôi với Lư vẫn đạp xe từ Cao Bằng xuống Thái học từ năm trước. Đoạn đường gần ba trăm cây số, vượt hàng mấy chục đèo cao, dốc thẳm, chúng tôi đi chậm nhất mất hai ngày xe đạp. Có những lần vì một lí do hưng phấn nào đó, chúng tôi chỉ đạp từ bốn giờ sáng ở Thái Nguyên, tám giờ tối đã ở nhà. Cái Tết của năm học 1956 – 1957 đối với chúng tôi rất vui. Vì đó là năm học cuối cùng ở cấp phổ thông. Chúng tôi nhanh chân đạp xe về nhà ăn Tết. Định tối hôm đó ngủ ở quán trọ Ben Le, nhưng vì trong ngày có trục trặc xe đạp vài bận nên hơi bị chậm.

Trời cuối tháng đêm tối đen như trát chàm vào mắt. Chúng tôi đạp xe khá nhanh. Hai xe chúng tôi có hai đèn pha mới, loại tốt nhất, rất sáng. Không ngờ gần như cùng một lúc hai đèn pha đều cháy. Chúng tôi phải đi bộ.

Đi bộ giữa mường hổ, giữa miền đất đai hoang dã của loài lang sói thật là rùng rợn. Lư không gan hơn tôi, nên tôi cho đi trước. Người già bảo con hổ nó biết kẻ đi trước là người dũng cảm, nó không bao giờ bắt người đi trước. Hổ chỉ bắt người đi sau. Tôi không tin điều đó. Nhưng dù sao tôi vẫn sợ. Tôi đang nghĩ đến những câu chuyện rùng rợn thì dưới đường – là sườn núi rất dốc – bỗng có con gì giẫm cây khô gãy rắc rắc ...

– Cái gì thế ? – Lư hỏi.

– Trâu người ta thả rông đấy mà. Có gì mà sợ thế ! – Tôi nói to để trấn an tinh thần cả hai người.

Nhưng Lư tin là trâu thật, nên vẫn đi rất đàng hoàng. Con hổ cứ men theo dưới đường, bám riết lấy hai chúng tôi. Lâu lâu lão lại giẫm cành cây khô gãy rắc rắc ... Tôi lại bảo : đấy là lũ trâu thả rông. Bởi trên đoạn đường này thường có nhiều đàn trâu thả rông. Nhưng những đàn trâu này ban đêm đều nằm trên đường quốc lộ. Trâu nằm theo kiểu phòng thủ, chống hổ. Nghĩa là những con trâu khoẻ ngủ quay đầu ra ngoài, thành vòng tròn. Ở giữa là những con nghé. Ban đêm đi qua đoạn đường này thường gặp vài đàn trâu ngủ như thế. Chính vì thế mà tôi biết chắc chắn cái con vật ở dưới đường giẫm cây khô gãy là con hổ lớn bám theo sau chúng tôi.

Đi một đoạn chừng nửa cây số, Lư bỗng dừng lại và nói :

– Trước mặt mình hình như có vật gì cản đường !

Trời đen như mực. Nhưng tôi là người đi đêm đã quen. Lập tức tôi ngồi thụp xuống, nhìn hất lên trời. Một con hổ đứng chắn ngang đường. Cái lưng nó vồng lên như một cánh cung lớn, dài suốt ngang đường. Hổ lớn ! Tôi bình tĩnh nói :

– Bấm chuông lên !

Hai người cùng bấm hai cái chuông xe đạp. Chuông kêu rất vang. Hổ giật mình, vút lên trên tản lí. Nó rung rừng. Cả rừng già rung lên,

như một cơn lốc dữ dội đang đi qua. Chúng tôi tưởng phải có đến hàng trăm con hổ mới có thể làm được cái chuyện rung cả đại ngàn (Về sau này tôi nói lại với các già. Các già giải thích rằng : Đấy là hai thằng mày không mang số "vào miệng hổ". Thông thường thì hổ không thể vồ hai đứa chúng mày được. Nhưng cái con hổ vồng lưng, rung rừng già để doạ chúng mày là con hổ lớn, đã đói nhiều ngày. Nó doạ như thế mà chúng mày khiếp sợ, không nói được, hay là nằm lăn ra đường thì nó đã vồ rồi. Còn việc rung rừng như cơn đông to không phải là có hàng trăm con đâu. Một con thôi, có điều là cả bốn chân nó cào và hất đất đá nhanh không cái máy nào nhanh bằng).

– Hét lên đi ! Gào lên đi ! – Tôi hét khản cả cổ, rã cả cuống họng, giục giã Lư cùng tôi hò hét.

Nhưng Lư không hét được, tôi lại nói to :

– Dồn lá cây, hùn thành đống to. Cho thêm cả củi chất đống vào. Gom cả đá nữa. Càng nhiều càng tốt !

Tuy Lư không hét được, nhưng vẫn biết làm những việc tôi bảo. Hổ đang rung rừng ầm ầm như có thiên binh vạn mã của ông trời, mẹ đất đi qua, bỗng im bặt. Tôi vẫn hét và quan sát. Tôi lại ngồi thụp xuống, nghiêng đầu sát mặt đất, nhìn hất lên trời. Con hổ lớn ngồi chồm hổm chỉ cách tôi khoảng hai sải tay. Tôi vừa đứng tấn vừa giơ con dao nhọn sáng xanh ánh thép về phía lão hổ.

– Mày vào đây. Tao cắt lưỡi mày, phanh bụng mày, đem thịt mày tế thần đàn chó săn nhà tao ! – Tôi cứ hét như vậy, theo lời dạy của các già mường khi đối mặt với con hổ lớn.

Con hổ ngồi cao hơn người tôi đứng. Hổ ngồi im, tôi cũng dạng chân, đứng tấn, cầm dao nhọn thế thủ. Chừng ba phút im lặng nặng nề và khủng khiếp trôi qua, hổ bỗng phun nước bọt ào ào, xối xả như một ngọn thác đập vào mặt tôi. Cái sức gió của nó phun ra có lẽ mạnh trên cấp mười. Bởi tôi gần như không đứng vững. Nhưng tôi bỗng nhớ lời người già nói rằng : hổ phun nước bọt, thổi hơi làm cho con mồi ngã để bắt. Các già mường nói thêm rằng : nếu con mồi không đổ, không ngã sõng soài thì hổ không dám bắt. Vì thế khi hổ phun nước bọt thì phải dũng cảm mà hét lên, dùng hết sức lực của mình chống lại. Tôi cũng hét to lên và làm động tác như lao vào nó. Tôi tiến lên chừng hai

bước. Hổ lùi hai bước. Và lão hổ lại ngồi xuống. Lại im lặng. Hổ lại đứng dậy, lại phun nước bọt. Tôi lùi lại hai bước, ngửa người ra đằng sau để lấy đà nếu hổ lao vào. Nhưng khi tôi dừng lại thì hổ cũng dừng lại. Bỗng Lư cũng góp tiếng hét cùng với tôi. Tôi bỗng thấy mình bình tĩnh và gan dạ lên gấp bội. Tôi và con hổ lớn tiến rồi lại lui như vừa kể đến dăm ba lần.

Tôi bảo :

– Đốt lửa lên đi.

Lửa cháy lên. Tôi múa võ để doạ lão hổ. Hổ sợ. Hổ thoắt nhảy lên trên tản lì. Hổ lại rung rừng. Rung rừng lâu chừng năm phút. Còn tôi thì thở cho thật sâu, bởi tôi chẳng còn khiếp vía, kinh hồn lão hổ như lúc đầu nữa. Hổ lại nhảy xuống đường. Tôi lao vào. Hổ ta đứng dậy, đi giật lùi. Tôi múa dao, hoa chân tay như tấn công, áp sát con hổ. Ngọn lửa sáng rực. Cái bóng của tôi nhập nhoạng làm lão hổ sợ. Hổ ta lùi nhanh hơn. Nhưng chỉ lùi dăm bước, con hổ lại ngồi xuống cao hơn tôi từ cái tai nó trở lên. Hổ ngồi trong chốc lát lại đứng dậy từ từ tiến bước về phía tôi. Tôi săn gân bắp cầm chắc con dao nhọn sáng nhoáng ở thế thủ, lùi từng bước chắc chắn. Lư hét khoẻ hơn. Hổ ta không hiểu vì lí do gì mà không dám tấn công tôi. Tôi và hổ vờn nhau như thế chừng ba lần. Tôi bỗng hét to lên và nâng cao tốc độ như lao vào đâm hổ. Hổ sợ, nhảy xuống dưới đường. Hổ ta lại rung rừng.

– Ném đá đi. Thời cơ ta uy hiếp đến rồi ! – Tôi bảo thế.

Lư cũng đã bình tĩnh. Hai chúng tôi thi nhau ném đá ào ào xuống chỗ con hổ cào đất đá làm sôi cả rừng. Bỗng con hổ im bặt. Chắc chắn là chúng tôi đã ném trúng hổ.

– Chúng ta đi thôi. Nhưng dao vẫn cầm tay. Hổ sẽ theo ta đấy. Mày có dám giúp tao tấn công hổ không ? – Tôi nói với Lư.

– Được ! Tao cũng không sợ nữa ! – Tôi thấy Lư trả lời. Cái tiếng nói của Lư tuy còn run run, nhưng nghe ra đã bình tĩnh.

Hai chúng tôi đi. Con hổ lúc thì đi dưới đường. Lúc lại nhảy lên tản lì. Chúng tôi dắt xe theo mép tản lì mà đi. Chỗ nào tản lì quá thấp, hổ có thể với tay đến đầu chúng tôi thì chúng tôi dắt xuống rãnh đường mà đi. Lúc này tôi đã trở nên gan dạ. Tôi đã định tấn công hổ, nhưng tôi thấy làm như vậy có lẽ hơi mạo hiểm. Tôi lại thôi.

Đi chừng cây số thì mất bóng hổ. Và cũng đã gần đến mấy nhà trọ dân dã ở Ben Le. Tôi bước vào một cái quán trọ có hai con chó khá dữ.

– Bác chủ giữ chó cho tôi mấy nhé ! – Lần nào tôi cũng gọi như vậy mỗi khi bước vào quán.

Hai con chó thường khi vẫn xông đến, cắn ầm ĩ. Nhưng hôm nay hai con chó cúp đuổi chạy vào gầm giường.

Bà chủ hốt hoảng lên tiếng :

– Có lão già rừng thẩm rình rập quanh đây hay sao đó. Hai con chó cúp đuổi chui vào gầm giường rồi.

Tôi nói với bà chủ quán :

– Chẳng có hổ nào rình đâu bà ạ ! Hai chúng cháu vừa đánh nhau với hổ ở trước cửa đồn Tây cũ đấy.

Bà chủ quán kinh ngạc. Bà vặn ngọn đèn bão to lên. Bà kêu :

– Cháu bị hổ phun rãi rớt, nước bọt của nó ướt khắp người rồi. Ghê quá ! – Bà chủ quán đã có tuổi, nói giọng như than lại như cầu xin thần Phật.

Tôi mới nhìn xuống mình. Cả hai bộ quần áo tôi mặc trên người đều ướt nhèm rãi rớt hổ, đính bết vào người, mùi tanh tưởi. Tôi đi thay quần áo.

IX

Đường về với "Mẹ Chữ Lương Ngọc Quyến" thật gian nan vất vả và đầy kinh hãi. Bao nhiêu đèo cao, dốc thẳm, rừng rậm, suối lũ, khe sâu ... đối với lũ chúng tôi đều là chuyện thường. Những chuyện cướp đường, chống hổ báo ... chúng tôi cũng cho là việc nó phải thế ! Sau mỗi lần trải qua nguy hiểm, cực nhọc, nhiều đứa trong lũ chúng tôi lại thở dài như ngọn gió xuôi theo thung lũng, buồn như những áng mây xám giữa buổi bình minh. Nhưng câu nói ngao ngán, chán nản, đáng lẽ không được nói ra, nhưng tự nhiên lại buột miệng :

– Về nhà đi thôi các thằng mày ơi ! Học với hành làm gì cho lắm. Lần nào đi về với "Mẹ Chữ" cũng vất vả gian nan.

Lúc ấy, lập tức lại có tiếng nói khác cứng rắn hơn đáp lại :

– Các thằng mày đừng bàn lùi ! Các cụ ta chẳng thường nói mỗi chữ đáng một phân vàng là gì. Học được thêm một chữ là chúng ta tích được thêm một phân vàng cho chính đời ta. Thôi xin đừng nói đến gian lao vất vả với hiểm nguy nữa. Bởi người Tày chúng ta có câu lượn rằng :

Đời nghèo anh vẫn cố học
Nghèo cơm thì khó nhọc chân tay
Nghèo chữ hồn lắt lay như đèn trước gió
Người giỏi chữ rộng đường suy nghĩ
Người mù chữ nghĩ bí lỗ trôn kim

Và thế là chúng tôi động viên nhau đi học, cố đi về với "Mẹ Chữ" ở tận xứ Thái. Chúng tôi vượt qua bao gian nan vất vả đường trường. Chúng tôi gặp bao chuyện bất ngờ không sao quên được.

Ví như chuyện về những con rết hổ khủng khiếp. Người già kể rằng : Ở rừng già đại ngàn, thường có những con rết to bằng cái mái chèo, dài đến sải tay. Chúng tôi nghĩ : đó là những câu chuyện "ngày xửa ngày xưa". Không ngờ trên đường đi về với "Mẹ Chữ" chúng tôi đã thấy tận mắt và vướng vào vòng gian nguy thực sự.

Ngày xưa – theo các già thường kể – ở những đoạn đường rừng già người ta thường làm những công việc tích đức. Họ nuôi những con gà trống ở hai đầu đoạn đường hay có rết hổ đi qua. Người qua đoạn đường ấy phải xách con gà trống theo, có ròng một dây dài buộc một chân của con gà. Hễ thấy rết hổ tấn công người ta lập tức thả gà trống ra. Gà trống không mổ chết được con rết hổ. Nhưng thế nào cũng mổ chết ít nhất là một con rết con. Còn con rết hổ to lớn và khủng khiếp thì chạy trốn ngay tức thì, khi thấy con gà trống mào đỏ rực xuất hiện.

Rết hổ kéo đàn kéo lũ hành quân qua rừng, qua núi, tiếng vang ào ào như một trận mưa rào. Nhưng khi rình mồi lũ rết ghê hồn lại nằm im thin thít. Một con rết hổ to bằng mái chèo, dài bằng sải tay, có hàng trăm rết nhỏ đi theo. Bao giờ cũng vậy. Người ta bảo những con rết nhỏ là con của rết hổ hay còn gọi là rết chúa. Có người lại bảo rằng hàng trăm con rết đi theo rết chúa là quân lính của rết chúa. Nói là rết con,

nhưng mỗi con to bằng hai ngón tay người chập lại, bằng chiếc đũa cả ghế nồi cơm. Mỗi con dài có lẽ cũng đến gần nửa sải tay.

Người và trăm con vật khác, dù to lớn như hổ, như gấu bị rết hổ cắn đều chết tức khắc. Nhiều người già từng thấy rết hổ cắn những con gấu, con hổ lớn. Con rết mà ngoạm vào chân con vật, con vật đau buốt đến tim óc, đổ xuống như một cột đá. Lập tức hàng trăm con rết con bâu vào cắn và ăn thịt con vật trong chốc lát chỉ còn bộ khung xương và bộ lòng. Người già bảo hai thứ đó lũ rết hổ không bao giờ ăn đến.

Nếu chẳng may người bị rết nhỏ của đàn rết hổ cắn thì không chết, nhưng chân tay co quắp. Các già bảo nọc của lũ rết hổ độc khủng khiếp.

*
* *

Các già cũng thường kể rằng rết hổ sợ gà trống. Nhưng gà trống thường chẳng bao giờ dám mổ con rết chúa. Vì chúng to nhường ấy. Mọi con vật trong rừng đều sợ rết hổ. Nhưng cũng theo các già thì rết hổ lại đặc biệt sợ một loài cáo nhỏ, chỉ to bằng con mèo. Người Tày gọi loại cáo này bằng cái tên thân mật là "hân gà". Loại cáo "hân gà" rất thích ăn rết. Hình như cả đời loại cáo này chỉ chuyên đi săn rết rừng.

Có một lần – hình như chúng tôi đang học lớp chín thì phải – tôi với Lư đi xe đạp về quê. Chúng tôi đang lao vun vút xuống đèo Giàng. Đèo Giàng ngày ấy rừng âm u, che ánh sáng tối cả trời. Đường nhỏ, đá rải đường lổn nhổn, lại có nhiều tuốc-năng ngoắt ngoéo. Suốt chiều dài con đèo về phía bắc khoảng bốn cây số, chỉ có hai khúc ngắn trải cát mịn, có thể phóng xe, uốn lượn theo các lối gấp khúc. Lư đi trước tôi, đang thả phanh vèo vèo trên đoạn đường có cát mịn. Bỗng tôi thấy Lư hét lên. Tôi không nghe rõ tiếng Lư. Vì chúng tôi xuống đèo bao giờ cũng cách xa nhau, để tránh tai nạn. Tôi không biết Lư kêu cái gì, việc gì, nhưng tôi thấy Lư co hai chân gác lên ghi đông. Cái động tác ấy chỉ là động tác khi xe đạp sắp ăn qua một con rắn nằm ngang đường. Tôi quan sát, không thấy rắn đâu cả. Nhưng tôi lập tức thấy con rết hổ hay là rết chúa mà tôi từng nhiều lần nghe các già quê tôi kể chuyện, như nghe chuyện cổ tích. Tôi vội vàng phanh xe đứng giữa đường. Khi đó

Lư cũng lượn xe theo đường gấp ở ngay phía dưới điểm tôi vừa phanh xe. Lư hét lên :

– Rết hổ đấy ! Cắn chết đấy ! Nhảy lên xe, cho chân lên ghi đông rồi phóng ...

Nhưng tôi nhớ các già ở quê tôi kể rằng rết hổ có thể nhảy xa đến hai sải tay và cắn vào cổ người hay cổ những con vật to. Tôi thấy lũ rết không lao xuống dưới đường, mà lũ chúng, một con to bằng mái chèo và hàng trăm con bằng những chiếc đũa cả, tất thảy đều ngóc đầu lên nhìn về phía tôi. Tôi lập tức quay xe chạy lên dốc. Cố nhiên tôi đem hết sức mình chạy cho thật nhanh. Lũ rết chạy đuổi theo tôi mỗi lúc một nhanh. Nhất là con rết chúa vừa chạy, vừa nhảy từng đoạn. Nó văng mình như một chiếc khăng với cái mào bầm máu. Từ chỗ ấy mà chạy ngược lên đèo phải đến hơn hai cây số nữa. Như vậy nguy hiểm, vì chạy ngược dốc rất mệt. Tôi mới chạy được hơn nửa đoạn đường dốc đã thấy mệt rã rời. Chân như muốn khuỵu xuống. Tôi định bỏ xe đạp trèo lên cây và dùng dao chém nếu chúng bò lên. Nhưng dù sao tôi vẫn khiếp sợ. Tôi cố chạy. Con rết chúa đi đầu, và cả đàn rết mỗi lúc một rút ngắn khoảng cách giữa tôi với chúng. Khi chỉ còn cách con rết chúa khoảng mười mét, trước mặt tôi có cái cây dễ trèo. Tôi định trèo lên cây thì bỗng từ dưới đường ào lên một đàn "hân gà" mười mấy con. Trong đó có hai con to hơn con mèo. Tôi biết đó là hai bố mẹ của lũ con "hân gà". Một con "hân gà" to lao vào ngoạm con rết chúa. Nhưng rết chúa khoẻ hơn, nó lao được xuống dưới đường. Cả đàn cáo cắn đàn rết trăm con chết tơi bời. Lũ "hân gà" ăn đàn rết rau ráu, hết sức ngon lành. Tôi bỗng ngồi xuống như là lạy tạ lũ cáo "hân gà". Tôi ngồi im như một cột đá. Vì nếu động đậy, lũ "hân gà" sợ chạy mất.

Tuy vậy, đàn rết hổ vẫn thoát được có khi đến nửa. Lũ "hân gà" ăn thật nhanh rồi chúng kêu kít kít ... ào xuống dưới đường. Chắc là chúng tiếp tục săn lùng đàn rết. Thật là gặp may. Tôi là người không duy tâm, nhưng tôi đã tự gọi hồn mình cho đến khi xuống hết đèo Giàng dài đến năm cây số nếu tính cả đoạn dốc thoai thoải ở dưới chân đèo.

X

Lũ chúng tôi đi thi cấp III, ruổi đường dài, xa xứ xa quê, cho nên các bậc ông bà, cha mẹ chuẩn bị cho lũ chúng tôi thật chu đáo với khả

năng của từng nhà. Trong hành trang của nhiều đứa có một thứ hết sức đặc biệt. Đó là hòn sỏi của quê hương. Các bậc ông bà cha mẹ đi xuống suối hay sông tìm một hòn sỏi bằng quả nhót có hình dáng, màu sắc đẹp đưa cho người xa xứ là chúng tôi và dặn rằng :

– Đây là hòn sỏi của "nặm mường" xứ sở. Nó chứa cái hơi, chứa ánh sáng mặt trời, chứa cái khí của quê hương, của non nước xứ sở. Mỗi khi đun nước uống hay nấu canh các con hãy bỏ hòn sỏi này vào. Cái hơi của hòn sỏi, cái thần khí non nước quê nhà sẽ giúp các con khoẻ mạnh. "Nặm mường" quê hương sẽ tiếp sức cho các con. Nó là một hòn sỏi nhỏ bé, nhưng nó chứa cả thần khí của non nước quê hương.

Từ ngày bố mẹ họ hàng tôi bàn cách cho tôi đi học tận xứ Thái thì ông nội tôi đã đi tìm hòn sỏi cho tôi mang theo. Sau ba tháng tìm kiếm, ông nội tôi chọn được một hòn sỏi có hình quả nhót màu hồng, gân tía, ánh sắc biếc xanh. Một hòn sỏi kì diệu. Nó đẹp hơn các hòn sỏi của lũ bạn tôi.

Tôi cùng một vài bạn trong bọn tôi giữ gìn những hòn sỏi rất cẩn thận. Tôi coi hòn sỏi ấy là một kỉ niệm thiêng liêng, nhất là khi ông nội tôi đã qua đời.

Cho đến mãi sau này, tôi vẫn gói chín lượt vải chàm, mười hai lượt vải trắng bao bọc lấy hòn sỏi rồi cất vào tủ đứng ở nhà. Nhưng chiến tranh biên giới năm bảy chín, lũ giặc đã phá tan cái tủ và lấy đi tất cả. Chúng lấy cả hòn sỏi của tôi. Chắc chúng tưởng đó là một viên hồng ngọc. Cố nhiên với tôi thì hòn sỏi đó còn quý hơn cả một viên hồng ngọc.

Có một lần bạn tôi nấu cơm, không hiểu vì lí do gì đó không bỏ hòn sỏi vào nồi canh mà lại bỏ vào nồi cơm. Tôi nhai phải làm một chiếc răng hàm mẻ đi một lớp mỏng, to bằng hạt gạo. Răng không đau, nhưng mỗi khi đưa lưỡi vào cứ thấy cái chỗ mẻ nó ram ráp. Tôi thường hay đưa lưỡi vào chỗ cái răng mẻ cách đây ba mươi chín năm. Mỗi lần như vậy tôi lại nhớ đến hòn sỏi và nhớ đến những lời dặn dò tha thiết của ông nội tôi.

Tôi dạy học ở Hà Nội vài năm rồi chuyển về trường Đại học Sư phạm Việt Bắc đất Thái Nguyên. Nhớ đến những kỉ niệm ngày xưa, nhớ đến hòn sỏi thiêng liêng tôi lại về quê, bỏ ra những ngày tháng hè để

tìm một hòn sỏi đẹp. Cuối cùng tôi cũng tìm được một hòn có màu sắc óng ánh của dòng sông Bằng Giang nhưng còn kém xa vẻ đẹp của hòn sỏi ông nội tôi cho. Tuy vậy tôi vẫn gói chín lớp vải chàm, mười hai lớp vải trắng bao ôm lấy hòn sỏi đó. Tôi lại bỏ nó vào cái tủ của nhà tôi ở thành.

Lời bình

Câu chuyện tái hiện lại một không gian miền núi vùng Đông Bắc nước ta ở những thập kỉ giữa thế kỉ XX. Tất nhiên hồi đó chưa có đường quốc lộ như bây giờ, chỉ có rừng với rừng, ngút ngàn, hoang sơ và bí hiểm với tiếng gầm gào vang động của loài hổ dữ, những tiếng tru ghê sợ của bầy sói, những tiếng nai tác cô đơn, rồi âm thanh của ngàn vạn con chim hót, rồi hình ảnh của lũ cầy cáo, của đàn rết hổ mà con "rết chúa to như mái chèo, dài bằng sải tay" ... và cây, miên man là cây. Rừng đại ngàn âm u cành lá ken nhau dày như mái nhà, có những cây đại thụ nghìn năm tuổi, có rừng nứa mọc dày như mạ ... và những chùm trái cây rừng sum suê, đỏ mọng, mời gọi ... Ngày nay khi mà những cánh rừng mỗi ngày lại khăn gói ra đi vì sự ruồng rẫy phũ phàng của con người thì chúng ta chỉ còn được đến với rừng qua những trang văn như những trang văn đầy hình ảnh, đậm chất thơ này của Vi Hồng. Đọc văn Vi Hồng ta lại thấy nhớ, thấy tiếc cho một thời đã qua rừng với người còn là bạn, rừng bao dung che chở, nuôi nấng con người. Thế mà nay ...

Nhưng đấy mới chỉ là một phần của chủ đề chính của tác phẩm.

Cái tên chuyện ***Đường về với Mẹ Chữ*** *gợi sự tò mò, đọc hết truyện ta mới thấy cái tên ấy thật đúng thật hay với nội dung câu chuyện kể về những cậu học trò nghèo mà chí lớn ở tận Cao Bằng đi bộ vượt trên dưới ba trăm cây số đường rừng, qua bao hiểm nguy để về Thái Nguyên "học chữ". Theo quan niệm của người Tày thì trường học là nơi sinh ra cái chữ dạy người ta lớn khôn nên trường học được gọi là* ***Mẹ Chữ****. Cách gọi tên thật thiêng liêng và giàu ý nghĩa, vừa đề cao được ý nghĩa của việc học hành, nói lên giá trị của học vấn, tri thức lại vừa nói được*

sự hiếu học của một vùng đất nghèo. Hồng (người kể chuyện thời đi học) và các bạn thực sự là những tấm gương sáng về tinh thần vượt khó, về sự ham học, về tình bạn, về lòng dũng cảm, về lí tưởng, ... và nhất là tấm lòng gắn bó với cội nguồn quê hương. Họ rời quê hương đi "học cái chữ" mà lúc nào hình ảnh quê hương cũng theo họ. Mỗi bữa cơm xa quê, những đứa con của "nặm rừng" đều bỏ một hòn sỏi của núi rừng quê nhà vào nồi canh, ấm nước để "uống" cái "thần khí" non nước tổ tiên mình. Một bài học về tình yêu quê hương đất nước thật cụ thể, sâu sắc, thấm thía và cảm động biết bao !

Một truyện kí nhỏ, gọn, đọc hết mà cứ muốn đọc nữa. Truyện rất thật, thật đến từng chi tiết mà sống động, giàu chất tạo hình, có cảm giác tác giả cứ như "chụp ảnh" lại từng cảnh đoạn trong quá khứ. Ta cứ muốn Vi Hồng viết một truyện dài mang tên ***Núi rừng Việt Bắc*** *như kiểu nhà văn Đoàn Giỏi viết* ***Đất rừng phương Nam****, vì ông đủ vốn sống, tài năng và tâm huyết để viết. Nhưng tiếc thay, ông mất sớm. Một người con yêu của núi rừng Việt Bắc, một tài năng văn học đã ra đi ...*

Nguyễn Thanh Tú

Ma Văn Kháng

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Đinh Trọng Đoàn. Sinh ngày 1 tháng 12 năm 1936.

Quê quán : Phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản : *Đồng bạc trắng hoa xoè* (tiểu thuyết, 1979) ; *Vùng biên ải* (tiểu thuyết, 1983) ; *Trăng non* (tiểu thuyết, 1984) ; *Mưa mùa hạ* (tiểu thuyết, 1982) ; *Mùa lá rụng trong vườn* (tiểu thuyết, 1985) ; *Côi cút giữa cảnh đời* (tiểu thuyết, 1989) ; *Đám cưới không có giấy giá thú* (tiểu thuyết, 1989) ; *Chó Bi, đời lưu lạc* (tiểu thuyết, 1992) ; *Ngày đẹp trời* (truyện ngắn, 1986) ; *Vệ sĩ của Quan châu* (truyện ngắn, 1988) ; *Trái chín mùa thu* (truyện ngắn, 1988) ; *Heo may gió lộng* (truyện ngắn, 1992) ; *Trăng soi sân nhỏ* (truyện ngắn, 1994) ; *Ngoại thành* (truyện ngắn, 1996) ; *Truyện ngắn Ma Văn Kháng* (tuyển tập, 1996) ; *Vòng quay cổ điển* (truyện ngắn, 1997).

Giải thưởng văn học : Giải thưởng loại B Hội Nhà văn Việt Nam 1986 (tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn)* ; tặng thưởng của Hội đồng văn xuôi Hội Nhà văn Việt Nam 1995 (tập truyện ngắn *Trăng soi sân nhỏ).*

HOA GẠO ĐỎ

Khi những người U Ní ở vùng biên sau mấy tháng trời đông giá, ngồi trong nhà đánh cuốc, sửa dao, đan lát bước ra khỏi căn nhà đất dày kín như cái kén, đặt vai vào cổ trâu, đi những đường cày đầu tiên, hoặc rủ nhau đi bán công khắp các nơi trong vùng thượng huyện Bát Xát thì hoa gạo bắt đầu nở.

Khắp đất nước, có lẽ không ở đâu hoa gạo có cung màu đẹp tuyệt như ở đây. Ở đây, trời xanh trong vắt, thanh lọc đến kì hết vẩn bụi và mắt người như nhìn thấu tới tận cõi vô cùng. Ở đây, sau một mùa đông giá lạnh, xo ro, cây bung nở hết mình cái sức tích tụ bao tháng ngày.

Suốt một rẻo biên giới, trên những nương lúa đã bỏ hoá, hoa gạo rừng rực cháy đỏ một vệt dài tít tắp. Ngắm nhìn cảnh trí tự nhiên ấy, chạnh nghĩ tới sự xếp sắp cố tình của con người, ta không khỏi bàng hoàng trước các ngẫu hứng tài tình của thiên nhiên, cây cỏ cũng muốn tham gia vào đời sống nhân sinh. Biên giới không chỉ hoạch định bằng cột mốc nhân tạo. Và như vậy, những hạt gạo đuôi xoè lông tơ từ một miền nảo miền nào theo gió phát tán tới đây, giống như một hiện tượng chim đậu đất lành, lại như là một hành vi có ý thức hẳn hoi trong việc góp phần xác định ranh giới quốc gia.

Đất đai vắng vẻ, rộng dài, thật là thung thổ thích hợp với loài gạo. Ưa hạn, chịu sáng, thích nghi với mọi khắc nghiệt, nên đến mùa xuân này thì gạo đã thật sự là những hàng đại thụ, thân hai ba người ôm, nghềnh ngàng cành nhánh vùng vẫy, đơm hoa bừng sáng cả một vùng trời miền biên viễn này. Chẳng có thứ cây nào mà lại hào phóng sắc đỏ đến thế. Và hoa thì vừa đỏ vừa lực lưỡng đến thế. Bằng cái cốc vại một, mỗi bông dậu trên cành trông chẳng khác một đốm lửa. Cả ngàn đốm lửa như thế suốt cả ngày phấp phới vẫy gọi những đàn sáo từ xa đến thưởng ngoạn vẻ đẹp của chính mình. Bọn sáo vô tư, líu lo, nhảy nhót, đôi lúc đã vô ý làm rụng một bông hoa. Nhưng hoa chỉ thoáng giật mình tí chút thôi, trên đường rơi nó đã kịp thời lấy lại thế cân bằng và quay tít như cái chong chóng năm cánh hoa dày.

Ông Lý A Lừ, người làng San Cha Chải áp sát quả núi cao có cột mốc biên giới, cứ vào mùa hoa gạo nở, là vác cái rìu, đeo con dao, tạm biệt bà vợ trẻ, ra đi. Ông Lừ đi làm thuê. Như tất cả những người ở vùng cao heo hút nghèo đói này, cấy lúa xong là đem thân đi đục đá, phá ruộng, xây nhà, thu hái lâm sản thuê, cho tới tháng mười, vào vụ gặt, ông Lừ mới quay trở về làng, lúc ấy cũng là lúc cây gạo trụi lá.

Thời gian để lại dấu chân trên cây gạo.

Với ông Lý A Lừ hiền lành, chất phác và khắc khổ, cây gạo còn có một mối liên hệ gắn bó hơn. Xưa rày cây gạo là loại cây cho thứ gỗ

kém cỏi lắm. Bộp, đến mức cho vào bếp người ta cũng chê là chỉ tổ khói. Nhưng thật không thể ngờ, đến mùa xuân này bỗng nhiên gạo trở thành một đối tượng kiếm tìm. Thì ra đã có một phát minh xẻ ván, cho xuống nước ngâm, ngâm lâu đến mức tưởng như gỗ cứng đến mấy cũng phải mủn ra, rồi mang lên phơi, một nhà chế biến gỗ đã làm thử như vậy thì ôi chao, như có phép lạ, thứ gỗ bộp nọ liền biến thành một loài tứ thiết, đã không biết cong vênh là gì lại còn rắn đanh đến mức đinh tây đóng vào cũng bị nhụt !

Nhà chế biến gỗ nọ là người hàng năm vẫn thuê ông Lừ hạ cây, xẻ ván, đem chuyện nọ ra kể. Ông Lừ kêu :

– Thế thì lên làng tôi. Làng tôi nhiều cây gạo lắm.

– Có to không ?

– Không biết nó mọc từ bao giờ. Tôi nghe các cụ già kể : từ thời lập quốc, cây gạo bắt đầu mọc rồi. Giờ to lắm.

– Vậy thì vụ xuân tới tôi sẽ lên và bác làm giúp tôi nhé.

Vụ xuân này chính là vụ hạ gỗ đã hẹn hò đây.

Nhưng, tiếc thay cuộc hẹn hò mùa xuân của người thợ chặt hạ và nhà chế biến nọ đã không thực hiện được. Hôm ấy, vừa quay vào đóng cửa, ông Lý A Lừ đã nghe thấy tiếng mõ gỗ, mõ tre khua động từ nhà lí trưởng Tráng Vần Đa. Đó là mõ gọi họp toàn thể dân làng. Chẳng còn cách nào, vốn người gắn bó với việc làng nước, ông Lừ đành bước vào nhà cất rìu, dao, rồi đi đến nơi hội họp, tức cái *bãi chơi* ở đầu làng. Trong cái lều nhỏ ở giữa *bãi chơi* nọ, ông Lừ nhìn thấy lí trưởng Tráng Vần Đa mặc cái áo dạ xám, đội mũ lưỡi trai dạ đen đang đứng với mấy người lính lệ mới từ huyện về. Người làng lục tục đến. Người đến trước ngồi trên những tảng đá nổi. Người đến sau ngồi trên cái đu quay, trò chơi còn sót lại từ ngày hội *gà ma thú* của cả bản.

– Mọi người đến đủ cả chưa ?

Sau câu hỏi, lí trưởng Đa bước ra khỏi lều, chống tay lên sườn, cố tình làm cho uy nghi và bệ vệ, để hợp với lời nói hách dịch :

– Cả làng nghe cho rõ mà theo mà làm. Mùa này từ hôm nay, trai làng, ông già không ai được đi bán công nơi xa nữa. Huyện vừa có giấy sức về đây. Việc này hệ trọng hơn mọi việc. Vua nước An Nam ta sắp

vào thăm bản ta, tổng ta. Bởi vậy, làng phải cắt cử người sửa đường, sửa cầu, và ra huyện khiêng rước kiệu Đức Kim Thượng về.

Ngừng một lát, ông lí trưởng tiếp :

– Nào, nghe rõ cả chưa ? Giờ, về sửa soạn. Nhất là trai đinh. Ở nhà, có lệnh gọi là đi luôn đấy !

*

* *

Là người đi bán công xa nhất bản, đã từng làm việc với người Kinh, chính là nhà chế biến gỗ nọ, nên bếp lửa nhà Lừ từ hôm ấy đông người tới hỏi han trò chuyện nhất.

– Vua là thế nào, ông Lừ ?

– Vua là người to nhất nước An Nam mình.

– Tôi cứ nghĩ, ta chỉ có một ông vua là Tráng Vần Đa.

– Ông Đa là vua cái nước nhỏ San Cha Chải ta thôi.

– Còn nước An Nam ta ?

– Ối ! Tôi đi ra huyện mất hai ngày đường. Người Kinh từ dưới xuôi lên mua gỗ đi từ kinh đô lên bằng tàu thuyền, bằng xe ngựa tới huyện này mất hơn nửa tháng. Như vậy, tính từ hàng cây gạo trên núi...

– Sao lại từ hàng cây gạo ?

– À, ở chỗ cây gạo mọc là chỗ bắt đầu của nước ta. Ông giời gieo xuống thứ cây hoa đỏ ấy là để đánh dấu, để ta dễ nhớ mà. Từ đó đến huyện, tôi mới tới đó thôi, mất hai ngày đường. Rồi ra nữa ... ra nữa, ngày qua ngày, tuần qua tuần ... cuối cùng nghe nói là ra đến biển.

Mọi người cùng ngẩn ra. Câu nói của người đàn ông đã ra tới huyện vẽ một khoảng rộng mênh mông, chẳng biết đo bằng gì, chỉ hình dung ra bằng những ngày những tuần đi dằng dặc từ đầu này là màu đỏ hoa gạo đến thăm thẳm xa xăm ngoài kia là sóng biển xanh xanh trùng trùng. Một đất nước như thế là rộng, là đẹp. Và San Cha Chải nơi có cây gạo mọc đánh dấu, nên nó đúng là đất của Vua. Vậy nên Vua xa giá tới viếng thăm là phải rồi.

Làng sửa soạn đón Vua thật náo nhiệt. Đường dài mấy chục cây số qua rừng gianh, rừng nứa phải phát quang. Hai cây cầu gỗ trôi từ mùa lũ năm ngoái phải bắc lại. Lại thêm lan can, để nhỡ Đức Kim Thượng nảy ý thích xuống kiệu đứng ngoạn cảnh còn có chỗ vịn. Thôn xóm, sạch sẽ. Trâu bò đuổi hết lên rừng. Nhà nào cũng cố tìm mua đèn lồng đỏ, treo hai cái như má con gái, ngoài hiên. Người nào việc ấy, phấn chấn hẳn lên. Riêng ông Lý A Lừ thì phấn chấn hơn hẳn người khác. Bởi vì, ông và ba tráng đinh nữa được lí trưởng Đa cắt cử ra tận huyện để vừa là dẫn lộ vừa là theo hầu Vua, thậm chí khiêng nước kiệu Vua vì có thể Ngài không quen cưỡi ngựa.

Ông Lừ mừng lắm. Biết mặt Vua trước mọi người là một vinh dự, lại còn được theo chân Vua mấy ngày trời nữa thì thật là vinh hạnh không thể mua được bằng vàng. Sung sướng, ông Lừ sửa soạn quần áo, khấp khởi đợi chờ. Càng khấp khởi, bồn chồn hơn khi ông và ba người nữa được cắt cử đi, đón Vua lần này được chính lí trưởng Tráng Vần Đa báo tin : nhà vua đã bắt đầu lên đường.

Ngày qua, San Cha Chải và ông Lừ dõi theo bước chân của Đức Vua. Tháp tùng ngài có các quan đại thần. Còn có cả thợ mộc, thợ nề, kén tuyển từ các làng nghề. Vì lần kinh lí này ngài còn muốn sửa sang bờ cõi, tu bổ các cột mốc đường biên. Ngài đã tới Việt Trì. Tới đây, ngài bỏ xe ngựa xuống thuyền. Ngài đã ngự thuyền rồng tới địa hạt tỉnh Phú Thọ. Thuyền của ngài sắp ngược dòng tới tỉnh lị tỉnh Yên Bái ... Ngài sắp ... Ngài đã ...

Cuối cùng con ngựa hồng như ánh lửa cháy rần rật một chiều nọ phi tới làng và hôm sau ông Lý A Lừ cùng ba xuất đinh nữa, mỗi người một cái gậy dài vác vai, rời San Cha Chải ra huyện. Mặt mũi ai nấy đều hớn hở khác thường. Lí trưởng Tráng Vần Đa tiễn họ ra tới *bãi chơi* đầu bản và nhắc lại một lần nữa cho dân làng biết : bốn người này xuống huyện là để cùng quân lính dưới đó rước kiệu Đức Vua về San Cha Chải và như vậy San Cha Chải, ngọn núi, mảnh đất, cái cột mốc xa xôi nhất sắp được hưởng một ân sủng không gì sánh nổi.

Mải miết trong hào hứng bất chấp cả lúc sớm bừng, khi tối trời dễ bị thú dữ làm hại, đi liên tục, cuối cùng ông Lý A Lừ và ba người đàn ông nọ đã vượt trước thời gian. Chiều thứ hai của cuộc hành trình họ đã tới huyện lị. Mệt nhọc nhưng cả bốn đều rất phấn khởi. Đi qua phố

huyện, họ nhận ra vẻ khác thường của bầu không khí cô tịch vốn có ở nơi này. Trước cửa nhà nào cũng treo đèn lồng, kết hoa giấy. Đường sá đã được quét dọn sạch sẽ, phong quang. Bốn người được một người lính đón tiếp và dẫn đến một nhà trọ ở cuối phố.

Sáng sớm hôm sau, ông Lý A Lừ và ba người nọ vừa trở dậy thì người lính nọ tới. Bây giờ mới trông rõ ông ta. Vóc thấp, vai vuông, chân nhỏ quấn xà cạp, nên hai bắp trông như hai cái bắp bi. Mặt ông quê mùa, cũ kĩ, lại có mấy nốt rỗ hoa, trông vừa buồn tẻ vừa khôn ngoan.

– Nào, đi sớm không nắng.

Người lính nói. Ông Lừ săn đón :

– Đi khiêng Đức Ngài ạ.

Người lính nhướng hai con mắt nhỏ một mí, vẻ khó hiểu :

– Các người ở San Cha Chải ?

– Vâng.

– Người U Ní chớ gì ?

– Vâng.

– Dân U Ní khiêng, địu thì nhất rồi. Địu bằng trán có phải không ?

Ông Lừ ngơ ngơ, bụng nghĩ mờ mờ tỏ tỏ, lại nhìn người lính, rụt rè :

– Đi khiêng Đức Vua ạ ?

– Thì đi !

Người lính xẵng, rồi phất tay ra hiệu bảo họ đi. Bốn người San Cha Chải cum cúp đi theo người lính. Quanh quanh, ngoặt ngoặt mấy lần, họ đến trước một túp lều gianh, cửa liếp còn khép. Chả lẽ Đức Vua ngài ở đây ? Ông Lừ ngơ ngác, chực hỏi, thì người lính đã chống nạnh, giục :

– Đức Vua của các ông ngự ở trong ấy. Đẩy cửa vào khiêng đi ! Nhanh lên !

Ông Lừ đặt tay vào cánh liếp, vừa hồi hộp vừa sợ hãi. Sao lại có thể như thế này được nhỉ ? Đến như ông Tráng Vần Đa, Vua San Cha Chải,

cũng không ở cái túp lều tối tàn như thế này. Một là ông nghe không thủng câu nói của người lính, hai là người lính độc bụng, định đưa ông vào bẫy mắc tội phạm thượng. Nghĩ vậy, nên ông Lừ rụt tay lại. Nhưng thật không may cho ông, cánh cửa liếp khép hờ hững lại có chiều hướng ngả vào bên trong, nên chỉ cần chạm khẽ vào là nó đã oẻ ra, ẽo ẹt một tiếng dài.

Hai cánh cửa mở một khoảng tối mờ. Bị chi phối bằng một đức tin và niềm sùng kính chất phác, ba người đàn ông và ông Lừ vội quỳ sụp xuống, chắp tay vái liền ba vái. Người lính bật lui trở lại, thoạt đầu bưng miệng cười, nhưng thấy thái độ thành kính chân thực của bốn người nọ, vội ngậm miệng, đứng ngây đờ.

Trong bóng tối âm âm hiện dần lên hình một phiến đá trắng, có chiều rộng một sải, cao bằng đầu người, dày hơn gang tay, mặt khắc chìm những dòng chữ bay bướm. Phiến đá đứng, hơi choãi chân ra phía trước ; do chiều cao, chiều rộng, thế đứng và nhất là do những dòng chữ bí ẩn mà nó trở nên uy nghi khác thường.

Ông Lừ hơi sững người. Nhưng, lập tức lòng kính tín sau mấy giây rung rinh, lại trở lại và cùng với ba người kia, ông bước lại cạnh phiến đá mà run rẩy như được tiếp cận một linh thể và được hưởng một ân huệ khác thường.

Người lính được lây truyền cảm xúc trân trọng bỗng dịu giọng :

– Đức Vua ngài bận việc quân nên chỉ ngự thuyền rồng lên tới tỉnh lị thôi. Ngài gửi phiến đá này vào. Phiến đá này thay mặt Ngài. Ngài bảo phải đặt nó lên ngọn núi San Cha Chải. Các ông hiểu rồi chứ. Bây giờ các ông sửa soạn khiêng đi !

Không chút thất vọng, trái lại, niềm tin yêu trang trọng bừng men trên nét mặt,ông Lừ và ba người đồng hương vội hạ đòn, buộc thừng chão, và sau khi làm thành cái kiệu mộc mạc, họ ngả phiến đá thiêng của Đức Vua lên đó, rồi đều tay nhấc lên vai.

*

* *

Phiến đá của Đức Vua trên vai bốn người đàn ông U Ní ra khỏi huyện lị, trời mới tan sương. Nghe nói phiến đá đã theo Đức Vua từ

kinh đô lên. Vua ở đâu, nó ngự cùng ngài ở đó. Tới tỉnh lị, nó cùng Vua được đón tiếp vô cùng trọng thể. Từ tỉnh lị vào huyện, nghi thức đã bớt đi phần diêm dúa, nhưng vẫn giữ được sự long trọng, nó được ngự riêng một cỗ xe tam mã vào tới tận huyện đường. Và mấy đêm vừa rồi, tuy là ở trong cái lều gianh xoàng xĩnh đó, phiến đá vẫn được canh giữ rất cẩn mật.

Ấy là câu chuyện mở đầu của người lính đi theo áp tải phiến đá. Câu chuyện có tác dụng kích thích bốn người đàn ông, mặc dầu ra khỏi huyện lị, họ trơ trọi, thui thủi giữa bóng rừng mênh mang.

– Liệu chiều mai có tới nơi không ?

Người lính lạch cạch lưỡi lê ở hông đi cạnh ông Lừ, chưa được mấy bước chân đã có vẻ sốt ruột hỏi. Ông Lừ đáp :

– Đi ra thì hai ngày. Đi vào, dốc, phải hơn.

– Thế đêm nay độ đường ở đâu ?

– Cứ đi thôi. Tới đâu ngủ đấy.

– Không được. Phải vào làng Pao Mao Chải ngủ. Trên đã sức cho lí trưởng làng đó đón rước rồi.

Hai người khiêng đòn đi ở phía sau cũng nghển lên. Một người hỏi :

– Không đi đường Pao Mao Chải được đâu. Cầu gỗ to qua suối lớn ở đầu làng trôi rồi.

Người kia tiếp :

– Mua thêm đường hay sao mà đi đường ấy !

Ông Lừ thêm :

– Đi đường ấy phải bốn năm ngày. Lâu quá. Đi đường tắt này nhanh về cho dân San Cha Chải khỏi ngóng.

Người lính than :

– Dốc ngửa ngực, vất vả quá !

– Chịu khó một tí thôi !

Mấy người khiêng phiến đá cùng nói một ý. Và phiến đá trên lưng họ lừ lừ chuyển, êm như trôi trên sóng lặng, chẳng cần một cố gắng

nào. Qua một khu đồng hẹp, họ lội qua con suối rộng nhưng nông. Đó là con suối ở chân cao nguyên vùng San Cha Chải. Đường ít người qua, rêu phong xanh đá suối, trơn muội. Bốn người rờ rẫm từng bước ngắn, thận trọng còn hơn khiêng người ốm nặng. Sang tới bờ bên này, họ trút hơi thở đánh phào và thấy người như khoẻ ra thêm. Họ đã thấy hương sắc vùng quê.

Hương sắc bản quê San Cha Chải, ấy là những triền núi vàng xuộm cỏ gianh như một biển nắng chiều. Là cái khoảng xanh mờ ảo tít xa của những vùng rừng vầu cổ xưa. Là cái mùi hoa thảo quả thơm lựng hoà trộn với làn khí trời tê mát dưới tán rừng nguyên thuỷ thuần một loại pơ-mu lão đại. Bóng những khoảng rừng già đã mỗi lúc một sẫm mầu trong mắt người. Lát sau, qua ba bốn khúc đường lên dốc xuống dốc như yên ngựa, phiến đá đã lọt hẳn vào một rừng già, tán cây toả xuống mặt đất vẻ trầm mặc, u tịch. Người lính bỏ nón quạt :

– Nghỉ chứ, các chư ông !

– Cố tí nữa, lên hết đoạn dốc này.

– Chịu các chư ông thật. Đi một thôi mấy tiếng rồi, ông Lừ ?

– Đằng nào cũng phải đi, ông ạ.

– Sợ mệt là mệt các ông thôi !

– Việc làng việc nước mình không làm, người khác cũng phải làm, ông lính ạ.

Việc làng việc nước ! Cái ý nghĩ tự nhiên mà sâu xa ! Vì việc làng việc nước mà vụ xuân này bỏ cả việc bán công sinh nhai. Vì việc làng việc nước mà mang cái khó nhọc vào thân. Việc làng việc nước. Nào phải là đã hiểu thật hết ý nghĩa của công việc mình đảm đương ? Nhưng phàm đã là việc làng, việc nước tức thị là việc thiêng liêng, cao quý và do vậy phải tận lực mà làm cho trọn vẹn.

Đến trưa thì chính người lính đi chân tay không đòi nghỉ vì mệt quá, không thể đi được nữa. Đám khiêng phiến đá của Đức Vua phải dừng lại. Đó là một khoảng trống giữa rừng già. Vừa hạ kiệu, bốn người cảm nhận ngay được vẻ hoang lạnh đến rởn da thịt của khung cảnh. Bụi rậm và vòm cây chen kín, xung quanh họ tối mờ. Đã thế lại sương trắng mù mù

vây bọc. Và từ trong xa xăm, vẳng lên tiếng róc rách của một con suối hoang, như một ám ảnh triền miên, dai dẳng.

– Này, từ lúc vào khu rừng già này, các ông có thấy cái gì là lạ không ?

Ông Lừ quệt mồ hôi trán, hỏi ba người đồng hương. Một người ngây ngây nét mặt :

– Tôi thấy có mùi gây gây.

Người lính đang nằm ngả trên đất, nghển cổ dậy, thều thào :

– Mệt lắm rồi. Nghỉ lại đây thôi. Mai đi tiếp.

– Không được đâu, ông ạ.

Ông Lừ nói với người lính và nhìn ba người bạn của mình. Lập tức cả bốn người cùng đồng lòng là phải nhấc đòn lên vai, đi ngay. Một nỗi hung hiểm chập chờn đâu đó, ai cũng nghĩ tới mà không ai dám nói ra.

Thấy mấy người đã khiêng phiến đá đi, người lính vội nhổm dậy, thở phì phò :

– Tôi đến chết với các ông thôi.

– Cố lên, ông lính ạ. Tôi sợ chỗ này ...

– Sợ cái gì ?

– Đừng nói ! Cố một tí nữa !

Người lính hiểu lờ mờ, đành lẽo đẽo theo sau bốn người nọ.

*

* *

Đêm ấy đám người khiêng phiến đá của Đức Vua ngủ giữa rừng già. Chỉ có người lính được ngủ liền một mạch. Còn bốn người chia thành hai tốp thay nhau canh gác. Họ đốt lửa thâu đêm.

Sáng bừng, mặt trời rọi qua kẽ lá, phân toả thành ngàn tia sáng hân hoan, người lính mới mở mắt. Sức đã phục hồi. Những cảm giác tươi sáng trở lại. Ông nhìn bốn người bạn đường bỗng thấy yêu quý họ khác thường. Họ, giản đơn, thô sơ vậy thôi, mà thật là những tấm lòng vàng.

Thấy người lính mở mắt, ông Lừ bước tới :

– Ông còn mệt nhiều nữa không ? Hôm nay ta đi cố thì tối có thể tới được.

Người lính nhổm dậy :

– Ừ, cố đi.

– Đêm nay tới San Cha Chải, được ngủ trong nhà rồi.

Một người nói. Người khác thêm :

– Mời ông lính về nhà em nghỉ nhé.

– Tất nhiên rồi. – Người lính vui vẻ. – Đưa được phiến đá Đức Vua lên tới cột mốc xong là hoàn tất công việc.

– Tôi biết chỗ cột mốc biên giới.

– Ở đâu, ông Lừ ?

– Trên núi, chỗ có nhiều cây gạo hoa đỏ. Lạ thật, ông lính ạ. Ông trời cũng có ý phân chia địa giới, nên mới gieo giống cây gạo bên mình. Còn bên kia, tịnh không một cây, thế mới lạ chứ !

Người lính cười, nhổm dậy :

– Đưa phiến đá của Đức Vua lên đó là xong việc của ta. Còn xác định điểm chôn là công việc của người khác. Thôi, rửa mặt, rồi ta lên đường đi. Nhưng mà hôm nay dẫu có sốt ruột vì nước mã hồi cũng đừng đi hộc tốc như hôm qua nhé, các chư ông.

– Không phải vì muốn xong việc để về nhà đâu.

– Thế thì vì cái gì ?

Ông Lừ chép miệng, thoái thác câu trả lời tỉ mỉ :

– Cũng là việc làng việc nước thôi !

Người lính cười bao dung, đứng lên rút cái khăn đeo bên sườn, xách cái bình toong, đi qua một bụi rậm, tìm đường xuống khe suối.

Cuộc sống chẳng bao giờ hết sự ngẫu nhiên. Và chẳng ngẫu nhiên nào giống hệt ngẫu nhiên nào. Điều hung hiểm ông Lừ cảm nhận bằng trực giác từ lúc bước vào khu rừng già hôm qua, đã hiện hình thành một

sự thật. Một con hổ đói đã theo đoàn người suốt chặng đường hôm qua, giờ nó đang chờ ông lính ở bờ khe suối nọ.

Nghe tiếng người lính thết rụng rời, ông Lừ kinh hoảng đâm bổ xuống phía khe suối. Ba người kia chậm hơn, nhưng cũng nhao ngay tới cạnh ông. Và họ cũng rét run lên trong cảm giác sinh tử trước cơn nguy biến bất ngờ, bờ suối chỉ còn cái khăn mặt và chiếc bình toong sắt của người lính.

*
* *

Họ đốt đuốc sục vào các bụi rậm hú gọi, hò la. Tiếng họ hú, gọi, hò la vang rừng, nhưng thấm nhiễm nỗi vô vọng cô đơn. Dẫu sao thì cũng không thể tỏ ra là bạc nhược, yếu hèn. Dẫu sao thì cũng không thể bỏ mặc người bạn đường xấu số. Một ngày đường nên nghĩa, huống hồ lại đã cùng một việc lớn đồng tâm. Mất một ngày không tìm thấy dấu vết thi thể người lính. Hôm sau ông Lừ nêu ý kiến : để hai người lại tiếp tục tìm kiếm nạn nhân, còn hai người tiếp tục khiêng phiến đá của Đức Vua về San Cha Chải cho kịp ngày, xong việc.

Tính toán như thế là vẹn tình vẹn nghĩa, được cả việc chung lẫn việc riêng, nên mọi người đều đồng ý. Ông Lừ và một người nữa tên Lý A Tỉn đảm nhiệm việc đưa phiến đá của Đức Vua về đích.

Cái nặng của phiến đá đang san sẻ cho bốn người nay đè lên có hai vai. Tuy vậy, vốn là những người nghèo khổ, quen cực nhọc, họ vẫn tỏ ra dư thừa sức lực. Nửa ngày đầu, hai người đi bình thường. Nhưng từ nửa ngày tiếp, đường quá dốc, họ xuống sức rất nhanh. Đường xa, một cây kim cũng trở thành nặng. Huống hồ đây là đá, là dốc. Dốc quá ! Đi người không mà có chỗ đầu gối chạm ngực. Ngựa đi có lúc còn toại móng, phải đủn đít mới lên được. Đã thế lại phơi ra giữa nắng, bọn ruồi vàng khát máu, ngửi thấy hơi người, lại nhao tới nhăng nhẳng bám đốt, hút máu.

– Chết mất thôi, ông Lừ ơi !

Buổi trưa hôm ấy, lên giữa một con dốc, ông Tỉn rên một câu, rồi khuỵu xuống, phiến đá đổ nghiêng dưới đất đánh phịch.

Ông Lừ quay lại, mắt như toé những hạt vàng hạt đỏ. Hơi thở thào thào qua cả hai lỗ tai. Ông cũng nhoài xuống, ngực đập đất, tim đập rung cả người. Rồi lim lịm, ông thiếp đi lúc nào không biết. Lát sau, có lẽ là vì mấy con ruồi vàng nên ông Lừ tỉnh. Mở mắt, ông thấy xung quanh mình ấng ặng. Sợ quá, ông vội nhổm dậy và nhìn thấy ông Tỉn nằm bất động cạnh phiến đá của Đức Vua. Chẳng lẽ ông Tỉn chết ? Trời ơi ! Không thể thế được ! Trăm lạy vong hồn ông lính, ông sống khôn chết thiêng, ông phù hộ cho việc làng việc nước thông suốt mọi đường. Ông Lừ lẩm nhẩm, lê đến người bạn đường. May quá, ông Tỉn đã mở mắt.

– Ông Tỉn à, nghỉ được một tí cũng đỡ mệt đấy.

– Tôi mệt quá, ông à.

– Tôi cũng vậy. Lẽ ra, ông nên ở lại tìm ông lính ...

– Không, tôi cầm tinh con lợn, tôi hãi lắm.

– Khổ thật. Còn một chặng nữa là tới làng. Hay là ta cố một tí nữa.

– Ừ, cũng phải cố thôi.

– Tôi khấn vong hồn ông lính rồi, ông Tỉn ạ.

Hai người lại chùn mình ghé vai, nhấc đòn. Miệng lầm nhầm cầu khấn linh hồn người lính, ông Lừ cố tỏ ra mạnh mẽ để động viên bạn mình. Nhưng, ông biết ông Tỉn đã phải dùng đến những sức lực dự trữ cuối cùng rồi. Phiến đá ậm ạch đi. Ông Tỉn thở ậm è. Rồi hơi thở biến mất. Lát sau hai người lại nằm còng queo như hai cái rễ cây bên phiến đá. Họ lại ngất đi như lần trước và cơn ngất này dài hơn. Nhưng tuy thế lần tỉnh dậy này, ông Lừ có cảm giác như sức lực vừa được bình phục trở lại. Cùng với cảm giác vui sướng râm ran trong lòng, ông nhận thấy ông Tỉn đã mở mắt, tuy là không cất nổi mình dậy.

– Ông Tỉn ơi, tôi kể ông nghe chuyện này nhé. Là cái lúc ông lính hỏi tôi, tôi không muốn nói nhiều, chứ tôi biết phiến đá này là cái gì rồi. Ở San Cha Chải mình, cột mốc bằng gỗ thôi, lại không phải của Đức Vua đích thân gửi lên. Nên người bên kia tính tham vặt, mấy lần họ đã nhổ lên, cắm lẹm sang phần đất ta. May mà có hàng cây gạo, chứ không thì họ ăn gian được. Ông Tỉn có nghe tôi nói không ?

– Có. Tôi mệt quá, ông Lừ ạ.

– Không sao đâu. Nghỉ một lúc nữa sẽ lại sức. Ông tổ mình xưa khoẻ lắm, ông Tỉn ạ. Tôi nhớ bố tôi kể. Một lần đi chợ huyện gặp bọn gian mai phục định cướp đồ hàng, ông tổ mình cầm cái đòn xóc giơ cao, nói : "Các chú nếu nhổ được cái đòn này thì cho tha hồ lấy hết những gì ta có !". Đoạn ông tổ dùng tay cắm phập ngọn đòn xóc xuống đất. Bọn cướp xô tới, cả buổi hò nhau không sao rút nổi cây đòn lên được. Kìa, ông Tỉn ... ông đỡ mệt chưa ?

– Tôi ... chết mất ... ông Lừ à.

– Nói dại nào !

Ông Lừ đứng dậy. Ông định cổ vũ bạn, nhưng hoá ra chính ông cũng đã sắp cạn hết sức lực rồi.

– Hay là thế này...

Ông Lừ đến gần bạn, ngập ngừng ... Chao ôi ! Trong cái ta đã quen thuộc đến nhàm chán, hình như bao giờ cũng ẩn náu điều ta chưa khám phá ra ? Sau cái tưởng là kiệt cùng tuyệt vọng, phải chăng vẫn còn đó một khoảng không dự trữ niềm hi vọng ? Và sự sáng láng của tâm tưởng bao giờ cũng vẫn là nguồn cội để sản sinh năng lượng mới. Ý thức bổn phận dẫu mang tính giáo điều và màu sắc tôn giáo, bao giờ cũng là một tiềm năng. Nữa là ở đây, đã tích tụ trong mình cái sức lực quật cường dồi dào của cả bộ tộc đói khổ, ông Lừ còn dạn dày trong lao động khổ sai nặng nhọc và mang trong mình tình thương yêu đối với những người bạn đường khốn khổ.

Tới lúc ông Tỉn mở choàng mắt, kêu một tiếng kinh hoàng, thì một sự kiện ghê gớm đã xảy ra, chưa hề có trong trí tưởng tượng của chính ông. Ông Lừ đã dựng phiến đá dậy, đặt nó vào hai sợi dây da. Ngồi xuống, áp lưng vào phiến đá, ngoằng hai đầu dây vào vai, tay nắm hai đầu dây còn lại, nhịn hơi, mặt căng nhức, ông Lừ từ từ đứng lên trên hai đầu gối run lẩy bẩy chỉ chực trẹo trọ gẫy khục.

Nhưng mà không, ông Lừ đã đứng dậy được. Ông Lừ đã bước đi. Loạng choạng mấy bước đầu, nhưng ngay ngắn dần. Rồi ông quàng sợi dây da lên trán. Đầu ông giờ là cái cọc giữ lấy phiến đá nặng.

Như có một sức mạnh vừa tràn vào, ông Tỉn chồm dậy, vừa ôm ngực ho sù sụ, vừa cố dấn bước đuổi theo ông Lừ.

Ông Lừ xua xua tay bảo bạn im lặng. Ông đang khấn vong hồn ông lính để ông lính phù hộ ông hoàn thành công việc hệ trọng, quá sức này. Mặt ông nhăn nhúm, nhưng không có cái vẻ đau khổ như vẻ mặt Đức Chúa Giêsu vác cây thánh giá trên núi Gôngôtha vẫn thấy treo ở trong các nhà thờ Kitô giáo. Bức tranh ông Lừ địu phiến đá, biểu trưng quyền lực thiêng liêng của Đức Vua An Nam, có công sức, xương máu, mồ hôi của bao người, viền quanh là những bông hoa gạo đỏ.

Chiều hôm sau, lí trưởng Tráng Vần Đa lên thăm phiến đá. Ông là người biết đọc chữ Hán duy nhất ở San Cha Chải. Ông bảo : Phiến đá của Đức Vua khắc sáu chữ lớn : "An Nam dân quốc địa giới". Đó là cột mốc biên giới của đất nước. Ông nói thêm, phiến đá này nặng hai con ngựa thồ không nổi, làm sao mà người thường địu nổi !

1979

Lời bình

Người ta thường nói, mỗi một nhà văn bao giờ cũng có một mảnh đất hiện thực quen thuộc của riêng mình. Theo tôi nghĩ, điều này không phải bao giờ cũng đúng. Phải là người chuyên canh, tự nguyện gắn bó, thuỷ chung với một nơi nào cụ thể, và lại phải được bảo đảm bằng những tác phẩm có giá trị nếu không sự gắn bó cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Điều này có thể gọi được bằng một chữ tình yêu. *Vâng, tình yêu với đất và người nơi ấy, biến thành một ám ảnh, một nỗi đam mê, cứ thế đi về dưới ngòi bút nhà văn để trở thành một đề tài lớn, chiếm nhiều chỗ trong văn nghiệp. Ma Văn Kháng là một nhà văn như thế. Ông đã có một* Vùng biên ải *đầy những* Đồng bạc trắng hoa xoè, *những* Người quét chợ, *những* Người thợ bạc phố cũ, *v.v... và giờ đây là* Hoa gạo đỏ - *một câu chuyện được viết ra từ hồi 79, có liên quan ít nhiều đến cuộc chiến tranh biên giới của quân và dân ta.*

Ấn tượng đầu tiên có trong tôi là cái không khí âm âm cổ tích của câu chuyện. Nhà văn đặt câu chuyện vào thời gian của lịch sử xa xưa, từ cái ngày đất nước mình bị gọi bằng cái tên An Nam kia. Không gian hiện thực trong truyện là một cái bản vô danh, nằm heo hút sát đường biên giới, nơi thiên nhiên góp phần phân định đường biên giới quốc gia bằng một vạt rừng toàn những cây gạo cháy rực một màu hoa đỏ. Trong cái không gian - thời gian ấy, dưới sự áp tải của một viên lính triều đình có bốn người dân bản đi khiêng rước tấm đá - cái cột mốc biên giới Vua ban để đem về đặt ở đường biên giới quốc gia nơi đầu bản.

Các nhân vật được đặt trong một tương quan giữa một bên là bốn người dân U Ní mà tiêu biểu nhất là ông Lý A Lừ và một bên là người lính. Việc đưa rước phiến đá kia trong cái nhìn của hai bên cũng rất khác nhau. Những người dân bản coi đó là một việc làm thiêng liêng, còn người lính coi như một nghĩa vụ thuần tuý. Trong tâm hồn chất phác của những người dân bản, đó chính là tình cảm "tôn quân", mà tôn quân cũng tức là "ái quốc". Tình cảm này như một niềm tin, một sự sùng kính, một xác tín. Nhờ vậy nó đã trở thành một sức mạnh mầu nhiệm mang tính vật chất : từ bốn người khiêng rút xuống còn có hai người, rồi từ hai người rút xuống còn lại một người - Ông Lý A Lừ đã một mình địu nó trên lưng về tới đích. Cắt nghĩa cái động lực làm nên sức mạnh phi thường của những người dân này không có gì khác hơn chính là cái mạch nguồn sâu thẳm rất đỗi tự nhiên tiềm ẩn trong mỗi con người - lòng tôn quân ái quốc. Họ yêu nước một cách hồn hậu như chính tình yêu đối với làng bản quê hương của họ.

Trong khi đó, ông lính coi việc đưa phiến đá lên cột mốc chỉ thuần là một việc phải làm, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Ông bảo : "Đưa phiến đá của Đức Vua lên đó là xong việc của ta. Còn xác định điểm chôn là công việc của người khác". Ông ta hiện ra như một con người phận sự. *Cùng với kiểu người này, còn có cả viên lí trưởng Tráng Vần Đa nữa. Viên lí trưởng này không thể nào tin nổi người thường lại có thể chở được phiến đá này về. Ông ta nhìn họ bằng cái nhìn của kẻ nắm giữ quyền lực. Lá chắn quyền lực không cho phép ông ta nhìn ra được sức mạnh mầu nhiệm của lòng kính tín tôn quân ái quốc trong chính đồng bào mình.*

Cái hay của tác phẩm trước hết nhờ vào việc tác giả đã dựng lên một tương quan thú vị giữa các nhân vật - cái tương quan đã trở thành điểm mấu chốt để cho vẻ đẹp tâm hồn, sức mạnh phi thường của nhân vật được dịp phát sáng.

Tác giả gọi hình ảnh ông Lừ địu đá chính là một bức tranh mà đường viền của bức tranh là những bông hoa gạo đỏ. Một hình dung thật đẹp, đẹp như một tráng ca. Cứ nghĩ tới bốn dân phu bỏ hết việc nhà, lặng lẽ khiêng phiến đá đi qua gian nan, hiểm nguy rình rập, lại nghĩ đến cái chết hổ vồ của ông lính, rồi lại nghĩ đến cái phiến đá Vua ban ... câu chuyện phả vào lòng ta một niềm rung cảm sâu xa, dường như chạm vào cõi tâm linh giống nòi của mỗi người con đất Việt. Cái ý thức về cương vực lãnh thổ ngàn đời, lòng yêu nước ngàn đời của dân tộc Việt Nam lại được hiện ra qua những công việc thầm lặng, thế thôi. Câu chuyện bảng lảng màn sương cổ tích, nhưng lại cũng chân thực như một tác phẩm điện ảnh của một nhà đạo diễn có tài.

Văn Giá

NGƯỜI THỢ BẠC Ở PHỐ CŨ

Ở Phố Cũ thuộc trấn Pa Kha vùng cao ấy, từ mấy năm nay, các tay thợ kì tài thuộc các bộ tộc Mông – Dao trong huyện đã tụ họp lại với nhau lập ra một hợp tác xã thủ công nghiệp tên gọi : Rèn – Đúc. Nghề gì thì cần quảng cáo, chứ cái nghề này thì chẳng cần. Biển tên giới thiệu bằng sao được ngọn lửa vàng đỏ bốc lên phần phật tới gần cái mái lợp tôn lênh khênh như cái minh tinh ? Tiếng ai quảng cáo to bằng lời búa tạ đập choang choang vang động ?

Suốt ngày cái góc phố ấy thình thịch, ầm ầm, tấp nập người ngựa vào ra. Người Mông đến mua lưỡi cày nương, mua đinh móng ngựa.

Người Hà Nhì tới đổi dao, đánh cuốc. Ánh lửa nhấp nhoáng như cháy trên những múi thịt đỏ hồng của những bác thợ rèn người Dao vốn có nghề rèn dao súng cổ truyền. Những người thợ đúc thuộc bộ tộc Mông có vóc dáng chắc nịch, đẹp như những khuôn hình tượng đài dũng sĩ, nổi bật bên những lò nấu gang cháy đỏ màu da cam rực rỡ.

Nhưng, cái giai điệu sôi động, hùng tráng, cuồn cuộn lôi kéo con người vào một cuộc sống mạnh mẽ này, vẫn chưa phải là toàn bộ âm điệu nơi đây. Cuộc sống còn một hình thái khác, còn một dòng đời khác, chẳng cháy bỏng xô bồ như dòng gang đúc, mà êm đềm, tĩnh tại, thậm chí âm thầm, đơn lẻ. Hợp tác xã này còn một nghề nữa là nghề thợ bạc. Nghề này bé nhỏ quá, và chỉ có mỗi một ông già, thành ra nó bị nghề rèn đúc nuốt chửng, ngay từ cái tên nó cũng không tồn tại trong danh hiệu đăng kí ở phòng thủ công nghiệp huyện.

Ông thợ bạc đã già, lại bé nhỏ. Cạnh những thân hình lực lưỡng bên ánh lửa đẹp như thiên thần, ông già thợ bạc bé nhỏ, còm cõi như một chú quạ già vào mùa đông giá.

Ông già ngồi ở một góc khuất nẻo, trong cái phân xưởng rộng lợp tôn, được che chắn bằng mấy tấm liếp mỏng lưng lửng vai người. Cái góc chỉ rộng mỗi chiều độ ba bước chân. Nhưng, cái góc tí hon này cũng chứa đủ một giang san. Ông cũng có đồ nghề dụng cụ và bễ lò. Khác chăng là lò của ông mỗi lần cháy chỉ cần có vài hòn than hoa thôi. Trong khi cạnh ông, người ta dùng ki-lô, tạ, tấn để đo lường thì ông dùng cái cân tiểu li để tính từng li từng lai. Bên kia là búa tạ, là thanh sắt to như đường ray tàu hoả thì bên này cái gì cũng tí xíu chỉ nằm gọn trong bàn tay. Cái âu nấu bạc là cái chén sứ. Bàn vuốt bạc nhỏ bằng cái lược. Hòm đồ nghề của ông lớn xác cũng chỉ là cái táp. Trong đó, một cái hộp nhỏ chỉ bằng bao thuốc lá đựng có tới mấy chục cái những là đục, giũa, đột, dùi, khoan. Riêng đục thì đã có : đục tròn, đục bằng, đục mang cá, đục lòng máng, đục bán nguyệt. Cái đại bố thì cũng chỉ bằng đầu chiếc đũa, rồi sắp hàng theo chiều nhỏ dần, phải hơn chục cái nữa mới tới cái nhỏ nhất chỉ bằng cái mũi kim. Cái nào cái ấy cũng chỉ dài bằng ngón tay, mũi sáng bóng, chuôi cán lên nước nhanh nhánh và toè toè ở đầu chóp, vì đã trải qua một đời làm việc không ngưng nghỉ.

Trong cái tráp ấy còn có một cuốn hoá đơn. Và một cái khay đựng đồ bạc cũ của khách hàng. Chà, cái khay bạc, cả một sưu tập đồ trang sức, vật hộ thân của bao thế hệ con người ! Vòng cổ, vòng tay, khuyên, hộp trầu cau, hoa tai, khuy ... Tất cả đều đã sứt sát, xin xỉn và đủ hình đủ kiểu. Hoa tai thì kiểu : phù dung, cánh bèo, cúc chỉ xe, tai chuột, lục lăng. Nhẫn thì nhẫn kiểu nơ, kiểu giác trũng, kiểu chạm nổi. Khuyên thì khuyên trơn, khuyên mặt trăng, khuyên quả bầu. Đặc sắc nhất có lẽ là những chiếc khoá bảo mệnh, những lắc, những dây xích, cái hình bầu dục, cái hình chữ nhật, cái hình vuông chạm khắc chữ Phúc kiểu triện. Ôi ! Hạnh phúc, cái ước ao muôn thuở của loài người !

Từ cái đống cũ kĩ, han gỉ ấy, ông già phải nấu, phải chuốt, phải đánh lại những nhẫn, vòng, kiềng ... mới. Công việc khiến ông chẳng lúc nào nghỉ ngơi, nhất là vào những tháng mùa thu này. Mùa thu trên vùng cao, trời xanh thẳm thiết và bắp ngô phô hàng hạt vàng ửng đỏ trên nương. Thực ra thì cũng chẳng phải chỉ là mùa thu khơi gợi cảm hứng về cái đẹp. Mùa thu tĩnh lặng thật tình là phản chiếu cái đời sống con người xem ra đã yên hàn, no ấm được phần nào.

Còn đói khổ, còn loạn lạc, nhiễu nhương, ai còn tâm sức đâu mà lo sắm sửa vàng bạc, điểm tô trau chuốt con người ? Gần sáu chục năm hành nghề này, ông lão Chư người Xạ Phang thợ bạc đã nhận ra một điều chí thú : nghề ông, nghề của thời bình, của sự yên hàn, phong đăng hoà cốc, tình yêu đời và khát vọng sung sướng của con người. Còn như trái lại thì nghề của ông hết đất. Hoặc không hết đất thì cũng co hẹp lại – bởi vì tất nhiên là còn con người thì dẫu có cay cực muôn phần thì con người cũng vẫn còn hi vọng, còn có lúc muốn làm đẹp mình và gắng gỏi để đạt được hạnh phúc. Ông lão Chư làm thợ bạc ở phố này từ thời hỗn loạn nhất của lịch sử hiện đại : năm *bốn mươi nhăm*. Trong vòng chưa đầy năm, phố xá thay liền mấy sắc cờ : Pháp, Nhật, Tầu Tưởng ... Rồi Chí Thắng, rồi Quốc dân đảng. Sắc cờ nào thì cũng được ít ngày. Cũng như lúc đầu thì tưởng là nén bạc thật. Sau rốt lại hoá ra bạc giả, sắc cờ nào thì ông cũng lo nơm nớp : Các đồ hàng quý giá khách đặt giữ trong nhà bao lần khoá cho vừa ?

Vào tháng này thì hình như ông lão yên dạ với công việc của mình. Chiến tranh biên giới đã qua, giờ chỉ ngấm ngầm, việc làm ăn trở lại

nếp xưa. Hoa tai, nhẫn, vòng, lúc loạn li phải tháo, cất, nay lại được đeo rồi. Làm sao, có thể nghĩ được rằng một thiếu nữ lại không có chí ít là một cái nhẫn bạc, nhẫn vàng ? Làm sao một đứa trẻ trên cái mũ hoa của nó lại không có mấy quả lục lạc ? Hạt bạc đính trên mũ của bà người Phù Lá. Vòng gió trên tay người con gái Tày. Còn trên cổ trắng nõn của phụ nữ Mông là cả một xấp kiềng bạc, chuốt kĩ sáng choang. Bạc là giàu sang, phú quý, bạc biểu hiện giá trị của người. Bạc còn là thần hộ mệnh con người nữa kia. Chẳng phải nó là thứ thuốc trường sinh bất tử các đạo sĩ Tầu luyện ra để dâng hiến các vị vua chúa ngày xưa đâu. Nó là cái khoá, cái xích đeo ở cổ con người để giữ hồn, trừ ma. Nó như cái vuốt hổ trấn yên ma quái, nó đuổi gió độc, nó xua ro rủi. Nó là niềm vui, niềm tin, niềm ao ước của con người.

Mắt đeo cái kính mắt tròn gọng đồng hồ, râu ria tóc bạc phênh phếch như mạ một lớp bạc, bị mưa gió ăn mòn, ông lão Chư đã hơn nửa thế kỉ ngày qua ngày cúi gò lưng tôm, làm cái công việc tô điểm cho con người, đem lại niềm vui sống cho con người. Ông là tác giả của tất cả những đồ trang sức trong vùng. Đôi bàn tay ông giờ đã nhăn nheo và đóng thành chai vẩy rồi, nhưng những sản phẩm từ đôi tay ông làm ra thì vẫn xinh xắn bóng bẩy và xem ra còn tinh xảo, óng chuốt hơn xưa nhiều.

*
* *

Chiều thu ấy mưa sụt sùi. Bên cái lò rèn, lò đúc huỳnh huỵch, ồn ào rừng rực hơi lửa, ông lão Chư ngồi lạch tạch gõ cái búa nhỏ, chạm những nét hoa văn trên mấy mảnh bạc. Ông gò lưng, ép ngực liền một hơi dài và tưởng là sẽ còn mải mê thì bỗng dưng như chợt phát hiện ra điều vô lí gì đó, liền thẳng người, thần mặt. Lát sau, ông ấn cái gọng kính vào sát mắt, mở tráp lôi cuốn hoá đơn, loạt xoạt giở, chăm chú nhìn, lẩm nhẩm đọc, rồi thở một hơi dài kín đáo. Buồn bã, ông lăng cái mảnh bạc đang chạm dở vào đống đồ cũ của khách hàng. Tên người đặt hàng ông nhớ rõ rành là Giàng Thao Ly, thế mà ông lại chạm thành Giàng Tráng Ly. Thế là lại phải mất công nấu, dát, cắt và chạm lại rồi ! Ông cúi tìm mảnh bạc khác, làm cái khác vậy chứ biết làm thế nào bây

giờ. Cái chạm nhỏ tí bị cái búa nhỉnh hơn tí chút thúc đuôi, lại tạch tạch đều đều. Ông lại mải miết, nhưng quái, vào lúc ông như kẻ quên mình, ông bỗng ngừng phắt công việc và ngẩn người. Người thợ kì tài bằng linh cảm tinh tế lại đã nhận ra một sơ suất li ti của mình. Cái khoá khách đặt yêu cầu ông chỉ khắc một nét viền, thế mà ông lại đi hai đường viền. Công cốc. Nhưng không phải chỉ là thế. Đáng ngại hơn là, chẳng lẽ ông đã trở nên lú lẫn rồi, không có khả năng đeo đuổi cái nghề tài hoa và phúc đức này nữa rồi hay sao ?

Ngẫm nghĩ một lúc ông mới nhận ra là không phải vậy. May quá chỉ là ông không chế ngự được cảm xúc của ông mà thôi. Quái lạ, thì ra ở tuổi già, con người cũng có thể phấn hứng mãnh liệt chẳng kém gì ở tuổi trẻ cả. Có khi lại còn hơn nữa. Nhất là trước những sự tri ân và kính trọng. Càng già người ta càng ưa thích người khác trọng nể và bày tỏ lòng biết ơn mình ? Có phải thế không mà khi người đàn bà Mông ấy rưng rưng cảm tạ ông, ông lại thấy tâm trí sung sướng đến mê mẩn như vậy nhỉ ?

Khách nhớ nhà hàng, chứ nhà hàng nào nhớ xuể mặt khách. Người đàn bà Mông ấy ở xã Thải Giàng Phố đặt ông làm bộ khoá bảo mệnh cho con trai bà từ bao giờ, ông chẳng còn nhớ. Việc tuy tỉ mỉ, kì khu, nhưng trăm lần giống nhau thì cũng trở nên bình thường. Vậy mà bà ấy lại đến, đặt xuống cạnh cái bếp lò nhỏ xíu của ông một bu gà hai con sống thiến, và giọng vừa cất lên đã nghẹn ứ :

– Ông cụ ơi ! Ông cụ ban phúc lành cho con, cho cháu. Con không bao giờ dám quên ơn trời biển của ông cụ !

Thế là thế nào nhỉ ? Ông lão Chư thoạt đầu ngơ ngác, nhưng nhìn hai cái đầu gà trống mào xun lại thò ra mắt lồng, hiểu chuyện ở mức thông thường, liền cười :

– Ơn huệ gì, bà người Mông ? Tôi làm. Bà trả công. Tiền công, bà không còn nợ. Vậy là xong.

Nói xong người thợ bạc lại cúi xuống với công việc hàng ngày của mình.

Nhưng, người đàn bà Mông đã sụp xuống, nức lên rất lạ. Thì ra bà tới đây để tỏ lòng tri ân ông. Ông đã gia ân cứu mệnh cho đứa con trai

duy nhất của bà. Câu chuyện thật đơn giản và nghe như vô lí. Đứa con trai bảy tuổi của bà, nó đeo cái khoá bạc bảo mệnh do ông làm. Tháng trước nó ốm, ốm nặng lắm. Đã tưởng là phải bỏ. Vậy mà nó lại khỏi, lại khoẻ mạnh như thường, nay lại đi học rồi. Y tá xã, y sĩ huyện tiêm thuốc thì cũng có. Nhưng dứt khoát là tà ma đã phải buông đứa nhỏ vì nó đã được cái khoá bảo hộ tính mệnh. Cái khoá thần vạn năng. Cái khoá gìn giữ linh hồn. Không có nó, ma ác hại như *ma trâu, ma lợn sề, ma rừng, ma suối* đã bắt đứa trẻ đi rồi. "Không phải do cái khoá đâu". Thoạt đầu, người thợ bạc giải thích như vậy. Nhưng cả một buổi chiều người đàn bà Mông phấn khích quá, khăng khăng điều bà đã nói. Đến nỗi cuối cùng người thợ bạc già cảm động quá, nghẹn ngào : "Cả đời tôi, tôi chỉ ao ước đem lại cái hạnh phúc cho người khác. Nếu đúng là như vậy thì tôi sung sướng quá, bà người Mông ạ".

Chao ôi ! Ấy là nỗi sung sướng cao cả thuần khiết, không mảy may vụ lợi. Nỗi sung sướng thần diệu ấy đã biến đổi tâm tính con người, đến mức ông lão thợ bạc từ hôm ấy bỗng trở nên một kẻ xa lạ với chính bản thân mình. Ông hay lạc ý, lạc thần. Lai láng trong ông, đến mức không kiềm chế được, một cảm xúc thiêng liêng về giá trị con người mình. Lâng lâng vui sướng, từ trong thâm tâm, ông đón đợi những khách hàng mới của mình.

*

Sáng nay, khách hàng mới của ông lão Chư thợ bạc đã tới. Đó là một cô gái Tày vừa bước vào tuổi thanh nữ với tất cả niềm vui, nỗi bồn chồn, vẻ e thẹn, cùng những tiên cảm hư huyền, trong sáng nhất. Vóc thon nhỏ trong bộ áo lam dài, mắt tròn mảnh dẻ như một bông hoa bướm mong manh, cô càng nổi bật cái vẻ tươi mới, rụt rè khi chào ông thợ già. Lát sau, cũng từ ngoài mưa bước vào hai khuôn hình phụ nữ tương tự, nhưng hơi đẫy và không còn vẻ e lệ, ngỡ ngàng. Hai người này là chị cô gái nọ.

– Cháu chào bác ạ. – Cô gái hơi cúi xuống, khe khẽ.

– Ướt hết cả ba chị em rồi. – Ông lão nói.

– Cũng còn may, chúng cháu còn sợ bị mưa ở giữa đường cơ. Chúng cháu ở xa lắm.

Ông lão đoán các cô gái Tày này ở miền hạ huyện. Nhưng chưa kịp hỏi, cô gái nọ đã tách ra khỏi hai người chị, kéo cái túi hoa đeo bên sườn ra phía trước, thò tay vào đó, kéo ra một bọc vải nhỏ nằng nặng.

– Bác ạ, ở đây bác có nhận làm vòng không ạ ?

Rõ ràng là một cô gái mới lớn, lần đầu tiên đi đến cửa hàng bạc. Ông thợ bạc cười :

– Có chứ. Thiên hạ thích cái gì, lão làm cái đó.

– Cháu muốn đánh một chiếc vòng tay, một cái vòng cổ, một bộ xà tích kiểu người Tày.

– Biết ... biết ... Biết làm cả kiểu người Tày.

Ông thợ già gật gật. Cô gái mở cái bọc nhỏ trên bàn tay trắng muốt, mảnh như chiếc lá trầu. Hai mắt cô ánh lên nỗi hân hoan rất thơ trẻ, cái nỗi hân hoan thấm đượm vẻ kiêu kì. Lần đầu tiên cô kiêu hãnh khoe với người khác sự giàu có của cô. Cô có những năm đồng bạc hoa xoè. Và khi ông lão hỏi nửa thật nửa đùa rằng vẫn còn những đồng cổ quý như thế kia ư, thì cô càng lộ rõ vẻ tự hào :

– Mẹ cháu mới mua cho cháu đấy, bác ạ.

Người thợ già nhón năm đồng bạc trắng xóc xóc trên đôi tay. Quen thuộc rồi ! Loại đồng hào năm mươi xu xưa vẫn quen gọi là đồng *xanh-căng* trên có hình người đầm và bông lúa uốn cong vẻ cách điệu, phía dưới có con số 1922.

– Một lạng hai đồng cân.

Ông lão xướng, cô gái reo khâm phục :

– Trời ! Sao bác biết rõ thế ạ ?

– Tay bác nó có tinh rồi !

Cả ba chị em đều cười. Cô em út hồi hộp :

– Bác ơi, thế từng ấy đánh được những thứ gì ?

– Như cháu nói khi nãy, thêm một đôi khuyên.

– *A lúi !*[1]

Cô gái kêu to. Hai con mắt mở to hết cỡ như hai cái hồ nước, sóng sánh vì điều may mắn bất ngờ. Lập bập, cô níu bàn tay có tinh của ông già, run rẩy vì cảm động :

– Bác ơi, bác lấy cháu bao nhiêu tiền, hả bác ?

Ông thợ bạc già lắc mái đầu bạc :

– Bác không lấy tiền. Bác chỉ muốn được cháu mời đến dự đám cưới.

Lần này thì cả ba chị em cô gái Tày miền hạ huyện cùng thốt kêu thật to cái tiếng cảm thán quen thuộc của dân tộc họ : *A lúi* và cùng quỳ cả xuống dưới chân ông già thợ bạc. Người phụ nữ lớn tuổi nhất nói :

– Thưa bác, bác là Tiên là Phật, bác biết trước mọi sự. Đây là ba chị em cháu. Mẹ cháu chỉ sinh hạ được ba chị em cháu. Cháu và cô em thứ hai đây đã có gia đình riêng. Bố cháu mất đã-mười ba năm, từ hồi còn ở chiến trường đánh giặc. Mẹ cháu hiện thời ốm yếu, chắc không qua khỏi năm nay. Nguyện vọng cuối cùng của mẹ cháu là em út cháu được thành gia thất. Nếu không, bà nhắm mắt không yên. Bây giờ, cái gì chưa thành cũng lo không thành, bác ạ – Người phụ nữ ngừng nói, nuốt hơi, có lẽ xúc động vì chính câu nói của mình và sợ người thợ bạc hiểu sang ý khác, vội nói tiếp trong hơi thở có lúc cồn lên lấp cả tiếng nói – Thành ra, cháu và em thứ hai phải thân chinh dẫn em út đi. Dọc đường, thế mà có lúc nó cứ sợ. Sợ rơi. Sợ kẻ cắp lấy. Sợ cửa hàng không nhận. Thật là cầm vàng còn sợ vàng rơi. Bây giờ được gặp bác, được nghe bác nói, mười phần mới chắc cả mười.

Không để chị nói tiếp, cô em út bồng bột nắm cổ tay ông thợ bạc lắc lắc :

– Bác ơi, cháu sẽ đem ngựa lên đón bác. Nhất định bác sẽ dự đám cưới của cháu nhé. Tuần sau ... Vâng, tuần sau cháu tổ chức, bác ạ.

*

* *

(1) Tiếng reo mừng.

Thế là người thợ bạc hiểu rồi. Nhất định là sẽ có cái đám cưới của cô gái út người Tày miền hạ huyện ấy. Ôi, những đám cưới còn giữ nguyên phong tục cổ truyền. Có bánh chưng, bánh dày. Có bài hát thách đố. Cô dâu đi hài thêu chỉ ngũ sắc, mặc áo vóc hồng, thắt lưng hoa lí, óng ánh vòng bạc cổ tay, khuyên bạc đuôi tai, xà tích bên sườn... Đời đã có nhiều chuyển đổi rồi, nhưng trong cái ngày lớn ấy, chàng rể thế nào cũng biếu bà ngoại một đôi hoa tai, một vòng tay bạc. Bạc, cái ánh trắng lấp lánh ấy, là cái phần ông lão góp thêm vào cuộc vui lớn của con người.

Ngay chiều hôm ấy, tiếp nối cái cảm hứng ân nhân từ hôm gặp người đàn bà Mông, cảm động vì tình nhân hậu chị em ruột thịt của ba người phụ nữ Tày, nhất là thông cảm với cái háo hức của cô gái sắp làm cô dâu, ông lão Chư bắt tay ngay vào việc làm đồ trang sức cô dâu cho cô gái nọ.

Hết buổi, ông ôm tráp đồ nghề về nhà. Cơm nước xong, ông đốt lò, đặt cái âu sứ lên và thả vào đó mấy đồng bạc hoa xoè. Đoạn ông quay ra hút thuốc lào. Khói thuốc vấn vụ đưa ông vào những cảm xúc phiêu lãng, thú vị và tất cả những tiết đoạn trong câu chuyện hàng ngày diễu vòng trong óc ông cho tới lúc ước chừng đã đến thời điểm bạc nóng chảy, ông mới quay lại bếp lò.

Trở về với bếp lò, ông hơi sững người. Hay là ông lại đãng trí như khi chạm hỏng hai lần hai mảnh bạc ? Lạ nhỉ ? Ông cúi sát xuống cửa lò. Không, than trong lò vẫn hồng, thổi hơi vào, than còn lép bép nổ. Vậy mà, tại làm sao nhỉ, năm đồng bạc trắng vẫn không tan chảy, vẫn còn nguyên hình và chỉ xỉn đi ? Chẳng lẽ là cái lò chưa đủ sức nóng ? Ông lão thêm than, cúi xuống phù phù thổi. Than rực đỏ.

Nhưng, lần này thì ông lão hốt hoảng thật sự. Nhấc cái âu sứ ra, để cạnh mình, chờ cho cái âu sứ nguội đi, ông đổ mấy đồng bạc trắng ra lòng bàn tay, rồi ngồi lặng. Hỏng rồi ! Đồng *xanh-căng* này không phải là bạc. Nó là đồng mạ bạc. Nó giả làm bạc. Chao ôi ! Vậy mà cái hạnh phúc tưởng đã cầm chắc trong tay lại hoá ra tuột mất. Cô bé cầm mấy đồng bạc sợ rơi, sợ mất cắp, sợ người thợ bạc không nhận. Cô có biết đâu cái cơ sự này ? Hoá ra bây giờ cái gì cũng mong manh cả. Và nếu

đúng như cô chị cả nói : *bây giờ cái gì chưa thành cũng lo không thành* cả thì đời đáng sợ quá ! Hoá ra những điều kiện an toàn đã trở nên bấp bênh và con người phải sống trong lo âu, phòng ngừa, thấp thỏm liên miên ư ? Con người không được cả tin, không được thơ ngây nữa, vì như vậy là sẽ bị lừa đối. Sẽ bị phản trắc như cô gái đã bị lừa, mẹ cô và hai chị cô đã bị lừa. Cả ông lão đã nửa thế kỉ hành nghề hoá ra cũng chỉ là đứa con nít ngây dại. Ôi, cái thói đời điên đảo, lọc lừa. Vậy là nó vẫn còn luẩn quẩn quanh ta, nó chỉ náu mình trốn tránh đôi khi thôi, mà ta lại ngỡ là nó đã bị diệt trừ tận gốc.

Ngồi lặng lẽ trong đêm, ông lão Chư buồn thấu gan ruột. Nhưng, lát sau như rũ ra khỏi nỗi buồn, ông lại cúi xuống đốt lò, đặt âu. Lấy mấy đồng bạc trắng dự trữ của mình ra, ông đặt vào âu, rồi vừa làm công việc của người thợ bạc, ông vừa lẩm bẩm : "Lỗi tại ta ! Lỗi tại ta. Ta nhìn lá vối ra chè ! Ta lầm lỗi, ta phải đền bù".

Ông lão Chư quyết đóng trọn vai vị ân nhân của cô gái Tày vùng hạ huyện. Ông lão nhất quyết làm kẻ sửa chữa cái khiếm khuyết của cuộc sống chưa hoàn hảo để đoạn đời tới của cô gái được suôn sẻ mọi bề. Nghĩa là vẫn sẽ có cái đám cưới tưng bừng của cô gái, cũng vẫn sẽ lóng lánh vòng bạc cổ tay, xà tích bên sườn, khuyên sáng đuôi tai ... như mọi cô dâu Tày vùng hạ huyện.

Bộ đồ trang sức cô dâu Tày bằng bạc thật đã hoàn chỉnh trước cả thời hạn ba ngày. Trong ba ngày đó những lúc rỗi ông lão ngồi mơ màng thú vị vì cái cử chỉ nghĩa hiệp của mình. Ông tưởng tượng ra cảnh cô gái Tày tới, háo hức và sung sướng đến nức nở khi nhìn thấy những đồ nữ trang nọ. "Bác ơi, tay bác thật là có tinh ! Sao bác làm đẹp thế, bác ơi". Cô gái sẽ reo mừng và ông sẽ đưa từng thứ một để cô đeo thử. Đôi khuyên quả bầu. Cái vòng tay hình lòng máng úp chạm những đường sóng lượn, cùng những con chim lạc. Cái kiềng óng ánh rỗng nhẹ uốn mềm một cung tròn ... Tất cả đều hoà hợp. Tất cả đều hiển hiện chân thật, chứ không phải là ảo ảnh chập chờn. Không phải là ảo ảnh chập chờn, nhưng cả ông lão và cô gái Tày đều sẽ như trong ảo mộng ngất ngây. Cả tiếng con ngựa hồng hí ngoài sân kia, cũng nghe như vẳng từ xa lại, biến dạng đi, như một lời âu yếm mời chào.

Ba ngày chờ đợi qua.

Ngày hẹn tới. Ông lão Chư đến cửa hàng từ sớm. Cạnh ông, bếp lò rèn thoi thóp thở. Cái lò đúc khừ khừ như tiếng rên người ốm. Đã là cuối thu, mưa bay lất phất rắc bụi đầy trời.

– Chào bác ạ !

Nghe thấy hai tiếng chào phụ nữ, ông lão khấp khởi, nhưng quay lại thì biết ngay là mình nhầm. Hai cô gái Tày này cũng ăn mặc kiểu người Tày hạ huyện, nhưng là những thiếu nữ ông chưa từng gặp. Và rõ ràng họ cũng là những cô gái lần đầu tiên đến cửa hàng ông.

– Sắp mở cưới hả ?

– Úi ! Sao bác biết ạ ?

– Mắt bác có tinh đấy.

– Bác ơi, chúng cháu có bạc trắng mới mua được, chúng cháu muốn đánh hai bộ đồ trang sức cô dâu.

"Được ... được ...". Ông lão thợ bạc gật gật và chìa bàn tay khô như cái lá héo đón nhận những đồng bạc hoa xoè từ hai cái túi hoa của hai cô gái nọ dốc ra với vẻ phấn chấn khác thường. Đầy ụ lòng bàn tay ông lão những đồng hào. Và tay ông bỗng run run như thấm nhiễm hơi giá lạnh của đồng tiền. Hơi lạnh từ tay ông toả ra khắp người ông, rồi như cái thuốn xuyên dọc sống lưng ông, chói lộng óc ông.

Bạc giả ! Đúng là những đồng bạc giả !

Lần này thì ông không thể nhận nhầm được. Lần này thì ông không khinh suất, không ngu ngơ để bị lừa nữa. Lần này thì ông không để bị mê hoặc trong những cảm xúc đẹp đẽ về hạnh phúc, lần này ông tỉnh táo. Nhưng lần này, sau cơn giận dữ vì thói đời, ông ngồi đờ đẫn, nhìn hai cô gái thất vọng, nước mắt lưng tròng, cúi mặt, quay lui và lủi thủi ra về. Biết bao nhiêu bẽ bàng, tủi hổ mà con người ta đã phải nhận vì bọn bất lương, giờ đây ông mới nhận ra !

Ông lão Chư buồn xỉu. Chiều đó ông không làm được việc gì. Động làm là hỏng, là nhầm. Bối rối trong xúc cảm buồn bực, ông lão càng

bối rối trong chờ mong. Ông chờ mong cô gái út người Tày vùng hạ huyện đến lấy bộ đồ trang sức cô dâu. Nhưng, cả chiều đó, tối đó ông lão đã mỏi mắt.

Ngày hôm sau, ông lão Chư lại chờ. Ngày hôm sau nữa, ông lão ngóng, ông lão mong. Nhưng một tuần qua cô gái vẫn chưa thấy tới. Cùng với sự chưng hửng là nỗi ái ngại. Đã lại xảy ra điều bất trắc gì với cô gái ? Người thợ bạc già bồn chồn. Ông muốn được thấy cô gái vui vẻ trong sự gia ân kín đáo của ông. Ông muốn được hưởng cái hạnh phúc của sự cho đi, sự ban tặng. Ông sốt ruột. Ông càng sốt ruột hơn khi một tuần nữa đi qua. Ơn huệ cá nhân ông vậy là trở nên vô nghĩa ư ? Nếu như một đời sống được tổ chức chu đáo đến mức lòng tốt cá nhân trở nên thừa thãi thì lại đi một nhẽ. Đằng này, lòng tốt của riêng ông chẳng có ích gì, vì nó lọt thỏm vào muôn điều ràng buộc, chi phối khắc. Ông thực sự kinh hoàng vì chiều đó ông lại lặp lại cuộc gặp gỡ với hai cô khách hàng lần trước đem bạc giả đến cửa hàng. Hai cô dẫn theo hai cô khác, và họ nói họ ở vùng hạ huyện lên. Họ mang theo những đồng *xanh-căng* cổ mới mua của một tốp phụ nữ lạ mặt hiện đang ở vùng đó. Ông lão Chư cầm những đồng hào nọ, những đồng hào giả bạc, nặng trịch, giá buốt lòng tay ông. Hạnh phúc là thứ luôn bị đánh tráo thế này ư ? Khủng khiếp quá !

Rồi như sực nhớ, ông bảo các cô gái ngồi chờ ông, ông cầm những đồng hào giả bạc đi. Lát sau ông quay về, bảo các thiếu nữ khách hàng :

– Công an họ bảo họ sẽ cho người xuống vùng hạ huyện ngay. Khốn nạn thế ! Cái đứa vô lương nó làm khổ bao người.

Buông câu nói cuối cùng, ông lão ngồi thẫn thờ.

Cả mùa thu ấy ông lão Chư chờ cô gái Tày em út nọ trở lại lấy bộ đồ trang sức cô dâu. Rồi mùa thu qua. Mùa đông giá tới. Và mùa xuân lại đến như thiếu nữ xinh tươi. Cô gái Tày, cái tâm hồn tươi sáng trong ngần và thực thà nọ hẳn là đã đau buồn và do lòng tự trọng nên đã không tới, thậm chí muốn lánh mặt ông vì sợ ông nghĩ rằng cô đã lừa dối ông chăng ? Hẳn là như thế ! Và thế thì cái đám cưới có ngựa hồng đón ông xuống dự cũng đã không có.

"Có một nữ khách hàng hạ huyện đặt hàng cưới ở tôi từ năm ngoái chưa đến lấy. Nay tôi sắp nghỉ hưu vì ốm yếu, vậy quý khách hãy đến ngay cho kịp để tôi được an lòng.

Chư - Thợ bạc ở Phố Cũ".

12-1984

Lời bình

Nhằm vào phương diện thế sự - đạo đức của đời sống, nhà văn đã xây dựng nên nhân vật ông lão Chư - một mẫu người thuần toàn, vẫn giữ nguyên được những bản tính tốt đẹp của đạo lí cổ truyền. Đặt nhân vật vào một tình huống : nhận làm đồ cưới cho cô gái người Tày từ những đồng bạc giả mà chính ông và cả cô gái ấy không hề biết. Cô gái ấy đã bị lừa khi mua, còn ông tin vào tâm hồn chất phác đang tràn đầy niềm vui chuẩn bị đón ngày cưới của cô gái. Cô gái bị lừa gần như lần đầu tiên trong đời cho nên sự việc trở thành hệ trọng. Niềm tin trong trẻo của cô đối với con người đã bị đánh cắp. Ông lão cũng rơi vào trạng thái buồn bã, buồn vì thế thái nhân tình, buồn do sự hình dung về một cuộc sống giản dị và thuần khiết đã bị đổ vỡ, buồn vì thương cho niềm hạnh phúc thuần hậu của cô gái bị nhiễm độc.

Nhà văn đã để cho nhân vật lão Chư có một hành động thật đẹp : ông đã lấy những đồng bạc từ tài sản của riêng để làm đồ trang sức cô dâu hiến tặng cô gái. Việc làm này không dừng lại ở chuyện đền bù, mà cao hơn là niềm vui được đem cho người khác. Trong thời buổi mà sự lọc lừa giả trá đang đầu độc cuộc sống này, vẫn còn đây một con người đẹp như người hiền trong cổ tích. Ông đại diện cho vẻ đẹp của đạo lí cộng đồng.

Với cô gái kia, không hiểu cái ngày hôn lễ trong dự định có được tiến hành nữa hay không, chỉ biết rằng cô gái ấy không trở lại nhận món đồ trang sức nữa. Đúng như người kể chuyện phân tích : "Cô gái Tày, cái tâm hồn tươi sáng trong ngần và thực thà nọ hẳn là đã đau buồn và do lòng tự trọng nên đã không tới, thậm chí muốn lánh mặt

ông vì sợ ông nghĩ rằng cô đã lừa dối ông chăng ?". Vậy ra, lòng tự trọng của cô gái chính là một sự tự ý thức về phẩm hạnh rất đáng được biểu dương. Xét cho cùng đó chính là một mặc cảm xấu hổ cao quý mà nếu thiếu nó con người sẽ trở nên hoang dã biết chừng nào.

Một môi trường sống đã bị ô nhiễm bởi thói con buôn lọc lừa, niềm tin và hạnh phúc của con người bị đánh cắp. Tuy thế, vẫn còn đây những tâm hồn thuần hậu, sáng trong, biết trân trọng và quý giá những cảm giác hạnh phúc có ở người khác, biết yêu quý con người. Họ hiện thân cho những giá trị đạo lí truyền thống vô cùng cao quý cần được tôn vinh và bảo vệ. Trong cuộc giành giật thầm lặng mà không kém phần quyết liệt này, họ sẽ không đơn độc, sẽ chiến thắng. Một suy tư như thế hẳn sẽ vang lên trong tâm hồn bạn đọc.

Đọc truyện Ma Văn Kháng có cái thú được nhập ngay vào mạch truyện chảy trôi một cách tự nhiên như vốn cuộc sống trải bày ra trước mắt. Ở câu chuyện này cũng vậy. Ngoài việc miêu tả khá tỉ mỉ ngoại hình, đồ lễ, hoa văn trên sản phẩm của một người thợ bạc (điều này cũng không dễ có được nếu nhà văn không cất công quan sát tìm hiểu kĩ), người đọc khá thích thú cái cảnh gặp gỡ giữa ông lão và ba chị em cô gái Tày kia. Cái tiếng reo "A lúi" mừng rỡ của cô gái, câu trả lời "Tay bác nó có tinh rồi" của ông lão, hình ảnh ba cô gái quỳ xụp xuống cây nhờ ông lão, rồi lời hứa của cô gái cho ngựa lên đón ông lão về ăn cưới tuần sau, v.v... tất cả thật mộc mạc, ân tình, cảm động, chân thực như chính đời sống, tâm hồn, tiếng nói của những người dân miền núi. Để có được những trang miêu tả đẹp như thế này, vốn sống đã là quan trọng, nhưng nếu không có niềm quý trọng đối với con người, khó có thể nào viết nổi. Qua mỗi trang văn, những tâm hồn hiện lên đẹp trong như nước suối nguồn.

Kết thúc câu chuyện, lời nhắn gửi của ông lão treo đỏ một niềm ngóng đợi. Ông lão cứ chờ mãi. Cô gái kia sẽ không bao giờ đến nhận. Một bên là sự hi sinh thầm lặng. Một bên là lòng tự trọng của một nhân cách cao quý. Cách kết thúc bỏ ngỏ tạo cho câu chuyện một dư âm ...

Văn Giá

SUỐI MƠ

Trở về sau một tuần lễ đi công tác, tôi lại đã nhận ra những nét khác lạ ở cái hẻm núi sơ tán của mấy gia đình chúng tôi. Chiến tranh phá hoại hiện đại Mĩ dùng tới cả máy bay siêu thanh để oanh tạc thì còn vùng quê nào trên đất nước nhỏ bé của chúng ta được coi là thánh địa an toàn ? Dân thị trấn miền núi chúng tôi, vì vậy khôn ngoan hơn cả là dàn mỏng mật độ cư trú ra và nhất là lợi dụng địa thế núi non, chia nhau luồn lẩn luôn vào các hẻm núi gần cận xung quanh mình. Con người thích ứng tài lắm với hoàn cảnh sống. Vả chăng, bấy nay đã mấy ai xa rời cách sống tự lập ? Thế là chẳng bao lâu các khe núi hẻm đồi quanh chúng tôi hôm qua còn hoang rậm, nay đã được khai phá kiến thiết thành nơi ăn ở sinh hoạt. Lán lều nhà cửa, nhiệm sở, trường học, thậm chí cửa hàng, bệnh viện, xí nghiệp, mọc lên sầm uất, nối liền với nhau bằng các con đường rừng kín đáo và không kém tiện lợi.

Gia đình tôi cùng mấy gia đình cán bộ khác chọn nơi sơ tán là khe núi cây số 7 trên tuyến đường đi về huyện lị Mường Khương. Đây là một hẻm sâu kẹp giữa hai quả núi đất, um tùm nứa dại. Nứa dại lóng dài, thân to, xoà lá rợp cả mặt một con suối lòng hẹp, vào mùa khô, nước róc rách một dòng nhỏ le te. Men theo bờ suối có một vết đường mòn nhỏ, đó là lối đi của thợ sơn tràng và những người săn muông thú, đầu mút của nó ở phía trong là một làng Mán *đỏ* đã định cư, nhưng còn du canh.

Giờ đây khi cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ đã bước sang năm thứ hai, hiểu rằng thắng lợi cuối cùng không thể là việc của ngày một ngày hai, thì cảnh ăn xổi ở thì, tạm bợ không thể có lí do tiếp tục tồn tại. Vẫn là tranh tre nứa lá thôi, nhưng nhà cửa bây giờ phải cao ráo, sạch sẽ, vững chắc và cảnh trí xung quanh không thể không phong quang, tươi đẹp. Đường đi lối lại tất nhiên cũng phải rộng rãi hơn, bằng phẳng hơn, vì trẻ con, thế là lại thêm một lớp em nhỏ nữa tới trường. Con

người luôn tự cải biến điều kiện sống. Công cuộc xây dựng do vậy là diễn ra hàng ngày, hàng giờ.

Tuy vậy, lần đi vắng một tuần trở về này, tôi vẫn có cảm giác chân mình lạc bước. Đập ngay vào mắt tôi là cảnh quan lạ lẫm khác thường của nơi hẻm núi quen thuộc. Ngày tôi đi, đoạn suối chảy qua trước nhà tôi chia đôi, nửa bên này tắc nghẹt bùn hoang lưu cữu, nửa bên kia lờ đờ một dòng chảy lều phều váng bọt, thi thoảng mới lại ló dạng dưới rậm rì lau cỏ. Giờ đây, lau cỏ đã được phát quang. Bên bờ trái, nơi bùn hoang kết đọng đã được vét sạch và rải đều một lớp sỏi cuội trắng phau. Qua vòm lim xanh che phủ ở tít trên cao, nắng lọt xuống lỗ đỗ những cái chấm vàng nhảy nhót vô tư trên dòng suối thông dòng long lanh thanh tĩnh. Cảnh đẹp một cách lặng lẽ thoáng chút mơ mộng có lẽ còn là do lui vào phía trong hẻm, qua mặt suối rộng có một cây cầu nhỏ kẻ một nét ngang êm đềm. Ngày đi, chân tôi bước lập chập trên mấy hòn đá tảng đặt cách quãng qua chỗ lầy. Giờ đây, một mặt cầu ghép mấy thân vầu già ba nhịp nối liền ghếch đầu lên hai cái trụ kết cấu bằng đá cuội quảy trong vòng phên nứa đan lóng đôi, như mời mọc, đón chào.

Sức lao động to lớn và cần cù nào, bàn tay ai khéo léo đã tạo nên quang cảnh đẹp đẽ, thú vị nọ ở nơi hẻm núi hoang vu này ? Thấm đoán được sự kinh ngạc của tôi, mẹ tôi đứng ở bên bờ kia con suối, trên tay bồng đứa cháu gái hai tuổi con tôi, đã thay tôi cất tiếng xuýt xoa, thán phục :

– Một mình bác Rư bác ấy làm đấy ! Chết, chết, sao lại có con người chịu khó thế. Đi thì chớ, về tới nhà lại sùng sục như ma úp nồi. Làm không biết mệt là gì. Làm đến vỡ đầu ra khỏi. Bước chân xuống giường là làm. Làm cả đêm, làm quên ăn quên ngủ. Bác ấy mới đưa bác gái ở dưới xuôi lên đấy.

Rồi nhìn ngược vào chiều sâu hẻm núi nơi mẹ tôi trỏ tay, nói tiếp :

– Kia kìa, bác ấy còn đang trồng mon ở vũng lầy trong hủm đấy. Thật ông giáo mà làm việc thổ mộc còn hơn cả người nông phu !

Tôi nhìn theo tay mẹ tôi chỉ. Và nhận ra ông giáo Rư bạn tôi trần trùng trục một khối hình chắc nịch, trên mình đánh mỗi chiếc quần đùi,

lấm bê lấm bết như trâu đầm, tay ôm một bó mon lớn, đang khom lưng bì bọp tiến lui. Thấy tôi, anh ngừng chân bước, nheo mắt, miệng ho hó bốn cái răng bàn cuốc, rồi đánh tiếng oang oang :

– Khang mới đi Mường Khương về đấy à ? Mình tranh thủ dúi ít mon nuôi lợn xuống cái hủm lầy này kẻo phí đất quá. Bà xã mình mới lên. Tí nữa sang chơi nhé !

*
* *

Vợ tôi đi học dài hạn ở Hà Nội, rồi theo trường sơ tán lên Lạng Sơn. Ở lại đây, sơ tán vào hẻm núi cây số 7 này, chỉ có tôi, mẹ tôi và đứa con gái nhỏ. Đêm tối ở miền rừng đèn đóm nhập nhèm, lại rỗi rãi, nên cơm nước xong, tôi chỉ còn có việc là chờ Rư ngừng việc để sang chơi. Nhà Rư ở bên kia suối, cách túp lều sơ tán của tôi chừng ba chục thước. Anh đã có ý mời.

Lại cũng có thói quen xóm giềng mỗi khi đi đâu xa về. Hơn nữa, tôi cũng muốn cám ơn anh. Nơi sơ tán vắng vẻ, đêm hôm mưa gió, lúc tắt lửa tối đèn, tôi lại hay đi công tác xa nhà, có anh bên cạnh, mẹ tôi nhiều phen đã ơn nhờ dựa cậy. Vừa rồi gặp cơn lốc nhỏ, mái rạ tốc bay mất một mảng, anh đã kịp thời sang lợp lại hộ. Phần khác cũng là để chào vợ anh. Anh mới cưới vợ năm ngoái, năm nay chị mới lên. Nghe nói, chị là người Hà Nội.

Tôi chờ đợi. Nhưng năm lần bảy lượt ra vào vẫn thấy Rư lặm cặm hết cấy mon lại xoay ra đắp bờ ở đám ruộng lầy. Tối chẫm, thấy anh lội xuống suối kì cọ, liền sửa soạn, nhưng vừa quay vào nhà mặc áo dài bước ra, đã lại thấy anh lồng từ dưới suối lên, quần đùi ướt rượt, vung tay bổ cuốc san cái tổ mối to tướng ở sau nhà, trong ánh trăng muộn vừa lên le lói ở trên mom đồi.

Tôi đành nằm trong nhà mình, qua cánh cửa mở, nhìn sang phía nhà Rư, xua đuổi mệt mỏi, cố tỉnh táo để đợi chờ anh ngưng tay vậy. Tiếng máy bay Mĩ ì ầm cộn cạo phía sau núi tắt dần. Rồi im ắng tràn ra trong

ánh trăng đêm hoà với cơn thức ngủ chập chờn của tôi khiến bóng Rư lúc gần lúc xa, khi trần trụi hình nét, khi nhoà mờ, chơi vơi. Lúc sau, chừng đã khuya, giữa không gian bốn bề im vắng, chỉ có tiếng suối róc rách, tôi bỗng giật mình vì nghe tiếng đàn ai gẩy vọng đến bên tai. Dụi mắt, ngẩn ngơ một lát, tôi nhận ra, đó là tiếng đàn *măng đô lin* cất lên từ phía sâu hẻm núi.

Suối mơ bên rừng thu vắng
Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng.

Tiếng đàn thoạt đầu văng vẳng, lát sau rõ dần. Nghe thấy cả hơi lướt trên ngón tay chuyển, tiếng gẩy đơn cùng tiếng vê giòn liền mạch và cả hiệp âm trên ba bốn dây đổ dồn. Lúc tức hứng sầm sập như trời đổ mưa, khi ỡm ờ như con bướm lượn vành, tiếng đàn gờn gợn một tâm tình có độc thèm muốn thở than và quấy quả.

Tiếng đàn lọt vào óc tôi, quấy nhiễu tôi, khiến tôi mệt lả. Tôi đã ngủ lại từ lúc nào và khi mở mắt, vẫn như kẻ ngơ ngẩn, chưa ra khỏi hôn mê. Khung cửa ra vào lúc này đã mờ mờ sương sớm, khí dương một ngày đang toả lan hơi ấm trên mặt đất. Mặt suối bốc hơi như khói vẩn. Nghe như có tiếng chân người bước ọt ẹt trên mặt chiếc cầu bắc qua con suối, rồi ở khung cửa mờ sương nọ lọt vào một tiếng đàn bà rất lạ tai : "Cụ Khang ơi. Cụ cho tôi mượn cái *lồi*, tôi *lấu* bơ gạo *lếp* cho nhà tôi ăn đi làm !".

– Ai đấy, hả mẹ ?

– Anh hỏi ai nào ?

– Chả lẽ là con mê ngủ à ?

– À, bác Rư gái, bác ấy sang mượn cái nồi gang để nấu cơm nếp. Người đâu mà ăn nói vừa sỗ vừa ngọng !

Tôi dụi mắt, ngồi dậy và vội vã ra khỏi nhà bếp. Bếp nhà anh Rư lạnh tanh. Anh Rư đã đi làm rồi.

Tôi chẳng được sang thăm hỏi, trò chuyện với Rư hôm ấy. Nói cho đúng, cả mấy hôm sau cũng vậy. Chẳng lúc nào tôi có được cơ hội để sang, trước là hỏi thăm vợ anh, sau nữa là nói dăm ba câu chuyện thế sự

hoặc phiếm đàm, theo thói quen hàng xóm thân tình với anh. Vẫn là có mặt ở nhà đấy, nhưng anh luôn tay luôn chân hết việc nọ đến việc kia, chẳng khi nào rỗi rãi.

Anh Rư xuất thân là giáo viên dân lập ở xã. Để trở thành giáo viên quốc lập, anh đành phải xa rời đất quê Nghệ An, lên dạy học ở một xã miền núi xa xôi nhất của huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai. Ở xã nọ, năm năm qua không năm nào có nổi năm đứa trẻ đi học. Người lớn mù chữ vẫn hoàn toàn mù chữ. Nhưng năm năm ở đó anh trồng được năm vụ xuyên khung, thu hoạch đủ tiền tậu được một chiếc xe đạp nhãn Phượng Hoàng mới toanh. Đất ở đây tốt nhất hạng, công phu hơn có thể trồng được cả cây thuốc quý, hái ra tiền như bạch truật, tam thất.

Tiếc vùng đất sinh lợi nọ lắm, nhưng anh Rư vẫn vui vẻ chấp hành điều động của Ti Giáo dục đưa anh về giữ chân văn thư ở trường sư phạm tỉnh. Giáo viên cấp I dân lập, trình độ văn hoá xấp xỉ lớp Năm bổ túc. Dạy cấp một khác gì cơm chấm cơm, biết một dạy một, đã thế lại năm năm liền không một lần soạn bài, lên lớp, chữ nghĩa rơi rụng hết. Anh Rư tự hiểu mình, chấp nhận sự phân công, chẳng một lời than vãn.

Trường sư phạm tỉnh sơ tán ở chân núi Hoàng Liên. Từ nhà anh Rư đến đó, đường xa hơn mười cây số, lại phải đi qua thị trấn, trọng điểm đánh phá của máy bay Mĩ. Vì vậy, phải đi từ sớm bửng. Đi từ sớm bửng, lại xa, nhưng anh Rư không dùng xe đạp. Anh nói : mình đi bộ quen, lên dốc xuống dốc, mần chi đều thấy bình thường, còn đi xe, lên dốc thì nhọc, xuống dốc thì mỏi chân phanh. Vả lại, đường dạo này nhiều đoạn lầy thụt, trông cái xe lấm láp, kết bùn, xót ruột quá ! Anh Rư treo chiếc Phượng Hoàng lên xà ngang của căn nhà lá anh dựng lấy ở cạnh nhà tôi.

Tan tầm chiều, anh Rư đi bộ từ trường sư phạm về tới nhà thì đã hơn sáu giờ. Miền rừng, trời mau tối, nên chỉ uống hớp nước, cởi cái áo và chiếc quần dài ra, là anh cầm ngay cái cuốc, con dao, chiếc thuổng, tranh thủ làm việc liền.

Anh Rư khoẻ lắm. Trông vóc dạc cũng thấy. Anh thấp tè, từ gót tới đỉnh đầu chưa đến mét rưỡi. Vai rộng, hông hẹp, chân anh ngắn có một

mẩu. Mặt tròn, to phệnh, mắt một mí, mũi triều thiên huếch ngược, trông anh vừa ngây thơ vừa ngộc nghệch. Bắp chân, bắp tay anh nổi con chuột, rắn như đanh. Tính anh hiền lành, đơn giản. Ăn thế nào cũng được. Bát cơm nguội với quả cà, dúm muối trắng là xong. Mặc đi làm thì cũng chỉ bộ quần áo bà ba may bằng mấy vuông vải nâu dấn bùn. Còn ở nhà, trừ những ngày quá rét, lúc nào cũng chỉ một manh quần cộc nâu bạc suốt từ sớm đến tối. Anh chỉ có một nhu cầu là làm việc.

Cuốc đất, san nền, chặt cây, đánh gianh, dựng nhà, đắp bếp. Rồi phá rậm, lên luống gieo hạt cải, bắc dèo đậu đũa, dựng dàn mướp hương. Rồi khai quang các vùng đất lầy thụt và mở việc trồng trọt lên sườn núi cao. Rồi khơi suối, nắn dòng, bắc cầu. Anh cán bộ nghèo mang trong mình dòng máu người lao động, với cốt cách con nhà nông bần hàn, chịu thương chịu khó, nhìn chỗ nào cũng thấy việc, cũng thấy có thể sinh lợi. Đất trồng trọt ở rừng cơ man, tha hồ thoả sức. Cao thì lúa, khoai, ngô, sắn. Thấp thì chuối, chanh, rau, đậu. Chăn nuôi lại càng dễ. Gà thì thả lên rừng cho nó nhặt sâu bọ. Vịt thì sẵn suối nước đấy có khác gì thò tay vào túi lấy tiền. Chưa kể còn đi rừng lấy mật ong, hái măng nứa, chặt song mây, nhặt hạt mít rừng, hạ cây, xẻ gỗ.

Đều đều trôi đi trong nhẫn nại âm thầm ngày lại ngày. Không là hội hè, cũng chẳng hề u oải, ngày nối ngày chỉ một khí sắc cần lao. Không lo âu, phiền muộn, chẳng hề thấy thế là vất vả, là khổ cực, anh Rư chỉ nhăm nhăm cái đích trước mắt là động chân động tay làm ra được một cái gì đó có ích có lợi. Lao động là sinh thú tiên thiên duy nhất của anh. Anh chỉ ngưng nghỉ chân tay khi ngủ. Bất đắc dĩ phải tiếp khách thì anh vừa trò chuyện vừa tranh thủ chẻ nắm lạt, vót mớ nan, cạp lại cái rổ, cái rá.

– Tôi vừa vào cái làng Mán *đỏ* ở sâu tít trong khe, anh Khang ạ. Chuối rừng, mon dại trong đó rất nhiều. Tuần tới tôi sẽ đắp thêm cái lò nấu chảo cám lợn. Rồi đi Mường Khương lấy mấy con giống về. Đất rừng này mà không nuôi lợn thì phí lắm !

– Chỗ đất trồng mon lầy thụt kia tôi tính rồi, chỉ cần xuống vài ba thép mai, mấy cái chủ nhật là thành cái ao. Nhất canh trì, nhì canh điền, làm chơi ăn thật đấy, anh ơi !

– Có nhẽ tôi sẽ đắp cái đập ngăn khúc suối này lại, anh ạ. Ờ, vừa có chỗ tắm táp, lại đặt được mấy cái hom, nhất cử lưỡng tiện thật.

Kế hoạch này chưa xong, dự định khác lại đã nảy ra trong óc anh. Có lần anh bảo, đánh thắng thằng Mĩ xong, ai hồi cư về nơi cũ thì cứ việc. Còn anh, anh ở lại đây thôi. Đây sẽ là cái đương cơ giàu có, là cái trang ấp trù phú ăn đời ở kiếp của anh, của vợ con, cháu chắt nội ngoại của anh.

Lao động với anh Rư là thú vui trần gian cao cả, là cơn say đắm hồn nhiên, là cách thức để thoả mãn cái sức mạnh tiềm tàng không bao giờ dùng hết trong anh. Không ngơi nghỉ, không biết đến một miếng ngon, không ưa bàn luận thế sự, học thuyết, văn chương như những kẻ có được ít chữ nghĩa. Sách báo không có, loa đài không nghe, người cán bộ này chỉ một niềm mê mải là chuyển hoá cái sinh lực vô song của mình thành các tạo vật sinh sôi xung quanh mình. Làm ! Làm không biết đến mệt nhọc ! Làm không tiếc sức ! Làm như ganh sức đua tài ! Làm như thèm khát, như để thoả nỗi căm hờn bấy lâu bị trói chân trói tay ! Vô chứng vô bệnh, không biết ốm đau mỏi mệt là gì, như được sự trợ giúp của thần linh, con người này biến công việc khó nhọc thành các thao tác nhẹ nhàng của thói quen. Các thao tác nhẹ nhàng qua tháng ngày tạo nên các công trình. Và đến đây thì một bước nhảy vọt kì diệu thế là đã xuất hiện từ công việc lao động bình thường lặng lẽ của anh. Mọi cái đẹp ở trên đời thường hiện ra dưới dạng lặng lẽ. Lặng lẽ như tự nhiên muôn thuở, căn nhà anh Rư dựng, khúc suối anh Rư uốn dòng, vườn rau, mặt ao, hàng cây anh Rư tạo lập, toàn bộ sức lao động nhẫn nại của anh đã được kết tinh thành một khung cảnh thật tươi đẹp hài hoà. Và tôi nhiều lúc đã phải kêu thầm lời thán phục và cảm ơn anh. Vượt ra khỏi mục đích thực dụng, đi tới nấc siêu hình, con người lao động đích thực này đã tạo nên cả một không gian trữ tình đằm thắm. Trong tĩnh mịch, cảnh vật nơi hẻm núi nhờ bàn tay anh đã đạt đến cái đẹp thầm lặng, hiền triết và vô tư. Con người anh vẻ như khờ khạo thô mộc, nhưng sản phẩm anh tạo ra lại trau chuốt, mượt mà ; anh giúp cho cuộc sống giảm đi cái phần buồn tẻ, nhàm chán vốn dĩ của nó. Hiển nhiên rồi, làm ra được những điều khác thường, anh Rư ắt hẳn phải là con người có tài đức khác thường đáng được chúng tôi vô cùng yêu quý !

Hôm ấy, bức toàn cảnh gần như sắp hoàn thành, anh chuyển sang một công việc được coi như là điểm một nét chấm phá cuối cùng. Anh đào giếng. Anh bảo với mẹ tôi rằng : vợ anh người Hà Nội, quen dùng nước sạch, dùng nước suối cô ấy dễ bị dị ứng da. Tôi hiểu : Yêu là một duyên cớ cao thượng để con người được trở thành chính mình !

*
* *

Anh Rư yêu quý vợ mình lắm. Tình yêu của anh không bộc lộ ở lời tưng nịnh, ở cử chỉ âu yếm. Tình yêu của anh bộc lộ một cách cao thượng, lớn lao hơn. Anh đặt toàn bộ công việc nặng nhọc của gia đình trong thời kì xây dựng lên trên vai mình. Anh quyết biến cải hoàn cảnh để vợ anh được hưởng sự sung sướng, thuận lợi ngay trong lúc chiến tranh ác liệt phải sơ tán vào nơi núi rừng.

Chị Nhần, vợ anh Rư, tuổi ngoài ba mươi. Quê chị ở Thanh Hoá. Ra giúp việc ông chú ở Hà Nội từ lúc mười sáu tuổi. Ít lâu sau, ông chú mất, bà thím trở mặt, chị phải tự lập sống bằng nghề đi ở và gánh nước thuê. Anh Rư về Hà Nội họp, ở nhờ nhà ông bác cạnh nhà chị. Anh đã hơn bốn chục, gặp chị, cũng là gặp duyên trời, hai người lập tức gắn bó.

Chị Nhần thấp lùn, chân tay ngắn chùn chũn. Chưa con nhưng ngực xệ, bụng phưỡn. Mặt chị lại quá nhỏ, khéo chỉ bằng cái niêu kho cá bống. Thêm hai con mắt lá răm ở xa nhau, mặt chị thêm cái vẻ đong đưa, hay lên mặt đài đệ. Gương mặt chị lồ lộ nét trần tục và khí cục toát ra kém hèn thế nào ấy. Chị là người gốc nông thôn, nhưng đua đòi tơ tuốt, tính tình thì cỡn cờ, ăn nói thì chấn chở, không có gia bản, căn cốt. Chỉ ít ngày sau khi chị lên ở với anh Rư, mẹ tôi đã nhận xét vậy. Và tôi cũng thấy không sai. Nhất là tiếp xúc với chị, thấy chị ăn uống điệu đàng, gảnh gót, ứng xử võng hãnh, không phải lối, đặc biệt là hay bĩu môi bĩu mỏ chê người, chê anh Rư. Chị chê anh Rư già, chê anh quê kệch. Miệng chị phũ lắm. Dài giọng, chị mắng anh là vai u thịt bắp mồ hôi dầu, là đồ ăn gio bõ trấu ỉa ra than.

Mẹ tôi chặc chặc lưỡi : "Chết, sao anh để chị ăn nói thế !". Thì anh cười hị hị : "Cháu chả chấp. Cô ấy non người trẻ dạ. Với lại, người thành thị được nuông chiều từ bé nên hay đòi hỏi. Lấy cháu, lên đây ở là cô ấy phải hi sinh nhiều lắm !"

Nhất nhất mọi việc anh Rư đều nhận phần dở, phần sai về mình. Anh nhường nhịn vợ hết mực, lại tưởng tượng ra mọi điều tốt đẹp để bênh vực vợ : có bận chị mắng anh té tát là đồ cổ cày vai bừa, chém to kho mặn, đổ cả nồi cá suối anh kho quá mặn cho lợn, anh sang tôi chơi, cười hì hì, nói rằng : người đẹp họ thường khó tính ! Và thú thật với tôi rằng đây là đời vợ thứ ba của anh. Hai người lấy ở làng quê, một tảo hôn, một nạ dòng, chữ nghĩa không biết, răng đen, xấu người xấu tính lắm, lại chẳng chửa đẻ gì. So với họ, chị Nhần thật là nàng tiên, là hoàng hậu trong giấc mơ ao ước của anh !

"Rõ là xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân chưa kìa !". Mẹ tôi, ngồi trong nhà, nhìn ra bờ suối nơi anh Rư đang bổ những nhát cuốc đầu tiên trong công trình đào giếng cho vợ anh, chép miệng, rồi thêm : "Khổ thân bác ấy, sao lại có người vừa chịu khó vừa tốt nhịn thế !"

Việc đào giếng thu hút toàn bộ tâm sức của anh Rư. Anh xin nghỉ cái phép năm mười hôm. Đất rừng ven suối lắm đá. Mới được ba lượt cuốc, đã thấy nước rỉ rỉ, phải lập tức chít mạch để đào tiếp. Xuống hơn một mét thì gặp tầng đá khô. Mừng húm, vội thúc xà beng xuống sâu nữa. Ác cái, sau tầng đá tảng lại gặp đất sét và dưới nữa, lưỡi cuốc chim bén vậy mà chùn ngay lại vì chạm phải tầng đá gốc. Cuốc, đâm, nạy, bẩy, moi ... càng xuống sâu càng khó nhọc. Khó nhọc vì diện tích hẹp, khó đào bới. Vì càng lúc càng ngột ngạt bí khí. Nhưng khó nhọc thế, chứ khó nhọc nữa cũng không thể làm thối chí đuổi bắt mạch nước ngầm của anh. Anh Rư quyết đuổi bắt bằng được nguồn nước thần tiên để vợ anh tắm táp cho da thịt thêm tươi thuần, thơm tho, mát mẻ, để chị vui vẻ, sung sướng. Vui vẻ sung sướng thì chị sẽ rộng lòng với anh, sẽ thông cảm với anh, sẽ không chê anh, sẽ thương anh. Anh sinh ra trong gia đình nông dân nghèo kiết, thất học. Anh chẳng được cái mẽ bề ngoài, học hành lại tối dạ, văn chương võ nghệ, khẩu khiếu đều kém cỏi, làm

ông giáo cấp một cũng không xong. Nhưng anh có đôi bàn tay năng nổ và một tấm lòng chân thực. Tấm lòng ấy chỉ nuôi một mộng ước là có được một tổ ấm nho nhỏ, một khung cảnh sinh hoạt thuận hoà, một đời sống no ấm dễ chịu.

Anh lại biết hạnh phúc thường được bắt đầu từ người đàn bà. Chị Nhần vợ anh, vì vậy chẳng phải chỉ là nàng tiên, bà hoàng mà còn là khởi điểm của giấc mộng hạnh phúc cả đời người của anh.

Cái giếng càng xuống sâu càng hút hồn hút sức anh Rư. Tụt xuống đáy giếng, một mình lụi hụi mò mẫm đào bới dưới đó, rồi lại bíu bờ, bám thành giếng leo lên, một mình kéo lên từng xảo đất đá. Không một lời nhờ cậy vợ, anh như con dúi dũi đất, một thân một mình trần lực ra làm, lặng lẽ cô đơn như bản chất của mọi sự sáng tạo. Chỉ có tôi chiều chiều bế con ra thăm anh. Ngó xuống lòng giếng, mắt tôi rơi theo một chiều sâu hun hút. Tôi gọi anh, tiếng âm vang. Anh trần trụi, lấm láp, ngửa mặt lên, ho hó mấy cái răng bàn cuốc sau cặp môi hở, tiếng đáp nghe văng vẳng : *Ở dưới này rét lắm !* Tôi rùng mình sởn cả gai ốc như nhìn thấy âm ti địa ngục.

*
* *

Đêm đó, nghe thấy tiếng người đàn bà rên rỉ ở nhà anh Rư, tôi chợt thức giấc.

– Gì thế, mẹ ?

– Cô Nhần cô ấy chê bác Rư hôi hám, bẩn thỉu, cô ấy đuổi bác ấy ra, không cho ngủ chung. Rồi cô ấy khóc lóc, than thân trách phận, rằng nghe anh dỗ ngon dỗ ngọt, ai ngờ lên đất đồng rừng khổ sở thế này. Biết thế này thì ở Hà Nội lấy thằng xích-lô, ba gác có phải sướng hơn không !

Mẹ tôi thao thức. Lát sau, cụ chép miệng :

– Khổ ! Đào giếng là độc lắm ! Làm quần quật như thế thì sức voi cũng quỵ. Hay là hiền giả hoá ngu ! Hay là bác ấy ngậm bồ hòn làm ngọt !

Mắt chong chong, tôi thức giấc hoàn toàn. Số phận của anh Rư từ trong anh bước ra, giờ nó đang hiện ra trong tiếng khóc ti tỉ ai oán của chị Nhần. Chị Nhần khóc dai lắm. Khóc để bộc lộ nỗi niềm. Khóc như để gợi lòng thương xót của ai đó. Cho đến lúc, trong không gian đêm tối mênh mang bật lên một tiếng đàn :

Suối mơ bên rừng thu vắng
Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng.

Tiếng đàn măng-đô-lin !

Tiếng đàn dây bốn sợi mỏng manh gai gai gơn gởn một tâm tình cô độc thèm muốn thở than và quấy quả bấy lâu thi thoảng vẫn hiện lên trong khuya khoắt, dằng dai như một ám ảnh. Tiếng đàn ấy đêm nay như một ám hiệu kì quái khiến tôi bất giác phải lo ngại. Nỗi lo ngại của tôi thật sự đã mang máng hình thành cách đây ít lâu, kể từ khi xuất hiện một nhân vật mới ở hẻm núi cây số 7 này cùng tiếng đàn *măng-đô-lin* của y. Đó là gã nhân viên thuế vụ đi chiếc xe đạp nhãn hiệu Phượng Hoàng, sơ tán cũng ở hẻm này, nhưng sâu vào phía trong thêm vài chục mét nữa. Gã chạc bốn mươi, da ngăm, tóc xoăn, vóc dạc cao lớn, mặt mũi vừa trai lơ đàng điếm, vừa hầm hập nỗi thèm khát nhục thể. Một lần trời mưa, xuống xe đạp ở đầu hẻm, ngại con đường vào nhà lầy lội, anh chàng đẩy chiếc xe đến trước cửa nhà anh Rư, cất tiếng : "Người đẹp ơi ! Nhà rộng, cho gửi chiếc xe qua đêm được không ?". Chỉ có Nhần ở nhà. Gã đưa xe vào nhà, ngước lên cũng thấy chiếc Phượng Hoàng như của mình treo trên xà nhà, liền kêu to là nhà người đẹp giàu quá. Thế là người đẹp được thể rên rỉ, nhiếc móc chồng. Chàng nhân viên thuế vụ lập tức hứa sẽ giúp người đẹp tập xe đạp bằng chiếc xe của mình. Và đêm đêm cậu chàng như bóng gió nhẩn nha giao tình với chị chàng qua tiếng đàn *măng-đô-lin* gẩy bài Suối Mơ này.

Tiếng đàn của chàng nhân viên thuế vụ chắc hẳn chẳng lọt tai anh Rư. Nhưng anh chàng đã thực sự trở thành nhân vật tích cực tham gia vào hồi kết của vở kịch đời Rư, nhất là từ khi anh rơi vào trận ốm thập tử nhất sinh.

Đúng như mẹ tôi nói, đào giếng là độc lắm. Việc thổ mộc không hộc máu cũng hộc cơm. Và cảm giác nổi gai khắp người tôi hôm rồi, khi nhìn xuống lòng giếng sâu tăm tối, thấy Rư ngửa mặt ho hó những chiếc răng cửa to bản, kêu rằng dưới này rét lắm, đã là điều tiên báo cho cái sự kiện thảm thương chiều ấy, khi anh leo lên khỏi thành giếng, vừa đứng dậy đã xây xẩm mặt mày, ngã ngửa người, mắt trợn ngược, thân hình tím như dọng máu, ngay trên bờ cái giếng vừa mới hoàn thành.

Anh Rư ốm nặng quá ! Ba ngày đầu anh sinh sịch bốn mươi, bốn mốt độ. Đến ngày thứ tư thì chuyển sang vừa nóng vừa rét. Nóng thì như cái lò than. Rét thì rét từ ruột rét ra, người co quắp, răng lập cập, đắp bao nhiêu chăn chiếu cũng không lại. Liền mười ngày, cơm cháo nuốt được miếng nào lại nôn ra miếng ấy. Người đang đẫy đà vậy, qua mấy hôm chỉ còn da bọc xương. Mặt nổi gồ lên đôi lưỡng quyền và đôi môi khô nẻ co lại để hở mấy chiếc răng to bản vàng khè, từ đó phát ra tiếng rên rỉ thê thảm. Anh Rư rên rỉ trong mê man. Trong mê man, có lúc còn thấy anh khóc ngằn ngặt, rồi chép miệng như muốn kêu trời : rằng tại sao tôi lại khổ nhục thế này ? Lại có lúc bỗng dưng anh kêu la sợ hãi như trông thấy ma vương quỷ sứ dưới âm ti địa ngục. Xem ra trong con người có cái vỏ bề ngoài khù khờ, thô mộc này, còn có điều ấm ức chưa nói ra được. Và trong cơn ốm đau vì thể chất hư hoại này, anh còn một khối uất kết không được giải toả. Anh Rư hàng xóm của tôi, bấy lâu nay tôi đã hiểu hết anh đâu ! Anh Rư bị sốt thương hàn, rồi biến chứng phát ban nhập lí. Nửa tháng qua, thấy anh càng ngày càng yếu, tôi và mẹ tôi giục chị Nhần đưa anh đi bệnh viện ở cây số mười. Thấy chị khất lần, tôi phải sang, cùng mấy người ở nơi anh công tác lừa lúc anh li bì trong cơn sốt, vực anh dậy đưa ra võng. Nhưng, nhạy cảm, anh biết, anh quẫy đạp, nhất quyết phản đối. Thều thảo anh nói như mê lú rằng, anh đi thì để người ta chiếm mất nhà à. Rồi lại như buột miệng kêu : "Tôi chết ở đây thôi". Mẹ tôi la hoảng : "Thỉ thui cái miệng bác đi !". Chị Nhần sõng tay, mặt lầm lầm : "Đã muốn chết thì cho chết luôn đi. Ai mà chiều mãi được".

Anh Rư nằm đấy một tuần, bao nhiêu lợn gà chị Nhần đã đem đi bán hết. Chị không biết chăm sóc chồng ốm. Nói cho đúng, chị bỏ mặc

anh. Nấu cho anh nồi cháo còn chưa kịp dừ chị đã bỏ đấy, tót đi tập xe đạp với gã thuế vụ. Mẹ tôi phàn nàn : "Rõ là tuồng mèo mả gà đồng chưa ! Hỏi rằng không có người ta thì nó sao thoát khỏi kiếp đứng đường đứng chợ !". Rồi bà tiếp : "Khổ ! Bác Rư bác ấy không biết ! Chứ con nặc nô này nó đú đởn với thằng ông mãnh từ lúc bác ấy đào giếng kia ! Nhưng lúc này bới chuyện ra, bác ấy uất lên thì khổ !". Thật sự lo lắng cho tính mệnh anh Rư, mẹ tôi sau mấy đêm trằn trọc, nghĩ rằng anh Rư đào giếng, chắc động phải cái mạch thổ thần gì đó, nên bảo chị Nhần sửa soạn cái lễ tạ, nhưng chị gạt đi, nói rằng như thế là mê tín. Mẹ tôi bảo : Thế thì vái tứ phương tìm thuốc cho anh ấy đi, chị cũng chỉ ậm ừ, kêu rằng mình cũng đang ốm đây.

Chị Nhần chẳng bệnh tật ốm đau gì sất. Chị béo như con cun cút. Chị sởn sơ, mỡ màng thêm lên thì có. Má chị đỏ rạn và bụng chị như mỗi ngày một thêm phình phính. Buổi tối, tập xe đạp ở ngoài đường cái, tiếng chị cười hí hí vang vào tận hẻm núi. Có đêm gã nhân viên thuế vụ đèo chị đi xem chiếu bóng tận cây số chín, quá nửa đêm mới về. Còn kéo nhau ra cái giếng anh Rư đào, kéo nước, giội cho nhau, kì cọ, vỗ về nhau, khoái trá cười khinh khích từng hồi dài.

Một tháng qua, cám cảnh cho số kiếp anh Rư, mẹ tôi phải lặn lội vào tận làng Mán *đỏ* trong hẻm sâu, tìm thầy lang cho anh. Thầy lang Mán cắt cho anh mấy thang thuốc gia truyền, lại đặt ống giác hút máu độc ở lưng, ở ngực, anh mới đỡ. Dứt cơn sốt, nhưng anh chỉ còn là một thân xác còng queo, nằm không động đậy trên ổ rơm, đôi môi dày nứt nở, khô se, hàm răng cửa đã hở lại càng hở. Nhà lúc này như nhà hoang. Vì chị Nhần gần như bỏ đi công khai tằng tịu với gã thuế vụ tóc xoăn. Gã thuế vụ vốn nòi hiếu dục, lại sống độc thân ở nơi hẻm rừng ; còn chị chàng là chiếc thân lạc loài, hay đâu chầu đấy, chê chồng, vừa háo của lạ vừa thích hoa lá non nỉ. Hai cái nhu cầu tinh thần và thể xác nhập vào nhau, lại gặp cảnh núi rừng quạnh vắng, tha hồ mà quấn quyện lăn lóc. Nên đã có lúc tôi rơi vào trạng thái bất nhẫn, muốn hét to lên để ngăn một tội ác, và chế ngự một nỗi khiếp đảm. Vì chính tai tôi nghe thấy ả vợ anh cằn nhằn : "Ốm mãi thế thì chết quách đi cho đỡ khổ có hơn không !".

May mắn thay, anh Rư đã qua khỏi được trận đau ốm thập tử nhất sinh nọ !

Anh Rư chưa chết. Anh Rư không chết. Thuốc lang lá lẩu xằng xịt, săn sóc sơ sài vậy thôi mà anh không chết. Anh không chết, vì quật ngã được anh đâu có dễ. Cơ thể anh được cấu tạo bằng chất liệu đặc biệt, nó kết tinh sức sống mãnh liệt của bốn năm đời ông cha cụ kị sinh tồn trong nghèo nàn, đói khát, khốn khổ cùng cực. Anh không chết vì anh còn lắm khao khát, còn nhiều mong muốn, vì anh có ý chí hơn người. Người quê anh thường vậy, họ đã định làm cái gì là phải làm bằng được. Đấy, vừa tối qua, trong mê man, anh ứa nước mắt kêu mệt quá, biết thế này thì cố làm gì cho khổ. Vậy mà sáng hôm sau, tỉnh tỉnh một tí là anh lại lẩm thẩm một mình, rằng có nhẽ nên khai ruộng trồng lúa, chứ đừng nên thả mon nuôi lợn ở vũng lầy ấy.

Tuy vậy, phải nói thật rằng, sức người là có hạn. Quá đắm đuối với dự định lớn lao và lạc thú cải tạo hoàn cảnh sống, anh Rư đã tự vắt kiệt sức mình. Trận ốm nghĩ mà kinh. Giờ đây mặt anh chỉ còn lại hai con mắt lờ đờ động đậy là còn thần sắc. Chân tay động cựa không được. Muốn đứng dậy đi lại, nhờ y tá tiêm cho mấy ống Stricnin vào chân để bổ gân, cũng không ăn thua. Thở mạnh cũng là quá sức. Ngực xẹp. Phổi lép. Tim đập chập chờn. Óc rỗng không, kí ức hết sạch.

*
* *

Phải hơn mười tháng sau anh Rư mới hồi sức. Hồi sức bắt đầu từ đôi chân.

Anh ngồi dậy, thò chân xuống đất, nhói đau ở khớp đầu gối, ở hông, ở mỗi đốt sống và tận đỉnh đầu. Vịn tường vách, anh lò dò ra sân. Nắng sáng choang mảnh sân đất phất phơ mấy chồi cỏ. Bóng anh lểu đểu xiêu vẹo. Anh đưa tay che mắt. Anh quáng nắng, anh ngỡ ngàng vì như vừa bắt gặp một nguồn lực siêu thường từ cao xanh rọi xuống, phóng toả ra xung quanh, nhập vào nội tạng mình.

Mùa xuân đang rộ. Hoa riềng trắng bạch nở sáng loá các mỏm đồi. Chân hai quả núi đất kẹp khe suối nhỏ bồng bềnh những vệt hoa đom đóm xám trắng và những bông lau bạc rập rờn lay động vì đàn chào mào vừa khuấy đảo. Trên đầu anh, không gian mở rộng hút tầm con mắt.

Trước mắt anh, con suối mở rộng lòng, trong như lọc, chảy qua những viên sỏi cuội như được lau rửa, bào chuốt trắng phau, nhẵn bóng. Tươi vui biết bao là những chấm nắng nhảy nhót trên mỗi gợn sóng nhỏ. Và khung cảnh bỗng thoáng chút đìu hiu mơ mộng vì nét cắt ngang mềm mại của cây cầu qua suối không một bóng người. Anh muốn kêu to : "Ai làm ra cảnh tượng đẹp đẽ thế kia ?".

Bước lên mấy bước nữa, anh Rư lại giật mình vì nhìn thấy bên bờ suối cái miệng giếng tròn vạnh. Trí nhớ của anh mù mịt khói sương. Anh ứa nước mắt sung sướng, có cảm giác trời phật đã hiện ra giúp anh. Cái giếng nước lọc, cái ao ước của đời anh, là hình tượng hoá tình yêu của anh với vợ anh thế là đã thành sự thật rồi !

Có tiếng rung nhè nhẹ trong không khí, anh Rư từ từ quay đầu lại. Trên mảnh sân anh vừa đi qua, những tấm áo quần ướt sũng vừa vắt lên sợi dây phơi hật hờ đung đưa, bóng chúng in lên mặt đất những khoảng tối đen ngòm. Vợ anh vừa đi tới đầu dây phơi bên này. Chị đang kiễng chân cố sức để vắt lên đó tấm chăn chiên. Khổ ! Sợi dây vì sợ chùng ở đoạn giữa nên hai đầu buộc phải níu trên cành cây cao tít. Mà chị thì lại quá thấp và hình như càng ngày càng thấp đi. Vắt trượt một lần, chị thở hổn hển. Lạch bạch chuyển chân tìm thế đứng mới, chị rún chân lấy đà, rướn thật lực thân người lên trong khi cánh tay phải hất mạnh tấm chăn cho nó bay vọt qua phía bên kia sợi dây. Trong động tác ấy, vạt áo chị mặc giật hất lên, hở hoác vùng bụng trắng hếu căng phình. Bụng chị Nhần căng phình ! Bụng chị Nhần tròn mọng như bụng trâu no cỏ. Bụng chị Nhần căng nhức như cái nhọt bọc sắp vỡ. Cái thai, nghiệt căn của cuộc tình trăng gió vô luân của chị, đã sang tháng thứ tám !

Quay đầu lại, hai con mắt lờ đờ của anh Rư chết sững trong giây lát, rồi chợt nhếch chéo, loé sáng. Nỗi niềm mu mơ ẩn chìm bấy lâu, nay trong ánh thần quang đã đi tới sự hiển linh, cặp mắt anh chợt sập xuống, anh toát mồ hôi lạnh, anh run bẩy bẩy. Cuộc sống thật trớ trêu và khốn khổ ! Người vo tròn, kẻ bóp méo. Nhịn nhường hết mực mà hạnh phúc vẫn xa vời là thế ; nhưng anh là con người thực sự chân chính, không một kẻ nào được phép lợi dụng, sỉ nhục anh ! Không được phép !

Lê chân, anh Rư đi đến miệng cái giếng do chính tay anh khơi đào, nhìn xuống. Anh thấy mặt mình hiện trong nước giếng như mặt con nghé đòng đòng nhu nhú bốn cái răng cửa to bè.

*
* *

Chiều ấy, tiếng máy bay Mĩ chộn rộn mãi ở sau núi tới hoàng hôn buông mới tắt hẳn. Tôi về đến nhà thì đã thấy mấy người sơn tràng từ trong hẻm ra đang túm tụm trên miệng cái giếng nọ và mẹ tôi mặt tái xám vì sợ hãi, ôm chặt đứa cháu nội đứng thin thít ở cạnh búi mai bên bờ suối. Cái chung cục thảm thương của một kiếp người lam lũ đã vắt kiệt sức lực và chân thành vun đắp cho mộng ước khốn khổ của đời mình, đã tới rồi !

Anh Rư đâm đầu xuống giếng tự tử. Đầu anh vỡ toác, ngập trong nước. Đôi vai rộng của anh mắc kẹt ở bờ giếng hẹp. Loay hoay mãi, chẳng biết làm thế nào để đưa anh lên được, cực chẳng đã, tôi phải tụt xuống đáy giếng, buộc dây vào cổ chân anh để trên kéo, dưới nâng dìu xác anh lên. Định vậy mà lóng ngóng mãi không xong. Phần vì kinh sợ, chân tay run lập cập. Phần vì lòng giếng lạnh rượi, có cảm giác nó như cái kính thiên văn khổng lồ chiếu lên thiên cực liên thông ba cấp vũ trụ : trời, đất, địa phủ.

Cuối cùng trời tối sập, công việc mới nhúc nhích. Nhưng xác anh Rư được dưới nâng, trên kéo tới gần miệng giếng, tôi bỗng rủn người, khuỵ xuống, khiến tất cả những người ở trên bờ như hụt hẫng, lạc nhịp kêu to một tiếng kinh hoàng và buông tay. Lọt xuống lòng giếng tối mờ như âm phủ là tiếng đàn măng-đô-lin quen thuộc gẩy bài *Suối mơ*. Tiếng đàn lởn vởn như một hồn ma bóng quỷ từ tiền kiếp hiện về ...

Lời bình

Truyện đầy ắp những chi tiết sống động, phi thường, kinh dị : sức vóc rời non, khơi dòng của Rư cùng là lòng tốt chân thành, u mê, khờ

khạo đến khó tin của anh, tiếng đàn măng-đô-lin đầy sức mê hoặc ma quái của gã nhân viên Chi cục thuế đã lôi cuốn người đàn bà nông nổi, vụ lợi dấn sâu vào con đường phản trắc người chồng ân nhân. Ngón đàn trong tay kẻ xấu, lợi dụng để thoả mãn thói vị kỉ, chẳng khác nào một thứ hồn ma, bóng quỷ - thế lực hắc ám gieo rắc bao nỗi oan khiên, huỷ diệt cuộc sống, khuynh đảo sự bình yên của đời người.

Hình tượng cái giếng trong lành, một sáng tạo độc đáo của Ma Văn Kháng - đó là một kính thiên văn khổng lồ liên thông ba cấp vũ trụ, soi tỏ mọi điều, làm một phép thử và lời nhắc nhở về sự không thuần toàn của cuộc đời và con người. Rư cặm cụi đào giếng, vắt kiệt sức lực có hạn của mình vun đắp mộng ước nhỏ nhoi, khốn khổ, tâm niệm theo đuổi hạnh phúc một cách vô tư. Anh có sức mà không có trí, đã nhầm lẫn tai hại. Nhần phũ phàng không tiếp nhận món quà tâm huyết của anh, thị chỉ muốn lợi dụng anh, sỉ nhục anh. Kết cục, sự tự huỷ diệt mà Rư bị dồn cùng đường bất đắc dĩ thực hiện, trở trêu thay cũng không trọn vẹn ! Rư không còn chỗ đứng dưới ánh mặt trời, linh hồn anh đã theo quỷ dữ xuống âm ti địa phủ, nhưng như một ẩn ức ngậm hờn, thi thể anh vẫn chưa được mặt đất tiếp nhận để mà được cứu rỗi, siêu thoát, luân hồi.

Rư là nạn nhân của sự không hoàn thiện trong con người mình. Sức mạnh cơ bắp và lòng tốt bản năng không được dẫn dắt bởi lí trí tỉnh táo thì khó mà tồn tại và vượt qua được nghịch cảnh và hiểm hoạ của số phận. Truyện đạt tới chiều sâu triết lí về nhân sinh, thế sự : Đừng có "hiền giả hoá ngu" !

Nguyễn Ngọc Thiện

Hà Lâm Kỳ

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hà Lâm Kỳ. Sinh ngày 18 tháng 7 năm 1952.

Quê quán : Xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản : *Kỉ vật cuối cùng* (truyện dài, 1991) ; *Chim Ri núi* (truyện vừa, 1992) ; *Xôn xao rừng lá* (thơ, 1992) ; *Những đứa con lên núi* (truyện ngắn, 1994) ; *Tướng quân Nguyễn Quang Bích* (truyện tranh, 1993) ; *Gió Mù Căng* (truyện dài, 1995) ; *Con trai bà chúa Nả* (truyện ngắn, 1997).

Giải thưởng văn học : Giải thưởng chính thức Hội Nhà văn VN, 1992 (*Kỉ vật cuối cùng*, truyện dài) ; giải thưởng văn học của UBND tỉnh Yên Bái - Giải nhất, 1994 (*Chim Ri núi*, truyện vừa) - Giải ba, 1996 (*Gió Mù Căng*, truyện dài) ; giải ba của NXB Kim Đồng - Báo Thiếu nhi dân tộc, 1996 (*Quả nhạc xoè của mẹ*, truyện ngắn).

CON TRAI BÀ CHÚA NẢ

Ở làng Bằng có ngôi đình. Đình không to nhưng đẹp và thiêng. Cách ngôi đình khoảng bảy trăm mét có một cái đền nhỏ. Người dân địa phương không gọi đền mà gọi là nhà thờ. Vào nhà thờ thấy có ba bát hương, hai bát đặt ở ngạch trên, một bát ở ngạch dưới ; bát đặt ở ngạch dưới bé hơn và có vẽ một con rồng đang cuộn mình về phía trước. Nhưng con rồng không được vẽ như đồng loại mà trên từng khúc thân, mỗi khúc thân là một mảng hoa văn. Cách đây mấy năm có một nhà sưu tầm văn học dân gian bước vào nhà thờ, sau khi thắp mấy nén nhang

và vái ba vái, ông xem đi xem lại cái bát hương có vẽ hình con rồng đó, rồi khẳng định : Mỗi băng hoa văn là một giải khuy áo, mỗi giải khuy áo là của một dân tộc. Tôi cùng đi với nhà sưu tầm hôm ấy, nghe nói thế, lạ quá mà chẳng dám hỏi gì nhiều. Ít lâu sau, có dịp trở lại Làng Bằng, tôi đem chuyện thưa với cụ Chu. Cụ Chu đã gần một trăm tuổi mà vẫn khoẻ mạnh, đầu óc tỉnh táo, nói năng lưu loát. Cụ bảo :

– Chuyện nó dài lắm, chỉ nói ngắn thôi.

– Vâng, thưa cụ !

*
* *

Thời Vua Lê, có ông quan làm nhiệm vụ trông coi vùng phía tây Thăng Long gọi là quan Trấn phủ Tây Bắc. Quan Trấn phủ có một người con gái đẹp tên là Na, nàng Na. Nàng Na được quan bà chiều chuộng, ngày ngày chỉ ở trong cửa phủ.

– Ơi các tì nữ, nàng Na của ta đâu rồi ?

– Thưa quan bà, cô nương đi dạo vườn đào ạ.

– Ờ, trông nom cẩn thận đấy.

Ngày qua tháng lại, nàng Na bước sang tuổi mười sáu. Một hôm, quan ông đi kinh lí dọc sông Thao trở về :

– Nàng Na ơi, con đã đến tuổi hiểu biết, cha cho phép con từ nay được ra ngoài làng.

Nghe cha nói được phép ra ngoài làng, nàng Na mừng rỡ chạy tới ôm chầm lấy mẹ như muốn khóc.

– Bà ạ, quan ông nói, ta chỉ có một mình nàng Na, phải cho nó hiểu biết để sau này còn trông nom dân chúng.

Quan bà ngồi lặng lẽ.

Từ đấy cứ chiều chiều nàng Na lại được cùng các tì nữ ra khỏi cổng quan. Mỗi lần rời chốn sân đình nàng sung sướng nô đùa với các nữ hầu, ngắm nghía từng búp lá non, đuổi bắt đôi bươm bướm trắng. Có lúc

quên cả mình là con quan đại thần, nàng chạy sa lại xem mấy đứa bé đang mò cua bắt tép ven suối.

Rồi một ngày kia, nàng Na ra bãi sông Chương ngắm cảnh.

– Thưa nương nương, đã đến giờ rồi ạ ! Một nữ tì nói.

– Các chị có nghe thấy gì không ? Ta ... ta vẫn chưa muốn rời khỏi nơi này.

Các nữ tì tròn mắt nhìn nhau chưa hiểu có chuyện gì xảy ra.

– Kìa, các chị nghe rõ tiếng gì không ?

Một nàng hầu bước lại :

– Thưa cô nương, hình như có tiếng sáo ạ.

– Ta cũng nghe như vậy đấy.

Đúng là tiếng sáo, tiếng sáo trúc lẫn vào tiếng sóng sông Thao và tiếng gió rừng lúc thanh lúc lặng.

Đêm ấy nàng Na thổn thức không làm sao ngủ nổi, nàng quyết định từ mai chỉ ra bãi sông này chờ đợi.

Hôm sau, hôm sau, hôm sau. Rồi hôm sau nữa...

– Cô nương, cô nương ơi, trông kìa !

Một chấm nhỏ nổi lên giữa dòng sông Thao, chấm nhỏ to dần, to dần.

– Có một chiếc bè gỗ đang trôi xuôi, tiếng sáo véo von từ đấy cô nương ạ.

Nàng Na nhìn theo ngón tay người nữ hầu hơn tuổi mình mà lòng rối như tơ.

"Chẳng lẽ tiếng sáo làm nôn nao lòng ta lại là của một người đi bè hay sao ?"

Nhưng chiếc bè gỗ vẫn cứ xuôi dòng, cứ gần lại, và tiếng sáo vẫn cứ bay bổng réo rắt bên tai cho tới khi trước mặt nàng Na xuất hiện một chàng trai mình trần, da sạm nắng, khoẻ mạnh, đôi mắt đen và sáng, thì nàng vội lấy hai tay che mặt. Tiếng sáo cũng ngừng reo.

Thật uổng cho chàng trai, anh ta tưởng đó là những người dân nhờ đi xuôi bè nên từ từ ghé mảng vào bờ. Một thị nữ kêu lên :

– Nương nương, nương nương ơi, đi mau lên mau lên !

Nàng Na vẫn đứng lặng, nàng không biết mình tỉnh táo hay đã bị thôi miên, đến lúc có một nữ tì kéo tay, nàng mới chợt tỉnh. Đôi mắt chàng trai hay tiếng sáo thần quen như một cái gì linh cảm xoáy mạnh vào trái tim bé nhỏ của nàng. Nàng Na vụt chạy khỏi bãi sông Chương.

Đã ba ngày, nàng Na không muốn ăn, không muốn chơi, chẳng thị nữ nào dám nói ra lí do nàng mệt mỏi. Quan ông quan bà buồn lắm, gặng hỏi mãi, đến ngày thứ tư nàng mới kể lại câu chuyện bên bãi sông và đòi cha mẹ cho đón chàng trai lái bè về dinh quan Trấn phủ.

Bến sông vẫn êm đềm như mọi ngày. Từ hôm gặp các nàng tiên, anh chàng lái bè như thấy mình được một giấc mơ lạ. Chàng ước ao gặp lại để được nhìn thật lâu người đẹp, nên cứ mỗi khi bè qua bến sông chàng lại thả neo chậm chậm, và tiếng sáo lại bay lượn giữa trời xanh. Chàng không biết mình đang gặp may. Một nhóm người lạ đang chờ đón ở ngã ba sông Chương, trong số ấy có một tiên nữ phục vụ nàng Na hôm trước.

– Thưa chàng, quan Trấn phủ Tây Bắc cho lệnh mời chàng về dinh.

– Ta ư ? Ta không thể, ta sống với thổ dân quen rồi, hãy để cho ta đi, ta không thể ...

Chàng lái bè nhất mực từ chối, nhưng rồi cũng phải bước theo nhóm người lạ.

Được tin quan cha cho đón chàng lái bè, nàng Na như khoẻ lại.

– Cha ơi, con chỉ ao ước được ở bên chàng, đi với chàng đến nơi rừng núi.

Quan Trấn phủ lấy làm lạ, ông gặp chàng lái bè.

– Thưa quan, tên con là Yên, họ Phạm, tự là Đình, thường gọi là Phạm Đình, quê ở đất Giao Châu, tha phương lên miền tây núi Nả làm con nuôi thổ dân họ Hoàng từ nhỏ nên gọi là Hoàng Đình, sống bằng nghề tiều phu sơn tràng, mươi ngày một lần chở bè xuôi sông buôn bán.

– Ở đất miền tây, thổ dân địa phương sống ra sao ? Quan Trấn phủ hỏi.

– Thưa quan, họ ở rải rác dưới các quả đồi, lập thành chòm xóm, đàn ông mặc áo đay gài khuy, tắm thì tắm trần ở những nơi suối trong, cỗ bàn thì bày bằng mâm lọng bát tầu, đũa bít bạc hai đầu ăn đâu bỏ đấy[1]...

Quan phủ nói :

– Vậy là ta làm quan được giao việc cai trị dân chúng mà vẫn không hiểu hết về họ !

Rồi quan lại hỏi :

– Thế dân xóm có sống tốt với anh không ?

– Thưa quan, họ tốt lắm, con được mang họ Hoàng của người Thổ, lại được coi là người hiểu biết nhất xóm Bằng.

Bỗng nàng Na từ trong phòng the bước tới quỳ trước quan cha.

– Thưa đại phu ...

Quan cha đỡ nàng dậy rồi quay sang chàng tiều phu người Thổ :

– Con gái ta muốn được cùng anh gắn bó cuộc đời, anh nghĩ sao ?

Hoàng Đình lúng túng trước đôi mắt dò hỏi của quan Trấn phủ, của nàng Na thông minh xinh đẹp, chàng từ từ cúi xuống nâng đôi bàn tay trắng hồng mềm mại của nàng áp lên đôi má mình. Nàng Na gục hẳn đầu vào khuôn ngực vạm vỡ của chàng đốn củi.

Chiều hôm đó trời nắng đẹp, lần đầu tiên trong đời, nàng Na được đi với một người con trai ra bãi sông Chương mà không cần ai hầu cạnh.

Kể đến đây cụ già Chu đứng dậy lấy từ trong chiếc hòm gỗ ra một quyển sách (quyển sách dầy đặc chữ Nho) khẽ giở từng trang. Cụ nói với tôi :

– Đây là quyển ghi về gia phả các dòng họ, làng Bằng này có người Tày, người Kinh, người Thái, người Mường ; ngày xưa loạn lạc đói khổ,

---

(1) Ngày xưa, người Tày Tây Bắc thường quen cắt lá dong làm mâm, cắt ống bương làm bát, vót tre làm đũa, ăn xong bỏ luôn tất cả.

các dân tộc lần lượt du cư qua đây rồi ở lại đây cùng thờ phụng ông tổ có công dạy người làm ruộng và làm vải ấy.

Thong thả uống một ngụm nước, cụ Chu nói tiếp :

– Cái ông có công khai phá mở mang vùng đất Bằng này chính là kết quả để lại của mối tình say đắm giữa chàng tiều phu họ Hoàng với nàng Na con gái quan Trấn phủ ở bãi sông Chương chiều hôm ấy.

*
* *

Không thể ở lại đất Phong Châu nơi tư dinh quan Trấn phủ, chàng tiều phu Hoàng Đình bịn rịn chia tay người vợ chưa cưới nhất mực tin yêu để trở về đất miền tây xa xôi. Chàng hẹn một ngày gần đây người họ Hoàng ở xóm Bằng sẽ đưa lễ vật về nhà quan Trấn phủ xin cầu hôn. Nàng Na khóc, nàng khóc vì sung sướng hay vì lo âu chỉ có nàng mới hiểu.

Về đến xóm Bằng, Hoàng Đình thưa chuyện ngay với ông trưởng họ, cũng là cha nuôi của chàng. Cả họ Hoàng, cả Làng Bằng vui như sắp vào ngày hội.

– Từ nay con không đi bè nữa, cùng dân xóm lo việc đón dâu mới.

Nghe lời bố nuôi, chàng nghỉ cả mấy tháng trời xuôi ngược.

Còn nàng Na ?

Từ sau cái hôm chia tay, ngày ngày nàng thấp thỏm chờ đợi tiếng sáo qua bến sông Chương. Nhưng càng đợi, càng vắng. Thương nhớ chồng ở chốn rừng xanh, nàng quyết định xin phép quan cha ngược dòng suối Thau tìm về đất xóm Bằng. Quan Trấn phủ cho một đoàn tuỳ tùng hộ tống nàng Na.

Tin đó đến xóm Bằng, họ Hoàng mừng lắm, ông Trưởng tộc cho người cho ngựa cùng Hoàng Đình đi đón nàng Na, nhưng chàng chỉ nhận con ngựa tía rồi ra cổng một mình. Ngựa tía đưa chàng qua thác Đát, qua đèo Báng, qua khe Dăng, qua đầm Lũng bũm. Chàng vượt ngòi Thé, vượt ngòi Nậm, vượt suối Thia ào ào lũ réo, đến đây chàng gặp một người bạn tiều phu.

– Hoàng Đình ơi, mày cưỡi ngựa tía đi đón vợ phải không ?

– Phải rồi đấy, vợ tao, nàng Na, con dâu xóm Bằng.

– Ôi, nếu thế thì mày xấu số rồi, vợ mày, nàng Na đã bị rắn cắn ở dọc đường rồi.

Quả tim của Hoàng Đình như bị ai bóp mạnh, chàng thấy đôi mắt mấp máy, con ngựa tía hí vang cào cào trên mặt đất. Hoàng Đình chẳng kịp nói với bạn lời nào, chàng nhảy lên ngựa và cứ theo đường rừng ven suối Thau mà phi nước kiệu, phi đến mỏm đá mang hình con rồng mà thổ dân gọi là thác Cổ Rồng thì lũ ống từ núi Báng, từ núi Nả, từ Lũng Lô đổ xuống, loay hoay mãi không sang được, chàng trai quyết định phi ngựa qua thác.

Lần thứ hai ngựa tía lấy đà vượt qua dòng lũ, nhưng một sợi dây thèm bép giăng ngang gạt cả người cả ngựa rơi trở lại. Vực thác Cổ Rồng xoáy tròn bọt sủi đỏ ngầu cuốn theo người con trai họ Hoàng yêu quý của xóm Bằng.

Lại nói về nàng Na và đội tuỳ tùng.

Khi lên đến đất, Thu Cúc, một cô hầu của nàng Na bị rắn cắn. Cô hầu không qua khỏi. Nàng Na buồn lắm, sau khi đắp điếm cho người bạn gái xong, nàng tiếp tục ngược đường rừng. Đặt chân lên thác Cổ Rồng, nàng thầm kêu : – Trời ơi, đất này đẹp quá, có khác gì bến sông Chương đâu ! Và nàng ra lệnh dừng chân nghỉ lại một ngày để vãn cảnh. Lạ thay, cái thai trong bụng đã mười hai tháng hôm nay mới nhúc nhắc ; nàng khẽ vỗ về nó, mong ngày nó ra đời trong vòng tay âu yếm của chồng nàng. Đêm hôm đó nàng Na gặp một giấc mơ lạ. Tảng đá mà chiều nay nàng ngồi cắt vải may áo cho con tự nhiên động đậy, rồi một chú rồng con nghé đầu ra, cựa mình mấy cái, tảng đá lăn xuống vực thác, chú rồng nhỏ vươn mình bay lên cánh rừng xanh ngát. Nàng nói với tì nữ :

– Năm nay là năm rồng, sắp sinh con, ta mơ vậy thôi.

Nhưng rồi nàng tựa vào vai tì nữ thở dài mà rằng :

– Ta đến muộn thế này, liệu có gặp được chàng nữa không !

– Cô nương cứ yên tâm, người làng Bằng như chàng không có hai lòng đâu.

Ròng rã mấy tháng, vượt qua hàng chục đèo núi, vượt qua cả trăm lòng khe, hai người tì nữ phải nằm lại dọc đường cuối cùng nàng Na cũng đến được làng Bằng. Người xóm Bằng mừng rỡ đón nàng. Ông trưởng họ dõng dạc tuyên bố với mọi người :

– Nàng Na đã là con dâu ta, đã thắp hương trên bàn thờ họ Hoàng.

Ông già đưa nàng đến nơi thiêng nhất trong nhà làm tục "nhập ma", nàng cảm thấy ông như một vị quan, vị quan đầy uy lực của lòng người làng Bằng.

Nhưng rồi cái tin khủng khiếp ấy – Cái tin chàng tiều phu lái bè Hoàng Đình bị nước lũ cuốn trôi ở thác Cổ Rồng đến với nàng. Nàng Na đau đớn. Trong cơn đau vật vã năm ngày năm đêm, nàng sổ đứa con trai ngay trên gác nhà sàn mà chồng nàng vẫn ở. Ông trưởng tộc mừng lắm đặt tên cho nó là Hoàng Thìn, nó sinh giờ thìn, ngày thìn, năm thìn.

Thằng bé lớn nhanh khác thường. Sáu tháng tuổi nó gọi câu đầu tiên "Bố ơi" thật rõ. Mười hai tháng tuổi, nó leo lên xà nhà đuổi bắt thạch sùng, con thạch sùng chạy chậm hơn nó.

Nàng Na thấy con mình đã có thể sống cùng dân xóm, đêm hôm ấy nàng xin phép bố nuôi tháo khăn tang chồng rồi ôm hôn thằng Hoàng Thìn vào lòng. Phải mấy ngày sau dân làng Bằng mới tìm thấy xác nàng Na ngồi tựa lưng trên chạc ba cây chò nâu ở ngọn núi Nả. Ông trưởng tộc bảo rằng nàng lên ngọn núi Nả tìm cây cao nhất để nhìn về đất Phong Châu nơi có cha mẹ nàng, nhìn thấy bến sông Chương nơi có tiếng sáo véo von giục giã, nhìn thấy thác Cổ Rồng nơi chồng nàng vì nàng mà gặp nạn. Những người đi tìm nàng Na đã đào đất đắp mộ cho nàng, đặt hoa quả để tưởng niệm vong linh nàng. Ngày nay ai lên đỉnh núi Nả đều thấy một quả gò tròn, đó là mộ nàng Na – Con gái yêu dấu của quan Trấn phủ Tây Bắc.

– Tôi đã kể cho anh nghe chuyện về nàng Na rồi đấy ! Ông cụ Chu gấp quyển sách chữ Nho chậm rãi nói.

– Thưa cụ, thế còn đứa con của nàng Na ?

– À, ông ấy sống ngắn thôi, mà bây giờ cả dân làng Bằng phải thờ đấy. Thiêng lắm.

*
* *

Mười tuổi, cậu bé Hoàng Thìn nói với ông Trưởng họ :

– Ông ạ, ta làm nương rẫy để sống không đủ ăn đâu, phải cuốc đất mà trồng lúa thôi.

Ông già tròn mắt :

– Cháu nói cái gì thế ? Cuốc đất trồng lúa để ma đồng bắt à, không nhớ chuyện Bả khó đánh trời à ?

– Không, cháu làm trước, nếu ma có bắt, nó sẽ bắt cháu trước.

Người xóm Bằng không ai ngăn nổi. Một mình cậu bé Hoàng Thìn vật nhau với mảnh đầm lầy. Vụ đầu tiên đó, lúa đầm tốt bằng lúa nương. Năm sau trời hạn nặng, lúa nương không ra hạt, lúa đầm của cậu được mùa, người xóm Bằng không bị đói.

Cậu lên rừng duốt về hàng đống bông lau bông chít, bóc hàng đống vỏ cây sui đem về đập mềm, lấy dây gió nắc khâu vỏ sui thành cái túi rộng rồi cho bông lau vào giữa làm chăn làm đệm. Người xóm Bằng thích lắm, họ bảo :

– Cậu Hoàng Thìn mới bằng cây măng mà đã biết lo cho cả xóm ăn no, lo cho cả xóm ngủ ấm.

Những lúc ấy Hoàng Thìn chỉ cười rồi nói với người già :

– Ông ơi, bố cháu đi xuôi, mẹ cháu đi ngược chẳng còn khi nào gặp nhau, bây giờ có ai đến đây ông mời họ ở lại dựng nên bản, dựng nên làng, ông nhé.

Nói rồi cậu nép tay ngang bụng cúi chào ông già ba cúi.

Đêm hôm sau trời mưa to, nước rừng đổ ầm ầm, người làng Bằng gặp cậu bé một mình đi ngược lên núi Nả, cậu chỉ đem theo gói hạt lúa và gói hạt bưởi.

Lần ấy cậu Hoàng Thìn ra đi không bao giờ trở về nữa. Người ta truyền nhau rằng cậu lên núi Nả lo việc nghìn năm cho mẹ – Nàng Na.

Cũng từ đấy người làng Bằng tôn phong nàng Na thành Bà Chúa núi và tôn vinh cậu bé tuổi rồng thành "Sáy bóc vịa" tiếng địa phương nghĩa là thầy dạy việc !

Lời bình

• Câu chuyện kể về mối tình cảm động và bi thương của nàng Na, con gái yêu của quan Trấn phủ Tây Bắc và chàng tiều phu Hoàng Đình ở xóm Bằng. Hưởng hạnh phúc bên nhau trong những tháng ngày ngắn ngủi, rồi họ phải chia tay nhau và hẹn ngày gặp lại. Nhưng rồi cuộc đời, với những trắc trở không lường trước được, họ đã mãi mãi xa nhau.

• Hoàng Thìn là kết quả của mối tình say đắm đó. Cậu bé có sức vóc và ý chí hơn người. Mười tuổi, cậu đã một mình cuốc đất trồng lúa đầm rồi lấy vỏ cây sui làm chăn, làm đệm giúp dân làng ăn no, ngủ ấm. Sau khi "khuyên" mọi người nên tổ chức cuộc sống định canh, định cư xây dựng bản làng, cậu bé Hoàng Thìn "ra đi không bao giờ trở về nữa". Dân làng Bằng tôn vinh Hoàng Thìn là thầy dạy việc ...

• Trong truyện, tác giả đã đưa ra một tình tiết rất độc đáo : Ở làng Bằng có cái đền nhỏ (dân làng gọi là nhà thờ), có bát hương "vẽ một con rồng đang cuộn mình về phía trước. Nhưng con rồng không được vẽ như đồng loại mà trên từng khúc thân, mỗi khúc thân là một mảng hoa văn" ... một nhà sưu tầm văn hoá dân gian đã khẳng định : "Mỗi băng hoa văn là một giải khuy áo, mỗi giải khuy áo là của một dân tộc". Điều đó chứng tỏ trên vùng đất làng Bằng đã có nhiều dân tộc cùng nhau sinh sống. Ông già Chu gần một trăm tuổi đã nói, quyển gia phả các dòng họ làng Bằng "có người Tày, người Kinh, người Thái, người Mường ; ngày xưa loạn lạc đói khổ các dân tộc lần lượt du cư qua đây (làng Bằng), rồi ở lại đây cùng thờ phụng ông tổ có công dạy người làm ruộng và làm vải".

• *Truyện được viết theo lối kể chuyện dân gian. Hình thức văn phong giản dị, tươi sáng phù hợp với câu chuyện kể mang màu sắc núi rừng. Mối tình của nàng Na và chàng Hoàng Đinh mang sắc thái huyền thoại như chuyện Trương Chi - Mị Nương. Việc Hoàng Thìn dạy dân trồng lúa đẩm, lấy vỏ cây làm vải lại mang tính chất giống truyện thần tổ ngành nghề - Loại truyện các danh nhân sáng tạo văn hoá.*

• *Truyện còn đề cập đến tình đoàn kết và tính cộng đồng, bình đẳng của các dân tộc sống ở làng Bằng - Đất nước Việt Nam thu nhỏ. Với những sắc thái và bản sắc riêng biệt của mình, các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt, đã hoà nhập với nhau để tạo nên nền văn minh của người Việt với những truyền thống tốt đẹp.*

• *Cách viết mang tính huyền thoại với nhiều yếu tố siêu nhiên, kì diệu đã góp phần tạo cảm hứng truyền cảm cho người đọc và đó là kết quả đáng khích lệ của truyện ngắn "Con trai bà chúa Nả".*

Đinh Thị Minh Hằng

Bùi Như Lan

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Bùi Thị Như Lan. Sinh ngày 30 tháng 12 năm 1967.

Quê quán : Đông Viên, Chợ Đồn, Bắc Kạn.

Tác phẩm đã xuất bản : *Tiếng chim kỉ giàng* (truyện ngắn) ; *Mùa hoa mắc mật* (truyện ngắn) ; *Hoa mía* (truyện ngắn) ; *Lời Sli vắt ngang núi* (truyện ngắn).

Giải thưởng văn học :

Giải nhì truyện ngắn Tạp chí Văn nghệ Quân đội (*Núi đợi*, 2002); Giải nhì truyện ngắn Tạp chí Văn hóa các dân tộc (2004) (không có Giải nhất).

NÚI ĐỢI

Cách thị trấn vài hơi, chạy ngược dốc là bản Quằng của tôi, ở đầu nguồn Nặm Só. Phía sau bản, bạt ngàn màu xanh đậm của rừng chạy dài đến dãy núi Phia Sao. Dãy núi như bức tường thành án ngữ phía Đông sừng sững, đỉnh nhấp nhô răng cưa ẩn mình trong sương mù sớm chiều như con rồng đang nằm phủ phục, ngoảnh đầu về phía thị trấn Khau Luổng. Từ miệng con rồng phun ra dòng nước to, dài như dải lụa trắng, vắt qua nhiều vách đá dựng đứng gọi là thác Pu Đí. Nước ở ngọn thác phơi mình trắng xoá, đuổi nhau chạy ầm ầm xuống chân núi làm nên đầu nguồn suối Nặm Só. Suối Nặm Só còn chảy ngoằn ngoèo, bơi lách, thoảng giấu mình trong rừng rậm ngút ngàn, lại oà mở trước núi đồi mới đổ về Khau Luổng. Người bản Quằng uống nước suối Nặm Só từ đầu con rồng lên có nước da của núi đá vỡ...

Gia đình tôi có năm người : Bà nội, bố, mẹ, tôi và em Thào Phén ở trong ngôi nhà sàn chênh vênh cũ kĩ phía cuối bản, giáp con suối Nặm Só. Từ trong nhà tôi, nghe rõ tiếng nước suối nói chuyện rì rầm...

Khi mẹ sinh tôi được sáu mùa lúa thì bố tôi đi bộ đội. Lúc ấy, em Thào Phén còn nằm trong bụng mẹ. Ngày đi, bố dắt tôi xuống sân trước nhà, trồng cây bưởi, dặn : "Con thay dí cho cây uống nước, chờ dí về...". Tôi khẽ níu áo bố : "Bao giờ dí về ?". Bố nhấc bổng tôi lên : "Chóng thôi ! Cây bưởi ngang vai em thì dí về". Mẹ tôi nước mắt lưng tròng đeo cái bộc vào vai bố. Cái bộc mẹ dệt to bằng miếng vải vuông viền xanh tím có hình hai con chim nhìn ông mặt trời. Trong bộc đựng chiếc khăn còn thơm mùi hoa chàm trên núi. Mẹ nghẹn ngào : "Anh A Phàng à ! Chúng mình ăn ở với nhau mới được bảy mùa lúa. Bé A Phin còn dại, đứa con nữa trong bụng chưa nhìn anh. Bây giờ anh đi xa trăm ngày đường, xa ngàn quả núi... Không biết bao giờ về ?". Cái tay của mẹ giữ quai bộc trên vai bố không muốn buông ra...

Bố tôi nhẹ nhàng nói : "Em ! Đừng khóc. Khi xa nhau nước mắt không thêm sức, nó làm chồn chân anh xuống núi, làm bụng anh đau như có dao cắt". Mẹ tôi vẫn thổn thức khóc. Nước mắt ướt hết vạt áo... rồi lại khô, lại ướt...

Cả nhà quyến luyến đưa tiễn bố tôi một đoạn dài, đến bãi lanh ven bờ suối. Những cây lanh, ướt đẫm sương, ngả mình xuống lối đi như muốn giữ chân bố tôi ở lại. Bố ôm tôi dặn : "Con ở nhà ngoan, dí đi nha...". Cả nhà tôi lặng nhìn bố, nước mắt rơi xuống hoà vào nước suối Nặm Só.

Bố tôi đi một đoạn dài hơn cây nứa, tần ngần nghĩ rồi quay lại... ngồi bệt xuống tảng đá lớn ven suối, ôm ghì tôi, trầm ngâm. Bố bứt chiếc lá cây "xẻ ba" đang rạp mình xuống suối. Những ngón tay vụng về, xé nát thành từng mảnh... từng mảnh thả rơi lả tả xuống suối, trôi theo dòng nước quanh co, mất hút sau ghềnh đá... Suối Nặm Só không reo vui như mọi hôm, nó chảy âm thầm, lặng lẽ muốn ngăn bước chân người đi xa... Nhìn sâu vào đáy mắt bố, tôi thấy có ngấn nước. Bố tôi thở dài, nặng trĩu như đá núi, đứng dậy, cầm tay bà nội, tay mẹ đặt vào tay tôi, khẽ cúi người xuống... Trên tay tôi bỗng có giọt nước âm ấm, bỏng rát... Bố tôi sốc lại quai chiếc bộc trên vai, quay người đi nhanh xuống núi. Dáng bố in đậm trên con đường đất đỏ nằm chênh vênh bên bờ suối dốc đứng.

Bố tôi đi qua một tuần trăng thì em Thào Phén ở trong bụng mẹ ra ngoài chơi. Em bé xíu, da đỏ như quả sang trên núi. Từ hôm ấy, tôi được làm anh.

Ngày ngày, khi con chim nộoc só cất tiếng gáy ba lần gọi sáng, mẹ địu em lên lưng, khoác chéo khẩu súng ra trước bụng. Bà nội cho cơm vào quẩy tấu, tay mang ống canh "mèn mén". Tôi đeo ống dao của bố. Cả nhà lên nương. Những đám mây không biết vội cứ quấn vào chân. Đến lúc ông mặt trời trên đỉnh núi Phia Sao vén mây nhìn suống, bà nội cùng mẹ tôi tra hạt giống đã kín vạt nương rộng. Còn tôi, cũng chạy được một vòng quanh nương xem có con thú nào háu ăn sập bẫy không. Nhìn tôi, bà nội mỉm cười hài lòng : "Con dâu à, thằng A Phin phổng phao như măng rừng, nó lớn rồi". Nghe bà nội nói, tôi thích lắm. Những lúc ấy, tôi thầm gọi : "Dí ơi, con nhớ dí lắm".

Chiều. Ông mặt trời đi ngủ sớm, từng dòng mây nhiều màu sắc dắt tay nhau giăng kín núi. Cả nhà từ trên nương trở về. Tôi địu em gái, mẹ gùi quẩy tấu hạt mạch kê. Bếp lửa đỏ lên, đàn dê lục tục kéo về, luôn miệng kêu : "e... be... be". Ánh trăng xuyên qua vách phên đan bằng lá "cáp tao" đặt trên sàn nhà những mảnh tròn trắng lung linh...

Từ ngày bố tôi đi bộ đội, mẹ là đội trưởng dân quân của bản. Đêm đêm, vào mùa trăng, chị Hằng Nga ngồi trong "thúng vàng", mẹ tôi tập hợp bộ đội dân quân toàn đàn bà, con gái học cầm chắc cây súng giữ bản, săn lũ thú rừng khỏi đến phá củ sắn, cây ngô. Mẹ tôi cùng cô Hài, con dâu bà Thẻn hàng xóm nhà tôi còn được xuống thị trấn Khau Luống thi bắn...

Thấm thoắt, bố tôi xa nhà đã hơn ba mùa thu lúa trên nương. Bà nội chép miệng : "Thằng giặc làm dí A Phàng của chúng mày không được đón cơm gạo mới". Tôi và em gái tranh nhau vòi bà kể chuyện về bố. Những câu chuyện bà kể về bố tôi dài như nước con suối, chuyện nào cũng hay như chuyện cổ tích, nghe vui cái tai lắm, thế mà có nhiều hôm mẹ tôi tay vừa se sợi lanh, vừa chấm chấm mắt...

Ở miền núi quê tôi, đàn bà, con gái được đo sự khéo tay bằng mền chăn ấm, những bộ quần áo váy sặc sỡ hay tấm vải mịn màng đi chợ thị trấn Khau Luống. Mẹ tôi còn khéo tay hơn những người đàn bà khác trong bản. Mẹ dệt con hươu, con nai, con chim nộoc só uống nước suối Nặm Só, mẹ dệt con gấu ngồi trên cây tìm mật ong, mẹ dệt hình ông mặt trời, hình chị mặt trăng đậu trên ngọn núi Phia Sao và cả hình người cưỡi ngựa đi săn ở trong rừng... Mẹ

tôi gọi những tấm vải có hình là vải thổ cẩm. Bà nội bảo em tôi : "Cái Thào Phén mang sợi, học se cho dẻo tay là vừa". Em gái, tay vụng về, lóng ngóng làm các cuộn lanh rối tung lên... Mẹ tôi phải gỡ mãi.

Một buổi tối, bên bếp lửa bập bùng, mẹ ngồi se lanh. Chiếc xa quay lúc dồn dập, lúc trễ nải cao thấp như ngọn lửa khi tỏ, khi mờ, tay mẹ luôn chấm mắt. Em Thào Phén ôm chầm lấy mẹ : "Ớ... cái mắt nia bị chảy nước". Bà nội khẽ thở dài, tiếng thở hằn sâu, quặn thắt như vết dao cứa. Tôi lặng lẽ lấy chiếc khèn của bố treo trên cột ra thổi... Cái khèn "pi lé" kì diệu ấy, phát ra những âm thanh dìu dặt, thấm vào lòng người như nước suối Nậm Só len lỏi qua các khe đá. Mẹ tôi bỗng cất tiếng hát "gầu plềnh" ;

... Nùng nho đê chúa kề

Chì tro dề cu

Lành nho dê chia nu kế

Tù trểnh cho tù đua...

(... Chim cách xa mười dặm

Không quên tổ cũ

Người cách xa trăm ngày đường

Không quên bóng hình nhau...)

Tiếng hát trầm buồn, khắc khoải của mẹ hoà vào tiếng khèn đánh thức rừng. Những chú chim "kíu cò cọt" gọi nhau vang sườn núi, con chim hoạ mi trong lồng bỗng hót véo von. Bà nội ngạc nhiên bảo : "Ơ này con dâu, lâu rồi cái miệng con chim lại có tiếng". Mẹ tôi dừng tay se lanh, giọng trĩu buồn : "Nó nhớ anh A Phàng đấy mẹ". Ánh lửa bập bùng sáng rõ cả khuôn mặt mẹ...

Sáng sớm hôm sau. Tôi gùi ống bương nước từ suối Nậm Só về cho cây bưởi uống, đã thấy mẹ đứng bên lồng chim. Con hoạ mi xù lông vỗ nhẹ đôi cánh, đôi chân nhỏ xíu vàng óng nhảy nhót, ghếch cái mỏ màu ngô vàng ngó nghiêng quay phải, quay trái, bất chợt cửa lồng mở, nó bay vù sang cây bưởi cất cao tiếng hót. Trên ngọn núi Phia Sao ông mặt trời lên đỏ rực như sắc cờ... gió đưa hương hoa rừng thơm ngào ngạt. Cô Hài chạy sang cười tươi : "Chị A Phàng à, chim hoạ mi hót vui nhiều rồi, các anh đi sắp về, anh Hài nhà em

sẽ về...". Đôi mắt mẹ tôi hoe đỏ khẽ chớp chớp. Bà nội ở trên nhà nói vọng xuống : "Con dâu bảo cô Hài năm nay hai nhà làm nhiều bánh, mừng cơm gạo mới, đón người đi xa về". Cô Hài đang vui bỗng nước mắt chảy dài xuống má : "Chị A Phèng có hai đứa con đẹp như bông hoa chuối rừng làm vui, còn em là cây khô không có lộc". Mẹ tôi an ủi : "Chú Hài sắp về rồi mà". Tôi dắt em gái đến bên cô nói khẽ: "Chúng cháu làm con chung của nia và cô". Mẹ hài lòng xoa đầu tôi : "Con ngoan của nia". Cô Hài vui mừng ôm em gái tôi quay tròn, váy xoè ra...

Hôm ấy, hai nhà làm cơm ăn chung. Em Thào Phén lấy thêm bát đũa cười vui vẻ : "Để dí A Phàng, chú Hài cùng ăn". Tôi lắc đầu khó chịu : "Mày làm thế, dí cùng chú Hài có con kiến đốt trong bụng, không đánh giặc được". Em tôi phụng phịu, đôi mắt ươn ướt hờn dỗi, tay khẽ đập vào đùi mẹ. Cô Hài bảo : "Cùng ăn cơm để no cái bụng, khoẻ cái chân đánh nhiều giặc". Cả nhà cười vui. Tôi thầm gọi : "Dí ơi...".

Năm đó, lúa trên nương được mùa quá. Lúa to bằng nhau hàng trăm hột, trĩu nặng từ đầu bông tới sát gốc. Cả nhà "lài" mãi không hết. Những cum lúa lớn, nhỏ được gánh về xếp đầy sàn phơi thóc. Mẹ chọn những cum nếp trĩu hột xoè tròn ra đập riêng. Mẹ bảo : "Xay ra làm nhiều bánh mật, dí các con thích ăn đấy". Hai anh em bỗng cùng nhìn về con đường đất đỏ dốc đứng chờ đợi... Mẹ quay sang tôi nhẹ nhàng : "Sáng mai A Phìn đến lớp của cô giáo Tha học cái chữ". Bà nội cho ngô vào nồi cám lợn thủng thẳng hỏi : "Cái chữ có làm no bụng không ?". Mẹ tôi dịu dàng mỉm cười : "Meệ à, con cho cháu đến lớp học cái chữ vào đầu cho khôn ra". Bà nội gật đầu : "Ừ, con dâu nói phải". Tôi sung sướng thì thầm với em gái : "Tao đi học còn đọc cái chữ dí gửi về". Em tôi lại gần mẹ nũng nịu : "Cho con đi học cùng anh A Phìn". Mẹ tôi để cum lúa đập dở xuống, nhấc bổng em lên nựng : "Con ngoan, con còn bé, cái chân đi chưa dẻo, để anh đi học về bảo chữ cho". Em gái không nghe, khóc nức nở gọi bố : "Dí ơi về đi, về cho con đi học"... Mẹ ôm chặt em vào lòng, gương mặt nhạt nhoà nước mắt...

Được đi học, tôi đã biết dùng cái chữ kể chuyện ở nhà để bố nghe. Nhưng, chữ chất cao trong vở mà không biết ở đâu để gửi đi. Trong bụng tôi nhớ bố cồn cào như tiếng réo của dòng nước ở ngọn thác Pu Đí. Những lúc ấy, tôi mang sách xuống gốc cây bưởi học. Cây bưởi bố trồng giờ cao hơn

đầu tôi, cành lá xum xuê, che mát một góc sân, mà bố vẫn chưa về. Mỗi năm, đến ngày bố đi, bà nội lại cứa một vết vào da cây, trông như từng bậc thang. Cây bưởi không giận bà, ngày càng xanh tốt, năm nào cũng cho nhiều quả. Mẹ tôi đem cho cô Hài, cho người trong bản và để lại một quả to vàng óng trên cây. Mẹ bảo : "Để phần dí các con". Mùa thu, nắng vàng sánh như mật con ong, sang mùa đông, rồi qua tết lâu rồi, quả bưởi vẫn một mình đu đưa trên cành...

Khi gió ào ạt kéo về đem theo hơi lạnh trong khe núi, lá cây đào, cây mơ chuyển sang màu vàng. Rừng cây sau sau đỏ rực trước nhà. Người bản Quảng của tôi nhộn nhịp làm cơm gạo mới, mừng mùa lúa tốt, ăn cơm cho ráo mồ hôi lấy sức làm nương mùa sau. Mẹ tôi mang hạt lúa ra xay. Dưới sàn nhà, đôi tay mẹ dẻo như đi múa hội làm chiếc cối xay kêu "ù... ù... ù". Cô Hài địu quẩy tấu nếp sang hớn hở nói với mẹ tôi : "Hai nhà làm nhiều cái bánh, các anh về đấy". Cả nhà tíu tít làm cơm mới. Bếp lửa cháy đỏ hơn ngày thường, tiếng củi nổ "tách... tách" nghe thật là vui...

Cô Hài nói trúng thật. Từ dưới suối già Khòn trưởng bản gọi to : "Ơ hấy ! Các bà, các cô ra đón người đi xa về". Cô Hài kêu to "ui da" và chạy vụt xuống, nước mắt vòng quanh... Mẹ tôi buông nhịp cối xay, chạy lên cầu thang, rồi lại chạy xuống. Sàn nhà rung lên nhè nhẹ theo chân mẹ. Mẹ cuống quýt gọi : "Meệ ới, anh A Phàng đã về". Bà nội mừng quá, lấy chiếc khăn mẹ vừa dệt mang ra sàn nước bảo : "Để A Phàng rửa bụi đi đường". Niềm vui đến nhanh như con nước mùa mưa lũ. Mẹ lạc giọng giục anh em tôi : "Các con xuống đón dí mau đi"... Dường như, nỗi khao khát mong đợi bố tôi trở về đã làm cái chân mẹ run rẩy không bước nổi... Mẹ ngồi thụp xuống chân cầu thang, mắt mọng nước...

Hai anh em tôi chạy ào xuống dốc... Nhưng, tôi chợt sững lại, một thoáng lúng túng... Không phải bố tôi mà là chú Hài. Chú Hài đeo ba lô, một bên chân buông thõng, tay gắn thêm cái cọc tròn, mỗi bước đi chú để lại vết tròn trên bờ suối... Em gái tôi buồn ngơ ngác như nai con lạc mẹ. Bà nội và mẹ tôi giàn giụa nước mắt trong ráng chiều đỏ sậm...

Bản tôi mở hội hát mừng chú Hài trở về với người dân trên núi cao. Em Thào Phén ngồi trong lòng chú Hài, nó vuốt nhẹ lên chân chú hỏi nhỏ : "Cái chân, cái mắt nữa chú cất đâu ?". Chú thơm vào đôi má em tôi bảo : "Thằng

giặc lấy trộm đi rồi"... Bà nội tôi chép miệng : "Giặc ác hơn thú dữ, trở trời đau lắm đấy".

Từ hôm chú Hài về, đêm nào mẹ tôi cũng ngồi ở cầu thang nhìn xuống thị trấn Khau Luổng chờ đợi... Đôi mắt mẹ đỏ như quả dâu da trong khe núi, hai bờ vai ướt đẫm sương đêm. Mẹ tôi gầy rộc đi, mắt mẹ thẫn thờ nhìn xa xăm, dưới đuôi mắt mẹ có nhiều vết chân của con chim trên rừng...

Nhiều đêm. Tiếng con nai giác khuya, đơn độc gọi bầy làm tôi chợt thức dậy. Bếp lửa cháy chập chờn. Mẹ tôi ngồi xé sợi, tay cứ xé mãi, xé mãi làm sợi lanh rối lại thành búi rất to. Vừa xé sợi, tay mẹ vừa chấm chấm mắt...

Sớm hôm sau, con chim Noộc só gọi sáng mẹ lại cặm cụi, nhẫn nại gỡ sợi rối... Chiếc xa quay đều đều... Sợi lanh óng mượt trở lại...

Từng đêm, từng đêm trôi qua. Đến một đêm đã khuya lắm. Ánh trăng thắp sáng cả vùng rừng núi Phia Sao. Tiếng con Noộc só dưới suối Nậm Só gọi nhau khắc khoải, da diết... Tôi bỗng giật mình tỉnh giấc. Bên khung cửi, mẹ không ngồi. Bên bếp than hồng rực không thấy mẹ. Trong cái "trà pư" mẹ không nằm ngủ. Tôi vùng dậy. Dưới sân, mẹ đứng lặng bên gốc bưởi... Ánh trăng rọi qua mắt lá, rơi xuống gương mặt mẹ những mảnh tròn trắng xa xăm... Tôi chợt thấy trên vai mẹ có quả "pao" của bố. Bà nội đã kể cho anh em tôi nghe : Quả "pao" ấy bố "ném" trúng người mẹ ở hội hát "gầu plềnh"... Tôi thì thầm nói với mẹ : "Nia à, lớn lên con đi bộ đội gọi dí về"... Nước mắt mẹ vỡ oà, giàn giụa.

Mẹ kéo tôi ôm chặt vào lòng. Trăng treo trên đỉnh Phia Sao buồn, thao thức...

Ngày này qua tháng khác, cả nhà tôi mong mãi không thấy bố về. Quả bưởi to dành chờ bố lâu quá, trên mình quả đã lấm tấm mốc...

Một buổi trưa, bà Thẻn đi chợ Khau Luổng về gọi : "A Phin à, đón gói chữ ở xa về nhà". Tôi cùng em gái hét to sung sướng : "Úi dà, chữ của dí gửi về". Mẹ tôi cười, mắt lấp lánh niềm vui. Bà nội vuốt nhè nhẹ vào góc gói chữ có hình chú bộ đội suýt xoa : "Thằng A Phàng ăn hạt gạo nơi khác béo trắng ra". Chú Hài cười tủm tỉm : "Bà à, đây là cái tem thư, không có người anh A Phàng". Bà nội đang vui bỗng thở dài nặng nề...

Trong cái gói chữ, bố tôi kể nhiều chuyện lắm, nhưng tôi nhớ nhất đoạn :

... "Các con ở nhà phải ngoan, chăm học chữ, giúp bà, giúp mẹ làm nương, ngày chiến thắng đang đến gần, bố sẽ trở về...".

Vui cái bụng quá, tôi bứt chiếc lá, đưa lênmôi khẽ thổi bài hát cô giáo dạy : "Hành quân xa...". Trời xanh bỗng rộng ra và cao hơn...

Ăn cái tết xong lâu rồi, cây đào, cây mận đã có quả non bằng đầu ngón tay mà trời còn rét nhiều. Bếp lửa đỏ cả ngày lẫn đêm vẫn lạnh. Bà nội tôi đổ bệnh, luôn gọi tên bố tôi : "A Phàng, con ơi...". Bà than thở : "Con chim rừng còn nhớ tổ, thằng A Phàng đi không biết lối về". Nghe tiếng than của bà, con ngựa trắng ở đầu hồi gõ móng "lộp... cộp", hí lên tiếng dài rền rĩ...

Mẹ tôi lên đỉnh núi Phia Sao hái cây thuốc ngậm sương. Thầy mo cúng hai trâu, ba lợn đuổi con ma ốm đi mà bà ngày càng ốm nặng, người bà héo hon, gầy khô như lõi cây lanh phơi nắng. Mẹ tôi sang bảo chú Hài : "Mẹ chồng tôi không qua được, cứ luôn miệng gọi con trai, chú sang hộ tôi". Chú Hài trầm ngâm suy nghĩ. Một lát, chú vào trong nhà bỏ áo "tà pủ", mặc bộ quân phục cũ theo mẹ tôi sang nhà. Bà nội nằm trong "trà pư", đôi mắt nhắm nghiền... Mẹ tôi vừa khóc, vừa lay bà : "Meệ ơi ! Meệ, anh A Phàng về đây. Anh A Phàng về...". Bà vẫn không mở được mắt, cái miệng khó nhọc thều thào : "A Phàng... A... Phàng". Chú Hài ngồi xuống cạnh bà. Mẹ tôi đỡ đầu bà lên : "Meệ ơi ! A Phàng... Con trai meệ về... đây". Bà gắng gượng hé hé mắt. Chú Hài oà lên : "Meệ" và gục đầu vào ngực bà. Mẹ tôi cầm tay bà đặt lên đầu chú Hài. Bà thều thào được mấy tiếng : "A... Ph... àng... con" rồi lịm đi. Trên môi khô héo, bà mỉm cười mãn nguyện. Mẹ khóc, tôi khóc, em Thào Phén và chú Hài cũng khóc. Tiếng khóc thương động rừng, động núi. Bà tôi mất trúng hôm ông trời rắc sương muối trắng núi, gió gầm thét, rú rít từng hồi. Gió lùa trong lòng thác Pu Đí, suối Nậm Só như vỡ ra. Trời sầm lại. Bà không đợi được bố tôi trở về. Mẹ tôi khóc không còn tiếng, mặt trắng bợt bạt.

Làm ma bà nội xong, cái miệng mẹ ít nói ra lời. Đêm, mẹ ngồi bên khung cửi. Những tiếng "lạch xạch a..." dệt vải gấp gáp, hoà cùng tiếng đôi chim "khảm khắc" gọi nhau suốt đêm, làm anh em tôi lo sợ phấp phỏng...

Tôi bỗng nhớ câu chuyện bà nội kể : "Chim khảm khắc, hiện thân của hai người yêu nhau, không về được với nhau vì vua núi bắt người con gái về làm vợ... Hai người cùng chết vì đau buồn, biến thành chim khảm khắc. Đêm thanh vắng mới dám lên tiếng gọi tìm nhau".

Không biết đã mấy nghìn đời, mấy vạn kiếp mà tiếng gọi của lòng chung thuỷ, đợi chờ nhau đêm đêm vẫn khắc khoải nỗi buồn trắc ẩn sâu thẳm... Đêm càng khuya tiếng chim càng vang vọng.

Một sớm mai, "con rồng" Phia Sao còn chìm trong sương mờ bồng bềnh. Tiếng ngàn chim ríu rít gọi bầy trong rừng hoà cùng tiếng suối Nậm Só reo vui đánh thức tôi dậy. Tôi thấy mẹ đầu tóc rối bù, gục xuống khung cửi. Tôi hốt hoảng : "Nia, Nia ơi!...". Mẹ từ từ ngẩng đầu lên, mí mắt chớp mọng nước. Tôi không tin vào mắt mình. Trong tấm vải lớn có hình bố tôi... Thì ra, đêm đêm mẹ ngồi bên khung cửi, dệt thác Pu Đí có suối Nậm Só, dệt dãy núi Phia Sao, dệt hình bố... Tôi gọi em gái dậy nói : "Dí đấy, dí của chúng mình đấy". Em gái tôi cười hơn hớn, đứng sán lại, thỉnh thoảng thò bàn tay lén sờ vào khuôn mặt bố. Mẹ ôm hai anh em tôi vào lòng, đôi mắt mẹ ánh lên niềm vui.

Tháng tư năm ấy, nương trên, rẫy dưới tràn ngập tiếng ve năn nỉ. Ông mặt trời tưới nắng vàng lên núi rừng. Cây bưởi đang sai hoa, hương thơm ủ ấp quanh nhà. Đất trời, cây cỏ thơm. Bỗng nhiên tán lá bưởi ủ rũ. Mẹ tôi rất buồn. Sáng sáng, mẹ địu ống bương nước về đứng rất lâu bên gốc bưởi. Mẹ mấp máy như trò chuyện. Chú Hài sang nhà tôi, nhìn xuống núi thắc mắc : "Đuổi hết giặc, giải phóng rồi, sao anh A Phàng chưa về ?". Em gái tôi cầm tay chú nói hờn dỗi : "Dí cháu quên đường về nhà". Tôi cau mày mắng nó : "Vớ vẩn, mày chỉ nói dại".

Chiều hè. Nắng gắt, oi nồng. Mặt trời không có đám mây nào làm bạn cùng. Cây bật bông cho những chùm quả thắp sáng sườn núi. Tôi cùng mẹ địu quẩy tấu lớn, quẩy tấu bé quả bông về nhà. Mẹ giục tôi : "Nhanh chân lên, nắng chiều ông trời gọi mưa về đấy". Em gái tôi cả người dính bụi bông như cây hoa trắng. Bỗng nó vẫy tay rối rít : "Nia kìa, anh A Phìn à, lên đây".

Kìa ! Dưới con đường đất đỏ dốc đứng, có hai người mặc quần áo bộ đội giống chú Hài, đang lên dốc.

Mẹ tôi đứng sững buông quẩy tấu bông rơi xuống sàn, những quả bông chạy lăn lóc... Gương mặt đỏ bừng ướt đẫm mồ hôi của mẹ thoáng nhợt nhạt Mẹ thấp thỏm, bồn chồn đi đi, lại lại, bước chân ríu vào nhau... Bỗng, mẹ như bừng tỉnh, cuống quýt giục : "Dí các con đã về, lau bụi bông xuống đón đi".

Cái miệng mẹ thắm như hoa đào, mắt lấp lánh niềm vui.

Hai anh em tôi ào xuống bãi lanh ven suối đón bố. Tôi cùng em gái đứng trên tảng đá lớn – nơi in dáng bố ngồi trước lúc đi bộ đội.

Nhưng, không phải bố tôi, người mà chúng tôi đỏ con mắt ngóng chờ sau nhiều năm vắng tiếng nói tiếng cười. Cái buồn tủi lớn dần trong tôi khi hai người đến gần. Tôi giật tay em gái : "Không phải bố, về thôi !". Gió ào ào báo trời sắp nổi cơn giông, trên đỉnh núi Phia Sao ông trời đánh lửa sáng trắng, thổi sấm ầm ì...

Thấy hai anh em tôi ỉu xìu bước lên cầu thang, mẹ tôi nói hẫng hụt như để an ủi chính mình : "Mẹ con ta lại đón nhầm người"... Thẫn thờ, mẹ tôi ôm hai anh em tôi vào lòng, gương mặt đẫm nước mắt. Tôi bối rối thấy tóc mẹ đã lốm đốm có sợi bạc.

Khách xa lên đến nhà. Đấy là hai chú cùng đơn vị với bố tôi. Ba mẹ con tôi sững sờ trước chiếc ba lô sạm khói, kỉ vật của bố tôi để lại... Đôi tay mẹ run run nâng chiếc bộc từ trong ba lô. Trên hình đôi chim bị cháy xém có vết máu khô loang đậm. Mẹ cắn chặt môi, dòng máu ứ ra tự lúc nào, ôm chiếc bộc vào ngực, mẹ ngồi bất động như hoá đá.

Cây bưởi ngoài kia ủ rũ, khô héo... Mây đen vần vũ, trời đổ nước rào rào xối xả. Thác Pu Đí réo ầm ầm, giận dữ dựng cao cột nước lũ, đổ xuống Nặm Só. Đất trời chuyển động...

*

* *

Đêm, đêm. Mẹ ngồi bên khung cửi cần mẫn dệt vải. Mẹ gieo vài tiếng thoi đưa nỗi đau âm thầm. Những tiếng "Cách... cách... a" khắc khoải chìm vào đêm sâu vắng...

Những tấm vải mẹ tôi vẫn dệt hình con hươu, con nai, mẹ dệt bản Quằng có thác Pu Đí phun nước chảy ầm ầm xuống chân núi. Ở đó, con suối Nặm Só dài ra vô tận, cây rừng xanh ngút ngàn đang vươn mình trỗi dậy. Mẹ vẫn dệt nhiều hình bố tôi mặc quần áo bộ đội đứng trên đỉnh núi Phia Sao cao vời vợi – nơi ông mặt trời lên đỏ rực sắc cờ đang vén mây mỉm cười...

Bố tôi đã trở về với người dân trên núi cao.

Trường Thiếu Sinh Quân Việt Bắc – Quân khu I

Lời bình

Là một cây bút trẻ người dân tộc Tày, Bùi Như Lan không phải bắt chước, phải giả giọng. Chị nói những điều chân thật từ chính lòng mình, bằng giọng điệu thật của mình, giản dị, trong sáng và đạt tới độ chuẩn mực, với một bản lĩnh khi viết về một ý tưởng không phải mới lạ. Núi đợi *của chị như viết về chính gia đình, về bố, mẹ, về bà nội và các em của mình nên giàu xúc cảm, có sức lay động mạnh...*

Đào Thắng

Lý Lan

(Dân tộc Hoa)

Tên khai sinh : Lý Thị Lan. Sinh ngày 16 tháng 7 năm 1957.

Quê quán : Quảng Đông.

Tác phẩm đã xuất bản : *Cơ lút* (NXB Tác phẩm mới, 1983) ; *Chút lòng mang trong mưa* (NXB Trẻ, 1987) ; *Chiêm bao thấy núi* (NXB Trẻ, 1991) ; *Đất khách* (NXB Văn học, 1995) ; *Dị mộng* (NXB Trẻ, 1999) ; *Quá chén* (NXB Văn nghệ, 2000).

CHÂN DUNG NGƯỜI HOA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Trích)

PHẦN I

1

Cánh buồm no gió đưa chiếc thuyền buôn tiến vào cửa Đại. Nơi đây một trong chín nhánh sông Cửu Long cuồn cuộn tuôn ra biển dòng phù sa ngầu đục. Cũng nơi đây biển Đông ào ạt xô vào những đợt triều xanh biếc. Hai luồng nước gặp nhau cuốn xoáy nhau, hoà vào nhau, tạo nên một vùng sinh thái nước lợ phong phú cá tôm sung túc thực vật.

Từ lâu lắm, những chiếc thuyền buồm từ Nam Trung Hoa chạy qua Xiêm hay Cam Bốt đã từng ghé vào đây, hoặc bị bão lớn giạt vào, hoặc

vì cạn lương thiếu nước ngọt, hoặc do sức mê hoặc của dãy đất xanh màu mỡ.

Vào khoảng đầu thế kỉ hai mươi, ở dãy đất nằm giữa những nhánh sông Tiền có tên gọi Bến Tre, đã định cư một cộng đồng người Hoa. Trong số họ có người là chủ nhân những sở đất cò bay thẳng cánh, có người toàn bộ tài sản chỉ là cái chòi con.

*
* *

Thuyền vào cửa sông, đôi bờ xanh xa tít tắp như hai cánh tay dang rộng. Phía cửa biển, trời nước mênh mông, một chiếc thuyền tam bản đang nhồi lên hụp xuống theo từng lượn sóng ba đào. Nương theo gió lồng lộng, tiếng hò mang mang trải theo sông dài đồng rộng.

Đứng trên thuyền, Quang lắng nghe. Không chỉ tiếng sóng vỗ mạn thuyền ì oạp vui như lời reo mừng gặp lại. Không chỉ tiếng hò xa xôi gợi bao kỉ niệm thiếu thời. Đâu đó tận đáy lòng mình, Quang nghe một cung đàn rung lên, khi tai mắt gặp lại những cảnh trí quen thuộc và những làn điệu thân thương. Nén trong lòng niềm cảm xúc đang dào dạt dâng lên, Quang hít một hơi sâu, cho nở căng buồng phổi, cho từng thớ thịt trong người giãn ra sảng khoái.

"Hươ... ươ... ơ... ơ".

Tiếng Quang gọi vọng vào bờ, không để gọi riêng người nào, mà chỉ muốn báo cho những mái lá lẫn trong cây cỏ ven sông một sự trở về. Quang nhận ra ngay khi thuyền vào cửa sông, rằng anh đang trở về nhà, rằng quê nhà là nơi ta được sanh ra và trải qua thời niên thiếu.

*
* *

Ngó lên đám mạ ba rò
Kêu anh cũng ngặt (ơ... mà) kêu trò khó kêu.

Tiếng hò cắc cớ quấn lấy chân Quang. Anh biết mấy chị thợ cấy ghẹo mình, chân ngập ngừng rồi dừng bước. Nếu là một chàng trai Việt Nam, Quang có thể hò đáp lại rằng :

Đứng trên bờ đất cao cao
Thấy lưng em cấy, dạ nào không thương.

Từ thuở lên năm lên mười, Quang đã nghe trai gái trong làng hò hát như vậy. Nhưng chàng trai mười tám tuổi vẫn chưa dám mở lời. Nghe người ta ghẹo mình, Quang chỉ đứng lại nhe răng cười.

– Ủa ! Anh Quang con chú Hai Hàn đây mà ! Sao nghe nói anh về Tàu rồi ?

– Ừ, tui ... đi học.

– Vậy he ! Rồi anh thi đậu trạng nguyên chưa ?

– Chưa. Tui mới học được hai cái nửa năm à !

Mấy chị thợ cấy cười khúc khích. Trong cái nắng chói chang họ đứng dầm chân trong ruộng luá ngập nước, cúi lom khom cấy mạ, chiếc áo vá quàng vạt dài che phủ mông. Công việc đơn điệu, các chị hát hò cho vui.

Chạy theo anh té sấp qua bờ.
Biểu anh rồi,
một đợi hai chờ, anh cũng không.

Quang dùng dằng nửa đi nửa ở. Anh mới đi xa về chưa tới nhà ; không lẽ lại la cà ở đây chơi. Mà người ta đang làm lụng vất vả chứ có ai đứng khơi khơi trên bờ đất ngó vu vơ như anh. Phía dòng sông sau rặng bần ổi kia, chiếc xuồng của ai buông neo, dập dềnh trên mặt nước. Anh giăng câu nào đó hát :

Phụ mẫu anh đánh quằn đánh quại
Đem anh ra treo tại nhành dương

Phụ mẫu biểu từ ai anh từ đặng
Chứ biểu từ người thương
Thì anh không đành.

Quang nhẩm những câu hò, tự hẹn mình thế nào cũng sẽ học đối đáp với người ta. Bây giờ hãy về nhà trước đã. Thấy anh đi, mấy chị thợ cấy lại ghẹo theo.

Đường trơn trợt anh gượng đi khéo té ...

Quang không té nhưng có cảm giác chông chênh, bước thấp bước cao như say rượu. Kia, cái quán lá ở đầu chợ làng, cha anh đang sắp xếp mấy cái bao đệm. Ông nhận ra con trai từ xa, ông cúi xuống dọn mớ củi bó rồi ngẩng lên bảo :

– Ăn cơm mau mau rồi bơi xuồng đi với tao.

Như thể con ông mới chạy trên xóm chơi một buổi rồi về, chứ không phải về sau cả năm trời biền biệt. Nhà cửa vẫn y vậy, mẹ anh cũng như trước, nghĩa là vẫn âm thầm nhẫn nại. Những háo hức của một người đi xa nghe thấy bao chuyện lạ, nay trở về muốn kể cho người thân nghe, bỗng nhiên xìu xuống trong không khí u trầm của cái quán lá mà hàng hoá đã vơi đi ít nhiều.

*
* *

Quang bơi xuồng vô con rạch nhỏ, rồi vào một nhánh rạch con. Những đường thuỷ chằng chịt quanh co len lỏi giữa đám dừa nước bần ổi. Quang vẫn còn nhớ thạo như đường chỉ tay của bàn tay mình. Cha anh ngồi giữa xuồng, ít nói như xưa nay, vẻ mặt già nua khắc khổ lúc nào cũng có vẻ lo âu toan tính. Quang vừa mới thử nói :

– Hồi con đi tới Hải Nam, ba biết không, ở bển ...

Ông gạt ngang :

– Sao không biết. Tao ở bển qua đây mà không biết !

Quang cụt hứng ngó lên ngọn bần gie, một con khỉ đeo tòn ten trên đó vừa ăn trái bần vừa nhăn mặt cười khẹc khẹc. Quang tiếp tục bơi sâu vô ngọn rạch, nước ròng anh phải vừa trì kéo cành lá bên bờ vừa chống chiếc xuồng lướt trượt trên lớp bùn do phù sa lắng, bóng nhẫy và láng mịn như thoa mỡ. Đột nhiên ông Hàn nói :

– Ghé vô nhà Chín Hơi.

Ông lên bờ lùi lũi đi trước. Quang loay hoay kéo xuồng vô đám lá. Bầy trẻ, con Chín Hơi, tuá ra túm lấy anh :

– Anh Quang kể chuyện về Tàu nghe chơi.

Được gãi trúng chỗ ngứa, Quang tằng hắng lấy giọng, nhưng chưa kịp nói gì đã nghe cha anh gọi. Anh lật đật đi vào. Tướng tá cao lớn, Quang suýt đội đầu cái mái tranh lè tè, hẳn trải qua năm bảy mùa mưa rồi nên te tua giột nát. Chín Hơi đang nằn nì :

– Chú Hai thương tình, để thư thư tôi vô rừng kiếm mớ tràm về trả nợ chú Hai. Con đàn bà nhà tôi mới nằm ổ, chưa đi mần được. Sắp nhỏ hôm qua nay ăn bần ăn củ trừ bữa. Chứ tôi còn một xu nào lận lưng mà không chịu trả chú, thì trời đánh tôi chết đi.

Phía sau tấm phên tre, giọng đàn bà yếu ớt.

– Chú Hai làm ơn làm phước.

Tiếng trẻ khóc oe oe. Quang bỗng thấy ngượng ngùng, đứng chôn chân nhìn chằm chằm ngọn rau dấng đất mọc bên hè. Ông Hàn hỏi :

– Đẻ con trai hay con gái ?

– Con gái.

Đứa nhỏ vẫn oe oe khóc như để xác nhận sự có mặt. Mọi người lớn im lặng. Họ không chối bỏ nó, nhưng họ cũng không có gì hứa hẹn dành cho nó cả. Ông Hàn móc túi lấy một cuộn giấy nhàu nát, giở ra coi, lẩm nhẩm tính.

– Hai người mua chịu của tôi một xu muối, một chai dầu Nhị Thiên đường, tám xu than, sáu cắc gạo công từ vụ trước tới mùa này, bốn xu cá khô với một hũ chao. Lo mà trả đi để tui có tiền đi mua hàng mới. Mấy người mua thiếu hoài tui làm sao có ăn ?

Nói vậy, nhưng ông đứng lên, thở dài một tiếng "ấy dà !". Quang nhẹ nhõm đi theo cha, nhanh chân như chạy trốn lời cám ơn rối rít của Chín Hơi.

Hai cha con lại chống xuồng len lỏi vô những ngọn rạch cùn.

– Ủa ? Thằng Tư Khinh nó chạy đi đâu rồi ?

Ông Hàn nhìn đám tàn tre lá chơ vơ trống hoác, bừng bừng tức giận. Ông đi vòng vòng cái chòi hoang một cách vô ích. Rõ ràng căn nhà bị phá trước đó ít ngày. Ông tức tối la lên :

– Mày chạy đi đâu Tư Khinh ? Mày còn thiếu tao ba đồng hai cắc tám. Mày chạy đi đâu, tao cũng chạy đi theo à.

Ông đá vô một cọc tre. Nó kéo luôn cái chái lá cuối cùng sập xuống. Ông hậm hực phụ con đẩy xuồng ra. Quang biết là cha giận ghê lắm, vì ngồi trên xuồng ông vẫn lầm bầm.

– Thà như thằng Chín Hơi nó nói phải quấy với mình một tiếng. Bộ nó tưởng trốn là quỵt được thằng này hả ? Tao thà cho không Chín Hơi làm phước, chứ không để cho thằng nào giựt trên tay đâu.

Hôm sau ông Hàn đi xóm về kêu Quang :

– Mày bận áo vô, lấy xuồng đi với tao. Kêu má mày bỏ vô xuồng mấy lon gạo với mấy con cá.

Bà Hàn ngồi đươn ở trong sân, lo lắng nhìn chồng. Ông cầm cái quạt quạt phành phạch, uống một chén nước rồi nói.

– Có người thấy thằng Tư Khinh bơi xuồng chở vợ con về phía trảng Tháp mấy bữa trước. Nó đi chưa xa đâu.

– Trời ơi, ông tính đi vô bưng hả ? Thôi, bỏ đi. Kiếm được chưa chắc người ta có tiền trả mà có khi mình bị muỗi, đỉa, cọp, cá sấu ăn tươi. Tư Khinh chạy vô bưng là nó cùng đường rồi mới phải vô đó. Mình còn quán xá ở đây ...

– Quán bán chịu, không đi đòi nợ lấy gì ăn ?

– Nhưng nghe nói ở bưng biền tụ tập những dân tứ chiếng giang hồ, chứ có phải dân cày thợ cấy hiền lành như ở đây.

– Tui không sợ. Nó quỵt tiền tui là nó quấy, ai bênh nó ? Thằng Quang nuôi tới bây lớn để làm gì ? Quang, mày xách theo cây rựa.

– Ý ! Trời ơi ...

Cuối cùng bà Hàn gạt nước mắt, vội vội vàng vàng thảy đại xuống xuồng những gì bà tưởng tượng rằng cần thiết cho cha con nó sống ở trong bưng, rồi tuyệt vọng nhìn theo hai cha con bơi xuồng đi.

*
* *

Sông Tiền mùa này đầy sóng gió, nước đã bắt đầu tràn đồng. Khi chiếc xuồng con bơi ra giữa sông, Quang nhìn quanh tứ bề không một mái nhà, không một thảo đất, xa xa chỉ loáng thoáng vài vạt xanh mờ của ngọn cây. Ít có dịp ngược nguồn sông cái, Quang không biết lấy chừng, không thể định hướng theo những cụm cây hay dạng cù lao. Anh bảo cha :

– Trời nước mênh mông như vầy, một con người biết đi đâu, mà mình biết kiếm đâu ? Nước nổi rồi không qua sông được đâu.

Ông già trừng mắt quát :

– Xuồng Tư Khinh chở đàn bà con nít còn qua được, mày thanh niên mà không chèo nổi hả ?

Quang tự ái lầm lì chèo. Bưng Tháp Mười từng gợi dậy trí tò mò nơi cậu nhỏ Quang trước đây, giờ đang làm sôi lên máu phiêu lưu trong chàng trai trẻ. Nhưng nghĩ đến lúc phải chứng kiến, thậm chí phải can dự vào một cảnh đời nợ ngặt nghèo, Quang cứ chùng tay. Nhưng không phải do cố ý mà Quang lạc hướng. Bưng Tháp Mười không phải vô cớ mà nổi danh.

Trời càng lúc càng rộng, nước dâng càng lúc càng cao. Quang biết mình đã lạc giữa bưng. Anh đã thử lặn xuống nước, chỉ hơn thước là gặp lớp cỏ năn rậm rì cứng nhọn đâm buốt da anh. Nếu đứng được trên ngọn cỏ năn nhọn hoắt đó, có thể nhô đầu cổ khỏi mặt nước. Nhưng mặt nước bao la như mặt biển, lơ thơ vài ngọn cây tràm. Bầu trời quả

là tròn như cái vung úp trên một chảo nước khổng lồ. Tất cả chân trời đều giáp mí nước. Đã ba bốn ngày đêm mà cha con Quang không gặp được một người để hỏi thăm. Ông già bắt đầu hoang mang.

– Cái thằng Tư Khinh ốm nhách, với con vợ bệnh rề rề, với ba đứa con chút xíu, làm sao tụi nó sống nổi ở chỗ này ? Còn thằng Ba Búa năm ngoái đánh lộn với thằng rể ông Hương Cả, phải chạy vô bưng. Thằng Chiêu dính chuyện quốc sự cũng chạy vô bưng. Mấy thằng khố rách áo ôm không ruộng cày, không ai mướn làm, cũng chạy tuốt vô bưng. Tao ra chợ nghe kể bao nhiêu người chạy vô bưng. Mà sao tao vô tới đây không thấy người nào hết ? Tụi nó chạy đi đâu hay ... chết hết rồi ?

Nói tới mấy tiếng cuối ông rợn xương sống. Nếu những người trước đã chết thì ...

Gạo củi cá mắm đã cạn. Quang bơi xuồng từ sáng đến trưa, có cảm giác mình đang trôi trên một đường vòng của cái xoáy trôn ốc. Trời bỗng vần vũ, mây đen từng giề, phút chốc chợt phình ra, trương lên như cái bánh tiêu chiên trong chảo dầu. Chỉ nháy mắt những giề mây kết lại che kín bầu trời. Mưa trút xuống ào ào. Quang chỉ kịp bơi xuồng tới một ngọn cây nhô cao hơn mặt nước non thước, bám vào đó chịu trận. Chung quanh mưa giăng mờ mịt. Hai cha con cặm cụi tát nước mưa trong xuồng ra, nhờ vậy mà không bị lạnh cóng, nhưng sức lực mỗi lúc một kiệt. Đêm xuống lúc nào không hay, bóng tối trùm kín vạn vật, hai cha con ngồi chung xuồng mà không nhìn thấy nhau. Một ánh chớp nháng ngang qua bầu trời, tiếng sấm vọng ình ình đinh tai nhức óc, tưởng như lưỡi búa thiên lôi vừa bửa đôi Trái Đất. Trong ánh chớp cả hai con người đều tự động co chân rúm người lại, hai tay ôm lấy đầu. Ông Hàn run run khấn :

– Trên có trời, dưới có đất, làm chứng cho tôi. Tư Khinh có chết rồi thì biết cho tui, không thù không oán. Tui cũng nghèo, bán từng xu muối xu củi mà sống, mới phải đi kiếm nó đòi nợ, không phải ác đâu.

Lại một lần chớp ngoằn ngoèo làm nứt rạn bầu trời đêm, đập vỡ bóng tối trong vài giây. Quang ngẩng đầu nhìn ra, tưởng như một ảo ảnh

vừa hiện lên trong ánh chớp : Ngay trước mắt anh, cách không xa, một chiếc xuồng cũng có hai người ngồi. Chiếc xuồng chỉ hiện ra rồi biến mất cùng lúc với tia chớp. Quang chưa kịp nhận định thì một chuỗi sấm đã kéo ầm ầm tới. Khi tiếng sấm im, Quang nghe tiếng người gọi thoảng trong tiếng mưa ào ào. Anh mừng rỡ kêu lên :

– Ai đó ? Làm ơn với.

Tiếng người đến gần hơn.

– Có bơi nổi không ?

– Tôi bơi nổi, ba tôi lạnh lắm rồi.

– Rán lên chút nữa. Ở đây không được. Một người tát nước, một người bơi, theo tôi.

– Không thấy gì hết.

– Cứ nghe tôi mà bơi.

Quang chèo xuống theo hướng có tiếng người nói. Chốc chốc, người đó lại hỏi, Quang trả lời để hai bên định hướng, không lạc nhau. Khi mưa ngớt, và mắt Quang bắt gặp tia sáng leo lét của ngọn đèn dầu dưới mái lá, anh gục xuống ngay trong xuồng, lả người đi.

*
* *

– Mày biết chữ nho hả ?

– Tôi có đi về Tàu học được hai cái nửa năm.

– Đọc hàng chữ này coi.

Người đàn ông co cánh tay cho nổi hàng chữ xâm màu chàm. Quang chăm chú đọc : *Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục*. Người đàn ông gật gù hài lòng, phạch áo vạch ngực cho Quang xem nguyên một cái đầu cọp xâm tỉ mỉ cả nanh cả râu ria, rồi nói dõng dạc :

– Tao là Năm Cọp.

Ông Hàn cúi đầu nói :

– Cám ơn thầy Năm cứu mạng.

Năm Cọp khoát tay :

– Khỏi. Dọc đường hỏi chuyện tôi biết chú là ai, tới đây làm gì. Phàm cái thằng đã đến nước chạy vô bưng thì không nên truy đuổi. Mà thằng cố theo đuổi được tới đây, thì có thể nói chuyện phải quấy với nhau. Tư Khinh là anh em của tôi. Tôi có thể vì nó mà bỏ chú giữa đồng hồi hôm qua. Nhưng mà, *kiến nghĩa bất vi vô dòng dã lâm nguy bất cứu mạc anh hùng.*

Năm Cọp vừa nói vừa múa tay, Quang ngẩn người mà nhìn mà nghe, còn ông Hàn thì phân bua :

– Tư Khinh nó mua chịu của tui. Tui đâu có làm gì không phải với nó.

– Kìa, Tư Khinh tới đó.

Năm Cọp đứng dậy bỏ đi, Quang ngẩn ngừ rồi đi theo. Một người đàn ông xanh xao chui vô chòi ngồi xuống năn nỉ :

– Chú Hai à, tôi không có ý quỵt nợ chú. Hôm trước vợ tôi lên cơn nóng lạnh lạt miệng quá nên tôi mới qua chú mua chịu chén đường tây về nấu chè cho nó ăn. Thấy ba đứa nhỏ thèm nó mới chia cho chúng. Nhè đâu ông cả Chắc vô nhà thấy vậy, ổng nói : Sang quá hén, nợ tao không trả, để tiền ăn sang hén. Nhà tao ăn đường thẻ, mà nhà mày dám ăn đường tây hả ? Ổng đạp nhà tôi, đuổi tôi ra khỏi đất ổng lập tức. Vợ chồng tôi đành xuống xuồng chèo vô đây, không kịp cho chú Hai hay. Chú cảm phiền, bây giờ tôi cũng chưa có tiền trả chú.

Ông Hàn thở dài. Tư Khinh nói tiếp :

– Chú Hai cho tôi hẹn tới kì nước rút, tôi làm ăn khá là kiếm chú trả đủ.

Ông Hàn lại thở dài. Ông đã nghe nói vùng này chỉ có loại luá ma hay luá trời gì đó, tự nó mọc, nước lên tới đâu nó mọc theo tới đó, nước rút luá chín ngã rạp xuống, dân khẩn hoang nhờ mót luá trời mà sống.

Chứ ở chợ ai bán mua gì thứ đó. Ví dụ Tư Khinh siêng năng đi mót củ năn củ súng củ sen hay đi cắt bàng đươn đêm, hay vô rừng tràm ăn ong ... thì nói chung triển vọng làm ăn khá cũng không nhiều. Khi anh ta còn là tá điền, tới mùa gặt, chủ nợ cứ tới xúc luá mà trừ, có đôi co gì cũng còn làng lính. Bây giờ anh ta như con cá sẩy khỏi ao nhà bơi ra sông cái rồi. Chim trời cá nước ... biết đâu mà nói ! Ông Hàn đành thở dài, quay ra kêu :

– Quang à !

Quang đang đứng sau lưng Năm Cọp nhìn đàn chim rừng bay về đậu trên những ngọn tràm. Năm Cọp nói :

– Con chim sướng nhứt là con chim bay trên trời, con cá sướng nhứt là con cá bơi dưới nước. Còn trong trời đất này, con người sướng là sao, mày biết không ?

Quang chưa kịp nghĩ tới đã nghe cha gọi. Ông Hàn chào Năm Cọp, lo về để còn kiếm kế khác sinh nhai. Ông nói :

– Đội ơn thầy Năm cứu mạng tui không bao giờ quên. Còn một thầy nữa, làm ơn cho tui gặp để chào.

– À, Út Nhịn hả ? Y lên núi Tà Lơn rồi, khỏi chào.

Quang đẩy xuồng ra, đầu còn ngoái lại nhìn lần nữa cái xóm mới giữa bưng tựu dăm mái lá dựa lưng nhau của những người đi mở đất.

Hình ảnh con người và trời đất bưng Tháp Mười in sâu đậm trong tâm trí chàng trai trẻ. Chuyến đi này chính là chuyến du học thứ hai đối với Quang. Những điều mới lạ học được từ hai chuyến đi chứa chất đầy trong lòng, khiến Quang cảm thấy cái quán của cha mình quá chật chội. Ông Hàn cũng biết rằng cái nghề bán quán này không khá nổi khi con ông đã nhiễm rồi trong máu nó một chút tánh anh hùng hào hiệp. Chiều chiều thấy Quang đứng nhìn chim bay mà bồn chồn, ông Hàn quyết định gởi Quang cho một người bà con làm tiệm nước ở Sài Gòn cho nó học một cái nghề kiếm cơm.

Một ngày cuối năm 1924, hai cha con bơi xuồng qua Mĩ Tho. Từ đó Quang đáp xe lửa đi Sài Gòn.

2

Năm 1924 Phùng Há vừa mười ba tuổi. Cô gái nhỏ đang nhấp nhổm ngồi bên cạnh mẹ trên chuyến xe lửa Sài Gòn – Mĩ Tho. Đó là chặng cuối của một hành trình dài : Hạc San – Quảng Châu – Hương Cảng – Sài Gòn – Mĩ Tho.

– Sắp về tới nhà mình rồi má ơi !

Người mẹ âu yếm ôm con vào lòng. Phải, sắp về tới nhà mình rồi con. Bà cảm động rưng rưng nước mắt. Đây là đứa con duy nhất gọi bà là má. Những đứa con khác, những đứa con trai, bà banh da xẻ thịt đẻ ra, ấp bú mớm, đến khi chúng biết lật biết bò, biết bập bẹ kêu, thì cha chúng sai người bồng về Hạc San cho người vợ chánh thất nuôi. Từng đứa một, bà lần lượt đẻ ra, rồi cắt ruột để chúng đi. Về Hạc San để nói tiếng ông cha, để đi học chữ nghĩa thánh hiền, để giữ gìn phong tục tập quán, để kế thừa gìn giữ giềng mối gia tộc. Ông Trương Nhân Trường là con trai trưởng, bà chánh thất lại không có con. Tất cả những đứa con ông Trương đưa về đều được bà chánh thất nuôi dạy đến lớn khôn.

Chỉ riêng đứa con gái Trương Phụng Hảo được sống với má đẻ lâu hơn. Bởi vì ông Trương đã già, thỉnh thoảng đau yếu, tiếng trẻ con cười nói trong nhà là niềm vui, là liều thuốc bổ. Mỗi lần đi qua trại cưa hay đi thăm mấy thớt thịt ở chợ Mĩ Tho về, ông Trương thường mua một cái bánh cầm trên tay, bước vô cửa là kêu lớn :

– Phùng Há ! Phùng Há à !

Đứa bé gái chạy ra ôm cổ cha, đeo lên ngực cha, hôn mặt cha, rồi ngoái đầu vô nhà gọi :

– *Mà má* ơi, *pàpá* về nè.

Rồi con bé líu lo kể chuyện, hồn nhiên nói những câu nửa Tàu nửa Việt. Lại còn hát Quảng cho cha nghe nữa. Mỗi năm tiết Nguyên Tiêu hay tiết Trung Thu có những gánh hát Quảng sang Sài Gòn, lưu diễn ở Mĩ Tho, ông Trương đều dắt đứa con gái rượu đi coi. Con bé sáng dạ, thấy đào kép hát sao, về nhà nhái y điệu bộ mà hát lại. Thỉnh thoảng

Phùng Há còn được mẹ dắt đi coi hát bội ở đình Điều Hoà, và con bé về nhà lại tập hát bội cho mẹ coi.

Hạnh phúc ấy không kéo dài được lâu. Ông Trương qua đời, mẹ con Phùng Há đưa ông về Hạc San an nghỉ và hai mẹ con ở lại đó thọ tang. Người con trai thứ sang Mĩ Tho để điều hành việc làm ăn ở đó. Phùng Há và mẹ ở với người anh cả.

Trong căn nhà giàu có nhất nhì Hạc San ấy, cuộc sống biến thành ác mộng đối với hai mẹ con. Tất cả những tính chất của một miền đất mới hào phóng đem ép vô khuôn vàng thước ngọc của lễ giáo Nho gia bị coi như thói tật man di mọi rợ.

Con bé không được hò hát nữa, vì "xướng ca vô loài", không được chạy nhảy trèo leo bắt dế hái ổi nữa, tiểu thư phải bó chân. Vốn quen được cha cưng mẹ chìu, Phùng Há vùng vẫy, khóc thét lên khi người ta bóp bàn chân nhỏ nhắn ép sát mấy ngón hồng hồng, cột chặt trong mấy lớp vải. Con bé đứng lên thì té xuống, bước đi đau đớn thấu xương. Đêm đêm Phùng Há khóc trong áo mẹ.

– Về nhà mình đi má ơi !

Mẹ giấu nước mắt, tháo vải quấn chân cho con, lấy rượu xoa bóp đôi bàn chân trẻ. *Về nhà mình*, mẹ không mong gì hơn. Ở đây thân phận mẹ chỉ là một vị vong nhân, một người thứ thiếp chưa chết theo chồng. Người ngoài thì không được tiếp xúc, vì vị gia trưởng xấu hổ về một kẻ sinh thành gốc Annam. Người trong nhà cũng ít chuyện trò. Cuộc sống tù túng khổ sở với bao tập tục lễ nghi khác lạ. Mẹ không thể vùng vẫy khóc thét lên như con gái, nhưng nỗi đau của mẹ gấp trăm lần nỗi đau của con. *Nhà mình*, quê hương, làng xóm, sông nước, điệu hát giọng hò ... ngày đêm day dứt khôn nguôi. Nhưng cái đạo tam tòng, phu tử thì tòng tử. Mẹ phải vâng theo người con trai trưởng.

Buổi sáng nghe báo lại là má đã tháo vải bó chân cho Phùng Há, cậu Trương nổi giận, gọi mẹ lên mắng một chặp. Cậu là gia trưởng, cậu có bổn phận gả em gái, nếu nó không bó chân thì làm sao gả được cho nhà tử tế ? Lần gả đứa em thứ tư cho nhà họ Lý, cậu đã tốn không ít của hồi môn, nhà trai mới lời đi chuyện bà mẹ Annam của cô dâu. Cậu đã

quyết nuôi dạy đứa em út này thành một tiểu thư chánh cống để gả được chốn danh gia vọng tộc, kẻo uổng. Con bé mặt mũi sáng láng, nhất định lớn lên sẽ xinh đẹp vô cùng. Nhưng bà mẹ, tuy cúi đầu lặng thinh, vẫn không có vẻ gì hiểu được cái bổn phận và trách nhiệm nặng nề của cậu. Cuối cùng bà nói :

– Cậu cho tôi về Mĩ Tho.

– Không được. Qua Annam, Phùng Há thành gái Annam mất.

Cậu gạt phăng đi, ra lệnh cho gia nhân bó chân cô em lại, nhốt trong một phòng riêng.

Mẹ là con gái của nhà bần nông đông con, phải lấy lẽ một khách trú. Xóm giềng gọi là thím *xẩm*, thấy thím ở chợ ăn trắng mặc trơn, đều nói thím có phước, gặp được một *cắc chú* (khách trú) tốt bụng, thỉnh thoảng cho thím đem ít tiền về giúp bà con. Nhưng sướng khổ đời người, lòng thương chồng nhớ con, sức chịu đựng âm thầm, một mình mẹ biết, một mình mẹ cam. Ba mươi năm lấy chồng khách trú, mẹ tập đứng tập ngồi tập ăn tập nói theo phong tục nhà chồng. Ở Hạc San mẹ mặc áo xẩm, ăn cơm tàu, có khác gì một phụ nữ Trung Hoa ? Nhưng bản tánh của người phụ nữ đất Cửu Long dẫu có bị vùi dập che lấp đi, nhưng không thể nào mất được.

Bản tánh đó kế thừa từ những người tay không đánh cọp, bắt cá sấu, phá rừng đầy muỗi mòng đỉa vắt, để mở đất phương nam, sống đời chim trời cá nước. Gọi là bản chất hoang dại hay ý chí tự do, là tuỳ thời tuỳ người. Tánh chất đó có sẵn trong máu của những người được sanh ra ở miền đất mới phương nam : Dám làm và dám chấp nhận hậu quả.

Một hôm má và Phùng Há biến mất khỏi Hạc San. Cậu Trương không bao giờ hiểu được. Má không nói không rằng, không hề than vãn với ai, không một câu từ giã, lẳng lặng ra đi. Cậu Trương nuôi mẹ nuôi em cho ăn cho mặc chứ không cho tiền làm sao tay trắng mà mẹ với đứa con gái mười ba tuổi dám đưa chân tới trước !

Sông Tiền đây, mênh mông sóng nước bao la mây trời.

Mĩ Tho đây, trên bến phố chợ khang trang, dưới sông thuyền ghe tấp nập, gạo trắng nước trong, trai thanh gái lịch, đất phồn hoa thịnh vượng chỉ đứng sau Sài Gòn.

Phùng Há vuột khỏi tay mẹ, phăm phăm chạy về nhà mình. Con bé vẫn nhớ rõ khoảng sân chơi cò cò, cây ổi thuở nào thường leo.

Chị dâu đứng trong cửa sửng sốt nhìn ra. Nhận ra đúng má chồng không sai, chị tươi cười vồn vã đón vào nhà. Anh Hai đang nằm hút á-phiện ở buồng trong. Anh vẫn nằm bên bàn đèn cau mày hỏi.

– Má ăn ở sao mà bị anh Cả đuổi đi ?

Người đàn bà hơi cong người lại như bị chém một vết thương quá sâu, nhưng không quá bất ngờ. Bà nói :

– Không ai đuổi. Tự ý tôi đi. Tôi về nhà.

– Nhà má là nhà anh Cả.

– Tôi đã ở đây từ hồi chưa sanh ra cậu.

Anh Hai ngậm ống tẩu hút một hơi, nằm lim dim mắt.

Mẹ dắt Phùng Há ra nhà sau rửa mặt. Chị dâu thấy thái độ anh Hai như vậy liền trở mặt lạnh như tiền. Nhưng hai mẹ con đã quen với những vẻ mặt như vậy ở Hạc San.

Một tháng sau, anh Hai bảo :

– Anh Cả viết thư qua biểu má dắt Phùng Há về bển. Anh Cả là gia trưởng, tôi không dám cãi lệnh anh ấy mà chứa má trong nhà. Má soạn đồ mai tôi cho người đưa đi.

Không đợi đến mai, chiều hôm đó, hai mẹ con Phùng Há dắt nhau về quê ngoại, xã Điều Hoà, huyện Châu Thành.

*
* *

Bà ngoại đã mù. Các cậu dì đều đông con, vất vả. Hai mẹ con Phùng Há ở đậu chái nhà sau bếp người dì. Mọi người xúm lại, mỗi người một câu, hoặc thắc mắc, hoặc khuyên bảo. Mẹ nhũn nhặn đáp cho qua.

Đêm nằm dưới chái nhà người ta, mẹ cong người lại che gió cho con. Ngọn gió sông Tiền lồng lộng thổi, đưa vọng lại tiếng ai hò :

Sông sâu sào vắn khó dò ...

Sông sâu và sông rộng, sông chỉ một mực chảy ra biển Đông.

Lấy cái lẽ thường con cái phải nuôi dưỡng báo đáp cha mẹ để trách những người con, thì không thể đo lường được nỗi đau trong lòng mẹ. Bà không đau vì bây giờ bị con đuổi đi mà vì bà chợt hiểu ra mình đã đánh mất những đứa con ấy từ lâu. Bây giờ còn lại mỗi đứa con gái này. Bà ôm Phùng Há vào lòng ngậm ngùi hát ru con :

Ầu ơ ... chiều chiều ra đứng bờ sông
Sông xa xa tắp cho lòng mẹ đau
Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.

*
* *

Dì Tư nói với Phùng Há :

– Má mày bệnh hổm rày, không thuốc men gì hết làm sao chịu nổi. Mày ra chợ kêu anh mày đưa tiền đi rước thầy chạy thuốc chớ.

Phùng Há biết mẹ không cho đi đâu, nhưng dì Tư bảo phải đi. Nhìn mẹ nằm thiêm thiếp trán nóng như than hồng, Phùng Há bậm môi đi ra chợ.

Ngôi nhà to lớn từng là nơi thân yêu quen thuộc mà bây giờ xa lạ lạnh lùng. Ước gì còn được nhảy cò cò trong khoảng sân dưới bóng cây ổi đó, ước gì chợt nghe tiếng pàpá gọi "Phùng Há" trìu mến và vui vẻ, ước gì được ôm lấy cổ pàpá vùi đầu vào ngực pàpá mà khóc mà cười. Ước gì ... Phùng Há đứng cả giờ đồng hồ trước nhà mình mà không dám bước chân qua cổng.

– Mày đứng đây làm gì ?

Phùng Há giật mình, ấp úng không thành lời. Anh Hai đi vào, Phùng Há đi theo. Ngôi nhà của mình mà giờ mình không biết đứng đâu ngồi đâu. Chị dâu vồn vã săn sóc chồng nhưng làm như không thấy Phùng Há. Cái trường kỉ này, pàpá thường ngồi uống trà, Phùng Há hay trèo lên chơi rồi ngủ quên, pàpá ngồi quạt cho suốt giấc ngủ trưa. Có hôm thức dậy Phùng Há nhõng nhẽo èo ẹo khóc, pàpá bồng vào lòng, chỉ thấy cái hình chạm khắc trên thành trường kỉ, kể tích xưa để dỗ Phùng Há. Này ông Trương Phi tánh nóng như lửa, quân sư Khổng Minh cho cái túi gấm đựng bửu bối phòng khi giặc đuổi nà sau lưng mới mở ra xài. Nhưng khi Trương Phi mở ra chỉ thấy túi không, tưởng Khổng Minh lừa mình, Phi giận quá dậm chân một cái, cầu không chịu nổi cơn giận của Trương Phi bèn gãy đôi. Phi nhảy qua bờ kia thoát, còn quân địch ở bờ này tức tối. Bấy giờ Phi mới vỡ lẽ ra kế Gia Cát Lượng. Và đây, Khổng Minh đứng xem thiên văn, kia là Tào Tháo làm thơ trước trận hoả công Xích Bích ...

Phùng Há ngồi xuống cái trường kỉ, rà ngón tay lên từng đường nét hình chạm, nhớ pàpá muốn òa khóc. Trong nhà người ta dọn cơm, tiếng chị dâu mời anh Hai, kêu con cái ăn cơm. Không ai kêu tới Phùng Há. Con bé gọi thầm pàpá ơi, cắn môi cho nước mắt chảy dài, rồi lặng lẽ gạt nước mắt đi. Phùng Há lầm lũi đi về.

– Dì Tư à, dì đi làm lò gạch đất con đi theo, cho con làm kiếm tiền nuôi má.

Dì Tư thở dài. Dì làm nghề in gạch, một trăm viên mới ăn được ba xu, ngày giỏi lắm làm từ sáng đến tối được ba bốn trăm viên mới kiếm được một cắc. Một cắc mà lớp tiền gạo tiền củi tiền mắm muối ... tiền đâu nữa mà thang thuốc ? Thôi thì mười ba tuổi cũng biết ăn biết làm rồi, Phùng Há theo dì Tư vô lò gạch học in gạch kiếm tiền.

Lò gạch ấy của một ông bang trưởng họ Dư. Ông bang Dư tánh phóng khoáng quen chơi bời cờ bạc nên đổ nợ. Cái lò gạch do một tay người vợ lẽ của ông trông coi, thợ làm công gọi người này là cô Tư.

Phùng Há còn nhỏ mới học làm, mỗi ngày in được có năm bảy chục gạch, chưa đủ ăn ba xu. Lại bị thợ lò gạch chọc ghẹo. Ai không biết trại cưa Nam Hiệp Phát với tiệm Hiệp Sanh ? Ai không biết Phùng Há là con gái rượu của ông Trương ? Sao đến nỗi này ? Phùng Há lầm lì làm không nói, tủi thân quá thì nước mắt chảy thành dòng. Ai nấy im lặng. Người nghèo đôi khi ác miệng chứ không ác tâm. Vài ngày sau đã quen, ai cũng mến con bé, người ta lại vui miệng chọc ghẹo.

– Ê, Xẩm lai.

– Tôi tên Phùng Há.

– Tên gì kì cục. Làm sao mà vừa phùng mang mà vừa há miệng được ? Đâu, mày thử coi. Mày mà vừa phùng vừa há được tao cho mày hai mươi gạch.

Phùng Há kéo hai cái má há miệng trợn mắt như dọa trẻ con làm mọi người bật cười.

– Nghe nói mày biết hát hò, đâu hát thử coi, hát hay tao cho ba chục gạch.

In cả ngày mới được bảy chục viên, hát được cho ba mươi viên, Phùng Há chịu liền, hát :

Ôi, thế sự đoản như xuân mộng,
Nhơn tình bạc tợ thu vân
Cắn răng cười (ha hả) cười cũng khó khăn
Ôm lòng chịu, chịu càng đau đớn.

Cô Tư đi qua, mọi người lật đật về chỗ làm. Đi tới bên Phùng Há, cô đứng lại ngắm nhìn con bé một lúc. Con nhỏ ngộ quá, da trắng môi son mắt sáng, lại hát hay. Không biết ai dạy nó câu hát mà nó hát thấm thía. Nó có hiểu không, hay chỉ nhái theo phường tuồng ? Hồng nhan đa truân. Bởi vì cô Tư cũng là một người nhan sắc, bởi vì đời cô cũng lận đận từ tuổi ấu thơ, nên nhìn Phùng Há hát, nghe Phùng Há hát, mà cô động nỗi riêng tư, rồi ngậm ngùi thầm thương số kiếp cô gái nhỏ.

Cô Tư không rầy mà còn tỏ ra mến Phùng Há.

Cứ thế lò gạch trở nên sàn diễn đầu tiên của người nghệ sĩ lừng danh sau này. Thợ lò gạch là khán giả, vé coi hát tính bằng công in gạch. Ngày ngày Phùng Há vừa in gạch vừa hát, kiếm được năm bảy xu đong gạo.

*
* *

Về tới đầu ngõ Phùng Há đứng lại rửa chân rửa tay. Thấp thoáng qua cành lá, dưới chái nhà, có một người đàn ông đang ngồi trên cái ghế đẩu. Ông ta đang nhìn như coi giò coi tướng cô gái. Dù đã nghe đồn trước rồi, ông vẫn sững sờ khi Phùng Há bước vào. Thấy khách lạ Phùng Há cúi đầu chào e lệ. Mẹ bảo :

– Đây là chú Hai, bầu gánh Tái Đồng Ban. Chú nghe người ta đồn trong lò gạch có con xẩm lai hát hay lắm, nên chú tới nói với má cho con theo gánh hát.

Ông Hai nói thêm :

– Gánh Tái Đồng Ban của tôi mới lập, trước đó là gánh Nam Đồng Ban, gánh hát tân thời, đang hát ở chợ Mĩ Tho.

Phùng Há chưa hề nghĩ đến việc theo gánh hát, từ khi cha mất đến nay cũng không được đi coi hát lần nào nữa, không hay biết phong trào cải lương hí nghệ đang thịnh hành, các gánh hát ca ra bộ thi nhau lập nên, được dân chúng yêu thích vì mới lạ. Phùng Há chỉ biết đứng nhìn mẹ. Bà nói :

– Má đã nói với chú Hai rồi, là không được. Bên nội con mà biết con đi hát, họ từ.

Một làn sóng phẫn nộ trào lên ngực Phùng Há.

– Bên nội có ai nhìn mình lúc này đâu mà má lo họ từ.

Mẹ nhìn con gái, không biết nói sao. Trước mặt ông bầu gánh, bà không thể nói rằng bà lo sợ con gái theo gánh hát đời sẽ khổ. Vả chăng, đời nó thế nào cũng khổ, bà biết như vậy. Nó nhan sắc mà nghèo. Nếu lọt vào mắt người khá giả nào đó, thì phận nghèo hèn cũng chỉ đến làm

bé người ta, rồi kết thúc cuộc đời như bà. Nếu lấy một anh chồng xứng đôi, một anh thợ gạch chẳng hạn, thì cả đời cơ cực, như dì Tư nó. Có cách nào thoát ra được thân phận đàn bà ? Họa chăng mượn áo mão phường tuồng lên sân khấu làm một Đào Tam Xuân loạn triều ca, hay một Mạnh Lệ Quân mang ấn tướng trừ gian nịnh.

Ông Hai nói :

– Nếu thím để em nó theo gánh hát Tái Đồng Ban, tôi gởi thím năm chục đồng để lo thang thuốc.

Phùng Há kêu lên :

– Năm chục đồng ? Má ơi, vậy là có tiền rước thầy chạy thuốc cho má, má khỏi bệnh con làm gì cũng dám làm.

Mẹ khóc :

– Đời má kể như xong rồi, sống chết là phần số thôi. Má lo cho đời con ...

– Chị đừng lo. Bây giờ cải lương hí nghệ rồi, đào hát được trọng vọng chứ không như ...

– Ông Hai ơi, nếu tôi đi hát má tôi có được đi theo gánh hát với tôi không ?

– Ờ, được chứ.

– Ông Hai ơi, tôi chưa biết tuồng tích gì hết, nhưng nếu ông cho tiền chạy thuốc cho má tôi, rồi cho hai phần ăn : Tôi một phần má tôi một phần, thì tôi xin theo gánh ông Hai.

Lời bình

Chân dung người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh *được tác giả khắc hoạ bằng những đường nét thô mộc trên một gam màu trầm. Những gương mặt hằn lên dấu vết của một cuộc sống bươn trải, vất vả, khó khăn. Song cái khó khăn luôn lộ ra như thách thức ấy không xoá nhòa được cái hương ấm nồng đằng sau cái vẻ lạnh lùng, khô cứng mà thời gian và một cuộc sống sinh tồn nghiệt ngã đã để lại.*

Tác phẩm đưa ta vào thế giới của những người nghèo. Thế giới của những con người cùng đường. Cuộc sống của họ là cuộc sống của những số phận trôi trên đường vòng của cái xoáy trôn ốc, quẩn quanh và bế tắc. Những khó khăn và túng thiếu đã dồn con người đến bước đường cùng : Tư Khinh quỵt nợ bỏ trốn, Ông Hàn bất chấp nguy hiểm trên bưng Đồng Tháp quyết tâm tìm kẻ chạy nợ, Phùng Há 13 tuổi đã phải vào lò gạch kiếm tiền nuôi má ... Ở đây hiện thực cuộc sống dồn nén, chất chứa với những hoàn cảnh đầy thương cảm. Chính cuộc sống bươn chải, khó khăn, vất vả và ngặt nghèo đẩy con người đến bước đường cùng. Song cũng ở cái ngưỡng cuối cùng ấy, cái ranh giới mong manh giữa thiện và ác đã cho ta thấu rõ tình người của những con người chất phác, dân dã nơi miền đất phương Nam. Cuộc sống và số phận của họ khiến ta trào dâng nỗi xót thương lẫn cảm phục. Những con người sinh ra và lớn lên ở miền đất mới phương Nam : dám làm và dám chấp nhận hậu quả. Đời sống vùng vẫy và ý chí tự do là nguồn sống chảy trong dòng máu họ. Hành động quyết định thay đổi cuộc sống của chính mình của những con người lam lũ ấy (Quang học nghề khác, Phùng Há kiếm được việc làm mới ...) ít nhất cũng cho chúng ta hi vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn ở phía trước. Ta hiểu rằng đằng sau cuộc sống lam lũ khổ cực, niềm tin về một ngày mai tốt đẹp hơn vẫn âm ỉ cháy.

Đọc Chân dung người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh *ta được sống trong một bầu khí quyển đậm chất phương Nam. Chất Nam Bộ in dấu rõ nét trong cuộc sống của những người Hoa. Ngôi nhà họ đang sống chính là quê hương với tất cả tình cảm tha thiết và sâu đậm nhất. Làng xóm, sông nước, điệu hát, giọng hò trở thành những ám ảnh, day dứt, khôn nguôi ... Đó là những tiếng hát cất lên từ đất : tiếng hát làm say lòng người, tiếng hát khiến bước chân người đi bồn chồn, chông chênh và những làn điệu quen thuộc thân thương quấn lấy chân người đi xa ... tất cả đã trở thành nguồn sống trong tâm thức của mỗi người. Vị mặn mòi của đất rừng phương Nam đã ngấm vào trong từng thớ thịt của những người Hoa xa xứ. Cuộc sống đầy những đắng cay và cả ngọt ngào nơi mảnh đất phương Nam đã trở thành ngôi nhà của cuộc đời họ.*

Cao Kim Lan

Mã A Lềnh

(Dân tộc Mông)

Tên khai sinh : Mã A Lềnh. Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1943.

Quê quán : Xã Trung Chải, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản : *Cột mốc giữa lòng sông* (truyện kí, 1984) ; *Cao nguyên trắng* (kí, 1992) ; *Bên suối Nậm Mơ* (thơ, 1995) ; *Có một con đường* (kí, 1996) ; *Chuyện bây giờ mới kể* (truyện ngắn, 1996) ; *Dấu chân trên đường* (truyện thiếu nhi, 1996) ; *Rừng xanh* (truyện ngắn, 1997).

Giải thưởng văn học : Tặng thưởng của Uỷ ban Dân tộc Trung ương và Hội Nhà văn Việt Nam, 1985 (truyện kí, *Cột mốc giữa lòng sông*) ; tặng thưởng của Uỷ ban Trung ương Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, 1994, (tập kí *Cao nguyên trắng*) ; giải A truyện ngắn cuộc thi do báo Thiếu niên tiền phong và NXB Kim Đồng tổ chức, 1996.

CON CÁO

Thằng Hồ, em tôi dắt con chó về, trông quá xấu xí. Hai anh em tôi vạc nhau một trận, vì nó phải bỏ ra những năm nghìn – số tiền hôm mưa lũ, nó khiêng xe máy qua suối cho khách qua đường – để rước một con chó nhọ nhem, bẩn cả mắt. Em tôi vốn ít nói. Nó thụi một quả vào ngực tôi. Tôi đành chịu thua vì cái nắm đấm xinh xinh của nó.

– Rồi xem ! Nòi chó săn đấy ! – Nó giơ nắm đấm đe doạ tôi.

Nó tên là Cáo.

Cáo lớn dần trong sự chăm bẵm, chiều chuộng của em tôi. Đi học trường làng, đi chăn trâu, lấy củi, em tôi đều rủ Cáo đi cùng. Có những lần, về đến nhà, Cáo ướt bết.

– Nó tập săn à, Hồ ?

– Nó săn cá đấy !

Chó mà săn cá ? Tôi không thể tin được !

Tôi tuổi mười ba, nhưng đã là người lớn. Người lớn thì không nên quan tâm nhiều đến những trò chơi của trẻ con. Người lớn có khối việc phải lo toan.

Một lần, anh em tôi đi lùa trâu, ngựa. Tôi còn vội đi xuống suối kiếm giỏ cá về cho bữa chiều, nên giục em về ngay. Không thấy con Cáo đâu. Thằng Hồ bồn chồn. Nhưng nó không dám cãi tôi.

Tối nhọ mặt. Tôi đi chài cá về, thấy trong nhà vui như hội.

Vừa mở cửa vào nhà, mắt đang loá vì ánh lửa, thì thằng Hồ thụi ngay một quả vào ngực tôi :

– Bây giờ thì anh phải công nhận Cáo là nòi chó săn rồi nhá ?

– Nó săn được gì ?

– Một con chồn ăn quả ! Nó tự vác về nhà đấy !

Rừng đang mùa quả chín, nên thịt chồn vừa béo, vừa thơm. Nếu không phải mùa quả, thịt chồn phải sấy khô, băm nhỏ, nấu với hoa chuối rừng, mới ăn được. Khi làm thịt, thằng Hồ đã kịp vặt vài sợi râu chồn, miết bằng chính máu con vật vào cột nhà, để ghi nhớ chiến công của Cáo. Cáo ta thật khoái chí. Trong bữa ăn, "nàng" lăng xăng cọ đầu vào chân người này, vỗ vỗ vào đầu gối người kia, mặc dù chính tôi đã thay mặt em tôi, thưởng cho "nàng" đủ miếng lòng, miếng gan, miếng thịt, và cả chỗ xương còn lại.

Từ đó thi thoảng, "nàng" Cáo của chúng tôi khi thì mang về một con dúi, con chuột đồng. Không biết thằng em tôi có để ý hay không, nó còn trẻ con ấy mà. Tôi thì tôi biết con Cáo không bao giờ đùa với cua, rắn, lươn ... Nó coi khinh !

Mùa ngô năm ấy, ngô thật tốt. Bố con tôi đi thăm nương về. Con Cáo đón chúng tôi giữa dốc. Nó quẩn vào chân tôi, rít lên khe khẽ. "Có thú đây !" – Tôi thầm nghĩ. "Nàng" Cáo ngoạm gấu quần, lôi tôi đi.

Quả nhiên, chúng tôi nhìn thấy một con lợn rừng to bằng cái thống (ghép bằng bốn tấm ván gỗ rộng để đập lúa và đựng thóc) đang nằm chềnh ềnh giữa bụi cỏ, cho đàn con đông nhung nhúc bú.

Tôi hạ khẩu súng kíp xuống, nhắm thẳng, có bệ tì hẳn hoi, bắn.

Pạch xì ... ! Súng không nổ !

Lợn mẹ vùng dậy, ngơ ngác. Nó dỏng tai lên nghe ngóng. Giây phút sau, đàn lợn biến ngay vào rừng vầu.

Tôi đã kịp nhồi mồi thuốc mới. Con lợn con, út ít, tôi đoán thế, cứ cố nhoài lên, nhưng vẫn bị tụt lại đằng sau. Tôi nhắm bắn, nhưng ... không nỡ ... bóp cò.

Con Cáo giương mắt nhìn tôi chằm chằm. Rồi nó cúi đầu xuống, lẳng lặng đi trước chúng tôi. Chẳng hiểu nó nghĩ gì.

*
* *

Đã sang mùa đông.

"Nàng" Cáo ta đã sắp làm mẹ.

Mấy người làng bên rủ anh em tôi đi săn, vì có lẽ họ biết chỉ nhà tôi có chó săn.

– Anh em tôi không đi đâu ! Con Cáo nhà chúng tôi đang chửa !

– Các cậu không đi, chúng tớ khắc đi vậy ! – Chúng nó huýt sáo gọi chó ầm ĩ lên.

Con Cáo từ đâu chạy tới đứng trước mặt tôi, mắt nhìn cầu xin, rồi đến trước mặt thằng Hồ, rít lên mấy tiếng.

Mười ba tuổi, tôi đã là người lớn, chỉ nói một lời. Thằng Hồ, mười tuổi, còn trẻ con lắm !

– Cáo muốn đi lắm rồi ! Anh không đi, thì em đi đây ! – Thằng Hồ và con Cáo vọt ra cửa. Tôi biết rõ con Cáo mừng như thế nào.

Tối mịt. Thằng Hồ thất thểu về tay không.

– Tao đã bảo đừng đi với bọn nó. Chẳng được gì đâu ! Có săn được, thì bọn nó chưa chắc đã chia cho miếng bằng ba đầu ngón tay ! Thế con Cáo đâu ?

Em tôi thủng thẳng :

– Mệt bở hơi tai. Tại con Cáo trở tính trở nết, lại còn rừng mỡ nữa chứ !

Tôi gặng hỏi. Nó quyết không nói thêm một lời nào. Tôi nghĩ : À thì ra nó đã là người lớn !

*
* *

Mùa xuân đến. Nhưng tiết trời vẫn còn rét đậm.

Bỗng nhiên, chiều hôm ấy, một con nai mẹ, dẫn một con nai con, đến gần cái cối nước nhà tôi. Có thể là nó ngửi thấy mùi nước giải mặn muối, nên nai mẹ tác lên mấy tiếng vui vẻ.

Tôi rút khẩu súng kíp trong buồng và xuỵt con Cáo chạy ra. Con Cáo kéo cả đàn con đi. Có con đang nhay nhẩy ngậm vú mẹ.

Tôi giương súng lên. Kì lạ quá ! Con Cáo đang ve vẩy đuôi "nói chuyện" với nai mẹ. Dưới bụng nai mẹ, nai con đang bú, dáng xiêu vẹo, chưa đứng vững. Và, dưới bụng con Cáo, con út ít cũng đang chôm lên hớp lấy bầu vú.

Thật kì diệu !

Tôi từ từ hạ súng.

Thằng Hồ tôi lẩm bẩm :

– Đúng nó rồi ! Đúng rồi !

Về sau, em tôi kể, lần đi săn nọ, vì con Cáo xông lên trước tiên, nên nó cũng phải chạy xông lên trước. Và, chính mắt nó nhìn thấy hai con vật, đều bụng mang dạ chửa, đang "nói chuyện" với nhau. Khi nghe thấy đoàn người đang ào ào lao tới, con Cáo liền sủa om sòm xua đuổi con nai chạy vào rừng sâu. Rừng có nhiều lá, nên vết chân nai mất hút.

Em tôi thủng thẳng như người lớn :

– Nếu chúng nó biết con Cáo "nói chuyện" với con nai, và biết chính con Cáo đã xua đuổi con nai đi, thì chắc chắn chúng nó đã làm thịt con Cáo rồi !

Lào Cai, 06 – 07/10/1996

Lời bình

Con Cáo *có cốt truyện thật đơn giản. Nhưng nó được tác giả viết một cách khá chân thực và hấp dẫn : "Tôi", mười ba tuổi, là người lớn, không hơi đâu mà để ý đến em tôi và con chó xấu xí nó mới mua về. Nhưng với thằng Hồ, con Cáo lại là một phần khó có thể thiếu được trong cái khung trời tuổi thơ của nó. Và đúng như lời quả quyết của đứa em, "nàng" Cáo ngày càng được việc. "Nàng" đã trở thành một con chó săn tinh tường. Lại nữa "nàng" ra chiều quyến luyến lắm, không chỉ với thằng Hồ mà với cả tôi ...*

Duy có điều, mạch truyện không chảy theo hướng kể lể chiến công của Cáo. Mã A Lềnh đã biết tạo một lối rẽ khá bất ngờ cho truyện : kể về cái tình của Cáo.

"Nàng" Cáo xung phong đi săn với mọi người ; nhưng cái đích mà "nàng" hướng tới không phải là con mồi. "Nàng" đang tìm cơ hội để

"nói chuyện" với nai. Đây quả là cuộc giao lưu kì diệu. Cả hai trò chuyện với nhau bằng ngôn ngữ của tình yêu và niềm hạnh phúc vô bờ mà chỉ những bà mẹ trẻ mới có được. Khẩu súng săn trên tay "tôi" đã từng một lần ngập ngừng trước cảnh lợn rừng cho con bú, nay lại hạ xuống bởi tình mẫu tử của nai rừng. Cái ý nghĩa nhân bản của thiên truyện được toát lên từ những chi tiết thật dung dị. Còn em "tôi" sau sự kiện ấy, nó "thủng thẳng như người lớn". Cái trong veo trong ánh nhìn tuổi thơ vẫn còn đấy, nhưng rõ ràng, đã có sự đột biến trong tâm hồn cậu bé. Nó đã biết nhìn sự vật theo cách nhìn của nó. Phần kết truyện gọn, nhưng khá giầu sức gợi là nhờ thế ...

Nguyễn Đăng Điệp

MO CHƯ

Tôi đang mải chơi trên mảnh sân ở đầu hồi nhà. Có một người xuất hiện sừng sững ngay sau lưng, dáng hình kì dị. Đôi chân tôi níu lại, toàn thân mềm oặt không làm sao chạy được.

Người đó đỡ tôi dậy.

Từ đó, tôi quen, rồi trở nên thân.

Ông bị mù bẩm sinh. Thay cho đôi mắt là một cây gậy sắt. Nhưng có lẽ đúng hơn, mũi, miệng, tai và cả đôi chân đen sì, nứt rạn, không bao giờ biết dép là gì đã thay thế cho đôi mắt của ông. Hoá ra, ông không phải là người xa lạ. Tôi là em họ của ông, tuy tuổi tác chênh lệch khá lớn. Ông nói rằng ông đến thăm tôi, vì ông có một người em trai khá khỉnh, có thể đứng ra gánh vác họ mạc.

Tôi chẳng hiểu gì, chỉ thích chiếm đoạt cây gậy của ông.

– Này, chớ lấy trộm cây gậy của tao, thằng Khuô Lin !

Tưởng ông mù, không biết gì. Tôi bẽn lẽn trả cây gậy vào chỗ cũ.

Ông chào cả nhà, rồi rờ rẫn theo cây gậy đi ra cổng. Bóng ông xiêu vẹo, khuất dần sau sống núi.

Ông về rồi, người lớn mới nói cho tôi biết, ông là thầy mo, tên Chư.

Ít lâu sau, nhà tôi mời mo Chư đến cúng gọi hồn cho tôi. Tôi đã gặp phải ba sự kiện.

Sự kiện thứ nhất : Mấy hôm ấy tôi thả trâu ở khu vực có ngôi mộ thằng em trai tôi. Nó chết chưa đến tuổi trưởng thành, nên theo phong tục, phải đưa xác nó qua kẽ vách, mà không được xây, không được đắp to và không dựng cửa đá. Tôi đang ngồi huýt sáo gọi gió mát, thì tự dưng thằng em trai tôi xuất hiện rõ khuôn mặt trên búi lá khóm lau. Hơi rợn, nhưng nhận rõ là em mình, tôi gọi :

– Mày có phải là thằng Khuô Hồ không ? Nếu đúng, thì mày hiện lên lần nữa.

Quả nhiên, nó hiện lên lần nữa thật.

Sự kiện thứ hai : Một buổi chiều, mặt trời đã khuất núi, bóng râm trùm xuống. Tôi đi thăm cạm về. Đến bãi tha ma, tự nhiên, chim chóc kêu nháo nhác. Lát sau, bỗng có tiếng ngựa hí từng hồi dài đến chói tai, lại có cả tiếng vó ngựa chạy rung cả đất. Nhưng không hề thấy bóng dáng ngựa đâu.

Về nhà, tôi kể lại chuyện thì bác tôi nói, trước kia khu vực ấy có hùm về bắt ngựa. Mấy hôm sau, tôi trở lại khu nghĩa địa hoang đó tìm ngọn đùm đũm, thì thấy phía đầu một cái mả thủng một lỗ rất tròn, hố đất còn mới toanh, tưởng như ai vừa rút lên một cái cột tròn. Tôi cố tìm hiểu xem có phải trâu giẫm thụt không. Nhưng xung quanh cái mả không hề có vết chân trâu.

Lần thứ ba, do ăn quả lạc tiên quá nhiều, tôi ngủ thiếp đi ngay cạnh mộ mẹ tôi. Khi thức dậy, trời đã tối nhá nhem. Có một con báo ngồi chống hai chân trước trên một cái mả mới xanh cỏ, chằm chằm nhìn tôi.

Cúng gọi hồn tôi xong, chúng tôi cùng ngồi ăn cơm. Dĩ nhiên, tôi vẫn được ngồi cùng mâm người lớn. Vì ai cũng tranh nhau gắp cho mo

Chư, nên tôi lấy riêng một bát đựng đầy thịt để ngay cạnh bát cơm. Mo Chư rờ rờ đũa vào âu gỗ đựng thịt chưng trên mâm, gắp được liền hai miếng. Dừng tay sờ hai miếng thịt, mo Chư bỗng cười :

– Thằng Khuô Lin nầy thế mà cứng đầu. Cả nhà chẳng phải lo lắng gì đâu ! – Rồi mo Chư hướng về phía tôi : – Này, thằng em ! Tao mù mắt mà gắp được những hai miếng. Mày mắt sáng gắp một phát phải được vài miếng ấy nhỉ !

Câu nói của mo Chư làm cả nhà cười vui.

Bác tôi lục trong túi, giúi vào tay mo Chư hai hào bạc trắng. Từ chối không được, mo Chư đành nhận và nêu yêu cầu : Tôi phải làm đồ đệ đưa ông về.

Ông lò dò từng bước theo cây gậy. Dù sốt ruột, nhưng tôi vẫn cố nán chờ. Tôi hỏi ông nhiều chuyện. Chuyện mù, ai cũng nói là bẩm sinh. Ông nửa đùa nửa thật rằng hồi bé, đói quá, lên rừng tìm củ nâu, chẳng may nhựa cây ráy bắn tung tóe lên mặt, mắt mờ dần rồi mù luôn.

Tôi đương toan hỏi ông về điều thắc mắc của tôi : Tại sao ông lại biết làm thầy mo, thì tự dưng, ông vui vẻ như con trẻ :

– Khuô Lin ! Mày đứng đây đợi tao ! Tao vào đây một lát ! – Ông đưa túi đồ nghề cho tôi. Cây gậy sắt cắm sâu xuống đất. Ông lanh lẹ rẽ cỏ lau rậm như trẻ con chơi trốn tìm.

– Bác có tè thì cứ đứng đường mà tè. Tội gì phải chui vào bụi cho khổ !

Im lặng !

Tôi chăm chú theo dõi xem ông làm gì.

Ông đi thật khẽ, thật khẽ. Bất thần, ông hươ tay lên bịt chặt miệng một cái tổ chim sâu. Con chim mẹ vừa kịp bay phựt ra. Ông thò tay ngập hết cả nắm vào trong tổ chim.

– Ùi, tiếc quá ! Nhưng mà ba quả trứng vẫn còn nguyên !

Khi quay ra, ông lại rò rẫm từng bước rất thận trọng.

– Sao bác không lấy trứng ?

– Niềm vui của chúng ta là bắt chim ... Chớ ... nhặt trứng chim lại là tội ác ... ! Mà ... con chim này đã đẻ hết trứng đâu !

Tôi giật áo ông :

– Tại sao bác lại biết ở đây có tổ chim ?

Không trả lời tôi, ông tủm tỉm cười và lại rò rẫm từng bước trên đường trường toàn những khấc chân trâu.

Đến nhà, con chó cái gầy giơ xương nằm ngay lối cửa gườm gườm nhìn chúng tôi.

– Chó ! Tránh ra ! Cái giống chó này, không có gì đấm mõm nó, nên nó lừ lừ như thế đấy ! Rửa chân đi mày !

Ngay hè nhà là máng nước lần trong văn vắt. Tôi múc nước dội chân ào ào. Nom nước ngon quá, tôi uống liền cả gáo bầu đầy.

– Thế sao bác không rửa chân ?

– Úi dào ! Chân tao là cái gì mà phải rửa. Vả lại, tao phải đi bây giờ !

– Bác lại đi đâu nữa ?

– Đi kiếm rau rừng cho bữa chiều !

Nỗi thắc mắc lại trào dâng trong tôi : Thế giới là một màu đen mông lung với ông. Rõ ràng đôi mắt ông trắng đục như vỏ trứng sáo, mà lại biết cả sáng, trưa, chiều, tối.

– Mẹ thằng Thềnh cứ nấu cơm đi. Tôi đi nhanh thôi mà. Nấu nhiều một chút. Bữa nay tôi sẽ đãi thằng em một món hợp miệng nó !

– Thế thì tôi đi với bác !

Đi một lúc, chúng tôi đã vào sâu trong rừng chuối.

– Thế nào cũng được chú sóc đây ! Mày thử ngó xuống tảng đá kia xem nào !

Tôi vạch đám lá cỏ chắn mặt, ngó xuống tảng đá. Quả nhiên, một chú sóc đỏ đuôi chết nhăn răng trong cái cạm. Tôi tháo con sóc ra, định đặt lại cây cạm thì ông nói :

– Mày phải tìm lỗng khác mà đặt chứ. Con sóc khác không bao giờ đi lại lối này nữa đâu, chú em ạ !

Giương cây cạm xong, tôi đang bít xung quanh, để một lối đi thẳng vào giữa cây cạm, thì ông gọi :

– Xong chưa ? Chú mày ra đây ngả cho tao cây chuối này ! Tao ra đằng kia một lát !

Ông bập dao làm dấu vào cây chuối, rồi rò rẫm đi. Đặt cạm xong, tôi ngả cây chuối đổ xuống. Hoá ra, cây chuối đang ngậm hoa.

Tôi đang chưa hết ngạc nhiên thì đã thấy ông trở lại, trên tay lủng lẳng một con chuột rừng to bằng con dúi và hai cái hoa chuối nữa. Lạ thật ! Tôi mắt sáng mà chỉ nhìn thấy hoa chuối già đã treo ngả. Còn ông mù, toàn nhìn thấy hoa chuối non đang ngậm đòng.

Tôi giơ tay lên trời, nói to một cách vô lí :

– Tại sao mắt bác sáng, mà bác cứ giả vờ mù để lừa dối thiên hạ !

– Ối giời ơi, chú em ơi ! Ai có lừa tao thì lừa, chứ tao thì lừa được ai ! – Đôi mắt trắng đục, hơi lồi của ông chớp lia lịa. Ông lại lờ đờ từng bước đi.

Chị dâu tôi, vợ mo Chư nghèo đến cùng cực. Có lẽ biết phận nghèo, nên chị vui vẻ sống với mo không hề suy tính, nghĩ ngợi, không hề nghĩ đến chuyện than thân trách phận. Chị coi cuộc sống của mình vốn dĩ như thế. Lấy được một anh chồng mù, lại có nghề mo do trời cho, nên chị hoàn toàn yên tâm. Anh đi đâu thì đi. Đi bao lâu cũng được. Anh vắng nhà là anh đi làm phận sự của mình. Chị chẳng cần buồn. Anh về, căn nhà xiêu vẹo ấm cúng hẳn lên. Việc ruộng nương, một mình chị đảm đương hết thảy, từ việc cày cấy, phát nương, làm cỏ to tát, cho đến việc quét nhà, giặt giũ nhỏ nhẹ. Cuộc sống cứ trôi đi, ngày qua ngày, tháng qua tháng, năm qua năm, chẳng cần đua chen chạy chọt, chẳng cần dự trữ làm giàu, chẳng cần manh áo mới. Nhà, đúng hơn là túp lều của anh chị đặt ngay phía trên tràn ruộng bậc thang. Không có làng xóm, nên chẳng va chạm với ai. Cuộc sống thật vô tư. Tuy nhiên, anh chị không phải tách biệt với thế giới bên ngoài, nhờ có sợi dây chằng vô hình của họ mạc. Bác và cha tôi là dòng trên, nên

trong họ ai có công to việc lớn đến thỉnh cầu, đều được phân công giúp đỡ. "Đời người có ba bước ngoặt quan trọng : Sinh ra, cưới xin và chết đi. Những việc như thế thời phải xúm tay vào". Bác tôi vẫn dặn con cháu như thế.

Chị Chư hơi nhếch nhác, nhưng làm món ăn không đến xoàng. Anh em tôi được chị đãi một bữa thật ngon. Thịt chuột và sóc nướng ròn, băm nhỏ, nấu với hoa chuối rừng non. Chị dành hẳn cho tôi một còng chuột rừng béo phòi mỡ.

– Anh chị nghèo. Chú đừng khinh. Ăn no nhá. Lần đầu tiên chú mới ăn cơm nhà chị đấy !

Rượu hơi nhạt, lại có vị chua. Nhưng còn hơn là không có. Chị Chư nói rằng rượu đã dành cho tôi từ lâu. Chị săn sóc bữa ăn cho anh thật chu đáo. Có miếng nạc, hoặc miếng mộc nhĩ, chị lại bón thẳng cho anh. Anh há miệng ra. Rất thường tình, chị cũng há miệng ra.

Bữa cơm xong xuôi. Chúng tôi chuẩn bị đi ngủ thì có khách soi đuốc đến. Hút xong điếu thuốc, khách liền quỳ xuống lạy mo Chư hai lạy và nhờ công đức thầy mo đến nhà cúng đuổi tà. Khách trình bày chẳng hiểu làm sao làm ăn cứ chùng chằng, gà, lợn lần lượt lăn ra chết mà chẳng có bệnh dịch gì. Bà vợ thỉnh thoảng bỏ đi chơi đêm. Không phải đi với giai mà cứ ra ngồi hóng sương ở sườn núi. Mo Chư đem quẻ sừng trâu ra gieo, rồi phán :

– Chữa được ! Nhà anh bị ma *mềnh sang* (nguyên từ tiếng Mông, không dịch ra tiếng Việt được) nó ám. Chắc là chị nhà có lên rừng hoang, rồi nó theo về.

– Vợ tôi đi lấy củi, chồng thêm mấy bó rau lợn về nhà. Đến đêm, vợ tôi sốt li bì. Tôi chạy thuốc thang, đã khỏi nhưng thỉnh thoảng lại như người mất hồn.

– Trước hết, anh hãy gọi hồn đã !

– Gọi theo cách nào ?

– Gọi bằng trứng ! (Dựng quả trứng gà lên thành bát sứ, khấn đến lúc quả trứng dựng đứng, mó vào không đổ là hồn về.)

– Nhưng thầy nhận lời cúng cho tôi chứ ạ ?

– Anh nên đi tìm người khác !

– Tôi không đi tìm ai khác nữa đâu. Chỉ đón mình thầy thôi. Cả làng này, cả vùng này chỉ có mỗi mình thầy. Nếu đón thầy bà ở mãi Seo Mí thì xa quá, phải đi một ngày rưỡi đường !

– Thú thực, tôi ngại lắm ! Khỏi thì không sao. Không khỏi thì mang tiếng kiếm chác. Vả lại, người ta nói "làm phúc phải tội" không có sai. Đuổi diệt tà ma nhiều, thì sẽ bị tà ma chặn phạt, cuộc đời tôi đứt đoạn lúc nào không biết !

– Lạy thầy thương lấy gia cảnh nhà tôi, ra tay cứu giúp tôi lần nữa !

– Tôi có biết anh chị ăn ở đức độ, sẵn sàng giúp đỡ người khi đói khi no, bát cơm san sẻ, tấm giẻ chia chung. Nhưng mà ... Thôi ! Anh về đi !

Mo Chư không nói gì thêm.

Khách ra về không thoả mãn.

Đêm. Tôi nằm trên sàn sát bếp. Mo nằm trong buồng, kể nhiều chuyện về người khách tôi mới gặp lần đầu này. Cuối cùng, mo Chư kết luận :

– Đời người ăn ở đức độ quá, thương người quá, san sẻ cả lòng dạ cho người ta thì chẳng bao giờ ăn nên làm ra được. Thằng này nó có tài. Cả làng chỉ mình nó có chữ, giúp được ai là giúp hết nước hết cái. Mà đã giúp người thì không bao giờ kể ơn. Ấy thế mà người ta chỉ cho nó lên đến uỷ viên thư kí xã, rồi lại đánh tụt nó xuống. Dân bầu nó làm chủ tịch xã, nhưng trên chỉ cho nó làm phó chủ tịch. Một mình nó làm thay tất cả việc của các chức dịch. Trước kia, người ta quy nó địa chủ, sau rồi xuống phú nông. Cái đất vùng cao này làm quái gì có địa chủ với phú nông. Phía trước là anh, phía sau là em, thì bóc ai lột ai. Thằng nào cào được nhiều thì ăn nhiều, thằng nào biết dùng đất thì sẽ có của

ăn của để. Mà thằng này thì giàu có gì, làm được bao nhiêu lại cho đi bấy nhiêu ...

Lời của mo Chư chập chờn, xa xăm trong giấc mơ của tôi :

– Số phận ! Định mệnh ! Thầy mo làm sao chữa khỏi cái định mệnh ! Làm sao chữa cái nghèo khó thành cái giàu sang ! ...

Một thời gian sau, tôi nghe người ta kháo nhau : Bỗng nhiên, mo Chư nổi cơn đồng thiêng, đùng đùng chạy xuống dốc, nhảy qua những tảng đá lởm chởm dưới suối, chạy tắt theo lối trâu chênh vênh bên sườn núi đến nhà anh Chà Pluô – người khách tôi gặp bữa trước. Thật đáng kinh ngạc. Dư luận vẫn còn xôn xao mãi. Riêng tôi, láng máng nghĩ rằng mo Chư hẳn có một năng lực siêu nhiên. Thảng hoặc vẫn có người xuất thần bất chợt làm nên điều kì lạ đó sao.

Mấy năm sau khi xa nhà, tôi lại có dịp trở về với xóm làng đầy huyền thoại của mình. Vẫn hoang vu sơ sài. Vẫn bất cập với cuộc sống sôi động bên ngoài. Vẫn bài ca chỉ đường não nùng khi có người nhắm mắt qua đời. Vẫn giống ngô, giống lúa, cây lanh ổn định từ ngàn năm. Tôi cùng nằm với cha trong căn buồng chật chội quen thuộc. Đang đêm, mọi người đều ngon giấc. Bỗng nhiên, có một tảng đá to lắm rơi đánh uỳnh rung động cả nhà. Mọi người chồm dậy, ngơ ngác. Hoá ra, ai cũng nghe thấy. Người đốt đuốc thông, người đèn pin, chúng tôi soi tìm khắp trong nhà, trước cửa, rãnh sau, ngoài ngõ, đều không thấy có hiện tượng suy chuyển nào. Chỉ có lúc trời tối hẳn, chúng tôi đang ngồi quây quần bên bếp lửa, thì chó sủa ran lên khắp xóm. Chó sủa dữ quá, làm cho bác tôi buột miệng : "Hừ, chắc có ai đi thu vết chân !".

Chúng tôi lại lên giường. Những lời bàn luận rì rầm ngớt dần. Tự dưng, có tiếng chó sủa. Lần này, đúng là chó sủa người. Có người thắp đuốc đến nhà đêm hôm khuya khoắt như thế này, hẳn có chuyện chẳng lành. Cha tôi dậy tiếp khách. Quả nhiên, mo Chư vừa mất khoảng nửa tiếng. Hai người kia liền chạy : "ma-ra-tông" đến đây, khẩn cầu bác tôi đi giúp "chỉ đường".

Câu chuyện này tuân theo quy luật sự thật, chứ không hư cấu. Chị Chư vẫn sống cuộc sống lần hồi, nhưng tóc chưa hề có sợi bạc. Thằng Thềnh, con chị bây giờ làm công tác đoàn ở xã.

– Chú ơi ! Chú không về làng mình nữa à ? – Chị khóc nấc lên khi chúng tôi gặp nhau giữa đường. Tôi đang đi xuống dốc. Chị đang leo lên dốc, trên lưng trĩu nặng một thồ sắn.

Lời bình

Mo Chư là một con người lạ lùng, quá đỗi lạ lùng. Làm cái nghề "do trời cho" - nghề thầy mo - vốn dĩ đã đầy bí ẩn bởi người ta chỉ sống thu mình với thế giới tâm linh, với những lực lượng siêu phàm vô ảnh vô hình nào đó. Nhưng mo Chư thì khác, ông luôn có tâm thế hướng ngoại, luôn có sự liên hệ với thiên nhiên và con người xung quanh, dẫu sự liên hệ ấy là do "tay, mũi, miệng, tai và cả đôi chân đen sì, nứt rạn, không bao giờ biết dép là gì đã thay thế cho đôi mắt của ông", đó là sự lạ thứ nhất. Sự lạ thứ hai là dường như có bao nhiêu cái am tường, cái sâu sắc nước đời ở một vùng núi non đã dồn hết cả vào một con người mù loà có đôi mắt "trắng đục như vỏ trứng sáo". Hai cái sự lạ ấy đã khiến hình ảnh mo Chư trở nên vừa hư vừa thực, vừa gần gũi vừa xa xôi đối với dân bản, và nhất là đối với Khuô Lin - đứa em họ của ông.

Các chi tiết làm nên sự lạ lùng ở mo Chư cứ đan cài suốt câu chuyện. Lúc thì ông như mọi người đàn ông bình thường trong bản, bắt tổ chim, kiếm rau rừng, ăn bữa cơm đầm ấm tình vợ chồng ... Lúc thì ông lại là một con người khác hẳn : "đem quẻ sừng trâu ra gieo, rồi phán" ; "mo Chư nổi cơn đồng thiêng, đùng đùng chạy xuống dốc, nhảy qua những tảng đá lởm chởm dưới suối, chạy tắt theo lối trâu chênh vênh bên sườn núi ..." - cách miêu tả đan cài này gây được cho người đọc một ấn tượng khó quên về hình ảnh mo Chư. Nó cũng là thủ pháp nghệ thuật của Mã A Lềnh, tạo cho thiên truyện một giọng kể chập chờn, ám ảnh.

Trên hết, người đọc nhận thấy mo Chư như là một biểu hiện của trí tuệ dân gian miền núi. Ông đã "nhìn" cuộc đời bằng một con mắt bên trong, đã chiêm nghiệm về nó bằng sự mẫn cảm và sự từng trải. Ở đâu và trong hoàn cảnh nào ông cũng "nhìn" thấy những điều mà ngay cả nhiều người sáng mắt cũng không nhìn thấy. Sự kiện ông từ chối cúng ma cho vợ của Chà Pluô bộc lộ được hết chiều sâu trí tuệ và nỗi đau nhân tình thế thái ở ông - một thầy - mo - hiền - triết. Lời từ chối của mo Chư lúc đầu cũng bình thường : "Thú thực, tôi ngại lắm ! Khỏi thì không sao. Không khỏi thì mang tiếng kiếm chác". Thêm một bậc nữa, lời từ chối của ông đã nhuốm mầu thế sự, dẫu là đang nói đến chuyện cõi ma : "Đuổi diệt tà ma nhiều, thì sẽ bị tà ma chặn phạt, cuộc đời tôi đứt đoạn lúc nào không biết". Và chỉ đến khi tâm sự với đứa em họ về lời từ chối này, mo Chư mới dốc hết nỗi lòng mình. Lời giải thích của ông là kết quả của một sự từng trải, là một triết lí sau những cảnh đời, những éo le trong cõi người mà ông đã từng biết, từng ngẫm nghĩ : "Thằng này nó có tài. Cả làng chỉ mình nó có chữ, giúp được ai là giúp hết nước hết cái. Mà đã giúp người thì không bao giờ kể ơn (...). Dân bầu nó làm chủ tịch xã, nhưng trên chỉ cho nó làm phó chủ tịch. Một mình nó làm thay tất cả việc của các chức dịch. Trước kia, người ta quy nó địa chủ, sau rồi xuống phú nông. Cái đất vùng cao này làm quái gì có địa chủ với phú nông. Phía trước là anh, phía sau là em, thì bóc ai lột ai ...". Hoá ra là mo Chư đã tinh tường hơn tất thảy những người sáng mắt trong vùng, ông đã nhìn thấu những mảnh đời ngang trái, những sự thật oái oăm, để nói được một câu ghê gớm : "Đời người ăn ở đức độ quá, thương người quá, san sẻ cả lòng dạ cho người ta thì chẳng bao giờ ăn nên làm ra được". Chân lí hay nghịch lí ? Có lẽ mo Chư cũng không biết, nhưng ông biết chắc chắn rằng cuộc đời Chà Pluô đã chứa đựng đầy nghịch lí. Hình ảnh mo Chư nổi đồng chạy đến nhà Chà Pluô có vẻ ma quái, rờn rợn, nhưng chính nó lại gợi cho người đọc một ý tưởng : ông chạy đến nhà con người tốt bụng ấy trong trạng thái lên đồng, như bị hút vào một câu hỏi lớn trên cõi đời mà ông chưa tự giải đáp được. Ông vẫn còn bị ám ảnh, day dứt vì nó ...

Mo Chư *là một truyện ngắn mang đậm cảnh sắc và phong tục miền núi, lãng đãng một chút không khí huyền bí. Những cảnh gọi hồn ; ba sự kiện gặp ma người ma ngựa và gặp con báo bên mộ mẹ của Khuô Lín ; cái chết của mo Chư được báo trước bằng tảng đá rơi ... đều là những yếu tố gợi trí tò mò của người đọc, nhưng không gây "sốc" bởi liều lượng vừa đủ của nó. Mã A Lềnh biết làm chủ các con chữ và nhịp điệu câu chuyện theo cách của một nhà thơ viết văn xuôi, phả vào đó một nỗi buồn mênh mông : "Mấy năm sau khi xa nhà, tôi lại có dịp trở về với xóm làng đầy huyền thoại của mình. Vẫn hoang vu sơ sài. Vẫn bất cập với cuộc sống sôi động bên ngoài. Vẫn bài ca chỉ đường nào nùng khi có người nhắm mắt qua đời ...". Truyện kết thúc nhưng dường như vẫn bỏ ngỏ cho một câu hỏi nào đó trong tiếng khóc nấc lên của người vợ mo Chư và hình ảnh : "Tôi đang đi xuống dốc. Chị đang leo lên dốc, trên lưng trĩu nặng một thổ sắn" ...*

Trần Hoà Bình

Thu Loan

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Thị Thu Loan. Sinh ngày 30 tháng 3 năm 1963.

Quê quán : xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một thời trăng (tập thơ, 1997) ; *Miền sương trắng* (truyện ngắn, in chung, 1997) ; *Thơ trẻ* (in chung, 1998)

Giải thưởng văn học :

Giải B của Uỷ ban liên hiệp toàn quốc các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, 1998 (tập thơ *Một thời trăng*).

LÀNG MO

Trước khi có con đường đất đỏ và những chiếc xe *ben* lầm lũi chạy qua làng, chạy xuyên cánh rừng, chưa ai biết đến làng Mo.

Làng nằm gọn trong thung lũng, có con suối chảy qua. Xung quanh làng là rừng, xa xa những đỉnh núi mờ xanh bao phủ. Nơi đó dân làng vẫn đến đào củ mài và bẫy thú trong những ngày giáp hạt. Lúc lúa chín người làng Mo lại kéo nhau về, những ngôi nhà sàn đã mở rộng cửa trong nhiều ngày. Thóc tuốt về đầy gùi, đổ vào các chòi ở giữa vườn rồi cứ thế ăn bao nhiêu, xúc bấy nhiêu. Ở làng Mo, không có tiếng cãi cọ, chỉ có tiếng gọi nhau ơi ới ra suối lấy nước, tiếng hò hát và giã gạo trong những ngày bỏ mả, những đêm trăng.

Một buổi sáng xa xưa, Đinh KLung thức dậy sớm hơn thường lệ. Anh thấy Đinh KLao – cha mình ngồi trầm tư trên cầu thang ôm cằm, mắt nhìn xa xăm về phía cánh rừng như pho tượng. Những ngày sau đó

anh phát hiện ra ông già mắc bệnh mất ngủ. Ông ngủ sau tất cả mọi người và thức dậy lúc dân làng còn mê mệt trong những giấc mơ.

– Pãh làm gì đó Pãh ?

– Con đấy ư ? – Ông già nói mà không quay đầu lại. Gió sớm mát rượi và phía chân trời còn thoáng hiện đôi ba vì sao mờ nhạt – đêm qua rừng đã trở mình. Nhựa chảy rần rật từ rễ lên cây. Tiếng vỏ nứt rất khẽ cho chồi non bật mầm. Từ hôm nay lũ công đực sẽ nhộn nhạo xoè đuôi, lũ sóc sẽ đuổi nhau vội vã và mùi hương – ông hít một hơi thật mạnh – mùi hương từ rừng thơm ngát như mùi hoa, trong veo như nước suối, tinh khiết như hơi sương.

Đinh KLung ngỡ ngàng nghe cha nói, hai tay chợt căng ra, cánh mũi phồng lên và anh cố lặng yên, lắng tận cùng tâm tưởng. "Con chẳng thấy gì". Anh thở hắt ra sau một hồi gắng sức, chỉ thấy sự ẩm ướt mát rượi của không khí bao quanh.

– Phải có thời gian và phải chú ý. Này nhé, tất cả đều đang đến đấy. Từng đợt từng đợt. Đây này, cha ngỡ nó vừa chạm mũi mình bây giờ nó lại bay ra phía sau rồi. Nó đã vào tới nhà và lại bay đi xa – Già Đinh KLao nói đều đều, vẫn không quay lại : – Một đợt hương mới nữa đây. Nó đang bay đến ! Đinh KLung ngỡ hai tai ông già đang chảy ra rất dài giống như cái miệng phễu thâu tóm mọi âm thanh.

Rất nhiều năm sau đó Đinh KLung thử làm theo lời chỉ dẫn của cha. Anh theo dõi cánh rừng thật sít sao và công việc đó hấp dẫn anh lúc nào không hay. Anh ngồi ở cầu thang nhìn ra cánh rừng thức thâu đêm để quan sát, để chờ đợi. Và anh ngạc nhiên thấy một cuộc sống sinh động khác đang âm thầm và dữ dội diễn ra ngay lúc con người đang say sưa giấc nồng. Anh thấy những mắt mèo xanh lè cần mẫn ngồi rình, những con chim ăn đêm vụt qua làm không gian xao động, những khoảnh rừng thâm u bí hiểm của những đêm đen hoặc ánh lên vẻ lộng lẫy khác thường trong những ngày trăng sáng. Bắt đầu từ cuối tháng ba những cơn mưa đầu mùa đã gột sạch bụi đỏ trên lá cây, nóc nhà, trả lại cho mặt đất màu xanh huyền ảo – Con suối âm thầm suốt mùa khô bỗng ngân lên những âm thanh róc rách rộn ràng. Đây là mùa đẹp nhất trong năm : rừng khoác lên mình nhiều dáng vẻ, sự đổi thay diễn ra từng ngày

từng giờ, những chiếc lá thì thầm xao động, những chú khỉ khục khẹc ném quả cho nhau kêu chí choé, những bước chân nai bước nhẹ trên nền lá mục ẩm mốc ... và đêm đêm mùi hương bắt đầu phả ra lan toả dịu dàng, đặc quánh lại ở tháng tư và dai dẳng mãi đến tháng bảy. Khi những cơn mưa sầm sập, mịt mù trời đất, rừng quận mình thét gào, tiếng gió hú man dại, cành xanh quật cựa, cây vặn mình răng rắc – rừng thải ra cành non lẫn cành già, những thân cây mục ruỗng để sau những trận xác xơ tơi tả đó rừng cứng cáp lại trong suốt mùa khô dữ dội và nóng gắt.

Như những người dày dạn khác, chỉ qua tiếng động, mùi hương, Đinh KLung đoán ra mọi sự thay đổi, trăn trở của rừng.

Những mùi hương luôn cho anh cảm giác dễ chịu, phấn khích. Anh hít thở nó trên chính đôi môi mọng ướt, trên da thịt bóng mướt và bầu vú săn chắc của HBia.

– Người em thơm quá ! Ướt rượt hương rừng.

– Nịnh thế ! – HBia cười khúc khích – còn mình chỉ có mùi nắng khét khét và mùi mồ hôi hôi như chuột !

Mặc dù vậy họ vẫn quặp chặt lấy nhau, tan chảy thành dòng sông bất tận, không bao giờ chán để rồi nhường chỗ cho một giấc ngủ say ngay sau đó không có thời gian, không gian.

Một ngày mùi hương đặc quánh ấy nứt ra bởi một tốp người đến làng Mo. Họ cười nói ồn ào, nhòm vào tất cả các gầm sàn, leo lên cầu thang, chúi mũi vào bếp lửa, săm soi chiêng, ché. Họ tìm những chỗ đất bằng phẳng, chặt cây, căng bạt làm nhà. Họ kéo theo những máy cưa xoèn xoẹt suốt đêm ngày, những máy ủi đất ầm ầm ngoạm trụi những mỏm dốc đá cao. Dân làng Mo bỏ rẫy rủ nhau ra xem cây đổ ngổn ngang đất bay mù mịt. Chẳng bao lâu dáng hình một con đường mới đỏ tươi như máu không rõ bắt đầu từ đâu chạy qua làng Mo đến cánh rừng.

Những người lạ lũ lượt kéo đến làng Mo : một bàn xổ số, một sòng bạc với đủ các quân cờ và những bộ bài vui mắt, những cô gái môi đỏ mắt xanh, móng tay móng chân đỏ chót nói cười lơi lả, một quán nhạc xập xình đêm ngày lẫn với khói bếp nghi ngút, gia vị thơm nức và lâu dần ai cũng quen gọi quán ông Ba. Người làng Mo rủ nhau đi dạo khắp

chốn, háo hức học cách đánh bài, uống đá chanh, ăn hủ tiếu dù họ chưa phân biệt nổi tờ một nghìn đồng với tờ hai nghìn đồng, năm nghìn đồng với hai mươi nghìn đồng. Cũng như dân làng, đêm đêm bên bếp lửa vợ chồng Đinh KLung tưởng tượng tới ngày trúng thưởng họ sẽ rất giàu, tha hồ đổi trâu bò đầy chuồng, chiêng ché đầy nhà và bốn mùa HBia mặc những bộ váy đẹp đẽ nhất, rực rỡ nhất chỉ dùng trong lễ hội.

Dân làng Mo chưa ngớt bàn tán về con đường mới lạ và những công việc thần kì như hoá phép của người trời thì tuần trăng sau, một tốp người khác đông hơn kéo đến. Họ mang theo heo cả con, bò cả tảng, và rượu chất chồng đầy nghẹt xe. Đứng đầu là một người thấp chũn, đầu tròn như quả bóng, bụng tròn như thúng úp, dáng đi bệ vệ, mặt tím tái như mào gà chọi, răng xám xịt như ám khói bếp và cười khùng khục như có trăm ngàn viên đá lớn nhỏ trong họng. Xe chưa dừng, hắn đã nhảy phóc xuống gọi già làng khua chiêng, giục mọi người đến :

– Dân làng hãy nghe đây ! Ta là Vũ Văn Vệ, được Nhà nước cho phép khai thác khu rừng này – Từ nay làng có nhiệm vụ giúp ta hoàn thành công việc, không được cản trở, không được trộm cắp ...

Hắn giơ ra tờ giấy nhằng nhịt chữ, dí vào mắt từng người cái dấu tròn đỏ chói : "Biết gì đây không ?". Trẻ con, người lớn, đàn ông, đàn bà đều lắc đầu – Hắn giang hai tay ra, ngẩng mặt nhìn trời cười khành khạch, cười hả hê từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều. Dứt cơn cười hắn mới nheo mắt, nhìn cả dân làng Mo vây quanh hắn mỗi lúc một đông, đang lặng im ngơ ngác : "Đây là quyền hành, luật pháp của Nhà nước. Tổ chức cao lắm, to lắm, hùng mạnh lắm – Rõ chưa ? Ai không thực hiện, bỏ tù ! Ai làm trái, bỏ tù !". Vũ Văn Vệ vừa nói vừa ra hiệu làm cái gông chéo ngang cổ, cái cùm cùm hai tay rồi lại cười hả hê, cười khùng khục – điệu cười có hàng trăm viên đá lớn nhỏ lổn nhổn trong họng.

Chưa bao giờ rượu và thịt nhiều đến thế. Bò quay cả tảng, heo để cả con trên những bếp than hồng rực. Mỡ và nước rỏ xuống xèo xèo thơm lựng. Cứ việc cầm dao đến xẻo từng miếng tọng vào mồm, ăn chán lại ném, ném lại uống. Chó, mèo, heo, gà no kềnh càng. Xương xẩu vứt la liệt, kiến đen kiến đỏ bu đến ùn lên từng đụn, từng đống. Rượu đổ

tràn như nước sông nước suối. Ai không uống nổi, Vũ Văn Vệ đổ từng can từng can dội lên đầu, lên tóc ướt đẫm. Một tuần sau cái mùi hăng hăng lờm lợm từ ruột gan phèo phổi phun ra, từ những chai lọ bát đĩa nằm lăn lóc vẫn bốc lên nồng nặc ở các lùm cây, góc sân, sàn nhà và cả thịt da con nít !

– Nào bây giờ lũ làng hãy nghe ta. Xe của ta đi mười chuyến, ai đến hỏi chỉ được nói một chuyến. Ta hạ một trăm cây, ai hỏi chỉ được nói mười cây.

– Giàng ơi, nói dối à ? Không được đâu ... Dân làng Mo từ xa xưa chưa bao giờ biết nói dối – Người làng Mo giơ hai tay lên trời lắc đầu quầy quậy : – Không được đâu.

– Được tất – Vũ Văn Vệ nói và tung ra một xấp giấy bạc bay lả tả như lá rụng mùa khô. Trẻ con người lớn xô đẩy, giằng co, cãi lộn. Họ biết những tờ giấy xanh đỏ này có thể mua được mọi thứ ở cửa hàng ông Ba. "Cả anh cũng cần chúng sao ?" Đinh KLung hỏi YZang, người bạn sinh cùng mùa rẫy khi anh hớn hở nhét tờ bạc nhàu nhò vào lưng khố, mặt mày rạng rỡ. "Phải, người ta thừa của, vứt ra, dại gì không hốt. Tao chỉ cần trúng số một lần – một lần thôi rồi tếch khỏi cái làng này."

Đinh KLung hiểu đấy là trò đặt cược một ăn bảy mươi, bảy mươi gùi lúa bảy mươi cái ché, bảy mươi con bò trong khi bỏ ra chỉ có một. Hấp dẫn quá ! Mê li quá ! Hơn cả heo quay, bò quay chảy mỡ trên bếp than xèo xèo, bốc mùi thơm quyến rũ. Làng Mo ngẩn ngơ khi có người đã vác về một bao tiền thật nặng, nhưng không ai nghĩ vô số chiêng ché, gà heo, thóc gạo của hàng chục nhà khác đang lần lượt kéo nhau đi. Đinh KLung cũng nướng vào đấy một gùi lúa, hai con gà nhưng anh tự thấy mơ ước làm giàu đó là xa vời, anh không nhập cuộc nữa – "Chẳng ăn được bọn họ đâu. Lo về đốt rẫy trỉa lúa đi, sắp vào mùa rồi". YZang nhún vai : "Cái rẫy cuối cùng đem cầm rồi". "Lại thế kia ư ?" Đinh KLung nhớ cách đây ba hôm vợ YZang cầm củi phang YZang chảy máu đầu vì xúc hết lúa đem bán ! Rồi Đinh Hươl bắt làng phạt YZang vì đã ăn trộm gà ! Chẳng rõ thực hư thế nào ! Làng như phát rồ phát dại lên vì những chuyện xưa nay không hề có ! Trong khi ấy quán

ông Ba luôn bốc khói mù mịt, bát đũa va lanh canh. Trời nóng cũng như trời lạnh, ông cởi trần trùng trục đứng trước lò than đỏ lòm như chực nuốt chửng tất cả. Mồ hôi ông túa ra ròng ròng như láng một lớp dầu trên da, không gian đậm đặc mùi mỡ hành, mùi gia vị, chúng tràn ra khắp nơi, lẫn vào nước suối, thẩm thấu cột gỗ các ngôi nhà và luẩn quất trong chiêm bao. Ở đấy thường xuyên vọng lại tiếng li vỡ, chai đổ, tiếng lè nhè, đập phá, tiếng hét điên loạn của những người say rượu.

Vũ Văn Vệ ngật ngưỡng đến các cầu thang, mắt hau háu nhìn các cô gái đẹp và luôn mồm gọi :

– Hỡi các em, những con chim xanh của ta, những con bướm vàng của ta ! Ra đây với ta ! Em muốn gì được nấy, muốn váy đẹp có váy đẹp, muốn vòng vàng có vòng vàng ! Ta là chúa tể rừng xanh – đến gan trời ta còn mua được !

Các cô chạy dạt đi. Có cô cười ngặt nghẽo, có cô tươi như hoa. Có cô trở về lặng lẽ bên khung cửi khóc hết ngày này sang ngày khác. Từ đây làng Mo có những gương mặt khác nhau, nỗi vui buồn khác nhau.

"Hắn chỉ là kẻ ham của lạ. Lưỡi hắn như lưỡi rắn độc. Không khéo các cô gái làng mình mắc nợ với hắn." Đinh KLung nói với vợ khi họ nằm bên bếp lửa. Ngạc nhiên thấy HBia hờ hững quay lưng về phía mình, anh ráng sức lật vợ lại và không sao ngửi thấy mùi hương rừng, chỉ thấy mùi nắng khen khét và bụi bặm rin rít trên da thịt chảy dài, mệt mỏi của cô – "Em nghĩ chuyện gì phải không ?" – Đinh KLung cáu kỉnh – "Phải ... Em nghĩ chuyện khác !" – "Là chuyện gì ?" Đêm tối đã che mất vẻ mặt chán chường và ánh mắt u buồn của HBia. Cô nói nhấm nhẳng : "Lúc nào anh cũng như người ngồi giữa rừng – Xem kìa : nhà HĐinh, HLan đã xây, KThơ đã có xe đi, có máy hát xập xình ... tất cả bọn họ đều làm việc cho Vũ Văn Vệ đó.".

Đinh KLung bỗng rũ xuống như lá chuối gặp lửa. Một nỗi buồn mơ hồ trong anh. Anh không nói chuyện nữa, HBia cũng không nói – Hình như anh bắt đầu mắc bệnh mất ngủ như cha. Ngày này qua ngày khác anh chờ giấc ngủ đến nhưng chỉ có tiếng củi nổ lép bép, tiếng sương rơi giọt giọt và những làn gió nhẹ thì thào. Chất keo giữa anh và HBia bị hun nóng và tan chảy dần dần đến nỗi có lúc họ bắt đầu bồng bềnh

trong không gian như hai miếng xốp chẳng có gì ràng buộc với nhau. Một ngày cô bị hút theo những lời đường mật của Vũ Văn Vệ, lúc ấy Đinh KLung mới hiểu cuộc sống của anh thật trống vắng. Anh đập tan khung cửi, hất tung bếp lửa, phá nát cầu thang. Anh xách rựa ra suối mài. Lá mục và rác rưởi từ quán ông Ba, từ các lán, các trại tuồn xuống làm dòng nước đen ngòm có mùi thum thủm của xác thực vật, mùi tanh tưởi lờm lợm của các loại thịt thối, thức ăn thừa. Nước mắt Đinh KLung rớt xuống như những giọt pha lê trong vắt nhỏ long tong rồi lọt thỏm trôi về phía xa. Đinh KLung vẫn mài dao từ tuần trăng này đến tuần trăng khác, từ màu đen đến màu trắng, từ mòn vẹt đến sắc bén ...

Già Đinh KLao ngẩn ngơ nhìn những chiếc xe ì ạch kéo gỗ về xuôi. Cánh rừng sầm uất xưa kia giờ chói chang nắng chỉ còn những vạt cỏ dày, những đám cây dại thấp lè tè, không một tiếng động của rừng, nhịp sinh sôi của muông thú, không có mùi hương của vạn vật. Lẫn trong tiếng cưa xoèn xoẹt, những tán lá run bần bật như mùa bão, vỏ cây tung toé bắn vào từng mảnh hương phảng phất vỡ vụn. Già Đinh KLao đi thơ thẩn trên con đường đất đỏ như máu, lầm rầm đếm mỗi chuyến xe qua : một, hai ... ba, bốn ... chín chục ... một trăm. Buồn chán và mệt mỏi, mắt già lờ đờ, da bọc xương, khuỷu tay, khuỷu chân nhô ra nhọn hoắt. Già như người mộng du, lẫn lộn lung tung. "Hỡi lũ làng ! Các ngươi phạm tội chết. Ta nghe rừng đang nổi giận ầm ầm kìa". "Không phải già ơi ! Người ta ngả cây. Cây đổ đằng đông đằng tây, cây đổ đằng nam đằng bắc, tán loạn xị ngậu, cây to cây nhỏ, cây lớn cây bé chặt tuốt, đổ tuốt."

"Hỡi lũ làng ! Ta nghe rừng cháy, thú rừng đang chết thui chết rụi kia kìa". "Không phải già ơi – Đấy là người ta làm bê thui, thịt heo quay, nhím xào, thỏ áp chảo để nhậu đấy ..." Già Đinh KLao như cái bóng ngược xuôi, không phân biệt được thực tại và quá khứ. Suốt ngày già lẩm nhẩm, nói thầm. Mỗi câu nói của già chỉ còn là lời chắp vá vụn vặt của những kỉ niệm, của thói quen cũ ăn sâu vào tâm trí già.

Đinh KLung đã mài được con dao như ý. Không khóc nữa, anh trở về làng ngạc nhiên thấy cánh rừng trơ trụi, nắng như dội lửa xuống những mái nhà sàn cũ nát ọp ẹp. Người người lầm lũi như những con

kiến đen nhẫn nại trên con đường rắn cây. Anh ngỡ ngàng nhìn ngôi nhà của mình, không sao tin vẻ cũ nát, tiêu điều đến thế. Cỏ hoang mọc lên tận mép sàn, mạng nhện dăng dằng dịt góc nhà quanh bếp. Cổ anh nghẹn đắng. Anh gầm gừ trong họng như con thú bị thương : "Vũ Văn Vệ – tao giết mày. Tại mày ! Tại mày !".

Đinh KLung xông vào quán ông Ba – những cái đầu ngẩng lên lại chúi vào bàn nhậu lố nhố như ruồi. Vũ Văn Vệ ngồi một mình trong góc, trên bàn chồng chơ các loại li tách, đĩa không. Dưới bàn chai lọ nằm ngổn ngang hỗn độn có thể gom thành một đống. Đinh KLung tóm áo, xốc Vũ Văn Vệ ngồi dậy nhưng hắn như cái bao bì mục cứ nhũn ra, mắt nhắm tịt, miệng phều phào : "Mất ... rồi. Mất hết rồi ... bị bắt hết rồi ... gỗ lậu ... hà hà hà ... Chúng mày chơi tao ! Mất hết rồi !". Bao nhiêu dũng khí bỗng chùn lại. Đinh KLung ngạc nhiên thấy "vị chúa tể rừng xanh" lúc thất thế cũng cô đơn, cũng hèn kém, cũng đau khổ, cũng bệ rạc chẳng kém gì mình. "HBia đâu ?" – Đinh KLung lấy nước tạt vào mặt Vũ Văn Vệ, lay hắn tỉnh lại khi hai con mắt chỉ dính chặt vào nhau. "HBia đâu ?". "HBia à ? Đàn bà à ?". Hắn như sực tỉnh và cười khùng khục – Vẫn tiếng cười như có trăm ngàn viên đá lớn nhỏ lổn nhổn trong họng. Hắn hé mắt và nhận ra Đinh KLung : "Mày ngu thế, chỉ biết chết mê chết mệt vì một con đàn bà à ? Đàn bà là quỷ quái gì ? Chúng chỉ là thứ búp bê thích ăn ngon mặc đẹp ! Là món đồ chơi, chơi mãi cũng chán. Chúng chỉ biết so sánh, so sánh và so ...s ...á ...n ...h. Mày cứ thử nhiều tiền đi, quyền hành đi, chúng bâu theo như ruồi.". Hắn lại gục xuống, nước bọt tứa ra bên mép. Hắn nói như mơ : "Có tiền ... có tất, không tiền ... cũng không".

Chẳng làm gì được, Đinh KLung bỏ ra ngoài, bỏ lại cây rựa sáng choang anh đã mài bằng bao nhiêu nước mắt, bao nhiêu đêm đau khổ, bao nhiêu ngày hi vọng, bỏ lại quán ông Ba mỗi ngày mỗi phình lên như một cục bướu, bỏ lại vị chúa tể rừng xanh rũ rượi như một đống bùi nhùi.

Đinh KLung ngồi trên cầu thang, lắng nghe những tiếng động và mùi hương rừng xa xưa. Khắp nơi vàng rực ánh nắng gay gắt, bụi đất mờ mịt và con đường rắn đanh lại như đất nung, lỗ chỗ những hố to hố

nhỏ – dấu vết của đoàn xe chở gỗ từng đi qua ... Bỗng như vọng về từ xa xăm những tiếng động rùng rùng trong lòng đất, tiếng sấm ầm ì lẩn khuất trong mây – anh sực nhớ đang là tháng bảy, tháng của những cơn mưa sầm sập, tối mù trời đất. Anh chạy bổ ra con đường khô cong như màu máu khô : "Bão đấy dân làng ơi, lên núi, lên núi, sắp có bão to lắm". Nhưng chẳng ai nghe lời anh. Người giã gạo cứ giã, chẻ củi cứ chẻ, người thân tình hơn mỉm một nụ cười thông cảm. Ông Đinh KLao còn vật vờ như bóng ma lang thang kia chưa đủ sao, nữa là thêm một thằng khùng ! Và làng Mo vẫn yên ắng như những gì vốn có.

Đinh KLung vẫn gào vẫn thét, anh ào vào từng nhà, mở tung cửa, thò đầu bù xù vào cả những nhà đi vắng, những nhà vô chủ. Anh ráng hết sức để la, để giải thích, để khuấy động, để huyên náo ... Nhưng chỉ có lũ chó sủa ầm ĩ ngay lúc anh đến, cả lúc anh đi ...

Thế rồi giữa đêm, mưa bỗng ầm ầm trút xuống. Sấm chớp đùng đùng. Không còn tiếng cây vặn lá gãy cành. Chỉ có tiếng nước gầm rú, hung hãng, ào ào dữ dội. Nước từ dưới đất phun lên, từ trời đổ xuống. Nước dâng lên ù ù từng nấc từng nấc, ngập các hố rãnh, ngập hết con đường, cầu thang, nhà sàn. Một loáng chỉ còn những mái nhà tranh trôi vật vờ, một vài bóng người lóp ngóp. Nước cứ ào ào tuôn chảy, không gặp một cản trở nào. Hết rừng rồi, hết cây rồi, còn có gì cản nước ?

Ôi làng Mo !

Lời bình

Một làng Mo hiền lành, yên ả nằm gọn trong thung lũng, quanh năm dân làng chỉ biết hát hò, giã gạo, cùng làm, cùng ăn ... bỗng giật mình, nhớn nhác, hoang mang bởi sự xuất hiện của những người lạ. Họ tràn về mở đường, chặt cây lấy gỗ, dựng lều, dựng quán ..., cuốn người dân làng Mo vào cuộc sống ồn ã của cơ chế thị trường. Tác giả Thu Loan tỏ ra khá tinh nhạy khi đụng chạm đến một vấn đề đang được cả xã hội quan tâm, vấn đề bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng là bảo vệ nguồn sống của con người. Nhịp điệu, tiết tấu

của truyện nhanh, dồn dập, phù hợp với những diễn biến xảy ra đến chóng mặt trong đời sống của người dân miền núi. Những người chưa phân biệt nổi tờ một nghìn đồng với tờ hai nghìn đồng, nay phải tiếp xúc với một thứ "văn minh" hổ lốn : nào sòng bạc, xổ số, quán nhạc xập xình, rượu đổ tràn như nước sông, bò quay cả tảng, heo để cả con ... đến máy cưa gỗ xoèn xoẹt suốt ngày đêm, máy ủi đất ầm ầm ... tất cả đã có sức công phá rất mạnh vào nếp sống và suy nghĩ của từng con người. Chọn gia đình ông già Đinh KLao đại diện cho dân làng Mo nói riêng và người dân miền núi nói chung, tác giả muốn phản ánh một thực trạng đang tồn tại trong xã hội, đó là vấn đề đấu tranh với cái xấu, cái ác, đấu tranh với sự cám dỗ của đồng tiền ở mỗi con người. Tác giả đã có dụng công khi xây dựng nhân vật có đường nét, có cá tính và mang tính tư tưởng rõ rệt. Nhân vật HBia tuy chỉ thoáng qua nhưng cũng để lại ấn tượng. Đó là người đàn bà thực dụng và nông nổi, chỉ vì ham muốn nhất thời mà đánh mất cả hạnh phúc gia đình. Ông già Đinh KLao thâm trầm, sâu sắc, nhưng bất lực trước cái xấu, cái ác đang hoành hành. Chỉ còn Đinh KLung, một thanh niên trẻ khoẻ của làng là dám công khai chống lại cái xấu. Anh căm thù tên Vệ - kẻ cầm đầu đám người đến làng Mo chặt phá cây rừng, kẻ đã quyến rũ vợ anh và làm hại biết bao cô gái khác. Anh là người đấu tranh đến cùng và quyết liệt nhất. Cuối cùng cái xấu, cái ác đã bị trừng trị, kẻ buôn lậu gỗ bị bắt hết. Tuy vậy, hậu quả của bọn chúng để lại thật ghê gớm : trời mưa, "nước cứ ào ào chảy, không gặp một cản trở nào. Hết rừng rồi, hết cây rồi, còn có gì cản nước ? Ôi làng Mo !". Lời kêu than đó chính là lời cảnh tỉnh cho tất cả mọi người, hãy vì cuộc sống, vì môi sinh mà bảo vệ cây rừng.

Chuyện của Thu Loan thành công bởi sự hoà quyện giữa nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật. Tác giả đã khéo khai thác và chọn lọc chi tiết để thể hiện ý tưởng của mình. Kết cấu chuyện ngắn gọn, súc tích, câu văn chắc, khoẻ nhưng vẫn sống động và linh hoạt, tạo được sự hấp dẫn và lôi cuốn người đọc.

Tôn Thảo Miên

Bế Thành Long

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Bế Thành Long. Sinh ngày 16-10-1938.

Quê quán : Thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Cỏ may (tập thơ - Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc)

Giải thưởng văn học :

Giải nhì về thơ của Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng ; Tặng phẩm năm 1988 của Tạp chí Văn nghệ Quân đội vì đã có truyện ngắn hay in trên tạp chí.

BA LÃO Ở HANG "LIỆT TRUYỆN"

Hẹn về thăm lại Hang Dơi
Thăm dòng suối đục, mảnh trời con con ...

(Thơ ghi trên hang đá - 1956)

An Biên, nơi sản sinh ra nhiều tâm hồn thơ mộng. Đấy là quê quán của nhiều người cầm bút mà chẳng cần đến dầu đèn. Nếu chúng ta biết đến họ thì họ đã nổi tiếng rồi. Tôi đến phố huyện, đi vào trụ sở uỷ ban. Chủ tịch huyện An Biên là An Thành, bạn cũ của tôi. Gặp tôi, tôi thấy anh mừng. Mừng là mừng ở trong giọng nói. Giọng nói nó toát ra tâm hồn. Tâm hồn người ta có một thứ thời gian đặc biệt. Tóc anh ấy loáng thoáng bạc rồi, mà tâm hồn anh ấy vẫn trẻ như xưa. Anh nài tôi :

– Anh cố gắng ở lại huyện ít ngày.

– Chẳng dám làm phiền đồng chí Chủ tịch có trăm công ngàn việc. Tôi đến là đến để trò chuyện với anh An Thành. Thời gian của tôi chỉ có một ngày thôi. Ta đi về nhà anh đi ...

– Còn gì bằng. Thôi ta đi – anh nhắn người thư kí điều gì đó trong vài cử chỉ, rồi cùng tôi đi. Anh nói tiếp – ta đi bộ. Nhà tôi ở xóm đằng sau núi, gần đây thôi.

Vừa đi đến ngang núi, tôi thấy một người đàn bà nhỏ bé, tóc trắng như cước, đang lom khom ở dưới chân núi, hình như đang bới tìm cái gì đó qua các đám cỏ. Anh Thành dừng lại. Anh đưa tay lên miệng và gọi :

– Bà Lợi ơi ! Bà đang làm gì đấy ?

Người đàn bà, có tên "Bà Lợi", đáp lại :

– "Bà Lợi" nghe thấy đấy, nhưng "Bà Lợi" không nhìn thấy rõ. Có phải chủ tịch An Thành đấy không ? "Bà Lợi" đang đi tìm rau ngải đây. Chân "Bà Lợi" yếu rồi. "Bà Lợi" không thể trèo lên đỉnh núi để tìm rau ngót được nữa. Bây giờ "Bà Lợi" khổ lắm.

Chủ tịch An Thành hỏi lại :

– Thế các ông Đường, ông Lợi, ông Quân đâu mà không giúp bà Lợi ?

– Trước kia các ông ấy ở hang. Bây giờ các ông ấy bỏ hang đi đâu hết cả rồi. Chỉ còn ông Lợi ở lại hang, nhưng đã hai bữa, không thấy ông Lợi về ăn cơm ...

Chúng tôi dừng lại. Người đàn bà tóc trắng ngước đôi mắt đã loà nhìn chúng tôi :

– Ông Chủ tịch An Thành ơi. Lâu nay "Bà Lợi" không thấy thằng An Tiến (tức con trai của anh An Thành). Không thấy nó đến hang của "Bà Lợi" chơi. Nó đã lớn rồi phải không ? Chắc là nó đi học ở xa phải không ? Bao giờ nó học hết chữ thì ông An Thành cho "Bà Lợi" biết

nhé. Bây giờ "Bà Lợi" nhặt được những con chim chết. Xưa nay "Bà Lợi" chưa thấy chim chết nhiều như thế bao giờ ...

*
* *

Đến nhà anh An Thành – nhà vắng. Anh phàn nàn với tôi về thằng con trai của anh – thằng An Tiến :

– Nói ra thì xấu hổ – xin lỗi anh – nó lại dấn thân theo đuổi cái nghề văn chương thì thật thảm cho nó và cho tôi. Nó tốt nghiệp y khoa rồi. Nó cứ yên thân với cái nghề bác sĩ của nó thì phải hơn. Sang nghệ thuật, nghệ thuật có bao giờ chấp nhận sự trung bình. Trung bình là bi kịch của nghệ thuật đấy – anh ném cho tôi một tập bản thảo – tác phẩm của nó đây, anh giúp tôi cho nó một lời khuyên – Tôi là bụt chùa nhà, đối với nó không thiêng đâu. Tuy thời gian chỉ có một ngày, tôi mong anh giúp nó, giúp cho cái thằng con độc đinh của tôi. Bảo nó phải biết thoái lui. Thương nó !

Tôi đọc bản thảo.

"... Tôi nhớ đến ba lão nghiện thuốc phiện. Thật là hay. Cái thời bây giờ mà ba lão vẫn cứ ở trong hang. Trong ba lão thì một lão có vợ ...

Nghiện thuốc phiện là một điều xấu rồi. Nhưng cả cái thị trấn này, có ai bình phẩm gì đến cái tật xấu ấy của các lão đâu. Lịch sử đã an bài như thế. Ba lão ấy ở hang như một điều dĩ nhiên. Ba lão ở hang như một cộng đồng đặc biệt, giống như một mảnh dã sử rách nát của thời xưa còn vương lại. Cũng đến hay – Có một điều may mắn là cả ba lão nghiện thuốc phiện ấy chẳng bao giờ đi ăn cắp, hơn thế nữa, ba lão ấy lại luôn luôn có cái vẻ riêng, tô điểm hoa mĩ thêm cho cái thị trấn biên ải này ..."

(Viết bậy quá, tôi nghĩ bụng, viết bậy quá. Tôi buồn cười và tiếp tục đọc.)

"Lão có vợ tên là lão Lợi. Lão Lợi làm nghề quét chợ. Lão còn rất khoẻ. Vóc người của lão thấp lùn. Người lùn thì bao giờ trông cái đầu

cũng to, hai cánh tay thì có vẻ hơi dài. Cái chợ An Biên rộng như thế mà lão cầm chổi tre cho rác rưởi đi bay !

Cứ đến ngày chợ phiên thì lão đi thu lệ phí. Khi đi thu lệ phí thì cả hai vợ chồng lão cùng đi. Lão thấp lùn, đi trước, vợ lão xách cái thạ đi theo sau. Gặp thứ hàng nào thì thu thứ hàng ấy lấy một ít, rồi xé một tẹo giấy đỏ đặt vào đấy để đánh dấu là đã thu rồi. Lệ phí thu được nhiều thì lão Lợi phải bán rẻ đi. Như vậy là lão Lợi cũng biết buôn bán một chút đấy chứ ! Gặp thứ hàng to tiền quá, không thu được thì lão chỉ xin chủ vài hào. Vớ bở nhất, là khi lão đi qua các hàng thịt lợn. Phản thịt nào cũng cắt một miếng thật hào phóng ném vào thạ cho lão. Nhưng không bao giờ lão vào hàng thịt bò. Vì bà Lợi và ba lão còn nghiêm ngặt giữ đúng phong tục xưa, tuyệt đối không đụng đến thịt trâu, thịt bò.

Vợ lão Lợi trông rất chững chạc. Chúng tôi gọi là bà Lợi. Bà cũng tự xưng là "Bà Lợi". Tóc bà Lợi trắng toát. Lông mày, lông mi trắng. Nước da cũng trắng bạch. Mắt bà ấy liêng liếng, đi đâu cũng nhíu lông mày lại, vì không chịu được ánh sáng mạnh. Thật là khó đoán tuổi bà Lợi. Có lẽ bà ấy nhiều tuổi rồi. Bởi vì, dù sống ở trong hang, bà vẫn giữ nền nếp cung cách cũ. Chân đi guốc đẽo từ gốc tre, vẫn mặc váy màu chàm mà bây giờ không còn mấy người ăn mặc như thế nữa.

Tuy hai vợ chồng có cái tên là Lợi, nhưng họ chẳng có cái tính nết của người tư lợi. Thu nhập của ba lão chênh lệch nhau, nhưng họ chung sống với nhau được. Không thấy có sự xích mích đáng kể nào. Riêng tiền thu lệ phí của lão Lợi là có thể nuôi được cả ba tay nghiện già đời !

Nhiều thế hệ của thị trấn này đã từng chứng kiến : đêm 30 Tết nào hai vợ chồng lão Lợi cũng ra Cổng Đồn để gánh nước bằng các chiếc bẳng làm bằng ống tre. Những gánh nước ấy được đưa đến nhà nào thì nhà ấy phải có khoản tiền đón nhận nó thật hậu. Đưa bẳng nước đến nhà ai thì lão Lợi bao giờ cũng kèm theo lời chúc : "Cống hỉ phát sòi – chúc chủ nhân giàu như nước như non". Ở cái đất này hiếm nước lắm. Nói giàu như nước thì có gì mà gọi là giàu. Cả một thị trấn đông dân như thế chỉ có một con suối ri rỉ từ làng bên trên thải ra một thứ nước tanh ngòm. Tanh ngòm nhưng cũng rất đáng quý. Bởi vì, qua nhiều

thế hệ, uống cái thứ nước này, con gái cứ đến tuổi mười lăm thì đẹp ơi là đẹp ! ..."

Tôi vừa đọc, vừa cười cái thứ văn chương ngô nghê. Thì chợt có người vào :

– Báo cáo đồng chí Chủ tịch ...

Tôi ngẩng lên nhìn thấy một người chững chạc trong bộ đồng phục hải quan màu sắc còn mới tinh. Thấy tôi là người lạ mặt nên anh ta lưỡng lự.

– Anh cứ nói tiếp – anh An Thành bảo người vừa vào – người ngồi đây là cán bộ tỉnh, cùng nghe. Tôi biết điều anh định báo cáo rồi. Cái việc kiểm tra hành chính để bắt hàng thẩm lậu có thể phải hoãn lại chứ gì ?

– Đúng. Thưa đồng chí. Trong phiên chợ này, không thấy có hộ con buôn nào đem hàng thẩm lậu về nhà mình. Nhà của họ không thấy có nhiều người ra vào như mọi khi nữa.

– Cho tiếp tục thăm dò.

Đồng chí hải quan, có lẽ đấy là trưởng phòng cũng nên, nhận nhiệm vụ, cúi chào chúng tôi rồi đi ra. Nhưng ông Chủ tịch gọi giật lại :

– Bảo phòng y tế cho người đi nhặt những con chim chết về để xét nghiệm, xem bộ máy tiêu hoá của nó. Bị dịch thì chỉ có một thứ chim chết thôi chứ, đằng này – ông phàn nàn – lắm loại chim chết quá. Anh cũng cho người đi tìm lão Lợi đi. Chợ búa, có bao giờ rác rưởi lại cứ ùn ra như bây giờ. Gần đây ta nghi ngờ lão ấy tiếp tay cho bọn buôn bán hàng thẩm lậu. Bà Lợi bảo lão ấy mấy bữa này không thấy về ăn cơm ...

– Đấy – anh An Thành quay lại nói với tôi – Chúng ta sống với nhau mà chúng ta còn phải để ý đến chim muông và cây cỏ nữa. Kẻ địch hồi này, từ bên kia biên giới, loa cực mạnh của nó cứ chõ sang, muốn gây rối ở An Biên. Hàng tâm lí chiến lẻn vào kèm theo bao nhiêu điều rắc rối. Gần đây, chúng lại kích thích cái nạn nghiện hút. Hút thuốc phiện ấy. Nạn rượu, chè, mê tín, dị đoan và cờ bạc theo nhiều kiểu.

Nhưng điều tồi tệ ấy không xâm nhập được vào đội ngũ cán bộ, quân nhân và đảng viên, cốt cán ... Thôi – anh An Thành muốn dừng lời – anh cứ tiếp tục xem bản thảo đi. Anh ở với tôi chỉ có được một ngày. Anh phải hoàn toàn giành cho tôi một ngày. Thật là tôi làm khổ anh ...

Tôi tiếp tục đọc bản thảo :

"... Lão thứ hai. Lão thứ hai tên là lão Đường ... Lão này không bao giờ có chuyện gì để nói với bất kì ai. Thân thể lão dài ngoẵng, đầu lão luôn luôn cúi xuống hình như lúc nào cũng phải phục tùng một ý chí, làm cho cái mũi khoằm của lão luôn chúc xuống hướng tâm của trái đất. Lão có nhiều nét đặc biệt. Tiếc rằng ở đây không có một nhà bác học nào để xem xét. Mùa hè thì đã đành rồi. Mùa đông, cái lạnh của An Biên có thể làm xám vàng cả một vùng rừng chuối. Thế mà lão chỉ thắng có mỗi một cái quần đùi. Tiếc rằng quần đùi của lão lại hơi mỏng, luôn luôn bị trẻ con trêu. Bị trêu thì lão chỉ đuổi lấy lệ. Lão hiền lành. Ban ngày lão đi suốt ngày, ban đêm lão đi suốt đêm. Hoá ra lão có cái tài không ngủ. Vô lí. Tôi mà có tư cách thì tôi đã ghi luôn vào sử xanh rằng lão Đường của tôi có sức bền hơn các thày dạy võ Iôga ở chân núi Hi-mã-lạp-sơn.

Nghề của lão là nghề bắt ếch. Mùa nào cũng bắt được ếch. Đêm nào cũng bắt được ếch. Mà chẳng tốn một bó đuốc nào cả. Lão đúng là một thiên tài bắt ếch. Đúng là "nhất nghệ tinh" mà cái thân của lão thì chưa bao giờ "vinh" lên cho được. Cái thân của lão cứ dài ngoẵng, được cái rắn rỏi như thân thể con chẫu chàng. Lão chọn nghề thật đúng sở trường, sở đoản. Phải nói, đây là một người say mê nghề nghiệp, chỉ vì kiến thức của lão có hạn, nên lão không biết ai là ông tổ của cái nghề này.

Đêm nào lão cũng đi suốt đêm, đi hết cánh đồng của xã này sang cánh đồng của xã khác. Chẳng có đèn đóm gì hết. Sáng nào lão cũng xách những xâu ếch đi ngang qua chợ – Trẻ con thì nhao nhao chạy theo. May thay, quần đùi lão lúc nào cũng bết bùn, nếu không thì nó mỏng quá. Đầu lão luôn luôn cúi xuống. Thế mà, nói theo nghĩa đen, lão cao hơn dân cư ở đây hẳn một cái đầu. Ai mua thì trả tiền, không có mặc cả gì hết, giá cả thì lão đã cố định từ muôn thuở rồi. Vị thiên

tài bắt ếch này có thu nhập thấp nhất trong cộng đồng ở hang. Chẳng biết vì sao bọn họ ăn đời ở kiếp với nhau được !"

Thấy tôi vừa đọc vừa cười, anh An Thành nói :

– Anh cố đọc cho hết câu chuyện đi.

Tôi nhận xét :

– Viết đến thế mà truyện vẫn chưa vào truyện (tôi định giở cái ngón lí luận văn chương hiện đại ra với anh An Thành) – thì anh An Thành nói với tôi một câu chân thật :

– Tôi vẫn đợi ở anh một lời khuyên.

Chợt có người đàn ông mặc quần áo Nùng, ống tay áo và ống quần đều rộng thùng thình, đầu quấn khăn rộng vành, vai vẫn khoác tay nải mà bước vào rất tự nhiên. Anh An Thành nhìn thấy, nói :

– Anh đã về đấy à ? Anh chỉ được ăn mặc như thế này khi đi làm nhiệm vụ thôi. Đi qua thị trấn quen biết này, anh không được ăn mặc như thế.

– Báo cáo Chủ tịch ...

– Cứ nói.

– Báo cáo Chủ tịch, chúng ta gần mất trắng vụ ngô. Ruộng ngô nào cũng bị thiến sạch râu (thì còn thụ phấn làm sao được – tôi hiểu như thế). Bên kia biên giới chúng thu mua râu ngô non. Chúng đổi vải vóc và các mặt hàng khác lấy râu ngô non. Tình hình mất đoàn kết đã xảy ra ở các xã. Dân ta nghi ngờ lẫn nhau ăn cắp râu ngô. Có lẽ bị mất vào ban đêm.

– Đấy – ông Chủ tịch nói với tôi – lại còn phải đứng gác cho ngô thụ phấn.

– Báo cáo Chủ tịch. Lão Đường vừa mới bị chết.

Tôi giật mình. Lão Đường hấp dẫn như thế ... Tôi hỏi :

– Có phải là lão Đường bắt ếch không ?

– Thưa đúng. Lão Đường bắt ếch. Lão vừa chết. Lão chết ở Đèo Lấp. Vướng phải mìn ở giới tuyến khi lão vượt biên sang bên kia. Phía

quân sự của ta đã cho người đến thị sát. Thấy bên cạnh xác của lão có hai tay nải lèn chặt râu ngô non ...

– Đồng chí đi về tắm giặt và nghỉ ngơi đi – Tối nay lại đến chỗ tôi để bàn công việc và nhận nhiệm vụ mới. Đồng chí lại phải tiếp tục xuống xã củng cố sự đoàn kết trong bà con. Tạt vào phòng y tế xem họ kiểm nghiệm đã tìm được lí do về những con chim chết chưa. Bị dịch thường chỉ có một loài bị, đằng này giống nào cũng bị khật khừ. Đang bay mà lại rơi xuống. Phải kiểm tra bộ máy tiêu hoá và đường máu của chim ...

Tôi dừng đọc và hỏi anh An Thành.

– Có chuyện gì thế ?

– Không hiểu vì sao những con chim núi gần đây cứ yếu dần đi, đang bay cũng rơi xuống, khật khừ. Đấy anh bạn ạ, chúng ta sống với nhau mà chúng ta còn phải để ý quan tâm đến cả chim muông và cây cỏ. Anh Thành lại nói sang chuyện khác : Người viết văn ạ, thời gian của anh ở đây không lâu. Anh cứ tiếp tục đọc đi, rồi anh giúp cháu một lời khuyên. Thú thật, tôi thương cháu lắm. Tôi biết là theo văn học khổ lắm – anh nói tiếp để thanh minh – khổ thì khổ ở ngành khác tốt hơn. Nhưng biết làm sao được. Dấn thân vào đấy thì cứ phải đi mãi. Nó là cái mê cung không có lối để trở ra hay sao ấy ...

"... Lão thứ ba tên là lão Quân – Tôi tiếp tục đọc – Nghề nghiệp của lão này không có gì là rõ ràng cả. Quả thật, có lúc lão làm cái nghề tối hạ nhất là nghề ăn xin. Lão đi xin rất có thủ đoạn. Lão cân nhắc trước rồi lão xin ra tấm ra món như một người lịch sự. Không có ai từ chối lão. Bởi vì trông lão quá ư đứng đắn, lại là một tay nghiện trông đẹp mã quá chừng.

Lại có lúc lão làm nghề phù phép. Xem vân tay và bói tướng. Cái nghề này lão học mót của lão Chài – Lão Chài xưa kia thì nổi tiếng. Còn lão Quân là kẻ thực sự có tài mà mặt trời chưa soi đến. May thay, lão mà nổi tiếng về cái nghề này thì lão đã một đời ngồi tù như lão Chài. Có lần lão bảo tôi làm cái nghề này bao giờ cũng tuyệt tự. Thảo nào, cả lão Chài nữa, cũng chẳng thấy có vợ con gì cả. Lão lại bảo

muốn thôi miên thì phải rèn luyện khả năng nhìn thẳng vào mặt trời, coi đấng thiêng liêng kia chỉ ngang tầm bè bạn. Lão còn khoe, lão có thể biến một cây anh túc, tức là cây thuốc phiện thành một cô con gái đẹp mê hồn, thì tôi cho rằng lão nói khoác. Lão lại nói, lão chỉ cần có vài hạt rau cải đặt lên cái đĩa, là chả mấy chốc, lão sẽ có một nắm rau cải để xào. Liệu một thập kỉ nữa, các nhà bác học tiên tiến có thực hiện được điều lão nói khoác không ? Có lần lão đem ra một cái lọ kín, lão mở ra cho tôi xem : không có gì. Lão niệm một câu thần chú, rồi lão gõ vào cái lọ một cái, mở ra, cái lọ đầy thuốc phiện. Lão lại niệm thần chú, mở ra, cái lọ lại sạch nhẵn, không có gì. Lão bảo là lão sai âm binh đi thó của người ta đấy. Ai có cái gì phải biết liệu mà giấu kĩ, đừng cho lão để mắt đến. Mà lão thì rất tốt. Âm binh của lão thó được cái gì, lão thường cho người khác dùng trước, ăn trước rồi lão mới ăn, mới dùng. Cái đó đã trở thành một nguyên tắc của lão. Chẳng biết thế nào, sự thể thì tôi được thấy như thế. Đã nói là thôi miên thì làm sao mà tin được.

Nghề thứ ba của lão là nghề chữa bệnh. Lão chuyên môn hoá đến cao độ. Chỉ chữa có độc bệnh cam thôi. Trẻ em ốm nào mà chả gọi là bệnh cam, nên chẩn đoán là bệnh cam thì không thể nào sai được. Bệnh cam nào lão cũng chữa được. Bất kể là cam tích, cam véo, cam lòn, cam tẩu mã v.v... Nếu đứa trẻ không chết thì dứt khoát là khỏi bệnh. Bởi vì, từ 10 tuổi trở lên thì không bao giờ người ta gọi là bệnh cam nữa.

Lão chữa bệnh cam bằng cách vẽ một chữ giống như chữ "môn" to tướng lên lưng áo đứa trẻ. Chiếc áo ấy phải may bằng thứ vải có màu vàng nghệ. Lão viết vào đấy bằng một thứ mực nho không phai. Bên trong cái chữ "môn" to tướng ấy lão vẽ những đường nét lăng nhăng lít nhít. Những đường nét không có ngụ ý gì cả, mà chỉ để nhằm chống lại bệnh cam thôi.

Chúng ta cam đoan với nhau rằng lão Quân chưa bao giờ làm nghề điệp viên. Tiếng Quảng Đông lão nói vanh vách thì không thể kết luận là điệp viên, thậm chí đấy lại còn là một ưu điểm. Lão biết hết tuổi đời của các cụ trong thị trấn. Đến năm tuổi các cụ lão biết đến rất đúng ngày để viết những chữ : Phúc, Thọ, Khang, Ninh lên các tấm vải đỏ,

vải vàng, chúc thọ. Người ta đón tiếp lão rất trọng thể. Và lão đã trở thành niềm vinh dự của cái cộng đồng ở hang vậy.

Nhưng công tích lẫy lừng nhất của lão Quân là lão đã lợi dụng được thế núi của vách đá cheo leo ngả xuống, kinh thật, để làm ra được một cái nhà treo. Chẳng biết 3 lão đã bàn nhau như thế nào. Lão Đường bắt ếch chẳng bao giờ nói một câu gì thì làm sao mà bàn được. Thế mà khi làm thì 3 lão cùng ra tay. Nhưng đích thị lão Quân là tổng công trình sư. Chỉ có tâm hồn nghệ sĩ của lão Quân mới nghĩ ra được cái trò này. Chỉ có cánh tay lực lưỡng của lão Quân mới có thể tra nổi những cây hoành gỗ vào những hốc đá chơi vơi kia. Nhưng quả thật lão Quân khiêm tốn. Lão không hề ghen tị với bất kì một kiến trúc sư lỗi lạc nào. Lão cũng không đem công trình này để tranh chấp với bất cứ một kì quan thứ 8 nào trên thế giới. Không có ai ghi vào sử sách đấy thôi. Công trình nhà treo của lão phải ăn đứt vườn treo Ba-bi-lon nổi tiếng cùng với cái chết của hoàng đế A-lếch-xăng-đơ-rơ.

Lão sáng tạo ra cái nhà treo ấy làm gì ?

Bạn đọc cũng không thể ngờ rằng mục đích của sự sáng tạo thiên tài này chỉ là nhằm tạo ra cái nơi để nằm hút thuốc phiện của ba lão già hư đốn. Đây là cái cư xá độc đáo có một không hai trên thế giới. Cư xá này nằm lẫn vào mây trong tiếng chim chơi vơi của vùng đất An Biên. Khi mùa xuân đến, nằm trên cư xá mà nhìn xuống thấy những cây gạo khổng lồ nở hoa đỏ chói thật là ngoạn mục.

Lão Quân nuôi nhiều loại chim lắm. Chim trời quanh đấy đều trở thành bạn của lão. Lão không nuôi chim bằng lồng. Thế mà chim cũng chẳng bao giờ bay đi. Khi lão trở về nhà treo thì nào yểng mỏ vàng, sáo đen, sáo sậu, chim khách, và có mặt cả quạ đen, quạ khoang nữa, đua nhau răm rắp chào lão, làm như thể lão là tiên ông không bằng.

Nguyên do là ba lão ấy đem rơm lên lót ổ để nằm hút thuốc phiện. Cái ổ của ba lão thì có sạch sẽ gì cho cam. Thế mà hết loài chim nọ đến loài chim kia đến ăn cắp rơm từ cái ổ hôi hám ấy để làm tổ ở quanh đấy. Ba lão nghiện này chưa ăn cắp cái gì của dân phố. Thế mà chim lại ăn cắp rơm của ba lão. Thậm chí, còn ỉa bậy vào cái nhà treo nổi

tiếng ấy nữa. Chỉ có lão Quân độ lượng là không tỏ ra bực bội. Lão nảy ra một sáng kiến. Đem trộn sái thuốc phiện vào các loại thức ăn cho chim. Được một thời gian, sự nghiện ngập ghê gớm đã lây lan đến tận xứ sở của nhà trời ! Ba lão ấy có thêm không biết bao nhiêu là bạn đồng sự. Mỗi lần ba lão lên nằm hút thuốc là chim chóc quanh vùng rối rít bay đến để ca ngợi vang lừng. Chim nghiện, giọng hót như càng hay !

Lên được đến nhà treo không phải là dễ. Trời đất đã kiến tạo sẵn cái lối lên hiểm hóc, lại có sự gia công thêm của lão Quân. Hoá công và lão Quân là đồng tác giả của cái nhà treo theo đường xoắn ốc kì lạ. Lên đấy phải có thần kinh vững. Bà Lợi chưa bao giờ dám lên nhà treo. Vì bà Lợi là nữ nhi, không thể nào lên được. Nhà treo là cái cư xá trai giới thanh cao của ba lão.

Tác giả của những dòng chữ này đã được lên cái nhà treo ấy rồi. Tuy lúc ấy tác giả còn nhỏ tuổi. Thế mà đã được lão quạ khoang, với tinh thần dân chủ vô song, kính cẩn cúi chào và phát ra tiếng nói rất sõi và trầm : "Chào ! Chào ! Chào !". Làm cho chú bé tôi với tinh thần tự nguyện, vứt luôn cái súng cao su quý giá của mình xuống trần gian !"

(Tôi đọc và tôi nghĩ : Thế thì chim chết. Chim chết vì chim bị hết thuốc phiện. Lão Quân đi đâu mà không biết cái tai hoạ này của chim trời ...) "Không thấy ba lão này uống rượu. Lẽ ra mỗi lão phải có một quả bầu tiên đeo ở bên sườn, như thời chiến người ta đeo bình toong, theo luật lệ của tiên xứ mới phải. Tôi chỉ thấy ở bên cạnh cái ổ hút thuốc có một cái ấm tích bẩn thỉu đã sứt vòi. Trên cái ấm tích sứt vòi ấy cổ nhân đã vẽ một ông lão thọ râu bạc đứng buồn bã chăn mấy con dê đực. Tôi biết đấy là ông Tô Vũ chăn dê, chờ cho dê đực đẻ con thì mới được về quê hương. Có ấm rồi, mà tôi cũng chẳng thấy có một cái chén dạ quang nào cả. Lão nào khát thì đưa mồm vào tu một hớp. Đấy là nước lã, hứng từ vú đá chảy xuống, chứ không phải là rượu bồ đào gì cả. Tôi phải thanh minh rằng tôi chưa có tu một hớp nào vào đấy.

(Tôi đọc và tôi nghĩ : hoá ra con ông Chủ tịch hồi còn nhỏ vẫn lên hang chơi và có leo lên cái nhà treo nữa. Tất nhiên là nó phải quen bà Lợi rồi. Thảo nào, sáng nay, lúc gặp bà Lợi ở chân núi, bà còn nhắc đến nó và bà hỏi thằng An Tiến đi xa đã học được hết chữ chưa ...)

Nhìn xuống An Biên.

Những kinh thành thuở trước đều có sự thay hình đổi dạng sau mỗi cuộc chuyển vần. Sử sách chưa bao giờ ghi nhận An Biên là một kinh thành. Ngay cả đến ba ông nghiện này, khi tâm đắc nhất, cũng chỉ nhận An Biên là một thị trấn bình thường, nếu như nó không có cái nhà treo kiệt xuất.

An Biên là một thị trấn thuần nhà tranh vách đất. Đùng một cái, có một bà già gây ra một cuộc hoả hoạn hãi hùng, mà đến nay ngọn lửa ấy vẫn bùng bùng trong trí nhớ của những vị cao niên. Sau này người ta bảo nhau rằng may thay, lúc ấy mà gặp bà già thì người ta đã ném bà già vào đống lửa. Lập luận như thế là chặt chẽ. Bởi vì, đống lửa của cuộc hoả hoạn ấy tàn đi đã mấy tháng rồi thì bà già có đủ lương tâm ấy nhất thiết phải ra tự thú. Chẳng có ai biết là bà đã gây ra hoả hoạn. Cái lương tâm cắn rứt bắt bà phải làm như thế. Bà tự thú là do cái tuổi tác lẩy bẩy, đánh đổ cái đèn dầu hoả vào đống rơm khô ở cạnh bếp. Các cháu gái chưa chồng của bà bây giờ mới thấy câu tục ngữ cửa miệng của bà "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén" là đích xác lắm.

Thế rồi, chẳng có ai ra lệnh, thị trấn lại được phục sinh. Lần này, nó được sáng tạo bằng một chất liệu tiên tiến hơn : Nhà gỗ, toóc xi và lợp ngói. Ai dám coi thường An Biên nào ! Nhưng cái đó chẳng liên quan gì đến ba lão ở hang. Cuộc đời cứ việc mà tiên tiến, còn ba lão thì cứ yên tâm. Chỉ có hang động mới là vĩnh cửu. Đấy là quan điểm vững vàng như đinh đóng cột của ba lão.

Rồi đến cái sự kiện tháng 2 năm 1979. Khi quân Tầu rút lui. Chúng rút qua đấy. Chúng nấu cơm và ăn cơm ở An Biên hai bữa. Dân cư đã sơ tán hết. Còn lại mấy người tàn tật do mắt bị mù không đi kịp. "Đại quân" thất trận này rất mê tín dị đoan. Chúng cho rằng đại quân mà gặp người mù là đại xúi quẩy. Chúng đã bắn chết hết người mù ở đấy. Điều đó cũng dễ giải thích, và bắn người mắt tinh là hơi khó, họ đã trở thành dân quân tự vệ hết cả rồi. "Đại quân" cũng đã giơ mấy khẩu súng poc hoọc bắn lên nhà treo vài ba phát. Nhưng nhà treo của ba lão vẫn trơ trơ cười với gió đông, chẳng suy suyển chút nào. Chỉ có thị trấn An Biên là bị chúng rắc xăng khô đốt cháy trụi.

Tất nhiên, thị trấn lại được phục sinh. Thật lạ lùng, với những khó khăn như thế, mà dân thị trấn này đã khôi phục thị trấn với tốc độ kinh hồn. Có thể khoe rằng chất liệu xây dựng lần này mới toanh ! Mấy ông phó tiến sĩ bảo rằng nó không phải là chất hữu cơ nữa. Hầu hết, bằng đá hộc khai thác ở núi Bà Lợi – Đấy nhé, bà Lợi mà cũng được đặt tên cho địa danh rồi. Hình như có sự mách bảo của thần thánh. Họ đi đào cát ở Dốc Gió đem về nhào vữa thì không cần dùng đến xi măng. Sau đó, có người đưa ra sáng kiến, lấy cát ấy nhào thẳng với đất sét mà xây, không cần dùng đến vôi vữa. Nhà chú Sần còn táo bạo nâng lên thành nhà hai tầng. Tôi cũng giống ba lão ở cái chỗ là tôi chưa bao giờ xem sách giáo khoa về kiến trúc. Nếu không, tôi đã bị hồn xiêu phách lạc mất rồi. Tôi cũng xin lưu ý các bạn độc giả chưa có nhà rằng : Nếu có xây nhà thì cũng nên có cái lá gan nhỏ hơn cái lá gan của chú Sần. Mà cũng chính vì nhiều người trong thị trấn này có lá gan to hơn nên thị trấn của chúng ta đã trở nên tráng lệ nguy nga như một kinh thành. Điều này, chẳng biết có được ba lão công nhận hay không.

Kiến trúc của thị trấn thì nổi đình nổi đám như thế, mà chỉ có cái nhà treo của ba lão là chẳng cần có gì đổi thay. Nó vẫn là nhà treo trên mây, trong tiếng chim trời ; nó vẫn là một cái không gì sánh được. Lão Quân không tự đắc. Chỉ có cái nhà treo tự nói nó là một công trình nghệ thuật. Bởi vì, nghệ thuật ăn nhau là ở sự độc đáo.

Lão Quân chẳng bao giờ là người khoe khoang. Có một lần tôi đứng xem hội múa kì lân, tức là múa sư tử, thì thấy lão Quân đứng ngay ở bên cạnh ... Tôi thấy các lực sĩ kì tài nhào lộn qua một cái bàn, rồi qua hai cái bàn. Rồi họ chồng cao lên bốn năm cái bàn. Trên mặt bàn cắm đầy những con dao nhọn hai đầu. Cứ nhìn thấy nước thép sáng xanh của những con dao mà khiếp. Tôi là chỗ quen thân với hang hốc nên lão Quân kéo vai tôi. Lão vạch bụng của lão cho tôi xem. Tôi thấy bụng lão có một vết sẹo dài. (Đây là lần đầu tiên lão Quân khoe khoang đây). Hoá ra, xưa kia, lão Quân đã từng là lực sĩ rồi. Nhưng nay lão không thích gì những trò múa khỉ đi theo đít con kì lân. Xưa kia lão đã từng múa khỉ, không những thế mà còn là con khỉ đầu đàn. Trong đàn khỉ, bao giờ cũng có một con, tức là một anh đeo một cái mặt nạ trắng bệch

có nụ cười lúc nào cũng hơn hớn, dáng điệu dập dập dình dình. Là người từng trải, lão chẳng lạ gì nụ cười của lò hản ..."

Đọc đến đây, tôi dừng lại để suy nghĩ :

– Lão Lợi thì chăm chỉ vô tư.

– Lão Đường thì chân thực, yên bề và chịu đựng gian khổ.

– Lão Quân thì tài ba như một ẩn sĩ.

Nếu không nghiện ngập thì ba lão đều có thể gia nhập vào cộng đồng tiên tiến của chúng ta. Nhưng không sao, ba lão vẫn có lao động, chẳng làm hại gì ai, ba lão vẫn có cõi đời riêng đấy chứ. Tôi nói :

– Anh An Thành này, những con chim chết có thể đấy là những con chim bị nghiện thuốc phiện đấy.

– Sao lại có cái thứ chim nghiện thuốc phiện ?

Hoá ra anh An Thành chưa xem hết tác phẩm này của thằng con anh. Tôi lật tìm một trang ở giữa chương III li kì nhất cho anh An Thành xem. Riêng cái chỗ này thì thằng An Tiến viết tạm nghe được. Tôi thấy anh An Thành ngồi im lặng một lúc. Rồi anh nói :

– Thế thì đúng đấy. Hết thuốc phiện thì những con chim ấy phải chết – Ngừng một lúc, anh An Thành lại nói tiếp – Tôi biết ở những ao hồ của các vườn thú, người ta nuôi cò, vạc và sếu. Chúng cứ tự do bơi lội mà không dám bay đi mất. Chúng phải quên cả cái phong tục ngàn đời phải bay đi trú. Cũng có con trốn đi. Trốn đi thì lại phải quay về. Nhớ thuốc phiện là phải quay về, không quay về là chết. Ở các vườn bách thú họ đều gây nghiện cho những con chim bơi lội đấy. Lão Quân tài thật !

Tôi ngồi im để cho anh An Thành nói tiếp :

– Chim ở đây chết là phải rồi. Lúc nãy tôi chưa nói. Bây giờ tôi nói riêng để anh biết : Lão Quân cũng đã chết cách đây một tuần. Do bọn con buôn nhiều tiền thuê lão đem vẩy tê tê đi vượt biên để đổi lấy hàng thẩm lậu. Thật ra, lão đã bí mật đi nhiều lần. Hình như kẻ địch còn dúi thêm thuốc phiện cho riêng lão. Không biết kẻ địch đã khai thác được

những gì ở lão. Chính bọn cười hơn hớn dúi thêm thuốc phiện ấy cho lão lại rút súng bắn chết lão ở bên kia biên giới.

– Anh An Thành ạ, tôi thấy tiếc lão Quân quá. Lão tài ba, từng trải và kín đáo. Con trai của anh cũng đã từng ghi nhận vào tác phẩm rằng lão Quân là người hiểu được nụ cười lò hản. Thế mà ...

Chợt có tiếng mô tô : đồng chí trưởng đồn công an đến, bước vào nhà riêng của Chủ tịch mà vẫn giữ phong cách quân nhân :

– Thưa đồng chí Chủ tịch ! Lão Lợi cũng chết rồi. Bà Lợi đến đồn công an (tức là bà ấy đã xuống núi đấy) bảo là đã hai bữa nay không thấy ông Lợi về ăn cơm. Chúng tôi leo lên nhà treo và thấy lão Lợi đã chết.

– Chết thế nào ?

– Mồm lão bị nhét giẻ. Lão nằm ngửa. Trên ngực lão bị cắm một lưỡi dao găm. Con dao vẫn để nguyên như thế. Trên nhà treo vẫn còn vương lại một ít hàng thẩm lậu.

– Anh kiến giải vấn đề này thế nào ?

– Nhà treo gần đây đã biến thành nơi cất giấu hàng tâm lí chiến. Bọn con buôn không đưa hàng về nhà mình. Có thể bọn con buôn đã thuê lão Lợi giữ hàng.

– Ai giết lão ?

– Bọn trộm cướp đã giết lão để cướp của.

Ông Chủ tịch bảo tôi ngồi ở lại nhà một mình. Tôi cũng xin tạm biệt anh An Thành, bởi vì anh bận quá – Tôi trả lại bản thảo để chia tay. Nhưng anh bảo tôi cứ cầm đi. Ra ngoài tỉnh gặp thằng cháu, cứ góp ý trực tiếp. Anh hoàn toàn tin tưởng ở tôi. Anh An Thành nói trước lúc chia tay :

– Hàng tâm lí chiến đã phá vỡ sự yên ổn của ba lão và đã giết cả ba lão bằng ba cái chết thảm hại.

– Bây giờ chỉ còn có bà Lợi.

– Phải đấy ! Tôi sẽ giải quyết trợ cấp xã hội cho bà ấy trong một ngày sắp tới.

*
* *

Bây giờ chỉ còn có bà Lợi. Tôi mang máng những trang cuối cùng của tác phẩm. Thằng An Tiến không biết rằng cả ba lão đều đã chết. Bây giờ chỉ còn có một mình bà Lợi thôi ...

Trong hang có nước. Nước trong vắt. Mùa hè nước ấy mát lạnh. Mùa đông nước ấy ấm ấm. Ăn nước ấy lâu ngày sẽ bị bướu cổ. Vì nước ấy sạch nhưng thiếu những chất vi lượng mà con người cần đến.

Cửa hang thì thường thôi. Nhưng chui vào sâu thì ... như bị bịt mắt. Trong sâu tối lắm. Đấy là thắng cảnh không có ai biết đến. Soi ánh sáng vào đi ! Đừng sợ ! Đấy là những chùm đá buông chuông. Từ trên trần hang có từng dải đá buông tràn xuống tự nhiên như những dải đăng ten kì diệu và long lanh kim nhũ. Nhẹ nhàng thôi, kẻo động vào những khánh đá. Khánh đá xoè ra những chiếc tai voi khổng lồ. Khánh đá như những cánh buồm dơi màu trắng, cũng long lanh kim nhũ. Có cái dùi gỗ nào không ? Gõ thử xem ! Những khánh đá sẽ buông ra những tiếng bổng bềnh như giấc mộng. Để các nàng tiên lại về đây trong tiếng hát dịu dàng. Trông kìa ! Hãy trông kìa ! Các nàng tiên đang cuồn cuộn trong xiêm áo thướt tha. Không biết các nàng đến đây để hoá đá tự bao giờ ?

Thống kê trên thế giới cho biết : phụ nữ sẽ sống lâu hơn nam giới chừng dăm tuổi. Thế thì cứ theo quy luật, ba lão ấy sẽ chết trước. Cuối cùng chỉ còn có bà Lợi thôi. Bà Lợi sẽ sống những ngày cuối cùng ở đây. Bà Lợi đang sống trong động tiên đấy. Một mình bà ở một cõi riêng.

Ba lão ấy chết rồi thì thằng An Tiến cũng hết chuyện để nói. Chẳng biết đến lúc nào thì ông An Thành mới thực hiện trợ cấp xã hội cho bà Lợi ? Mà tôi thì cũng đã đến lúc phải từ biệt An Biên, nơi sản sinh ra không biết bao nhiêu con người có tâm hồn nghệ sĩ.

Nếu bút còn mực thì cho ghi thêm cả tên thằng An Tiến vào đấy nữa. Vì nó là con ông Chủ tịch, chỗ quen biết của tôi. Thì rải chiếu sẵn cho người ta vào ngồi cũng được chứ sao ! Hơn nữa, trong cái liệt truyện ngắn ngủi "dùi đục chấm mắm cáy" này của tôi, tôi đã dùng không biết bao nhiêu những đoạn văn của thằng An Tiến – nói vắng mặt nó – là văn của nó cứ thực thực, hư hư, đùa đùa cợt cợt như thế nào ấy, chẳng nghiêm túc một tí nào. Bạn đọc đã biết đấy. Chỉ có cuộc đời mới lí giải được thân phận. Tác phẩm của nó, có lí giải gì được về số phận các nhân vật đâu ! Thí dụ như nó có biết là cả ba lão đều đã chết đâu. Được cái là nó đã học hết đại học y khoa rồi. Thế mà bà Lợi mù chữ, cứ hỏi người ta là nó đã học được hết chữ chưa. Hoá ra, từ cái hang cô quạnh, bà Lợi vẫn hướng đôi mắt hiêng hiếng của mình theo nó. Mặc dù, chưa có một lần nào bà Lợi đọc bản thảo của thằng An Tiến. Nhưng bà Lợi cứ hướng theo. Thật ra, bà ấy cũng chẳng biết là bây giờ nó ở đâu. Ở xa là đích xác nhất. Ở đâu cũng được. Bà vẫn hướng theo nó, chẳng biết nó ở phương nào, với chứa chan tình mẫu tử.

Lời bình

Truyện được in năm 1988 và Tạp chí Văn nghệ Quân đội *quả đã rất tinh khi chọn nó là truyện ngắn hay trong năm. Người đọc bị cuốn đi trong cái hư hư thực thực của câu chuyện do thằng An Tiến dựng lên. Thực ra, đó là cuộc phiêu du về tuổi thơ của nó. Cái hang độc nhất vô nhị ở An Biên gắn với ba người đàn ông và một người đàn bà, những nhân vật như là những mảnh dã sử rách nát từ cổ xưa còn vương lại mà tuổi thơ thằng An Tiến đã bắt gặp. Nét đặc sắc của truyện nằm ở chỗ Bế Thành Long đã lồng ghép hai không gian : không gian cổ tích và không gian hiện tại, đan cài hai giọng kể : giọng của thằng An Tiến và giọng của "tôi" - kẻ được ông Chủ tịch giao trách nhiệm khuyên cậu quý tử đã tốt nghiệp y khoa đừng dại dột dấn vào nghiệp văn. Mạch truyện bởi thế khá hoạt và khá biến hoá.*

An Biên quả là sứ sở sản sinh nhiều nghệ sĩ. Ba nhân vật chính trong chuyện kể của thằng An Tiến cũng là ba nghệ sĩ. Lão Quân là

thiên tài kiến trúc, lão Đường là thiên tài bắt ếch, lão Lợi là thiên tài nhẫn nại, "vô tư". Cái sợi dây liên kết họ chính là thuốc phiện. Lão Quân thực sự là một bậc kì tài khi sáng tạo nên cái nhà treo độc nhất vô nhị giữa lưng chừng núi, lưng chừng trời để thói hư đốn của ba lão được "thăng hoa" cùng trời đất. Thuốc phiện dẫn cả ba vào mê li. Thuốc phiện cũng dẫn ba lão vào tội lỗi. Dù muốn hay không, cả ba lão đều có tội trong việc chim muông bị chết. Rồi cái hang liệt truyện đã dần biến thành cái kho chứa hàng thẩm lậu. Cái xấu đã bị kẻ thù bên kia biên giới lợi dụng một cách triệt để. Kết cục bi thảm của ba cái chết xem ra cũng không làm ai ngạc nhiên. Cái màn sương khói dã sử đã được vén lên, cái xấu - dù vô tình hay cố ý - đều bị trừng phạt. Bão là kết quả của gió. Hẹn về thăm lại Hang Dơi - Thăm dòng suối đục, mảnh đời con con ... *Thăm chuyện xưa cũng là để ngẫm chuyện nay. Bước chân của thằng An Tiến đã xa rời cái thời cổ tích, nó đang đi về phía chân trời. Nơi ấy cũng như tại mảnh đất sinh hạ ra nó cái xấu đang bị đẩy lùi từng phút từng giây ... Nhưng tự trong máu huyết, là đứa con của An Biên, nó cũng là một nghệ sĩ.*

Nguyễn Đăng Điệp

HỔ

Bọn sơn tràng tóc rậm vào làng phao tin – Có hổ đến. Chính mắt chúng nó trông thấy hổ ngồi nói chuyện với lão Sung ở dưới Vực Cá. Phịa thế mới ra chuyện chứ ! Lại là cái chuyện lão Sung ở làng ta. Không nghe phí đời. Đây là làng Đỏm Dé nhỏ xíu bên sông, dưới chân núi Già, kề sát với rừng Đông âm u. Người nọ truyền tai người kia. Làng này nhà nào chẳng có người là thợ săn. Hổ đến thì khoái lắm – Thế nào ? Thế nào ? Cái lão Sung chẳng bao giờ trò chuyện với ai. Mà thật ra, người ta hiểu rất ít về lão. Tương truyền rằng, hồi xưa mẹ lão đẻ vãi

lão ra ở gốc sung, nên cứ gọi lão là Sung cho tiện, chứ tên thật của lão, lão đã đánh rơi ở chân trời góc biển nào rồi, có ai rõ ? Chỉ biết rằng, khi lão trở về làng thì lão cũng đã già. Một ông lão gầy gò nhanh nhẹn. Chẳng biết làm sao mà lão lại lên cái hang Yểm Bùa để ở. Có ai dám vào cái hang ấy bao giờ đâu. Thế rồi, với bộ quần áo rất cũ nhưng không bao giờ rách rưới, sáng nào lão cũng ra chợ làng bán cá, bán một cách chóng vánh rồi đi. Người ta phỏng đoán rằng suốt ngày lão ngủ ở trên hang Yểm Bùa, còn đêm đêm lão ngồi câu ở vực Gốc Sung. Chỉ có điều hồi này không thấy lão. Hay lão đã bị hổ sài đi rồi chăng. Nhưng cái bọn sơn tràng tóc rậm kể lại rằng, khi chúng thồ gỗ qua đường bờ sông thì thấy ngựa kéo xe quỳ hết xuống. Ngựa con đi theo mẹ cũng quỳ. Đúng là ngựa ngửi thấy mùi hổ rồi. Luống cuống không biết làm thế nào để có một củ tỏi. Nếu đập tỏi ra bôi vào mũi ngựa là nó lại đứng dậy kéo xe bình thường. Nhớ ra rồi. Ở gần Vực Cá Gốc Sung có một luống tỏi họ trồng. Mấy thằng mò xuống để nhổ tỏi và chính mắt chúng nó trông thấy hổ đang ngồi nói chuyện với lão Sung. Hiển nhiên như thế mà lại cứ bao là nói phịa. Nào có phải một người trông thấy đâu. Nếu có nói sai thì cứ chặt cổ bọn tôi đi. Bọn sơn tràng tóc rậm nói rành rành như thế.

Trăng sáng vằng vặc. Chúng tôi trông thấy rõ là lão Sung bán cá ấy mà. Lão đang câu cá, và có một con hổ to lắm, ngồi ở cạnh. Phải tin đi chứ lị. Nghe chuyện ấy, người làng Đỏm Dé kéo nhau đến cửa nhà ông chủ phường săn, trông thấy ông ấy đang tự tay sửa chiếc cung. Ông giơ một nắm tên lên trời – Đây là những mũi tên đã được tẩm thuốc độc. Thấy đông người, ông lại nói to thêm – Làm sao có thể bắn được hổ. Những ngày này bây giờ lạc hậu rồi. Các ông có biết bọn hàn chảo kéo bễ phì phò không. Chúng nó có nhiều cứt sắt đấy. Cứt sắt là những hạt gang tròn đều đặn nhỉnh hơn hạt đỗ xanh. Những hạt ấy dùng làm đạn nhồi vào súng kíp. Nhồi xong, châm ngòi, nín thở và "đoàng" một cái. Làng ta sẽ phải mướn thợ. Các anh sẽ vào hang xúc phân dơi gánh về. Nấu phân dơi làm săm pết chế thuốc súng. Phải vào hang lấy phân dơi. Tất nhiên hang Yểm Bùa (chỗ ở của lão Sung) chưa tính đến. Phải có súng mới trị được hổ. Vừa nói, ông chủ phường săn vừa lấy tay che nắng. Nắng chói chang quá. Mà tự nhiên mặt trời lại tắt ngấm. Lợn gà

nháo nhác lên. Cái gì thế nhỉ ? Trâu bò bổ nhào lên Bãi Bằng ở đầu làng. Bê nghé được dồn vào giữa. Những con trâu đực đứng ở vòng ngoài, giương sừng ra chờ đợi giữa hỗn mang. Chẳng ai bảo ai, mọi người đã vào hết trong nhà. Con chó cũng lẩn vào trong nhà. Chó của làng này toàn là giống chó săn nhà nòi : tai dỏng, lông đen, hơi gầy và mũi ướt. Ông chủ cố vỗ vào đầu nó. Nó cứ luẩn quẩn sợ hãi bám riết vào chân chủ. Ông chủ nói với mọi người : Có hổ vào làng ta đấy. Trong thời khắc nhật thực mù mịt, tiếng đàn bà kêu lên : Trời ơi ! Con tôi nó ở nhà. Tiếng đàn ông kêu lên : Trời ơi ! Con lợn lang tiền trăm của tôi. Câm đi. Câm ngay đi. Không gian im phăng phắc. Người ta nghe thấy khe khẽ, khe khẽ luồn lách. Cỏ khô gãy lách tách, lách tách. Đâu đó, có hồn ma về vương vấn kêu khóc trên mấy rặng tre gai : Chúa của tôi ơi. Chúa của tôi đâu rồi. Kẻ nào đã giết mất chúa của tôi ... Ông chủ phường săn gan dạ thế mà cũng đâm hoảng. Ông đứng nép dưới ban thờ, xoè diêm thắp mấy nén hương, cầu mong sự cứu giúp của tổ tiên.

Năm ngoái, ở cánh rừng khác, ông cũng đã đánh bẫy được một con hổ thọt. Răng bẫy ngoạm nghiến lấy chân nó. Thợ săn chỉ việc xông vào dùng vồ đập chết rồi hô hoán khiêng về. Tai con hổ ấy có ba khía. Nó đã ăn thịt được ba người rồi đấy. Những hồn ma ấy đương nhiên coi nó là chúa. Chúa của hồn ma chết đi thì hồn ma côi cút kêu khóc, muốn tìm kẻ đã giết chúa để trả thù ... – Thằng lớn đâu – Ông chủ kêu : Mày đi lấy cái ống nứa già mà đập xuống nền nhà đi ... Có hổ đến đấy.

Truyền đời, người ta nghĩ rằng hổ rất sợ tiếng tre nứa đập. Thằng con ông chủ đập ống nứa xuống nền nhà, cho phát ra những tiếng động ghê răng. Thế là mặt trời tái hiện, rạng rỡ, yên bình. Cùng một lúc, mọi người tháo chạy về nhà mình. Chẳng có sự cố bi thảm nào cả. Lợn vẫn còn đủ. Chỉ có vườn tược nhiều nhà bị giẫm nát, để lại những vết chân rừng rợn to bằng cái bát vại.

Ở Đỏm Dé, người ta thấy phường săn đùng đùng đi khai thác phân dơi. Chỉ riêng có hang Yểm Bùa là yên tĩnh. Ban ngày đấy, nhưng lão Sung không ngủ. Và trong ánh hoàng hôn, lão đứng dậy, hăng hái chuẩn bị đồ lề để đi câu. Lần này, lão còn đem theo mấy quả bầu tiên đựng

đầy rượu. Lão nhẹ nhàng bước trên những mỏm đá lởm chởm. Lão đi nhanh lắm. Khi xuống đến vực Gốc Sung, lão đã thấy ông hổ to tướng đang ngồi đợi – Ông Ba Mươi ơi, sao ông đến sớm thế. Có phải là ông đói không ? – Ông Sung ơi, không phải đâu, nhưng cũng đúng đấy. Loài hổ chúng tôi, lúc nào cũng đói khát điên cuồng. Giống hổ khi về mồi bao giờ cũng lăn xả vào cắn cổ hít máu. Uống hết máu rồi mới đập đuôi, hất hàm vắt con mồi qua lưng, dù con mồi có to bằng con bò mộng thì cũng tha đi được. Ông biết không, khi ăn thịt, hổ sẽ ăn những mảng thịt ngon trước. Ăn no là cứ vào chỗ kín đáo ngủ rất say, miệng hổng hộc toả ra mùi tử khí. Thức dậy là phóng uế tung toé để cho thiên hạ biết rằng ta đây là một kẻ no nê ... – Thế ông Ba Mươi không đói à ? – Đêm nào tôi cũng được ăn cá, làm sao mà đói kia chứ. Ông Sung ạ, tôi là một con hổ cô đơn, lúc nào cũng cảm thấy buồn, lúc nào tôi cũng muốn xuống Vực Cá để đợi ông. Vì có hồn ma thông ngôn nên hổ cũng đã thành thạo ngôn ngữ của vùng này – Ông Ba Mươi ơi, ông buồn thì đêm nay, ta có một thứ để giải sầu đây. Vừa nói lão Sung vừa rót rượu từ quả bầu tiên vào một cái bát để mời hổ. Hổ cúi xuống uống một bát. Ngẫm nghĩ mãi mới phát ra được câu hỏi : Cái thứ nước này là nước gì nhỉ – Lạ thật. Càng ngấm càng thấy lạ – Loài hổ chúng tôi chỉ có "uống ánh trăng tan" – Ông không biết ánh trăng tan là cái gì à. Đấy là thơ của ông Thế Lữ ca ngợi loài hổ chúng tôi đấy. Hay thật, hay thật – Loài người các ông có rượu là thứ nước của tâm hồn. Loài hổ chúng tôi mỗi khi sầu thì chỉ biết lấy bài thơ *Nhớ rừng* của ông Thế Lữ ra mà ngâm thôi. Lão Sung đã từng nghe thấy hổ ngâm thơ rồi. Rung chuyển cả núi đồi. Nhưng lão Sung thì có thiết gì đến thơ ca đâu. Còn hổ bây giờ đang cao hứng ; hổ phải ngâm lên một bài, mà phải là một bài ninh bạn. Được ninh khoái lắm chứ. Phải ngâm bài ..."Ao thu lạnh lẽo ..." của cụ Nguyễn Khuyến. Ngâm xong bài thơ, hổ thấy lão Sung thật sự hoan hỉ. Không biết hồn ma dạy cho hổ thế nào mà hổ lại có vẻ am hiểu thi ca – Tôi sống ở trong rừng mà lại cứ luôn luôn nhớ rừng mới chết chứ. Ông ở trong làng, ông có thấy nhớ làng không. Chí lí. Lão Sung cũng có vẻ say – Ông Ba Mươi ơi. Ông nói chí lí. Ông Sung ạ, ở đời này mấy khi được tương phùng. Uống nữa đi. May mắn quá – Tôi với ông bây giờ là một đôi tri kỉ. Cái thứ Nước Tâm Hồn này ông

thó được ở đâu đấy ? – Sao lại bảo là "thó" – Rượu càng ngấm hổ lại càng nói nhiều – Ông bảo là mua à. "Mua" là thế nào tôi chẳng biết – Ông bảo có tiền mới mua được – Thú vui cũng phải mua bằng tiền à. Ông có cần tiền không – Loài người chúng tôi ai cũng cần tiền, ai cũng thích tiền – Thật thế à – Thế thì tôi có cách cho ông thật nhiều tiền. Ông không biết đâu, ở rừng thẳm, loài hổ có cả một nghĩa địa. Các con hổ già nua, tự biết vào đấy nằm chờ chết. Tôi sẽ tha lên hang cho ông hẳn một bộ xương hổ và ông sẽ bán đi, như bán cá ấy – Ông sẽ có khối tiền – Đã là bạn bè, phải nghĩ cách giúp nhau chứ – Không biết ông thì thôi – Biết ông rồi mà thiếu ông thì tôi làm sao sống được – Nếu tôi có chết, tôi không vào nghĩa địa hổ đâu – Ông Sung ơi, cho tôi được chết ở cạnh ông. Hổ đã say quá thể. Mà sao Mai đã hiện lên kia rồi. Chẳng mấy chốc vầng dương sẽ rạng. Thế là đôi tri kỉ phải cạn chén cuối cùng để chia tay.

Nghĩ cái hồi đầu mới gặp nhau thật kinh hoàng. Hổ đang đói quằn quại mà lại ngửi thấy hơi người. Có cả mùi cá tanh tanh vô cùng hấp dẫn nữa. Cái giống mèo vĩ đại này thích cá lắm. Còn lão Sung, thì lão đang ngồi câu cá. Đêm trăng trong thanh tịnh lạ lùng. Cá lại đớp mồi nữa rồi. Giật câu và gỡ ngạnh, lão từ từ nhét con cá còn giãy đành đạch vào trong dọ – Lão bực mình vì cái dọ cá của lão sắp đầy. Mơ ước cái dọ cá cứ vơi vơi thôi, đừng đầy, để lão được ngồi ở đây câu đến muôn đời. Đang muốn thế, khi ngẩng lên ... Bỏ mẹ ! Một con hổ chết tiệt to đùng ngồi ngay ở bên cạnh – Làm thế nào bây giờ – Lão định tâm lại. Biết là gặp thú dữ thì không được hốt hoảng bỏ chạy. Lão đĩnh đạc mở cái dọ ở bên sườn ra, móc lấy một con cá tươi ném vào mặt hổ. Hổ đưa tay ra vờn lấy con cá rồi giẫm đè lên. Nó chưa ăn ngay. Nó chỉ thò chiếc lưỡi đỏ lòm và uyển chuyển liếm mép rất nhanh rồi im lặng giữ lại vẻ oai nghiêm. Lão Sung rất hoảng, chưa biết là hổ đang có ý định gì. Đột nhiên có tiếng nói : Ta là hồn ma đây. Ông Ba Mươi đây là chúa của ta. Lão Sung ơi, lão đừng hoảng sợ. Lão cho ông Ba Mươi con cá. Ông Ba Mươi có lời cảm ơn đấy – Lạ thật – Mấy chục năm bán cá, bán, mà bán rẻ như cho, có ai cảm ơn đâu. Lần này, cho hổ một con cá, thế mà lại có sự cảm ơn. Lão vẫn sợ, nhưng lão biết im lặng, ung dung. Lão khéo léo thu dây câu, sửa lại giỏ và đủng đỉnh ra về – Đi

được một đoạn thì lão thấy ông Ba Mươi đập đuôi thình thịch xuống đất, đứng đón đường. Cái giống hổ, bao giờ cũng có cái thói đón đường như vậy. Lão Sung sững lại trong giây lát và suy nghĩ. Lão lại ném cá ra cho hổ. Hổ cuống quýt cào xuống đất và ăn như điên dại. Lão Sung thấy hổ hứng khởi và lão cũng hứng khởi ném hết cá ra cho hổ. Thế có chết không chứ. Chốc nữa thế nào nó cũng lại đón đường. Khi ấy biết lấy gì ném cho nó. Lão đến chợ thì trời cũng sáng đâu. Và lão chợt nhớ ra là mình cũng không còn cá để bán. Đứng ở đây mãi làm gì. Nghĩ một lát, lão đi thẳng lên hang Yểm Bùa. Nhưng chết chưa, con hổ khi nãy ngồi chồm hổm ở ngay trước cửa hang – Lão Sung ơi. Lão cứ đi vào hang đi. Lão làm theo và như thế là đi qua sát miệng hổ – Chúa của tôi đền ơn ông đây. Hổ nhả xuống nền đá, rơi đến cạch, một mảnh xương dẹt và tròn – Một chiếc xương bánh chè đấy – Khi nào ông váng vất mệt mỏi, ông mài chiếc xương này vào đáy cái bát sành, pha nước mà uống, ông sẽ thấy sức khoẻ khang cường cho đến tận tâm linh. Trời sắp sáng rồi – Chúc ông vạn thọ an cương. Nói xong, hổ co mình, đập đuôi, nhảy vụt biến.

Sau đó, lão Sung cũng mài chiếc xương bánh chè vào đáy chiếc bát sành và pha nước uống. Đúng là lão thấy xương cốt giãn ra, tiêu tan hết bệnh hoạn già nua, khoái cảm và mạnh mẽ. Lão nghĩ rằng, phải làm một cái gì chứ. Tất nhiên là chỉ có đi câu thôi. Chờ mãi trời mới tối. Xuống đến vực thì lão đã thấy ông Ba Mươi chờ sẵn ở đấy rồi. Trông thấy lão Sung hồng hào, sảng khoái, hổ thích lắm.

Thế rồi, đến một đêm nào đấy, hổ chờ mãi ở dưới vực mà chẳng hề thấy lão Sung. Hổ buồn quá. Ông Ba Mươi đã mang sẵn nỗi sầu của một kẻ nhớ rừng, bây giờ lại nhớ thêm cả lão Sung nữa thì làm sao chịu nổi. Hổ quyết định lên hang Yểm Bùa để xem lão đau yếu ra sao, nhân thể tha lên cho lão một bộ xương hổ nữa. Phải để cho lão thật giàu chứ. Để cho lão có thật nhiều tiền chứ. Đến cửa hang thì hổ sững lại. Bộ xương hổ rơi xuống nền đá. Hổ đau đớn gầm lên, cào nát đá mặt hang. Toàn thân của nó rung rung và mắt nó tràn lệ. Tuổi già dễ tắt như bóng đèn. Lão Sung đã chết trên cái giường đá của thiên nhiên. Có ai tránh khỏi cái điều ấy đâu. Hổ lịm đi rồi quần quại – Chúa của tôi ơi – Làm

sao chúa của tôi lại như thế này. Con hổ già run bần bật. Thân hình đẹp đẽ và uyển chuyển của nó rắn đanh lại, đổ vật xuống và mềm ra, mềm ra. Chúa hổ đã băng hà và hồn ma hoảng hốt bay đi ...

Tất thảy thợ săn vào nhà chủ phường săn thưa rằng : Không có hiệu quả gì hết. Chẳng săn được một con thú chết tiệt nào. Chủ phường săn hiểu cả nhưng vẫn cứ hỏi lại – Sao lại thế ? – Thì chúng tôi có một ít thuốc súng nào đâu – Phân dơi ở các hang đều đã lấy hết rồi. Thôi được – ông chủ nói – Thế thì lên hang Yểm Bùa, nguyên vẹn chưa động đến bao giờ. Vì có ai dám lên đấy đâu – Sống chết phải có phân dơi.

Cả phường săn phải dũng cảm ào ạt kéo lên hang Yểm Bùa. Hang Yểm Bùa thì làm gì có phân dơi. – Đấy chỉ có lão Sung, mà lão thì đã chết lâu rồi. Bộ xương của lão nguyên vẹn trên giường đá thiên nhiên. Nhưng xương người thì quan trọng cái quái gì. Ơ này, họ lấy báng súng đẩy đống da hổ. Một con hổ mới chết. Kinh quá. – đây sao lại có lắm bộ xương hổ đến như thế. Nhiều bộ xương hổ thật đấy. Đúng là xương hổ. Tôi nhìn thấy trước – Ai ? Tôi ! Thì chính tôi nói trước đấy là xương hổ. Những bộ xương hổ này đáng giá ngàn vàng theo nghĩa đen. Kho vàng đấy. Chẳng biết làm sao họ nổi xung, đập nhau bằng báng súng. Mắt của họ tối sầm lại và rút dao đâm nhau. Máu của phường săn phụt ra tung toé. Màu đỏ của máu phủ lên màu đen của muội khói yên bình. Máu lênh láng ngập hết những vệt cào đau đớn khóc bạn của con hổ già trước khi nó chết.

Lời bình

Của đáng tội, chúa sơn lâm bao giờ cũng là một nỗi kinh hoàng đối với loài người vì sự hung dữ của nó. Vậy mà, trong một đêm trăng rừng sâu, đã từng diễn ra một sự lạ : bên cạnh lão Sung đang câu cá, có một con hổ to lắm, đang ngồi một cách hiền lành. Hoang tưởng chăng ? Không ! Bọn sơn tràng tóc rậm đâu phải là những kẻ chuyên phao tin đồn nhảm. Chính mắt họ trông thấy cơ mà ...

Đặt câu chuyện trong cái không khí có tính cổ tích, nhưng Bế Thành Long không có ý định khuấy động sự tò mò, hiếu kì đơn giản. Lời nói ẩn dụ đã giúp tác giả đi tới một ý tưởng nhân sinh.

Con hổ đang ngồi bên cạnh lão Sung là một khối cô đơn. Lão Sung cũng là một kẻ cô đơn. Sự gặp gỡ, chén tạc chén thù giữa hai khối cô đơn ấy quả là một tương phùng hi hữu, nó nhen nhóm ngọn lửa cảm thông. Chén rượu đã làm xuất hiện một thi sĩ đích thực sau lốt hổ, đã làm cho lão Sung "May mắn quá - Tôi với ông bây giờ là đôi tri kỉ". Hổ nhớ rừng, còn lão Sung, liệu có lúc nào lão nhớ đồng loại không ? Cái giây phút Hổ đợi lão Sung thật nặng nề. Vắng lão Sung, sự tồn tại của Hổ trở nên vô nghĩa. Những báo đáp của nó chỉ giúp lão Sung hồng hào lên một chút thôi. Nỗi buồn quá sức, Hổ "tràn lệ", trút hơi thở cuối cùng bên lão Sung. Rồi hai kẻ cô đơn kia sẽ gặp lại nhau ở cõi khác. Những hồn ma trú ngụ trong chúa hốt hoảng bay đi. Câu chuyện về Hổ phác dựng một hành trình : chúa sơn lâm đang gột bỏ tội lỗi để tìm tri âm. Nó muốn gần người. Còn con người thì sao ? Lũ phường săn nhìn thấy xương hổ, đầu óc họ mụ đi, tối lại vì lòng tham. Máu đã chảy. Mùi tà khí phủ lên màu bình yên, xoá đi những vết cào tuyệt vọng vì thương bạn của con hổ già. Đây lại là một hành trình ngược lại : vì lòng tham, con người đã hoá thú. Có lẽ, cái ý tưởng nhân sinh đã hé lộ : Đừng bao giờ gây tội ác bởi lòng tham, hãy giữ lấy tính thiện vì nó là vẻ đẹp vô giá của con người !

Nguyễn Đăng Điệp

Đoàn Lu

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Đoàn Lư. Sinh năm 1959. Quê quán : Huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm văn học : *Miếng hiểm cuối cùng* (1995), *Trăng rừng* (1996), *Mùa khẩu lam* (1997).

Giải thưởng văn học : Giải khuyến khích cuộc thi sáng tác về thiếu nhi dân tộc miền núi (Báo Thiếu nhi dân tộc và NXB Kim Đồng phối hợp tổ chức 1994 - 1995) ; giải thưởng cuộc thi sáng tác truyện ngắn và thơ cho trẻ em (UBBVCS trẻ em Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam và Unicef tổ chức 1996 - 1997).

CON MỐC CỦA BÁC LUỒNG

Đoạn gần Lạng Cá, sông Gâm cuồn cuộn chảy, xô ầm ầm vào những tảng đá hiên ngang chặn giữa dòng làm nước tung bọt trắng xoá. Song điều này không làm nhụt ý chí con Mốc của bác Luồng. Nó bất chấp tất cả, nhảy ào xuống dòng nước xiết vượt sang bờ bên kia khi có lệnh của chủ. Ở Kẹm, dòng sông lững lờ, có chỗ nước gần như ngừng chảy. Nhiều khách lạ qua đây có cảm giác rờn rợn nơi tóc gáy bởi màu nước xanh thăm thẳm tưởng chừng vực nước không có đáy. Hai bên bờ sông là vách đá loang lổ, cao sừng sững, ngửa mặt lên nhìn chỉ thấy khoảng trời xanh. Người gan dạ nhất khi qua Kẹm ít nhiều đều liên tưởng đến chuyện ma quỷ, thần bí. Thực ra ở đây cũng đã có nhiều người chết, những xác người không may bị chết trôi cũng thường nổi ở đoạn này. Chính ở Kẹm người dân Pác Mjầu đã nhiều lần bắt được những con cá chiên nặng đến năm, sáu mươi kí. Nhưng ngay cả ở cái nơi đáng

sợ với mọi người này, con Mốc vẫn sẵn sàng nhảy xuống nước, rượt đuổi đám rái cá tinh ranh vốn coi sông nước là nhà.

Ở Mông Ân không có ai là không biết tiếng con Mốc của bác Luồng. Từ người Kinh ở ngoài phố chợ cho đến người Mông, người Sán Chỉ sống ở lưng chừng núi, người Lô Lô, người Tày tận các bản xa, từ già đến trẻ ai nấy đều đã nghe danh con Mốc ...

Một buổi chiều mùa đông, khi mặt trời yếu ớt ngả về tây, Pác Mjầu tan chợ. Các ngả đường mòn từng tốp người với đủ sắc màu áo quần, râm ran trở về nhà. Nhiều anh người Mông mặt đỏ gay gắt, vừa đi vừa thổi kèn, chân đi xiêu vẹo vấp ngã lung tung. Không biết dạ dày của họ đã đựng bao nhiêu rượu, chỉ tội cho những cô vợ trẻ, một bước chẳng dám rời chồng. Có chàng quá chén nằm trên tảng đá cạnh đường, vợ vẫn nhẫn nại giương ô che nắng, trông đến tội nghiệp nhưng cũng thật hạnh phúc. Bác Luồng đang ung dung ngồi câu cá gần bến nước, bỗng bác để ý đến một đôi vợ chồng luống tuổi người Mông. Họ đang cãi nhau. Ông chồng chưa xỉn[1] hẳn nhưng nghe chừng đã nạp đủ "nước lửa"[2], nên nói rất to. Bà vợ vừa đi vừa xe sợi lanh, vừa càu nhàu trách mắng chồng. Thì ra họ cãi nhau chỉ vì một con chó con. Họ gùi ngô, gánh gà và một con chó con ra chợ bán. Các thứ khác bán hết từ lâu, nhưng con chó thì không ai hỏi đến, cho dù chỉ một câu. Ông chồng bực mình muốn vứt bỏ con chó nhưng bà vợ không cho, bảo rằng đó là việc làm thất đức, trái với đạo lí của người Mông. Lời ra tiếng vào thế mà họ đã đi dọc sông gần chục cây số. Bà vợ hom hem gùi trên lưng nào muối, nào trăm thứ linh tinh mua ở chợ. Ông chồng chỉ xách cái lồng trong nhốt con chó còm nhom, bé nhỏ mà thấy nặng vô cùng. Ông ta bực tức :

– Mày yêu mày quý con chó thì mày đeo lấy.

– Tao không thừa sức, nhưng mày giỏi thì vứt con chó coi, giàng không phạt mày thì tao còn chưa tin.

---

(1) *Xỉn* : Say rượu.

(2) *Đã nạp đủ "nước lửa"* : Ý nói đã ăn uống no say.

Bà vợ đâu phải loại vừa. Thời con gái thì bà sợ chồng, chứ giờ bà chẳng có gì để mà sợ.

Ông chồng trợn trừng đôi mắt đỏ ngầu vì hơi men, quát lên :

– Mày đố tao hả, thì đố này !

Cái lồng gà dùng để nhốt con chó bay vèo xuống sông, chấp chới theo dòng nước. Bác Luồng không kịp bỏ quần áo, lao xuống dòng nước xiết vớt nó lên. Bác xách cái lồng, trong đó con chó đang giãy giụa kêu ăng ẳng về phía chủ của nó. Bác nói :

– Sao lại làm thế ? Này, đem về nhà đi !

– Không lấy đâu, không lấy ! Nhà ta còn xa lắm mà, tận Nà Kềnh. Không lấy ! Ông chồng xua tay, lắc đầu quầy quậy.

Bác Luồng đưa cho bà vợ. Bà ta cũng lắc đầu, nói tiếng Tày giọng lơ lớ :

– Mày lấy đi, thương nó thì lấy mà nuôi, thằng chồng tao vứt nó rồi.

Từ hôm đó con chó gầy gò, lông màu mốc như tro bếp về sống với bác Luồng. Nhờ sự chăm chút của chủ, chú Mốc còm hôm nào ngày càng mượt mà, lớn nhanh trông thấy.

Bác Luồng quê tận Thạch An, bác xung phong vào đây tham gia xoá nạn mù chữ. Hai chục năm gắn bó với mảnh đất này bác đã chứng kiến bao cảnh vui buồn. Vâng, một vùng đất trù phú với mấy chục ngàn người của mười dân tộc cùng chung sống, cuộc đời của họ quả là còn nhiều vất vả. Đất đai đấy, rừng núi đấy, một huyện mà mênh mông bằng cả tỉnh miền xuôi, nhưng bao đời nay cái đói nghèo vẫn đeo đuổi những người dân lam lũ ở đây. Đói rách, bệnh tật là bạn đồng hành của đồng bào. Nhiều đứa trẻ nghĩ đến việc học hành cứ xa vời vợi như giấc mơ. Bác Luồng đã từng gặp những hình ảnh dở khóc, dở cười. Vào những năm của thập kỉ chín mươi mà có cậu bé hơn chục tuổi đầu nhưng chưa bao giờ nhìn thấy ô tô. Chả là có lần bác đã tận mắt nhìn thấy một chú bé người Sán Chỉ hoảng hốt nhảy lên vệ đường, khóc nức nở, mặt cắt không còn giọt máu khi gặp ô tô đi đến đầu chợ Pác Mjầu. Đây là lần đầu cậu ta xuống núi. Tất cả chỉ tại nơi này quá xa xôi, hẻo lánh. Bác

Luồng cũng chẳng lạ gì cảnh lớp học thiếu từ viên phấn, một cây bút chì thay nhau viết, trong một túp lều lố nhố học sinh từ lớp một đến lớp bốn. Biết làm sao được, đành phải chấp nhận vậy thôi. Riêng bác thì đã cố gắng hết sức rồi, nhưng những cống hiến của bác phải chăng chỉ là làn gió thoảng nhẹ qua đại ngàn ? Cũng bởi thế, ở đây còn biết bao hủ tục lạc hậu. Có người bị đuổi vào hang sống biệt lập với xã hội vì nghi bị hủi, thực ra sau này cán bộ y tế xác nhận chỉ là bị ghẻ, việc chữa khỏi bệnh chẳng khó khăn gì. Cũng vì mù chữ mà tệ mê tín dị đoan gặp ở mọi nơi, mọi chỗ. Nhiều người lấy say rượu, nghiện ngập thuốc phiện làm vui...

Bác Luồng đi đây, đi đó theo sự phân công của ngành và theo tiếng gọi của trái tim mình. Có lần bác dạy học tận bản Vàng, cách xa huyện lị những tám mươi cây số, quãng đường rừng núi này đâu dễ vượt qua, nên nhận được lương, lấy được gạo ăn còn khó hơn việc phát nương, săn bắt thú dữ. Khi chân đã thấy mỏi, đầu đã hoa râm thì bác dựng một căn nhà đơn sơ ở Lạng Cá, kề sát mái nhà của mấy gia đình người Mông. Bác có thể trở về quê sống cùng vợ con, nhưng núi sông này đã níu bước chân bác ở lại, bác mong muốn nhiều trẻ em biết đọc, biết viết. Niềm vui của bác là dạy học cho những đứa trẻ vốn dĩ đã chịu nhiều thiệt thòi, xong việc bác thong dong câu cá ngoài bờ sông hoặc lênh đênh trên mảng quãng chài kéo lưới. Mà cá ở sông Gâm nhiều thật. Có thể bởi ở đây dân cư thưa thớt, cũng có thể dòng sông nhiều vực sâu, nhiều hang hốc, thức ăn dồi dào nên lắm tôm nhiều cá. Nói đến mỏ tôm Pác Mjầu thì nhiều người biết tiếng. Nước ở mỏ này ấm hơn nơi khác nên đã kéo tôm ngoài sông đến quần tụ sản sinh. Cá ở sông Gâm cũng nhiều chủng loại. Nhiều giống cá quý hiếm, thịt săn, thơm ngon sinh sống trên sông này như cá diềm xanh, cá anh vũ "Pja vài váo", một giống cá sứt môi, sống ở những luồng nước xiết. Còn những loại cá to thì sông Gâm chẳng hiếm, như cá chiên, cá sộp. Bác Luồng đã vài lần câu được những con cá sộp nặng hai chục kí, mồi câu cá là một quả chuối tây hay quả vả. Cá đã mắc câu, nhưng lấy được con cá to như vậy lên bờ không đơn giản chút nào, phải vật lộn, lừa từng miếng với nó đến ù cả tai, thế mà có khi còn mất. Sau một trận lũ bác Luồng có thể bắt được hàng tạ cá chứ không phải ít. Bắt được nhiều như vậy

thì làm sao ăn hết được, khi bác chỉ có một mình và con Mốc ? Bắt được nhiều tôm cá bác thường chia cho bà con hàng xóm. Nhiều hơn nữa thì đem ra chợ bán, gửi tiền về quê cho vợ con. Có khi bán cũng không hết, bác ướp mẻ chua để ăn dần. Ai đã từng nếm món cá chua ướp để dành hàng năm ở vùng này thì cả đời vẫn nhớ. Cá ở đây do phải bơi lội ở dòng nước xiết nên thịt rất săn chắc, ướp mẻ hàng năm trời mà thịt vẫn săn, màu hồng trông như cá hộp. Người ta vẫn nói "có cá làm vạ cho cơm", mà ở con sông này lại sẵn những cá ngon, ít nơi có, nên được thưởng thức bữa cá do bác Luồng thết đãi thì dù có đi đến tận đâu nếm đủ cao lương mĩ vị cũng khó mà quên được. Cá sông Gâm nấu với măng chua hay làm chả nướng thì tuyệt trần.

Con Mốc ngày càng tiến gần đến tuổi cường tráng. Nó vô cùng yêu quý bác Luồng, nó không muốn rời bác dù chỉ nửa bước chân. Cũng như cậu con trai mới lớn nó cũng lắm trò nghịch ngợm, nó tham ăn, hay gây ra những trận ẩu đả nhiều khi không cân sức chút nào với lũ chó cùng xóm hay cả gan đọ sức với cả đàn chó săn bản khác. Những lúc như thế bác Luồng không vừa lòng thường mắng nhiếc nó, đôi khi còn "thưởng" cho mấy roi. Thằng Mốc dường như thấu hiểu thân phận của mình, nó cụp đuôi, duỗi hai chân trước, chổng mông lên trời, rên ư ử, mắt nhìn chằm chằm thân chủ tỏ ra ăn năn hối lỗi. Nó đâu có muốn làm như vậy, nó đâu muốn làm cho chủ buồn, nhưng cái dòng máu hoang dã trong người nó cứ trỗi dậy, dù thời thơ ấu của nó có những ngày đau khổ nhưng nó vẫn là giống chó săn thượng hạng đã được chắt lọc hàng ngàn năm, chỉ có người Mông mới có được những giống chó như vậy. Ngày lại ngày trôi qua, con Mốc ngày càng khôn lớn, nó thích đi chơi hơn. Cho dù nó rất quyến luyến với chủ, nó vẫn thích ăn thêm những thức ăn do người khác cho.

Chàng Mốc không phải loại điển trai nhưng vóc dáng cao lớn, hoạt bát, khoẻ mạnh, tai hơi cụp xuống nhưng tinh nhanh đáo để, nhiều cô bạn không ưa bộ lông mốc thếch của nó, nhưng không cưỡng lại được cái tính khẳng khái, hào hiệp và dáng dấp hùng dũng của anh chàng Mốc. Bác Luồng không chỉ giỏi dạy chữ cho người, khoản dạy chó bác cũng được coi là người xuất chúng. Bác hiểu rõ những thói quen nòi giống của Mốc. Bác uốn nắn dạy dỗ nó rất kịp thời, đưa nó vào nền nếp

của một con chó săn mồi ở vùng rừng núi. Mốc bắt đầu được theo đàn chó của phường săn tung hoành các ngả, xua đuổi những đàn lợn rừng đến phá nương, bới sắn. So với những con chó bạn khác thiếu ăn, thiếu dạy dỗ, con Mốc hơn hẳn, nên nó dễ dàng trở nên kẻ đầu đàn trong những cuộc rượt đuổi. Ưu thế nữa của Mốc là nó có thể hiểu rõ hiệu lệnh của phường săn bằng tiếng Tày, tiếng Mông và tiếng Dao. Kết thúc một cuộc săn bao giờ người ta cũng dành cho nó phần thưởng xứng đáng. Bác Luồng hài lòng lắm. Bác chỉ cầm một viên sỏi ném về phía con gà cần bắt để thịt, chưa đầy một phút Mốc đã đem giao nộp tận tay. Bác có việc đi vắng dăm ba ngày, dặn Mốc trông nhà, thức ăn là cá ướp mẻ để sẵn ở chum, thì cứ yên tâm mà đi. Chẳng có kẻ gian nào dám bén mảng đến gần. Những con khỉ bạo gan nhất cũng không đủ can đảm mò vào nhà lục lọi đồ đạc, tìm đồ ăn thức uống. Có lần gã cáo xảo quyệt lợi dụng đêm khuya tối trời mò đến chuồng gà, nhưng không thể chạy thoát dù đã giở hết các thế võ của họ nhà cáo. Anh Mốc bây giờ đã là một võ sĩ có hạng, nổi tiếng khắp vùng.

Bác Luồng chỉ lo cho con Mốc vì thói say mồi của nó. Những loại mãnh thú dữ tợn như hổ báo thì thời nay hiếm gặp. Mà nếu phải đối đầu với những loại này con Mốc cũng thừa khôn ngoan và không dại gì tách xa con người – Trong tay ai nấy đều lăm lăm súng. Nhưng với bọn lợn rừng, ngay cả lợn lòi, thì con Mốc hay coi thường. Nó thường lùa lũ lợn từng những vạt nương lúa ở lưng chừng núi xuống những cái khe có vũng lầy, tìm cách ngoạm vào chân sau của lợn. Vì mải mê, thiếu cảnh giác nhiều bận nó bị lợn lòi tấn công, trên mình mang đầy thương tích. Bác Luồng lại hay giao cho nó công việc trông nom nương rẫy, nên nhiều trận kịch chiến đã xảy ra. Nhưng bác thường không muốn cho con Mốc dẫn đàn chó săn rượt đuổi những con thú hiền lành, vô tội.

Nếu chỉ ngần ấy tài cán và công trạng thì nhiều con chó khác cũng có thể làm được, có khi còn nổi trội hơn. Nhưng thành tích của con Mốc đâu chỉ có vậy.

Một buổi chiều khi những tia nắng cuối cùng trong ngày cũng tìm cách ẩn nấp sau những ngọn núi đá, con Mốc đang mải mê công việc đuổi lũ khỉ ra khỏi bãi ngô nhà nó. Sáng sớm khi mặt trời vừa mọc nó

đã đuổi lũ khỉ một trận nhưng buổi chiều chúng lại kéo đến. Những hạt ngô non ngậm sữa làm lũ khỉ thèm thuồng. Những tiếng sủa "ốp, ốp, ốp..." dõng dạc, đầy uy lực không làm cho lũ khỉ sợ hãi, chúng vẫn sà xuống bãi ngô bẻ bắp, vừa nhai vừa vội vàng nhét những hạt ngô vào hai cái túi tham lam bên má ! Đã thế mấy con khỉ đực còn chổng mông, kêu "khẹc khẹc" cười nhăn nhở trêu ghẹo. Mốc tức tưởng muốn điên lên nhưng khi lao vào gần thì cả đàn cháu bao đời của Ngộ Không đã nhảy tót lên những ngọn cây. Chỉ cần con khỉ đầu đàn ngồi trên một mỏm đá cất tiếng báo hiệu là lũ khỉ cả già lẫn trẻ đã an toàn tránh được những cú táp chết người của con Mốc.

Con Mốc hậm hực trước lũ khỉ. Chà, giá mà nó leo trèo cây được như con gấu nhỉ, hoặc giả như nó biết săn bắn bằng súng như con người thì lũ khỉ kia sẽ biết tay nó. Cuối cùng nó biết rằng tất cả tội lỗi là bởi cái con khỉ đột già cỗi chết tiệt ngồi trên mỏm đá bày ra. Con Mốc tính toán, rồi nó vụt chạy về phía sông, vừa đi vừa sủa "ốp, ốp, ốp" giả đò như đang mải đuổi theo con thú nào khác, rời xa đàn khỉ. Thế rồi nó lặng lẽ đi vòng trở lại, nó tiến dần về phía mỏm đá từ phía đằng sau. Con khỉ già mắt vẫn đăm đăm nhìn về phía cái lán tranh ở đầu nương, khoái chí nhìn đám quân cơ của mình vặt ngô của người. Con Mốc bò nhích dần đến sau lưng mà nó không hay biết gì, vẫn giơ cái tay cáu bẩn ra sau lưng gãi đám lông sồn sột. Bập ! Hai hàm khoẻ đầy răng của con Mốc cắn vào bàn tay lông lá của lão khỉ, khiến nó kêu thất thanh, thả mình rơi xuống đất như quả bưởi rụng. Con Mốc định nhảy xuống theo, nhưng nhìn xuống hun hút, hoa cả mắt, thấy sợ lại thôi. Dưới đó, lão khỉ lồm cồm bò dậy leo vội lên cây, cả đàn con cháu của Tề Thiên Đại Thánh chạy táo tác. "Ốp, ốp, ốp" con Mốc chạy vòng xuống bãi ngô, nó đuổi theo bầy khỉ, nó quá tức giận, vì lo rằng chuyến này bác Luồng lại trách mắng nó. Nó lao vào rừng đuổi theo lũ phá hoại. Nhưng gớm, giờ đã bị thương song con đầu đàn vẫn chạy nhanh thế. Mốc cứ lao qua những tảng đá, những bụi gai, đi mãi vào tít rừng sâu. Khi bóng chiều chập choạng thì đàn khỉ rời xa khoảng cách với con Mốc. Đã thấm mệt, bụng lại đói meo, con Mốc tìm đường về nhà. Đang luồn lách qua những mỏm đá, con Mốc bỗng ngẩng cao đầu, đôi tai cụp khẽ động đậy. Có tiếng gì là lạ, như tiếng người rên tận nơi nào xa lắm. Con Mốc cúi

xuống đánh hơi, nó tiến dần đến một bụi cây thận trọng nghe ngóng, hít hít không khí ; nó lần vào bụi, giật mình lùi lại. Một miệng hang ! Tí nữa thì nó lộn cổ xuống. Con Mốc kêu ư ử, rồi nó sủa váng lên, vòng đi vòng lại quanh bụi cây. Sau, nó cắm đầu cắm cổ vừa chạy vừa kêu "ốp, ốp, ốp"... như đang đuổi con mồi. Chạng vạng tối nó về đến nhà. Mốc lăng xăng chạy quanh chân bác Luồng, chân run lẩy bẩy, đuôi quấn quýt vẫy liên hồi, nhưng đôi mắt tỏ ra lo lắng, rồi giơ mõm lên trời sủa. Bác Luồng vuốt vào gáy nó hỏi :

– Có việc gì thế Mốc, chắc lại cắn bị thương con thú nào chứ gì ?

Nó vẫn sủa.

Bác Luồng lại nói với nó :

– Trời sắp tối rồi, có gì thì mai hẵng hay.

Nhưng nó không chịu, càng tỏ ra cuống quýt. Bác Luồng lại hỏi :

– Có việc gì mà cuống lên thế hả Mốc ?

Nó nhảy tót lên giường bác Luồng, ngoạm lấy cái đèn pin để cạnh cái chăn sui, chạy về phía chủ. Bác Luồng cầm lấy, cảm thấy điều gì chẳng lành. Con Mốc lại chạy về phía khẩu súng kíp treo trên vách nứa, sủa váng lên. Bác Luồng vội chộp lấy khẩu súng, với tay lấy cái túi da nai, lấy thuốc nạp vào súng, đeo túi, đeo dao và sang nhà anh Thào A Sênh, rủ thêm mấy thanh niên cùng xóm theo con Mốc đi vào rừng. Con Mốc băng băng chạy dẫn đường, chưa bao giờ bác Luồng thấy nó sốt sắng đến vậy. Đến nơi, con Mốc sủa vang, nó vòng đi vòng lại quanh bụi cây. Bác Luồng cẩn thận chiếu đèn pin, A Sênh lăm lăm mũi súng nhằm phía bụi rậm. Chẳng thấy động tĩnh gì. Bác Luồng vạch đám cỏ cây thì phát hiện miệng một cái *rù rằng* (hang đá thẳng đứng).

Bác quay sang mọi người nói :

– Có thể dưới hang có cái gì đó, vàng bạc chôn cất chẳng hạn, bây giờ tối, nguy hiểm lắm. Về nhà thôi, mai tính sau.

Mọi người quay về, con Mốc vẫn sủa vang, cuống quýt, vẻ cầu khẩn. Bác Luồng không đoán được nó muốn gì, bác quát con Mốc :

– Biết rồi ! Về đi, gớm, mai hẵng hay !

Con Mốc buồn bã giương cặp mắt nhìn chủ, lầm lũi đi sau mọi người về bản. Đến gần con suối thì gặp một đám người đang đốt lửa ngồi sưởi. Thì ra là dân Bản Nà. Hỏi han họ thì được biết là ở Bản Nà có chị Phìn đi vào rừng tìm cây thuốc về chữa bệnh cho con từ sáng hôm qua đến giờ chưa thấy về, mọi người toả đi tìm nhưng không thấy. Một số người nghi chị bị thú dữ bắt, nhưng chẳng thấy dấu vết đâu, mà nếu có thú dữ thì nó thường bắt lợn, trâu bò chứ mấy khi dám tấn công người. Con Mốc lại sủa ầm lên, nó lại rối rít, rên ư ử. Bác Luồng phẩy tay :

– Trời, có thể đúng rồi, quay lại mau !

Mấy người Bản Nà ngạc nhiên hỏi :

– Cái gì, đúng cái gì, quay đi đâu ?

– Cái *rù rằng*, con Mốc dẫn chúng tôi đến cái *rù rằng* ở Đông Nưa, nó sủa, đấy nó lại sủa đấy, đúng rồi, cô Phìn chắc là rơi xuống *rù rằng*.

Rồi bác phân công A Sênh và mấy thanh niên Lạng Cá, Bản Nà cùng con Mốc đi vào Đông Nưa tìm nhiều củi khô để sẵn. Bác Luồng cùng mấy người nữa về Bản Nà lấy thêm đèn pin, đuốc nhựa trám, lấy vải chàm, đem theo cái nôi trẻ con, thông báo với bà con dân bản, gọi những người khoẻ mạnh đi giúp sức. Khi bác Luồng đến nơi thì đống lửa to đã được đốt lên. Con Mốc ngồi gần đấy thảnh thơi, há mõm thở ra những làn hơi như khói thuốc, cái lưỡi to, mỏng, màu hồng thè ra ngoài, nhỏ những giọt nước miếng[1]. Chắc là nó đói. Một số người thính tai khẳng định trong lúc phát cây ở miệng hang có nghe thấy tiếng rên. Bác Luồng cho đốt đuốc nhựa trám, rồi lấy những súc vải chàm ra, nối với nhau. Sau đó bác nói :

– Nào bây giờ cần một người xuống hang, ai xung phong ?

Đám người lặng như tờ, nghe cả tiếng lửa reo lật phật. Một thanh niên Bản Nà còn thắp hương nghi ngút, lẩm bẩm khấn vái, cắm dưới gốc cây.

– Ai xuống đầu tiên nào ? Không ai xuống à ?

---

(1) *Nước miếng* : Nước bọt.

Con Mốc nhổm dậy, nó cọ bộ lông mượt vào chân bác Luồng, không biết có phải nó muốn xung phong xuống hang không ? Con Mốc thừa biết dưới đấy có cái gì. Bác Luồng lại nói :

– Không ai xuống thì tôi xuống, bao nhiêu trai tráng mà cũng sợ.

– Tao không sợ, để tao xuống.

Mọi người đổ dồn nhìn người vừa nói, ra là A Sênh.

– Tao sẽ xuống *rù rằng* nhưng cho tao đem theo súng và đem theo con chó của bác Luồng.

Mọi người cười ồ lên. Bác Luồng cũng phải mỉm cười :

– Súng thì đem được, nhưng con Mốc làm thế nào đem theo, mày còn phải một tay cầm đuốc nữa đấy.

– Được mà, tao đeo *lù cở* [1] sau lưng, cho con chó vào đó. A Sênh nói.

Tấm vải chàm khổ rộng gần thước được buộc ngang người A Sênh, thận trọng hơn, bác Luồng còn cho ròng xuống hang thêm một sợi dây "thau đeng" đã được vặn nát, đề phòng dây vải bị đứt. Bác Luồng dặn dò A Sênh và mọi người ở trên những việc phải làm. Thào A Sênh đem thêm con dao nhọn được đựng trong cái bao bằng gỗ chạm trổ cầu kì, đeo cái lù cở sau lưng, cổ khoác đèn pin và khẩu súng kíp, tay cầm đuốc. A Sênh ngồi xuống nói nhỏ cái gì đó bằng tiếng Mông, con Mốc nhảy tọt vào lù cở. Đoạn A Sênh quay sang bác Luồng :

– Mày bảo chúng nó đừng thả dây cho tao chết đấy. Lúc tao hét to, giật dây thì kéo lên ngay đấy.

Nói rồi đi đến miệng *rù rằng* tụt xuống. Mọi người hò nhau thả từng ít một tấm vải, rồi nối thêm từng tấm một. A Sênh một tay túm tấm vải đã xoắn lại to bằng cổ tay, chân đạp vách hang tụt dần xuống. Cách mặt đất khoảng ba, bốn sải tay thì chân chạm vào lá mục và đá ở sàn hang. Không thấy người đâu. Ngoái cổ nhìn thì ra đấy chỉ là một tầng, tụt

---

(1) *Lù cở* : Một loại giỏ lớn, đeo sau lưng.

xuống tiếp hang rộng hơn, xuống thêm khoảng mười sải tay, chân A Sênh chạm phải cát mịn màng. Kia rồi, chị Phìn nằm trên cát bất động, thở thoi thóp, máu chảy ra từ mũi và tai, may quá, hang thông xuống một dòng suối ngầm cạn nước, nên chị Phìn vẫn sống. A Sênh ngồi xuống, con Mốc nhảy ra khỏi lù cở, nó sủa vang "gâu, gâu, gâu". A Sênh cởi dây vải, bước lại lay chị Phìn, chị chỉ rên khẽ. Con Mốc mừng rối rít, nó liếm mặt chị Phìn, nó ngửi khắp người chị, nó vẫy đuôi, liếm vào chân A Sênh, nó lại sủa vang. A Sênh ngửa cổ hét lên :

– Thấy rồi, nó còn sôống !

Rồi anh giật dây vải ba lần. Tấm vải được kéo lên. Họ thả xuống một cái nôi. A Sênh buộc dây vải vào nôi kĩ càng, bế chị Phìn đặt vào đấy, rồi hét tướng lên :

– Keéo đii, xoong rôồi !

Chị Phìn được kéo lên. Mọi người lại thả nôi xuống, A Sênh cởi bỏ nôi ra, buộc vào đầu sợi "thau đeng", quẳng khẩu súng kíp, con dao và cả cái đèn pin vào đấy. Sau đó đeo lù cở ngồi xuống, bảo con Mốc nhảy vào, buộc dây ngang người, ra hiệu kéo lên mặt đất.

Bác Luồng hỏi :

– Súng đâu, dao đâu ?

– Tao vứt rồi, cả cái đèn pin của mày nữa. A Sênh đáp.

– Xuống lấy đi, cả cái nôi nữa, mày xuống lấy đi, tôi không có tiền mua súng đâu, mà không có nôi thì không khênh chị Phìn về được. Bác Luồng nói.

– Cho thằng khác xuống lấy, tao sợ lắm à. A Sênh nhấm nhẳng nói.

Bác Luồng quay sang nhờ một số người xuống hang lấy các thứ, nhưng chẳng ai dám nhận lời. A Sênh vứt súng thật rồi, người Mông không thích nói dối. Bác càu nhàu : "Không ai xuống thì tôi xuống vậy".

A Sênh vội ngăn :

– Ối, ối không xuống đâu, mày cái tuổi nhiều rồi à. Để tao lấy cho.

Anh ta kéo sợi dây "thau đeng" dưới hang lên. Bác Luồng vừa tức vừa không nhịn được cười. Khỉ gió, cái thằng hôm nay lại biết đùa kia đấy, bác nghĩ bụng.

Chị Phìn được khênh về bản, con Mốc lại xăng xái chạy dẫn đường. Bụng lép kẹp nhưng nó rất vui.

Nửa tháng sau chị Phìn đã khoẻ mạnh. Mật gấu, thuốc nam, tình cảm của bà con các dân tộc giúp chị thoát được lưỡi hái tử thần. Chị không quên bất kì người nào, chị đến tận nhà cám ơn theo tục lệ. Riêng với con Mốc thì chị chẳng biết bày tỏ những gì với nó. Rượu thì Mốc không biết uống, thịt cá Mốc chẳng thiếu gì, tiền thì Mốc càng xa lạ. Cuối cùng chị nghĩ, tốt nhất là đem đến một con chó cái tơ để làm bạn với Mốc, chị tin là món quà sẽ làm Mốc vừa lòng.

Lời bình

Con Mốc đã can dự vào toàn bộ đời sống của bác Luồng và dân bản Pác Mjầu, kể từ khi nó bị người đàn ông người Mông ném xuống nước và được bác Luồng cứu thoát. Cũng từ đó, một nhân vật đặc biệt xuất hiện, chính nó sẽ gắn kết mọi chi tiết và dẫn dắt câu chuyện phát triển. Sự gắn bó giữa một con chó với người đàn ông tóc đã hoa râm trong khung cảnh hoang vắng của rừng núi, gợi một chút không khí phiêu lưu và bí ẩn ta thường gặp trong những chuyện kể đường rừng... Viết về đời sống miền núi cho trẻ em đọc mà chọn nhân vật và hoàn cảnh như thế, kể ra cũng đắc địa !

Con Mốc được giới thiệu "cái dòng máu hoang dã trong người nó cứ trỗi dậy, dù thời thơ ấu của nó có những ngày đau khổ nhưng nó vẫn là giống chó săn thượng hạng đã được chắt lọc hàng ngàn năm, chỉ có người Mông mới có được những giống chó như vậy" ; còn bác Luồng thì "không chỉ giỏi dạy chữ cho người, khoản dạy chó bác cũng được coi là người xuất chúng" - với một kích cỡ như vậy, sự gặp gỡ giữa con Mốc và bác Luồng sẽ là một lẽ tự nhiên, hai nhân vật sẽ thiết

lập được một tình cảm bạn bè, có sự tin cậy và hiểu biết lẫn nhau. Sự cảm hoá của con người cho Mốc một trí khôn ngoan và một bản tính dường như là có trách nhiệm trong sinh hoạt cộng đồng ở bản Pác Mjầu. Cuộc sống khắc nghiệt nơi núi non hiểm trở thì cho Mốc một ý chí gan góc, đến mức nó có thể "bất chấp tất cả" ở những lúc những nơi mà ngay cả con người cũng "có cảm giác rờn rợn nơi tóc gáy". Với những đặc tính này, Mốc nghiễm nhiên được người dân Pác Mjầu coi như một thành viên trong bản. Nó có mặt trong mọi sinh hoạt, từ coi nhà, trông nương đến tham gia săn bắt thú rừng... Mốc đã từng bước từng bước hoà nhập với đời sống con người và ngược lại, con người cũng dần dần ghi nhận vai trò của anh chàng "võ sĩ có hạng, nổi tiếng khắp vùng". Xây dựng được mối quan hệ này, Đoàn Lư đã không đẩy nội dung thiên truyện về phía hiếu kì, những trang viết của anh bỗng quây quần ấm áp một tình người nhưng vẫn lôi cuốn bởi những chi tiết giản dị mà thú vị.

Đoạn miêu tả chiến công cứu người của Mốc đã khắc hoạ rất rõ hình ảnh nhân vật đặc biệt này. Mốc đã báo nguy bằng cách nào ? "Nó nhảy tót lên giường bác Luồng, ngoạm lấy cái đèn pin để cạnh cái chăn sui, chạy về phía chủ. Bác Luồng cầm lấy, cảm thấy điều gì chẳng lành. Con Mốc lại chạy về phía khẩu súng kíp treo trên vách nứa, sủa váng lên...". Chỉ bằng một vài chi tiết như thế, người ta đã thấy tư thế chủ động của Mốc, đã thấy nó có thể trở thành chỗ dựa trong hoàn cảnh nguy nan. Có lẽ vì thế mà khi xung phong xuống hang đá hiểm trở cứu người, A Sênh đã đưa ra hai điều kiện trước dân bản : "Tao sẽ xuống rù rằng *nhưng cho tao đem theo súng và đem theo con chó của bác Luồng !". Vậy là giữa giây phút căng thẳng nhất của một sự việc nghiêm trọng nhất, Mốc đã giữ một vai trò gần như là quyết định. A Sênh là người dũng cảm nhất bản, nhưng anh ta vẫn cần đến sự có mặt của Mốc. Đây là một chi tiết rất có ý nghĩa, một mặt nó phù hợp với lôgíc của mạch kể, một mặt nó đề cao quan hệ tình nghĩa giữa con Mốc và dân bản. Tất cả đều không nằm ngoài cảm hứng nhân đạo của tác giả.*

Những trang viết của Đoàn Lư trong truyện ngắn này còn làm người đọc thú vị ở những chi tiết miêu tả cảnh vật và đời sống miền núi.

Những chi tiết ấy không nhiều nhưng đủ gây ấn tượng nơi tâm trí người đọc, nhất là người đọc miền xuôi. Một chú bé người dân tộc lần đầu nhìn thấy ô tô "hoảng hốt nhảy lên vệ đường, khóc nức nở, mặt cắt không còn giọt máu" ; một cái lớp học mà ở đó "một cây bút chì thay nhau viết, trong một túp lều lố nhố học sinh từ lớp một đến lớp bốn" ; rồi cảnh câu cá trên sông Gâm "mồi câu cá là một quả chuối tây hay quả vả. Cá đã mắc câu, nhưng lấy được con cá to như vậy lên bờ không đơn giản chút nào, phải vật lộn, lừa từng miếng với nó đến ù cả tai..." - Những chi tiết giản dị mà sinh động như thế cứ xen kẽ bên nhau, góp phần tạo cho truyện của Đoàn Lư một "chất miền núi" khá đậm đặc. Đoàn Lư không thi vị hoá, không huyền bí hoá và cũng không bi kịch hoá đời sống miền núi, "đọc anh" thấy một niềm day dứt chân thành, "Đất đai đấy, rừng núi đấy, một huyện mà mênh mông bằng cả tỉnh miền xuôi, nhưng bao đời nay cái đói nghèo vẫn đeo đuổi những người dân lam lũ ở đây".

Con Mốc của bác Luồng *là truyện ngắn biểu hiện rõ những ưu điểm của văn phong Đoàn Lư. Anh viết văn mà như không làm văn chương, các chi tiết đời sống được tái hiện bằng một giọng kể hồn nhiên, giản dị. Phảng phất đây đó là một chút hóm hỉnh theo lối dân gian, ví như đoạn kết của thiên truyện này : "Rượu thì Mốc không biết uống, thịt cá Mốc chẳng thiếu gì, tiền thì Mốc càng xa lạ. Cuối cùng chị nghĩ, tốt nhất là đem đến một con chó cái tơ để làm bạn với Mốc, chị tin là món quà sẽ làm Mốc vừa lòng.".*

Trần Hoà Bình

Niê Thanh Mai

(Dân tộc Ê–đê)

Tên khai sinh : Niê Thanh Mai. Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1980.

Quê quán : Ma D'rak, Đăk Lăk.

Tác phẩm xuất bản : *Suối của rừng* (tập truyện ngắn, 2005) ; *Về bên kia núi* (tập truyện, 2007).

Giải thưởng văn học :

Giải nhì Tạp chí Văn nghệ Quân đội, 2006 (truyện ngắn *Giữa cơn mưa trắng xoá*) ; Tặng thưởng cho tác giả trẻ của Uỷ ban toàn quốc các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 2005 (tập thơ *Suối của rừng*).

GIỮA CƠN MƯA TRẮNG XÓA

1.

Con đường đất dài hun hút, đất đỏ quạch và mù mịt bụi. H'Linh bước từng bước vất vả. Giày cao, đường mấp mô và lởm chởm đá sỏi, ổ trâu ổ voi còn sềnh sệch bùn. Đi mãi mà chẳng đến nơi mà chân đau ê ẩm. H'Linh tháo giày xách trên tay, chân rát buốt nhưng bước đã thoăn thoắt hơn. Quen và lạ. Gần gũi và xa xăm thế nào ấy. Nhìn về phía trước con đường mỏng và nhỏ như sợi chỉ nâu vắt ngang giữa thung lũng hẹp. Thung lũng cỏ lau trắng ngợp mắt.

Chợt bàn chân H'Linh dẫm lên thứ gì nóng, ướt và nhão. Phân bò. Cô kinh hãi nhảy sang bên đường, chùi chân lên vệ cỏ, chùi mạnh đến nỗi những

móng chân sơn màu đỏ chuyển sang màu xanh rớt. Cái mùi hăng hăng xộc lên mũi, H'Linh hắt xì mấy cái liên tục. Bao nhiêu năm rời khỏi làng, cứ hễ nhìn thấy bò là cô sợ. Những con bò cổ ngắn, lông vàng. Lừ đừ đi. Chậm rãi nhai cỏ xanh. Mắt bò hình như lúc nào cũng nhìn chòng chọc khi H'Linh đi ngang. H'Linh lợm giọng. Ngửi mùi mồ hôi bò, mùi phân bò không quen nữa rồi.

Thung lũng lúc trời sậm tối. Vo vo vô vàn tiếng muỗi kêu và đập cánh. Trăm ngàn con bù mắt ném mình vào mặt mũi. Rát buốt. Có con xông thẳng vào cổ họng. Buôn làng ơi ! Bao nhiêu nhớ thương là thế này đây. H'Linh rẽ khỏi đường, tìm lối về làng. Cô cắm mặt đi tắt qua đồng cỏ tranh rậm rì.

2.

Suối Đroăl chắn ngang trước mặt. Khối đá hình cái ché ngay tầm mắt H'Linh. Người làng gọi khối đá này là Ceh ÊKei. Ceh ÊKei nghĩa là ché đực.Vẫn cũ như núi rừng, chẳng đổi thay, Ceh ÊKei đứng trơ trơ nguyên vẹn hình dáng, nước chảy mãi thế mà chẳng mòn, cũng chẳng sợ nắng mưa. Ceh ÊKei đá này mà đặt ở vườn nhà mà H'Linh đang ở dưới phố thì hồng hoang, nguyên thủy lắm đây !?

Người Ê–đê của H'Linh dùng ché để trong nhà ủ rượu từ gạo nếp và men làm từ lá rừng. Nhà nào cũng có ché, nhà nghèo thì mới đầu có một. Nhưng thấy ché cũng như người. Đến tuổi cũng cần có bạn có đôi. Nên cũng phải tìm bạn đời cho ché. Nhà khá hơn, giàu hơn có khi có trong nhà tới mười tám cái ché. Ché Tuk đổi được mấy trâu mấy bò, ché Tuk tám tai đổi được cả voi đực voi cái. Ché gắn bó với người nhiều đời nên ché có hồn, thành ché linh. Vậy mà, Ché phải đứng phơi mưa nắng dãi dầu thế kia !

Nước róc rách. Trong suốt. Nhìn thấy được những viên cuội trắng đủ hình thù. H'Linh vụm tay vốc nước lên mặt. Mát lạnh. Bao nhiêu mệt nhọc đi đường tan biến hết... Rì rầm... rì rầm...

– Ceh Mniê đã về rồi.

– Ché cái đã về rồi.

– Vui quá lũ làng ơi !

Ai như tiếng Ceh ÊKei thì thầm reo. H'Linh nhớ lại... và ngao ngán, buồn... Tiếng gió u u trong miệng đá.

Người già kể rằng, từng có một trận lũ lớn làm cho buôn làng người họ Kdăm bên kia thung lũng tan hoang. Lũ tràn từ trên núi, tràn qua buôn và cuốn đi mọi thứ. Kéo sập cột nhà của người nghèo. Người già lóp ngóp giữa nước, con nít khóc thét. Người làng thòng cây xuống vớt người lên, nhưng còn những thứ có trong nhà ấy bị nước cuốn phăng đi mất. Cặp ché men sành cũng bị cuốn trôi ra suối.

Nước cuộn ầm ào như thế, lao vùn vụt qua mọi nơi như thế, nhưng lạ thay cặp ché cứ lềnh bềnh trôi bên nhau. Cây tươi, củi mục, cành xanh úa rũ cũng không chia lìa được. Càng trôi đi càng gặp thác, gặp ghềnh. Ché đực lặn ngụp trong làn nước xiết, hốt hoảng trông chừng ché cái. Nước chảy xiết quá. Nhìn mãi, nhìn mãi mà không còn thấy Ché cái nữa. Ché đực đau đớn cất tiếng gọi tìm ai oán. Tiếng âu sầu u u phát ra từ miệng ché lan trên mặt nước, lặn xuống lòng sông. Nghe não lòng.

Rồi nước cũng rút. Ché đực bị mắc lại ở mép suối Đroăl. Rừng vắng, cây cối ngả nghiêng hoang tàn và thảm thương như qua cơn đại hồng thủy. Nhưng cũng là lúc Ché đực nghe văng vẳng đâu đó giọng hát rất quen. Giọng Ché cái. Ché cái đã trôi lạc vào nhà tù trưởng giàu có nào đó cách suối Đroăl không xa. Ché cái đã không nghe tiếng gọi của Ché đực hoặc cố tình không muốn nghe nữa. Ché đực đau đớn. Tiếng hát trong của kẻ đang rì rầm tâm tình với một ché đực men sứ nào đó trong nhà tù trưởng. Ôi chao, Ché cái đã gửi linh hồn vào cõi giàu sang rồi...

Đứng chờ, gọi một ngày. Chờ gọi năm đêm. Đứng chờ, gọi cả tháng... Một hôm nào đó, Ché đực men sành không khóc được nữa. Ceh ÊKei đã hoá thành đá trong nỗi tức tưởi. Những đêm mưa trắng xoá, những đêm trăng ngàn dát vàng rười rượi, những ngày động trời mưa bão, người làng Yanghao vẫn nghe thấy tiếng Ché đực đá u u khản cổ gọi bạn tình...

Bao nhiêu đêm *khan*. Chập chờn. Hư ảo. Câu chuyện tình Ché đực và Ché cái men sành, H'Linh đã nghe, nay hiện lên trước mắt.

Vụm tay, vốc bao nhiêu nước vã vào mặt, H'Linh cũng không thấy hết bức bối trong lòng. Nước suối trong chẳng tưới mát được câu chuyện tình, sự phản trắc lại thuộc về phái đẹp.

3.

Bất chợt có cái bóng loang loáng trên mặt nước. Như là bóng chim bay qua lướt qua. Như là hình khối đá Ceh ÊKei đổ bóng. H'Linh run run. H'Linh thảng thốt ngước nhìn lên. Yàng ơi ! Hoá ra là anh rể. Như ở trên trời rơi xuống, anh rể đột ngột hiện ra bên Ché đực. Anh rể đang cầm chĩa đâm cá dưới suối...

H'Linh sững sờ. Anh rể cũng sững sờ. Mắt anh rể có lửa sóng sánh. H'Linh ngượng ngùng ngước mặt lên. Cái áo pun khoét rộng cổ hở một vầng ngực trần trắng lấp loáng. Ánh nắng cuối ngày cháy lên bỏng rẫy. H'Linh vội vàng kéo cổ áo che vầng ngực vun đầy có nhiều vết tím sẫm.

Anh rể lỏng bàn tay, cái chĩa đâm cá rơi xuống tảng đá dưới chân. Cái chĩa kêu cạch... cạch, nhảy tung tăng trên những mỏm đá lô nhô dưới lòng suối.

Anh rể thân thuộc. Gần gũi. Ngực nở vồng. Bắp tay nổi dây thừng. Bắp đùi cuộn dây chão. Da anh rể mịn màu đồng hun. Khố nâu nhô cao, căng phồng lên. Khoẻ khoắn. Vâm váp. Gió ngàn thoảng mùi mồ hôi mằn mặn lẫn mùi cỏ dại.

H'Linh xa vời. Lạ hoắc. Áo pun vàng in đậm dòng chữ *For get me not* màu đỏ. Quần jin xẻ te tua như rễ si rừng. Guốc cao gót sơn mài bóng. Tóc xoăn xoăn ngọn tơ hồng đã ép suôn dài xoã vai, nhuộm vàng hoe màu hoa cúc quỳ. Mùi nước hoa ngàn ngạt át cả hương hoa dại núi rừng.

Mừng quá ! Lại thẹn thùng. Những câu chào, trả lời không ra đầu ra cuối, chẳng ăn nhập vào nhau. Nhưng H'Linh cũng biết hầu như hôm nào anh rể cũng ra suối đâm cá.

4.

H'Linh và anh rể về đến nhà.

H'Linh đứng sững dưới cầu thang. Cha đang ngồi xổm trên hiên nhà hút thuốc. Trông thấy H'Linh thì run run đứng dậy, như nửa muốn bước tới nửa muốn quay vào nhà. H'Linh đánh rơi ba lô đầy bụi đỏ xuống đất khi nhìn thấy

cha. Năm tháng khó nhọc mài mòn thịt mòn da cha rồi. Thời gian đã lấy màu tóc xanh đen, lấy gân săn, lấy bắp thịt căng da của cha mang đi rồi. Cha như cây cỗi đang rụng dần hết lá.

Cha khóc. Nước mắt người già đùng đục. Nước mắt rịn ra từ khóe và lăn thật chậm xuống gò má đen sạm xếp đều nếp nhăn. Thì con gái cha đã về nhà rồi mà. H'Linh chớp chớp mi và nước mắt cũng trào ra.

Anh rể leo lên cầu thang trước. Anh rể kéo bổng H'Linh từ bậc thang trên chót lên hiên nhà. Bàn tay anh rể to dày, thô ráp, nóng ấm. Bàn tay H'Linh nhỏ nhắn, mềm mát. H'Linh thoáng nhìn thấy đôi mắt anh rể rưng rưng, ngấn nước...

Người làng cũng nhận ra H'Linh. Khó khăn. Và mất công mới nhận ra đứa con gái làng. Có lẽ người ta nhận ra H'Linh vì đôi mắt. Đôi mắt vừa được H'Linh tháo bỏ đôi mi giả dài, dày, cong ra. Đôi mắt bồ câu to tròn quen thuộc làm mê mụ bao trai làng ngày nào mới hiện lên. Nhưng thôi rồi Yàng ơi ! Đôi mắt trong veo, lông mi rậm xanh đen đâu rồi ? Đôi mắt H'Linh giờ sáng quắc và đảo quanh. Lũ trẻ con nép sau cha mẹ. Chúng nhìn H'Linh bằng sự tò mò xa lạ.

Người làng bảo nhau, như tiếng chiêng lan từ nhà này đến nhà kia. Người làng kéo đến phần thì thăm phần thì xem, ngồi đông quá, vai chật vai. Nhà sàn ấm và ồn ào. H'Linh ngồi giữa đám đông. Lũ trẻ con xúm xít ngoài hiên chia nhau kẹo bọc giấy bạc và sô cô la. Chúng tranh nhau. Tiếng trẻ con khóc nhanh nhách. Tiếng em bé sẽ sàng. H'Linh thấy ngại ngùng quá. Không biết người lớn có chê kẹo và sô cô la của H'Linh không ?

Mấy cô gái tóc xoăn ngồi trong góc nhà sàn bấm nhau cười khúc khích. Vài chàng trai mới lớn chân tay đang thành bắp ; ngực chưa đủ vồng đứng vón vào nhau. H'Linh lia mắt và bắt gặp vài cái nhìn vội, bối rối. Chỉ còn vài cô gái mặc yên dệt bằng thổ cẩm. Còn lại đã mặc quần theo lối người Kinh. Ngắn hoặc lửng trên mắt cá. Quần chắp vá nhiều miếng vải khác màu, cũ, mới. Lòng H'Linh chợt buồn se sắt. Lại chống chếnh vì vắng vắng ai đó.

"Mày về vì nhớ nhà hay có việc gì ?"

Giọng cha khàn khàn trong cổ họng. Bóng cha đổ trên vách. Già nua. Còm cõi. H'Linh không nhớ cha bao nhiêu tuổi. H'Linh nhìn sững, rồi vội vàng cười. Kiểu cười gượng gạo :

"Cha đừng nói thế. Con nhớ nhà, nhớ bà con. Bao nhiêu năm rồi còn gì".

Ừ, bao nhiêu năm rồi còn gì. Lúc mới gặp H'Linh không ai nhận ra được. H'Linh khác hồi ở làng quá. H'Linh nhớ khi ấy có người làng nhìn tận mặt H'Linh, người nắn bắp tay, người vỗ vai thân mật. Nước da H'Linh nâu mịn khoẻ khoắn đâu mất rồi ? Màu trắng mai mái xanh quá đâu phải nước da con gái buôn làng. Cái má đầy phấn hồng thế kia cũng không phải má rám nắng của con gái gùi nước, đi rẫy. Cái môi đỏ loe thế này không giống màu hoa móng rồng. Ai cũng thấy H'Linh xa lạ. Ai cũng ngại ngùng nhìn H'Linh. Lúc ấy, chỉ có anh rể nhìn H'Linh gần gũi, ấm áp và lặng im.

Nhưng người làng không lặng im. Người làng hỏi nhau : Con bé H'Linh về hẳn để nối dây với thằng Y Thi à ? Ờ ! Thằng Y Thi xuống núi về thành phố tìm con H'Linh mấy lần mà con H'Linh cứ tránh mặt. Tội nghiệp cái thằng Y Thi quá, chiều nào cũng ra bến suối chỗ Ché đực đâm cá và chờ con H'Linh về. Ờ ! Cái thằng rể đâm hết cá suối Đroãl rồi con H'Linh mới về. Người làng cũng bảo : Sao cứ để thằng Y Thi phải ở rể không công mãi thế ? Ờ ! Con H'Lan chết đã qua lễ bỏ mả rồi...

H'Lan là chị gái H'Linh. Chị có dáng đi khòm khòm. Mẹ cũng có dáng đi khòm khòm. Mà đàn bà con gái Ê–đê, ai chẳng có dáng đi đầu chúi, lưng cúi khòm xuống thế. Quê H'Linh lắm dốc đồi, dốc núi, dốc đường đi, đến cái rẫy trồng mì cũng dốc. Cái dốc cứ bắt con gái Ê–đê đời này qua đời khác khòm lưng và chân to. Chân chị gái to. Chân mẹ to. Chân H'Linh cũng to. Chân càng to thì lưng càng khòm. Phụ nữ Ê–đê mặc yên ngắn đến bắp chân để đi rừng lên rẫy cho tiện. Người Ê–đê của H'Linh mang cái gì cũng bằng gùi. Gùi nước. Gùi măng. Gùi bí ngô. Gùi mì. Gùi thổ cẩm... Cái gùi gùi đồ ăn thức uống đè nặng trên lưng từ lúc tóc cháy nắng hoe hoe vàng. Cái gùi gùi thời gian đến tận lúc tóc bạc trắng ra nhà mồ. Cái gùi, cái dốc làm con gái Ê–đê khòm lưng và chân to. Đàn bà con gái Ê–đê khổ lắm !

5.

Người Ê–đê của H'Linh không biết đúc cồng, chiêng ; phải mua của người Kinh dưới xuôi. Nhưng người Ê–đê biết chỉnh cồng chiêng, biến những

dáng hình thô mộc, âm thanh cái nọ lẫn cái kia trở thành xinh xắn và mỗi cái có giọng nói riêng. Không phải người Ê–đê nào cũng được thần linh chọn giao cho công việc sửa giọng chiêng đâu. Cả vùng Yanghao này chỉ có cha nói chuyện tâm tình được với cồng chiêng, và bây giờ cha già cha truyền cho con rể.

Buổi chiều đầy gió. Lá vông vang chao chác rơi vàng dưới gốc. Anh rể ngồi chỉnh chiêng ngoài hiên nhà. *Chạt chạt... chật. Chạt chạt... chật.* Búa gõ chỉnh hai nhịp một phách đều đều, nghe vui tai quá. Bọn con trai làng thường rủ nhau đến xem và lấy cớ tụ tập. Có cô giáo người Kinh về cắm ở làng dạy học đã bảy năm rồi cũng đến. Cô giáo uốn tóc xoăn xoăn, mặc yên như người Ê–đê, nói tiếng Ê–đê như giọng con gái làng Yanghao. Ngực cô giáo vun đầy, cao. Vú cô giáo to mẩy nưng nức, tròn đều như hai quả đồi cỏ gianh non đầu mùa. Cô giáo ngồi chống tay xuống hiên, không chớp mắt nhìn anh rể. Cái nhìn đắm đuối quá đi mất. Khó chịu nhất là thỉnh thoảng cô giáo lại rót nước mang đến cho anh rể. Lại đưa khăn tay mùi xoa cho anh rể lau mồ hôi nữa chớ...

Bọn con trai bảo :

"H'Linh ơi ! H'Linh còn nhớ bài dân ca nào không ? H'Linh hát đi ?"

Chúng nó cười, chẳng để ý xem thái độ H'Linh thế nào, ríu ran :

Ướt váy em mắc cành cây tung

Ướt khố anh phơi cành cây riêng

Mai em về đường xa còn nhớ mặt

Mai xa nhau tên em anh có quên.

Ước gì mình bên nhau

Nước uống chung một bầu

Thuốc hút chung một điếu...

Anh rể dừng tay, thả búa. Nắm tay anh rể cuộn chặt gõ vào vú chiêng. Vai anh rể ngất ngư. Mắt đờ đẫn chìm lút vào cõi âm thanh của thần linh.

Cô giáo người Kinh cũng lắc lư người theo nhịp hát. Hát mà đôi mắt vẫn đăm đắm nhìn anh rể không rời một phút.

H'Linh giả vờ đi đi lại lại. H'Linh cố tình chạm chân vào đống chiêng xếp cao ngang bụng. Chiêng đổ, cái nọ cái kia vung ra lăn lóc. Bài ca Buôn Tul Kmăn tắt lịm giữa chừng. Anh rể ngại ngùng, mắt bối rối...

6.

Cơm tối xong. Anh rể lại vác súng đi săn. Nhà sàn bếp vẫn đỏ lửa. Nhà ám bồ hóng, cột cái đen, cột con cũng đen. Nhà sàn già hơn tuổi cha. Bếp cũng đỏ lửa trước lúc cha sinh ra.

– Mày không thương mẹ, thương chị gái mày à ?...

Cha ngập ngừng rồi nói tiếp :

– Mày cũng phải thương đứa cháu gái mày chớ.

– Cha đừng nói thế. Con thương cả nhà. Cha đừng nhắc đến mẹ và chị để con đau lòng. Con chưa quên cái gì đâu.

H'Linh chưa kịp quên cái gì, chỉ sắp quên thôi. Trận lũ năm ấy kinh hoàng quá. Mẹ và chị gái đi rẫy về nửa đường lội qua suối thì bị lũ cuốn đi. Cha và anh rể đi dọc suối ba ngày mới tìm được xác. Cái làng này cứ ba bốn năm lũ lại lấy đi một vài người xấu số.

Cha lặng im. Vẻ mặt đăm đăm. Cha đứng dậy phủi đít quần, đốt đuốc dầu trẩu rồi đi ra hiên. Trước lúc xuống cầu thang, cha còn quay lại dặn :

– Tao lên chòi coi rẫy. Dạo này động rừng, cứ sáng sớm là khỉ về bẻ bắp. Đêm nay tao coi đỡ cho thằng Y Thi. Nó vất vả như con trâu vì cái nhà này lâu quá rồi.

– Hay cha cho con cùng đi.

– Không ! Mày ngủ với con bé H'Thê. Mấy năm nay mày có gùi cháu mày được lần nào đâu. Mẹ chết còn dì còn cậu, mày là dì nó mà.

H'Linh đành im lặng. Bóng cha phật phờ theo ánh đuốc đang bừng sáng. H'Linh biết cha giận. Bao nhiên năm rời làng, không liên lạc gì về nhà cha giận cũng phải. Thực lòng, H'Linh rất thương cha, muốn ở nhà gùi nước suối

cho cha rửa mặt, dệt bông may khố cho cha mặc. Nhưng H'Linh sợ quay về phải ngửi mùi đất, mùi phân bò.

Đêm khuya yên tĩnh quá.

Cây rừng thôi rì rầm, không ngủ. Nai không tác bên suối vắng. Chim treo mình trên cây ngủ. H'Linh thao thức. Lòng bồn chồn quá. H'Linh ngồi dậy kéo cánh cửa đan bằng vách nứa sang một bên, vách phát ra tiếng kọt kẹt. Gió nhẹ thoảng tê tê nơi cổ. Gió quấn quýt vào mặt. Mát rượi. Lâu lắm rồi H'Linh mới thấy mặt mình mát rượi như thế. H'Linh ngẩng đầu nhìn ra ngoài. Cửa nhà sàn thông thống mở. Ánh trăng đổ tràn lên hiên chờ cầu thang. H'Linh ngỡ ngàng bắt gặp anh rể đi lên cầu thang. Sàn nhà cọt kẹt kêu. Anh rể ngồi xuống bếp lửa cời cời bếp. Lửa sáng bừng lên. Củi khô nổ lách tách. Đầu tóc, vai anh rể ướt đẫm sương đêm. Anh rể sừng sững như tượng gỗ lim. Ngực vồng. Tóc xoăn, xoã xuống vai trần. Khổ thân Y Thi ! Từ ngày chị gái H'Linh mất, anh rể vẫn ở vậy...

H'Linh dụi mắt ngồi dậy.

– Dì H'Linh lạ nhà khó ngủ à ?

Lạ nhà. Khó ngủ. Nhà mình đây chứ đâu mà anh rể hỏi thế. H'Linh chợt buồn.

– Con bé H'Thê cứ cựa mình luôn.

Nói rồi H'Linh với tay lấy cái áo trên vách khoác lên vai anh rể. Anh cầm tay H'Linh giữ lại.

– Cái áo này anh không mặc được, dì H'Linh à.

H'Linh chợt nhận ra sự nhầm lẫn. H'Linh vô tình đưa cái áo khoác của mình cho anh rể. H'Linh rụt tay lại, nhưng bàn tay anh nóng ấm vẫn nắm chặt. Mắt anh rể lấp lánh ánh lửa. H'Linh thấy ngực dềnh lên, nghẹt thở, hai chân khuỵu xuống như muốn ngã...

Có tiếng trở mình bất chợt và tiếng nói ú ớ trong mơ của con bé H'Thê. H'Linh choàng tỉnh và gỡ tay anh rể khỏi vai mình. H'Linh chạy vội đến nằm xuống ôm gọn con bé vào lòng. Con bé vẫn ú ớ mơ và ôm chặt lấy dì.

Chát... chát... Tiếng búa gõ chỉnh chiêng dưới gầm sàn. Liên tục. Dồn dập. Chứ không nhịp nhàng hai nhịp một phách như buổi chiều. Yàng ơi !

Anh rể chỉnh chiêng ban đêm. Lại đến nông nỗi này. Chát... chát... từng nhát búa đập tang chiêng như đập vào tai H'Linh...

H'Linh ôm chặt đứa cháu vào lòng để chạy trốn tiếng búa đập xuống chiêng. Tóc con bé cháy nắng khen khét xộc vào mũi H'Linh. Con bé gầy, cổ cao ngẳng. Hai bàn tay thô và ráp, hai bàn tay nó còn nhỏ quá mà đã cầm dây dắt bò. Tội nghiệp ! Một căn nhà sàn to, cửa thông thống mở, ba cha con ông cháu nuôi nhau... Con bé vùi mặt vào ngực H'Linh. Nhồn nhột. Buồn buồn. Rồi dễ chịu. Ấm áp quá. Thân thuộc quá. Một tình cảm gần gũi trào dâng trong lòng H'Linh. Như là ruột thịt. Như là mẹ con... H'Linh thấy má mình nóng...

Ôm đứa cháu gái vào lòng không giống cảm giác dạy dỗ đứa con gái nhà chủ dưới phố. Một đằng là tình thương, một đằng là nghĩa vụ làm việc ăn lương. Ông chủ người Ê–đê có nhà, vườn giữa lòng thành phố. Bà chủ người Kinh bỏ đi nước ngoài đã mười năm chưa về. Ông chủ buôn đồ cổ và quyết làm giàu để rửa cái nhục vợ bỏ vì đói nghèo. Đấy là nghe người ta nói, H'Linh nghe đâu bỏ đó. Nhưng có lúc lại nghĩ, hay ông ta nhặt mình về để trả thù vợ. Ông chủ gặp H'Linh trong một quán hát karaokê. Ông chủ có cảm tình. H'Linh là của lạ. Bọn đàn ông, ai cũng thích H'Linh. Cũng lắm vui nhiều buồn. Vài ba bận nữa hát cùng nhau, thế rồi H'Linh về ở hẳn nhà ông chủ. H'Linh không phải lao động nặng. Chăm vườn cây cảnh và dạy con bé học tiếng Ê–đê...

7.

Sớm mai !

H'Linh vẫn nằm nhắm mắt lim dim không ngủ. Có tiếng láo xáo dưới sân. Sao Y Thi chỉnh chiêng suốt đêm thế ? Có người muốn lấy chiêng gấp à? Tao nghe tiếng chỉnh chiêng không giống mọi khi mà. Yàng ơi, sao cái đầu mày bạc trắng thế ?...

H'Linh giật mình khi mở mắt ra bắt gặp cái nhìn chăm chăm của đứa cháu gái đang chống cằm trước mặt. Có lẽ nó nhìn rất kĩ khi H'Linh còn đang ngủ. Con bé bỏ chạy xuống cầu thang khi H'Linh nhỏm dậy.

Lưng ê ẩm vì lâu lắm rồi H'Linh mới nằm trên sạp nứa. Sạp nứa nhà sàn dập dềnh và thông thống lạnh. Cái lạnh của gió lồng từ bên dưới gầm sàn. H'Linh đã quen với nệm dày, loại nệm có gai để mát sa lưng.

Anh rể vội vã chạy lên :

– Cháu nó chưa quen dì.

Anh rể với tay lấy thịt khô treo trên vách và bắc nồi lên bếp. Giọng anh rể ngập ngừng và không dám quay lại nhìn H'Linh :

– Dì đỡ mệt chưa. Sáng nay anh nấu cơm nếp. Không biết dì có còn nhớ mùi nếp làng mình nữa không ?

H'Linh giật mình. Qua một đêm mà tóc anh rể bạc trắng rồi. H'Linh nói như người mếu : Em nhớ chứ sao không, em chẳng quên thứ gì cả. Rồi H'Linh bẽn lẽn, cười. Nụ cười hơi gượng. (*Từ lúc đặt chân lên nhà, nụ cười của H'Linh lúc nào cũng thế. H'Linh thấy xa lạ trong chính nhà của mình*).

Cha đã kể chuyện chị gái và mẹ mất. Cha bình thản nói về cơn lũ đã cuốn hai người thân biệt tích. (*Hình như cha đã quen quá với nỗi đau ấy nên giọng cứ ráo hoảnh. H'Linh ngẩn người. Không hiểu sao chẳng thấy buồn. Chỉ thấy lòng trống hoác*). Anh rể và con bé sống với cha như thế đã gần bốn năm. Cha bảo từ ngày mẹ và chị H'Lan mất, cha chẳng làm được gì. Tiếng búa chỉnh chiêng trễ nải, tay lỏng dần, nhẹ dần rồi không cầm được nữa. Cha chỉ quanh quẩn ở nhà làm việc lặt vặt. H'Linh gặng hỏi cha bị bệnh phải không. Cha lắc đầu. Thốt nhiên cha nhìn H'Linh. Cái nhìn vừa thương cảm vừa giận. Chưa bao giờ H'Linh chịu cái nhìn như thế. Cha nói ngắt từng đoạn : "Tao bị Yàng phạt... vì không... dạy được con rồi". H'Linh định xin lỗi cha. Nhưng nhìn mắt cha đọng nhiều sợi máu đỏ, H'Linh thấy sợ.

8.

Anh rể đưa H'Linh ra bờ suối nơi mẹ và chị gái bị lũ cuốn trôi.

H'Linh tìm tàu lá chuối nguyên vẹn đang lật phật bay, vung dao phát một cái, tàu lá chuối đáp xuống mặt đất thật nhẹ. Anh rể nhìn H'Linh có vẻ bằng lòng vì nhát dao sắc ngọt. Anh đưa cho H'Linh nắm nhang. Khói trắng nghi

ngút bay quấn vào người H'Linh, bay trên mái tóc anh rể mới bạc trắng đêm qua. Nhang không thơm. Gió cuộn khói lên mặt H'Linh, mắt cay cay nhoè. Anh rể quỳ xuống đất, khóc bài khóc dài và não lòng. Tiếng khóc ngân dài như tiếng hát. Nhìn người đàn ông khóc rất tội. H'Linh thấy lòng mình trĩu nặng và thương người đàn ông trẻ bạc tóc gửi rể hơn mười mùa rẫy.

H'Linh thấy Y Woan đứng bên kia bờ suối. Chàng trai một thời quấn dây tơ hồng, buộc chỉ cổ tay. Y Woan cười tươi rói, sung sướng vì gặp lại người bạn gái thân yêu. Chỉ thế thôi rồi Y Woan quay lưng, thoắt cái đã biến mất giữa rậm rịt những cỏ gai ngút đầu người. H'Linh sửng sốt, thấy lạ. Y Woan biến mất chứ không đi. Hai vành tai H'Linh lạnh buốt.

"Anh rể à, anh rể thấy Y Woan ở cuối làng ta ấy, lấy vợ chưa ?"

"Chết rồi".

"Chết rồi !"

H'Linh thảng thốt nhắc lại lời anh rể. Anh nói mà không ngẩng đầu lên. Giọng dằn dỗi :

"Y Woan nó giận dì lắm đấy. Dì bỏ đi mà không hẹn ngày về. Người làng cười nó bị dì chê."

H'Linh nghe anh rể nói, lòng rối bời.

"Nó đợi dì ba năm. Dì không về, nó nối dây với người bên nhà dì nó đấy."

H'Linh gục mặt xuống đất, hai tay thõng xuống. Tiếng anh rể cay cay :

"Nó không yêu vợ. Suốt ngày không lên rẫy, đi rừng ; chỉ uống rượu thôi. Rượu say, nó nghêu ngao hát. Nó còn yêu dì. Nó cũng hận dì".

H'Linh ù tai, chóng mặt. Những hình ảnh xưa cũ lướt nhanh đến, biến mất đi rồi lại hiện về trong đầu H'Linh. Y Woan hát rất hay. Y Woan hay hát bài hát buồn : "Khi anh chết rồi bến nước mình đây có còn mãi như vậy, nhưng chết dưới sông dưới suối anh vẫn nhớ mãi em đứng nơi này. Em ơi !"

H'Linh giận Y Woan vì lời hát buồn gở. Nhưng Y Woan cười bảo đến chết vẫn không bao giờ hết yêu H'Linh. Y Woan nặng lòng với H'Linh quá chừng. Vậy mà H'Linh cứ bỏ làng đi biền biệt không về. Một ngày mưa năm trước, anh rể và Y Woan đi tìm H'Linh. Lưng gùi chiêng đã chỉnh xuống núi,

thả vào mấy cửa hàng quen bán thổ cẩm, cồng chiêng, ché rồi đi kiếm chị người cùng làng làm ở thành phố. Chị đưa anh rể và Y Woan đến quán karaôkê H'Linh đang làm. Cái chị người làng ấy hơn H'Linh đến chục tuổi. Chị ta quá đát, hết duyên rồi, ghen ăn tức ở với H'Linh. Cái chị người làng ấy bày cho anh rể và Y Woan cùng vào hát chung phòng. Hát để nghe ngóng theo dõi, bắt tận tay day tận mặt H'Linh đấy mà. Hôm ấy, H'Linh say khướt, mặt đỏ như con gà chọi. Con gái Ê-đê mà mặt đỏ như con gà chọi thì chẳng ra gì. H'Linh lại còn bám chặt vai người đàn ông tóc bạc, đìu, dặt dẹo ra xe ô tô nữa chứ. Anh rể và Y Woan chạy đến giằng H'Linh lại. Hai anh chàng Ê-đê to khoẻ cũng không chống đỡ nổi bọn bảo kê giỏi võ Karate. Anh rể và Y Woan bị quẳng ra ngoài đường như ném hai thân cây chuối hột. H'Linh còn nhìn thấy cổ anh rể có một vệt máu đỏ cháy lên qua màn kính ô tô. Trước khi xỉu vì rượu, H'Linh còn thấy hình ảnh anh rể và Y Woan mờ nhoè, thất thểu trên đường phố giữa cơn mưa trắng xoá...

H'Linh tự nhủ, thôi không nhớ chuyện cũ nữa. Đắng lòng lắm. Chuyện cũ càng nhắc càng buồn rơi nước mắt.

Anh rể về nhà trước. Anh không thèm nói cho H'Linh vì sao Y Woan chết. H'Linh cũng không mở miệng hỏi được. Có lẽ lúc này anh đang giận H'Linh. Mà anh rể giận cũng đúng. H'Linh lại chợt nhớ vẻ mặt vừa sửng sốt vừa buồn, vừa vui của Y Woan ẩn hiện khi nãy. Thấy bần thần. Buồn tê tái. Khi H'Linh mải vui và kiếm tiền ở chốn phố phường thì làng bao nhiêu người nhớ nhung, chờ đợi. Sao chưa khi nào H'Linh nóng ruột nóng tai thương nhớ đến ai.

9.

H'Linh đi một mình ra nghĩa địa.

H'Linh chẳng bao giờ sợ hãi khi đi một mình. Khi rời làng và xuống thành phố cũng một mình như thế. Nhưng bây giờ bước đến nghĩa địa cảm giác rờn rợn lại sống sộc trong óc. Khi còn bé chẳng bao giờ H'Linh đến đây. Người làng không bao giờ cho trẻ con đến chốn này. Không phải ngày làng có việc thì bãi nghĩa địa lạnh lẽo và âm u lắm. Nghĩa địa chỉ đông người khi có người bỏ về với tổ tiên, hoặc có nhà ai đó làm lễ bỏ mả.

Tên Y Woan khắc nghệch ngoạc trên phiến gỗ chữ nhật vuông vắn. Mộ Y Woan tím ngắt một màu hoa mắc cỡ. Những cánh lá mắc cỡ xanh vội vàng co khép lại. Như là lánh mặt đi. Như là hờn dỗi. H'Linh thả vào ché chôn dưới đất trước mộ Y Woan đồng tiền năm ngàn. Đồng tiền leng keng và nằm sâu dưới đáy ché. Giận dỗi thì sự cũng đã xong rồi Y Woan ơi ! Con người trước sau cũng phải qua một lần bỏ mả. H'Linh cũng sẽ đến một ngày bỏ mả. Nhưng H'Linh có lỗi gì với người trong mộ này kia chớ ? Mộ Y Woan có nhiều tượng khỉ, gương mặt khỉ nào cũng rầu rĩ những đường nhăn nhó, sầu đau. H'Linh đi chậm rãi qua các ngôi mả khác có mái che xộc xệch. Cảm giác ghê ghê người khi chạm phải các bức tượng bằng gỗ. Những vết rạn trên bức tượng mặt người sầu não. Đường rạn trên thân chim công đầu ngẩng kiêu hãnh. Gương mặt người nào ẩn chìm vào gương mặt tượng nào ? Kiếp phù sinh và thế giới bên kia cái nào hấp dẫn hơn ?

H'Linh đến thắp nhang cho mẹ, cho chị gái và Y Woan trước khi quay về nhà. Nhang tắt nửa chừng. Thắp mấy lần cũng đều tắt cả. Trời chiều gió và sắp mưa.

10.

H'Linh muốn ra khỏi nhà.

Ngoài trời sầm sầm muốn mưa. Anh rể nhìn H'Linh mặc áo khoác mà không hỏi H'Linh đi đâu. Vài ngày nay, anh chỉ nhìn mà không hỏi han gì. Lúc này, H'Linh nghe tiếng anh rể thầm thì với con bé dưới sàn nhà. H'Linh thấy thương anh rể quá.

H'Linh nói với cha :

"Con đi đây cha à. Mai mốt rảnh con lại về".

Cha bảo :

"Mày cứ ở nhà. Mày không muốn thì tao không ép mày nối dây với thằng Y Thi đâu mà".

Không phải thế cha à. Có trăm ngàn tiếng kêu trong lòng H'Linh. Con cũng thương Y Thi lắm chứ. Nhưng con phải đi, cha ơi.

Cha không đáp, cũng không ngước lên. H'Linh bước chân xuống cầu thang. Lúc ấy, anh rể mới chạy theo, nói khẽ :

"Dì mang áo mưa theo. Trời mưa đấy".

H'Linh nhìn anh rể, con mắt biết nói lời cảm ơn. H'Linh bước vội đi trước. Anh rể rảo bước theo sau tiễn một đoạn. Con bé đã bén hơi H'Linh cũng lon ton chạy sau cùng. Dừng lại bên suối Đroăl, chỗ khối đá hình Ché đực đứng nhẫn nại, im lìm. H'Linh kéo tay anh rể, nhét vào tay anh xấp bạc mới cứng. Anh rể không nhận. H'Linh nằn nì : "Anh rể cầm cho em vui. Nhà mình đang cần tiền. Cha chưa hết giận em, anh đừng nói cho cha biết". Anh rể lắc đầu : "Bao nhiêu năm không có dì, nhà mình sống cũng được H'Linh à". Mặt H'Linh đỏ bừng, cô giấu mặt vào ngực con bé. Nó ngước đôi mắt tròn to ngân ngấn nước nhìn, bàn tay cứ níu chặt vạt yên của H'Linh. H'Linh gỡ tay con bé ra, ném cái nhìn vào khoảng không trước mặt. H'Linh mà nhìn vào mắt anh rể, nhìn mắt đứa cháu là H'Linh không thể đi được.

Trời ngả sang chiều. Mới đi được một quãng ngắn H'Linh đã thấy chân mình nặng trĩu. H'Linh nhớ đến ánh mắt buồn buồn và nhẫn nhịn của anh rể khi nãy. Anh muốn nói điều gì đó, nhưng không hiểu sao cứ câm lặng.

H'Linh ra đến nghĩa địa làng thì trời tầm tã mưa. Mưa không thấy cây rừng. Bàn chân lạnh và nhớp nháp. Chắc cô đã dẫm phải phân bò. H'Linh ghét mùi phân bò, ghét thứ nhão nhoẹt ấy. Nhưng giờ này, H'Linh không thể dừng lại để rửa sạch chân. Mặc kệ nước mưa. H'Linh lay, nhổ bức tượng khỉ mặt sầu và bọc lại bằng bao tải. Tượng nhẹ bẫng. H'Linh vác bao tải bằng bàn tay có những móng sơn màu hoa móng rồng đỏ.

H'Linh lần dò ra đường cái. Chỉ cần ngoắt tay là một chiếc xe dừng lại, H'Linh xuống núi.

11.

H'Linh trở về nhà ông chủ.

Nhà ông chủ giữa thành phố. H'Linh thấy nhẹ nhõm khi xe đỗ xịch trước cổng. Nhìn thấy bức tượng gỗ mặt khỉ nhàu, ông chủ rất xúc động. Khu vườn

thênh thênh, nhiều cây cảnh trở nên sinh động khi H'Linh tần mần đặt bức tượng gỗ vào. Ông chủ săm soi những vết nứt, vết nhăn. Cười thỏa nguyện. Có lẽ ông chủ đang nghĩ đến bữa tiệc tuần tới mời toàn các ông bạn sang trọng. Họ sẽ sững sờ khi ngắm nhìn bức tượng gỗ nhà mồ thực sự được đẽo gọt bởi bàn tay nghệ nhân làng Yanghao, chứ không phải là thứ băm chém sơ sài giả tạo bán nhan nhản ngoài tiệm mĩ nghệ với cái giá cắt cổ. H'Linh thích nụ cười ông chủ. Cả cái nhìn dịu dàng của con bé đang học chữ Ê–đê rất vào. H'Linh kín đáo nhìn xoáy vào mắt con bé học trò váy ngắn chân dài đang tựa vào lan can tầng hai và chúm chím cười. H'Linh nhận lời khen tặng của ông chủ rồi thở ra nhẹ nhõm.

Xuống núi lần này, nhiều đêm H'Linh không ngủ được. Đêm nào căn phòng H'Linh cũng cồng cộc tiếng gõ. H'Linh uể oải bật đèn, hé cửa. Tuyệt nhiên không có ai. H'Linh thấy rờn rợn, vùi mặt vào chăn đệm cố dỗ giấc ngủ, khi mơ màng thì lại nghe tiếng gõ cửa. Đều đều và dai dẳng. Đã nhiều lần ông chủ bảo : "Tôi là thằng đàn ông đàng hoàng. Tôi muốn em tự nguyện dâng hiến." "Nhưng em có còn trinh trắng dành cho ông đâu". Ông chủ bảo : "Em đừng nói điều đó với tôi. Chỉ cần biết em yêu tôi là đủ.".

Vâng ! Thế thì yêu. Nóng hôi hổi. Cồn cào. Lăn lộn. Nhưng "Sao thế ông chủ ơi ! Ông chủ đùa giỡn với em ?" "Xin lỗi em ! Thằng đàn ông trong tôi hỏng mất rồi."

Càng bất lực, ông chủ càng cấu xé, dày vò. Đêm hôm trước càng nhiều vết răng tím thẫm trên ngực, trên đùi non H'Linh, sáng hôm sau ông chủ càng nói nhiều lời xin lỗi. Ông chủ bảo : "Em tự nguyện về đây, thì em cũng cứ tự nguyện đi nếu em không thích". "Vâng !"

Nhưng thế này thì ê chề quá. Khổ ải quá. H'Linh đang là con gái. Con gái Ê–đê phồn thực, mắn đẻ lắm mà.

12.

H'Linh bần thần, ngẩn ngơ như người mất hồn vào mỗi buổi sáng. Dạo này hình như không còn tiếng gõ cửa đêm. Hay H'Linh quen dần với cái âm thanh dai dẳng và đều đều ấy cũng không biết nữa. Nhưng vẫn không ngủ

được. Đêm nào H'Linh cũng thấy ngực mình nặng trĩu. Đêm đêm gương mặt đen sạm nếp nhăn của cha cũng chập chờn, ẩn hiện. Cha lo lắng, cha dỗi hờn. Nước mắt cha thấm ướt lăn dài trên má nhăn nheo. Rồi lại hình ảnh ông chủ lúc đến lúc đi. Mắt trắng. Người béo phệ. Ục ịch. Èo uột. Những cái răng cửa răng nanh nhọn. Những vết răng tím bầm... H'Linh sợ.

Tự dưng H'Linh hay nhớ về anh rể. Lâu lắm rồi H'Linh mới nhớ về một người đàn ông với nỗi nhớ thầm kín. Hôm nào đó, xa lắc, H'Linh theo anh rể đi đâm cá suốt ban đêm. Đêm, cá hay ra chỗ mặt nước trống đớp trăng. Anh rể dạy H'Linh thử lao chĩa. Cái tay phải cầm thế này này. Cái tay trái cầm thế này này. Bàn tay anh rể nóng ấm quá. Tim H'Linh bồi hồi đập dồn dập trong ngực. H'Linh phóng chĩa xuống con cá gần nhất. H'Linh mất đà lao tùm xuống suối. Anh rể lao theo. Bàn tay anh ôm chặt ngực H'Linh. Ngực con gái mới lớn căng tròn mây mẩy và phập phồng...

Chị gái thấy H'Linh lướt thướt lên cầu thang. Yên, áo ướt dán vào da thịt. Chị gái mắng : "Lại trượt chân, ngã xuống suối à ? Mày lại bỏ anh Y Thi ở một mình dưới suối rồi." H'Linh im lặng. Sáng hôm sau, anh rể giấu cái nhìn đi nơi khác...

Đêm thành phố ngột ngạt. Xa lạ quá. H'Linh khóc bài khóc não ruột. Tiếng khóc dấm dứt từ ruột gan và trút vào mặt rát buốt. H'Linh vật mình cả đêm. H'Linh uống rượu bằng một chiếc li trong suốt, rượu ngoại. Thốt nhiên H'Linh nhớ mùi nồng nồng của thứ rượu cần ngọt lịm đầu lưỡi hôm nào về làng. Thứ rượu gạo tê ngái lồng ngực và thơm dịu nhẹ. H'Linh thấy miệng mình tanh tanh. Rượu trong chiếc li pha lê Italia trở nên cay xè, đắng ngắt. H'Linh khóc khi thứ nước cay xè ấy trôi tuột xuống cổ họng...

H'Linh nghe tiếng cha hờ hờ...

H'Linh nghe tiếng anh rể đập búa chỉnh chiêng.

H'Linh nghe tiếng cô giáo người Kinh hát bài ca...

H'Linh trông thấy Y Woan mở to mắt buồn bã, trách móc.

H'Linh nhìn thấy hình người bay ngang trời, lơ lửng giữa con mưa trăng xoá. Hoá ra là anh rể, anh nhổ bức tượng khỉ mặt nhàu, sầu thảm ở vườn nhà ông chủ vác lên vai. H'Linh chạy ra giằng giữ lại, ôm lấy tượng. Nước mắt mặt khỉ sầu não lẫn nước mưa chảy xuống mặt tái xanh lạnh ngắt của

H'Linh. Nước mắt tượng khỉ, nước mắt H'Linh nhiều như mưa giữa trời đêm. Trắng xoá và tê buốt. Rồi ánh chớp ! Và tiếng sét xé toạc không gian. Xồng xộc mùi phân bò hoà lẫn nước mưa.

Anh rể đang vác tượng gỗ mặt khỉ sầu đau đi giữa cơn mưa trắng xóa.

Trại sáng tác Văn nghệ Quân đội
Đà Nẵng, tháng 9 – 2006

Lời tác giả

TÔI ĐÃ VIẾT BẰNG NỖI KHẮC KHOẢI....

Tôi nhìn thấy những cô gái da nâu, tóc xoăn và có cái nhìn ngơ ngác đi vào quán xập xình đèn màu. Nhiều hơn một lần.

Tôi nhìn thấy tượng nhà mồ mặt buồn cũ nát sứt sẹo sừng sững giữa quán cà phê hiện đại trên phố như một vật trưng bày độc đáo. Đau và nhói trong lồng ngực. Nhiều hơn một lần.

Mọi điều ấp ủ tuôn trào dưới ngòi bút. Hỗn độn và rối rắm. Tôi không kiểm soát được mình viết gì nhưng tôi thấy lòng mình nhẹ nhõm. Để khi nhắm mắt lại, tôi cũng nghe được tiếng mưa xối xả, tiếng chỉnh chiêng vọng từ đâu đó xa lắc, cả tiếng thì thào nào đó lạc trong gió rừng.

Tôi cảm thấy ngạt thở khi kết thúc Giữa cơn mưa trắng xoá. *Tôi muốn một cái kết có hậu. Thèm điều gì đó bắt đầu với những cô gái da nâu tóc xoăn của tôi không phải là sự mù mịt giữa cơn mưa.*

La Quán Miên

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Quán Vi Miên. Sinh ngày 31 tháng 10 năm 1951.

Quê quán : Bản Đôn, xã Châu Quang, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Tác phẩm đã xuất bản : *Bản quê yêu dấu* (thơ, 1996) ; *Truyện thơ và đồng dao Thái* (sưu tầm và dịch, 1996) ; *Hai người trở về bản* (truyện và kí, 1996) ; *Phong tục tập quán các dân tộc thiểu số Nghệ An* (nghiên cứu, 1997) ; *Vùng đất hoa Cờ - mạ* (truyện và kí, 1997) ; *Chim Yểng* (sưu tầm, dịch, 1997).

Giải thưởng văn học : Giải thưởng văn học Hồ Xuân Hương 1986 - 1996 của tỉnh Nghệ An, loại B (tập *Hai người trở về bản*).

TÌNH YÊU CỦA HỔ

Cô Xáo-ngam hôm ấy đi hái măng. Phải chăng đây là mùa hái măng cuối cùng của người thiếu nữ xinh đẹp ở mường bố mẹ ? Cô sắp đi lấy chồng rồi. Cô bị ép gả cho nhà giàu. Đúng hơn, nhà cô bị nợ thóc, nợ tiền của người ta. Cô vừa hái măng, vừa khe khẽ hát thầm. Cô hát bài hát buồn :

Người ta dắt con trâu đến
Họ cầm bạc nén lại
Mẹ gả em cho chàng mặt rỗ
Bố gán em cho thằng mặt lưỡi cày

Người tình yêu quý hỡi, có hay ?
Không lấy được anh, em muốn thắt cổ
Phải xa anh, bao giờ mới gặp đây ? ...

Cô Xáo-ngam gạt thầm nước mắt và ngẩng nhìn lên, thì ... Phà ơi ! (Trời ơi), Một con hổ to lớn đang đứng trước mặt cô. Nỗi khiếp sợ khiến cô chết ngất. Tỉnh lại, cô vẫn thấy con hổ đứng yên, vẫy đuôi vẻ hiền lành. Cô liền chắp hai tay lạy chúa sơn lâm rồi lần bước xuống núi. "Bố ơi ! ...". Đi được một đoạn cô mới kêu được mấy tiếng. Về nhà, hoàn hồn, cô mới kể tường tận cho bố mẹ nghe. "Hay là con hổ ngày xưa ấy ? " – Mẹ cô nói. Cô hỏi, bố cô cũng hỏi : "Con hổ nào ạ ?". "Con hổ con bị sập bẫy mà con đã cứu đó mà !" – Mẹ cô lại nói. Cô Xáo-ngam nhớ đến hồi còn nhỏ một lần đi rừng với mẹ. Cô thấy một con hổ con bị mắc bẫy của ai. Cô đã đắp lá thuốc vào vết thương cho hổ và thả hổ ra. Chuyện này hai mẹ con cô giấu mãi cho đến giờ. Nào ngờ ...

Đã đến ngày cưới. Cô Xáo-ngam sụt sịt khóc, lóng ngóng búi tóc, trùm khăn đi về nhà chồng bản xa. Khi bước xuống thang, cô ngoái lại đằng sau, thấy người yêu nhìn theo đăm đắm. Cô bỗng khuỵu xuống. Mấy người rước dâu phải xúm lại nâng cô dậy. Đến làm dâu được mấy ngày, cô Xáo-ngam đã phải đi rừng lấy củi. Cô bỗng thấy hổ. Cô hốt hoảng kêu cứu. Chồng cô tuốt dao lao tới. Con hổ xông vào anh, khiến anh phải quẳng dao, chạy biến, bỏ mặc vợ với hổ. Nhưng con hổ đã đứng ngắm nhìn cô Xáo-ngam một lúc, rồi lặng lẽ đi vào rừng. Sau trận ấy, chồng cô bị ốm rồi chết. Cô Xáo-ngam goá chồng, lại trở về bản Có-phương với bố mẹ. Trời ơi ! Nỗi buồn xen lẫn niềm vui của người phụ nữ goá trở về bản quê ! Nói sao cho xiết !.

Cô Xáo-ngam gặp lại người yêu và hai người xin phép làm lễ cưới. Họ chặt cây, dựng nhà, làm ruộng, cuốc nương, trồng bông, dệt vải... Họ lại đi rừng. Một lần, hai người lại gặp hổ. Con hổ đi ngang qua trước mặt họ. Con hổ to lớn, nom vẻ hiền lành. Con hổ nhìn hai người, nhìn cô Xáo-ngam rồi đi khuất vào rừng.

Khủn Tinh, 1967-1990

Lời bình

Trước mắt chúng ta là một chùm 3 truyện ngắn mini (có số chữ và số trang rất ít) của một cây bút trẻ : La Quán Miên.

Khoảng chục năm gần đây, thể tài văn xuôi ngắn này được một số tác giả chú ý sử dụng, khai thác hiệu quả cực ngắn của chúng. Loại truyện này chưa định hình, nhưng có xu hướng mô phỏng, tiếp nối truyền thống của những truyện kể dân gian (cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, tiếu lâm...), ở đó, thông qua câu chuyện ngắn gọn với một ít tình tiết chọn lọc, vài ba lời đối thoại của ít ỏi nhân vật và một kết cấu đơn giản khiến người đọc có thể kể lại theo kiểu tóm gọn được - nhằm nêu lên một vài khía cạnh có ý nghĩa về đạo đức, nhân sinh. Bởi vậy, tính luận đề của tác phẩm khá rõ. Nhưng cái tài, cái khéo của tác giả lại có điều kiện bộc lộ, ở chỗ : truyện phải được kể một mạch (người đọc, đọc một hơi là hết) và dẫn đến một kết thúc tự nhiên. Khuynh hướng của tác phẩm được tự nói lên từ bản thân câu chuyện, không cần sự bình luận dài dòng của tác giả và sự sắp đặt lộ liễu của diễn biến truyện.

Tình yêu của hổ *là một trong ba truyện trên.*

Hổ mà lại có tình yêu ư ? Loài vật mà lại có tình với con người sao ? Tưởng như là bịa, nhưng trong bối cảnh huyền thoại của truyện, tác phẩm thu hút sự chú ý của người đọc.

Mô típ thú dữ nhưng không hung ác, dữ dằn mà biết phân biệt phải trái, có tấm lòng thơm thảo, đền ơn trả nghĩa những người tốt bụng... đã là điều khá phổ biến trong văn học các dân tộc ở nước ta cũng như trên thế giới. Mượn câu chuyện cả ba lần hổ đều tỏ lòng biết ơn người đã cưu mang mình qua cơn hoạn nạn ngày xưa và tình yêu trở lại với cô gái nghèo, thuỷ chung đã một lần chịu bất hạnh, tác giả, phải chăng muốn gửi đến chúng ta một thông điệp nghệ thuật rằng : Trên thế gian này giữa người với người, người với vật và rộng ra là với thiên nhiên quanh ta, chúng ta phải biết sống nương tựa vào nhau, hoà hợp và yêu thương nhau, cho sự bình yên và hạnh phúc. Người - vật - thiên nhiên phải là bạn của nhau, nâng đỡ lẫn nhau, theo quy luật nhân quả, có trước có sau.

Cuộc hôn nhân bất đắc dĩ của anh chàng con nhà giàu với cô Xáo-ngam, diễn ra thật ngắn ngủi và đã kết thúc nhanh chóng. Có thể nào nhân danh một thế lực nào đó mà ép người khác làm theo ý mình. Và cái chết của người chồng mà cô Xáo-ngam bị ép gả là một bài học thấm thía : thói ích kỉ, sẵn sàng bỏ rơi bạn bè, người thân để thoát cho riêng mình, nếu không bị người đời lên án thì cũng nên tự xử cho hợp với lòng người.

Nguyễn Ngọc Thiện

HAI NGƯỜI TRỞ VỀ BẢN

Vi Nhôn trở về bản quê sau nhiều năm du học. Đến đầu bản, anh bị mấy người từ trong các quán xông ra, kéo vào uống rượu. "A ! Đi Tây về sao không biết uống rượu, hút thuốc ? Vậy thì ...". Họ dốc cả chai rượu lên đầu, lên cổ anh.

Anh về, cả bản đến thăm. "Ơ ! Sao chỉ thấy anh mang về một cái va li ?". Vi Nhôn cười ngượng nghịu : "Tôi đi học cái chữ, học cái nghề ....". Mọi người uống nước, hỏi han đôi ba câu rồi lục tục ra về.

Hôm sau, anh làm lễ đi thăm mộ bố mẹ, mời mấy già làng đến uống rượu, ăn cơm. Xong, anh đi chia buồn với những gia đình có người mất trong thời gian anh đi vắng. Anh đến thăm những người già yếu và cho ít thuốc bổ... Vậy mà, không hiểu sao, trong bản lại nổi lên những lời chê trách anh. "A ! Hắn đi Tây về, bây giờ khinh ta dốt, khinh ta nghèo !". Cái mồm vợ chồng ông Húa Mộng là to nhất.

Vi Nhôn biết rõ họ muốn gì, như biết rõ cái rễ của cây. Hồi ở nhà, anh yêu cô Ôn La xinh đẹp. Ông Húa Mộng, lúc đó là giám đốc một công ty, đã hỏi Ôn La cho thằng con trai, xoay cho Ôn La đi xuất khẩu lao động, định về sẽ cưới. Thằng con trai ông đi bộ đội đào ngũ,

sau đi trung cấp lại đánh lộn, cắm quán, bị kỉ luật, về làm kế toán hợp tác xã ...

Nghe nói Ồn La cũng sắp về.

Rồi Ồn La về thật. Một cái xe ô tô đưa cô về tận bản. Cô từ trên xe bước xuống, váy ngắn, tóc uốn tổ quạ, má phấn, môi son, vai mang túi da đỏng đảnh ...

" Ô ! Thật đúng là người đi Tây về !" Người ta đập thùng hàng trên xe ra, khuân xuống nào xe máy, ti vi, tủ lạnh, đồ nhôm, vải vóc ... Người người lũ lượt đến nhà Ồn La. Trẻ con được hút thuốc, thanh niên được uống rượu, phụ nữ được một vuông vải hoa, người già được một vỉ thuốc ... "Người sao tốt thế !" Ai ai cũng khen Ồn La. Vợ chồng ông Húa Mộng mặt to lên bằng cái lá cọ. Ồn La sắp thành con dâu của họ rồi.

Bản Đốn đang náo động lên như thế thì một nạn dịch tràn đến. Húa Cộc, con trai ông Húa Mộng, mới đi đào vàng, đào đá đỏ, đào quặng thiếc về, đã lăn đùng ra, nằm rên ư ử. Nguy rồi ! "Ồn La đâu ? Mày có thuốc, mày biết tiêm mà ! ..."

Ồn La chích cho Húa Cộc một mũi tiêm, khi rút kim ra thì Húa Cộc tắt thở. "Trời ơi ! Trời ơi !" Vợ chồng ông Húa Mộng đập đầu xuống sàn nhà kêu khóc.

Vi Nhôn nghe tiếng, đến, cầm lọ thuốc lên xem, lắc đầu. Anh biết Húa Cộc đã bị tiêm kháng sinh cao liều, lạc thuốc.

Mọi người nhìn anh, hỏi như đang mê. "Mày có giúp được dân bản không ? Hãy cứu lấy một đứa bé nữa cũng đang ốm nặng !" Anh đi ngay đến nhà người ốm, chẩn đoán lâm sàng, cho thuốc uống. Quả nhiên, nửa đêm thì bệnh thuyên giảm. "A ! Mày giỏi quá ! Mày tốt quá !" Đến lúc này mọi người mới "ồ" lên thán phục.

Húa Cộc chết, người mẹ hoá điên, phải nhốt trong cũi, Ông Húa Mộng gầy rộc đi, rụng trọc tóc, trông như cái thây ma.

Hết hạn phép, Vi Nhôn đi Hà Nội nhận công tác. Mấy tháng sau, một người bản Đốn đọc được ở trên báo cái tin về bệnh viện K. Ở trung

ương vừa hoàn thành được một ca bệnh hiểm nghèo do Vi Nhôn, phó tiến sĩ y học, bác sĩ khoa tâm thần học phụ trách.

Bản Đốn nhỏ bé lại sôi lên vì cái tin ấy. "Hay là đưa bà Húa Mộng ra điều trị ở bệnh viện K ?" "Nhưng lấy tiền đâu ?" "Tiền ở chỗ Òn La chứ còn gì nữa !" "Òn La đâu ?". "Cô nàng đã cao chạy xa bay từ bao giờ rồi !"...

Bản Đốn từ đó không sao trở lại yên tĩnh được nữa. Mọi người như vừa qua một cơn ác mộng.

Bản Đốn, 1988
Vinh, 1993

Lời bình

Trong câu chuyện của thời hiện đại này, có vấn đề bức xúc được đặt ra, ta phải đối diện với nó và tìm một cách lựa chọn dứt khoát : Liệu trong xã hội ngày nay với cơ chế thị trường và chịu những tác động của văn minh phương Tây và các tiện nghi vật chất, lối sống thực dụng ảnh hưởng hằng ngày hằng giờ, liệu có làm mất đi những giá trị tốt đẹp, nhân bản mà con người đang ra sức gìn giữ ?

Truyện đối lập 2 loại tính cách đang phân hoá theo những luồng khác nhau :

Vi Nhôn ham học, trọng kiến thức, lo trau dồi nghề nghiệp và khát khao làm chủ tri thức hiện đại. Mọi suy nghĩ và hành động của anh đều là vì dân bản, quê hương, và đất nước. Anh đã biết vượt lên trên những thói thường, những sự hiểu lầm, để trở thành người chân tài, đức lớn, có ích cho xã hội.

Còn Òn La, ngược lại, không làm chủ được mình mà đua đòi ăn diện, thích hưởng thụ các tiện nghi vật chất đô thị, ngại khó ngại khổ trong học tập.

Cô tự đánh mất mình lúc nào không hay khi dấu dốt, tắc trách, thậm chí gây hại cho người đồng hương khi để người thân của họ bị thiệt mạng oan uổng.

Kết cấu tương phản của truyện như tạo nên phép thử của tính cách, qua việc bộc lộ hành động của nhân vật : ở cùng một tình huống, sự ứng xử khác nhau đã phô bày những phẩm chất khác nhau và nhận được sự đánh giá không giống nhau từ cộng đồng. Cách này xem ra có vẻ đơn giản, nhưng thật là có lí và xác đáng theo tư duy phác thực của người dân tộc.

Vấn đề tha hoá, mất gốc, hư hỏng, biến chất của một bộ phận trong lớp người trẻ tuổi, hãnh tiến đang là một vấn đề nhức nhối của xã hội ta. Như tác giả đã chủ ý, khi cảnh tỉnh thực trạng này, tác giả mong sao đó chỉ là cơn ác mộng ngắn ngủi và sự bình yên sẽ trở lại với mọi người.

Nguyễn Ngọc Thiện

Hà Trung Nghĩa

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Hà Trung Nghĩa. Sinh ngày 04 tháng 5 năm 1947.

Quê quán : Xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Tác phẩm đã xuất bản : *Hoàng hôn* (tập truyện ngắn, 1995) ; *Lửa trong rừng xa mu* (tiểu thuyết, 1996).

Giải thưởng văn học : Giải ba cuộc thi truyện ngắn tạp chí Văn nghệ Quân đội năm 1982, tặng thưởng của Ban văn học Dân tộc và Miền núi - Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1995.

VẦNG SÁNG ĐÊM THUNG LŨNG

Nghe tiếng kẹt cổng mãi từ xa, ông lão Phấn biết con dâu đi họp đã về. Khuya lắm rồi. Xe đạp không đi đêm từ đây ra trung tâm xã được. Dốc, mương bai và đường bao nhiêu là đá. Đi chậm cũng phải mất một tiếng đồng hồ. Khổ ! Lại gió bấc cứ hun hút thổi mãi chẳng lúc nào ngừng.

Bếp lửa giữa nhà bập bùng. Cái bóng ông già Phấn in trên bức đố phía sau cũng bập bùng. Có lúc chỉ còn mấy cục than hồng nhấp nháy, vẫn đủ sáng để soi rõ tấm lưng áo bạc màu của ông đang hiên vào bếp. Nghe tiếng bước chân con dâu đã hết cầu thang, ông lão quay lại thổi lửa phù phù, rồi ngoảnh ra hỏi : "Họp cái gì mà lâu thế, mẹ Tăng ? Vẫn còn mưa to à ?".

Chị con dâu đang rũ áo mưa sột soạt ngoài cửa. Dáng chị đậm đà và vẻ mặt lúc nào cũng hiền lành. Nếu gọi theo tên chồng, chị là chị Khởi

nhưng ông Phấn không gọi thế, lo anh con trai ở xa nóng mặt. Ông lão gọi chị theo tên đứa cháu nội đầu lòng. Chị Tăng xuýt xoa, bỏ thêm mấy cành củi khô vào bếp : "Họp nhiều chuyện... ông à. Chuyện cấy lúa xuân, chuyện mua thêm phân hoá học, chuyện làm thêm trường lớp cho các em rồi chuyện xây dựng tiếp khu nhà Văn hoá..." – "Thế họ không nói chuyện chuyển nhà nữa à ? Hay là họ cũng quên rồi nhỉ ? ". Đôi mắt ông già Phấn mở to, như thể ông vừa giải toả được mọi nỗi lo vẫn đang âm ỉ, chất chứa trong lòng từ mấy tháng nay. Hoà đồng với đôi mắt ấy, mái tóc bạc gần hết của ông cứ dựng lên từng túm, từng túm.

Chị Tăng nhìn bố chồng một thoáng, cũng là một thoáng ngại ngùng. Chị cố giấu cái sự khó nói của mình. Nhưng rồi chị vẫn phải rụt rè : "Có đấy ông ạ ! Lần nào họp, họ cũng nhắc con chuyện ấy !". Ông lão quay vào bếp lửa. "Thế mẹ Tăng, mày bảo họ thế nào ? Có nói ý kiến của tao hôm nọ cho họ biết không ?" Ông già chép chép miệng, quờ tay vớ cái điếu ống to bằng bắp chân. Bàn tay to thô của ông kều kều que đóm vào đống lửa. Cái điếu ống sôi lên ùng ục. Rồi ông ngửa cổ phả khói thuốc lào lên gầm giựa bám đầy bồ hóng. Chị Khởi nhìn ông : "Con chưa dám nói đâu !" "Sao lại chưa dám ? Phải nói chứ ! Mày không nói ra, họ tưởng tao cũng đồng ý đấy con à ! Mày làm cán bộ thì việc gì phải sợ ?". Chị Khởi phân trần : "Con muốn chờ nhà con về. Chủ nhật này thế nào anh ấy cũng về, bố ạ !". Ông lão Phấn đủng đỉnh : "Đợi nó cũng thế thôi ! Một, hai tháng rồi, nó chưa biết rồi nó khắc biết. Nhưng... tao cũng không làm theo đâu, không có phải chuyển chiếc gì sất ! Ở đây thôi ! Mà mày làm cán bộ, mày nghĩ xem, tao có hại già đứa nào nào ?". Rồi ông lại ngồi thừ ra một lúc lâu, trong khi chị Khởi chưa biết nói thế nào với bố chồng, thì ông lại hỏi : "Còn chuyện nhà trường phải làm thêm là đúng rồi. Thế mày có hỏi các thầy giáo không ? Cháu Tăng của tao học giỏi chứ ? Tao có thấy nó học mấy đâu mà năm nào cũng được lên lớp đấy thôi ! Cháu Gia nay mai cũng phải đi học nữa mà ! Đông đứa học trò thì phải có nhiều lớp chứ !".

Chị Tăng chất củi vào bếp rồi đi ngủ. Một mình ông lão Phấn vẫn ngồi đấy. Ông không muốn ngủ. Người già nằm nhiều đau ê ẩm cả lưng, mong mãi đến gà gáy ; gáy mãi mà trời vẫn chưa sáng cho ! Bếp lửa

cháy bùng lên, soi rõ mọi thứ trong nhà. Ở những bức tranh, những tấm bằng khen ... ánh lửa như thể đọng lại lâu hơn, rung rinh trên tấm bản đồ quy hoạch của xã. Dù không muốn, ông già Phấn vẫn nhìn thấy tấm bản đồ có nhiều màu sắc ấy, nó được treo trên bức đố trước mặt ông !

Ở xã Đồng Lạc này, người ta bảo chỉ có nhà ông Phấn là bề thế nhất. Ngôi nhà sàn bảy gian thênh thang, toàn lát bằng gỗ nhẵn bóng. Bốn bề bưng gỗ kín mít. Có cả hành lang phía trước và hai đầu nhà. Sàn phơi đằng sau nhà lại cũng ken bằng những cây bương già thẳng tắp. Ba gian giữa có cửa thông ra hành lang hai bên. Khu này mùa hè thật không đâu mát hơn. Gió rừng trong veo mang hơi nước suốt ngày ùa đến. Nhưng mùa đông về, cũng không đâu vắng và lạnh hơn đây. Ngày ngắn lại bởi chỉ sáng rõ từ quãng tám giờ sáng đến bốn giờ chiều. Bóng núi, bóng cây xanh rợp xung quanh làm cho mấy gian nhà phải luôn luôn có lửa. Hai bếp rồi ba bếp mới đủ ấm, đủ sáng. Vì thế người ta bảo đêm tối ở nhà ông Phấn là dài hơn tất cả.

Ông lão Phấn 75 tuổi rồi. Nghe câu nói ấy, ông không thích. Càng nghe nhiều càng không thích nhiều. Chả gì ông cũng có anh con trai làm việc ở tận phòng nông nghiệp huyện. Đứa con dâu là phó chủ nhiệm HTX đã từ hai vụ lúa rồi ! Còn đứa con gái đầu lòng, lấy chồng mãi tít trong chợ huyện, cả năm mới về thăm bố mẹ có đâu một hai lần. Thôi cho là như vậy cũng yên phận nó. Thực tâm mà nói thì mọi sự làm ăn, gây dựng ông dồn sức lực cho anh Khởi và những đứa cháu nội của ông. Vì thế nên cái sự chuyển nhà đến khu vực khác, làm cho ông càng ngẫm nghĩ, càng bực mình.

Hồi này, ông Phấn đang mong anh con trai đến nôn nao trong bụng. Gần một tháng rồi, anh Khởi đi họp gì mãi dưới tỉnh. Bà lão Phấn cũng mong. Chị Tăng cũng mong. Mọi người đều mong, nhưng ông lão Phấn vẫn nóng lòng nhiều nhất. Mỗi ngày đi vào đi ra bao nhiêu lượt là ông nhìn thấy tấm bản đồ quy hoạch xã bấy nhiêu lần. Dù chỉ một thoáng thôi nhưng ông cũng nhận ngay ra khu đất có bảy gian nhà mà hiện nay ông, con dâu ông và các cháu nội của ông đang ở. Khu nhà ông, như một hạt ngô vương bên đống gio bếp. Còn những nhà khác, những bản khác thì quây chụm lại như đám hạt ngô trên thúng trên sàn. Không biết

tự con dâu nghĩ ra hay ai bảo, mà từ ngày mang tấm bản đồ về, nó treo luôn ở đấy. Ngay chỗ ông hay ngồi hút thuốc, uống nước nhìn lên.

Ông nghe con dâu hỏi ba lần về chuyện chuyển nhà rồi. Nhưng ông nhất quyết không đi đâu ! Mà nào có xa ba bảy ngày đường gì ! Việc xây dựng làng bản, ông có nói sao đâu. Chi li ra, ông cũng chẳng thiếu thốn nỗi gì và cũng chẳng phiền luỵ gì ai. Đến thời kì chỉ có thu vào, mỗi năm bán đi dăm trăm bương, hóp, ngót chục năm nữa, những cây gỗ lát to lên, được việc ... lại chả hái ra bạc triệu ! Rồi đến ngày con trai ông về hưu, cứ sẵn cái đà cơ ngơi ấy mà gây dựng thêm mãi ra. Các cháu ông lớn lên dựng nhà dựng cửa, lại chả tha hồ đông, tha hồ vui ấy. Đó là sự đông vui của một bản làng toàn là những con những cháu của ông. Chính ông đã khai sinh ra và đang gây dựng cái bản làng ấy thì ông phải lo toan cho tròn cơ nghiệp ! Ông cũng suy tính chán, rát quá thì tính nước ỳ ra đấy. Hai vợ chồng già, hai cháu bé ... Họ chỉ vẽ chuyện ! Hàng nghìn năm nay, có ai lại giở giói ra cái chuyện đưa nhau về chỗ nọ chỗ kia, con cháu ông rồi cũng sẽ làm cán bộ tất cả mà ! Vậy thì ông cần gì phải đi đâu ? Tháng tháng, con cháu ông gửi biếu ông và bà lão tí nào hay tí ấy, con ông chỉ cần trông vào vườn tược, gà vịt... ngan ngỗng trong chuồng cũng đủ sống, úi dà ... Cho khéo mà họ vì ghen ăn tức ở nên đặt điều ra quy hoạch nọ kia để phá ông, ở chung... khó sống lắm chứ ! Ngay như cánh rừng chò sau nhà ông đấy, trăm thứ cây phải mọc trăm nơi. Tại sao họ cứ bắt đại thụ mọc ở những nơi người ta không cần bóng rợp ?

Nghĩ được thế, ông già Phấn nghe lòng nhẹ đi. Rít một hơi thuốc lào thật sâu, ông lại nhìn lên hạt ngô trên tấm bản đồ lẩm nhẩm : "Rồi nó sẽ thành bãi ngô ấy chứ ! Để dân làng hết lời gió tiếng mây là ông chậm tiến. Ông không chậm tiến đâu !".

Càng về khuya, đêm càng lạnh. Gió núi mỗi lúc một mạnh lên. Vắng đến nỗi nghe được cả tiếng lá khô rơi trên sàn phơi bếp sau. Cảnh ấy, đối với ông lão Phấn thì quá quen rồi. Những năm còn trai tráng, nhiều đêm chính ông đã phát lạnh người lên vì tiếng con vọ kêu thảm thiết trên rừng xanh. Nghe cứ y như tiếng khóc than của hồn núi, hồn ma rên rẩm cùng gió buốt. Ngôi nhà của ông ngày ấy lụp xụp, dựng bằng những cây rừng còn xù xì nguyên vỏ, chống chếnh và hoang tàn. Hằng tháng

mới có bóng người đi kiếm củi, săn bắn thú rừng hay đào hang bắt tê tê bước lên sàn nhà siêu vẹo rách nát của ông. Hai vợ chồng ông tay cuốc, tay dao, cặm cụi. Cùi cụi suốt mấy chục năm trời mới dựng nổi cơ nghiệp bảy gian nhà này. Và bây giờ, ngày nào là ngày không có người qua kẻ lại. Người hái chè, người lấy nứa, người kiếm củi xôn xao trong nhà, xôn xao ngoài vườn. Đâu còn cái cảnh heo hút nữa ! Bếp sau lưng ông đã nguội lạnh hơi lửa. Ông lão Phấn đấm lưng mấy cái rồi lọ mọ đi nằm. Đêm tối như bưng lấy mắt, nhưng ông vẫn nhận rõ chỗ ông định đến. Như đường ngang lối tắt trong khu vườn rộng thênh thang và cả đồi bương, đồi chè, nhắm mắt lại, ông vẫn nói vanh vách cây nào mọc ở chỗ nào, nó đã bao nhiêu tuổi...

Ông à, con dâu nó muốn đắp nền nhà ở khu ngoài kia đấy. Nó có bảo cho ông biết không ? Bà lão Phấn vung nắm sắn băm cho đàn vịt và hỏi ông thế. Ông lão đang mải nhìn đàn dê dậm dịch chạy về bỗng quay phắt lại : "Đi đằng nào một con dê rồi ? Hả, bà bảo đắp nền nhà gì ?" – "Nền nhà ở chứ nền nhà gì ! Nó bảo người ta chia đất cho nó rồi ! Nhưng tốn công lắm mới nên nền nhà, ông à !". Ông lão quắc mắt : "Cho ai ở, hả ?". Rồi ông lão nhìn lại đàn dê lần nữa. Con dao quắm trong tay ông lão tự dưng thõng xuống, ông nhìn bà chằm chằm vẻ bực bội. Bà lão vẫn thủng thẳng : "Cho nó với con nó ở ! Chắc nó sợ ông chửi nên chưa dám nói đấy thôi ! Nó bảo chờ mãi chồng nó vẫn chẳng về, nó phải làm lấy mà !". Ông lão bặm môi "Hừm ... nó mà làm được !". Tận trong sâu thẳm tâm can, ông lão thấy có cái gì nghèn nghẹt. Ông bèn gắt um lên : "Nó dám thật à ? Còn bố mẹ nó, còn thằng chồng nó nữa chứ ! Tôi bảo không đi là không đi mà. Tôi bảo nó nói với uỷ ban, nói với chủ nhiệm là không đi được. Nó không dám nói với người ta, lại còn định trốn à ? Làm dâu làm con là phải biết nghe lời người làm cha làm mẹ chứ ! Đấy, đã bảo mà, nó coi thường cả bố mẹ chồng nó rồi ! Hừ ...". Ông lão nói một thôi một hồi tựa hồ như chính bà lão là người làm cho ông bực bội. Bà vẫn đứng đấy, đống sắn bà băm đã hết, bà không dám nhìn khuôn mặt đang khi giận dữ của ông. Cái cằm lẹm càng làm nét mặt bà lão nhăn nhúm thêm. Bà đang phải chịu sự đay nghiến vô cớ. Ông lão cầm con dao thủng thẳng đi. Chỉ đến lúc ấy bà mới khẽ thầm thào : "Chả giúp nó lại còn chửi ! Ai làm gì mà chửi, ai làm gì mà đay nghiến ?". Mắt bà rơm rớm nước, bà nhìn trộm sau lưng ông. Chẳng ngờ ông nghe tiếng : "Giúp à ? Tao thì không cho làm đấy !

Hay nó ở riêng à ? Thế thì ... nó là đồ ... vô phúc rồi ! Sướng không muốn lại muốn chui đầu vào tổ ông bầu lỗ. Hừ ... Chao ơi, thật chẳng ngờ gan ruột nó lại quăn như vỏ đỗ thế !"

Ông lão lọm khọm vào khe núi đầy cỏ giác để tìm con dê lạc. Ông đi chậm lắm, vừa nghĩ ngợi lại vừa bực mình. Con dâu ông bây giờ không còn ngoan nữa rồi. Cái ngày cưới nó cho thằng Khởi, bản gần bản xa xôn xao cả lên vì một điều nhà cô bé ấy thật nghèo : Một ngôi nhà ngoãm dột tứ tung, lại một đàn em thơ dại. Bà mẹ cô ta thì ốm đứng ốm ngồi cùng năm suốt tháng. Thành ra hai bố con cô bé phải tính toán lo liệu đủ thứ cho một đời sống gia đình. Vì vậy mà càng lớn, cô bé càng vững công việc ... "Ôi dào, lấy nó làm dâu con, mình như mua được con dao thép tốt. Dao thép tốt tha hồ phá rẫy, phá rừng". Người thiên hạ không hiểu được tại sao ông lão Phấn giàu có là như thế mà lại lấy cho con trai cô vợ thật nghèo ? Ông lão nghe biết cũng chỉ cười xoà. Ông cười vì mọi người kém nghĩ, ông lại cười vì con trai ông cũng tỏ vẻ nghe và thán phục ông. Mới thế mà đã mười năm hơn rồi ! Mười năm qua, con dâu ông đúng là con dao thép tốt. Việc hợp tác, việc xã hội không bỏ buổi nào, đã vậy nó không bao giờ đi sớm về muộn. Việc nhà thì khó tính đến nhưng ông Phấn cũng chẳng chê vào đâu được. Lúc ra ngoài làng cấy lúa biết đem lọ đem chai mua dầu thép. Lúc đi làm về biết vớ bó củi que đóm dọc đường, biết cắt bó dọc khoai về cho lợn ... Còn các nết ăn nết ở thì cứ mềm như là dòng nước suối Chò ấy. Gặp khe hẹp khẽ luồn qua, gặp đá lớn thì khẽ luồn sang bên cạnh. Có bao giờ trong ngôi nhà này nghe con dâu nói nặng với bố mẹ chồng đâu. Làng bản gặp ông Phấn ở đâu cũng khen : "Cái ông lão thế mà đến tỏng con mắt, nhìn lá cây trên rừng đã biết loại gỗ quý !". Lúc ấy, ông cũng chỉ cười ...

Ông lão Phấn giơ con dao phát mấy cành đũm gai giăng ngang tầm mắt. Mưa phùn phây phất ướt ngọn lá lối đi. Ông lão lắng nghe một tiếng động từ khe núi sâu hút. Rồi tức khắc bốn bề lại khép vào im ắng vắng lặng như tờ. Ông bước đến gần mỏm đá mốc, nhìn sâu sang phía bên kia. Hình ảnh đứa con dâu lại bắt ông quay về với ý nghĩ ban đầu. Hừ ! Ngoan đấy, hiền hậu đấy, nhưng mỗi vụ vài tạ lúa, chả đủ ăn, lại phải đong thêm. Tiền đong lúa cũng do ông làm mới có. Hai đứa cháu

vẫn phải cần ông bà nuôi chứ. Nó đã nuôi được ai mà tây với riêng ? Hay nó nghĩ thế nào mà đang ở lại sinh ra trái nết ? "Ông ... ơi ... i ... !" Tiếng thằng cu Tăng vọng lên vang vào triền núi vắng. Ông lão đằng hắng đáp lại. Thằng bé rẽ lối cỏ giác đi lên. Nó ướt như chuột, đầu tóc rễ tre bết lại sũng nước... "Về thôi ông à ! Tối mù mù ra rồi, nó chưa bị đau là tự biết về thôi mà !" Ông lão thong thả nói : "Cu cứ về trước đi, tao phải tìm bằng được ! Hoài của !". Rồi ông nhặt đá ném vào từng bụi rậm và hô : "Hây ! Hây !" xuống từng khe núi. Mưa càng lúc càng dày hạt. Bóng đêm từ những khe núi lan ra. Thằng cu Tăng lại giục : "Mất một con chả tiếc mấy ! Nó lại đẻ ra con khác mà ông à ! Về thôi ông rét lắm !".

Cơm nước xong, đã chín giờ đêm. Bé Gia vẫn ngồi nỉ nót chỗ cầu thang, con bé đòi mẹ mua sách cho nó đi học : "Vào đi, mai mẹ cõng đến lớp vỡ lòng, Gia à !". Con bé thích quá, chạy xuỳnh xuỵch vào bếp. Nó ào vào lòng ông lão Phấn, ông lão phải chống một tay ra đỡ nó. Bà lão Phấn tựa lưng bên cột, giã trầu. Thằng cu Tăng thắp đèn ê a bài thuộc lòng ở trong buồng tận gian nhà cuối. Ông lão nhìn con dâu lâu lắm như cố tìm xem trên gương mặt đầy đặn của chị có vẻ gì khó chịu mà bấy lâu nay ông không để ý. Nhưng rồi ông tự xoá sự soi mói của ông. Bé Gia giơ cả hai bàn tay túm từng sợi râu bạc của ông xoắn xoắn. Bỗng ông lão nói : "Mày định làm nhà ở riêng à, mẹ Tăng ? Thế thì tệ rồi, tao đã bảo mày rồi đấy, chồng mày về, tao lại bảo cả nó nữa. Hay mày sợ nay mai chúng tao phải ăn bám chúng mày như cái nấm sống nhờ cây khác ? Hay còn thiếu cái gì nữa ? Mày đã hỏi được chồng mày rồi à ?". Ông lão đặt đầu bé Gia xuống đùi rồi rót bát nước chè đặc đen, mặt ông dãn ra, những nếp nhăn hai bên má xệ xuống. Ông quay lại nhìn bà lão khi ấy vẫn đang bỏm bẻm nhai trầu. Rõ là ông có vẻ buồn bực lắm. Thế nhưng bé Gia cứ thả sức cựa quậy trong vòng đùi xếp bằng tròn của ông, ông vẫn mặc chị Tăng nhúc nhắc mãi trong ghế mới dám nói : "Con chưa hỏi nhà con nhưng vẫn phải làm ; làm rồi hỏi cũng được ông à !". Bé Gia vươn tay ra phía mẹ kéo cái khăn len. Chị đưa khăn cho con nhưng không dám nhìn vào mặt bố chồng. Ông lão đủng đỉnh nói : "Không được đâu. Không ai làm thế đâu ! Làm nhà là việc lớn chứ ! Phải có người bảo ban cho chứ ! Người bảo cho mà biết ấy cũng phải là người lớn, sống lâu nữa chứ.". Chị Tăng phân bua một

cách gượng ép : "Thì con mới cũng chỉ nhận đất thôi mà chứ đã làm đâu, còn phải đợi nhà con !".

Ông lão Phấn vơ cái điếu ống, thổi vào nõ điếu làm điếu sôi lên ùng ùng. Trò ấy ông đã nghe hết. Nó nói thế cốt chỉ để vừa lòng ông thôi. Ông cười : "Mày nghĩ thế nào không biết, không ai biết. Nhưng hơn hai mẫu đất trong rào này có dính gì vào việc của xã đâu ! Sao lại cứ bắt người ta phải làm theo ý họ muốn nhỉ ?". Rồi ông lão đón que đóm từ tay cháu, bập bập hơi cho mồi thuốc bén lửa, nhưng ông không hút ngay vì ông nghe bà lão nói : "Bảo con người khai hoang lên ở xã mình nữa mà, sao không đưa họ về những chỗ ấy ?". Chị Tăng nghe mẹ chồng hỏi, suy ngẫm một lúc, đôi mắt chị bỗng sáng lên : "Có đấy mế à. Đợt này họ về cũng đông. Nhưng họ ở rải rác ấy mà. Chỗ gần ủy ban cũng có, chỗ ngã ba cây khế cũng có. Những hộ có người biết buôn bán, có nghề như nghề thợ rèn, thợ may, thợ điện thì ở gần trung tâm xã. Khu đất nhà mình đang ở bây giờ, rồi xã sẽ đào mương đắp bai lấy nước tưới lúa cho cả xã, rồi nuôi cá, chăn nuôi đại gia súc. Nhưng con cứ nghĩ cái chính là xã mình muốn làm đập thuỷ điện. Chỗ nhà mình đất trũng, khi đắp xong, bai nước sẽ tràn lên, thành nước úng. Mà không úng, mình trồng gì, làm gì cũng bị gia súc nó phá mất công, bố à !". Ông lão Phấn quên cả hút thuốc đáp ngay con dâu : "Phá à, đến lúc ấy thì bờ rào của tao có con chim chui qua cũng khó. Các con cháu tao làm năm nhà, bảy nhà trong khu đất này vẫn rộng chán. Gỗ đấy, tre bương đấy, dê, bò, gà, vịt đấy ... Việc gì phải ra ở đút ở nhét, ở tận trên những gò đồi rặt một giống đá thối ! Rồi lấy gì ăn, lấy gì tiêu ? Rồi các cháu tao phải đói à ? Lúa không nhiều, hoa màu không có, trâu, bò, dê không đủ cỏ mà ăn ... Hừ, mày nghĩ quẩn rồi, mẹ Tăng à !". Nhưng liền sau cái câu ông bảo con dâu ông "quẩn" bỗng ông ngượng. Chả là vì có một lần cách đây khoảng hai năm, ông được con trai Khởi đưa đi khám bệnh tận trong huyện, cũng là nhân thể anh muốn ông đi chơi chỗ này, chỗ nọ. Gần trưa hôm ấy, bác sĩ khám bệnh cho ông xong, cô y tá lấy thuốc cho ông gói vào từng gói và dặn ông cách uống thế nào, rồi cô còn đưa ông về tận nhà. Đường lại khá ngoắt ngoéo. Về đến phòng của Khởi, cô bèn lôi cái quạt cây ra bật công tắc nhưng không có điện. Ông lão thì nóng toát mồ hôi. Cô đi rồi, ông quạt lấy quạt để bằng cái mũ cọ méo vành, phải như những lúc này mà ở nhà, ông chỉ việc nhảy ùm

xuống suối Chò mát đến tận cổ. Đang khi mồ hôi mồ kê vã ra thì ba cái cánh quạt bồng dưng quay tít và nó từ từ quay quanh cái trụ. Ông liền đứng lên giữ cho nó đứng im để hướng cái gió vào đúng chỗ ông. Nhưng ông không tài nào giữ được". Hừ, không giữ được mày thì tao đi theo mày vậy. Và thế là cái quạt xoay sang phía nào, ông Phấn đi theo hướng ấy. Có như vậy ông mới được mát liên tục mà. Cứ thế ông đi đi lại lại cho đến lúc anh Khởi về thì ông đã bệt xuống giường. Anh con trai vui vẻ hỏi bố : "Mát chứ bố, bao giờ bản mình mới được dùng cái quạt này thì vui thích lắm !". Ông lão Phấn vừa trả lời con trai vừa thở hào hển : "Hừ ... mát ... thì ... có ... mát đấy... nhưng mà mệt lắm con ơi !". "Sao kia ạ ?". Khởi tưởng bố ốm thêm sau lúc đi khám bệnh về nên lo lắng nhìn bố hỏi : "Tại sao nó xoay nhinh xoay nhang, xoay lung ta lung tung, bố cứ phải đi theo mãi nó mà !". Lúc đầu anh con trai cười rũ ra, sau nghĩ mà thương bố quá. Đi đi lại lại gần cả tiếng đồng hồ như thế làm cái gì chả mệt. Anh dặn : "Bố muốn nó quay hướng thẳng vào chỗ nào chỉ việc rút cái "nút" này lên, con chưa từng thấy ai lại chạy theo quạt để mát như bố bao giờ !" ... Thì bây giờ, con dâu ông đang nói rồi đây người ta sẽ đắp bai to, cao giữ nước tưới làm thuỷ điện. Nước lã mà cũng làm ra điện được ư ! Ông lão ngẩn ra một lúc. Bà lão ra ý bằng lòng với con dâu, góp lời thêm : "Nó bé thế khéo phải đi học trọ ở nhà ai gần trường đấy nhỉ ? Nhưng ... xa cháu là tôi không có yên được đâu. Mà con bé thì đi xa thế nào được." Ông lão ngồi im ôm đứa cháu. Chị Tăng lại ôn tồn : "Trước mắt, con nghĩ cũng khó khăn nhiều đấy. Ông bảo con cũng phải ... Nhưng bây giờ vừa phải lo cho các cháu no đủ, lại phải lo cho các cháu học hành đến nơi đến chốn nữa. Ở đây đi xa quá, mà các cháu của ông bà phải học rất nhiều, học cả ngày, cả đêm, được xem vô tuyến. Được học cả tiếng nước ngoài...". Ông Phấn cau mắt hỏi cắt ngang lời con dâu : "Vô tuyến là con gì mà phải xem nó ?". Chị Tăng nghe bố hỏi cố nhịn cười giải thích : "Nó là cái máy thu hình, ông bà ạ giống như ta xem phim ấy mà. Chỉ có điều vô tuyến thì nó nhỏ hơn, trong nước có tình hình gì, hay các nước trên thế giới có chuyện gì người ta phát sóng là vô tuyến thu phát lại ngay, mình xem được rõ người, mình nghe hết mọi điều họ nói ...". Không khí gia đình bỗng trùng hẳn xuống, chị Tăng nói tiếp : "Mình chỉ lo no bụng lành áo, lành quần mà thôi. Người ta làm, mình không biết đường mà

làm người ta khinh cho chứ ạ ! Mà lo như kiểu nhà mình đang lo là chỉ biết lo cho riêng mình !". Chị còn định nói thêm nữa nhưng thấy thoáng buồn trên nét mặt bố chồng qua làn khói mỏng, chị thoắt ngừng. Nom ông lão như già xọm hẳn đi ! Đôi mắt ông nheo nheo nhìn mãi vào bếp lửa.

Ông lão khó nghĩ rồi !

Bà lão chống tay xuống sàn đứng lên cất mủng trầu nói góp : "Mẹ Tăng à, mẹ con mày đi, chỉ còn hai người già ở đây, nhỡ ốm thì chết mất !".

Ông lão lúc ấy mới ngẩn ra. Ôi ! Lại còn có cái việc thế nữa ? Chị Tăng nhỏ nhẹ khiêm nhường : "Ông cho con xin cháu !". Và chị bế con, lại nói tiếp : "Ông bà bảo, con biết thế. Nhưng ông bà quyết ở lại, chúng con cũng vẫn phải xin đi thôi ... Khổ, chúng con cũng chịu... Ông bà ngày xưa còn khổ gấp mấy chúng con bây giờ ấy chứ !".

Đưa đứa cháu cho con dâu rồi, ông lão Phấn ngồi trơ ra. Bếp than đã nguội. Đêm lạnh ùa vào khiến lòng dạ ông trống trải. Ông cũng chẳng muốn thổi cho bếp lửa cháy lên, vì ông đang còn mải nghĩ. Con dâu ông đã nói như thế, là nó có ý định thật rồi cái lí do để nó đi, ông không thể bắt bẻ nó được. Nay mai, con dâu ông đi, hai cháu ông cũng đi, ông sẽ còn thấy trống trải đến đâu ? Liệu ông có thể làm gì để khuây đi tình thương nỗi nhớ ? Ông biết, ông không làm được gì để đỡ nhớ chúng được. Hơn năm mươi năm nay, ông đã bù chi bút chít trên khu đất này chỉ vì chúng nó. Ông đã chọn cho con cháu ông một nơi xa hẳn với mọi sự va chạm ngoài đời. Nhưng, con cháu ông giờ lại muốn đến ở những nơi có nhiều va chạm. Thật ông không hiểu được bụng chúng nó nữa.

Gió giữa đêm luồn qua khe bức đố. Tấm bản đồ bay bay quật qua khung cửa. Từ một khoảng tối tận trên lưng chừng núi, tiếng con chim lợn vẳng về. Ông lão ngẩng lên dỏng tai nghe. Ông khẽ "à" lên một tiếng. Đúng con dê bị lạc từ lúc chiều rồi. Tiếng "be be" của nó run lên lẻ loi. Đàn dê dưới gầm sân nhốn nháo. Vài ba con cất tiếng kêu lại. Rồi tiếng kêu ấy càng lúc càng dồn dập và thôi thúc. Vốn tính cẩn thận lại chắc chắn, ông lão vẫn im lặng nghe. Đúng thật là nó rồi, con dê tơ

vẫn rên rỉ bên ngoài hàng rào tre hóp. Chắc nó đang cố húc đầu vào bụi tre mắc gai, lại cất tiếng kêu thảm thiết gọi bầy. Đàn dê trong chuồng càng rậm rịch càng nhốn nháo và càng kêu to hơn : "Hừ ! ... cái giống đến lạ ... vắng một con mà không chịu ngủ... Một con lạc, cả đàn vẫn thức gọi ... Được rồi, ở đấy rồi tao ra, tao dẫn về chuồng !".

Ông lão đập mấy cây đóm, thổi lửa phì phò.

"Kệ nó, mai thả đàn ra nó lại gặp nhau thôi mà. Rét và tối thế, đi làm gì cho nó khổ thân, ông à !". Nghe tiếng bà lão gàn, ông không dừng chân, vẫn bước xập xuỳnh. Bó đuốc trong tay ông bén lửa rực lên. "Hừ ! Bà nghe nó kêu thế, không buốt ruột, nằm yên được à ! Nó cũng như con người ấy chứ bà còn sợ các cháu bà nó bỏ bà đi ở chỗ khác, con dê nó cũng không ngủ được khi bạn nó vẫn đang lạc ngoài rừng !" "Cứ để ông đi. Con cũng đi lùa về với ông. Cháu có dậy, mế ru nó hộ con, mế à !"

Ông lão cầm bó đóm dụi tàn vào gốc khế. Mưa bụi vây quanh ông. Ngày mai thứ bảy, chắc thằng Khởi phải về. Ông nghĩ thế, bước qua mô đá. Mưa lạnh làm ông không nhớ ra rằng Khởi đã có bận nói với ông, ở nhà có sự gì khó khăn, cứ hỏi mẹ thằng Tăng cũng được ! Vậy thì, nó về nó cũng sẽ nói như vợ nó thôi. Ông lão vừa giơ dùi gõ gõ vào chốt then cửa cổng, chị Tăng cũng vừa đến. "Ông cứ đứng đây, để con lên đón nó về cho !". Chị Tăng nói thế và lần lên rừng cào cỏ. Tiếng con dê nghe mỗi lúc một rõ dần. Ông lão Phấn đứng yên chỗ cửa vườn để vừa nghe vừa nhìn. Trước mắt ông, bó đuốc cháy nỏ trong tay con dâu, ánh lửa toả lên không trung một vầng sáng lớn ...

Thị xã Hoà Bình

Lời bình

Ở cái tuổi bảy lăm, sau bao gắng gỏi, lam làm, dành dụm, ông Phấn có quyền tự hào về cái cơ ngơi do vợ chồng ông đã gây dựng được : bảy gian nhà ngói vững chãi, vườn cây đang độ hái ra bạc triệu, con cái ông

nay đã phương trưởng nên người ... Mà suy cho cùng, việc ông dồn tâm, dồn sức lo tính đâu phải để mình ông hưởng. Nó chính là cái phúc ông muốn để lại cho đời sau : Rồi sẽ có một bản làng "đông vui", và tất thảy các thành viên của cái bản làng ấy là con ông, cháu ông. Vậy mà người ta đang định buộc ông đi chỗ khác, phải từ bỏ cái thế giới mà ông đã nung nấu suốt một đời người. Thử hỏi, làm sao ông không suy nghĩ, cáu giận ? Và chẳng phải ai xa lạ, cô con dâu - "con dao thép tốt" mà ông đã tinh ý lựa về cho Khởi lại là người đang xa gần nói đến chuyện ra đi. Tình thế đẩy ông Phấn rơi vào cảnh tiến thoái lưỡng nan. Đây chính là cái mạch trọng yếu mà Hà Trung Nghĩa có ý xoáy vào để lột tả chiều sâu tâm lí nhân vật. Ông Phấn nhìn con dâu mà thấy "có gì nghèn nghẹt", "Chao ôi, thật chẳng ngờ gan ruột của nó lại quăn như vỏ đỗ". Cái công trình thuỷ điện mà con dâu ông đang nói đến, dù không thật am tường, ông cũng thấy hấp dẫn, nhưng nó sao bằng được "giang sơn" của ông. Đó là mồ hôi, nước mắt, hồn vía ông hoá thành kia mà. Những trăn trở, giằng xé nội tâm của nhân vật đã được tác giả miêu tả khá hợp lí. Cũng không thể "sốt ruột" mà trách ông Phấn, chuyện gắn với quê, gắn với mái nhà xưa nay vốn là chuyện "tối quan trọng" trong tâm thức người nông dân xứ ta. Nó thể hiện một lối sống thích yên ổn. Bởi thế, cái giờ phút lựa chọn đi - ở đâu phải là chuyện một sớm, một chiều. Chỉ có điều, ông Phấn không thể "ì" ra được như ông từng nghĩ.

Ông thấy trống vắng khi con cháu chuyển đi. Vả lại, chuyện "con ti vi" với những "phép màu" của nó, chuyện mọi người đang chuẩn bị di dân, chuyện vợ ông đứng về phía con dâu ... càng làm ông rối trí. Ông như "già xọm hẳn đi". Cái bó đuốc cháy nỏ trong tay nàng dâu đêm thung lũng "toả lên không trung một vầng sáng lớn" là chi tiết có tính ẩn dụ. Nó như là tấm lòng thơm thảo của mẹ Tăng, nó cũng là cái "vầng sáng" trong cái nhìn của ông Phấn : ông đã biết thoát khỏi sự trói buộc chật hẹp của tính tự tư, tự lợi để hướng về cuộc đời chung.

Có thể nói nghệ thuật phân tích tâm lí của Hà Trung Nghĩa có chỗ đạt đến mức tinh tế. Nhưng tôi cứ lấy làm tiếc, nếu anh biết chắt lọc hơn trong cách dựng chi tiết, phần tìm con dê lạc chuồng "nén" lại gọn hơn thì chắc chắn tính hấp dẫn của tác phẩm sẽ được nhân lên.

Nguyễn Đăng Điệp

Nguyên Ngọc

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Ngọc Báu. Sinh ngày 15-9-1932.

Quê quán : Xã Thăng Uyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Tác phẩm đã xuất bản : *Đất nước đứng lên* (tiểu thuyết 1956) ; *Mạch nước ngầm* (truyện vừa, 1949) ; *Rẻo cao* (truyện ngắn, 1962), *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* (kí, 1969) ; *Rừng xà nu* (truyện và kí, 1969) ; *Đất Quảng* (tiểu thuyết, 1971) ...

Tham gia viết nhiều kịch bản phim, trong đó có *Đất nước đứng lên, Đường mòn trên biển* ...

Giải thưởng văn học : Giải thưởng Văn nghệ Việt Nam (1954 -1955) - tiểu thuyết *Đất nước đứng lên* ; Giải thưởng Văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu (1965) - truyện ngắn *Rừng xà nu* ; Giải thưởng văn học Quốc tế, Giải Lotus, Hội Nhà văn Á Phi (1973) - những tác phẩm thời kì chống Mĩ cứu nước.

RẺO CAO

Tặng các đồng chí Bắc Cạn

Thế là chuyến công văn hôm nay lại lên muộn rồi. Đồng chí Cấm, bí thư xã Nà Lường sốt ruột lắm. Nước ở con suối đầu bản róc rách nhỏ từng giọt vào trong lòng, trong ruột Cấm.

– Mùa xuân lại làm chậm báo Đảng mất rồi. Ông trời đẹp lại giữ đồng chí giao thông huyện ở dọc đường rồi. Lần này không thương nó được nữa, phải phê bình nó một trận chứ. Nó yêu cái hoa mùa xuân hơn cái báo Đảng sao. Cái thằng !

Đồng chí giao thông huyện chính là cháu gọi Cắm bằng chú. Cắm biết nó từ khi nó mới lọt lòng mẹ, nó còn bằng cái nắm tay thế này, nó đỏ như một hòn máu. À, thế mà nó nhớn nhanh hơn một cái cây bên suối đấy. Không biết cái gì nuôi nó nhớn nhanh thế. Đi ra ngoài nương, đi về trong nhà, đã thấy nó nhớn bằng con lợn ba tháng rồi. Tra lúa, lúc có sữa, nó đã lớn bằng con hoẵng con rồi. Lúa chín thì nó biết ngồi. Gặt lúa thì nó biết đứng. Lại đốt rẫy thì nó biết đi. Từ đó, Cắm cứ tính tuổi nó bằng mùa mưa. Một mùa mưa, hai mùa mưa, ba mùa mưa. Thằng bé lúc đầu còn như một con bê, sau nó thành một con chó lài, sau dần dần thì nó đã trở thành một con cọp, một con cọp thật đấy. Rừng nào, núi nào nó cũng không chừa. Bụng nó sáng như thắp đèn trong ấy. Cái gì nó cũng biết, chỉ có cái sợ là nó chưa biết. Cứ mỗi mùa mưa, Cắm lại quệt cho nó một cái quệt than đen sì lên cây cột nhà. Năm cái quệt, sáu cái quệt, bảy cái quệt. Cắm tính tuổi cho nó nhưng lại quên tính tuổi cho mình : khi cây cột của thằng bé được bảy cái quệt than, thì quanh mồm Cắm đã lún phún đầy râu là râu. Nhưng năm đó xảy đến một việc lớn lắm, việc đó làm cho Cắm bỏ cái cột nhà còn trơ bảy cái quệt than đấy, không quệt thêm được cái nào nữa. Năm ấy, ông Cụ qua bản. Thoạt đầu thì Cắm rất lạ. Cái lạ đó đến bây giờ cũng còn lạ. Ừ, cũng mùa xuân như thế này đây. Cũng con suối đầu làng ấy, cũng nước róc rách chảy như thế đó. Cũng những vách núi cheo leo vây kín cái thung lũng hình sừng trâu này. Có gì khác đâu. Nhưng sao lại xảy đến một việc lạ như thế. Trên cái làng Mèo chót vót trên đỉnh núi quanh năm mây phủ này, nếu khi nào có khách lạ đến thì khách lạ đó cũng chỉ là con hổ đói mồi, một con lợn rừng lạc bầy. Chưa bao giờ có khách lạ là người đến đây, lội qua cái suối này, leo lên hòn đá này, bước lên cái thang này, vào ngồi trong nhà này. Thế mà lần ấy lại có người khách đến. Người gì ? Lúc đó không ai biết rõ. Ông Lãi thì bảo : người Tày đấy ! Ông Thá thì bảo : người Nhắng đấy. Ông già Rỉ chột mắt, cái gì cũng biết thì bảo : người Mèo ta thôi. Bà cụ Kiên thì bảo : không phải đâu, người Kinh đấy lố. Nhưng ông cụ già nhất làng gọi riêng Cắm ra đầu suối nói rằng : Tất cả đều không ai nói đúng, đó là người cách mạng.

Người cách mạng là giống người ở núi nào, xưa nay Cắm chưa nghe nói đến.

Cắm được nhìn ông Cụ có mỗi một lần, một lần dài suốt một đêm. Thế mà bây giờ còn tiếc mãi, tiếc mãi. Biết thế khi đó ta nhìn nhiều nữa cho no mắt. Bởi vì ông Cụ có phải là ai lạ đâu. Ông Cụ chính là Bác bây giờ !

Ông Cụ chỉ ghé qua cái làng Mèo có mỗi một đêm mưa. Rồi đi. Ông Cụ đi về phía trước mặt kia, chỗ vách núi vẫn dựng cao vòi vọi. Sau đó ít lâu, Cắm cũng bỏ nhà, bỏ nương, bỏ cả thằng cháu bé, bỏ cả cây cột nhà mới quệt được bảy cái quệt than mà đi. Cắm đi năm năm, chưa một lần nào được gặp lại ông Cụ nữa. Nhưng Cắm biết rõ là mình đi theo ông Cụ đây. Mỗi con suối Cắm lội qua, mỗi ngọn núi Cắm leo lên, mỗi bước chân Cắm bước đi trên đường, Cắm đều nghĩ chắc chắn rằng : bước chân ông Cụ cũng đã giẫm lên chỗ này đây, chính chỗ này đây và như thế thì nhất định là đi đúng con đường tốt rồi. Con đường đó Cắm đi năm năm thì tới ngày Độc lập.

Khi cách mạng đã lên rồi, Cắm trở về làng. Ồ, cái thằng bé gọi Cắm bằng chú. Coi kìa ! Nó đã thành một thằng con trai lớn tồng ngồng. Cái lưng nó đã rộng bè bè và hơi còng lại như lưng một con thú rừng sắp vồ mồi. Tóc nó đen và dài. Và cặp mắt nó thì đích là cặp mắt của một người Mèo thực sự, xếch lên một chút, sáng như hai đóm lửa trong rừng khuya và sâu đến nao lòng những cô gái nào vô tình nhìn vào đấy. Mới đầu, nó không nhận ra Cắm. Cái thằng bé !

– Mày không biết tao nữa à ? Tao nuôi mày từ khi mày còn đỏ như hòn máu đấy. Tay tao tắm cứt trâu trên đầu cho mày ở suối này đấy. Mày không biết sao ? Tao quệt cho mày bảy cái quệt than đen đấy !

Thế là nó nhảy tới, đúng là một con thú rừng thật, nó nhảy tới vồ lấy chú nó, rú lên :

– A, chú Cắm, chú Cắm, chú đi cách mạng đã về rồi ! Thế còn ông Cụ có về với chú không ?

Cắm ngồi xuống sàn nhà, dựng khẩu súng vào giữa hai chân, gác mũi súng lên vai :

– Ừ, tao già rồi.

Anh ngồi trầm ngâm đến tàn một điếu thuốc.

– Ừ, tao già rồi. Cách mạng chưa xong đâu, tao về rồi mày lại đi đấy. Ông Cụ còn đi cách mạng, đã xong đâu mà về. Còn gian khổ đấy. Còn thằng giặc đấy.

Cắm đã già đi nhiều thật. Anh leo thang, hai đầu gối mỏi dừ. Ngày trước đuổi con nai một ngày trong rừng, gối con nai nhão đi rồi, gối Cắm gõ còn kêu boong boong như gỗ lim. Thế mà bây giờ ... Các đồng chí bảo : Cắm già, yếu rồi ! Cắm không nghe. Cách mạng chưa xong, không chịu về đâu ! Các đồng chí phê bình. Phê bình thì phê bình, Cắm cũng đi cách mạng cho đến cùng kia. Ông Cụ đấy, không già như ông nội Cắm sao, ông Cụ còn đi kia mà. Về sau các đồng chí giao nhiệm vụ cho Cắm : Cắm về xã, về làm cách mạng ở xã. Ở xã cũng phải làm cách mạng chứ. Ở đâu còn có người khổ, ở đấy đều phải làm cách mạng. Ừ, thế thì Cắm về ...

Mười năm qua, Cắm về làm cách mạng ở cái xã Mèo cheo leo trên đỉnh núi này. Mùa mưa đến, mùa mưa đi, rồi mùa mưa lại đến, như một người bạn chí tình, không bao giờ lỗi hẹn. Tóc Cắm dần dần bạc đi từng sợi. Nhưng cách mạng thì Cắm không bỏ được. Cắm làm Chủ tịch xã. Ừ, cũng vào dạo một mùa mưa, tiếng súng nổ dưới Phủ Thông Đèo Giàng, Cắm dẫn một đoàn dân công Mèo đi vác súng, đạn, gạo ăn, nước uống cho bộ đội. Đoàn dân công của Cắm đi gần một con trăng, đến khi về thì thiếu mất một người. Người đó là thằng cháu của Cắm. Nó chẳng mở miệng nói với Cắm một tiếng nào cả. Suốt mười ngày Cắm thấy nó lầm lầm lì lì, mặt lúc nào cũng như cái mặt của hòn đá thế. Cắm bảo bụng : nó nghĩ cái gì thế ? Sao nó không hát nữa, sao nó không đùa nữa ? Hàng ngày nó hát hay đến cháy trái tim con gái Mèo kia mà ? Hay là nó mất tinh thần rồi ? Hừ, tao nuôi mày lớn lên bằng này mà mày làm nhục tao à !

Một buổi sáng, nó nói với Cắm :

– Chú à, cháu cũng đi cách mạng thôi.

– Đi dân công cũng là đi cách mạng chứ.

– Không, cháu đi cách mạng với bộ đội kia.

Thế là nó đi.

Mãi đến lúc đó Cắm mới sực nhớ ra rằng nó đi rồi thì mình còn có ai thân thích nữa đâu. Cắm lớn lên như một cái cây trơ trụi giữa bãi tranh, không có cha, không có mẹ. Thằng cháu của Cắm cũng thế, mới lọt lòng mẹ thì nó đã là một thằng bé mồ côi. Cắm nuôi nó, lo cho nó mà quên lấy vợ cho mình. Rồi Cắm đi cách mạng. Rồi Cắm lại về với nó. Bây giờ nó đi ư ? Cắm lại như cái cây đứng chơ vơ giữa đám tranh dày. Trên đường từ mặt trận về nhà, leo qua đèo Keo Cọ trắng xoá, bụng Cắm lao lung biết chừng nào, khi buồn vì nó đã đi, khi vui vì nó đã nên một người Mèo cách mạng, bụng Cắm lao lung như con suối khi gặp một ngả quẹo quá ngoặt, nó dồn nước lại, lưỡng lự không biết chảy đi đâu, rồi nó tràn lên đầy ắp cả hai bờ ...

Ít lâu sau Cắm làm thêm Bí thư xã nữa. Lại đi tiếp tế cho bộ đội, lại đi họp trên huyện, lại lãnh đạo nhân dân tăng gia. Mùa mưa đến. Mùa mưa đi ...

Thế rồi một hôm thằng bé trở về. Nó bảo :

– Chú ơi, thắng giặc rồi. Bây giờ tôi về làm cách mạng ở xã đây.

Nó về làm giao thông cho huyện. Huyện chọn nó làm giao thông vì nó đã học được chữ ở bộ đội. Bụng nó vẫn như xưa, có thắp đèn trong ấy. Nó đọc báo, đọc công văn vanh vách :

– Cái giấy này là : Kính gửi ông Lý A Pù, ngày 18 tháng 4 năm 195 ... Uỷ ban hành chính huyện trân trọng kính mời ông ... ; Cái báo này là kính gửi ông Lò Văn Nàm, này nhé, xã luận : Đế quốc Mĩ âm mưu can thiệp ...

Nó đi công văn từ huyện về khắp các xã. Mỗi khi nhắc đến nó, Cắm nói :

– Đồng chí ấy công tác ở huyện. Bận lắm lố. Huyện ta có những hai mươi bốn xã. Mỗi xã một tên. Thế mà nó đọc không nhầm một tên nào.

Đọc tên đồng chí ghi trên giấy xong là nó cứ thế đi thẳng một mạch từ huyện xuống đến tận xã có cái tên đó, xã gần nhất cũng là ba chục cây số, ít ra cũng leo hai cái đèo. Phải nhận nó là một tay đi núi cừ khôi. Mùa mưa nước lũ đánh tan tác những thân gỗ bốn, năm người ôm

như ta lấy chân đạp giập một que nứa, thế mà nó cũng lội qua được suối. Có khi nó leo lên cây cao, chuyền từ ngọn cây này qua ngọn cây khác như vượn. Hai mươi cây số đường núi, nó đi một buổi, ngựa đi cũng thế thôi chứ gì. Nó còn bảo :

– Bao giờ Đảng cho cái xe về húc bớt mấy cái núi này, mở rộng con đường ra, thì tôi phải công tác xe đạp mới được.

Cắm cười :

– Ba hoa nhé ! ...

Nhưng nó còn mỗi một cái khuyết điểm nặng, chắc là huyện chưa biết rõ. Cắm biết rõ, nhưng còn nể nó, chưa thẳng thắn phê bình : đó là nó công tác kém về mùa xuân. Hễ cứ đến mùa xuân, khi những sườn núi Mèo lẩn trong sương mai trắng xoá bắt đầu nở những đoá hoa màu tím nhạt, thì y như rằng hoa tím lại giữ chân đồng chí giao thông huyện ở dọc đường mất thôi. Nó giắt công văn, giấy tờ vào lưng quần bên cạnh con dao rừng lúc nào cũng sáng xanh, nó lại bỏ con đường mòn mà lần theo các sườn núi hái hoa. Thành ra đường nó đi dài đến gấp đôi ngày thường. Cắm biết thấu ruột non ruột già nó rồi : nó hái hoa cho gái. Nó tạt vào một cái làng ở chỗ đỉnh núi xanh kia ; nó lại lưng giắt công văn, chân nhảy cò cò, thổi khèn tặng hoa cho một cô gái Mèo mà Cắm chưa biết mặt bao giờ. Mỗi năm nó lại thay đổi một cô. Nước mắt các cô gái Mèo khổ vì nó và sung sướng vì nó có lẽ đã chảy đầy một cái bát sứ to mua ở dưới phiên chợ tỉnh về ...

Thế là hôm nay nó lại làm chậm báo Đảng nữa rồi. Cắm ngồi ở cửa nhà, nghe con chim kêu và thấy trời tím trên đỉnh núi, biết là đêm sắp đến, ruột nóng cồn cào.

Cái thằng !

Cắm đã chùi đi chùi lại khẩu súng trường đến một chục lần. Chùi súng xong lại lau đạn. Những viên đạn trông hệt một đàn chuột con vàng chói. Chuẩn bị đến thế rồi mà nó cũng còn chưa về cho Cắm đi ngay. Cắm còn phải đi báo xuống xóm nữa chứ. Cắm là phát hành viên của xã Nà Lường này kia mà. Ở dưới xóm, báo đến chậm, người ta lại phê bình Cắm thôi :

– Đồng chí Bí thư phát hành viên lên báo chậm lắm lố, khuyết điểm to lố. Chúng tôi chờ nghe báo mòn hết hai con mắt rồi còn gì !

Cắm làm phát hành viên xã từ một năm nay. Lúc đầu huyện giao công tác đó, Cắm có hai điều thắc mắc : một là công tác bận lắm – nào vận động nhân dân chăm sóc làm sao cái nương cho tốt, nào lo dựng hai kho thóc ở xóm Nà Ngấn, xóm Văn Thụ chưa xong, nào còn phải tổ chức phân đoàn thanh niên xóm Lâng Lường nữa chứ ... – trăm công nghìn việc, bận lắm, bận lắm, người Bí thư cũng chỉ có hai tay hai chân, không mọc được năm sáu cái nữa đâu, còn phát hành sao nổi. Từ cơ quan xã, – tức là nhà Cắm – xuống xóm gần nhất – xã Nà Lường có bốn xóm – cũng mất hai mươi cây số. Hai là Cắm không biết chữ, đưa báo nhầm mất thôi ! Đồng chí Bí thư huyện không nói gì cả, chỉ gọi Cắm đến trụ sở, mở rộng một tờ báo ra trên bàn, và đọc :

"**Nhân dân**, *cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam* ..."

Thế là Cắm đứng phắt dậy :

– Tôi sai rồi, đồng chí Bí thư ạ. Tôi sửa chữa thôi. Báo này cơ quan trung ương của Đảng, thế thì tôi phải đi. Được, tôi đi được...

Từ đó, hàng ngày buổi chiều Cắm lại chờ thằng cháu về, nhận báo, rồi đi xuống xóm. Cắm đi ngày đi đêm, vai đeo súng, báo cuộn tròn trong ống nứa đeo lưng. Mưa hay nắng, hay gió bão, báo Đảng cũng không dừng lại một ngày nào, một đêm nào, một giờ nào trên những sườn núi Mèo cheo leo, hiểm trở và ẩn hiện trong mây này ...

*
* *

Nửa đêm, đồng chí giao thông huyện mới về. Thấy chú còn đốt lửa ngồi chờ, anh ta dừng lại trên ngưỡng cửa, đằng hắng ra hiệu. Cắm không ngẩng đầu lên, giọng nói ồ ồ :

– Còn ho cái gì, vào đây, ngồi đây ! Tao phải phê bình mày một trận, không thương đâu.

Cánh cửa mở toang ra. Cùng với khí lạnh của đêm mùa xuân trên núi cao, bỗng toả vào nhà một thứ hương hoa tím nhạt, xa vắng và gần gũi,

thoang thoảng êm dịu tưởng như mùi thơm của cả mùa xuân, của cả núi rừng Mèo. Trong một cái nháy mắt, mùi thơm đến tận đáy lòng ấy làm nguội tất cả cơn giận của Cắm. Nhưng Cắm cũng còn cố ra vẻ càu nhàu :

– Hừ, thôi được, để tao đi kẻo chậm báo đã. Đi về rồi tao mới phê bình mày. Không chỉ phê bình bằng mồm đâu lố, phê bình bằng cả nắm tay nữa, nghe chưa ?

Một trận cười giòn tan bỗng vang lên. Cắm đốt lửa suốt đêm vẫn không ấm được căn nhà trống trải của một người suốt đời không vợ con. Thế mà chỉ một trận cười của nó bỗng xua hết khí lạnh đêm khuya, xua hết cái lạnh lẽo trong cả cuộc đời đã đậu trên mái tóc Cắm thành những vết bạc ngày càng loang rộng ra.

Nó ngồi xuống bên cạnh. Nó đọc :

– Cái này của ông Lý A Pù lố.

Cắm bảo :

– Xóm Nà Ngấn, biết rồi.

Anh cuộn tờ báo cẩn thận cho đến khi nó chỉ còn nhỏ bằng thân cây sậy khô, rồi buộc lại bằng một sợi chỉ đỏ. Chỉ đỏ là ông Lý A Pù.

– Cái này của đồng chí Ma Văn Keo.

– Biết rồi, xóm Nà Thăn đấy.

Cắm buộc một sợi chỉ xanh.

– Cái này của ông Mã Thế Sinh.

– Biết rồi, xóm Văn Thụ.

Cắm buộc một sợi chỉ vàng.

– Cái này kính gửi đồng chí Chu Quốc Viên.

Cắm bảo :

– Ở tận xóm Làng Lang đấy nhé.

Anh buộc một sợi chỉ trắng.

Anh nhét tất cả vào ống nứa, đậy nắp cẩn thận, đeo bên hông. Rồi anh đứng dậy, khoác súng lên vai :

– Cơm trong bếp, còn nóng đấy. Thịt nai trong cái chảo. Ăn rồi ngủ đi.

Anh đi ra cửa. Thằng cháu cũng đi ra theo. Đêm đã khuya lắm. Những đỉnh núi Mèo nhọn hoắt in đậm trên một bầu trời lơ thơ rất ít sao. Gà rừng gáy hoảng, âm vang vào những vách núi vây tròn lấy cái thung lũng nhỏ bé này. Cắm bảo cháu một lần nữa :

– Thịt nai trong cái chảo, ăn rồi ngủ đi.

Anh bước xuống thang.

Ôi, nhớ làm sao những đêm đi cách mạng ngày còn trẻ, tóc còn đen. Đồng chí Văn cũng đến những đêm như thế này đây, khi có vài con gà rừng gáy hoảng âm vang và trên các đỉnh núi thì sao đã mờ như sắp tắt. Đồng chí Văn bây giờ cũng viết báo Đảng đấy. Không biết trong báo kì này đồng chí có viết không ? Xuống xóm phải ngồi nghe báo cho hết mới được. Lần nào cũng vậy, báo xuống tới nơi thì đồng bào cả xóm tập họp vây quanh lấy Cắm.

– Đồng chí Bí thư phát hành viên !

– Đồng chí Bí thư phát hành viên !

Một người biết chữ đứng ra đọc báo cho mọi người cùng nghe. Cắm cũng ngồi nghe. Anh gác mũi súng lên vai như những ngày còn đi bí mật xưa kia, chăm chú nhìn vào cái mồm người đọc. Bắt đầu là :

Nhân Dân, *cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam. Trụ sở biên tập số ... Hàng Trống. Ra ngày ... Xã luận ...*

Người thanh niên đọc một đoạn rồi dừng lại. Cắm đứng lên dịch ra tiếng Mèo. Cắm dịch rành rọt từng câu từng chữ. Này, Đảng nói về việc làm mùa. Này Đảng lại nói việc đi học chữ. Này Đảng lại nói việc thằng Mĩ Diệm. Bà con ạ, nó vẫn giết người của mình đấy. Nó làm cái máy chém đấy ! Cắm chống súng xuống đất và giọng nói của anh âm vang. Cách mạng đã xong đâu. Nó còn giết người cách mạng ở miền Nam kia mà. Cắm phải đi chứ. Cắm già rồi, tóc bạc rồi, không đi xa tới tận miền Nam được để cứu đồng bào trong đó. Cắm phải đi phát hành viên trên

rẻo cao này để báo nói cho mọi người biết cách mạng chưa xong đâu còn phải đi, còn phải làm nhiều, làm nhiều ...

Người đọc, người dịch, hết tờ báo từ đầu đến cuối rồi, Cắm lại đeo súng lên vai, chào mọi người, đi xóm khác. Trước khi đi, Cắm bước tới gần người đọc báo, cười, bảo :

– Còn thiếu một chỗ anh chưa đọc đấy.

– Chỗ nào ?

Cắm đưa một ngón tay chỉ vào chỗ góc phía dưới của tờ báo :

– Chỗ này, nói về ông trời với cái gió ấy mà.

– À, còn thiếu thật, còn thiếu thật. Này nhé, tôi đọc nốt nhé.

Mọi người lại xúm đến.

– Tôi đọc đây :

"Ở miền Bắc nước ta hôm nay trời quang và nắng ... Riêng vùng núi phía Bắc và Tây Bắc Bắc Bộ, trời ít mây, thỉnh thoảng có mưa nhỏ rải rác ở một vài nơi ..."

*
* *

Cắm đi một mình trong đêm. Đúng như báo Đảng nói, đêm nay trời ít mây và có gió nhẹ. Thỉnh thoảng có mưa, nhưng là mưa nhẹ như sương. Mùa xuân về trên rẻo cao đã làm nở những thứ hoa chỉ thơm ban đêm, kín đáo như nụ cười tình của một cô gái Mèo.

Tiếng kêu của một con hoẵng lạc bầy trong rừng khuya nghe như tiếng gọi tha thiết của một con người. Cắm nghĩ chưa bao giờ anh nghe báo nói về tiếng kêu của con hoẵng đó. Nhưng nói làm gì, trên khắp đất nước ta, có nơi nào mà một đêm mùa xuân lại không nghe thấy tiếng kêu tha thiết của một con hoẵng con. Cắm xốc lại dây súng, nhưng không phải để bắn. Anh đi nhanh trong đêm quen thuộc.

Cắm đi xóm nào trước bây giờ đây ? Đi cái chỉ xanh trước thôi, xa nhất mà. Đỉnh núi của đồng chí Ma Văn Keo mà Cắm ghi trong trí nhớ bằng một sợi chỉ xanh, chót vót đứng một mình, lơ lửng trong mây trắng ...

Bắc Cạn 1959

Lời bình

Rẻo cao *là một truyện ngắn giàu chất thơ, một bài thơ về tấm lòng gắn bó với cách mạng và quê hương của những con người miền núi. Truyện xây dựng hai nhân vật là hình ảnh hai lớp cán bộ người dân tộc ; Cắm, Bí thư xã Nà Lường và người cháu, anh cán bộ giao thông huyện. Cắm ngay từ nhỏ đã không còn cha mẹ, niềm vui và hi vọng của anh dồn tất cả vào đứa cháu mà anh đã nuôi nấng, chăm sóc nó từ lúc còn đỏ hỏn. Quên cả lấy vợ, anh trông cho nó lớn lên từng ngày từng mùa và thật vui mừng thấy thằng cháu, sau những năm anh đi xa trở về, đã thành một chàng thanh niên sức vóc cường tráng, lanh lợi. Cuộc đời Cắm còn có một niềm say mê và gắn bó lớn lao hơn nữa. Từ cái ngày anh được gặp "Ông Cụ" đến bản và từ đấy Cắm đi làm cách mạng. Cách mạng thành công, Cắm trở về quê nhà, không phải để nghỉ ngơi mà là tiếp tục nhiệm vụ, bởi vì "ở quê hương cũng phải làm cách mạng". Cắm làm Bí thư xã kiêm phát hành viên báo Đảng. Một chi tiết nhỏ trong truyện nhưng thật cảm động và nhiều ý nghĩa : Khi Cắm còn lưỡng lự về việc nhận nhiệm vụ phát hành viên, đồng chí Bí thư huyện mời Cắm đến, ông trải rộng tờ báo lên bàn và đọc dòng đầu tiên : Nhân dân, cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam. Thế là Cắm vùng đứng dậy : "Tôi sai rồi, tôi sai rồi ". Và từ đấy, bất kể ngày mưa ngày nắng, có khi cả đêm khuya những hôm báo về muộn, Cắm mải miết băng rừng vượt núi với cái ống nứa đeo lưng đựng báo Đảng và công văn, đến từng xóm, bản đưa tiếng nói của Đảng và Chính phủ đến với mọi người dân một vùng rẻo cao. Có một chi tiết nữa cũng thật cảm động : Cảnh đón nghe đọc báo Đảng ở những xóm núi hẻo lánh. Người ta muốn nghe không sót một dòng nào, kể từ cái tên tờ báo*

ở đầu trang một cho đến những dòng tin dự báo thời tiết ở góc cùng trang cuối.

Đứa cháu của Cắm, anh cán bộ giao thông huyện là hình ảnh đẹp của lớp cán bộ trẻ ở miền núi. Chỉ bằng đôi chân giỏi đi núi của người Mèo, anh đi khắp 24 xã của huyện." Phải nhận nó là một tay đi núi cừ khôi : Mùa mưa, nước lũ đánh tan tác những thân gỗ bốn, năm người ôm như ta lấy chân đạp giập một que nứa, thế mà nó cũng lội qua được suối. Có khi nó leo lên cây cao chuyền từ ngọn cây này qua ngọn cây khác như vượn. Hai mươi cây số đường núi, nó đi một buổi, ngựa đi cũng thế thôi chứ gì". Nhưng anh cán bộ giao thông huyện vẫn là một chàng trai Mèo thật hồn nhiên, say đắm với thiên nhiên mùa xuân và cũng rất đa tình. Những chuyến đi công văn của anh giữa mùa xuân bao giờ cũng bị chậm lại : Khi những đỉnh núi Mèo nở đầy hoa tím, anh lại bỏ đường mòn rẽ vào những cánh rừng để hái đầy một ôm hoa đem tặng một cô gái Mèo ở một bản nào đó.

Đấy, những con người miền núi trong truyện của Nguyên Ngọc thật đẹp mà hồn nhiên. Họ gắn bó với cách mạng chân thành và giản dị, tự nhiên như gắn bó với núi rừng quê hương. Đó chính là cái tạo nên chất thơ của tác phẩm, cùng với những bức tranh thiên nhiên và một cách trần thuật tự nhiên theo sát giọng điệu và ngôn ngữ của người miền núi.

Nguyễn Văn Long

THÁNG NING NÔNG

Tôi đã làm một chuyện dại dột : Tôi đi Mường Hon đúng giữa mùa mưa ... Nhưng bạn đã nghe nói đến Mường Hon bao giờ chưa ? Thế này nhé : Tây Nguyên cao nhất có ngọn Ngok Linh, đâu những trên hai ngàn rưỡi mét. Còn Mường Hon thì là cái làng cao nhất, thuộc một tộc người

gọi là người Tơ Trá, treo lơ lửng trên sườn ngọn núi quanh năm trắng mây đó, ở độ cao gần hai nghìn mét trên mặt biển.

Đi Mường Hon bao giờ và bằng đường nào, hoặc từ phía Trà My Quảng Nam vượt một đèo thẳm mà sang, hoặc từ phía Đắc Tô, Đăk Glei, Đăk Pel leo ngược lên, cũng là một cuộc phiêu lưu. Vậy mà dám đi giữa mùa mưa, thế mới liều.

Mùa mưa rừng Tây Nguyên ai đã từng nếm qua, hẳn nhớ đời. Dầm dề, dai dẳng, mịt mùng, một tháng, hai tháng, ba tháng, bốn tháng, năm tháng trời. Mỗi mùa mưa lại như một lần khai thiên lập địa trở lại. Từng trái núi khổng lồ đổ ập xuống, và từng dãy núi dài cao vút mọc lên, những hố sâu hun hút đột nhiên toác ra ở chỗ mới hôm trước là đất bằng, rừng già. Những con sông lớn ngoắt một cái, đổi ngược dòng ... Nước, nước, nước, mênh mông, miên man, bất tận ...

Đi Mường Hon mùa này, ắt phải có một tiếng gọi nào đó da diết, dữ dội, sâu thẳm lắm. Tôi có một tiếng gọi như vậy : Năm 1968, bị giặc phản công đánh tan tác, chúng tôi đã chạy lên đây. Và cái làng Tơ Trá xơ xác bấy giờ đâu chỉ có mười nóc nhà ấy đã nuôi chúng tôi. Ôi cái làng Mường Hon nhỏ bé ấy của tôi. Họ cũng đang bị đói và bị giặc đánh tơi tả rồi, ấy mà họ vẫn nuôi chúng tôi, nhịn từng hạt bắp cọng rau mà nuôi. Mà ít gì đâu, cả mấy đại đội. Ai từng ở rừng cũng biết : đã đói thì bệnh, sốt rét rừng tấn công kịch liệt. Tôi bị một trận sốt ác tính, cái chết mười phần đã cầm chắc đến tám, chín. Về sau nghe anh em nói lại là đã hôn mê, khi tỉnh lại suốt mấy ngày vẫn còn trong trạng thái mơ mơ mòng mòng. Nhưng tôi không tin rằng vì cái trạng thái mơ mòng đó mà tôi thấy cô ấy đẹp đến vậy.

Vâng, có một cô gái, một cô gái Tơ Trá ngồi bên tôi lúc tôi tỉnh dậy.

Ngày nay nhớ lại, tất cả đều như trong một giấc mơ, chắc chắn là thực chứ, bởi vì chính là tôi mà, cuộc đời tôi, số phận của tôi, cuộc phiêu lưu của tôi, nhưng sao vẫn có cái gì đó cứ như là hư ảo vậy, như một ảo ảnh tôi thoáng được rồi thoáng mất, thoáng có rồi thoáng không, hiện thực đến da diết, đôi mắt ấy, bởi vì khi vừa tỉnh lại thì điều đầu tiên tôi nhận ra là một đôi mắt đen lạ lùng, âu yếm và thương yêu lạ lùng. Và tôi chợt hiểu ra ngay rằng tôi còn sống, đó là sự sống và tôi

đã gặp được nó, bởi vì chỉ có sự sống mới có thể đen láy đến vậy, long lanh thương yêu mặn nồng và âu yếm đến vậy. Rồi mái tóc hơi xoăn vốn đặc trưng của người Tơ Trá. Khuôn mặt trái xoan gầy, và cả khuôn ngực thanh xuân nữa. Con gái Tơ Trá ngày trước vốn để ngực trần, khoe sắc xuân kiêu hãnh như hai chồi xà nu nhọn hồng của họ, từ khi có bộ đội đến họ mới khoác hờ một tấm vải thô pha trộn e thẹn và táo bạo, cả khiêu khích hay khao khát nữa cũng có thể, kì lạ ... Không, có thật mà, cô gái ấy, tôi cam đoan đấy. Bởi vì chính cô mớm cho tôi chút nước bắp nhai nhỏ đầu tiên. Tôi đã nói rồi đấy, làm gì có gạo cái thời sau Mậu Thân quân thù lồng lên điên dại cố cắn nát ta ra ấy. Một hạt cũng không còn, mọi người đều ăn rau rừng. Những trái bắp cuối cùng là chỉ giành cho người già, trẻ sơ sinh, thương binh và bệnh binh thật nặng. Cô gái đã nhai nhão những hạt bắp khô mớm cho tôi. Tôi hứng từng tí một và nghe rõ lắm cái vị đắng đậm đà của bắp già hong lửa xà nu, vị nước miếng mặn ấm và vị mát ngọt của đôi môi cô gái ... Tôi đang ở ranh giới bấp bênh giữa cái sống và cái chết. Đôi môi khô cháy sốt rừng ác tính của tôi như níu lấy đôi môi cô gái, đôi môi vừa mát vừa ấm, vừa mặn vừa ngọt ấy kéo tôi về phía sự sống.

Hồi bấy giờ gọi là làng Mường Hon, nhưng thực ra làm gì còn có làng. Chỉ còn những căn lều chui lủi trong các bụi lau lách um tùm, cố phân tán thật xa nhau để đỡ bớt tổn thất vì B.52.

Cô gái nuôi tôi trong một căn lều nấp trong một bụi lách già, tôi cũng không thể biết ai đưa tôi đến đây, đồng đội của tôi đang ở đâu, vì sao chỉ có mình cô với tôi trong căn lều này, và cô một mình đã giành giật tôi với thần chết như thế này bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm. Vật lộn giành giật một mình, bằng thương yêu và can trường. Tôi chết đi rồi sống lại, mê rồi tỉnh, không biết bao nhiêu lần. Cứ mỗi lần tỉnh lại thấy một nụ cười trên khuôn mặt đầm đìa nước mắt và đẹp lạ lùng ấy. Và sau đó áp xuống môi tôi là đôi môi mặn ngọt mát ấm của sự sống, tôi cố đưa hai cánh tay để níu lấy, ôm lấy, siết chặt và giữ mãi sự sống ấy ...

Bọn lữ dù 101 Mĩ chưa chịu buông tha chúng tôi. Đánh bật chúng tôi từ bên kia núi Ngok Linh sang bên này rồi, biết chúng tôi đã đuối sức, chúng tiếp tục truy tìm ráo riết. Và chúng phát hiện ra được dấu

vết của chúng tôi ở cái làng Mường Hon cheo leo sườn núi hẳm đứng này. Lại B52, lại phản lực ném bom cháy núi, cháy rừng. Lại trực thăng cá nóc vãi rốc-két như mưa. Và trực thăng sâu róm đổ quân vây bủa ...

Tôi không nhớ được người ta đã khiêng tôi đi như thế nào, ai khiêng, đi đâu và làm sao mà thoát được vòng vây của chúng nó dày đặc thế ... Đến lúc tôi tỉnh hẳn, ngồi dậy và nói được, thì đơn vị xơ xác của chúng tôi đã ở cách xa Mường Hon đâu đến bốn hay năm mươi cây số đường rừng rồi. Và không còn cô gái Tơ Trá nào bên tôi nữa ...

Chẳng lẽ tất cả chỉ là một ảo ảnh trong lúc tôi đang đứng chênh vênh lơ lửng giữa sự sống và cái chết, như cái làng Mường Hon nhỏ bé kia muôn đời treo lơ lửng trong mây trắng sườn Ngok Linh ? Nếu vậy thì tôi ở lại mãi trên cái mép sinh tử chênh vênh ấy, chẳng thèm trở về bên cõi sống trần thế này làm gì đâu ! ...

Một phần tư thế kỉ đã qua rồi đấy. Cô gái ấy là ai ? Tên là gì ? Có thật không ? ... Chẳng ai trả lời tôi được cả ...

Nước ta vốn cong hình chữ S, nên chuyến bay Hà Nội – Sài Gòn, chọn đường ngắn nhất, đã bay nửa chặng đầu băng qua biển, còn nửa chặng sau, từ Đà Nẵng về phía Nam, nó bay qua Tây Nguyên. Hai mươi năm nay đã biết bao nhiêu lần tôi bay Hà Nội – Sài Gòn, Sài Gòn – Hà Nội, lăng xăng bận bịu trăm nghìn công chuyện nhiều khi rất có thể là vô tích sự. Lúc nào qua Ngok Linh tôi cũng chong mắt nhìn xuống, thường chỉ thấy một biển mây. May mắn cũng có đôi lần trời quang, cả một dải sườn Ngok Linh thăm thẳm hùng vĩ trải dài ra dưới xa kia, cách ba nghìn, năm nghìn hay tám nghìn mét. Cái làng Tơ Trá ngày xưa của tôi đâu, trong thời gian hun hút và trong không gian trập trùng, hỡi rừng ? ... Có cô gái Tơ Trá nào không, người đàn bà Tơ Trá nào dưới kia đang ngước nhìn lên chiếc máy bay đang thản nhiên bay qua, mà biết rằng trên đó có một ngời con trai một phần tư thế kỉ trước mình đã dùng đôi môi trinh nữ mớm từng chút sữa ngô nghĩa tình nuôi sống, nay đã bạc quá nửa mái đầu rồi, vẫn không sao nguôi được nỗi canh cánh như một món duyên nợ tiền kiếp vừa thực lại vừa hư ...

Tôi có một tiếng gọi như thế đấy ở Mường Hon. Cho nên tôi có điên khùng liều lĩnh đi Mường Hon đúng giữa mùa mưa, thì cũng đáng điên

một lần trong đời, phải không ? Tôi có chút việc lên huyện Đăk Glei và từ Đăk Glei đi Mường Hon chừng sáu hay bảy chục cây số. Ở tuổi tôi, hầu như chắc chắn đây là cơ hội cuối cùng để trở về Mường Hon ...

*
* *

– Ông điên hả ? Đi Mường Hon mùa này, bộ muốn chết à ?

Anh Bí thư huyện ủy trố mắt hỏi.

– Muốn chết thì chưa, nhưng điên thì có – Tôi cười – ... Nói thiệt mình có một nhiệm vụ quân sự mật, nhất thiết phải đi. Các ông cho mình mượn chiếc U-oát kha khá, mọi trách nhiệm mình chịu ...

Cậu lái xe rất trẻ, tên là Ngọc Anh. Mưa như thác đổ. Đường thăm thẳm dốc, cua tay áo liên tiếp, be bét bùn đất đỏ như máu, suốt mấy chục cây số toàn một bên vách đứng một bên vực sâu đen ngòm. Ngọc Anh nổi tiếng là tay lái lụa khắp vùng rừng núi này, lái như múa ... Chúng tôi đã đi được hơn bốn phần năm đường. Tôi bảo :

– May quá, mọi sự suôn sẻ.

Ngọc Anh nói :

– Chưa chắc đâu anh ơi, đừng có vội mà mừng ...

Vừa dứt lời, bỗng nghe một tiếng động rất kì lạ ở phía sau lưng. Rất nhỏ, kéo dài, trầm nặng, âm u và dữ dội, mỗi lúc một dữ dội, rất chậm nhưng rõ ràng không gì chặn lại được, mỗi lúc một đe doạ... cuối cùng như một cơn sấm, rung chuyển cả đất trời, ào ào, ầm ầm, mênh mông, bao trùm hết cả không gian ... Rồi đột nhiên, im bặt. Lặng ngắt. Thậm chí tiếng mưa xối xả lúc này cứ như là gõ vào sự im lặng tận thế vậy.

Ngọc Anh kêu lên :

– Thôi chết rồi !

Chúng tôi quay nhìn lại phía sau. Trong mưa tối tăm trời đất, tôi kinh hoàng nhận ra : ngay trên đoạn đường chúng tôi vừa đi qua, cả một trái núi lớn đã đổ ụp xuống. Chúng tôi thoát chết trong gang tấc, nhưng bị chặn hết mọi đường về. Chúng tôi đã bị vây chặt trên lưng chừng núi Ngok Linh ...

Chỉ còn mỗi một cách : bỏ xe đó, lội bộ vào làng. Và cứ ở trong ấy chờ. Có thể mươi ngày, có thể nửa tháng. Có thể một tháng. Cũng có thể ba tháng. Chờ dân công đến phá núi mở đường cho xe quay ra.

Đã nói rồi, biết làm sao được. Đi Mường Hon mùa này có hoạ điên !

*

* *

Mường Hon ngủ trong mưa. Tất nhiên bây giờ không phải là những túp lều chui rúc trong lau lách như thời chiến tranh, đã có làng, nhưng cũng xơ xác lắm, chỉ hơn mươi nóc nhà sàn lụp xụp, trên một nền đất lầy lội.

Tôi bước vào ngôi nhà đầu làng. Lúc đầu chỉ thấy giữa nhà một bếp lửa xà-nu um khói. Mãi một lúc sau, quen mắt, mới nhận ra có người đang ngồi bên bếp lửa. Một người đàn ông không thể đoán ra tuổi, khoác một tấm "dồ"[1] màu sẫm, đóng khố, miệng ngậm ống điếu dài.

Tôi cất tiếng chào, anh chỉ ngửng lên nhìn, khẽ gật đầu, rồi lại cúi xuống chăm chú nhìn bếp lửa, không trả lời. Tôi nói :

– Mình lên thăm bà con, bị sập núi, xe mình còn nằm ngoài đó, mình lội bộ vô đây, cho hai anh em mình ở lại đỡ vài bữa, được không ?

Anh lại ngửng lên, lần này rút tẩu thuốc ra khỏi mồm, nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi gật đầu, vẫn không nói gì.

Tôi không ngạc nhiên. Người Tây Nguyên vốn rất ít nói. Họ im lặng như núi rừng. Khi vui, khi buồn, khi giận, đều vậy. Không có cái lối vồ vập ôm chầm lấy nhau khi gặp nhau, dẫu là sau xa cách hàng chục năm.

---

(1) *Dồ* : Tấm chăn dùng khoác lên người của đàn ông Tây Nguyên.

Hồi chiến tranh ở đơn vị tôi có anh chiến sĩ người Tơ Trá thiện xạ vào hạng siêu. Anh có thể đứng bên này sông, chỉ cần nghe tiếng động, bắn một phát C.K.C trúng con heo bên kia sông, xuyên từ tai bên này sang tai bên kia. Anh đi săn, chiều tối về, vào nhà, không nói một lời, chậm rãi đàng hoàng tắm rửa sạch sẽ, vào bếp lấy cơm ra ăn bình thản, ăn xong bưng cả nồi nước chè xanh ngửa cổ uống một hơi, đặt xuống, phủi tay, bấy giờ mới thong thả bảo :

– Thủ trưởng cho tám người đi với mình.

– Để làm gì ?

– Khiêng con heo rừng. Mình bắn chết ngoài suối. To, bốn người không được khiêng đâu[1] !...

Tôi biết người Tơ Trá rồi. Tôi không chờ anh chủ nhà niềm nở vồ vập. Thậm chí tôi sẵn sàng chờ anh chửi cho một trận nữa : Mày còn vác mặt lên đây làm gì ! Bây giờ chúng mày ở thành phố nhà to cửa lớn, ô tô nhà lầu, chúng mày có còn nhớ gì tới chúng tao nữa đâu. Chúng mày quên hết đồng bào rồi ...

Chửi sa sả, như cha chửi con, như mẹ mắng con. Mà chúng ta bị chửi cũng đáng kiếp quá. Chúng ta lăng xăng lít xít bao nhiêu thứ hàng ngày hơn hai mươi năm qua, có mấy ai đã trở lại với những người cha người mẹ người chị người em ở chốn hang cùng hóc núi này đã đùm bọc mình sống chết vì mình ngày xưa đâu ...

Tôi lặng lẽ đến ngồi xuống bên cạnh anh chủ nhà, xoa xoa hai bàn tay hơ lên ngọn lửa xà nu, rồi vụng về bắt thân :

– Mưa quá trời, anh he ...

Một hồi lâu, anh mới nói hai tiếng đầu tiên :

– Ừ, mưa ...

Bây giờ, quen mắt, tôi mới để ý nhận ra : căn nhà này không giống nhà người Tơ Trá chút nào. Không phải kiểu nhà Tây Nguyên. Nhà Tây Nguyên không bao giờ ngăn thành từng buồng kín riêng biệt.

---

(1) *Tức* : Không khiêng được đâu.

Nhà dài đến năm ba chục mét, hàng chục hộ cùng sinh sống, cũng cứ thông thống từ đầu này đầu kia, mỗi hộ một cái bếp, cả nhà là một cộng đồng thông thương và khăng khít, cái riêng nằm chan hoà giữa cái chung. Nhà này khác. Cách chỗ chúng tôi đang ngồi chừng vài thước là một căn buồng, phên nứa thôi nhưng che kín ba mặt, mặt thứ tư là cửa có một tấm dồ phủ xuống làm rèm.

Và tôi chợt nghe có tiếng trẻ con khóc ngoe ngoe : Có người, chắc là chị chủ nhà, mới đẻ.

Anh chủ nhà đặt một bàn tay lên tay tôi, tay kia rút tẩu thuốc ra khỏi mồm. Tôi nghe bàn tay anh siết chặt cánh tay tôi mỗi lúc một chặt, đến đau điếng. Và anh nói, vừa nói, vừa cười, tiếng nói nhỏ thôi nhưng rõ mồn một, nhanh, rất lạ, sao lại cứ như run lên thế này :

– Bà xã mình mới nằm chỗ đó mà. Đứa thứ năm. Ông ở Hà Nội mới vô chớ gì, liếc qua một cái mình biết liền mà, dân Hà Nội đố mà lẫn đi đâu được. Bà xã mình đẻ đứa thứ năm rồi đó, ba thằng cu, hai cái hĩm, thông cảm cho mình nghe, chính sách đặc biệt với vùng dân tộc mà, không như vùng Kinh được đâu ...

Trời hỡi, sao thế này ? Tôi đã biết nhiều người Tây Nguyên nói tiếng Kinh rất sõi, nói lóng nói lái đủ kiểu đến anh dân Bắc Hà chính cống cũng phải nể. Nhưng trước mặt tôi lúc này đây ở cái làng Tơ Trá lơ lửng trong mây trắng cheo leo hai nghìn mét sườn Ngok Linh này, cùng ngồi với tôi giữa mưa rừng mịt mù mênh mông lúc này, chắc chắn là một người Kinh chính cống.

– Dân Vĩnh Phú phải không ? Việt Trì hay Lâm Thao ? Lính Trường Sơn cũ phải không ? Ông nội ?

– Ông cũng tinh đấy. Nhưng bây giờ thì mình là người Tơ Trá rồi, một nghìn phần trăm ... Còn ông, làm sao mà liều mạng leo Mường Hon giữa mưa gió này ? Không bỏ mạng trận sụp núi sáng nay là số ông còn cao đó. Này, hỏi thật nghe, cũng là dân lính và có mắc nợ một cô gái Tơ Trá nào từ mấy chục năm trước, đúng không ? ...

Từ trong buồng, lại có tiếng trẻ khóc.

– Còn bọn nhóc, bốn đứa, đi đâu hết rồi ?

– Chúng nó đi thăm họ hàng dưới Đak Glei. Các ông bây giờ hư đốn lắm. Cứ mỗi bước một ôtô, tắc đường là chết gí. Chúng nó lội bộ, lở núi lấp sông cũng chẳng sợ ... Thôi đêm nay cứ ở đây với mình đã. Trời này sáng mai sẽ bớt mưa đó. Sẽ qua thưa với già làng sau. Mình bây giờ là trưởng bản, báo cáo qua với mình cũng được, đêm nay thức trắng nghe, ta tâm sự ...

Chuyện những anh lính người Kinh, sau chiến tranh, lấy vợ Tây Nguyên và ở lại với núi rừng, tôi cũng từng có biết dăm ba trường hợp. Nói chung đều li kì. Và đều đẹp. Đều có một chàng tráng sĩ và một nàng sơn nữ thời hiện đại.

Nhưng câu chuyện này ... Thôi, để anh ấy nói vậy.

... Anh bảo anh là người đã gắn bó với Tây Nguyên lâu dài, tôi hỏi anh điều này : Anh có biết ở Tây Nguyên tháng Ning Nông là gì không ?... Không hả, thế mà cũng gọi là biết Tây Nguyên. Ning Nông nghĩa là không làm ruộng, không làm rẫy. Tháng Ning Nông là tháng không làm rẫy, tức là khi mùa lúa trước đã thu hoạch hết rồi, cửa kho đã cài rồi, mẹ lúa đã ngủ yên rồi, lễ ăn cơm mới đã làm rồi, một mùa lao động đã xong. Mùa lễ hội bắt đầu. Mùa người ta làm lễ bỏ mả. Người ta hỏi chồng, hỏi vợ, người ta cưới xin. Người ta đi thăm nhau, anh em, bạn bè, họ hàng đi chơi nhà nhau. Người ta múa hát và làm đàn tơ-rưng, đàn klông-pút, đàn ksí, kèn đing nam. Người ta dệt váy khố và đan đát, để chuẩn bị cho mùa sản xuất mới ... Cho đến khi sấm ra. Ai chưa cưới vợ cưới chồng thì phải cưới nhanh lên. Sấm ra, mẹ lúa nghe tiếng sấm, mẹ lúa thức dậy, là mùa lao động mới bắt đầu ...

Tháng Ning Nông ở Tây Nguyên lạ lùng nhất là tiếng cồng chiêng. Không phải cái lối cồng chiêng dỏm, giả Tây Nguyên, Tây Nguyên tán thời như trên sân khấu trên ti vi bây giờ đâu. Ầm ì, vang động, sâu thẳm, huyền bí ... Suốt ngày suốt đêm là tiếng cồng chiêng từ sườn núi bên này vang lên, vọng qua sườn núi bên kia, lại dội lại sườn núi bên này, vang vọng như tiếng ngân nga của hồn đất hồn rừng hồn núi và sông. Không phải loại chiêng nhỏ cầm tay đâu. Loại chiêng khổng lồ kia, cao quá đầu người, đường kính người lớn dang thẳng hai tay với

không hết. Tiếng trầm như vọng lên từ lòng sâu thăm thẳm của đất và từ chiều sâu bất tận của thời gian ...

Tôi là dân Lâm Thao, anh ạ, anh tinh đấy, đất Vua Hùng mà. Không biết sao, cho đến tận bây giờ, tôi vẫn nghĩ là tự thuở Vua Hùng kia tổ tiên ta cũng từng đánh chiêng hay đánh trống đồng đúng như vậy, và tiếng chiêng tháng Ning Nông bây giờ chính tự thuở ấy vọng về. Là cái chân trời thời gian, bức phông thời gian còn mãi mãi bao bọc quanh ta ... Tôi là lính thông tin, anh cũng từng là lính, anh biết rồi đấy, lính thông tin hồi chiến tranh ấy mà, có chừa rừng núi nào đâu. Tôi đi khắp rừng Tây Nguyên, tôi biết tháng Ning Nông và tôi mê nhất tháng Ning Nông, tiếng chiêng khổng lồ tháng Ning Nông Tơ Trá.

Tôi thề với anh đấy, hồi chiến tranh, trẻ trung và lãng mạn vậy, nhưng tôi không có mắc nợ cô gái Tơ Trá nào đâu ... Cho đến hết chiến tranh. Và hết chiến tranh, hết đạn bom khói lửa chết chóc rồi, thì tôi lại ... "đào ngũ", anh ạ. Tôi trốn về vùng Tơ Trá, định bụng sẽ ở chơi cho được một mùa Ning Nông Tơ Trá rồi mới về chịu tội với đơn vị và gia đình.

Tháng Ning Nông ở Tơ Trá không chỉ có cồng chiêng. Còn có một phong tục lạ lùng nữa : đến tháng đó, vào một ngày nhất định, cả làng vứt bỏ lại hết mọi thứ mà công cuộc tiến hoá hàng vạn hay hàng triệu năm đã đem lại cho con người : rìu rựa, dao mác, nhà cửa, chiêng ché, gạo bắp, nồi niêu ... Tất cả, tất cả ..., người ta nói ngày trước cả quần áo nữa, cả làng theo người già làng kéo nhau đi vào rừng thật sâu. Ở đó họ hú gọi linh hồn tổ tiên về cùng mình và họ sống lại đời sống nguyên thuỷ, hái lượm và săn bắt. Mươi ngày, có khi nửa tháng, hay một tháng. Để làm gì vậy ? Người ta bảo đấy là trở về với tổ tiên và với tự nhiên, tắm gội toàn bộ con người trong suối sông cội nguồn đó ... Mười ngày, nửa tháng. Rồi người ta trở về làng, và đời sống bình thường lại tiếp diễn. Cũng là sắp đến lúc sấm ra. Mẹ lúa thức dậy. Một năm mới trong cuộc sống vạn đại của con người lại bắt đầu ...

Tôi đã được đồng bào làng Tơ Trá cho tôi đi theo trong cuộc tắm lại ở cội nguồn năm đó.

Và đã xảy đến một việc làm xoay chuyển cả cuộc đời. Trong một đêm nguyên thuỷ nằm trong một hốc đá giữa rừng sâu, một cô Tơ Trá đã thổn thức nói với tôi rằng, anh ơi, em biết anh rồi, mà anh thì cứ một mực làm ngơ, giấu em, anh chính là người lính trẻ mùa xuân giặc đánh tơi bời đó, chạy dạt về đây, bị sốt nặng, làng giao cho em nuôi anh, anh chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần, em đã nhai bắp dùng đôi môi em mà mớm cho đôi môi khô cháy của anh, giành giật lại anh từ tay cái chết. Mà tên em, anh cũng không biết phải không ? Nhưng cần gì biết tên nhau. Em chờ ... Em chờ ...

Câu chuyện của tôi là vậy đó, anh ạ. Tháng Ning Nông năm ấy, trong rừng nguyên thuỷ, tôi đã được thay chỗ cho một anh bộ đội hạnh phúc nào đó mà tôi không hề được biết, tôi chưa từng được gặp mặt. Còn anh ấy, rất có thể anh ấy đã ngã xuống, mãi mãi nằm lại ở đâu đó trên những ngả đường tiến vào Sài Gòn ...

*

* *

Tôi cũng chưa đến nỗi hư đốn quá đâu, cứ mỗi bước mỗi ô tô. Sáng hôm sau, Ngọc Anh ở lại giữ xe, còn tôi, tôi băng mưa rừng, vẫn tầm tã, lội bộ, băng sườn Ngok Linh dốc đứng, tôi bỏ ra đi. Một mình, lần này nữa, như một thằng điên. Tôi không gặp lại chị.

Tôi đi như chạy trốn.

Chạy trốn điều gì, tôi cũng không biết.

Đi đâu nữa bây giờ ? Số phận đã không giành cho tôi tháng Ning Nông Tây Nguyên.

Thôi, tôi quay về đây, với thành phố, với trăm sự eo xèo, nhiễu nhương, hữu tích sự và vô tích sự của cuộc đời.

Bỏ lại phía sau một mùa Ning Nông, mùa xuân của Tây Nguyên, đang đến.

12.1996

Lời bình

Nguyên Ngọc là một trong số hiếm hoi những cây bút gắn bó và am hiểu Tây Nguyên - một xứ sở vô cùng phong phú và đầy sức hấp dẫn cả ở thiên nhiên cũng như ở bản sắc văn hoá độc đáo mà hầu như vẫn còn giữ được nguyên vẹn. Tây Nguyên là mảnh đất khởi phát cho đời văn Nguyên Ngọc bằng tiểu thuyết đầu tay đã nổi tiếng - Đất nước đứng lên. *Rồi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, được trở về sống và chiến đấu ở Tây Nguyên, Nguyên Ngọc lại cắm được một mốc mới trên đường văn của mình :* Rừng Xà nu. *Lần này sau nhiều năm, Nguyên Ngọc lại dẫn ta trở về với Tây Nguyên trong* Tháng Ning Nông, *thêm nhiều từng trải và suy tư hơn nhưng vẫn giữ nguyên được cái say mê, sôi nổi và chất lãng mạn của ngòi bút thuở nào.*

Câu chuyện của người lính thứ nhất (nhân vật "tôi" trong tác phẩm) như trong một chuyện cổ tích hay trong một giấc mơ với ảo ảnh chập chờn hư thực. Trong những truyện cổ tích loại này thường có chàng dũng sĩ hay hoàng tử gặp được người đẹp ngủ trong rừng, đánh thức nàng ra khỏi giấc ngủ triền miên để đưa nàng trở về với cuộc sống và hạnh phúc. Còn ở đây thì người đánh thức giành giật lấy sự sống mong manh ở người lính kia qua những cơn sốt ác tính lại là một cô gái - cô gái Tơ Trá ở cái bản Hon cheo leo trên sườn núi Ngok Linh cao hơn 2000m quanh năm mây phủ. Trong hai cuộc kháng chiến đã có biết bao nhiêu câu chuyện cảm động về nghĩa tình của đồng bào, đặc biệt là của các dân tộc miền núi, đã nuôi dưỡng, che chở cho cán bộ, bộ đội cách mạng mà hình ảnh tiêu biểu cho nghĩa tình của nhân dân thường là một người mẹ :

Con nhớ mế, lửa hồng soi tóc bạc
Năm con đau, mế thức một mùa dài
Con với mế không phải hòn máu cắt
Nhưng suốt đời con nhớ mãi ơn nuôi

(Chế Lan Viên - Tiếng hát con tàu)

Trong truyện này, người lính được cứu sống ở bản Hon lại bởi bàn tay một cô gái Tơ Trá. Cứ mỗi lần tỉnh lại sau những cơn sốt triền miên và dữ dội, thì điều đầu tiên mà anh nhận ra là đôi mắt đen láy, long lanh của cô gái, rồi anh cảm nhận được sự sống từ đôi môi mát, ấm, mặn, ngọt của cô đang mớm cho anh từng chút hạt bắp được nhai nhuyễn, rồi anh còn nhận ra cả khuôn ngực trinh nữ tràn đầy sức sống. Có thể nói anh lính đã sống được không phải chỉ bằng những dòng sữa bắp mà còn bởi tất cả sự sống tươi trẻ nơi cô gái đã đánh thức sự sống chỉ còn mong manh trong anh, níu giữ nó lại khi anh đang ở nơi bờ vực giáp gianh của sự sống và cái chết.

Mang một món nợ lớn như thế trong đời, giữa bao nhiêu sự vụ bề bộn, tất bật, hữu ích và vô ích của cuộc sống sau chiến tranh, đã nhiều năm trôi qua mà anh vẫn chưa một lần trở lại với bản Hon, với cô gái Tơ Trá mà anh chưa từng biết tên ấy. Nhưng tiếng gọi trở về vẫn da diết trong người lính năm xưa và lần này anh đã quyết đến bằng được bản Hon dù là đang giữa mùa mưa rừng Tây Nguyên dữ dội và đầy hiểm hoạ.

Đến đây tác giả đã đưa ra một tình huống bất ngờ mà thú vị. Đó là cuộc gặp gỡ tại bản Hon của nhân vật tôi *với một người lính cũ nay đã trở thành một người dân Tơ Trá thực thụ. Anh lính thứ hai này đã đến bản Hon theo tiếng gọi đầy quyến rũ của tháng Ning Nông - tiếng gọi được trở về với cội nguồn và tự nhiên, và anh đã gặp cô gái Tơ Trá kia để rồi ở lại mãi mãi. Cả hai người lính, kẻ trước người sau đều có cái diễm phúc gặp được cô gái Tơ Trá ấy, cũng khó mà nói được giữa họ ai là kẻ may mắn hơn ? Nhưng ngẫm cho cùng, thì người lính thứ hai đã dám đi tới cùng, đã làm được cái điều mà nhân vật tôi chưa làm nổi. Người lính ấy hiện diện như một đối chứng với lương tâm của nhân vật* tôi, *để thực hiện và bù đắp cho những điều mà nhân vật* tôi *đã không ngờ và dường như cũng không thể làm được. Bởi thế, ngay sớm hôm sau nhân vật "tôi" đã vội vã rời bản Hon như một cuộc trốn chạy, mà không thể và cũng không cần thiết gặp lại cô gái Tơ Trá năm xưa. Cái kết thúc của truyện vừa như một lời nhắc nhở, tự vấn lương tri, lại cũng như một lời an ủi trong niềm tin vào những điều tốt đẹp thuỷ chung vẫn đang thầm lặng hiện hữu trên cõi đời này, ngay cả ở nơi heo hút, xa xôi nhất như bản Hon trên chóp núi Ngok Linh kia.*

Nguyễn Văn Long

RỪNG XÀ NU

Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu[1] cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khoẻ như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng có ít loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lện rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lóng lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mươi hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum suê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã ... Cứ thế, hai ba năm nay, rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng ...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp, tới chân trời.

Ba năm đi lực lượng[2] bữa nay Tnú mới có dịp ghé về thăm làng. Thằng bé Heng gặp ở con nước lớn dẫn anh về. Ngày anh ra đi nó mới đứng đến ngang bụng anh, chưa biết mang củi, chỉ mới đeo cái xà-lét

---

(1) Một loại cây tương tự như cây thông, mọc rất nhiều ở Kon Tum, nhựa và gỗ xà nu đều rất quý.

(2) Lực lượng vũ trang giải phóng.

nhỏ xíu theo người lớn ra rẫy. Bây giờ nó mang một khẩu súng trường mát, dẫn anh đi. Vẫn là con đường cũ, qua cái nà bắp đã trồng sắn và cây pom-chu[1] vắt lên hai cái dốc đứng sững đã được cắt ra từng bực, chui qua một rừng lách rậm ngày mưa thì vô số vắt lá rồi đến cái làng nhỏ của anh. Nhưng nếu không có người dẫn, chắc chắn Tnú không dám đi một mình. Đường cũ nay chằng chịt hầm chông, hố chông, cứ mười phút lại gặp một dàn thò chuẩn bị sẵn, cần thò căng như dây ná, đánh một phát chắc chắn gãy đôi ống quyển, lưỡi thò từng đôi, từng đôi gác lên dàn, sắc lạnh. Thằng bé Heng lớn lên cũng ít nói như những người dân làng Xô-Man này. Nó đội một cái mũ sụp xì được của anh Giải phóng quân nào đó, mặc một chiếc áo bà ba dài phết đít, vẫn đóng khố, súng đạn chéo ngang lưng ra vẻ một người lính thực sự. Thỉnh thoảng tới chỗ ác chiến điểm, nó quay lại nhìn Tnú, cười một cái rất liếng, như bảo :

– Coi được chớ, anh Tnú ?

Mắt nó loé lên một tia sáng nhỏ, lộ ý khoe khoang rõ rệt. Tnú cũng cười, gật đầu. Hiểu ý nhau, hai người lại cặm cụi đi.

Tới con suối nhỏ có một khúc nứa dẫn nước từ trong lòng đá ra, thằng Heng đứng lại bảo :

– Rửa chân đi. Nhưng đừng uống nước lạnh. Uống nước lạnh, về chị Dít phê bình đó.

Tnú cười :

– Chị Dít là vệ sinh viên à ?

Heng cãi lại :

– Không, chị Dít là bí thư chi bộ chớ. Một người làm hai việc, làm luôn cả chính trị viên xã đội nữa.

À ra vậy. Tnú không uống nước, anh bỏ mũ, cởi mấy khuy áo trên ngực, rồi khom lưng xuống, ngửa hai bàn tay vã nước lên mặt, lên đầu. Nước mát lạnh đến tê người. Máu trong đầu anh phản ứng, giần giật ở hai má, Tnú vẫn nghĩ :

"À ra vậy ! Dít đã thành bí thư chi bộ xã". Thực tình anh không hình dung được Dít bây giờ ra thế nào. Dít là em gái Mai. Ngày Mai mất

---

(1) Có nơi gọi là cây chuối nước, củ có nhiều bột.

và Tnú ra đi, nó còn là một cô bé không có áo mặc, đêm lạnh không ngủ, đốt lửa ngồi cho đến gà gáy rồi đi giã gạo thay chị. Tnú cầm mấy cây xà nu soi cho Dít gần gạo. Nó gần đủ ba mươi lon gạo trắng, đổ ruột nghé cho Tnú mang đi. Nó lầm lì, không nói gì cả, mắt ráo hoảnh trong khi mọi người, cả cụ già, đều khóc vì cái chết của Mai ...

Heng giục :

– Tắm nước lâu lạnh, cảm sốt đó. Đi chớ, sắp tối rồi !

Tnú không lau khô đầu tóc. Anh cầm mũ đi theo Heng.

Đến chỗ sắp bước vào rừng lách, có một cây lớn ngã ngang đường phải leo qua. Cạnh đó, du kích đã đào một cái cong sự dài. Hồi Tnú ra đi, cây này chưa ngã. Tnú dừng lại. Chính ở đây, anh đã gặp Mai lần đầu. Tất nhiên không phải là lần đầu hẳn, cả hai đều là người làng, họ biết nhau từ ngày mẹ còn địu trên lưng. Nhưng chính ở đây, lần đầu tiên, sau khi ở tù về. Tnú gặp lại Mai, thấy Mai đã lớn, anh không ngờ, và Mai thì cầm hai bàn tay anh lúc ấy còn lành lặn, ứa nước mắt khóc, không phải như một đứa trẻ mà như một người con gái đã lớn, vừa xấu hổ vừa thương yêu. Kỉ niệm đó cắt vào lòng anh một nhát dao nứa. Anh trợn mắt lên, như những lúc bị tra tấn đau quá trước đây. Thằng bé Heng không biết câu chuyện đó. Leo lên thân cây, rồi nó quay lại nhìn Tnú hất hàm ra hiệu :

– Đi chớ, anh Tnú ! Lâu ngày về, chân không leo nổi cái dốc này nữa à ?

Tnú trèo qua thân cây. Con đường đổ xuống dốc lỗ chỗ hố chông. Mặt Tnú đanh lại. Anh lẳng lặng đi cho đến khi anh nhận ra tiếng chày dồn dập của làng anh. Bây giờ anh chợt hiểu ra rằng hình như cái mà anh nhớ nhất ở làng, nỗi nhớ day dứt lòng anh suốt ba năm nay chính là tiếng chày đó, tiếng chày chuyên cần, rộn rã của những người đàn bà và những cô gái Strá[1], của mẹ anh ngày xa xưa, của Mai, của Dít, từ ngày lọt lòng anh đã nghe thấy chày ấy rồi. Tnú cố giữ bình tĩnh nhưng ngực anh vẫn đập liên hồi, chân cứ vấp mãi mấy cái rễ cây ở chỗ

---

(1) Tên một dân tộc ở Kon Tum.

ngả quẹo vào làng. Anh vượt đi lên trước Heng. Heng chạy theo anh, vừa gọi :

– Chông đấy, có chông đấy, không phải như trước đâu, đi theo tui chớ ...

Đến làng, mặt trời chưa tắt. Thằng bé Heng lấy cây súng chống xuống đất gọi to :

– Người già ơi có khách đấy !

Ở mỗi cửa nhà ló ra bốn, năm cái đầu ngơ ngác. Những cặp mắt tròn xoe, rồi những tiếng ré lên và những tiếng reo :

– Giàng ơi[1] Tnú ... Anh Tnú, thằng Tnú. Nó về rồi ... mày về rồi đó, hả Tnú !

Có những người không kịp bước xuống thang, nhảy phóc một cái từ trên sàn xuống đất. Những bà già – trời ơi bà cụ Leng còn sống kia à ! – lụm khụm bò xuống thang, từng bậc, từng bậc, vừa chửi :

– Con cháu ! Ma bắt mày, thằng quỷ ! ... Mày không chờ cho tau chết rồi hãy về một thể có được không !

Ở các nhà vẫn còn có những cái đầu lấp ló : Các cô không chạy ra, chỉ ngồi trong nhà cười rúc rích. Cả làng đã vây chặt quanh Tnú. Anh nhận ra tất cả. Ông già Tăng này, vẫn chòm râu quai nón đỏ, chỉ thêm cái ống điếu dài gò bằng sắt máy bay trực thăng, anh Pru này, trông già hẳn đi : chị Rom này tóc đã lốm đốm bạc ; bà già Prôi này, đã rụng hết cả hai hàm răng rồi ... Một lũ trẻ lau nhau, đứa nào đứa ấy mặt mày lem luốc khói xà nu. Còn ông già Mết đâu rồi ? Tnú định hỏi :

– Cụ Mết đâu ?

Một bàn tay nặng trịch nắm chặt lấy vai anh như một kìm sắt. Anh quay lại cụ Mết. Ông cụ vẫn quắc thước như xưa, râu bây giờ đã dài tới ngực và vẫn đen bóng, mắt vẫn sáng và xếch ngược, vết sẹo ở má bên phải vẫn láng bóng. Ông ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn. Ông cụ đẩy Tnú ra một bước, nhìn anh từ đầu đến chân, rồi phá lên cười :

---

(1) Trời ơi.

– Hà hà ! ... Đeo cả tôm-xông về à ! ... Anh lực lượng ... ! Được ! Tnú hiểu ý ông cụ. Ông không bao giờ khen "Tốt ! giỏi !" Những khi vừa ý nhất, ông chỉ nói "Được !".

Lúc ông cụ Mết nói, mọi người đều im bặt. Ông nói như ra lệnh, sáu mươi tuổi rồi mà tiếng nói vẫn ồ ồ, dội vang trong lồng ngực.

– Cấp chỉ huy cho về mấy đêm ?... Một đêm à, được ! Cho một đêm, về một đêm, cho hai đêm về hai đêm, phải chấp hành cho đúng. Đêm nay mày ở nhà tau.

Không ai phản đối. Ông cụ lại nói :

– Thôi, ai về nhà nấy, trời hết sáng rồi, làm lửa nấu cơm được rồi đó. Lũ con nít đi tắm nước cho sạch, rửa hết khói xà nu đi, đừng có vẻ mặt như văn công đóng kịch nữa, đứa nào không sạch thì phê bình, nghe chưa ? ... Thằng Tnú cũng đi rửa chân đi. Mày có nhớ cái máng nước ở chỗ nào không ? ... Nhớ à, được. Tưởng quên rồi thì tau đuổi ra rừng, không cho ở làng nữa đâu.

Nói vậy nhưng ông cụ vẫn bảo Tnú đưa ba-lô và tôm-xông cho ông, rồi thân hành dẫn anh ra tới máng nước đầu làng. Lũ trẻ con ùa theo rối rít. Có mấy cô gái Tnú nhớ mặt nhưng không kịp nhớ ra tên, đang lấy nước vào những ống bương dài, vác ống đứng tránh ra một bên, nhường vòi nước cho anh. Vừa rửa sạch ở suối nhỏ rồi, nhưng Tnú vẫn rửa lại. Anh cởi áo ra để cho vòi nước lạnh ngắt của làng mình giội lên đầu, lên lưng, lên ngực như những ngày xưa, cũng chính chỗ vòi nước này đây, trên tấm đá bằng đã vẹt hẳn một bên vì ông cụ Mết vẫn ra mài dao ở đấy.

Ông cụ Mết đứng lặng nhìn tấm lưng rộng của Tnú. Những vết thương xưa vẫn còn ngang dọc trên tấm lưng ấy, đã thành sẹo tím. Từ đôi mắt ông cụ lăn ra hai giọt nước mắt lớn, ông lén trở tay chùi một cách vội vã. Tnú không kịp thấy. Còn lũ trẻ thì ngơ ngác, sửng sốt ...

Từ các nhà đã quyện lên những sợi khói tím thẫm.

*

* *

Bữa cơm tối ở nhà cụ Mết, ngoài món canh tàu bạc hà nấu lạt trong ống nứa, còn có thêm mấy con cá chua. Đó là món đặc biệt cụ Mết đãi người đi xa về, Tnú mở ống lương khô, xúc cho ông cụ một muỗng muối. Ông cụ bảo :

– Tau cũng còn nửa lon muối của huyện thưởng con Dít kì nó đi đại hội chiến sĩ thi đua, nó về chia đều cho mỗi bếp một phần. Nhưng cái đó để dành cho người đau. Còn cái này mày cho thì tau ăn.

Ông cụ không nêm muối vào canh. Ông chia cho mỗi người mấy hạt, họ ăn sống từng hạt, ngậm rất lâu trong miệng để nghe chất mặn đậm đà tan dần. Cơm gạo trắng ghế rất nhiều, củ pom-chu. Ông cụ bưng chén cơm nói như thanh minh :

– Năm nay làng không đói. Gạo đủ ăn tới mùa suốt. Nhưng phải để dành, dự trữ mỗi bếp cho được ba năm. Mày đi cách mạng, người chỉ huy cũng dạy mày rồi, đánh thằng Mĩ phải đánh dài.

Rồi đột ngột, ông cụ hỏi :

– Mười ngón tay mày vẫn cụt thế à ? Không mọc ra được nữa à ... Ừ ...

Ông cụ đặt chén cơm xuống, giận dữ :

– Nhưng làng biết rồi chớ ? Được : Ngón tay còn hai đốt cũng bắn súng dược. Mày có đi qua chỗ rừng xà nu gần cọn nước lớn không ? Nó vẫn sống đấy. Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này !... Kìa, ăn đi chớ ! Gạo người Strá mình làm ra ngon nhất rừng núi đấy, con ạ...

... Cơm nước xong, từ phía nhà ưng[1] có ai đấy đánh lên một hồi mõ dài lại ba tiếng. Dân làng lũ lượt kéo tới nhà cụ Mết. Các cô gái giụi tắt đuốc ở cầu thang trước khi bước vào nhà. Cũng có người, các bà cụ, cầm cả cây đuốc còn cháy rực đi thẳng vào, soi lên mặt Tnú, nhìn đi nhìn lại thật kĩ rồi ném bó đuốc vào bếp, lửa bốc lên, cháy rần rật. Các ông cụ thì chưa bước lên cầu thang đã nói oang oang :

– Thằng Tnú đâu rồi ? Cho nó ăn no rồi chớ, ông Mết ?

---

(1) Nhà họp chung của làng.

Có tiếng một bà già :

– Bọn đàn ông này, xê ra một chút cho con Dít nó ngồi với chớ. Dít ơi, ngồi đây con !

Tnú ngừng nhìn lên. Dít đã ngồi sụp xuống trước mặt anh, hai chân xếp về một bên, đưa tay kéo tấm váy che kín cả gót chân. Tnú bất chợt nghe một luồng lạnh rân rân ở mặt và ở ngực. Mai ! Trước mắt anh là Mai đấy. Anh không ngờ Dít lớn lên lại giống Mai đến thế. Cái mũi hơi tròn của Dít ngày nay đã thẳng và nhỏ lại, hai hàng lông mày rậm đến che tối cả đôi mắt mở to, bình thản, trong suốt. Dít nhìn Tnú bằng đôi mắt ấy rất lâu, trong khi bốn, năm đứa bé, đứa nào cũng tranh chỗ ngồi gần chị Dít. Rồi chị hỏi Tnú, giọng hơi lạnh lùng :

– Đồng chí về có giấy không ?

Tnú không hiểu :

– Giấy gì ?

– Giấy cấp trên cho nghỉ phép đó. Không có giấy trên về thì không được. Uỷ ban phải bắt thôi.

Tnú cười ồ. Anh định đùa, bảo nhớ làng quá trốn về thăm làng một bữa, nhưng nhìn đôi mắt nghiêm khắc của Dít và nghe cái im lặng chờ đợi chung quanh, anh móc túi áo, lấy một mảnh giấy nhỏ đưa cho chị.

– Báo cáo đồng chí chính trị viên xã đội ...

Dít cầm tờ giấy, soi lên ánh lửa. Hàng chục cái đèn chụm lại, mấy đứa bé lấp bắp đánh vần. Dít đọc rất lâu, đọc đi đọc lại đến ba lần. Cụ Mết hỏi :

– Đúng chớ ? Nó có phép chớ ?

Dít đưa trả lại cho Tnú. Bây giờ chị mới cười :

– Đúng rồi, có chữ kí người chỉ huy. Sao anh về có một đêm thôi ?

Rồi chị trả lời :

– Thôi cũng được, về một đêm cho làng thấy mặt được rồi. Bọn em miệng đứa nào cũng nhắc anh mãi.

Tiếng cười nói im đi một lúc bây giờ lại rộn lên cả căn nhà nhỏ.

– Có chữ kí của người chỉ huy đó nghe !

– Tốt lắm rồi !

– Một đêm thôi, mai lại đi rồi, ít quá, tiếc quá !

Tiếng ông cụ Mết ồ ồ át tất cả :

– Hà hà ... được !

Ông cụ đẩy hai, ba đứa bé ra, bước tới ngồi xuống trước bếp lửa, cạnh Tnú. Ông cụ gõ ống điếu lên đầu ông táo, bẻ một que nứa nhỏ ở sạp, cẩn thận xoi cho hết tàn thuốc trong ống điếu, rồi ngửng lên, nhìn quanh một lượt. Mọi người đã ngồi đâu vào đấy và lắng chờ. Ông cụ bắt đầu nói.

Bên ngoài lấm tấm trận mưa đêm, rì rào nhè nhẹ. Ông cụ không cất cao giọng, tiếng nói rất trầm.

– Ông già bà già thì biết rồi. Thanh niên có đứa biết đứa chưa biết rõ. Còn lũ con nít thì chưa biết - Ông trừng mắt nhìn lũ trẻ, chúng nó cảm thấy cái nghiêm trang trong lời ông già, đứa nào đứa nấy ngồi im lặng thin thít, dán mắt vào miệng ông cụ – Tnú, anh Tnú của chúng mày về rồi đó. – Ông cụ đặt bàn tay chắc nịch lên vai Tnú – Anh Tnú mà tau đã kể cho chúng mày nghe bao nhiêu lần rồi đó. Đấy, nó đấy, nó đi Giải phóng quân đánh giặc, nay nó về thăm làng một đêm, cấp trên cho về một đêm, có chữ kí người chỉ huy, chị bí thư coi giấy rồi. Nó đấy ! Nó là người Strá mình. Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô-man này nuôi nó. Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta. Đêm nay tau kể chuyện nó cho cả làng nghe, để mừng nó về thăm làng. Người Strá ai có cái tai, ai có cái bụng thương núi, thương nước, hãy lắng nghe, mà nhớ. Sau này tau chết rồi, chúng mày phải kể lại cho con cháu nghe ...

Tất cả đều im lặng. Chỉ còn có tiếng vòi nước đầu làng lanh tanh trộn lẫn tiếng mưa đêm gõ đều lên vòm lá cây. Tnú cũng im lặng. Anh nhìn cụ Mết. Ánh lửa chập chờn soi hình ông cụ làm cho thân hình vạm vỡ ấy trông kì ảo như một người anh hùng trong các bài hát dài, hát suốt đêm Tnú đã nghe từ bé. Rồi anh nhìn Dít. Dít đã lớn bằng Mai ngày anh ở tù về, gặp lại chỗ gốc cây lớn đầu rừng lách, này đã đổ xuống ngang đường và du kích đã lợi dụng làm một ác chiến điểm. Dít cũng im lặng lắng nghe, đôi mắt mở to, bình thản, suy nghĩ.

– Người già chưa quên, người chết rồi thì để cái nhớ lại cho người sống. Hồi đó thằng Mĩ - Diệm ở khắp rừng núi này. Nó đi trong rừng như con beo. Lính của nó cầm lưỡi lê dính máu, cũng đỏ như màu mũ đỏ của nó ... Thằng Tnú còn nhỏ, mới đứng tới ngang bụng tau đây. Nó lanh như con sóc ...

Ừ, người già chưa quên. Người nhỏ cũng chưa quên. Tnú cũng không quên. Anh thấy rõ ràng một đứa bé đứng tới ngang bụng cụ Mết. Nó đeo một cái xà-lét nhỏ xíu của mẹ nó để lại, trong xà-lét trên bó rau dưới giấu hai lon gạo trắng, nó luồn như một con sóc qua các hốc đá cheo leo, nó chạy lon ton trong rừng đi tìm nuôi anh cán bộ. Một đứa con gái còn nhỏ hơn nó nữa hối hả chạy theo nó, đứa con gái vén chiếc váy của mẹ mới dệt nhảy từ mỏm đá này qua mỏm đá khác như một con chim sáo, vừa nhảy vừa gọi lanh lảnh :

– Tnú, Tnú, Tnú, chờ với chớ, chờ với chớ.

Tnú thì quay lại trợn mắt :

– Bí mật chớ. Mai sao đi đâu cũng tắt[1] như con mang thế.

Mai muốn cười, nhưng sợ Tnú, không dám cười ...

Ừ, tất cả vẫn chưa xoá nhoà. Chưa cái gì có thể xoá nhoà. Vẫn rõ mồn một, Tnú này, Mai này, cụ Mết này, anh cán bộ này.

Như vừa hôm qua đây vậy.

*

* *

Anh cán bộ ở trong rừng lúc bấy giờ là anh Quyết. Từ ngày thằng Mĩ – Diệm tới rừng núi này, không bữa nào nó không đi lùng, không đêm nào chó của nó và súng của nó không sủa vang cả rừng. Nhưng dân làng Xô-Man vẫn tự hào : năm năm chưa hề có một cán bộ bị giặc bắt hay giết trong rừng làng này. Lúc đầu thanh niên đi nuôi và gác cho cán bộ. Thằng Mĩ – Diệm biết được, nó bắt thanh niên. Nó treo cổ anh Xút lên cây và đầu làng.

– Ai nuôi Cộng sản thì coi đó !

---

(1) Kêu to inh ỏi.

Rồi nó cấm thanh niên đi rừng. Bà già, ông già thay thanh niên đi nuôi cán bộ. Nó lại biết được. Nó giết bà Nhan, chặt đầu cột tóc treo đầu súng.

Sau cùng đến lũ trẻ thay ông già, bà già. Trong đám đó, hăng nhất có Tnú và Mai. Hễ Tnú đi rẫy thì Mai đi với cán bộ. Hễ Mai ở nhà giữ con Dít cho mẹ thì Tnú đi. Cũng có bữa cả hai đứa cùng đi. Chúng ở lại luôn ngoài rừng ban đêm. Để cán bộ ngủ một mình ngoài rừng một đêm, bụng dạ không yên được. Lỡ giặc lùng, ai dẫn cán bộ chạy. Anh Quyết hỏi :

– Các em không sợ giặc bắt á ? Nó giết như anh Xút, như bà Nha đó.

Tnú đang nằm trong lòng anh Quyết, ngồi dậy, tung cái đồ ra :

– Cụ Mết nói : cán bộ là Đảng, Đảng còn, núi nước này còn.

Trong rừng, anh Quyết dạy Tnú và Mai học chữ. Anh chẻ nứa, đập giập ra, ghép lại thành mấy tấm bảng to bằng ba bàn tay. Ba anh em đốt khói xà nu xông bảng nứa đen kịt rồi lấy nhựa cây luông-tờ-ngheo phết lên một lớp dầy, rửa nước cũng không phai được. Tnú đi ba ngày đường tới núi Ngọc Linh mang về một xà-lét đầy đá trắng làm phấn. Mai học giỏi hơn Tnú, ba tháng đọc được chữ, viết được cái ý trong bụng mình muốn, sáu tháng làm được toán hai con số. Tnú học chậm hơn, mà lại hay nổi nóng. Học tới chữ dài, nó quên mất chữ o thêm cái móc thì đọc là chữ ơ. Có lần thua Mai, nó đập bể cả cái bảng nứa trước mặt Mai và anh Quyết, bỏ ra suối ngồi một mình suốt ngày. Anh Quyết ra dỗ, nó không nói. Mai ra dỗ, nó đòi đánh Mai. Mai cũng ngồi lì đó với nó.

– Tnú không về, tui cũng không về. Về đi, anh Tnú, Mai làm cái bảng khác cho anh rồi.

Nó cầm một hòn đá, tự đập vào đầu, chảy máu ròng ròng. Anh Quyết phải băng lại cho nó. Đêm đó, anh ôm nó trong hốc đá. Anh rủ rỉ :

– Sau này, nếu Mĩ – Diệm giết anh, Tnú phải làm cán bộ thay anh. Không học chữ sao làm được cán bộ giỏi.

Tnú giả ngủ không nghe. Nó lén chùi nước mắt giàn giụa. Sáng hôm sau, nó gọi Mai ra sau hốc đá :

– Mai nói cho tôi chữ *o* có móc là chữ chi đi. Còn chữ chi đứng sau chữ đó nữa, chữ chi có cái bụng to đó.

Mai quay mặt đi, không dám cười. Nó viết một chữ có cái bụng to lên tấm bảng nó mới làm cho Tnú. Nó cố nói nhỏ nhưng giọng vẫn lanh lảnh :

– Anh nhớ giỏi lắm, chữ *Bê* đó.

– Ừ, *bê* ... *bê* ... đầu tui ngu quá !

Tnú hay quên chữ, nhưng đi đường núi, thì đầu nó sáng lạ lùng. Nó liên lạc cho anh Quyết từ xã lên huyện. Không bao giờ nó đi đường mòn. Giặc vây các ngả đường, nó leo lên một cây cao nhìn quanh một lượt rồi xé rừng mà đi, lọt tất cả các vòng vây. Qua sông nó không thích lội chỗ nước êm, cứ lựa chỗ thác mạnh mà bơi ngang, vượt lên trên mặt nước, cỡi lên thác băng băng như một con cá kình. Nó nói :

– Qua chỗ nước êm thằng Mĩ - Diệm hay phục, chỗ nước mạnh nó không ngờ.

Nhưng lần đó, Tnú tới một thác sông Đắc Năng, vừa cuộn cái thư của anh Quyết gửi về huyện trong một ngọn lá dong, ngậm vào miệng định vượt thác, thì họng súng của giặc phục kích chĩa vào tai lạnh ngắt. Tnú chỉ kịp nuốt luôn cái thư.

Ba ngày sau, người Xô-Man thấy bọn giặc trói chặt Tnú dẫn về làng.

– Đứa nào làm Cộng sản, chỉ thì sống !

Dân làng đứng vây quanh Tnú. Ông cụ Mết đứng bên cạnh Tnú chỉ đứng tới bụng ông cụ. Ông cụ nói tiếng Strá, giọng trầm vang dội :

– Tnú đừng làm xấu hổ làng Xô-Man.

Tnú chỉ trả lời ông cụ bằng một cái nhìn.

Ông cụ nói :

– Được !

Lưng Tnú ngang dọc những vết dao chém.

– Cộng sản đâu chỉ ra ?

Tnú nói nhỏ :

– Cởi trói đã, tau mới chỉ được.

Chúng chỉ cởi một tay. Tnú để bàn tay ấp lên bụng mình :

– Ở đây này.

Lưng Tnú thêm một vết dao nữa. Trên tấm lưng chưa rộng bằng bề ngang cái xà-lét mẹ để lại đó, ứa một giọt máu đậm, từ sáng đến chiều thì đặc quện lại, tím thâm như nhựa xà nu.

Khi chúng nó lại dẫn Tnú đi, Mai ôm nó, khóc nức nở. Nó nói như giận dữ :

– Khóc chi ! Đừng ! Mai học phải cho giỏi. Tui chết, Mai phải làm cán bộ ...

Ba năm sau, Tnú thoát ngục Kon Tum trở về, lưng anh đã lành hết vết thương. Đến gốc cây to đầu rừng lách gặp Mai. Mai cầm tay anh, giàn giụa nước mắt.

Còn anh thì ngạc nhiên thấy Mai đã lớn anh không ngờ. Mai dẫn anh về làng. Đêm đó dân làng cũng tụ tập ở nhà cụ Mết như đêm này đây. Cũng như đêm nay đây ...

Tiếng cụ Mết vang vọng, như dội lại từ cái đêm xa xôi ấy.

– Cũng như đêm nay đây. Cũng trong nhà này đây, quanh cái bếp này đây. Trời cũng mưa nhỏ lấm tấm như thế này. Tui ngồi chỗ này, đứng chỗ này. Thằng Tnú ngồi chỗ này. Còn con Mai thì ngồi đây, chỗ con Dít ngồi bây giờ ... phải không, Tnú ?

– Phải rồi ! Tất cả cũng in hệt như thế này. Cũng mưa lấm tấm đều đều trên lá vả, cũng lửa xà nu cháy rần rật, cũng máng nước đầu làng lách tách trong đêm khuya. Dân làng tụ tập tất cả ở đây để mừng Tnú thoát tù Kon Tum trở về. Mai cũng ngồi trước mặt Tnú như vậy đấy, cũng đôi mắt có hai hàng lông mày rậm đến che tối cả tròng đen long lanh, ừ có lẽ đôi mắt đó ít trang nghiêm hơn, chất chứa nhiều thương yêu hơn, nhưng cũng bình thản như vậy, cứng rắn như vậy đó, và lúc đó cụ Mết không kể chuyện như bây giờ. Cụ chỉ nói :

– Mai, đưa cái giấy của anh Quyết đây. Tnú đọc lên cho cả làng nghe.

Sau khi Tnú bị bắt ít lâu, anh Quyết chuyển sang huyện Bảy rồi hi sinh ở đó. Anh bị thương nặng trong một trận phục kích, đưa về trong rừng thì chết. Trước khi chết, gửi cho làng Xô-Man thư này, Tnú cầm mảnh giấy, soi lên ánh lửa xà nu :

"Em Tnú, em Mai và đồng bào Xô-Man. Tui chết. Người còn sống phải chuẩn bị giáo, mác, vụ, rựa, tên, ná. Giấu kĩ trong rừng, đừng cho giặc lấy. Sẽ có ngày dùng tới.

Còn Tnú phải học chữ giỏi, thay tui làm cán bộ..."

Ừ, cũng đông đủ như thế này đây. Cụ Tâng, anh Pro, chị Blom, bà Brôi, cụ Leng. Chỉ khác là còn có Mai. Tnú đọc giấy anh Quyết rồi cả làng đốt đuốc xà nu, theo cụ Mết, đi dưới mưa đêm càng khuya càng nặng hạt, vào rừng lấy giáo, mác, vụ, rựa đã giấu kĩ từ ngày được thư anh Quyết. Tnú đi ba ngày lên núi Ngọc Linh nhưng không mang về một xà-lết đá trắng làm phấn như ba năm trước. Anh mang về một gùi nặng đá mài. Núi Ngọc Linh, trên ngọn của nó, có một mỏ đá mài đủ dùng cho một trăm cuộc khởi nghĩa.

Đêm đêm, làng Xô-Man thức, mài vũ khí. Ban ngày thì theo cụ Mết đi phát hết các rẫy củ, trồng pom-chu và sắn, xanh mượt cả núi rừng ...

Tin làng Xô-Man mài giáo đến tai bọn giặc ở đồn Đắc Hà. Giữa mùa suốt lúa, chúng kéo một tiểu đội, vừa đúng lúc đứa con trai đầu lòng của Mai và Tnú ra đời. Cũng thằng chỉ huy năm trước, thằng Dục. Nó đội mũ đỏ màu máu. Nó gầm lên :

– Lại thằng Tnú chứ không ai hết. Con cọp đó mà không giết sớm, nay nó làm loạn rừng núi này rồi.

Cụ Mết và Tnú dẫn thanh niên lách vào rừng. Họ không đi đâu xa, chỉ luẩn quẩn ở các gốc cây, hốc đá quanh làng, bám theo giặc. Chúng nó đóng lại trong làng bốn đêm. Ngọn roi của nó không từ một ai. Tiếng kêu khóc dậy cả làng. Thằng Dục lăm lăm khẩu súng lục :

– Đứa nào ra khỏi làng bắt được bắn chết ngay tại chỗ.

Không ai lọt ra được. Chỉ có con Dít nhỏ, lanh lẹn, cứ sẩm tối lại bò theo máng nước đem gạo ra rừng cho cụ Mết, Tnú và thanh niên. Tảng sáng ngày thứ tư thì chúng bắt được con bé khi nó ở ngoài rừng về. C. úng để con bé dựng giữa sân, lên đạn tôm-xông rồi từ từ bắn từng viên một, không bắn trúng, đạn chỉ sượt qua tai, sém tóc, cày đất quanh hai chân nhỏ của Dít. Váy nó rách tượt từng mảng. Nó khóc thét lên nhưng rồi đến viên thứ mười nó chùi nước mắt, từ đó im bặt. Nó đứng

lặng giữa bọn lính, cứ mỗi viên đạn nổ, cái thân hình mảnh dẻ của nó lại quật lên một cái nhưng đôi mắt nó thì vẫn nhìn bọn giặc bình thản lạ lùng, bình thản như đôi mắt chị bí thư bây giờ vậy.

Không làm gì được con bé, thằng Dục dùng đến ngón đòn cuối cùng. Nó bắt Mai.

– Bắt được con cọp cái và cọp con, tất sẽ dụ được cọp đực trở về.

Tnú nghe rõ câu nói đó của thằng Dục. Anh nấp ở gốc cây cạnh máng nước đầu làng. Từ chỗ ấy nhìn thấy sân làng rõ mồn một. Hai bàn tay anh bíu chặt lấy gốc cây khi bọn lính, mười thằng, dẫn Mai ra giữa sân. Mai địu con trên lưng, thằng bé chưa được một tháng. Ai cũng bảo nó giống Tnú lạ lùng. Không đi Kon Tum mua vải được, Tnú phải xé đôi tấm đồ của mình ra làm tấm choàng cho Mai địu con. Thằng bé nằm trong tấm choàng ấy ngủ say trên lưng mẹ.

Thằng Dục hỏi :

– Chồng mày ở đâu, con mọi Cộng sản kia ?

Mai xốc lại đứa con trên lưng, ngửng đôi mắt rất lớn nhìn thằng Dục.

– Mày câm à, con chó cái ! – Nó quát bọn lính – Đứng ỳ ra đó à !

Một thằng lính to béo nhất liếc mắt nhìn thằng Dục cầm một cây sắt dài bước tới cạnh Mai. Nó lè lưỡi liếm quanh môi một lượt, rồi chậm rãi giơ cây sắt lên. Mai thét lên một tiếng. Chị vội tháo tấm địu, vừa kịp lật đứa con ra phía bụng lúc cây sắt giáng xuống trên lưng.

– Thằng Tnú ở đâu, hả ?

Cây sắt thứ hai đập vào trước ngực Mai, chị lật đứa bé ra sau lưng. Nó lại đánh sau lưng, chị lật thằng bé ra trước ngực. Trận mưa cây sắt mỗi lúc một dồn dập. Không nghe thấy tiếng thét của Mai nữa. Chỉ nghe đứa bé khóc ré lên một tiếng rồi im bặt. Chỉ còn tiếng cây sắt nện xuống hừ hự.

Tnú bỏ gốc cây của anh. Đó là một cây vả. Anh đã bứt đứt hàng chục trái vả mà không hay. Anh chồm dậy. Một bàn tay níu vai anh lại. Tiếng cụ Mết nặng trịch :

– Không được. Tnú ! Để tau !

Tnú gạt tay ông cụ ra. Ông cụ nhắc lại :

– Tnú !

Tnú quay lại. Ông cụ không nhìn ra Tnú nữa. Ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn. Ông cụ buông vai Tnú ra.

Một tiếng hét dữ dội, Tnú đã nhảy xổ vào giữa bọn lính. Anh không biết đã làm gì. Chỉ thấy thằng lính giặc to béo nằm ngửa ra giữa sân, thằng Dục tháo chạy vào nhà ưng. Tiếng lên đạn lách cách quanh anh. Rồi Mai ôm đứa con chui vào ngực anh. Hai cánh tay rộng lớn như hai cánh lim chắc của anh ôm chặt lấy mẹ con Mai.

– Đồ ăn thịt người, tau đây, Tnú đây ...

Tnú không cứu sống được Mai.

– Ừ, Tnú không cứu sống được mẹ con Mai ...

Tiếng ông cụ Mết vẫn trầm và nặng. Ông cụ vụng về trở tay lau một giọng nước mắt. Bỗng nhiên ông cụ nói to lên :

– Tnú không cứu được vợ được con. Tối đó Mai chết. Còn đứa con thì đã chết rồi. Thằng lính to béo đánh một cây cắt vào ngang bụng nó, lúc mẹ nó ngã xuống, không kịp che cho nó. Nhớ không, Tnú, mày cũng không cứu sống được vợ mày. Còn mày thì chúng nó bắt mày, trong tay mày chỉ có hai bàn tay trắng, chúng nó trói mày lại. Còn tau thì lúc đó tau đứng sau gốc cây vả. Tau thấy chúng nó trói mày bằng dây rừng. Tau không nhảy ra cứu mày. Tau cũng chỉ có hai bàn tay không. Tau không ra, tau quay đi vào rừng, tau đi tìm bọn thanh niên. Bọn thanh niên thì cũng đã đi vào rừng, chúng nó đi tìm giáo mác. Nghe rõ chưa, các con, rõ chưa, nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu : Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo ! ...

Chúng nó trói chặt Tnú bằng dây rừng, khiêng ném vào góc nhà ưng rồi kéo đi ăn thịt con heo của anh Brôi.

Tnú nằm trong góc nhà. Bóng tối đã dầy đặc. Anh suy nghĩ, ngạc nhiên tự thấy mình rất bình thản :

"Đứa con chết rồi. Mai chắc cũng chết rồi. Tnú cũng sắp chết. Ai sẽ làm cán bộ ? Đến khi có lệnh Đảng cho đánh, ai sẽ làm cán bộ lãnh đạo

dân làng Xô-Man đánh giặc. Cụ Mết đã già. Được, còn có bọn thanh niên. Rồi con Dít sẽ lớn lên. Con bé ấy vững hơn cả chị nó. Không sao ... Chỉ tiếc con của Tnú không sống được tới ngày cầm vũ khí, khi đứng dậy với dân làng ..."

Thằng Dục không giết Tnú ngay. Nó đốt một đống lửa lớn ở nhà ưng, lùa tất cả dân làng tới, cởi trói cho Tnú, rồi nói với mọi người :

– Nghe nói chúng mày đã mài rựa, mài giáo cả rồi, phải không ? Được, đứa nào muốn cầm rựa, cầm giáo thì coi bàn tay thằng Tnú đây.

Nó hất hàm ra hiệu cho thằng lính to béo nhất. Chúng nó đã chuẩn bị sẵn cả. Thằng lính mở túi-se[1] lấy ra một nhúm giẻ. Giẻ đã tẩm dầu xà nu. Nó quấn giẻ lên mười đầu ngón tay Tnú. Rồi nó cầm lấy một cây lửa. Nhưng thằng Dục bảo :

– Để đó, cho tau !

Nó giật lấy cây lửa.

Tnú không kêu lên một tiếng nào. Anh trợn mắt nhìn thằng Dục. Nó cười sằng sặc. Nó gí cây lửa lại sát mặt anh :

– Coi kĩ cái mặt thằng Cộng sản muốn cầm vũ khí này xem sao nào. Số kiếp chúng mày không phải số kiếp cầm giáo mác. Bỏ cái mộng cầm giáo mác đi, nghe không.

Một ngón tay Tnú bốc cháy. Hai ngón, ba ngón. Không có gì đượm bằng nhựa xà nu. Lửa bắt rất nhanh. Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc.

Tnú nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra, trừng trừng.

Trời ơi ! Cha mẹ ơi ! Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi. Anh không kêu lên. Anh Quyết nói "Người Cộng sản không thèm kêu van ...". Tnú không thèm, không thèm kêu van. Nhưng trời ơi ! Cháy, cháy cả ruột đây rồi ! Anh Quyết ơi ! Cháy ! Không, Tnú sẽ không kêu ! Không !

---

(1) Phiên âm tiếng Pháp (cartouchière) là bao đạn.

Tiếng cười rần rật của thằng Dục. Các cụ già chồm dậy. Bọn lính gạt ra. Tiếng kêu ré của đồng bào. Tiếng chân ai rầm rập quanh nhà ưng. Ai thế ?

Tnú thét lên một tiếng. Chỉ một tiếng thôi. Nhưng tiếng thét của anh bỗng vang dội thành nhiều tiếng thét dữ dội hơn. Tiếng "Giết". Tiếng chân người đạp trên sàn nhà ưng ào ào. Tiếng bọn lính kêu thất thanh. Tiếng cụ Mết ồ ồ : "Chém ! Chém hết !". Cụ Mết, đúng rồi, cụ Mết đã đứng đấy, lưỡi mác dài trong tay. Thằng Dục nằm dưới lưỡi mác của cụ Mết. Và thanh niên, tất cả thanh niên trong làng, mỗi người một cây rựa sáng loáng, những cây rựa mài bằng đá Tnú mang từ đỉnh núi Ngọc Linh về ...

Tiếng anh Brôi nói, trầm tĩnh :

– Tnú ! Tnú ! Tỉnh dậy chưa ? Đây này, chúng tôi giết hết rồi. Cả mười đứa, đây này ! Bằng giáo, bằng mác. Đây này !

Lửa đã tắt trên mười đầu ngón tay Tnú. Nhưng đống lửa xà nu lớn giữa nhà vẫn đỏ. Xác mười tên lính giặc ngổn ngang quang đống lửa đỏ.

Cụ Mết chống giáo xuống sàn nhà, tiếng nói vang vang :

– Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên ! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây vụ, một cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông ! Đốt lửa lên.

Tiếng chiêng nổi lên ...

Đứng trên đồi xà nu gần con nước lớn, suốt đêm nghe cây rừng Xô-Man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng.

Tnú lại ra đi. Cụ Mết và Dít đưa anh ra đến rừng xà nu gần con nước lớn. Trận đại bác đêm qua đã đốn ngã bốn năm cây xà nu to. Nhựa ứa ra ở những vết thương đang đọng lại, lóng lánh nắng hè. Quanh đó vô số những cây con đang mọc lên. Có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê.

Ba người đứng ở đây nhìn ra xa. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu liên tiếp chạy đến chân trời.

Lời bình

Rừng xà nu *là truyện ngắn được Nguyên Ngọc sáng tác khi ông trở về miền Nam tham gia trực tiếp vào công cuộc chống Mĩ, cứu nước cùng đồng bào, chiến sĩ Tây Nguyên - vùng quê thứ hai của ông. Gần 40 năm đã trôi qua, tác phẩm vẫn được xem là đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn, cũng là thành tựu xuất sắc của nền văn học Cách mạng Việt Nam. Tác phẩm vinh dự nhận giải thưởng cao quý : Giải thưởng văn học Nguyễn Đình Chiểu (1965) và là một trong những tác phẩm tiêu biểu đưa tác giả lên hàng những nhà văn được trao tặng giải thưởng Nhà nước (đợt I, năm 2001).*

Rừng xà nu *được viết kĩ lưỡng, trau chuốt từng câu, chữ, trong một kết cấu chặt chẽ, tạo hình, nhân vật với cá tính sắc nét qua suy nghĩ, hành động, nói năng ... Tác phẩm để lại dấu ấn rõ rệt về tài năng và phong cách của Nguyên Ngọc, lúc này đã đạt tới đỉnh cao với độ chín và sự thuần thục của một tay nghề đáng nể trọng.*

Sau thành công buổi đầu với Đất nước đứng lên *(Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam, 1955), lần này, trong* Rừng xà nu, *Nguyên Ngọc tiếp tục bộc lộ vốn sống phong phú, sâu sắc hiếm có về vùng đất và con người Tây Nguyên trong giai đoạn mới của cuộc chiến đấu chống Mĩ - Nguỵ. Ngòi bút của ông vẫn chú trọng khai thác những mảng hiện thực nghiêm nhặt chứa đựng những xung đột xã hội căng thẳng, dữ dội, đậm đà âm hưởng sử thi và giàu chất lãng mạn, bay bổng.*

Quả thực, bức tranh đời sống hiện thực của tác phẩm thật hào hùng và bi tráng mà lạc quan đến say người ! Qua việc khắc hoạ những đoạn đời đau khổ, bất hạnh rồi vững vàng mà trưởng thành trong thử thách của chiến tranh của nhân vật trung tâm Tnú cùng các nhân vật khác thuộc nhiều tầng lớp bà con người dân tộc Strá làng Xô-Man (như cụ Mết, cô Mai, cô Dít, bé Heng) ; qua việc miêu tả những cuộc đấu tranh quyết liệt

của họ (bị đẩy vào thế bị kìm kẹp nên "tức nước vỡ bờ", họ không chỉ dám đánh mà còn quyết đánh, tìm cách đánh thắng kẻ thù tàn bạo, dã man) để giành giữ quyền sống và làm chủ số phận ; truyện ngắn Rừng xà nu *có thể xem như là một bản anh hùng ca bằng ngôn ngữ nghệ thuật về miền đất Tây Nguyên hùng vĩ, về những người con dân tộc thiểu số gan dạ, bất khuất, một lòng kiên trinh với Cách mạng để đổi đời.*

Hình tượng thiên nhiên trong tác phẩm - cánh rừng xà nu bạt ngàn với hàng vạn cây các loại, kiểu ... được khắc hoạ chi tiết vừa cụ thể hiện diện rõ nét vừa mang tính tượng trưng - ẩn dụ, đem lại ấn tượng mạnh mẽ về sự gắn bó, nương tựa vào nhau giữa thiên nhiên và con người nơi đây, cùng chung hoạn nạn, đã gắn kết thành một khối vững chắc, chống trả lại sự huỷ diệt tàn bạo của kẻ thù để không ngừng lớn mạnh. Cây rừng cũng như những người con Tây Nguyên, bản tính thẳng ngay, tiềm tàng sức lực, gan dạ, bất khuất, đâu dễ bị khuất phục, đè bẹp. Rừng xà nu được miêu tả như vẽ tạc ở đầu tác phẩm, đến những dòng cuối lại được tái hiện. Phải chăng đây là chủ ý của tác giả : khúc vĩ thanh của bản anh hùng ca Thiên - Địa - Nhân được tấu lên ca ngợi Chiến thắng và sự Bất tử ?

Rừng xà nu *ghi nhận thành tựu của một cây bút hết mình gắn bó với miền núi, với bà con dân tộc thiểu số, thành tâm, tri âm và chia xẻ vui, buồn với họ, từ đó mà khẳng định tài năng và bản lĩnh nghệ thuật xuất sắc của một phong cách riêng, đáng quý trong truyện ngắn Việt Nam hiện đại.*

Nguyễn Ngọc Thiện

Kim Nhất

(Dân tộc Ba Na)

Tên khai sinh : Đinh Thị Kim Nhất. Sinh năm 1945.

Quê quán : Xã Bok Tới, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Tác phẩm đã xuất bản :

Mụ Xoại (tập truyện ngắn, 1994) ; *Li hôn* (tập truyện ngắn, 1998) ; *Hoan hô Ama Di* (truyện kí, 1997) ; Một số truyện kí và truyện ngắn in chung trên Tạp chí Văn nghệ Dân tộc và miền núi.

Giải thưởng văn học :

Giải ba của Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật toàn quốc, 1995, (tập truyện ngắn *Mụ Xoại*) ; Giải thưởng của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, 1998, (tập truyện ngắn *Li hôn*) ; Giải nhất của tỉnh Đắc Lắc về kế hoạch hoá gia đình, 1997, (truyện kí *Uyển Ngọc*).

KÍ ỨC RỪNG XANH

Quê tôi ở miền rừng. Rừng già, rừng non, núi con, núi mẹ nối nhau ngút ngàn, chẳng còn biết đâu là chân trời góc biển. Muốn đi thăm bà con hay có công chuyện, phải trèo nhiều núi, lội nhiều sông suối, vượt bao chặng đường khó khăn nguy hiểm mới đến được làng này làng kia.

Gia đình tôi sống riêng biệt trong một thung lũng gần xóm người Kinh nên ba mẹ tôi cũng sống theo cách dưới xuôi, thích làm vườn và ruộng hơn là làm rẫy. Xung quanh nhà toàn vườn cây ăn trái. Nhiều người đến xin cả gùi hoặc cả gánh, có khi họ muốn xin nhiều hơn thì

ba tôi bán với giá rất rẻ. Nghe kể lại thì xưa kia ba mẹ tôi cũng sống trong buôn trên núi, nhưng vì tình yêu bị ngăn trở nên phải dắt nhau trốn làng và cất nhà riêng tận dưới thung lũng này. Mãi năm tôi lên năm tuổi mới có một bác què sống độc thân đến nhập hội. Tiếp đó có bốn nhà nữa cũng vì chuyện tình mà bỏ làng đến xin cha tôi nhập hội. Thế là từ một gia đình đơn lẻ đã thành một buôn nhỏ. Buôn nhỏ của tôi bốn bề đồi núi, trước mặt là cánh đồng lúa do ba mẹ tôi khai khẩn. Giữa cánh đồng có mảnh đất bằng dành cho doanh trại bộ đội và trại nuôi bò, nuôi ngựa của bộ đội. Cách nhà chừng trăm mét là bến nước trong vắt, cá bơi lội tung tăng. Ngược dòng suối đi lên chừng hai cây số có thác Ta Kơi cao chừng bốn chục mét, quanh năm bọt trắng xoá. Dưới chân thác gồ ghề những đá lớn đá nhỏ nhưng rất nhiều cá, tôm, cua. Thỉnh thoảng rỗi rãi, mẹ con tôi vẫn đi xúc cá, bắt cua dưới chân thác. Bên trái thác Ta Kơi là rừng xanh trải rộng tận làng tôi, gọi là núi Gơ Liêng. Núi Gơ Liêng nhìn bề ngoài không có gì lạ. Nhưng đi sâu vào bên trong mới thấy nhiều điều huyền bí. Một lần cậu tôi cùng đám thợ săn vào rừng Gơ Liêng săn thú. Hôm đó, xui xẻo làm sao, họ đi từ sáng tới tối không bắn được con thú nào, mặc dù, rừng đó rất nhiều thú. Vừa đói vừa mệt, họ tìm đường thì không thấy lối ra. Họ cứ loay hoay mãi cả đêm trong rừng. Xung quanh họ, những đốm xanh lập loè kẽ lá, và những tiếng hú rùng rợn càng làm núi rừng thêm huyền bí. Mãi đến trưa hôm sau, vái Giàng trời, Giàng đất và âm hồn ma quỷ, họ mới tìm được lối về.

Bên phải thác Ta Kơi trải dài tít xa là núi Kơ Pang (còn gọi là núi Thiêng). Nghe đồn ở đó có nhiều âm hồn ma quỷ, và cả những con thú kì quái nửa người nửa quỷ chuyên hút máu người đi lạc đường. Hễ ai có tội vào đó thì không bao giờ trở về. Từ nhà tôi lên núi Kơ Pang chừng năm sáu cây số đường chim bay. Giữa rừng có một vạt trống như cái rẫy bỏ hoang. Cha mẹ tôi bảo : "Cái vạt trống đó có từ lâu lắm rồi". Trải qua hàng mấy trăm năm, cái vạt trống đó, hình dáng khu rừng đó vẫn y nguyên, chỉ khác cây cối cứ lớn dần lên, như bao khu rừng khác. Thời trai trẻ, cậu và cha tôi cùng mười người thợ săn trong làng đi săn rồi bị lạc vào rừng Kơ Pang. Rừng Kơ Pang nhiều thú đến nỗi dù sợ núi thiêng lắm ma quỷ nhưng những thợ săn gan dạ vẫn liều vào rừng. Một phần họ muốn khám phá sự bí hiểm của núi rừng để về kể lại cho

bà con, hoặc họ tận mắt chứng kiến một cảnh hãi hùng mà sau này không bao giờ dám vào đó nữa.

Đó là lần đi săn duy nhất của cậu và cha tôi cùng nhóm thợ săn trong khu rừng này. Họ bắt đầu săn từ núi Gơ Liêng sau nhà. Đàn chó săn đánh hơi thú, chúng vừa sủa, vừa dẫn đường cho đám thợ săn. Một lúc sau họ gặp một đàn nai đang chạy rầm rầm theo hướng núi Kơ Pang. Không bỏ lỡ dịp may, họ cùng lũ chó đuổi theo và giương cung bắn tới tấp. Nhưng các mũi tên đều không trúng đích. Đó là chuyện lạ đối với các tay săn giỏi có hạng. Càng bắn trượt họ càng thêm tức. Đàn nai cứ chạy, người cứ đuổi tận rừng sâu. Bỗng đàn nai biến mất trước sự ngạc nhiên của đám thợ săn và lũ chó. Đang tìm kiếm dấu vết nai thì bỗng đàn voi xuất hiện. Chúng tiến dần vào đám thợ săn với con mắt đỏ ngầu như máu. Đám thợ săn tản ra giương cung bắn, nhưng các mũi tên chỉ sượt ngoài da, rồi rơi xuống đất. Đàn voi giận dữ rống lên, ào ạt tấn công phường săn, một số con chó bị lũ voi quật chết, chỉ còn hai con, sau bị cọp ăn thịt nốt. Đám thợ săn trèo tót lên ngọn cây to tránh tai hoạ. Đất trời bắt đầu nổi gió to, cây cối nghiêng ngả, sấm chớp ầm ầm làm rung chuyển núi rừng. Lũ voi chạy vòng quanh dưới gốc cây có người, chúng rống lên man dại như lũ quỷ hiện hình. Cánh thợ săn run rẩy khấn vái, mong sao thoát nạn. Bỗng bầy voi biến mất, một con nai vàng đang nhởn nhơ gặm lá non. Mọi người tụt xuống đất đuổi theo nai vàng. Dường như muốn khiêu khích đám thợ săn, nó vừa nhởn nhơ, vừa chạy khi thợ săn tới gần. Mãi đến tối, họ lạc vào rừng Kơ Pang âm u, con nai vàng cũng biến mất. Vừa mệt vừa đói, họ ngủ đêm giữa rừng lạ. Đêm đó thật là một đêm nhớ đời. Trong đêm tối mịt mùng, hàng chục con mắt sáng xanh đỏ lượn lờ quanh họ. Tiếng sột soạt cùng những tiếng gầm rú man dại của thú rừng càng làm đêm khuya thêm hãi hùng. Những con thú kì lạ nửa người, nửa thú đầu tóc bù xù xuất hiện nơi họ ngủ. Mọi người khiếp đảm, họ nhắm mắt lại, phó mặc số phận cho Giàng rừng quyết định. Mở mắt ra, thì bầy người đã biến mất cùng với tiếng hú man rợ âm vang khắp núi rừng. Còn lại năm người, trong đó có cậu và cha tôi. Họ tìm đường về, nhưng đến chiều vẫn không thoát khỏi rừng. Đứng trên núi cao Kơ Pang, họ nhìn thấy buôn làng, sông suối. Nhưng tìm lối thì cứ loanh quanh, loanh quanh mãi y như có ma quỷ dẫn đường. Họ đành xuống sông bắt cá. Sông sâu, nước đen ngòm nhìn

mà sợ, nhưng lại rất nhiều tôm cá. Có cả những loại cá mà sông suối thường không có. Họ bắt được nhiều cá, lên bờ nướng ăn, ăn xong họ tìm đường về. Nhưng đi được chừng một chặng thì ai nấy đều thấy vương vướng sau mông. Lấy tay sờ thì không thấy gì. Đi một quãng nữa thì họ lại quay về bờ sông cũ. Cứ thế hàng chục lần, cha tôi hiểu là có chuyện. Ông cầm kiếm sắc như nước, tiểu vô kiếm xong, ông vung kiếm chém quanh mình rồi chém xung quanh bốn người kia. Một giọt máu rơi xuống đất, giọt máu loang dài đến bờ sông thì hết. Mọi người thoát nạn nhưng chưa tìm được lối về. Con vật vô hình cắn năm người đó là "Hoêng Pơ Rao" (thần nước). Đang lúng túng thì mọi người phát hiện trên ngọn cây có hai vợ chồng người rừng. Trên mình họ không mảnh vải che thân. Người vợ đang cho con bú, còn người chồng đang ngủ. Đám thợ săn tưởng đó là người làng thất lạc, họ hú gọi. Không ngờ tiếng gọi của họ làm đôi vợ chồng hoảng sợ, vội đu cành chạy trốn. Thấy lạ, tốp thợ săn bắn theo, người vợ bị thương, làm rơi đứa con nhỏ xuống đất, nhưng không chết. Cha tôi đem đứa bé về nuôi. Được một năm thì nó biết chạy nhảy, trèo cây rất tài, không chịu mặc áo váy, nói tiếng nghe rất lạ. Nó thường nghiêng ngó lên ngọn cây như tìm kiếm cái gì !

Một buổi sáng đẹp trời, trên ngọn cây rìa làng có tiếng kêu là lạ. Mọi người chưa đoán được tiếng gì, thì đứa bé đã chạy vụt ra trèo tót lên cây. Cha tôi nhanh như cắt nhào tới ôm chặt đứa bé. Nó khóc thảm thiết như đứa trẻ bị ăn đòn. Cha tôi sợ nó trốn nên trói chặt vào cột nhà. Sáng hôm sau, cả nhà thức dậy, đứa bé đã biến mất tự lúc nào, dây thừng to thế mà nó cắn đứt. Từ đó dân làng không bao giờ nghe tiếng kêu la của cha mẹ đứa bé nữa. Cũng từ đó đám thợ săn làng tôi không dám vào rừng Kơ Pang săn bắn nữa. Chỉ những thợ săn làng xa không biết nên họ vẫn vào săn thú ở đó, nhưng họ không bao giờ trở về.

Người già vẫn dạy chúng tôi : "Sống tốt hơn chết xấu", có nghĩa là không làm điều ác, không chửi độc hay xíu vặt, có tội phải biết sửa, chứ không nói dối và cũng không thề độc. Hồi nhỏ, tôi chứng kiến bốn vụ có tội, nhưng vì mắc cỡ với dân làng nên họ chối đây đẩy và thề độc. Vụ thứ nhất, anh Nam vì đói nên đã lỡ ăn cắp vài củ khoai trong vườn ông Ty. Dân làng phát hiện, anh thề độc rằng : "Nếu tôi ăn cắp

khoai, vào rừng sẽ bị voi quật chết.". Tháng sau, anh vào rừng săn thú cùng mấy người bạn. Họ đã chạm trán một con voi lớn. Anh bị voi quật chết tươi. Vụ thứ hai, cô Son cũng bị đói, nhổ trộm một bụi mì. Họp làng cô thề : "Tôi sẽ hộc máu mà chết nếu ăn cắp mì.". Mười ngày sau, cô ốm nặng, hộc máu và chết. Vụ thứ ba anh Tỉa ngoại tình. Bị làng phát hiện, anh thề : "Nếu tôi ngoại tình, sẽ bị té cây mà chết.". Ít lâu sau anh trèo hái lá trầu, rơi xuống đất mà chết. Vụ thứ tư, một ông nói xấu hàng xóm, lại chối bay : "Tôi nói xấu ông Sinh, sẽ bị heo rừng húc chết.". Hai tháng sau, ông ra rìa làng bị một con lợn lòi húc xổ ruột chết tươi. Có người còn dám thề độc với cả cọp dữ nữa. Như ông sui gia với gia đình tôi, không biết ông thề độc điều gì mà suốt ba ngày đi làm rẫy, bị cọp đuổi theo tận nhà. Ông ta phải cúng bò, cọp mới đi.

Lại nói núi Kơ Pang linh thiêng. Thời Pháp thuộc, chúng bắt dân đi phu gỗ trên núi Kơ Pang. Hai chuyến đầu cả ba trăm phu bỏ mạng. Chuyến thứ ba, có mấy người dân tộc, họ có kinh nghiệm trừ tà bằng cách đem theo gừng và ớt rất nhiều. Đến các lán trại trên núi, họ thấy hàng trăm xâu thịt tươi xuất hiện. Họ giã muối gừng, ớt thật nhiều, rồi xoa đều hai bàn tay vào con dao. Sau đó bỏ ớt gừng vào lửa cho khói cay bốc lên. Hàng trăm xâu thịt bỗng dưng biến mất. Chuyến đó cả năm trăm phu trở về an toàn. Tiếng đồn rừng núi Kơ Pang có ma quỷ lan rộng khắp vùng, làm cho bọn Tây cũng phải khiếp vía. Cho nên, nói đến rừng thiêng cũng lắm cái bí mật lắm. Nhưng dân làng thường gặp vẫn là voi và cọp. Thời Pháp, chưa có đường quốc lộ cũng chưa có cái thị trấn, phố xá đẹp như bây giờ. Vì vậy, voi và cọp lộng hành khắp nơi. Ở đâu có tiếng súng đạn là ở đó có cọp chờ ăn xác chết. Có khi chúng phục, nhảy cả lên xe bọn Tây bắt người ăn thịt. Có một lần, xe Tây chở hai người đi qua Gia Lai, bị cọp phốc lên sau xe. Nhưng vì có kính chắn nên cọp cứ lắc lư trên xe mà không vồ được người.

Chồng tôi kể lại, hồi đơn vị ông đóng quân ở núi Đak Mil. Cả đơn vị đang quây quần bên chảo nước trên bếp thì bỗng một con cọp nhảy tới vồ ông. Nó vồ trượt mang tai, rơi xuống chảo nước. Bị hụt nó mắc cỡ lắm đứng hai chân trong chảo, đưa hai tay hươ hươ trước mặt mọi người. Nó nhe răng trợn mắt gầm gừ, nhưng không một ai dám động đậy. Nước nóng lên, cọp mới nhảy ra, biến mất. Vài lần người làng trên

núi chứng kiến cảnh những cô gái lấy củi, hoặc em nhỏ đi chăn trâu bị cọp vồ mà đau lòng. Gia đình nọ chỉ có một cô gái, sắp lấy chồng. Ngày cưới đến, cả làng nhộn nhịp chuẩn bị rượu cưới. Không hiểu vì số cô bị cọp bắt, hay rừng lắm cọp mà khi cô vừa ra bìa rừng thì bị cọp bắt. Một cô gái nữa đang ngủ trong nhà với mẹ, khi mở mắt đã thấy lù lù trước mặt một con cọp to như cái trống làng và cô gái xấu số ấy bị cọp quắp mất.

Nói về cọp thì có nhiều loại. Có loại chưa nếm mùi thịt người, thấy người còn sờ sợ. Loại gan hơn, đã từng ăn thịt người, dù có súng đạn, nó cũng không sợ. Nhưng gớm nhất là loại cọp năm ngón hoặc cọp què. Loại này rất tinh khôn và nham hiểm. Nó không sợ ai, dù địch thủ ít hay nhiều. Nó lẩn mình trong bụi rậm phục con mồi. Thời chống Pháp, dân làng và một số cán bộ đã bị loài cọp này ăn thịt. Người già thường răn đe chúng tôi : "Không được làm điều xấu và không được nói xấu cọp.". Vì cọp có thể nghe hết lời ta nói, biết trước ta muốn gì. Lũ trẻ chúng tôi, ở nhà hay vào rừng không dám hé răng về những điều cấm kị. Những lời răn đe của người già, chẳng biết có đúng không, mà có lần, một tốp cán bộ dưới xuôi lên hoạt động do anh người dân tộc dẫn đường. Đang đi, nghe tiếng nai tác xa xa, sau đó là tiếng voi rống, và tiếng chim lạ kêu "Pơ Pút ! Pơ Pút !". Anh cán bộ nghe vui tai, liền bắt chước tiếng nai, rồi tiếng voi, và tiếng chim. Tiếng chim lúc xa lúc gần, rồi đổi thành tiếng chim khác rất gần : "Hác ! Hác ! Hác ! Kơ riếc !". Anh giao liên bảo cán bộ đừng nhái theo kẻo có chuyện không hay. Anh cười bảo : "Tây Nguyên nhiều tiếng chim lạ quá. Mình bắt chước. Nó tưởng bạn gọi, bay đến coi cho biết.". Trí tò mò làm hại anh. Họ qua suối, bất ngờ một bóng vằn vằn phóng tới. Họ quay lại, anh cán bộ nhái tiếng chim lúc nãy nằm sóng soài dưới nước, mặt anh đầm đìa máu tươi. Mọi người ngơ ngác không hiểu chuyện gì xảy ra.

Anh giao liên nói nhỏ : "Đi rừng nghe tiếng chim, đừng bắt chước, vì đó là cọp giả tiếng chim đấy.". Sau khi chữa lành vết thương trên mặt, anh cán bộ chuyển công tác xuống vùng xôi. Nhưng vết thẹo trên mặt còn đến bây giờ. Chuyện rừng núi thật phức tạp, có lúc không gặp cọp thì lại tưởng thấy cọp. Cọp đến thật thì chủ quan, khinh thường. Chỉ có người quen sống ở rừng thì mới hiểu rừng.

Bây giờ nói về loài voi. Loài voi tuy không rình bắt người như cọp, nhưng chạm trán với đàn voi dữ thì khó thoát. Các buôn làng trên núi, và buôn nhỏ của tôi dưới thung lũng thỉnh thoảng phải chạy cả buôn, có khi mấy ngày trời mới dám quay về. Đó là những mùa động rừng. Bầy voi từ các núi đổi tràn xuống ầm ầm, cây cối ngả nghiêng như một trận cuồng phong vừa tràn qua. Chúng dẫm nát lúa bắp, hoa màu, có khi ùa cả vào các làng phá phách chẳng kém lũ giặc trời. Lúc ấy, dù đang ngon giấc cũng phải bồng bế nhau ù té khỏi làng.

Một lần, bác tôi đi thăm bà con ở làng trên núi. Đến đồi tranh trên ngọn thác Ta Kơi thì bị bầy voi rượt đuổi suýt chết. Cũng may ông giỏi leo trèo, kịp thoát lên một cây to. Nhìn xuống, ông thấy bầy voi vây quanh gốc cây rống lên, giận dữ. Chúng dùng vòi quật cây, nhưng cây quá to, nên quật mãi không làm cây rung chuyển. Chúng để lại một con voi giữ, xuống suối hút nước phun vào gốc cây, rồi dẫm nát đất. Được năm chuyến, gốc cây bắt đầu lung lay. Ông cố nghĩ cách thoát thân. Ông cởi áo khoác vào cành cây, cắt đuôi khố quấn vào chạng cây. Từ dưới nhìn lên y như người đang đứng dạng chân vậy. Xong xuôi, ông nhẹ nhàng tuột xuống, chạy một mạch. Cây đổ chỉ thấy áo khố, bầy voi tức giận rống lên inh ỏi. Chúng nhìn thấy bác tôi đang chạy rất xa. Lần ấy bác tôi thoát nạn. Một hôm, bác lên rẫy hái mít chín. Một con gấu to xuất hiện. Gấu vẫn thích của ngọt, nó trèo lên cây giành trái mít. Nó cào mạnh vào hai mông làm bác rơi bịch xuống đất. Do vết cào quá mạnh, bị nhiễm trùng, nên tháng sau bác mất. Mẹ tôi kể rằng : "Gấu chỉ ghét đàn ông, nên cứ gặp đàn ông là nó tát, cào cho đến khi đối thủ nằm im mới thôi. Còn với đàn bà thì gấu không làm thế vì gấu mang ơn đàn bà đã cứu sống nó.".

Chuyện kể rằng : Có một người đàn bà xoã tóc dài đi rẫy. Con gấu ăn mật quá nhiều nên say như chết. Người đàn bà tưởng gấu chết, bỏ vào gùi mang về. Đến bến nước, chị xuống tắm gội. Mang gùi trên lưng, tóc chị ướt xoã vào gùi. Nước từ mái tóc giỏ vào mặt vào mũi làm gấu tỉnh dần. Nó nhảy xuống đất, đến trước mặt người đàn bà nói lời cám ơn ! Nó nhìn kĩ người đàn bà tóc dài, phía trước hai vú to. Vậy là nó đã phân biệt được đàn bà và đàn ông để nói lại cho con cháu biết !

Rừng vùng tôi còn có loài vật nửa người nửa thú (giống loài vượn nhưng không phải vượn. Loài thú đó rất hiếm, hình như đã bị diệt vong, nên không thấy nữa. Hồi đó, ai vô phước gặp nó thì cầm chắc cái chết. Cách bắt người của nó khác hẳn các loài ác thú. Nắm chặt cổ tay người. Ngửa mặt lên trời, đến khi mặt trời lặn, nó mới ăn hai con mắt. Xác bỏ lại cho cọp. Người có kinh nghiệm đi rừng đeo sẵn ống vào cổ tay. Chờ nó ngửa mặt lên trời cười, thì rút nhẹ tay ra, rồi chuồn lẹ.

Nghe người già nói, ma cũng có hai loại. Ma hiền và ma ác. Cũng như loài cọp, tuy là chúa sơn lâm, nhưng cũng có loài cọp biết trả ơn. Chuyện lại rơi đúng vào nhà tôi. Cha mẹ vẫn bảo : "Mình ăn ở hiền lành lại hay giúp người nên Giàng thương !".

Tôi còn nhớ Tết năm 1954. Nhà tôi nuôi bao nhiêu con heo đều bị cọp ăn thịt. Cha tôi đóng chuồng bằng gỗ tròn to, có nắp đậy chắc chắn mới thả heo vào chuồng. Vậy mà giáp Tết, cọp mở nắp vác heo lên núi ăn thịt. Lúc ấy, cha tôi ốm nặng. Ông thở dài : "Nhà con chỉ có một con heo ăn Tết, ông bắt mất rồi, Tết này lấy gì mà ăn.".

Tối hôm đó đang dọn cơm thì đàn chó săn sủa vang. Nhìn cách sủa của chó, chúng tôi đoán ác thú ở gần đâu đây ? Cậu tôi gan lì, ông xách cung nỏ ra. Một lát ông quay vào : "Tết này mình có thịt ăn rồi. Ông trả heo rừng cho mình đấy !". Cả nhà ra coi, đúng là con heo rừng to như cái trống nằm chình ình chân cầu thang. Cha tôi hướng vô rừng khấn vái. Chúng tôi đi rừng, xuống suối cũng không gặp cọp. Mới hay loài cọp cũng biết phân biệt cái ác và cái thiện. Chuyện kể khó tin nhưng có thật.

Bây giờ, rừng xanh chẳng còn linh thiêng nữa ; chẳng còn đâu ma thiêng, cọp dữ, chẳng còn đâu sự hùng vĩ của đại ngàn ... Nhưng với tôi, mãi mãi trong tiềm thức, rừng xanh vẫn là sự huyền bí không cùng.

Lời bình

Có một tài sản vô cùng quý giá mà khi lớn lên, con người thường để mất. Đó là kí ức tuổi thơ được đan dệt bằng tất cả những sắc màu lung

linh huyền thoại. Tuổi càng lớn, con người càng khôn ra, nhưng đồng thời trái tim có nguy cơ ngày một cằn cỗi dần. Trẻ em thời hiện đại sớm tiếp xúc với tiền bạc, với các trò chơi văn minh điện tử, với các truyện tranh - thế giới của những cỗ máy thông minh nhưng vô cảm - khó có được cái tài sản tuổi thơ màu nhiệm ấy.

Kí ức rừng xanh *thực chất là một kí ức tuổi thơ của một người được sinh ra và lớn lên ở núi rừng. Đó là một kí ức gắn bó với biết bao câu chuyện đầy vẻ li kì, có khi còn rùng rợn nữa. Trong cái nhìn của một đứa trẻ, thế giới không bao giờ trần trụi như nó vốn có, mà luôn luôn được bao bọc bởi một ánh hào quang lung linh kì ảo. Có thể có người vội vàng cho rằng đây là những chuyện mang màu sắc mê tín dị đoan (!). Hoàn toàn không. Chúng chỉ là những biểu hiện tâm linh của người trần thế cùng một lúc sống trong hai thế giới : thế giới của thực tại và thế giới của biểu tượng. Cũng có thể cho rằng tất cả những điều đó biểu hiện một trình độ văn minh còn thấp ? Nếu nhìn kĩ, chúng ta sẽ nhận ra một điều thật đẹp đẽ bên trong đó là niềm xác tín về những đạo lí gốc của đời sống con người : Khuyến thiện trừng ác, ác giả ác báo. Niềm xác tín mạnh mẽ này giúp cho con người biết sống đẹp hơn lên.*

Kí ức rừng xanh *được viết ra theo cách kể chuyện đầu cuối rất đỗi giản dị. Cái hay của truyện ngắn này không nằm ở kĩ thuật viết mà là ở sự giàu có về chất liệu đời sống, trong đó có khá nhiều những chi tiết mới lạ, độc đáo, gây ấn tượng mạnh đối với người đọc.*

Khép lại trang truyện cuối cùng, bỗng lòng ta ao ước : giá như ai cũng có một đời sống tâm linh dồi dào và thiêng liêng như thế thì rừng xanh của chúng ta chẳng đến nỗi có nguy cơ bị huỷ diệt như tình trạng hiện nay. Những câu chuyện như thế này rất cần được đưa vào trường học tuổi thơ.

Văn Giá

H' Linh Niê

(Dân tộc Êđê)

Tên khai sinh : Linh Nga Niêkdam. Sinh ngày 8 tháng 8 năm 1948.

Quê quán : Huyện Cư M'Gar, tỉnh Đăk Lăk.

Tác phẩm đã xuất bản :

Huyền thoại sau cánh rừng (Album nhạc - Dihavina 1995) ; *Nối dòng* (tập truyện ngắn, in chung, 1996) ; *Con rắn màu xanh da trời* (tập truyện ngắn, 1997) ; *Một số nét đặc trưng phong tục các dân tộc Tây nguyên* (sưu tầm, viết chung, 1997) ; *Trăng Xí Thoại* (bút kí, 1998).

Giải thưởng văn học :

Giải ba bút kí hay trong năm 1993 của Đài tiếng nói Việt Nam (bút kí *Pholklore Tây Nguyên, độc đáo và giàu có, còn chăng ?*) Giải Văn học Buôn Ma Thuột, 1994 (truyện ngắn *Cầu vồng lung linh*) ; Giải nhì cuộc thi Dân số - kế hoạch hoá gia đình tỉnh Đăk Lăk, 1996 (kịch ngắn *Tại tôi*) ; Giải nhì (không có giải nhất) Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1997 (tập truyện ngắn *Con rắn màu xanh da trời*) ; Giải ba (không có giải nhất) báo Nông nghiệp, 1997 (bút kí *Trà Can mùa nước*).

HOA PƠ LANG

Sam San bỏ mặc khách cầu hôn ngồi chật nhà cho chị em H'Âng, H'Lí tiếp. Chàng cuốn gọn mớ tóc dài trong chiếc khăn bịt đầu đỏ chót của tù trưởng, gỡ chiếc xà gạc treo lên vách, nhảy qua cửa sổ buông mình xuống lưng ngựa, phóng đi không hề ngoảnh lại.

Bước chân ngựa nhanh như cơn gió, thân hình Đam San dẻo như nõn mây. Dường như chàng không nghe được một tiếng động nào, ngoài tiếng nói trong đầu cứ nhắc đi nhắc lại :

– Phải đến ngay nhà H'Bia Điêt Klưt !

Con chim tao vao vắt vẻo trên cột gỗ đầu buôn, chao chác gọi bạn tình, chẳng lọt lỗ tai chàng. Cơn gió ùa ào luồn qua rừng khộp, đùa rỡn tung những chiếc lá đỏ tơi tả bay đầy trời không khiến mắt Đam San chú ý. Thúc ngựa lội ào qua suối, nước ngập tới ức ngựa, ướt cả đuôi khố, chàng không hay.

– Không ! Không ! Ta không thể lấy H'Nhí, H'Bhi làm vợ. Dù hai nàng có đẹp, có giàu. Ta đã thuộc về H'Bia Điêt Klưt.

Tiếng lách cách của khung dệt báo Đam San biết người yêu đang dệt vải. Vịn tay đầu sàn, chàng ghé nhìn qua khung cửa.

H'Bia bên cửa sổ đang vừa luồn chỉ, vừa hát :

Dệt tấm áo khố em đón anh về
Trao tấm áo để đón anh về
Mẹ bảo em rằng anh sẽ về
Mai mốt anh về
Như chim có bầy.

Nàng dệt đã sắp xong tấm khố để tặng chàng. Bên cạnh lại còn bày cả tấm Apăn[1] lẫn chiếc áo tù trưởng có hàng nút đỏ thắm trước ngực và bày chim MLang dang cánh đã dệt xong. Đặt cạnh mình những hiện vật ấy, nàng như giục mình phải xe chỉ, luồn sợi nhanh tay hơn nữa, bởi đó chính là một phần những lễ vật nàng sẽ đem sang nhà, để hỏi chàng về làm chồng.

Đam San nắm lấy bầu vú gỗ đầu thang, đu thẳng người lên sàn. Bước nhảy mạnh mẽ của chàng dũng sĩ khiến cả căn nhà rung rinh. H'Bia dừng tay dệt ngó ra cửa, nói dỗi :

---

(1) *Apăn* : Chăn thổ cẩm.

– Đam San ! Mấy lần gà lên ổ rồi em không thấy Đam San. Hay Đam San để con diều mổ, con quạ tha em đi, rồi mới tới đây chăng ?

– H'Bia ơi. Em sao như nước sôi trên lửa vậy. Mai này cơm ai người đó ăn, rượu ai người đó uống, em có còn được chờ, được mắng anh nữa không ?

– Sao vậy Đam San ?

Bước tới sau lưng người yêu, Đam San cởi hộ nàng sợi dây buộc khung dệt, vén mớ tóc dài xoã đầy trên sàn, đỡ H'Bia đứng dậy.

– Cột một ché rượu nhỏ đi em, ta uống với nhau một lần cho say, quên cả đường về, quên cả những gì đang chờ ở nhà anh kia nữa.

Cảm thấy có điều gì đã xảy ra, H'Bia lặng lẽ bới gọn mớ tóc, đi tới góc mẹ ủ rượu chọn lấy một ché ngon. Đam San với tay lên xà nhà, lấy cây cột gơng chống xuống sàn. Chàng phụ H'Bia bưng tới, cột ché cho chắc. Trong lúc H'Bia lui cui múc nước và soi lại cho thông cái cần hút, Đam San nhanh chóng đem về một ôm lá chuối khô, ấn vào ché. Họ lặng thinh làm, không nói gì với nhau, cũng không gọi tôi tớ. Hai người ngồi bên nhau. Tay cùng đặt lên cần rượu. Chân đạp lên chân, mắt nhìn trong mắt. Nếu có hai chiếc cần, thầy cúng, cái rìu và đôi vòng đồng nữa, đã thành lễ cưới của họ rồi. Mặt ché đầy nước sóng sánh như ánh mắt H'Bia đắm đuối nhìn người yêu. Đam San dịu dàng nâng cần rượu đặt lên môi nàng.

– Uống đi H'Bia, cho Đam San tiếp em uống rượu này lần sau chót đấy. Rượu có đắng ta cũng coi là rượu ngọt mà uống cùng nhau.

Đôi mắt H'Bia mở to lóng lánh như cặp mắt con mang nhỏ Đam San bẫy được mà không nỡ giết, lại giữ cho nó quen đùa với hai người mỗi lần đi thăm rẫy.

– Có việc gì Đam San ? Chị em nhà anh không cho hai mình thương nhau sao ?

– Không phải đâu H'Bia. H'Nhí, H'Bhi cho các anh trai đem lời ông nội đến nhà. Đã đến lúc theo tục nối dây. Đam San phải về làm chồng hai người đó.

– Còn em sao, Đam San ?

– Ờ H'Bia ở trong đầu, trong mắt, trong ngực Đam San đây nè. Nhưng bao đời nay em có thấy ai cãi lời luật tục Ê Đê chưa ? Việc này đã được ông Y Kla của Đam San dặn dò, từ thuở ông còn phải cõng H'Bhi trên lưng, bế Đam San một bên vế trái, ôm H'Nhí một bên vế phải, cách đây 15 mùa rẫy rồi đó em.

– H'Bia không chịu đâu Đam San. Mình thương nhau đã hai lần hoa Tiăngpi gửi hương cho gió rồi. Em cũng danh giá, giàu có kém gì H'Nhí, H'Bhi. Dòng họ Êban cũng được quyền cưới họ Niêkdam chứ.

– Nhưng còn sợi dây Cuê nuê[1] làm sao dứt được ?

H'Bia tựa đầu lên vai Đam San. Mái tóc thơm ngát của nàng xổ tung, quấn quýt lên cổ, lên vai, lên tấm lưng trần của chàng San. Họ khép mắt im lặng ngồi bên nhau ... H'Bia đi trước trên con đường rừng vắng, hai bên ken đầy những đoá hoa vàng óng. Đôi gót chân đỏ như son của nàng bước tung tăng trong tiếng Đing năm dìu dặt. Tiếng kèn như nâng bước chân và tiếng hát H'Bia.

– Lược ngà anh dắt mái tóc xoăn
Để em mơ đêm thương ngày nhớ
Chiếc chiếu em một bên mốc dở
Bởi không người nằm kề bên
Ơ anh !

Đam San cũng say trong nhịp điệu của câu hát tiếng kèn. Người chàng lắc lư. Đôi chân và cả thân mình nhấc lên nhún xuống, tua khố tung bay. Những con chim kơ-tia mỏ đỏ, chim nhông mỏ vàng kéo hàng đàn ríu rít sà xuống theo hai người. Góc rừng, anh công kiêu hãnh xoè hết chiếc đuôi lóng lánh bao mặt trời xanh, khoe mẽ với nàng công đang yểu điệu rón rén từng bước. Tiếng suối róc rách ngân nga đâu đây trong bài ca bất tận của núi rừng và tình yêu. Hoa xoài trắng đung đưa trong nắng ... Đam San ngửa mặt gọi trời :

– Ông ơi thả cho cháu cái thang.

---

(1) *Cuê nuê* : Tục nối dây hôn nhân của Ê Đê.

Chiếc thang vàng lóng lánh kéo lên. Ông Gỗn[1] cười ha hả hỏi Đam San :

– Vợ cháu đang đi đón đó, sao còn chưa về đi. Từ nay đừng làm con mang, con hoẵng lang thang trong rừng nữa nghe. Phải làm cây cột cái trong nhà chớ.

– Nhưng cháu thương H'Bia Điêt Klưt. Nàng cũng ưng cháu nữa. Chúng cháu muốn ăn cơm một mâm, ngủ chung một chiếu, hút chung một ống điếu. Sao bắt cháu nối dây với H'Nhí, H'Bhi ? Cháu đâu ưng hai nàng đó.

– Sợi dây buộc dòng họ Niê với MLô đã có từ ngàn xưa ông bà rồi. Bà H'Klu chết. Họ MLô phải đem H'Nhí cho ông Y Kla. Bây giờ đến lượt cháu phải thay ông nội làm chồng H'Nhí, H'Bhi. Niê với MLô kết đôi, của cải mãi mãi sinh sôi buôn làng đời đời no ấm. Đam San ưng làm tù trưởng hay làm tôi tớ giữ bò, giữ ngựa cho H'Nhí ?

– Có đúng cháu lấy hai nàng thì sẽ thành tù trưởng vững mạnh nhất không ?

– Ông Gỗn sao nói sai lời với cháu ?

Hai người mở bừng mắt. Họ vẫn ngồi bên nhau mà thiếp đi, mỗi người một giấc mơ. Chiếc cần rượu bị bỏ quên, nhỏ tong tong xuống sàn loang ướt vạt gỗ.

Đam San quấn mái tóc thơm của H'Bia quanh cổ như tấm chăn, hai tay chàng nâng khuôn mặt người yêu. H'Bia nhắm mắt. Đôi dòng lệ trong veo lăn trên cặp má mịn màng. Đam San ghé môi nhấp cạn. Mắt chàng không rời gương mặt nàng, khắc ghi những nét yêu thương mai này không còn được ngó thấy. Này hàng mi dài, H'Bia ưng ghé sát má chàng chơm chớp, thích thú thấy chàng bị nhột. Cặp môi xinh, hàm răng trắng đều như bắp nếp, không còn gửi cho chàng những nụ cười hoa nở nữa. Khắp bao bến nước, không có cô gái nào có mái tóc suối dài thơm ngát như H'Bia. Hương tóc ngọt ngào này chàng sẽ không còn được hít thở. Không có nửa lời Đing năm buổi sáng, câu hát với đàn goong những

---

(1) *Ông Gỗn* : Ông Trời.

đêm trăng xanh. Im lặng – úp mặt trong tóc, họ ôm riết lấy nhau, bện trong nhau như con trăn quấn mồi, như đôi sam bơi trong biển. Nhà sàn rung rinh, bay, bay, bồng bềnh trôi trong gió, mỗi lúc một dào dạt. Đoá hoa mây khổng lồ trắng muốt, sà xuống phủ quanh căn nhà, bao bọc ấp ủ, chở che. Đất trời, rừng suối chòng chành trên con thuyền căng buồm lướt sóng ...

Đam San quấn lại tóc cho H'Bia, thủ thỉ.

– Lúc nào nghe chiêng trống thì tới nhà anh nhé.

Đôi tay họ xoắn lại, níu lấy nhau không muốn rời ra. Đam San đi lùi tới tận đầu thang nhà sàn. H'Bia thổn thức tựa cửa nhìn ngựa chàng mỗi lúc mỗi xa. Có gì sáng lên trong đầu, nàng quay lại thét gọi tôi tớ :

– Các con ! Chuẩn bị lễ vật ! Lấy áo quần đẹp cho ta. Đóng bành voi, đi tới nhà Đam San ngay.

Nàng ướm lên người chiếc váy đen lánh như cánh bướm đêm. Thấy chưa ưng, lại thử tấm váy vàng rực như tia nắng mặt trời. Cuối cùng nàng lựa chiếc váy sáng nhóng nhánh như ánh trăng xanh mặc với cái áo ngắn thêu hoa và chim rực rỡ. Từ hai bông hoa đỏ trên vai, thả xuống những sợi bím dài, khiến mỗi bước nàng đi thêm mềm mại. Một góc vạt váy buông lơi bên hông, càng tăng cho nàng vẻ duyên dáng. Tôi tớ đã chuẩn bị xong lễ vật. Voi đã đóng bành ghé lại bên sàn. H'Bia ra lệnh nài thẳng hướng nhà Đam San giục bước chân voi.

Con đường trôi giữa hai bờ cỏ lau khô lút đầu. Mỗi lần gió xào xạc chạy qua, cỏ lau dịu dàng nhường nhịn nằm rạp xuống. Rồi lại ngóc dậy kiêu hãnh. H'Bia quyết đến giành lại người yêu trong tay H'Nhí, H'Bhi. Dù có phải chống lại luật tục muôn đời.

*

* *

Đam San bước lên sàn phía sau, kịp nghe tiếng Y ĐHinh, anh của H'Nhí lớn giọng :

– Anh Đam San đâu. Tôi muốn hỏi một lời : Gia đình ta có còn nhớ luật tục ông bà. Có nhớ lời dặn của ông nội Y Kla không ?

Chàng chậm rãi bước tới, khoanh chân ngồi trên chiếc đệm tù trưởng giữa nhà. Vuốt lại mép khố cho ngay ngắn. Đôi tay đặt lên đùi. Đầu ngước cao. Đuôi chiếc khăn buộc đầu cũng vểnh lên thách thức. Mọi người im lặng chưa ai kịp nói lời nào, thì một đàn voi xịch tới bên sàn. H'Nhí, H'Bhi yểu điệu bước xuống. H'Âng líu tíu chạy ra đón khách. Chưa kịp mời ngồi xuống chiếu, lại một đàn voi khác rầm rập ghé hiên. H'Bia bước xuống khoanh tay đứng chờ nơi đầu sàn, H'Lí lật đật chạy ra tíu tít mời mọc :

– Mừng chị H'Bia tới chơi. Nhà chúng em bữa nay sao được đón toàn khách giàu, khách quý. Các chị có nhầm nhà không ?

– Không nhầm đâu : Tôi tới hỏi Đam San về làm chồng đây. Các con. Bưng đồ lễ lên.

Tiếng H'Bia lanh lảnh. Mọi người trong nhà như nín thở. H'Nhí, H'Bhi chưa kịp ngồi ấm chỗ đã nhấp nhổm đứng dậy. Đam San lặng người đăm đắm nhìn H'Bia. Nàng đã công khai gây chiến rồi. Bụng chàng bên thương, bên lo. Thương nàng dám một mình đương đầu với dòng họ MLô danh giá. Đưa ngay lễ cưới xin đón chàng chứ không phải lễ hỏi. Lo H'Bia làm sao bẻ gãy được luật tục nặng nề của cả cộng đồng.

Đoàn tôi tớ nhà H'Bia đã đứng chật đầu sàn. Nàng thủng thẳng bước đi trước mắt mọi người. Vẻ đẹp rực rỡ và ánh mắt cương quyết của H'Bia khiến những kẻ rắp tâm làm xấu cũng phải rẽ qua, kính nể nhường bước. Nàng ý tứ đứng lui sang phần Đinh ôk[1] vẫn dành cho phái nữ, khẽ gật. Tên nô lệ đi đầu quỳ xuống dâng lên H'Âng chiếc mâm đồng dựng đủ 7 món lễ vật : tấm chăn, chiếc áo, khố, túi, bát đồng và hai chiếc vòng. Sáu nô lệ tiếp theo đặt xuống ba chiếc ché túk cao ngang ngực, rồi cúi đầu lui ra. Hai người khác khiêng một bộ chiêng Lào đặt xuống. Chắc chắn trâu bò heo còn đứng cả ngoài sân.

Y ĐHinh nãy giờ ngồi trầm ngâm, bỗng thẳng người lên nghiêm giọng hỏi H'Bia :

---

(1) *Đinh ôk* : Gian dành cho chủ nhà và phụ nữ.

– H'Bia Điêt Klư ! Con gái tù trưởng sao không theo đúng lệ ông bà. Đi hỏi chồng sao không có Đăm dei[1] lại chưa nộp lễ hỏi đã trao lễ vật xin cưới.

– Ta không cần Đăm dei. Con gái tù trưởng được quyền tự ý bắt chồng. Nhà ta bên đó với chị em Đam San bên này, đều đã biết hai ta ưng nhau đằng mặt, thương nhau đằng lòng. Đó là xong lễ hỏi. Ta xin cưới là đúng chớ. Y ĐHinh không bẻ được lí phải của ta như bẻ trái bắp đâu.

Y ĐHinh gập cành củi đang cầm trên tay kêu cái rắc, cao giọng hơn :

– H'Bia có biết Đam San được nối dây cho H'Nhí, H'Bhi từ 15 lần rẫy trước đây không ?

– Ta biết ! Nhưng luật tục đâu có ép nếu chàng không ưng ? Đam San thương cái đẹp của ta, mến cái tính của ta. Luật tục có cấm Êban và Niêkdam kết đôi không ?

Y ĐHinh vươn thẳng người lên dõng dạc :

– Không nói nhiều ! Tôi chỉ hỏi chị H'Âng và anh Đam San dòng họ Niêkdam có còn giữ lề lối luật tục Ê Đê không ? Có chịu kết đôi cùng em gái chúng tôi theo lời ông nội Y Kla đã dặn không ?

Trời đất bỗng dưng sầm tối, nghiêng ngả, sấm sét ầm ầm nổi lên từ bốn phía. Gió cuốn đất đá cỏ cây bay mù mịt. Voi, ngựa, trâu, bò ngoài sân gầm rống. Lũ con nít thét lên túm lấy váy mẹ. Tiếng ông Y KLa oang oang trong sấm rền :

– Nếu Đam San, H'Nhí, H'Bhi lấy nhau, họ sẽ là tù trưởng hùng mạnh, giàu có nhất vùng. Ai làm ngược lại phải chịu thành nô lệ giữ bò, giữ ngựa cho người kia. Ô hô hô hô ...

Giàng sét thu búa về. Giàng gió đẩy mây đen đi. Trời lại xanh bao la yên tĩnh. H'Âng nhìn Đam San. H'Nhí, H'Bhi nhìn Đam San. Mọi người cùng nhìn Đam San. Như không có H'Nhí, H'Bhi, như không còn

---

(1) *Đăm dei* : Cậu, người quan trọng trong gia đình.

ai tồn tại, chỉ ánh mắt Đam San – H'Bia lặng trong nhau, gài vào nhau đau đớn. Đôi tay khoẻ mạnh của Đam San nhấc lên như muốn đưa ra níu lấy, nhưng rồi lại nặng nề để rơi xuống đùi. Thân hình xinh đẹp của H'Bia thẳng căng đổ về phía trước, như muốn lao tới với Đam San. Nhưng nàng vẫn bất động. Dường như sức nặng của ngàn đời đang đè dí lên hàng trăm con người trong căn nhà dài mênh mông này.

H'Âng khe khẽ nín một tiếng thở dài, từ từ đứng thẳng người dậy :

– Con cháu dòng họ Niê chưa bao giờ làm trái lời luật tục. Chúng tôi thuận cho Đam San làm chồng H'Nhí, H'Bhi.

Tắt tất tất ... chiêng mừng vang lên mỗi lúc một dồn dập. Sar[1] ơi, đem nỗi đau này của Đam San tới tận vực Sê Rê Pốc sâu thẳm. Cho cả bầy cá sấu ở dưới sông Krông Nô kia thôi hững hờ, nổi lên cùng chia sẻ. Liang[2] ơi, hãy đem tình yêu của H'Bia rải khắp chín tầng trời, bảy tầng đất. Cho những con chim có đôi, con người có bạn, cả những nàng tiên thanh thản suốt đời trên bầu trời bao la kia, cảm nỗi đớn đau của tình yêu bị cắt rời ...

H'Nhí, H'Bhi và Đam San đã ngồi trên bành có lọng che. Con voi cái đã huơ vòi từ biệt và cất bước. Ngựa của anh em Y ĐHinh, Y Linh đã phóng như bay đi trước báo tin. Đam San ngoái nhìn H'Bia đơn độc đứng chênh vênh nơi mép sàn, dõi theo bước chân voi. Chàng càng đi xa, hình dáng nàng càng lớn lên, cao lên, tạc sâu vào nền trời xanh như ngọc. Rồi tất cả nhoà đi. Chỉ còn một thân cây cao lớn sừng sững vươn những cánh tay dài lên bầu trời thăm thẳm cao, xa vời vợi. Những người đàn bà gọi đó là cây pơ lang. Cây pơ lang có hoa đỏ mùa hè, kết thành bông trắng mùa đông. Cánh đỏ như máu của hoa chính là từng mảnh trái tim đầy yêu thương của nàng H'Bia. Gió đông tách những chùm bông trắng xoá mang tình yêu của H'Bia theo Đam San tới tận cuối đất cùng trời. Các cô gái nhặt bông ấy xe chỉ, nhuộm nước lá rừng, dệt những tấm chăn, đắp ấm mọi lứa đôi yêu nhau ...

---

(1) (2) *Sar, Liang* : Tên các loại chiêng.

Lời bình

Câu chuyện đã tạo ra được một cái gạch nối huyền ảo giữa không gian sử thi và hiện tại.

Hình tượng làm nên cái gạch nối ấy là dáng nàng H' Bia bị đè dí xuống bởi luật tục ngàn đời, cái dáng "căng đổ về phía trước như muốn lao tới với Đam San" ấy còn đứng "chênh vênh trên mép nhà sàn". Đam San càng đi xa, hình dáng ấy càng lớn lên "tạc sâu vào nền trời" - không gian sử thi ấy, cái thời tiền sử ấy, tất cả chỉ vừa "nhòe đi qua mắt Đam San" chợt đã hiện lên sừng sững cây pơ lang "vươn những cánh tay dài lên bầu trời", như hiện thân của khối tình bất tử ấy ở thời hiện tại này. Như một trang truyện cổ giở ra đọc giữa rừng già, những tiếng cồng chiêng thời sử thi chợt mở ra đã khép lại. Chỉ còn cây pơ lang vẫn êm đềm rụng xuống những bông hoa cổ tích ...

Thực ra cái gạch nối ấy luôn bàng bạc trong cả câu chuyện ... Ai cũng biết, tác giả đã "xén" một tình tiết của sử thi, cấu trúc lại nó theo lối cấu trúc của người thập kỉ 90. Trong truyện vẫn vang vọng tiếng cồng chiêng, tiếng rầm rầm của bầy voi bầy ngựa đi hỏi vợ hỏi chồng ; và rồi đám mây mang sấm chớp gió bão đùng đùng với tiếng ông Y Kla oang oang kia như sự hoá hình của các tập tục cổ. Nhưng con người thì đã khác lắm. Chẳng phải con gái con trai thời sử thi không biết "ôm riết lấy nhau, bện trong nhau như con trăn quấn mồi" khiến "nhà sàn rung rinh, bay, bay". Nhưng việc nàng H' Bia thét tôi tớ ầm ầm mang lễ đi hỏi Đam San, rồi cãi lí với các tập tục "Nhà ta bên đó với chị em Đam San bên này đều đã biết hai ta ưng nhau đằng mặt, thương nhau đằng lòng đó là xong lễ hỏi" ... thì đã chứng tỏ sức mạnh thần kì của tình yêu, khi mà cái Tôi *đã ý thức được giá trị của nó. Cần nhớ, trong sử thi, đã đành là Đam San "buộc" phải nối dây với H' Nhí, H' Bhí, nhưng con người sử thi luôn cảm thấy hết sức mạnh mẽ tiếng gọi của cộng đồng.* Trở thành một tù trưởng hùng mạnh, giàu có nhất vùng *là một tín điều thiêng liêng, là tiếng gọi từ tâm thức của chính họ và rồi bản thân họ sẽ hi sinh tất cả một cách hoàn toàn tự nguyện theo tiếng gọi đó.*

Nhưng cái Tôi thời nay đã khác. Tác giả đã phủ một cái Tôi cá nhân vào chàng Đam San. Tác giả đã chớp lấy cái giây phút chẳng "anh hùng" gì lắm, nhưng lại rất con người này : - sự "tuân lệnh" của Đam San ở đây là một sự khuất phục trước "sức mạnh tập tục của cả ngàn đời". Từ khi sấm sét mang giọng nói của ông Y Kla đến, hình bóng Đam San dũng sĩ bị che phủ nhạt nhoà, chàng trở nên một con người bình thường với tình cảm của một con người. Cấu trúc lại sử thi, truyện cổ, người viết không làm cái việc phóng to một trích đoạn lên mà phải sáng tạo ra những hình tượng, những tính cách mới để làm nên các ý nghĩa mới. H' Linh Niê đã xây dựng hình tượng nàng H' Bia lộng lẫy gắn liền với cây pơ lang. Hơi hướng sử thi còn đọng lại ở những câu văn lặp lại cấu trúc và cách xây dựng những hình ảnh so sánh cụ thể, xuất phát từ cái nhìn hoà đồng giữa con người - sự vật - tự nhiên - tâm trạng. Bởi thế mới có tiếng chiêng Sar mang nỗi đau của Đam San tới vực Sê Rê Pốc, cho bầy cá sấu ở sông Krông Nô thôi hững hờ, nổi lên chia sẻ ...

H' Linh Niê đã xây dựng được một câu chuyện cổ tích đẹp về tình yêu. Và dường như chị cũng chỉ muốn dừng lại ở đấy.

Trần Hoà Bình

Mạc Phi

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Lưu Huy Hoà. Sinh ngày 18 tháng 8 năm 1928.
Mất năm 1996.
Quê quán : Xã Phú Thượng, huyện Từ Liêm (nay là quận Tây Hồ) Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản : *Tiễn dặn người yêu* (dịch, giới thiệu thơ dân tộc Thái, 1961) ; *Tiếng hát làm dâu* (dịch, giới thiệu truyện thơ dân tộc Mông, 1963) ; *Chàng Lú và Nàng Ủa* (dịch, giới thiệu truyện cổ tích dân tộc, 1964) ; *Chuyện bản Mường* (truyện ngắn, in chung, 1968) ; *Rừng động* (tiểu thuyết, tập I : 1975, tập II : 1977) : *Dân ca Thái* (dịch, giới thiệu, 1979) ; *Sống* (tiểu thuyết 1991) ; *Anh với giấc mơ* (tiểu thuyết) ; *Cỗ xe định mệnh* (truyện ngắn) ; *Kết tốt trình làng* (truyện ngắn) ; *Bến đêm* (truyện ngắn).

TÌNH BẢN QUÊ

Mỷ về Phây-dinh thăm bản quê. Thoạt tiên, người Phây-dinh chào cô, cứ ngỡ cô là giáo viên hay một y tá hay một cán bộ nào đến giúp đỡ cho hợp tác xã. Đến khi nhận ra cô thì ai nấy đều xôn xao lên, rồi nói chuyện, cười hát sung sướng.

– Trông cháu thật không nghĩ được ra cháu là con gái đội trưởng du kích Thào Nồ Lử ngày trước nữa. Cháu lớn quá, đẹp quá !

Thật vậy ! Khi cha cô, mẹ cô, cả hai người cậu của cô bị giặc Pháp giết hại ít lâu trước ngày giải phóng Tây Bắc, thì gia đình, họ mạc của cô chẳng còn ai nữa. Bộ đội ôm thốc cô khỏi đám lửa cháy, dắt cô đi theo, rồi giao cô sang ở hẳn bên Uỷ ban châu. Ngày ấy, cô còn bé tí,

vàng ỏng, cả người chìm trong khói súng. Hai mắt thì hơi xếch, mở to thao láo chứ có đâu to đẹp, đen láy, tươi tỉnh như bây giờ !

Cách đây mấy năm, người bản quê nghe tin cô đang học ở khu học xá Mường La đã xong cấp một sắp qua được nửa cấp hai. Sở dĩ biết được tin vậy cũng thực chỉ do may mắn. May mắn cô lại là đứa học trò giỏi. Người ta vui miệng khoe với người bản quê : đất Mèo ngày nay có học trò giỏi ! Và người ta nói thêm rằng cô ấy là con ông đội trưởng du kích Phây-dinh đã hi sinh.

Từ ngày bố mẹ chết, bộ đội ẵm đi, đến bây giờ cô mới về thăm bản quê. Cũng bởi vì cô sợ. Sợ bản quê quên cô như quên một con hoẵng lạc. Mà như thế thì buồn biết mấy ! ...

Ai cũng nắm lấy cánh tay cô kéo về nhà mình. Người nào có cái lí đúng với người ấy.

– Để nó ở nhà tôi, nhà tôi rộng, không có trẻ nhỏ.

– Sao lại nói thế được ! Nhà rộng thì ở chỉ thêm buồn. Để nó ở nhà tôi. Có đứa lớn, có đứa bé, tha hồ cười, tha hồ vui.

Sau cùng, mọi người đành nhường cô sang ở nhà bác chủ nhiệm Páo. Bởi vì trong mọi cái lí, chỉ cái lí ấy là không vướng tai. Chủ nhiệm là người thay mặt cho tất cả. Nó ở với chủ nhiệm cũng như ở với hết tất mọi nhà thôi.

Bữa cơm nào bác chủ nhiệm Páo cũng thở dài ra điều tiếc rẻ :

– Chẳng biết làm thế nào ? Phải tiết kiệm thôi. Nhưng tiết kiệm thì ta lại không mổ được cọn lợn kia cho cháu ta ăn !

Khuya, khuya lắm, bác mới lặng lẽ đi bẫy nhím. Bẫy về, bác cười cười rồi đột nhiên thở dài như muốn thương con nhím ấy.

– Như trước kia, tối nay ta có thể đi bẫy con nhím này. Mà tối nay ta cũng có thể không đi bẫy con nhím này. Nhím ở trên rừng, trong hang nó. Bẫy nó hay không là tùy bụng ta. Nhưng bây giờ cháu về thăm bản quê, không bẫy nó không có gì để cháu ăn ngon !

Những xâu thịt nhím cứ dàn hàng trên gác bếp, nhiều mãi lên. Ngày nào người bản quê cũng hỏi nhau :

– Hôm nay cho cháu ta ăn cơm với gì ?

Rồi cứ tự nhiên chẳng nói chẳng rằng, người ta mang đến chất lên trên giá gỗ nấu ăn của nhà bác Páo nào thịt mỡ sấy, nào rau cải, bí đỏ, bí xanh, đỗ. Có bữa, các cụ già nghiện rượu rủ nhau mang rượu đến uống, cười khà khà :

– Sao ? Con gái Mèo mới bây giờ một mình đi, một mình về, lại sắp một mình đi ... Mật to hơn mật đàn ông mà sợ rượu à?

– Cháu ta không nhớ nhỉ ? Trước bố cháu còn sống, một mình nó uống rượu bằng cả năm người chúng ta đây. Thế mới làm đội trưởng du kích được !

Ngày, Mỷ đi làm với hợp tác xã. Hợp tác xã chia thành hai đội sản xuất. Cô làm luân phiên. Với đội này một ngày. Với đội kia một ngày. Trong khi đi đường, các bà mẹ san sẻ cho cô một cuộn đay. Vừa đi vừa tước cho vui tay vui chân. Người con gái Mèo chăm làm thì xưa nay vẫn thế ! Thêm người thêm của. Thế nhưng cô làm, công điểm tính vào chỗ nào ? Chỗ nào thì chỗ, chẳng ai cần đâu ! Các bà mẹ bảo :

– Cháu đặt tay vào đâu, ở đấy mọc lên cái gì là của cháu đấy !

– Ngô, lúa, con lợn, con gà !

– Cả đay, cả vải !

– Thế thì của cháu cả hợp tác xã này ư ?

– Phải, của cháu tất !

Và, miệng các bà mẹ cười, mắt các bà mẹ rơm rớm ...

Các bà mẹ bàn soạn, chia công chia việc cho nhau từ lúc nào không biết. Nhưng đến hôm Mỷ sắp đi thì cô đã được các mẹ sắm cho đủ lệ bộ. Váy áo Mèo thêu. Vòng cổ bằng bạc rửa nước chua sáng nhoáng. Váy của cô, đường thêu nếp gấp tỉ mỉ, đẹp, có thể khiến cho các cô gái Mèo có đủ mẹ hiền chị tốt đến phát ghen lên.

Cô cảm động sung sướng ứa nước mắt. Cô thay bộ quần áo cán bộ, mặc bộ váy áo Mèo còn thơm nức mùi sáp ong đốt cháy miết trên đường thêu. Rồi đeo ba-lô, khoác túi dết. Các bà mẹ ngắm cô, cười hớn hở :

– Rõ đúng là một cô gái Mèo mới thật ! Trốn đâu cũng chẳng lẫn nữa !

– Nhưng còn thương nó chưa trình được ma, buộc cho nó cái vía cổ mới !

– Thôi mà ! Vía nó ta cậy vào chính phủ từ mười năm nay rồi. Chỉ càng tốt, không có gì xấu !

Buổi tối ấy, ăn cơm xong, hội họp xong, người bản quê Phây–dinh kéo đến nhà bác Páo. Người già, người trẻ. Chỉ trừ những ai bận con mọn, ốm yếu, hoặc đam mê việc săn bắn quá. Họ nói chuyện với bác Páo trai, với bác Páo gái. Họ nói chuyện với nhau. Họ hỏi Mỷ vài câu thường lệ :

– Hôm nay ăn cơm với gì ? Có no không ?

– Đi làm có đau tay đau mình không ? Cháu ta làm ruộng làm nương vất vả thật nhỉ ?

Rồi họ im lặng dần, ngồi chờ.

Bác chủ nhiệm Páo dặng hắng và lên tiếng :

– ... Người đất Phây-dinh ta đây, biển không có, sông không có. Ở núi, núi không của mình. Từ đời ông tổ họ Sùng, ông tổ họ Thào, ông tổ họ Mùa, ba ông tổ kết làm anh em dựng một cái nhà to ở chung, ta vẫn chỉ tra vụ nương, trồng vụ ruộng, không thấy gì xa hơn cái tàu ngựa của nhà thống lí[1] Phinh-ta-ma. Cho nên lòng ta muốn mà chẳng nghĩ cho rộng được. Đến bây giờ, Cụ Hồ, Chính phủ và Đảng Lao động dẫn ta đi con đường cùng nhau hợp tác... Bác nói thế này, cháu Mỷ à ! ... Cháu có lòng về với bản quê, bản quê mới được nhận về mình đứa con gái giỏi. Bố cháu đã cùng các bác đánh Tây. Bây giờ cái gì chúng ta cũng có. Đứa con gái Phây-dinh chẳng còn cha mẹ đã được nhúng bàn

---

(1) *Thống lí* : Một chức việc thời đế quốc phong kiến, ngang với chánh tổng.

tay xuống nước biển cả. Cháu đi làm việc cho chúng ta. Chúng ta cũng muốn đi thăm những gì chúng ta đã có. Nhưng nương ruộng không có giọt mồ hôi người đổ vào thì nó không chịu sinh ra lúa ngô. Vậy thì mắt cháu nhìn gì, tai cháu nghe gì, óc cháu hiểu gì, cháu truyền lại cho chúng ta trước khi cháu đi. Cũng như tai mắt của chúng ta cùng thấy với cháu. Ta nói thế có hợp bụng bà con anh em không ?

– Phải rồi, chúng ta nghĩ như thế cả !

Mỷ ngồi chớp mãi mắt và liếm môi một lúc lâu.

– Bây giờ, cháu đã hiểu tấm lòng bản quê. Các bác hỏi, cháu biết gì, cháu xin nói. Cháu đi đến đâu, anh em các nơi đều quý trọng cháu vì cháu là đứa con gái Mèo ... Người Mèo chúng ta đã có anh em, bè bạn, đường đi, ánh áng ... không còn bơ vơ.

– Phải, có như thế đấy !

Buổi nói chuyện mới đầu yên tĩnh, chỉ có Mỷ nói và bác chủ nhiệm "phải, phải" giữ nhịp. Sau sôi nổi dần. Rồi thành ồn ào. Người hỏi cứ hỏi. Người nghe cứ nghe. Người thích vặn lí cứ vặn lí.

Bác Páo lại dặng hắng. Trước khi nói, bác nghĩ kĩ lắm. Dặng hắng là bác đã nghĩ đâu ra đấy rồi.

– Cháu bảo người Mèo ta làm được y sĩ rồi. Ta đã nhớ tên cháu y sĩ ấy. Nhưng ta nghĩ Chính phủ bây giờ thật là giỏi quá ! Sao lập được cái chữ Mèo chẳng sai với bụng người Mèo ? Chắc có người Mèo ta cùng nghĩ với anh em người các nơi chứ ? Ta muốn nhớ tên cháu Mèo nghĩ chữ ấy ! Cháu nhớ kĩ xem ! Có người nói với cháu một lần ? Đàn ông, đàn bà ? Họ Mùa, họ Thào, họ Giàng, họ Sùng ? Một cái tên, một cái họ mà thôi ! ... Cháu không nhớ ra ư ? Thế thì ta tiếc quá ! Cháu đi, cháu hỏi hộ ta với nhé ! ...

Say sưa nhất là lúc trở về chuyện biển. Người Phây-dinh chưa từng thấy biển. Nhưng ai cũng đã được nghe nói tới biển một lần từ hồi còn bé. Biển là chỗ mênh mông nước giữa trời và đất. Biển gọi ầm ầm. Có người đến khóc, có người đến hát. Có người tung hai tay nhảy múa trên mặt biển đỏ. Mỷ nói biển giản dị quá. Bác Páo rất thích tin cũng không thể tin. Tin sao được, bảo : "Biển chỉ do nước mà thành ra." ?

– Bác bảo cháu biển là biển mà ! Biển màu tím mà. Không xanh, không nâu, cũng không phải lúc nào cũng đỏ. Biển tím như cái áo chàm tím ấy ! Mặt trời soi hết một lượt lặn xuống biển ngủ. Mặt trăng trở dậy nhường giường cho mặt trời. Chim trên rừng là từ biển vào. Người Mèo ta là từ biển lên. Biển là mẹ núi. Núi không có biển, núi không no ấm. Như đứa con bơ vơ ...

Khi bác Páo nói, nhiều người nhắm mắt lại, ngửa cổ lên, lẩm bẩm :

– Ta có tất cả. Biển là của ta. Biển tốt quá ! Đứa con gái Mèo của ta sung sướng quá !

Chuyện đã dần vãn. Khuya rồi ! Một ít người về. Nhiều người chưa về vội. Còn phải hát nữa. Bởi vì Mỷ là văn công. Lại là văn công hát. Cô "văn công hát" Phây-dinh hát cho trên đồng dưới biển cùng nghe thì sao lại không hát cho người bản quê trên núi Phây-dinh heo hút này nghe được ? Khuya ? Mệt ? Thì đã lấy gì làm quá ! Sớm mai, nó đã đi rồi !

– Hát đi ! Hát nữa đi ! Hát cho bà con nghe bài nữa, cháu ạ !

– Giọng con gái Phây-dinh nghe vẫn khác ! Sướng hai tai chúng ta !

Như khi nghe chuyện, người Phây-dinh không thích chỉ cứ yên nghe. Mỷ đang ngân giọng thật dài để ca một bài hát buồn, thì bên cạnh cô, một bà mẹ thở dài, bảo :

– Giọng mẹ Sênh thời trẻ nghe mới muốn khóc chứ ! Chẳng ai đi kịp mẹ già !

Câu nói làm mẹ Sênh giật mình mở mắt. Mẹ nhắm mắt ngồi trong một góc tối. Nhưng không phải mẹ ngủ. Mẹ nhắm mắt nghe thì thấy im hơn rõ hơn. Mọi người lục đục kéo nhau ra ngoài sân. Có gió mát, có trăng trong. Hát. Ai muốn ngồi đâu thì ngồi. Như vậy thích hơn.

Mẹ Sênh bước ra theo, nhưng đến bậc cửa thì mẹ ngồi lại. Mẹ đặt hai tay lên gối, người vươn ra như sắp vặn lí sự. Mẹ già, mặt nhăn nhúm như một trái táo khô. Nhưng giọng mẹ vẫn vang, trong, êm ấm. Mẹ nói :

– Cháu ta biết hát bài vui nhưng cháu ta còn chưa biết hát bài buồn.

– Mẹ dạy cho cháu ta đi !

– Phải, ta hát cho mà nghe đây ! ... *Người con gái Mèo như miếng thịt treo trên giàn bếp. Miếng thịt sấy khô, người ăn mất rồi ... Người con gái Mèo như miếng thịt vứt qua hàng rào. Miếng thịt không tươi, mèo tha mất rồi ...*

Các bà mẹ khác ngồi xúm quanh mẹ Sênh đỡ lấy giọng mẹ, đồng thanh hát theo :

– *Đúng thật không sai ! Đời người Mèo ta buồn lắm ...*

– *Này giọt nước mắt ngắn kia ! Này giọt nước mắt dài kia ! Mày trôi đi theo giặc ác đi ! Đời người Mèo ta hết buồn khổ rồi ...*

– *Đúng thật không sai ! Đời người Mèo ta hết buồn khổ rồi ...*

Mẹ Sênh khóc. Mẹ Sênh úp hai bàn tay lên mặt vuốt thẳng xuống cho nước mắt trôi đi. Rồi mẹ dệch miệng cười :

– Mẹ gửi cháu bài hát buồn ấy ! Cháu hát cho các anh em trên đồng dưới biển cùng nghe. Nhưng cháu không khóc như mẹ được đâu ! Cháu còn trẻ, mẹ thì già rồi. Nước mắt quen ở với mẹ rồi. Nước mắt các mẹ nuôi các cháu khôn lớn. Khôn lớn và sung sướng. Nhưng nước mắt các mẹ vẫn không trôi đi hết. Nó quen với lòng người già, người khổ.

– Nó là đứa con Phây-dinh. Mẹ già khổ nhất ở Phây-dinh gửi cho nó một bài hát buồn.

– Chủ nhiệm Páo đâu ? Thổi cái khèn "Thương cô gái đẹp Háng-cô-tấu bị thống lí già Phinh-ta-ma cướp" đi ! Lâu ta chẳng được nghe bài ấy !

– Páo à ! Không thương đứa con gái Mèo hư ấy. Nó không thành vợ con thống lí rồi ư ? Thổi cái bài khen "Ta tức đi phu biết bao, biết bao ! Đuổi thằng Tây đi mà về với người con gái đẹp đợi ta trên núi.". Bài ấy hay hơn. Đúng không, anh em ?

Bác chủ nhiệm Páo nâng khèn, một đầu gối khuỵu xuống :

– Không ! Cháu ta chưa nghe ta thổi khèn vui thì còn chưa biết hát thật vui bài vui. Này, nghe ta thổi bài "Mùa táo thơm trên khu du kích Phây-dinh" !

Tiếng khèn lập cập trong cổ họng bác, rồi vút lên, ngân nga, bổng vào ánh trăng. Mọi người khoan khoái nhìn lên mặt trăng, nín thở. Ôi ! Ánh trăng Mèo đẹp quá ! Mặt trăng lúc ấy giống như một khuôn bạc đang đúc dở chửa thật tròn. Rồi mặt trăng tròn. Rồi ánh trăng nhảy múa trên sân sáng, trên sân sáng đầm mùi hương táo thơm ...

– Này, ta thổi bài "Mùa ta đi săn".

Tiếng khèn ò è, ò è, tắc lại rồi bỗng oang lên như loạt tiếng hoẵng giác. Tiếng hoẵng giác nghe sao mà thương ! Uôm oam như trẻ lạc gọi mẹ ... Nhưng rồi lại thêm đủ mọi tiếng. Tiếng nai, tiếng hò reo, tiếng chân người chạy ... Vui quá, khiến lòng bồn chồn.

– Thôi, ta mệt rồi ! Thổi khen vui mệt hơn, khó hơn khèn buồn. Cháu ạ ! Thay mặt cho hợp tác xã Phây-dinh, bác gửi cháu cái vui trong tiếng khèn bác thổi. Nhớ đến bác, nhớ đến bản quê, cháu hãy hát vui, thật vui, cho anh em các nơi và Chính phủ vui lòng, cháu nhé ! ...

*
* *

– Xin chào bác, chào bà con anh em tất cả ! Cháu cảm ơn tấm lòng bản quê.

– Sao cháu ta nói thế ? Bản quê là của cháu mà ! Cháu đi, nhớ gửi cho chúng ta một tờ chữ nhỏ. Thế nào là cái nghĩa người Mèo có chữ, phải không bà con ? Cháu để chúng ta mong cháu quá, không biết cháu buồn hay vui, ở đâu, làm gì, thì dù cháu có một nghìn lí giỏi cũng cứ còn một lí cháu sai, cháu ạ !

Hôm Mỷ từ biệt bản quê ra đi công tác để rồi sang năm, mỗi năm, cô lại trở lại với bác chủ nhiệm Mùa A Páo, với bà con Phây-dinh, quyển sổ vuông của cô đã ghi đầy những dấu chấm, dấu móc – "những chữ để ghép tiếng chim hót", như người bản quê Phây-dinh gọi. Và cuốn nhật kí của cô cũng đầy.

Nhưng cô cũng chẳng cần lắm những dòng nhạc cô ghi vội ấy. Cô thuộc lòng rồi.

Từ bấy, sắp cất tiếng hát là bên tai cô lại vẳng lên nào tiếng hoẵng giác lẻ loi mà êm đềm sao ; nào tiếng lá táo trong rừng táo thì thầm rụng, mọc ; nào tiếng bác Páo ề à dặng hắng trước khi nói chuyện, tiếng mẹ Sênh-Chà ! Giọng mẹ sao trong, vang và êm ấm thế ! Cả bản quê Phây-dinh hình như đi đây đi đó theo cô, sống trong tiếng hát của cô và đỡ lấy nó.

Cô bước ra sân khấu, mặc váy áo Mèo biểu diễn lộng lẫy. Cô nghiêng mình chào, thanh thản gài mười ngón tay vào nhau nâng lên trước ngực. Cô đăm đăm nhìn, mỉm cười. Nụ cười đầu tiên trong tối diễn, cô dành riêng gửi cho bản quê cô, bản quê yêu cô tha thiết.

Người đồng rừng đồng bể, người ở các núi, ai nghe cô hát cũng đều náo nức vui sướng bảo :

– Cô gái Phây-dinh ơi, tiếng hát quê Mèo đẹp lắm !

Và người ta thấy trong vòng ánh sáng sân khấu xanh dịu, cô gái mồ côi của cả bản quê Phây-dinh, thả hai tay xuống, nghiêng đầu mỉm cười ...

5-1962

Lời bình

Truyện ngắn Tình bản quê *của nhà văn Mạc Phi giống như một bài thơ cảm động về tình yêu quê hương xứ sở, về tình người chan hoà nơi một bản Mèo ở Tây Bắc những năm sau kháng chiến chống Pháp. Cuộc sống mới đã làm thay đổi bản Phây-dinh đói nghèo và khói lửa năm xưa, nhưng tình người Phây-dinh thì vẫn vẹn nguyên chung thuỷ. Và nó ngày càng đằm thắm hơn khi tầm mắt người Phây-dinh đã nhìn xa trông rộng hơn ...*

Chuyến trở về thăm bản cũ của Mỷ đầy những bất ngờ. Trong con mắt bà con dân bản, cô như là sự hồi sinh từ một quá khứ cam go : người cha đội trưởng du kích cùng mẹ và hai người cậu của cô đã bị giặc Pháp giết,

bản thân cô "cả người chìm trong khói súng" đã được bộ đội bế đi che chở và nuôi dạy, mất liên hệ với bản quê từ lâu. Nay về thăm bản, Mỷ đã là cô "văn công hát", là người giỏi của quê Mèo với đôi mắt "to đẹp, đen láy, tươi tỉnh". Cô là người Phây-dinh được đi xa nhất, nhìn thấy nhiều nhất và đem về cho bà con nhiều điều mới mẻ nhất ! Điều lo sợ nhất ở cô là "sợ bản quê quên cô như quên một con hoẵng lạc. Mà như thế thì buồn biết mấy !". Nhưng thật bất ngờ đối với Mỷ : Quê Mèo vẫn không quên cô, vẫn mở vòng tay thương yêu vỗ về, đùm bọc cô như thuở Phây-dinh vẫn còn là chiến khu.

Về với Phây-dinh, Mỷ thật sự được trở về nhà mình, dẫu căn nhà của cô không còn và cô sang ở nhà chủ nhiệm Páo - người bạn chiến đấu cũ của cha cô. Ai cũng muốn giành cô về ở nhà mình, nhưng cuối cùng tất cả đều nhường cho bác Páo, "bởi vì trong mọi cái lí, chỉ cái lí ấy là không vướng tai. Chủ nhiệm là người thay mặt cho tất cả. Nó ở với chủ nhiệm cũng như ở với hết tất mọi nhà thôi" ! Một cái lí thật hồn nhiên và cảm động. Mỷ được sống trong tình cha con với bác Páo và mọi người, cô cảm nhận được điều ấy từ mỗi miếng ăn ngon mà bác Páo và dân bản dành cho cô : "Những xâu thịt nhím cứ dàn hàng trên gác bếp, nhiều mãi lên ... Rồi cứ tự nhiên chẳng nói chẳng rằng, người ta mang đến chất lên trên giá gỗ nấu ăn của nhà bác Páo nào thịt mỡ sấy, nào rau cải, bí đỏ, bí xanh, đỗ". Mỷ cũng cảm nhận được tình thân thương ấy khi cô được làm thành viên trong các đội sản xuất của bản mà cô phải làm luân phiên để vừa ý mọi người : "Cháu đặt tay vào đâu, ở đấy mọc lên cái gì là của cháu đấy" ... Cứ như thế, Mỷ được trở lại đúng một cô gái Mèo, cô đã tìm thấy gốc gác cội nguồn của mình và cô đã ứa nước mắt vì điều ấy. Nhưng Mỷ cũng đã là cô gái Mèo của một cuộc sống mới, mặc bộ váy áo Mèo các mẹ may cho và "đeo ba lô, khoác túi dết". Trong con mắt các cụ già, Mỷ còn là hiện thân của những gì chưa từng thấy : "Con gái Mèo mới bây giờ một mình đi, một mình về, lại sắp một mình đi ... Mật to hơn mật đàn ông...". Những điều mới mẻ ở người con gái xa quê không chỉ là niềm tự hào đối với dân bản, mà từ sự hồi sinh của cô còn toả sáng một niềm tin cho người Phây-dinh. Bà con không bắt cô phải trình ma và buộc cổ vía theo phong tục nữa, bởi "vía nó ta cậy vào Chính phủ từ mười năm nay rồi. Chỉ càng tốt, không có gì xấu" !

Ngòi bút nhà văn Mạc Phi thấm đượm chất trữ tình khi ông kể về đêm chia tay giữa dân bản với người con gái Mèo. Quá khứ và hiện tại của bản Phây-dinh cứ đan cài bên nhau, được tiếp nối hoà quyện trong tiếng khèn, trong những khúc hát vui buồn, trong ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ tác giả ... Vượt khỏi quá khứ đau buồn tủi cực, người Mèo ở Phây-dinh đã được làm chủ cuộc sống, họ đã nhìn thấy những chân trời xa hơn. Mỷ không chỉ nói những điều mới mẻ, mà bản thân cô đã chứng minh cho dân bản về một sự đổi đời. Những điều cô nói về biển chứa đựng bao ý tứ xa sâu : "Chim trên rừng là từ biển vào. Người Mèo ta là từ biển lên. Biển là mẹ núi. Núi không có biển, núi không no ấm. Như đứa con bơ vơ ...". Dường như khi nói về mối quan hệ giữa biển và núi, Mỷ đã bộc bạch nỗi lòng chân thành của mình, cô như một con sóng nhỏ, đi đâu về đâu vẫn không quên bờ bến, vẫn không quên núi quê nhà ! Tiếng hát buồn của mẹ Sênh là một đối lập với tiếng hát vui của Mỷ và lớp người sau, nhưng nó lại là một nguồn chảy tha thiết trong tâm hồn người Mèo, như một nguồn cội của hôm nay : "Cháu còn trẻ, mẹ thì già rồi. Nước mắt quen ở với mẹ rồi. Nước mắt các mẹ nuôi các cháu khôn lớn. Khôn lớn và sung sướng ...". Phải được ra đi từ một nguồn cội như thế, phải được sống trong tình bản quê như thế, những người con như Mỷ mới tìm thấy ý nghĩa trong mỗi việc mình làm : "Cả bản quê Phây-dinh hình như đi đây đi đó theo cô, sống trong tiếng hát của cô và đã lấy nó".

Tình bản quê *là một trong những truyện ngắn hay nhất của nhà văn Mạc Phi. Bút pháp của ông thể hiện rất tập trung trong thiên truyện này : cốt truyện giản dị, chất tự sự và chất trữ tình hoà quyện tinh tế, ngôn ngữ miền núi được sử dụng thanh thoát và đầy ấn tượng. Đọc ông, khó có thể nghĩ ông là một nhà văn người miền xuôi ...*

Trần Hoà Bình

Ngọc Phượng

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Trần Thị Ngọc Phượng.

Quê quán : Huyện Khánh Hưng, tỉnh Sóc Trăng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Bài ca chim sáo (thơ, 1990) ; *Thầm lặng* (thơ, 1992) ; *Nàng Hêrát* (truyện ngắn, 1994).

Giải thưởng văn học :

Giải B của Uỷ ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam (truyện ngắn *Nàng Hêrát*).

CHIM HẠNH PHÚC

Cứ mỗi sáng sáng lại có đôi chim đậu hót trên nhánh cây bàng bên kia mé lộ, chúng đối đáp nhau bằng thứ ngôn ngữ ríu rít véo von làm thằng bé để ý. Trong cái lạnh se se của những ngày tháng chạp, lòng nó bỗng nôn nao một cảm giác là lạ.

Cái cảm giác khi lần đầu nó bỏ cả đàn trâu vùi dưới đầm lầy suốt cả buổi trưa băng ruộng chạy theo cha con ông thợ nhuộm.

Đó là người khách trọ ở độ tuổi trung niên có khuôn mặt khắc khổ và hai bàn tay to vượt mức bình thường, xám đen vì phẩm nhuộm, còn đứa con gái theo ông lại có mái tóc hung đỏ và đôi mắt tròn sáng màu hột nhãn. Con bé luôn luôn đi trước gánh hàng của cha dăm bước, vừa đi vừa lắc cái trống bịt da cũ mèm rách cả hai mặt. Tiếng trống lục bục

xen kẽ tiếng rao mời của con bé nghe sao mà rời rạc, mà buồn thỉu buồn thiu.

Thằng nhóc tò mò quan sát, nó thấy dưới quang gánh ông thợ nhuộm là cặp thùng gỗ đựng thứ nước đen ngòm được đun sôi trong cái bếp củi, khói và tàn tro bay ra mù mịt phía sau. Kĩu kịt dưới mỗi bước chân ông, cặp thùng gỗ như có phép giữ làn nước cứ sóng sa sóng sánh mà không trào đổ ra một giọt làm thằng bé thích chí.

Đúng là cha con ông thợ nhuộm kích thích óc tò mò của thằng Oành Na, nhất là con nhỏ tóc hung, có bím ngủng ngẳng và cái trống lục bục kia. Nước da nó xanh xao như mấy cô tiên trên trời. Chẳng phải vô cớ mà nó ngẫm nghĩ ra, vì thuở nhỏ nó nghe bà ngoại kể rằng mấy cô tiên sống ở vườn trời, cây trên đó ngàn năm cổ thụ nên tàn che mát lắm, hoa lá cũng ngàn năm. Đã là tiên thì chẳng có việc gì để làm, chỉ tha thẩn dạo chơi ...

Làm cô tiên sướng lắm – mà con bé nào có được vậy, nội thấy hai bàn chân lấm bụi và đôi gót nứt nẻ cũng đủ biết là nó lặn lội có lẽ khá nhiều rồi ...

– Nầy, đằng ấy, tao có củ khoai lùi đích thị là tươm mật vàng như sáp ong nhé ! Có muốn chia không nào ?

Oành Na cứ dứ dứ củ khoai trước mặt con bé. Con bé hau háu mắt nhìn, hai cánh mũi nó phập phồng ... phập phồng ... Nhưng nó quay ngoắt đi không chịu trả lời.

*
* *

Rừng thẳm bạt ngàn, và bụi.

Anh dong chiếc xe bò, hai vòng bánh lăn lăn chầm chậm, tiếng lục lạc khua đều, thôn xóm cũ nhoà xa, hàng thốt nốt nhoà xa, bụi cuốn tung theo mỗi vòng bánh xe quay.

Anh đi ... anh đi ... Cái đói cái nghèo nó đuổi còn hơn ma quỷ. Anh đi không chủ đích, anh đi mang theo mỗi niềm tin duy nhất : với đôi

bàn tay cùng ý chí, rừng sẽ dưỡng nuôi anh, cây của rừng, nấm của rừng, trái của rừng... sẽ không hề khắc nghiệt với anh. Và anh nghĩ, tất cả vì Diên, người vợ trẻ sẵn sàng chia sớt mọi gian khó cùng anh ...

Ngày tháng dần trôi, Xiêm một mình một rựa dấn sâu vào rừng đốn cây chở xuống chợ Kinh bán cho những người xẻ gỗ. Diên lại sắp sanh con, không thể đi xa hơn được nữa. Anh che tạm cái lều dưới gốc cây chò cổ thụ. Hôm nay Xiêm mang về cho vợ cả ổ trứng gà rừng.

– Diên ơi ! Ra mà xem món quà anh mang về cho em nè.

Người vợ dấm dẳng :

– Nếu không vì cái bào thai nầy, có lẽ em sẽ hoá điên mất. Làm sao có thể sống xa cách mọi người, rồi lại còn hội hè, chợ búa. Xiêm băn khoăn nhìn vợ :

– Con người tốt hay cái nấm tốt ? Anh vì ai hở Diên ? Họ đã xua đuổi em, buộc tội em.

Đêm ấy có con chim lạ từ đâu bay về đậu trên nhánh cây chò cất tiếng kêu ai oán làm Diên giật mình lay gọi chồng.

Từ đỉnh núi Sáp, dòng suối ầm ầm đổ xuống, tiếng nước réo như điên. Không thể liều lĩnh vượt suối vào cơn lũ nầy, nhưng Diên đang cần có một người đàn bà ở bên cạnh. Xiêm sực nhớ đến bà Sari, người phụ nữ tốt bụng cũng nghèo khổ như Xiêm, bà cũng theo chồng vào rừng lấy gỗ, Xiêm gặp cách đây ba hôm. Bà ở khá xa, nhưng Xiêm tin sẽ thuyết phục được bà sang giúp đỡ Diên vào những ngày này.

Thế rồi đứa bé cũng được sinh ra, nó như thứ cây mọc trong rừng, cây lim, cây gỗ, cây mây hay cây trầm ? Xiêm càng nghĩ càng thương Diên, thương con bé lắm, bởi vì anh là người nghe được tiếng khóc đầu tiên của nó và chính anh cũng cảm nhận được cái huyền năng tuyệt diệu của tạo hoá. Đứa trẻ, anh đón nhận nó như quà tặng của đấng siêu hình.

Lại tiếng kêu nao lòng của con chim kì lạ ấy, gió ào ào thổi quanh tán cây chò. Diên chồm dậy bám chặt lấy cánh tay chồng. Đứa con giựt mình khóc thét. Đỉnh Sáp ầm ầm nước réo, Xiêm choàng thức. Trong gió, trước mặt chàng, người đàn bà mỏng manh cùng một hài nhi cần

được bảo vệ. Anh nhỏ vào hai cánh môi khô khốc của con bé vài giọt nước cam thảo mà bà Sari ngâm sẵn. Anh lờ mờ nhận ra điều mà từ ngày chung sống với Diên anh cố tình lẩn tránh – Sự vô tâm và lòng ích kỉ, nhưng anh yêu Diên, yêu từ quả ấu tròn ...

*
* *

Người khách trú ghé gánh hàng ngồi đụt nắng dưới gốc cây bàng đầu thôn. Trời lặng gió không một cánh lá bàng rơi, ông mở bung ngực áo quạt bằng chiếc nón tơi chằm lá cũ rích, ôn lại quá khứ của mình.

Con bé giờ đã lớn, đang mỏi bước theo ông đi khắp các ngả đường với gánh hàng nhuộm. Ông đặt nó tên Suối để nhớ ngọn núi Áp kỉ niệm của một thời đằm thắm trái tim ông.

Hai đứa bé tíu tít bên nhau, sau củ khoai lùi, tình bạn đã nảy nở trong chúng. Ở đầu cành có đôi chim chìa vôi hót, thằng bé ngóng cổ nhìn rồi tửng tửng reo lên :

– Đằng ấy nghe xem, hai đứa nó chửi lộn đấy.

– Không phải đâu, cha mình bảo đó là chim hạnh phúc, buổi sáng vợ mời chồng chung trà, buổi trưa vợ mời chồng chiếc bánh, buổi tối vợ mời chồng quả tươi ... luôn luôn chúng có đôi.

Thằng bé nheo mắt ra chiều tư lự :

– Đích thị cái anh chồng lười, đợi vợ tìm tha mồi về cho ăn lại còn phải mời mọc.

– Không phải đâu – Con Suối cãi lại – Chính anh chồng tha mồi đấy chứ, cha mình bảo đó chẳng qua là chị vợ biết quý trọng công sức người chồng.

*
* *

Chuyến gỗ nọ Xiêm trúng lớn, anh sắm cho Diên cùng bé Suối một xấp lụa hoa thật đẹp. Xiêm đinh ninh Diên sẽ mừng lắm.

– Cô ấy ưa thích các cuộc hội hè cùng quần áo đẹp, tiện thể mình sẽ bàn với Diên cố ẩn náu sống ở đây thêm thời gian ngắn nữa. Mình ráng làm lụng cật lực, nếu bận nào cũng trúng như bận này, hi vọng mình sẽ đưa mẹ con về thành sớm. Phải lo tương lai cho bé Suối, lẽ nào để nó lớn lên như con nai, con hoẵng trong rừng.

Dưới nắng trưa gay gắt, đôi bò bước uể oải, bụi cuốn tung mịt mù sau mỗi vòng bánh nặng nề. Xiêm miên man nghĩ tiếp :

– Lại còn thêm cái tay lái gỗ, hắn ở đâu nhỉ ? Mình ngờ ngợ là có gặp hắn ở đâu đó. Đúng là tên bợm bẫy chuyên ăn hớt mồ hôi nước mắt của người nghèo, mà Diên lại nghe lời hắn xúi mình bán giá rẻ mạt. Xiêm cúi xuống ngắm nghía đôi bò rồi thở dài :

– Tội nghiệp chúng mày vì tao mà mệt nhọc, ráng chút nữa về tới nhà chúng mày sẽ được đền bù xứng đáng. Anh lay nhẹ sợi dây vàm ra chiều âu yếm. Đôi bò vẫn lầm lũi bước đi.

Mọi mánh lới, mọi lọc lừa giả trá ở các kinh thành, phố chợ anh qua, chẳng khác nào cơn bụi lốc rơi vãi lại đằng sau anh trên mỗi chuyến xe về. Anh sẵn sàng trút bỏ hết để đón nhận niềm vui nhỏ bé khi đôi bò chậm bước ghé vào gian chái túp nhà anh. Vợ anh ngồi đợi anh bên cánh võng, và con bé ngủ ngon – Giấc ngủ hài đồng !

– Mấy bữa vắng anh, con chim ác nghiệt cứ đậu trên cành cao kêu mãi làm em rối cả ruột. Tất cả mọi tiếng chim ở khu rừng này, em sợ nhất tiếng con chim ấy.

Người vợ ôm choàng lấy vai chồng thổn thức. Chị bám riết lấy anh, nhưng người chồng có lẽ đã quen thuộc với cử chỉ ấy của vợ, anh làm ra vẻ chẳng bận tâm, anh có quá nhiều nỗi lo toan khác. Anh nghĩ tới ngày mai lại phải đương đầu với bao thử thách khắc nghiệt để lao vào cuộc kiếm sống, tất cả chỉ vì vợ con. Cái thương cất ở trong lòng. Anh ngoảnh mặt, ngáp dài rồi chìm vào giấc ngủ.

Chị bế đứa con rời bộ vạc tre ra ngoài phía võng. Một lúc sau vừa khô nước mắt chị bỗng cất lời cay đắng ru con.

Chị ru con như ru chính nỗi niềm mình. Anh vô tình không hiểu lòng chị, và chị cũng không màng biết tới anh cùng mọi suy tư lo lắng trong đầu anh.

Diên đẹp, không ai chối cãi điều đó. Thuở đầu Diên mới quen Xiêm, cô là một thiếu nữ Khơ Me xinh xắn, cô luôn vượt trội các bạn bè trang lứa trong những hội múa Rom. Cô dẻo dai và hoạt bát. Xiêm mừng vì anh đã được cô mặc dù chung quanh Diên không thiếu những lời xầm xì đàm tiếu.

Là một cô gái mồ côi mẹ, cha có gia đình mới nên Diên lớn lên như cây cỏ dại, cô có lối sống tự nhiên và buông thả, vì thế, Diên đã bị cộng đồng từ chối, và cô chọn lối theo anh. Anh mừng vì nghĩ mình là người có diễm phúc lớn. Nhưng cuộc đời lại là sự trả giá ? Anh diễm phúc hay bất hạnh khi đã chọn lầm nhan sắc. Đằng đẵng một quãng đời sau, mỗi khi nhìn bé Suối anh lại dằn vặt tự hỏi :

– Rồi đây cuộc đời của đứa trẻ sẽ về đâu ? Liệu anh có tạo được cho con một tương lai tốt đẹp, một nơi chốn bình yên, đừng gian nan, đừng sống gió như anh.

*
* *

Tiếng kêu xé lòng của con chim lạ lại vang lên giữa đêm khắc khoải.

... Anh lại đi xa ...

Và con bé ngủ ...

Tiếng chim mỗi lúc một như xoáy sâu vào tim óc chị, lùng bùng trong tai chị, lập đi lập lại mãi một câu – "Diên ơi cuộc sống ! Diên ơi cuộc sống !".

– Có lẽ nào cứ chôn lấp đời ta nơi cái xó rừng này với người chồng khô cằn như mặt đất tháng ba và rắn như đá ngọn núi Sáp kia. Ta thèm cuộc sống, ta yêu ta, thèm nhận được sự đồng cảm.

Chị vùng dậy, chạy băng dọc mảng rừng tối tìm tới nơi mà chị muốn tìm ... Và cứ thế ...

Lần thứ ba anh gặp tên lái gỗ ngay bên cạnh giường trong túp lều của anh – Diên ốm và người "láng giềng" tốt bụng đã thay anh chăm sóc vợ anh trong lúc anh vắng nhà.

Xiêm vẫn thản nhiên, vẫn đánh vật với những điều anh toan tính, gấp gáp kiếm tiền để đưa Diên và bé Suối rời khỏi chốn này. Anh không nhìn thấy cũng như không mảy may nghi hoặc những manh nha thay đổi nơi tâm tư người vợ.

Trưa hôm sau, như mọi ngày, Xiêm đi đốn cây ở một quãng rừng xa, lúc trở về lều anh không thấy vợ loay hoay bên bếp lửa nấu nướng như mọi khi. Bé Suối nằm ngủ trên võng. Xiêm nghĩ Diên bận việc và đi đâu đó, anh bước vào, lắc nhẹ cánh võng, rửa sơ mặt mũi rồi nhóm bếp bắc nồi cơm. Mãi đến xế chiều Diên vẫn chưa về. Trời sụp tối, Diên vẫn chưa về, bé Suối khóc ngất từng chập vì đói sữa mẹ. Xiêm ôm con vào lòng mà xót xa. Không cách nào dỗ nó nín được nữa, anh cứ vừa hát vừa ru vừa đi loanh quanh đến độ cuồng chân, anh có cảm giác như ai đó nung hòn than đỏ bỏ vào bụng dạ anh.

Và Diên không về nữa ...

Đỉnh Sáp vào mùa lũ điên cuồng. Có người đàn ông thiểu não địu đứa con ngủ oặt oại trên lưng, dong chiếc xe bò tìm ra phố chợ. Nắng trưa trắng xoá và ở sau lưng anh con đường nhỏ dần dần lùi lại theo mù mù bụi đỏ.

Anh sắm đôi quang gánh, ít phẩm màu rồi trở thành người nhuộm dạo. Tất cả các sắc màu qua tay anh đều phải trở thành đen, nhưng anh tin với lòng nhẫn nại, sự cần cù, anh sẽ tạo cho con gái anh một tương lai đẹp như giọt mưa trong đậu trên cành lá.

*
* *

Bụi phủ trắng hai hàng cây mọc ven đường, từng gốc cơm nguội xác xơ, chỉ có lá cơm nguội là còn giữ được màu xanh nguyên dưới cái nóng khắc nghiệt của nắng hè, nhưng nom chúng tội nghiệp quá.

Sắp đến gió mùa, cây lòng mứt bay hoa, sức chịu đựng dẻo dai của các loại cây vô thưởng vô phạt này Oành Na nào có để ý tới. Tuổi thơ cậu, con đường của cậu, nếu vắng chúng cậu sẽ chỉ còn con dốc nắng rang, bờ cỏ cháy, đàn trâu ốm đói cùng cơn khát khô rạc cả người.

Con đường từ rày in dấu chân cô bé ...

Một tuần rồi một tuần nữa trôi qua ... Ngày nào cậu bé cũng lùa trâu ra đầm lầy, quanh quẩn dưới gốc cây gần mé lộ đỏng tai chờ nghe tiếng trống lục bục quen thuộc từ xa.

Trưa nay có con chim lẻ bay về đậu ngay cái nhánh cây phía trên đầu nó cất tiếng kêu rời rạc, đang cơn thiu thiu ngủ, Oành Na thằng thốt giật mình.

... Ai trêu đùa với bạn ngoài sân
Để anh ngồi cú xụ quay mặt vô vách ...

Mùa trăng ...

Thằng bé lẩm nhẩm hát lại bài hát mà có lần nó hát cho cô bạn nhỏ của nó nghe, và con bé cười, cười suốt ... khi ngồi nhìn nó nhún nhảy theo tiếng trống dồn trong điệu múa Sà-dăm.

– Cho tớ mượn cái trống, tớ sẽ biểu diễn cho đằng ấy xem màn Hanuman đánh quỷ.

– Hanuman là gì ?

– Là con khỉ thiện.

– Thiện là thế nào ?

– Thiện là giúp người lành chống cái ác, quỷ bao giờ cũng ác, đằng ấy không thấy sao ?

Con bé chớp chớp mắt ra chiều suy nghĩ, bỗng trên cành cao vọng xuống ríu rít tiếng chim, thằng bé quay qua hỏi bạn :

– Đằng ấy nghe gì không ?

– Tiếng đôi chim hôm nọ.

– Có hai con thường đậu sau cây ổi nhà mình, mình hỏi thì má mình bảo là chim "chú chệt".

– Không phải đâu, chim hạnh phúc. – Con bé khư khư giữ lấy ý mình.

– Ừ thì cứ là "không phải đâu", thì cứ là hạnh phúc của đằng ấy. Mình sẽ đánh bẫy chúng, bắt bỏ vào lồng xách ra đây cho đằng ấy nhé !

– Mình không thích chim lồng, giam giữ chúng, chúng sẽ không hót nữa.

– Thế bên nhà đằng ấy có cây ổi không ?

– Có một cây chò, cha mình ươm trồng từ đầu mùa mưa năm ngoái.

– Chà, vậy thì để ở đâu ta ? – Thằng bé nghiêng đầu ngó tìm nơi phát ra tiếng hót.

– Mình không thích chim lồng, cứ để chúng tự do, chúng bay, chúng hót ...

*
* *

Con đường vẫn hun hút xa, vẫn tăm tắp bụi. Cậu bé hằng ngày vẫn dắt trâu ra đầm, vẫn ngồi dưới gốc cây xưa trông hoài cô bạn nhỏ. Cô bé tóc hung ơi, bao giờ cô trở lại ?

Lời bình

Cuộc đời này có bao nhiêu con người là có bấy nhiêu số phận. Người ta thường bảo hạnh phúc thì giống nhau, nhưng nỗi bất hạnh thì lại mỗi người mỗi khác. Trong câu chuyện Chim hạnh phúc *này hiện ra cảnh ngộ đáng thương của hai cha con người đàn ông tên Xiêm và cô con gái tên là Suối. Qua mỗi nhân vật dường như tác giả muốn gửi gắm một thông điệp đối với người đọc. Với người đàn ông : trách nhiệm làm cha, làm chồng là rất quan trọng, nhưng không nên quên những cử chỉ chăm sóc ân cần, những cảm thông cho dù nhỏ nhất đối với người vợ của mình. Với người vợ : hiện thân cho một lối sống buông thả ích kỉ, không biết san sẻ gian khổ, không biết thương yêu người khác. Với hai đứa trẻ : tình bạn*

giữa chúng được tạo nên một cách thật tự nhiên trong trẻo, vô tư, không hề có một chút vụ lợi nào. Đó là một tình bạn trẻ thơ khác hẳn với thế giới người lớn vốn nhiều phiền muộn và tâm hồn có nguy cơ cằn cỗi dần. Cái quý giá nhất mà câu chuyện đặt ra là : dù cuộc đời này cùng khốn đến thế nào chăng nữa cũng không được để tâm hồn trẻ thơ bị đầu độc, bị mất đi niềm tin vào phẩm giá con người. Bằng sự nhẫn nại và cần cù, người bố tin chắc rằng sẽ tạo dựng cho con gái một tương lai đẹp đẽ "như giọt mưa trong trên cành lá". Như có sức mạnh diệu kì, niềm tin đó đã lan truyền và được nuôi dưỡng trong con gái ông. Vâng, đứa bé vẫn tin rằng, đó là tiếng hót của đôi chim hạnh phúc. Tình yêu thương con người, lòng tốt của con người, tình yêu đôi lứa của con người vẫn còn sống mãi, không gì có thể làm vấy bẩn được ...

Mạch văn đậm đà chất trữ tình. Lại thêm cách trần thuật linh hoạt, tự nhiên, câu chuyện có khả năng đánh thức những cảm xúc nhân văn vốn ẩn tàng trong mỗi người đọc chúng ta.

Văn Giá

Hoàng Hữu Sang

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Hữu Sang. Sinh năm 1950.

Quê quán : Huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Mất năm 2006.

Tác phẩm đã xuất bản : *Người đánh gấu trên núi Suối Mây* (tập truyện, 1997).

Giải thưởng văn học : Giải thưởng của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Yên Bái, 1997 (tập truyện *Người đánh gấu trên núi Suối Mây*).

NGƯỜI ĐÁNH GẤU TRÊN NÚI SUỐI MÂY

Gấu vồ chị Lẻng rồi !

Tiếng ai kêu thất thanh. Lập tức cả bản nhốn nháo, inh ỏi, chẳng khác gì ong vỡ tổ. Nẻo đường nào cũng có người chạy. Gặp nhau họ chỉ nói vài tiếng, vừa nói vừa đưa tay lên làm hiệu rồi lại chạy mỗi người một ngả. Tiếng gọi nhau ơi ới. Chó sủa từng hồi dài. Gà vịt bay táo tác. Một hồi tù và rúc lên. Nhiều hồi tù và từ các khe núi đáp lại. Già trẻ trai gái cả bản kéo về nhà Lung Linh, nơi phát ra tiếng tù và cấp cứu.

Ông Ngự Sử đứng giữa sân, giơ cả hai tay lên vẫy vẫy. Ông có dáng người tầm thước, trán cao, tóc vuốt ngược về phía sau, chòm râu dài điểm bạc. Từ nhỏ, ông theo thầy Tắc Coóng, một thầy võ nổi tiếng vùng

sông Chảy. Người ông săn lẳn và rất nhanh nhẹn. Ánh mắt sáng quắc và hiệu tay của ông trùm lên mọi người đứng chật cả ngoài sân và dưới gậm sàn. Các cụ già ngồi trên cửa sổ hướng cả xuống sân. Nhiều người chen nhau đứng trên chiếc loỏng[1] úp dưới bãi, trên chiếc cần cối giã gạo, các bậc cầu thang để nghe cho rõ lời ông Ngự Sử nói :

– Bây giờ chúng ta chưa biết thực hư thế nào vì cháu Thảo vẫn chưa tỉnh. Thím Thành Tinh bảo là đang nấu cám lợn thì nghe thấy có tiếng kêu "Gấu vồ chị Lẻng rồi", chạy ra thấy cháu Thảo nằm ngất bên bờ rào. Đi tìm cháu Lẻng bây giờ phải cẩn thận mới được. Đi ít thôi. Tôi và chú Lung là hai. Chú Lường chọn cho ba người nữa nhanh nhẹn, có súng tốt, mang theo đèn pin. Chú hộ lí mang kim tiêm và thuốc cấp cứu. Hai cháu Thắm và Đua lên nhà lấy võng.

Một cụ già râu tóc bạc trắng, da mặt đỏ au ngồi trên cửa sổ nói gì đó với ông Ngự Sử. Ông Ngự Sử rẽ đám đông lên nhà. Chị Hòa, vợ Lung đưa cho ông mấy nén hương. Ông thận trọng cắm cho các que hương thật thẳng rồi quỳ lạy cả hai bên tổ tiên và *ham*[2] :

– Con cháu người trần mắt thịt không biết gì xin tổ tiên và *ham* phù hộ độ trì cho cháu Lẻng tai qua nạn khỏi. Anh chị sống khôn chết thiêng thì về trông con gái. Chỉ cần cháu Lẻng được sống, lễ tạ thế nào chúng em cũng xin theo.

Ông lại sụp lạy mỗi bên ba lạy rồi đi xuống bãi. Những người đi tìm Lẻng lặng lẽ đứng thành một tốp giữa sân. Ông nói :

– Những người đi nghe tôi nói câu này : gấu bao giờ cũng dựng mình lên mới vồ được. Nhớ lấy, đừng ai bỏ quên cái đầu của mình ở nhà.

Nhìn những người được chọn đi, sâu trong mắt họ đều có ánh lửa, ông Ngự Sử nâng tù và lên thổi một hồi dài. Đàn chó ăng ẳng vụt ra cổng. Họ ra đi.

Ông Ngự Sử đi bên cạnh một người đàn ông cao lớn thật khó đoán tuổi, 35 hay 40, hơn nữa cũng không biết chừng. Trán anh ta hơi hói,

---

(1) *Loỏng* : Đoạn cây làm thành chiếc thuyền dùng để chở lúa, ngô ...

(2) *Ham* : Dân tộc Tày có tục thờ *ham* bên cạnh bàn thờ tổ tiên.

tóc cắt cao, đôi mắt xếch vằn những tia máu đỏ, môi mím chặt, cằm bạnh ra làm các cơ trên mặt cuộn lên. Vẻ mặt anh có cái ánh dữ tợn của con hổ bị thương. Đó là Lung. Con cả của Lung tên là Linh nên người ta vẫn gọi là Lung Linh. Ở Bản Coóc, từ lâu người ta vẫn gọi cặp díp tên bố và con cả như thế. Lung mặc chiếc áo chàm rộng, khi bước đi vồng ngực và bắp tay vẫn hằn rõ trên lần vải. Ở chỗ quang đãng, với ngọn giáo trên tay, hổ hay gấu đối với Lung cũng không đáng ngại nhưng đầu Lung đang ứ lên nỗi lo và sự tức giận man dại nên ông Ngự Sử thấy mình phải đi kèm bên cạnh. Vả lại ở rừng, cây lá, dây dợ vướng víu cứ cẩn thận là hơn. Ông lựa lúc thích hợp cất tiếng đằng hắng, gọi người đi trước đứng lại dặn điều nọ điều kia cốt để Lung tĩnh tâm. Ông hiểu cái trầm tĩnh chứa trong từng tế bào khỏe mạnh của Lung đồng thời ông cũng biết rõ vai trò của mình đối với con người khổng lồ kia.

Đến chỗ rẽ xuống suối Mây, ông Ngự Sử đứng lại nhìn hút con đường phía sau. Không thấy bóng ai đuổi theo, như vậy là Thảo vẫn chưa tỉnh. Cứ phải đi thôi. Mặt trời không còn đến nửa con sào. Ngược suối Mây đến vực Mạ đoàn người dừng lại. Vực Mạ sâu, hai bên đá dựng đứng. Những mỏm đá nhọn hoắt. Một cây mạ to ngả cành che rợp cả vực. Từng cụm hoa vàng chi chít soi bóng vực nước trong veo. Nắng chiều chiếu xiên xuống vực, nước hắt lên lản đá những ánh sóng sáng. Hương hoa như ướp vào dòng nước trong vắt rồi mới lan tỏa thơm ngát. Ở đây có hai lối, một lối đi tắt qua lản đá, một lối vòng lên đồi. Ông Ngự Sử bảo Lường dẫn anh em đi đường vòng còn ông và Lung bám gờ đá leo lên. Trong khi chờ anh em đi đến, ông lắng nghe. Rừng xào xạc gió. Xa trên đỉnh núi có con chim gõ mõ "co roóc, co roóc" đều đều. Gió cũng không có gì lạ, chỉ có hương hoa mạ dịu thơm. Bỗng Lung đi vội xuống bờ suối gọi : "Chú Sử". Chiếc *xoỏng* vương vãi mấy ngọn măng ngay bên bờ suối. Đoàn người đi đến tỏa ra tìm dấu. Ông Ngự Sử đưa chiếc *xoỏng* lên ngắm nghía, kết luận :

– *Xoỏng* này của cháu Thảo ?

Ông đưa chiếc xoỏng cho Lung có ý hỏi, Lung gật đầu. Như vậy là chỗ Thảo bắt đầu chạy cách đây không xa. Hai chị em mới tìm được mấy ngọn măng thì gặp gấu.

Lung lao ngược suối, thoăn thoắt chạy lên đồi vầu. Ông Ngự Sử và đoàn người lao theo. Bống nghe tiếng chó sủa. Đó là tiếng con Túp đầu đàn. Nó chỉ sủa mấy tiếng. Đoàn người đến gần. Tiếng con Túp ư ử. Lung chạy về phía ấy. Lẻng nằm vật trên một bãi cỏ. Nhìn tư thế nằm và tấm lưng bê bết máu, áo váy rách bươm, ai cũng hiểu rằng Lẻng không còn nữa. Lung "hực" một tiếng lao đến bên em. Anh nhẹ nhàng lật người Lẻng lên. Không còn khuôn mặt. Đó là một cục máu lớn. Một hõm mắt lõm sâu, đỏ nọc. Lung bế em lên tay, từ từ đi xuống đồi rồi bước chân anh nhanh dần không ai theo kịp. Tiếng đàn chó sủa óc ách tít xa. Ông Ngự Sử dặn anh em đi sau canh chừng rồi chạy theo Lung. Tiếng ông Ngự Sử và anh em không lọt được vào tai Lung. Những bàn tay níu kéo không làm cho Lung bước chậm lại được. Đôi chân cứ bước vùn vụt, qua suối, qua đèo. Hai bàn chân Lung như có mắt. Lung đi bằng đôi mắt ấy. Khi nghiêng người xoay cho đầu và chân Lẻng không vướng vào dây leo, cây cối hai bên lối đi, khi bước phăm phăm qua bãi đá cuội dưới lòng suối, Lung không biết mình đang làm gì. Trong tâm trí, anh đang bế cái Lẻng chưa đầy tuổi lang thang từ nhà nọ sang nhà kia xin sữa. Anh bế cô đi dọc những bờ mương mò cua cá, len qua những đám gai hái đùm đũm. Bây giờ Lẻng đang đói, anh phải về nhanh cho em ăn.

Lối đi hẹp, ông Ngự Sử và đoàn người không làm sao chạy lên được trước Lung để ngăn anh lại. Ông và Lường gật đầu ra hiệu cho nhau bám sát, hi vọng đến chỗ suối Mây rẽ lên đường lớn, Lung sẽ phải đứng lại. Nhưng kì lạ thay, đoạn đường nhỏ, dốc, trơn mà Lung cứ bước lên từng bậc không hề lảo đảo. Đến đường rộng, ông Ngự Sử chạy lên trước, đứng giữa đường lấy thế tấn ngăn Lung lại. Ánh mắt ông dõi thẳng vào mắt Lung dữ dội. Lung chớp mắt, thần khí lờ mờ sáng lên. Đúng lúc ấy ông nói :

– Cho em nằm xuống võng. Không thể để mọi người nhìn thấy nó thế này.

Ông vòng tay bế Lẻng từ tay Lung đặt xuống võng. Hai thanh niên vội nhấc đòn lên vai rảo bước. Lung từ từ cởi áo phủ lên mặt em, sửa lại nếp áo cho em như ngày còn bé. Lung khóc. Tiếng khóc khô khốc.

Lung không còn nghe thấy gì nữa. Trước mắt anh chiếc võng đu đưa, đu đưa. Lung cất tiếng ru :

Ru em em ngủ cho say
Để mẹ ra ruộng bắt muỗm
Những con muỗm áo xanh ...

Mẹ Lung gọi anh đến bên bếp lửa, cạnh chỗ bà nằm. Nồi cám lợn sôi lịch bịch trên bếp. Bà nói nhỏ như tiếng vọng : – Con ở lại với bố. Em con còn bé dại, con phải trông em cẩn thận ...

Lung gục đầu vào áo quan. Khóc, khóc nức nở. Sao mọi người lại hời "Lẻng ơi". Lẻng bị gấu vồ chết rồi. Một người ngồi ngay bên cạnh anh, tiếng khóc làm cả người anh rung lên, run rẩy : "Em chết khổ chết sở, chết đói chết khát. Sống khôn chết thiêng, em hãy về, chỉ còn tuần rượu này là âm dương cách biệt ..."

Lung ngồi xuống. Người ta rót rượu vào chiếc cốc bằng nứa, mỗi cốc một giọt. Trong khi thầy tạo cúng, mọi người cúi xuống nhìn vào cốc rượu của mình cầm trên hai tay. Tiếng não bạt, thanh la, chũm chọe vang lên, chiếc cần phán vẫy qua, mọi người hất rượu vào chiếc bát để trước mặt rồi quay lưng lại phía quan tài, lại rót rượu. Tiếng khóc lại ào lên : "Em bỏ anh bỏ chị mà đi. Hai cháu của em còn bé dại tối tối ai sẽ dạy chúng học bài ..."

Có ai đó cầm tay Lung, lắc lắc. Sao mọi người lại đứng cả dậy nhốn nháo thế kia ? Họ khiêng quan tài của mẹ anh đi. Chiếc quan tài đã ra đến chái nhà. Anh cũng đang đi với mọi người. Họ đặt quan tài xuống. Tiếng khóc lại rào rào nổi lên : "Lẻng ơi ...". Đúng Lẻng nó nằm kia, rũ rượi. Đó không phải khuôn mặt mà là một cục máu lớn. Lung "hực" lên một tiếng, chạy đến bên em. Tất cả mọi người nhốn nháo thấy Lung ôm ngang quan tài em phăm phăm bước đi. Trên mặt quan tài, bát hương nghi ngút khói cháy rực lên. Ông Ngự Sử nắm cánh tay Lung. Hàng chục thanh niên xúm quanh quan tài giữ lại. Ánh lửa làm Lung sững sờ. Lung thấy mình bị giữ chặt không sao bước đi được. Lẻng nhìn anh, bộ áo váy mới tinh thơm nức mùi chàm. Cô đội chiếc nón trắng lấp loá sáng. Bộ xà tích đung đưa. Cô cầm lấy tay anh. Anh nhìn sâu vào mắt

em gái. Có điều gì mà cô vui thế ? Lẻng nói : "Em đi đây, đi xa lắm. Anh về đi, không theo em được đâu." Thế rồi cô bước đi, đôi xà tích tung tẩy xa dần. Lung không thể bước thêm được bước nào. Chân anh đã mọc rễ xuống đất rồi.

*
* *

Lung từ từ mở mắt. Anh thấy trong người như một vùng trời đất vừa qua trận mưa bão sấm sét vùi dập tơi bời. Bây giờ gió đã lặng, trời đã yên. Mệt mỏi một cách dễ chịu. Đó là sự sống hối thúc. Nó đòi được ăn, được đi lại. Lung đã hoàn toàn tỉnh táo. Dưới bãi, tiếng gà mái cục cục bình yên. Lũ gà con chíp chíp, chắc chúng lăng xăng dẫm vào chân nhau. Tiếng chổi đưa soàn soạt đều đều, đó là tiếng chổi quét bãi của vợ anh. Tiếng chổi kiên nhẫn, không ngừng, không nghỉ. Lung duỗi chân ngồi dậy đi về phía bếp. Linh ngồi bên bếp lửa, lật từng miếng thịt áp chảo. Mỡ sôi xèo xèo. Cô có khuôn mặt xinh xắn của mẹ và dáng cao lớn của bố. Mười bốn tuổi trông Linh đã thành con gái.

Thấy bố dậy, cô vội nhấc chiếc ấm vằn bên bếp, đổ nước vào chậu, để sẵn chiếc khăn mặt rồi bưng lên. Cô nhìn bố rửa mặt với ánh mắt trìu mến. Ánh mắt ấy thổi ngọn gió mát rượi vào tận gan ruột Lung. Vợ anh cũng dừng tay chổi lên nhà. Chị đến ngồi bên anh. Như vô tình, chị để chiếc điếu cày lại gần tầm tay với của chồng. Lung giơ tay lấy điếu.

– Mình cho con nó dọn cơm nhé ?

Hỏi thế nhưng chị lại đứng dậy tự tay bưng mâm lên. Vừa xới cơm chị vừa bảo Linh thái thịt. Lung rất thích ăn nóng nên chị bắc chảo thịt xuống, đặt tiếp nồi canh khoai sọ. Thấy chồng nắm từng nắm xôi ăn, chị Hoa mới lại đi xuống bãi.

Mấy ngày qua, Lung nhớ hình như mình cũng có ăn, có uống cả rượu nhưng ăn uống theo bản năng chứ không có sự cảm nhận của tâm trí. Đang ăn, Lung đứng dậy đi vô định trong nhà, người ta lại dìu anh nằm xuống. Hôm nay, Lung ngồi ăn, đã vơi quá nửa rá xôi. Linh thái thêm thịt áp chảo, Lung ngăn lại : "Thôi con ạ, bố ăn nốt chỗ lòng lợn này không nó sắp thiu rồi.".

*
* *

Thấy anh tỉnh táo, ba mẹ con đã rủ nhau đi làm cỏ sắn. Nhà trống trải quá. Trống trải và lạnh lẽo. Lung nhìn lên bài vị của Lẻng, hương thắp cúng cơm bữa trưa đã sắp tàn. Anh đứng dậy đem đồ cúng đi cất. Con dao của anh nằm trong vỏ vẫn được treo nguyên bên cột cạnh chạn bát. Mấy ngày đám chắc ai đem cất chanh, thái khế nên lưỡi dao vàng xỉn. Lung đem dao ra thích nước mài. Con dao tự tay Lung rèn, bằng thép xoắn lấy ở Thác Bà về. Nó dài hơn cả dao năm thợ rèn vẫn làm, lại to bản, hơi dày nên nặng trình trịch. Chuôi dao bằng rễ cây xoan cong cong vân rất đẹp. Dao của anh bao giờ cũng được mài sáng loáng cả bản và sống dao. Ánh thép xanh sắc lẹm. Khi đã mài ưng ý, Lung đưa lưỡi dao lướt nhẹ trên ống chân. Đó là cách kiểm tra chất lượng, phải sắc như dao cạo. Tra dao vào vỏ, Lung bỗng nghĩ đến mộ em. Lung nhớ lơ mơ mộ Lẻng trên đồi sắn. Lung đeo vỏ dao, khoác bao đạn bằng da rái cá, gỡ khẩu súng kíp bên chạn bếp, xuống bãi.

Đến đầu nương sắn, Lung bỗng nghe tiếng hươu tác trên núi Suối Mây. Như có một sức hút kì lạ, bàn chân đã đưa anh đi theo con đường ngày đi tìm Lẻng.

Vào rừng, cái dáng đồ sộ của Lung trở nên nhẹ nhàng, nhanh nhẹn như con báo hoa. Qua bãi vầu là rừng già. Hươu đã ngừng tác nhưng anh có thể đoán hướng đi của nó. Trong sâu thẳm của tâm trí, anh vẫn muốn lần dấu vết con gấu. Loài vật cũng có con hiền con dữ. Anh muốn đối mặt với con gấu đã giết Lẻng, đứa em duy nhất của Lung. Nó đã giết một người. Nó đã trở thành cái họa của cả bản. Bố mẹ mất sớm, cũng may có sức khỏe, anh em Lung như cây cỏ hoang dại lớn lên.

Bỗng Lung nghe thấy tiếng động lạ. Đúng thật, tiếng ong bay. Anh cũng đã nhận ra mùi mật ong trong cái thoảng nhẹ của gió. Lung lần theo mùi mật. Dáng anh thoắt ẩn, thoắt hiện bên những bụi lúp xúp và những gốc cây to. Thấy mùi mật nghĩa là đang đi ngược hướng gió, không sợ con vật thấy mùi mồ hôi nhưng phải nhẹ nhàng. Con vật mồm ăn nhưng tai vẫn nghe. Lung phát hiện trên một cành cây to, một khối đen sì cựa quậy. Con gấu, đúng gấu, nó phải nặng hơn một tạ, mắt nhắm nghiền. Thỉnh thoảng nó lấy tay quệt, hất những con ong bám vào miệng. Với cái dáng háu ăn và phởn phơ ấy, Lung có thể đến rất gần kể cả việc

vượt qua quãng trống trước mặt. Nhưng gần quá, dốc súng, lực đạn bay sẽ yếu. Lung lựa tầm bắn, giương súng lên. Gấu ngựa, loại gấu này dữ tợn và trèo cây rất giỏi. Một cành cây bằng bắp tay chắn mất khoảng nách của con vật. Lung dịch về phía sau con gấu bắn chéo lên. Lông gấu dày, cứng, lớp da cũng rất dày, bắn ngược chiều lông đạn mới xuyên qua được. Súng nổ. Một tiếng "bịch" rất nặng làm Lung giật mình. Trên cành cây không còn con gấu đâu nữa. Nó chết rồi ? Lung nạp thuốc, chọn viên đạn *cắng* bắn thú lớn thả xuống nòng *trổ trổ* rồi nhồi mã tử. Bỗng con gấu vùng dậy. Nó phát hiện ngay ra Lung và lao đến. Lung vội bỏ súng, rút dao ra. Loáng cái, con gấu đã sừng sững trước mặt. Nó dựng mình lên. Đúng lúc ấy, Lung xả một nhát dao chém giữa mặt con gấu. Nhát chém mạnh đến nỗi con gấu vật sang một bên. Nó cũng đã kịp cào toác tay áo bên trái của Lung. Anh nắm chặt tay bị cào, những ngón tay vẫn theo sự điều khiển, chỉ thấy rát. Chân vừa chạm đất, con gấu lại vật mình về phía Lung, dựng người lên. Lần này Lung chém ngược và dằn đao vào chân phải của nó đồng thời nhẹ nhàng nhảy lùi lại một bước. Khi chân chạm đất, nó vội đưa mõm ra đỡ. Nó xoay người lại phía Lung. Anh nhìn rõ vết chém làm toác một vệt lớn đầu mất phải của con gấu, máu rỉ ra, chảy thành vệt trên mặt nó. Sau hai nhát vồ đều bị đau mà đối thủ vẫn tỏ ra rất dữ tợn, con gấu không xông lại nữa, nó gầm mặt, trợn mắt, cào tung đất đe dọa. Rõ ràng chân phải của nó cũng đã bị thương. Lung đảo mắt quan sát xung quanh. Nguy hiểm nhất lúc này là vướng cây, dây leo. Nách trái của con gấu có vết máu. Viên chì và những vết chém của anh sẽ làm con gấu yếu dần. Lung cũng dậm chân, trừng mắt, dứ dao dọa lại. Anh giữ khoảng cách không quá gần và cũng không lui xa để tránh cả hai sự nguy hiểm là sức chồm và đà lao của con gấu. Cái bản năng hung tợn làm nó quên sự thất bại vừa qua, con gấu lại lao vào Lung. Anh chỉ chờ có thế, phóng dao vào mắt trái của nó rồi nhảy lui. Lần này con vật hung tợn một cách kì lạ. Nó chồm liên tiếp bốn lần dù mỗi lần chồm nó nhận một đường dao như trời giáng nhưng hầu như nó không biết đau. Lần thứ tư vì không còn chỗ lui, Lung né người nhảy sang phải chém phứa vào cái chân đen sì vồ rất nhanh về phía ngực Lung. Một mảng áo ngực rách đánh soạt. Ngực Lung rát bỏng. Nhát dao của Lung làm con gấu chúi mũi xuống

đất. Nó phải lấy mõm đỡ để không quỵ xuống. Anh nhẹ nhàng di chuyển về phía khẩu súng, đưa tay lên sờ vết thương. Vết cào không sâu nhưng máu ra ướt tay. Lung thoáng nghĩ đến việc mất máu sẽ làm anh yếu đi. Con gấu chỉ gầm gừ xoay mình nhìn theo anh. Hai chân trước của nó có lẽ rất đau nên cứ phải lấy mõm đỡ. Lung đã cầm được súng lên tay, lật tìm bao diêm đựng kíp. Khi Lung hướng súng về phía con gấu, nó nhận ra sự nguy hiểm nên quay người định lủi nhưng tiếng súng đã vang lên. Lung né vào gốc cây dâu da. Con gấu đổ vật xuống, toàn thân rung lên nhè nhẹ. Mắt nó vẫn trợn trừng nhưng bụng không còn phập phồng nữa. Lung vần ngửa con gấu lên, lách dao rạch một đường trên ngực nó, cắt lấy tim gan. "Léng ơi, anh đã có cái để tế trước bài vị em đây".

Lung xuống núi.

Lời bình

Chỉ cần nghe nói : "Rừng thiêng nước độc", "thâm sơn cùng cốc" cũng đã làm cho không ít người phải ngại ngần. Và cuộc sống khắc nghiệt ở núi rừng còn có là tai họa giáng xuống con người là do thú dữ gây ra nữa. Đồng bào các dân tộc miền núi từ bao đời nay vừa phải tìm cách chung sống với chúng, vừa phải biết chế ngự chúng để tránh những rủi ro ở mức thấp nhất, đảm bảo cuộc sống an lành. Cho nên trong văn học dân gian truyền thống cũng như trong văn học thành văn hiện đại về đề tài miền núi ta dễ bắt gặp một hình ảnh quen thuộc, đó là hình ảnh những chàng trai sức vóc, tài trí, dũng mãnh chiến đấu và chiến thắng các loài thú dữ. Họ xuất hiện như những bậc tráng sĩ được cộng đồng tôn vinh, ngưỡng mộ, thán phục. Họ là những "Võ Tòng đả hổ" của cộng đồng các dân tộc vùng cao. "Người đánh gấu trên núi Suối Mây" cũng xuất hiện một người đàn ông có sức vóc và khí phách hơn người. Đó là một "con người khổng lồ" như cách nghĩ của ông Ngự Sử. Con người này được miêu tả khá kĩ về hình dáng bên ngoài, một người mà ở chỗ quang đãng, khi đã có ngọn giáo cầm tay thì hổ báo (đối với anh ta) cũng chẳng có gì đáng ngại ... Song cảm hứng chi phối thiên truyện này không phát triển theo hướng

ngợi ca, mà tác giả đã đẩy câu chuyện sang một hướng khác : tai họa và nỗi đau thương mất mát của con người.

Một người đàn ông lực lưỡng là vậy, ấy thế mà cái chết của người em gái đã quật ngã anh. Anh thương đứa em gái tội nghiệp của mình chẳng may gặp nạn. Cha mẹ anh mất sớm, ba anh em cưu mang rau cháo nuôi nhau. Nào ngờ có một ngày đứa em bị chết thê chết thảm vì loài thú dữ như vậy. Có một nhà văn nào đó đã nói rằng cơ thể con người ta quá yếu đuối đến nỗi nhiều khi không mang nổi tâm hồn quá nặng. Đứng trước nỗi đau tang tóc này, hỏi mấy ai có thể vững lòng cho được. Lung như kẻ đờ đẫn, u mê. Trong tâm trí Lung hình như chập chờn bóng mẹ hiện về, chập chờn tiếng nô đùa riu rít của đứa em ngày thơ dại ... Tác giả đã khai thác khá kĩ lưỡng, rốt ráo những diễn biến tâm trạng của nhân vật, và cũng đặt vào nhân vật biết bao nhiêu là thương cảm. Nhờ thế nhân vật hiện lên chân thực và cảm động. Âm hưởng nhân văn của tác phẩm cũng cất lên từ chính tâm hồn nhân vật.

Câu chuyện còn hấp dẫn bạn đọc ở màn quyết đấu giữa gấu và người. Chất kịch tính căng thẳng được khai thác đáng kể. Lung hiện ra trong khung cảnh ấy không chỉ mang dáng dấp của một tráng sĩ, mà còn là hình ảnh của một người đi trả thù, đi đòi mạng, lấy mạng trả mạng. Vì thế sức mạnh tráng sĩ được nhân lên gấp bội do nỗi đau và lòng thù hận chất chứa, sôi sục. Ghê gớm thay là sức người. Đáng phục thay cũng là sức mạnh của con người. Hạ gục con gấu, moi bộ tim gan về để tế vong hồn chết oan chết uổng của đứa em, vậy là một tín ngưỡng tâm linh được thực hiện. Chắc hẳn sau cử chỉ ấy, Lung tìm được chút cảm giác an lòng.

Một tai họa trong nhiều tai họa. Một nỗi đau trong nhiều nỗi đau. Cuộc sống của đồng bào miền núi luôn đứng trước kẻ thù "bốn chân" đầy bất trắc. Nhưng họ vẫn cứ phải sống siêng năng và tin tưởng vào sức mạnh của chính mình. Có phải đó là một tín niệm sâu xa mà tác giả muốn chia sẻ cùng bạn đọc ! ...

Văn Giá

Nguyễn Quang Sáng

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Quang Sáng. Sinh ngày 12 tháng 1 năm 1932.

Quê quán : Xã Mĩ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tác phẩm đã xuất bản : - Văn xuôi : *Con chim vàng* (1957) ; *Người quê hương* (truyện ngắn, 1958) ; *Nhật kí người ở lại* (tiểu thuyết, 1962) ; Đất lửa (tiểu thuyết, 1963) ; *Câu chuyện bên trận địa pháo* (truyện vừa, 1966) ; *Chiếc lược ngà* (truyện ngắn, 1968) ; *Bông cẩm thạch* (truyện ngắn, 1969) ; *Cái áo thằng hình rơm* (truyện vừa, 1975) ; *Mùa gió chướng* (tiểu thuyết , 1975) ; *Người con đi xa* (truyện ngắn, 1977) ; *Dòng sông thơ ấu* (tiểu thuyết, 1985) ; *Bàn thờ tổ của một cô đào* (truyện ngắn, 1985) ; *Tôi thích làm vua* (truyện ngắn, 1988) ; *25 truyện ngắn* (1990) ; *Paris - tiếng hát - Trịnh Công Sơn* (1990) ; *Con mèo của Fu-ji-ta* (truyện ngắn, 1991).

- Kịch bản phim : *Mùa gió chướng* (1977) ; *Cánh đồng hoang* (1978) ; *Pho tượng* (1981) ; *Cho đến bao giờ* (1982) ; *Mùa nước nổi* (1986) ; *Dòng sông hát* (1988) ; *Câu nói dối đầu tiên* (1988) ; *Thời thơ ấu* (1995) ; *Giữa dòng* (1995) ; *Như một huyền thoại* (1995).

Giải thưởng văn học : Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn báo Thống Nhất, 1969 (*Ông Năm Hạng*, truyện ngắn) ; giải thưởng cuộc thi truyện ngắn tạp chí Văn nghệ Quân đội, 1959 (*Tư Quắn*, truyện ngắn) ; giải thưởng Hội đồng Văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam, 1985 (*Dòng sông thơ ấu*, tiểu thuyết) ; giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, 1993 (*Con mèo Fu-ji-ta*, tập truyện ngắn) ; huy chương vàng Liên hoan phim Việt Nam, 1980, huy chương vàng Liên hoan phim ở Mat-xcơ-va, 1981 (*Cánh đồng hoang*, kịch bản phim) ; huy chương bạc Liên hoan phim Việt Nam, 1980 (*Mùa gió chướng*, kịch bản phim).

VỢ CHỒNG ÔNG GIÀ SA-THÉT

Đêm trong sóc Ô-lâm, dưới chân núi Cô-tô, tiếng trống kô-kia nổi phập phình. Trên một cái sân rộng giữa sóc, một số con trai con gái sóc đốt đuốc, vui chơi với bọn sĩ quan với bọn lính ngụy. Con trai vỗ trống, con gái mời bọn sĩ quan uống rượu xa-xo[1] và cùng với bọn chúng múa lâm-thôn.[2]

Trận càn nào cũng vậy, đêm bọn địch cũng đều đóng trong sóc, và để lương thực trong nhà dân. Ở lẫn với dân nó không sợ du kích. Đêm, nó uống rượu và đi phá con gái.

Trong gian nhà sàn rộng của ông Sa-thét, khi nghe tiếng trống skô-kia giục giã, bọn sĩ quan nôn đến mức không kịp bước xuống thang. Bọn nó từ trên sàn nhảy xuống, kêu réo nhau chạy ra bãi chơi. Khi bọn chúng đi rồi, ông già Sa-thét cầm con cúi[3] rớm bước tới đầu thang thì bà Sa-thét thút thít khóc. Tiếng khóc của bà Sa-thét khiến ông dừng lại. Bà Sa-thét thấy chồng khựng lại, bà cố ém tiếng khóc : bà sợ chồng nổi giận. Ông già Sa-thét vốn tính nóng nảy. Khi ông nổi giận, cả xóm, cả sóc đều nghe tiếng thét của ông, và sau cơn giận, ông thường bỏ nhà đi. Đó là những chuyện xảy ra lúc vợ chồng hãy còn trẻ. Lâu nay, bà chẳng bao giờ làm trái ý chồng. Thấy chồng quay lại, bà vội thổi ngọn đèn, không cho chồng thấy nước mắt của mình. Bà vừa nấc, vừa nói giọng run run :

– Tôi có khóc đâu ! Ông cứ đốt đi !

Ông già Sa-thét không nổi giận, nhìn vợ ngồi lặng lẽ trong bóng tối, ông xót xa, ông lẩm bẩm nói, không phải nói với vợ, mà nói với mình : "Cái thằng giặc, mày ác quá". Nó lấy cái sàn nhà ông làm nơi chứa gạo, hàng trăm bao. Những lần trước, đêm đêm, ông kêu con trai con gái đến

---

(1) *Rượu xa-xo* : Loại rượu của người Khơ - me.

(2) *Múa lâm - thôn* : Một điệu múa phổ biến của người Khơ-me.

(3) *Con cúi* : Nùi rơm đan chặt lại để giữ lửa.

lấy gạo của nó đưa đi. Lần này, trận đánh trên đồn đã kéo dài bảy ngày bảy đêm rồi. Ngày nào trực thăng của chúng cũng kéo thành dây đến chở xác, nhưng bọn giặc vẫn chưa rút. Ông thấy quân lính của nó cứ dồn tới, tốp này đi, tốp khác lại đến. Và gạo, mất một bao, nó đưa đến hai bao. Ông đoán biết : chúng sẽ đánh lâu. Ông thấy cần phải đốt cái kho gạo của nó. Cái kho gạo lớn lại nằm ngay trong sàn nhà của ông. Nếu phải đi đầu trong các cuộc biểu tình hoặc cầm lựu đạn cùng với đội du kích để đánh giặc, chẳng bao giờ ông bàn bạc với vợ. Nhưng lần này, ông phải đốt cả cái ngôi nhà của mình. Chiều nay nhìn trước nhìn sau không thấy ai, ông bảo với vợ : – Này "đây"[1] phải bắt nó đói ! Phải đốt gạo nó ! Đốt luôn cái nhà thôi !

Ông vừa nói vừa xòe tay chém xuống theo từng tiếng nói. Bà Sa-thét nhìn vẻ mặt gân guốc của chồng đang sắc đanh lại bà không dám cãi, bà chỉ nói :

– Cho tôi mang đồ đi.

– Không được, nó biết !

Ông già Sa-thét lắc đầu và vẫn nói nhát gừng như vậy. Bà Sa-thét biết ý chồng, và vốn quen chịu đựng, bà lặng lẽ gật đầu và thì thầm :

– Cho nó đói, phải thôi ... Bà nghĩ như vậy, nhưng đến khi ngôi nhà sắp cháy thì bà không dằn được tiếng khóc. Ông già Sa-thét thương vợ và khổ tâm.

Ông ngồi xuống cạnh bên vợ, ngồi lặng lẽ rồi rì rầm kể. Ông kể lại những ngôi nhà cũ, ngôi nhà bị giặc Pháp đốt cháy, ngôi nhà bị bom Mĩ đánh sập. Ông kể lại cảnh sống trong ấp chiến lược, ông kể lại chuyện thằng Prô con ông.

Trong giọng nói rì rầm buồn bã của chồng, hình ảnh của Prô như hiện lên trong đêm sương và đang từ xa đến với bà như một lần nó từ ngoài bót trở về. Bà hãy còn nhớ, đêm ấy, sương từ núi tràn xuống, sương mịt mù, nó đi trên con đường nhỏ lầy lội, nó đi lặng lẽ ... Thằng Prô ! người nó dong dỏng cao như cha, có mái tóc quăn của mẹ, có đôi

---

(1) *"Đây"* : Mẹ nó (tiếng gọi vợ).

mắt sâu của cha, có cái mũi dọc dừa của mẹ. Nó là đứa con trai duy nhất của bà.

Trong những ngày ở ấp chiến lược, đêm nào nó cũng bị bắt đi tuần, đi gác. Rồi, một đêm nó không về nữa. Người ta xì xào nói với nhau : "Thằng Prô con của ông già Sa-thét đi lính cho Mĩ rồi". Ông già Sa-thét giận tím cả người. Ông chạy ra bót kêu nó. Nó đứng trên chòi gác, súng lăm lăm, nó lắc đầu. Ông già Sa-thét giận điên lên. Ông quay trở về, lúc ấy bà đang ngồi giọt gạo[1]. Bà chưa kịp hỏi, ông già Sa-thét bỗng chồm tới, chụp lấy cái chày ném đi, lấy chân hất ngã cái cối gạo. Gạo lẫn với thóc vãi ra. Bà ngồi chết điếng. Ông trừng mắt nhìn bà, cái nhìn muốn đốt cháy bà thành tro bụi. Và ông rít trong hai hàm răng :

– "Đây" ! Thằng Prô con của ai ? Nó có phải là con của tôi không ?

Trời ! Câu hỏi như một nhát dao đâm thẳng vào trái tim của bà. Bà rùng mình. Và đau đến nỗi không khóc, không kêu lên được nữa. Bà rũ đầu xuống cối gạo, ngất đi một hồi lâu, rồi mới thổn thức. Sau đó, bà đi ra bót, gọi Prô. Tối hôm ấy, Prô trở về. Trong nhà treo một cây đèn chai, ánh sáng mờ xanh. Thấy thằng con mặc đồ lính bước vào nhà, ông già Sa-thét ngồi im, người hơi ngả về phía trước. Prô rụt rè ngồi lên giường. Bà tưởng chồng sẽ hét lên, sẽ chồm tới thằng con. Nhưng ông vẫn ngồi im, nhìn thằng con với đôi mắt nghiêm khắc lạnh lùng. Không khí im lặng căng thẳng, bà thấy nặng cả ngực. Bà nhìn con nói với giọng thì thầm :

– Prô ! Con nói với à-púc[2] đi.

Prô cúi đầu ngẫm nghĩ một hồi lâu, rồi mới ngước nhìn cha :

– À-púc ạ ! Nó có súng, nó bắt con, con đánh nó, nó bắn con, con chạy, nó bắn theo. Con giận nó lắm. Con cầm súng nó, rồi con bắn lại nó.

---

(1) *Giọt gạo* : Giã gạo kiểu thô sơ bằng chiếc chày như người ta giã cua, giã giò.

(2) *À-púc* : Cha.

Ông già chớp mắt một cái, hỏi lại :

– Có thiệt như vậy không Prô ?

Prô nhìn lại cha, cái nhìn bén và sắc.

Ông già biết thằng con đang giận, ông xuống giọng hỏi lại :

– Có ai bảo mày không ?

– Con có nói với cán bộ, cán bộ vô núi hỏi, cán bộ bảo được, cán bộ bảo phải bắn thằng "A-mê-ri-kc"[1].

– Cán bộ bảo à ? Sao mày không nói với tao ?

– Cán bộ bảo đừng nói với ai.

Cơn giận trong người ông nguôi đi, nhưng lòng tự ái của ông lại bị tổn thương, ông hỏi gằn từng tiếng :

– Sao mày nói với ma-đây[2], còn tao mày không nói ?

– À-púc giận, à-púc chửi, à-púc đánh con chịu được. Mà-đây buồn con không chịu được đâu !

Tình yêu mẹ trong giọng nói của Prô tràn ngập tâm hồn ông. Ông ngồi lặng, và ngước nhìn ra đêm tối.

– "Đây" ! Ông lấy chai rượu rót ra ba chén, một chén cho Prô, một chén cho bà Sa-thét :

– "Đây" uống đi ! Đừng buồn nữa. Prô, uống đi, rồi về bót mau đi cho nó tin.

Bà nhìn Prô bước ra đường. Đêm nhiều sương quá. Bà nhìn con không được lâu. Bà cầm cây đèn chai chạy theo, bà đưa con đến cửa bót. Ôi ! Mỗi lần nhớ lại, bà đâu có ngờ đó là đêm cuối cùng của hai mẹ con. Đến cửa bót, Prô đứng lại nhìn mẹ :

– "Ma-đây" đừng khóc – Prô lập bập rồi vụt chạy vào bót.

Bà cứ đứng nhìn theo rồi vội vã trở về. Bà phải khóc thôi, không khóc được với con, bà khóc trên lồng ngực ấm áp của chồng.

---

(1) *"A-mê-ri-ke"* : Mĩ.

(2) *Ma-đây* : Mẹ.

Sau đó, Prô chuyển qua bót Pan-trao.

Một đêm cuối năm 1964, Prô mở cửa cho bộ đội chiếm lấy bót gác phía sau đồn. Từ đó, bộ đội tiến vào đồn chính. Sau khi diệt đồn, trên đường về căn cứ, Prô bị hi sinh vì một trái pháo của đồn Tri Tôn. Tiếng pháo như đang nổ vang trong tâm trí bà, tim bà nhói lên, và bà như tỉnh ra.

– Tà[1] ơi ! Giọng bà buồn rầu và nhỏ nhẹ – Tôi biết rồi. Tà đốt đi.

Bà từ từ đứng dậy. Ông già Sa-thét bước vào buồng ngủ quơ lấy một bộ quần áo, nắm lấy tay áo của vợ :

– "Đây" ! "Đây" ! Bận thêm đi. Tôi không cần.

Bà Sa-thét vội vã mặc thêm bộ quần áo rồi vội vã bước ra cầu thang :

– Đừng để nó biết ! Đốt mau đi !

Xuống cầu thang, bà vụt chạy ra chỗ có tiếng trống skô-kia.

Ông già Sa-thét đứng lặng, nhìn theo vợ cho đến khuất, rồi ngước nhìn lên trần nhà và lẩm bẩm trong hai hàm răng :

– Thằng Mĩ ! Mày ác quá !

*
* *

Bãi chơi chỉ còn có vài tiếng trống thưa thớt. Giữa sân, người múa chỉ còn có một đôi. Các tay trống ngơi nghỉ, nhưng trống vẫn đeo trước ngực, họ ngồi dụm lại cười nói và cùng uống rượu nhẹ. Còn cô gái vừa rót rượu mời bọn sĩ quan vừa đưa mắt tìm ông già Sa-thét.

Ông già Sa-thét, hông đeo một bầu rượu, bước ngả, bước nghiêng, đúng là một ông già say. Khi ông bước ra sân, tất cả các thứ trống liền nổi lên : "Phập phầm phình, phập phầm phình, phập phầm phình...". Tiếng trống chen nhau, mỗi lúc một dồn dập, như cuốn như trào lên. Những anh con trai lực lưỡng vừa vỗ trống vừa nghiêng ngả, vừa đánh

---

(1) *Tà* : Ông (tiếng gọi chồng).

lưỡi ré lên. Rồi tất cả cùng vỗ tay, tất cả các thứ giọng trầm, cao, già trẻ đều cất lên :

"– Sa-ri-ka-keo ơi, si ầy coong coong" ầy "sa rây dăng" ?[1]

– Sa-ri-ka-keo ơi, si ầy coong coong" ầy "sa rây dăng".

– Si phờ le đom boong brồ chét khơ-nia lên sa rây dăng.

– Si phờ le đom boong brồ chét khơ-nia lên sa rây dăng.

Các cô con gái bước ra sân, lắc vai, uốn tay mời chào. Bọn sĩ quan dang tay như những con gà trống lượn theo.

Một đôi, hai đôi, ba đôi, rồi năm đôi, bảy đôi, mười đôi.

Ông già Sa-thét, ông già rồi, lại say, không ai múa với ông. Ông, một mình ông, ông cũng múa. Hễ có một tên sĩ quan lượn sát vào cô gái nào thì ông lượn chen vào chẻ họ ra. Tiếng trống lại rộ to lên. Người đứng xem vỗ tay to hơn, cười và hét cũng lớn hơn.

– "Dơ ... Ré ... ré ... phập phầm phình, phập phầm phình, phập phầm phình ...".

Bọn sĩ quan ngụy người Khơ-me lâu lắm rồi, chúng không hưởng được một đêm vui như thế này. Người Khơ-me nào cũng vậy khi nghe tiếng trống skô-kia thì không thể nào ngồi yên. Tiếng trống như kêu như giục, mọi việc đều xòe ra. Bọn nó, tay nó xòe ra, vừa chờn vờn theo cô gái, vừa ré, vừa hét. Còn các cô gái tay đưa lên trước ngực như giữ lấy lồng ngực mình, hai cánh tay mềm dịu và như dài ra, hai bàn tay vo tròn, như đang cầm một cái quả, đảo lên đảo xuống, chờn vờn như một ngọn lửa đang cháy.

Bọn sĩ quan và bọn lính ngụy người kinh, không biết nhảy, không biết múa, nhưng tay của nó bỗng thấy ngứa, nó nhịp chân, nó lắc vai. Tiếng trống và hơi men như xô như đẩy nó, nó cũng hét lên : Dơ-ri ! Ré ! Dơ ! Và nó kéo nhau lên vô sân, chen vào đám múa, đứng trước các cô gái, nhảy loi choi. Bên ngoài, người xem lại cười la to hơn, vỗ tay to hơn, và tiếng trống lại dồn dập thúc giục hơn. Người trong sân múa, cuốn lấy như một dòng nước xoáy, họ đang nhảy múa, la hét một

(1) - Con chim sáo ơi, mày ăn cái gì đó ?

- Sáo ăn trái nhãn lồng, sáo hãy cùng ta vui chơi.

cách cuống nhiệt, thì bất thần một tiếng nổ, rồi một tiếng nổ, liên tiếp những tiếng nổ. Người ta thét lên : – Du kích !

Tất cả các tiếng trống đều tắt. Người chạy túa ra.

Nhà ông già Sa-thét cháy. Ngọn lửa ấy không thể nào dập tắt được. Ngọn lửa cuồn cuộn, bùng lan ra mỗi lúc một to, từng cuộn rừng rực cuốn theo ngọn lửa như muốn với lên cao hơn.

Tân Châu, tháng 6 - 1967

Lời bình

Phải tự tay đốt căn nhà của mình, đó chính là cuộc chiến đấu âm thầm và căng thẳng nhất của ông già Sa-thét - Một người dân Khơ me ở sóc Ô lâm. Căn nhà của ông đã trở thành nơi chứa lương thực cho lũ giặc. Ông đã từng làm cách khác, cho lũ con trai con gái đến lấy dần đi. Nhưng lần này thì không được nữa, gạo "mất một bao, nó đưa đến hai bao" và tình hình cho thấy "chúng sẽ đánh lâu". Hoàn cảnh đã buộc ông phải có một quyết định khác, dữ dội hơn và cũng đau lòng hơn : tự tay hoá thành tro bụi căn nhà thân yêu của mình cùng với số lương thực của quân giặc.

Đó là hành động của một người yêu nước. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã miêu tả hành động ấy như kết quả của một quá trình diễn biến tâm lí và tình cảm của ông già Sa-thét. Nhân vật trong tác phẩm, do đó, đã không rơi vào lối miêu tả một chiều dễ dãi - điều mà chúng ta đã từng gặp trong một số tác phẩm khác cùng đề tài.

Là một người nóng tính và quyết đoán, nhưng khi quyết định đốt căn nhà của mình, ông già Sa-thét cũng cảm thấy đó là một việc quá sức. "Nếu phải đi đầu trong các cuộc biểu tình hoặc cầm lựu đạn cùng với đội du kích để đánh giặc, chẳng bao giờ ông bàn bạc với vợ. Nhưng lần này ..." Lí lẽ ông đưa ra với vợ đơn giản đến sắc lạnh :"Phải bắt nó đói ! Phải đốt gạo nó ! Đốt luôn cái nhà thôi !". Ông đã thuyết phục được vợ, nhưng đến khi bắt tay vào hành động, ông vẫn chưa thể làm được một cách dễ dàng : " ông già Sa-thét cầm con cúi rơm bước tới đầu thang thì bà Sa-thét thút thít khóc. Tiếng khóc của bà Sa-thét khiến ông dừng lại (...).

Ông già Sa-thét không nổi giận, nhìn vợ ngồi lặng lẽ trong bóng tối, ông xót xa...". Những chi tiết như thế thuyết phục người đọc bởi tính chân thực trong tình cảm nhân vật, nó cho thấy tính lô-gic trong sự vận động tâm lí và trong sự nối tiếp của một chuỗi hành động ở ông già Sa-thét. Vào giây phút sắp sửa gí ngọn lửa vào căn nhà ấy, "Ông ngồi xuống bên cạnh vợ, ngồi lặng lẽ rồi rì rầm kể. Ông kể lại những ngôi nhà cũ, ngôi nhà bị giặc Pháp đốt cháy, ngôi nhà bị bọn Mĩ đánh sập. Ông kể lại cảnh sống trong ấp chiến lược, ông kể lại chuyện thằng Prô con ông ...". Những ngôi nhà hiện lên rất nhiều kí ức của đôi vợ chồng già, nó như một nhắc nhở, một ám ảnh, và như một điều liên quan đến chuyện hệ trọng mà họ sắp làm. Nhưng có lẽ hình ảnh Prô - đứa con trai duy nhất đã hi sinh vì cách mạng - mới thật sự tiếp sức cho vợ chồng ông già Sa-thét bắt tay vào hành động. Dường như vợ chồng ông sẽ có lỗi với Prô, sẽ không xứng đáng với sự hi sinh của Prô nếu căn nhà của họ vẫn chứa đầy lương thực của kẻ thù. Cùng lúc, niềm thương tiếc đứa con trai và nỗi căm giận lũ giặc ác đã thôi thúc đôi vợ chồng già, "Prô bị hi sinh vì một trái pháo của đồn Tri Tôn. Tiếng pháo như đang nổ vang trong tâm trí bà, tim bà nhói lên, và bà như tỉnh ra". Mạch truyện đã được dẫn dắt rất khéo !

Nhưng nhiệm vụ của ông già Sa-thét chưa hết. Ông vẫn phải tiếp tục đóng kịch che mắt quân giặc, ra sân múa lâm - thôn cùng mọi người : "Ông già Sa-thét, hông đeo một bầu rượu, bước ngả bước nghiêng, đúng là một ông già say (...) không ai múa với ông. Ông, một mình ông, ông cũng múa" - trong bộ dạng một ông già say, ai biết ông già Sa-thét đang phải dằn nén tâm trạng gì : lo lắng, hồi hộp, đau xót, yên lòng hay hân hoan ? Có lẽ là tất cả. Hình ảnh ông già Sa-thét giả say múa giữa trai gái và bầy giặc, chờ căn nhà mình bốc cháy, là hình ảnh chứa đựng chất bi tráng của toàn bộ tác phẩm. Cũng chính nó khắc họa rõ nét nhất tính cách của nhân vật ông già Sa-thét.

Đây là một truyện ngắn mang đậm chất điện ảnh với những phục hiện (đoạn nói về Prô) và chuyển cảnh (từ trong nhà ông già Sa-thét ra sân múa), với những đối thoại ngắn gọn và những động tác nhanh, dứt khoát, với những đối lập mang kịch tính (tiếng ồn ào múa hát và tâm trạng dồn nén của ông già v.v...). Những nét sinh hoạt, ngôn ngữ nhân vật và đặc biệt là những đoạn tả đêm múa lâm-thôn đã gợi được khá rõ nét không khí ở một sóc của người Khơ-me Nam Bộ. Tất cả những đặc tính ấy đã góp phần làm nổi bật tính cách và hành động của ông già Sa-thét.

Trần Hoà Bình

Lò Văn Sĩ

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Lò Văn Sĩ. Sinh năm 1935.

Quê quán : Xã Chiềng Ve, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Mất năm 1985.

Tác phẩm đã xuất bản : Đã có thơ, truyện in ở các báo, tạp chí, sách tuyển ở Trung ương và địa phương.

NGƯỜI BÁN HÀNG TRÊN CÒ MẠ

Tôi đến cửa hàng Cò Mạ giữa một buổi trưa mùa đông lạnh giá. Những đám mây từ phía sông Mã đang kéo về, bay qua những ngọn núi rồi dần dần phủ xuống, ôm chặt lấy lưng núi, trải ra khắp cánh ruộng bậc thang như dải lụa trắng khổng lồ. Lá cây run rẩy trước gió. Nhưng cửa hàng Cò Mạ vẫn tỏa những hơi ấm lôi cuốn tôi vào.

Cửa hàng đặt trên quả đồi Chức, nơi trước đây là bốt lính dõng của Bạc Cầm Quý đóng. Mấy cái ụ súng máy còn lù lù bên cạnh, nhưng người ta đã bịt lỗ châu mai để làm chuồng gà, lợn của cửa hàng.

Cửa hàng nhỏ, khách đông. Nhân dân từ các xã E Tòng, Long Hẹ, Pá Đông, Mường Bám... qua bao nhiêu núi xa hàng chục cây số đường rừng kéo đến. Họ bán sa nhân, cánh kiến. Những đống cánh kiến cao như quả đồi, đen nhánh. Họ kéo nhau vào xem các mặt hàng. Tiếng Xá, tiếng Mèo, tiếng Thái nói ồn ào. Họ ríu ra ríu rít hỏi anh Muôn, người bán hàng không biết đằng nào mà trả lời kịp. Họ mua nhiều nhất là vải, muối, dầu hỏa, bát đĩa ...

Mỗi khi đưa khăn mặt lau mồ hôi trên gò má, Muôn lại đùa :

– Các chị có nhiều tiền nhỉ ?

Một chị nép mình trong đám đông, liếc trộm anh Muôn rồi khẽ nói, giọng thanh thanh, dịu dàng nhưng thiếu tự nhiên :

– Nước bao giờ chả chảy về chỗ trũng hở anh ?

Thế là các chị cùng cười khúc khích, làm cho khách hàng quên cả lạnh giá, mệt nhọc.

Các chị Bản Tông gánh muối, vải về. Tôi nhìn theo những hạt muối trắng tinh, những thước vải hoa sặc sỡ mà cảm thấy lòng phấn khởi, rộn ràng. Họ rảo bước như muốn đuổi theo mặt trời. Tôi nhìn theo cho đến khi họ khuất hút vào sau rặng núi bên kia. Lòng tôi nao nao nhớ lại hồi năm 1949 – 1950, giặc Pháp dồn dân các bản vào những trại tập trung mà chúng gọi là trại "tản cư", như kiểu "ấp chiến lược" của Mĩ và bọn tay sai ở miền Nam. Ngày ấy bà con các dân tộc ốm đau, lê chân không nổi, bước không vững, có người nhấc không nổi cánh tay. Ngày đêm đi moi từng cái lá gói bánh chưng, từng chiếc bao tải rách ở xó chợ, ở chân đồn Tây về nấu lấy nước ăn, nếu là bao gạo thì ăn thay gạo, nếu là bao muối thì ăn thay muối. Không nhặt được thì mò lên rừng chặt lá giang, cây nứa về đốt ăn thay muối. Ăn uống cực khổ, chết lả, chết đói hàng loạt. Những ngày mà họ phải đem con mình đi để lấy bơ gạo ở các nhà tạo, phìa để sống qua ngày. Nghĩ đến những ngày ấy, tôi càng thấy thêm quý những cảnh đổi thay như ở cửa hàng này. Và quý những hạt muối ấm lòng, ấm dạ từ biển xa đã đưa đến tận tay đồng bào ; những cánh kiến, sa nhân ở trong rừng Cò Mạ, Pá Đông heo hút đã được chuyển về xuôi qua cửa hàng này.

Chiều xuống, xã Cò Mạ lặng lẽ trong sương. Trong bản, trên các nhà sàn, khói trắng đục vẽ lên trên không những hình chữ chi rồi tỏa ra hòa với không khí lạnh lùng của mùa đông. Chắc các cửa hàng khác đã đóng cửa, nhưng cửa hàng Cò Mạ thì vẫn còn hoạt động. Ngoài công, đoàn ngựa rầm tập kéo đến, tiếng hí ran, tiếng nhạc leng keng. Trên lưng chúng thồ những bao hàng nặng trĩu.

Muôn đang ăn cơm, anh vội vàng và nuốt miếng cơm rồi bỏ bát xuống bảo tôi :

– Anh ăn no nhá ! Tôi phải ra đón hàng.

Muôn cởi chiếc áo bông quẳng vào đầu giường. Anh mặc chiếc áo chàm đã bạc màu giống chiếc áo cũ anh thường mặc ở nhà cách đây ba năm. Trên ngực anh đính chiếc huy hiệu Đoàn. Tôi hỏi :

– Sớm mai nhận hàng có được không ?

– Anh em phải về ngay Thuận. Lần nào cũng thế đấy ! Có khi mười một mười hai giờ đêm vẫn còn thức để nhận hàng.

Muôn xắn tay áo vác những bao tải hàng năm, sáu chục cân vào kho nhanh thoăn thoắt, trông rất ngon mắt. Quần áo anh lấm láp, mặt bị nhọ từng vệt dài như trẻ con nghịch nhọ nồi mà quệt vào mặt. Thỉnh thoảng các anh trong đoàn vận chuyển lại nói đùa : "Anh Muôn khỏe hơn ngựa của chúng tôi". Muôn chỉ cười hà hà : "Chả khỏe thì để ai làm cho. Để các anh làm thì mệt chết, vừa mới đi xa đến đây phải nghỉ ngơi một lúc ..."

Đoàn ngựa đi đã lâu lắm rồi. Muôn còn hì hục mãi trong kho ; khuân sọt bát vào phòng này, lại xếp bì muối vào phòng kia.

Mười một giờ khuya, Muôn và tôi đặt mình xuống giường. Trời rét như cắt da cắt thịt. Không ngủ được, tôi nằm nhớ lại những ngày ở nhà. Tôi với Muôn tuy mỗi người một bản, nhưng không bao giờ người ta thấy tôi mà không thấy Muôn. Muôn mồ côi cha từ khi mới biết đi, mẹ Muôn tái giá. Muôn ở với ông chú nghèo. Từ năm lên mười, Muôn đã phải theo chú đi làm. Muôn ít được ăn no, mặc lành. Nước da anh bị nắng nhuộm thành màu ngăm ngăm đen. Muôn vốn tính nhút nhát, giận ai, anh cũng chỉ im lặng mà không cáu gắt, nhưng làm lụng thì không ai sánh kịp.

Người thiếu niên dân tộc Thái ấy, mới ngày nào còn nấp nách chú, nay đã vững vàng như cây gỗ lim, làm chủ một cửa hàng. Tôi mừng thầm cho Muôn, người tôi thấy hết cả mệt nhọc.

Muôn cũng không ngủ được chắc có lẽ vì thức khuya quá giấc, anh bảo tôi kể chuyện cho anh nghe tình hình gia đình và bạn bè, rồi anh nói :

– Cậu ạ, mình về Cò Mạ này cũng thích lắm, nhưng mà rét thì quá quắt, quanh năm không được rời áo bông. Gió lúc nào cũng thổi ù ù. Sương mù không bao giờ tan. Có khi ban ngày mà trong nhà phải thắp đèn đấy. Suối Tong ngoài kia có những ngày cứng lại, sáng như mặt gương. Cái thú nhất là hoa quả mùa nào cũng có. Quả lê cậu ăn vừa rồi là của đồng bào cho đấy. Khi nào cậu về Thuận, mang một ít mà ăn. Tôi có bố mẹ nuôi tốt lắm, quý tôi lắm.

– Ở đây chắc ít khách thôi nhỉ ? – Tôi hỏi anh.

– Chính ít khách mới khổ, cậu ạ. Đầu năm ngoái, tôi vận động mãi mới làm được cái cửa hàng này. Lúc ấy xã viên chưa thông, ủy ban xã thiếu quyết tâm giúp đỡ. Mãi đến cuối năm mới làm xong. Những cột nào đẹp đẹp là chính tôi vác rìu vào rừng chọn lấy đấy. Cái giá đặt hàng, cái bàn làm việc tôi cũng tự đóng lấy. Nhân dân có biết làm nghề đục đẽo đâu. Mình ở nhà có biết nghề mộc đâu, đến đây buộc phải làm, ấy thế mà cũng làm được ! Có cửa hàng lại lo việc đi lấy hàng về bán. Đường xuống châu xa lắm. Có lần tôi gánh hai cái chảo gang to lên dốc Pú Viêng đang lúc trời mưa, đường như đổ mỡ trượt chân suýt chết. Nhưng từ khi làm được con đường mới này thì sướng quá lắm rồi. Đoàn ngựa thồ ngày nào cũng lui tới. Các xã viên đỡ vất vả, mà hàng rất đầy đủ. Càng ngày càng nhiều khách. Có ngày bận ghê lắm. Vì thế mình có chủ nhật chủ nhiếc gì đâu. Năm ngoái cậu về chắc khó mà gặp được tôi, vì ngày nào cũng gánh hàng xuống các bản cho các xã viên ở xa. Rồi tôi tổ chức các tổ mua bán lưu động đưa hàng xuống bán cho hợp tác xã, rồi mua hàng của xã viên sản xuất, đưa lên cửa hàng. Bông ở trong kho là do các tổ đưa về bản đấy. Mới mua được có năm tấn mà đã đầy kho rồi.

Nghe Muôn nói, tôi không ngờ Muôn có những sáng kiến như vậy. Tôi thầm khen và hỏi bâng quơ :

– Khúc gỗ ở ngoài mang về làm gì hở anh ?

– Cái ... cái ấy à, tôi với anh Páo, cán bộ chi đoàn thanh niên xã, mang về xẻ ván để đóng tủ đựng hàng. Nếu không thì chuột cắn hết. Không biết có làm được không ?

– Anh cũng biết kéo cưa à ?

– Mình về đây tự nhiên cái gì cũng biết làm cả. Nhưng còn xoàng lắm. Á thôi chết rồi, suýt nữa quên.

Nói đoạn, Muôn lục xục dậy khoác áo, cầm đèn ra ngoài. Tôi định đi theo anh, nhưng rét quá gió cứ lùa vào trong nhà. Tôi lại trùm kín chăn lại. Trở người là thấy buốt như có gai rừng đâm vào thịt. Hai cái chăn bông và cái nệm dầy thế mà vẫn cứ như nằm trong vũng nước.

Lâu lắm Muôn vẫn chưa về. Tôi toan dậy đi tìm Muôn, thì anh đã vào.

Tôi hỏi :

– Anh đi đâu lâu quá ?

– Đi đánh bẫy chuột. Những sáu mươi cái. Ấy thế mà vẫn chưa đủ. Dạo trước nó định khiêng cả tôi đi ăn đấy. Đây này !

– Úi ! Vừa mới xong mà đã bắt được những ngần ấy ư ? Sáu mươi con chuột ?

– Nó mắc từ sáng ngày ấy chứ.

– Thôi anh đi ngủ đi, khéo bị cảm đấy. Suốt cả ngày mà không có lúc nghỉ tay. Ốm thì gay go lắm.

Muôn cười :

– Hà, mình khỏe thế này, ốm sao được !

Chúng tôi lại quặp chân nhau ngủ. Muôn ngủ trước tôi, có dễ chưa được một giờ, bỗng có người gọi bên ngoài cổng, Muôn lật tung chăn nhổm dậy như không có rét buốt và buồn ngủ. Anh chạy ra cổng, giọng anh ngái ngủ nhưng vẫn niềm nở. Muôn nói với một khách hàng, tôi nghe rõ mồn một :

– Mua thuốc đau bụng à ? Khổ quá ! Sao không gọi tôi ngay. Tôi không sợ cái rét đâu, lần sau thì cứ gọi ngay nhé. Người khỏe chịu rét

một tí thì có việc gì đâu. Nhớ uống với nước nóng nhé, thuốc này hay lắm đấy.

Tiếng Muôn nói, nghe trầm trầm. Tôi thấy anh đang lo lắng cho người mắc bệnh chứ không lo mình mất ngủ. Khi anh vào, tôi hỏi :

– Bán thuốc à ?

– Có người sợ tôi ngủ, không dám gọi. Khổ quá, mình có tiếc giấc ngủ đâu.

Tôi không nói gì thêm, giục Muôn nằm xuống ngủ tiếp. Muôn khỏe lắm. Anh đặt mình xuống là ngủ ngay. Tôi nghe tiếng thở đều đều của anh.

Chỉ có ba năm xa nhau, mà lần này gặp Muôn, tôi thấy ở anh có nhiều thay đổi. Tôi nhìn anh ngủ ngon lành và bỗng nhiên thấy yêu anh vô cùng.

Lời bình

Không hiểu sao, khi tiếp xúc với Người bán hàng trên Cò Mạ *của Lò Văn Sĩ, tôi chợt nhớ đến* Lặng lẽ Sa Pa *của Nguyễn Thành Long. Có lẽ, vì cả hai truyện ngắn đều quan tâm khám phá "chất vàng mười" của những con người bình dị trong cuộc đời bình dị. Vẻ đẹp ấy cứ lặng lẽ sáng trên những miền đất giá lạnh, vắng dấu chân người. Nhưng đó chỉ là một thứ liên tưởng có tính bề mặt, vì về thực chất, hai cây bút này là hai "tạng" viết khác nhau. Văn Nguyễn Thành Long tràn đầy chất thơ, câu chữ tinh lọc, mượt mà. Còn văn Lò Văn Sĩ lại chân mộc, tuồng như không hề vương một chút dấu vết gia công, gọt rũa nào.*

Đúng như nhan đề tác phẩm, câu chuyện chỉ xoay quanh Muôn và cái cửa hàng của anh. Để có "đứa con tinh thần" ấy, Muôn phải tự cầm rìu vào rừng đẵn cây, chọn gỗ rồi bào, đục, chăm bẵm, gia cố nó không phút ngơi tay. Với Muôn, hạnh phúc lớn nhất là được cống hiến, được làm việc đến quên mình. Chàng thanh niên dân tộc Thái nghèo khổ ngày nào,

qua ba năm không gặp lại giờ đã "vững vàng như một cây gỗ lim" trong mắt "tôi". Đó là sự vững vàng, là niềm mê say của một con người ở tư thế làm chủ cuộc đời. Nhà văn đã không chạy theo lối viết thi vị hoá để tô vẽ cho nhân vật, trái lại, giọng kể cố tỏ ra khách quan, điềm đạm. Tuy nhiên, vẻ đẹp của Muôn không chỉ hiện ra trong công việc mà còn ở tình người, ở sự chất phác của một trái tim nhân hậu. Chi tiết Muôn lục xục dậy trong đêm rét cắt da cắt thịt, niềm nở bán hàng, dặn dò khách chu đáo hé cho người đọc nhận thấy cái vẻ đẹp sâu xa trong tâm hồn anh, một vẻ đẹp rất gần, rất sâu trong đạo lí làm người của dân tộc : "Thương người như thể thương thân" ...

Có thể nói, vẻ đẹp của Muôn là vẻ đẹp của những nhân vật thường thấy trong văn học Việt Nam những năm sáu mươi, bảy mươi. Đó là vẻ đẹp của một lối sống một quan hệ đạo đức mới. Giá như, Lò Văn Sĩ biết tạo ra những chi tiết có sức nặng qua một lối kể biến hoá hơn, nhân vật "nói ít hơn" thì chắc chắn truyện sẽ có sức hút lâu dài hơn.

Nguyễn Đăng Điệp

Cao Duy Sơn

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Nguyễn Cao Sơn. Sinh ngày 28 tháng 4 năm 1956.

Quê quán : Xã Cô Sấu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản : *Người lang thang* (tiểu thuyết, 1992) ; *Cực lạc* (truyện ngắn, 1995) ; *Những chuyện ở lũng Cô Sấu* (truyện ngắn, 1996).

Giải thưởng văn học : Giải A - Giải thưởng văn học dân tộc thiểu số của Hội Nhà văn Việt Nam, 1993 (tiểu thuyết *Người lang thang*) ; tặng thưởng Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam, 1997 (tập truyện ngắn *Những chuyện ở lũng Cô Sấu*).

NGƯỜI SĂN GẤU

Con đường đá rộng hai bước chân nằm nép bên sườn núi. Phía bên phải là vách núi dựng đứng nhìn xuống mặt sông Gâm. Chỗ ngoặt của con sông dưới chân núi, dòng nước lao xuống dừng lại thăm thẳm xanh ngắt gây cảm giác rờn rợn lạnh lẽo. Mặt trời như bị những chàng núi khổng lồ vít xuống sau lưng, nhưng vẫn cố nhô lên rọi xuống mặt sông và con đường những luồng sáng vàng nhạt, thẳng tắp hình rẻ quạt.

Ông Thim đưa bàn tay to xù xoa lên mái tóc đã điểm bạc, thấy mồ hôi đã khô bỗng giật mình như nhớ ra điều gì đó ... Ông vội đưa bàn tay gân guốc sứt sẹo lên túi ngực trái ... Một cảm giác hồi hộp thúc đôi chân ông đứng dậy. Xốc chiếc ba lô bạc trắng chật cứng thư báo lên vai, ông vội vã sải những bước dài trên con đường đá thấm màu nắng vàng nhạt trong chiều sắp lụi.

Hơn ba mươi năm làm chân đưa thư lưu động, đôi chân ông hầu như đã đặt đến khắp vùng hẻo lánh trong tỉnh, nhưng không nơi nào ông ở quá ba năm. Chẳng phải vì mâu thuẫn với cơ quan, cũng chẳng phải nơi ông sống có điều gì đó làm ông khó chịu. Tính ông thích vậy. Ngày mới ở quân đội về, với quân hàm chuẩn úy, người ta xếp cho ông vị trí phó phòng hành chính của Ti, nhưng ông không thích, ông tình nguyện xin về huyện làm chân đưa thư lưu động. Vậy là lãnh đạo phải chấp thuận ý muốn kì quặc của ông. Thế rồi cứ ba năm một lần ông lại xin chuyển vùng. Mới đầu nhiều người cho ông gàn và dở người, nhưng sau người ta để ý thấy ông chẳng họ hàng thân thuộc, cũng chẳng vợ con gì cả ... Cho mãi gần đây, khi đã gần sáu mươi tuổi, ông xin về Bảo Lạc, nơi đã sinh ra ông, nơi ông có một thời trẻ trung chát đắng. Một chàng trai Thim mồ côi có sức khỏe kì lạ, làm nghề săn gấu bằng giáo. Cây giáo bằng lõi nghiến bịt sắt nhọn ở đầu cách mũi giáo hai gang tay là một thanh sắt vuông xuyên ngang. Với loại vũ khí này bọn có súng đã phải nhìn Thim bằng ánh mắt kiềng nể. Nhưng trong lũ bọn con nhà giàu có đứa giấu trong bụng một ý nghĩ xấu với Thim, đó là thằng Sài Vẩn, con trai của "Coằng" một chức dịch có vị trí cao ở thôn quê vùng Pác Miếu.

Sài Vẩn cùng lũ con bọn nhà giàu hay đi săn bằng ngựa. Sài Vẩn được bọn đàn em kính nể lắm, nó có thể cưỡi trên lưng ngựa vừa chạy vừa bắn đuổi theo con thú mà viên đạn vẫn trúng vào đầu hay vào mắt con thú tùy ý. Nhưng Sài Vẩn chỉ bắn được con hươu con hoẵng thôi, chưa bao giờ nó bắn được con hổ, con gấu, vì đi săn con hổ con gấu không thể cưỡi trên lưng ngựa mà bắn được, mà phải đi bộ, vạch cỏ tranh vào những khu rừng già, núi đá mới có con thú to. Muốn bắn được con thú to thì cái gan phải to, cái mật phải đầy, cái tay không run thì mới bắn được. Sài Vẩn muốn đi lắm nhưng "Coằng" không cho đi vì sợ trời không phù hộ, con ma rừng sẽ cướp mất đứa nối dõi tông đường của dòng tộc. Mỗi lần thấy Thim mang cây giáo trên vai, cúc áo mở tung để lộ ra bộ ngực vuông vức căng tròn, lưng đeo tấm da bọc xương con gấu, cùng với cái mật to bằng bát con vẫn còn đỏ máu trên tay đến đổi muối với nhà "Coằng", trong bụng Sài Vẩn như con suối lũ nổi những bọt bẩn. Nó ức lắm ! Ngày trước người vùng Pác Miếu nói chuyện săn bắn là người ta nhắc đến tên Sài Vẩn, nhưng giờ người ta lại quay

sang nói giọng kính phục về tài săn gấu của Thim. Không được ! Sài Vản đi ra đường người già người trẻ vùng này thấy nó phải úp mặt xuống đất, nó đi xa mới dám ngẩng lên, thế mà giờ Sài Vản thấy những lời thán phục, khen ngợi không thuộc về nó nữa, nó bắt đầu nghĩ đến điều xấu.

Thim sống một mình trong một túp lều lẻ loi cuối bản, cái gia sản cuối cùng của người cha để lại. Nghĩ đến cái ngày khủng khiếp đó, giờ nhắm mắt lại Thim vẫn thấy hiện ra rõ lắm. Buổi sớm giá buốt của mùa đông năm ấy khi con gà rừng gáy lần cuối cùng gọi ông mặt trời lên thì Thim theo gót cha đến cánh rừng xa nhất, dầy rậm nhất. Hai người bám vào vách đá lưng chừng núi gần như dựng đứng nhìn xuống bên dưới là vực sâu hút đến chóng mặt. Phía trên đầu bỗng hiện ra một cửa hang cao bằng tầm người đứng. Người cha dừng lại, đưa giáo cho Thim, hai tay ông bám chắc vào vách đá đu người lên một cách nhẹ nhàng rồi ông ra hiệu cho Thim nắm chắc vào gốc giáo, ông kéo lên theo. Trước cửa hang, một triền đá thoai thoải rộng bằng chiếc chiếu nan. Một mùi tanh nồng từ trong hang bay ra, người cha bỗng hạ giọng : – Cẩn thận con, có gấu đẻ – Thim hiểu những điều nguy hiểm mà cha vừa nói. Con gấu cái khi đẻ, bản năng tự vệ và tấn công của nó quyết liệt hơn bình thường. Không một tiếng gầm, chỉ nghe tiếng hộc hộc gấp gáp lao đến, một bóng đen ập xuống như một cơn lốc – Người cha chỉ kịp kéo Thim về phía sau mình thì con gấu đã đến ngay trước mặt. Trong giây lát ngắn ngủi ông hiểu mối nguy hiểm đối với người đi săn ở khoảng cách không đầy một tầm tay với loài thú dữ này. Thim chỉ thoáng nhìn thấy người cha lao lên như một mũi tên, cúi người tránh được hai cái tát của con thú, nhanh như chớp ông chộp được hai tay của nó kéo mạnh về phía mình, đầu húc ngược lên dưới cổ, toàn thân ông căng lên, từng bước, từng bước một ông đẩy lùi con thú mỗi lúc một sát mép vực. Hai tay con gấu có những vuốt nhọn cắm sâu vào đôi vai lực lưỡng của ông và nó cũng không chịu buông đối thủ đang đẩy nó dần ra phía vực. Cảnh tượng ấy đau đớn, khủng khiếp suốt đời Thim không bao giờ quên – Người cha đã đẩy lùi con thú bằng sức mạnh kì diệu nhưng ông đã không thoát ra được trong những chiếc vuốt cong nhọn hoắt của nó, người và gấu đã cùng lao xuống đáy vực hun hút. Hồi ấy Thim mới mười hai tuổi. Những người tốt bụng cùng làng đi tìm thấy chú bé sau

hai ngày đói khát đang lả đi bên cửa hang nhưng đôi bàn tay nhỏ bé vẫn cầm chắc cây giáo nặng trịch của người cha để lại.

Không ngờ mười năm sau đứa con người săn gấu đã nối nghiệp cha. Giờ đã là một chàng trai, cây giáo cha để lại chỉ còn cách đầu Thim hơn một gang tay. Hơn mười đôi tay gấu đã được treo trên vách. Mỗi khi săn được con gấu to, Thim thường gọi dân bản cùng vào rừng khiêng về, xả thịt ra rồi chia đều cho mọi người. Thim chỉ nhận về cho mình một phần nhỏ và đôi tay gấu (theo tục lệ của người đi săn), còn bộ xương, da và mật phải mang nộp cho "Coằng" và chỉ được trả công một chén muối gạt bằng miệng. Như thế cũng đã là quý lắm ! Thiếu hạt ngô, hạt gạo còn có củ nâu, củ mài trên rừng, thiếu hạt muối thì không thể được, người sẽ phù, mắt mờ, chân tay run, yếu đi không làm được việc, không có ăn rồi chết. Nhưng muối chỉ riêng "Coằng" có, "Coằng" có cả hơn mười người ở, luôn đi địu muối từ Nguyên Bình, từ Mục Mã về cho. Đường xa phải mất hơn mười ngày đi bộ mới về đến nơi, nên hạt muối quý lắm, đi rừng ai cũng đeo bên hông một cái ống nứa, trong đựng mấy hạt muối như một thứ bùa bên mình.

Một lần khi nhận chén muối từ tay người nhà "Coằng" đưa, Thim bỗng thấy lạ – Chén muối đầy hơn những lần trước ... ? Thấy Thim đang lúng túng trước một sự hào phóng lạ lùng đó, người đàn bà đưa mắt nhìn quanh một lượt rồi hạ giọng : – Cô Phón bảo tôi cho thêm đấy ! – Nói rồi người đàn bà đó đi vào nhà. Thim đưa mắt nhìn theo thấy một cái gật đầu kín đáo của người ở với một đôi mắt đang nhìn Thim qua ô cửa sổ. Thim biết đấy là buồng của cô con gái "Coằng". Thim chợt cúi xuống thoáng xấu hổ với cách ăn mặc của mình – Rách rưới quá, chắc cô chủ thương hại nên bố thí cho mình như bố thí cho một kẻ ăn mày đây. Nghĩ ... Thim bỗng thấy bực mình, định quay lại đem trả... Nhưng đôi mắt nhìn Thim lúc ấy, Thim bỗng nhận ra có cái gì đó như một câu nói, như một sự cảm thông như... một điều gì nữa Thim không dám nghĩ đến ...

Một lần, rồi một lần nữa cũng lại thế, và đôi mắt ấy vẫn nhìn Thim qua ô cửa không chớp. Thim lúng túng. Thim không thích như vậy, săn được con gấu, "Coằng" trả cho mình một chén muối bằng miệng, thế là được. Việc cho thêm "Coằng" phải nói, nếu không rắc rối lắm. "Coằng"

mà biết việc này chắc sẽ không bỏ qua. Thim bỗng thấy lo nhưng mọi việc xảy ra đều không qua nổi đôi mắt một mí của Sài Vẳn, nó đã nhìn thấy hết.

Rừng động ! Đã hơn năm ngày đêm những ngọn lửa bắt đầu từ đâu đó đang liếm vào những khu rừng, thỉnh thoảng một cơn gió thổi đến làm cái lưỡi đỏ máu cong tớn bốc cao lên những ngọn cây cao vút, những con thú to nhỏ từng bầy, từng bầy kéo nhau về những cánh rừng gần bản. Những đám ngô, đám lúa nương như bị một trận mưa đá làm xơ xác gãy nát. Trong bản có người đã gặp hổ, có người bị gấu tát lật cả da mặt. Không khí căng thẳng trùm lên khắp nơi. Không ai dám ra cửa lúc trời nhá nhem.

Thim đi vào rừng lúc trời vừa sáng rõ. Cây giáo lên nước đen bóng nằm trên vai. Hai bắp chân đỏ như lõi cây nghiến nhằm hướng rừng trước mặt rảo bước tự tin. Thim nhớ từng lời của người cha để lại về những kinh nghiệm đi rừng – Khi hiểu kĩ từng chiếc lá, ngọn cỏ thì rừng với con người không còn một khoảng cách xa lạ một sự huyền bí nào nữa. Với đặc điểm của từng loại thú Thim chẳng lạ, như hổ, một loài thú rất tinh, khi tấn công con mồi thường bất ngờ từ phía sau và hai bên cạnh dùng hai chân trước đẩy ngã đối phương, lập tức những chiếc nanh nhọn hoắt cắn ngập vào dưới cổ và hút máu tươi. Với người, hổ rất thận trọng, phải thật tinh mới phát hiện ra tiếng động nhỏ và mùi hôi như măng thối và rất khét của nó. Khi đối mặt phải thật bình tĩnh nhìn nó bằng cặp mắt thách thức giao chiến. Khi bị một đòn bất ngờ hổ thường quay đầu bỏ chạy. Khác với hổ, gấu thường chủ động tấn công người từ mọi hướng, khi bị thương gấu không bỏ chạy như hổ mà vết thương chỉ càng làm nó tăng thêm kích thích và tấn công đối thủ dữ dội hơn. Thợ săn gấu bằng giáo phải có sức khỏe và lòng dũng cảm phi thường. Khi tấn công gấu thường đứng lên bằng hai chân sau và vồ xuống đối thủ bằng cả thân hình nặng nề cùng với những cái tát dứt ra từng mảng thịt. Lợi dụng vào đặc điểm đó, thợ săn phải thật nhanh ghì chắc đuôi giáo xuống đất, hướng mũi giáo về phía trước, khi vồ ập xuống gấu sẽ bị mũi giáo xuyên từ ngực ra sau lưng, thanh sắt ngang cách mũi giáo hai gang tay sẽ là vật cản chắn ngang ngực, lúc đó gấu không thể với đến người được. Thợ săn xoạc hai chân trong tư thế định tấn giữ

chắc thân giáo, trong hơn hai mươi phút gấu yếu dần, hai tay cào cấu đã đuối, lúc ấy thợ săn dồn hết sinh lực bất ngờ giật mạnh cây giáo sang một bên – Đột ngột bị mất thăng bằng một chân con thú nhấc lên khỏi mặt đất và đổ ngang xuống. Cú thứ hai là cú đâm quyết định tuyệt đối chính xác – Rút nhanh mũi giáo phóng thẳng vào hốc mắt xuyên qua óc giữ chắc cây giáo, trong ít phút, con thú giãy giụa và chết hẳn lúc đó mới chấm dứt cuộc giao chiến.

Bầu trời đã hửng, những tia nắng đầu tiên vọt tung ra đuổi bóng râm lạnh lẽo đọng trên những tán lá dày trên ngọn núi cao vút làm bốc lên những đụn sương mờ đục. Thim hít căng lồng ngực không khí trong lành của buổi sớm thoảng hương nấm và cỏ rừng ngai ngái dễ chịu.

Bỗng : – Rắc ! ... một tiếng gẫy khô rất nhẹ làm Thim bừng tỉnh. Đôi tai hướng về nơi phát ra tiếng động ... Không phải thú ! ... Thim khẳng định đây là tiếng chân người : Ai thế nhỉ ? Người nào lại vào rừng sớm vậy ? Thim bỗng giật mình bàng hoàng : – Phón ! – Cái tên khẽ rung lên bồi hồi trong lòng như một tiếng đàn. Phón gạt nhẹ những ngọn cây ngang ngực bước ra con đường nhỏ. Đôi bàn chân để trần nõn nà đặt nhẹ từng bước trên thảm cỏ vẫn còn ướt sương đang bước về phía Thim. Đôi mắt có đuôi dài mở to nhìn Thim không chớp. Thim bỗng thấy ngần ngại, do dự, chợt nhớ đến chén muối đầy ngọn và đôi mắt nhìn mình không chớp qua ô cửa sổ ... Thim nhìn xuống bộ quần áo trên người, đôi má bỗng nóng bừng, Thim vội rẽ sang lối nhỏ bên cạnh.

– Anh Thim ... ! – Tiếng gọi pha chút giận dỗi làm đôi chân Thim chậm lại nhưng vẫn không dám ngẩng lên.

– Con hổ, con gấu trong rừng anh chẳng tránh, sao anh tránh em ? Hay em không đáng cho anh nói một lời thường như nói với người khác ?

Thim không dám tin vào đôi tai của mình. Lời trách móc giận dỗi của Phón như đẩy ra khỏi lòng Thim một phần ngờ vực ... Thim lắp bắp từng lời :

– Không ...! Không ... Phón đừng nghĩ sai về tôi như vậy, cho đến giờ tôi vẫn nghĩ rằng mình chỉ là người ...

Chừng như hiểu điều Thim không nói hết, đôi mắt Phón thoáng một nỗi xót xa thương cảm, giọng Phón đã dịu xuống :

– Con chim có tiếng hót tìm bạn, lời em nói chẳng rơi vào lòng anh, em muốn được gánh cái nghèo cùng anh nhưng anh chẳng cho ...

Một làn gió nhẹ thổi qua. Có một điều gì đó như ngọn lửa đang bùng lên trong thâm tâm người con trai mới lớn cái ngưỡng cửa của ngỡ ngàng, hồi hộp muốn cồn lên ồ ạt như một luồng gió mạnh mẽ làm nghiêng ngả trời đất, nhưng trạng thái hư thực thoáng gợi tự ti như tạo một khoảng trống vô hình níu hờ ý nghĩ của Thim lại. Thim im lặng ngẩng lên nhìn Phón, đôi mắt Thim đã thay tiếng nói của lòng mình, Phón đã đọc được tất cả.

Khoảng không bình yên của núi rừng bị vỡ ròn từng mảnh trong tiếng vó ngựa dập dồn dập xuống con đường mòn rải đá khô khốc. Linh tính như báo cho Thim một điều không lành. Đôi mắt Phón cũng thoáng bối rối lo lắng. Thim khẽ nói qua hơi thở : Phón về đi ! Hình như có người nhà ra tìm đấy ! ...

Phón khẽ gật đầu nhưng đôi mắt vẫn nhìn Thim không muốn dứt. Vừa định rẽ vào bụi cây bên đường thì một tiếng quát như hét lên giận dữ :

– Phón, về ngay ! – Phón giật bắn người, đôi chân như muốn khuỵu. Sài Vẩn nhảy từ trên lưng ngựa xuống. Đôi mắt một mí của Sài Vẩn ánh lên dữ tợn, nó bỏ cương bước về phía Phón :

– Ai cho mày ra đây ?

Nhìn người anh nét mặt dữ tợn, Phón chống chế yếu ớt :

– Sớm nay ... em muốn vào rừng chơi ... !

– Muốn vào rừng chơi... ! – Thằng Sài Vẩn kéo dài tiếng "chơi" đầy ngụ ý rồi hất hàm nói :

– Mấy hôm nay rừng động có nhiều thú dữ về, mày không sợ chết à ... ! Bố bảo tao đi tìm mày. Về ngay ! Có người bên Bắc Mê sang hỏi mày làm vợ đấy, đi đi !

Phón ngơ ngác :

– Làm gì có chuyện đó ! Có ai nói gì với tôi đâu ?

– Không nhiều lời, về ngay ! – Sài Vẩn dằn giọng. Phón đưa mắt nhìn Thim lo ngại như muốn nói điều gì nhưng thấy Sài Vẩn nhìn lại thôi. Phón bước nhanh quay sang con đường cũ. Sài Vẩn tiến đến trước mặt Thim, hai chân đứng dạng, nó nhìn Thim trừng trừng rồi đột ngột hạ giọng vui vẻ :

– Thim ! Mày cho tao mượn cây giáo này một lát được không ? – Từ lúc Sài Vẩn xuất hiện Thim vẫn lo lắng cúi đầu, giờ bỗng giật mình khi nghe nó hỏi, chưa kịp nghĩ Sài Vẩn định mượn để làm gì thì nó đã giật nhanh cây giáo trong tay Thim rồi nói : – Tao cũng muốn có một cây giáo như mày, chờ tao một lát tao mang về cho bọn thợ xem để nó làm cho, tao sẽ trả mày ngay ! – Vừa dứt lời Sài Vẩn nhảy lên lưng ngựa phi thẳng để lại phía sau những âm thanh khô khốc lốp cốp – lốp cốp – xa dần. Thim ngồi xuống mỏm đá bên vệ đường trong người vẫn chưa hết bàng hoàng. Chưa khi nào Thim dám nghĩ mình sẽ có một tình yêu, thế mà mới đây thôi, tất cả vẫn như còn ấm nóng. Cái giọng nói trách móc chứa trong đó là cả nỗi lòng chân thật của Phón. Tất cả như vừa qua một giấc mơ kì diệu mà chưa lúc nào Thim dám nghĩ đến. Nhưng cũng nhanh như một chớp mắt, Sài Vẩn lại mang đến một tin sét đánh : "Có người đến hỏi Phón làm vợ". Thim thoáng buồn, một nỗi buồn bất ngờ như tình yêu của Thim, một tình yêu mà Thim vẫn chưa được đụng tay, chưa nói được một lời mềm ngọt như ngọn gió, bỗng chốc tan đi như làn sương mỏng dưới ánh nắng chói chang. Nhưng rồi Thim lại tự an ủi : – Cũng phải thôi, đời nào ai lại gả một đứa con gái, con nhà quyền thế nhất vùng cho thằng con trai nghèo khổ như Thim ! Thôi không nghĩ đến chuyện đó nữa. Thim bỗng lắc mạnh đầu như muốn xua đuổi những ý nghĩ đó, rồi khẽ nhếch mép cười, một nụ cười chua chát làm khuôn mặt méo hẳn.

Tiếng vó ngựa khô khốc lại nổi lên trên con đường rải đá trắng. Thim chẳng buồn để ý Sài Vẩn đã quay lại, nó nhảy từ trên lưng ngựa xuống, tay cầm cây giáo bước đến trước mặt Thim :

– Này trả mày đây ! Hai ngày nữa tao cũng có một cây giáo như mày !

Thim vẫn im lặng nhìn nó mà vẫn chẳng để ý nó nói gì, chỉ khẽ gật đầu cho qua chuyện. Sài Vẩn nhảy lên lưng ngựa, con ngựa bị ghìm cương một bên quay một vòng tại chỗ bổ móng côm cốp chừng như sốt ruột. Sài Vẩn nhìn Thim rồi tiếp bằng một giọng vui vẻ hiếm có :

– Lần này được con gấu to về tao sẽ cho mày thêm chén muối nữa, còn chuyện lúc nãy mày đứng với con Phón em tao coi như không có, được chưa ? Hì hì hì ! – Sài Vẩn nhếch môi cười phơi ra ngoài một loạt răng bịt vàng, một kiểu cười đắc ý khó hiểu. Ngoắt một cái con ngựa lại đưa nó quay về bản.

Thim chẳng còn bụng dạ nào để ý đến những điều Sài Vẩn nói, nhằm hướng rừng trước mặt chân bước đi mà đầu chẳng còn nghĩ đến chuyện săn thú nữa. Bứt một chiếc lá cây bên đường Thim đưa lên môi, một điệu kèn lá như bơi vào giữa cánh rừng bạt ngàn, bầu trời cao rộng ngăn ngắt khe khẽ nghiêng tai lắng nghe cái điệu kèn buồn như làn khói trấu gieo chậm trong nắng vàng vắng lặng. Điệu kèn Thim dành riêng cho mình một nỗi buồn mà chỉ riêng mình mới thấm được hết nó mà chẳng muốn rơi vào tai ai.

Bỗng có tiếng kêu thất thanh từ phía dốc rừng trước mặt, Thim giật mình dừng lại. Trạng thái linh hoạt như khi phát hiện thú dữ đã truyền khắp cơ thể : "Có người gặp thú dữ" ! Một phán đoán nhanh làm đôi chân Thim đột ngột bật vút đi lao về phía có tiếng người kêu cứu. Thim dừng phắt lại. Trước mặt một con gấu đang đuổi theo một cô gái quanh một gốc cây nghiến. Cô gái quần áo tả tơi vòng khăn đã văng ra khỏi đầu, tóc rũ xuống không nhìn thấy rõ mặt. Một mảng áo ở lưng đã rách toạc, để lộ ra những vết cào rớm máu trên làn da trắng mịn. Con thú hồng hộc đuổi theo, những cú tát trượt vào gốc cây, càng làm nó thêm lồng lộn tức tối, Thim hét lên : – Chạy về hướng này ! – Cô gái vụt ra khỏi gốc cây, lao về hướng Thim. Thim chằm chằm nhìn con vật đang lao về hướng mình. Đôi mắt bình tĩnh đến lạnh lùng, từ trong hai đốm lửa đỏ bật lên ý nghĩ dữ dội và quả quyết. Một khối đen khổng lồ đứng lên bằng hai chân sau bất ngờ lao vào Thim, Thim gồng người cúi xuống trong tư thế tấn ! – Phập ! – Mũi giáo đón nhận chính xác vào giữa ức con thú, một tiếng rú lên rùng rợn man dại. Ngay lúc đó Thim cảm giác cây giáo trong tay nhẹ bẫng, con gấu vừa vươn đôi tay cào cấu đã đổ

nghiêng sang một bên. Mũi giáo nằm sâu trong ngực con thú đột nhiên gãy gọn, lộ ra một đường cắt rất nhỏ ngay sát chuôi mũi giáo... Trong đầu Thim bỗng hiện lên bộ mặt Sài Vẩn lúc nó đem trả cây giáo, một nỗi đắng cay giận dữ đến nghẹt thở. Thim đã hiểu ra tất cả. Con gấu chồm dậy rất nhanh, từ ngực nó một dòng máu đỏ sẫm trào ra ướt đẫm mảng lông ngực. Cây giáo không còn tác dụng nữa. Vừa né người tránh hai cái tát, nhanh như chớp Thim luồn sát ngực chộp nhanh hai tay của nó đẩy ngay ra, đầu húc ngược dưới hàm, bằng tất cả sức lực cùng với miếng võ hiểm bất kì thợ săn nào cũng phải biết, con thú bị đẩy lùi từng bước sát vách núi dựng đứng. Thim dồn sức vào chân phải đạp mạnh vào bụng nó đồng thời hai tay đẩy bật con thú ra khỏi người – Một khối đen sì nặng nề vùn vụt lao xuống chân núi sâu hút, một lát sau dội lên một tiếng va đập nặng trịch như tiếng giã gạo. Không gian trở lại yên tĩnh một cách tàn nhẫn, một thứ yên tĩnh giả tạo như ở đây chưa bao giờ xảy ra điều dữ dội, khủng khiếp. Chợt có tiếng chim họa mi lảnh lót như căng lại những âm thanh bằng lặng yên ả. Lưng vẫn dựa vào vách đá, Thim lim dim mắt như muốn thu hút tất cả những âm thanh và ánh nắng của núi rừng vào bộ ngực vuông vức phập phồng. Cảm giác bàng hoàng như vừa trải qua một giấc mơ khủng khiếp.

Tiếng rên khe khẽ đã kéo Thim trở về với thực tại. Thim mở choàng mắt chợt nhớ đến cô gái lúc nãy – giờ đang ngồi tựa lưng vào gốc cây, tóc xõa xuống đôi vai áo đã bị rách, lộ ra những vết cào bầm máu. Thim vội vàng chạy đến. Vừa cúi xuống, bất ngờ Thim kêu lên :

– Phón ! – Ruột gan Thim như thắt lại. Đôi mắt Phón từ từ mở, miệng mấp máy :

– Anh ơi ! Em cứ nghĩ là anh đã ... có thật là vẫn còn sống sao ?

Thim quỳ xuống bên cạnh Phón lo lắng, đôi bàn tay gân guốc giờ như thừa thãi, lúng túng không biết đặt vào đâu, Phón thì thào :

– Anh ơi, đỡ em dậy đi ...

Giọng khe khẽ như từ một cõi xa xăm đến truyền sang Thim một cảm giác lo lắng, xúc động, phá vỡ tất cả mọi khoảng cách hoài nghi trong lòng. Cái ngỡ ngàng lúng túng đã qua đi, thay vào đó là niềm thương cảm nghèn nghẹn dâng đầy ngực, lấn át những cơ cực, cay đắng,

những hiểm họa kinh hoàng vừa qua đi. Thim đỡ Phón trên cánh tay rắn chắc như sợ làm rơi mất điều kì diệu, ngay cả trong những giấc mơ cũng không bao giờ dám mơ đến :

– Em đã quay về rồi cơ mà ? – Thim buông tiếng nói của mình ra mà trong lòng vẫn chưa hết cái ngây ngất như mơ ... như thực, Phón nhìn vào đôi mắt như cầu cứu :

– Sao anh nghĩ em về nhà ? Anh không nghĩ người ta sẽ bắt em đi làm dâu nhà khác sao ... Em không thể ... biết anh qua đây nên em đã...

Tiếng thì thào của đôi trai gái như tiếng lá rừng cọ lưng nhau bỗng bị bẻ vụn ra trong tiếng ngựa hí xé lên từ phía chân dốc. Hai người giật mình nhìn xuống một đoàn ngựa dao, súng nai nịt, hối hả leo lên.

Đi đầu đám gia nhân là Sài Vẩn, toàn thân nằm rạp trên mình ngựa. Nhìn thấy Sài Vẩn, đôi mắt Thim như có cục than đỏ rực, nhưng giọng nói lo lắng cầu khẩn của Phón đã kéo ý nghĩ đang ùn lên trong lòng Thim sững lại : – Anh ơi, đừng bỏ em ... đưa em đi với, ... đi đi, nhanh lên anh ! Thim bàng hoàng nhìn Phón, nỗi lo sợ làm cô gái mỗi lúc như lả đi trên cánh tay Thim. Chừng như đã hiểu tất cả, những điều Phón vừa nói. Thim đứng dậy xốc Phón lên lưng cắm đầu chạy vào rừng. Nhưng cùng lúc ấy bọn Sài Vẩn đã phát hiện ra. Tiếng vó ngựa xen lẫn tiếng ngựa hí cùng với tiếng tù và rúc lên làm rầm rĩ cả khu rừng :

– Không được giết ! Không được giết, phải bắt sống lấy nó !

Đạn nổ quanh người cũng không làm đôi chân Thim chậm lại, mặc gai cào vào mặt bàn chân, Thim lao về hướng núi trước mặt. Chỉ cần qua ngọn núi này thôi sẽ đến Bắc Mê, đến đấy bọn Sài Vẩn sẽ không dám đuổi theo nữa vì vùng đất đó đã thuộc của "Coằng" khác. Cuộc sống sẽ ra sao ? Thim không cần biết ! Miễn sao lúc này thoát khỏi tay Sài Vẩn.

Thim biết điều gì sẽ xảy ra nếu lúc này rơi vào tay nó, nhưng đôi chân của Thim đã không làm nổi ý nghĩ trong đầu mình. Như từ trên trời nhảy xuống, Sài Vẩn xuất hiện ngay trước mặt. Bị ghìm cương đột ngột con ngựa hồng đang đà lao bỗng chồm hai vó trước lên như múa trên không rồi bổ mạnh xuống đất. Nòng súng săn đen sì gí vào ngực

làm Thim vừa cõng Phón vừa lùi lại : – Thim, mày đã làm gì ... ? Bỏ em tao xuống ! – Sài Vẩn nén chặt câu nói lạnh lùng đầy thuyết phục. Một thằng, lại một thằng nữa nhảy từ trên lưng ngựa xuống, bộ mặt đứa nào cũng dữ tợn.

Thim quằn quại mê man trong những tiếng quát tháo như từ một cõi hư vô vẳng đến :

– Muối ! Muối nữa, bỏ hết ra, cả cái ống của nó nữa ... xát mạnh vào chỗ kia, chỗ kia ! Đấy phải trả cho nó như thế mới xứng.

Cảm giác bỏng rát như nằm trên ngọn lửa cháy đến tận gan ruột, Thim quằn người ngất lịm. Đã bao nhiêu chiếc roi song gãy nát Thim không biết. Những hạt muối hiếm hoi đã bao lần phải đánh đổi bằng sức lực và lòng dũng cảm trước cái chết luôn đe dọa mới có được, thế mà chính nó làm cho Thim phải chịu bao đau đớn xé gan ruột.

– Nó chết rồi, cụ chủ ơi ! – Một đứa trong đám gia nhân ngẩng lên khúm núm. Sài Vẩn lạnh lùng ra hiệu cho đám gia nhân lùi ra, nó tiến gần cái xác đặt chân đạp mạnh, cái xác bất động nghiêng sang một bên. Ngó nghiêng một lúc nó lên tiếng với lũ gia nhân :

– Nó chưa chết hẳn đâu, nhưng đêm nay cũng phải để cho thú dữ có thịt tươi ăn !

Sài Vẩn quay lại, Phón đã ngất lịm từ lúc nào, nó bước tới đỡ em gái lên lưng ngựa rồi cùng lũ gia nhân đạp ngựa quay về bản.

Cái đêm ấy đã qua đi hơn hai mươi năm, mỗi khi nhớ lại Thim vẫn cảm giác một nỗi cay đắng, chua chát dâng bừng lên mặt. Đêm ấy nếu không có trận mưa như trút không biết rồi số phận sẽ ra sao. Mưa đã rửa sạch những hạt muối mặn chát trên mình chàng trai săn gấu như muốn rửa hết nỗi oan trái trong lòng. Hơi đất ẩm ướt và tiếng thì thầm đã làm Thim tỉnh lại. Đôi mắt mệt mỏi của Thim khi vừa mở thấy mình đang nằm trong một hang đá, giữa hai người đàn ông lạ mặt. Thim ngơ ngác định nhỏm người ngồi dậy – Một người đàn ông có khổ người to, cao, nét mặt nhác nhìn rất dữ bởi bộ râu quai nón rậm xù đã đưa tay ấn Thim nằm xuống rồi nói bằng giọng rất trầm ấm :

– Bọn tao đã nhìn thấy mày ở dốc "Kéo Lùm", và đã đưa về đây ! Mày thấy trong người khá hơn rồi chứ ?

Thìm khẽ gật đầu nhưng vẫn chưa hết ngạc nhiên. Người đàn ông có bộ râu quai nón với tay lấy bát rượu đặt trên hòn đá đưa cho Thìm :

– Mày uống đi ! Cái mật gấu bọn tao tìm thấy trong túi áo của mày đấy !

Rượu thôi mà, một phần xoa lên người mày rồi, uống cái này chỉ mấy tiếng nữa là đi được ngay ! Xong mày hãy kể cho bọn tao nghe, sao mày đến nỗi này !

Cử chỉ nhân hậu và tiếng nói trầm ấm của người đàn ông lạ đã làm Thìm tan đi mọi nghi ngại. Hơi rượu đã truyền khắp cơ thể làm Thìm bớt đi những đau đớn.

Khi nghe Thìm kể xong, hai người đàn ông đã nhìn Thìm bằng ánh mắt thông cảm như muốn nói từ trong đó những lời an ủi. Rồi họ cũng cho Thìm biết – Bọn họ là những người cùng cảnh ngộ đang rủ nhau đi tìm Việt Minh, vì họ được biết Việt Minh là những người cầm súng đánh bọn quan châu, bọn "Coằng" bảo vệ những người nghèo như Thìm và tất cả những người nghèo khổ khác. Rồi họ rủ Thìm cùng đi. Ba người đã tìm thấy một đơn vị quân đội ở cánh rừng Nguyên Bình, họ tình nguyện xin nhập vào đơn vị và cùng tham gia chiến dịch Biên Giới rồi đến chiến dịch Điện Biên. Năm tháng qua đi, tuổi xuân của Thìm đã gửi gắm ở khắp các chiến trường nhưng hình ảnh Phón vẫn không sao phai mờ trong tâm trí của chàng trai săn gấu. Mỗi khi nhớ về vùng quê xa ấy, nơi Thìm đã có một thời trẻ trung chát đắng, nơi có một người con gái yêu mình bằng tất cả tấm lòng trong trắng chân thật. Cô gái ấy như không sinh ra từ cái gia đình quyền quý nhất vùng Pác Miều, mà sinh ra từ hạt gạo thủy chung, nhân hậu. Tình nguyện đánh đổi tất cả để đến với chàng trai săn gấu nghèo khổ mồ côi, để rồi cùng phải chịu những bất hạnh của chính gia đình giáng xuống mối tình như cánh hoa đầu tiên mới nhú, đã bị dập nát, tổn thương dưới cánh đập phũ phàng của loài chim ác.

Thim rời quân ngũ sau ngày đất nước hòa bình được bốn năm. Nỗi khao khát được gặp lại người yêu như ngày đông lạnh giá gọi mặt trời đầy nắng. Sau khi nộp giấy tờ chuyển ngành, Thim đi bộ hơn mười ngày ròng không nghỉ và về đến bản mình, cái bản Pác Miều xa xưa giờ đã khác lạ. Dân bản nhìn thấy anh cứ ngỡ như hồn ma hiện về, vì ngày ấy mọi người đều kháo nhau : anh đã bị nhà "Coằng" giết mất xác trong rừng. Nhà nào cũng muốn kéo anh vào ăn cơm. Anh vào nhà nào, già, trẻ, lớn, bé trong bản đều kéo nhau đến để được nghe anh kể chuyện về mình. Vui lắm nhưng anh vẫn buồn vì chưa có ai nói cho anh biết về cô gái ấy giờ ra sao ? Rồi có người cũng đã cho anh biết – Từ ngày cán bộ và bộ đội Việt Minh đến, bố con nhà "Coằng" đã trốn biệt sang Trung Quốc. Còn cô gái ấy khi đưa từ trong rừng về đến nhà đã tỉnh lại, có người cho cô biết – Thim đã bị giết trong rừng. Suốt hai ngày cô không ăn uống gì. Thế rồi vào một đêm cô gái đã bỏ đi và không bao giờ thấy trở lại nữa. Nhà "Coằng" cho người đi tìm và họ đã thấy xác một người con gái trôi sông, xác đã trương phình không nhận ra hình thù ai. Nhà "Coằng" đưa về làm ma ba ngày theo phong tục rồi mới đem chôn. Mấy ngày sau đưa ma có người gặp một gia đình ở bản Nà Nu, làng trên Pác Miều cũng đi tìm con. Họ cho biết đứa con gái lớn trong nhà ra sông tắm không thấy về. Biết nhà "Coằng" có thế lực nhất trong vùng, chẳng ai dám vào xem có phải đứa con gái xấu số của mình không ?...

Những câu chuyện như mảnh nứa cứa vào gan ruột, Thim không muốn ở lại nữa. Mấy ngày sau Thim trở lại cơ quan. Nhưng những điều chắp nối nghe dân bản kể, Thim linh cảm có điều gì đó trong lòng mình giống như đống lửa hồng âm ỉ, chờ một luồng gió mạnh thổi vào sẽ bùng cháy lên niềm hi vọng bất ngờ. Thế là anh khéo léo từ chối cái chức phó phòng hành chính mà cơ quan giao cho. Thim tình nguyện chọn cái nghề âm thầm vất vả nhất mà chẳng mấy ai muốn nhận đó là chân đưa thư báo lưu động đi các làng, xã. Thim giấu trong mình một niềm hi vọng, niềm hi vọng này sẽ vĩnh viễn không thể rời khỏi ý nghĩ mình nữa. Có thể điều bất ngờ tìm thấy bóng dáng xưa sẽ không đến với anh, nhưng dẫu sao như thế vẫn hơn ! Anh tự nhủ trong lòng mình vậy, và thế là Thim đã đóng chặt tất cả những cánh cửa của lòng mình

và chỉ để ngỏ một lối duy nhất cho tình yêu ban đầu ấy vĩnh viễn tồn tại – Lấp ló một đốm sáng vĩnh cửu. Đã hơn ba mươi năm tìm kiếm qua đi nhưng cái đốm lửa nhỏ nhoi đó vẫn bỏng rát trong lòng.

Giờ đã là ông già Thim – trầm tĩnh – ít nói – tóc đã điểm sương. Màn chiều đã buông, trời đã bắt đầu nhá nhem. Bản Vạn đây rồi – Ánh lửa bập bùng trong bếp những nếp nhà sàn, hắt những tia sáng vàng rực qua kẽ liếp. Ông Thim dừng lại, hồi hộp đưa tay lên túi ngực trái rồi từ từ rút ra một lá thư, đọc lại một lượt nữa. Những dòng chữ hiện ra trước mắt ông nhảy nhót, lập lòe như những ánh lửa làm đôi tay bỗng run lên như lúc sáng. Ông cầm nó trên tay khi soạn thư ông đã bắt gặp. – Sầm Kim Bảo ... Hòm thư. Gửi mẹ : Sầm Thị Phón ... bản Vạn, xã Đồng Mu, Bảo Lạc, Cao Bằng ...

Ông không nhớ là ông đã hỏi, ai đó đã chỉ cho ông ngôi nhà ở phía cuối bản. Nhưng rồi ông lại chợt phân vân nghi ngại : – "Có thể là sự trùng lặp chăng" – Và đứa con nữa, con ai ? Sao lại họ mẹ ? Con nuôi hay con riêng ? – Một loạt những câu hỏi đua nhau lao vào đầu ông châm chích nhưng vô ích. – Không ! Ông không cần biết điều đó, vì trong ông cái linh cảm ông nén hơn ba mươi năm nay có gì đó ông tin là sẽ không nhầm. Ngôi nhà hiện ra trước mắt ông, cánh cửa khép hờ như suốt ba mươi năm nay vẫn khép hờ như vậy, chờ ai đó đến mở ra.

Lời bình

Tôi thật sự xúc động khi đọc đến đoạn cuối cùng của câu chuyện. Một "cánh cửa khép hờ như suốt ba mươi năm nay vẫn khép hờ như vậy, chờ ai đó đến mở ra". Nhưng có ai biết được chính cánh cửa khép hờ đó lại khép chặt trái tim của chàng trai săn gấu nổi tiếng dũng cảm thuở nào, và khép chặt cuộc đời ông suốt ba mươi năm trong sự cô đơn. Liệu cô gái đó có phải chính là nàng Phón - người yêu ba mươi năm trước của ông Thim hay không ? Liệu người mà cô gái chờ đợi đó có phải là ông Thim hay không ? Cái kết thúc mở đã gợi sự hồi hộp, suy nghĩ và liên tưởng trong lòng người đọc, điều đó chứng tỏ sự già dặn trong bút pháp của tác giả.

Nhưng hãy khoan bàn về cái tài viết truyện của Cao Duy Sơn. Hãy khoan bàn về giá trị nghệ thuật và các thủ pháp biểu hiện của nó. Điều tôi muốn nói trước hết là nội dung tư tưởng của câu chuyện. Có thể nói câu chuyện đã gây được sự hấp dẫn từ đầu đến cuối, nếu không muốn nói là dường như nó có ma lực đối với người đọc. Người đọc không thể dửng dưng, bàng quan với tình yêu của chàng trai săn gấu nghèo khổ với con gái một gia đình giàu có, quyền thế nhất vùng. Một tình yêu trong trắng vừa chớm nở đã bị dập vùi, trở thành một bi kịch thê thảm.

Chúng ta hiểu và trân trọng tình cảm của cô Phón - Một người con gái như được sinh ra từ "hạt gạo thủy chung, nhân hậu". Cô đã dám bất chấp mọi cản trở của gia đình để đến với người mình yêu. Những lời tỏ tình chân thật, đáng yêu của cô đã làm cho chàng Thim bàng hoàng, xúc động, bởi chưa một lần trong đời chàng được yêu, thậm chí chưa một lần dám nghĩ đến chuyện yêu đương. Cuộc sống mồ côi nghèo khổ khiến chàng chỉ nghĩ đến lẽ tồn tại của mình, sự tồn tại được đánh đổi bằng sức lực và lòng dũng cảm trong việc săn bắt gấu.

Chúng ta khâm phục chàng Thim không chỉ vì lòng dũng cảm khi săn gấu. Mà chúng ta còn khâm phục sự thủy chung của anh trong tình yêu. Mối tình đầu mất đi, thế là ông "đã đóng chặt tất cả những cánh cửa lòng mình và chỉ để ngỏ một lối duy nhất cho tình yêu ban đầu ấy vĩnh viễn tồn tại - Lấp ló một đốm sáng vĩnh cửu". Một tình yêu đằm thắm, thiêng liêng đến nỗi "đã hơn ba mươi năm tìm kiếm qua đi nhưng cái đốm lửa nhỏ nhoi đó vẫn bỏng rát trong lòng ông".

Ngoài câu chuyện tình cảm động xuyên suốt tác phẩm, người đọc còn bị cuốn hút vào những trang tác giả đặc tả cảnh săn bắt thú với nhiều đoạn, nhiều chi tiết sống động. Tuy vậy, đó không phải là cảm hứng chủ đạo của câu chuyện. Cái tài tình của Cao Duy Sơn là anh đã mang đến cho độc giả một tình cảm thiết tha, gắn bó với vẻ đẹp hoang dã của núi rừng, muông thú. Từ đó thức tỉnh ở mỗi người ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường, bảo vệ mọi giá trị đang tồn tại trong cuộc sống. Bên cạnh đó, những trang nói về cái chết của ông bố Thim cũng là những trang viết gây được sự xúc động mãnh liệt.

Thành công của truyện không phải ở sự cầu kì trong kết cấu, sự hoa mĩ trong ngôn từ mà chính ở sự chân thực toát ra từ hình tượng nhân vật.

Tác giả đã làm tròn sứ mệnh của một nhà văn khi đánh thức được vẻ đẹp tinh thần đang tiềm ẩn trong mỗi con người, hướng con người vươn tới cái chân - thiện - mĩ ở cuộc đời.

Ngày nay, khi mà mọi giá trị đang được soi ngắm lại, thì việc ca ngợi một mối tình thủy chung, bất diệt là điều cần thiết và bổ ích. Ở đây, tình yêu phải được hiểu rộng hơn, lớn hơn tình cảm trai gái, đó là tình . gười, là nhân nghĩa ở đời. Những giá trị tinh thần đó vốn là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, mà mỗi chúng ta đều có trách nhiệm và nghĩa vụ phải gìn giữ và vun đắp. Có lẽ đó cũng là niềm tâm sự và nỗi trăn trở mà Cao Duy Sơn muốn gửi gắm đến người đọc thông qua truyện ngắn đặc sắc này.

Tôn Thảo Miên

CUỘC BÁO THÙ CUỐI CÙNG

Chiều đã buông, sương mù từ đỉnh núi tràn đầy thung lũng. Tiếng âm ư... ầm ừ... từ hang núi Kiếm vọng về nghe như tiếng thổn thức kêu than. Cái Na, con gái lão Vược bảo "đấy là tiếng hát của thần núi". Nhiều lần dỏng tai nghe, nhưng chẳng bao giờ lão nhận ra đấy là tiếng hát : "Con bé hay mơ mộng". Âm thanh ấy nghe buồn lắm, lão nghĩ, nó sẽ còn rên rỉ cho đến ngày vạn vật trên trái đất biến thành bùn, vì trên cao ấy chẳng bao giờ ngừng gió.

Chưa lần nào lão đi săn về sớm như hôm nay. Lúc này khoảng ba giờ chứ mấy. Con nai hai chục kí vắt ngang cổ lão, đầu thõng xuống, lúc lắc theo nhịp đi như một trò đỏng đảnh.

Lâu rồi, hôm nay lão mới hạ được một con. Rừng Keng Pảng giờ đã vắng thú. Lão hạ được con này cách đây mười lăm cây[1]. Suốt ba

---

(1) *Mười lăm cây* : Mười lăm cây số.

tiếng đồng hồ, với tâm trạng phấn khích lão đi một thôi không nghỉ. Thế mà giờ, chỉ mươi phút nữa là đến nhà, lão đâm sợ.

Ngôi nhà sàn bốn mặt thưng gỗ nghiến, cứng cáp như một chiếc hộp bằng sắt, nằm lẻ loi dưới chân núi. Màu trắng như vảy vôi trên lớp gỗ hiện ra trong cặp mắt của lão. Nhà lão đấy ! Hơn nửa thế kỉ ra, vào trong ngôi nhà này mãi chẳng sao, giờ bỗng sinh ngại. Tất cả đều tại cái Na, con gái lão. Nó mới hơn chục tuổi đầu mà tâm tính kì cục phát sợ.

Lão còn nhớ cách đây hai năm, hôm lão hạ được con báo gấm, đặt trên chiếc xe quệt kéo về nhà. Con bé đứng nhìn con thú với vẻ mặt lạ lùng lắm. Lão đang mấm môi kéo con thú lên sàn, bỗng nghe nó hỏi :

– Pa ơi, sao pa giết nó ?

Câu hỏi bất ngờ của con lão làm lão lúng túng :

– Vì nó là ... là con thú dữ mà !

– Sao nó lại dữ hở pa ?

– Ở rừng giống nào ăn thịt mà chẳng dữ ?

– Thế ... Giống nào là thú lành ?

– Con nào ăn cỏ, ăn củ !

– Vậy con hươu, con nai là giống thú lành phải không pa ?

– Ừ, lành !

– Pa đừng giết nó pa nhé ! Nó hiền lành, lại đẹp nữa. Con thích lắm !

– À ... ừ ...

Nếu lão không xí xoá cho qua chuyện, chắc nó còn hỏi nữa. Biết đâu đấy, cứ kiểu ấy không khéo nó sẽ hỏi. – "Vậy có cái giống vừa ăn thịt lại vừa ăn cỏ không ? Nếu có thì nó thuộc hạng nào ?..." Lúc ấy không khéo lão cứng họng. Nghĩ vậy chứ đời nào con bé biết hỏi những câu như thế. Rừng đã cho nó nhiều rồi đấy. Nhưng nó còn bé lắm, còn lâu con bé mới đủ khôn.

Lão quên bẵng chuyện ấy. Một lần khác hạ được một con hươu. Về tới nhà, lão lẳng con thú giữa sàn ngoài, thọc tay vào túi lấy chìa khoá

cửa. Cánh cửa bật mở, con bé hiện ra với bộ mặt rầu rĩ. Nhưng không nhìn thấy lão, nó chầm chậm bước đến gần con thú, rồi ngồi xuống, lặng lẽ đưa tay vuốt lên cặp mắt còn mở của con vật. Lão nghe giọng nó lạc hẳn :

– Pa ơi, con này có mẹ không ?

Nghe nó hỏi mà lão nổi gai ốc. Lão ấp úng :

– Có ... có chứ !

– Mẹ nó không thấy nó về chắc sẽ khóc pa nhỉ ?

– À không, con này là con mẹ !

– Thế còn con nó ở với ai ?

Lão không trả lời, con bé cũng không hỏi nữa.

Đêm chìm sâu trong tĩnh mịch. Ngoài trời xa chợt có tiếng nai tác[1] lên thảm thiết. Thấy con bé nằm im, tưởng nó đã ngủ, lão nâng đầu nó lên tay mình, tay lão bỗng chạm phải những giọt nước mắt nóng hổi trên khuôn mặt con. Lão buông tiếng thở dài. Đêm đó là đêm dài nhất trong đời lão.

Biết làm thế nào được ? Lão phải kiếm sống chứ ! Với lại thú ham săn bắn đã ngấm vào máu của lão rồi. Còn một điều nữa con bé không biết và lão cũng không muốn cho nó biết lão còn một món nợ chưa trả được, lão sẽ ở lại cho đến khi thanh toán xong.

Lão nghĩ ra một kế. Săn được thú về lão thường treo lên cành cây sến, cách nhà hơn năm chục mét, chỗ ấy khuất và cao, không lo bị thú khác đến tha, và cái Na cũng không thể biết, vì thường tối mịt lão mới về, sớm dậy nó vẫn còn ngủ, lão đã khóa cửa, đem thú ra chợ Cô Sầu bán. Lão không muốn con gái mình nhìn thấy việc đó. Lão sợ nước mắt của con. Nó đã chịu khổ nhiều, lại là đứa dễ tủi thân, lão thương con, sợ nó là vì thế.

Treo con nai lên cành sến xong, lão lững thững bước về nhà. Khẩu súng săn treo ngang ngực, nảy toòng teng như một thứ đồ chơi xinh xắn trên cơ thể cao to của lão.

---

(1) *Tác lên* : Kêu lên.

Còn khoảng hai chục mét nữa là đến nhà, lão đột ngột dừng lại. Cặp mắt xếch dưới đôi mày dày rậm chợt lóe lên những tia nhìn cảnh giác. "Mẹ kiếp ... mẹ kiếp !" – Vừa lẩm bẩm lão vừa cúi xuống, găm ánh mắt lên mặt đất ẩm ướt. Đưa tay gạt những chiếc lá quanh một vết lõm mờ, rộng bằng miệng bát con, lão thốt lên kinh ngạc : "Lốt hổ !" Một, hai, ba... kia nữa, có cả những vết nhỏ như chân chó. Cũ có, mới có. Sao bấy lâu lão không phát hiện ra nhỉ ? Lão sực nhớ thường ngày mình đã đi quá sớm, về quá muộn nên không để ý thấy. Nghĩ đến con, lão đứng bật dậy, bước như chạy vào nhà.

– Na ... a ... !

Vừa tra chìa khóa vào ổ khóa, lão vừa cất tiếng gọi lo lắng. Cửa bật tung, nhìn thấy con đang ngồi co ro trong góc giường, lão bỗng buông tiếng thở dài nhẹ nhẹ. Vẻ mặt khác thường của con gái khiến lão ái ngại. Vừa gỡ súng dựa vào cạnh cửa, lão vừa hỏi :

– Con ốm à ?

– Không !

– Tốt đấy !

– Sao hôm nay pa về sớm thế ?

– Chẳng được gì cả.

Vẻ lo lắng rầu rĩ bỗng biến khỏi mặt con bé. Có gì đó như một sự vui thích long lanh trong mắt nó. Như thể suốt cả ngày nay nó chỉ đợi pa nó trả lời mình như vậy.

– Hôm nay pa về sớm, con sẽ cho pa xem cái này, hay lắm nhá !

Chợt nhận ra vừa chót lỡ lời, con bé đưa tay bưng chặt miệng. Lão vờ như không nhìn thấy. Lão nhắc mình "đừng làm nó sợ" rồi lão làm ra vẻ bình thản :

– Con không nói pa cũng biết !

– Pa cũng nhìn thấy nó à ?

– Ừ !

– Pa sẽ không bắn nó phải không ?

– Ừ... à mà thôi, con có biết nó là loại thú gì không ?

– Con hổ, đúng không pa ?

Những múi cơ trên mặt lão giật giật :

– Có thể con nhầm đấy.

– Không đâu. Con thấy lông nó cũng vằn như mấy cái chân kia kìa.

Nhìn những bộ chân vằn vện treo trên tường. Lão Vược chợt nhớ. Có lần lão đã chỉ cho con – "Đấy là chân hổ" !

– Hai con pa nhé, một con bé như con chó nhọ trước đây của nhà mình, còn một con to, to lắm nhưng nó chỉ có một tai thôi ...

Lão bỗng chết lặng, chỉ có trống tim dồn lên thình thịch. Con bé không nhận ra vẻ căng thẳng của lão, miệng nó vẫn liến láu :

– Con quen nó lâu rồi pa à. Chiều nào nó cũng đến đây, con một tai thì đứng dưới sàn, còn con của nó thì nghịch lắm pa nhá, con luồn gậy qua lỗ thủng trên cửa, nó dùng hai chân trước giữ chặt ...

Lão không nghe tiếng con nói, đầu óc lão ngập trong ý nghĩ chồng chéo nhau. "Mẹ kiếp ... mẹ kiếp, mình thì đi tìm nó, còn nó lại ngang nhiên đến rình rập quanh nhà mình. May mà cánh cửa đã khóa ngoài nếu không con bé đã ra rừng chơi. Vậy tai họa chắc đã giáng xuống đầu lão, và lão chỉ còn nước tự treo cổ lên ngọn cây. Sống làm gì, khi cái thân già này chẳng còn ý nghĩa với ai nữa. Nó là niềm vui, là nỗi buồn, là giọt máu chung của lão với người vợ bất hạnh. Cái Na có làm sao, lão chết sáu lần không hết tội.

– Mỗi lần muốn đuổi nó trở lại rừng, con chỉ cần làm thế này này ... – Khum hai bàn tay lên miệng, cái Na bỗng cất lên một tiếng lạ tai – dá ... dá ... dá ... a á à ... á á ... – Chuỗi âm thanh thoát khỏi miệng nó nghe như tiếng gió rít rừng rợn.

Lão bàng hoàng nhìn con, rồi méo mó cười đáp lại. Nụ cười đượm nỗi lo lắng và sốt ruột, vội bỏ chạy khỏi bộ mặt nổi cơ của lão.

– Bao nhiêu lần pa hứa cho con đi theo, để con xem con nai lông vàng, mà chẳng bao giờ pa nhớ ...

– À ... ừ ... pa sẽ nhớ ...

Định trả lời nó cho qua chuyện, nhưng lão bỗng thấy ân hận vì chót hứa với con. Lão đã nói dối nó, rừng Keng Pảng giờ làm gì còn thú. Ngay như giống khỉ bạo nhất, cũng rủ nhau bỏ đi từ lâu. Thảng hoặc một vài con nai, con hoẵng lạc từ rừng khác đến, nhìn thấy những cành cây gãy chĩa về phía chúng, nỗi ám ảnh kinh hoàng về một đoạn cây biết kêu đã làm chúng bỏ chạy. Nhưng mọi chuyện giờ hãy gác lại. Cái con một tai, kẻ thù của lão đã xuất hiện.

Bữa cơm trôi qua một cách lặng lẽ. Chờ đứa con gái ăn xong miếng cuối cùng, lão vội nhắc :

– Con uống nước rồi đi ngủ ngay, nhớ chưa ?

– Còn pa ?

– Ngủ sau ! Ngủ sớm mai dậy pa cho theo ra Cô Sầu chơi !

– Vâng !

Lão nghe tiếng "vâng" của nó không được hào hứng như mọi lần. Mặc nó, lão không muốn nó chứng kiến việc mình sắp làm. Mà cũng còn phải phòng xa chứ ! Biết chuyện gì sẽ xảy ra ... ?

Con bé rón rén bước đến ổ rơm, rồi nằm xuống. Cặp mắt thao láo của nó nhìn lão Vược đầy vẻ ngờ vực.

*
* *

"Sập tối là nó sẽ ra khỏi rừng đây". Vừa lẩm bẩm lão vừa ghé nhìn qua lỗ thủng trên cánh cửa, cặp mắt ngậm no ánh chiều rực lên như hòn than cháy. Lão đưa tay vuốt lên nòng súng giá lạnh. Chợt nhận ra tay mình run run, sao thế nhỉ ? Lão đã chuẩn bị cho ngày hôm nay, suốt cả mười năm dồn lại, chứ đâu có như cái thằng đi săn mới gặp thú lần đầu. "Mày dừng lại ngay. Cái tay, đừng có bần bật lên như thế ! Đạn đã nhồi chặt trong nòng rồi, giờ chỉ còn nghéo cò là nổ. Run lên như thế chỉ có bắn vào cái lỗ đít của nó thôi". Lão hậm hực dằn lòng.

Đau lòng quá ! Những muốn quên đi cái quá khứ nghiệt ngã và tàn nhẫn, nhưng hình như lão càng đẩy ra, nó càng tiến đến gần hơn. Lão

thấy mình đang chìm vào một cõi mờ mịt. Hình ảnh một thi thể nát nhừ, với lỗ thủng rỉ máu dưới cổ, bỗng nhiên lại hiện lên như một bằng chứng nghiệt ngã của sự bất lực. Lão thấy mắt mình tối sầm. Cay đắng quá ! Ruột gan cứ như có ngọn lửa bỏng rát đốt ấy.

Mười năm rồi, thế mà cứ mỗi lần nhớ lại, tiếng tru thảm thiết của con chó bao giờ cũng chen đến trước trong kí ức lão. Ừ phải rồi, lão nhớ lúc đó mình đang dở tay, dỡ bọng mật khoái trong hốc cây toong mu, đành phải bỏ lại, chạy xuống khe Rủm Pa.

Phải mất gần một tiếng vạch cỏ lão mới tìm đến nơi. Trước mặt lão, một bãi cỏ bị bầm nát. Bên những thân cây non bị gãy gục, một khúc gỗ bằng bắp đùi, mốc thếch nằm bất động. Rút lưỡi dao nhọn khỏi sáp, lão cảnh giác bước đến gần.

"Vù ... ooaa ... voạp ..." chỉ như một cơn lốc quất qua mặt. Lão bật người nhảy vọt sang một bên. Chân vừa chạm mô đá, đã ngoắt đầu nhìn lại. Chà, không ngờ khúc cây mốc thếch kia lại là một con trăn to đến thế ! Nhìn kìa, nó đã ngóc cái đầu ba góc, gập vuông thước thợ, ngúc ngoắc trên cái cổ bạnh to như hai bàn tay xòe. Oai vệ đấy chứ ! Cả cái bụng nữa, căng tròn như bóng đái trâu thổi gió thế kia, ắt mày phải nuốt con chó của tao vào trong ấy rồi ! – Lão vừa lầm bầm vừa quan sát sang bụi cây bên cạnh. Đây rồi ! Hà hà ... Đồ khốn, mày đừng có mà nhìn theo như thế khi nào mày hạ cái cổ ngỏng kia xuống đất thì tao mới lo, chứ còn nhướn lên như thế chỉ làm dáng oai vệ mà thôi. Đợi đấy, mày sẽ mềm như lá chuối tươi hơ lửa cho mà xem.

"Phặt ... phặt ... phặt". Tiếng dao phát ngọt xớt. Một cuộn dây sắn rừng còn nguyên lá, từ tay lão bay vù vù vào cổ con trăn. Sau hai lần lắc đầu cố tránh khỏi vòng dây, nó từ từ oằn cái thân dài thuỗn, rồi mềm nhũn như một thân chuối héo.

"Sướng chưa đồ khốn". Lão trề môi nhổ một bãi nước bọt vào con trăn. Đưa hai tay chống ngang hông, ngửa mặt cười vang núi.

Hạ một cây kháo thẳng tắp, to bằng bắp chân, lão đặt dọc theo thân con trăn, dùng dây sắn néo áp nó vào thân cây thành từng khúc, đoạn nhấc một đầu, ghé vai nâng khỏi mặt đất.

Cả con trăn lẫn cây khảo, chí ít cũng gần năm chục cân, giá có hai người buộc võng khiêng vẫn hơn. Nhưng tìm đâu ra người ? Gần nhất cũng gần chục cây số mới có nhà. Vậy chỉ còn có vợ, nhưng người vợ phải ở nhà với cái Na chứ ! Con bé mới hơn một tuổi ... Nghĩ đến vợ, lão bỗng thấy bồn chồn.

Hơn bốn chục tuổi đầu mới lấy vợ, vợ lão không xinh nhưng tính tình hiền lành lắm. Mỗi lần lên rừng về muộn, vợ thường tất tả đi đón. Có lần lão trách nhẹ – "Lần sau đừng đi đón nữa nhé, con nó ở nhà khóc nhiều, thương lắm với lại đi như thế sữa chua, con bị yếu, đánh vào đít nhau à ? Một mình đi rừng, tôi biết lượng sức chú... thú dữ nhiều tôi lo ...". Bị trách, vợ lão chỉ cười, thế mới hay chứ ! Nhìn nụ cười dịu dàng của vợ, lão như thấy mình được vục đầu xuống một dòng suối mát ngọt.

Chiền tàn dần trong màu núi tím sẫm. Tiếng ve rừng cất lên rền rĩ chợt làm Vược sốt ruột. Giống này mà lên tiếng chỉ lúc nữa mắt trời sẽ khép. Đang gồng mình bước đi mải miết, Vược bỗng sững lại ngơ ngác. Đâu đó có tiếng âm ơ vừa vọng đến. Tiếng than của núi Kiếm hay tiếng người thế nhỉ ?

Một luồng gió đột ngột thốc tới, đưa theo tiếng gọi thảm thiết :

– Vược ... Vược ...ơơơ ơi ...

Tiếng kêu thất thanh lẫn trong tiếng thú gầm từ đỉnh đèo Lũng Đắc vọng đến làm lão chết lặng. Tay chân bỗng run bắn. "Tiếng của Noọng ... tiếng của Noọng". Vứt con trăn xuống đất, lão cắm đầu lao về phía đỉnh đèo như cuốn theo một cơn lốc.

Đỉnh đèo vắng ngắt, chỉ còn gió chiều đìu hiu thổi đến, và tiếng âm ư ...ầm ừ ... từ hang núi Kiếm vọng về. Vược không còn cảm được điều gì quanh mình. Tất cả đều chết cứng trong cặp mắt đờ đẫn vô hồn. Mặt đường chỉ còn những vết máu loang lổ. Trên tảng đá bên mé đường một chiếc khăn chàm vẫn còn đó. Bước đến gần tảng đá, cầm lên vật thân thuộc, Vược bỗng nghiến chặt răng vò nát trong bàn tay gân guốc của mình, lồng ngực như bị một bàn tay khổng lồ xiết mạnh dội lên nhói buốt.

Lần theo vết máu, đến một mỏm đồi mọc đầy cỏ tranh, lão chợt dừng lại quan sát. Một mùi hôi và khét như giẻ cháy xộc đến đánh thức

trạng thái u mê trong đầu. Cặp mắt xếch chéo theo đôi mày rậm, bật ra những tia lạnh lùng quả quyết. Mới gần ba mươi phút. Nếu là hổ chắc nó chưa động đến cái xác. Trò vờn mồi của giống thú bao giờ cũng kéo dài khoảng một tiếng. Chờ đến khi con mồi nát nhừ trong những vuốt sắc, lúc bấy giờ nó mới hả hê vập nanh, xé ra từng mảnh nhai ngon lành.

Lão thầm trách mình, "lẽ ra phải đặt làm một khẩu súng săn từ lâu".

Nghe tiếng đuôi quất vào gió vun vút, Vược đoán con thú đang ở hướng trước mặt. Một tay vạch cỏ, một tay lăm lăm con dao nhọn to bản, lão thận trọng tiến đến gần.

"Đối mặt rồi". Vược vừa tiến vừa áp đảo con thú bằng đôi mắt sắc lạnh như thôi miên. Con hổ chừng năm tuổi, mình nó dài không ít hơn thước rưỡi, lưng vồng hình cánh cung trong tư thế bật khỏi mặt đất, lao vào đối thủ.

Giữa bãi cỏ nhàu nát, xác Noọng nằm bất động, quần áo tơi tả, dưới cổ một vết thủng sâu, máu đang rỉ. Khuôn mặt hầu như còn nguyên vẹn, nhưng vẻ khiếp đảm vẫn còn đọng lại trong cặp mắt chưa khép.

"Ta sẽ liều chết với mày đây !" lão định hét lên nhưng đã kịp ghìm lại. Cơ hội trả thù sẽ không thành. Giống này vốn vậy, hung dữ, tinh khôn và hèn nhát là bản chất của nó. Nếu hét lên nó sẽ biến ngay vào rừng. Giờ này hổ đang giữ mồi, nó không ưa sự quấy rối. Lão nhắc mình cẩn thận.

Khoảng cách với con thú mỗi lúc một rút ngắn dần. Cách nó còn độ năm mét Vược dừng lại. Con thú bắt đầu nhe bộ nanh nhọn hoắt gầm gừ áp đảo. Khi đối mặt với giống thú này phải chú ý nhìn đuôi. Vược không phải đợi lâu, đuôi nó đã quất sang trái. Vậy là nó sẽ lao về hướng đó và quật đuôi sang phải. Vược đang đứng trong tầm vụt của nó. Con thú đã bị lừa vào kế, Vược bỗng nhiên nhìn sang phải, vờ như chuẩn bị bỏ chạy. Ngay lập tức con thú phóng đến như một mũi tên. Cùng đồng thời với cái bóng vằn vện vừa bật lên khỏi mặt đất, Vược nhún chân bay người sang trái, cắt một góc vuông, hướng vào đầu con hổ. Trong màn trời nhập nhoạng, ánh kim loại lóe lên như một tia chớp, cắt gió xả ngang đầu con thú, một tiếng rú bỗng vang rừng rợn, nghe như có

ngàn cây đổ. Vược nhào người bật dậy, vùng dao xả tiếp nhát thứ hai, nhưng lưỡi dao chỉ cắt vào không khí, phát ra một âm thanh ngọt xớt nghe rợn người. Cái bóng vằn bổng căng mình lao vút vào rừng cây trước mặt để lại phía sau những tiếng rú man dại, xa dần rồi mất hẳn trong rừng đêm yên tĩnh.

Nhặt lên mảng da loang máu, dính một chiếc tai lông vằn, lão bỗng gầm lên giận dữ.

Ném lưỡi dao cắm phập trên miếng da nát nhừ, lão lao đến ôm xác vợ, xốc trên cánh tay đứng chết lặng. Không một giọt lệ, không một tiếng nức nở thổn thức. Chỉ có cặp mắt khô xác đờ dại với nỗi lòng bàng hoàng, tê tái và sững sờ.

Sau ngày có cây súng, lão Vược đã trở thành nỗi kinh hoàng của muôn loài muông thú. Từ miền rừng Keng Pảng đến khe sâu Lũng Cái, không nơi nào không có dấu chân lão đặt đến. Từ khao khát trả thù hóa thành niềm say mê như cuồng nhập vào lão từ lúc nào, lão không còn nhớ. Lão thèm khát nhìn thấy máu con thú như một thứ bệnh hoạn. Một phát đạn ghém bay khỏi nòng, một con thú gục xuống. Với lão, thú lành hay dữ đều có một tên gọi chung là thú. Dưới tay mình bao nhiêu con bị hạ, có bao giờ lão đếm, nhưng cứ đến nhà lão thì biết, bao nhiêu con là bấy nhiêu bộ chân, treo lủng lẳng từ nóc nhà đến quanh tường. Lão mải mê quên ngày quên tháng. Bán được thú, lão mua một con ngựa, chuyên để thồ những con vật bị hạ ra chợ Cô Sầu. Thú to tiền to, thú nhỏ tiền nhỏ. Được tiền lão mua sắm đủ thứ dụng cụ hằng ngày, còn lại dành để mua thuốc súng và bi gang.

Lão ít khi rời con Na. Vào rừng hay đi chợ Cô Sầu, lão luôn đưa con đi theo. Cái Na đã lớn trên lưng lão. Tí tuổi nó đã quen với những tiếng nổ đầu nòng. Nằm trong địu lắng nghe nhịp thở của lão, nó đoán được khi nào pa nhìn thấy con thú, khi nào chuẩn bị nghéo cò, khi nào con thú to hay nhỏ bị hạ. Nhưng từ ngày nó sinh ra cái tính sợ phải nhìn những con thú bị giết, và hay đa cảm như một thứ bệnh, ngược hẳn với căn bệnh của lão, lão đã để nó ở nhà. Mỗi khi cầm súng vào rừng, lão thường khóa cửa ngoài chắc chắn.

Thú rừng giờ đã vãn. Đêm về, trước cửa nhà lão không còn tiếng kêu "tác oác" của những con hoẵng động tình. Nhiều bữa đi săn về tay

không, ngồi giữa thinh vắng của rừng núi, lão chợt thấy nỗi trống trải bao trùm lên quanh mình. Những lúc như vậy lão thường thở dài. Biết làm sao được ? Có ai hiểu do đâu lão phải làm con gà trống nuôi con ? Hay những đêm thức trắng giữa rừng, bên đứa con sốt nóng mê man ? Tất cả nỗi cực nhục ấy đều do nó, cái con một tai, nó đã đẩy lão vào cảnh khốn khổ âm thầm. Khóc nhiều rồi, nước mắt đã cạn, giờ nỗi đau đã lặn vào trong gan ruột. Tiếng nói của lão đã thay bằng cây súng. Mỗi lần hạ được con hổ, lão thường đến lật đầu lên xem. Khi biết không phải nó lão đã giận ứa máu mồm. Ham muốn trả thù lại rừng rực như lửa, muốn thiêu cháy cả miền rừng Keng Pảng.

Sợ pa biết mình chưa ngủ, con bé gượng mình thật nhẹ trong ổ rơm. Nó hé mắt nhìn về hướng cửa, nơi pa nó đang ngồi im lặng với khẩu súng săn đặt ngang đùi. Nhìn cặp mắt vừa lạnh lùng, vừa âm u khó hiểu của pa, cái Na chợt ao ước "giá còn được địu nghe nhịp đập của trái tim dội lên phía sau lưng, hẳn sẽ biết pa sắp làm gì ?". Nhưng giờ thì không được thế nữa, vì Na đã lớn.

Na không dám nói thật với pa về chuyện mình đã dụ được con hổ con lên sàn. Chỉ tiếc pa đã khóa cửa nếu không Na đã đón được nó vào nhà. Làm quen được với con vật này thật khó. Mới đầu nhìn thấy miếng thịt lợn khô, xóc trên đầu gậy Na thò qua lỗ thủng trên cánh cửa, con thú đã hoảng sợ nhảy tót xuống sàn. Sau nó quen dần, dùng hai chân trước quặp chặt miếng thịt nhai ngấu nghiến. Ăn xong nó nằm duỗi chân ngay trên sàn, mõm gối lên hai chân trước, mắt lim dim thỏa mãn. Những lúc ấy nhìn con vật hiền lành và dễ thương quá ! Na chỉ muốn được ra ngoài ôm nó vào lòng vuốt ve âu yếm. Nhưng Na vẫn còn ngại con một tai, vì mồm nó lúc nào cũng há ra, dãi rớt ròng ròng. Mỗi lần thấy con con về được, nó lồng lộn chạy quanh nhà, chồm cả hai chân lên cầu thang, nhe bộ nanh nhọn hoắt, gầm gừ đầy ghen tức. Na không hiểu sao nó chỉ có một tai ? Vết sẹo to như bàn tay phía trên đầu, hẳn nó đã có một cuộc đụng độ với con thú dữ nào đó.

Ngoài trời đã nhá nhem. Giờ này chắc hai con thú sắp đến. Lùi sát góc tường, Na cuộn tròn im lặng. Nhìn khẩu súng trong tay lão Vược với bộ mặt căng thẳng của lão, Na bỗng thấy sợ. Lần đầu tiên con bé thấy sợ pa nó. Nghĩ đến hai con thú, nó chợt thấy lòng mình dâng lên nỗi lo lắng mơ hồ.

Gió thoảng đến, mang theo mùi khét lẹt như giẻ cháy, và ung ủng mùi măng thối. Lão Vược vội co lại thế ngồi, mặt dán vào khe cửa, lão thấy đầu mình đang căng lên như một sợi dây cung. Tiếng sột soạt như lá rơi mỗi lúc một tiến gần cầu thang. Nhìn hai cái bóng vằn vện, một to một nhỏ, nối bước nhau thận trọng, lão rên lên khe khẽ : "Đúng nó rồi". Đệm ngón tay dưới nòng súng, lão nhẹ nhàng đặt vào lỗ thủng trên cánh cửa. Hồi hộp quá. Chưa khi nào lão nghe tim mình đập mạnh như lúc này. Bao nhiêu con thú ? Một trăm hai trăm hay nhiều hơn ? Mỗi phát đạn bay khỏi nòng, một con thú gục xuống, chưa bao giờ lão phải bắn đến lần thứ hai. Viên đạn bay ra bao giờ cũng găm vào trúng giữa hai con mắt con thú. Hôm nay cũng vậy thôi, lão không được phép bắn trượt.

Chúng đã hiện ra rõ quá ! Con một tai kia ! Dáng uy dũng một thời giờ đã phôi phai, da bụng thõng dưới hai bên xương sườn hẹp và gầy lắm. Lông trên mình nó cũng lưa thưa đi nhiều. Nhát dao của lão đã lấy mất tai trái của nó, giờ để một vết sẹo khô trắng. Kia ! Cái miệng há hốc nhe những chiếc răng nanh nhọn hoắt, dãi rớt ròng ròng ... chính nó đấy ! Chính cái hàm đầy nanh ấy, với bộ vuốt sắc nhọn kia đã cướp mất vợ lão. Đầu lão bỗng nổi lên tiếng ù ù như sấm động. Khỏi phải lựa chọn, lão quyết hạ con một tai trước.

Còn mươi thước đến chân cầu thang, con một tai chợt co mình dừng lại. Chiếc tai bên phải đầu dựng đứng vẻ cảnh giác, cặp mắt loang loáng như hai chiếc kính xói vào trong nhà. "Phốc ... phốc", bằng hai lần co mình bật lên nhẹ nhàng, chú hổ con đã lên sàn. Nó co một chân trước thăm dò, rồi cào cào vào đầu "gậy" vừa thò ra lỗ thủng trên cửa. Nó bắt đầu bị hấp dẫn với lối chơi quen thuộc. Quơ cả hai chân trước, chú hổ con tìm cách tóm lấy cây "gậy" đang cố tìm cách tránh khỏi tầm vuốt của mình. Nhưng thời gian để nó vờn bỡn không được lâu như mọi lần. Trong khoảnh khắc thật ngắn, nó vừa thấy cây "gậy" đứng im, toan chồm tới túm chặt, thì đầu "gậy" bỗng mất hút trong lỗ thủng trên cánh cửa. Bất ngờ một tiếng hú vang lên rùng rợn :

– Dá dá dá ... iaáá ... á á á !

Con hổ con vội bật mình nhảy xuống sàn.

Tiếng hét như xé gió, rít lên không trung, khiến toàn thân lão Vược rụng rời. Khẩu súng đã bị giật khỏi tay, bỗng rơi xuống mặt sàn, bật lên tiếng kêu khô khốc : "Hỏng rồi !", lão thốt khỏi miệng tiếng nói đầy giận dữ. Tóm vội cây súng, lão bật cửa định lao ra ngoài. Nhưng một cái bóng đã lách ra trước lão, chạy nhanh ra cửa. Cái Na ! Nó điên rồi hay sao ? Nó không biết rằng con thú còn có thể lẩn quất quanh đây ... Lão nhoài người phóng theo. Tóm được rồi, con bé vùng vẫy trong tay lão một cách tuyệt vọng. Nhưng đời nào lão buông nó ra. Nó vừa làm cho lão hết hồn. Chẳng hiểu sao con bé lại kêu lên ? Làm thế để làm gì mới được chứ ? Không, lão chẳng hiểu gì cả ? ... Con bé lạ lùng quá. Giá trước đây lão kể cho nó nghe số phận của mẹ nó, hẳn nó sẽ không làm như vậy. Nhưng biết đâu đấy ? Con bé là đứa tâm tính kì cục ... lão chẳng hiểu gì về nó. Lúc này lão vừa thấy thương hại con, lại vừa phấp phỏng sợ nó. Một tay giữ chặt cái Na, một tay cầm súng lão đưa mắt soát lại quanh nhà. Con một tai đã bỏ chạy. Tiếng sột soạt dưới sàn làm lão chú ý. Ồ, con hổ con, nó đã quay lại ! Nếu vậy con một tai vẫn chưa đi đâu xa, còn quanh quất đâu đây thôi. Tâm trạng lão bỗng phấn chấn trở lại, như vậy cơ hội để hạ nó vẫn chưa bị mất. Một ý định chợt lóe lên trong đầu lão. Ngay lúc đó, lão bỗng nghe con gái mình hét toáng :

Dá dá dá ... i a á á ... á á á

Đẩy con bé ngã nhào trong nhà, lão xoay người, băng mình xuống dưới sàn nhà, chồm thân hình như một con báo đen đè ập xuống con hổ. Quặp chặt con thú trong cánh tay nổi cơ cuồn cuộn, lão bật lên tiếng rên "hè ...è ...è ...è ...hè ...hè è è è ... đây rồi ! Nó sẽ phải quay lại tìm con nó". Xốc lại cây súng, lão vội vàng ôm con thú lên sàn.

Bàn chân vừa chạm lên bậc thang cuối cùng, lão bỗng nghe sau lưng ào đến một cơn lốc, cùng với tiếng gầm lên dữ tợn. Như một chớp lóe, lão lẳng con thú qua vai, rồi bay nhào người sang trái. Vừa kịp chĩa cây súng trong tư thế nửa nằm, nửa ngồi, lão bỗng thấy trước mặt hiện ra một đám mây xám vằn, với cái hàm ngoác rộng, lởm chởm nanh nhọn đang chồm đến. Hướng nhanh mũi súng vào cái miệng đỏ lòm, lão nghiến răng xiết mạnh tay cò. Đoàng ! Nòng súng tóe lửa, dội lên trong không gian một tiếng nổ lộng óc. Dưới màn trời nhập nhoạng, một cái bóng

vằn vện bị hất ngược, bật tung lên không rồi rơi xuống đất, giãy giụa ngay dưới chân cầu thang.

Xong rồi ! Món nợ suốt bao năm đau đáu, nay đã được thanh toán. Tâm trạng lúc này mừng hay buồn lão không sao tách bạch được rõ ràng. Tự nhiên lão muốn khóc. Vẫn tư thế nửa nằm nửa ngồi không thay đổi, lão muốn nỗi lòng được tận hưởng trọn vẹn những giây phút huy hoàng nhất của cuộc đời. Nhưng có gì đó không theo được như ý lão. Buồn có, mừng có, trống rỗng hoang mang cũng có. Cả cay đắng, tủi nhục và nhớ thương cũng ào đến như những cơn sóng lũ. Lão thấy mình đang bị đè bẹp, không sao gượng mình dậy được.

Đột nhiên lão nghe trong lòng những cảm xúc lẫn lộn đang dần bị tóp lại, và hiện lên nỗi lo sợ mơ hồ, chầm chậm lấn tới, gây một trạng thái hoang mang bất ổn. Sực nhớ đến con, lão lẩy bẩy cố gượng mình đứng dậy. "Nó đâu ?". Lão đưa mắt tìm kiếm, chợt nhận ra cái Na đang đứng cạnh mình từ lúc nào. Bắt gặp ánh mắt của nó, lão bỗng giật mình : Có gì đó giống như lời oán trách hay như một nỗi thương hại ?

Nhưng rõ hơn cả vẫn là sự đau đớn, xót xa, đượm một trạng thái kích động khôn cùng. Lão bàng hoàng nhìn con. Những muốn dang tay ôm lấy con để vợi bớt sự trống rỗng trong lòng. Nhưng nhìn sắc thái lạ lùng trên gương mặt nó, lão bỗng ngần ngại.

Bất ngờ cả nó, cả lão cùng đổ mắt xuống chân cầu thang. Bên xác con một tai, con hổ con sau một hồi lẩn vào rừng đã quay lại. Nó dè dặt từng bước bên xác con mẹ, rồi tần ngần dừng lại phía đầu. Giữa hai hốc mắt con thú mẹ, một lỗ thủng bị phá từ trong, to bằng miệng chén. Từ lỗ thủng đó máu vẫn ứa ra từng dòng, loang trên đám lá khô. Sau phút ngơ ngác, nó thè lưỡi liếm liếm vào dòng máu đỏ sẫm, rỉ ra từ trán của mẹ nó. Hình như nó càng liếm, máu càng rỉ ra nhiều hơn. Nó bỗng nhấc chân nhảy qua đám lá dính máu, rồi phục xuống rúc đầu vào bụng con mẹ. Nó dùng mõm kéo ra một túm vú bèo nhèo, lặng lẽ mút từng hơi tốp tốp.

Cái Na bỗng như lên cơn sốt, mặt tái nhợt, nó run run ôm lấy cánh tay lão Vược. Để mặc những giọt nước mắt lăn trên khuôn mặt giá lạnh, nó nghẹn ngào :

– Pa ơi, pa đừng giết nó pa nhé, mẹ nó ... mẹ nó đã chết rồi ... !

Giọng van vỉ của nó làm chân tay lão Vược bủn rủn. Chưa bao giờ lão thấy con gái mình nức nở như lúc này. Tiếng khóc bị ghìm nén, nấc lên từng hồi làm ngực lão nhói buốt. Mặt lão bỗng nóng bừng, mắt tối sầm, lão quỳ xuống ôm chặt lấy con gái, áp má nó vào má mình.

Hình như lão cũng khóc. Chỉ có điều khóc không thành tiếng mà thôi. Còn nước mắt thì ít lắm, hầu như không có. Trong khóe mắt nhăn nheo, một vết ướt loang nhạt như giọt sương hiếm hoi, đọng trên chiếc lá buổi chiều. Ừ thì lão đang khóc đấy ! Lão khóc vì nhiều lẽ, có thể lão bị lây tiếng khóc của con. Có thể lão vừa trải qua những phút giây quá căng thẳng, sau khi đã hạ được kẻ thù, vì lẽ đó đã làm sống lại trong lão hình ảnh về người vợ, với thi thể nát nhừ trong quá khứ chưa xa. Có thể cả những năm tháng nhọc nhằn săn đuổi, và những ngày âm thầm nuôi con trong nỗi cô đơn triền miên. Tất cả cùng tụ về một lúc, khiến lão không sao cầm được lòng mình.

Lão thương con lão, lão thương cả tình thương của nó với con hổ con lúc này. Phải, nó đã khóc thương cho tình cảnh côi cút của con thú. Cái tiếng "mẹ" vừa cất lên từ miệng nó, đượm một nỗi cảm thông, xót xa, nó đã san cho con vật kia một nửa, còn một nửa nó dành để khóc cho số phận côi cút của mình. Không ! Lão không có quyền bắn con thú kia, và không có quyền xua nó khỏi cánh rừng này. Nó là con vật duy nhất gắn vết rạn giữa lão và con gái.

Nhìn con thú vẫn bình thản nhay cái núm vú lép kẹp của con mẹ, trong đầu lão như bục ra một lỗ thủng, lão nghe trong đó có tiếng gió mài rít qua đau đớn. Phải, phải ! Lão đã nghĩ ra rồi – Khẩu súng này lão sẽ vứt quách xuống dưới khe, cho nó hoen gỉ cùng dĩ vãng, và con thú kia cứ việc ở lại đây. Còn lão, ngay ngày mai khi trời sáng, lão sẽ đưa con lão đến một miền đất khác sinh sống.

"Oác oác ... ugư ... oác oác ... ugư ...". Sau một hồi hút kiệt sinh lực cuối cùng của con mẹ, con hổ con đã lững thững bỏ vào rừng. Tiếng kêu của nó như mũi dao chọc vào màn đêm, rồi mất dần trong tiếng âm ư... ầm ừ từ hang núi Kiếm vọng về. Âm thanh ấy như một lời than thở, gieo vào lòng lão Vược nỗi cô đơn âm thầm. Lần đầu tiên lão bỗng nhận

ra – gần một kiếp người sống nơi này, bạn với lão chỉ có tiếng kêu than của hang núi Kiếm. Nó sẽ còn rên rỉ cho đến ngày vạn vật trên trái đất hóa thành bùn. Trên cao ấy chẳng bao giờ ngừng gió.

Lời bình

Nội dung câu chuyện chỉ có thể tóm gọn trong đôi ba dòng. Nhưng ý nghĩa của nó lại vô cùng sâu sắc. Đó là sự thức tỉnh bản năng hướng thiện của con người.

Một cuộc báo thù nằm ngoài ý muốn, mà lão Vược gọi là "cuộc báo thù cuối cùng", cũng có lẽ là cuộc báo thù đầu tiên trong cuộc đời, đã mang đến cho ông nhiều nỗi dằn vặt, chua xót.

Là một thanh niên miền núi, quanh năm làm bạn với núi rừng, niềm đam mê và lẽ tồn tại duy nhất của ông là săn bắn thú. Thế nhưng hổ dữ đã cướp mất sinh mạng người vợ thân yêu của ông. Lòng căm thù trỗi dậy. Ông quyết sống để kiếm tìm và trả thù cho bằng được món nợ đó.

Tác giả đã dùng ngòi bút sắc, lạnh của mình giống như vũ khí của người săn thú khi mô tả tâm trạng khao khát trả thù của ông Vược. Nhưng cũng ngòi bút đó lại trở nên hiền hòa, nhân ái khi mô tả trạng thái tình cảm của bé Na.

Tài năng của Cao Duy Sơn không chỉ thể hiện ở việc mô tả một cách sinh động cảnh săn bắt thú - Dường như đó là sở trường, chứng tỏ một sự am hiểu kĩ càng về thú rừng, mà tài năng đó còn thể hiện ở sự phân tích tâm lí nhân vật khá sắc nét. Các nhân vật trong truyện, là những con người có xương, có thịt, có tâm tư, tình cảm, có vui - buồn, yêu - ghét... chứ không phải chỉ là những con người khô cứng được vẽ ra nhằm minh họa cho tư tưởng của tác giả. Chúng ta cảm nhận được trong ông Vược có hai con người : một con người mà nỗi đau mất vợ đã biến ông trở thành hung dữ, và một con người mang đầy "tính bản thiện", khiến cho những câu hỏi, những ánh mắt nhìn, những giọt nước mắt của đứa con gái cũng làm ông phải đau lòng, nhức buốt tới tận tâm can.

Sự dồn nén và mâu thuẫn trong tâm trạng nhân vật tạo nên độ căng và hấp dẫn của câu chuyện. Còn cái thiên lương của con người lại giống như mật ngọt làm đậm thêm chất nhân văn qua từng trang viết của tác giả. Chất nhân văn được thể hiện đậm nét qua tình mẫu tử – Một tình cảm thiêng liêng không chỉ có ở con người mà còn có cả ở loài cầm thú. Chính cái tình cảm đó đã làm cho ông Vược lẽ ra phải vui mừng khi trả được món nợ "suốt bao năm đau đáu", lại trở nên "trống rỗng, hoang mang" và "muốn khóc".

Hình ảnh chú hổ con "thè lưỡi liếm liếm vào dòng máu đỏ sẫm, rỉ ra từ trán của mẹ nó... rồi phục xuống rúc đầu vào bụng con mẹ ... dùng mõm kéo ra một túm vú bèo nhèo, lặng lẽ mút từng hơi tốp tốp" khiến cho hai bố con ông Vược đều không cầm được lòng mình. Việc ông quyết định đưa con đến một miền đất khác để sinh sống, chính là một sự đoạn tuyệt với quá khứ đau buồn, đoạn tuyệt với một cái "ác" bất đắc dĩ.

Là một tác giả đã từng đoạt giải của Hội Nhà văn Việt Nam, Cao Duy Sơn tỏ ra là một nhà văn có nghề và thực sự tài hoa. Truyện ngắn của anh đặc sắc bởi sự chân thực trong lối kể, sự sinh động trong lối tả và bao trùm lên tất cả là ý nghĩa nhân đạo, là tinh người toát ra từ các nhân vật trong truyện. Vì những lẽ đó mà truyện của anh tránh được những cấn cá khi đụng chạm đến một vấn đề rất lớn đang được cả xã hội quan tâm, đó là vấn đề gìn giữ và bảo vệ nguồn động vật quý hiếm của đất nước.

Tôn Thảo Miên

Quý Thể

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Hồ Phước Quả. Sinh ngày 3 tháng 10 năm 1940.

Quê quán : Huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Tác phẩm đã xuất bản :

Chiếc tàu trong chai (tập truyện, 1995) ; *Pho tượng* (tập truyện ngắn, 1998) ; *Vũ điệu hiến tế* (tập truyện ngắn, 1998) ; *Hiến thân* (thơ, 1993) ; *Ngọn gió buông thả* (thơ, 1994).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng của báo Văn nghệ, 1992 (truyện ngắn *Mùi cọp*) ; Giải thưởng của báo Văn nghệ, 1996 (truyện ngắn *Mùa săn*) ; Giải thưởng của tạp chí Phjabiooc Cao Bằng, 1996 (truyện *Tiếng gõ cửa*) ; Giải thưởng của tạp chí Cửa Việt, 1997 (truyện *Chiếc bè chở nỗi đam mê*).

MÙA SĂN

Ông Bàng cầm khẩu súng lên ngắm, khẩu súng rất vừa tay, mới lắm, còn thơm mùi vécni, mùi dầu. Ông Bàng nhờ một hãng buôn người Pháp nhập súng về cùng với nhiều hộp đạn. Đây là khẩu Uynséttơ đòluých 290 khẩu độ 22 (Winchester Deluxe calip 22) một loại súng săn danh tiếng thế giới. Hiện tại trong nhà ông đã có khẩu Braoning ôtômatíclốt (Browning automaticload) của Bỉ, với khẩu Brugiơ 10/22 của Mĩ và một vài khẩu súng trường quân sự cải tiến làm súng săn. Ông thuê thợ chạm trổ ngà voi, ốp vào báng súng trông rất đẹp. Thế nhưng ông vẫn thích khẩu Uynséttơ vì cái vẻ quý phái pha chút cổ điển của nó. Phòng khách nhà ông ở Sài Gòn

có đặt chiếc tủ lớn đánh vécni màu cánh kiến chạm trổ công phu, bên trong là cái giá gác súng và nhiều dụng cụ săn bắn. Ngoài ra trong những dịp chuyện trò với giới kinh doanh, ông luôn luôn đem chuyện săn bắn ra nói. Theo ông, không có thứ thể thao nào tốt bằng đi săn, nó thú vị vì vừa nguy hiểm vừa hồi hộp, nó đòi hỏi sự can đảm, sức mạnh và nhẫn nại, nó biểu lộ nam tính mạnh mẽ nhất. Săn thú được thì chuyện đi săn đàn bà đẹp thật dễ dàng !

Ông Bàng là một thương gia giàu có ở Sài Gòn. Ông có đồn điền cà phê với ngôi biệt thự làm toàn bằng gỗ tẩm dầu đen ở Buôn Ma Thuột. Ông giao nhà và đồn điền cho một người cháu họ của vợ ông, hắn tên là Quán kêu vợ ông bằng dì. Hắn là tay thợ săn chuyên nghiệp. Hắn không dùng súng săn, hắn bắn súng trận chuyên tìm hạ thú dữ với loại đạn cưa đầu.

Hồi ấy ở Sài Gòn có vài cửa hiệu bán đầy đủ dụng cụ đi săn : súng đạn, dao găm, lều bạt dùng cho những tay săn tài tử hay chuyên nghiệp. Họ bán cả giáo mác cung nỏ của người Thượng cho Tây thực dân mua về nước làm quà kỉ niệm. Có những chiếc nỏ mà cánh cung làm bằng cây chà rang lâu năm, phải là người khỏe lắm mới giương cung nổi. Người ta bán theo súng những hộp đạn săn loại 24 viên, 48 viên, vỏ đạn bằng giấy màu xanh đỏ trông đẹp như những thỏi son của quý cô. Bên trong giấy là những viên đạn chì với thứ thuốc đạn màu đen lóng lánh như mảnh vụn than đá. Mỗi khi đạn nổ chín viên chì túa ra như bầy ong dữ, con thú khó thoát. Mấy tay thợ săn chuyên nghiệp bắn xong người ta lấy vỏ giấy và phần đế dồn lại làm viên đạn khác, họ cho loại thuốc đạn quân sự màu xám tro có sức tống mạnh hơn, thay chì bằng những viên bi thép có sức công phá dữ dội, hạt nổ đã nổ rồi người ta cậy ra lấy hạt nổ đạn súng garăng thế vào. Lúc nầy viên đạn chỉ có ba hoặc bốn viên bi thép nhưng có thể hạ những con thú dữ như hổ, báo, trâu rừng.

Chiều hôm kia được điện của Quán, ông Bàng và vợ là Phượng đáp máy bay lên Buôn Ma Thuột. Quán lái xe đến phi trường Phụng Dực đón. Sáng hôm nay họ chuẩn bị cuộc đi săn nhiều ngày trong rừng. Ông Bàng đứng ở nhà trên soi mình vào tấm gương lớn ngạo nghễ nhìn bóng dáng oai vệ phì nộn khỏe mạnh, dấu hiệu của một người đàn ông giàu

có và thành đạt. Ông thấy mình giống như Tây thuộc địa, mặc bộ kaki vàng, đầu đội nón cối bằng lie (điền điển) có gắn chiếc pha đèn săn, chân đi đôi ủng da cao cổ thắt dây dù, bụng thắt nịt da to bản, quanh nịt có chỗ giắt đạn, có bao da giắt con dao găm cán bằng ngà voi chạm trổ công phu, thêm một cái bi đông đựng nước. Vai ông khoác khẩu súng săn đặt trong cái bao bằng da bò non thuộc còn để lông trông vừa man dã vừa mĩ thuật. Cả người ông toát lên mùi da thuộc và mỗi bước đi đều phát ra tiếng kêu kin kít. Ông Bàng chỉ còn đợi lão I Đi đánh bóng cái xắc cốt nữa là lên đường.

I Đi, một lão già không biết cả tuổi mình, lão thuộc dân tộc Ê Đê, dân tộc đông người nhất ở Tây Nguyên. Lão I Đi ngồi trong xó nhà cạnh con chó béc giê đánh bóng túi da cho chủ. Ông Bàng dặn : "Xiarê (đánh sáp) nhanh lên nhưng không được làm ẩu, đánh thế nào mặt da bóng lên như gương mới được". Lão I Đi có thời sống với Tây đồn điền lão nói tiếng Pháp sành hơn tiếng Kinh. Trước nữa thì lão là tay săn tài ba của buôn làng. Nhờ lão mà thú dữ chẳng dám về làng bắt gia súc, bắt người. Lão thông thuộc mọi con đường rừng kể cả tánh tình của từng loại thú. Giờ đây lão già rồi lại tật nguyền, bàn tay bên phải còn bốn ngón. Ngón tay bóp cò đã bị chặt đứt tiện sát gốc.

Từ khi người chủ đồn điền về Pháp, lão xin tới ở giữ nhà cho ông Bàng và để cho người quản gia tên là Quán sai vặt. Mấy năm gần đây da lão ngày càng sần sùi. Người Thượng hay bị bệnh lác. Lúc đầu lão cũng tưởng mình bị bệnh này. Hóa ra không phải, mấy năm sau xương sụn trong sống mũi lão sụp dần. Người ta nói lão bị "cam ăn", chắc là hít phải mùi hoa phấn bướm hay nấm độc ở trong rừng. Họ bày lão lấy lá cà dược (Belladone) phơi héo quấn làm thuốc lá hút vào phì ra bằng mũi. Khói độc làm cho lão ngây ngất giống như người say sóng. Bệnh chẳng đỡ, xương mũi lão sụp hẳn. Mặt lão biến thành dị dạng. Ngón tay ngón chân của lão bắt đầu mất cảm giác, tê buốt, không thể duỗi ra được, hai vành tai nhỏ dần cong queo như tai chuột. Đúng là bệnh phong hủi. Lá cà dược gây ảo giác. Đêm lại, nằm xuống nhắm mắt lão thấy ma núi lôi lão vào rừng chặt hết mấy ngón chân tay. Lão quay về buôn hỏi già làng. Già làng nhìn mặt lão nói : "Con ma nó ăn thịt người, nó gặm mũi, gặm tay chân, gặm hết thịt thì chết !". I Đi hỏi : "Con ma nó có đòi cúng không ?". Già làng nói :

– Nó không ăn thịt heo gà dê trâu bò.

– Cúng nó ché ủ rượu với chiêng đồng được không ?

– Nó không chịu đâu ?

I Đi hỏi :

– Vậy con ma núi nó thích ăn cái gì ?

– Ăn vàng !

Già làng nói tiếp :

– Mài vàng ra mà uống cho con ma nó ăn, nếu không thì chết (người ta cũng thường truyền tụng bệnh phong hủi uống vàng cầm nó lại được).

I Đi trở về buồn bã. Vàng ở đâu lấy mài cho con ma rừng nó ăn ? Thế nhưng một hôm nhân súc bồn rửa mặt lão thấy trong ống nước có cái nhẫn vàng. Lão mừng lắm, như thế là "Giàng" đã cứu lão. Lão nghĩ vàng đây là của trời cho, không cần phải giấu diếm, lão đeo chiếc nhẫn vàng vào ngón tay trỏ bàn tay phải. Chiếc nhẫn rất chật, lão cố ấn vào. Đốt ngón tay lão sau đó sưng vù. Mấy ngày sau Phượng tri hô lên việc mất vàng. Lão bị buộc tội trộm. Phượng kêu lão lên gay gắt hỏi :

– Vàng ở đâu mà lão có ?

– Của "Giàng" cho.

Phượng nói :

– Nói láo, đồ ăn trộm !

– Không, của Giàng cho thực mà, ở trong ống nước.

– Giàng cho lão vàng để làm gì ?

– Mài ra cho con ma rừng nó uống, nó tha không ăn thịt người ...

Phượng thét :

– Vớ vẩn. Lôi hắn ra đồn cảnh sát người ta đánh cho một trận nhừ tử rồi bỏ tù.

Ông Bàng dùng tiếng Pháp giảng giải cho lão nghe, nghe xong lão hỏi một cách rất ngây thơ :

– Trả lại có bị tù không ?

– Không.

Lão ngơ ngác nhìn ba người. Lão cố tháo chiếc nhẫn nhưng không được. Đốt ngón tay lão sưng vù. Lão hỏi :

– Không tháo ra được thì làm sao ?

Phượng lạnh lùng :

– Chặt ngón tay ra mà lấy !

Nghe xong, lão già không nói không rằng, ra sau bếp kê ngón tay lên đầu cọc gỗ dùng rựa chặt phăng ! Lão lượm chiếc nhẫn vấy máu đem đưa bà chủ. Từ đó ngón tay bóp cò của lão không còn nữa. Con hổ bị chặt móng vuốt rồi, lão trở thành con chó già bệnh hoạn tàn phế sống lẩn quẩn trong nhà nhờ cơm thừa canh cặn.

Quán đứng trong ga ra cưa đầu mấy viên đạn súng garăng. Hắn dùng êtô kẹp từng viên đạn. Cầm cưa sắt cưa bỏ mũi nhọn. Garăng là một loại súng trường cũ kĩ có từ thời thế chiến thứ nhất. Súng này trang bị cho bọn lính lê dương. Khẩu súng rất dài và nặng. Đạn của nó mỗi băng chỉ có bốn viên, đầu đạn bằng thép bọc đồng. Nếu cưa bỏ đầu, viên đạn không bay xa nhưng lại có sức công phá ghê gớm. Vết thương xương thịt vỡ ra toang hoác như cái mồm đầy máu. Bắn thú dữ phải có thứ đạn này. Nếu là con Min, một loại trâu rừng nguyên thủy rất khỏe và rất hung dữ, bắn một phát không giết được nó, tất nó sẽ giết mình.

Kích cỡ khẩu súng garăng so với người thường trông to nặng, khó bắn, song đối với Quán lại chẳng to tí nào. Thằng này dáng bộ cao lớn đẽnh dàng, màu da ngăm đen, hàm răng trắng trông chẳng khác tên lính Ma Rốc. Mấy mụ đàn bà thấy mẫu người dày dạn phong trần đầy sinh lực và đầy nam tính của hắn thì mê ngay. Hiện nay hắn là tay thợ săn chuyên nghiệp. Trước kia hắn là tên du thủ du thực, đi lính rồi trốn lính, tìm việc làm không có, cuối cùng được dì Phượng cho về làm quản gia coi nhà và đồn điền cho ông Bàng ở Buôn Ma Thuột. Hắn với Phượng cùng một tuổi, có bà con xa. Dì Phượng và mẹ hắn chị em ra sao hắn không biết mà dì cũng chẳng rõ lắm. Trước mặt mọi người họ vẫn kêu nhau bằng dì cháu. Hồi nhỏ hai người ở chung một nhà. Hai đứa bé sống cạnh nhau chơi giỡn với nhau như hai đứa con trai, như hai con vật nhỏ. Dần dần lớn lên chúng nó vẫn chơi đùa như thế trong nhà, chẳng ai quan tâm ngăn cản trò đùa nguy hiểm này. Cho đến tuổi dậy thì, có sự đòi hỏi thì cũng có những cuộc thí nghiệm đầu tiên, chúng

nó tự khám phá rồi dấn sâu mãi vào. Cho đến khi dì Phượng lấy ông Bàng cả hai vẫn tiếp tục đi lại với nhau. Quán muốn gặp Phượng cứ kiếm cớ gì đó điện cho ông Bàng lên đồn điền. Ông nầy đi săn đều có Phượng theo. Những chuyến săn ngủ lại trong rừng hàng tuần lễ, hai người tìm cách ân ái với nhau trong rừng già. Những chỗ đó thì đừng hòng tìm thấy họ. Những cuộc chung đụng giữa thiên nhiên hoang dã kiểu thú rừng nầy có sức thu hút mãnh liệt hai con người tràn trề sinh lực.

Phượng từ phòng tắm trần truồng khoác hờ cái khăn tắm màu hồng bước ra. Buổi mai Buôn Ma Thuột lạnh lắm phải tắm nước nóng, người nàng hơi nước bốc lên mờ mờ. Phượng ngồi trước bàn phấn nhìn bóng mình trong gương, buồn. Buồn nhất là chiếc cằm thanh thú chẽ đôi ngày trước nay thịt đã dầy lên, cổ xuất hiện thêm cái ngấn thịt thứ hai làm cho cổ trông như ngắn hơn. Gò má nàng cũng đầy ra và nặng nề thêm. Dưới mắt xuất hiện hai túi thịt làm cho cái nhìn trở nên u ám. Phượng nhủ thầm : mấy năm nay ít vận động lại ăn nhiều, béo quá, với lại cũng đã bốn mươi mốt tuổi rồi, cái tuổi đã bắt đầu rối loạn, phát phì là phải. Thôi cố gắng kéo dài cái nhan sắc với những trò vui được thêm năm nào hay năm nấy rồi tu tỉnh cũng vừa. Phượng tô kem tô phấn lên mặt một lớp thực dày. Lúc nầy trông mặt nàng chẳng khác chiếc mặt nạ trong những tuồng cổ Nhật Bản. Có tiếng chân rón rén sau lưng, không nhìn Phượng cũng biết. Hắn từ sau bịt mắt nàng hỏi :

– Đố biết ai ?

Phượng nói :

– Tay chân đầy mùi dầu mỡ đừng làm hư phấn người ta mới tô !

Hắn cúi xuống áp mặt mình vào chiếc mặt nạ Nhật Bản đó rồi mở hai bàn tay ra hỏi :

– Trông "dì cháu" có xứng đôi không ?

Phượng vùng vẫy trách yêu :

– Thằng cháu mất dạy dám làm càn, coi chừng lão, cửa đóng chưa ?

– Chưa, đóng làm gì cho lão nghi. Sương nhiều lắm, đứng nhà trên nhìn xuống đây giống như biển mây.

Phượng hỏi :

– Lão ta đâu ?

– Người hùng của dì đang sửa soạn súng ống đạn dược cho cuộc đi săn của nhà triệu phú quý tộc. Ông ta trang bị từ đầu tới chân toàn ba cái thứ vũ khí của đàn bà trẻ con.

Ngẫm nghĩ một lúc Phượng hỏi :

– Lão I Đi làm gì ? Sau lần chặt tay đó hắn có thù mình không ?

– Lâu rồi lão cũng đã quên. Người Thượng mộc mạc lắm, họ không biết oán hận dai đâu, với lại tôi đã nói tội trộm đưa vào tù người ta chặt cả bàn tay chứ không phải chỉ chặt một ngón, lão tin. Lão nói lão không ăn cắp, lão nhặt được trong ống nước lúc súc bồn rửa mặt.

– Có thể lão nói đúng. Chắc là năm đó tôi rửa tay xà phòng trơn làm cho chiếc nhẫn rơi ra. Tội nghiệp, nhưng thôi đã lỡ rồi ...

Quán cúi xuống :

– Cho "thơm" một cái rồi chuồn ngay.

Hắn hít mùi phấn hương trên cặp má đầy chất kem nhờn. Hắn hất nhẹ, chiếc khăn lông màu hồng phấn rơi ra để lộ một thân thể đầy đà, bụng dưới tròn trịa mỡ màng, toàn thân nàng mát rợi.

Phượng thét :

– Đừng làm ẩu, vào trong rừng hãy hay, ra mau !

Hắn đi ra, Phượng kêu giật lại :

– Vào rừng dụ cho lão đi thật xa, làm gì thì làm.

Quán lên nhà trên, cười thầm, một ý nghĩ nham hiểm chợt bùng lên : lần này cho lão ta cơ hội thử khẩu súng săn mới mua với hung thần của rừng già. Khẩu Uynséttơ thứ đồ chơi của đàn bà trẻ con nầy mà gặp phải con Min, con trâu rừng nặng cả tấn, đang bị thương, hung dữ đã giết biết bao nhiêu tay thợ săn lành nghề rồi, kể như lão ta nộp mạng cho nó. Mấy tháng nay con trâu rừng nầy là nỗi kinh hoàng của dân thợ săn. Chắc nó vẫn còn trú ngụ ở chỗ ấy.

Quán đi ra ngoài rồi Phượng đứng lên nhìn vóc dáng mình trong gương, nghĩ : hơi có nặng nề, nhưng còn đẹp chán ! Nàng mặc quần tây đi rừng, khoác cái sơmi màu đỏ rực như tiết gà, xỏ chân vào đôi ủng, xô cửa trở ra.

Bốn người lên xe. Quán lái, ông Bàng ngồi ghế trước, I Đi và Phượng ngồi băng sau. Mới sáu giờ, thành phố đầy mây. Buôn Ma Thuột vào những năm đầu thập kỉ sáu mươi, thành phố còn nhỏ lắm, dân cư thưa thớt, đầy nét hoang sơ, rừng già áp sát thành phố. Giữa phố phường và rừng già nhiệt đới chẳng có ranh giới rõ ràng gì cả. Có nhiều con đường mà bên nầy là phố xá đông đúc, bên kia là rừng già với tất cả cái vẻ hoang vu, cổ thụ tầng tầng lớp lớp, dây leo quấn quanh chằng chịt như những con trăn mốc. Thực là một thành phố đúng tên gọi phố núi. Ra khỏi phố trời sáng nhờ nhờ. Lạnh lắm, mặt trời lên hay chưa chẳng ai biết, sương đục như nước vo gạo. Sương mờ mịt đến nỗi ngồi trên xe Landrover, một loại xe chuyên đi rừng, nhìn xuống đất không thấy mặt đường. Xe chạy như bay trong mây. Quán mở đèn pha thực sáng, ánh đèn chỉ xé được màn sương vài mét rồi sương mù đặc quánh nuốt mất ánh sáng. Quán nói :

– Không thấy gì cả. Không biết con đường nằm đâu, làm sao đi ? I Đi xuống xe cầm đèn pin đi trước dò đường cho tao !

I Đi xuống xe, bóng lão mờ mờ như ma quái. Lão bước trong sương cầm đèn dốc về sau, ánh sáng vàng vọt như ma trơi. Nhưng tới đây thời tiết lạ lùng của phố núi một lần nữa làm ra sự lạ trong chớp mắt. Gió rừng bỗng nhiên nổi dậy ào ào xô tan mây mù, lúc đầu đùa chúng xuống những thung lũng rồi thổi tan biến đi đâu mất. Mặt trời đột ngột chói lòa. Một cánh rừng hoa hướng dương dại bạt ngàn sáng bừng lên màu vàng tươi thắm trong sắc nắng ngọt lịm. Rừng hướng dương dại hay có người còn gọi là dã quỳ mênh mông. Đang lái xe trên con đường đất đỏ Quán bẻ quặt tay lái. Chiếc xe càn lên những bụi dã quỳ, xe mở ra một lối làm cho cây ngã rạp hai bên. Quán hỏi :

– Dượng thích săn gì tôi đưa đến ?

– Săn nai. Tôi có hứa với mấy người bạn đem gạc nai về cho họ nấu cao ban long.

Quán cười thầm về hình ảnh cặp sừng. Hắn quay lại sau bắt gặp cái cười của Phượng cũng in hệt hắn. Quán nói :

– Được rồi, chúng ta sẽ tới đầm lầy cắm trại ven hồ. Mấy người Thượng có cho tôi biết nửa khuya, lúc gần sáng có nai, chà to như con

bò, cặp sừng giương lên như cả bụi cây nứt ra tới bảy nhánh thường đến đấy uống nước. Dượng có cơ hội để thử súng.

Ông Bàng nói :

– Yên chí, loại nầy không nổ chứ nổ thì có thịt !

Quán là tay chuyên nghiệp, hắn rất sành địa thế vùng nầy. Đang lái xe trong rừng bạt ngàn hắn vẫn tìm ra cái đầm lầy khổng lồ, một nơi đất trũng, chung quanh đồi tranh bao bọc. Mùa mưa nơi đây đầy nước, vịt trời, chim nước rất nhiều. Mùa nắng hồ cạn, giữa hồ còn đọng lại vài vũng nước là nơi thú rừng tìm đến giải khát và đầm mình. Cây cối chung quanh đầm lúc nào cũng xanh tươi. Cỏ trên mấy ngọn đồi quanh đấy chỉ mọc tốt trong mùa mưa, qua mùa nắng kéo dài tới sáu tháng không một giọt nước, tất cả đều héo hon. Một mồi lửa cũng có thể biến ngọn đồi thành biển lửa. Quán hiểu được vì sao trên những ngọn đồi thoai thoải ở cao nguyên chỉ có cỏ tranh, ngoài ra không một loài cây nào mọc được. Thiên nhiên khắc nghiệt đào thải tất cả chỉ chừa lại loài cỏ tranh. Trong nửa năm khô hạn chúng sống tiềm sinh, chỉ có bộ rễ còn chứa mầm sống. Ngọn lửa mùa hạ đốt cháy phần lá để lại lớp tro tàn là chất phân bón hảo hạng và khi mùa mưa tới đánh thức mầm sống dậy, đọt tranh trồi lên như những mũi kim nhọn. Nơi đây quyến rũ loài hươu nai, chúng nó ăn mầm tranh mới nhú và liếm chất tro có vị mặn, xong xuống hồ uống nước. Có khi chúng rủ nhau lội cả bầy sang bên kia hồ. Chỗ này thu hút những loài thú ăn thịt. Nơi đây là chỗ săn bắn lí tưởng. Thời đó ít ai bắn nai. Thịt nai nhiều lắm, bán như cho cũng chẳng ai mua, họ chỉ mua để làm nai khô đem nơi khác bán. Người ta bắn nai chỉ cốt lấy sừng nấu cao.

Riêng bầy trâu rừng không ở đây. Vùng cư trú chính của chúng là Đức Lập nằm sát biên giới Việt Miên. Huyện Đức Lập là một khu rừng mưa nguyên sinh tiêu biểu nhất cho rừng nhiệt đới. Nơi đây có lẽ là địa phương lạnh lẽo nhất nước, nơi cư trú của loài Min. Người mình, người Thượng ít ai dám bắn chúng, chỉ có vài nhà săn người Pháp, nhưng đã có người bỏ mạng.

Quán không hiểu sao con Min hung dữ nầy lại bỏ Đức Lập xuống Buôn Ma Thuột. Đây là một hiện tượng lạ của núi rừng, hoặc nó bị thương, bị bệnh và bị bầy đàn xua đuổi hay là đi tìm kẻ thù gây thương

tích cho mình. Những con thú kiểu này cực kì hung dữ và nguy hiểm. Hắn đã chuẩn bị hơn mười viên đạn thép cưa đầu để phòng thân. Nhưng viên đạn nguy hiểm đầu tiên hắn dành cho ông Bàng với khẩu súng sang trọng của ông ta.

Họ dừng xe hạ trại. Tây Nguyên có một thứ thời tiết rất lạ. Đêm nào trời rét, sáng dậy mây mù nhiều thì ngày hôm đó lại nắng gay gắt. Nắng và rét xen kẽ nhau cộng với thứ gió khô làm cho da dẻ đàn bà trẻ con lúc đầu hồng lên sau thì rạn ra nứt nẻ cả. Đi chuyến nầy họ mang theo nhiều đồ hộp, gạo thịt chuẩn bị cho một mùa săn lâu dài. Trong khi ông Bàng lo xem xét vũ khí, lão I Đi lo cơm nước thì Quán nói vào rừng tìm vết chân thú, kì thực hắn và Phượng hẹn hò nhau. Ở trong rừng đừng hòng tìm ra họ. Họ yêu nhau trên thảm lá mục, trong bụi rậm mạnh bạo hoang rợ chẳng khác gì dã thú.

Quán hiểu rất rõ tập tính của từng loại thú rừng. Hắn biết loài Min chỉ xuống hồ đầm mình vào lúc gần sáng khi mặt trời chưa lên, lúc nầy con vật cảm thấy an toàn nhất. Nó cần chuẩn bị cho toàn thân một lớp bùn dầy để ngày hôm sau chống lại lũ côn trùng. Hắn phân công và dành cơ hội nguy hiểm chết người cho ông Bàng. Quán nói :

– Tôi thức canh từ đầu hôm tới nửa đêm, dượng từ nửa đêm về sáng.

Ông Bàng đồng ý. Hắn ôm súng ra cạnh bờ hồ. Đêm xuống, không khí ướt đẫm lạnh dần, muỗi rừng vo ve, hắn có sẵn thuốc thoa vào người chống muỗi. Hắn chợt nghĩ mọi thằng đàn ông, lão Bàng hay bất cứ thằng nào, hễ rơi vào khung cảnh lạ, nhất là những đêm trong rừng như thế nầy thế nào cũng nổi cơn thèm đàn bà. Sẵn có vợ lão đó thì giờ nầy thế nào cũng xảy ra chuyện ái ân. Thế nào lão Bàng cũng tống cổ I Đi ra rừng ngủ. Tưởng tượng tới cảnh đó Quán phát điên. Sau hắn lại tự trách : Tại sao trưa qua mình không dặn Phượng trước, đàn bà chúng có trăm phương nghìn kế để thoái thác khi họ không thích. Song, hắn lại tự cười mình. Mình là thứ trộm cắp làm sao cấm chủ nhà dùng đồ đạc của nó ?

Nai, heo rừng, chồn cáo và rất nhiều con vật khác xuống hồ kiếm nước, có con chịu nhìn đèn, một số Quán đã nhận ra, một số không biết vì mỗi loài thú đều có cặp mắt ánh lên sắc màu khác nhau trong ánh

đèn săn. Quán không nổ một phát súng nào. Hắn sợ tiếng súng xua đuổi con Min. Hắn xem mặt đồng hồ dạ quang, đã ba giờ sáng. Hắn cắp súng trở về. Hắn vén mép lều lên thấy hai thân thể trần truồng quấn lấy nhau, hắn thấy mình nghĩ không sai. Hắn lui ra đánh tiếng :

– Ba giờ rồi, tới phiên dượng.

Ông Bàng hỏi :

– Có con gì không ?

– Không, xui quá, chẳng có con gì. Tới phiên dượng chắc là có, vì ông bà ta có nói : "Nhứt chạng vạng, nhì rạng đông" là giờ thú rừng hoạt động mạnh nhất. Sắp sáng rồi chúng thường tìm nước uống thật no dành cho một ngày hoạt động. Thôi tôi ra ngủ rừng đây, dượng nhớ gặp con gì cũng bắn để ngày mai còn có thịt tươi. Quán giả vờ ôm chăn gối ra rừng. Khi trông thấy ánh đèn săn của ông Bàng đã khuất xa hắn trở vào lều. Hắn tung chăn thấy Phượng vẫn còn trần truồng, người nàng rất ấm, hắn ghì lấy hôn tới tấp. Phượng la : "Mạnh quá làm người ta đau !". Hắn rít : "Đồ chó cái, bao nhiêu cũng không đủ, chiều nay no rồi tưởng thôi, tại sao lại còn chịu cho lão ? ". Phượng nói : "Làm sao từ chối được, từ chối lão nghi." Quán thấy ăn nằm với người đàn bà vừa trải qua cuộc yêu đương với thằng đàn ông khác lại có cái gì vừa nhờm tởm, vừa quyến rũ.

Gần sáng sương mù như rây bột xuống khu rừng mặt hồ. Sương mù càng lúc càng dày. Lão Bàng ngồi một lúc thấy lạnh và thèm thuốc nhưng không dám hút sợ khói thuốc xua đuổi thú rừng. Lão nghe có tiếng chân thình thịch, một thứ âm thanh rất nặng nề, rồi tiếng ọc ạch bàn chân cắm vào bùn, kế đó là tiếng bì bõm, lão biết con thú đã lội tới nước. Lão bật đèn săn đưa ánh sáng lướt qua lại trên hồ, căng mắt ra nhìn, mặt hồ mờ sương như một nồi nước sôi bốc khói. Lão nghe tiếng con vật thở phì phò giống mấy con trâu tắm trong ao làng. Lão tập trung ánh sáng vào chỗ ấy chỉ thấy một vùng sương xao động. Thấp thoáng có mảng đen bóng hiện ra rồi mất đi, tiếng con vật khịt mũi thở phì phò. Ông Bàng hướng mũi súng vào nơi đó, nghĩ : Con gì thì con cũng bắn. Ai lại thức cả đêm chẳng lẽ trở về tay không ? Với khẩu Uynséttơ nầy thì con gì mà không nạp mạng. Trong một tích tắc lão thấy cặp sừng bóng loáng thoáng qua, lão bóp cò.

Trong sương lạnh, không khí đậm đặc hơn, tiếng nổ cũng đậm và nó như bị nén chặt lại vỡ tung xé màn đêm. Sau tiếng nổ có tiếng nước xao động. Một âm thanh gì đó giống như tiếng hộc, tiếng con thú ngã xuống một cách nặng nề. Rồi tất cả yên lặng. Lão nghĩ, chết rồi, ngày mai dùng dây lôi lên. Thôi trở về ngủ thêm giấc nữa.

Quán và Phượng nghe tiếng nổ. Mỗi người nghĩ một cách. Quán nghĩ chỉ có một phát chắc chắn không giết được con thú, may ra nó không bị thương và đã bỏ chạy, còn rủi làm cho nó bị thương thì thế nào nó cũng đã trừng trị kẻ thù. Giờ nầy lão có thể đã trở thành đống thịt nát nhừ. Phượng lo sợ ông Bàng sắp về, nàng hối : "Thôi đủ rồi, cuốn gói ra ngoài nhanh lên đi, lão sắp về ..." Vài phút sau Phượng rủ : "Anh với tôi ra xem đi ?". Quán nói : "Không được, chưa biết sự thể ra sao, nguy hiểm lắm, đợi sáng". Có ánh đèn săn lấp lóa. Quán thất vọng, hóa ra lão ta còn sống. Ông Bàng mừng rỡ khoe : "Hạ rồi, nhưng không biết là con gì, chắc to lắm, trời sáng sai lão I Đi lội xuống nước dòng dây lôi vào. Thôi gần sáng rồi thức lão dậy nấu nước pha cà phê."

Lúc nầy sáu giờ sáng, trời đầy sương, người đứng cách nhau ba bốn mét không thấy, tất cả núi rừng nhờ nhờ, một màn sữa đục lạnh lẽo. Trong rừng có thứ sương lạ, màu nó phớt xanh và hình như nặng hơn nên chìm xuống đất quấn quít trong từng bụi cây. Người đi rừng gọi là hơi đá. Hơi đá lạnh lẽo rờn xanh có mùi ngai ngái lá mục và mùi khó chịu của loài nấm chó. Người ta nói sơn lam chướng khí là thứ nầy đây.

Lão I Đi nhóm lửa, lão chợt dừng tay nghe ngóng. Lỗ tai người rừng của lão thính hơn, lão nghe thấy tiếng động bất thường, cả phút sau ba con người thành thị mới kịp nhận ra tiếng chân nện thình thịch trên mặt đất. Gió rừng nổi lên và sương bắt đầu tan. Quán chạy vào lều lấy súng lên đạn lách cách, hối :

– Dậy, nhanh lên, cầm lấy vũ khí !

– Chuyện gì ?

– Không phải nai, đượng bắn nhầm con Min, hung thần của núi rừng, nó đang tìm tới đây. Gió đã thổi sương tan, chắc chắn thế nào nó cũng tìm ra chúng mình.

Ông Bàng :

– Sợ gì, nó không chết cũng bị trọng thương.

Bây giờ Quán mới nói thật :

– Đạn chì không giết được nó đâu. Phải bắn vỡ xương sọ của nó bằng đạn thép cưa đầu. Mấy hòn đạn chì của dượng chạm vào cái sọ cứng như đá của con Min giống như đất sét nhồi nhão ném vào đá.

Ông Bàng vẫn nói giọng cả tin :

– Cứ để nó đó cho tôi, lên xe hết đi.

Quán nghĩ, à lão nầy tới số. Quán thét bảo I Đi dập tắt lửa, sợ con thú theo mùi khói. Quán lên xe, Phượng và I Đi theo, bỏ lại tất cả đồ đạc. Ông Bàng không chịu lên xe. Ông cầm khẩu Uynséttơ tựa lưng vào thân cây dạng hai chân hướng mũi súng tới trước, tư thế người hùng, ra lệnh : "Các người có sợ cứ lái xe chạy nhanh đi !". Xe chưa kịp chạy thì con thú xuất hiện. Trong sương mờ con Min hiện ra như một ác quỷ. Người nó bám đầy bùn đất rong rêu, máu và nước chảy ròng ròng. Con vật to kinh khủng, nó hiện ra bất ngờ như bóng ma. Đuôi nó dựng ngược, đầu ngước lên đánh hơi, nó đã thấy kẻ thù. Loài thú rừng có một tập tính, một nghi lễ thiêng liêng man dã trước cuộc chiến đấu sinh tử lần cuối, nó cúi mình, chân trước cào đất văng tung tóe ra sau uy hiếp kẻ thù. Ông Bàng nâng súng lên nhắm. Quán hét : "Bắn nhanh rồi chuồn !". Ông Bàng bóp cò. Mấy viên đạn chì chỉ làm cho con Min rùng mình lùi lại một bước rồi lao tới. Ông Bàng quăng súng bỏ chạy, nhờ sương mù, con trâu mất dấu. Nó quay lại chiếc xe. Quán sợ hãi cuống cuồng cho xe nổ máy nhưng vẫn không vào số được. Chiếc xe không chịu nhúc nhích. Con Min lao tới, sức mạnh khủng khiếp như tảng đá lăn xuống dốc hất tung chiếc xe, cả ba văng ra ngoài. Quán nhanh chân phóng vào rừng. Hai người hùng trong giây phút nguy ngập đã bỏ trốn cả ; Phượng lồm cồm bò dậy. Cái áo sơmi màu đỏ chói của nàng giờ đây như hút lấy cặp mắt con thú. Con Min đã khuỵu hai chân trước, vẫn cố lấy tàn lực cố đứng lên. Lão I Đi kịp vớ lấy khẩu súng garăng, không chậm một giây lão nhào tới đứng che chắn cho Phượng. Lão run rẩy khó khăn lắm mới cho ngón tay giữa vào cò súng, đúng lúc đó cặp sừng nhọn

hoắt xô tới cùng với tiếng nổ nghẹn lại vì bắn như kề vào sát sọ con thú. Cái khối thịt đen đầy bùn đất bị viên đạn thép cưa đầu tống lui, chặn đứng, nhận chìm nó xuống. Con thú quỳ hai chân trước giống như phủ phục trước vị sơn thần. Đầu nó vỡ toang, xương sọ văng nhiều mảnh, óc trộn máu thành một thứ giống như bã đậu trộn với nước xốt cà chua văng đầy áo sơmi màu đỏ của Phượng. Nếu ngón tay bóp cò không bị chặt đứt có thể lão I Đi đã hạ con thú trước đó vài mét rồi ...

Mặt trời lại mọc, gió rừng thức dậy xua tan sương mù, trời sáng rỡ ràng. Lão I Đi bị xô ngã văng xa nằm sõng soài trên thảm lá khô. Cả ba người kéo lại. Quán quỳ xuống nghe tiếng tim lão và tiếng thở réo sôi trong lồng ngực. Quán mở nút áo, trước ngực lão một lỗ sâu hoắm, từ trong trào ra từng đợt từng đợt một thứ không hẳn là máu, nó giống như bọt xà phòng màu hồng vương những dây máu. Người ta biết sừng con Min đâm thủng phổi lão, máu trộn với không khí thành bọt tuôn trào từng đợt theo nhịp thở. Lão muốn nói điều gì đó nhưng không mở miệng được. Lão còn sống. Lão sống và thở phòi phọp không phải bằng mũi mà bằng cái lỗ trong ngực. Người ta đỡ lão lên xe. Khi xe chạy tới trước cửa phòng cấp cứu bệnh viện tỉnh thì chất bọt ngưng trào. Lão chết.

Hôm đem lão đi chôn không hiểu nghe tin từ đâu già làng đã tới. Già làng tóc tai bạc phơ, ốm nhom, ở trần, đóng khố, da lưng mốc thếch nhăn nheo như da voi. Già làng ngồi xuống cạnh huyệt, móc trong người ra một khúc gỗ cà te nhỏ dẽo theo hình ngón tay rất giống. Ngón tay gỗ có ba đốt và cả móng. Già làng nói :

– Thằng I Đi nó không biết cầm cái rựa đốn cây phát rẫy, không biết chọc lỗ gieo hạt. Nó không biết xuống khe bắt cá, lên rừng hái trái, tuốt lúa giã gạo. "Giàng" sinh ra hắn để hắn lên rừng bắn con beo con cọp hung dữ xuống làng bắt trâu dê, bắt cả người. "Giàng" cho hắn cái ngón tay bóp cò, bây giờ mất rồi hắn xuống dưới đất lấy gì mà sống ? Lão cúng cho hắn cái ngón tay nầy ...

Mấy người chuyền nhau xem ngón tay bóp cò bằng gỗ, ai cũng trầm trồ khen ngợi. Người ta trao ngón tay cho Phượng. Nàng run rẩy cầm lấy và lặng lẽ tháo chiếc nhẫn vàng đeo vào ngón tay gỗ ném xuống huyệt cùng với những nắm đất dần dần lấp đầy.

Lời bình

Cứ như cách kể trong truyện thì người viết phải là kẻ am tường và sành điệu trong cái nghề đi săn lắm ! Chọn lối tả kĩ, tả chậm và biết cài những chi tiết gây sự hồi hộp, Quý Thể hút người đọc vào mạch truyện, khiến độc giả có cảm giác mình cũng được tham dự vào ... mùa săn ! Mảnh đất Buôn Ma Thuột với những khu rừng bí ẩn hiện lên đẹp, hoang dã khiến ta phải nổi máu phiêu du ...

Ông Bàng là một triệu phú. Ông đi săn theo lối quý tộc xưa : súng đẹp, quần đẹp, ủng bông lộn ... Mà đã đi săn, nhất thiết phải có đàn bà, nếu không, cuộc săn sẽ trở nên nhạt nhẽo, vô vị. Săn thú quả là một ngón tiêu khiển ngấm sâu vào máu ông thương gia này. Nó là dịp để ông được hưởng cảm giác mạnh, và được ngắm chính bản thân mình. Săn thú được thì tất nhiên săn đàn bà đẹp chỉ còn là chuyện dễ như trở bàn tay. A ha, thì ra ông là đồ đệ của chủ nghĩa khoái lạc. Nhưng ông đâu biết, có hai kẻ láu lỉnh đang tìm cách "qua mặt" ông để chơi trò mèo chuột. Đó là cặp dì cháu Phượng - Quán. Dựng lên một cuộc tình tay ba nhưng không vì thế mà truyện rơi vào nhàm nhạt bởi Quý Thể đã vượt qua được lối "dấm ớt" của "văn chương thị trường". Phượng và Quán quả là "đôi lứa xứng đôi" : một người đàn bà ngoài tứ tuần đang cố hết sức kéo dài cuộc chơi, còn bên kia, một gã du thủ du thực đang bám vào đó mà "bẻ trộm" ! Phượng là kẻ nhẫn tâm đến vô cảm lạnh lùng. Vì một chiếc nhẫn, thị làm lão I Đi mất một ngón tay. Quán là kẻ độc ác. Hắn muốn dụ ông dượng quỷ hóa vào con đường chết. Thì ra, bên cạnh chuyện săn thú là những chuyện nhiêu khê khác ở đời : săn tình, săn cảm giác và kinh khủng hơn, nếu cần, họ săn ... người ! Trong đám đi săn văn minh lịch sự ấy, có ai được như I Đi ? I Đi là một thợ săn bẩm sinh. Nhờ I Đi mà thú dữ không dám xuống bản phá hoại. Nhưng thật oái oăm, sống nghề nào, chết nghề ấy. Trong lúc cứu Phượng, lão bị con Min giết chết. Cái chết của lão thực ra là cái chết đẹp hay ít hơn, nó giúp lão thoát khỏi cái bi kịch bệnh tật hành hạ. Lão chết như một thợ săn dũng cảm. Sự chân thực của I Đi, lòng dũng cảm không tính toán của lão đã khiến Phượng "run rẩy" ... Cái lạnh lùng của thị đã đổi vì được lão I Đi cảm hóa chăng ? Có thể lắm ...

Nguyễn Đăng Điệp

Nguyễn Huy Thiệp

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Huy Thiệp. Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1950.

Quê quán : Thôn Khương Hạ, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản : *Những ngọn gió Hua Tát* (truyện ngắn, 1989) ; *Tướng về hưu* (truyện ngắn, 1989) ; *Nguyễn Huy Thiệp - Tác phẩm và dư luận* (1990) ; *Con gái thuỷ thần* (truyện ngắn, 1992) ; *Như những ngọn gió* (tuyển tập, 1995) ; *Tuyển tập Nguyễn Huy Thiệp* (1996)...

MUỐI CỦA RỪNG

Sau Tết Nguyên đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng, vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân.

Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân dẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhố nhăng đê tiện vấp phải hằng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.

Chính dịp đó ông Diểu đi săn.

Ý nghĩ đi săn nảy sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bỗng, hệt như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. Ở tuổi sáu mươi, với khẩu súng mới, đi săn trong rừng vào một ngày xuân kể cũng đáng sống.

Ông Diểu nai nịt, mặc quần áo ấm, đội mũ lông và dận đôi giày cao cổ. Để cho cẩn thận, ông còn mang theo cả nắm xôi nếp. Ông đi

men theo suối cạn, cứ thế ngược lên *mó* nước đầu nguồn. Cách *mó* nước một dặm là vương quốc của hang động đá vôi.

Ông Diểu rẽ sang lối mòn ngoằn ngoèo đi miết. Chim xanh đầy trên rặng *gắm* hai bên lối mòn nhưng ông không bắn. Với khẩu súng này mà bắn chim xanh thì thật phí đạn. Chim xanh ông chén chán rồi. Ngon thì ngon nhưng có vị tanh. Nhà ông thiếu gì chim ? Chim bồ câu nhà ông có đầy.

Đến một chỗ ngoặt, ông Diểu giật mình bởi một tiếng *soạt* trong lùm dẻ gai. Một chùm dây màu sặc sỡ tung trước mắt ông. Ông nín thở : một đôi gà rừng ton tón lao về phía trước, đầu chúi xuống, kêu quang quác. Ông Diểu rê nòng súng theo. "Bắn sẽ trượt thôi !". Ông nghĩ bụng và ngồi bất động ở trong tư thế như vậy rất lâu. Ông muốn chờ rừng yên tĩnh lại. Đôi gà rừng sẽ nghĩ là chưa gặp người. Như thế tốt cho chúng nó. Cũng tốt cho ông.

Dãy núi đá cao ngất hùng vĩ. Ông Diểu ngắm nhìn để lượng sức mình. Nã được một chú khỉ hoặc chú sơn dương thì thật đã đời. Sơn dương thì khó, ông Diểu biết thế. Giống này bắn được chỉ nhờ ở ngẫu nhiên thôi. Ông Diểu không tin vận may sẽ đến.

Cân nhắc kĩ, ông tính đi men chân núi đá vôi sang rừng dâu da săn khỉ. Chắc ăn hơn mà đỡ tốn sức. Đây là Hoa Quả Sơn, Thuỷ Liêm Động của thung lũng này. Ở rừng dâu da khỉ có hàng bầy. Việc bắn được một chú khỉ đối với ông không khó.

Ông Diểu dừng lại mô đất có cây dây leo. Không biết thứ cây này là thứ cây gì, lá bạc phếch giống như lá nhót, những bông hoa vàng như hoa tai rủ xuống tận đất. Ông ngồi đấy lặng lẽ quan sát. Cần xem bọn khỉ có ở đây không ? Loài thú này khôn tựa người, khi kiếm ăn bao giờ cũng có canh gác. Con gác rất thính. Không thấy nó, đừng hòng cuộc săn thắng lợi, đừng có hòng bắn được con át chủ bài. Con át chủ bài cũng là khỉ thôi. Nhưng đây là con khỉ của ông, là con ấy chứ không con khác. Vì vậy ông phải chờ, phải có cách thì mới bắn được.

Ông Diểu ngồi im dễ đến nửa giờ. Mưa xuân mỏng và mịn. Thời tiết ấm. Dễ đến rất lâu ông Diểu mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì, không buồn không vui, không lo lắng, cũng không tính toán. Sự tĩnh lặng bình thản của rừng xuyên suốt qua ông.

Ào một cái, từ trong rừng dâu da bỗng như có tiếng quẫy động của một con vật khổng lồ. Ông Diểu biết là con đầu đàn đã đến. Con khỉ này cũng gớm lắm đây. Nó xuất hiện với một nghi lễ vương chủ. Tự tin đến thô bạo. Ông Diểu cũng mỉm cười và chăm chú nhìn.

Sau tiếng động vài phút thì con đầu đàn đến thật. Nó văng mình rất nhanh đến nỗi gần như không có phút nghỉ ở mỗi chặng dừng. Ông Diểu thán phục vì sự nhanh nhẹn dẻo dai của nó. Thoắt một cái, nó biến mất. Một nỗi xót xa khiến ông nhói lòng : số phận của bậc đế vương không trùng với số phận ông. Niềm vui nhen lên từ khi ở nhà ra đi trong ông vơi đi một nửa.

Khi con khỉ đầu đàn biến mất thì ào ra một đàn khỉ đến hai chục con từ rất nhiều hướng. Con vắt vẻo trên cành. Có con lại nhẩy xuống đất. Ông Diểu thấy ba con khỉ cứ quấn lấy nhau ; con khỉ đực, con khỉ cái và đứa con nó.

Ý nghĩ con khỉ đực sẽ là con mồi bám lấy ông Diểu tức thì. Cái thằng bố ô trọc ấy ! Đồ phong tình phóng đãng ! Vị gia trưởng cộc cằn ! Nhà lập pháp bẩn thỉu ! Tên bạo chúa khốn nạn !

Ông Diểu thấy nóng bừng người. Ông bỏ mũ và áo bông ra đặt dưới lùm cây. Ông để cả nắm cơm xuống đất. Ông từ từ dịch chuyển sang chỗ đất trũng thấp hơn. Ông nhìn kĩ và thấy con khỉ canh gác là con khỉ cái. Thế là thuận lợi rồi. Bởi giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm. Đấy thấy chưa ? Đang canh gác mà đi bắt rận ở người thì còn gì nữa ? Với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất. Điều ấy thật giản dị và đẹp. Nhưng điều ấy lại đầy xót xa ...

Ông Diểu tính toán rồi luồn theo hướng ngược gió với con khỉ cái canh gác. Phải tiếp cận đàn khỉ đến hai chục mét thì mới bắn được. Ông bò nhanh và rất khéo léo. Xác định được con mồi rồi là ông chắc chắn thành công. Thiên nhiên đã dành cho ông chứ không ai khác chính con khỉ ấy. Thậm chí ông biết dù ông có đi mạnh chân một chút, gây nên một sự bất cẩn nhố nhăng nào đó cũng chẳng hề gì. Điều ấy tưởng như phi lí mà thật bình thường.

Tuy nghĩ vậy nhưng mà ông Diểu vẫn cứ tiếp cận đàn khỉ một cách thận trọng. Ông biết thiên nhiên đầy rẫy bất ngờ. Thận trọng chẳng bao giờ thừa.

Ông Diểu tì súng vào một chạc cây. Cái bộ ba trong gia đình khỉ không hề biết rằng tai hoạ đến gần. Con khỉ bố vắt vẻo trên cây bứt quả ném xuống dưới đất cho hai mẹ con. Trước khi ném, bao giờ nó cũng chọn quả ngon chén trước. Hành động ấy thật là đê tiện. Ông Diểu bóp cò. Tiếng súng dữ dội đến nỗi đàn khỉ lặng đi dễ đến một phút. Con khỉ đực buông tay ngã nhào xuống đất nặng nề.

Sự hỗn loạn của cả đàn khỉ khiến cho ông Diểu sợ hãi run lên. Ông vừa làm điều ác. Chân tay ông rủn ra, giống cảm giác như người vừa mới làm xong việc nặng. Đàn khỉ thoắt biến vào rừng. Con khỉ mẹ và con khỉ con cũng chạy theo đàn. Được một đoạn, con khỉ mẹ bỗng quay trở lại. Con khỉ đực bị đạn vào vai, nó gượng dậy, nhưng lại vật xuống.

Con khỉ cái tiến đến gần con khỉ đực một cách thận trọng, nó nhìn ngó xung quanh. Sự im lặng này thật đáng ngờ. Nhưng rồi con khỉ đực cất tiếng gọi nó, tiếng gọi buồn thảm đau đớn. Nó dừng lại lắng nghe với vẻ khiếp sợ hoảng loạn.

– Chạy đi !

Ông Diểu rên lên khe khẽ. Nhưng con khỉ cái tuồng như muốn liều thí mạng, nó đến gần nâng con khỉ đực nhỏm lên.

Ông Diểu tức giận giương súng. Hành động hi sinh thân mình của con khỉ cái làm ông căm ghét. Đồ gian dối, mày chứng minh tấm lòng cao thượng hệt như một bà trưởng giả ! Sự tan rã đạo đức bắt đầu từ những tấn bi kịch thế này, lừa ông sao được ?

Khi ông Diểu chuẩn bị bóp cò thì con khỉ cái quay lại nhìn ông. Đôi mắt nó sợ hãi kinh hoàng. Nó vứt phịch con khỉ đực xuống đất rồi chạy biến đi. Ông Diểu thở phào rồi khẽ bật cười. Ông nhô hẳn người ra khỏi chỗ nấp.

– Sai lầm rồi !

Ông Diểu rủa thầm vì ông bước ra thì con khỉ cái quay lại tức thì. "Nó biết mình là người thì thôi hỏng việc !". Y như rằng, con khỉ cái vừa lén nhìn ông vừa lao đến chỗ con khỉ đực. Nó ghì lấy con khỉ đực vào lòng rất nhanh và khéo. Cả hai lăn tròn trên đất. Bây giờ thì con khỉ cái chắc chắn sẽ điên cuồng như một mụ ngốc. Nó sẽ cuồng nhiệt

hi sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát ! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng sẽ đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu ông bắn nó lúc này. Tất cả chỉ vì ra khỏi chỗ nấp sớm mất hai phút.

– Thôi Diểu ơi ... – Ông buồn bã nghĩ – Với đôi chân thấp khớp thế này thì làm sao mày chạy nhanh bằng lòng tận tuỵ, thuỷ chung của khỉ ?

Như trêu ngươi, hai con khỉ vừa chạy vừa dìu lấy nhau, con khỉ cái thỉnh thoảng lại hươ hươ đôi chân vòng kiềng trông vừa tức cười lại vừa đểu cáng. Ông Diểu bực mình lấy đà ném mạnh khẩu súng vãng về phía trước. Ông mong muốn con vật hoảng sợ buông mồi.

Từ mô đá, bỗng nhiên con khỉ con xuất hiện. Nó túm lấy dây súng của ông kéo lê trên đất. Ba con khỉ vừa bò vừa chạy cuống cuồng. Ông Diểu ngớ ra một lát rồi phá lên cười : tình thế của ông thật là lố bịch !

Nhặt đất đá ném theo lũ khỉ, ông Diểu vừa đuổi vừa la. Lũ khỉ hết sức kinh hoàng, hai con chạy về phía núi, còn con khỉ nhỏ chạy về phía vực. "Mất súng thì hỏng !". Ông Diểu nghĩ thế và đuổi theo con khỉ nhỏ. Khoảng cách rút ngắn đến mức nếu không vì mắc nền đá lởm chởm, ông lao nhoài ra là tóm ngay được khẩu súng.

Việc ông Diểu dồn con khỉ nhỏ đến bờ miệng vực đưa đến hậu quả khôn lường. Giữ chặt dây súng, nó lăn xuống miệng vực không chút chần chừ. Vì ít kinh nghiệm, nó không tìm ra giải pháp nào khác trong trường hợp ấy.

Ông Diểu tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Ông đứng trên miệng vực nhìn xuống rừng mình. Từ dưới sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ. Trong kí ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này. Ông Diểu lùi lại kinh hoàng. Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuồn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí. Sương mù len vào từng bụi cây và xoá rất nhanh cảnh vật. Ông Diểu chạy lùi trở lại. Phải lâu lắm, có lẽ từ thời thơ ấu, ông Diểu mới lại có lần chạy như ma đuổi thế này.

Đến chân núi đá, ông Diểu kiệt sức. Ông ngồi phệt xuống nhìn về phía vực. Bây giờ sương mù đã trùm kín nó. Ông sực nhớ ra đây là khu vực đáng sợ nhất trong thung lũng, khu vực mà cánh thợ săn đặt tên cho là Hõm Chết. Ở hõm sâu này, gần như đều đặn, năm nào cũng có người bị sương mù giăng bẫy làm cho toi mạng.

– "Hay là ma ? – Ông Diểu nghĩ – Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng ?"

Con khỉ này màu trắng. Nó đoạt súng của ông bất thường đến nỗi ông cũng ngờ vực là sao sự thực có thể giản đơn như vậy ?

– "Ta có mê không ? – Ông Diểu nhìn quanh – Tất cả như trong mộng mị ?" – Ông đứng dậy nhìn lên vách núi bàng hoàng. Phía núi đá ngược chiều Hõm Chết, bầu trời quang đãng không hề vướng gợn sương mù, tất cả cảnh vật lộ rõ từng đường nét.

Có tiếng kêu thảng thốt. Ông Diểu trông lên thì bỗng thấy con khỉ đực bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá. Không thấy con khỉ cái. Ông mừng quá tìm hướng leo lên.

Núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm. Ông Diểu lượng sức : "Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày !". Ông Diểu bình tĩnh bám vào các khe đá nứt leo lên.

Được khoảng chục mét, ông Diểu thấy nóng bừng người. Lựa chỗ đứng thuận tiện, ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài để lên một chạc cây duối. Trên mình mỗi chiếc quần lót, ông thấy thoải mái. Ông leo thoăn thoắt và càng không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế.

Con khỉ đực bị thương nằm trên ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh. Dưới phiến đá, một khe nứt rộng đến gang tay tách nó ra khỏi vách núi. Ông Diểu rùng mình, cảm tưởng như bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lăn nhoài khỏi vị trí ấy làm ông kinh hãi. Thiên nhiên oái oăm lại muốn thử thách thêm lòng dũng cảm của ông sao đó.

Ông Diểu lấy hai cùi tay làm tựa để co người lên. Con khỉ tuyệt đẹp, lông mịn và vàng. Nó nằm sấp mình, hai tay cào trên phiến đá như muốn tìm cách nhích lên. Máu đỏ bết bên vai nó.

Ông Diểu đặt tay lên mình con khỉ và thấy nó nóng hầm hập. "Dễ đến hơn yến ...". Ông Diểu luồn tay xuống dưới ngực con khỉ nâng lên ước lượng. Từ trong ngực nó phát ra tiếng "hừm" nho nhỏ nghe rất đáng sợ, tựa như thần Chết bực mình cáu kỉnh vì sự can thiệp của ông với nó. Ông Diểu rút phắt tay lại. Con khỉ run bắn, nó đưa đôi mắt đờ dại nhìn ông cầu khẩn. Ông Diểu bỗng thấy thương hại. Viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trồi ra hẳn đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khỉ quằn quại trông rất đau lòng.

– "Để thế không ổn !" – Ông Diểu vơ lấy một nắm cỏ Lào vò nát. Ông cho vào miệng nhai kĩ. Ông đắp nắm lá vào miệng vết thương con khỉ. Nắm lá sẽ có tác dụng cầm máu cho nó. Con khỉ co rúm người lại và nghiêng đôi mắt ươn ướt nhìn ông. Ông Diểu tránh nhìn vào đôi mắt nó.

Một lát, con khỉ rúc hẳn vào hai lòng tay ông Diểu. Miệng nó phát ra âm thanh lắp bắp nghe như tiếng của trẻ con. Ông biết nó đang van xin và tìm một sự giúp rập. Ông rất khó chịu.

– "Thà mày chống cự thì tốt cho tao – Ông Diểu nhìn vào cái đầu ngoan ngoãn của con khỉ nhỏ cau mày – Mình đâm già rồi... Nó biết người già thì dễ mủi lòng. Bây giờ tao biết lấy gì băng bó cho mày hở khỉ ?".

Ông Diểu suy nghĩ. Ông đành cởi chiếc quần lót đang mặc. Ông dùng chiếc quần lót ấy để băng vết thương cho nó. Vết thương cầm máu, con khỉ không còn rên nữa.

Cứ thế trần truồng, ông Diểu vừa bế vừa đỡ con khỉ tìm đường tụt xuống chân núi. Thoắt nhiên, đất đá từ lưng chừng núi sụt xuống rào rào như có sức mạnh nào đẩy xô đẩy.

Núi lở !

Ông Diểu thót mình và bám thật chặt vào tảng đá, kinh hãi. Đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng phẳng lì. Ông Diểu không còn thấy cây duối để quần và giày đâu nữa. Đi xuống đường bây giờ thật nguy hiểm. Đành phải vòng ra sau núi. Xa hơn lại an toàn.

Ông Diểu lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. Thật chưa bao giờ ông lại vất vả và mệt đến thế. Người ông đầy vết xây xát. Con khỉ sống không ra sống, chết không ra chết. Kéo nó trên đất thì quá đau lòng, mà bế ẵm nó trên tay thì không đủ sức.

Đến chỗ lùm cây dây leo nấp chờ ban sáng, ông Diểu dừng lại để tìm mũ áo và nắm xôi nếp. Ở đấy đùn lên một đống mối to gần bằng cây rạ. Đống mối nhớp nhúp một thứ đất mới đỏ au, trên đấy đầy những cánh mối ướt rụi. Khốn nạn, dây vào tổ mối thì những đồ vật của ông thành cám ! Thở dài thất vọng, ông Diểu quay lại bế con khỉ lên.

– "Chẳng lẽ lại cứ nồng nồng thế này về nhà thì thật khả ố ! – Ông Diểu bực mình – Mình sẽ thành một trò cười cho thiên hạ mất ...".

Ông cứ vừa đi vừa nghĩ và đâm loanh quanh một lúc mới nhận ra con đường.

– "Thì đã sao nào ! – Ông bỗng bật cười – Hỏi ai bắn được con khỉ thế này ? Phải yến rưỡi thịt ... Lông vàng như nhuộm ... Bắn được con vật như thế này thì dẫu mảnh giáp không còn cũng đáng !".

Có tiếng động khẽ đằng sau. Ông Diểu giật mình quay lại và nhận ra con khỉ cái. Thấy ông, nó thoắt biến vào bụi rậm. Hoá ra con khỉ cái theo ông từ khi ông ở trên núi mà ông không biết. Ông thấy là lạ. Đi được một quãng, ông Diểu quay lại thì vẫn thấy nó lẽo đẽo đằng sau. Thật khốn nạn quá ! Ông Diểu đặt con khỉ đực xuống đất rồi nhặt đất đá đuổi con khỉ cái. Nó kêu the thé rồi chạy biến đi. Chỉ được một lúc, ông Diểu ngó lại thì vẫn thấy nó lẵng nhẵng bám theo.

Cái bộ ba ấy cứ thế lầm lũi xuyên rừng. Con khỉ cái cũng thật kiên trì. Ông Diểu bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị theo dõi, bị đòi ăn vạ.

Bây giờ, cả con khỉ đực cũng đã nhận ra tín hiệu vẫy gọi của đồng loại nó. Nó cứ giãy giụa, nó làm cho ông khổ vô cùng. Ông Diểu mệt lả, ông không còn sức giữ con khỉ nữa. Hai tay con khỉ cào trên ngực ông toé máu. Cuối cùng, không thể chịu nổi, ông đành tức giận ném nó xuống đất.

Con khỉ đực nằm dài trên vạt cỏ ướt. Ông Diểu buồn bã ngồi nhìn. Cách đó không xa, con khỉ cái cũng thập thò sau một gốc cây theo dõi.

Ông Diểu thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay sống mũi. Hoá ra ở đời, trách nhiệm đè lên từng mỗi sinh vật quả thật nặng nề.

– "Thôi tao phóng sinh cho mày !" – Ông Diểu ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Lưỡng lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm.

Ông Diểu rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết. Ông Diểu dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.

Ra khỏi thung lũng, ông Diểu đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần truồng như thế, cô đơn như thế mà đi. Chỉ một lát sau, bóng ông nhoà vào màn mưa.

Chỉ ít ngày nữa sang tiết Lập hạ. Trời sẽ ấm dần lên.

Lời bình

Thoạt đọc vào truyện ở những dòng đầu, đoạn đầu, người đọc có thể sẽ băn khoăn : Hình như giữa đầu đề với nội dung câu chuyện không có gì ăn nhập vào nhau cả ?

Phải đợi đến khi đọc đến cuối truyện, người đọc mới vỡ lẽ chủ đề của truyện vì sao lại liên quan đến vị muối mặn kia.

Truyện kể về cuộc đi săn hi hữu, ngẫu hứng, chỉ trong một ngày của ông Diểu - một ông lão ở tuổi 60 mà vẫn còn tráng kiện và là một tay thiện

xạ. Tác giả cấu trúc hai xung đột lồng vào nhau, xoắn kết trong quá trình diễn biến câu chuyện cho đến lúc kết thúc :

Một mặt là xung đột giữa con người (ông Diểu) và thú rừng (đàn khỉ với bộ ba của một "gia đình" khỉ) ; mặt khác là xung đột bên trong con người ông Diểu - ông chủ định đi săn hạ sát khỉ, rồi trăn trở phán xét hành động đã làm của mình, cuối cùng phản tỉnh đi tới hành động để cứu rỗi lương tâm. Qua đó, tác giả đề cao sự hồi tâm, phục thiện của con người có lương tri khi đối diện trước vấn đề sinh tồn của vạn vật muôn loài trong môi trường cộng sinh. Sự chuyển biến về nhân tính trong suy nghĩ và hành động của ông Diểu từ chỗ ban đầu chăm chăm săn bắt, sát hại thú rừng nhằm mục đích thực dụng, vụ lợi, cá nhân, đến lúc dần dần vỡ lẽ ra nhiều điều về nhân tình thế thái, về quyền được sống của muôn loài trong sự hoà hợp, thân thiện, không làm tổn hại lẫn nhau. Sẽ phạm sai lầm tai hại, khó dung thứ, nếu con người chỉ biết khai thác, bắt thiên nhiên, môi trường phục vụ cho mình mà không biết nuôi dưỡng nó, đảm bảo sự cân bằng về sinh thái của nó.

Cuối thiên truyện, ông Diểu tuy không mang được con khỉ mà ông săn bắn được, đã cầm giữ được nó trong tay, về cho dân bản chia vui ăn mừng, ngược lại, ông đã phóng sinh nó, để nó được trở về với khỉ cái mà sống có lứa đôi. Làm xong điều đó ông tìm thấy sự thanh thản trong lòng, như trút đi một gánh nặng.

Hình ảnh những đoá hoa tử huyền - loài hoa được xem như của quý nhiều chục năm mới nở một lần - mà ông Diểu trên đường trở về nhà, trần trụi không còn một mảnh vải che thân, bắt gặp chúng bừng nở như đang chờ để chào đón ông, có ý nghĩa tượng trưng sâu sắc. Rằng "ở hiền thì gặp lành, từ nay trên đường đời ông sẽ gặp nhiều may mắn tốt lành. Đó sẽ như là một tưởng thưởng xứng đáng mà thiên nhiên, tạo vật đền đáp, ghi công và trao tặng cho ông, một con người đã biết điều hay lẽ phải lớn lao của lợi ích chung.

Truyện viết tự nhiên, nhẹ nhàng, cách kể nhiều chỗ được rọi theo điểm nhìn của nhân vật nên rất gần gũi với người đọc, lôi cuốn họ. Lại thêm những chi tiết chân thực, hóm hỉnh mang ý nghĩa triết lí nhân

sinh, thế sự, được cảm nhận qua suy ngẫm của một người từng trải, lão thực.

Nhân vật chính khi trở về với bản chất thật của mình - cả bên ngoài cũng như bên trong, đã gắng đạt tới cái thiên lương trong đó ý thức sâu sắc về bảo tồn sự sống muôn loài của các sinh thể nương tựa vào nhau, cộng sinh cùng nhau. Điều đó có thể ví như duy trì chất muối mặn mòi, đảm bảo cho sự tồn tại của cuộc sống. Đến đây thì ta thấy rõ vì sao tác giả lại đặt nhan đề thiên truyện như vậy. Dù trên người trần trụi nhưng ông Diểu không vì thế mà xấu hổ, ngại ngùng ; ông vẫn mạnh bước, tự tin trở về làng bản. Khi người ta có cái trí sáng, cái tâm thiện thì tức là người ta đã có tất cả và hoàn toàn có thể thanh thản được.

Truyện được viết chặt chẽ, lôi cuốn, khiến người đọc nhận ra bút lực văn xuôi vững vàng, có cá tính của tác giả. Truyện cũng làm ta nhớ lại một truyện vừa khác có cấu trúc nghệ thuật tương tự, đó là Ông già và biển cả *của E.Hemingway (Mĩ).*

Nguyễn Ngọc Thiện

Xuân Thiều

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Xuân Thiều. Sinh ngày 1 tháng 4 năm 1930.

Quê quán : xã Bùi Xá, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Mất ngày 4 tháng 4 năm 2007.

Tác phẩm đã xuất bản :

Đôi vai (truyện ngắn, 1961) ; *Chiến đấu trên mặt đường* (kí sự, 1968) ; *Trời xanh* (truyện ngắn, 1969) ; *Mặt trận kêu gọi* (truyện dài, 1969) ; *Thôn ven đường* (tiểu thuyết, 1972 - 1975) ; *Đi xa* (tuỳ bút, 1973) ; *Trước giờ ra trận* (thơ, 1973) ; *Khúc sông* (truyện ngắn, 1974) ; *Từ một cánh rừng* (truyện phim, 1975) ; *Bắc Hải Vân xuân 1975* (kí, 1977) ; *Khúc hát mở đầu* (truyện dài thiếu nhi, 1981 - 1996) ; *Gió từ miền cát* (truyện ngắn, 1984) ; *Người mẹ tội lỗi* (truyện ngắn, 1989) ; *Xin đừng gõ cửa* (truyện ngắn, 1994) ; *Tư Thiên* (tiểu thuyết, 2 tập, 1995) ; *Tiếng nói cảm xúc* (tiểu luận, phê bình, 1996) ; *Và nỗi nhớ* (thơ, 1998) ; *Truyện chọn lọc* (1998).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn Tạp chí Văn nghệ Quân đội (truyện ngắn *Trắng đêm*) ; Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu của Hội văn nghệ Giải phóng, 1996 (truyện *Chuyện làng Ra-pồng*) ; Giải thưởng Bộ Quốc phòng, 1990 (tập truyện *Gió từ miền cát*) ; Giải thưởng Bộ Quốc phòng, 1995 và tặng thưởng Ban Quốc phòng an ninh Hội nhà văn, 1996 (tập truyện *Xin đừng gõ cửa*) ; Tặng thưởng Hội nhà văn, 1996 (tiểu thuyết 2 tập *Tư Thiên*). Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

CHUYỆN LÀNG RA-PỒNG

Pí (1) A-luôi đi rẫy về. Một đôi chim vuông với những chiếc đuôi dài màu xanh đen lẫn màu trắng đang bay là là phía đồi trước nhà chị.

(1) *Pí* : Mẹ (tiếng Vân Kiều)

Thằng bé A-luôi ngóc cái đầu tròn như củ nâu nhìn đôi chim. Nó toét miệng cười. Chị nựng con : "Mày ăn cho hung vào, hết mười tám cái rẫy nữa thì tha hồ mà bay như chim vuông kia. Đất ông bà ta rộng lắm, dài lắm, đời pả[1] đời pí thì ngắn bước chân, đi hết rừng lại đến núi, không đến được cái sông to, cái biển lớn. Cán bộ nó bảo : lúc đó không cần voi chở cũng đi được tới các xứ đông người, nhiều của. Đã có máy bay, tàu hoả. Người Vân Kiều ta không phải mang a-chói[2] đi đào củ như pí bây giờ ... Thằng bé mới hơn một năm, chưa hiểu lời pí nói, chỉ rúc cái đầu củ nâu vào vú mẹ như con nghé con.

Đã sắp tối. Nhìn xuống làng Ra-pồng thấp thoáng có ánh lửa. Khói xanh lơ bò trên các nóc nhà. Về đến cầu thang, con Vàng chạy xuống quấn quýt hít hít vào chân chủ. Nó nhảy cẫng vòi cái ăn. Pí A-luôi bảo : "Vàng lên đi, chốc nữa tao nướng cho củ sắn".

Trên nhà, pả A-luôi đã đốt bếp ngoài. Anh đang ngồi vót mấy sợi mây, định để đan cho thằng A-luôi một cái a-chói bé xíu để chơi. Người chồng biết vợ về, nhưng không ngẩng đầu lên, tay vẫn nhẹ nhàng đưa con rựa sắc ngọt trên sợi mây.

Pí A-luôi đặt gùi vào góc nhà và đốt lửa bếp trong.

Chị bảo chồng :

– Lũ Mĩ – Diệm về dưới làng đông. Con Ra-doi gặp miềng ngoài khe, nó bảo có đến hơn bốn mươi tay súng dài.

Người chồng vẫn thản nhiên vót hết sợi mây, xong đâu đấy đem khoanh tròn lại, mới thong thả đáp :

– Biết rồi.

Pí A-luôi địu con đi lại góc nhà, nhìn vào một cái hốc cột. Nom cái dấu bồ hóng vẫn còn nguyên vẹn, chị lo lắng hỏi chồng :

– Pả A-luôi.

Người chồng ngẩng mặt lên, ánh lửa sáng bóng trên khuôn mặt sạm đen với hai đường lông mày rậm gần giao nhau của anh. Pả A-luôi biết

---

(1) *Pả* : Cha.

(2) *A-chói* : Gùi.

vợ muốn hỏi mình về số tài liệu kín của cán bộ Pơ-riệt gửi ở đây, tại sao không đem cất đi chỗ khác.

Không phải pả A-luôi không sáng dạ bằng vợ, nhưng anh nghĩ chôn ngoài rừng cũng không chắc chắn bằng giấu trong cái hốc cột kia. Chôn ngoài rừng địch còn đánh hơi được, còn cất trong nhà như cất trong ruột mình. Thằng Mĩ – Diệm không moi được ruột mình ra thì không moi được tài liệu.

Pả A-luôi giảng giải cho vợ nghe ý định của mình. Anh đón thằng bé A-luôi trên lưng vợ, đặt nó ngồi trong lòng, cù mấy ngón tay vào rốn nó, làm thằng bé ưỡn lên cười khanh khách. Anh nói với con, nhưng cũng để nói với vợ :

– A-luôi hí ! Pí cũng khôn cái óc nhưng không gan cái đầu bằng miềng. Pí sợ tụi địch làm chết mất pả, A-luôi hí !

Người vợ trẻ lườm chồng, ánh lửa tô hồng đôi má làm chị đẹp thêm. Chị trở mấy củ sắn nướng đã thơm lừng. Con Vàng ngồi bên cạnh chị liếm mép và cọ đầu vào đầu gối chủ. Nó muốn nhắc chủ đừng quên nó. Pí A-luôi không quên. Chị đưa củ sắn đầu tiên cho chồng. Củ khác, chị bẻ làm đôi, một nửa cho thằng A-luôi, một nửa cho con Vàng.

Pả A-luôi thương vợ lắm. Anh bỗng nhớ đến những ngày cách đây năm mùa rẫy. Hồi đó pí A-luôi tên là Pan-tưi, một cô gái mồ côi ở cách bên kia núi Ta-ngo. Pan-tưi đẹp người đẹp nết lại giỏi tay làm, biết dệt cái xấn tù mục[1] nhiều màu : màu xanh như lông chim riệc, màu đỏ như hoa Pia-ra-long. Pả A-luôi tên là Ca-dít. Theo tiếng Vân Kiều, Ca-dít là nghèo khổ. Bởi nghèo nên pả Ca-dít mới làm nhà ra ngoài đồi này, cách làng bảy tám trăm bước chân. Những con suối nhỏ thường gặp nhau. Pan-tưi và Ca-dít qua mấy lần đi sim là để thương để nhớ cho nhau.

Họ cùng thổi kèn ta-ren, kèn a-màm, cùng ngồi với nhau đến lúc con chim Pa-đăng-pa-cô kêu mấy lần rồi cũng chưa về chòi. Họ cưới nhau vào mùa trăng sáng, khi suốt lúa vừa xong. Tuy không mất chiêng, mất nồi đồng, nhưng cũng tốn một con trâu, một con heo, mấy vò rượu, mươi gùi nếp cúng giàng và mời làng ăn lễ cưới.

---

(1) Một loại khố của đồng bào dân tộc Vân Kiều.

Sau này, khi nói chuyện với cán bộ Pơ-riệt, pả A-luôi mới biết, ấy là do chế độ đế quốc phong kiến để lại cái phong tục khắc nghiệt, nên cưới vợ chồng mới tốn kém. Vợ chồng ăn ở năm năm, ít khi to tiếng nặng lời. Nhất là từ ngày được cách mạng giác ngộ, nhà họ là nơi cán bộ đi về, hai vợ chồng lại càng thương yêu nhau hơn.

Đáng lẽ họ có với nhau hai con, nhưng giàng bắt tội chết đứa thứ nhất khi mới được ba tháng. Thực ra, đứa bé chết là tại thằng Mĩ, thằng Diệm. Con mới được ba tháng, chúng bắt pí A-luôi địu con đi làm đường số 9 thay chồng vì hồi đó, pả A-luôi ốm. Càng nghĩ càng tức cái ruột. Mối thù to như trái núi Ta-ngo, nặng đến mấy nghìn a-chói, gùi không hết.

Ăn củ sắn thơm lại nhớ đến cán bộ cách mạng, pí A-luôi hỏi chồng :

– Sao lâu rồi không thấy cán bộ Pơ-riệt đi qua ? Hay là nó lại ốm rồi ?

Pả A-luôi ừ một tiếng trong cổ. Không khéo cán bộ Pơ-riệt ốm thật. Nghĩ mà thương, nó ở bên làng Hố-trăn cách đây một con suối, ba quả núi. Nó cũng nghèo khổ như pả A-luôi, nhưng nó giác ngộ sớm, đi theo cách mạng đánh lại tụi Mĩ – Diệm. Hai vợ chồng pả A-luôi đều biết Pơ-riệt là cán bộ đường dây của quân Giải phóng. Pơ-riệt thường dẫn người cách mạng, người Kinh có, người Tà Ôi, Vân Kiều, Cà Tu có, đi qua đi về vùng này. Mỗi lần qua, thế nào Pơ-riệt cũng ghé qua nhà pả A-luôi hỏi thăm tình hình. Lâu lắm không thấy nó tới ! Sợ nó ốm quá, bởi người nó bé và thấp, chỉ được cái sáng dạ hiểu biết nhiều điều. Chữ nghĩa nó học khá, nó biết được đường đi của sao trên trời, biết được bụng dạ ai tốt ai xấu. Nó cũng là người Vân Kiều, lại ít tuổi hơn pả A-luôi. Vợ chồng A-luôi coi nó như em nhưng lại quý cái bụng nó như người già làng. Pí A-luôi định bảo Pơ-riệt hỏi con Ra-doi làm vợ. Con Ra-doi cũng xinh, lại là người trong tổ chức cách mạng rồi. Pơ-riệt chỉ tủm tỉm cười : "Còn phải đi giải phóng, đánh đổ thằng Mĩ – Diệm đã mới hỏi vợ". Nói vậy chứ Pơ-riệt ngó bộ cũng ưng Ra-doi, mà Ra-doi cũng hỏi thăm cán bộ Pơ-riệt luôn.

Pí A-luôi nhắc chồng :

– Buổi chiều, con Ra-doi bảo tụi nó về dưới Hố-trăn nhiều còn bên Ra-pồng này ít hơn, có cách chi mà tin cho cán bộ Pơ-riệt biết.

Nói vậy chứ chị cũng biết chẳng có cách gì. Biết Pơ-riệt đâu mà tìm ? Chỉ có ám hiệu đã định sẵn để báo tin cho Pơ-riệt biết : ban ngày nếu có địch, chị phơi cái xấn lên cây sào đầu chái nhà. Ban đêm chị che bếp lửa không cho lọt ánh sáng về phía mặt trời lặn, nơi con đường Pơ-riệt thường tới. Người chồng suy nghĩ một lát, định đi đến nhà Ra-doi hỏi thêm tình hình, nhưng ra đến cầu thang, anh quay lại : đi đêm lỡ gặp chúng nó, sinh rầy rà. Anh đốt nhỏ bếp lửa lại, lấy mấy chiếc chiếu che ở cửa làm ám hiệu rồi đi ngủ.

Đêm lạnh lẽo. Gió thổi vào mấy chiếc bầu khô kêu vù vù. Con trâu đánh sừng vào chuồng, mõ khua lắc cắc.

*

* *

Khi con bìm bịp gọi sáng, thì pí A-luôi thức dậy thổi cơm. Thực ra chị mở mắt từ lâu, khi con Vàng sủa gay gắt từ phía ngõ đi ra lối bờ khe.

Chắc chắn có người đi. Chị nghi tụi lính Mĩ – Diệm đi mò mẫm gì đây. Chị ra cửa ngóng xem : trời tối đen như đáy hũ. Chị định đánh thức chồng dậy, nhưng thấy anh đang ngon giấc nên lại thôi. Bây giờ thì cơm đã chín. Hai vợ chồng cùng ăn cơm để đi phát rẫy. Khi vừa buông đũa, chợt nghe con Vàng sủa ông ổng và có tiếng chân người xôn xao. Hai vợ chồng vội chạy ra cửa. Đằng đông chân trời đã hửng như một đám cháy. Thấp thoáng trong sương mai, vợ chồng A-luôi đều nhận ra ba tên lính ngụy đang nắm cổ một người lạ. Bỗng cả hai đều thất sắc : Giàng ơi ! Đúng là cán bộ Pơ-riệt rồi !

Qua một giây bối rối, vợ chồng A-luôi to nhỏ với nhau mấy câu, người vợ lên tiếng :

– Mời các bác vô trong nhà sưởi lửa cho ấm đã.

Người chồng vội mặc cái áo sui, đeo ống a-đư lấy cái a-chói ra, chuẩn bị đi phát rẫy. Thực tình, thì anh định đến nhà Ra-doi bảo họp những người trong tổ chức cách mạng lại, coi có cách chi cứu được

Pơ-riệt không. Ngày thường tính anh vốn điềm tĩnh, nhưng bây giờ anh trở lên luýnh quýnh. Trong cái ống a-đư chỉ độc một cây rựa : anh quên không bỏ trầu bỏ thuốc vào.

Ba tên lính ngụy mệt mỏi vì đi phục suốt đêm, lại thoả mãn vì bắt được một người lạ mặt mà chúng nghi là "Việt cộng", nên kéo nhau vào nhà pả A-luôi. Chiếc cầu thang ọp ẹp kêu ót ét dưới những bước chân nặng nề của chúng.

– Chào chủ nhà.

Thằng hạ sĩ đi đầu đội chiếc mũ bê-rê đen có hai tua đỏ chào vợ chồng A-luôi bằng giọng đằng trong nghe nằng nặng. Hắn liếc nhìn khắp nhà và vẫy mấy tên kia. Pơ-riệt không bị trói, đi giữa hai tên lính đội mũ tai chó cong vêu, thằng đi trước dáng người nhỏ nhắn, mắt đen nhưng coi bộ còn ít tuổi. Còn thằng đi sau to béo phục phịch lại rỗ hoa nên nom dữ tợn. Hắn gí nòng súng đen ngòm vào lưng Pơ-riệt và chửi bới luôn mồm. Thằng này vào đến nhà, ghếch súng vào vách là vạch tay ra gãi. Nó kêu là có con sâu gì cắn hay sao mà vừa ngứa vừa rát. Pí A-luôi biết thằng này núp ngoài bụi bị lá ra-pồng quệt phải, chị lấy cho hắn tí vôi bôi vào. Thằng lính người Quảng Trị giải thích :

– Lá ra-pồng, dưới xuôi mình gọi là lá han.

Thằng lính to béo vừa nhăn mặt vừa gật đầu.

– Đ.mẹ ra-pồng. Rát bỏ bà.

Tất cả bọn lính "quốc gia" đều bận đồ xanh lá cam, có những cái túi to may xệ xuống gần đầu gối.

Pí A-luôi nhanh nhẩu đốt to bếp lửa ngoài. Ánh lửa ấm áp xua tan sương giá ngoài trời, nên mấy tên lính không đợi chủ nhà mời, chen lại bên bếp. Pơ-riệt ngồi xổm ở một góc nhà. Vợ chồng A-luôi đưa mắt ái ngại nhìn nhau rồi nhìn người cán bộ vô ý sa vào tay giặc. Nhưng trái lại, Pơ-riệt vẫn thản nhiên như không. Anh vẫn nhếch mép cười, ý muốn bảo vợ chồng A-luôi đừng lo lắng. Chưa có chứng cớ gì để tụi địch buộc anh là người của Mặt trận Giải phóng cả. Thái độ đó làm vợ chồng A-luôi cũng vững tâm. Người vợ lên tiếng hỏi Pơ-riệt :

– Mày đi đâu mà để các ông bắt được, Pơ-riệt ?

Người cán bộ đường dây hiểu ý : Chị muốn hỏi xem mình đã khai với chúng thế nào để cùng trả lời cho ăn khớp. Pơ-riệt đáp :

– Chỉ đi sim về thôi. Qua khe bị các ông bắt. Tao nói là người Ra-pồng này mà các ông bảo nói không thật.

Thấy hai người nói chuyện với nhau bằng tiếng Thượng, thằng lính nhỏ nhắn gật gật đầu với hai tên kia. Hình như nó biết tiếng Vân Kiều. Tên hạ sĩ đội bê-rê đen trừng mắt nhìn pí A-luôi :

– Đồng bào có biết thằng này à ?

Pí A-luôi bắc ấm nước chè lên bếp và đáp :

– Biết. Nó là thằng Pơ-riệt người làng Ra-pồng này (chị biết cái tên Pơ-riệt không phải là tên thật của anh, tên thật anh ta là Ta-doóc).

Thằng lính nhỏ thó bỗng nhìn Pơ-riệt từ đầu đến chân và phá lên cười :

– Khéo đặt tên thật. Trông mày y như một quả chuối lùn[1].

Pả A-luôi đã định đi từ lúc chúng mới vào, nhưng sợ chúng nghi nên nấn ná một lát. Bây giờ anh chào mọi người và dặn vợ một cách bóng gió :

– Chốc nữa mày vô trong chòi sau rẫy cũ nhà bác A-vầu mà lấy thóc giống.

Chị vợ hiểu. Như vậy là pả A-luôi sẽ họp với người cách mạng trong ấy. Thằng hạ sĩ chạy lại nhòm vào gùi, vào ống a-đư của pả A-luôi để xem có gì khả nghi không. Hắn nhìn vào khuôn mặt rám nắng và hai cánh tay rắn chắc của anh, rồi liếc nhìn người vợ trẻ trông còn dễ ưa. Hắn cười một tiếng khô giòn như mo nang rụng.

– Được, đi đi !

Ngồi bên bếp lửa, mấy tên lính tỏ vẻ mệt mỏi. Đứa nào cũng ngáp dài. Sau khi được chén nước chè nóng, chúng có vẻ hỉ hả cảm ơn

---

(1) *Pơ-riệt* (tiếng Vân Kiều) : Chuối.

chủ nhà rối rít. Thằng hạ sĩ bắt đầu thuyết với pí A-luôi rằng : Các công dân "Cộng hoà Việt Nam" được như chị là tốt lắm. Dân chúng phải giúp đỡ quân "quốc gia", để ngõ hầu thanh trừng hết "cộng phỉ", đem lại an ninh cho dân chúng. Pí A-luôi chỉ tủm tỉm cười. Cùng lúc ấy thì tên lính mặt rỗ hoa lại rướn người lên lục lọi giàn bếp xem có mật gấu, mật ong gì không. Pí A-luôi giận lắm nhưng vẫn làm thinh. Chị bảo Pơ-riệt đang bó gối ở góc nhà :

– Mày lại đây sưởi lửa cho ấm, rồi xin các ông mà về, kẻo pí mày lại mong.

Chị quay lại nói với tụi lính :

– Thằng Pơ-riệt này nó đi sim về thiệt đó các ông ạ ! Nó ưng con Xa-noan bên tê núi Ta-ngo, đêm nào cũng mò đi gần sáng mới về.

Tên hạ sĩ bảo :

– Nom thằng cha khả nghi lắm. Đi sim gì mà nó có cả đèn pin (hắn đưa cái đèn pin lấy được của Pơ-riệt cho pí A-luôi xem).

Pơ-riệt nói :

– Cái đèn này thì ở làng Ra-pồng ai cũng có.

Pí A-luôi cười :

– Hồi này nhờ có các ông, nên nó mới sắm được cái đèn. Bọn con trai con gái ngồi với nhau ngoài chòi muốn thắp cái đèn lên để nhìn cái mặt nhau.

Tên lính béo phị tán tỉnh :

– Đi sim với con gái thì tối trời mới thú chứ chị ? Tối trời thì nhà tranh cũng như nhà ngói.

Hắn nói xong phá lên cười. Hai tên kia cũng cười.

Tên hạ sĩ đội mũ nồi bảo pí A-luôi :

– Tụi tôi túm được hắn bên kia khe. Hắn đi từ núi Ta-ngo về. Thấy hắn cứ quay lui quay tới, tụi này mới nghi. Đích thị hắn là "cộng phỉ" rồi. Được, nếu như hắn là công dân lương thiện ở làng Ra-pồng này thì...

lát nữa về dưới làng gặp ông chánh đại diện hội đồng coi sao – Hắn nhếch mép xì một tiếng – Mà làng Ra-pông này cũng hiếm người lương thiện lắm đây, cái lão chánh đại diện hội đồng cũng không tin được.

Ngoài cửa trời đã sáng rõ. Đàn gà trong chuồng chưa được thả, mổ nhau kêu chí choé. Pí A-luôi băn khoăn : làm sao giữ được tụi nó càng lâu càng hay, pả A-luôi dặn thế. Với lại để tụi nó dẫn cán bộ Pơ-riệt về dưới Hố-trăn thì nguy hung. Dưới đó, còn nhiều đứa xấu bụng lắm. Lão chánh đại diện còn khá, chứ thằng Pòm làm cảnh sát thì ác lắm. Hắn và Pơ-riệt là hai người thù nhau, chẳng nói dối được hắn.

Tên hạ sĩ đang ngồi hút thuốc. Tên lính nhỏ thó thì nói chuyện phiếm với Pơ-riệt. Hắn đang hỏi chuyện đi sim, hỏi thăm con gái làng này cô nào xinh nhất. Thằng lính to béo mặt rỗ hoa đứng ngoài cầu thang. Hắn đang nghiêng ngó cái chuồng gà. Pí A-luôi bỗng nảy ra một ý. Chị bảo tên hạ sĩ :

– Chắc các ông đi đêm đi hôm về mệt lại đói bụng. Nhà còn có nếp có gà, để tôi nấu cơm các ông ăn.

Nghe nói vậy, tên lính to béo phởn phơ mặt mày lên ngay. Nó cười tít mắt :

– Nếu bà chị đã có lòng tốt như vậy, thì còn gì bằng !

Hết bao nhiêu tiền tụi này hoàn lại – Hắn vỗ vỗ vào cái túi sau quần. Tên hạ sĩ đắn đo một lúc rồi tặc lưỡi nói với hai tên kia :

– Đ.mẹ nó, chén cái đã chúng mày nhỉ ? Mệt bỏ xừ. Thôi ta ra tay đi. Cậu nào biết làm thịt gà ?

Hắn xoa hai tay vào nhau bảo pí A-luôi :

– Quý hoá quá. Chị để anh em tụi này làm giúp mỗi người một tay một chân cho nó chóng.

Pí A-luôi xua tay :

– Các ông mệt rồi. Ngồi mà nghỉ. Bảo thằng Pơ-riệt nó làm cho.

Và chị sai phái, chỉ vẽ cho Pơ-riệt làm gà.

Mấy thằng kia bây giờ có vẻ hỉ hả lắm. Chúng ngồi rung đùi đợi cơm và tán dóc với nhau. Thằng hạ sĩ chửi đổng :

– Ông nội mấy thằng, chỉ ngồi bàn giấy nói phét. Chúng chỉ giỏi trộ tụi này. Ai bảo dân Ra-pồng cứng đầu cứng cổ ? Tốt ra dáng. Hà hà ! Bây giờ ta mới hiểu Ra-pồng là lá han. Cái thứ lá chết tiệt ấy làm mình vừa ngứa vừa rát. Nhưng mà nó chỉ cắn những người không biết nó phải không chị ?

Pí A-luôi đem chuyện cổ tích ra kể :

– Ngày xưa, ông bà nói lại, làng này tên là làng "Pia". Pia tức là hoa. Quanh núi Ta-ngo, hai bên suối Ta-ngo toàn hoa là hoa. Mùa hoa nở, ai đi cách bảy ngọn núi cũng ngửi thấy mùi thơm. Dân trong làng sống với nhau rất hoà thuận. Không lúc nào bị ai ức hiếp. Nhà ai cũng giàu có như nhau, lắm chiêng, nhiều trâu, nhiều heo. Con gái làng này lại đẹp người đẹp nết biết thêu pia trên áo, trên xấn. Tiếng đồn ấy đến tai một ông vua tham lam. Ông vua đến làng Pia định đuổi dân đi cho vua ở. Vua bắt dân phải nạp trâu 10 gang, nạp heo 6 gang[1], để con gái đẹp lại hầu hạ vua. Dân làng hết sức lo lắng, bèn cầu cứu thần núi Ta-ngo. Thần núi bảo : Hãy lên trên rừng về phía tây lấy một loại cây nhỏ cành, to lá. Lá một bề trơn, một bề nhám. Cây ấy là cây ra-pồng. Đem cây ấy về trồng thay vào một cây hoa Pia-ra-loong to nhất. Dân làng nghe theo. Quả nhiên sau ba ngày, bao nhiêu cây hoa tươi đẹp quanh làng bỗng hóa thành ra-pồng hết. Ông vua tức giận bèn cho người đi nhổ hết cây. Nhưng hễ sờ đến là bị lá cây cắn rát tay, sưng da. Càng gãi càng nhức nhối.

Ra-pồng mọc rất nhanh. Vua đi đến đâu, cây ra-pồng mọc đến đấy. Sợ quá, vua bèn bỏ đi. Từ đó dân làng lại hoà thuận làm ăn không bị ai đè nén áp bức cả. Làng Pia được đổi thành làng Ra-pồng ... Sau này bọn Nhật lên đây cũng bị lá ra-pồng cắn cho, mà thằng tây lên đây cũng thế. Chúng mới đồn rằng con ma làng Ra-pồng thiêng lắm, dân Ra-pồng ác lắm. Là nói vậy, chứ làng Ra-pồng chỉ ác với người xấu thôi ...

---

(1) Trâu 10 gang, heo 6 gang : Vòng cổ đo bằng gang tay.

Mấy thằng lính há hốc mồm nghe chuyện và gật gù khen :

– Hay lắm ! Người Ra-pồng chỉ ác với người xấu thôi. Còn tụi nầy thì người Ra-pồng lại cho ăn thịt gà. Ha ha !

Từ nãy giờ, hình như mấy tên lính không chú ý đến Pơ-riệt lắm thì phải. Trái lại, Pơ-riệt thì hết sức theo dõi chúng. Anh biết pí A-luôi đang lập mẹo cứu thoát anh. Nhưng bằng cách nào đây ? Thừa cơ chúng không chú ý rồi bỏ chạy cũng được, nhưng liệu chúng có để cho mẹ con pí A-luôi yên không ? Anh bỗng nhớ tới nhiệm vụ còn dở dang của mình, anh đang dẫn ba cán bộ đi qua vùng này. Anh để cán bộ nghỉ lại trong rừng và định đến nhà pả A-luôi hỏi tình hình đoạn đường đi tiếp. Khi qua núi Ta-ngo không thấy nhà pả A-luôi có ánh lửa, bụng anh đã sinh nghi. Anh định quay lại, nhưng chợt thấy le lói có ánh lửa, anh lại đi tới. Vừa đi được mấy bước anh bị chúng thộp được. Bây giờ thì ba cán bộ kia sẽ hết sức bơ vơ, tất nhiên họ phải quay lui trạm trước. Hiện nay bọn địch chưa có chứng cớ gì để buộc anh là cán bộ của Mặt trận cả, nhưng nếu để bọn chúng dẫn anh xuống Hố-trăn thì vỡ lở hết.

Nhiều lần anh bắt gặp con mắt của pí A-luôi tỏ ra lo lắng. Nhưng khốn nỗi, anh không nói riêng được với pí A-luôi. Chỉ khi chúng bắt gà, pí A-luôi nói nhỏ với anh : "Mày phải biết nghe cái miệng của tao mới được."

Pơ-riệt mải suy nghĩ nên vặt trụi lông ở một cánh gà rồi mà vẫn vặt miết. Cứ chỉ đó lọt vào mắt tên lính nhỏ nhắn. Tên lính này lại giúp Pơ-riệt làm gà. Hắn vừa vặt lông vừa hỏi chuyện. Tự nhiên hắn hỏi một câu bằng tiếng Thượng :

– Dơ nay bưn xiatê nẩy ?[1]

Pơ–riệt giật mình vội đáp :

– Bưn[2].

---

(1) Sông này có nhiều cá không ?

(2) Nhiều.

Tên lính bảo hắn quê ở Khe Sanh, mới đi quân dịch bảy tháng nay. Thấy hắn nói chuyện vui vẻ, Pơ-riệt càng yên tâm, Pơ-riệt khoe với hắn về các loại cá ở khe Ta-ngo. Cá cà-luồn bằng bắp đùi, cá xơ-li ở hang đá béo tròn, cá niên nhiều như sao trên trời. Hễ bỏ câu xuống là có cá ăn ngay. Pơ-riệt hỏi hắn có muốn đi câu cá ăn không. Hắn bảo :

– Tao cũng muốn đi. Nhưng nếu còn ở nhà thì muốn đi đâu cũng được. Chứ vào quân đội thì không được tự do nữa. Tao cũng chỉ muốn được như con cá là sướng thôi, bơi hết nguồn này đến khe khác ... Mày có muốn được như vậy không ?

Pơ-riệt nghĩ : có lẽ thằng này tốt bụng đây. Từ khi bị bắt Pơ-riệt cũng chưa thấy hắn đánh đập chửi bới nạt nộ gì cả. Lúc đầu tụi nó định trói, nhưng chính tên này bảo : "Trói làm cóc chi cái thằng ốm đói."

Pơ-riệt bảo :

– Anh nói hộ với mấy ông tha cho tôi, kẻo pí tôi mong lắm. Mặt trời lên rồi mà không thấy về, pí tưởng con cọp ăn thịt mất rồi.

Tên lính cười :

– Tao không có quyền. Mày muốn bơi đi như con cá thì cứ tìm khe tìm suối mà bơi ...

Hắn huýt sáo một tiếng rồi lững thững đứng dậy.

Pí A-luôi vừa thổi cơm nếp vừa phải nghe những lời tán tỉnh đểu giả của hai thằng lính kia.

Chúng dám hỏi chị cả những điều mà chồng chị cũng ngượng mồm không hỏi tới. Thằng béo phị còn giả vờ cù thằng bé A-luôi để đụng tay vào vú chị. Pí A-luôi chỉ cau mày lại một tí nhưng không dám nói chúng nặng lời. Tai chị không chịu nghe những lời chúng nói mà lại để ý đến lời nói chuyện của Pơ-riệt và anh lính nhỏ nhắn.

Chị nghĩ lung lắm : pả A-luôi đã có cách gì để cứu Pơ-riệt chưa ? Sao mãi không thấy về ? Hay là pả A-luôi đã bảo Ra-doi chạy đi tìm bộ đội giải phóng về cướp lại Pơ-riệt. Nhưng bộ đội giải phóng chắc ở xa. Mà ở đâu cũng chẳng ai biết. Thỉnh thoảng đi qua đây. Họ biết

nhà chị, biết hết nhà mọi người trong làng Ra-pồng nhưng không ai biết nhà của họ. Hay là pả A-luôi đi nói với dân làng đến chứng nhận cho Pơ-riệt để xin cho nó về ?

Thấy tên lính nhỏ thó kia có vẻ tốt bụng, chị đang nghĩ tìm một cách gì cho Pơ-riệt trốn thoát mà nghĩ chưa ra.

Pơ-riệt làm việc luôn tay. Luộc gà, thái thịt, kho thịt, dọn cơm. Mùi cơm nếp thơm phức, bát thịt gà kho béo ngậy nổi váng mỡ vàng khè. Pí A-luôi bảo Pơ-riệt bê đến một ché rượu bắc ba cái cần. Pí A-luôi bỗng tiếc : giá có một nắm lá ngón bỏ vào ché rượu thì xong đời cả ba đứa. Nhưng không kịp nữa rồi. Bụng đói cồn cào, mấy tên lính thấy thức ăn ngon, lại có rượu cần, chúng hí hửng như mèo thấy mỡ. Tuy vậy tên hạ sĩ vẫn luôn luôn để mắt đến Pơ-riệt. Khi ngồi vào mâm cơm hắn bảo tụi lính để súng cạnh mình.

Không kịp đợi chủ nhà mời, chúng vít cong cần rượu uống như bò chết khát. Thằng hạ sĩ chợt hiểu rằng cần tỉnh táo nên vội bảo tụi kia thôi. Tên lính mặt rỗ còn cố nốc thêm một hơi nữa mới chịu nhả cần. Chúng thi nhau vừa nói chuyện vừa ăn ngồm ngoàm. Chúng khen pí A-luôi đẹp nhất vùng và tốt bụng đệ nhất nước "Cộng hòa Việt Nam" này. Chúng sẽ báo cáo với "Ngô tổng thống" khen thưởng chị... Rượu đã ngà ngà tên lính to béo mặt rỗ hoa quơ tay nắm tay pí A-luôi buông lời cợt nhả :

– Yêu anh tí nhá ! Mất đi đâu mà sợ, cô em !

Cả bọn phá lên cười. Pí A-luôi hất tay thằng lính ra và xới bát cơm gắp thịt đưa cho Pơ-riệt :

– Mày ăn đi, kẻo đói. Ăn xong tao xin các ông ấy cho mà về.

*
* *

Ở trại bác A-vầu trong rừng. Pả A-luôi đã cùng Ra-doi gọi được bốn người nữa trong tổ chức cách mạng bí mật ở làng Ra-pồng đến. Nghe

nói cán bộ Pơ-riệt bị bắt, ai nấy đều lo lắng, nhất là Ra-doi. Trong lòng cô như có con kiến bò. Pơ-riệt mà bị bắt thì tụi Mĩ – Diệm giết chết mất. Bởi thằng Pòm bên Hố-trăn thù Pơ-riệt lắm. Phải làm sao cứu được Pơ-riệt đây.

Pả A-luôi nói :

– Phải đi gọi bộ đội giải phóng. Ra-doi biết đường. Phải nhanh như con chim bay, con hươu chạy mới được.

Ai cũng bảo pả A-luôi nói phải, nhưng Ra-doi lắc đầu. Ra-doi không sợ đường sá vất vả, dẫu chết Ra-doi cũng không sợ để cứu được Pơ-riệt. Nhưng chỉ sợ bộ đội đến được thì chúng đã đem Pơ-riệt về dưới tỉnh Quảng Trị rồi, Ra-doi nói :

– Không có bộ đội thì ta làm bộ đội. Ta có sáu người, tụi hắn có ba. Cứ hai người chém một đứa tất phải được.

Pả A-luôi gật đầu :

– Con Ra-doi nói phải tai quá ! Miềng không khôn cái óc bằng nó rồi. Làm cách mạng là đánh tụi Mĩ – Diệm thì chừ miềng đánh nó thôi.

Sau đó kế hoạch được bàn bạc như sau : Tất cả sáu người sẽ đi ra phía đồi chỗ nhà pả A-luôi đi về làng Ra-pồng. Họ sẽ vờ làm cỏ ở một rẫy gần đó. Khi nào tụi lính Mĩ – Diệm ở nhà pả A-luôi đi về, họ sẽ đi ngược chiều tụi chúng. Ra-doi đi trước. Đến gần, cô sẽ báo cho chúng biết là có người lạ mặt đi qua đây, để bắt chúng phải đứng lại. Khi nào Ra-doi đưa tay ra chỉ hướng đi của người lạ mặt tức là ám hiệu cho mọi người hành động. Cứ hai người chém một thằng để giải thoát Pơ-riệt. Bàn bạc xong, hút chưa tàn điếu thuốc, họ đã có mặt ngoài đồi sắn. Ai nấy đều hồi hộp chờ đợi. Những con rựa sáng loáng trong tay lấp lánh trong nắng sớm. Ra-doi không rời mắt khỏi con đường mòn từ nhà pí A-luôi tới. Đợi mãi.

Trong lúc ấy thì bọn địch đang ăn uống và tán nhảm. Nồi cơm chúng đánh hết nhẵn. Nồi thịt gà cũng chỉ còn nước lõng bõng với mấy cẳng gà xương xẩu. Bát đĩa bừa phứa, cơm đổ vung vãi. Chúng chén no căng

bụng và bây giờ thì buồn ngủ ghê gớm. Tên hạ sĩ nhìn đồng hồ, rồi giục mấy tên lính dọn dẹp để còn về dưới làng. Tên lính nhỏ nhắn xếp bát đĩa vào cái rổ và hỏi pí A-luôi :

– Khe gần đây chứ chị ?

Câu nói của tên lính nhắc cho pí A-luôi một ý định mới. Chị nói :

– Khe sau nhà thôi. Anh để đó, tôi bảo thằng Pơ-riệt nó rửa cho.

Tên lính nhỏ nhắn nhìn tên hạ sĩ như thăm dò thái độ hắn rồi bảo :

– Thì mày đi rửa đi. Mà đừng có tìm cách chuồn đó nghe !

Pơ-riệt bê cái rổ bát định đi, thằng hạ sĩ cau mặt :

– Không được.

Pí A-luôi tươi cười với tên hạ sĩ :

– Để nó rửa cho. Tôi biết nó người làng này. Nhà nó là cái nóc có khói lên dưới đó – Pí A-luôi trỏ tay về làng Ra-pồng.

Chị quay lại bảo Pơ-riệt bằng tiếng Thượng :

– Mày đi rửa chóng lên. Xong rồi để đó cho tao ... Mà đi.

Chị nháy mắt với Pơ-riệt và sửa soạn mấy cái ống bầu đi kín nước.

Tên lính nhỏ nhắn tặc lưỡi bảo nhỏ tên hạ sĩ. Và hai đứa ầm ừ với nhau. Tên lính to béo đã tựa mình vào cột nhà lim dim mắt. Pơ-riệt xách rổ bát ra khe thì pí A-luôi xuống nhà mở chuồng gà chuồng heo rồi cũng dịu con đi kín nước.

Pí A-luôi bước đi mà hai chân cứ quýnh lên, muốn chạy nhưng sợ chúng sinh nghi. Pí A-luôi vừa mừng vừa hồi hộp, trống ngực chị đánh thình thịch, kêu to hơn tiếng những ống bầu va vào nhau lắc cắc. Chị tự bảo mình : miễn là cán bộ Pơ-riệt trốn được thoát ...

Ra đến khe, chị chỉ thấy rổ bát ghếch trên hòn đá. Cán bộ Pơ-riệt đã đi lọt rồi. Chị vội vàng giấu rổ bát và mấy ống bầu vào bụi cây, rồi qua khe lẩn vào rừng tìm đến chòi cũ của bác A-vầu. Chẳng thấy ai cả. Bây giờ thì pí A-luôi cũng chẳng biết nên đi đâu. Hễ đi ra là gặp tụi nó.

Chị ngồi chờ. Chờ cái gì cũng không rõ. Nhất định chúng sẽ đốt nhà chị. Và giàng ơi, chị sợ nhất là phải chờ đợi một tiếng súng. Con Vàng trung thành và khôn ngoan theo chị từ bao giờ chị không biết. Hình như nó hiểu được nỗi lòng của chị hay sao mà nó cứ cọ đầu vào chân chị như vuốt ve, như an ủi. Chị bảo nó : "Vàng ơi, mày về nhà đi. Về mà giữ nhà, không tụi nó đốt phá hết của tao". Con Vàng lượn lờ cái đuôi và ngoan ngoãn cúi đầu chạy đi. Thằng bé A-luôi đã ngủ trên lưng. Hơi thở nó ấm bên tai chị. Chị xoa cái đầu củ nâu của nó và nói nựng : "Cán bộ Pơ-riệt bây giờ bay được xa rồi, bay như con chim vuông. Mày ăn cho hung vào, đợi mười tám cái rẫy nữa rồi cũng tha hồ mà bay lượn đến cái sông to, biển lớn ... Đời pả, đời pí ngắn bước chân ...

Bọn lính trên nhà chờ một lúc không thấy Pơ-riệt về, quay lại cũng không thấy pí A-luôi đâu, biết là bị mắc lừa. Chúng hấp tấp ra khe. Bốn bề quạnh quẽ. Chỉ có nước khe róc rách giễu cợt chúng. Tên hạ sĩ bèn ra lệnh cho hai tên kia xông vào bụi bờ sục tìm. Mặc cho lá ra-pồng quệt vào mặt vào tay, chúng đang giận điên người lên, nên cứ lủi hết bụi này sang bụi kia, may ra thấy được tên "cộng phỉ" còn núp đâu đó. Chúng chỉ tìm được rổ bát còn nhầy nhụa mỡ và mấy cái ống bầu nằm chỏng lỏn trong bụi. Thằng hạ sĩ ném cả rổ bát vào đá vỡ choang. Tên lính to béo mặt rỗ hoa lấy báng súng đập vụn mấy ống bầu.

Chúng hậm hực ra về. Mặt và tay ngứa ngáy nhức nhối đến muốn phát hoảng lên. Chúng gãi đến sầy da bật máu ra mà vẫn rát kinh khủng. Chúng chửi bới lẫn nhau, chửi cả làng Ra-pồng :

– Đ.mẹ nó ! Cái làng khốn kiếp. Đến cái cây cái lá cũng ác như quỷ sứ. Đ.mẹ con "mọi" đểu thật. Nó xỏ tụi mình.

Tên lính mặt rỗ hoa định châm lửa đốt nhà vợ chồng A-luôi, nhưng tên lính nhỏ nhắn ngăn lại :

– Mày ngu như lợn. Đốt nhà rồi mày ăn nói với trung úy ra làm sao. Mày mà nói thiệt thì ông ấy lại không nghiền xương cả ba đứa ra à ? Rồi mà ngồi tù cả nút.

Tên hạ sĩ cho là phải, nhưng nó lườm tên lính nhỏ nhắn :

– Rồi mày cũng liệu hồn. Mày còn nói nó chẳng dám chuồn nữa không ? Bây giờ thì giương mắt ếch ra mà nhìn.

Chúng bèn đập phá hết những cái gì còn lại trong nhà, từ cái nồi, cái bát, ống muối đến vò rượu, giàn bếp. Cái gì lấy được chúng thủ vào túi. Xong đâu đó, chúng ỉa vung vãi khắp sàn.

Mặt trời lên đã khá cao, chúng mới lủi thủi ra về. Vừa đi vừa gãi, càng gãi càng xuýt xoa. Mặt và hai tay chúng sưng phù lên. Thằng hạ sĩ bắn một phát súng lên trời mà chửi đổng :

– Ông nội cả làng Ra-pồng, cả cái con "mọi" thiên lôi ấy. Mà chúng mày ạ ! Khỉ thật, cũng chẳng biết vợ chồng con "mọi" ấy tên là gì nhỉ !

*

* *

Nghe tiếng súng, lại chỉ thấy ba tên lính về không, Ra-doi hoảng quá. Chúng giết Pơ-riệt rồi chăng ? Pả A-luôi cùng mấy người làng vòng phía sau đi về nhà. Không thấy xác Pơ-riệt, lại không thấy pí A-luôi đâu cả, ai nấy vừa mừng vừa lo. Nhìn cửa nhà tan tành, pả A-luôi cũng đoán được cơ sự một phần nào. Nhưng anh lại lo cho mẹ con pí A-luôi. Vợ anh còn trẻ lắm ... Chợt anh thấy con Vàng từ đâu chạy về. Nó cọ vào chân anh kêu ư ử. Pả A-luôi bảo nó :

– Vàng ơi ! Mày có biết pí A-luôi ở đâu, dẫn tao đi.

Con Vàng giương đôi mắt thau nhìn phía bờ khe và lon ton chạy xuống cầu thang. Nó vừa chạy vừa sủa như gọi mọi người theo nó. Quả nhiên, theo con Vàng khôn ngoan và trung thành, pả A-luôi đã thấy vợ ở trại cũ bác A-vầu. Khi nghe xong chuyện, Ra-doi mừng quá ôm chầm lấy pí A-luôi cắn vào vai chị, mà hai dòng nước mắt ứa ra.

Vì không thể hoạt động hợp pháp được, mặt trận tỉnh quyết định cho vợ chồng A-luôi thoát li. Pả A-luôi vào bộ đội Giải phóng. Pí A-luôi làm rẫy và nấu nướng cơm nước cho cán bộ.

Họ phải rời làng Ra-pồng, cái làng với những câu chuyện cổ tích từ đời ông đời bà về lá ra-pồng, cái làng chỉ ác với người xấu thôi.

Lời bình

*Thiên truyện nhan đề là "*Chuyện làng Ra-pồng*", nhưng điển hình hoá, tập trung miêu tả một sự kiện bất thường xảy ra liên quan đến cách ứng xử của một cặp vợ chồng người Vân Kiều, qua đó làm nổi bật tấm lòng của nhân dân đối với cách mạng, đối với cán bộ trong thời kì chống Mĩ, cứu nước ở miền Nam.*

Truyện ngắn này là một trong những sáng tác tiêu biểu của nhà văn quân đội Xuân Thiều khi anh từ miền Bắc được cử vào chiến trường miền Trung (với bút danh Nguyễn Thiều Nam), thâm nhập thực tế cuộc kháng chiến của quân và dân vùng Trị Thiên - Huế, để có được một vốn sống mới mà viết về nó. Ta bắt gặp trong truyện ngắn này một cây bút khá thành thạo và làm chủ bút pháp của mình : tác giả tỏ ra có tay nghề trong kĩ thuật dựng truyện, xây dựng nhân vật, miêu tả đối thoại và dẫn dắt xung đột truyện đến cao trào nhằm thu hút sự chú ý của người đọc.

Đọc truyện, ta không thể dừng lại nửa chừng. Mạch truyện, theo sự dẫn dắt của tác giả, lôi cuốn người đọc phải theo dõi từ đầu đến cuối truyện, cho dù tên các nhân vật theo tiếng dân tộc buổi đầu tiếp xúc hẳn còn lạ lẫm bởi chưa nghe quen và khó nhớ.

Tình huống người cán bộ đường dây Pơ-riệt bất thần bị địch bắt trên đường chúng lùng sục khi tiến vào làng Ra-pồng, do chúng nghi ngờ lai lịch của anh, đã đưa cốt truyện đến cao trào. Làm thế nào để thoát khỏi tình thế gay cấn này, cứu được tính mạng người cán bộ của ta, đồng thời thân mình cũng được an toàn ? Bài toán - nếu có thể gọi được là như thế - hóc hiểm này từng bước đã tìm được cách giải quyết khôn khéo và thông minh, do có sự ăn ý của cặp vợ chồng Pan-tưi và Ca-dít (tục danh của pí và pả A-luôi), ngầm phối hợp mà không để lộ tung tích người cán bộ đồng hương Pơ-riệt. Nhằm đánh trúng vào tật xấu và chỗ yếu của bọn địch (ngụy quân) là ngại khó, tham ăn tục uống, háu gái, tự đắc, coi thường người dân tộc ... vợ chồng pả A-luôi đã sáng ý tìm cách giữ chân địch trong nhà của mình, bất chấp nguy hiểm, bằng cách cho chúng nhậu nhẹt

để kéo dài thời gian kịp cho lực lượng của ta đến giải cứu. Và khi thời cơ cho phép, họ đã chủ động thoát khỏi sự khống chế của địch, an toàn tính mạng cho bản thân cũng như cho cán bộ cách mạng, cho dù nhà cửa và đồ đạc của gia đình có bị thiệt hại bởi sự đập phá trả thù vì tức tối của bọn địch.

Ngòi bút tác giả tỏ ra am hiểu đời sống người dân tộc, ngôn ngữ và phong tục của nhân dân địa phương, tính tình thật thà, chất phác, nhưng lúc cần cũng không kém phần khôn khéo, thông minh của họ. Do nặng lòng căm thù địch, biết phân biệt chính tà và chịu ơn cách mạng đã chỉ ra con đường đúng đắn của sự nghiệp lớn giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước ... họ đã tự ý thức và lựa chọn hành động sáng suốt, biểu thị sức mạnh tiềm tàng, vô địch của nhân dân một lòng đi với cách mạng. Chính họ là lực lượng kiên trung, nòng cốt bảo vệ cách mạng đến cùng, không lực lượng nào có thể phá vỡ nổi.

Truyện được viết kĩ lưỡng, trau chuốt, chi tiết rất sinh động, giọng điệu trần thuật hóm hỉnh đầy kịch tính, khi kết thúc không giấu cái cười hả hê về sự chiến thắng của nhân dân hiền lành mà dũng cảm, tài trí, kẻ thù ngạo ngược đã bị mắc lõm họ. Thử hỏi với những con người như thế, có kẻ thù nào khuất phục, đè bẹp được và lẽ nào cuộc kháng chiến chính nghĩa lại không đi tới đích thắng lợi cuối cùng ? Truyện ngắn này đã góp phần đáng kể vào thành tựu mới mẻ của văn học giải phóng miền Nam, giữa những năm 60. Tác phẩm xứng đáng nhận giải chính thức Giải thưởng văn học nghệ thuật mang tên Nguyễn Đình Chiểu, do Hội Văn nghệ giải phóng trao tặng năm 1965.

Nguyễn Ngọc Thiện

Đỗ Bích Thuý

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Đỗ Bích Thuý. Sinh ngày 13 tháng 4 năm 1975.

Quê quán : Hà Giang.

Tác phẩm đã xuất bản : *Sau những mùa trăng* (tập truyện ngắn, 2002); *Những buổi chiều ngang qua cuộc đời* (tập truyện ngắn, 2003); *Kí ức đôi guốc đỏ* (tập truyện ngắn, 2004); *Bóng của cây sồi* (tiểu thuyết, 2005); *Tiếng đàn môi sau bờ rào đá* (tập truyện ngắn, 2005).

Giải thưởng văn học :

Giải nhất cuộc thi truyện ngắn Tạp chí Văn nghệ Quân đội năm (1998-1999) (chùm truyện ngắn); Giải ba cuộc thi tiểu thuyết Nhà xuất bản Thanh niên năm 2005 (*Bóng của cây sồi*); Giải B Hội Văn học Nghệ thuật dân tộc thiểu số năm 2006 (*Tiếng đàn môi sau bờ rào đá*).

TIẾNG ĐÀN MÔI SAU BỜ RÀO ĐÁ

Dựng xong căn lều trên mảnh nương mới được người bạn *tổng* nhường cho, ông Chúng mang mấy chiếc nồi bé sang, cả gạo, muối, dầu thắp, cả một con trong đàn chó canh nhà. Lúc bà hỏi ông, định đi luôn không về hay sao mà mang lắm thứ thế, ông bảo phải qua sông, lại cũng xa nữa, nên thỉnh thoảng ông phải ở lại. Thực ra chính ông cũng biết đó chỉ là cái cớ, chứ nếu ông đi vắng thường xuyên thì nhà ông như thiếu tường đất, mưa không biết lấy gì che, gió không biết lấy gì chống. Chưa kể gần đây thỉnh thoảng lại có nhà trong bản bị mất trộm dê, lợn, có nhà đã mất cả bò. Thế mà cánh cổng

gỗ vào nhà đã có từ đời ông bà, chưa một lần thay, cài then thì cũng chỉ để đánh lừa mắt thôi, người khoẻ xô nhẹ là bật ra ngay rồi. Chẳng phải ông không biết lo việc nhà, chẳng phải ông bỏ đi để hằng ngày được rượu thịt một mình. Lúc này ông thấy trong nhà mình khó ở quá, giống như trời sắp dông mà mấy ngày liền không mưa được. Nhìn dáng con May ngồi thái dọc mùng trắng cho lợn mới thấy thời gian trôi đi nhanh quá, thằng Trài cũng cao hơn con dao quắm dựng góc nhà rồi. Chỉ phải lo cho hai đứa con một vài năm nữa thôi, đến lúc chúng như con chim rời tổ thì với ông sống hay chết, no hay đói, giàu hay nghèo cũng chẳng cần phải nghĩ đến nữa. Cả bà chắc cũng nghĩ như ông thôi...

Ông Chúng sang nương, mấy ngày đầu nhà vắng quá, bữa cơm nào cũng mang thừa bát đũa. Đến tối May sang ngủ chung với mẹ già. Thường thì cứ phải đến lúc May chập chờn ngủ rồi mẹ già mới vào. Hôm nào mẹ cũng phải đi một vòng xem lại cửa cổng, dập hết than trong bếp lò, mang chó ra buộc gần chuồng ngựa. Lúc mẹ già vào, May ôm lấy mẹ thật chặt. Người May nóng gần bằng cái bếp lò, mẹ già bảo thế.

Đêm nay May đi ngủ muộn, phần vì nhà đã vắng càng vắng – thằng Trài mang ngựa đi lấy giống, mẹ già đi xem bệnh cho trẻ con nhà Chứ – phần vì ngoài kia, sau bờ rào đá, có tiếng đàn môi tự dưng cất lên, gọi mãi, gọi mãi. Tiếng đàn ấy May gặp ở mấy phiên chợ rồi, lần nào cũng đuổi sau lưng, May đi nhanh thì theo nhanh, May đi chậm thì theo chậm, bây giờ lại dám theo về tận nhà người ta nữa. Đã mấy lần May đứng dậy, ngập ngừng định đi ra cửa mà chân cứ run lên lại ngồi xuống. Chiếc khăn thêu được vài đường đã nhầm, kim lại đâm vào ngón tay mấy lần. Sau rồi May cũng giữ được chân mình mặc kệ tiếng đàn môi ấy, dội lửa vào củi rồi vào buồng. Tiếng đàn còn quanh quẩn bên ngoài mãi mới chịu đi. Tiếng bước chân ngựa cũng ngập ngừng. Đi ngựa là người ở xa đến rồi. Đi xa mà đứng lâu như thế dưới sương có khi lại ốm.

May nằm mãi cũng chẳng ngủ được. Trên gác nhà, con mèo mẹ tha đàn con đi đi lại lại suốt, lục sục trong đống ngô bắp. Nhà không có đủ người, gió lùa từ đầu hồi này tới đầu hồi kia, nghe mỏi cả tai. Nhắm mắt rồi mở mắt, May cố không nhìn vào cái hòm gỗ to lù lù góc buồng. Trong cái hòm ấy mẹ già cất một bộ váy áo đẹp lắm, thêu bảy màu như cầu vồng, mẹ bảo bao giờ

con May lấy chồng thì mẹ cho mang theo. Vậy mà mới đêm hôm qua, lúc gần sáng May thức giấc lại thấy mẹ già mở hòm lấy bộ váy áo ấy ra. Mẹ già định mặc váy áo đẹp đến thế đi đâu ? Hết mùa cưới rồi, họ hàng chắc cũng không còn ai cưới vợ cưới chồng cho con nữa. Mẹ già đi đâu ? Hay là mẹ già định đi hội chợ *hai bảy* tới đây ? Nếu thế thì... thì sao hở May ? Có phải vì bố bỏ sang nương không ? Hay vì bố biết mẹ già định đi hội chợ tháng ba năm nay mà bỏ đi ? Lâu lâu không nghĩ đến chuyện bố mang gạo muối sang bên kia sông Nho Quế, bây giờ nghĩ lại mới thấy có điều gì đó không bình thường, không giống như việc đàn ông các nhà khác làm lều trên nương canh dê bò, canh khỉ trên rừng về phá. Càng nghĩ càng thấy khó tìm lối ra, càng khó ngủ. Tự dưng May lo lo, không rõ mình lo gì, nhưng như có ai đốt lửa trong bụng. Ngoài hè, giọt sương đọng trên mái tranh rơi xuống bể nước đá cạn khô càng lúc càng to, nghe giống tiếng mưa lác đác.

Năm nay trời rét đậm hơn mọi năm, lại rét muộn nữa. Rét muộn thì sẽ rét lâu rét dài, tháng ba tháng tư có nắng rồi vẫn rét. Ra giêng hoa đào hoa lê mới đua nhau nở, ai cũng bảo năm nay Tết mùng năm tháng năm sẽ rất vui. Nhưng Tết mùng năm còn lâu mới tới, trời thay đổi tính nết thì con người khổ, khổ vì gieo hạt ngô lúa xuống đất mãi vẫn chưa thấy lá trồi lên. Đất càng ngày càng khô đi. Ở những nương đá mới xếp, đất xẹp dí xuống, đợi hạt giống đâm mầm lá lên mới bón thêm phân được. Nhưng lo thì cứ lo vậy thôi, hội hai bảy vẫn chẳng kém vui hơn mọi năm đâu.

Có tiếng chó đầu nhà rên ư ử, đuôi quẫy đập vào tường đất lạch phạch. Ông Chúng về. Mẹ già mới về trước một lúc lập cập ra mở cửa, xuýt xoa :

– Về sớm thế ? Sao không để sáng hẳn ra, sương tan cho đỡ lạnh.

- Ừ... – Tiếng ông khàn khàn – Cũng định thế. Nhưng có mấy người trên Xín Cái xuống sớm, bảo cho đi nhờ thuyền sang bên này, tiện thể về luôn. Ở nhà có việc gì không ?

– Vẫn thế thôi, chỉ có mấy thanh chuồng ngựa sắp gãy. Hôm nào ông về lâu lâu thì sửa nhé.

– Được rồi, cứ để đấy, tí nữa tôi sửa luôn.

Ở nhà này thứ gì cũng cũ, cũng già. Cả cái chuồng ngựa cũng thế. Ngày xưa bố ông Chúng dựng bằng gỗ lim từ lúc con trai út chưa ra đời. Mấy chục

năm rồi, không nhớ đã có bao nhiêu đời ngựa, bây giờ mới hỏng cần phải sửa là bền quá còn gì.

Trời sáng hẳn, ông Chúng đi một vòng quanh nhà, xem kĩ chỗ chồng ngựa chuồng đê rồi mang dao, cưa ra sửa luôn. Bà ra theo ông, xem có cần gì thì giúp. Vừa làm, ông Chúng vừa bảo vợ :

– Mẹ già này, năm nay xuân muộn, người đi chợ hai bảy đông lắm, nấu được ít rượu ngô đem bán thì tốt quá.

– Không phải nấu cũng còn đầy kia kìa. Trước Tết, nhà Sùng nhờ nấu mấy nồi cho nó lấy con dâu mới, sau họ hàng giúp nhiều quá lại không dùng đến.

– Thế thì bà mang ngựa thồ đi bán nhé.

Giọng nói của ông có gì khang khác, bà cảm thấy thế. Rượu nhà mình tự nấu, để bao lâu cũng được, càng để lâu uống càng ngon. Mà từ giờ đến Tết năm sau còn có bao nhiêu dịp cần đến rượu, sao ông lại giục bà đi bán ? Bà nhìn mãi sang ông nhưng ông vẫn cắm cúi làm, như không để ý, như chỉ vô tình nói ra chuyện đi chợ bán rượu. Ai cũng biết mang rượu đi chợ hai bảy để người bán người mua uống cùng với nhau. Uống cho say rồi người mua không nhớ trả tiền cũng được mà nhớ nhưng trong túi chỉ còn vài đồng không đủ mua túi muối, mang ra trả cũng được. Chợ ngày hai bảy nhưng từ hai mốt, hai hai đã lác đác có người, có rượu. Cả năm cúi mặt ngoài nương, cúi mặt vì hạt ngô hạt đậu, về nhà cúi mặt vì con lợn con gà, mãi mới có lúc thảnh thơi. Không bị trẻ con quấn chân nên ở chợ mọi người tha hồ chơi, tha hồ uống rượu. Đàn ông quên dao, quên nỏ, đàn bà quên chảo cám, quên cái đũa cả, chẳng ai chê cười.

Giữa ông Chúng với vợ đúng là có bao nhiêu thứ khó nói ra thành câu thành tiếng. Tất cả cũng chỉ tại một người mới đến, rồi lại đi trước Tết. Đi luôn thì thôi, đằng này còn hẹn ra xuân sẽ quay lại. Nếu đúng lời hẹn thì người ấy cũng sắp quay lại rồi.

Trước Tết một tháng, đúng hôm mẹ già với May làm bánh khảo thì nhà có khách. Khách ấy là mẹ Hoa. Lúc May ra mở cổng, May nhận ra mẹ Hoa ngay, nhưng mẹ Hoa cứ đứng nhìn May mãi, nhìn không chớp mắt. May không nghĩ mình lớn đến mức khó nhận ra như thế. Ngay lúc ấy May đã quay lưng đi như chạy vào nhà ngay, mặc kệ mẹ Hoa kéo lê cái túi to đùng

trên đất đi sau. Người May tự dưng nóng bừng lên, hai đầu gối run bần bật. Có cái gì đó như một cơn gió lạ đã ùa đến, rồi sẽ hất tung mọi thứ trong nhà lên, sẽ chẳng có thứ gì được ở yên chỗ của mình nữa. Sao tự dưng mẹ Hoa lại về, sao không đi luôn. Chị em May đã sắp quên chuyện cũ đi, giờ lại phải nhớ hay sao ?

Mẹ Hoa đi vào trong nhà, cúi đầu chào bố đang ngồi bên bàn uống nước. Bố May nhìn ra :

– À... lại về nhà đấy !

– Vâng... – Mẹ Hoa lí nhí, đầu cúi thấp hơn nữa, tay mân mê hai cái quai túi đặt trước mặt.

– Về làm gì ? – Bố hỏi mà như không hỏi.

– Em... em về chơi thôi. Xem mọi người thế nào.

– Thế nào à ? Chẳng thế nào hết. Người lớn thì già đi, trẻ con thì lớn lên...

Bố nói như không có người đứng nghe ngay trước mặt. Bố gọi May, gọi thằng Trài. Chỉ mình thằng Trài vào, còn May đứng đầu hồi, như không nghe tiếng bố.

Mẹ già đi ra, bảo mang củi ướt ngoài chuồng ngựa vào cho mẹ gác lên bếp lò, ghé vào tai May nói như mắng :

– Không được thế con gái à. Mẹ Hoa chứ có phải người lạ gặp ngoài đường đâu. Lâu quá nó mới về nhà, nhưng con gái vẫn không quên đâu, phải thế không ?

May quay lại trả lời mẹ già :

– Con còn nhớ hơn cả mẹ, mẹ già ạ. Nhớ hết. Nhớ cả con bò bị người ta dắt đi...

– Ầy, chuyện cũ đừng nhắc nữa. Cái gì cần nhớ hãy nhớ, cái gì nên quên phải biết quên. Hôm qua trời mưa nước suối đục, nhưng không đục mãi được. Con người cũng thế...

Mặc kệ mẹ già nói gì thì nói, May cũng không tự bắt mình quên được. May chạy ra chạy vào, hùng hục mang tất cả số củi ướt ngoài chuồng ngựa vào chất cao gần chạn gác bếp ở sau lò. Một thanh củi rơi cả vào chảo cám

đang sôi sùng sục. Mặc kệ. Mồ hôi túa ra trên mặt May, áo váy bê bết đất. Chuyến cuối cùng, thằng Trài đứng chặn ở cửa, nhìn chị từ trên xuống :

– Chị là đứa trẻ con bốn, năm tuổi à ?

May mím môi. Thằng Trài người thì to thật đấy nhưng ý nghĩ thì bé, bây giờ đã dám nói cái giọng ấy với chị nó rồi cơ đấy. May giằng tay em ra, mang số củi ướt vào phía sau bếp lò, cầm lấy thanh củi trong chảo cám quấy tung cả lên.

Mẹ già về làm vợ ông Chúng đã hơn hai chục năm. Ngày ấy cả vùng này biết tiếng cô Mao đẹp người, nết cũng đẹp, con gái bản trên làng dưới không ai dám nhận mình thêu thùa, dệt vải vừa nhanh vừa đẹp như cô. Cả vùng cũng chỉ có nhà anh Chúng chồng đủ bạc trắng, đủ gạo, rượu như bố mẹ Mao thách cưới, vậy là Mao về làm dâu nhà Chúng. Trước ngày cưới, cả đêm tiếng chân ngựa bồn chồn ngoài bờ rào đá làm Mao thức trắng. Mờ sáng thì con ngựa ấy bỏ đi, một lúc sau thì tiếng đàn môi cất lên từ sau hẻm núi. Tiếng đàn môi nghe rất xa. Mao ngồi dậy, nhìn qua ô cửa bé bằng hai bàn tay, thấy ngoài trời mù mịt sương ập xuống mảnh sân, vườn, nhìn từ nhà ra bờ rào đã không thấy rõ. Tiếng đàn môi từ rất xa kia lại giống như mũi tên xuyên qua sương dày đặc, lao đến. Tiếng đàn môi buồn rầu, trách móc. Mao lặng lẽ khóc, từ hôm ấy Mao không bao giờ nghe tiếng đàn môi dành cho riêng mình nữa.

Sau ngày cưới một năm, hai năm, rồi ba năm, chờ mãi mà vợ chồng Mao vẫn chưa có con. Lúc đầu nhà chồng còn chạy tìm thầy tìm thuốc, sau thấy không làm được gì đành thôi. Bố chồng, mẹ chồng nối nhau đi, thương con dâu như con gái nên không đành mở miệng bảo con trai đi tìm vợ mới, dù cả họ chỉ còn mỗi một người đàn ông trẻ nhất là Chúng.

Còn lại hai vợ chồng, bao nhiêu lần Mao nói với Chúng, hay là Chúng để Mao về nhà mẹ đẻ, cho Chúng đi lấy vợ mới, nhưng Chúng không nghe. Chúng phải giữ lấy Mao như giữ cánh cửa trong nhà mình. Chúng biết mình chẳng tìm được ở đâu một người thay chỗ của Mao. Mỗi lần có việc phải ra khỏi nhà Chúng cũng đều cố gắng nhanh nhanh cho xong việc để còn về. Chúng sợ Mao ở một mình lại buồn, sợ Mao đắp nửa chăn, nằm nửa giường lạnh không ngủ được.

Năm ấy, người ta mở đường lên Thượng Sơn, cả bản nhà nào cũng phải có một người ra khuân đất đá. Ngày nào Mao cũng dậy sớm đồ xôi, nướng gà cho Chúng ăn no, còn gói để Chúng mang theo ăn trưa luôn. Nhưng càng ngày con đường càng xa, làm xong không kịp về nhà, Chúng phải mang gạo đi, đến công trường góp nấu cơm chung với người ta. Vài ba hôm Chúng mới tranh thủ về được một lần. Lần nào cũng động viên Mao chịu khó ở một mình ít ngày nữa, đường sắp xong rồi.

Nhưng cũng phải hết mùa khô thì con đường nối mấy xã với nhau mới hoàn thành. Căn nhà rộng vắng bóng Chúng lâu quá nên chỗ nào cũng lành lạnh, ngày Chúng về Mao đang ốm, đã mấy hôm liền không ăn uống gì.

Nhưng Chúng không về một mình. Đi theo Chúng còn có một người cùng trong đội dân công. Người ấy là một cô gái trẻ, trẻ hơn Mao mấy tuổi, người miền xuôi.

Mao lặng lẽ chuyển đồ đạc của mình sang căn buồng của mẹ chồng trước kia. Căn buồng thường xuyên được Mao quét dọn, nhưng thiếu người ở nên cứ như cái nhà hoang. Lúc Mao mang cái hòm riêng từ ngày về nhà chồng ra thì Chúng đứng ở cửa buồng, đưa tay ra như muốn giữ Mao lại. Mao nhìn vào mắt Chúng, nhìn thẳng. Chúng không chịu được ánh mắt Mao phải quay mặt để Mao bước ra. Đêm hôm ấy Chúng ngồi gọt chuôi dao bên bếp lò, muộn lắm mà không đi ngủ. Mao dọn dẹp nhà cửa xong cũng không đi ngủ mà mang bó mùng trắng ra thái. Hai người không ai nói gì, chỉ nghe tiếng dao thái vào thân mùng phầm phập. Mao đứng dậy, đổ dọc mùng vào chảo cám, cúi xuống đẩy mấy gộc củi vào sâu trong bếp, lúc ấy Chúng mới kéo áo Mao, bảo Mao ngồi xuống cạnh mình. Nhưng hai người ngồi cạnh nhau rồi mà Chúng vẫn cứ gọt mãi, gọt mãi cái chuôi dao, gọt cả vào ngón tay, máu ứa ra. Đưa ngón tay bị đứt lên miệng, Chúng không biết bắt đầu thế nào. Mao vẫn nhìn chằm chằm vào bếp lửa, ánh lửa hắt lên mặt Mao đỏ hồng, tự dưng Chúng thấy sờ sợ Mao, thà Mao cứ nói gì thật to với Chúng còn hơn.

Từ hôm ấy nhà có ba người. Ba người ngủ ở ba cái giường, ba góc nhà. Ba người không mấy lúc nói chuyện với nhau. Mao dưới bếp, Hoa trên nhà, Chúng ngoài vườn, chỉ bữa cơm mới ngồi lại gần nhau. Đêm nào cũng nghe thấy tiếng cọt kẹt từ ba cái giường. Dậy sớm hay dậy muộn thì cả ba người đều quầng hai mắt. Sống thế thì khổ quá, rồi đến lúc ốm cả thì sao ? Một

đêm, Chúng ngồi dậy, đi đến cửa buồng bên phải, cửa buồng cài chặt bên trong, Chúng đứng một lúc lâu, khe khẽ ho, nhưng cửa vẫn đóng kín, cũng không nghe thấy tiếng người trong buồng thức dậy. Lúc ấy, buồng bên trái tự dưng có tiếng khóc. Tiếng khóc của người đang úp mặt xuống gối. Cửa buồng bên ấy lại không cài, chỉ khép hờ. Trời lạnh mà mồ hôi vã ra đầm đìa trên mặt Chúng...

Sau khi con bé May ra đời, Hoa ở lại chứ không bỏ đi như Chúng nói với Mao. Nhưng đúng là Hoa không biết làm nương, không biết trỉa đậu, vun đậu, nhóm cái bếp lò cũng không nổi. May được hơn hai tháng tuổi thì mẹ Hoa để May ở nhà với mẹ già rồi xuống phố huyện mở sạp hàng bán giày vải, thỉnh thoảng mới về.

May bé như con mèo con. Từ sáng tới tối khuya, lúc nào cũng nằm trong địu trên lưng mẹ già. Không biết bao nhiêu lần May ngậm hai bầu ngực mẹ già, nhay đến bật máu vì thèm sữa. May lên hai tuổi, còn chưa trèo qua được bậu cửa thì mẹ Hoa đẻ thêm thằng Trài. Thằng Trài lại ngồi trong địu, thay chỗ của May, lại nhay bầu vú chưa bao giờ có sữa của mẹ già.

Mẹ Hoa ngày càng ít về, mỗi lần về cũng chỉ được một lúc, không kịp ăn cơm lại đi. Lần nào về cũng mang cho hai chị em May cả túi kẹo màu to tướng, cả giày dép, áo quần. Nhưng lần nào cũng vậy, chị em May lại mang kẹo ra đổ vào máng ngựa, quần áo cũng không mặc đến, mặc váy áo mẹ già dệt quen rồi. Quần áo mẹ Hoa mang về cứ để mãi trong hòm.

Năm May lên mười một tuổi, em Trài lên chín thì mẹ Hoa về nhà lần cuối cùng rồi đi hẳn. Lần ấy mẹ Hoa ăn cơm rồi ngủ lại một đêm với ba mẹ con. Bố May đi săn không về, chị em May đi ngủ sớm, sáng hôm sau thức dậy đã không thấy mẹ Hoa đâu. Mẹ già cũng chỉ bảo là mẹ Hoa đi sớm lắm, khắc tự dậy mở cửa rồi đi. Cũng đêm ấy, con bò cày bị mất trộm, ai đó đã tháo thanh cài cửa chuồng dắt bò đi. Nhà chỉ có một con bò cày, mất bò thì người phải làm thay bò thôi. Gần trưa hôm ấy ông Chúng mới đi săn về, May ôm lấy chân bố, kể chuyện mẹ Hoa về, chuyện mất trộm bò. Không thấy bố và mẹ già nói gì với nhau về chuyện ấy. Mấy đêm liền bố May không ngủ, ngồi uống rượu khan ngoài hè, xung quanh là đàn chó con lớn con bé nằm chồng lên nhau.

Vụ mùa năm ấy, vụ sau nữa, hai bố mẹ May phải mang cuốc đi cuốc đất thay bò. Bàn tay mẹ già đã chai càng thêm chai thêm, vết chai dày cộp như

miếng cháy trong nồi cám. Đêm nào mẹ già cũng lấy hai bàn tay đầy vết chai ấy xoa lưng cho hai chị em May dễ ngủ.

Mẹ Hoa đã đi suốt bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng, ai cũng nghĩ là mẹ Hoa không bao giờ về nữa. Mấy lần ông Chúng xuống huyện cũng không thấy Hoa ngồi bán hàng ở đó. Bằng ấy ngày tháng, đủ cho bọn trẻ con sắp thành người lớn cả rồi. Hoa còn trở lại. Chẳng lẽ giống như người đi mãi mà không tới được nơi cần đến, không còn sức nữa nên quay về tìm chỗ nghỉ chân ?

Mẹ Hoa về làm cái gia đình đang yên ổn như tổ chim trên cao lộn tung cả lên. Hoa đã nói những gì ông Chúng chẳng nhớ hết, vì ông không muốn nghe thì nói gì cũng thế thôi, chỉ đến khi mẹ Hoa ngỏ ý đưa con bé May với thằng Trài về xuôi thăm họ hàng, ăn Tết, thì ông đã quát lên. Nhà ông không phải vườn ổi hoang, ai thích đến hái thì cứ hái như trẻ chăn bò.

Nói với ông khó quá thì mẹ Hoa tìm mẹ già. Sau một đêm, thức dậy ông thấy hai mắt mẹ già trũng xuống, tay bưng chậu cám run như phải cảm. Ông cứ chờ xem bà có nói gì với mình không nhưng bà im lặng mãi, cắm cúi làm, không buồn ngẩng mặt lên.

Mẹ già thì tránh mắt ông, ông lại tránh mắt mẹ Hoa. Mẹ Hoa vẫn đẹp như bông lê đang độ nở rộ ngày trời ấm. Mẹ Hoa chỉ kém mẹ già mấy tuổi mà trông như con gái của mẹ già. Có lúc mẹ Hoa nhìn ông, nhìn muốn cháy cả mặt. Lúc mẹ Hoa vén quần rửa chân, để lộ hai bắp chân tròn hơn cả bắp chân con May, thì ông xua tất cả những ý nghĩ lạ sắp đến trong đầu mình đi. Mẹ Hoa lại vào ngủ trong buồng trái, không cần ai bảo. Từ ngày mẹ Hoa đi, ông ngủ một mình ở đấy. Bà Mao lấy cớ đã ngủ quen bên kia với bọn trẻ con, dứt khoát không chuyển đồ sang lại nữa.

Ông lại ngồi uống rượu khan. Lưng áo ông lạnh buốt. Sau lưng ông là cửa buồng trái khép hờ, trước mặt là ngọn đèn cạn dầu, ngọn lửa cháy đã có mùi khét của bấc.

Mẹ Hoa không sao nói chuyện được với May. May tránh mặt mẹ đẻ. May bảo với bố, mẹ Hoa chỉ như con thú hoang ở đâu lạc vào nhà mình thôi, lúc nào không muốn ở nữa thì khắc bỏ đi. May biết, lúc nào phía sau, bên cạnh mình cũng có ánh mắt mẹ Hoa nhìn mình. Thằng Trài khác May, nó đã chịu nói chuyện với mẹ Hoa. May đâm ra ghét cả Trài, hai chị em cũng không nói

chuyện với nhau nốt. Lúc nào May cũng chỉ thấy hai bàn tay khô như hai cành mua cong queo, đầy vết chai dày như miếng cháy trong chảo cám của mẹ già trước mặt mình.

Mãi đến lúc mẹ Hoa xách túi đi May mới nhìn thẳng vào mẹ một lần, lần đầu tiên từ hôm mẹ về. Và May đã giật mình, đã tự dưng thấy đau buốt trong ngực. Hai mắt mẹ Hoa – đôi mắt mà mẹ già vẫn bảo là thứ để người khác nhìn vào nhận ra May – đôi mắt ấy đỏ như chảy máu, mí mắt sưng to, hai gò má mẹ Hoa trắng nhợt. Nhưng May vẫn không nói với mẹ Hoa một lời nào, miệng May như có ai khâu chặt lại.

May đã quay mặt đi, tránh ánh mắt mẹ Hoa, May không đủ sức nhìn lâu hơn. Mẹ Hoa đã đi, một lúc đã không thấy đâu giữa những triền ngô xơ xác vừa qua vụ thu hoạch. May vùng chạy ra khỏi nhà, chạy về phía con suối nằm rất sâu trong rừng. Mẹ già đang giặt ở đấy, váy áo ướt đã phơi đầy trên những tảng đá lớn trên bờ suối. May chạy xuống, ngã dúi vào mẹ già, khóc oà lên :

– Đi... đi rồi, mẹ già ơi ! Mẹ Hoa ấy...

Mẹ già ôm lấy vai May. Nước suối lạnh buốt đập vào gờ đá, bắn ướt chân váy hai mẹ con. Mẹ già khe khẽ thở dài...

May gặp người ấy rồi. Có một tối ngồi trong nhà, nghe tiếng đàn môi gọi mãi, giục mãi. May đã liều bước chân ra cổng. Người ấy ở Thượng Sơn xuống, còn trẻ lắm, hơn May một, hai tuổi là cùng, nhưng May chỉ đứng cao đến vai người ấy. Dưới ánh trăng hạ tuần mờ mờ May không nhìn được rõ mặt, nhưng cảm thấy rất rõ ánh mắt như có lửa của người ấy nhìn mình như thế nào. Đêm đầu tiên, May chỉ dám đứng một lúc, run quá, chạy vội vào nhà, May sợ mình đứng thêm nữa thì ngã mất. Dần dần đỡ sợ hơn, May đứng thêm một lúc, có hôm sương rơi ướt vành khăn mới vào nhà. Giờ thì May đã nhận lời đi hội chợ hai bảy với người ấy.

Ngày mai Chử đợi May ở ngã ba, từ ngã ba đến chợ còn một đoạn nữa, đến nơi chắc trời cũng tối rồi. Cả đêm May không sao ngủ được. Đã cố tình đi ngủ muộn mà đến lúc vào giường, nằm mãi vẫn chưa thấy gà gáy. May nói dối mẹ già là ngày mai cái Li rủ May sang nhà nó làm bánh, mẹ già không nói gì, chỉ dặn đến nhà người khác phải nhớ chào hỏi người già, không được đi ngủ trước người già như ở nhà mình.

Trời mờ sáng May đã dắt ngựa ra. Con ngựa đen như hiểu ý May, ngoan ngoãn để May đặt yên lên lưng.

May run quá, chỉ sợ gặp người quen trong bản, người ta lại kể với bố mẹ thì thế nào cũng bị mắng vì tội nói dối. Nhưng sợ thì cũng cứ đi, có người đi cùng mình còn sợ cái gì. Không ngờ ở chợ ấy May gặp đến ba, bốn đứa bạn gái cùng bản, đứa nào cũng đi với một anh con trai lạ. Nhìn thấy nhau, không đứa nào nói gì, cứ làm như không quen, quay mặt đi mới tủm tỉm cười. Đêm xuống, có một thanh niên đốt đống lửa to ở giữa bãi còn, ai có cái gì mang theo thì bỏ ra ăn chung. May và bạn May cũng buộc ngựa một góc rồi ra đấy ngồi cùng. Xung quanh đống lửa càng lúc càng đông người, toàn con trai con gái trẻ. Giờ thì không thấy ai xấu hổ nữa. Má đám con gái đỏ rực nhưng là vì ánh lửa. Ai cũng như mình thì việc gì phải xấu hổ.

Sáng hôm sau, đúng ngày hai bảy tháng ba, mặt trời mãi mới nhô lên sau cánh rừng đỏ rực. Chử kéo tay May ra phía người ta ngồi thành hàng dài, rượu đựng trong can to để trước mặt. Nhưng ngồi uống rượu lâu cả buổi thì chỉ có người già thôi, bọn thanh niên ghé qua một tí rồi tìm chỗ khác, ít bị người ta nhìn thấy mà ngồi.

Vừa ngồi xuống một hàng rượu, chưa kịp nói gì với người bán thì đột nhiên May kéo Chử đứng bật dậy :

– Đi ! Đi chỗ khác. Nhanh lên !

Vừa nói May vừa kéo Chử đi như chạy, xa chỗ bán rượu càng nhanh càng tốt. May vừa nhìn thấy, May không nhìn nhầm, nhất định May không nhầm, người mặc váy áo màu như cầu vồng ấy là mẹ già. Mẹ già đang ngồi sau quầy tấu gùi rượu, mặt đỏ rực. Còn người ngồi phía bên kia quầy tấu có phải là bạn cũ của mẹ già ? Là người thề không bao giờ chơi đàn môi nữa từ ngày mẹ già đi làm dâu, có phải người ấy không ?

May kéo Chử đi, còn Chử nhìn May, nhìn mãi không nói được câu gì. Nhà Chử chỉ có hai bố con. Mẹ Chử chết bệnh từ khi thằng con trai đang bám bậu cửa tập đi. Lên sáu tuổi, Chử đã được bố dạy thổi kèn, lên mười tuổi Chử đã theo bố lên nương. Biết chuyện, bạn May có đứa đùa, bảo May về nhà ấy làm dâu thì sướng, vì Chử thổi kèn còn hay hơn cả bố, vì May không phải chiều mẹ chồng...

Muộn lắm, May mới về tới nhà. Mẹ già đang ngồi hong tay trước cửa bếp lò mới bén lửa, giục May lấy nước ấm đi rửa chân tay. Mẹ già đã mặc bộ váy áo ở nhà nhưng lại quên chưa thay khăn. Mẹ già bảo bố đưa mẹ Hoa xuống phố huyện chưa về, mẹ Hoa mới lên chiều hôm qua. Mẹ Hoa lại lên. Chuyện ấy có đáng nghĩ đến không ? Sao mẹ già chẳng nói gì thêm ? May ngập ngừng :

– Mẹ già định... định thế nào ?

– Thế con gái bảo mẹ phải làm gì ? – Mẹ già quay sang nhìn May rồi lại quay đi, cầm tì lên hai đầu gối, tay cầm thanh củi dụi mãi vào bếp lò đang cháy to dần, một lúc lâu mới tiếp :

– Con gái à, làm dâu mà không làm mẹ thì chỉ là cục đá kê chân cột nhà chồng thôi. Ở hai mươi, ba mươi năm, ở đến lúc chết cũng chỉ là cục đá kê cột thế thôi...

Nghe mẹ già nói May ứa nước mắt ra. Vậy là hai mươi năm nay điều mẹ già vẫn nghĩ đến chỉ là cục đá, mẹ già không nhận chị em May hay sao ? Mẹ già định trả chị em May cho mẹ Hoa như người ta mượn ngựa rồi trả ngựa hay sao ? Trả xong rồi thì mẹ già làm gì nữa ? Chẳng lẽ bằng ấy tuổi rồi còn định sang nhà khác tiếp tục làm cục đá kê cột ? May kéo ghế ngồi xích lại gần mẹ già hơn một tí, không biết nói gì cho phải, bụng dạ đau thắt như có ai cầm dao sắc mà cứa.

Khuya rồi vẫn không thấy bố về. Bây giờ đường tốt rồi, người ta đi về chỉ mất chưa hết nửa ngày, vậy mà bố đi lâu thế ? Chẳng ai bảo ai nhưng hai mẹ con đều có ý chờ, chờ đến tàn gộc củi mới đi ngủ. Nhưng vừa nằm một lúc, chập chờn ngủ thì May nghe có tiếng đàn môi cất lên. Tiếng đàn ở ngay ngoài cổng gỗ chứ không gọi ở đầu nhà như lần trước. May định mặc kệ, vừa mới chào nhau, mùi tóc quen quen còn chưa bay hết, lại buồn ngủ nữa. Nhưng tiếng đàn cứ gọi mãi, gọi mãi, mà tiếng đàn môi đêm nay cũng có gì khang khác, dài hơn trầm hơn, ngập ngừng hơn, vấn tràn qua bờ đá vừa dày vừa cao như suối chảy. Nghe bao nhiêu lần mà lần nào May cũng hồi hộp, tim đập thình thịch. Đột nhiên mẹ già khẽ khàng ra khỏi chăn, chắc lúc đi ngủ mẹ quên chưa buộc con chó ra ngoài chuồng ngựa rồi. Đợi mẹ mở cửa, May cũng tung chăn ra. Ra bảo Chử về đi thôi. Về nghỉ mai còn đi làm chứ.

May đi như chạy ra sân, đầu quệt cả vào dây phơi treo đậu tương, định ra rồi vào luôn để mẹ già không biết. Nhưng vừa đi qua sân bất chợt May sững lại. Ngay trước mặt May, cách chỉ hai bước chân là mẹ già. Mẹ già quay lưng lại phía May, đầu cúi xuống, tấm khăn tuột trên vai, tay mẹ già đang nắm chặt thanh gỗ gài hai cánh cổng...

May bíu lấy gốc cây lê, cố thở thật khẽ. Ánh trăng cuối tuần mờ quá. Gió lạnh từ trong khe núi ào ra, mấy chiếc lá lê già còn sót lại rụng nốt, quệt vào bờ rào đá lạt sạt...

Lời bình

Một không gian đầy hoa lá rừng, có tiếng gà gáy tách te trong bụi rậm, có những dòng suối trong suốt với những viên cuội đỏ, có những chàng trai thổi sáo theo sau các cô gái khoác quảy tẩu xuống chợ, những nồi thắng cố nghi ngút khói trong phiên chợ vùng cao đầy màu sắc, những đêm trăng sóng sánh huyền ảo, những cụm màn tang mọc trong thung lũng, tiếng đàn môi rẻo rắt sau bờ đá, lễ hội Gầu Tào với điệu hát Gầu Plềnh mê đắm của những cô gái, chàng trai người Mông trên đỉnh núi...

Khát vọng về hạnh phúc, những tâm sự cháy bỏng về lẽ sống, ý thức về những ngày hiện tại ở một vùng đất độc đáo, đầy kỉ niệm đã tạo ra trong ngòi bút của Đỗ Bích Thuỷ niềm xúc động chân thành, chảy dào dạt trên trang viết. Không thể không nghĩ đến một ngày Đỗ Bích Thuỷ sẽ trở thành cây bút thực sự trưởng thành của văn xuôi Việt Nam hiện đại.

Lê Thành Nghị

Hữu Tiến

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Nguyễn Hữu Tiến. Sinh : 1952.

Quê quán : Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản : *Trăng gần* (truyện, 1993) ; *Nơi ngọn suối chân rừng* (truyện, 1997).

NƠI NGỌN SUỐI CHÂN RỪNG

Nhà tôi, ngoài những đám ruộng to, rộng ở gần bản còn có mấy thửa ruộng bậc thang nằm trong khe núi. Nơi đó gọi là Khuổi Áng. Ruộng ở Khuổi Áng bao giờ cũng chín sau cùng vì thiếu nắng. Một buổi tối, trong bữa cơm mẹ tôi bàn với ông :

– Mai bố ở nhà phơi thóc, để con đi gặt ruộng ở Khuổi Áng, bố nhé !

Ông tôi ngẫm nghĩ một lát rồi nói :

– Ở đó khe sâu, rừng vắng nguy hiểm lắm ! Để bố đi cho !

Mẹ tôi không nhất trí và đưa ra một lô lí do, nào sợ ông tuổi già, sức yếu, nào cả vụ gặt ông chưa được nghỉ ngày nào. Những lí do mà mẹ tôi đưa ra đều bị ông gạt phắt đi. Cuối cùng buộc mẹ tôi phải nhường. Mẹ tôi nói :

– Vậy thì mai ông mang liềm đi cắt lúa trước. Con phơi xong mẻ thóc sẽ vác "Loóng" (dụng cụ đập lúa, hình cái thuyền) theo sau.

Thế cũng được ! – Ông tôi vừa nói vừa nâng chén rượu lên môi.

Nhắc đến Khuổi Áng tự nhiên lòng tôi háo hức hẳn lên. Thú thực, tôi cũng chẳng mê gì cái khe núi sáng chậm nhanh tối kia đâu. Điều làm háo hức lòng tôi chính là dòng suối Khuổi Áng với những chú cá đắc đẩu béo tròn cơ. Chao ơi ! Câu cá đắc mới dễ dàng và thú vị làm sao. Giống cá đắc đẩu không hiểu sao rất say mồi và ngu ngơ đến tội nghiệp. Người đi câu chỉ cần mắc con cào cào non vào lưỡi câu rồi thả xuống nước. Đắc đẩu ở trong hang nhìn thấy mồi vội lao ra đớp, cũng có con ngắm nghía, lượn quanh mồi một lúc mới thong thả há mồm. Có thể nói loài cá này háu ăn và dũng cảm. Ở những chỗ nước trong, nhìn thấy người ngồi trên bờ hẳn hoi nhưng chúng chẳng biết sợ là gì.

Tôi ước tính vừa câu vừa chơi, một buổi sáng cũng kiếm đầy giỏ cá. Nghĩ vậy, tôi liền thưa với ông :

– Ông ơi ! Mai cho cháu đi cùng nhé !

– Con đi làm gì ? Chỉ tổ vướng chân ông ! Mẹ tôi vội lên tiếng.

– Thắng Sáng cứ ăn cho no, ngủ cho ngon ! Mai ông cho đi cùng ! Ông nói thế quay sang mẹ tôi : Thằng Sáng lớn rồi, cứ để nó quanh quẩn với mấy cái cột nhà, sau này bước chân không được dài, cái nhìn không được xa đâu ! Nó thích cứ cho nó đi con ạ !

Mẹ tôi không nói gì. Xem ra mẹ chưa muốn rút lui ý kiến của mình, nhưng vì ông nói thế, mẹ đành phải theo. Xưa nay mẹ tôi chưa bao giờ dám bàn lại với ông việc gì cả.

Được ông ủng hộ, tôi mừng quá. Tuy bụng đã no nhưng tôi vẫn cố lèn thêm một bát nữa để chứng tỏ mình thừa sức tham gia vào những công việc của người lớn.

*
* *

Buổi đi gặt ở Khuổi Áng, ngoài hai ông cháu còn có thêm con ngựa và chú chó xồm. Gặt ruộng xa phải mang theo ngựa thồ là lẽ đương nhiên rồi. Nhưng còn chú chó xồm, chẳng có việc gì cũng lẵng nhẵng đòi theo. Lúc chạy phía trước, lúc lùi đằng sau, con xồm chốc chốc lại

sủa vang. Hình như nó còn sung sướng hơn tôi gấp bội. Được theo chủ vào rừng có lẽ con xồm cũng vui như tôi được theo mẹ đi chợ vậy.

Đến nơi, ông tôi ngồi vấn điếu thuốc, hút vài hơi rồi cầm liềm cắm cúi cắt lúa. Tôi thì cúi lom khom ở bờ ruộng bắt cào cào, châu chấu làm mồi câu cá. Con ngựa được ông tôi thả vào bãi cỏ. Buổi sáng cỏ ngậm sương, chắc ngọt lắm nên nó cứ chúc mõm lia lưỡi vơ những ngọn cỏ xanh non, vừa nhai vừa thở phì phì. Con xồm thật là hiếu động. Sục trong ruộng lúa chán chê, nó lao lên sườn núi sủa vang. Những con gà gô và bìm bịp bay loạn xạ vì tiếng sủa của nó. Với con xồm hình như trong rừng cái gì nó cũng thấy lạ. Chẳng thế mà nó cứ sục sạo lung tung, bất chấp gai góc. Có lẽ đây là dịp để nó thử sức, thử chân chăng ! Sợ nó bị lạc, ngồi bên bờ suối vừa mắc con cào cào vào lưỡi câu, tôi vừa gọi : "Êu ! Xồm ! Lại đây." Mọi lần khác, bất cứ ở đâu, nghe tiếng gọi là nó chạy đến bên tôi ngoe nguẩy đuôi mừng quýnh. Vậy mà lần này, mặc cho tôi gọi, con xồm cứ sủa ầm ĩ trong bụi rậm. "Được rồi ! Mày không nghe tao, bữa nay tao không cho mày ăn cá, để mày chết thèm". Tôi thầm mắng yêu con chó và thong thả buông câu.

Con mồi vừa chìm đến lưng chừng vũng nước thì một chú đắc đẩu đã lao đến đớp liền. Không việc gì phải vội vàng, tôi chờ nó nuốt ngập con mồi mới giật cần câu. Chỉ một loáng, chú đắc đẩu to bằng ngón chân cái đã giãy giụa vô vọng trong bàn tay của tôi. Tôi đứng lên, giơ con cá khoe với ông :

– Vớ được một con rồi ông ạ !

Ông tôi ngừng tay liềm, ngẩng nhìn :

– Cháu giỏi quá ! Cứ câu thoải mái đi, thời gian còn dài lắm.

Được ông khen, tôi thấy sung sướng hơn là câu được cá. Đúng vào thời điểm đó, tự nhiên con xồm lao từ trên sườn núi đến bên chân ông tôi. Đuôi nó cúp xuống, kêu ăng ẳng như bị đòn. Con ngựa cũng chẳng thiết gì gặm cỏ nữa, nó quỳ xuống đất, toàn thân run bắn. Tôi thật sự ngơ ngác trước cảnh tượng lạ lùng này. Chưa thấy như thế bao giờ, tôi đâm hoảng. Ông tôi bỏ liềm, cầm lấy khẩu súng kíp tựa ở bờ ruộng. Ông nói với tôi :

– Sáng, đưa củ tỏi cho ông !

Tôi vội đưa tỏi cho ông. Sáng nay, trước khi đi ông nhắc tôi đứt một, hai củ tỏi vào túi mang theo. May mà dọc đường tôi không vứt đi. Ông đưa cả củ tỏi vào mồm nhai rồi phun vào mũi con ngựa. Một lúc sau con ngựa vùng dậy gặm cỏ bình thường. Ông chỉ vào cây dâu da mọc gần đấy và bảo tôi trèo lên ngọn cây quan sát. Còn ông tay nhăm nhăm khẩu súng chui lên sườn núi rậm. Con xồm như quấn lấy chân của ông, há mồm kêu ăng ẳng.

Trèo lên ngọn cây dâu da, tôi thấy vững dạ hẳn. Tay bám chắc vào cành cây, tôi bình tĩnh quan sát xung quanh. Và kìa, tôi nhìn thấy con gì giống con mèo nhưng mà to lắm. To hơn con ngựa nhiều . Nó đang ở tư thế vồ mồi. Chắc nó nhằm vào con ngựa. Hẳn đây là con hổ rồi. Con hổ mới to gan như thế ! Tôi vội gọi ông :

– Ông ơi ! Con hổ ! Nó ở trong đám cây guột kia kìa.

– Đâu ? – Ông tôi lên tiếng và hướng nòng súng về bụi cây guột. Ông tôi vừa dứt tiếng, con hổ chồm lên, lao thẳng vào tôi. "Vụt, soạt" con hổ lao qua dưới chân tôi chỉ cách chừng sải tay. Nó phi xuống đám ruộng gặt dở rồi lao lên sườn núi bên kia nhanh như ngọn gió. Ông tôi giương súng lên nhưng lại hạ xuống, khoác vào vai. Ông gọi tôi :

– Sáng ơi ! Cháu có sao không ?

– Không sao ông ạ ! Tôi đáp.

– Tụt xuống thôi ! Hổ đi xa rồi ! Ông gọi tôi và ngồi xuống cạnh gốc cây, giở thuốc lá ra hút. Tôi tụt nhanh xuống đất, đến ngồi bên ông. Nhìn con ngựa đang ung dung gặm cỏ, chợt nhớ ra điều thắc mắc ban nãy, tôi liền hỏi ông :

– Ông phun nước tỏi vào mũi con ngựa làm gì vậy, hở ông ?

Ông tôi thong thả nhả khói thuốc và giải thích :

– Cháu biết không ? Con ngựa rất sợ con hổ. Ngửi thấy mùi con hổ nó đã quỳ xuống để chờ chết. Phun tỏi vào mũi con ngựa chẳng qua là để cho con ngựa không ngửi được mùi con hổ mà thôi. Loài hổ rất ghét ai phát hiện ra nó. Chính vì thế mà nó lao vào cháu đấy. May mà cháu leo lên cao, không thì nguy với nó rồi !

À ra thế, sống ở rừng đâu phải dễ. Tôi thầm nghĩ.

– Ông ơi ! Ban nãy sao không bắn nó. Bắn không trúng cũng làm nó sợ chứ ông ? Tôi hỏi.

– Loài thú vốn sợ người rồi. Ta không nên làm cho nó sợ thêm nữa cháu ạ.

Ông được nhìn thấy hổ nhiều chưa ? Tôi hỏi.

Nhiều ! Nhưng là ngày xưa cơ ! Hai chục năm nay đây là lần đầu, ông được nhìn lại con hổ cháu ạ. Từ ngày khu rừng này chết, hổ cũng không về nữa. Hổ về, tức là rừng sống lại rồi đấy. Mừng lắm cháu ạ !

– Thế bố cháu được thấy hổ như cháu chưa ?

– Từ ngày bố cháu đi bộ đội thì ông không biết. Nhưng hồi ở nhà thì chưa. Cháu may mắn hơn bố cháu nhiều đấy ! – Ông tôi vui vẻ trả lời.

Hai ông cháu nói chuyện một lúc rồi ai làm việc nấy. Ông tiếp tục đi cắt lúa. Tôi lại xuống bờ suối câu cá. Con ngựa vẫn ung dung gặm cỏ. Chỉ có con xồm là chưa hết sợ, nó quẩn quanh bên chân ông tôi, không rời ra nửa bước.

Lời bình

Đây là loại truyện đi vào đề tài sinh hoạt của đồng bào miền núi. Lựa chọn đề tài này, nhà văn đứng trước một thử thách : phải có những chi tiết mới lạ thuộc phong tục, tập quán, nếp sống, hoạt động, cảnh trí... tức là cung cấp một bức tranh sinh hoạt thú vị cho bạn đọc. Nếu không có được cái mới lạ thú vị trong các chi tiết cụ thể thì truyện rất dễ thất bại. Khi viết "Nơi ngọn suối chân rừng", nhà văn Hữu Tiến đã vượt qua được thử thách này.

Có thể với người miền núi (dĩ nhiên không phải tất cả) thì một số chi tiết độc đáo trong truyện chưa chắc đã là mới lạ ; nhưng với bạn đọc rộng rãi, hầu như chúng mới được biết đến lần đầu. Thứ nhất *bước vào truyện, người đọc gặp ngay một loài cá đắc đẩu "say mồi và ngu ngơ đến*

tội nghiệp" rất dễ cắn câu. Thứ hai, *con xồm bỗng "sủa ầm ĩ trong bụi rậm" báo hiệu điều gì đó chẳng lành.* Thứ ba, *con ngựa bỗng "quỳ xuống đất, toàn thân run bắn," rồi sau khi được ông lão phun nước tỏi vào mũi, nó lại đứng dậy gặm cỏ bình thường.* Thứ tư *là chi tiết con hổ sau khi bị cậu bé phát hiện, nó đã lao thẳng vào cậu ta với ý định trả thù. Khi đưa ra các chi tiết này, không cần giải thích vội, để đến khi kết thúc câu chuyện, tác giả mới nhờ ông lão giải thích cặn kẽ. Vậy là lần theo mạch truyện, người đọc đi từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác. Sự gỏi mở các chi tiết được tác giả làm khéo, gây sự hấp dẫn cho người thưởng thức.*

Có một chi tiết tưởng như rất bình thường, nhưng lại chất chứa nhiều ý nghĩa, đó là lời ông lão :

"Từ ngày khu rừng này chết, hổ cũng không về nữa. Hổ về, tức là rừng sống lại rồi đấy. Mừng lắm cháu ạ". Hổ là loài vật nguy hiểm đe doạ tính mạng con người, ấy thế mà sao ông lão lại tỏ ra vui mừng khi có hổ về ? Quả là một câu hỏi thú vị. Tuy không được phát biểu trực tiếp, nhưng người đọc hiểu rằng : Khi mà môi trường sinh thái bị tàn phá thì các loài thú rừng cũng bỏ đi luôn. Nay cũng lại nhờ con người, cánh rừng đã hồi sinh trở lại, muôn loài trở về hội tụ. Cây xanh vẫy gọi muôn loài. Chỉ có rừng xanh mới là mái nhà bình yên cho muông thú, và không chỉ muông thú, mà cho cả con người. Rừng sống lại rồi ! Đó chính là niềm vui chính đáng của ông lão - Một người cả đời sống gắn bó với rừng, hiểu và yêu mến nó.

Có thể nghĩ thêm : lâu nay nhiều người chỉ tính đến việc khai thác, chinh phục tự nhiên, sát phạt và đàn áp tự nhiên. Hổ dữ thì phải giết ! Nhưng cũng phải thấy rằng hổ chỉ có thể trở nên nguy hiểm khi con người khinh suất đối với chúng, hoặc gây sự, đe doạ chúng mà thôi ! Từ ngàn xưa, loài người đã biết cách chung sống hài hoà với thiên nhiên, *với rừng, với suối, với voi thét hổ gầm, với vực sâu thác dữ ... Đó là một thái độ đúng mực nhất của con người với thiên nhiên* - Một ứng xử văn hoá.

Câu chuyện rất đỗi đơn sơ, bình dị, nói về khung cảnh sinh hoạt, làm lụng của hai ông cháu, nhưng lại gợi cho người đọc nhiều ý tưởng sâu xa. Ai đọc truyện này dễ có cảm giác tác giả viết dễ như chơi vậy. Nhưng để cho có được cái "dễ như chơi" ấy, nhà văn đã sống rất kĩ với rừng núi và với con người.

Văn Giá

Đặng Quang Tình

(Dân tộc kinh)

Tên khai sinh : Đặng Quang Tình. Sinh tháng 10 năm 1934.

Quê quán : Dương Lai, Cốc Thành, Vụ Bản, Nam Định.

Tác phẩm đã xuất bản : *Hoa rừng* (tập truyện ngắn, 1986). Ngoài ra còn có nhiều truyện ngắn, bút kí đăng trên các báo Trung ương, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; nhiều truyện, bút kí được tuyển vào các tuyển tập.

Giải thưởng văn học : Giải nhất truyện ngắn báo Văn nghệ 1974-1975 (truyện *Trên vành chảo Điện Biên*) ; giải nhất truyện ngắn báo Văn nghệ 1978-1979 (truyện *Ông Thào*) ; giải ba truyện ngắn Tạp chí Văn nghệ Quân đội 1983 (truyện Lính cối) ; giải nhì Hội Nhà báo Việt Nam 1995 (bút kí *Ba lần lên Sa Dung*).

ÔNG THÀO

Nhà ông Thào có khách. Buổi trưa giết gà, đánh tiết canh, tiếp khách. Buổi tối lại mổ lợn, lại đánh tiết canh tiếp khách.

Khách gì mà trọng vọng vậy ? Người họ Giàng với ông, không phải ! Người họ Vừ với bà Mỷ, chẳng đúng ! Khách mới quen trên đường đi chợ về thôi ! – Không thân thích, còn hơn thân thích ; quen sơ, còn hơn quen thân. Khách từ Pha Long, Cán Tỷ vượt Hồ Thầu tới xem Phì Nhừa làm ăn, xem Phì Nhừa làm mặc cơ mà. Phì Nhừa chưa giỏi cũng là nhất vùng, chưa tài cũng là nhất núi. Không thể để khách bảo hợp tác xã chỉ rượu một chai, thịt một đĩa. Như vậy còn ai thích hợp tác xã nữa. Ông là phó chủ nhiệm, ông phải giữ gìn tiếng tăm cho hợp tác xã.

Bà Mỷ thấy chồng săn đón khách cũng vội vàng thu dọn nhà cửa, mở nắp dựng máy khâu lên để khách thấy cách làm mặc ; khệ nệ bê lù cở[1] ngô ra vãi cho lợn, gà để khách thấy cách làm ăn của nhà bà. "Mình là hợp tác xã giàu. Người ta đến xem hợp tác xã làm ăn là có ý muốn theo con đường hợp tác". Bà Mỷ nghĩ như vậy.

Vừa thái thịt ông Thào vừa chú ý nghe câu chuyện của khách ở ngoài sân.

– Thế là chú mồ côi bị lừa !

"Hô, hô, hô ... Ha, ha, ha ...". Tiếng cười của đám thanh niên rộ lên.

Ông Thào biết khách đang kể chuyện tiếu lâm. "Cái cây có ma" nhạo báng anh chàng mồ côi bị thằng xỏ lá Sâu Chư lừa, chim mất vợ ngay trước mặt. Chuyện này người Mèo ai cũng biết. Chắc khách vừa kể vừa làm bộ điệu hay lắm nên mọi người mới cười như vậy.

Khách càng có tài kể chuyện càng phải đón tiếp tốt để câu chuyện làm ăn, làm mặc của Phì Nhùa càng bay xa, càng hấp dẫn mọi người.

.... Chuyện làm ăn của Phì Nhùa rồi có bay xa, có hấp dẫn ai thì chưa biết, nhưng chuyện trong bữa rượu của khách quả là hấp dẫn ông Thào. Khách bảo khách đã đi tám mươi núi, chín mươi chín sông suối từ Phình Giàng, Cán Tỷ bên Đồng Văn, Mèo Vạc đến Pa Thí, Sốp Bâu bên Lào chưa thấy ở đâu có người dất người Mèo làm ăn làm mặc giỏi như ông Thào. Ông Thào đáng mặt làm chủ nhiệm, đáng mặt làm chủ tịch xã ; còn hơn thế, có thể làm người đứng đầu cả huyện chứ không phải chỉ là anh phó chủ nhiệm chăn bò.

Đến khi biết ông Thào chưa phải là đảng viên, khách chộp tay vào tay ông như lái ngựa chộp tay nhau mỗi khi ngã giá :

– Sao lại có chuyện ngô trổ bông, lúa ra bắp như vậy ! Hay là ớt cay cầm muối mặn ? Bác đáng là bí thư xã, là bí thư huyện ấy chứ !

Mấy chén rượu làm cho lời của khách thêm hay. Chuyện hôm qua Bua Sềnh phê bình đội chăn nuôi để bò giẫm đậu tương làm cho lời

---

(1) *Lù cở* : Cái sọt đan bằng mây để đựng đồ đạc đi đường xa của người Mèo, địu sau lưng.

khách thêm đậm. Ông thào đặt cái chén xuống mâm bâng khuâng nhìn màn trời đen đặc ngoài cửa sổ.

"Ta kém gì Bua Sềnh ? Nó là chủ nhiệm danh tiếng thì ta cũng là phó chủ nhiệm tiếng tăm. Nó được huân chương vì chỉ huy dân quân đánh biệt kích, ta cũng được huân chương vì lừa biệt kích cho dân quân bắt. Nó lo làm giàu cho hợp tác thì ta cũng lo làm có cho bản làng. Thế mà nó lại bảo ta chưa nhìn thấy cái chung, thấy gần mà chưa thấy xa. Ta mà chỉ thấy gần, không thấy xa ư ? Chẳng thấy xa sao ta lừa được biệt kích cho nó bắt ; sao ta biết đầu vụ mưa nhiều cỏ gà trắng bạc, cuối vụ sẽ kém mưa để đắp thêm đập giữ nước cho vụ mùa năm ngoái thắng lợi ?". Ông nghĩ.

Khách ê a hát, giọng khê nồng :

"Người không đúng cũng là đúng.
Ta không sai cũng là sai.
Làm kiếp trâu thì phải cày ruộng,
Làm kiếp ngựa thì phải thồ hàng
.....
Để ta bảo mình hoá thành kiếp ve sầu,
kêu ve ve bên suối, bên đồi."

Giữa hai câu : "*Làm kiếp ngựa thì phải thồ hàng*" và "*Để ta bảo mình làm kiếp ve sầu...*" còn có một câu khách không hát : *"Làm kiếp lợn thì phải chịu người giết"*. Mắt khách bắt gặp mắt ông Thào. Câu chuyện được lái ngay đi : "Tiết canh đánh khéo quá, rắn như miếng bánh ngô.".

Người Mèo không nặng lời với người đang uống chén rượu mời của mình. Vả lại khách cũng nhanh trí lái câu chuyện đi rồi. Chắc là khách quá chén, lại có tính hay hát đấy thôi.

Khách ở chơi hai ngày hôm sau nữa rồi mới đi. Cả ngày khách hết lời khen ông Thào có tài dẫn dắt mọi người, không một lời nhắc đến chuyện kiếp người nữa. Khách đi rồi, càng nghĩ ông Thào càng thấy rõ là khách có ý xấu, nhưng trong bụng ông cũng thấy khoái. "Thật ra mình

cũng không phải là thường, không phải là người đứng đầu thì cũng là người dẫn dắt hợp tác xã."

Hơn một năm sau khách lại đến Phì Nhùa. Con ngựa thồ của khách đít rệ xuống khi leo dốc đầu bản. Những cuộn vải đen, những con chỉ đỏ lè cả ra miệng thồ. Rõ là một lái buôn giàu có. Đám thanh niên ùa ra đón khách đầu tiên không hẳn chỉ tranh nhau mua hàng mà còn vì nhớ người khách hay chuyện. Nhoáng một cái, cái thồ được hạ xuống và vòng người vây kín lấy. Nhưng khách nói :

– Hàng ta có nhiều không sợ thiếu. Hàng ta có đủ không sợ hết. Nhưng ta phải trình anh chị ta trước để vải nào có vừa lòng thì anh ta may áo, chỉ nào vừa mắt thì chị ta thêu khăn cái đã.

Đến tối, ông Thào và bà Mỷ đi nương mới về. Khách chạy ra đầu dốc đón :

– Chào anh, chào chị ! Chim sẻ nhớ nương, sơn dương nhớ núi. Hôm nay em lại về thăm anh, thăm chị.

Bữa cơm tối hôm ấy không kém phần thịnh soạn, mặc dù ông Thào chỉ mổ có con gà nhép (gà nhà ông chết dịch hết rồi còn đâu). Khách lôi trong thồ ra mấy súc thịt bò ninh nhừ, hai chai rượu sủi tăm :

– Anh đừng ngại, chị đừng e. Em từ đầu núi vào đây thấy cây lúa như cây cỏ may, hạt đậu tương như hạt nho nhe[1] là em biết Phì Nhùa ta năm nay khó khăn vì nắng hạn rồi. Về với anh là em về nhà. Về với chị là em về cửa. Anh cầm chén, chị cầm đũa mời em đi chứ !

Khách tíu tít anh anh, chị chị, em em khéo quá làm cái ngượng của ông Thào qua nhanh, cái ngỡ ngàng của bà Mỷ qua chóng. Câu chuyện mỗi lúc thêm đậm đà cởi mở.

Ông Thào hỏi khách về tình hình làm ăn của các nơi. Buổi chiều đợi vợ chồng ông Thào đi nương về, khách đã có dịp nói chuyện với những người đến xem hàng và biết khối chuyện. Khách bảo ông Thào :

---

(1) *Đậu nho nhe* : Một loại đậu thả trong nương ngô, hạt nhỏ, kém ngon nhất trong các thứ đậu.

– Các nơi gay go hơn vùng ta nhiều. Đói lắm ! Rách lắm ! Không được như ở đây đâu. Biết em đến Phì Nhừa ai cũng bảo : "Ước mười ước bản ta có người cầm đầu như A Thào ; mong mười mong, hợp tác xã có được chủ nhiệm như A Thào !". Em mới bảo : "A Thào là anh ta đấy ! A Thào giỏi có giỏi, tài có tài, nhưng tài nhất giỏi nhất, phải là Bua Sềnh, vì Bua Sềnh làm chủ nhiệm ! Nghe vậy, mọi người mới bảo : "Bua Sềnh làm chủ nhiệm vì là đảng viên. Còn giỏi thật giỏi, tài thật tài phải là A Thào. A Thào đáng là người cầm đầu hơn Bua Sềnh. Nếu A Thào đứng đầu Phì Nhừa còn hơn thế nữa !"

– Hừ, không đúng rồi ! - Ông Thào đặt chén rượu xuống – Ta làm được chủ nhiệm ta đã làm rồi. Bua Sềnh bảo ta làm, ta không dám đấy chứ ! Ta làm được cánh nỏ, không làm được lẫy nỏ. Ta biết chăn bò, biết cày ruộng, biết trồng đậu tương, nhưng ta không biết nói cho mọi người nghe, không sắp xếp được công việc cho mọi người làm. Ta không trông nom được sổ sách.

– Ấy dà ! – Khách gật gù – Anh nói một đúng một, nói hai đúng hai, vì anh khiêm tốn. Nhưng anh nói ba lại không đúng, vì anh quá khiêm nhường. Anh có nghe ở Trung Quốc người ta học tập bần nông không. Cả nước học tập bần nông, đại trí thức học tập bần nông. Công xã ở bên ấy to lắm, to bằng chín bằng mười hợp tác xã Phì Nhừa, to bằng cả huyện này ấy chứ ! Thế mà do bần nông đứng đầu đấy. Bần nông là người giỏi làm, không giỏi nói như anh.

– Mình nghe nói ở Trung Quốc đói lắm mà ! Đang có loạn văn hoá. Người Trung Quốc sang Thèn Giao kiếm sắn, kiếm ngô đầy ra đấy.

– Anh ơi ! Như thế là anh thấy một, biết một chưa biết hai, phải thấy hai biết bốn cơ. Không phải người ta đi kiếm sắn kiếm ngô đều là đói cả đâu ... – Khách vội ngừng lời, rồi vội vã lục túi vải lôi ra một quyển hoạ báo : – Đây này, công xã Trung Quốc đây này. Toàn người to khoẻ quần áo đẹp. Đại Trại đấy ! Có đẹp không ? Táo đỏ thật đỏ nhá ! Dưa to thật to nhá ! Ngô mẩy thật mẩy nhá ! Người béo tốt thật béo tốt nhá !

Theo ngón tay khách chỉ, ông Thào thấy lố nhố một đoàn người ai cũng tay khuỳnh trước ngực, tay duỗi sau lưng, chân bước, ngực ưỡn, mặt vênh lên.

Người Trung Quốc thì ông Thào không lạ. Ngày trước họ vẫn sang buôn bán luôn. Những người mặc áo cổ đứng, tay chùng màu xanh, đội mũ sao đỏ này ông cũng đã thấy khi xuống huyện họp. Họ làm con đường ô tô chạy qua cửa huyện. Có một lần ô tô đỗ xịch ngay sau lưng ông. Mấy người nhảy xuống giơ cả hai tay ra mời ông lên xe, ông hết sức từ chối vì không muốn làm phiền ai, vả lại đường đến huyện chỉ còn một đoạn ngắn. Thế rồi họ bê bừa cả ông và lù cở lên xe. Đến khi xuống, ông đang lúng túng với cái lù cở sau lưng thì một người thộp gắn ngay vào ngực ông một cái huy hiệu đỏ và bỏ vào lù cở mấy quyển sách cũng màu đỏ. Làm ơn mà như tọng thuốc vào súng ! Mặt mấy người lái hôm ấy cũng vênh lên như những người trong quyển hoạ báo này. Ông Thào nhờ Bua Sềnh cắt nghĩa hộ thái độ của họ. Bua Sềnh chưa giải đáp được thì một hôm hai người xuống huyện gặp một đoàn xe Giải phóng mui bạt phủ kín chạy như bay về nước họ. Có một xe cánh bạt phía sau buộc không kĩ, gió thổi tung lên phơi ra những súc gỗ lớn. Đến một nơi đóng quân cũ của đơn vị làm đường Trung Quốc, hai người thấy đầy mảnh chum vỡ và mảnh thùng nát. Huyện cho biết : họ thấy ta không mặn mà với cách mạng văn hoá của họ nên ra về họ phá đấy. Họ còn lấy trộm của ta nhiều gỗ quý.

Khách không biết ông Thào nghĩ gì, vẫn thao thao :

– Tài của anh đáng làm chủ tịch, bí thư công xã đấy. Ở đây ta cũng thử làm công xã xem, công xã của người Mèo. Khó gì đâu, trước hết ta cứ gọi hợp tác xã là công xã đã. Công có nghĩa là chung, cũng như hợp thôi. Hợp tác xã ta làm ăn giỏi nên gọi là công xã trước để các hợp tác xã người Mèo khác noi theo.

Khách còn nói nhiều chuyện về Trung Quốc nữa, ông Thào chẳng hiểu đúng sai thế nào, nhưng càng nghe ông càng ngán như ăn mèn mén[1] không có nước chiêu.

Sáng hôm sau, cơm nước xong khách mới dỡ hàng ra bán. Gia đình nào cũng có người đợi mua nên các đội sản xuất vắng hẳn người đi làm. Loáng cái thồ hàng đã hết, chỉ còn lại vài con chỉ, dăm đôi pin khách

(1) *Mèn mén* : Bột ngô xay nhỏ đồ lên để tơi nguội mới ăn.

không chịu bán, bảo để tặng vợ chồng ông Thào. Đám thanh niên ở lại dai nhất, có người đưa cả mật gấu ra đòi đổi pin đèn. Khách cười bảo :

– Ai lại mang phượng hoàng đổi cải cẩu[1], lại mang đào giòn đổi đũm nhớt ? Tôi không dám đổi pin đèn lấy mật gấu. Lần sau tôi sẽ mang đến thật nhiều, tha hồ mua.

– Ở đâu mà nhiều vậy ? – Một thanh niên sốt sắng hỏi.

Phượng hoàng ở trên núi, đào ngọt ở trên cành, cái gì cũng có chốn. Hàng của tôi cũng vậy thôi ! – Câu nói lấp lửng càng gợi trí tò mò, khách lại đưa đẩy : – Nói là xa, cũng thật xa. Nói là gần thì cũng thật gần. Tóc trên đầu xa thật xa vì không nom thấy ; mà cũng thật gần vì sợ thấy ngay.

– Ông nói gì như dẫn mối cưới, lôi thôi khó hiểu thế ?

Ông mối dẫn cưới nói lôi thôi thật nhưng chung quy chỉ là hỏi con gái cho con trai. Cuối cùng ai cũng hiểu ý khách : hàng không thiếu gì, bao nhiêu cũng có. Quê hương người Mèo giàu có lắm, nhiều người tài giỏi lắm, rất thương những người con ở các nơi chưa được sung sướng. Khách đắc chí vì người nghe đã hiểu được như khách mong mà không bắt bẻ được lời khách nói.

Khách không nói "vua Mèo" mà nói "người tài giỏi". Nói vua Mèo có thể bị tóm cổ ngay. Bọn xưng vua này đã gây nhiều đói khổ và tội ác ở đây. Chính nhân dân Phì Nhừa này đã đuổi vua chạy vứt cả dọc tẩu nạm bạc lại. Khách không nói "đất nước" mà nói "quê hương". Nói đất nước dễ làm người nghe cảnh giác ; vả lại cũng không đúng ý đồ "người Mèo ở đâu là xứ Mèo ở đó". Nói "quê hương" không ai bắt bẻ mà lại gợi nhớ đến giống nòi.

Nhưng khách không ngờ ; khi nghe thủng ý khách mọi người nhạt ngay. Một thanh niên vừa cất mật gấu vào túi ngực vừa nói :

– Lại sắp cỏ may biến thành lúa, đá biến thành trâu, mưa ra bạc trắng ![2] Ngồi trơ lại một mình, khách vẫn không nản. "Tu di"[3] tháng

---

(1) *Cải cẩu* : Một loại chim vừa xấu, vừa ăn phàm.

(2) Luận điệu của bọn xưng vua đã bị đồng bào Mèo vạch mặt.

(3) *Tu dì* : Táo Mèo.

chín thì ngọt ; tre gỗ hạ tháng mười một, mười hai thì không mọt. Rồi ta sẽ tìm được cách với bọn Phì Nhùa này. Cứng rắn như A Thào cũng chẳng đã bùi tai đó sao ? Lỗ tai nào mà chẳng xỏ lọt cái khuyên bạc ?

Khách ra chơi với ông Thào ở bãi thả bò. Mấy thanh niên trong đội chăn bò nhận ra người khách hay chuyện năm trước liền vây lại hỏi chuyện. Câu chuyện mỗi lúc một hấp dẫn, hấp dẫn hơn cả chuyện cái cây có ma nhiều vì nó rất nhiều chi tiết, rất gợi cảm, chuyện cái óng ả của cô gái Kinh, cái mượt mà của cô gái Thái.

– Còn gái Hán thì sao ? – Một thanh niên khoái quá thốt lên.

– ... Thì như quả đào mũm, như quả đũm mọng.

– Ha, ha, ha ... hô, hô, hô ... – Mọi người khoái chí cười vang làm một con bò giật mình tế nhào lên, rồi cả đàn bò lồng theo, chạy ùa vào bãi đậu tương. Ông Thào vội vã chạy đi đuổi bò. Ông không nỡ quát anh em. Họ sống với đàn bò cả tuần, heo hút quá, ít khi có được cuộc vui. Mấy cây đậu tương bị bò xéo dũ, ông thận trọng vuốt lại. Trong ban quản trị vừa có cuộc tranh luận về những cây đậu tương này. Ý kiến ông Thào trái ngược với ý kiến Bua Sềnh. Ông thì bảo bỏ phứt đi để mở rộng bãi chăn thả, tăng đàn bò lên dăm chục con nữa. Huyện chẳng bảo phải làm ăn lớn là gì. Còn Bua Sềnh thì nói :

– Ý kiến đồng chí Thào đúng đấy nhưng phải từ từ. Mở rộng đàn bò ngay không phải là dễ. Ta chưa đủ vốn. Trước mắt ta chỉ có đậu tương làm nghĩa vụ với Nhà nước. Khi nào mở được bãi đậu tương ở Phình Giàng thì ta hãy trồng cỏ ở đây. Còn chăn dắt bò có khó khăn gì thì ta phải động viên anh em cố gắng thôi.

– Tôi mà không cố gắng à ? Tôi mà chưa tích cực à ? Tôi mà ngại khó à ? – Thế là ông Thào nổi khùng lên. Và đĩ nhiên Bua Sềnh không nói nữa, ban quản trị vẫn quyết định trồng đậu tương, và bụng ông Thào thì ấm ức.

Ấm ức thì ấm ức, ông Thào vẫn phạt điểm nặng ai để bò vào bãi đậu tương. Cứ một cây đậu tương bị nát phạt một điểm. "Tua pá pao[1] phất theo quả pá pao", cái lí của người Mèo như vậy.

---

(1) *Pá pao* : Người Thái gọi là quả còn.

Ông trở về đến ngoài lán thì nghe khách nói :

– Phì Nhùa có mười phúc thì đã được bảy vì có A Thào làm phó chủ nhiệm ... Giỏi lắm, giỏi lắm ! Cái gì cũng biết, lại thương người ... Trời cho các anh A Thào đấy.

– Sao lại trời cho ? Chúng tôi bầu đấy chứ ?

– Vậy thì còn thiếu ba điều phúc nữa là do các anh ! Sao các anh không bầu A Thào làm chủ nhiệm ?

Ông Thào bước vào ngay. Ông không muốn ai bảo ông không bằng được Bua Sềnh. Điều ấy là đúng nhưng nghe vẫn tức.

Liếc một cái biết ngay ông Thào đã nghe thủng câu chuyện, khách liền nói :

Thịt ba ngày không thối, không phải là thịt gấu. Đậu ba ngày không thối không phải là đậu tương. Trồng đậu tương không phải là dễ; mà sao lại trồng ở kề bãi chăn bò ? Đậu tương chín, bò thích ăn lắm ! Khéo đội chăn bò lại bị phạt !

– Tôi cũng bảo không nên trồng đậu tương ở đây – Ông Thào nói – nhưng ban quản trị không nghe.

– Chắc là chi bộ quyết định rồi – Khách chép miệng, lắc đầu – Khiêng đá nhiều tay thì nhẹ, vác cột nhiều vai thì nhanh, nhưng bàn việc nhiều mồm chỉ nát ...

Rồi câu chuyện xoay quanh việc làm ăn của Phì Nhùa. Ông Thào ngạc nhiên khi thấy khách biết khá cặn kẽ công việc của hợp tác xã và có nhiều ý kiến trùng hợp với ông ; cần phải trả công điểm và định mức hưởng lương thực cao hơn nữa cho đội chăn bò, hợp tác xã chỉ nên quản lí bò và đậu tương còn lương thực để xã viên tự lo lấy, v.v...

– Phải như vậy ! Khách nói – Người Mèo phải tự lo lấy cho người Mèo. Lo trước hết là cái ăn rồi đến cái mặc. Lo cái ấm, cái no rồi lo cái đẹp cái vui ... Chính phủ ở xa mà nghèo, lo cho người Kinh người Thái sát nách chưa xong, còn sức đâu mà lo cho người Mèo trên đỉnh núi ? ... Con chim khôn phải biết lo cho đàn, con ngựa khôn phải biết

lo cho bầy. – Khách nói rồi liếc nhìn ông Thào. Ông Thào đã kịp đưa mắt đi nơi khác "để xem sung thối bọ muỗi lắm đến mức nào" – Mà rồi người Hán cũng không để cho yên mà lo đâu – khách nói tiếp – Người Hoa đang kéo nhau về Trung Quốc là sắp có chuyện đấy !... Cây cao đổ bóng dài, núi to đổ bóng lớn, người hiểu biết phải biết lo cho dân... Tôi đến Phì Nhừa ta vừa lo vừa mừng. Lo là Phì Nhừa chưa có người đứng đầu xứng đáng. Mừng là đã thấy người xứng đáng đứng đầu.

Khách lại liếc nhìn ông Thào. Khó mà biết ông đang suy nghĩ gì hay đang thích chí.

Câu chuyện lại trở nên xa xôi về mùa táo Mèo, mùa đậu tương, mùa con trai ôm khèn vượt sương muối đi tìm vợ, mùa con gái thêu khăn ném pá pao kiếm chồng, về những tháng ngày tươi đẹp khi người Mèo có vua gọi là Miêu, về mùa hoa thuốc phiện ...

– Hổ sống nhờ thịt, ong sống nhờ hoa, người Mèo có lối làm ăn của người Mèo... Có thuốc phiện là có bạc trắng, là có súng săn, có trọng vọng. Hợp tác xã không trồng thuốc phiện rồi ! Các gia đình nên trồng. Trồng càng nhiều càng tốt. Bên Trung Quốc đang tìm mua thuốc phiện ghê lắm, toàn trả bằng bạc trắng.

Anh em trong đội chăn bò băn khoăn nhìn ông Thào. Ông ốm hay sao mà lại cứ ngồi yên trước những lời lẽ phản động rành rành như vậy ? Hôm nọ Giàng Di vừa ngỏ lời xin thêm đất trồng thuốc phiện ông đã gạt phắt ngay : "Không phải là tiếc mảnh đất cho anh. Đất đen trên lũng thừa cho cả xã trồng. Không cho là vì không muốn anh đã như ngọn lau lại thành ngọn cỏ, không muốn con cái anh đi theo con đường của anh.". Hôm nọ ông mo Sênh vừa hát đuổi ma : "Ma muốn ăn thịt gà có thịt gà, muốn ăn thịt lợn có thịt lợn, muốn ăn thịt trâu có thịt trâu. Ăn rồi ma về với tổ tiên ở Quảng Sìn !". Ông Thào can thiệp ngay : "Hát gì thì hát nhưng phải hát cho đúng. Người Mèo họ Giàng của tôi, họ Vừ của mo vì giặc Hán đến đất này đã bảy đời. Mộ tổ họ Giàng ở Cán Tỷ, mộ tổ họ Vừ ở ngay Phì Nhừa này, sao lại bảo ở Quảng Sìn ?".

– Trồng thuốc phiện không khó – Ông Thào nói với khách – Nhưng làm sao mang đi Trung Quốc được ?

– Anh ơi ! Sao anh lại lo chuyện ấy ? Nén bạc trắng soi tỏ đường đi. Cục thuốc đen chỉ ra đường lủi.

– Bay lên trời dễ với chim, lặn xuống nước dễ với cá. Ta chỉ là người làm nương làm ruộng, sao biết được con đường làm buôn làm bán ? Thuốc ta có dăm chục lạng mà chịu không biết đường đi, đường lủi.

Nghe ông Thào nói vậy, khách bập ngay :

– Em có thể giúp anh. Anh đối với em hết lòng. Em xin đáp lại anh hết sức.

Khách khoái ra mặt. "Ông Tống nói đúng : ông cha ta đã tổng kết con người có ba cái yếu khó vượt qua : tiền, gái và danh. A Thào tham danh ít nhưng tham tiền nhiều, như tất cả mọi người Mèo."

Ông Thào dề dà tâm sự :

– Nói tám điều bỏ tám điều. Ta thấy việc làm ăn ngày một khó khăn, cái gì cũng thiếu.

Em cũng xin nói chín điều bỏ chín điều. Chính là vì người Mèo ta không thể làm ăn như cách của người Kinh – Khách xăng xái trả lời.

– Tức là không làm ăn hợp tác ?

– Đúng !

– Tức là kiếm rừng làm nương ?

– Đúng ! Rừng không thiếu với những người chịu đi.

– Tức là lại bỏ cơ ngơi này ?

– Ừ ... ừ ...

– Tức là bỏ đàn bò, bỏ bãi đậu tương, bỏ rừng cánh kiến, bỏ bản, bỏ làng này ?

Khách chột dạ nhưng vẫn nói liều :

– Những thứ này đáng gì ? Rồi đến ngày người Mèo muốn gì có nấy !

– Ngày ấy là lúc nào ?

– Cũng sắp tới rồi !

– Nó từ đâu tới ? Từ phương Nam của người Kinh ?

– Không !

– Từ phương Đông của người Nùng ?

– Không !

– Từ phương Tây của người Lào ?

– ... Không !

– Vậy thì nó từ phương Bắc của người đại Hán tộc tới rồi !

– ...!

– Mày cuốn túi, xếp thồ bước khỏi đây ngay. Mày không còn là người Mèo nữa rồi – Ông Thào giận run lên – Người Mèo bị giặc Ngô, giặc Hán chém giết, xua đuổi, làm khốn khổ bao đời nay ; như con chim bay mãi, bay mãi đến đất này mới đậu được. Dòng họ Mèo nào họ Giàng, họ Thào, họ Mùa, họ Lí, họ Sùng ... lại không có người bị giặc Hán chém giết, cướp đoạt. Ngày nay có Đảng, có Chính phủ, giặc đại Hán không đến đây được, mày định làm cái lưỡi độc của nó à ? Giặc đại Hán không đến đây bắt người Mèo làm tôi tớ được, mày lại đến lừa người Mèo về làm trâu ngựa cho nó à ?... Bao đời người Mèo Phì Nhừa lang thang đói rách như lá chuối bị mưa đá, nay mới xây dựng được cơ ngơi này, mày lại bảo bỏ đi quay lại con đường lang thang đói rách sáng củ mài, chiều củ bấu, đêm đông người, chó, lợn ngủ lẫn lộn quanh đống lửa à ? ... Ừ, ừ, ... Mày giỏi chuyện tiếu lâm lắm. Chàng mồ côi bị thằng Sâu Chư chim mất vợ vì chàng mồ côi khờ và con vợ phản bội. Còn Phì Nhừa chúng tao trăm người một lòng, ngàn người một ý, Đảng cho mắt nhìn, Chính phủ cho tai nghe không mắc lừa mày đâu. Chúng tao biết cái gì chúng tao làm nên chứ ! Chúng tao biết đâu là cứt thối mày vấy lên chứ ! Chúng tao không mắc lừa cái mồm con buôn, cái lưỡi giặc đại Hán của mày đâu ! Cút ngay, thằng mất nòi !

Mọi người hết sức hả dạ thấy ông Thào cho lão lái buôn một trận, thấy ông nói đúng cái ý của mình ... Còn lão khách buôn vội vã xách túi ra khỏi lều, hấp tấp xuống núi. Hai cái pin đèn mới toanh mang nhãn hiệu ba con năm có tia sét nhoằng nhoằng vụt theo, rơi ngay trước mặt hắn.

– Bố ạ, hôm nay bố giỏi quá ! Thật là bưởi chua có muối mặn, cá tanh có ớt cay !

– Bố lại còn dẫn chuyện chàng mồ côi hay quá. Chúng con nghe sướng quá, sướng nhất là lúc bố dồn cho nó thòi đuôi chó sói, lòi mặt lá han !

Anh em tíu tít khen ngợi ông Thào. Thật là "lời khen sắp hết, lại không hết" ... Nhưng rồi mọi người ngạc nhiên khi ông Thào không bắt chuyện mà lặng lẽ vào góc lán ngồi, mặt ỉu xìu như lá chuối bị lửa. Anh em hớn hở bao nhiêu, ông buồn bấy nhiêu : Tại sao lão Mèo gian không đến với ai mà lại bập vào ta ? Ta chẳng có mưu mẹo gì cho nó lòi đuôi mà chính là ta khoái những lời của nó đấy chứ ! Ta thích nó khen hợp tác xã à ? Cái đó đúng rồi, nhưng chính là ta thích nó khen ta : "Phì Nhừa còn thiếu ba phúc vì A Thào chưa làm chủ nhiệm", "A Thào đáng làm chủ nhiệm ; đáng làm chủ tịch xã ; còn hơn thế nữa, có thể làm người đứng đầu cả huyện" ... Không, đấy vẫn chưa phải là cái chính. Cái chính là nó biết ta có những ý kiến chưa nhất trí với ban quản trị, với Bua Sềnh về việc trồng đậu tương, về công điểm đội chăn nuôi, về hợp tác xã sản xuất lương thực. Không, còn tồi tệ hơn nữa, chính là nó thấy ta im lặng khi nó khen ngợi cách mạng văn hoá ở Trung Quốc, khi nó khuyên ta làm theo công xã, thấy ta nhu nhơ trước những lời lẽ phản động của nó !

– Thằng khách buôn đi xa chưa ?– Chợt ông Thào hét lên. Mọi người ngạc nhiên.

– Lại còn đứng nhìn à ? Xem nó đi đâu rồi !

Mọi người cùng ông Thào chạy ra đầu núi. Không còn bóng dáng lão khách buôn. Ông Thào dứt áo :

– Thế là hỏng rồi !

– Cái gì hỏng ?

– Còn đứng đấy mà hỏi ! – Ông Thào gầm lên – Chạy đi bảo Bua Sềnh báo động ngay. Nó là Mèo gian đấy !

... Từ hôm ấy ông Thào buồn rười rượi. Ông thấy mình có lỗi với mọi người. Đôi khi tức giận quá ông đổ lỗi cho cả đội chăn nuôi.

Người ta bảo "rượu để lâu rượu nhạt, chàm để mãi chàm phai", nhưng nỗi buồn của ông Thào ngày càng tăng và đến hôm Phì Nhừa được lệnh đưa một trung đội dân quân lên chi viện cho Sìn Hồ đánh giặc Trung Quốc xâm lược thì nó bùng lên khi Bua Sềnh dứt khoát không chấp nhận yêu cầu của ông xin đi theo dân quân.

– Tại sao không cho ta đi ? Không tin ta à ? Ta muốn gặp lại con chó ấy !

Bua Sềnh lên đường, ông càng ấm ức. Nhưng càng ấm ức ông càng tích cực công tác. Bua Sềnh đi, ông phải thay làm chủ nhiệm. Ông làm việc không kể ngày kể buổi, hết ở bãi chăn bò lại sang khu đậu tương, rồi đến nơi làm ruộng. Ngày ngoài đồi bãi, tối ông đến với kế toán, chủ trì các cuộc họp bàn việc chia hoa lợi, định kế hoạch sản xuất và chuẩn bị lực lượng chi viện cho tuyến trước. "Người ở nhà không được xấu hổ với người đi đánh giặc." Ông nghĩ như vậy.

Sau một tháng chiến đấu, trung đội dân quân trở về. Bua Sềnh hết sức phấn khởi thấy đồi bãi, nương ruộng khác hẳn hôm ra đi : nương lúa đã được cày xới, ngô xuân đã lên ba lá, bãi thả bò đã được đốt dọn đang nhú lên những mầm cỏ xanh, con mương Phi Cao đã hoàn thành. Bua Sềnh đến gặp ông Thào :

– A Thào giỏi quá, hoàn thành được tất cả mọi công việc, chính thức nhận luôn chức chủ nhiệm đi !

Nhưng ông Thào không bắt chuyện làm ăn, lại hỏi :

– Có gặp thằng khách buôn không ?

– Có. Nó dẫn đường cho bọn sơn cước. Tôi đã bắn nó chết ngay phát đạn đầu tiên.

– Bua Sềnh bắn chết nó ngay à ? ... – Giọng rầu rầu, ông Thào nói tiếp : – Tôi thèm được như Bua Sềnh quá, gặp giặc là giải quyết ngay chứ không chần chừ để lỡ việc như tôi. Đáng lẽ nó đã bị bắt ở Phì Nhừa ta và như vậy là bớt được tội ác nó gây ra từ đó đến nay, bớt được một tên dẫn đường cho giặc, bớt được một ít khó khăn cho bộ đội ta... Sao tôi lại thiếu cương quyết vậy ? Bua Sềnh bảo tôi với. Sao lại cứ hay lần chần khi cần quyết định ? Có phải là tôi cứ lấn cấn vì nó là khách mình đã mời rượu ? Vì nó cũng là người Mèo ta ? ... Không, không thể thế

được ! Dù nó là người Mèo, dù nó là người họ Giàng với tôi, họ Vừ với bà Mỷ nhưng khi đã phản bội đất nước, làm tay sai cho giặc đại Hán, thì nó không còn là người Mèo nữa, không còn là người họ Giàng, họ Vừ nữa. Nó là con rắn độc phải đánh rập đầu ngay lập tức, ngay lập tức.

Hà Nội, 8-11-1979

Lời bình

Tác giả Đặng Quang Tình góp mặt vào làng văn đã lâu, nhưng hình như anh cũng là người biết tiết kiệm trong việc in ấn các sáng tác của mình thì phải. Được cái, những trang viết của anh hầu như khá chụm vào một đề tài miền núi. Nhắc đến Đặng Quang Tình, người đọc hình dung ngay đến một không gian mạn ngược xa hút xa hắt tận mấy huyện vùng cao thuộc tỉnh Lào Cai, Lai Châu gì đó. Sự tận tụy thuỷ chung với một vùng đất như thế đã được đền bù, anh đã có chỗ trong lòng bạn đọc.

Truyện Ông Thào *ra đời vào cuối năm 79 có liên quan đến một sự kiện lịch sử, đó là cuộc chiến tranh biên giới chống quân xâm lược phương Bắc. Câu chuyện ra đời như một sự hưởng ứng tích cực cho cuộc kháng chiến của quân và dân ta. Tuy mang đậm tính thời sự gắn liền với chủ trương chính sách của Đảng, nhưng câu chuyện không sa vào minh hoạ sơ lược công thức, dễ dãi. Tác giả đã rất công phu dựng lên được một nhân vật Hán gian phản động đang đi tuyên truyền cho địch, phá hoại cuộc sống yên ổn của đồng bào dân tộc. Để xây dựng nhân vật này, tác giả chủ yếu nắm bắt và thể hiện khá chính xác cái giọng lưỡi trơn tru, giảo quyệt, nham hiểm của nó. Nhân vật này vốn cũng là người Mông, nên khá am hiểu nếp sống, cách nói, cách nghĩ của đồng bào mình, lại thêm cái ưu thế lợi khẩu nữa, nên lời nói của hắn đem lại hiệu quả bước đầu khá cao, gây sự chú ý và cảm tình cho nhiều người, nhất là đám thanh niên ham vui trong bản. Để diễn tả cho được cái miệng lưỡi giảo quyệt này, tác giả đã đặt vào đầu lưỡi nhân vật toàn những lời nói vần vè, đăng đối, hô ứng xuôi tai, cộng với lối nói ví von cụ thể thường ngày của đồng bào khá uyển chuyển, linh hoạt. Hắn càng phát huy tài ăn nói thì lại càng tỏ ra*

nguy hiểm. Bất cứ lời nào hắn nói cũng dễ nghe, cũng trơn tru, đường mật như vậy. Dựa vào chất liệu ngôn ngữ đối thoại của nhân vật, tác giả đã tỏ ra rất thành công trong việc khắc hoạ tên Hán gian phản động này.

Ông Thào là nhân vật chính của câu chuyện. Người đọc chứng kiến một quá trình diễn biến không đơn giản ở nhân vật này. Ban đầu, những lời ngon ngọt, phỉnh nịnh của tên Hán gian cũng ít nhiều làm lung lạc tâm can lão. Sau đó lão ngẫm nghĩ, rồi đâm ra nghi ngờ. Đặc biệt đến đoạn lão rất biết kiềm chế, bình tĩnh dồn tên Hán gian vào thế bí để buộc hắn phải tự lột mặt nạ, ấy là lúc lão đã tỉnh ngộ hoàn toàn, đã nhận rõ bộ mặt thật của kẻ thù. Cuộc đối thoại ở chỗ này giữa ông Thào và tên Hán gian diễn ra với tốc độ nhanh, ngắn gọn, chắc nịch, không thừa một tiếng, như thể một thoại kịch súc tích, tự nhiên, gây ấn tượng sảng khoái cho người đọc. Tác giả tỏ ra rất vững trong việc thể hiện ngôn ngữ đối thoại của nhân vật, và qua thứ ngôn ngữ này, tính nết và phẩm hạnh của các nhân vật cứ thế dần bộc lộ một cách rõ ràng.

Chân dung ông Thào được xây dựng khá chân thực. Ông là một con người bình thường nên cũng mang những thói thường của người đời : háo danh, ghen tị, thích nghe lời vuốt ve, phỉnh nịnh. Nhưng cái căn cốt chính trị, ý thức vì dân vì nước trong ông thì không gì có thể làm suy suyển được. Không một kẻ nào có quyền xúc phạm vào niềm tin thiêng liêng của ông đối với đồng bào, Tổ quốc. Với ông Thào, lương tri, lẽ phải thông thường của một người con đất Việt đã chiến thắng.

Cái hay của truyện ngắn nhiều khi nằm ở chi tiết nghệ thuật. Trong câu chuyện này, tác giả cài đặt một chi tiết khá đắt : khi tên Hán gian hát, hắn đã bỏ qua một câu hát đầy ngụ ý mà cả hắn và ông Thào đều hiểu. Lúc ấy : "Mắt khách bắt gặp mắt ông Thào. Câu chuyện được lái ngay đi". Cái khoảng lặng thoáng qua ấy là một vô ngôn *thật tinh tế, ẩn chứa bao điều trong đó. Cái ma quái của khách lạ lộ ra. Đối với người viết truyện, bắt được những chi tiết quý giá như thế này hẳn không nhiều. Chúng làm nên cái duyên ý vị cho tác phẩm.*

Sự kiện thời sự - chính trị năm 79 đã qua đi. Nhưng kí ức về đời sống trong những chi tiết cụ thể, hàng ngày của những năm tháng đó không dễ gì quên được. Câu chuyện Ông Thào *chính là một kí ức lịch sử bằng văn xuôi rất đáng trân trọng.*

Văn Giá

CHỦ TỊCH VÙNG BIÊN

Chủ tịch Sùng Nhà Lử đi họp huyện quá hẹn ba ngày chưa về, cả Nà Làu mong ngóng.

Nhà Lử có bao giờ sai hẹn ? Kể cả hẹn đẽo con quay cho con trẻ ... Mà con đường thì dằng dặc điểm hiểm trở, bọn thám báo đã một lần bắt hụt Nhà Lử ở đèo Hoa. Mấy hôm nay giặc lại tăng quân ra biển. Nà Làu là con trăn gió chả chịu cho ai đè bóp, nhưng thiếu đầu thì gồng quật thế nào ?

Nói cả bản mong ngóng là đúng trăm phần trăm. Lão Liêu không ngớt rủa "cho nó chết đi", vì Nhà Lử phạt lão năm trăm đồng về tội đốt rừng, cũng mong chủ tịch mau mau trở về vì phao dầu cuối cùng của nhà lão sắp cạn. Không có dầu thì làm sao đi săn đi soi ? Trẻ con làm sao học hành ? Mụ Dẩu lúc đầu rất mừng, mừng vì con trăn mất đầu thì dễ bị thắt khúc, nhưng rồi cũng mong. Muối nhà mụ đã dốc ống mà mùa mưa thì tới rồi. Làm cái lưỡi cho Trung Quốc thì vẫn cần có muối, mà muối Trung Quốc thì chả hi vọng. Dạo này dân quân tuần tra ngặt, con chuồn cũng khó lọt ... Kia kìa, chúng nó lại đi tuần ... Mà kìa, sao chỉ có hai người, lại không đi ra biên mà đi ngược vào trong ? ... A, thằng Giá thằng Chư đi đón Nhà Lử. Hai thằng bộ đội đi đón một thằng bộ đội thì người của ông Sầu có qua cũng chẳng làm gì được. Mấy đứa bộ đội phục viên này lợi hại lắm. Từ ngày chúng về, Nà Làu khác hẳn. Không còn đường đi chợ Lỷ Lảu. Mà có đi được thì cũng khó đưa hàng thoát về Ngải Chồ. Công việc ngày một khó. Ông Sầu bắn lệnh giết Nhà Lử, nhưng thằng Tếnh lại mất mạng ... Dà, hôm ấy ghê quá ! Người đầy máu mà Nhà Lử vẫn về được đến nhà. Nhảy xuống vực Hoa không chết, chỉ có giỏi bằng trời ! Mà nó lại bắn súng giỏi bằng ma : vừa lăn chạy vừa vẩy đạn lại, mà hạ được thằng Tếnh. Thằng Tếnh là đại đội trưởng áo đen chứ có phải là cứt chó đâu ?

"Con buôn buồn không có hàng là buồn bọ mất bò", "mo chang buồn không có người ốm là buồn bọ dĩn bám", "con nghiện buồn không có thuốc là buồn lợn bị úp máng" ..., mụ Dẩu chiều nay có tất cả các

nỗi buồn ấy nhưng lại thêm cái bực "chó bị chủ mắng" ... Mẹ nó chứ ! Nỉ hảo, nỉ hảo a ?[1] Chi dôông, chi dôông a ?[2]... ngoác mồm sủa thì con chó nhách nào cũng sủa được. Mụ chả đã thi thố hết sức lực là gì ? Nhưng đánh bạc đâu chỉ có nhà cái ? Đám ruộng Nà Si sắp bị phá thì Nhà Lử kịp về cạo mùn thớt cứu sống mấy đứa ăn phải nấm độc. Lời phao sắp thành lại không thành. Sắp gây được nghiện hút trong lũ con trai thì Nhà Lử lôi em mình ra giữa bản bắt đập dọc tẩu trước mặt mọi người. Lời xúi sắp được lại không được. Lão Sầu chẳng biết công cho, lại mắng là đồ ăn hại. Uất thật ! ...

Trời lâm thâm mưa, bóng chiều đổ nhanh càng làm mụ Dầu thêm uất, thêm rầu ...

Một người đàn bà xăm xăm đi qua cửa nhà mụ, cầm ngước lên. Chắc là ruột gan cũng đang rầu uất nên chị ta mới ngửa mặt chịu mưa để giấu nước mắt như vậy. Mụ nhận ra chị Pàng. A, bùa ngải đây rồi ! Lão Sầu thật ranh khi bảo : phải đưa chiến tranh vào từng nhà, từng bếp. Đúng, phải đánh tiếp, đánh mạnh nước bạc này.

*
* *

Pàng là hoa. Chả có người nào dại : xấu lại đặt tên là Hoa, vì như vậy chỉ tổ để người ta thấy mình thêm xấu. Nhưng đẹp chẳng có nghĩa là may ! Đẹp nhất nhì bản mà Pàng cũng rủi nhất nhì bản. Chị yêu Nhà Lử từ ngày ngực mới nhú trái đào. Nhà Lử cười cười với chị nhưng lại say cô Dợ. Cũng chẳng ai khờ : xấu lại đặt tên là Dợ, vì dợ là thơm là duyên. Dợ cũng đẹp nhất nhì bản, cũng bằng tuổi Pàng nhưng trái đào đã mọng. Chú nai tơ Nhà Lử vừa cuồng sức sống vừa ngẩn hương xuân đã bập ngay vào nhánh lộc xoè như lửa bốc. Trong khi Dợ nhấc vách buồng chui ra cho Lử cướp thì Pàng lần mò trong bóng tối tìm cái liềm giắt ở vách. Và khi Dợ đang nép mình trong tay Lử trên lưng ngựa vì lạnh thì Pàng bặm môi đến toát mồ hôi giật lưỡi liềm ra khỏi cán. Rồi

---

(1) Tiếng Trung Quốc : Mày tốt !

(2) Tiếng Mông : Không tốt !

khi Dợ thả hết sức mình chiếm đoạt hoàn toàn Nhà Lử thì Pàng run rẩy ấn mạnh chuôi liềm vào cổ ... Cái đau làm Pàng run. Cái run làm Pàng cuống. Và càng cuống càng muốn dứt điểm cho nhanh. Nhưng đến khi máu chảy nóng ngực thì cái hoảng át cái liều, Pàng kêu ầm lên : "Nả[1] ơi, cứu con với !" ... Pàng đã được cứu sống vì chuôi liềm đâm chệch cả thanh quản lẫn thực quản. Nhưng với chị thế cũng là chết rồi. Người con gái Mông tự tử vì tình sẽ không còn chàng trai nào lấy, chỉ còn trông vào những người goá vợ hoặc tồi tệ hơn là những lão già nghiện oặt chó cũng không thèm sủa.

Từ đấy, Pàng sống âm thầm, và lạ thay, đối với Nhà Lử, tuy oán hận mà chẳng ghét căm. Chỉ mơ hồ thôi nhưng không sao xoá nổi, Pàng cảm thấy rồi Nhà Lử sẽ khổ vì chính những cái anh đam mê, như kẻ nghiện thuốc phiện suy sụp vì thuốc phiện. Nhà Lử sẽ khổ vì cái lẳng lơ, cái bạo tình, cái khôn cùng của Dợ mà anh đang cực điểm đam mê ... Lúc ấy, Pàng sẽ tha thứ cho anh, an ủi anh... Không, đừng hòng ! Lúc ấy dù muôn ngàn đau khổ em sẽ vẫn ngửa mặt cho nước mắt khỏi rơi, môi em sẽ lẩy bài đàn :

Pừ lê lê, pư lê pừ ...

Con ong bỏ bạn cút đi !

Con chim ruồng bạn xéo đi ...

Chao ôi ! Đời em khổ quá ! Khổ hơn cả đời nàng Chổ Xố[2] anh ơi !

Phỏng đoán của Pàng đã xảy ra. Nhà Lử mới đi bộ đội được nửa năm, Dợ đã treo đứa con mới được hai tháng vạ vật trên sườn nương, chui xuống suối hú hí, buổi sớm với thằng Xưa, buổi trưa với thằng Tỉ, và buổi tối thì mặc con cho dĩn đốt, ra sau lều với thằng Huân.

Đi bộ đội một mạch ba năm trở về, Nhà Lử xộc vào nhà giữa đêm khuya, dựng thằng Huân dậy, dí dao găm vào yết hầu nó :

– Mày bằng lòng mất tai hay mất mũi, cho chọn. Nói ngay !

– Em xin anh, anh Nhà Lử ! Em là cái dũng quần của anh, là cái gót dép của anh ... – Thằng Huân cuống lên, sụp xuống chân Lử.

---

(1) Mẹ.

(2) Chổ Xố là tên người con gái đau khổ trong dân ca Mông.

– Câm mồm ! Chỉ được chọn, không được xin ... Nghe tiếp : đây, giấy bút, viết ngay giấy cam đoan phải cưới nó làm vợ. Cưới to, mổ trâu ! Viết ngay !

– Dạ ... dạ ... em ...

– Câm mồm ! Nghe tiếp : Phải viết cả không được đánh đập, hành hạ nó ...

Trong khi thằng Huân run rẩy viết thì Nhà Lử đến bên đống gianh thằng Páo đang co ro ngủ, mở ba-lô lấy chăn đắp cho con. Thằng bé cảm thấy hơi ấm, duỗi thẳng chân, lăn một vòng cuộn tròn chăn vào người. Nhà Lử lấy thuốc hút, không nhìn vợ đang ngồi thụp sau cột nhà, nói :

– Đi về nhà nó làm vợ nó ! Đi ngay bây giờ. Đồ đạc có gì cho mang đi hết. Thóc, gà, lợn đến lấy sau, không sợ mất.

– ... Cho em đưa thằng Páo đi ... – Từ lúc Lử về đến giờ Dợ mới nói.

– Thằng Páo không đi ! Nó đi khổ nó, khổ tôi, khổ cả mày ...

– Nếu vậy em không đi ! Dao đây, anh giết em đi !

– Không có giết ... Thôi được, cho mang nó đi nhưng nó vẫn là con tôi. Tôi vẫn đến thăm nó. Nó vẫn đến thăm tôi. Hàng tháng tôi sẽ gửi tiền, hàng năm tôi sẽ gửi thóc, gửi thịt cho nó.

Nhà Lử đọc lại tờ giấy cam đoan của Huân, bất thần giật lấy bút viết thêm : "Thằng Sùng A Páo là con đồng chí Sùng Nhà Lử chứ không phải con Vàng A Huân."

– Đây, mày kí thêm một chữ vào chỗ này nữa.

Lử mở ba lô lấy mấy cái áo trẻ con, cuộn vải đen, gói kẹo bánh bỏ hết vào lù cở của Dợ. Trong khi Lử mải thu xếp, anh chàng Huân láu cá định lỉnh ra ngoài.

– Huân !

– Dạ ! – Anh chàng giật thót mình, đứng như trời trồng.

– Chuồn đi đâu ? Thu xếp mọi thứ đi chứ ! ... Đeo lù cở lên vai, khéo rơi đồ đạc ... Dợ !

– Dạ !

– Địu thằng Páo cẩn thận ! Mang cả cái chăn đi, quàng kín cho nó, sương lạnh đấy !... Thôi, xong rồi, cút hết !

Vàng A Huân cuống quýt bước vội ra.

– Huân !

Huân đứng sững lại, mặt tái mét, run lập cập đợi hình phạt.

– Tao chưa quên cái tai cái mũi của mày. Nhưng tao không muốn con Dợ bị nhục vì thằng chồng là con chó cụt, con lợn sứt. Tao cho mày nợ. Nếu mày xử tàn xử tệ với nó, tao sẽ đòi ... Thôi, cút hết !

– Bố thằng Páo ! – Bất ngờ Dợ quay lại – Anh tha cho em. Em muốn ở lại với anh. Em sẽ là cái giẻ bắc nồi, cái giẻ chùi tay cho anh.

– Thôi đi đi, đi đi ! Đi cho khuất mắt, khuất mắt ... – Giọng Nhà Lử cuống lên – Cút nhanh lên, không tao lại ...

Huân, Dợ và thằng Páo đi rồi, Nhà Lử vẫn đứng trông theo. Trời đen quánh lại, nước mắt dào ra làm chẳng trông thấy gì, nhưng Nhà Lử vẫn đứng nhìn, lòng quặn đau như ma cà rồng đang đánh đu vặn ruột ... Chợt Lử thấy có bóng người dưới gốc đào ngay tàu ngựa. Anh bước ra nói theo linh tính :

– Em Pàng đấy à ?

– Em đến đây từ khi anh mới về.

– Đúng là anh đã vứt quả đào giòn vơ quả đũm nhớt ... Pàng ơi !

Nhà Lử được cử làm chủ tịch xã giữa ngày Trung Quốc lại tăng cường đánh phá Nà Làu. Việc cử không phải là dễ. Người bảo được thì bảo : Nó hăng, nó khoẻ, dám đánh Tàu, dám làm ruộng nước. Người bảo không được cũng bảo : Nó hăng, nó khoẻ, sợ xốc nhau với thằng Tàu, sợ cấm làm nương, sợ làm theo không nổi. Lại càng có thêm người lưỡng lự khi biết Nhà Lử nói trước chi bộ : "Tôi mà làm chủ tịch, trước hết cấm đi chợ Lỷ Lảu, cấm phá rừng Tếch Giá. Ai chịu được hãy bầu, không chịu được đừng bầu.". Lão Sầu bắn tin qua doạ Nhà Lử, đe Nà Làu nếu bầu Nhà Lử làm chủ tịch. Thật oái oăm, những người lưỡng lự –

lại hết lưỡng lự : "A, con cáo già sợ Nhà Lử. Phải Nhà Lử mới trị được nó. Thôi, bầu Nhà Lử !".

Khi chọn người ta bàn nhiều, thì khi làm người ta càng để ý lắm. Nhiều người khen mà cũng lắm kẻ chê. Cũng không ít người lúc khen, lúc chê. Mùa Láo Mùa bị đưa ra khỏi công an về tuyến sau chăn dê, mất mối hàng Lỷ Lẩu, khùng lên :

– Nó là cái gì ? Tao còn xét lí lịch nó khi đi bộ đội. Mẹ nó ! Mới nhảy đã cuồng, rồi xẹp sớm !

– Ông nói cái gì ? – Nhà Lử đứng ở đằng sau mà Láo Mùa không biết – Ông chửi tôi hay chửi chủ tịch ?

– Tao chửi mày đấy ! Bắt tao đi ! Giỏi thì bắt đi. Có biết phép bắt người không ? Tao dạy cho !

– Chửi Nhà Lử thì tha hồ, nhưng không được chửi chủ tịch. Còn bắt ông thì sẽ bắt khi có đủ chứng cớ ông chạy hàng Trung Quốc. Phép bắt người có trong cặp kia, không phải nhiều lời.

– Làm chủ tịch như mày ...

– Không được phép nói chủ tịch bừa bãi. Muốn nói vào trụ sở. Không thôi, tôi cho bắt ngay bây giờ.

Láo Mùa im.

Không phải lúc nào cũng như vậy. Chị Chu ở Huổi Lèng, chồng bị Trung Quốc giết hồi bảy chín, hay đi lung tung. Khối cặp vợ chồng đã đánh nhau vì chị. Đội trưởng sản xuất mắng nhiếc, doạ chị. Chị bảo : "Của đội đấy à mà đòi quản lí ?". Chị bị điệu lên trụ sở. Nhà Lử cho chị về, sau khi bảo : Phải giữ thì mới lấy được chồng. Đội trưởng thắc mắc. Nhà Lử nổi cáu :

– Mồm ăn mặn phải thương miệng ăn nhạt. Không trị cái đứa đã có rượu cất còn đòi rượu ủ, lại trị người chỉ có ngụm nước lã.

Làm chủ tịch chưa được một năm, Nhà Lử đã động chạm hầu như với tất thảy mọi người. Những kẻ chây lười, làm bậy đã dành, những người hăng hái chưa hẳn đã yên. Phải hăng hái hơn nữa, phải thay đổi

cung cách làm ăn. Dân quân, công an, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, cả các cụ phụ lão tất tật đều bị Nhà Lử hối thúc, sắp đặt lại.

Hồ nước bị khuấy thì bùn vẩn lên. Lão Sầu bảo mụ Dẩu ngụp vào đấy mà khoắng. Song mụ đang loay hoay tìm cách thì bùn đã lắng. Lão Sầu chỉ thị : Tình hình lắng nhanh như vậy là do có bí thư ủng hộ. Phải đánh mạnh vào quan hệ giữa bí thư và chủ tịch, đánh mạnh vào quan hệ trẻ – già, cũ – mới. Nhưng vừa múa lưỡi, mụ Dẩu đã bị Nhà Lử gọi ra trụ sở về tội đặt điều chia rẽ cán bộ, tí nữa thì lòi mặt Việt gian.

Cán bộ, đảng viên cũng không ít người thắc mắc Nhà Lử. Lầu A Chính vừa nghỉ chức chủ tịch, đến gặp bí thư Giống Tủa :

– Nó háu đá quá ngựa non. Mà xem ra ông không kìm lại còn đóng thêm móng cho nó. Người ta kêu đấy !

– Kêu thế nào ?

– Còn kêu thế nào ? Kêu coi thường mọi người, kêu ốp người quá thống lí ốp ua khế[1].

Cái này thì đồng chí nói quá đấy ! Thống lí ốp ua khế lấy mật ong, mật ong lẫn sáp ; lấy mật gấu, mật gấu mất mật. Đằng này người ta kêu Nhà Lử nhưng ruộng vẫn mở, mương vẫn đào ... Đồng chí có biết vì sao không ?

– Vì sao ?

– Vì Nhà Lử có thúc ép thì cũng chỉ là vì mọi người, vì làm theo Nhà Lử thì chỉ có tốt.

– Có thật nó cái gì cũng vì mọi người không ?

– Thật chứ ! Đấy, đồng chí xem : thằng Huân tưởng mất mũi lại được vợ, chị Chu tưởng bị bêu lại được chồng, ông Mùa tưởng bị bắt, vợ con lại được no đủ. Ngay cả đồng chí ...

– Tưởng bị kỉ luật lại được sổ hưu chứ gì ? ... Hừ, rồi đến cả ông đấy. Rồi thì nó sẽ hất cả ông.

---

(1) Người phải đi làm xâu.

– A ha ! Ra đồng chí nghĩ đến cái ấy ... Tôi không cho nó hất đâu, nhưng tôi sẽ cho nó thay ... Rồi thì nó sẽ thay được ... Đồng chí Chính à ! Già thì phải nghỉ, yếu thì phải thay ... Trách nhiệm của chi bộ là lo sao cho Nà Làu mỗi ngày mỗi thêm tốt, thêm mạnh, chứ không phải lo người này bị thay, người kia bị thay ... Nà Làu ta còn bề bộn lắm ... từ hậu phương biến thành tiền tuyến mà. Từ du canh thành định canh mà ! ... Mà thằng bành trướng thì mỗi ngày mỗi thêm xảo quyệt hiểm thâm. Nà Làu phải có tay cứng. Nhà Lử là tay cứng đấy nhưng còn non. Trách nhiệm của chi bộ là khắc phục cái non ấy ... Ta là lớp già, là người có kinh nghiệm, phải giúp Nhà Lử mạnh tay trong cái đúng, dè chừng cái sai ... Được cái may là nó ít sai vì nó trước hết nghĩ đến người khác. Ngay như con vợ hư hỏng của nó, nó cũng trước hết nghĩ tránh cho cái nhục, tránh cho cái khổ ...

Mụ Dầu lại vượt suối đi gặp lão Sầu. Lão nghe báo cáo, suy nghĩ rồi bảo :

– Đồng chí Vương dạy rồi mà ta vẫn quên. Sự nghiệp mở mang Trung Hoa phải coi trọng từ cái lớn, cái toàn cục, đến cái nhỏ, cái bộ phận, phải tính kĩ từng việc, từng nhà, từng người. Bọn Việt Nam thật là tinh khi đề ra phải chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt ... ầy dà, cái nút của Nà Làu là thằng Lử, mà cái nút của thằng Lử là con Pàng. Ha, ha ... phải đưa chiến tranh vào nhà nó, đưa mạnh vào.

Mụ Dầu biết hết cảnh khổ, cảnh sướng của Pàng. Mụ biết Nhà Lử rất yêu Pàng nhưng cũng rất thương thằng Páo. Mụ biết Pàng cả ghen, tin chồng mà vẫn hậm hực khi chồng đi Suối Lềnh. Mụ rủ Pàng đi núi lấy củi, rồi vừa đi vừa rót vào tai Pàng :

– Đàn ông là cái túi thủng, ngô đổ bao nhiêu cũng không đầy. Họ không yêu nhưng vẫn tham, không ghét vợ nhưng vẫn tiếc của trời ... (cái này thì Pàng cũng đã thấy : Nhà Lử chẳng đã một lúc yêu cả Dợ cả Pàng, sắp cưới Dợ rồi mà vẫn tìm cách chạm Pàng là gì ?) ... nhất là cái con Dợ lúc nào cũng như chó tháng bảy, lại lắm ngón, lắm cách (cái này Pàng càng rõ : thắng tình địch rồi, Dợ đã thực thà khuyên Pàng : "Mày phải thế này, thế này ... đàn ông nó thích thế này, thế này ...

Lớ ngớ như mày chỉ có mà ôm cọc rào suốt đời !"...). Em ơi, chị nói cho em hay : cái giống đàn ông đàn bà đã một lần với nhau thì không còn có ngượng, có tiếc nhau đâu, như ngựa quen tàu, như lợn quen máng ấy mà !

Thế là Pàng nổi xung lên, hất luôn cái cáng thồ xuống đất :

– Tôi thì tôi băm cái đứa đã một lần cướp người yêu của tôi, bây giờ lại định cướp chồng tôi. Tôi thì tôi vầm cái kẻ đã một lần tình phụ tôi, bây giờ lại phản bội tôi.

– Nung cho kĩ, nghĩ cho thấu em ơi ! – Mụ Dẩu tiếp tục nấu nung Pàng – Làm sao em băm được con Dợ ? Nhà Lử bảo vệ nó ! Làm sao em vầm được Nhà Lử ? Nhà Lử vẫn được em thương ...

– Hết thương, hết yêu ; chỉ còn ghét, còn căm ! Tôi bảo bác Giống Tủa trị nó.

– A úi ! Lại bảo cu xanh đánh cu cườm. Bí thư thì phải bênh chủ tịch chứ ?

– Bác Giống Tủa không bênh cái bậy đâu !

– Không bênh cái bậy, nhưng bí thư phải bảo vệ uy tín chủ tịch ... Lúc ấy lại em là khuyết điểm, là nhìn nhầm, là nóng nảy ...

– Thế thì phải làm thế nào ?

– Phải làm um lên ! Phải đến Suối Lềnh đánh ghen con Dợ ; phải đến trụ sở khóc tố Nhà Lử. Phải đòi Giống Tủa cho Nhà Lử thôi chủ tịch. Có thôi chủ tịch nó mới hết cớ đi Suối Lềnh.

Pàng bỏ buổi lấy củi xăm xăm trở về. Mụ Dẩu cũng bỏ buổi lấy củi theo về để củng cố thêm cái ghen của Pàng. Nhưng đến đầu bản, mụ rẽ đi đường khác. Pàng đau khổ, mệt mỏi lê bước về nhà. Nhà Lử đang cuốc vườn, thấy Pàng, vội bỏ cuốc, bước qua hàng rào đá :

– Em làm sao thế Pàng ? Ai làm gì em hở Pàng ?

Nhìn nét mặt hớt hải, lo âu của Lử, lửa trong ngực Pàng nguôi đi quá nửa. Nhưng chị vẫn nói vớt :

– Anh bỏ mặc tôi, buông tôi ra ...

Nhưng đến khi vục mặt vào bó gianh bị xước môi, phải xoay mặt tránh, thấy Nhà Lử mặt tần ngần như con bê day vú bị mẹ thúc thì lửa giận của Pàng nguôi hẳn. Đúng là nét mặt cái chiều hôm ấy ở bãi đào. Hôm ấy hai vợ chồng đi chợ Mường So về đến đây, Nhà Lử dùng dằng giữ ngựa lại, tần ngần nhìn vợ. Pàng không định, vì muộn rồi nhưng chân vẫn rẽ trái sang bên. Nhà Lử hí hửng dắt ngựa vượt lên trước để rẽ lối đi. Là chủ tịch không thể tuỳ tiện, nhưng là chàng trai Mông thì cũng khó bỏ qua cái cảnh về chợ : chồng khật khừ say (không say cũng phải làm như say), nằm ngủ (không ngủ cũng phải làm như ngủ) trên bãi lộng gió chiều, để người vợ trẻ (có khi cả vợ già) xoay một vòng cho váy xoè tung rồi ngồi thụp xuống đắp cho ... Rồi thì cán ô chênh chếch che nghiêng, rồi thì tiếng ro ro của con lăn se sợi lẫn trong nhịp thở êm đềm hạnh phúc của nàng ...

Ôi, nét mặt tần ngần, rạng rỡ thế kia thì không thể giả dối !

– Không, em thấy khó ở trong người ... – Pàng vội nói dối và đứng dậy khỏi bó gianh.

Mụ Dầu kiên trì xúi thổi cái ghen của Pàng. Và việc thổi xúi dễ đấy mà khó đấy. Dễ là động một cái là Pàng nổi xung ngay. Khó là nổi ngay rồi lại xẹp ngay, vì thực ra căm giận một người chồng như Nhà Lử đâu có dễ. Ngay như mụ, có được tấm chồng như vậy, đứa nào đặt điều mụ cũng vạc mặt ngay ... Thế mà cứ phải xúi. Lão Sầu cứ khăng khăng "nắm gai nào cũng có đầu mối".

... A, thế mà hoá ra lão đúng. Kia kìa, Pàng đang vừa đi vừa ngửa mặt lên để nuốt nước mắt kia kìa. Cái buổi chiều được tin Nhà Lử chuẩn bị cướp Dợ nó cũng ngửa mặt mà đi như vậy, thế rồi đến đêm thì đâm chuồi liềm vào cổ ... Đúng rồi, phải chớp ngay cái lúc nó đang phẫn chí này. Lão Sầu đúng là con cáo tinh ranh. Mụ vội với tay lên nóc nhà lấy gói lá chuối lận vào cạp váy, hối hả chạy theo Pàng :

– Em Pàng ! Em Pàng ơi ! Lão Liêu bảo thấy Nhà Lử ở Suối Lềnh ! Thấy hai ngày rồi !... Ôi dà ! Người ta nói có sai đâu ! Quả đào càng đỏ càng lắm bọ !

– Lão Liêu thấy Nhà Lử ở Suối Lềnh ?

– Chị nói dối em thì sưng mồm ... Em ơi, người yêu bị lừa đau một, người vợ bị lừa đau mười. Em bị lừa cả khi là người yêu lẫn khi là người vợ thì đau trăm.

– Em khổ quá chị ơi ! Em muốn chết cho xong.

– Phải trả thù em ơi !...

Lời mụ thoáng đi mà sao nghe day dứt, cũng như mụ đã xéo rồi mà cái nanh ác cứ còn hiển hiện. Cái gói lá chuối rơi ngay trước chân Pàng. Chị nhặt lên :

– Chị Dẩu, chị Dẩu ! Cái gói của chị ... A úi, lá ngón !

Thì ra thế, tất cả những ngọt nhạt, tất cả những cảm thương chung quy dẫn đến cái này ... Không, chết tiệt mụ đi... Ngày trước ta đâm liều vào cổ vì không còn biết trông cậy vào đâu. Bây giờ có gì còn có bác Tủa. Chi bộ chả để cho Nhà Lử làm bậy ! ... Ơ, mà sao ta lại ngu dại nghe mụ, khi chẳng có ai nói như mụ ? Sao ta lại ngu dại ngồi nghe mụ biện bạch : đạn Trung Quốc bắn vào bản là nhầm, giết trâu lấy móng bán là làm giàu, rứt râu ngô là để no để sướng ? Sao ta toàn nghe mụ nói dối ? A, cuối cùng mụ cũng nói lời thật : mồm xui chết, tay đưa lá ngón ... Này, đồ ma, đồ tinh ! Tao trả mày đây !

Nắm lá ngón bay tung trước gió. Pàng vội đứng dậy. Ờ, trời tối rồi ! Biết đâu Nhà Lử đã về ? Ai bắc nước cho anh ngâm chân ? Ai nấu canh cho anh chiêu mèn mén ?

Tối mịt thì Nhà Lử về đến bản, ngựa không cưỡi mà dắt, nhà không về mà đi thẳng ra bãi đất giữa bản, miệng nói oang oang :

– Cho xin ngọn đuốc đây ! Cho mượn cái bát đây, cái bát con thôi ... Tất cả mọi nhà, không trừ nhà nào, mang ống ra đây.

Thì ra không phải Nhà Lử đi Suối Lềnh, không phải bị ốm mà cũng không phải bị thám báo phục. Họp xong, đã dắt ngựa ra về thì được tin muối mậu dịch sắp lên lại sẵn vừa lĩnh được tiền trợ cấp, Nhà Lử liền ở lại đợi. Chứ chờ khi có muối, cửa hàng nhấn ra, rồi xã cử

người vào lấy về được, thì ba ngày thành bảy. Nhiều nhà hết muối đã chục ngày rồi.

Không phải một ngọn đuốc mà chục ngọn đuốc, cả bản phấn khởi đổ ra mừng chủ tịch đã về và nhận muối.

– Nào, thứ tự ! Có đủ cho mọi nhà ... – Nhà Lử giơ cao ngọn đuốc thông nói – Một bát ăn tạm thôi ! Vài ngày nữa cửa hàng sẽ lấy về, tha hồ ... Nào, gọi nhau lên một tiếng, gọi hết mọi nhà.

– Ơ, chị Pàng đâu ? – Một người thốt lên – Chị Pàng đi đâu mà không thấy ?

– Cả mụ Dẩu nữa ! Mụ này có bao giờ chậm chân trong những việc thế này ?

– A, chị Pàng kia rồi !

– Tưởng giận không ra ?

– Giận thì đúng là giận rồi. Nhưng xem ra cũng biết tính chồng đấy ! Chậm tí nữa thì hạt muối làm thuốc cũng chẳng còn.

– Đêm nay thì ông chủ tịch cứ gọi là chết với chị chàng.

Tiếng cười nói, tiếng cợt nhả ồn lên sau những ngày lo âu, càng làm cho Nà Làu như đang ở hội pá pao[1]. Mà ở hội pá pao thì không có giận nhau : người thua người được đều vui, đều hớn hở. Chị Pàng bị châm chọc cũng không giận, chỉ mặt đỏ dừ. Nhà Lử xem ra càng muốn cho người ta châm chọc. Ầy dà ! Có được người vợ đẹp thế kia ai chả muốn phô, muốn khoe !

– Nhà Lử ... – Pàng rụt rè – Mụ Dẩu ...

– Ái dà, lại mụ Dẩu xem bói cho bảo phải ba, phải bảy ; phải trái, phải phải mới, mới ...

– Im đi, im đi ! Châm lửa vào mồm nó đi ! ... – Cánh phụ nữ ré lên cười, phản đối anh chàng tếu, càng làm mọi người cười rộ.

Nhà Lử hiểu ngay có chuyện nghiêm trọng, vội đến bên Pàng :

---

(1) Ném còn.

– Ta đi đến nhà bác Tủa ngay bây giờ em nhá ! Cần phải bàn ngay !

Đám ồn im liền. Chưa biết chuyện gì nhưng không ai ngạc nhiên. Ở Nà Làu này chuyện vui chuyện buồn, chuyện phấn khởi, chuyện nghiêm trọng xen vào nhau như cơm bữa. Mọi người nhìn theo vợ chồng Nhà Lử dắt cả ngựa đi thẳng đến nhà bí thư. Một người thốt lên :

– Chà, làm chủ tịch vất lắm thay ! Nhất là cái anh chủ tịch vùng biên !

Hà Nội, 15-12-1984

Lời bình

Một tác giả miền xuôi viết về người vùng cao, nếu không thực sự am hiểu nếp sống, nếp cảm, nếp nghĩ, tập tục, ngôn ngữ ... của họ, tác phẩm rất dễ rơi vào tình trạng giả giọng. Đã có thời gian trên mặt báo hoặc trong một số chương trình phát thanh, truyền hình về các dân tộc miền núi người ta rất hay để cho các nhân vật ăn nói mấy chữ : "Cái cán bộ mày ...", "Cái đồng bào ta..." ... Theo như cụ Tô Hoài cho biết người dân tộc họ không nói ngô nghê như thế bao giờ cả. Những cái giọng kiểu như vậy dễ gây khó chịu cho người đọc. Nhà văn Đặng Quang Tình nhờ có một vốn sống khá nhuần nhuyễn về các dân tộc vùng cao, nhất là người Mông, đã đem lại cho tác phẩm một phẩm chất chân thực cần thiết, đọc là tin ngay được, không thấy cái ấm ớ ngớ ngẩn, tô vẽ nào.

Dường như có một điểm khá chung nhau ở trong con người các dân tộc vùng cao, đó là tính bộc trực thẳng thắn *và* lời nói đưa đẩy *theo kiểu liên tưởng cụ thể, sinh động (cụ tượng). Tuy nhiên, rốt cuộc thì mỗi dân tộc cũng sẽ có những nét khác nhau ở bản thân chất liệu hiện thực đời sống và nhất là chất liệu hình ảnh liên tưởng trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày. Cái khó của mỗi nhà văn là phải nắm bắt và thể hiện cho được những cái khác nhau đó. Muốn thế, không cách nào khác, nhà văn phải hiểu và cảm kĩ lưỡng về cuộc sống của đồng bào dân tộc, đến mức tưởng*

như anh có thể dễ dàng sống cùng với họ được mà không bỡ ngỡ chút nào.

Về chất liệu hiện thực đời sống không phải là điều khó lắm. Có người chọn các vấn đề xã hội của đời sống, có người lại chọn phương diện tâm tình của đời sống, miễn đó chính là cuộc sống mà trong thực tế đồng bào các dân tộc quan tâm. Nhà văn Đặng Quang Tình một lần nữa chọn hình ảnh ông chủ tịch vùng biên trong những tháng năm chống quân Trung Quốc xâm lược. Nơi đây, việc tổ chức cuộc sống cho đồng bào đã khó, lại còn phải tìm cách chống trả bọn tay sai phản động và những phần tử xấu trong chính đồng bào mình bị địch lợi dụng. Viên chủ tịch xã này vừa phải bảo toàn danh dự của chính mình và gia đình mình trước niềm tin và con mắt phán xét của cộng đồng, lại vừa phải lãnh đạo, tổ chức cộng đồng làm ăn sinh sống yên ổn, tránh không để đồng bào bị miệng lưỡi của kẻ xấu tuyên truyền, lôi kéo. Lựa chọn một mảnh đất hiện thực như vậy, nhà văn đã tỏ ra rất cập nhật, bám sát vào thực tiễn mang tính thời sự lúc bấy giờ.

Nhưng cái hay của hiện thực trong tác phẩm này được nhà văn tập trung thể hiện là ở tình huống truyện và lời nói của nhân vật. Nói về tình huống, nhân vật chủ tịch huyện rơi vào mấy tình huống khá độc đáo : lần một, gặp cảnh vợ ngoại tình ; lần hai : anh bị Pàng - người vợ sau - nghi ngờ anh bội tình quay lại với người vợ trước. Thông qua những tình huống này, tính cách bộc trực thẳng thắn của người miền núi được bộc lộ rõ nét. Nhân vật chủ tịch tỏ ra là người quyết đoán, xử lí linh hoạt, và cũng rất độ lượng, vị tha. Nhờ những tình huống này, câu chuyện thuộc loại có chuyện, nhất lại là những chuyện tình yêu và máu ghen muôn thuở của đàn bà, đã góp phần tạo nên sự chú ý hấp dẫn cho người đọc.

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh đến thành công của lời thoại nhân vật - nhà văn tỏ ra rất am hiểu và cao tay trong cách sử dụng chúng. Hãy nghe Dợ, người vợ bội tình nói với chồng : "Em là cái giẻ bắc nồi, cái giẻ chùi tay cho anh.". Lử nói với Huân : "Tao không muốn con Dợ bị nhục vì thằng chồng là con chó cụt, con lợn sứt.". Lử nói với đội trưởng : "Mồm ăn mặn phải thương miệng ăn nhạt. Không trị cái đứa đã có rượu cất còn đòi rượu ủ, lại trị người chỉ có ngụm nước lã.". Lử nói với Pàng : "Đúng là anh đã vứt quả đào giòn vơ quả đũm nhớt.". Mụ Dẩu nói với Pàng : "... Đàn ông

là cái túi thủng, ngô đổ bao nhiêu cũng không đầy ... cái giống đàn ông đàn bà đã một lần với nhau thì không còn có ngượng, có tiếc nhau đâu, như ngựa quen tàu, như lợn quen máng ấy mà". Mụ Dẩu nhận xét độc địa về Lử : "Quả đào càng đỏ càng lắm bọ", v.v... và v.v... Đó là những cách nói rất cụ thể, linh hoạt, gắn chặt với hình ảnh rất dễ hiểu, mà lại đăng đối, thuận âm xuôi tai, dễ nhớ. Nhiều cách nói mang dáng dấp của thành ngữ, tục ngữ trong kho tàng văn hoá dân gian của dân tộc họ. Có thể nói tính chất cụ tượng *trong lời ăn tiếng nói của nhân vật xuất hiện với một mật độ dày đặc đã tạo nên cái không khí cho truyện. Qua đó, người đọc cảm nhận ngay được nét đặc trưng văn hoá của người Mông vùng cao. Cuộc sống ngàn đời nay của họ luôn được bao bọc trong thế giới của đại ngàn, của đèo và suối, của đá của cây, của muông thú ... Lối tư duy của họ ít mang tính luân lí khái quát (và trên thực tế họ cũng không thích), mà thường thích dừng lại ở cấp độ cụ thể, trực cảm. Nhờ thế, đối với lỗ tai của người Kinh miền xuôi, cách nói của họ bao giờ cũng đem đến những sự bất ngờ thú vị. Đặng Quang Tình triệt để khai thác điểm mạnh này và đã rất thành công.*

Câu chuyện Chủ tịch vùng biên *tự nó có khả năng làm mờ đi tính cập nhật, để dẫn bạn đọc tiếp xúc với một thân phận, một cuộc đời - người con trai thương quý của dân tộc Mông.*

Văn Giá

Nguyễn Khắc Trường

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Khắc Trường. Sinh ngày 6 tháng 7 năm 1946.

Quê quán : Huyện Đồng Hỉ, tỉnh Thái Nguyên.

Tác phẩm đã xuất bản : *Cửa khẩu* (truyện vừa, 1972), *Thác rừng* (tập truyện, 1976), *Miền đất mặt trời* (tập truyện, 1982), *Mảnh đất lắm người nhiều ma* (tiểu thuyết, 1990).

Giải thưởng văn học : Giải nhất cuộc thi bút kí do tuần báo *Văn nghệ* và *Đài Tiếng nói Việt Nam* phối hợp tổ chức (1986) với bút kí *Gặp lại anh hùng Núp*. Giải thưởng văn học Hội Nhà văn Việt Nam (1991) với tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma*.

GẶP LẠI ANH HÙNG NÚP

Thị xã Plây-cu, nơi cao hơn mặt biển 700 mét, chúng tôi ngồi tiếp chuyện anh hùng Núp. Câu chuyện bắt đầu là cuộc gặp gỡ với Phi-đen Cát-xtơ-rô. Anh hùng Núp nói : Vừa gặp nhau, Phi-đen Cát-xtơ-rô đã bảo tôi : Anh sang đây không cần nói gì cả, nhân dân chúng tôi nhìn thấy anh còn sống, lại khoẻ mạnh thế này là mừng rồi, vì mọi người đọc sách thấy anh khổ quá, đồng bào Tây Nguyên khổ quá. Thiếu đến cả muối ăn thì thật chúng tôi không thể tưởng tượng nổi ! Vậy mà vẫn đánh Pháp, mà lại đánh thắng bằng những cung tên rất thô sơ thì thật kì lạ ! Vì thế Phi-đen bảo quyển sách viết về tôi đối với nhân dân Cu Ba là sách *để ở đầu giường* !

Tôi vội chen ngang : *Sách gối đầu giường*. Anh hùng Núp vỗ tay đánh đét : "À phải, sách gối đầu giường, mình quên ! Phi-đen bảo vậy đó !".

Vừa nói, anh hùng Núp vừa cười ha hả. Tiếng cười của ông già ngoài bảy mươi vẫn ồm ồm mạnh mẽ như nước phóng xuống thác, và đặc biệt là hồn nhiên cởi mở đến mức cuốn tất cả những người xung quanh cùng phá ra cười theo. Dù đây là lần đầu gặp gỡ, nhưng người anh hùng Tây Nguyên, người du kích Tây Nguyên này đã in vào trí nhớ tôi từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường với tấm hình anh thanh niên của tộc người Ba Na đầu cuốn khăn, mặc áo cộc để dễ đi rừng, nhưng ngực lại đầy huân chương. Và găm vào trí nhớ sâu đậm là bài giảng văn phải học thuộc lòng từ ngày ấy, đến nay vẫn văng vẳng chưa phai mờ. Rồi đến khi cùng anh hùng Núp đi xuống cơ sở, mới càng thấy cả một lớp người vẫn chưa quên những chi tiết độc đáo ở người anh hùng như một hiện thân của rừng núi này – "À ông Núp bắn Pháp chảy máu đấy hả ?". Những tiếng reo ồ lên như vậy khi nhìn ông già râu tóc bạc trắng, da nâu sẫm mang sắc đất Ba-zan nồng đượm. Đôi bàn chân to với những bước đi vững chãi. Con người như được chắt ra từ khí hậu và thiên nhiên của rừng cây núi đá Tây Nguyên, con người đã đứng lên bằng thứ vũ khí từ một nền sản xuất hái lượm và săn bắt của dân tộc mình với tấm lòng và cặp mắt vô cùng ngây thơ ... *"Thằng Pháp giống y con cọp, con cọp tới gần rồi. Một bước nữa thì nó thấy Núp. Cái mũi súng của nó hỉnh lên, đánh hơi, Núp chỉ còn thấy cái bụng nó.*

Pựt !

Núp bắn rồi !

Mũi tên trúng phập vào giữa bụng thằng Pháp. Nó đứng sững lại. Khẩu súng rớt. Nó ngã ngửa ra. Nó kêu, giống y con trâu bị đâm. Bọn Pháp trong nhà chạy ra đông quá, đếm không hết. Núp muốn chạy rồi. Nhưng con mắt còn muốn coi. Có máu không ? Núp dòm một cái : Thằng Pháp nằm ngửa, mũi tên cắm giữa bụng. Bụng nó trắng như một con ếch. Không có máu, sao he ? Sao không có máu ? Một thằng khác tới, cầm mũi tên rút ra. A ! Từ cái bụng trắng, một dòng máu đỏ chảy ra, rồi nhiều máu, nhiều máu nữa chảy ra, rất mạnh, chảy tràn hết cái bụng, chảy thấm xuống đất làng Kông Hoa ...".

Những câu chữ ấy trong *Đất nước đứng lên* đã bắt đúng mạch vào máu thịt, vào tư duy của anh thanh niên Núp trong ngày đầu đánh giặc.

Cái đáp số của mũi ná khởi điểm mang ý nghĩa như một sự khám phá ấy đã có sức vang xa như một hồi chiêng A Ráp, tức bộ chiêng quý của buôn làng chỉ đóng lên mỗi khi có lễ hội lớn. Người của cách mạng từ đồng bằng tìm đến giúp sức. Người của rừng núi rủ nhau đứng dậy. Núp chiêu tập được một đội du kích gồm 50 người. Cả một rừng chông, bãi ná tua tủa mọc lên ! Lính Pháp ở huyện lị An Khê, ở đường chiến lược 19 mở những cuộc lùng sục ráo riết. Dân ở các làng bị bắt đi phu, đi xâu. Tám người ở làng Núp bị bắt đi làm đường, phải ở luôn trên đồn Hà Tam. Núp dẫn đội du kích đi cứu người mình về. Lại chỉ bằng chông, ná, du kích diệt 15 tên địch, giải thoát cho cả tám người làng an toàn. Tới năm 1953 đi dự hội nghị chiến sĩ thi đua của Liên khu 5, một mình Núp đã diệt 25 tên địch chỉ bằng thứ vũ khí tự tạo từ cây nhà lá vườn kia. Một năm sau, khi hoà bình, Pháp phải thừa nhận phần thua về mình, thì Núp lại diệt thêm được 21 tên địch nữa. Vị chi là 46 tên. *Đông bằng một bầy thú rồi !*

Giữa lúc khắp buôn làng vang động tiếng chinh chiêng mừng Tây Nguyên hết giặc, thì Liêu – vợ Núp chết. Một cái bướu bỗng nổi lên ở cổ chỉ có bốn ngày mà bắt được Liêu chết. Núp về lo đám tang cho vợ xong, thì được lệnh đi tập kết. Cả gia đình Núp được đi. Nhưng bà mẹ lúc ấy đã gần bảy mươi, Núp xin cấp trên cho mẹ ở lại, sống với vợ chồng Sít là em gái Núp. Núp dịu Hờ Rúc, đứa con trai mới hơn hai tuổi, nhỏ thó như một quả bí đao trên lưng, xuống Quy Nhơn để theo đoàn ra Bắc.

Học văn hoá, học chính trị, rồi về Uỷ ban Dân tộc Trung ương. Núp lại đi vận động quần chúng. Từ núi rừng Tây Nguyên đến với núi rừng Việt Bắc, Tây Bắc để vận động đồng bào các dân tộc vào hợp tác hoá, sống định cư. Nhiều nơi cán bộ người Kinh nói không được, Núp đến, việc êm re. Anh có tài thuyết phục gì ? Không, Núp chỉ có tấm lòng và những lời thật như đếm. Anh cùng đi nương, đi rẫy, làm khoẻ gấp đôi người bình thường. Đêm ngủ trên sàn nhà không chiếu, không màn, Núp kể chuyện đồng bào Tây Nguyên chỉ mong hết giặc để được vào hợp tác, làm ăn có hội có phường, chứ sống du cư như con chim thiếu đàn khổ lắm. Bây giờ thỉnh thoảng gặp lại những người từ trên ấy đi công tác, Núp lại nhận được những lời trách : "Lâu nay sao anh không về

chơi, đồng bào vẫn nhớ anh thích tắm suối và nghiện ăn cơm lùi trong ống nứa".

Đầu năm 1964, Núp đang *ba cùng* ở một làng của bà con dân tộc Mường trên Hòà Bình, thì được điện gọi về dự một hội nghị quan trọng : Hội nghị chính trị đặc biệt do Bác Hồ đích thân triệu tập. Dạo ấy giặc Mĩ liên tục kiếm cớ gây sự đánh ra miền Bắc. Trước nguy cơ lớn đó, Bác triệu tập một hội nghị mà đại biểu hầu hết là những người già để bàn việc nóng. Vậy là cũng giống tục ở quê Núp rồi. Mỗi khi có chuyện động đến cả buôn, hội đồng già làng lại ới nhau đến nhà rông họp bàn để xem mình nên nói chuyện với đối phương bằng cái miệng hay bằng cái ná. Núp được ngồi trên đoàn chủ tịch. Sau khi Bác nói những sự biến lớn đang đe doạ cả nước, các đại biểu đọc tham luận. Không khí bừng bừng như lửa cháy. Đến phần mình, Núp chỉ nói ngắn :"*Cái bụng đế quốc sạch, bẩn thế nào, ta đã được thấy từ lâu rồi. Đế quốc Pháp ngày xưa, hay đế quốc Mĩ bây giờ cũng đều xấu giống nhau. Đã là đế quốc thì đều xấu như nhau ! Có xấu thì nó mới xé bỏ hiệp định, cứ ở lì thế này để cướp trắng nước ta. Vì thế ta chỉ có đánh thôi ! Đế quốc nào ta cũng đánh thôi !*".

Những đại biểu ngồi lớp lớp xung quanh, mà Núp nhìn cứ thấy đây là những già làng của cả nước, cùng vỗ tay hoan hô. Bác Hồ cũng đứng dậy cười, nói to : "Đúng rồi, đồng chí Núp nói đúng rồi ! Kẻ thù nào xâm lược nước ta, thì ta cũng đánh đến cùng !". Cả hội trường càng ran lên như rừng nổi gió. Trong bụng Núp như có một điệu múa, sướng tê mê đến nổi da gà ! Vậy là ý mình trúng ý già làng của cả nước rồi !

Sau hội nghị này ít lâu, Núp lại có thêm một vinh dự nữa : Nhà nước cho đi thăm Cu Ba theo lời mời đích danh của đồng chí Phi-đen Cát-xtơ-rô. Cu Ba ở đâu ? Thấy bảo nằm cheo veo ở mãi bên kia biển lớn. Vậy mà *quyển sách viết về Núp như một cánh chim khoẻ đã bay sang đấy từ trước rồi.* Nghe nói Phi-đen rất thích quyển sách ấy, nên đồng chí đã mời riêng Núp sang thăm.

Phi-đen, Ra-un và Chê Ghê-va-ra dạo ấy là Bộ trưởng bộ Công nghiệp cùng tiếp Núp. Ngay từ phút đầu, không khí đã thân mật như về nhà. Phi-đen nhiều râu, mắt sáng, nói to, cười tơ, hỏi tuổi Núp, rồi tự

nhận làm em. Người du kích của núi rừng Châu Á còn đẫm chất Phôn-clo, nhìn người đứng đầu cuộc khởi nghĩa của núi rừng Xi-ê-ra Mát-xtơ-ra cứ hừng hực đến sáng quắc lên, nhưng Núp vốn có sự tự tin rất bản năng, liền ngửa cổ thả tiếng cười phóng khoáng như ở nhà mình, rồi giơ nắm tay quen cầm ná lên : "Đồng chí ít tuổi, nhưng đồng chí là người chỉ huy cao, nên đồng chí vẫn là anh". Phi-đen xua xua bàn tay to rộng, cũng cười ồ ồ rất tâm đồng : "Đã là anh em thì không nói đến cấp chức, ai hơn tuổi, người ấy là anh".

Ra-un là em ruột Phi-đen, tính hiền, hay cười, cùng Chê Ghê-va-ra đưa Núp đi thăm các đơn vị quân đội và các nhà máy. Tới đâu cũng nghe mọi người reo to : "Du kích Núp, du kích Việt Nam thắng giặc bằng cung tên, thần thoại ! Thần thoại !".

Mọi người lại hỏi : ăn muối bằng tro cỏ tranh là ăn thế nào ? Tro mà cũng ăn được sao ? Thì ra tất cả bạn bè Cu Ba cùng chung tâm trạng như Phi-đen, cứ bị ám ảnh về chuyện muối của đồng bào Tây Nguyên. Núp giải thích ăn muối bằng tro cỏ tranh không phải là ăn cả tro, mà lấy tro hoà qua nước để lọc chất mặn của nó ngấm trong nước thôi, rồi dùng nước đó nấu thức ăn cho đỡ nhạt.

Mọi người à lên, la lớn "Sáng tạo ! Đồng bào của Núp thật sáng tạo !". Rồi chân bỗng nhún nhảy, hai tay vỗ vào nhau, đập vào be sườn bồm bộp. Một điệu múa bột phát nổi lên. Núp thấy người Cu Ba giống Tây Nguyên mình quá. Cũng mạnh mẽ, sôi nổi, bụng dạ hào phóng như cánh cửa bỏ ngỏ, thích nói to, và đặc biệt là thích nhảy múa. Tới chỗ đông người nào, sau một lúc chuyện trò, tất cả lại nhảy múa. Bị cuốn vào những cuộc vui ấy, Núp thấy mình thật sự được về lại buôn làng. Người cứ bừng bừng như men như lửa.

Giữa lúc Ra-un đang dẫn Núp đi thăm một đơn vị quân đội, thì bên nước nhà, Mĩ chính thức hiện nguyên hình là tên ăn cướp. Hàng đàn máy bay xổ ra ném bom Vĩnh Linh, Quảng Bình, thành phố Vinh. Cả Cu Ba ầm ầm phẫn nộ. Núp được mời lên phát biểu trên đài truyền hình của bạn. Núp kể lại tại Hội nghị chính trị đặc biệt hôm trước, rằng Bác Hồ và nhân dân Việt Nam đã nhìn rõ lòng tham của Mĩ rồi. Tất cả đã chuẩn bị rồi. Hôm sau Ra-un cho biết, trên báo và trên đài của Mĩ,

chúng nói Việt Nam đã đưa tên du kích già đời sang kích động máu hiếu chiến của Cu Ba và Mĩ La tinh !

Núp nóng ruột, về sớm hơn dự định. Về để xin được trở lại Tây Nguyên. Thời cơ đến rồi. Phi-đen gửi tặng Bác Hồ một hộp xì gà. Cặp mắt cương nghị của đồng chí ánh lên xa xăm. Phi-đen dặn *anh* Núp về thưa với Bác rằng, trong cuộc chiến mới này, Việt Nam cần gì cứ điện sang Cu Ba.

Dù nóng ruột, nhưng mãi gần cuối năm 1964, Núp mới được trở lại miền Nam. Đúng hôm sắp đi, thì cậu con trai Hờ Rúc vào viện mổ ruột thừa. Hờ Rúc mảnh mai yếu ớt chứ không được vóc vạc như bố. Vì thế Núp rất lo. *Trước khi đi tập kết thì vợ chết. Đến giờ sau mười năm, trước khi về thì con lại...* Nhưng ngày đi đã quyết định rồi, không thể để cả đoàn chờ mình. Núp gửi đồ đạc và tiền lại cho con, rồi lên đường. Ngày ấy đi Nam còn bí mật lắm. Không có đường, có lối, phải vạch cây rẽ lá mà đi. Nhưng Núp không thấy gì là gian khổ. Cứ được về với rừng, với suối là người như say lên. Sức mạnh từ rừng cây, núi đá thổi vào người Núp. Sau ba tháng cuốc bộ mải miết, Núp về tới khu uỷ khu 5. Hai đồng chí Võ Chí Công và Chu Huy Mân ôm lấy người con của núi rừng. Vì chưa có điều kiện về ngay Tây Nguyên, nên tổ chức xếp Núp ở lại làm phó ban dân vận của Khu. Mãi tới tháng 7 năm 1965, tỉnh Gia Lai mở Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ hai tại xã Kbir thuộc huyện An Khê quê Núp, Núp được về đề cử và đã trúng Tỉnh uỷ viên với trăm phần trăm phiếu bầu. Núp được điều về làm bí thư huyện uỷ huyện Hai thuộc bắc An Khê. Từ đây về xã Nam quê Núp chỉ còn một đồi không đầy một ngày đường. Thế là sau mười một năm được bay cao, bay xa như chim Bxe, được coi tỏ cả bốn phương trời, nay Núp đã về nằm gối đầu, duỗi chân lên mảnh đất quê mình rồi. Giữa lúc vui khấp khởi như vậy, Núp lại nhận thêm được tin mừng từ Hà Nội đưa vào ; Hờ Rúc đã khoẻ mạnh, lại tiếp tục đi học bình thường. Vắng Núp, nhưng hậu phương ân tình là thế đấy, miền Bắc là thế đấy.

Thật là mừng không ngủ được.

Về huyện, sau khi sắp xếp công việc tạm ổn, mọi người giục Núp về thăm quê. Xã Nam lúc ấy thuộc vùng căn cứ của ta nên việc đi lại dễ như nước chảy xuôi.

Núp băng rừng về quê. Khi nóc nhà rông mang hình lưỡi rìu dựng ngược hiện ra trước mắt, thì hai chân Núp ríu lại, toàn thân rung lên như một cái chiêng trong ngày hội.

Anh hùng Núp ngừng kể. Cặp mắt của ông già bỗng chớp chớp lấp loáng. Môi khẽ giật. Nỗi xúc động từ buổi hồi hương ấy vẫn còn nằm nguyên trong ngực ông. Ông lật bật đứng dậy mở chiếc tủ gỗ tạp lấy bình rượu thuốc ra, rồi lật bật rót đầy ra hai li, đẩy một chiếc về phía tôi. Tôi không chạm cốc, mà nâng li rượu đen sánh lên ngang mặt, đó là nghi thức long trọng của bà con dân tộc, mắt trang nghiêm nhìn thẳng vào ông, ý giục kể tiếp.

*
* *

Người đầu tiên nhìn thấy Núp là một thiếu phụ đang địu con, nửa mình để trần, vừa từ suối Tà Tung bước lên. Nắng và nước cứ loang loáng trên da thịt. Thiếu phụ tròn mắt nhìn Núp, quen quen lạ lạ :

– Pú nây ? (Ai đấy ?)

Núp reo lên, cũng bằng tiếng mẹ đẻ :

– Inh Núp nâu, lơ ngúa ư ? (Tôi Núp đây, có nhớ không ?)

Thế là tiếng kêu vỡ ra, vẫn bằng ngôn ngữ máu thịt ấy :

– Ô Núp ! Núp về rồi ! Núp về rồi ! Giàng ơi ! Lũ làng ơi !

Người thiếu phụ dậm chân, kêu đến thất thanh. Nhiều tiếng kêu nối theo làm thành một sợi dây hoan hỉ chạy dọc làng. Cả buôn ồ ập tíu tít, thình thịch đổ đến. Nón mũ phấp phới. Váy áo phấp phới.

Ngay buổi trưa ấy, hội đồng già làng mở phiên họp bất thường quyết định : Mặc dù mùa lễ hội đã qua, giờ là tháng làm ăn, nhưng làng sẽ mở lại hội Tô-nol, tức hội mừng sức khoẻ để đón Núp. Theo phong tục, lễ hội này do một gia đình đứng ra tổ chức để mừng sức khoẻ cho con trai mình, hoặc là đến tuổi trưởng thành, hoặc là vừa vượt qua một tai biến hiểm nghèo. Và như vậy gia đình phải chi phí, mổ heo, cất rượu để mời cả làng đến ăn mừng. Nhưng lần này mẹ và em gái Núp còn

thiếu thốn, lại chưa biết trước để chuẩn bị, nên cả làng cùng hùn vào đóng góp để vui chung, vì Núp bây giờ là người của cả làng, cả xã rồi.

Phường săn lập tức vào rừng kiếm thú.

Thật là cả rừng núi cũng mừng lây, mở lòng hào phóng. Xế chiều, đội săn đã khiêng về hai con nai bằng hai con bê.

Vừa vứt "uych" hai con thú tươi rói xuống trước cửa nhà em gái Núp, gần chục chàng trai trong đội săn đã bị vây trong hàng rào người tíu tít. Một thanh niên bỗng hú lên một hồi lảnh lót, rồi anh chạy lại vớ lấy chiếc dở nón dở mũ lợp bằng cây lồ ô, vành to, chóp nhỏ, treo trên vách. Anh túm dây lại, cầm vào giữa, dùng tay trái giơ lên như kiểu cầm khiên, tay phải mang cây lao vừa đi săn về, cầm theo lối cầm kiếm. Hai đầu gối lập tức nhún dận dập dềnh, đôi bàn chân nhảy giật lùi từng bước ngắn về phía sau, đầu cúi cúi theo khiên, người thu lu rất khéo, gập lại như hình thước thợ. Những chàng trai khác ồ lên, vội vã làm theo. Vớ gì múa nấy. Thanh củi giả làm kiếm. Mũ, nón vỡ làm khiên. Em rể Núp đang quét tước dọn dẹp, liền nhảy lên nhà sàn vác bộ chiêng xuống. Những người mới tới đón ngay lấy chiêng, dùng cùi tay làm dùi, đập háo hức xuống mặt chiêng đồng nhẵn bóng. Chân nhún nhảy làm nhịp. Những tiếng bình boong đầu tiên chỉ nhỏ và bồi hồi như tiếng thở cất lên, rồi những tiếng tiếp theo mạnh hơn loang ra, ngân nga, vờn lượn theo nhịp nhảy. Đoàn múa vẫn vung vẩy những động tác nhanh, gọn dứt khoát, biểu hiện một bản năng thượng võ. Đội hình múa di chuyển vòng tròn theo chiều tay trái, đó là chiều may mắn theo phong tục cổ truyền, nhảy xung quanh hai con nai, đó là vật hiến tế của lễ hội.

Người các nhà đổ đến. Một tốp các cô gái cõng gùi chất đầy những quả bầu khô đựng nước từ suối về, váy áo ướt loạt soạt, nhìn cuộc vui bất ngờ, cười loe toe chạy đến. Tất cả liền hạ gùi. Một người cầm quả bầu khô đen ánh như mun, chạy tới gần đám hội, mở nút, rồi bất thần tưới xả vào vòng người múa. Các cô gái khác làm theo. Những tiếng la vui, hú háo càng ầm ã lôi cuốn, kích động đến không ai có thể đứng yên. Nhiều người múa đã ướt đẫm từ đầu tới chân. Theo điệu múa dùng khí giới, có khiên có kiếm thế này, mà người múa không dùng khiên đỡ được những dòng nước té của phụ nữ. Theo đúng nghi thức, thì người

té nước đứng trên sàn nhà té xuống, ai ướt sẽ bị xung quanh cười chê là đường khiên, nhát kiếm còn hở, còn vụng. Nhưng lúc này mọi thủ tục đã bị bỏ qua, lấy vui làm chính. Người các nhà mang thêm chiêng tới. Đội ngũ múa nối dài thêm người. Anh thanh niên đi đầu chuyển làn, vứt "khiên", vứt "kiếm" sang bên, hai tay duỗi song song, khuỳnh cao ngang tầm vai. Bỏ động tác lùi, hai chân nhảy tiến về phía trước, gót kiễng lên cho động tác nhẹ lại, chùng lại, hai khuỷu tay gập dần thành hình tam giác. Người ngả nghiêng chao đảo như say, như bay. Các cô gái thôi không té nước nữa, bởi ai cũng biết các chàng trai đã chuyển sang một điệu *Soang* khác. Người đánh chiêng đang thúc nhịp hối hả, lập tức đập cùi tay khoan thai trở lại, bàn tay trái xoa trên mặt chiêng để kéo âm thanh dài ra, mỏng ra, bay lả lướt như khói, như tơ.

Trưởng già làng từ cuối buôn xoải chân đi tới. Ông mặc áo *ló* mới, kiểu áo chui đầu, ngắn tay, hai bên vạt tươi rói những đường hoa văn. Bên dưới là chiếc khố Kơ-té cũng sặc sỡ những hoa, xung quanh có riềm loà xoà. Ông đã trang phục đúng kiểu ngày hội. Núp đi bên cạnh. Mặc dù ăn mặc như người Kinh, nhưng từ dáng đi, ánh mắt, nụ cười vẫn nguyên vẹn là một thành viên trong cộng đồng mình.

Già làng rẽ đám đông đi vào. Khi đứng trước hai con nai, hai vật hiến tế, ông trang nghiêm ngửa mặt nhìn lên núi Tơ-gu, thành kính đọc bài khấn :

Ơ thần núi thần sông

Ơ ông Bok-teng, Ơ bà Y-a-Đố.

Hôm nay làng Sít-tơ tổ chức hội mừng sức khoẻ cho Núp.

Làng cúng bằng lợn béo, nai rừng, rượu cần để ngấu

Mời thần núi, thần sông về dự.

Phù hộ cho làng, cho Núp.

Có đi vào rừng thú ác phải sợ.

Lội qua sông thuồng luồng phải hãi.

Đặt chân vào gai, gai tù hết nhọn.

Leo núi cao, núi cỗng chân người ...

Bài khấn còn dài nữa. Ông gọi đủ các thần ở sông xa, núi gần về dự. Tất cả im phắc. Đến gió cũng không dám thở. Khi bài khấn vừa dứt, thì chiêng lại nổi lên vang động. Hai con lợn đã được khiêng tới. Những ghè rượu cần bằng sành màu da lươn tím rịm đặt la liệt trước sân nhà em gái Núp. Bếp lửa ở ngoài vườn được đốt lên. Chảo gang, nồi đồng khuân tới. Khi mọi người ăn uống xong, kéo nhau đến nhà rông để đốt lửa, nhảy múa nữa, thì đã nửa đêm ; nhưng không ai muốn ngủ. Đêm hôm sau cả làng lại đến nhà rông, nhưng không hát không múa, mà nghe Núp kể chuyện mười một năm đi xa của mình.

Đến hôm sau nữa Núp mới trở về huyện. Niềm vui còn đang chảy râm ran khắp người, thì nỗi lo đã sồng sộc kéo đến. Ngay tuần sau đó Mĩ đổ quân ồ ạt lên Tây Nguyên. Chỉ có một thời gian ngắn trong năm 1965, số quân Mĩ và chư hầu nhảy xuống Tây Nguyên tới 18.000 tên. Sang năm 1966 là 25.000 tên. Đường 19, huyện lị An Khê quê Núp lại dày đặc, nhung nhúc bóng địch. Gấp trăm, gấp ngàn quân Pháp ngày xưa. Vũ khí của chúng nhiều hơn đá sông, cây rừng. Sắt thép chạy dưới đất, sắt thép bay trên trời. Riêng số trực thăng vũ trang của sư đoàn không vận số 1 của Mĩ nằm trực ở An Khê là 600 chiếc. Chúng gầm rú ngày đêm, bay sát sạt trên ngọn cây, nóc nhà, quạt tung bụi rậm, quạt bật nắp hầm. Người không biết nấp vào đâu cho kín. Xã đội trưởng xã Bắc hoảng quá, chạy tuốt vào rừng sâu, không dám về nữa. Đồng bào bỏ nương, bỏ rẫy. Buôn làng vắng hoang, đồng bãi cũng vắng hoang.

Bí thư Núp triệu tập các đảng viên trong huyện, chỉ hỏi một câu : Hàng hay đánh ? Nhiều người bảo đánh, một số ngồi im. Khi hỏi riết, phải nói, thì bảo : Lo không đánh nổi lũ giặc bay trên trời. Núp hỏi nữa : Nhưng lũ giặc dưới đất thì dám đánh chứ ? Vậy cứ đánh những thằng dễ trước đã ! Và phải làm rẫy, làm nương, chứ không chưa chết vì giặc mà chết vì đói thì còn ra sao nữa !

Hằng ngày, những lúc không họp hành, Núp vác rựa đi phát rẫy trồng lúa, trồng ngô, miệng nói : "Nếu chết, tôi chết trước ! Còn không, thì hãy cùng tôi đi làm !". Núp đi xuống các làng, dân thì vận động họ ra rẫy, cán bộ thì khuyên họ phải mang theo súng, theo ná để khi gặp địch đánh lại. Núp vận động ngay những anh em họ mạc nhà mình phải làm gương để dân làng học theo. Một tháng sau Hờ Ri là em con ông

cậu Núp, làm xã đội trưởng xã Tây, khi đi rẫy đã gặp một chiếc máy bay do thám bay ù ù trên những ngọn lồ ô, phơi cái thân đen trũi, to kềnh. Lúc ấy Hờ Ri đang địu con trên lưng, khẩu súng trường quàng vai. Thấy máy bay đang rà thẳng về phía mình. Hờ Ri liền tì khẩu súng vào chạc cây, trên lưng vẫn địu con. Khi chiếc máy bay to như cái nhà trên đầu, không cần nheo mắt để ngắm nữa. Hờ Ri bóp cò. Thằng giặc khựng lại một cái, rồi đâm sầm xuống, lửa cuộn lên đùng đùng. Hờ Ri phải hô hoán cả làng ra dập lửa, dập khói, vì chỗ ấy rất gần sân bay An Khê, địch dễ nhìn thấy.

Xã đội trưởng xã Bắc đang nấp trong rừng sâu, nghe tin chạy về, Núp nói vui vẻ :"Chỉ nên sợ thế thôi ! Giờ thì về lãnh đạo dân quân đi ! Làm một cái như Hờ Ri là chân tay hết run liền à !".

Nghe lời Núp, anh ở lại, cũng đơn giản như lúc anh chạy đi ! Núp không hề ấn tượng, và anh xã đội thì không hề mặc cảm !

Ngay tuần sau, một ông già ở xã Căn Cứ đã gần 70 tuổi, đi rừng gặp máy bay trực thăng thả hai tên thám báo Mĩ, đúng là thám báo Mĩ hẳn hoi, liều thế mới đáng đời ! Khi hai tên Mĩ vừa chạm đất, thì những mũi ná của ông già đã bắt chúng phải nằm tại chỗ ngay.

Núp đi các xã kể chuyện ông già đó để dân hết sợ Mĩ. Mọi người đã lấy lại được cái gan suýt đánh rơi. Đến mức xã đội trưởng xã Cờ Pia còn coi thường địch, dám chơi trội, một mình mặc quần áo sĩ quan ngụy, giữa ban ngày vào thẳng đồn địch để giết bọn chỉ huy. Thấy mọi người khen, anh càng thích mạo hiểm, thích đi đánh lẻ một mình. Núp phải xuống tận nơi nói bằng giọng gia đình : "Mày làm thế không được rồi, phải gọi tập thể cùng làm. Đi săn cũng phải có phường, có hội, thì đánh thằng giặc là đánh con thú ác, lại càng phải có nhiều người. Cả xã mà chỉ có một người lập công là xã ấy chưa giỏi". Sau đó ít lâu du kích xã này đã có cách đánh địch rất đặc biệt. Họ đã thành lập một tiểu đội chuyên đánh giáp lá cà. Để dễ cơ động, cả tiểu đội cạo trọc đầu, khi xuất kích chỉ vận độc một chiếc khố. Một đội viên tên là Hrít sau khi vào giáp đồn địch diệt được một tên Mĩ, thì Hrít bị lộ, chúng vây đuổi quyết bắt sống. Một thằng địch vồ được vào đầu, vào lưng Hrít, nhưng chúng chẳng túm được gì, vì tất cả đều trơn tuột ! Thằng giặc lại túm

được đuôi khố Hrít, nhưng Hrít vẫn nhanh hơn nó, đã dùng con dao đánh gần của mình cắt đứt phựt đuôi khố, rồi ôm đầu lăn nhào xuống thung lũng lủi biến. Từ hôm sau, tiểu đội lại quyết định cắt bớt cả đuôi khố cho thật gọn ! Trong hàng ngũ địch đã lan truyền về cách đánh biến hoá của "tiểu đội trọc đầu" này như những giai thoại ! Tiếp đến là đội du kích xã Đông lập công to. Đặc biệt du kích xã này gồm toàn nữ. Một đêm cả đội đã đột nhập vào sân bay trực thăng, ném lựu đạn thiêu cháy bốn chiếc.

Núp mừng lắm, vì đây là lần đầu những nữ du kích lập công. Thế là khí phách của nữ chúa Y-a-Đố đã sống lại rồi. Núp kể chuyện cho chủ tịch huyện là người Kinh biết bà Y-a-Đố mà dân cả vùng này tự hào gọi là nữ chúa của mình là người quê ở đây (tên bà đã trở thành nữ thần trong bài khấn của các già làng). Từ xưa xưa, năm Tân Mão 1771, ba anh em nhà anh hùng Tây Sơn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ khi dấy binh đã thật tinh đời chọn vùng núi An Khê này làm hậu cứ với lời tuyên bố : "Tây Sơn thượng đạo" nghĩa là Tây Sơn lên đây tuyển binh, luyện binh. Bà Y-a-Đố lúc ấy là nữ tù trưởng nhiều thế lực và giàu lòng nghĩa hiệp. Bà đã trở thành người tổ chức hậu cần cho phong trào Tây Sơn. Ba năm sau, năm 1774, ba anh em Tây Sơn đã đủ lực, liền ra chiếu : "Tây Sơn hạ đạo". Đoàn nghĩa binh xuống núi, cất quân đi hỏi tội kẻ cõng rắn cắn gà nhà Nguyễn Ánh. Trong đoàn quân với khí thế xung thiên ấy có tới 300 voi và 400 ngựa của chính bà Y-a-Đố góp vào, và biết bao trai tráng quê gốc nơi đây đã nghe theo lời nữ tù trưởng của mình, gươm giáo lên đường đi theo đoàn quân vì nghĩa lớn. Cho đến mãi sau này, bà Y-a-Đố vẫn là một cơ sở giàu mạnh chi viện sức người sức của cho phong trào Tây Sơn.

Núp đề nghị huyện uỷ phát động thi đua để chị em toàn huyện học tập các nữ du kích xã Đông và nhắc mọi người phải luôn nhớ mình là con cháu nữ chúa. Lần đầu thấy bí thư sốt sắng với công tác tuyên huấn, một vài cán bộ ở miền xuôi lên không khỏi mỉm cười, vì cách làm đó quá quen thuộc. Nhưng thật lạ lùng khi nhắc đến nữ chúa, những cặp mắt của dân làng bỗng ngời lên tự hào. Con gái mới lớn xin vào du kích, những thiếu phụ thì cười đỏ mặt nói lơ lớ : "Chồng mình đi bộ đội rồi, mình còn bận nhiều con nhỏ, nhưng mình sẽ ủng hộ nhiều thóc

cho cách mạng, thế cũng là làm theo nữ chúa đó". Đã nói là làm. Các xã ấy đã tự nguyện đóng thuế đến hạt thóc cuối cùng. Hằng ngày từ người già tới trẻ con chỉ ăn sắn luộc, ở đây gọi là củ mì, ăn củ mì với canh rau bí. Cán bộ hoảng lên ngăn lại, thì những thiếu phụ cười phô hàm răng cà ngắn quá nửa trông rất ngộ, giải thích : "Mình đã để lúa làm giống cho mùa sau rồi, cán bộ khỏi lo. Mùa sau mình lại có thóc ăn rồi mà !".

Thật là một tiềm năng yêu nước dồi dào và quả quyết, mà vẫn tươi rói hồn nhiên, nhưng phải có những người như Núp mới biết khơi lên, rung lên cho nó cất thành tiếng, thành lời.

Khi huyện Hai đã trở thành một điểm mạnh, thì bí thư Núp lại được cấp trên điều đi sang phụ trách một huyện khác. Ở huyện vùng sâu này, địch đang lung lạc lòng dân rất dữ. Chúng giở những trò úm, có khi rất đơn giản nhưng lại bắt nọn được những người dân chưa bao giờ đi xa hơn cái rẫy của mình. Chúng càn vào làng, bắt dân khai báo những cán bộ nằm vùng. Dân không nói, tên chỉ huy liền rút một tờ giấy trắng trong túi ra, giơ trước mặt mọi người giao hẹn : "Đồng bào không nói thì tôi hỏi Giàng, Giàng bao giờ cũng thật bụng. Giàng sẽ nói vào tờ giấy này". Rồi hai tay hắn nâng tờ giấy lên ngang mặt, đầu cũng ngỏng lên núi cao, miệng lẩm rẩm như niệm thần chú. Trong tờ giấy ấy, hắn đã dùng thuốc hoá học viết sẵn một dòng chữ bịp bợm. Khi miệng lẩm bẩm vừa dứt, hắn thả tờ giấy vào chậu nước, kêu mọi người nhìn. Những cặp mắt tròn lên kinh ngạc trước dòng chữ dân tộc nổi hằn trên tờ giấy ướt : "Làng này có cộng sản, nếu không khai báo sẽ bị Giàng phạt !".

Thật đau xót, chỉ bằng cách ấy mà nhiều cán bộ ta bị móc từ dưới hầm lên ! Bí thư Núp lại ngày đêm lặn lội đến từng buôn heo hút để giành dân với địch. Khi các buôn tỉnh cơn mê, nhận ra kế hiểm của địch, nhiều người đã bứt tóc, đấm ngực ăn năn hối hận với cán bộ, xin được trừng phạt về những lỗi lầm của mình. Phong trào lại lên. Bí thư Núp lại được điều đi nhận công tác khác. Từ đấy cho đến giải phóng 1975, ông đã từng làm việc ở Ti công an, Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Có thời gian đã làm phó chủ tịch, rồi chủ tịch tỉnh Gia Lai. Khi hai tỉnh Gia Lai – Kon Tum sát nhập, ông lại trở về Mặt trận Tổ quốc tỉnh, mảnh đất phù hợp nhất của ông, và làm Chủ tịch Mặt trận cho tới hôm nay.

Công việc bận bịu, nhưng lúc nào ông cũng ung dung và tự tin, sống đúng là một người chủ trên mảnh đất của mình. Chính những năm Mĩ đổ quân như sung rụng lên dải đất cao nguyên này, thì ông vẫn có thời gian cưới vợ ! "Việc nào đi việc ấy mà !". Ông cười ha hả bảo tôi vậy. Và người vợ lần này chính là em út của người vợ trước. Nhưng có phải ông tuân theo tục *chuê nuê* của cộng đồng mình không ? Tức tục lệ phải giữ trọn dòng huyết thống của gia đình và chủng tộc mình. Theo tục này nếu người chồng chết, thì người vợ goá phải lấy anh em hoặc một người trong họ nhà chồng thay thế. Ngược lại người đàn ông goá vợ cũng lấy một người trong gia đình hoặc họ hàng nhà vợ như vậy. Méo mó, cộc lệch ghê gớm. Bà già lấy chàng thanh niên, con gái mới lớn hớ làm vợ ông lão đầu bạc răng long. Không xứng đôi, không ưng ý, mặc ! Cứ phải theo phong tục. Với người anh hùng của chúng ta thì thế nào ? Thôi hãy khoan đi sâu vào việc riêng, vì ông lại đang say sưa với chuyện đi vận động đồng bào K gọi con em của họ theo Phun-rô trở về. Câu chuyện còn mới tinh, nóng hổi này như sau :

Làng K là làng của người Ba Na nhưng theo công giáo toàn tòng. Ngay từ cuối thế kỉ trước, bàn tay của các cố đạo Pháp đã quờ lên tận đây. Dân gian kể rằng, ngày ấy có hai cố đạo Pháp lặn lội từ Nha Trang lên. Khi qua một cánh rừng bất chợt bắt gặp một đôi voi đang giao phối. Tình yêu của giống thú to xác này thật cuồng nhiệt đến ghê gớm. Đầu tiên là sự âu yếm, vờn nghịch bằng cách cuốn vòi vào nhau, xoắn vặn như bện thừng, húc vào nhau huỳnh huỵch, rồi đến giờ phút cao độ của sự hoan lạc khiến cây cối xung quanh bị vò nát, đất tung lên rào rào. Hai cố đạo Pháp bàng hoàng trước một bức tranh dữ dằn của tình yêu dã thú, cứ ngây ra ngắm nhìn ; quên đứt sự nguy hiểm, hoặc là không biết đặc tính kì cục của loài voi là trong lúc truy hoan ấy mà bất cứ một loài gì khác đi tới, nhìn thấy, là nó nổi điên lên quật chết ngay ! Và thật nguy thay, chính lúc mê mẩn ấy, nó đã nhìn thấy hai nhà truyền giáo quyết tử vì đạo ! Chúng liền gầm lên he he, bỏ dở cuộc tình xông đến quăng vòi ra như phóng lao. Một cha đã bỏ mình thảm thê trong buổi mở đường đi *khai sáng* ấy. Cha kia thoát thân, chạy đến đứt hơi, tả tơi áo sống ! Thật là thoát một cuộc voi dày ! Nhưng cha quyết không lùi bước, nhất định đi gieo hạt cho Chúa. Sau đó nhiều cha khác đã theo gương lên đây, cũng đóng khố cởi trần, *ba cùng* với đồng bào để

thực hiện lí tưởng. Thật là nằm gai nếm mật, sắt đá thay ! Từ đấy các nhà thờ đã theo nhau mọc lên, còn mọc trước cả những đồn bốt boong – ke của lính.

Làng K ở cạnh một nhà thờ lớn trong khu. Nhà thờ này năm 1977, cực chẳng đã, ta đã phải trục xuất một cố đạo người Tây Đức vì những hành động chống đối đến quá khích của ông ta. Bên cạnh sự chỉ đạo và những nhân mối trong Phun-rô, công an ta còn chụp ảnh được *cha* đã nhiều lần cùng các nữ tu trẻ đẹp nhảy thoát y vũ ở ngay nơi thâm nghiêm của thánh đường ! *Cha* đi rồi, nhưng những sự phức tạp của *cha* để lại thì vẫn còn nguyên đó. Làng K có hơn một nghìn hộ, mà có tới bốn trăm ngụy quân ngụy quyền. Nhiều người đến nay vẫn không ra trình diện. Số thanh niên theo Phun-rô ngày một tăng. Những chính sách của Nhà nước tới đây phải đứng lại ở ngoài cổng ! Cả bí thư và chủ tịch thị uỷ đã đến họp với dân làng, nhưng đâu vẫn đóng đó. Hai người liền chạy đến Núp. Nghe xong, Núp bảo : "Ở đây không cần họp với nhiều người như bà con người Kinh đâu, mà chỉ cần gặp các già làng thôi. Đấy là cái đầu của buôn. Đầu gật, thì cả cái đuôi to sẽ chuyển theo". Hôm sau ông đi một mình xuống làng K như người bà con lâu ngày về với họ hàng.

Cùng ngồi bệt xuống sàn nhà rông, chủ tịch Núp và hai mươi người trong hội đồng già làng cùng giương tẩu lên. Mùi thuốc rất nặng phả ra đặc quánh cả nhà. Những gương mặt gân guốc, những mái tóc bờm xờm bạc trắng, bập bềnh trong khói thuốc mù mịt. Không khí trang nghiêm như trước giờ xuất trận của những bộ lạc xưa. Cứ thong thả nhẩn nha một lúc lâu, chủ tịch Núp mới khẽ khà hỏi vui bằng tiếng mẹ đẻ :

– Các già làng có ưng sung sướng không ? Có thương con, thương cháu không ? Các già làng như thích con cháu mình ngày một khổ hung, hí !

Cách tuyên truyền của chủ tịch Núp vậy đó, cứ điềm tĩnh chuyện trò như người nhà bàn việc với nhau, nhưng lại dứt khoát không mơn trớn rào đón đó, không xuê xoa lấy lòng. Sau câu hỏi ấy, các già làng ồn cả lên một lượt :

– Muốn sung sướng chứ ! Là người ai không ưng sướng !

– Núp nói sai rồi ! Chúng tôi còn muốn con cháu sướng hơn mình kia ! Bảo các già làng ưng con cháu mình khổ là sai rồi !

– Đúng rồi ! Sai rồi !

Những cặp mắt nheo nheo nhìn Núp, tin chắc ông đã bị dồn vào chỗ bí. Nhưng ông đã lên tiếng nói về cái lạc hậu :

– Người lạc hậu là người thích làm việc xấu, thích chống lại chính quyền. Có lạc hậu mới làm việc xấu chứ ! Trong đầu nhiều chữ mà cứ làm việc xấu, thì lại càng lạc hậu ! Sao nhiều chữ lại không biết phải, biết trái ? Tôi với các già làng đây không làm việc xấu, không làm hại ai, nhưng vì ít chữ nên gọi là lạc hậu, thế có ai chịu không ?

– Chịu sao được, cãi chứ ! Tất cả nói to rồi cười to.

Núp lại hỏi :

– Các già làng có bị cách mạng bóc lột không ?

Mấy người nói :

– Mình đóng góp theo đúng nghĩa vụ của mình thôi. Thì ngày xưa cũng đóng thuế như bây giờ mà.

Núp vẫn hỏi :

– Nhưng ngày xưa chính quyền của Thiệu đặt ra cả thuế trâu, thuế bò, thuế heo, rồi bắt cả con gái đi có đúng không ?

Nhiều người cười :

– Ngày ấy họ bảo đấy không phải là thuế, mà là đóng góp thôi. Lính đến nhà thấy hai con bò thì bắt đi một. Thấy con gái đẹp cũng bắt đi, bảo là đi phục vụ chính quyền để đánh Việt cộng !

– Ngày ấy con Hơ Sao nhà Hờ Pít đi phục vụ mấy tháng về rồi có bầu đấy ! – Một tiếng đế vào, rồi tất cả cười hinh hích !

Chủ tịch Núp còn cười to hơn, rồi nói :

– Thế bây giờ cách mạng có làm vậy không ? Không à, thế chính quyền ngày xưa lạc hậu hơn cách mạng ta rồi.

Thế là hai con đường đấy : một con đường tốt, một con đường xấu. Đi theo Phun-rô vào rừng đánh lại cách mạng, thế là nó thích chính quyền ngày xưa rồi, nó nghĩ sai rồi. Các già làng phải gọi chúng nó về thôi ! Đừng để con cháu chúng nó nghĩ sai nữa. Nếu nó nghĩ sai, cứ chống lại cách mạng, thì cách mạng phải diệt đó ! Diệt chứ không ! Có diệt đứa lạc hậu, đứa ngoan cố thì những người tốt mới được yên ổn.

Mọi người im phắc trở lại. Chủ tịch Núp nói tiếp :

– Cứ ở trong rừng mãi thì dù không chết vì cách mạng, thì cũng chết vì bệnh, vì đói. Thế là những đứa Phun-rô một lúc phải chống đỡ với cả hai : vừa chống đỡ cách mạng vừa chống đỡ với cả bệnh và đói. Thế có cực không nào ! Các gia đình có tiếp tế cho họ được mãi không ?

Tất cả nhìn nhau, những ánh mắt bỗng bạc đi. Lúc sau, mọi người hỏi :

– Nhưng khi gọi chúng về rồi, huyện và xã có bắt nộp phạt giống như làng S tháng trước không ?

Chủ tịch Núp thở phào. Thì ra cái ắc từ đấy. Một việc làm sai của già làng S mà tác hại to thế. Chả là tháng trước bên làng S, một người vợ nghe theo lời cán bộ đã gọi được chồng đi Phun-rô trở về. Già làng S là người tốt, nhưng vẫn theo lệ cũ, bắt người đi Phun-rô phải tạ tội bằng cách nộp thịt heo và rượu cần để làng làm lễ xin Giàng xá tội. Vì nhà nghèo không nộp lễ được, anh kia lại chạy lên rừng theo Phun-rô.

Chủ tịch Núp cam đoan :

– Không có huyện và xã nào làm như thế. Già làng S làm sai, cán bộ đã về nhắc rồi. Ta không nên nghe thằng địch lợi dụng nói xấu, bảo đấy là chủ trương của cách mạng. Không có chủ trương nào đòi ăn như thế ! Các già làng cứ gọi con cháu về, có ai đến nói sai chủ trương thì cứ lên báo cáo với xã, với huyện, nếu còn thấy chưa tin thì lên tỉnh. Chính quyền bây giờ là của ta, đi hỏi cái đúng thì không có gì phải sợ. Ai sợ thì lên cùng đi với tôi !

Cứ thế, nói chuyện hay là họp, hay là một cuộc đấu lí ? Không cần biết ! Cuộc gặp gỡ này kéo dài tới bốn buổi chứ không phải ít, và đã được kết thúc bằng một bữa rượu cần thật hể hả. Khi trở lại chỗ Bí thư

và chủ tịch thị uỷ, ông Núp chỉ thông báo một câu ngắn gọn : "Các già làng gật rồi đấy !"

Ngay tháng đó, 120 người theo Phun-rô đã trở về.

*
* *

Và bây giờ tôi đang cùng chủ tịch Núp ngồi trong chiếc xe con chạy xình xình về An Khê, về quê ông. Nói là ngồi xe con cho ra vẻ đàng hoàng, nhưng xe lại kéo một chiếc moóc lớn, bên trên ngất ngưởng ba chiếc thùng phi. Đường xóc chúng va đập vào nhau uỳnh uỳnh như đánh trống. Chuyến đi này làm một công đôi việc. Đảng bộ xã Nam đang họp phê và tự phê, vì lâu lắm mới có cuộc kiểm điểm lớn như thế này, nên Đảng uỷ tha thiết mời người lão đồng chí của xã về cùng bàn bạc cho phương hướng tới. Vì mặc dù ở xa, nhưng ông Núp vẫn nắm chắc từng người, từng việc ở quê mình. Việc thứ hai là đích danh ông Mặt trận Tổ quốc tỉnh mang thùng mang chậu đi mua cá con ở trại cá Hà Tam về thả ở ao cơ quan để làm quỹ cho mặt trận.

Xe chạy xuôi theo đường 19. Qua mỗi vòng cua, đoạn đèo, anh hùng Núp lại kể cho tôi nghe sự tích từng thước đất mà ông thuộc như lòng bàn tay. Chỗ dốc hình mũi lao này, đội du kích của ông đã phục diệt được một toán lính Pháp đi tuần và bắt sống cả vợ chồng tên quan hai cưỡi đôi ngựa ô đi sau. Chỗ sát bìa rừng khộp kia là tổ du kích *đầu trọc* xã Cờ pia đã giật mìn diệt được xe M113 ngay những ngày đầu Mĩ đến. Và đây dòng sông Ba, sau mấy cơn mưa đầu mùa, nước đục ngầu sôi sục. Anh hùng Núp chỉ ngược lên phía thượng nguồn nói chính phía ấy ông đã bị thương trong trận bom B52, và Chơ Rắc – người vợ bây giờ đã kéo ông chạy xuôi theo dòng nước sông Ba để thoát cuộc săn bắt của lũ trực thăng quỷ quyệt. Lại nói về chuyện riêng, khi anh hùng Núp từ miền Bắc trở về, thì Chơ Rắc lúc ấy đang làm chị nuôi ở huyện uỷ. Gia đình có bốn chị em gái, sau Liêu – người vợ đầu của Núp ngày xưa, tiếp đến là Lý và Pí. Khi Núp từ miền Bắc trở về, thì hai chị em Lý và Pí đã có chồng con. Cả gia đình và buôn làng đều hùn vào để Núp và Chơ Rắc thành đôi lứa. Nhưng sự quyết định là ở hai người.

Vì cả hai đều là người của cách mạng rồi, phong tục và gia đình không được ép. Cả buôn và cả làng đều nói vậy. Sau mấy lần gặp gỡ, Núp và Chơ Rấc thuận tình. Đám cưới tổ chức ngay ở cơ quan, đơn giản và ấm cúng. Chơ Rấc người nhỏ nhắn, nhưng lao động rất giỏi, thường gùi một tạ trên lưng. Ngay từ lúc mới thoát li, Chơ Rấc đã được công nhận là kiện tướng gùi. Làm chị nuôi, nhưng Chơ Rấc không phải chỉ quanh quẩn với xoong nồi trong nhà. Suốt trong những năm chiến tranh, một mình Chơ Rấc liên tục trồng một héc ta vừa lúa vừa mì và nuôi hẳn một đàn heo, có lúc nuôi tới ba mươi con. Tất cả những của cải đó không phải của Chơ Rấc làm riêng cho mình, mà đó là của cơ quan. Có những thời kì ác liệt, trên không tiếp tế được, một mình Chơ Rấc đã thực sự nuôi cả huyện uỷ bằng đôi tay lao động của mình. Khi giải phóng, Chơ Rấc đã được tặng thưởng huân chương giải phóng hạng ba.

Lần Núp bị thương là một buổi sáng hai vợ chồng đang đi rẫy, thì bom B52 trùm lên. Bốn vết thương đã đánh ngã Núp. Chơ Rấc không vướng mảnh nào, nhưng bị sức ép nặng. Cả hai còn đang giở mê giở tỉnh, thì đã nghe những tiếng phành phạch của lũ trực thăng đổ đến. Đó là một kế hiểm của giặc. B52 và phản lực đi trước thả bom, trực thăng bay liền theo sau, rà rất thấp. Khi thấy có người bị thương, nó liền đáp xuống hốt đi. Nhiều cán bộ, bộ đội của ta đã bị địch bắt đi bất ngờ như vậy. Vì thế khi nghe tiếng trực thăng, cả Núp và Chơ Rấc cùng cố vùng dậy. Nhưng vết thương nặng đã làm Núp không gượng nổi. Chơ Rấc ráng sức dìu Núp đi. Tốp trực thăng đã phành phạch ngay trên những bụi le. Chơ Rấc liền nhanh trí kéo Núp lao ào xuống sông Ba, và cứ xuôi theo dòng nước chảy, Chơ Rấc kéo Núp chạy miết, chạy miết, đến hơn một cây số mới thoát khỏi vòng săn tìm của giặc.

– Đúng là hôm ấy nhờ có dòng nước ... Anh hùng Núp vừa phà khói thuốc, vừa nói như thầm thì. Lái xe Quý quay sang cười to :

– Nhờ bác gái chứ ! Rồi Quý tiết lộ thêm là hôm nay bác trai có mua áo mới làm quà cho bác gái, mà mua tận Hà Nội hẳn hoi, nhân tuần trước đi dự kì họp thứ hai của Quốc hội khoá 7.

Ông già Núp bỗng đỏ mặt, cười bảo tôi là mua áo may sẵn ở chợ Đồng Xuân thôi chứ không có cầu kì gì ! Cần nói thêm một chút là sau

giải phóng, Chơ Rấc còn làm phục vụ một thời gian, rồi nghỉ theo chế độ mất sức. Mặc dù được ở thị xã trong một thời gian tùng tiệm, sớm tối có chồng có cháu (hai người không có con) nhưng Chơ Rấc nhớ buôn, nhớ rẫy không sao chịu được. Hằng ngày không có cái gùi trên lưng thấy chống chếnh quá ! Ông Núp và gia đình phải chiều theo. Chơ Rấc sung sướng trở về làng, ngày ngày lại hăm hở đi nương đi rẫy, tự làm tự sống như một người đàn bà chưa hề đi xa. Bây giờ lâu lâu vợ chồng mới gặp nhau, nhưng cả hai cùng rất hài lòng.

Xe rời quốc lộ 19, rẽ vào đường đất, chạy ngả nghiêng qua những đèo dốc, qua những cánh rừng le vàng lá trong nắng. Đến xế chiều thì tới làng Sít-tơ, ông Núp phải xuống xe ngay từ đầu làng vì những vòng người đổ đến. Đã quen với cảnh đó, lái xe Quý rồ máy về nhà trước.

Và đây, ngôi nhà sàn của vợ chồng ông chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã ở trước mắt tôi. Đơn sơ và nhỏ thó. Xung quanh thưng bằng phên nứa, và mặc dù chủ đi vắng, nhưng không khoá. Nói chung cái khoá ở đây trở thành xa lạ và thừa thãi. Nhà nhà đi làm, nhưng cửa chỉ khép hờ để chắn gà.

Đã quen, Quý mở cửa, nhóm bếp, đun nước uống. Tàn một ấm trà, chủ nhà Núp mới về. Đi cạnh là một ông già lơ phơ tóc trắng, gân guốc, giống nguyên mẫu một võ sĩ đạo Yôga. Người cao gầy, đen đỏ từ chân tới đầu. Hai tai xâu lỗ rộng thông thống. Ông chỉ đóng một chiếc khố, cổ đeo vòng hạt cườm, còn tất cả da thịt dính liền với thiên nhiên nắng gió.

Đấy chính là trưởng già làng, tuổi đã ngoài tám mươi. Gần một thế kỉ đã đi qua người ông. Nghe anh hùng Núp giới thiệu với chúng tôi bằng tiếng địa phương, trưởng già làng chỉ gật đầu cười móm mém. Tôi biết người đứng đầu của làng mà đến thăm khách trước thế này là một ngoại lệ đặc biệt. Ở các vùng quê trên cao nguyên cho đến hôm nay, bên cạnh chính quyền địa phương, trưởng già làng vẫn là người có uy lực đặc biệt. Vừa ngồi yên chỗ, một thanh niên tóc xoăn, da đen bóng đã lễ mễ gùi một ghè rượu cần lúc đến. Mùi men chua chua cay cay, thơm ấm lên sự kích thích. Buộc ghè rượu vào cây cột giữa nhà, anh thanh niên cầm quả bầu khô đựng nước lạnh đổ đầy lên miệng, rồi cắm

chiếc cần cong mềm vào giữa. Đoạn, anh đặt một thanh tre ngang miệng ghè. Ở giữa thanh tre có một cái khắc quay trở xuống. Đó là *cang*. Cái khắc kia chính là cữ đo để những người khai rượu mời nhau. Rượu phải ngập *cang*. Những lượt đầu, mỗi người phải uống một *cang*, tức phải hút đến khi rượu trong ghè không chấm tới cái khắc kia mới được dừng.

Làm xong những thủ tục đó, anh thanh niên nâng cần lên đưa cho già làng. Một nét đẹp của mĩ tục cộng đồng. Già làng lại đưa cho người bạn từ thuở hàn vi là anh hùng Núp. Anh hùng Núp lại đặt cần vào tay tôi. Biết đó là sự quý khách, không được từ chối. Tôi nâng chiếc cần mềm như một sợi mây lên. Dòng nước mát lạnh, ngòn ngọt chua chua, nhẹ hơn bia, từ dưới đáy ghè hút ngược lên theo cần, thấm râm ran đến tận bàn chân, ngọn tóc. Vòng quanh mỗi người một lượt rồi tạm dừng. Anh hùng Núp tìm rựa, tìm gùi để lên nương. Quý bảo đó là thói quen, là sự say mê không thể thiếu được mỗi khi ông về nhà.

Trưởng già làng đưa chúng tôi đi tắm suối Tà Tung. Dọc theo bờ suối, nhấp nhô những cây Pơ-lang, cây khộp nứt nẻ trụi trần, quãng quãng lại gặp những bụi cam, bụi chanh cao lớn rùm roà. Những quả chanh to, mọng nước treo súc sỉu trên cành. Quanh gốc tịnh không rào giậu gì, nhưng ngoài chủ nhân ra không ai động đến một quả. Tôi hỏi già làng đấy có phải là giống cam, giống chanh của nữ chúa Y-a-Đố mang từ dưới đồng bằng lên không ? Và thế là ông già đang im lặng như một cái hũ chứa đựng biết bao nhiêu những biến thiên của cuộc đời, bỗng sôi nổi hẳn lên. Ông ngước cặp mắt đục mờ ngước lên dãy núi cao phía đầu suối. Và cái giọng trầm trầm thành kính của ông lập tức đưa tôi quay trở về những thế kỉ xa xưa vừa hoang dã, vừa hào hứng.

Kia chính là núi Tơ-gu, nơi yên nghỉ của nữ chúa Y-a-Đố.

Sau khi anh em người hùng Tây Sơn thắng giặc trở về, nữ tù trưởng Y-a-Đố đã kết duyên cùng Nguyễn Nhạc. Bà cùng Nguyễn Nhạc về Bình Định sống một thời gian. Bà ở dưới đó bao lâu ? Tương truyền không nhớ. Nhưng mọi người biết rõ những năm cuối đời, bà lại trở về đây. Lá rụng về cội, bà mang rất nhiều cam, chanh và hoa quả ở dưới đó về trồng. Đến khi sắp trút hơi thở cuối cùng, bà dặn cộng đồng sẽ để bà yên nghỉ trên đỉnh núi Tơ-gu kia. Từ trên ngọn núi cao nhất vùng

này, nhìn thông được xuống Bình Định, tình yêu của nữ chúa với người anh hùng áo vải nồng thắm lắm. Dân gian truyền lại rằng buổi tang lễ đặc biệt này, cả quả núi đã đông chật những người, những ngựa, những voi. Nườm nượp, rùng rùng, vang động tiếng trống, tiếng chiêng cồng như sấm, như bão. Cùng với nữ chúa đi sang thế giới bên kia, đã có bốn thanh niên trai tráng nai nịt khiên giáo như khi ra trận, tự nguyện đi theo bảo vệ nữ chúa đến những bến xa bến lạ. Nghĩa là người ta đã đào bốn huyệt quanh bốn góc của nhà mồ nữ chúa. Và bốn chàng trai vệ sĩ đã cùng khiên giáo của mình đứng dưới đó để người ta chôn sống, rất thanh thản... thanh thản không cần ngậm ngải nuốt trầm gì cả ! Sự xả thân vì chúa ở chế độ mẫu quyền thật hồn nhiên và bi tráng !

Tôi bâng khuâng ngước nhìn ngọn núi phất phơ một dải mây chiều, miên man nghĩ về những truyền thống của mỗi tộc người. Bà Y-a-Đố chưa phải là một tiên liệt. Nhưng thời ấy một nữ tù trưởng giàu mạnh đã dám sống hết mình với một phong trào khởi nghĩa ngay từ khi còn trứng nước; bà đã đặt cả niềm tin vào những người nữ khách phương xa, khác với tộc người mình. Có được cảm quan ấy phải là một tấm lòng hướng thiện lắm. Tới nay qua những thăng trầm của lịch sử, những đắng cay ngọt bùi của hai cuộc kháng chiến, sự hướng thiện ở mảnh đất và con người nơi đây đã được nhân lên gấp bội. Một hạt giống đã nở ra những mùa gặt hái !

Chợt có tiếng động ở đầu suối. Tôi vừa quay sang, thì anh hùng Núp đã từ trên núi Tơ-gu bước xuống. Quần xắn cao, chân đi đất, một tay cầm dao, một tay cầm tẩu thuốc, chiếc gùi nặng những rau cải, đu đủ và xoài chín trên lưng. Ông đi thảnh thơi giữa thiên nhiên thân thiết của mình. Chính ở chân núi Tơ-gu kia, làng Sít-tơ mà trong *Đất nước đứng lên*, nhà văn đổi tên là làng Kông Hoa, ở đấy anh hùng Núp đã tựa vào núi non của tổ tiên mình, tựa vào truyền thống thắm đỏ của cộng đồng Ba Na giàu lòng nhân ái để đánh những trận đầu tiên từ thuở còn mồ ma giặc Pháp. Ông đã trở thành người *bắn Pháp chảy máu* ở đó. Rồi quanh ngọn núi nơi bà nữ chúa nằm kia, Mĩ đã đưa máy bay trực thăng ầm ĩ đến đổ quân. Bí thư huyện uỷ Núp đã cùng những đội du kích quanh đây tìm cách vây hãm không cho chúng trở về. Một mảnh đất liên miên giặc giã, một mảnh đất điệp khúc những chiến công ! Để hôm

nay con người sống trong chiến thắng hai thằng giặc lớn vẫn vô tư lội ùm ùm, tắm mình trong suối mát từ ruột núi chảy ra !

Khi chúng tôi trở về, thì trên nhà sàn đã đông chật những người. Già trẻ, trai gái ngồi xung quanh ghè rượu. Hai chiếc cần nữa được cắm vào. Lần lượt ba người cùng hút một lúc. Gia đình dọn cơm ra một góc, ông Núp và vợ ngồi một bên, chúng tôi ngồi một bên. Tôi được biết đó là nếp quen mỗi khi ông về nhà. Một biểu hiện thật thà của tình cảm vợ chồng. Chơ Rắc bây giờ gọi là bác, là bà được rồi. Người kiện tướng gùi, người đã từng nuôi cả cơ quan huyện uỷ trong những lúc khó khăn, người đã kéo chồng băng qua dòng sông Ba để thoát sự săn tìm của trực thăng giặc, bây giờ lại trở lại làm người đàn bà bám đất làm ăn, quên cả những tiêu chuẩn lương thực hằng tháng của mình, rất bằng lòng trong sự cần cù lam lũ. Tôi còn được chuyện trò với nhiều người ở làng này, xã này, đã lập chiến công trong chống Pháp, chống Mĩ, đã được nêu gương học tập một thời. Có người đã đi thoát li, trở thành cán bộ, bây giờ lại trở thành người cày cuốc, cứ vui vẻ tự nhiên như họ cầm ná, cầm súng thấy cần thiết phải lên đường. Nhiều người lúc về quên cả làm những thủ tục để hưởng những chế độ cần thiết. Họ quên cả những chiếc máy bay, xe bọc thép và số lượng tên giặc mình đã diệt. Người ở đây nhớ dai về cộng đồng, ý thức về cộng đồng, mà dễ quên cộng đồng, mà dễ quên bản thân mình, ít ý thức về mình. Đối với anh hùng Núp cũng vậy, làm chủ tịch ngồi ở trên tỉnh, hay đeo gùi đi nương cũng không có gì cách biệt. Ngồi ô tô, đi xe đạp, hay cuốc bộ thì cũng thế thôi ! Mọi phương tiện đối với ông không có gì khác thường, lại không phải là thước đo cao thấp.

Đêm xuống, trời đổ mưa. Đồng bào gọi đây là những cơn mưa vàng mưa bạc, những nương ngô, bãi lạc, lá xoắn lại khát khao, đang chờ mưa xuống để ra hoa, ra củ. Mặc mưa gió, người làng vẫn tiếp tục kéo đến. Mùi nắng gió từ da thịt, áo quần toả hầm hập khắp sàn nhà. Sau mấy lượt cùng nam nữ thanh niên hút rượu để mừng sự gặp gỡ, tôi đã có phần chếnh choáng. Cho đến khi tôi nằm trên tấm *đò* lơ mơ thức ngủ, thì lại thêm một loạt người khác đội mưa đến. Hơi nước bốc trên những tấm lưng dãi dầu. Nghe qua câu chuyện vừa bằng tiếng Ba Na, tiếng Kinh, tôi biết đây là những cán bộ chủ chốt của xã, và mọi người

đang bàn với ông Núp vừa dít tẩu, ngồi vững chãi như một cây cột Gu, tức cột cái giữa vòng người, vừa chăm chú lắng nghe. Ấy là ông đang mở hết bộ "tách sóng" của trí não và kinh nghiệm cả đời mình để thâu tóm gạn lọc. Tôi đã nghe người cùng làm việc với ông kể về sự mẫn cảm rất thính nhạy ở con người giàu bản năng này. Đứng trước những việc khó khăn, mới mẻ, nhiều khi ông chưa nghĩ ra được cách xử trí ; nhưng khi nghe một phương án, một ý định của người khác, ông có thể tham gia tức thì, khẳng định tức thì sự đúng sai ở những dự kiến ấy. Nếu những dự kiến còn đang mung lung ấy có liên quan đến vấn đề dân tộc, thì sự mẫn cảm của ông càng trở lên thính nhạy khiến người khác đến ngạc nhiên. Còn tôi, cứ tự ngạc nhiên về sự trẻ trung tươi mới ở một ông già đã bạc phơ râu tóc. Ông cứ hồn nhiên sống và hồn nhiên làm việc. Ông đã từng thuyên chuyển nhiều vị trí công tác, nhưng chưa bao giờ ông so đo hơn thiệt về cái ghế cái bàn nơi này với nơi kia cao thấp khác nhau thế nào. Ông tự nhận một cách thoải mái là mình ít chữ, ít thuộc sách vở, đến nỗi nhiều khi đang nói, chợt bí không dùng được từ diễn đạt, ông liền phá ra cười thay thế ! Sự hồn nhiên khiến ông dù tuổi tác như vậy, nhưng chưa bao giờ là người bảo thủ. Tôi đã nghe ông nắc nỏm đến khâm phục về phương án của những người dưới quyền mình, trong việc định canh định cư. Ở đây còn một vài nơi xa xôi heo hút, đồng bào vẫn duy trì nếp sống cổ xưa đến kinh ngạc. Nếp sống của một công xã thị tộc. Ấy là cả buôn vẫn sống trong một chiếc nhà dài dằng dặc. Trong đó già làng chia từng ô nhỏ cho mỗi hộ như một tổ ong. Mỗi khi có điều gì trắc trở mà mọi người cho là động đất động rừng, thì già làng quyết định "nhổ trại" đi nơi khác. Và thế là cả một xã hội khép kín ấy lại bồng bế nhau táo tác lên đường ! Bây giờ muốn cho những số phận đó ổn định, thì nhất thiết phải định cư như những buôn làng khác. Ở đây việc đầu tiên là phải tách từng hộ ra khỏi chiếc nhà dài để mỗi chủ hộ phải có tính độc lập, tính tự quyết định của mình. Chỉ đến khi chiếc nhà dài biến đi, thì chuyện định canh định cư mới có cơ sở để bàn. Rồi từ đấy mới tính tới chuyện kinh tế vườn, kinh tế ao như những nơi khác.

Anh hùng Núp cứ tấm tắc khen đúng là phải làm từng bước như thế, chứ không thể nhảy ào vào thúc bà con đào ao, làm vườn ngay thì thật

chẳng khác gì bắt đứa trẻ chưa mọc răng đã phải nuốt thịt nai khô ! Còn tôi thì không khỏi thở dài mà lo lắng cho ông sẽ đột phá cái xã hội khép kín kia bằng cách nào ? Nhưng ông thì cứ phà khói thuốc, rung đùi trong sự tự tin đến xanh rờn! Ông dự tính tuần sau sẽ xuống một buôn vẫn còn Phun-rô hoạt động để cùng tìm cách gỡ rối, rồi sau đó ông sẽ đến thăm nơi có chiếc nhà dài lợp chắn liếp trông rất sơ sài, nhưng lại có sự vững chắc rất đáng gờm kia. Trước mắt ông già bảy mươi còn nhiều việc quá ! Mà toàn việc nóng, phải làm ngay chứ không thể nhẩn nha tà tà ! Sau những năm chiến tranh, Tây Nguyên đã nổi lên nhiều anh hùng, riêng con em đồng bào dân tộc đã có đến hàng chục, nhưng anh hùng Núp vẫn có một vai trò, một vị trí đặc biệt. Những buôn làng hẻo lánh trên dải rừng miền Tây này vẫn rất cần đến bàn tay bàn chân và tiếng nói của ông. Vì thế ông chưa thể nghỉ, và bản thân ông cũng chưa bao giờ lại tính đến sẽ có lúc mình ngồi yên không làm gì !

Ngoài trời mưa đã nhẹ hạt. Những tiếng lắc rắc mong manh như rây bột. Mưa bụi, hay là những mầm cây đang tí tách cựa mình ? Tôi vội thức dậy để làm một đêm "nhập cuộc" là ra nhà rông ngủ chung với đám trai chưa vợ của buôn. Ở đây vẫn giữ phong tục con trai lớn còn độc thân, đêm đến ra nhà rông ngủ thành hội thành đoàn. Nếu ban đêm có gì bất trắc, thì đây là lực lượng xung kích bảo vệ cộng đồng. Đêm nay tôi xin làm một thành viên. Anh thanh niên gùi rượu đến ban chiều, quay lại gật gù nhìn tôi, ý nói cứ thong thả, vì cuộc họp "trù bị" đang đến phần chót. Những người ngồi quanh ông Núp giờ mới nói xong. Rít nốt mồi thuốc, rồi ông Núp hắng giọng lên tiếng. Vẫn bằng ngôn ngữ của buôn làng mình, ông nói lúc nhanh lúc chậm, chốc chốc lại giật giọng lên gay gắt. Tính ông thế, không quanh co úp mở. Những người ngồi quanh im lặng lắng nghe. Những cặp mắt trầm tư mỗi lúc một rạng ngời lên, nhìn người đang nói như nhìn cây cột gu, tức cột cái của một ngôi nhà. Tôi chợt sực nhớ từ sáng đến giờ, anh hùng Núp đã đi lại nhiều, hết lên nương xuống suối. Đi lại ào ào, tranh luận cũng ào ào, mà tới lúc khuya khoắt nào ông chưa hề ngả lưng.

PlâyKu, 7-1986

Lời bình

Đã có một dạo trong giới sáng tác nảy ra một cái "mốt" viết "hậu" cái này cái nọ, ví dụ như Hậu Chí Phèo, Hậu Tắt Đèn, Hậu Lão Hạc, v.v...

Có cái được gọi là "hậu", ra "hậu" có cái tuy không gọi ra thành tên nhưng cũng na ná như là "hậu" vậy.

Cũng lại có thêm một cái "mốt" nữa là đi "gặp lại" những nguyên mẫu văn học, dù họ còn hay mất, ví như anh hùng Hồ Giáo, mẹ Suốt, cô thanh niên xung phong Thạch Nhọn, Thạch Kim v.v... Kể ra việc làm này cũng rất cần thiết và bổ ích cho bạn đọc rộng rãi, để họ hiểu thêm chuyện trước kia, chuyện sau này, chuyện trong văn, chuyện ngoài văn, chuyện thăng trầm dâu bể của những số phận, những cuộc đời.

Đi vào những đề tài trên, đa phần người viết rất dễ rơi vào một nguy cơ là nhằm thoả mãn trí tò mò của độc giả. Vì thế họ có hứng thú chủ yếu là săn tìm các chi tiết, sự kiện càng lạ, càng giật gân, càng độc đáo bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Nhà văn Nguyễn Khắc Trường không ngại mang tiếng mình chạy theo mốt này mốt nọ, cũng không xuất phát từ động cơ chiều ninh thị hiếu dễ dãi của bạn đọc, anh đã tìm đến với người anh hùng Núp - một nguyên mẫu của tiểu thuyết Đất nước đứng lên. *Tác phẩm này được nhà văn Nguyên Ngọc trình làng từ năm 1956. Vậy là có đến 30 năm sau, đi ra từ cuộc kháng chiến chống Pháp, qua chống Mĩ, rồi đến thời kì sau 75 vừa xây dựng đất nước vừa chống các lực lượng thù địch với cách mạng, anh hùng Núp đã là một ông già hơn 70 tuổi - cái tuổi "xưa nay hiếm" mất rồi.*

Như chúng ta đã biết, xây dựng hình tượng nhân vật Núp trong Đất nước đứng lên, *nhà văn Nguyên Ngọc xuất phát từ cảm hứng sử thi, cái nhìn sử thi ; nghĩa là nhất nhất mọi chi tiết lớn nhỏ của đời sống đều đi ra từ cảm hứng ngợi ca. Núp chính là hình tượng nhân vật đã được lí tưởng hoá để trở thành biểu tượng cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng của đồng bào Tây Nguyên. Và như thế, hình tượng Núp đã được bao bọc trong ánh sáng sử thi, ít nhiều mang sắc màu huyền thoại. Đến thiên bút kí* Gặp lại anh hùng Núp, *nhà văn đã chủ động rút bớt khoảng cách sử thi, nghĩa là*

cố gắng nhìn người anh hùng Núp bằng một cái nhìn thân mật, gần gũi, thân tình, thậm chí có phần suồng sã, chủ yếu nhằm phát hiện thêm bình diện đời tư của con người này. Phải nói rằng đây là một sự lựa chọn đúng hướng. Gặp lại và phát hiện thêm, con người Núp hiện ra trong tác phẩm khá chân thực. Nhà văn đã dành nhiều thời giờ nghe ông kể chuyện, rồi theo ông về tận buôn làng quê ông, rồi lại chủ động hoà nhập vào với văn hoá huyền thoại truyền thuyết, nếp sinh hoạt, phong tục tập quán, tín ngưỡng của đồng bào Tây Nguyên, hơi thở Tây Nguyên rất rõ. Cái không khí này bàng bạc, bao trùm khắp tác phẩm, thấm sâu vào từng sự kiện, chi tiết thuộc về biến cố, diện mạo, cử chỉ, hành động, lời ăn tiếng nói nhân vật và ngôn ngữ kể chuyện của tác giả. Đây chính là một thành công đáng được ghi nhận. Điều này tưởng như đơn giản nhưng kì thực không dễ một chút nào. Không phải cứ hễ viết về Tây Nguyên là có được cái không khí Tây Nguyên, về Tây Bắc là có không khí Tây Bắc. Anh phải thật mẫn cảm nắm bắt cho được cái hồn vía Tây Nguyên, rồi cũng lại chuyển cho được cái hồn vía ấy vào câu chữ. Mà hồn vía Tây Nguyên là gì nếu không phải là sự chung sống hòa trộn không thể tách bạch giữa chất sử thi huyền thoại ẩn tàng trong tâm linh, trong phong tục tập quán, tin ngưỡng, và chất sinh hoạt đời thường mộc mạc, bộc trực, khoẻ khoắn, hồn hậu của đời sống con người.

Cái thú vị của kí còn phụ thuộc vào tư liệu đời sống mà nhà văn lựa chọn và thể hiện. Tác phẩm kí có đem lại những hiểu biết gì mới hơn không so với những gì người ta đã biết về mảng hiện thực ấy. Nhà văn Nguyễn Khắc Trường đã cho người đọc biết bên cạnh một anh hùng Núp "bắn Pháp chảy máu" trong Đất nước đứng lên *của Nguyên Ngọc, có một Núp đã tận tay diệt được bao nhiêu quân địch bằng ná bằng tên, người vợ mất như thế nào, rồi chuyện tập kết ra Bắc, chuyến đi Cu Ba gặp Phi-đen Cat-xtơ-rô, sau đó vào lại chiến trường, trở về quê hương lấy người vợ mới, vận động đồng bào định cư, vận động già làng kêu gọi con cháu bỏ Phun-rô để trở về, v.v... Có thể thấy cái khó của kí là nếu không có tư liệu sẽ không thành kí, song có tư liệu rồi mà không biết xử lí thì cũng hỏng nốt. Nói xử lí trước hết là việc lựa chọn các sự kiện, chi tiết sao cho chúng phải thực sự có ý nghĩa, đem lại ánh sáng cho nhân vật ; sau đó còn là việc sắp đặt chúng để đi vào một trật tự thích hợp. Nhà văn Nguyễn Khắc*

Trường đã công phu bao quát quãng đời 30 năm sau Đất nước đứng lên *của anh hùng Núp vừa bằng việc kể lại những bước ngoặt quyết định, vừa không bỏ qua những chi tiết sinh hoạt rất nhỏ bé, thường nhật mà ông đã trải qua. Anh vừa tiếp tục tạc dựng phương diện anh hùng của nhân vật, vừa khai thác phương diện thường ngày của nhân vật. Anh hùng và người thường, cán bộ và người dân, con người bổn phận và con người trần thế... tất cả chung sống trong nhau và cùng lúc hiện ra một cách hồn nhiên nhất. Vâng, hồn nhiên chính là nét điển hình của* tính cách Tây Nguyên. *Nhà văn đã bắt trúng điểm cốt lõi này.*

Để viết kí được thành công bao giờ nhà văn cũng phải là người sống trực tiếp với sự kiện, thậm chí phải sống trong sự kiện thì mới có điều kiện thấu hiểu tường tận. Gặp lại anh hùng Núp *để hỏi chuyện, lắng nghe và ghi chép ; chưa đủ, nhà văn còn theo ông về tận buôn làng, còn ở lại nhập cuộc ngủ chung với đám trai làng chưa vợ ở nhà rông ; và điều quan trọng hơn là để nắm bắt cho được cái hồn vía Tây Nguyên, linh khí Tây Nguyên. Sự công phu của anh đã được đền đáp. Với thiên bút kí này, Nguyễn Khắc Trường đã hoàn thành một* Hậu Đất nước đứng lên *với ý nghĩa chân chính nhất của từ này. Núp vẫn đẹp như trong* Đất nước đứng lên, *Núp lại đẹp thêm trong cuộc sống đời thường, và Núp trở nên gần gũi, thân mật hơn trong lòng bạn đọc. Sau thiên kí này, có lẽ nhiều bạn đọc sẽ có cảm giác như tôi : nếu có dịp vào Tây Nguyên, ta cũng chẳng ngại ngần gì mà không ghé vào thăm ông Núp, để được uống rượu cùng ông, được nghe ông kể chuyện, thậm chí "tán phét" với ông cũng được, chứ sao ! Ông bao giờ cũng thuộc về mọi người, thuộc về cộng đồng Dân tộc và Tổ quốc.*

Văn Giá

Nguyễn Tuân

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Tuân. Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1910.

Quê quán : Làng Mọc Thượng Đình, xã Nhân Mục (nay là phường Nhân Chính), quận Thanh Xuân, Hà Nội. Mất ngày 28 tháng 7 năm 1987 tại Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản : *Ngọn đèn dầu lạc* (phóng sự, 1939) ; *Vang bóng một thời* (truyện ngắn, 1940) ; *Chiếc lư đồng mắt cua* (tuỳ bút, 1941) ; *Tàn đèn dầu lạc* (phóng sự, 1941) ; *Một chuyến đi* (du kí, 1941) ; *Tuỳ bút I* (tuỳ bút, 1941) ; *Tóc chị Hoài* (tùy bút, 1943) ; *Tuỳ bút II* (tuỳ bút, 1943) ; *Nguyễn* (truyện ngắn, 1945) ; *Chùa Đàn* (truyện, 1946) ; *Đường vui* (tuỳ bút, 1949) ; *Tình chiến dịch* (bút kí, 1950) ; *Thắng càn* (truyện, 1953) ; *Chú Giao làng Seo* (truyện thiếu nhi, 1953) ; *Đi thăm Trung Hoa* (bút kí, 1955) ; *Tùy bút kháng chiến* (tuỳ bút, 1955) ; *Tùy bút kháng chiến và hòa bình* (tuỳ bút, 1956) ; *Truyện một cái thuyền đất* (truyện thiếu nhi, 1958) ; *Sông Đà* (tuỳ bút, 1960) ; *Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi* (tuỳ bút, 1972) ; (kí, 1976) ; *Tuyển tập Nguyễn Tuân* (tập I : 1981, tập II : 1982).

Ngoài ra, Nguyễn Tuân còn viết tiểu luận phê bình văn học, và dịch, giới thiệu văn học.

Giải thưởng văn học : Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt I-1996).

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

Đẹp vậy thay, tiếng hát trên dòng sông

Wladyslaw Broniewski

Chúng thủy giai đông tẩu, Đà giang độc bắc lưu[1]

(1). *Chúng thuỷ giai đông tẩu, Đà giang độc bắc lưu :* Mọi dòng sông đều chảy về đông, chỉ có một sông Đà theo hướng bắc.

Núi Tây Bắc cao một ngàn thước, hai ngàn thước, và ngọn núi trên ba ngàn thước, đỉnh đá Phăng Tây Păng cao nhất của Tổ quốc ta là mọc ở Tây Bắc. Nằm lọt giữa cái thảm đá cái giường đá vĩ đại Tây Bắc là con Sông Đà. Thuyền đuôi én xuôi dòng Sông Đà, đúng là trôi giữa cấp đá các triền núi Tây Bắc dốc xuống.

Chầu này lên Tây Bắc, tôi hay la cà ở những chỗ nào là men men ra Sông Đà hoặc bắt ra Sông Đà. Sông Đà có một sức hút mạnh bước chân tôi. Có người lầm tôi là một nhân viên nào đó trong những tổ đi khảo sát Tây Bắc phát hiện vỉa quặng mỏ kim. Nhiều người bảo nhỏ tôi rằng dọc Sông Đà, cứ bờ sông từ Mường Tè kéo về đến Vạn Yên, chỗ nào cũng có vàng cốm, nhỏ thì bằng gạo tấm, to thì bằng hạt ngô ; có con vịt bầu mổ ra là lấy được trong mề vịt hàng mấy đồng cân vàng. Có người còn mách cho tôi biết ở chỗ nào Sông Đà thì có quặng, có đồng, có đá bông, than mỡ, và vỉa than ăn từ bến nào đến bến nào. Tôi không cải chính, vì tôi cũng tự thấy mình là một người đang tìm vàng ở quanh Sông Đà, đi tìm cái thứ vàng của màu sắc sông núi Tây Bắc, và nhất là cái thứ vàng mười mang sẵn trong tâm trí tất cả những con người ngày nay đang nhiệt tình gắn bó với công cuộc xây dựng cho Tây Bắc thêm sáng sủa, tươi vui và vững bền. Trong lòng rừng núi Tây Bắc tôi đang từng bước đường băng qua, trong lòng lưỡi cát bờ Sông Đà tôi đang sang ngang đây, có nhiều kim nhiều quặng nhiều vàng. Dưới mặt đất Tây Bắc, cũng như trên mặt đất Tây Bắc và ngay trong dòng nước Sông Đà trôi xuôi kia, không còn nghi ngờ gì nữa, tôi thừa biết có vô khối là tài nguyên. Nhưng tôi thấy rằng con người, cái vốn người đưa lên Tây Bắc ngày nay còn quý hơn tất cả những của chìm của nổi ở Tây Bắc. Có thể nói rằng cái vốn người đưa từ đồng bằng lên tăng cường quân số lao động cho các nông trường công trường Tây Bắc, đó là những đồng tiền vàng đem đầu tư vào đời sống khu tự trị[1] ngày nay. Có rất nhiều cán bộ vùng xuôi lên nằm sẵn ở Tây Bắc từ những ngày Tây Bắc còn đen tối và trước kia, sát cánh cùng các dân tộc trện này mà vượt gian khổ gây cơ sở chính trị trong lòng địch như thế nào thì ngày nay, vẫn một bầu nhiệt huyết ấy, họ lại vẫn đoàn kết keo sơn với các dân

(1) *Khu tự trị Tây Bắc* : Nay đã giải thể.

tộc Tây Bắc mà vượt mọi hoàn cảnh lạc hậu để xây dựng kinh tế cho Tây Bắc. Gặp lại những đồng chí Tây Bắc cũ lúc này đang làm kế hoạch, đang làm đường, làm ruộng, làm nương xã hội chủ nghĩa ở khu tự trị, tôi đi sâu vào một số tiểu sử cuộc đời hoạt động ở Tây Bắc mà tôi cứ nghĩ rằng đấy là những thỏi vàng của một khối vàng xã hội chủ nghĩa Đảng ta đem đầu tư vào Tây Bắc. Một thứ vàng đã được thử lửa, được tôi luyện qua lửa lò địch hậu miền Tây, nó là cái thứ lửa mà không một thoi vàng giả một cục vàng pha nào chịu nổi. Đúng như dự kiến của những đoàn đi tìm vàng tìm quặng Tây Bắc, cuộc sống Tây Bắc kiến thiết chủ nghĩa xã hội rải rác vàng tấm vàng thoi khắp nơi. Đúng như lời nhân dân địa phương nói, hai ven Sông Đà và các chi lưu Sông Đà, không chỗ nào là không có vàng. Vàng trong cát bờ sông, trong quặng núi, vàng trong lòng người.

Tôi tới Quỳnh Nhai, lòng rộn ràng như tấm lòng anh bạn trẻ Cục Khoáng chất vừa tìm được cái luồng đi liên tục của mỏ quặng mỏ kim qua các triền núi ven sông. Thuyền xuôi thuyền ngược, không ai qua Quỳnh Nhai mà không dừng chèo. Tôi đã gặp người lái đò sông Quỳnh Nhai. Trông người anh, không hiểu tại sao tôi lại nhìn anh thành ngay ra một người tình nhân muôn thuở, một anh Trương Chi nào của một dòng sông nhiều trữ tình này. Anh người Thái trắng quê Mường Lai lấy vợ ở quê Mường Chiên đây, đã nhiều lần chở đò ngược lên Lai Châu và nhiều lần xuôi thuyền về Chợ Bờ, về cả bến Phà Đen thủ đô. Anh đội nón cúp bừa, chít khăn môn. Nghe anh kể, mà thấy ngay cái cuộc đời lên thác xuống ghềnh của một con Sông Đà qua cả thời gian qua cả không gian Tây Bắc. Tôi cảm thấy anh như là một hồn linh muôn thuở của sông nước này. Nếu sau đây, có ai xây dựng phim truyện về Sông Đà, về một đoạn tình sử bên Sông Đà, tôi xin giới thiệu anh giúp vào phim. Trên bến Quỳnh Nhai, tiếng trống trên châu vừa thu không, các thuyền độc mộc đi làm nương bắp xa từ sáng sớm đã trở về bến gần hết, và người lái đò Quỳnh Nhai kể chuyện Sông Đà, một con sông mà trước đây có rất nhiều người kéo đò hát hò lên âm u ghê rợn không kém gì đoàn hò đò sông Von-ga thời Nga hoàng.

Nghe chuyện người lái đò Quỳnh Nhai, lại nhớ đến một người lái đò Lai Châu trước đây chuyên nghề chở chè mạn Trung Quốc đưa từ

núi Sạ San sang ta bằng đường nước Sông Đà. Chuyện kể có những điều khác nhau, nhưng hai người có cách kể thật là giống nhau, nó đúng là cái phong cách chung của những người lái đò Sông Đà. Hình như con sông đã tạo riêng cho họ một cách cảm một cách nói vừa rắn rỏi vừa uyển chuyển âm trầm. Người bạn lái đò Quỳnh Nhai giọng kể dịu ấm hơn ; giọng kể người bạn lái đò Lai Châu mạnh gắt hơn, nhưng từ câu chuyện kể của người này hay người kia, đều dội lên dư âm của thác đá Sông Đà. Ở người lái đò Quỳnh Nhai này ở người lái đò chở chè kia, hơi câu chuyện đều gân guốc như bắp tay bắp chân họ cuốn sóng thừng lên những lúc lao động cường độ để đánh nhau với thác nước Sông Đà. Rồi hơi chuyện kể lại êm ru đi như dòng sông lặng tờ, sau những khúc ào ào ghềnh thác vọt nước qua mạn đò.

Ông đò Lai Châu bạn tôi làm nghề chở đò dọc suốt Sông Đà đã mười năm liền, và thôi làm đò cũng đã đôi chục năm nay. Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy một cái cuống lái tưởng tượng, giọng ông ào ào như tiếng nước trườn mặt ghềnh sông, nhỡn giới ông vòi vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào trong sương mù. Quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh. Thời Tây Tàu ấy, ông chở đò dọc tải chè mạn chè cối, tải từ Mường Lay về cho đến hết cửa rừng Hoà Bình, đổ chè lên chợ Phương Lâm. Ông đã chở quá về bến nứa Hà Nội. Nhưng cũng như người Mèo kêu mỏi chân khi giẫm lên đồng bằng thiếu dốc thiếu đèo, ông bảo rằng : "Chạy thuyền trên khúc sông không có thác, nó dễ dại tay dại chân và buồn ngủ", cho nên thường ông chỉ muốn cắm thuyền ở Chợ Bờ, – Chợ Bờ, cái chỗ biên giới thuỷ phận cuối cùng của đá thác Sông Đà. Đối với ông, từ Chợ Bờ xuôi dòng hết ghềnh hết thác, Sông Đà hình như hết cả đậm đà với nhà đò.

Trên dòng Sông Đà, ông xuôi ông ngược hơn một trăm lần rồi, chính tay giữ tay lái độ sáu chục lần cho những chuyến thuyền then đuôi én sáu chèo. Trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở. Sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than chấm câu và những đoạn xuống dòng. Chuyến đầu tiên ông đi, là thuyền thiên hạ.

Trước Cách mạng, công chèo chở cứ ba đồng một tạ chè xuôi. Dành dụm lại, sau ông đóng lấy thuyền, thuyền ông chở được bốn mươi sọt chè, hai sọt chè là một tạ hàng. Như thế đã là loại thuyền to. Thường thường là chở chè cối, và thỉnh thoảng cũng có những chuyến chở cánh kiến trắng, cánh kiến đỏ, sợi móc, da trâu sống, xương và sừng nai hươu, xương gấu xương hổ. Làm cái nghề vận tải đường nước này thật là vất vả, người cứ dựng đứng lên mà luôn tay luôn chân luôn mắt luôn gan và luôn tim nữa. Người ta còn bảo nghề này tổn thọ, nhưng ông đò Lai Châu bạn tôi không cần lên tiếng mà đã hùng hồn lặng lẽ cải chính cái điều ấy bằng cái đầu bạc gần bảy mươi tuổi. Cái đầu quắc thước ấy đặt trên một thân hình cao to và gọn quánh như chất sừng chất mun. Khuôn mặt ông he hé một nửa miệng cười : "Tôi bỏ nghề lâu rồi. Nhưng nay cho lên thác xuống ghềnh, tôi dám thi đua với bạn đò ở khắp mấy châu có địa giới loang ra bờ Sông Đà. Cũng còn đủ cái linh lợi để chở mừng một phái đoàn Trung ương vừa lên vừa xuống thăm dò khảo sát toàn bộ Sông Đà cho đến biên giới Trung Quốc.". Ông giơ đôi tay lên, đôi cánh tay trẻ tráng quá, bịt cái đầu bạc đang nói đi, không ai không lầm mà tưởng mình đang đứng trước một chàng trai đang ngồi ngoài bến chính bờ sông.

Tôi liền chen vào một vài câu để câu chuyện đỡ đi cái tính chất độc thoại. Cũng lõm bõm về một vài đoạn trên Sông Đà, tôi rụt rè nhấn vào cái nét hung ác của con thác này con thác kia. Nhanh như một tay lái rẽ ngang sông miết theo luồng thác bắt chéo, ông ngắt tôi : "Thác ấy thường thôi. Tôi đã mấy lần phải xuôi đêm ở quãng ấy, có một lần vừa xuôi vừa dám ngủ gật nữa kia. Ông bảo thác Sông Đà ác hơn nhiều đèo dốc đường số 6. Tôi thấy phải nói cho cụ thể hơn. Tôi hay chơi với anh em lái xe Tây Bắc từ ngày thôi chở đò, cũng hay đi lại luôn bằng ô-tô vận tải của anh em. Thì tôi thấy nó như thế này. Đường bộ ô-tô xuống đèo, đường thuỷ thuyền xuống thác nó khác nhau ở cái điểm ô-tô có máy phanh hãm lại mà thuyền thì không. Một cái đèo ngùng ngoằng chữ chi gấp góc vừa thuận vừa nghịch có liên hồi đến chín mười đợt cấp sát mép vực, có bị mùa mưa rê đít xe hoặc bánh quay không, cũng không khó bằng xuống thác. Lao xe xuống dốc, dùng phanh chân phanh tay, những góc ác, thì tiến lên lùi lại, một đỏ không lọt thì hai đỏ, xe

mà mười bánh thì ba đỏ. Còn như cái thuyền mà lao xuống thác thì chả có cái phanh nào cả, chỉ có lao đi chứ không lùi lại, không lao trúng tim luồng nước thì là thuyền quay ngang mà ụp chứ không có lùi gì cả chờ gì cả, hãm chậm gì cả." Tôi chịu ông lái về cách so sánh, càng thích cái con người lao động đã từng trải về sông nước đò ngang và lại còn hiểu biết rộng về đường bộ dốc đèo. Ông đò Lai Châu nói tiếp liên hồi như trôi lũ trên dòng Đà :

"Những chị Mường Phù Yên gần bờ Sông Đà thường phàn nàn về người lái đò Lai Châu hay cởi truồng. Người lái đò Sông Đà hay mặc áo mà không mặc quần. Có khi muốn đóng khố nhưng cũng không đóng được. Cát Sông Đà rất hay ăn da người chở đò. Hễ mặc quần hoặc đóng khố là cát chui ngay vào bẹn rồi loét da. Cứ nhìn đôi bàn chân nhau thì nhận ra ngay người lái đò Sông Đà. Cát đục thủng gan bàn chân lỗ rỗ như những vệt hà đục đáy và mạn dưới các thuyền gỗ. Lái đò thường là yếu đôi chân, họ chạy rất kém. Họ khoẻ nhất hai cánh tay. Người thường ăn hai lạng rưỡi gạo, họ phải ăn đến bảy tám lạng. Chở đò trên Sông Đà, có mấy điều như thế này. Chỗ bằng thì chèo ; chỗ dựng vách đá thì chống ; ngược thác mà bờ bằng thì kéo. Ngược, tốn lực và lâu thì giờ hơn xuôi, xuôi thì nhanh veo veo, nhưng ngược thì đỡ nguy hiểm hơn xuôi. Sông Đà nước đục khó đi hơn là lúc nước trong.

Nói về ngược Sông Đà, thì người đứng mũi phải lái bằng sào, lái đầu thuyền ra hướng sông, trong khi tất cả những người khác gò người lồng dây song vào nách mà kéo miết thuyền dọc vào theo bờ. Thác nhỏ, đứng trên mũi thuyền mà lái bằng sào, thác to phải bỏ thuyền, nhảy xuống sông mà chống sào mà lái bằng sào, sóng thác đánh qua mặt qua vú. Kéo thuyền ngược thác, chớ có kéo dài lắt nhắt ra thành nhiều hơi nghỉ. Gối mà run vai mà mỏi, cứ nghỉ lấy sức cho đủ, thấy đủ sức rồi thì hô dô ta nhất tề mà kéo miết một hơi qua thác. Chỗ khó, càng vượt nhanh những quãng nó xối nước xuống nó níu đuôi thuyền lại. Cứ dềnh dang vừa kéo vừa nghỉ hơi là nước nó xô xuống nó thúc xuống là vỡ toi, là băng cái thuyền. Ngực vú, bả vai người lái đò chống sào ngược thác hay bầm lên một khoanh củ nâu nó là cái vết nghề nghiệp của đầu con sào gởi lại đời đời cho người lái đò Sông Đà.". (Tôi nghĩ rằng cái đồng tiền tụ máu ấy cũng là cái hình ảnh quý giá của một thứ huân chương lao động tặng cho người lái đò Sông Đà.)

"Bây giờ nói đến xuôi Sông Đà, xuống thác Sông Đà. Xuống thác, người lái đò Sông Đà linh hoạt và luôn luôn cơ động mà phối hợp đôi mắt đôi tay đôi chân, thần chết chỉ tìm đến những tay lái đò kém cái tính phối hợp và tính ứng phó linh hoạt đó. Ở quãng xuôi sông một cách bình thường người chèo mũi tốn sức nhất, người chèo bạn trông người chèo mũi mà phối hợp mái chèo mình. Ở những quãng vào thác lao dòng, là lúc thử thách đến tay chèo lái ngồi sau. Lúc này nước Sông Đà reo như đun sôi lên một trăm độ muốn hất tung đi một cái thuyền đang phải đóng vai một cái nắp ấm một ấm nước sôi khổng lồ. Ngấn mạn thuyền thấp hơn ngấn nước tứ vi bên ngoài, cạp mui thuyền cắm ngập dưới ngấn nước đang sôi trắng lên. Mặt sông cũng có ổ gà như mặt đường cạn, đi vào ổ gà sông là thuyền bị giật xuống bị dồi lên. Đã gọi là thác tức là chỗ khúc sông phức tạp đó nhiều luồng nước. Có luồng nước đi lầm vào thì chết ngay, có luồng nước đi vào đúng luồng rồi nhưng mà không trúng tim luồng thì cũng vẫn có thể là thập tử nhất sinh như thường. Vào thác ra thác mà trệch hay không trệch đường tim luồng nước sinh sống, muốn kiểm tra, cũng có cách. Một tổ ba thuyền ba hiệp chèo lái chở sọt hàng bọc lá khô, muốn đua với nhau xem thuyền ai trội thật là đúng giữa đường luồng, thì cứ mỗi lần lao xong một đợt thác là họ xem lại những sọt hàng của mỗi người trong lòng thuyền. Hễ thấy hàng ai ướt nhiều ướt ít hoặc khô ráo là biết được tài thuật chèo lái của người đó ngay. Khi mà hàng bị nước té vào, dù chỉ là một ít có thể phủi đi ngay không thấm vào ruột sọt hàng, khi mà đã có ít nhiều bọt sóng thác tạt vào hòng vào kẽ mui khum hoặc tạt dọc vào cửa thuyền, tức là thuyền vào thác không thẳng dòng, tay lái kém nhạy bén nên trệch mất đường tim dòng nước cấp bức. Tức là sự lượng ước của đôi mắt đã kém tốc độ chính xác rồi đấy, và phải coi chừng ! Này, lại đến cái thác nước dưới rồi đấy ! Nước nó rống lên rồi đấy ! Vững tay lái vào ! Nhanh tay lái hơn nữa ! Lần này tay lái chớ nhụt, phải vào cho nhanh, cho thật chắc và lúc ra thác, cũng cứ thế ! Bắt đầu thác sau rồi đấy. Trong tất cả bấy nhiêu cái luồng giận dữ của một con thác, bao giờ cũng có một luồng êm, cứ đi đúng vào chính giữa cái luồng tương đối đằm dịu ấy, thì thuyền ta cứ muôn đời mà êm. Qua thác Sông Đà, cũng chỉ là một vấn đề bình tĩnh. Hễ tỉnh táo thì tay lái mình ra hoa, thì thác càng dồn dập réo sôi, mình qua càng nhanh, và lên thác xuống ghềnh càng nhiều

lần càng thấy chủ động với con sông hơn, với cái thuyền hơn. Không phải người lái đò Sông Đà không biết rằng cái thuyền bụng chửa thì chứa được nhiều hàng. Đóng kiểu ấy, cũng không khó gì ; vả chăng rừng Tây Bắc thiếu gì gỗ. Nhưng bụng thuyền mà to thì không lách qua được luồng nước hẹp thắt chịt lại giữa cửa đá ; cho nên cái thuyền then đuôi én mới dài mình, mới thắt bụng lại như một cô thiếu nữ thít chặt cạp xiêm chưa muốn vội làm người mẹ. Càng thon càng lách mau qua thác. Thuyền Sông Đà không có buồm không chạy buồm như thuyền ở sông bằng. Khi nào cần, nhưng cũng là ít khi, thì can hai cây sào lại thành cột buồm và căng thẳng cái mui luyện ra làm buồm mà treo lên. Chân giời Tây Bắc và Sông Đà thường là vướng núi, cái buồm di động trên lườn núi, vốn không phải là hình ảnh quen mắt của người hai bờ sông Tây Bắc".

Dưới đây là tên và tính nết của một số thác trong số bảy mươi ba cái thác có tên trên Sông Đà, kể theo dòng nước trôi, tính từ biên giới bạn mà tính xuôi về. Tên những con thác tai tiếng này, tất cả những lái đò Sông Đà, vào bậc chân chính đều thuộc lòng như người chài biển thuộc kỳ con nước sinh con nước rút thuỷ triều.

Cách biên giới Trung Quốc phía Vân Nam khoảng mươi cây số là thác Kẻng Mỏ Trên. Rồi đến thác La Sa, thác Hát Vá, thác Mằn Hi, thác Mằn Lay. Rồi Hát Nhạt, Mằn Thẩm, Hát No Héo, Kẻng Mỏ Dưới. Rồi đến Hát Lai, ở phía trên Lai Châu độ chín cây số. Thuộc địa phận thuỷ phận Sơn La là những thác Hát Pi, Hát Soong Pút, Hát Soong Mon, Hát Pố, Hát Kếnh, Hát Tran, Hát Moong, Hát Tiếu. Qua thác Tiếu (tiếng Thái chữ *hát* nghĩa là *thác*) người lái đò Sông Đà hay có câu : "Qua thác Tiếu, giải chiếu mà nằm" với cái ý rằng thuyền đường trường xuôi khỏi đấy là đã có thể nhận định rằng khó khăn ghềnh thác đã căn bản hết rồi, người lái đò vẫn còn phải chèo chống, nhưng người hành khách đáp đò có thể yên tâm trải chiếu ra mà nằm chờ mà đổ lên bến dưới. Và từ Vạn Yên về đến Chợ Bờ, Hoà Bình, dòng sông lại lố nhố một số thác khác nó vẫn doạ người trên thuyền, nhưng tính chất đã bớt hung ác hơn cái đám thác Sơn La, Lai Châu. Hãy nghe đây cái âm thanh chào mời đò đưa và cũng rất nhiều hình tượng trong cách nói cách hò tên non sông đất nước của nhân dân lao động Việt Nam gọi những cái thác những cái ga nước trên Sông Đà từ Vạn Yên về xuôi :

Thác Ẻn, – Thác Giăng, – Bãi Chuối, – Mó Sách, – Bãi Lồi, – Bãi Lành, –Mó Tôm, – Mó Nàng, – Nánh Kẹp, – Quai Chuông, – Tà Phù, – Bãi Nai, – Ba Hòn Gươm, – Phố Khủa, – Ghềnh Đồng, – Suối Bạc, – Ổ Gà, – Bãi Nhạp, – Cánh Cuốn, – Mèo Quen, – Hang Miếng, – Quần Cốc, – Suối Trông, – Bãi Ban, – Diềm, – Thác Rút, – Thác Mẹ, – Bãi Thằng Rồ, – Mó Tuần, – Suối Hoa, – Hót Gió, – Thác Bờ ...

Giờ, ta đi vào một số nét riêng của một vài nơi thác ghềnh. Vào loại độc dữ nham hiểm nhất là các thác Mẳn Hi Mẳn Thẳm, Hát Nhạt Hát Lai, Soong Pút Soong Mon, Hát Moong Hát Tiếu. Có những cái thác phải kéo thuyền cả mùa nước cả mùa khô, thuyền nghỉ bến thì thôi, chứ đã đi sông thì quanh năm lúc nào cũng phải đổ bộ kéo thuyền qua quãng này. Có quãng khiêng thuyền lên bờ, lật nghiêng thuyền ra mà kéo đến gần cây số. Có chỗ vừa kéo cạn vừa lên dốc bờ đá dốc ngược. Thuyền kéo cạn như kéo gỗ. Gỗ cắt khúc tròn lót xuống thành một con đường lăn, trên đó trườn đi cái lườn thuyền cạn. Thuyền trườn qua gỗ lăn từng khúc một. Như thả đà kéo gỗ cây rừng ấy. Ví dụ qua thác Hát Nhạt và Mẳn Thẳm thì cảnh kéo đò thật là như kéo pháo ; trong lòng đò, dỡ hết hàng, tuyệt đối không còn để sót một sợi chỉ một cái kim trong khoang thuyền. (Tôi chưa được thấy cảnh kéo thuyền cạn này trên Sông Đà, tôi chưa qua mấy cái thác ác này, nhưng nghe kể mà thấy tràn ngập những cảm xúc quay phim phản ảnh lên màn bạc ; tôi nghĩ rằng về mặt tạo hình, cảnh này còn có một cái khía cạnh khác nó phong phú hơn cả người hò đò sông Von-ga. Con Sông Đà thật dữ, thật lớn và lớn hơn nữa là những người lao động chở đò kéo độ thắng cái thiên nhiên không bình thường của một con sông Tây Bắc hiểm trở.)

Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt giời. Có chỗ vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngong ngóng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mười nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào

cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất tay lái, thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước, có những hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạ đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô-tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền giồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn chuyển cảm giác lạ cho khán giả, đã dũng cảm dám ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà, – từ đáy cái hút nhìn ngược lên thành hút mặt sông chênh nhau thành một cột nước cao đến dăm sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre-plongée[1] lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thuỷ tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoáy tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim tài liệu thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vứt vào một cái cốc pha lê nước khổng lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn.

Cuộc sống của người lái đò Sông Đà quả là một cuộc chiến đấu hàng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một. Nhìn cái

---

(1) *Contre-plongée* (tiếng Pháp) : Khái niệm về kĩ thuật điện ảnh, có nghĩa là từ dưới quay ngược ống kính lên mà thu hình.

thiên nhiên ấy, có những lúc thấy nó không "thơ đời Đường" nhàn hạ, mà thấy nó chính là một cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giành sự sống từ tay nó về tay mình. Tôi xin ghi ở đoạn này cái hình ảnh chiến đấu gian lao của người lái đò trên chiến trường Sông Đà, trên một quãng thuỷ chiến ở mặt trận Sông Đà.

... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gần mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xoá cả một chân giời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này. Mặt sông rung tít lên như tuyếc-bin thuỷ điện nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xoá càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi nó nằm tuỳ theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận[1] trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sóng luồng mới đánh khuýp quật vu hồi lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi ở tuyến ba phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thuỷ thủ ngay ở chân thác. Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện

---

(1) *Thạch trận* : Trận đá. Tác giả tưởng tượng đá sông Đà giăng ra như bày trận đón đánh người lái đò.

cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo võ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thế quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đồ vật túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la não bạt[1]. Sóng thác đã đánh đến miếng đòn độc hiểm nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí[2] ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò, hột sinh dục vụt muốn thọt lên cổ. Mặt sông trong tích tắc loà sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ùa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lùng[3], đánh đòn tỉa, đánh đòn âm vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hỗn chiến của nước của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy gọn ngắn tỉnh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi[4] thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệnh qua phía bờ hữu ngạn. Cưỡi lên thác Sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thuỷ quân cửa ải nước bên bờ trái liền

(1) *Thanh la não bạt* : Nhạc cụ bằng đồng tạo âm thanh náo nhiệt (phèng la, chũm choẹ).

(2) *Vô sở bất chí* : Không nơi nào không tới được, không biết thế nào là cùng.

(3) *Đánh hồi lùng* : Đánh dồn dập.

(4) *Trùng vi* : Vòng vây nhiều lớp.

xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông đè xấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vẳng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó chắn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác. Dòng sông vặn mình vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá túa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi. Cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với Sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ ... Họ nghĩ thế, lúc ngừng chèo.

Trên Sông Đà, thỉnh thoảng có tàu bay lượn vòng ở quãng này ở quãng khác, có lẽ để chỉnh lí về đồ bản đất nước Tổ quốc. Tôi nghĩ nếu sau này làm phim truyện hoặc phim tài liệu màu về Sông Đà, nếu muốn phản ảnh lên cái dữ tợn và cái lớn của Sông Đà, của thác Sông Đà, cũng phải đưa ống quay phim lên tàu bay. Cho bay là là trên thác mà gí máy xuống mà lượn ống máy theo những luồng sinh của thác, trên thác hiên ngang một người lái đò Sông Đà có tự do, vì người lái đò ấy đã nắm được cái quy luật tất yếu của dòng nước Sông Đà.

Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại

chính là cái con sông hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dỗi vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thuỷ Tinh "núi cao sông hãy còn dài – năm năm báo oán đời đời đánh ghen". Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người lừ đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi "Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu"(1). Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng ròn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đằm đằm âm ấm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm

---

(1) *Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu* : Giữa tháng ba mùa hoa khói, xuôi (thuyền) về Dương Châu (Thơ Lí Bạch).

bệnh lắm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bẳn tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lý đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Nhưng tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những búp non. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích ngày xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp–lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ–Yên Bái–Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành : "Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương ?". Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên "dải Sông Đà bọt nước lênh bênh – bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình" của "một người tình nhân chưa quen biết" (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én mình dài cổ điển trên dòng trên.

*
* *

Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Li Tiên (theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì tên Trung Quốc của Sông Đà lại là Bả Biên Giang) mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hoà vào Sông Hồng. Từ biên giới Trung Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rồng rắn, và tính toàn thân Sông Đà thì chiều dài là 883 nghìn thước mét chảy qua hai nước Việt Nam–Trung Quốc anh em.

Thời cũ, tên con Sông Đà lại được dùng làm tên đạo tên lộ, trong số 15 lộ hành chính đời Trần, có Đà Giang lộ gồm những đất đai từ tỉnh Hưng Hoá ngược lên. Và người xưa cũng đã tha thiết với Sông Đà. Chánh sứ sơn phòng đồn Hưng Hoá Nguyễn Quang Bích, một nhà thơ ái quốc thời đó, chống Pháp và mất ở Tây Bắc, (lúc ấy từ Hưng Hoá ngược lên đều gọi là Tây Bắc) đã đem Sông Đà vào một bài thơ hoạ lại thơ Tôn Thất Thuyết :

... Lòng trung không nỡ bỏ Tây Châu,
Giữ lấy Thao, Đà dải thượng lưu.

... Sông Đà như một áng tóc mun dài ngàn ngàn vạn vạn sải. Áng tóc trên mảng đầu Tây Bắc trong suốt thời chiếm đóng đã nhiều lần vấn vương thứ mẫu cán bộ và trung kiên pha loãng từ các miệng nhánh sông và cửa suối đổ ra. Sông Đà như một con cá bị chúa đất từng vùng đem cắt ngang ra thành khúc nhỏ. Người dân Thái ở khắp ven suối ven sông Tây Bắc là những người lành. Nhưng con Sông Đà thì nhiều vực xoáy, nhiều luồng chết, nhiều đá ghềnh, nhiều sóng thác. Những năm lụt to, cồng châu Quỳnh Nhai vẫn còn cái ngấn nước. Lụt Sông Đà, xác hươu xác nai cùng với gỗ trò vẩy gỗ trò hoa ầm ầm lao trên dòng trôi. Con sông đã ác như người dì ghẻ, chúa đất chia bến ngăn sông càng làm cho Sông Đà ác thêm. Đế quốc đóng đồn bốt ven sông, tính dữ ác con sông lại tăng lên mấy tầng.

Nhưng con Sông Đà dù có hung ác hơn thế nữa, người dân Thái vẫn ăn ở đời với nó. Trong kháng chiến có những bản mường dứt tình với con sông mà kéo nhau cả bản mường tản cư sang sông khác, nhà cửa chăn nệm cho hết xuống đò mà xuôi về Tu Vũ, Hưng Hoá mà lên ăn bến Quý Quân, nhưng vừa giải phóng được Sông Đà mới dăm ba cái bến chính thôi, là đã lục tục cả bản kéo nhau về đông đủ.

Giọng êm êm người lái đò Quỳnh Nhai kể tiếp :

"Thời Tây, thời Nhật, tôi là một người chở thuyền gạo thuyền muối. Có những đoàn thuyền hàng trăm chiếc về tận Hà Nội đưa thóc dưới xuôi lên chợ Phương Lâm tỉnh Hoà Bình. Mỗi thuyền năm mái chèo. Tôi nhớ mãi cái lần về Hoà Bình tải thóc kho, cách đây gần mười lăm

năm. Năm trăm cu-li Thái chúng tôi đi chuyển thóc lên, có ba mươi lính tập áp tải, dưới quyền một quản Tây và một quản khố xanh người Kinh. Thuyền buông trôi trên Sông Đà. Thuyền ồn ào những lời chửi mắng, đe doạ bỏ tù làm tội. Chúng tôi đều cởi truồng đứng ở đầu mũi ở cuống lái mà chèo mà lái. Mưa trên nguồn dội xuống đầu người làm đò, gió ghềnh gió sông táp vào mặt người làm đò, kể ra không thấm gì với những lời chửi mắng của bọn quan và lính. Một buổi chiều, Sông Đà nổi sóng, cá Sông Đà quẫy mạnh. Những người thanh niên chở thuyền gạo chúng tôi cùng một loạt rút cọc chèo và rút bơi chèo lên mà đánh bọn quan bọn lính. Mái chèo gỗ mảy xin, mình dày như mình cá trắm đã trở thành võ khí giải quyết nhanh cái trung đội quan lính nó đi tải tù. Ừ, hồi ấy chúng tôi là những người tù trên Sông Đà. Bọn lính, đứa nào bị thương nhẹ thì lội vào bờ chạy về Sơn La. Thằng Tây quỳ xuống xin tha chết. Qua bến Vạn Yên, liền vứt nó lên phố bến, và đi tiếp về Hoà Bình lấy thóc. Sau này có người bảo ở dưới xuôi chỗ này chỗ khác nhân dân được Đảng lãnh đạo đi phá những kho thóc Nhật như thế và đem về chia cho người nghèo. Thằng Pháp ở kho Hoà Bình hỏi giấy tờ đâu rồi, quan lính mọi khi vẫn đi áp tải đâu rồi, thì trả lời là họ bỏ đi lên bộ cả rồi. Đoàn thuyền một trăm chiếc chúng tôi lại ngược Sông Đà, thuyền chở một tấn, thuyền chở hai tấn thóc.

Lúc này Nhật vừa hạ Pháp. Nhật đánh từ Suối Rút lên, đánh thẳng lên Lai Châu, rồi lại xuôi thuyền từ Lai Châu qua bến Quỳnh Nhai, về bến Vạn Yên, lên bộ bắt Tây đồn và đem về Suối Rút giết giám binh Boóc-đi-ê thông gia với phó vương bán nước Đèo Văn Long đang trốn ở Lào bây giờ.

Đoàn thuyền thóc cướp kho Hoà Bình về đến bến Tà Bú thì lại gặp thằng Tây quản tàu bay ra xét giấy và lấy lại mất hết. Nó còn thu hết bơi chèo của chúng tôi, nó chỉ cho giữ sào thôi, và bảo chờ ở đấy để chở gia đình các quan qua sông. Hôm sau nó lại giả bơi chèo để chở anh em tù chính trị sang ngang. Tù chính trị gần hai trăm người chuyển từ ngục Sơn La qua sông sang Ít Ong, Tú Lệ, đi Nghĩa Lộ về Yên Bái. Tù chính trị đều thay áo số trước khi sang sông. Tôi còn nhớ một đồng chí tù người Kinh khi xuống đò quay lại nói với tất cả mọi người trên bến Tà Bú : "Đồng bào cứ bình tĩnh. Chúng tôi đi rồi sẽ có ngày trở lại".

Đoàn tù chuyển ngục để chạy Nhật qua sông xong cả rồi, thì Pháp vẫn cho chúng tôi giữ bơi chèo, không thu lại như trước, bảo cứ chờ đấy để chở bọn vợ con quan lính họ tiếp tục chạy Nhật. Đêm ấy mưa to gió lớn trên bến trên sông, chẳng đứa nào ra được bến. Năm trăm người chúng tôi sẵn chèo, bèn quyết tâm đi trốn và đem theo cả một trăm thuyền đi. Chúng tôi quay đầu sào đinh lên, chống bằng ngọn sào ngược, cho khỏi động vào đá sông, cứ êm như thế thoát xa bến. Chèo cả đêm. Sáng rõ mặt người, nhìn nhau mà cười. Nghỉ trên bãi cát Sông Đà. Thổi cơm ăn, đóng kịch vui bắt chước giọng thằng quản Tây hách dịch thu bơi chèo rồi lại giả bơi chèo. Và thấy mình tự do từ đó. Và giúp đỡ lẫn nhau, cả năm trăm người chia tay về quê nhà. Người về Lai Châu, người về Mường Chiên, người về Tà Khoa Mường Sại. Bây giờ, thỉnh thoảng đi chở hàng mậu dịch cho Chính phủ, vẫn gặp lại một số anh em cũ của cái đêm mưa bão đi trốn khỏi bến Tà Bú ấy ... Mười lăm năm đã qua đi trên Sông Đà. Con Sông Đà quê hương ngày nay thấy đã khác trước rồi ..."

Nói chuyện với người lái đò, như càng lai láng thêm cái lòng muốn để thơ vào sông nước. Một buổi chiều Quỳnh Nhai khác, tôi lại tìm đến một cô đò đã từng chở đò dọc đưa gạo kháng chiến từ Quỳnh Nhai về thác Tà Hè đổ lên kho quân lương. Cô lái đò châu Quỳnh Nhai giảng cho tôi hiểu biết thêm về ý nghĩa kiến trúc của cái thuyền then vút đuôi én trên Sông Đà : "Các eng bảo thuyền giống con cá, bảo cái thuyền như một con cá nó quẫy mạnh đuôi trên mặt sông thì cũng được thôi. Chúng em chỉ biết cái đuôi thuyền nó vẫy lên cao như thế để có cái chỗ mà treo cái bu gà. Gà sống này, con nào đẹp lông và gáy hay, thì phải mua đến mười đồng bạc mới. Con gà sống là cái đồng hồ của người lái đò Sông Đà đấy. Đi đường xa, qua bờ này bến khác, có tiếng gà gáy đem theo, nó đỡ nhớ nương ruộng bản mường mình. Hai bên bờ Sông Đà, ai ai cũng biết hát cả đấy. Đang phát nương, nhìn xuống dòng Sông Đà mà thấy thuyền các eng đi qua, là người phụ nữ Thái chúng em đều hát gửi xuống một hai câu và có khi hát cả một bài. Hồi Pháp chiếm đóng, tiếng hát của phụ nữ đều lánh xa bờ xa bến. Nhiều tiếng hát chạy xa lên tận đỉnh núi. Nay hoà bình, hết địch rồi, tiếng hát mới lại xuống dần đến mặt bến ..."

Châu Quỳnh Nhai được giải phóng trước tiên ở Tây Bắc, Quỳnh Nhai vốn là cơ sở bàn đạp ở Tây Bắc, và Sông Đà quãng này cũng là con đường dây ta xuyên vào lòng địch. Phong trào địch hậu Quỳnh Nhai có những lúc nó khủng bố rất dữ, đi kiểm soát các bản hai ven sông, nhà nào vắng ai, nó gọi về, và bắn ngay trên bến. Có những lúc một số cơ sở nhân dân ngần ngại không dám chở đò cho cán bộ. Đêm đêm, có những chiếc đò bỏ vắng ven sông. Người dân có đò đã nói lóng riêng với anh cán bộ bí mật kín tiếng nằm suối nằm rừng kia : "Các đồng chí cũng thông cảm cho. Nó kiểm soát gắt quá nhân dân không dám chở, nhưng vẫn cho các đồng chí mượn đò đấy. Cứ xuống đò mà sang ngang đi. Không cho địch biết mình ghé bến nào bên kia bờ, thì sang xong cứ việc thả cho thuyền nó trôi xuống bến dưới. Bản dưới bắt được thuyền thì lại trả lại bản trên này, chúng tôi không sợ mất đò đâu. Chỉ cần cho các đồng chí đêm hôm sang ngang sao cho đường dây không đứt là nhân dân yên lòng.". Hồi ấy Sông Đà khúc này, ban ngày mà cũng tối sầm như ban đêm. Đứt liên lạc cứ hàng tháng, tỉnh uỷ đóng vòi vọi trên núi Mèo.

Nhưng mà buổi chiều hôm nay, thấy Sông Đà ở bên này có một cái gì khang khác, chưa từng thấy trên sông này một lần nào cả. Cái vui ấy nó không ồn ào đến cái mức bến sông toé bọt trào nước lên, nhưng là một cái vui thấy nó cứ thấm dần vào lòng mình cũng như vào lòng mọi người Thái đang tắm ở bến đây. Thì ra cái đoàn thuyền cắm quốc kì đang ghé bến kia là đoàn thuyền của chuyên gia ta và chuyên gia bạn đi nghiên cứu Sông Đà, để rồi trị con sông dữ tợn này, bắt nó phải phục vụ cuộc sống Tây Bắc, bắt nó phải dần dần đi vào con đường xã hội chủ nghĩa ở Tây Bắc.

Lúc này tôi muốn được làm một anh cán bộ thông tin của khu Tây Bắc để ghé khắp các bến lớn bến nhỏ ở bờ bên phải ở bờ bên trái Sông Đà mà chuyền đi cái tin mới ngồn ngộn sức sống mới này. Tất cả những anh chị em chở đò trên Sông Đà, hỡi tất cả những lái đò Sông Đà chuyên nghiệp và nửa chuyên nghiệp, hãy dừng tay chèo mà vui đi với tin cải tạo Sông Đà !

Con người ở hai ven sông này và nói chung ở khắp Tây Bắc, đều mừng rỡ đón cái tin Đảng và Nhà nước ta sắp lãnh đạo con Sông Đà,

đã thành lập "Uỷ ban quy hoạch Sông Hồng". Nhiều người sốt sắng muốn được biết trước xem đến năm nào của kế hoạch năm năm lần thứ nhất, kế hoạch năm năm lần thứ hai, thì bắt đầu xây đập thuỷ điện trên Sông Đà. Tôi lạc quan mà nghĩ rằng chuyện này là chuyện làm ăn về lâu về dài, không phải là chuyện làm theo cái hướng sốt ruột nóng lòng. Cải tạo một con Sông Đà hung tợn độc ác khét tiếng với 73 cái thác hiểm nghèo, không phải là một việc chóng vánh như xã châu làm trung thuỷ nông được. Có khi phải hai ba bốn năm kế hoạch năm năm mới thiết bị hoàn toàn xong hết cả tuyến đập. Nhưng dù là còn lâu, tôi thấy cải tạo thiên nhiên cải tạo con sông vẫn cứ là gọn gàng, dễ hơn, chóng hơn sự cải tạo con người ; con người chuyển vần ì ạch dây dưa hơn sự vật bên ngoài tự nhiên. Cho nên dù công việc trị thuỷ Sông Đà mới còn là ở bước nghiên cứu, lòng tôi đã rưng rưng một niềm tin yêu đối với tương lai Tây Bắc. Đúng thế đấy, cơ thể Tây Bắc đang chuyển dần, mạch máu cái Tây Bắc đang hoá sinh thêm lên vô vàn là hồng huyết cầu. Mạch dương là con đường số 6, con đường 42, con đường bên Phù Yên, Vạn Yên. Mạch âm là con Sông Đà đang thăm dò để rồi trong một năm nào gần đây, lấy ngay sóng nước của nó mà thắp cháy đèn điện lên khắp thị trấn, công trường, hợp tác xã ven sông và khắp cả núi đồi Tây Bắc mở rộng thêm nhiều nữa những diện khai hoang. Trong khối nước ầm ầm mênh mông của Sông Hồng, Sông Đà rót vào gần một nửa, để sẽ cháy xanh lên cái lửa sắp tới của 10 triệu ki-lô-oát giờ thuỷ điện.

Ở bản Tràng Lang gần bến Vạn Yên, có một cụ già người Mường hay ghi lại những tội ác của một con thác trên Sông Đà. Thác Tếu Ông Tếu Bà, một cái thác dữ, cách xa vài cây số, đã nghe nó rống lên. Tay lái loạng quạng là nó hút thuyền vào. Thuyền qua đấy vẫn còn có tục hoá vàng, mổ gà mổ vịt cúng thần đá thác. Chính mắt cụ già đã đếm được và cộng lại những thuyền đắm thuyền vỡ ở thác Tếu Ông Tếu Bà lên tới một ngàn chiếc rồi. Tôi muốn có dịp được gặp cụ già Mường để nói chuyện về cách cải tạo Sông Đà sau này. Lòng tôi tin tưởng cụ già Mường còn thọ cho đến ngày được thấy con Sông Đà cải tạo, biển hồ nhân tạo xây đập chứa nước mênh mông xanh một màu quan lục. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Sông Đà dì ghẻ rồi sẽ hiền lành, trở thành người mẹ nhân từ của tất cả người Thái, người Mường, người Kinh ở hai ven Sông Đà.

Tôi đứng lặng trên một bến đò Sông Đà, tiễn đoàn thuyền nghiên cứu trị thuỷ Sông Đà xuôi về Tà Bú, Tà Khoa, Vạn Yên, Chợ Bờ, tiếp tục hành trình khảo sát những đoạn sông dưới. Trông theo đoàn thuyền khảo sát cờ sao đỏ vàng xa dần trên sóng nước, tôi càng vấn vương với Sông Đà, với tất cả những triển vọng Sông Đà, với tất cả những người lái đò năm xưa và năm sau đây của Sông Đà. Hỡi những bạn đò người Thái trôi mất thuyền trong thời hậu địch, hỡi anh lái đò Xá rộng lượng còn mang vết sẹo cũ của một chuyến chở vội sang ngang năm xưa, từ nay Sông Đà càng ngày càng xanh ve mãi lên một niềm hoài vọng ! Ở đâu có sông có nước lớn, thường trội lên những dấu hiệu của cuộc sống văn hoá, trội lên những hình ảnh của văn minh. Ngày ta thắng bên phía núi Điện Biên cũng là ngày ta giải phóng toàn bộ Sông Đà ở phía này. Từ đây nguồn thượng lưu Sông Đà ở Tây Bắc lưu thông một dòng về thấu trung du và đồng bằng, địa phương và trung ương nối liền một đường nước. Mai đây xây đập xã hội chủ nghĩa Sông Đà thì thân đê phố bờ sông Hà Nội rồi hạ mặt đê xuống dần để rồi tiến tới bạt hẳn bờ đê Hà Nội. Phố thủ đô nhích ra sát ven Sông Hồng cho lan can sắt uốn hoa và tượng đá gấm Hà Nội soi mình hẳn xuống lòng Sông Hồng có nước Sông Đà pha mãi vào. Vẳng bên tai tôi là gió Sông Đà với dư ba tiếng hát của tất cả lái đò Sông Đà xô ngân lên cái vui lao động trên mặt nước đất nước mình làm chủ từ những hôm giải phóng Sông Đà.

Điện Biên 10-1958
Hà Nội 4-1960

Lời bình

Đây là một bài tuỳ bút-kí. Nghĩa là không chỉ phóng bút tuỳ bút theo cảm nghĩ của cái tôi chủ quan của người viết, mà còn chú ý hướng ngoại, mô tả đối tượng khách quan, phát hiện, thu thập tư liệu về đối tượng một cách chính xác trên tinh thần khoa học. Không đọc bài tuỳ bút với ý thức tiếp nhận nội dung kí, nghĩa là tiếp nhận nội dung thông tin tư liệu của nó thì sẽ chỉ thấy nặng nề, khô khan. Nhưng Người lái đò Sông Đà *chủ yếu*

vẫn là những trang tuỳ bút. Ở đây sức hấp dẫn chủ yếu là ở cái tôi đầy tài hoa Nguyễn Tuân. Dưới ngòi bút của ông, thiên nhiên trở nên có hồn, thậm chí thành hẳn một nhân vật, có tính cách cũng khá phức tạp. Đúng thế, con Sông Đà dưới ngòi bút Nguyễn Tuân là một nhân vật thật sự. Nó có hai nét tính cách đối lập với nhau, tác giả gọi là "hung bạo và trữ tình". Khi hung bạo thì nó là "kẻ thù số một" của con người. Mà không chỉ hung bạo. Nó còn nham hiểm, xảo quyệt, lắm thủ đoạn, bộc lộ một cách đầy đủ trong cuộc giao tranh với ông lái đò nơi thác dữ. Nhưng khi nó "trữ tình" thì sao mà đáng yêu thế. Tác giả ví nó như một cô gái có mái tóc đẹp. Một "áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo". Ở đây, tác giả đã tiếp cận con sông chủ yếu ở phương diện mĩ thuật, phát hiện ra màu sắc của nó đổi thay theo mùa. Có lúc nó thật là đầy chất thơ, một chất thơ hồn nhiên một cách hoang sơ như một "nỗi niềm cổ tích", có lúc lại loé lên cái ánh sáng tháng ba Đường thi "Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu" (Giữa tháng ba mùa hoa khói xuôi về Dương Châu" - Lí Bạch), có lúc lại tình tứ mà xa xôi lãng mạn như "người tình nhân không quen biết" trong thơ Tản Đà v.v...

Đối lập với nhân vật "Sông Đà - hung bạo" là người lái đò Sông Đà. Nguyễn Tuân cho con sông Đà trổ hết sự hung dữ khủng khiếp của nó là để có dịp ngợi ca trí dũng tuyệt vời của ông lái đò vượt thác Sông Đà. Ở đây người ta thấy ngòi bút tài hoa và uyên bác của Nguyễn Tuân thể hiện ở chỗ ông quyết đua tài với tạo hoá trong những trang đặc tả cuộc xung đột giữa ông lái đò và con thác dữ. Nguyễn Tuân đã huy động vốn tri thức giàu có của ông về nhiều ngành văn hoá nghệ thuật khác nhau để không phải lùi bước trước bất cứ một cảnh tượng ghê gớm hay oái oăm nào của tạo hoá. Thiên nhiên bày ra cảnh nào, Nguyễn Tuân cũng có đủ tri thức và chữ nghĩa để mô tả bằng được : tri thức địa lí, lịch sử, địa chất, quân sự, võ thuật, tri thức của nghệ thuật hội hoạ, điêu khắc, âm nhạc, vũ đạo, điện ảnh...v.v. và ông lái đò trở thành một anh hùng ẩn danh nơi rừng suối và nghệ sĩ thật sự tài ba trong cuộc vượt thác, leo ghềnh.

Người lái đò Sông Đà *quả là một trong những kiệt tác của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám.*

Nguyễn Đăng Mạnh

XOÈ

Cô bạn Ba Lan giúp việc ở Uỷ ban Quốc tế, đã ở cả Sài Gòn, ở giới tuyến, ở Hà Nội, một hôm cảm tưởng về Việt Nam, bảo tôi rằng "Việt Nam là một cái vườn đẹp trên đó nở rất nhiều hoa ra rất nhiều trái. Quả trái đều lành ngọt mà hoa thì đủ cả sắc lại đủ cả hương. Từ một ngày Tết đầu năm cho đến một đêm giao thừa rê-vay-ông[1] hết một năm mặt giăng, trong hoa viên Việt Nam, quả hoa luân phiên nhau mà thường trực theo một sự phân công màu nhiệm của Tạo vật. Trong phe khối xã hội chủ nghĩa chúng ta, về hoa và quả, nước Việt Nam có thể viện trợ cho nhiều nước bạn. Hoa thơm quả ngọt của anh chính là một số máy móc trao đổi và để dùng vào những kiến thiết cơ bản đó.".

Cái hình ảnh chan chứa cảm tình ấy lại trở về với tôi mỗi lần tôi nghĩ tới Tây Bắc và Khu Tự trị Thái Mèo[2]. Tây Bắc cũng là một cái vườn hoa trong ấy mỗi dân tộc của mấy mươi dân tộc ít người là một giống hoa đượm nhiều màu sắc. Và chế độ cộng hoà dân chủ chúng ta giống như một người làm vườn khổng lồ vô cùng nhân ái đang ra công vun xới cho khu vườn Tây Bắc nở thêm nhiều hoa và hoa Tây Bắc phải kết nhiều quả trái. Cái vườn đẹp Tây Bắc ấy, diện tích rộng tới một phần sáu đất đai toàn bộ nước nông nghiệp Việt Nam. Ở đấy cây to bóng cả, núi vót ngọn xanh, núi dằng dặc lam, suối dạo đàn và rêu biếc lòng suối óng ả như tóc tuôn của một người đàn bà biết phát biểu bằng thơ.

Nhưng mà, trước đây, trong vườn Tây Bắc vắng hoang, cỏ cây một màu khổ não. Đau khổ ngày xưa, một trong trăm ngàn câu hát Mèo còn vẳng lại :

Em nắm ba nắm cơm tiễn anh
Ví có thương em thì ăn cơm em nắm
Bằng không thương em

---

(1) *Rê-vay-ông* : Tiếng Pháp réveillon nghĩa là bữa ăn nửa đêm (đêm lễ Nô-en hoặc lúc giao thừa dương lịch (*Từ điển Pháp Việt*, 1981)).

(2) *Khu Tự trị Thái Mèo* : Giải thể năm 1955.

Thì lội ba cái suối để cơm lại
Múc ba bát nước đổ xuống
Xoá hết đi những vết chân người.

Trong các dân tộc anh em Tây Bắc, người Mèo ở cao nhất, nhà chênh vênh đỉnh cao như những tổ phượng hoàng núi. Bầu trời bản Mèo trong lành hơn đâu hết, và người Mèo yêu chính nghĩa, yêu tình chung thuỷ cũng là những người chào mặt giời mọc chào mặt trời lặn trước hết và sau hết mọi dân tộc khác ở Tây Bắc. Nhưng hãy nghe đây câu chuyện tình đau khổ của một đôi tình nhân Mèo :

Ngày xưa có anh Nùng Phai, yêu thương chị Gau Dự. Hổ rừng tới phá hạnh phúc hai người, bắt nàng Gau Dự đem về hang làm vợ. Nùng Phai mài kiếm đi cứu người vợ yêu. Người yêu bị cướp đi vẫn thương nhớ người đi tìm. Nhưng ăn nằm lâu ngày với hổ, nàng đã hoá ra hổ và định về cả người tình cũ khi chàng múa kiếm giết chết con hổ chồng. Sẵn thanh kiếm trong tay, Nùng Phai liền chém đứt hẳn cái đuôi hổ của nàng Gau Dự. Nàng hiện trở lại làm người mà khóc than : "Em nhiễm tính hổ tính beo rồi. Anh hãy lấy lá han trải ra làm nệm. Em sẽ nằm lên lá ngứa rừng mà lột xác. Chặt cành tre cắm lên mộ em và đặt lên một nồi nước. Hễ thấy cành tre tươi lá trở lại, hễ thấy nồi nước bốc khói sôi lên, thì anh mở cửa nhà mồ đón em trở về làm người.". Bên cái mả giữa hang hùm, Nùng Phai cứ nhìn cành tre héo, cứ nhìn nồi nước lạnh mà thổi khèn. Núi rừng Tây Bắc vang lên cái tiếng khèn cải tạo tái sinh cho người yêu.

Kể lại chuyện cổ tích vùng cao, bà cụ Mèo một trăm tuổi lẻ kia đã nhắc lại chuyện quân đội viễn chinh đế quốc Pháp đóng thường trực ở ngọn đèo Khau Ma Hông này để phá cơ sở du kích Mèo. Bà Mèo thượng thọ còn bảo : "Thằng Pháp như con hổ dữ. Nó ở đâu thì khô rừng lá, cạn suối đến đá. Cán bộ thì như người thổi khèn, đến đâu thì cây tươi lại và suối lại chảy.".

Nói sao cho hết những đau thương của Tây Bắc trước khi lửa Cách mạng tháng Tám cháy bùng lên núi cỏ gianh đánh lùi những bóng tối của đêm dài Tây Bắc. Trong lâu đài thơ ca văn học Thái, có một tập thơ *"Tiễn đưa dặn dò người yêu"*. Quý cái vốn cổ dân tộc của mình,

người Thái chưa có máy in, đã viết vào bụng và người này truyền miệng cho người khác. Người nào chữ tốt chép ra, thì trả công cho người chép thơ một con trâu to béo. Cha mẹ chết đi để của cho con, không quên để vào chỗ hương hoả ấy một cuốn sách thơ *"Tiễn đưa dặn dò người yêu"*. Trong kháng chiến, nhiều gia đình Thái chạy giặc Pháp, khi nặng gánh quá, phải vứt bớt lại nệm chăn, ninh, nồi, mà cuốn thơ trữ tình thì vẫn chạy theo người, rồi cất giấu vào hang. Người miền xuôi yêu thơ *"Kiều"* dài ba nghìn hai trăm năm mươi tư câu lục bát như thế nào thì người Thái Trắng, Thái Đen đều yêu quý một ngàn sáu trăm câu thơ *"Sống chụ son sao"* ấy cũng như thế. Nhưng qua một tập thơ dài kia qua cuộc đời Thái trước đây, giăng màn ra biết bao nhiêu là áng mây buồn mây sầu. Lầu thơ trữ tình nọ, cũng là cánh khép cánh mở thế thôi.

Thơ ca Thái hồn hậu nhiều hình ảnh nhiều thiên nhiên. Thơ Thái đã hay, mà múa càng đẹp mà xoè Thái càng đẹp. Nhưng mà bóng tối trước đây của đế quốc và phong kiến đã trùm lên đêm hoa đăng giả tạo, bóng tối buộc lấy cổ tay ngón tay cổ chân những bước xoè Thái. Những đội xòe Thái trước đây chỉ là những toán khổ sai đàn bà chung thân bị chúa đất Tây Bắc cầm tù.

Ở đây tôi ghi lại một số xúc cảm của tôi về xoè. Một số xúc cảm nặng về mặt xã hội hơn là về kĩ thuật vũ đạo và vũ thuật.

Tôi nghĩ rằng trước khi Tây Bắc được giải phóng thì xoè chưa hẳn là và không thể nào là một niềm hoan lạc chân tuý trong xã hội Thái. Nhân dân lao động vừa xoè vừa nơm nớp sợ một cái oan khiên tai vạ gì có thể ập đến. Gia đình nào có con gái được chúa đất hoặc đám phìa tạo tuyển vào đội xoè, thì cái người lo buồn trước hết mọi người lại chính là bà mẹ Thái. Chao ôi, có ai thích xoè đã nghe thấy cái tiếng thở dài ấy của bà mẹ Thái nó buồn hơn cả cái tiếng vật mình của cối nước giã gạo đêm. Có con gái được chấm vào đội xoè thì gia đình được bọn thống trị cho ruộng làm mấy sào, bố và anh được miễn phu phen tạp dịch, nhưng bà mẹ Thái nhìn con gái lên đường làm nghệ thuật mà thở dài : "Thế là đứa con gái tôi không được nên thân người nữa rồi.". Mẹ già thương người con gái "bất hiếu" từ nay cướp công sinh thành của mình để đi múa hát nhà người.

Đã là chúa đất, là đại địa chủ miền núi, là chạo phen đin, là chạo phen căm thì đều có đội xoè riêng, làm vua làm quan to thì nhiều đội, làm quan nhỏ thì một đội. Để gợi ý, tôi xin trích ra đây một cái biểu để tính các tiêu chuẩn quyền lợi và tiêu chuẩn xoè trong hồi Pháp thuộc :

"*Tri phủ* : Lương tháng cộng với 300 tạ lúa dân cấp hàng năm[1], hoặc mười mẫu ruộng do dân cấy mang hoa lợi đến tận nhà. Lại được ba mươi người lao công phục dịch mọi việc trong nhà gọi là nhục (nhốc). Đứng đầu đám người nhục gọi là tạo nhục, dưới quyền điều động của quản cuông. Quản cuông tự có sáng kiến và có trách nhiệm mọi việc quản gia. *Dịp lễ tết và tiếp tân, tri phủ tuyển một đội 36 cô gái trẻ xinh nhất để xoè.*

Tri châu : Hưởng 250 tạ thóc ; hay tám mẫu ruộng. Được 24 người nhục, 24 *cô xoè*.

Bang tá : 150 tạ thóc, sáu mẫu ruộng, 12 người nhục, *12 cô xoè*.

Chánh tổng : Mỗi tháng tám đồng lương, 300 tạ thóc tám mẫu ruộng, tám người nhục, không có xoè.

Kỳ mục : bốn mẫu ruộng, bốn người nhục.

Tạo bản : hai mẫu ruộng, hai người nhục.

Gái xoè : một mẫu ruộng. Nếu bố hoặc anh chết, "được một người nhục."

Ruộng cấp cho xoè, nếu cô xoè vì ốm yếu hay lấy chồng, sẽ đòi lại. Như là dưới xuôi thời cũ đòi lại công điền từ tay những binh lính khố xanh, khố đỏ không tái đăng khoá sau.

Xoè, cứ theo cái ý nghĩa như biểu tiêu chuẩn trên đây, không còn là vui múa của nông dân lao động Thái nữa, mà rõ ràng là một thứ tô nghệ thuật dân cày miền núi phải đóng hàng năm cho địa chủ quan lại.

Trong cái đêm dài của Tây Bắc chưa có lửa sáng Cách mạng, xoè, chẳng qua cũng chỉ là một hình thức "phu phen tạp dịch". Ví dụ như trường hợp Đèo Văn Long.

---

(1) Thời ấy, một tạ gạo giá hai đồng rưỡi bạc Đông Dương.

Đèo Văn Long thì không biết bao nhiêu là đội xoè, muốn bao nhiêu đội cũng được, nó là ngoại lệ, cái biểu trên kia không áp dụng vào vua Đèo. Cứ mỗi lần Đèo Văn Long đi hành hạt hoặc thăm ấp, thăm vườn cam, vườn vịt gà, vườn dê, vườn mía vân vân, mỗi khi qua mường, qua chiềng, qua bản nào là ngủ lại nhà chức dịch địa phương. Trước khi ngủ là sở tại phải có xoè. Xoè xong tiệc rượu, Đèo Văn Long ngủ luôn với xoè. Rồi hôm sau, sở tại phải đưa xoè lên tỉnh để Đèo Văn Long chấm vào đội xoè riêng của y. Y như cú vọ, qua đâu là hau háu tìm phụ nữ để phát triển các đội xoè. Y chọn những cô nào tốt vóc đẹp mã, trắng, có duyên có dáng, giọng tốt, điệu mềm, da sáng. Y nắm lấy danh sách rồi về dinh, cho lệnh đi tróc nã xoè. Lên, học nghề trong sáu tháng, xoè đã đủ thành thục, cho về nhà bố mẹ đẻ, khi nào có tiệc tùng thường hoặc đón tiếp Tây Tàu Mĩ thì đã có trát gọi lên.

Còn giỗ tết thì phải nhớ lấy ngày mà lên hầu xoè, nếu bận giúp đỡ việc nhà cha mẹ mà quên lên hầu xoè thì đòn, thì hình phạt, thì bố mẹ càng nhục luỵ. Ngày Tết đầu năm là càng phải bỏ Tết nhà mình mà lên hầu Tết nhà quan, nhà người.

Làm thân người con gái đội xoè, coi như mất hẳn Tết nhất với gia đình ; có con đi xoè đội, người mẹ cầm bằng cái Tết là tết của thiên hạ con cái phải đi làm tết cho người khác. Cái Tết của cô xoè ở nhà chúa đất Tây Bắc sao mà nó dài quá. Nhiều khi hết cả mùa xuân. Chúa đất càng bạn bè nhiều tiệc tùng nhiều thì càng kéo dài ngày Tết, tháng Tết. Tiệc rượu phải hầu đứng, chỉ được uống không được ăn, máu dồn xuống chân, buồn thương mà phải cười, nước mắt cay nồng mùi men, chân múa tay múa mà lòng cô xoè, đội xoè để ở những đâu đâu. Nhịp chân không do lòng mình khiến mà là do cái sợ, mà là do thói quen của sợ hãi. Ngoài cái nền nhà xoè này, mùa xuân gái trai đang tưng bừng chỗ đầu suối, tràn ruộng, bến sông. Bao bạn trai gái mình đều được vui chơi, thật sự như thế, cũng chỉ vì họ không phải tuyển vào đội xoè. Họ ngồi thuyền đuôi én đi trảy măng trúc, măng mai về làm quà cho bố mẹ. Mùa ban pún nở rộ, họ thành đội ngũ đua chơi búng mắc lẻ trong sân nhà trên tràn ruộng phẳng đây đó xa xa còn vàng gốc rạ mùa qua. Họ hái hoa ban tặng lẫn nhau và đem về nấu cho bố mẹ một bát canh thơm. Họ đua nhau hái rêu ở lòng sông. Rêu mùa xuân óng mướt như tóc

người đẹp có tự do. Ngày xuân ấm, những cô bạn gái gội đầu bờ suối, hong tóc, tiếng quay tóc hoà tiếng bánh xe cộn nước, ngày xuân cứ trôi đi, như suối chảy, tóc cô xoè đâu xanh mãi như núi rừng, pi noọng ơi ! Ướt noọng ơi ! Đêm đầu năm lạnh sương, càng nhớ lại đệm hoa lau mà bố mẹ nhà nghèo nào cũng có, duy chỉ không có được ở nhà giàu chúa đất mặc dù chúa đất một năm thu không biết bao nhiêu là tô bông gạo, thứ bông gạo bó nhịu hàng năm mỗi đầu người phải nộp hai lạng.

Ở nhà xoè Đèo Văn Long, cô gái xoè đêm lạnh chỉ quấn một cái chăn, đúng cái chăn đế quốc ngày xưa vẫn phát cho tù, nhưng đã có nhiều đêm có tiệc rượu tiệc nhảy, cô xoè đội xoè Đèo Văn Long đã bị cưỡng bức biến thành một cái đệm sống để cho quan khách nhà họ Đèo nằm lên.

Sau khi cả bố cả con nhà nó đã tranh nhau mà đè lên, thì nghệ thuật xoè đã thành một cái nệm lót từ tay Đèo Văn Long đưa đến cho các quan tướng bù nhìn dưới xuôi lên, và nhất là đưa đến cho các cố vấn chính trị Pháp cố vấn quân sự Mĩ. Bọn này có khi còn đòi mỗi đứa phải hai đệm. Lúc chưa tan canh rượu, lúc cái đệm ấy còn giơ tay lên múa và chuốc rượu, thì có sự mặc cả gán ghép và nếu cần thì dùng đe doạ. "Riêng cái thân chúng mày, nếu không được hầu hạ ở nhà này, thì đừng có hòng mà hầu màn các quan Mĩ quan Pháp. Đấy là phúc cho cả nhà mày đấy. Nếu đêm nay không hầu cho đủ, thì mai đuổi về lập tức. Rồi liệu mà thu xếp trả ngay những sào ruộng đã cấp cho. Anh mày bố mày đem ruộng lên giả và rồi đi phu luôn đợt này.". Những câu vô liêm sỉ ấy đã được buột ra từ cái miệng hoa một cô nàng con gái cả Đèo Văn Long, chính tên là Đèo Thị Tọi, cái con Đèo Thị Tọi rất hay bày mưu ton hót với bố trong nhiều vụ thủ tiêu tù chính trị vứt xác xuống Sông Đà. Trong những đêm nghệ thuật bị hiếp dâm cưỡng dâm như thế, thì cái anh đàn tính cầm trịch cho bước múa, cũng khó mà không trở thành một anh ma cô ma cậu tưới thêm lời, vào đống tội cháy. Trên cái sàn múa, một cái tủ rượu đứng mạ kền bốn chân tủ đều có bánh xe lăn từ quan này đến cố vấn nọ. Cái sàn này làm bằng gỗ. Đèo Văn Long bắc vạc dầu lên bên cổng lớn để luộc sôi gỗ sàn nhảy. Chân cô xoè đã bỏng cháy trên sàn này để tim cô càng giá buốt đi.

Ngoài sàn múa xoè kia, tiếng thác Sông Đà vẫn xô đá ào ào. Và trong đêm tiệc, máu đồng trinh cứ rỏ theo bước đi của đôi chân khiêu vũ, cô gái xoè cứ giẫm lên máu mình mà múa, rồi máu tươi ấy khô dần một đống trên một cuộc đời đã biến thành một cái đệm. Lớp máu đêm sau đóng vẩy lên lớp máu đêm đầu, và cứ thế cứ thế.

Vậy mà chưa có một cô xoè nào dám trốn khỏi cái lâu đài ma quỷ Đèo Văn Long, bởi vì quanh đây là vĩnh viễn núi rừng xanh rì một màu Đèo Văn Long. Muốn thoát khỏi cái nhà này, chỉ còn có một con đường. Con đường "tiền dâm hậu thú" với người tình, hoặc chưa có người tình gắn bó thì quăng mình vào lòng một người đàn ông nào bắt gặp trên lối rừng quanh cái nhà ghê gớm đó. Cốt sao cho sau đó, Đèo Văn Long phải thấy rằng mình đã trở nên một cô xoè có chửa để cốt cho nó thải mình ra khỏi cửa nhà nó. Dĩ nhiên là khi đã dám liều mình như vậy, thì còn phải có gan chịu cho bố nó con giai nó con gái nó cả nhà nhà nó nhục hình nhiều trận, có khi hoại cả cái thai cần thiết cho sự giải phóng mình.

Đã là cô gái đội xoè, nhất là xoè Đèo Văn Long, không mấy ai dám hỏi làm vợ. Nhưng có anh trai Thái nào cứ thương yêu mà hỏi, thì bao giờ cả nhà nó cũng đều bảo xa bảo gần cho mà biết rằng cô xoè chưa hết hạn ở với nhà quan nhà vua. Thời hạn này thật là vô cùng tận thật là co giãn. Còn đỏm dáng, còn hồng hào không ốm đau, thì hạn còn dài. Nếu sắc đẹp cô gái đội xoè mà thắng được cả sự tàn phá của thời gian thì cái lãnh cung Đèo Văn Long sẽ là cái nhà mồ của cô xoè.

Làm cô xoè nhà Đèo Văn Long, mới tới, nó phát cho một đôi giày cao-su trắng, một áo trắng phin, một bộ cúc mắc pém bằng bạc, một váy lĩnh, một thắt lưng màu. Bộ cánh hạn dùng trong một năm và chỉ lúc nào có hầu tiệc hầu xoè mới được quấn vào người. Rồi xung vào từng đội. Không đếm được hết xem Đèo Văn Long có bao nhiêu đội xoè. Mỗi đội xoè của Đèo Văn Long có từ tám đến mười hai cô gái và hai anh đàn tính.

Xoè có đến ba mươi chín điệu nhưng phải học làm vốn lấy tám điệu cơ bản. Bắt đầu tập hai tay nâng khăn lụa, nâng ngang mày ngang vú. Rồi tập chuyển bước. Học xoè khăn. Rồi học xoè quạt. Rồi học xoè

nón. Học đến xoè nhạc, khiến được cánh tay cùi tay cổ tay, đã có thể gọi là học giỏi. Thành thục đôi tay đôi chân, rồi nhún, rồi đánh gối, đánh mông, đánh cánh đánh cổ đánh cùi. Mỗi người một phong cách mà phát triển tài nghệ, nhưng càng có phong cách càng nặng sổ đoạn trường tại nhà Đèo Văn Long. Học xong sáu tháng dưới quyền chỉ huy nghệ nhân của nó, nó cho về nhà bố mẹ. Về nhà mình, cô xoè hầu hạ giúp đỡ bố mẹ được tí nào thì hay tí ấy, còn thì cô gái cứ giật mình thon thót, sợ quên mất lịch giỗ tết của chúa đất, lên mà chậm thì chết.

Nói là được học nghề ở nhà Đèo Văn Long, nhưng chính ra làm người lao công không công thì nhiều hơn. Mỗi ngày được hai giờ học nghề vào lúc chạng vạng sương chiều. Còn thì là phải quay sa kéo sợi, giã gạo nấu bèo cám, cán bông, giặt quần áo trong áo ngoài của tất cả các thứ vua Đèo Văn Long, hoàng tử, công chúa, phò mã vân vân ... Cô xoè ấy cũng chỉ là một con sen con đòi. Mỗi ngày lũ con đòi ở các đội xoè (!) lên lên xuống xuống cái bến đá bên tả ngạn Sông Đà không biết bao nhiêu lần, với cơ man là chậu thau đồng chậu gỗ đựng đủ tất cả bấy nhiêu quần áo dơ bẩn của cả cái đám quyền quý hôi thối ấy trút ra.

*
* *

Tôi ghé đò độc mộc vào đúng cái bến đá của những cô-xoè-con-đòi này. Tôi không nhớ rõ là dốc đá có bao nhiêu cấp đá cạp xi-măng từ mỏm bến lên đến cái cổng chính có ngói men ngũ sắc. Nhưng thấy cũng nhiều đấy, mỗi lượt leo lên, mỗi lượt leo xuống. Nhất là leo lên, với những vải lụa hút nước đầy ắp cái chậu đồng gò vào bên hông. Chao ôi, tôi muốn nghĩ đến cái cảnh ngộ một cô xoè thèm khát tự do đang mang nặng trong mình một hòn máu "tiền dâm hậu thú", đang lợm giọng thèm chua và choáng váng mày mặt lúc leo hết hàng trăm cấp đá như leo cầu vồng nhân gian Tây Bắc này hồi ấy. Tôi muốn tiếng thác Sông Đà trả lại cho tôi cái bài đồng ca lặng ngắt của cả cái đoàn thợ giặt đau khổ này.

Làm xong bấy nhiêu thứ lao công cho nhà họ Đèo, rồi tối đến còn phải "lao động nghệ thuật" cho Tây, cho Mĩ, cho vua Bảo Đại và

Nguyễn Văn Tàm xem xoè nữa. Dưới sàn xoè, là cái hầm nhốt tù, những người bị Đèo Văn Long nghi là hoạt động địch hậu hoặc liên lạc với những nơi cửa ngõ vùng tự do. Có lẽ đấy là những người đêm đêm thức giấc hoặc trắng đêm mà thông cảm sâu sắc hơn ai hết với những cô tội nhân nghệ thuật đang xoè ngay trên đầu mình. Tôi dám tin rằng giữa cô xoè bị mất tự do và phẩm cách kia và người cán bộ địch hậu bị hãm ở nhà hầm–giữa hai thứ người khác nhau về ý thức đời sống về cách nhìn đời sống nhưng đều đang cùng lận đận một lứa bên Sông Đà–đã có những cái nhìn ngập ngừng mà đầy tin cậy. Tôi muốn tiếng thác Sông Đà hãy ngừng réo ngừng xô đá ngã ba sông, trong một tích tắc, cho tôi được nghe lại một lời nói thầm rất nhanh giữa những cặp nam nữ nạn nhân này của vua Đèo.

*
* *

Tôi đã gặp một số cô xoè đội xoè cũ Đèo Văn Long. Một hai cô đã kể lại những cảnh mắt thấy tai nghe ở giữa vòng Điện Biên Mường Theng tên lửa bời bời. Tôi ghi lại lời kể đó, có những đoạn ghép thêm với một số lời kể khác :

Ngày 12 tháng 12 năm 53, bộ đội vào giải phóng tỉnh Lai Châu. Trước ngày đó một tuần hai tuần, theo lệnh quan Pháp, Đèo Văn Long cho dọn tỉnh vào trong Điện Biên "vì trong Điện Biên yên ổn hơn, dọn tỉnh vào đấy rồi vài tháng lại dọn trở về đây lại". Đèo Văn Long lên tàu bay ngày 5-12-53, để con là Đèo Văn Tài ở lại trông nom một số việc cho xong rồi cả gia đình nhà nó cũng rút hết về Hà Nội. Tàu bay cho phụ nữ Thái tản cư từ Lai Châu sang Điện Biên gồm một số bà mẹ già mẹ vợ sĩ quan Pháp, một số trẻ con Tây lai, một số vợ Tây, và một số cô xoè.

Đối với một số cô xoè Đèo Văn Long, chuyến đi tàu bay này không phải là chuyến thứ nhất, vì trước đó, cũng đã được Đèo Văn Long đem đi múa khắp Hà Nội, hội chợ Sài Goòng, và xuống Hải Phòng múa cho Thượng thư Thuộc địa Pháp là Letourneau và Bảo Đại, toàn là đi tàu bay cả. Cho nên đi tàu bay vào Điện Biên nó cũng quen thôi, nó còn dễ hơn là thuyền đi thác trên sông Nậm Tè.

Nhưng vẫn lo gặp "tàu bay Việt Minh" ; Đèo Văn Long và quan Pháp vẫn bảo bộ đội kháng chiến không có tàu bay, nhưng họ hay nói điêu lắm, chả biết ra làm sao, nên cứ phải lo. Bay từ Lai Châu đến Điện Biên mất nửa giờ, tàu đỗ xuống sân bay lát liếp sắt Mĩ không thấy có súng gì bắn cả. Có ca-mi-ông GMC ra đón, cả xe díp nữa, và đưa thẳng về một cái hầm gần đầu cầu sắt Mường Theng. Cái hầm này ở gần những hầm có mui sắt tò vò của Bộ Tổng chỉ huy Pháp, gần cái cây si chỗ quan sáu Đờ Cát-tờ-ri đóng. Hầm phụ nữ mới làm, mui bằng tre. Giường bằng nứa phên, lúc chạy sang muốn đem nệm theo nhưng tàu bay chật quá. Không có màn nhuộm chàm như ở nhà, chị nào có chồng sẵn thì có những góc hầm riêng. Quan Pháp có đến hầm, vào những ngày giờ đã ghi rõ. Lúc ấy lấy chăn thay cho màn. Ông cố đạo Tây cho thuốc vệ sinh. Bảo có đồ hộp nhưng chỉ phát cho quan to, thỉnh thoảng cũng có quan Pháp giấu vào trong chăn bông cho một ít đường, sô-cô-la, thuốc lá. Trên giời, dù Mĩ thả xuống hoành phi câu đối người Kinh lấy ở những trận càn quét đồng bằng chở tàu bay lên để củng cố công sự Điện Biên. Có những tấm gỗ to bằng bàn ăn, sơn đỏ có chữ Tàu mạ vàng rơi nhầm vào chỗ phụ nữ. Khi nào họ giết trâu mổ lợn thì cũng được mua, còn thì là ăn cá mắm khô, và có uống rượu Tây. Lấy những vỏ đồ hộp làm nồi nấu, nhiều vỏ hộp sắt, nên cũng không ai tranh cãi với ai.

Có người đưa cho xem cái truyền đơn quan sáu Pháp thách Đại tướng Võ Nguyên Giáp dám vào ăn Tết ở phố Mường Thanh. Ngày Tết thấy nhớ nhà, người nào cũng có khóc một lần dài hoặc khóc làm nhiều lần ngắn. Những xác Tây chết trận, thấy Pháp tập trung lại, tưới ét-xăng đốt ra gio rồi vùi lại ... Bộ đội vây đánh Điện Biên bắn đến năm sáu chục phát ca-nông rơi gần chỗ phụ nữ tản cư. "Cũng không biết ai sẽ thắng, cũng không biết mình nên nghĩ thế nào cho phải, nhưng mong cho chóng thua chóng được đi, rồi mình được trở về quê Mường Lay với bố mẹ, và thấy lại Lai Cang Lai Nưa và con suối Nậm Lay của mình."

Càng ngày súng to càng nổ gần mãi hầm, nóng nhiều. Im tiếng súng thì đi tắm. Có chị được tin chồng chết ở Him Lam ; chết ở sân bay. Có chị được tin nhân tình gãy chân đưa về nhà thương Đồn Thuỷ Hà Nội. Dần dần hầm phụ nữ thưa người đến. Trong sông Nậm Rốn bé hơn sông Nậm Na Mường Tùng và lại nhiều người tắm hơn. Lính Pháp đều tắm

giống như phong tục người Thái. Vừa tắm vừa sợ súng bắn, tắm nhanh cho xong, họ làm gì nói gì mặc họ. Một lần đứng tắm lâu lắm mà không thấy súng ca-nông nổ, khác hẳn mọi ngày đêm. Về nhà hầm, khắp các cửa hầm cứ thấy quan Pháp lính Pháp chui lên, xếp hàng nối nhau chui lên, người nào cũng cầm mùi-xoa vải dù trắng thì biết là xong rồi, có bên được rồi. Rồi có bộ đội cầm bản danh sách gọi tên nhiều người ở Lai Châu tản cư sang. Có người thì bộ đội giữ lại để cho đi học ngay chính sách Chính phủ. Ít thôi, còn nhiều người được tha ngay. Tuỳ đấy, ai muốn về quê Lai Châu bằng đường Tuần Giáo cũng được, ai muốn đi đằng Mường Pồn, Mường Tùng cũng cho tuỳ ý. Cho mỗi người một tấm giấy thông hành. Lại cho mỗi người mấy ngày vừa cơm chín vừa cơm sống. Ngày đầu có cơm sẵn, ngày sau nấu lấy gạo mà ăn. Vừa đi vừa nghỉ, phụ nữ đi mất năm ngày. Ngày đầu ngủ ở Mường Pồn, mừng quá, nhưng chưa hết sợ. Về đến Lai Cang, mẹ mừng quá, mẹ bảo là : "Mày tản cư đi Điện Biên được mấy hôm, là ở nhà giải phóng. Có hai anh cán bộ cả Kinh cả Thái ta trong đội công tác an dân, đến bảo mẹ là đừng có sợ, con bà ếm đi Điện Biên ít lâu, rồi Điện Biên lại giải phóng như Lai Châu thì con bà ếm lại về đấy thôi. Thế mà mày và các chị xoè tản cư khỏi Lai Cang Lai Nưa Hô Luông đều cũng về cả rồi. Cô Chiêm bên Lai Tở lại được Chính phủ cụ Hồ cho đi xoè đấy. Đi xoè liên hoan mừng công bộ đội dân công từ mấy tháng nay ở quanh thị xã.".

*
* *

Cô Chờ tức Lò Thị Chờ bị bắt vào đội xoè Đèo Văn Long, đúng vào lúc cuộc sống ở phố Lai Châu và quanh mấy bến Sông Đà ở Mường Lay đang lộn đảo lên vì những chửi bới doạ dẫm hung dữ của bọn tàn quân Pháp nhốn nháo chạy từ Lào Cai về, theo kế hoạch rút quân của quan năm Tilibi. Sau trận đại bại mùa đông biên giới quân đội viễn chinh Pháp bị tiêu diệt ở Cao Lạng cuối 1950, Pháp sợ ta tiêu diệt nốt ở giữa Lào Cai, nên chúng rút theo đường Cốc Lếu, Sa Pa, Phòng Tô. Trung đoàn "địch hậu Tây Bắc", trung đoàn 148 liền truy kích chúng đến tận

sát bờ sông Nậm Na, đến tận Chiềng Chăp Chiềng Nưa, đến đúng cái địa điểm mà Đèo Văn Long cho người đón Pháp năm 1946 để mặc cả bán Tây Bắc một lần thứ hai cho đế quốc. Đám quan và lính hút chết chạy từ Lào Cai về đến Lai Châu, còn đồng Đông Dương nào, còn đồng vàng nào đều tung ra hết. Nhiều người buôn bán, nhiều mại bản, nhiều ông bà chạy hàng xách vớ bẩm. Vô khối người đánh xuyến sắm kiềng, rượu tây uống lu bù, nước hoa bôi lu bù, dưới bến Sông Đà, trong lòng đò, pin đèn lu bù cháy một lèo cho đến tan sương. Nhiều người lại đi lấy chồng, nhiều người lại phải bỏ chồng. Nhiều người sống bằng những thứ nghề tự do xưa nay chưa thấy tự do đến thế bao giờ.

Bên kia sông, bên kia phố, là Bản Trợ. Bản Trợ ở sát nách "Thái Hà ấp miền núi" của Đèo Văn Long. Cũng như số phận Bản Trang cạnh đó, Bản Trợ là một cái làng phải luôn luôn cung cấp đầy tớ con hầu không công cho cả nhà họ Đèo. Cô Lò Thị Chờ chính là một thanh nữ mười bảy tuổi quê ở Bản Trợ. Cô Chờ người dong dỏng cao, mắt một mí, tóc xanh mượt như một làn rêu giữa lòng suối trong, và tính nết cũng dịu lành như rêu suối mùa xuân. Không cần được bấy nhiêu nết bấy nhiêu nét, Đèo Văn Long và tay chân nó cũng đã bắt rồi, cũng như đã từng bắt bao nhiêu chị Thái trắng trung bình khác ở Bản Trang Bản Trợ. Vậy là cô Chờ bị bắt vào làm con múa của đội xoè, và làm tất cả những việc lao công không công ở nhà họ Đèo như tất cả những con-múa-con-đòi khác bị tập trung ở cái lâu đài ma quỷ nơi ngã ba sông. Cũng như số phận nhiều cung-tần-thị-tì, nhiều chị em xấu số khác, cái thế giới của cô Chờ cũng khung từ một cái sân xoè gỗ luộc vạc dầu đến một cái bến đá có sóng thác Sông Đà.

Về mặt tổ chức, như đã biết đó, các đội xoè Đèo Văn Long không dứt khoát là làm nghệ thuật vị nghệ thuật, hay là lao công không công tập đoàn, hay là phải làm thổ đĩ để lấy tiếng lấy danh vị cho hoa vương Đèo Văn Long, mà nó là nhập nhằng lủng củng cả mấy thứ việc ấy. Những đội xoè Đèo Văn Long vốn dĩ đã lủng củng, hồi này lại càng nhập nhằng hơn. Vì con giai út Đèo Văn Long là Đèo Văn Ún nay về ở hẳn bên Lai Châu và nó hay thậm thụi nhất với các cô xoè, nhiều khi chạm trán cả với bố nó.

Từ khi ta giải phóng Điện Biên lần thứ nhất năm 1952, tri châu Đèo Văn Ún chạy thoát về Lai Châu, phải bỏ lại cả mấy chục hòm nhựa thuốc phiện mà chạy thoát lấy người. Về Lai Châu, nó chuyển từ quan văn sang quan võ, đeo súng lục đeo lon quan một quan hai, đúng với cái quy luật giai cấp đại địa chủ phong kiến phản động cấu kết với đế quốc thực dân mà võ trang chống lại Cách mạng và đi sát quân đội Pháp ở chiến trường Điện Biên 53–54. Lần giải phóng Điện Biên thứ nhất 1952, tri châu Đèo Văn Ún trốn thoát, nhưng giải phóng Điện Biên lần thứ hai 1954, quan hai Đèo Văn Ún vẫn nổ súng chống lại quân đội nhân dân khi bị bắt, toà án binh thiết lập ngay ở mặt trận liền tuyên bố Đèo Văn Ún tử hình ở Cò Mị.

Trở lại câu chuyện tình sử cô Chờ. Trước khi bị bắt làm con múa trong đội xoè chúa đất, cô Chờ đã gắn bó với anh Lò Văn Mờ. Anh Lò Văn Mờ cũng bị Đèo Văn Long bắt về làm một thứ lính lệ hầu đóm hầu trà, từ trước khi người tình của anh bị bắt vào hầu múa ở cửa nhà họ Đèo. Những lúc ra ngoài, anh Mờ hay sang bên Bản Trợ và từ đó mỗi ngày một thân với cô Chờ. Rồi cô Chờ bị bắt vào đội xoè. Những đêm có tiệc hoa đăng, Chờ phải hầu múa, Mờ phải hầu cốc hầu điếu, đôi bên mặt nhìn mặt nhưng lời nghẹn lời. Quan hai Đèo Văn Ún lúc này đang ở thời kì cưỡng bức cô Chờ. Nó biết việc cũ giữa hai người. Sẵn có chiến trường Điện Biên đang khói lửa ngất trời, Đèo Văn Ún liền hạ kế độc chuyển luôn anh lính hầu trà hầu đóm thành lính chiến đấu, và điều luôn anh Mờ vào biên chế tiểu đoàn "Đơ-dem Ba-tay-ông Thái" đeo luôn phù hiệu tráng men một con đường trắng đai vành lấy một dải núi biếc mà đi sang bên Điện Biên. Không rõ anh Lò Văn Mờ đã biết bắn súng chưa, nhưng cái đó quan hai Đèo Văn Ún không cần biết, y chỉ cần cho người "tình địch" của y đi chết trận. Sau đó, Ún cũng cầm quân sang tiếp sức cho Pháp. Nhưng quả thật đạn cách mạng của nhân dân võ trang chiến đấu cũng có linh thiêng và sáng suốt thật. Đạn mặt trận sau này không bắn anh Lò Văn Mờ mà lại bắn chết tươi Đèo Văn Ún. Lúc Ún đặt chân lên tàu bay rút chạy, cũng là lúc bộ đội ta đã tiến vào đến khu Mèo Pú Nhung trên đèo Cờ-la-vô đổ vào tỉnh Lai Châu. Trước khi lên tàu bay, Đèo Văn Ún nhất định bắt cô Chờ đi theo. Nhân lúc nó đang hỗn quân hỗn quan, cô Chờ lẩn trốn thoát. Mùa lạnh năm ấy, ban pún núi Pú Li nở rộ, cô Chờ vẫn tin Lò Văn Mờ rồi vẫn có ngày trở về. Trông hoa ban nở, càng thương người tình, càng nhớ

người tình. Lai Châu giải phóng rồi, cô Chờ được giải phóng rồi, xoè múa được giải phóng rồi, mình đang xoè cho nhân dân bản phố cho dân công tải gạo trên sông trong núi, sao người tình chưa sớm về mà cùng dự những đêm mừng công này ! Mùa xuân đó, hoa ban quanh Điện Biên cũng vẫn nở nhưng không một màu trắng tinh. Anh lính Lò Văn Mờ cũng có những phút nhớ cô Chờ, nhìn lên hoa ban, nhưng hoa ban chỗ anh đóng quân đã vàng nẫu vì bụi cơ giới Pháp xoáy theo gió Lào và cháy rụi cả gốc vì bom na-pan Pháp thả nhầm. Súng càng nổ, anh Mờ càng thấy nhớ nhà. Cái truyền đơn đầu tiên anh nhận được ở mặt trận, viết bằng chữ Thái : "Quê hương các anh ở Lai Châu giải phóng rồi". Cái truyền đơn thứ hai nhặt được : "Thái và Kinh đều là anh em. Trong bộ đội giải phóng, có cả người Thái người Mèo.". Và những truyền đơn khác : "Gặp bộ đội, vứt súng đi mà chạy vào rừng." – "Hãy tìm cách trốn khỏi trại giặc, về gia đình làm ăn. Chính phủ sẽ khoan hồng." – "Nộp súng cho bộ đội, rồi đi thẳng về bản mường nhà mình.". Bộ đội Cụ Hồ gọi loa, bắn truyền đơn, lại dùng cả phên liếp mỗi tấm liếp kẻ to tướng từng chữ một, xếp liền thành một hàng dài đủ cả chữ Pháp chữ Thái chữ Kinh, cắm sừng sững ở các đầu mũi hào chiến hào giao thông. Pháp tức quá, tập trung liên thanh và trọng pháo bắn vào những tấm liếp khẩu hiệu như là nó tập bắn bia, nhưng bắn mãi mới thủng liếp, thủng hàng liếp ấy lại có những hàng liếp khác mang những khẩu hiệu mới hơn. Pháp lại bắn, có hôm đến sáu trăm phát Ca-nông từ Hồng Cúm cốt át đi tiếng loa kêu gọi những người lính Thái bị cưỡng bức mà đi lầm đường. Nó bắn Ca-nông điếc cả tai, nhưng anh Lò Văn Mờ vẫn nghe rõ tiếng loa gọi anh về Lai Châu với cô Chờ mà làm ăn với bản mường mình. Nhìn ra phía sau nhìn ra phía trước, anh Lò Văn Mờ tiến ra phía Khu Đông, đưa súng cho bộ đội cụ Hồ. Rồi anh được học và được vác đạn đi lại giữa những hào giao thông có những bộ đội hay cười với anh. Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ cũng là ngày anh Lò Văn Mờ được trả lại tự do và trở về Lai Châu. Về đến Lai Châu rồi, nhưng anh Lò Văn Mờ chưa dám tìm đến Bản Trợ gặp ngay cô Chờ. Người tình được giải phóng trước mình, được giác ngộ trước mình, được đi phục vụ trước mình, nay nghĩ về mình như thế nào đây ? Sau những ngày dò la và bắn tin, được biết rằng người tình vẫn chung thuỷ chờ mình, bấy giờ anh Lò Văn Mờ mới tìm đến bản mường quê vợ nay đã dựng lại mới hết, ở

cách xa hẳn khu vực Đèo Văn Long đến mấy cây số ngược lên dòng trên phía sông Nậm Na. Cũng từ hôm đó, anh chính thức ở gửi rể nhà bố mẹ người tình như tất cả những thanh niên Thái tôn trọng tập tục cũ của dân tộc mình. Và gần đây hai vợ chồng xin ra ở riêng, với hai con nhỏ mới sinh sau đây. Chị Chờ cùng chồng về quê chồng cũng ở dọc Sông Đà, nhưng phải đi ngược lên bốn ngày đường và leo một cái dốc cao mỏi cả đến đầu gối con ngựa thồ. Bố mẹ nhà nghèo, chả có gì cho con gái và con rể. Ninh, nồi đồng, con dao, con trâu, con ngựa, chăn, nệm đều chả có mà cho. Nhưng trong lòng những con người của tất cả gia đình này, trong lòng họ thanh bạch đang thấy súc tích mãi lên một niềm biết ơn đối với Cách mạng. Bậc làm cha mẹ chưa cho họ gì để dọn nhà riêng, nhưng Cách mạng đã cho họ nhiều lắm. Cách mạng giải phóng đất nước Tây Bắc, Cách mạng giải phóng cho tình yêu, cho nghệ thuật xoè múa. Cách mạng trừ khử đi những kẻ thù của hạnh phúc nhân dân lao động đồng rừng. Và Cách mạng đã trả lại luyến ái cho gái trai bản mường Thái được thấy hạnh phúc cá nhân ở ngay cuộc đời mình bên dòng Sông Đà. Xoè và cô xoè, đến bây giờ mới thật là yên tâm cho bà mẹ Thái có con gái học xoè. Xoè và cô xoè, bây giờ không là cũ nữa, xoè được nâng lên thành những bước mới rồi.

Lời bình

Nguyễn Tuân là một trong số những nhà văn viết nhiều về Tây Bắc. Nói về Tây Bắc ngày xưa, không ai không xúc động về cái chế độ áp bức bóc lột có tính trung cổ của bọn thực dân phong kiến đối với nhân dân lao động các dân tộc Thái, Mèo ... Tô Hoài đã viết Núi cứu quốc, Truyện Tây Bắc, *rồi* Miền Tây *... Ông phát hiện tội ác vô cùng dã man của những thống lí Pá Tra, A Sử ... đối với những con người lao động chất phác, đáng yêu như My, A Phủ ... Họ phải sống lầm lũi trong tăm tối, trong lao động khổ sai, trong cùm xích và dưới những trận mưa roi vọt của bọn chúa đất.*

Xoè của Nguyễn Tuân cũng viết về Tây Bắc ngày xưa và cũng nhằm thể hiện một chủ đề ấy : Lập bản án về chế độ áp bức bóc lột dã man của

bọn thực dân phong kiến đối với nhân dân lao động. Nhưng nếu Tô Hoài tố khổ cho anh trai cày A Phủ, cho cô Mỵ làm nương làm rẫy, xe vải dệt sợi thì Nguyễn Tuân tố cáo tội ác của bọn thống trị đối với những cô xoè. Đây chính là một phương diện của phong cách Nguyễn Tuân. Con người ấy luôn nhìn sự vật nghiêng về phương diện mĩ thuật, luôn nhìn con người nghiêng về phương diện tài hoa nghệ sĩ. Vì thế cũng nhạy cảm hơn hết đối với nỗi khổ của những nạn nhân nghệ sĩ, và căm ghét đặc biệt những kẻ chà đạp lên văn hoá, nghệ thuật, lên cái đẹp. Ông đã phát hiện ra thứ tô - nghệ thuật, thứ phu phen tạp dịch nghệ thuật, thứ nạn nhân gọi là những "cô xoè nô ti".

Tuy nhiên, vì mục đích của bài tuỳ bút là ghi lại "một số xúc cảm nặng về mặt xã hội hơn là về kĩ thuật vũ đạo và vũ thuật", nên tác giả chủ yếu gia công thể hiện cái phương diện nạn nhân xã hội của các cô gái đã "không may" có tài có sắc để bị tuyển vào những đội xoè. Sự uyên bác của Nguyễn Tuân ở đây vì thế cũng tập trung vào việc khảo cứu các thể chế nghiêm ngặt của bọn vua quan phong kiến Tây Bắc đối với các cô xoè. Và tài hoa chữ nghĩa của Nguyễn Tuân cũng vậy : dồn vào việc cực tả tình trạng xoè như một thứ lao động khổ sai cực nhọc và nhục nhã :

"Ngoài sân múa xoè kia, tiếng thác Sông Đà vẫn xô đá ào ào. Và trong đêm tiệc, máu đồng trinh cứ rỏ theo bước đi của đôi chân khiêu vũ, cô gái xoè cứ giẫm lên máu mình mà múa, rồi máu tươi ấy khô dần một đống trên một cuộc đời đã biến thành một cái đệm, lớp máu đêm sau đóng vẩy lên lớp máu đêm đầu, và cứ thế, cứ thế."

Vậy mà chưa có một cô xoè nào dám trốn khỏi cái lâu đài ma quỷ Đèo Văn Long, bởi vì quanh đây là "vĩnh viễn núi rừng xanh rì một màu Đèo Văn Long !!!".

Nguyễn Đăng Mạnh

MỘT TÍ VỀ LỊCH SỬ VÀ MỘT BẢN LÍ LỊCH

"Tây Bắc đẹp lắm". Nói chung, về chính trị về kinh tế về nhiều mặt khác nữa, Tây Bắc có những nét đẹp mỗi ngày mỗi sáng thêm ra. Cả đến những anh chị em chưa có dịp lên Tây Bắc, chỉ mới có ý định phải lên Tây Bắc ít ra là một lần, cũng đều thốt lên "Tây Bắc đẹp lắm". Thực ra, với tất cả những người yêu đời yêu nước có những xúc cảm kiến thiết xã hội chủ nghĩa và lạc quan cách mạng như chúng ta, không ai mà lại không thấy Tây Bắc là có rất nhiều triển vọng. Ở đây, trong mục nhỏ này, tôi miễn bàn về cái đẹp Tây Bắc nữa. Mà tôi lại muốn nói đến một cái xấu ở Tây Bắc, mặc dù cái xấu ấy đã là sở hữu của lịch sử. Tôi nói đến một cái xấu có tên có tuổi và có tội ở Tây Bắc. Cái xấu ấy tên là Đèo Văn Long. Cái xấu ấy đã được Tây phong vương cho. Thực dân Pháp và vua An Nam Bảo Đại đã công nhận cho Đèo Văn Long làm vua ở Tây Bắc. Có người bảo : "Tây Bắc giờ đang tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, thiếu gì chuyện hôm nay ngày mai đáng nói, ta nên bàn đến những cái hiện tại trước mắt hơn là đi bươi cái xác chết của dĩ vãng Tây Bắc ra ...". Tôi đồng ý là hiện tại của Tây Bắc là vui tươi hơn ngày cũ và hiện tại này là cái cơ sở tốt cho ngày mai Tây Bắc. Nhưng muốn thấy thật rõ cái tốt của hôm nay, nhiều khi phải thấy cái xấu hôm qua, do đó mà có một cái cơ sở cụ thể để so sánh. Hôm nay đây Tây Bắc yên, lành, tươi, sáng và triển vọng của nó càng ngày càng tươi thắm mãi lên. Nhưng mà Tây Bắc của trước đây ? Chuyện mới đó, dăm năm mới đây thôi chứ đã xa gì.

Cái xấu ở Tây Bắc mang tên là Đèo Văn Long, chưa thật là chết hẳn. Vua Đèo Văn Long vẫn còn sống. Vua Đèo Văn Long do Pháp bày

trò ra, Pháp thực dân thua chạy Điện Biên liền mang theo cả trò vua ấy đi. Và ngày nay, vua Đèo Văn Long đang ở bên đất nước vua Lào. Người thì bảo Đèo Văn Long 70 tuổi, người thì bảo trên 70 tuổi, có người lại còn bảo rằng vua + giặc này tướng còn thọ lắm. Có thể vua Đèo Văn Long vẫn còn kéo dài cái sống của động vật có ngủ có ăn, không ăn cướp được ở Tây Bắc nữa thì nay ăn xin ăn nhờ vua Lào, làm Việt gian mách nước cho Tây cho Mĩ, nhưng đối với nhân dân Tây Bắc giải phóng và kiến thiết ngày nay, thì vua Đèo Văn Long đã hoàn toàn là băng hà về mặt chính trị.

*
* *

Tỉnh lị Lai Châu nằm lọt trong một thung lũng ; vào tỉnh phải đổ xuống một con dốc đá cao và dài, thuộc vào những dốc đèo hiểm trở của Tây Bắc. Lưng chừng đèo đá, lấp lánh một khúc Sông Đà. Và lấp lánh một mái nhà. Cái mái lâu đài ấy không phải bằng ngói hoặc bằng tàu lá hoặc bằng phiến gỗ gọt như lầu Lào. Mái nhà bóng láng một màu xám tái của mảnh tôn Mĩ viện trợ. Trong lũng, qua đám mù sương, hiện dần lên những chòm xóm, bản, phố, nhưng át tất cả đi, vẫn là cái mái lầu bằng tôn Mĩ xám lạnh. Tấm tôn lù lù giữa rừng xanh núi đỏ, hỏi ra mới biết rằng đó là cái nóc dinh cơ nhà họ Đèo.

Lâu đài Đèo Văn Long ở bờ trái Sông Đà. Phố tỉnh Lai Châu ở bờ phải. Phố dựa lưng vào đồi núi ; đỉnh đồi là nhà tù và đồn quan binh đạo thứ tư. Đứng trên đồn quan binh bờ bên này mà nhìn sang cái cơ nghiệp Đèo Văn Long bên kia sông, thấy nó như gần hơn là đứng ở lòng phố dưới bờ sông. Người dưới phố, hình như ai cũng có một vài câu một vài đoạn chuyện sẵn sàng để giúp ta dựng lại cái hình thù và tâm địa Đèo Văn Long. Người Kinh kể lại, người Thái kể lại, cả đến những ông già bà già Hoa Kiều cũng kể lại. Ngoài phía bờ Sông Đà, nước thác vẫn réo lên tiếng bọt nước xô vào đá. Trên một nền nhạc nước chảy hậm hực vô tận của thác Sông Đà mùa cạn, tôi lắng nghĩ về lai lịch Đèo Văn Long lồng khung vào ít nhiều dã sử lịch sử Tây Bắc.

Đèo Văn Long là con Đèo Văn Trì. Hai người em Đèo Văn Trì có lần bị vua Xiêm hoặc vua Lào gì đó tiến quân sang tận Điện Biên bắt

về làm tù binh hoặc con tin gì đó. Và Đèo Văn Trì trước đây, đã có lần đánh sang Lào, lấy được quốc ấn vua Lào đúc bằng vàng. Lúc này Pháp và Anh đều tranh nhau gây ảnh hưởng trên đất Ấn Độ – Chi Na và kèn cựa nhau để tiến sâu tiến nhanh về phía sau lưng Trung Quốc. Tên thực dân thám hiểm người Pháp là Pavie, sau thời kì làm lãnh sự Pháp tại Vọng Các Thái Lan thì nay xúc tiến việc nghiên cứu triền sông Cửu Long, – một mũi tiến vào nách Trung Quốc, song song với con đường thuỷ của sông Hồng phát triển do thực dân mật thám giả danh lái buôn Đồ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis). Những năm đầu hoạt động của Đèo Văn Trì ở Tây Bắc và cả ở phía Hưng Hoá Đồn Vàng là những năm đánh Tây chống Tây. Những năm sau đó thì Đèo Văn Trì chuyển ra hàng Tây, ăn lộc Tây rồi chết năm 1908. Pavie vốn là một tên nham hiểm. Chuyến đi nghiên cứu triền sông Cửu Long, Pavie tâu với vua Xiêm vua Lào gì đó cho nó xin lại hai người em Đèo Văn Trì, xin quản lí hai người Thái đó, và Pavie để dành cái quà sống ấy chờ lúc sẽ dùng đến. Trong lúc Đèo Văn Trì đang hưởng ứng phong trào Cần vương dưới xuôi đánh Pháp, thì Pavie đưa hai người em Trì bị bắt làm con tin kia về trả cho Đèo Văn Trì. Và đánh đổi với Trì cái ấn vàng lấy được của vua Lào. Cái ấn đó, Tây liền mời vua Lào tới Hà Nội mà nhận về để đồng thời nước Lào công nhận luôn sự bảo hộ của Pháp.

Từ ngày chịu cái ơn đó, Trì đổi dạ. Cho nên sau đó, binh lính Thái ở Mường Tè đang có phong trào du kích đánh rừng bên Sông Đà, mà Pavie dám cởi trần tay không, râu xồm dài xuống đến rốn, tiến quân "câu lơn" vào Mường Tè, vừa đi vừa giơ tay lên múa để tỏ ra mình không có cầm chút võ khí nào. Pavie xông vào tận Mường Tè thuyết khách Đèo Văn Trì. Và hiệp ước 1886 có ấn triệu Bộ Thuộc địa Pháp chính thức công nhận cho nhà họ Đèo cha truyền con nối mà đời đời làm quản đạo ăn lộc ở Phòng Tô, Lai Châu và Sơn La. Đó là Tây Bắc bị bán lần thứ nhất cho Pháp. Bố bán một lần, sau này con bán một lần thứ hai nữa. Trước Cách mạng, cái phố Phú Cường toàn Hoa kiều này, chính tên nó là Pavie đại lộ đó. Và phố Dân Chủ ngày nay, hồi đó gọi là xóm Đèo Văn Trì đó.

*

* *

Nói một cách thật tóm tắt thì trong các tỉnh nước ta, kể cả tỉnh đồng xuôi đồng rừng tỉnh miền Nam miền Bắc, Lai Châu là cái tỉnh bị thiệt thòi nhất trong mọi mặt đón nhận lấy ánh sáng của Cách mạng đã chiếu khắp Việt Nam từ mùa thu 1945. Sau ngày chính quyền ta thành lập ở toàn quốc cờ đỏ phấp phới khắp luỹ tre làng mạc thành thị và khắp cửa rừng khắp bản mường, thì tỉnh lị Lai Châu kéo cờ đỏ sao vàng được có một ngày, rồi là phản động nổi lên, phản Cách mạng dựa vào Quốc Dân Đảng Tàu Trắng, dựa vào Pháp ở Vân Nam kéo về mà dấy lên. Rồi tiếp vào đó là thời kì Tây Bắc bị chiếm đóng. Ở Lai Châu đây, đã xảy ra liên tiếp hai vụ bán nước. Ở đây Nhật đến, và Pháp đã chạy rút hai lần. Ở đây Tàu Quốc Dân Đảng cũng kéo qua tới hai lần, và lần sau là vào lúc Cách mạng Trung Quốc thành lập nước Cộng hoà Trung Hoa, tàn quân Tưởng Giới Thạch tràn qua, rồi Pháp cho về lối Thu Cúc Lai Đồng Đồn Vàng. Qua tám năm hậu địch, cờ đỏ năm cánh sao rút vào rừng xanh, mãi đến giữa tháng chạp 1953, Lai Châu mới được hoàn toàn giải phóng và công khai treo quốc kì. Cũng thấy cần thiết nhắc lại một vài nét về tình hình lúc đó của Lai Châu đen tối và đau thương.

... Lai Châu trong thời gian một tiểu đoàn phát-xít Nhật chiếm đóng, đèn điện dưới phố thường chỉ cháy đến mười giờ đêm. Một buổi chiều mùa thu 1945, sau khu rừng trên đồn Lai Châu, có nhiều lựu đạn Nhật nổ, nổ quả một và nổ hàng tràng. Và tên quan Nhật vào nhà máy điện bảo bác thợ người Kinh coi máy điện rằng "đêm nay cho chạy điện tới mười hai giờ. Các quan và lính quân đội Thiên hoàng Đại Nhật Bản hôm nay ăn tiệc". Buổi chiều hôm đó lính Nhật giết nhiều lợn nhiều bò, và say và hát cả đêm. Dưới bờ Sông Đà, những bu gà sống buộc ở đuôi én những thuyền then năm chèo đã gáy rộ sang canh tư. Cổng trại Nhật đóng trên đồi phố vẫn có ánh đèn dầu. Nhưng đó là một cái đồn bỏ không. Năm trăm lính Nhật cùng lừa ngựa ca-mi-ông màu đất thó đã rút đi rất êm từ khi nào. Trước phút đó, bác thợ điện người Kinh còn thấy thằng quan nó bảo : "từ bây giờ xong hết chiến tranh rồi, chúng tôi về Nhật Bản, bác giữ lấy nhà máy đèn của bác ... Các thứ đồ hộp Nhật như măng, tôm, cá, tương, đường, chúng tôi để lại cả và chỉ mang đủ súng đi thôi". Sáng rõ, lính của tỉnh trưởng Đèo Văn Mun (anh ruột Đèo Văn Long) mới lò dò sang thì cả tiểu đoàn lính phát-xít Nhật đã qua đèo Cờ-la-vô. Và hai ngày rưỡi sau thì 12 vạn quân Long Vân do

đường Sìn Hồ và dưới quyền tướng Lư Hán kéo đến tước khí giới quân Nhật. Nó sức giấy trước là cả phố phải đi đón. Nhưng lèo tèo có một số đi đón, nhất là Hoa kiều. Cả phố đã nhốn nhào lên vì Nhật kéo lên hồi nọ, nay lại nhốn nháo lên nữa vì Tàu Trắng ...

Đèo Văn Long chạy Nhật trốn sang Côn Minh cho trọn vẹn nghĩa tớ thày với Pháp, nay lại theo Tàu Trắng về Lai Châu cùng một chuyến với Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh và một số người như Hai Liễu Hai Cao... Việc thiết lập chính quyền Việt Nam dân chủ ở Lai Châu đã gặp rất nhiều khó khăn do đám anh em nhà họ Đèo Văn long gây nên. Chúng mua súng Tàu Trắng đưa quân xuống Tuần Giáo đánh lại quân chính phủ.

Thế rồi bọn tàn quân Pháp chạy Nhật sang Côn Minh lại bắt đầu trở về do quan năm Quilichini (trong đám sĩ quan của tướng Alessandri) đưa về qua biên giới ta ở cửa khẩu Ba Nậm Cúm và Giao Sơn. Đoàn quân này có đám xích hầu đi tiền trạm. Tiền đạo của chúng có 12 người trong tổ chức GMA, gồm một số Tây lai mật thám, một số Tây đoan thạo tiếng địa phương, và có cả đầm làm phòng nhì. Ở trong đoàn này có cả thằng con thứ ba Đèo Văn Long là Đèo Văn Phát, có cả con rể Đèo Văn Long là Louis Bordier mật thám, nguyên hạ sĩ pháp thủ thuộc địa, nguyên công chức ươm cây. Trưởng đoàn này là quan ba Boulet, trước làm đoan ở Điện Biên Phủ (và sau này lại làm đoan ở Hà Nội chiếm đóng để tư thông với Đèo Văn Long và các lái thuốc phiện lậu dùng tàu bay nhà binh tàu bay hãng buôn chở nhựa a phiến về Hà Nội). Tiền trạm chúng kéo đến Chiêng Nưa bên sông Nậm Na, tức là ngay chỗ ta vừa kiến thiết xã hội chủ nghĩa năm 59 xây mương phai công trường Phiêng Thín tưới nước cho mấy năm mẫu ruộng Thái.

Được tin quân Pháp tới, Đèo Văn Long cử người đem 50 lính dõng lên mặc cả với quan binh Pháp tại địa điểm Chiềng Nưa trên con đường số 111. Đèo Văn Long nhắc lại cái hiệp ước 1886 (do ĐèoVăn Trì đã kí) và nhắc lại người Pháp cứ cho "dòng họ Đèo chúng tôi" làm quan coi ba tỉnh Phòng Tô, Sơn La, Lai Châu. Nếu được như thế, thì cả họ "Đèo Văn Long chúng tôi" xin tích cực tiếp tế quân đội Pháp đánh Việt Minh. Quanba nhà đoan Boulet liền xuống ngựa bắt tay người đại diện Việt gian Đèo Văn Long, và lập tức cho điện đài hoạt động, đánh điện về

Hà Nội và sang Calcutta chỗ căn cứ của lực lượng Đờ-gôn. Có gì mà thực dân lại chẳng "đồng ý". Thế là ngày 6-2-1946, trước Tết ta mấy ngày, quân Pháp lại đóng đầy Lai Châu. Đoàn quân Pháp do trung tá Qui-lichini chỉ huy, đóng rải quân ở Lai Châu, chia làm mấy mũi. Một mũi đi xuống Quỳnh Nhai nhưng vấp phải lực lượng ta. Một mũi nữa tiến xuống quá Thuận Châu, đến Chiềng Pấc thì vừa lúc hiệp định "Mùng Sáu Tháng Ba" ách chúng lại và sau này chúng chọc luôn qua Sông Đà chiếm Nghĩa Lộ đầu 1947. Một mũi khác đi vào Điện Biên Phủ. Lúc này, Tàu Trắng đã tước khí giới toán Nhật Bản (đóng ở Đồi A bây giờ) xong xuôi từ lâu và quân đoàn 93 Tàu Quốc Dân Đảng ấy đóng ở Mường Thanh dưới quyền một sư trưởng người Quảng Đông. Chỗ Nhật nộp vũ khí cho Tàu Trắng là ngay chỗ nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên ta vừa xây đó. Thời này, Vệ quốc đoàn của ta cũng có một đơn vị nhỏ hoạt động quân báo quanh Điện Biên. Quân Pháp tiến vào gồm có lính Tây thuộc địa, khố đỏ Cát-dem Tông-ki-noa, lính Thái Trắng, tổng cộng 3 tiểu đoàn đi theo ba hướng khác nhau : đường Mường Tùng, Mường Pồn ; đường Tuần Giáo ; đường Suốc Gộp, Sông Mã. Mới đầu, Tàu Trắng đồng ý. Nhưng sau đó, vì vấn đề tiếp phẩm khó khăn, giành nhau quyền lợi trứng chuối vịt gà trâu lợn thức ăn hàng ngày mà hai bên đã xin lẫn nhau tí máu, và có những tiếng súng lẻ. Rồi đến tiếng súng to. Ta liền sử dụng thời cơ, cùng với đám Tàu Trắng đánh Tây. Đánh ở Noọng Hẹt từ lúc chưa tan sương cho đến chiều tối. Tây và ngựa Tây chết một số. Pháp đưa cờ trắng cho một lí trưởng Thái Đen cầm ra để Pháp xin nói chuyện. Người cầm cờ trắng cho Pháp lúc ấy là kì mục Ố người Noọng Luông. Ta đòi tước võ khí Pháp, nhưng Tàu Trắng không muốn thế, vì Tây vừa lễ quan Tàu sư trưởng hai bao tải giấy bạc Đông Dương. Thế là Tàu Trắng lật ra. Rồi Tàu Trắng vẫn đóng và Pháp rút ra Tuần giáo. Cho tới khi có hiệp ước 6-3-46, với bản phụ lục ngày 3-4-46 cho quân Pháp đóng quân ở những khu vực nhất định như Hải Phòng, Hồng Gai, sân bay Điện Biên Phủ, thì chúng mới vào lại Điện Biên. Thị trấn Điện Biên năm 1946 ấy trước khi có Nhật đến, có Tàu Trắng và thực dân trở lại, thì cũng na ná như quang cảnh ghi lại trong một bài báo cách đây một góc thế kỉ chia tư, bài ấy đăng từ 1935 (Bảo An Y báo số 15) dưới đầu đề *Hành trình từ Hà Nội đến Điện Biên Phủ* : " ... Dưới bóng trăng suông, xa xa thấy "đồn Điện Biên trắng toát ngất nghểu trên một trái

đồi. "Ngựa rảo bước, chỉ hơn một tiếng nữa thì đến Mường Theng (người Thái gọi phủ lị Điện Biên là Mường Theng). Làng Mường Theng có con sông Nậm Dôm chảy qua, chia đôi địa phận, người Thổ ở một bên, bên kia là trại lính, cùng nơi trú ngụ của người Khách và người An Nam. Nhà bưu điện ở sát trại lính, ngay dưới ta thấy một ngôi chùa, đi xuống mươi bước có con đường tắt sang làng Hồng Líu. Trên đường thẳng xuống thì đến phố Khách, quặt sang bên trái thì là chợ rồi đến phố An Nam (...). Bằng gạch thì chỉ có nhà trường và nhà thuốc thôi. Trông kể cũng buồn (...). Trong sân nhà nào cũng thấy vài chiếc yên thồ ngựa ngổn ngang (...). Trong khi đó, nước sông Nạm Dôm vẫn từ từ chảy, hai bên bờ là rừng cây với bãi dâu um tùm xanh biếc. Êm đềm lặng lẽ hết ngày ấy đến tháng khác, sông Nậm Dôm với người ở ven sông hẳn cũng một duyên một kiếp như nhau ..." (?!)

Nhưng thôi, hãy trở lại vấn đề Lai Châu khi Pháp kéo quân từ Trung Quốc về, đầu 1946, sau khi giặc ngoài và thù trong hai đám chúng đã xong xuôi giá cả với nhau. Người ta thường nói rằng diễn biến lịch sử không bao giờ lặp lại, nhưng ở giữa Lai Châu, họ Đèo đã bán đi bán lại Tây Bắc cho đế quốc Pháp tới hai lần, cũng vẫn bấy nhiêu con người đó buôn đất bán quê cho bấy nhiêu con người thuộc địa kia, và Đèo Văn Long đã làm lại cái việc mà trước đây 60 năm người cha y đã làm.

*
* *

Đèo Văn Long nói tiếng Tây vào loại sõi, và cũng có sang Pháp. Đặc thù của gia đình này là toàn gia đều nói tiếng Pháp, người không nói đúng mẹo Tây thì giọng giả cầy nói lối bồi. Nhưng nói chung là đều nói và nghe được. Một đặc thù nữa là con gái Đèo Văn Long, nếu không là tất cả thì tuyệt đại đa số đều là lấy Tây, không phải Tây xi-vin mà là quan binh quan biếc cả. Nàng xao luông (cô nàng cả) Đèo Thị Tọi lấy Louis Bordier sĩ quan Phòng nhì trong đoàn GMA về mặc cả đất nước Tây Bắc với Đèo Văn Long.

Đèo Văn Long thông gia với Tây giám binh Bordier bố, trưởng đồn đại lí Vạn Yên, hai đứa cùng uy hiếp một dải Sông Đà, đứa ở dòng trên

đứa ở dòng dưới, chúng cắt Sông Đà ra như cắt từng khúc cá sông mà chia nhau. Thằng Bordier bố, hồi Bắc Sơn khởi nghĩa, chính nó đưa khố xanh đi câu-lơn lên đánh nhau với Cứu quốc quân và chiếm lại Đình Cả Võ Nhai. Sau 9–3 Nhật lên bắt ở Vạn Yên đưa về Suối Rút đâm lưỡi lê vào sống lưng và hát xác ở bến phà Suối Rút.

Con giai Đèo Văn Long là Đèo Văn Tài, Đèo Văn Phát và Đèo Văn Ún. Đèo Văn Ún làm tri châu Điện Biên bàn giấy đặt ngay trên quả đồi cạnh đồi A, cho nên lúc đánh Điện Biên Phủ, bộ đội thường gọi cái đồi ấy là đồi Châu Ún. Quả đồi Châu Ún mà nay ta gọi tên khác thì vẫn còn, nhưng tri châu Đèo Văn Ún Việt gian phản động thì đã đền tội ở giữa cánh đồng Mường Theng rồi. Ở đây cũng cần mở một dấu ngoặc. Có một tên phản động nữa cũng tên là Đèo Văn Ún làm châu đoàn ở Lai Châu, chạy sang Lào đóng quan hai ở đồn Sốp Nạo cách Tây Trang biên giới ba chục cây. Mùa hè 1959, bộ đội Pa Thét Lào tiêu diệt Sốp Nạo và cũng giết luôn tên phản động này. Nghĩa là có hai tên Đèo Văn Ún và cả hai đều là phản diện cả và cái thiện đã thanh toán xong hai thằng ác nhân trùng tên nhau này.

Trong số con giai Đèo Văn Long, có tên Đèo Văn Phát là người ta hay bàn tán. Phát đóng qua ba coi tiểu đoàn lính Thái, nên thường gọi là Ba Phát. Trong việc Ba Phát lấy vợ và Ba Phát chết đều có âm mưu chính trị của Đèo Văn Long.

Trong hồi Tây Bắc hậu địch, thực dân Pháp âm mưu thành lập xứ Thái tự trị vào ngày 14-4-48. Liền sau đó, cố vấn chính trị Pháp là Digot và Ecarlat họp với các tỉnh trưởng phen kăm Lai Châu, Sơn La, Phòng Tô để chia khu vực cho từng người. Từ bờ phải Sông Đà tới bờ trái Sông Mã, từ Mộc Châu lên tới Tuần Giáo là đất riêng của Bạc Cầm Quý ; từ Nghĩa Lộ, Văn Bàn, Than Uyên đến Phòng Tô là đất của Đèo Văn Ân ; bờ trái Sông Đà từ Phù Yên kéo lên Lai Châu qua Quỳnh Nhai là giang sơn của Đèo Văn long. Giấy bạc xứ Thái thì in hình Đèo Văn Ân ; Bạc Cầm Quý làm phó vương, còn Đèo Văn Long thì là vua chính. Quân đội xứ Thái tự trị cả quần cả áo đều đen thui. Và cờ thì xanh lè có sao đỏ lừ mười sáu tua giải. Và nhiều kiểu cờ khác như cờ Sơn La nền đen hằn lên những hình vẽ như thêu ở các mặt đệm. Lính biệt kích thì cờ vuông, lòng cờ đỏ vàng cũng hình vuông gọi là cờ Nàng Han.

Đèo Văn Long được phong vua chưa bao lâu đã phá cả quan hệ tổ chức với phó vương Bạc Cầm Quý, trái với điều lệ Tây đã quy định cho. Vua chính đã cử lu bù các quan bang tá Thái trắng xuống cai trị Thái đen trong khu vực của vua phó Bạc Cầm Quý. Bạc Cầm Quý liền định cất quân lính Thái đen lên hỏi tội vua chính Đèo Văn Long. Tây thấy hai vua lục đục lại bày mưu. Nó mới xui Đèo Văn Long thông gia với Bạc Cầm Quý đi, cho con giai là Đèo Văn Phát lấy con gái Bạc Cầm Quý, để hai họ Thái trắng Thái đen ấy thành một nhà cho xứ Thái tự trị bền vững đời đời cùng với nước Pháp thực dân. Ba Phát xuống Sơn La làm rể, cả đại đội lính Ba Phát cũng xuống Sơn La ở gửi rể lấy vợ Thái đen. Cái trò này là một dịp để nông dân khổ, cả nông dân Thái đen Sơn La cũng khổ, cả nông dân Thái trắng cũng khổ. Lúc phò mã Ba Phát đưa công chúa về Lai Châu, phó vương Bạc Cầm Quý sức toàn tỉnh mỗi bản xã phải nộp một chăn một đệm bông gạo. Cũng như trên phía Lai Châu, quốc vương Đèo Văn Long xuống chiếu cho mỗi thần dân Thái trắng phải triều cống 50 bạc Đông Dương, một chai rượu một đôi gà thiến và cũng một chăn một nệm, để hoàng tử Ba Phát được thấy mình là một hoàng tử có hạnh phúc và được thần dân quý yêu. Và cũng từ cuộc cưới xin gả bán chính trị này, việc quan lại Thái trắng Thái đen muốn cử muốn bổ lên bổ xuống giữa hai vương quốc, đều từ đó dễ dàng thuận lợi vì nó hai chiều, quan đen lên nhậm vùng trắng và ngược lại.

Rồi đến việc Ba Phát chết và đám ma Ba Phát. Lần ấy quân ta tiến đánh phía châu Sìn Hồ, Đèo Văn Long bảo Ba Phát cầm quân lên giao chiến. Ba Phát trình bố : "Con không muốn mất xác ở Sìn Hồ, nếu có chết thì chỉ chết ở Mường Lay này thôi". Từ ngày đó, Đèo Văn Long nghi Phát có nhị tâm gì chăng. Đèo Văn Long vốn là một người rất nham hiểm và tính đa nghi đa sát. Đèo Văn Long bàn riêng với cố vấn Mĩ, và - theo lời nhiều bậc tuổi tác ở Lai Châu kể lại - cố vấn Mĩ nhận lấy việc trừ khử quan ba Đèo Văn Phát. Hai cố vấn Mĩ này lên nghiên cứu trận địa Lai Châu và hỏi Đèo Văn Long đặt mua những mẫu súng gì, lên bằng tàu bay và lúc về sẽ đi đường thuỷ về nghiên cứu Sơn La. Thuyền sáu bơi chèo to hơn cả thứ thuyền tải muối, sẽ qua Quỳnh Nhai, rồi đổ bộ đến Tà Bú, xe díp sẽ đưa từ bến Tà Bú vào Sơn La. Đèo Văn Long bảo Ba Phát đi bảo vệ hai cố vấn Mĩ xuôi thuyền, nhưng chính là giao con giai cho Mĩ thủ tiêu trên sông. Tiệc rượu cuối cùng trong đời

Ba Phát bày trong khoang đò và uống từ hai giờ chiều cho tới tám giờ tối vẫn chưa xong. Thì cái thuyền bỗng lái đúng vào xụ đá thác Hát Đản cách Quỳnh Nhai hai mươi nhăm cây. Xác Phát trôi luôn từ Thác Đản đến Thác Lá, hai cố vấn Mĩ bình tĩnh xuôi thẳng về bến Tà Bú, sau khi ghé Quỳnh Nhai ra lệnh cho bang tá ngược lên mà vớt xác. Ca-nô máy đưa xác Ba Phát về Lai Châu. Cái xác có một vết thương sâu tím to bằng hạt ngô. Bây giờ nhiều người còn nhắc lại cái vết thương rất đáng ngờ là vết đạn của thứ súng lục bắn đạn cấm của găng-xịt-tơ Mĩ, và không một ai ở Lai Châu tin vào cái thuyết Ba Phát bị ngã xuống Sông Đà khi thuyền đâm đá thác.

Để lấp liếm dư luận, Đèo Văn Long làm ma to cho Ba Phát, bắt dân phố và các bản đi đưa, đầu đám xuống đến phía cầu Bản Xá rồi mà đuôi đám còn ở bãi cát bến. Lại phát vải tang cho tất cả người đi đưa. Xác Phát đã quàn tại nhà một tháng, làm cơm cúng ma suốt một tháng, thịt cúng mổ hết gần ba chục con trâu. Quanh mả Ba Phát, túc trực một châu đoàn và một tiểu đội lính đăm gác suốt ba tháng. Trên mả đã rãy cỏ, vứt lên ba triệu đồng bạc Đông Dương tiền giấy thật. Bên cạnh mả, buộc một con ngựa sống, cái con ngựa Ba Phát hay cưỡi. Số bạc mưa nắng nát dần, và con ngựa chết rũ xương bên mả. Ai bén mảng đến nhặt bạc nát hoặc lấy trộm thịt ngựa, lính đăm được lệnh cứ bắn chết.

*
* *

Đèo Văn Long đục dân Thái trắng đến tận tuỷ, đẽo dân chỉ còn có xương, tính tham lam vô độ của Đèo Văn Long đã thành câu cửa miệng của người Thái, người Hoa kiều, người Kinh ở phố Lai Châu. Những cách vơ vét của Đèo Văn Long, đúng là những cách bòn đãi của giai cấp địa chủ, địa chủ đồng bằng và địa chủ đồng rừng cũng vẫn là một ruộc cả. Lại còn ăn chằng vay bửa là khác. Hồi Đèo Văn Long chưa làm vua, hồi nó còn cho thuê ngựa thồ trưng thầu chở bao thư và bưu kiện, nó lùn lùn beo béo hay đeo tiểu liên đưa cái đầu hói đi phất phơ ở phố ở các sòng tài sửu sóc đĩa ở phố, dật lửa nhà này nhà kia tiền để đánh bạc. Dù tiếng bạc thua hay canh bạc được, vua Đèo đều có tính quên nợ quỵt khéo, ai nhẵn nại hỏi thì nó sẽ thù, và kiếm chuyện. Lúc

nó làm quan to rồi tiến lên tới chức vua, thì sự lấy tiền nhân dân của nó lại càng đi vào mặt quy mô hơn. Nó hay bày ra giỗ tết để dễ thu tiền về. Nó sức cho châu Điện Biên phải nấu thứ rượu men giếng ớt và đoàn tải rượu sang cho nó đi đến hàng trăm người. Bàn đèn trăm cỗ bày la liệt khắp dinh cơ. Rồi băm thịt trâu sống ra làm món lạp chua. Khách khứa ở các bản gần xa, nhất là ở bên phố sang đều say khướt. Bây giờ họ Đèo mới cho giấu hết cả thuyền đò ngoài bến, để không ai về được, phải ngủ lại nhà nó. Đèn đuốc thắp thêm lên, liền giải thêm chiếu ra mà ít-xì sóc đĩa, kì cho thực khách cháy túi mửa khạc ra cho đến đồng tiền cuối cùng rồi nó mới trả thuyền đò cho mà bơi về. Người ta nói dinh cơ Đèo Văn Long là một nơi chứa thổ ép các cô xoè ngủ với Tây Tàu Mĩ tại chỗ, nhưng chính còn là một nơi đổ hồ nữa.

Đèo Văn Long có nhiều ấp trại quanh vùng. Trại giống cam ở Tịnh Túc. Ấp nuôi dê ở Pa Pho, ấp nuôi vịt ở Nậm Can. Trại nuôi gà giống mía ở Búng Đau, lấy tù ở trại giam ra làm. Mỗi gia đình Thái phải nộp một cân sâu chít cho nó ngâm rượu để cường dương tráng khí. Mỗi gia đình lại nộp một cân óc sấu để nó nấu dầu ăn. Ai nổ phát súng kíp bắn được con nai hay con gì, vua Đèo đã xuống chiếu sẵn để lấy ba đùi thịt. Người Mèo mỗi nhà mỗi năm phải nuôi không và mất không cho nó ba con lợn. Nó vốn ghét người Mèo ngờ vực người Mèo không đưa người Mèo vào hàng ngũ lính Lai Châu, nhưng nó cũng cứ cắt nghĩa là nộp lợn thì người Mèo không phải đi lính đi phu. Ai không đủ lợn, lấy mình ra thay lợn và đành làm lính Mèo, thì nó đày ra đóng ở những chỏm núi xa vắng nhất, không được lai vãng xuống lũng Thái. Mèo còn phải đóng thuế thuốc phiện, mỗi cân thuốc phiện phải nộp hai lạng rưỡi. Trên rẻo cao người không giồng cây thuốc phiện nào, thì nộp thuế khoán là năm lạng. Nó còn ăn chặn thuốc của người buôn, ăn lễ của người buôn. Buôn một triệu hàng đen này, nó lấy tươi năm mươi vạn đồng Đông Dương. Vua Đèo còn lật lọng quan Tàu Tưởng cứ hàng trăm nén dựa, còn ăn thông lưng cả với quan Pháp về những chuyến tàu bay a phiến bay về Hà Nội. Mỗi lần Đèo Văn Long đi tàu bay về Hà Nội mà nó nói là đi họp hội đồng, thì mỗi đầu người nông dân Thái lại bổ nhau ra mà chịu thêm 50 đồng Đông Dương gọi là góp vé máy bay hội nghị. Cả bố cả con luân phiên nhau luôn luôn lấy vé tàu bay đi họp hội đồng, nhưng thực ra là đi mua súng đi đổi thuốc phiện. Nó còn ăn chặn tiền

tử tuất của vợ lính Thái, và khấu vào lương lính Thái ở trong biên chế lính Bảo Đại mà nó khai tăng lên.

Bên cạnh lâu đài họ Đèo, có một cái nhà tù, lúc nào cũng đông đủ 400 người tù nửa Thái nửa Kinh. Đấy là những nhân công xây nhà cửa cho Đèo Văn Long. Con số 400 ấy, có ai chết đi vì lẽ này lẽ khác thì bên đồn Pháp lại bổ sung cho nó. Đèo Văn Long, xuyên qua bàn tay tri châu Điện Biên là Đèo Văn Ún, bắt hàng trăm người Thái đen Điện Biên sang làm nhà cho Thái trắng. Cái nhà lầu mái tôn Mĩ ấy, móng phải đào vào đá tảng đen đá tảng xanh sâu xuống ba thước, mỗi thước đá là một xác người Thái đen Điện Biên.

Đèo Văn Long ghét Mèo, ghét Kinh, ghét cả Thái đen, chỉ thân với Pháp với Mĩ thôi. Đối với người Kinh, Đèo Văn Long rất tàn nhẫn. Chính nó đã bày vẽ cho bang trưởng người Kinh phải ngược đãi tất cả những người Kinh tha phương cầu thực lên Lai Châu. Cứ bén mảng lên, là tống cổ về, có người lò dò lên ba mươi Tết mà nó trục xuất bắt phải đi ngay và vượt ngay đèo Cờ-la-vô. Có khi nó còn ác hơn nữa, nó không cho đi trở lại con đường mình tìm lên, mà nó bắt đi vòng đường Phong Xa Ly Sầm Nưa mà về. Cho nên vô khối người trục xuất đã là người chết đường chết rừng chết suối. Hồi vua Bảo Đại lên thăm vua Đèo Văn Long (vì Tây muốn thế), phó tỉnh trưởng Lai Châu gọi thợ mộc dưới phố lên làm cửa ngõ cho cái chuồng xí. Bảo Đại ỉa xong ở Lai Châu ba lần rồi xuôi, bác thợ mộc đòi tiền công mãi không được, và Đèo Văn Long đã bảo : "Đấy là vua mày chứ không phải vua tao. Về xuôi mà đòi vua mày". Kết luận mẩu chuyện này, một bác chuyên đánh bẫy hổ bán xương cho mậu dịch ở phố, đã nói buông câu rằng nó bày ra lắm vua xuôi vua ngược cho nên mới khổ đến những người Kinh làm đồ gỗ.

Đèo Văn Long ở một bên bờ sông, công đường đặt ở một bên bờ sông đối ngạn, vợ cả để ở tả ngạn, vợ lẽ để ở hữu ngạn, và những người vợ một đêm thì bỏ rải rác ở khắp lưu vực Sông Đà. Nó có một cái bến riêng, ai nhỡ tắm nhầm giặt nhầm vào địa giới bến vua, thì vua đánh chết và nhẹ thì bắt tội. Vua ngồi ngựa từ vọng lâu bốn chữ đề : "Lai Châu đạo tứ" xuống một trăm cái bực bến. Hàng chục cô xoè lúc này đã chuyển thành con ở giặt rũ quần áo cho cả nhà vua ở bến đá, liền

dẹp ra quỳ cả bên đường, cúi mặt xuống để vua đi khuất rồi mới dám ngẩng lên. Nó bắt làm như thế cho nó đúng lễ phép đối với nhà vua, nhưng có người lại bảo là các cô-xoè-con-đòi ấy tởm ghê cái mặt thằng bạo chúa không râu mép không râu cằm đã hiếp dâm nghệ thuật đêm nào, nên họ đều tránh mặt không nỡ nhìn. Nó xuống ngựa, người đỡ cương ngựa người xốc nách vực nó xuống phà máy xuồng máy ; sang bên phố, lại người xốc nách mà dìu lên xe díp. Nó đi qua phố lên công đường đặt trên đồi quan Tây đóng đồn, dân phố bạt cả ra hai ven đường, phụ nữ quỳ gối xuống vệ đường, gỡ nón cúp tát ra, và nếu mưa. cũng mặc mưa, chạm phải vía nó là phải bỏ hết mũ nón nghiêng hết ô. Ai vào buồng giấy nó, phải tụt giầy xéo lấm. Có súng lục phải tháo ra để ở cửa ngoài. Đèo Văn Long biết mình gây nhiều oán giận, nên hay sợ chung quanh giết mình. Duy chỉ có một mình châu đoàn Khạt là dám mang súng nghênh ngang tự tiện vào thẳng tới nơi (châu đoàn Khạt sau làm trùm thổ phỉ và ta tóm được ở mặt trận Điện Biên).

*
* *

Người bạn đọc thân mến của tôi hẳn đã có dịp vào thăm cái dinh cơ Thái Hà Ấp cách Hà Nội năm cây số của một tên địa chủ quan lại giết hại không biết bao nhiêu người ái quốc phong trào khởi nghĩa Văn thân để lập công với Tây. Nếu chưa đến xem cái "sự nghiệp" ấy thì ít ra cũng đã nghe nói đến "cụ Quận" Kinh lược Bắc Kì "có công dẹp giặc Bãi Sậy cho nhà nước Bảo hộ". Ấy từ phút sang ngang bến phố Lai Châu, đặt chân vào nhà Đèo Văn Long, nghĩ đến lai lịch hành tung Đèo Văn Long nhìn đến dương cơ của hắn, mà tôi cứ luôn luôn liên tưởng đến Hoàng Cao Khải. Đây cũng là một cái Thái Hà Ấp... miền núi. Đây là một khu vực riêng của Đèo Văn Long, nhà vua cha ở giữa, nhà các con ở quanh, và chung quanh tất cả là những ngọn tường, tường hoa cũng có lỗ châu mai ở trong bắn ra được, như kiểu đại địa chủ phong kiến võ trang nước Tàu cũ. Một đoàn ngựa thồ tải vải súc và thực phẩm của mậu dịch chuyển hàng lên Mường Tè đang lóc cóc gõ móng quanh co dãy tường hoa. Giá mà chưa có giải phóng Tây Bắc, thì đừng có hòng lóc cóc tung tăng ve vẩy trên lối đi này. Bởi vì đây là khu "rừng cấm"

khu riêng của Đèo Văn Long. Và hai cái bản Bản Trợ và Bản Trang ở gần nhất khu rừng cấm này rút cục lại cũng chỉ là hai cái kho nông nô cung cấp đầy tớ con hầu không công cho cả nhà vua Đèo.

Tôi qua khu vọng giang lâu, bước vào vườn quả. Ở "ngự uyển" này, có đủ các thứ cây ăn quả, có thể nói dưới đồng bằng có thứ quả gì thì nơi đây có đủ thứ câu ấy.

Lâu đài dựng sát bờ sông, móng tường móng nhà đặt ngay trên đá đen bờ trái Sông Đà, và ở một ngã ba sông trông xuống bãi cát sông Nậm Na. Kiểu đất phong thuỷ này, Đèo Văn Long tin tưởng là kiểu đất phát tích đế vương. Đèo Văn Long xây mả Đèo Văn Trì ở ngay mỏm sông. Thầy Tàu địa lí Sần Pỉnh Coóng tìm mãi mới chọn được thế đất ấy để cắm cho Đèo Văn Long vừa ý. Nay ta đặt trạm thuỷ văn khí tượng ở đó.

Có lẽ tôi không chụp ảnh những chi tiết lâu đài, mà tôi chỉ muốn nói đến cái sàn múa dựng ngay trên một cái nhà hầm gian tù của Đèo Văn Long. Phải, đúng thế, tầng dưới là nhà ngục, tầng trên là nhà nhảy đầm. Tầng trên đủ tiêu chuẩn và tất cả những phụ tùng để nhận ngay ra là một cái gác chơi, và tầng dưới là một nhà ngục chìm có đủ những chi tiết kiến trúc chia ra những bệ xi-măng chia ra từng ô từng góc từng buồng giam, không khí chỉ lùa vào một lỗ nhỏ ở phía trên cùng. Những cán bộ địch hậu Quỳnh Nhai, Lai Châu không kể người Thái trắng, Thái đen hoặc Kinh, trước khi bị mất tích, đều đã có nằm qua ở cái tầng chìm nhà vũ sảnh này.

Nhà múa do Tây lục lộ đốc công làm, giữa sân bắc vạc dầu sôi sình sịch để luộc gỗ rừng ghép ván sàn. Sàn gỗ ngâm dầu luyn sau này soi gương được, và bốn bánh tròn cái xe chở hàng trăm chai rượu khác nhau cứ lăn tít cù đèn từ quan cố vấn chính trị Pháp đến đại tá cố vấn Mĩ, từ vua Đèo Văn Long đến thái tử đến công chúa, đến phò mã Tây lai phòng nhì, đến tất cả cái triều đình sơn lâm của Đèo Văn Long. Bảo Đại đã nhảy ở sàn này, đao phủ thủ Nguyễn Văn Tâm cũng đã nhún gối đánh cùi chỏ ở sàn này. Nhiều thứ quan võ quan văn và tướng tá đế quốc phong kiến sau này tan xương ở trận Điện Biên Phủ cũng đều đã từng múa và chơi cả con múa ở ngay sàn gỗ này. Tuần lễ nào, Đèo Văn Tài cũng tổ chức múa nhảy. Nhà múa còn là phòng hội đồng bàn về

quân sự về kinh tế về chính trị về tội ác về giết người, những người đang bị giam giữ tra tấn ngay dưới chân họ, nghĩa là cách nhau chỉ có một lần ván luộc vạc dầu, mà trên là một thế giới, dưới là một thế giới, cái thiện và cái ác cùng ở luôn dưới một mái nhà và đèn điện ống tuýp và hương phấn lại trùm lên tội ác ngự nhà lầu. Tôi đã xuống cái tầng nhà giam để thử nghe những tiếng động của nhà nhảy đầm trên đầu những người tù. Cái lỗ thông hơi từng buồng như cái lỗ mũi con rùa đất, cái lỗ thông hơi ngang tầm với cái sân gạch hoa ở ngay ngoài sàn múa. Một người vừa nhảy múa xong, ra sân hóng mát, có thể thúc cái gót giầy đẫm mồ hôi mình vào giữa cái cửa sổ duy nhất của người tù để cho người tù khó thở thêm trước khi bị thủ tiêu.

Hiện nay trên sàn gỗ này là những đống cứt ngựa không rõ của ngựa ai, nhưng chính ở cái nhà sàn nhảy múa quỷ sứ này, trước đây đã có những bàn bạc giá cả về súng ống đạn dược, đã có những cuộc chia tiền chuyến thuốc phiện máy bay thông lưng, đã có những âm mưu chính trị, đã có tiếng nói của cố vấn Mĩ bàn về mở rộng con đường rừng để đánh sang Lào Cai, và nhiều thứ chuyện bẩn thỉu độc địa khác. Tôi đứng trên sàn gỗ ghép mà đầu óc cứ miên man nghĩ về những tâm trạng cán bộ nằm ở ngay cái tầng dưới kia ngày ngày đợi nó vứt xác mình xuống Sông Đà và đêm nào cũng nghe nó cười hát ở ngay trên đầu mình. Ở đây đã có những đêm nhảy múa cuồng dâm ồ ạt, và cũng ngay ở đó, cũng đã có những đêm giết người vắng vẻ âm thầm. Những tảng đá đen đầu cổng nhà Đèo Văn Long đã có những lúc lênh láng máu người. Nước sông Nậm Na thúc ra Sông Đà, ngã ba sông cuồn cuộn réo và xô vào đá giữa sông. Giữa sông có một gộc đá, mà nhà họ Đèo gọi là Hòn Ngọc. Hòn Ngọc ấy cũng tím bầm những máu cũ. Không thể nhớ hết được những vụ mổ bụng người lấy gan người trên tảng đá này. Mỗi lần họ nhà Đèo Văn Long cúng lễ, lại lấy tù đưa ra đấy mổ bụng moi gan ăn sống. Đèo Văn Long thường chỉ lấy những tù người Xá người Kinh. Trên Hòn Ngọc ấy, đã có những án giết người vào những dịp Đèo Văn Long tế cờ để xuất quân cho những đơn vị áo đen quần đen đội ngũ nó.

Tôi đứng ở bến nhà Đèo Văn Long, cố nhớ lại cái khuôn mặt tên chúa đất Việt gian khát máu người. Một cái mặt lợn rừng phì phị mà tôi đã trông thấy trên một tấm tranh xém lửa nhặt được trong một nhà hội tề năm 1949 bộ đội ta tiêu diệt những đồn Đại Bục Đại Phác phía

trong Sông Thao. Trở lên cái sàn gỗ khiêu vũ, tôi muốn tìm một cái chổi để quét sạch những đống phân ngựa rêu xanh đi. Không, cái lâu đài này giờ vẫn có tác dụng. Giờ là của chung của nhân dân. Cần phải bảo quản. Có thể dùng làm nhà bảo tồn bảo tàng Cách mạng của Lai Châu Quỳnh Nhai. Hoặc sửa sang làm một nơi an dưỡng. Và có thể dùng làm bài trí cho một cuốn phim truyện, nếu một lúc nào đó, điện ảnh ta cần dựng một phim truyện "Bạch mao nữ" miền núi Việt Nam.

Lời bình

Tuy chỉ là việc thuật lại, kể lại một bản lí lịch "tên chúa đất Việt gian khát máu người" nhưng bài tuỳ bút pha bút kí này vẫn thể hiện rõ cái độc đáo của ngòi bút viết kí bậc thầy Nguyễn Tuân. Đối tượng "khảo cứu" của nhà văn ở đây không phải là đỉnh cao của cái đẹp ở Tây Bắc như vẻ đẹp tuyệt vời trữ tình của con sông Đà hay tài nghệ leo thác vượt ghềnh đến mức nghệ thuật của ông lái đò, mà là ngược lại, ở tận cùng của cái ác : vua Đèo Văn Long.

Một đặc điểm rất riêng trong tuỳ bút Nguyễn Tuân là luôn nhìn sự vật ở chiều lịch sử, sự vật luôn được đặt vào thời gian ba chiều (quá khứ, hiện tại, tương lai) để mà suy ngẫm, liên tưởng, để mà phân tích, có khi theo lối "chẻ sợi tóc làm tư" cụ thể, tỉ mỉ để người đọc phải kinh ngạc về vốn hiểu biết sâu sắc của người viết về đối tượng. Bài kí mở ra một hiện tại Tây Bắc "đẹp lắm" và một tương lai đầy hứa hẹn "mỗi ngày mỗi sáng thêm ra", cuối bài lại trở về thời hiện tại cùng với điểm nhìn cụ thể của "tôi" ngẫm suy về cái xấu trong quá khứ. Cái xấu ấy được nhiều người kể lại còn nhà văn là người nghe, rồi những con chữ đã được khúc xạ qua sự "lắng nghĩ" của nhà văn mà chảy tràn ra trên trang giấy. "một tí về lịch sử" tức là người viết đã mượn một cái "phông" lịch sử Tây Bắc trước 1954 để "đóng đinh" vài cái "phông" đó "một bản lí lịch" đáng lên án. Bài kí là một bản kể tội mà người kể đã thay mặt nhân dân Tây Bắc kể tội ấy ra để người người nguyền rủa "cái xác chết của dĩ vãng Tây Bắc" : cha con Đèo Văn Long. Tội lớn nhất của "vua Đèo" là tội bán nước, tội chống lại cách mạng, rồi tội giết người, tàn nhẫn hơn cả thú vật khi giết ngay cả con đẻ,

tội vọng ngoại, sùng ngoại, quên đi nguồn cội dân tộc, tội bóc lột dã man... Và có lẽ chỉ có Nguyễn Tuân mới nhìn thấy tội "hiếp dâm nghệ thuật" của tên vua hiếu sát hiếu sắc này. Đèo Văn Long chồng chất tội ác, trở thành "một cái xấu có tên có tuổi" thế mà "cái xấu ấy đã được Tây phong vương cho". Tức là Nguyễn Tuân đã hạ bệ, đã kết án một lúc cả hai cái xấu, cái xấu của quan thầy Tây còn bẩn thỉu hơn, ghê tởm hơn nhiều cái xấu của Đèo Văn Long.

*Nội dung bản kể tội "vua Đèo" đã đậm chất Nguyễn Tuân, ở góc độ hình thức thì cái độc đáo cũng rất rõ. Thứ nhất là ngôn ngữ cực tả, tả cái xấu ở mức tận độ thì ứng với nó là một thế giới màu sắc ma quái, tả nhà và quân lính của vua Đèo thì phải là "xám lạnh, xám tái, đen thui, xanh lè, đỏ lừ, tím bầm ..." Tả người (vua Đèo) lại tả bằng ngôn ngữ tả con vật : "một cái mặt lợn rừng phì phị" ... Thứ nữa là ngôn từ mỉa mai : "*băng hà *về mặt chính trị", "*uy hiếp *một dải sông Đà", "có* nhị tâm *gì chăng", "hiếp dâm nghệ thuật" ... mà đặc điểm của nó là dùng từ Hán Việt có sắc thái trang trọng vào lời văn mang tính khẩu ngữ thông tục để bật ra chất muối hài, câu văn cứ "giãn nở", "co duỗi" giữa hai màu sắc tu từ đối chọi nhau. Thứ ba là hình tượng luôn có xu hướng được cụ thể hoá làm cho câu văn giàu chất tạo hình, cụ thể, người đọc cứ như "sờ mó" được : "hai đứa cùng uy hiếp một dải sông Đà, đứa ở dòng trên đứa ở dòng dưới, chúng cắt sông Đà như cắt từng khúc cá sông mà chia nhau", "Bảo Đại ỉa xong ở Lai Châu ba lần rồi xuôi" ... Tiếp đó là những liên tưởng rất Nguyễn Tuân, đang "khảo cứu" đối tượng Đèo Văn Long, tác giả liên tưởng rất tự nhiên : "Những cách vơ vét của Đèo Văn Long, đúng là những cách bòn đãi của giai cấp địa chủ, địa chủ đồng bằng và địa chủ đồng rừng cũng vẫn là một ruộc cả". Cuối cùng là sự sáng tạo từ mới của Nguyễn Tuân khi nhà văn đưa hai chữ "dật lửa"(với nghĩa : vay tiền rồi trả ngay) vào kho từ vựng tiếng Việt : Hai chữ này được ông sáng tạo trên cơ sở nghĩa của hai chữ "vay nóng" trong dân gian. Nhà văn cũng không chịu dùng lại từ đã quen nhàm, người ta nói "một phần tư thế kỉ", cũng cái nghĩa biểu đạt ấy, ông có một vỏ ngôn ngữ khác : "một góc thế kỉ chia tư" ...*

Văn là người, văn là phong cách. Điều ấy thật đúng với Nguyễn Tuân !

Nguyễn Thanh Tú

Hoàng Quảng Uyên

(Dân tộc Nùng)

Tên khai sinh : Hoàng Quảng Uyên. Sinh ngày 27 tháng 9 năm 1950.

Quê quán : Xã Quốc Phong, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản : *Kim Đồng* (1996) ; *Buồn ... vui* (kí, 1996) ; *Một mình trong cõi thơ* (kí, 2000).

Giải thưởng văn học : Giải B (không có giải A) thi kí đề tài Đại học, Trung học chuyên nghiệp 1988 ; giải thưởng kí 1997 Đài tiếng nói Việt Nam ; giải C (tập *Buồn ... vui*) 1999 của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

HƯƠNG DẺ

Quả thật, trời đã ban tặng cho Trùng Khánh không ít báu vật, mà một trong những báu vật ấy là hạt dẻ "Mác Lịch" – Từ "quả" nghe đúng và sang hơn từ "hạt" bé nhỏ, lọ lem ! Nhưng thôi, chẳng mất thì giờ mổ xẻ làm gì, đang mùa hạt dẻ chín rộ hãy đi mà thưởng thức và suy ngẫm.

Trên "con" WIN màu xanh, Phó chủ tịch huyện Hoàng Đức Nguyên và tôi rong ruổi trên những con đường trong vùng trọng điểm dẻ Trùng Khánh : Nà Sơn, Pò De, Phja Bó, Cô Bay, Nà Mần... Những nơi đường làng băng qua vườn dẻ, tôi cứ bấm sườn người cầm lá : "Cẩn thận, phải gai dẻ là bại !" – Quả dẻ, cả thứ còn hạt và thứ chỉ còn vỏ gai rụng đầy vườn, mùi thơm dịu, béo ngậy dậy lên, phảng phất một vùng. Đến vườn nào cũng muốn dừng muốn ngắm. Chúng tôi tạt vào một nhà ở Khưa Khảo, chủ nhà vừa ở ngoài đồng về, chưa vội mời khách uống

nước mà ra vườn nhà lượm đầy một sọt quả mang về bóc tách lấy hạt, những hạt dẻ đen nhánh, to mẩy, dấu hiệu của sự già dặn, trông thật thích mắt. Nồi nước vừa kịp sôi ông bỏ hạt dẻ vào đun nhỏ lửa chừng hai mươi phút sau lạ được một thứ hạt dẻ luộc vỏ vẫn đượm màu. Đem rang khô nữa là xong. Bữa "chiêu đãi" dẻ vườn nhà và thứ rượu cất từ gạo V10 của Thái Bình làm cho tôi chẳng màng tới bữa cơm thịt gà của ông chủ Khưa Khảo dọn ra ngay sau đó. Đến tận lúc ấy, tôi mới hiểu thêm giá trị của sự trinh nguyên, bởi thứ hạt dẻ vừa mới hái từ trên cây xuống, vượt xa về độ bùi, thơm và tươi màu so với thứ hạt dẻ bày bán ở chợ, là thứ đã hái từ dăm bảy ngày hay nửa tháng. Mới hay vua, chúa ngày xưa thưởng thức hoa quả là thưởng thức những thứ còn trinh nguyên : quả hái từ vườn quả quý phải dùng ngựa trạm phi không nghỉ, kịp dâng vua, khi quả còn nguyên tuyết và cành lá còn đọng sương đêm.

Đấy chỉ là một cách ăn theo kiểu dân dã, trên cuộc sống hái lượm một bậc. Không chỉ có vậy người Trùng Khánh còn trộn nhân hạt dẻ với cốm tạo nên một thứ cốm đặc sản. Giả sử có cuộc thi cốm ngon không hiểu rồi cốm hạt dẻ Trùng Khánh hay cốm làng Vòng sẽ chiếm ngôi đầu bảng trong các làng cốm nổi tiếng nước Nam mình ! Dư âm còn lại của một lần ăn cốm hạt dẻ Trùng Khánh cho tôi giả định ấy.

Và đây là một cách ăn hạt dẻ nữa : Hạt dẻ ninh chân giò, cách làm cầu kì lắm, còn làm giản đơn thì thế này : Chọn loại chân trước của con lợn tầm sáu bảy chục cân trở lại, lợn lai trên tạ là vứt.

Đem thui chân giò tới độ, cạo sạch khi nấu còn vương một chút hơi khói. Thịt chặt chân chì, bỏ bớt phần mỡ, ướp gừng, rượu và một chút nghệ để tạo mầu. Hạt dẻ khô, tách vỏ, rửa sạch cho vào ninh lẫn. Cho thêm một ít "mác mật" khô, nhưng đừng để vị "mác mật" át vị hạt dẻ mà chỉ đủ tôn thêm vị của thứ hạt quý phái đó ... "Đấy chỉ có thế, nhưng ăn nhau ở tỉ lệ và thời khắc" nghe một ông nghệ thuật ẩm thực hẳn là trên tài giao tế phán như vậy ; Tự nhiên những món thịt gà luộc, vịt quay, cá dim cà chua, măng nhồi ... Ở một nơi vào loại sang nhất tỉnh bỗng trở nên nhạt thếch. Đành rằng mỗi một nơi có một cách làm. Nhưng phong cách riêng ở ta còn lâu mới có.

Đôi điều lan man, nói qua cách ăn cho vui. "Trước đây là vậy, nhưng nay phải khác – Dẻ Trùng Khánh phải trở thành một thứ hàng hoá có

giá trị kinh tế cao". Hoàng Đức Nguyên nói vậy khi trở lại Văn phòng uỷ ban nhân dân huyện – Thời thịnh vượng, Trùng Khánh đã có 450 ha dẻ được thu hoạch, nhưng sau bảy chín, dân chặt phá chỉ còn hơn trăm ha. Sản lượng năm 1998 cũng chỉ đạt gần một trăm tấn. Kế hoạch đến năm 2000 Trùng Khánh phải có từ ba đến năm ngàn ha dẻ. Đó là con số lớn so với một trăm ha khởi đầu.

Ngành nông, lâm nghiệp huyện đã có kế hoạch cụ thể để trồng mà kinh phí chủ yếu dựa vào chương trình 327 và chương trình 06. Khâu đầu tiên là giống, tưởng đơn giản nhưng gian nan lắm. Kinh nghiệm dân gian là chọn quả có 3 hạt lấy hạt giữa ươm trồng sẽ được cây tốt sai quả, sau từ năm đến bảy năm, những quả ba hạt ít lắm, không thể đủ để làm giống được. Nếu gieo ươm đại trà, chắc chắn sẽ đủ cây giống nhưng kết quả là ta sẽ có những rừng dẻ, vườn dẻ để khai thác gỗ, chứ không thể có những vườn dẻ có quả. Vấn đề đặt ra là cần thiết có giải pháp. Thì đây, giải pháp kĩ thuật của Trùng Khánh là cấy ghép ! Lấy hạt của dòng cây sai quả gieo ươm rồi lấy mắt của cây sai quả ghép vào gốc cây con, đảm bảo tính di truyền. Cán bộ kỹ thuật của Trùng Khánh đã nghiên cứu làm thử nhưng tỉ lệ đạt thấp, sau có mời chuyên gia Hội làm vườn, học hỏi, tham khảo kinh nghiệm kĩ thuật lai ghép chỗ chị Nương, chị Bình, tỉ lệ có cao hơn nhưng số lượng chưa nhiều. Để đảm bảo đủ giống có chất lượng cao, đòi hỏi sự cố gắng vượt bậc của các cấp lãnh đạo, các ngành nông lâm nghiệp Trùng Khánh, khó khăn sừng sững trước mặt, day dứt lắm, trăn trở lắm.

Hạt dẻ giống như một cô gái đẹp – mà đã đẹp thường là kiêu kì, đỏng đảnh, khó chiều. Trái ý một tí là hỏng ăn ! Bảo quản hạt dẻ sau khi thu hoạch cũng vậy. Chợt nhớ một đận, cơ quan có việc đi "quan hệ" ở Hà Nội, anh em bàn nhau kiếm món quà gì có ý nghĩa ! Thổ cẩm, mật ong, rượu tắc kè ... bàn mãi chưa ngã ngũ, chợt cô hành chính kêu lên : Hạt dẻ. Tất cả à lên nhất trí. Lập tức các cô nhao ra chợ, rồi luộc, rồi đóng gói kịp cho sáng hôm sau đoàn lên đường. Đến Hà Nội, sau mấy ngày họp hành mới có thời gian đi thăm và tặng quà. Lúc giở các túi quà ra thì ôi thôi, hạt đã biến màu thâm xỉn, mùi thơm không còn mà ngược lại. Hú vía ! May mà chưa đem biếu ! Vì vậy cùng với việc gieo trồng và chăm sóc cần tính đến công nghệ bảo quản. Thời vụ thu hoạch chỉ là một tháng, cần phải bảo quản để dùng trong một năm, đó

là bài toán cần có lời giải và đây là lời giải của Trùng Khánh có tên gọi : *Dự án phục trạng, phát triển cây dẻ bảo quản và chế biến hạt dẻ.* Phó chủ tịch huyện Lý Thiếu Kiếm là người chịu trách nhiệm chính cùng Sở Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp lập dự án. Theo dự án đó, tập đoàn áo Việt sẽ bao tiêu toàn bộ sản phẩm, bước đầu họ sẽ viện trợ không hoàn lại 20.000 USD. Vậy là hướng đã mở – Nhưng rộng hay hẹp còn do người khai phá nữa.

Chủ tịch huyện Phương Tiến Châu, trước sau vẫn là con người thực tế. Đang đàm đạo về hạt dẻ, anh bỗng tạt ngang qua cây đỗ tương và cây ngô : sản lượng đỗ tương năm nay Trùng Khánh ước tính đạt chừng một nghìn tấn, còn ngô là tám nghìn tấn. Đỗ tương và ngô của Trùng Khánh cứ ùn ùn chảy về xuôi. Nhìn mà xót. Giá như Cao Bằng có một cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm thì giá trị kinh tế của hạt đỗ tương, hạt ngô và đặc biệt là hạt dẻ sẽ được nâng cao. Ý tưởng về một cơ sở chế biến như vậy (mà xưởng chế biến hạt dẻ là một bộ phận) đã có trên bàn Chủ tịch huyện lâu lắm rồi. Các cấp lãnh đạo của tỉnh cũng có ý tưởng ấy, nhưng hiện thực vẫn chưa thể cầm nắm, bởi một tỉnh giàu truyền thống cách mạng mà nghèo về kinh tế như Cao Bằng có biết bao dự án, mà dự án nào cũng cần làm ngay ! Nhiều xí nghiệp, nhà máy lớn có số vốn gấp hàng trăm, hàng ngàn lần đã và đang xây dựng, tiền của cứ đổ vào mà hiệu quả kinh tế còn xa tít mù tắp, xót tiền dân lắm lắm. Chắc hẳn Trùng Khánh sẽ không đi theo vết xe đổ nhưng bằng cách gì để có một cơ sở chế biến với quy mô phù hợp. "Liệu cơm gắp mắm" – Câu thành ngữ ấy vẫn là bài học của ngày hôm nay.

Đi trong chợ phiên Trùng Khánh giữa mùa hạt dẻ, ồn ã tiếng chào mời, tiếng đếm hạt dọc các dãy phố, hương dẻ nhẹ bay dìu dịu tôi như thấy lại hình bóng các cô gái hái dẻ thấp thoáng dưới tán rừng dẻ bạt ngàn với nụ cười lúng liếng, sơn cước. Cùng với dư âm hương dẻ là kỉ niệm về thác Bản Giốc hùng vĩ, hư ảo và câu thơ mênh mang của nhà thơ họ Hoàng" :

Chợ Cô Sầu, nhưng em không sầu
Anh đợi em hoài, em ở đâu ?

Chợ Cô Sầu - Mùa hạt dẻ - 1998

Lời tình

Hương Dẻ *là một tập kí chân thực, sinh động và hấp dẫn về cuộc sống của cây dẻ và người trồng dẻ ; giá trị và tiềm năng độc đáo, đặc biệt của hạt dẻ Trùng Khánh.*

Hạt dẻ Trùng Khánh được ví như một cô gái đẹp, "mà đã đẹp thường là kiêu kì, đỏng đảnh, khó chiều".

Cái "đẹp" của dẻ Trùng Khánh chính là độ bùi, thơm ngon và tươi mới của một thứ quả trinh nguyên. Hương vị dẻ đọng lại thành một miền nhớ khi ta một lần được thưởng thức nó trong những món ăn từ đơn giản, dân dã (chỉ trên cuộc sống hái lượm một bậc) cho đến những món ăn được chế biến cầu kì, phức tạp. Dư âm của hương vị "quý phái" ấy cứ cuốn lấy ta tưởng như có thể làm nhạt thếch tất cả những sơn hào hải vị khác.

Tuy nhiên, hạt dẻ độc đáo bao nhiêu thì nó lại cũng "kiêu kì" bấy nhiêu. Đằng sau hương vị thơm ngon tuyệt vời ấy của hạt dẻ là vị mặn của mồ hôi và công sức người lao động. Những con số cụ thể, chính xác về quá trình khôi phục, gieo ươm, lai tạo, cấy ghép cây dẻ để tạo ra năng suất và giá trị cao đã cho thấy những khó khăn, những day dứt, những trăn trở và cả những cố gắng vượt bậc của người trồng dẻ và ngành nông nghiệp Trùng Khánh. Cây dẻ phải trở thành thứ hàng hoá có giá trị kinh tế cao. Đó là mục tiêu trước mắt. "Dự án phục trạng, phát triển cây dẻ, bảo quản và chế biến hạt dẻ" vẫn đang là một ý tưởng trong rất nhiều ý tưởng hay của một hiện thực : một tỉnh giàu truyền thống nhưng nghèo về kinh tế. *Vết xe đổ của những dự án quy mô mà tỉnh đã thực hiện gieo vào tâm khảm mỗi người lời cảnh báo, lo lắng và hy vọng đan xen.*

Tác giả không viết nhiều, chỉ là một vài dự cảm song đây chính là vấn đề khá bức xúc hiện nay. Thực trạng phát triển kinh tế miền núi, những dự án đầu tư một cách ồ ạt và tốn kém song không đem lại hiệu quả kinh tế đang là bài toán đau đầu cho những người tổ chức. Liệu cây dẻ, hạt dẻ và cái hương trinh nguyên, quý phái của nó có trở thành một sản phẩm có giá trị đặc biệt hay mãi chỉ là cái dư âm hư ảo, mênh mang ? Câu hỏi đang chờ lời giải đáp và sự trải nghiệm của những thất bại, mất mát sẽ là bài học để mỗi chúng ta có quyền hy vọng ...

Cao Kim Lan

Hà Thị Hải Yến

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hà Thị Hải Yến. Sinh ngày 10 tháng 2 năm 1969. Quê quán : Xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản :

Cổ tích tình yêu (thơ, in chung, 1992) ; *Thơ trẻ chọn lọc* (in chung 1994 - 1998) ; *Gái hóm rằm* (tập thơ và truyện, in chung, 1998) ; *Thơ tình sinh viên* (in chung, 1998).

Giải thưởng văn học :

Giải ba cuộc thi viết về đề tài thanh thiếu niên của tỉnh Yên Bái, năm 1990 (*Bài thơ chưa đặt tên*).

RỪNG ƠI !

I. Tôi sinh ra đã gắn bó với rừng. Bà tôi bảo từ thuở giặc "cờ đen, cờ vàng", gia đình tôi đã ở đó, nghĩa là từ lâu lắm rồi. Chính xác là từ bao giờ không ai còn nhớ nữa. Cùng với các anh chị em mình, tôi lớn lên, thành người con của rừng, vui với niềm vui của rừng, buồn với nỗi buồn của rừng.

Tôi không còn nhớ chính xác mình đi rừng lần đầu khi nào. Hình như khi tôi còn bé, mới chỉ biết bò, mẹ đã địu tôi lên nương làm cỏ cho bắp, cho khoai. Lớn thêm vài tuổi nữa, tôi đã biết đi tìm măng, lấy củi, hái mộc nhĩ ở những khu rừng cạnh nhà. Những bà mế quê tôi đi rừng không bao giờ rời xa cái khăn bịt đầu, cái ớp và con dao. Mẹ bảo cái khăn vừa tránh bụi, vừa quàng xuống cằm đỡ muỗi, vừa để lau mồ

hôi, khi cần có thể trở thành cái tay nải để đựng quả rừng. Con dao để mở đường, cái ớp đựng lộc của rừng cho. Tôi nhớ những hôm mẹ đi rừng, chạy ra cầu thang đón mẹ, bao giờ chúng tôi cũng ngó xem trong ớp có những gì. Mẹ không bao giờ về mà không có gì đón tay chúng tôi. Có khi là vài thứ quả rừng, có khi là con châu chấu hay mấy quả sổi để chơi. Dù là thứ gì, chúng tôi cũng vô cùng thích thú. Lũ trẻ chúng tôi yêu rừng bởi rừng nhiều hoa thơm quả ngọt. Mùa hè có nhiều thứ quả nhất. Những chùm quả cúc vỏ màu xanh. Những chùm quả thiều vỏ màu đỏ, có gai, lấy dao khía một vòng quanh vỏ, tách đôi quả ra, thơm nức ! Dọc theo những khe nước, thường có những cây ngõa, cây nọt chín đỏ. Lấy một quả ngõa vỏ đỏ sẫm, bổ làm tư, mật ứ đầy, rắn chắc, ăn giòn như thạch. Quả nọt nhỏ hơn ngõa, nhưng ngọt hơn, thơm hơn. Mẹ tôi không thích ăn ngõa chín. Bà thường hái từng chùm quả còn xanh, ngâm nước cho ra bớt nhựa, gọt vỏ, bỏ rốn, chấm với bỗng rượu đã pha chế thêm vài thứ gia vị. Vị bùi bùi, chan chát của ngõa xanh quyện giòn với bỗng rượu chua thành một vị đậm đà, khó quên.

Vào những trưa hè nắng gắt, lũ con gái chúng tôi thích những chùm nho rừng chín mọng, trong khi bọn con trai trèo lên những cây vải guốc chín đỏ, vừa ăn vừa bứt quả ném nhau. Chớm sang thu, chúng tôi không thể bỏ qua những rừng dùi nằm sát ven đường. Loại này rất lành, lúc đói ăn cũng không say, chỉ thấy tỉnh táo và có thêm sức lực. Ăn no, cả bọn xuống suối chơi trò thả thuyền. Thằng Hòe gấp thuyền lá khéo lắm. Nó thường hái những lá doi rừng to bản, gấp thuyền để chúng tôi thả. Và tin rằng chiếc thuyền ấy sẽ đi rất xa, tới một nơi không còn rừng nữa, nơi mà cha mẹ chúng tôi cũng chưa được đến bao giờ. Vào tháng chín, khi những cây bồ quân chín đỏ, những cây xổ chín vàng, cũng là lúc chúng tôi hết kì nghỉ hè. Đi học, trong túi xách đứa nào cũng có vài quả trám chua, quả sẹ, hay nắm lá vón vén, đợi đến giờ ra chơi lấy ra ăn với nhau. Sau này đi xa, tôi được ăn nhiều thứ quả lạ, ngon hơn, sang hơn, mà sao tôi không thể quên những thứ quả rừng dân dã ấy. Nhớ đến khắc khoải, rừng ơi !

II. Ngày còn bé, tôi không bao giờ được vào khu rừng già. Mẹ tôi bảo nhìn lên núi, thấy gần, nhưng đi thì phải mất hai ngày. Bởi vừa đi vừa phải dò đường, vách núi lại chênh vênh, hiểm trở. Ngày ấy, mỗi khi

anh tôi bắt được con chim lạ hay tìm được một cây thuốc quý về cho mẹ, tôi hỏi anh lấy ở đâu ? Anh bảo : "Ở nơi rừng xanh núi đỏ". Tôi chịu, chẳng biết đó là nơi nào. Nhưng chắc phải là rừng già. Mẹ tôi bảo vào khu rừng già phải thính tai, tinh mắt. Cái dao gõ vào thân cây để con trăn, con rắn nó trườn đi, nhưng phải đề phòng ong độc và thú dữ. Mẹ tôi nói vậy là bởi rừng quê tôi khi ấy còn nhiều thú lắm. Mẹ kể ngày mẹ còn bé, có lần con beo xám về làng, nó quanh quẩn dưới gầm cầu thang. Mẹ cài chặt then cửa, gõ chiếc mâm đồng, nhà nào cũng gõ thế, nó sợ, chạy vào rừng. Đến lúc chúng tôi sinh ra chắc chẳng còn con beo nào. Vì người miền xuôi rất quý món "cao hổ cốt". Người quê tôi thì vừa muốn trừ hậu hoạ, vừa được tiền nên họ săn bằng hết. Tôi không nhìn thấy beo ở rừng mình bao giờ, nhưng củm thì tôi biết. Củm to hơn mèo rừng nhưng lại nhỏ hơn beo, bộ lông của nó vằn vện màu xám tro. Một lần hai mẹ con đi rừng về, mẹ đi trước tôi đi sau. Đột nhiên tôi rùng mình quay lại, thất thần hét lên. Một con củm đi theo hai mẹ con từ lúc nào. Mẹ vung dao đuổi, con củm chạy mất. Mẹ bảo : "May mà con nhìn thấy, nếu không nó bắt mất con rồi, nó chỉ dám bắt trẻ con thôi.". Từ sau lần đó tôi không dám đòi theo mẹ đi xa nữa, mà chỉ dám chơi ở khu rừng gần nhà. Ở đó không bao giờ sợ củm, sợ khỉ độc. Chị em tôi thường lên đó nhặt cành củi khô, hoặc hái những quả ổi rừng thơm phức. Chặt tàu lá cọ rải xuống lớp cỏ mềm dưới một bóng cây râm mát, nằm ngửa mặt ngắm những tán cây cao vút, nắng xuyên qua kẽ lá thành từng vệt sáng dài. Cứ lặng yên như thế chúng tôi có thể thoả thích ngắm những con gà lôi trắng, hoặc đàn gà cỏ đang nhặt hạt cây rừng. Chỉ lỡ động tay vào lá cọ, đàn gà bay túa đi, hoảng hốt. Có lần tôi còn gặp mẹ con nhà hươu. Hươu mẹ vừa nghe ngóng, vừa bứt những đọt cỏ non. Chú hươu con có bộ lông vàng óng, mắt tròn xoe, nũng nịu dụi cái đầu nhỏ xinh vào người mẹ. Khu rừng này là thế giới của những con vật hiền lành. Những con sóc bạn tíu tít với những chùm dọc chín vàng. Những con tê tê xoải mình phơi nắng ... Thỉnh thoảng cũng gặp một con dàng dang. Chẳng hiểu sao lũ trẻ chúng tôi hay bắt nạt nó. Có lẽ bởi nó sợ sấm. Khi đang ở trên một ngọn cây cao, nghe bọn tôi gầm giả tiếng sấm, nó nhảy xuống đất, rúc vào bụi cây, thế là bị tóm cổ. Thằng Hoè bạo hơn cả, nó vừa đảm nhiệm việc bắt, vừa đảm nhiệm việc tròng thòng lọng vào mình con vật tội nghiệp rồi buộc vào

gốc cây. Cả bọn lại giả làm tiếng sấm để xem nó chạy trốn. Chúng tôi còn bé, nào có biết mình đang chơi trò ác.

Ban đêm, nằm nghe rừng thở. Nếu là người vùng rừng thấy bình yên lạ kì. Nếu là người miền xuôi, chắc sẽ rờn rợn bởi đêm thì rất lâu, tiếng chim rừng khắc khoải, khắc khoải. Thỉnh thoảng lại có tiếng "mãnh ma" kêu oai oái. Khi xưa tôi cũng tưởng đó là tiếng của con ma rừng như người già thường kể. Sau này bố tôi bảo đó chỉ là tiếng của con sóc bay thôi.

Khi chúng tôi lớn hơn, khoảng 12, 13 tuổi gì đó, chúng tôi được người lớn cho đi rừng. Những buổi đi rừng thực sự để kiếm sống, chứ không phải chỉ vì một thứ quả dại nữa. Khi thì theo anh đi tìm mật ong, khi thì theo mẹ đi lấy măng, tìm cây thuốc. Mẹ tôi không bao giờ lấy bằng hết những gì mà rừng có. Một bụi tre có năm cái măng mẹ bảo chỉ lấy ba thôi, hai cái kia phải để nó thành tre, thế mới có rừng. Cũng nhờ mẹ mà tôi biết đâu là lá lành, đâu là lá độc, mỗi loại cây giúp ích cho con người thế nào. Chúng tôi lớn khôn lên sau nhiều buổi đi rừng như thế, và coi rừng như ngôi nhà của mình. Những trưa hè ở giữa rừng già, có thể trút bỏ áo quần, đắm mình trong làn nước suối trong mát rượi mà không sợ gì cả. Nếu khéo, bắt được vài con cua đá, lên bờ có thể chụm lửa nướng cua ăn hoặc nằm ngả mình trên phiến đá, tận hưởng cái tĩnh mịch của rừng già, thân thuộc và huyền bí vô cùng.

Đã đi rừng, chẳng bao giờ sợ đói, sợ khát. Anh tôi mà đi rừng, trong chiếc túi vải đeo chéo trước ngực bao giờ cũng có gạo nếp, muối. Lúc nào đói, chặt một cây giang bánh tẻ, lấy vài ống, một đầu có mấu. Đổ gạo vào, thêm lượng nước cần thiết, lấy lá dong nút kín miệng ống. Nhặt vài cành củi khô, chụm lửa. Nửa tiếng sau lam chín, lấy dao bóc lớp vỏ cháy đen hiện ra khúc lam nuột nà óng ả. Lớp màng giấy của giang bọc nhẹ ngoài lớp xôi dẻo mỡ màng. Hương cây giang bị cháy quyện với hương nếp thành một mùi thơm quyến rũ vô cùng. Anh tôi là người đi rừng thực thụ. Trong khi tôi ngồi nướng lam, anh cầm nỏ đi một vòng. Khi thì vài con chim cun cút, khi thì con gà gô béo mượt, chỉ một loáng sau anh đã có vài xiên thịt. Lúc lam chín cũng là lúc than hồng nhất. Anh nướng thịt, tôi bóc lam. Ăn xong xuống khe nước rửa tay. Tôi vục đầu định uống anh ngăn lại. Tôi theo anh đến một bụi nứa to. Anh chọn

một cây bánh tẻ, phạt ngang cây, lấy một dóng đưa cho tôi, Tôi làm theo anh : ngửa đầu uống thử nước trong ống. Ngọt quá, mát quá, thế mà tôi chưa bao giờ được uống. Anh tôi cười : sạch sẽ nhất, ngon nhất đấy. Tôi cứ tưởng cây nứa, cây giang rừng nào cũng có nước, nhưng không, cả bụi có khi chỉ một cây có nước. Đã là người đi rừng, chỉ thoáng nhìn, phải biết đâu là cây mình cần... Những kỉ niệm này theo tôi đi suốt những năm tháng đi học xa nhà, thành một nỗi trông mong đau đáu : Bao giờ về lại, rừng ơi !

III. Chúng tôi mỗi ngày một lớn lên, còn rừng mỗi ngày một hẹp dần. Hết rừng non, người ta phá đến rừng già. Những rừng lát, rừng sồi, rừng tre bạt ngàn từng nuôi sống chúng tôi giờ chỉ còn trong dĩ vãng.

Người ta phá rừng đi để lấy gỗ, để trồng lúa, trồng rau cải. Nghe nói Nhà nước cũng tuỳ theo diện tích rừng bị phá mà phạt tiền, đánh thuế người làm nương, xẻ gỗ. Những người dân bảo nhau : Chẳng dại gì khai báo thật. Có ai đến tận rừng để đo đâu, cán bộ xã người mình cả, cán bộ huyện họ ngại leo núi lắm mà. Bây giờ về quê tôi, còn đâu bóng dáng của con nai vàng thung thăng gặm cỏ. Còn đâu cảnh lũ trẻ lặng ngắm đàn gà lôi đang nhặt hạt cây rừng. Thương nhớ quá, rừng ơi !

IV. Thằng Hoè chết rồi. Mẹ tôi bảo nó đã có vợ, hai con. Cái thằng bạn hay nhặt trám chua cho tôi khi xưa, cái thằng gấp thuyền lá khéo nhất ấy đã thành một chàng trai miền núi hiền lành, khoẻ mạnh. Hôm ấy nó vào rừng già ngả gỗ, định bán lấy tiền mua vật dụng gia đình. Không biết lúng túng thế nào, nó bị cây sồi lớn tay nó vừa ngả đè chết. Người mẹ già ở nhà chợt ruột gan nóng như lửa đốt. Bà chạy đi tìm những người con trai. Chỉ thiếu có thằng Hoè. Vợ nó bảo đang ở khu rừng già. Dân làng bổ đi tìm. Người nó nát nhừ, mắt trợn ngược. Nó chết khi chưa bao giờ được đi xa khỏi cái làng nhỏ bé, như mơ ước của chúng tôi khi thả thuyền lá thuở nào. Đau đớn quá, rừng ơi !

V. Mấy năm nay tôi chưa trở về rừng. Có con em họ xuống thị xã học cấp III, nó thường đến chơi, kể cho tôi nghe về rừng. Nó bảo : bây giờ người ta phá rừng đi để trồng quế, trồng bồ đề chị ạ. Làm nương vất vả mà không năng suất, chẳng ai dại gì làm nương nữa. Chả biết ba mươi năm sau, cây quế có còn có giá như bây giờ không chị ? Rừng bị

phá hết rồi. Nghe nói bồ đề đến tuổi khai thác được trả giá cao lắm. Nhà nước đặt trồng đấy. Để lấy nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy giấy trong nước. Dân mình có vốn đâu. Nhà nước cho vay vốn đấy chứ. Phá rừng cũ trồng rừng mới, họ cũng xót lắm. Nhưng họ bảo nhau : chỉ có trồng rừng cho ông Nhà nước mới mong được nâng cấp con đường từ huyện về xã. " Ông ấy " muốn cho xe vào chở gỗ phải sửa lại đường chứ ! Không trồng cây cho ông ấy bao giờ con đường mới bớt gập ghềnh, hiểm trở ?

Nghe những chuyện ấy, tôi không biết nên vui hay nên buồn. Thương thay những người dân quê tôi, cái đói cái nghèo còn bủa vây họ đến bao giờ nữa ? Chỉ có Tuỳ – cô em họ – là vô tư. Cũng phải thôi, nó mới mười bảy tuổi. Với nó, còn cả một tương lai sán lạn trước mắt. Nó đã được phong là vận động viên cấp I. Đã bao đại hội thể thao của tỉnh, nó là nữ hoàng của môn chạy việt dã, chạy 100m, 1500m nữa. Nó đã từng tham gia nhiều cuộc ma-ra-tông quốc tế tổ chức tại Việt Nam với những thành tích đáng kinh ngạc. Báo chí phỏng vấn nó, đưa tin về nó như một phát hiện mới của thể thao nước nhà. Hè này nó tốt nghiệp phổ thông, về thăm mẹ ở quê. Mắt nó lấp lánh cười khi xuống chào tôi : "Em đi học Đại học Thể dục thể thao".

Một tuần sau mẹ nó nhờ người điện xuống : Tuỳ chết rồi – chị về ngay. Tôi bàng hoàng. Về đến nhà người ta chôn em rồi. Em đi lấy củi giúp mẹ, gặp con suối lũ, em bị suối cuốn đi, hai ngày sau mới tìm thấy xác. Sức em dẻo dai thế chắc em đã phải vật lộn nhiều lắm để cứu mình nhưng suối quá hung dữ vì rừng bị tàn phá nên không còn vật gì cản nước. Xưa nay ở quê tôi đã ai bị lũ cuốn trôi đâu. Lòng tôi thốt lên đau đớn : Em tôi mới mười bảy tuổi ! Rừng ơi !...

Lời bình

Ngày nay, trong một thế giới văn minh, càng ngày người ta càng nhận thức được rằng : Trái đất - môi trường sống, ngôi nhà chung của loài người - cần phải được chung sức bảo vệ, gìn giữ. Đó là một sự nghiệp thiết thân với tất cả mọi người thuộc các dân tộc, trong mỗi quốc gia.

Nhìn nhận và ứng xử với môi trường thiên nhiên xung quanh ta, bao bọc nơi con người ở, cần phải như thế nào cho đúng, cho phải lẽ, đầy đủ đang còn là vấn đề được đặt ra một cách bức xúc, khi mà người ta đang đối diện với lời cảnh báo nghiêm khắc rằng : con người có thể tự chuốc lấy thảm hoạ tự huỷ diệt, nếu như không biết tôn trọng thiên nhiên, biết ơn, bồi bổ và nương tựa vào đó mà sống và phát triển. Thiên nhiên quanh ta (rừng núi, sông biển, bầu khí quyển, sự đa dạng sinh học ...) phải được xem là một cơ thể sống, một nhân tố hợp thành hữu cơ với thế giới nhân sinh. Nó không thể chỉ thuần là đối tượng thụ động để con người chiếm hữu, khai thác đến cạn kiệt nhằm thoả mãn khát vọng xâm đoạt để trở thành giàu có mà ít tốn sức lực, tiền của. Từ trong bản chất, thiên nhiên, tuy là không biết nói, nhưng nó đòi hỏi con người đối xử như với một sinh thể, bình đẳng, bằng tấm lòng bè bạn, thuỷ chung, tri âm, tri kỉ.

Đất nước ta cơ man là rừng. Những cánh rừng trải dài trên khắp các miền vùng, đem lại biết bao hữu ích cho đời sống chúng ta. Rừng chứa trong mình nó những tài nguyên kinh tế dồi dào, điều hoà khí hậu, ngăn ngừa sự phá hoại của bão lũ, làm thư giãn đời sống tinh thần của con người trong cuộc sống mưu sinh khó nhọc ...

Đầu đề "Rừng ơi !" đã hé lộ chủ đề của tác phẩm. Trong một bố cục mạch lạc, chặt chẽ như một luận văn khoa học, truyện được chia thành 5 đoạn. Mỗi đoạn tập trung thể hiện một khía cạnh trong sự cảm nhận về rừng và đều kết thúc bằng câu cảm thán theo một mô thức giống nhau, hoặc là bộc bạch trĩu nặng tình yêu, hoài niệm đẹp đẽ, lòng biết ơn sâu xa đối với rừng, hoặc là vang lên một tiếng kêu thảng thốt đến đau lòng, đồng cảm xót xa trước nguy cơ tàn phá rừng, thói vụ lợi thiển cận, dung tục cần phê phán.

Ở hai đoạn đầu là ấn tượng từ những kỉ niệm thời thơ ấu về rừng (những khu rừng cạnh nhà hay những vạt rừng già) với những hình ảnh đẹp, tươi sáng, những câu chuyện ngộ nghĩnh, lí thú, qua hồi tưởng của nhân vật nay đã trưởng thành, xưng "tôi". Người đọc đồng cảm chia xẻ với những suy nghĩ hồn nhiên, ngây thơ, trong trẻo và những rung động từ đáy lòng, qua cảm nhận nhục thể của các giác quan về tình yêu không bờ bến đối với rừng, lòng biết ơn, niềm tự hào về cái đẹp, cái hữu ích và sự khoáng đạt mà rừng đem lại theo sự quan sát của tuổi thơ, in đậm trong kí ức.

Với sự lớn lên của tuổi đời, cùng với tình yêu đối với rừng, ý thức bảo vệ rừng cũng hình thành, nhen nhúm và phát triển.

Ở các đoạn còn lại (3, 4 và 5) người kể chuyện, nay đã là người trưởng thành, nhận ra những bi kịch tất yếu con người phải hứng chịu khi không nắm được quy luật của sự sinh tồn. Hai cái chết thương tâm của bạn bè hoặc người thân của nhân vật chính đã đẩy truyện ngắn lên tới cao trào của chủ đề : con người buộc phải điều chỉnh lại cách suy nghĩ và thói quen xưa cũ khi không ứng xử với rừng như là một người bạn thân thiết. Một khi rừng bị trở thành nạn nhân do sự mù quáng hay thiển cận của con người thì nó cũng có khả năng gây tai hoạ cho con người, kể cả việc cướp đi cái quý nhất là mạng sống của họ.

Thiên truyện đậm đà chất trữ tình. Từ nhan đề truyện đến việc khai lập ý qua từng đoạn, điệp khúc "Rừng ơi !" được vang lên nhiều lần tạo một ấn tượng tha thiết của tiếng nói từ phía lương tri, lẽ phải : Rừng và Người phải luôn luôn là bạn bè thuỷ chung, không thể nào khác được.

Truyện chọn một góc nhìn hạn hẹp của một con người đi qua tuổi ấu thơ nay đã trưởng thành, kể với giọng điệu tâm sự bộc bạch từ những nếm trải, những điều tai nghe mắt thấy, yêu thương, biết ơn xen lẫn những xót xa, đắng đót đến không dằn lòng được, mong được chia xẻ được nói to lên để cảnh báo thông điệp nghệ thuật về một vấn đề trọng đại liên quan đến sự sinh tồn của con người, qua cách bộc lộ giàu chất trữ tình ở ngôi thứ nhất như vậy, đã tăng thêm sức thuyết phục của chủ đề.

*Cùng với những tác phẩm văn học nước ngoài thành công viết về chủ đề này (*Rừng Nga *của L.Lêônốp,* Bốn mùa - lịch thiên nhiên của M.Prisvin *...), tác phẩm này góp thêm một tiếng nói nhỏ, không bao giờ là muộn, trong lời khẩn cầu tha thiết : yêu rừng phải đồng thời với bảo vệ rừng, cũng chính là bảo đảm cho sự tồn tại của con người.*

Nguyễn Thiện

MỤC LỤC

	Lời nói đầu	3
Nguyễn Ngọc Thiện	*Lời giới thiệu*	5
	Có một mảng văn xuôi hiện đại dân tộc và miền núi hơn nửa thế kỷ qua	5
Hà Cẩm Anh	- Gốc gội xù xì	9
Triều Ân	- Xứ sương mù	22
Sa Phong Ba	- Vùng đồi gió quẩn	36
Vi Thị Kim Bình	- Lỡ hẹn	45
Nông Minh Châu	- Ché Mèn được đi họp	59
Bùi Minh Chức	- Ảo ảnh sông Bôi	72
Y Điêng	- Ông già Kơ Rao	78
Trung Trung Đỉnh	- Đêm nguyệt thực	88
Hoàng Hạc	- Ké Nàm	110
Võ Thị Hảo	- Con dại của đá	135
Tô Hoài	- Cứu đất cứu mường	146
	- Vợ chồng A Phủ	163
Vi Hồng	- Đường về với mẹ Chữ	196
Ma Văn Kháng	- Hoa gạo đỏ	231
	- Người thợ bạc ở Phố Cũ	247
	- Suối mơ	261
Hà Lâm Kỳ	- Con trai bà Chúa Nả	278
Bùi Như Lan	- Núi đợi	289
Lý Lan	- Chân dung người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh	300

Mã A Lềnh	- Con Cáo	321
	- Mo Chư	326
Thu Loan	- Làng Mo	337
Bế Thành Long	- Ba lão ở hang "liệt truyện"	347
	- Hổ	364
Đoàn Lư	- Con Mốc của bác Luồng	372
Niê Thanh Mai	- Giữa cơn mưa trắng xoá	386
La Quán Miên	- Tình yêu của hổ	404
	- Hai người trở về bản	407
Hà Trung Nghĩa	- Vầng sáng đêm thung lũng	411
Nguyên Ngọc	- Rẻo cao	423
	- Tháng Ninh Nông	434
	- Rừng xà nu	447
Kim Nhất	- Ký ức rừng xanh	466
H'Linh Niê	- Hoa Pơ Lang	475
Mạc Phi	- Tình bản quê	486
Ngọc Phượng	- Chim hạnh phúc	497
Hoàng Hữu Sang	- Người đánh gấu trên núi Suối Mây	507
Nguyễn Quang Sáng	- Vợ chồng ông già Sa-thét	518
Lò Văn Sĩ	- Người bán hàng trên Cò Mạ	526
Cao Duy Sơn	- Người săn gấu	533
	- Cuộc báo thù cuối cùng	549
Quý Thể	- Mùa săn	566
Nguyễn Huy Thiệp	- Muối của rừng	581
Xuân Thiều	- Chuyện làng Ra-pồng	592
Đỗ Bích Thuý	- Tiếng đàn môi sau bờ rào đá	611
Hữu Tiến	- Nơi ngọn suối chân rừng	624
Đặng Quang Tình	- Ông Thào	630
	- Chủ tịch vùng biên	646
Nguyễn Khắc Trường	- Gặp lại anh hùng Núp	661

Nguyễn Tuân	- Người lái đò sông Đà	689
	- Xoè	711
	- Một tí về lịch sử và một bản lí lịch	727
Hoàng Quảng Uyên	- Hương dẻ	744
Hà Thị Hải Yến	- Rừng ơi !	749

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:
Giám đốc Công ty Cổ phần Sách dân tộc CẤN HỮU HẢI

Biên tập nội dung:
ĐẶNG THUÝ HẰNG
NGUYỄN THANH HẢI

Trình bày bìa:
HỒNG VÂN

Sửa bản in:
PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC)

Chế bản:
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

TUYỂN TẬP VĂN HỌC DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI
Tập hai (VĂN XUÔI)

Mã số : 5C042M7-CDT
In 1000 bản (QĐ 62), khổ 16 × 24cm, tại Xưởng in Nhà xuất bản Thế giới
Địa chỉ : 14 - 16 Pháo Đài Láng - Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội
Số ĐKKH xuất bản : 843 - 2007/CXB/5 - 1856/GD
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2007.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH DÂN TỘC - NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC
Địa chỉ : 25 Hàn Thuyên, Hà Nội.
Website : http://www.sachdantoc.com.vn

Bạn đọc có thể mua sách tại :

Công ty Cổ phần Sách dân tộc – Nhà xuất bản Giáo dục, 25 Hàn Thuyên, Hà Nội.
Điện thoại : 04. 824 6923 ; Fax: 04. 824 6923
+ *Tại TP. Đà Nẵng:* Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng, 62 Nguyễn Chí Thanh.
Điện thoại : 0511. 889 327 - 0511. 825435 ; Fax : 0511.889 327
+ *Tại TP. Hồ Chí Minh:* Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh, 240 Trần Bình Trọng, quận 5.
Điện thoại : 08. 832 3557 ; Fax : 08. 830 7141.
Các Công ty Sách – Thiết bị trường học ở các địa phương